

NGUYỄN
XUÂN
KHÁNH

Đội gạo lên chùa

TIỂU THUYẾT



NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ

Mục Lục

Phần I - TRÔI SÔNG - Chương I

Chương II

Chương III

Chương IV

Chương V

Chương VI

Chương VII

Chương VIII

Chương IX

Chương X

Chương XI

Chương XII

Chương XIII

Chương XIV

Chương XV

Chương XVI

Chương XVII

Chương XVIII

Phần II – BẢO NỐI CAN QUA - Chương I

Chương II

Chương Iii

Chương Iv

Chương V

Phần Iii - Về Cõi Nhân Gian -Chương I

Chương 2

Chương 3

Chương 3.(Tt):

Chương 4

[Chương 5](#)

[Chương 6](#)

[Chương 7](#)

[Chương 8](#)

ĐỘI GẠO LÊN CHÙA

Nguyễn Xuân Khánh

www.dtv-ebook.com

Giải thưởng Hội Nhà Văn Việt Nam 2011

Phần I - TRÔI SÔNG - Chương I

Cư trần lạc đạo thả tùy duyên

Cơ tắc san, hề khốn tắc miên

Gia trung hữu bảo, hữu tầm mịch

Đối cảnh vô tâm, mặc vấn Thiên

(Ở giữa cõi trần vui với Đạo hãy tùy duyên.

Đói thì ăn, hễ mệt ngủ liền

Trong nhà sẵn báu, tìm đâu nữa,

Đối cảnh vô tâm, hỏi chi Thiên).

(Trích Cư trần lạc đạo phú,

Trần Nhân Tông)

Đêm nay sư cụ khó ngủ. Trăn trở mãi, hết trở mình sang trái rồi lại sang phải mà hai mắt vẫn cứ chong ra. Đồn tây trên núi Thẩn Lăn, bỗng bắn rộ một tràng súng máy. Tiếng súng xa xé rách đêm vắng làm sư cụ giật mình. Rồi tất cả lại rơi vào im lặng. Hình như ở ngoài vườn có tiếng chân người. Cụ lắng nghe song lại chẳng thấy gì. Cụ lẩm bẩm nói với mình: “Không có lẽ... đã lâu rồi... hay là họ lại về...”.

Lúc này, chỉ còn nghe thấy tiếng dế, tiếng ếch nhái ngoài cánh đồng quanh chùa rỉ rả cất lên đều đều, buồn buồn. Bỗng con chó vàng nằm ở thềm nhà tổ cất tiếng sủa. Con vàng sủa trắng ư? Làm gì có trắng mà sủa. Đêm cuối tháng ba lạnh đến xương tủy. Trời tối như mực. Mưa lất phất kéo cái lạnh cuối mùa. Những cơn gió đông cuối cùng làm dựng xù những chiếc lông, bắt con vàng phải rên gừ gừ.

Ô kìa! Sao con chó lại sủa rộ. Nó đã bước xuống hè, đi ra phía cổng chùa. Không phải nó sủa băng quơ. Chắc có người ngoài ngõ. Con vàng, lúc này, sủa liên tục, sủa ra rả làm sốt cả ruột, đánh thức mọi người trong chùa dậy. Sư thầy Khoan Độ cầm đèn ra cổng. Sư cụ cũng dậy ra ngồi ở tràng kỷ.

Thầy Độ, một lúc sau, cùng mấy người lỗ nhổ bước bào và bẫm:

- Bạch hòa thượng, có hai chị em thí chủ này đứng dưới tam quan mà khóc. Con hỏi chuyện gì? Họ cứ một mực nài xin được gặp sư cụ.

Hòa thượng Vô Úy lúc này mới chú ý nhìn rõ cô con gái đang sụt sùi, thỉnh thoảng lại nâng hầu bao lên chấm nước mắt. Cô gái trạc mười bảy mười tám. Chiếc khăn mỏ quạ màu đen đã tụt xuống vai, để lộ một gương mặt thanh tú, rầu rĩ. Cô gái bận cái áo nâu vá, cái quần đen bạc màu, vấn khăn nâu. Bên cạnh cô là một thằng bé chừng mười tuổi. Cái áo nâu rách toạc vai. Cái quần nâu thùng đầu gối. Rách rưới nhưng không gì giấu được khuôn mặt sáng ngời. Thấy sư cụ chỉ ngấm nhìn mà chẳng nói gì, cô chị bỗng òa khóc to, rồi quỳ xuống rạp đầu sát đất:

- Con căn cớ lạy cụ, xin cụ rủ lòng từ bi, rón tay làm phúc, cứu lấy chị em con.

Hòa thượng đứng dậy bước tới đỡ cô gái dậy, rồi ôn tồn bảo:

- Con cứ bình tĩnh kể lẽ sự tình, xem ta có thể giúp gì con.

- Dạ... Tây nó đi càn. Nó bắn chết bố mẹ con....

- Rõ khõ... Quê con ở đâu?

- Làng con gần chân núi Thần Lăn. Tây bắt Thần Lăn bắn bố mẹ con đấy ạ.

Sư thầy Khoan Độ cất tiếng ồm ồm:

- Chắc nó lại vu cho ông bà là Việt Minh.

Cô gái im bặt, ngược nhìn người sư bác; ông có cái đầu nhăn thín, nhưng bộ râu quai nón đã mấy ngày chưa cạo nên đâm tua tủa như lông nhím. Sư Độ tướng mạo dữ dằn, có đôi mắt lồi trắng dã. Thân hình ông cao lớn, nhìn chỉ thấy xương là xương. Chân tay như khúc tre đực lấp vào cơ thể. Con người ấy làm cho cô sợ hãi. Có cái gì là lạ trong mắt người sư bác. Ông ta cứ nhìn chăm chăm vào cô gái. Dáng điệu bàng hoàng, thảng thốt chẳng biết vì sao. Chỉ đến khi giọng nói ôn tồn của sư cụ cất lên, cô mới bình tĩnh trở lại.

- Tên con là gì?

- Dạ, thưa tên con là Nguyệt.

- Còn em con?

- Em con là An

Trông khuôn mặt ngơ ngác của Nguyệt, sư cụ hiểu sự xao động trong lòng cô gái lúc này, cho nên cụ chuyển sang hỏi những điều tưởng chừng như không quan hệ:

- Nhà con có mấy sào ruộng?

- Dạ... hai sào... Nhà con phải cấy thuê cho nhà ông lý... năm sào... Nhưng bu con ốm yếu lắm... Việc làm ăn đều ở tay thầy con... Nhưng bây giờ thì... cả thầy cả bu con...

Nói tới đây, cô gái bỗng khóc nức lên khi nghĩ tới cha mẹ. Cô kéo chiếc khăn vuông đen lên để chấm nước mắt và che lấy mặt. Sự cụ nhẹ nhàng:

- Có gì con cứ từ từ nói. Con ạ. Đây là chùa. Đây là nơi đất Phật...

- Thưa cụ... Mọi sự là do bởi ông lý.

Trận càn ấy người Pháp huy động tới bốn tiểu đoàn. Vì quân Pháp xây chốt trên đỉnh núi Thần Lăn, nhưng Việt Minh vẫn hoạt động khắp vùng chân núi, cho nên họ phải huy động quân ở mấy P.C(1) chung quanh để chằng lưới bắt du kích, để khoa trương thanh thế, để tạo thế đứng cho những ban tề mới mọc lên nắm chính quyền song còn lung lay.

Sáng hôm ấy, lúc tinh mơ, dân xóm Giếng còn chưa kịp ra đồng, đã nghe thấy tiếng súng nổ ù ù ù ù ở xóm bên. Rồi khắp làng nháo nhác tiếng người gọi nhau:

- Chạy đi, chạy đi. Tây đã đến xóm Đình.

Người ta lúc lượt túa ra đồng, hướng vào rừng. Bác xã Chích vớt cho Nguyệt cái bị cói trong đó nhét mấy bộ quần áo, và bảo con gái:

- Mà y dẫm em chặt cho mau vào núi Bò. Chạy thật mau.

- Còn thầy bu?

- Tao dìu mẹ mà đi sau.

Thấy con gái còn bịn rịn, ông quát lên:

- Có mau lên không chết cả nút bây giờ. Thăng An là chính. Chị em mày là chính. Có biết không hả!

Nguyệt đành gạt nước mắt dắt em ra ngõ. Ông xã Chích còn dặn với theo:

- Nó chạy chậm thì công em mà chạy con nhé.

Mấy lần chạy Tây đều như thế cả. Ông xã Chích chỉ lo đến hai đứa con. Nhất là cậu con trai, đứa con mà ông quý như hòn vàng. Bởi vì nhà ông mấy đời độc đinh. Đến đời con ông cũng vậy. Ông chỉ có mỗi thằng An là con trai. Đẻ xong nó thì vợ ông mắc chứng hậu sản. Lần chạy giặc đầu tiên, bà ấy còn đi được. Ông xã để cho vợ và con gái bùi ríu nhau ra đồng. Riêng ông, cõng thằng An trên lưng, ông chạy một mạch vào rừng, súng Tây bắn ríu ríu bên tai cũng mặc, và vợ con chạy trốn trong ruộng lúa ra sao ông cũng không thèm để ý. Ông chạy như thế không phải vì lo cho thân ông đâu. Chủ yếu là lo cho thằng An. Lo cho sự tiếp nối dòng giống. Nhưng đến lần chạy giặc thứ hai, khi vợ ông đã không còn chạy được nữa, thì ông Chích thấy cách đó không ổn. Ông giao thằng An cho cái Nguyệt. Cách này hợp lý hơn. Cả hai vợ chồng ông cũng đã ngoài năm mươi rồi. Nói đại nhờ có chuyện gì thì cũng chẳng sao. Cách này hợp lý nhất. Bởi vì nó giữ toàn vẹn được cả cho dòng giống nhà ông, và cả cho con gái ông nữa... Trời ơi! Con tôi đang hờ hớ thế kia! Nhờ mà rơi vào tay lúc chó má ấy thì sao. Vậy tốt nhất là cho chị em nó chạy trước. Còn vợ chồng ông thì... thôi phó mặc cho trời... mà vợ chồng bùi ríu nhau những lúc nguy nan thế này... âu cũng hợp đạo trời...

Đến này chạy giặc thứ ba này thì... cuối cùng ông thấy sự tính toán của mình là hoàn toàn đúng. Khi hai vợ chồng ông dìu nhau ra đến ngõ đồng đã thấy một đoàn người xăm xăm tiến lại. Ông lý giơ tay lên nói:

- Ông xã Chích hả? Về mau! Về mau! Quan Tây có chuyện hỏi ông đấy... Chuyện gì hả... Sau sẽ biết... Hai đứa con ông đâu... Thôi. Dừng

dang mãi... Công bà ấy lên lưng mà về cho mau.

Viên trung úy Tây lai đã đứng sẵn ở sân. Người này nói tiếng Việt chẳng khác gì người Việt.

- Ông công bà ấy đi trốn quan Tây hả? Ông ghét người Tây chúng tôi thế hay sao?

Ông xã Chích luống cuống:

- Dạ bẩm quan, tôi thấy cả làng chạy, tôi cũng chạy...

Giọng nói của viên trung úy rất ôn tồn:

- Thôi được! Nhưng có việc này thì ông phải trả lời chúng tôi thật rõ ràng. Giấu giếm là không được với tôi đâu nhé.

Lúc ấy, ông xã mới nhìn kỹ viên trung úy. Hăn ta có tầm vóc trung bình của người Việt, chỉ có khác là bề ngang hơi to bè, và đứng cạnh người Tây thì hăn lùn. Hăn ta đặc biệt có bộ tóc rậm, đen nhánh. Nhìn xa hoặc nhìn từ phía sau, viên trung úy hoàn toàn lẫn với người Việt. Chỉ khi nhìn gần, trước mặt, người ta mới thấy hăn là Tây, mà lại Tây một cách chính cống. Da trắng, mũi lõ, mắt xanh. Nhất là đôi mắt xanh khá đẹp lại hơi nữ tính một chút. Đôi mắt mơ màng xanh lơ, đôi mắt hơi dài với hàng mi dài. Trông đôi mắt ấy, ai cũng nghĩ anh ta là người hiền dịu. Hình như đôi mắt ấy đã làm xã Chích có chút yên tâm khi trả lời:

- Bẩm quan lớn. Quan lớn hỏi gì tôi cũng nói thật hết.

Sở dĩ xã Chích nói vậy vì ông là một nông dân nghèo thuần túy. Cả đời ông, cho đến lúc ấy, ông chỉ biết có ruộng đồng, và với triết lý ăn hiền ở lành, ông tin rằng cho đến lúc nhắm mắt xuôi tay, tuy ông có lúc túng thiếu nhưng chắc chắn ông sẽ không bao giờ gặp cảnh đau khổ. Viên trung úy Tây lai cười mỉm:

- Thế thì ông ra đây với tôi... Tôi xin hỏi tại sao lại có vết máu trong vườn nhà ông? Ông nói thật đi. Ông có giấu cán bộ Việt Minh trong nhà mình không?

- Dạ không, tại sao có vết máu này tôi chẳng biết.

- Nhà có đào hầm bí mật không?

- Dạ không, không có!

- Đúng thế chứ? Nếu có thì sao?

Xã Chích im lặng, không biết trả lời thế nào. Còn viên trung úy thì bỗng biến ngay thành một con người khác. Đôi lông mày nhướn xếch lên. Đôi con mắt xanh bỗng mở to ra. Ông xã giật mình, ông ngờ đôi mắt hiền lành ấy lại có thể mở to đến vậy. Viên trung úy quát lính:

- Chúng mày không được bỏ sót một góc ngách nào. Khám kỹ từng xăng ti mét. Bếp, lật tung lên. Đống củi, đống rơm, thuôn tìm hầm thật kỹ những chỗ ấy... Chuồng bò, chuồng lợn, khám tuốt... Chắc chắn Việt Minh đang núp tại nhà này... Nhất định ở đây có hầm bí mật...

Chưa bao giờ một ngôi nhà bị khám xét kỹ càng như vậy. Bờ tre, gốc rạ, cả bụi rậm, cả nhà tiêu... không góc ngách nào thoát khỏi con mắt soi xét của viên trung úy. Cuối cùng hẵn ra bờ ao. Quả thật viên trung úy là một cáo già, là một kẻ có tài nghệ đánh hơi. Viên trung úy thả bước chậm rãi đi theo dọc bờ ao, hai tay chấp sau lưng. Hẵn nhìn xuống mặt nước. Chợt hẵn dừng chân lại, dán mắt xuống đám bèo tấm che kín mặt ao. Hẵn gọi mấy tên lính lại:

- Chúng mày thuôn trên bờ, đúng chỗ này cho tao.

- Sao thế ạ?

- Đồ ngu! Mà nhìn xuống ao xem có gì khác không?... Đã thấy gì chưa? ... Tại sao chỗ bèo này lại xộc xệch?... Có vài cánh bèo lại lật ngược. Rẽ chổng lên trời... Chúng mà đã hiểu chưa? Ngu cả lũ... Tức là sáng sớm nay, cái thằng du kích bị thương nhỏ máu ngoài vườn kia đã ra đây, vội vàng xuống ao... lặn chui vào cái hầm ếch ở bờ ao... cửa hầm chìm dưới nước... Chúng mà hiểu rồi chứ... Nó vội vàng... hiểu chưa... Chính vì nó vội vàng không chịu khóa bèo cho dẫn ra rồi mới lặn, cho nên bèo ở đây xô lệch và có những cánh bèo chổng rể lên trời... Đã hiểu chưa hả lũ ngu...

Lũ lính bảo hoàng lè lưỡi khâm phục, vì chính ở nơi ấy, chúng đã tìm thấy anh du kích bị thương trốn trong hầm bí mật. Chúng lấy dây thừng tròng vào cổ anh ta. Cả xã Chích cũng bị buộc dây thừng vào cổ. Chúng dắt hai con người như dắt hai con trâu ra cái miếu hoang giữa đồng...

Từ đầu, bà Chích vẫn ngồi ở sân. Lúc ông bị bắt đi, bà kêu lên “ông ơi” rồi cố đứng lên nhưng không được. Bà ngã lăn ra và ngất đi bất tỉnh.

Sư cụ nhắm mắt khi nghe chuyện. Cụ thở dài. Còn Nguyệt thì nước nở kể câu chuyện thấm đầy nước mắt. Cuối cùng cô ngồi sụp xuống lạy sư Vô Úy:

- Con lạy cụ. Xin thương xót đến chị em con. Thầy bu con đã chết cả rồi. Bây giờ, chẳng biết nương tựa vào đâu. Chị em con phải ngày trốn, đêm đi. Ròng rã ba hôm đói khát mới tìm được đến chùa. Còn căn cứ van xin cụ mở lòng từ bi cho chị em con được nương nhờ cửa Phật. Chị em con đã đến nước đường cùng.

Sư cụ lại thở dài. Cụ mở mắt nhìn gương mặt đăm lẹ của cô con gái, rồi lại nhìn gương mặt trái xoan với đôi mắt sáng u buồn sâu thẳm và nước da xanh của cậu bé An, cụ hiểu nỗi đau đớn của hai sinh linh bé bỏng này thật to lớn, nỗi sợ hãi họ vừa trải qua khủng khiếp vô chừng. Vài lời kể sơ lược của Nguyệt làm sao nói hết. Đằng sau đôi mắt u buồn kia còn bao

nhiều hình ảnh ghê rợn mà thông thường con người chỉ muốn chôn vùi đi, không bao giờ muốn nhắc lại. Nên sự cụ chỉ thờ dài. Thờ dài nhưng thấu hiểu. Hiểu rằng lúc này hai sinh linh cô cút ấy cần đến sự che chở, cần đến hơi ấm, cần đến những cái gì cụ thể hơn là lời nói. Lúc hoàn toàn mở mắt ra, cụ chỉ nhẹ nhàng bảo sư bác lấy cơm cho Nguyệt và An ăn.

Đôi mắt cô gái long lanh biết ơn. Thực ra cô không muốn kể tiếp. Phải trưng bày nỗi nhục nhã, nỗi đau khổ của mình ra là điều con người không muốn làm. Đã ba ngày đói khát mà nỗi đau khổ ấy còn ở đây. Nó ứ đầy cổ họng, nó nghẹn ngào mãi trong lòng, làm cho cô tức thờ, nuốt miếng cơm mà cũng khó trôi.

Nguyệt không khóc nữa, nhưng những giọt lệ vẫn dâng đầy trong mắt. Nó lã chã rơi xuống bát cơm. Sự cụ lại thờ dài: “A di đà Phật”. Nguyệt không kể nhưng cả đời cô cũng chẳng thể quên.

Sau khi nhờ hàng xóm giúp đỡ chôn cất cha mẹ xong, thì ngay ngày hôm sau ông lý đã đến nhà. Ông ta rất trắng trợn nói rằng:

- Cô Nguyệt phải biết ơn tôi đấy. Không có tôi, thì làm sao cha mẹ cô lại được mồ yên mả đẹp thế này cơ chứ.

- Vâng, chị em con xin đội ơn ông lý.

- Ấy, cái chuyện này thì cũng nhỏ thôi. Cái chuyện trước đó, lúc ở sân đình mới là chuyện to. Có có biết lúc khám vú, bọn Tây đen cứ định lôi cô đi hiếp, tại sao đến phút cuối cùng, chúng lại thả cô ra?

- Tại sao, thì cháu không rõ.

- Tại sao ư? Cô thoát được là nhờ tôi đấy. Lúc đó tôi đứng với lão Tây mặt đỏ quan ba. Tôi nói với lão quan ba rằng cô là vợ thứ năm của tôi. Bà lý năm! Đã là vợ của tôi, đố thằng Tây nào dám bõm xõm. Không có tôi,

thì Tây nào cai quản nổi cái làng này. Vuốt mặt phải nể mũi chứ có phải không, cô Nguyệt?

- Dạ, thưa ông lý...

- Thưa với gửi gì. Là tôi kể cho cô rõ thế thôi. Thực ra, tôi muốn cho mọi việc phải đàng hoàng. Nói với Tây là một chuyện, còn đối với làng nước, tôi cũng phải xin cưới hẳn hoi. Tôi định sau bốn chín ngày hai cụ, tôi sẽ mời hàng xóm. Cô phải biết, cô là bà năm xinh đẹp của tôi, tôi sẽ gây dựng cho cô riêng hẳn một cơ ngơi. Nhà ngói cây mít hẳn hoi. Các bà kia đã đủ cả ruộng nương con cái rồi, tôi chẳng còn phải lo đến nữa. Tôi sẽ đến ở với bà, chỉ ở với bà mà thôi. Tôi hứa với bà đấy. Tôi đã tính toán cả rồi.

Lão lý cứ xưng xưng nói. Ăn nói bồ bã. Cứ như thể Nguyệt đã là vợ của lão từ lâu rồi. Nguyệt sững sốt vì từ hôm đó cả làng đều đồn ầm lên là Nguyệt đã bằng lòng làm vợ bé thế nã của ông lý trưởng đã ngoại năm mươi. Có cậu con trai làng còn chào cô là bà lý năm. Cô giãy nảy lên cãi lại, thì anh ta bảo:

- Ván đã đóng thuyền rồi cô ạ. Tôi nghe người ta nói rằng nếu cô không chịu cưới, ông lý sẽ đưa cô lên bốt Thẩn Lăn cho Tây đen nó hiếp. Có người bảo thế là ác. Ông ta trả lời; “Ác gì mà ác. Tôi đã cứu cô ta khỏi bị Tây đen hiếp lần trước, cô ta phải đền ơn tôi là cái lễ đương nhiên. Nếu cô không chịu trả ơn, thì tôi trả lại bọn Tây đen cho chúng nó hưởng. Đấy cũng là cái lễ đương nhiên”.

Sau khi nghe câu chuyện, Nguyệt sợ hết hồn. Tối hôm ấy, nhân tối trời, Nguyệt dắt em bỏ làng đi trốn. Ban ngày, họ trốn ở bờ bụi, ở miếu hoang, nơi cầu sương điểm cỏ. Ban đêm, lại lằm lụi ra đi. Ngày thứ nhất còn nằm cơm nếm. Đến ngày thứ hai, nhai gạo sống, uống nước sông...

Sư cụ bằng lòng nhận họ. An được xếp ngủ ở một gian tả vu. Nguyệt cùng ở với một bà vải già. Nơi ấy, dân làng gọi là am ni. Sư bác Khoan Độ

dẫn cô gái đến chỗ bà Thăm. Bà vãi ngồi ở thềm nhà đang đếm những con đom đóm bay lượn trên ao bèo. Đối với bà Thăm, mỗi con đom đóm là một vong linh. Ở ngoài lũy tre vườn chùa, có một nghĩa địa. Ở đấy, cơ man là đom đóm. Nhưng trên mặt ao bèo mỗi đêm chỉ có một số ít đom đóm thôi. Bà Thăm bảo đó là vong linh những người thân đêm nào cũng về thăm hỏi, phù hộ cho bà. Có những lúc bà còn trò chuyện cả với những sinh linh nhỏ xíu lập lòe ấy. Sư bác hỏi:

- Cụ Thăm ơi! Đêm nay có mấy vị về?

- Sáu vị, sư bác ạ.

- Ông ấy có về không?

- Ông lão nhà tôi đêm nay bận hay sao ấy. Chẳng thấy mặt. Chỉ toàn các cô bạn thời con gái. Kia kia: Cái cô bay bổng bay la kia là cô Thắm. Lúc nào cũng lúng liếng, nhớn nhỡ. Cười rõ là giòn. Tội nghiệp, thế mà chết trẻ. Bố cô ép cô lấy lẽ một ông già. Cô phấn chí, đâm đầu xuống sông mà chết.

Bà vãi với cái giọng thì thà thì thầm, chỉ đom đóm nói chuyện ngày xưa, nghe đến là buồn. Lúc cụ nói, đôi mắt già nua lại được ánh trăng chiếu vào. Đôi mắt ấy lúc thường chắc lơ lơ. Sao lúc này trông bỗng tinh nhanh hau háu lên. Cụ kể kể cứ như chuyện mới hôm qua, nghe đến là rộn.

Sư bác bảo bà cụ Thăm tốt nết lắm. Nhà cụ nghèo nhất làng, không một tấc đất cắm dùi. cụ ông tên là Khố chuyên nghề tôm cá. Từ sáng cho đến tối, lúc nào cũng trần như nhộng. Trên mình chỉ có một chiếc khố. Lúc nào cũng cái xiếc, cái nhui, lằm lụi như con cò trên cánh đồng, trên sông, trên nước.

Trước kia, bà cụ Thăm đâu có thế này. Rất nghèo nhưng rất vui tính, mở miệng ra là nói có vần, có điệu như hát. Chỉ từ khi cụ ông bị cảm lạnh chết giữa đồng, cụ bà mới thành dở điên dở khùng như vậy. Từ khi chồng

chết, bà đem ngày như sống với cõi âm. Vãi Thầm chỉ có một cô con gái tên là Thì lấy chồng đẻ sòn sòn. Chưa đầy ba mươi tuổi mà đã năm con. Nhà chồng cũng nghèo như nhà vợ. Sư cụ Vô Úy thấy tình cảnh như vậy, liền cho vợ chồng Thì cấy rẽ ba sào. Tô ruộng chỉ bằng già nửa người ta. Lại cho bà Thầm đến làm việc vặt cho nhà chùa, và cho trú ngụ tại gian nhà lá ngoài vườn.

Khi sư bác quay về nhà tổ, hai bác cháu tắt đèn đi ngủ sớm cho đỡ tốn dầu. Sư bác bảo ban ngày bà Thầm chẳng sao, nhưng cứ từ lúc chạng vạng gà lên chuồng là bà già lại như người mê ngủ, cứ đờ đẫn ra, rồi nhắc toàn những chuyện đời xưa mà cả làng chẳng còn mấy người nhớ, nhất là chuyện những người cõi âm, những người đã chết. Mọi hôm, không có người nói chuyện, thì bà lầm bầm tự nói với mình. Còn hôm nay, có Nguyệt, bà đã có bạn để nghe, nên bà không lầm bầm nữa, mà nói to lên. Trời còn lạnh mà bà cụ luôn tay chiếc quạt nan phe phẩy cho Nguyệt rồi thì thào vào tai cô gái, cứ như bà kể chuyện cổ tích cho cháu, cứ như những lời ru ngủ.

- Đấy, cô Thắm đấy! Cô đang bay vào nhà. Cô ấy vẫn nhờn như thời con gái. Cái yếm đào này. Chiếc khăn vấn nâu non này. Chiếc hầu bao hoa lý này. Ái chà! Cả chiếc váy sồi lướt tha lướt thướt... - Giọng bà cụ bỗng bùi ngùi – Con có biết không? Sáng hôm ấy, cái Thắm gặp bác. Nó bảo nó sẽ bỏ quê mà đi. Bác cũng đồng lòng với nó. Bỏ làng mà đi, thân gái dặm trường, thì cũng sợ. Nhưng mà ở lại làng, con gái hờ hớ ra mà phải lấy một ông già, thì cũng khổ cả một đời... Thế rồi đêm hôm ấy, bu cái Thắm kêu vác làng nước: “Các ông các bà ơi! Có ai đi tìm con tôi với?”. Cả làng đổ ra đường. Đuốc đốt đỏ rực cánh đồng. Người ta tìm thấy xác cái Thắm dập dềnh trôi nổi trên dòng sông Đào. Lúc vớt lên, nước không ra từ mồm, nước lại chảy ra từ khước mắt. Người con gái trôi sông ấy cứ khóc lạng lẽ không thôi. Chết mà vẫn khóc.

Đó là câu chuyện cổ tích buồn, câu chuyện người âm mà bà vải Thăm đã kể cho Nguyệt nghe vào cái đêm đầu tiên đến chùa.

Đêm ấy, trong giấc mơ, chẳng biết Nguyệt thấy gì mà cô thút thít. Còn bà Thăm thì vẫn chưa ngủ. Bà nhìn con đom đóm mới bay vào nhà và lại tiếp tục cuộc đối thoại không bao giờ dứt với người cõi âm của bà:

- Thăm ơi! Thăm đấy à? Có phải lúc này mà vừa thút thít phải không? Sao đến tận bây giờ mà mà vẫn khóc?

Chú thích:

(1) P.C: Chữ viết tắt của Poste Commandement – nghĩa là đồn chỉ huy của một khu vực, một tiểu khu.

ĐỘI GẠO LÊN CHÙA

Nguyễn Xuân Khánh

www.dtv-ebook.com

Chương II

Chị Nguyệt tôi chưa được xuống tóc, nhưng riêng tôi lại được. Ngay hôm sau khi đến chùa, sư bác Độ đưa tôi ra vườn chùa, dưới gốc nhãn, lấy kéo cắt phẳng mớ tóc đen nhánh trên đầu tôi. Rồi bác lấy khăn ướt tẩm xà phòng xoa mạnh lên mớ tóc bị cắt nham nhở. Xoa tới lúc cái đầu sùi bọt xà phòng trắng xóa. Sư bác dọa tôi.

- Ngồi yên không nhúc nhích! Con dao cạo này sắc lắm. Ngộ ngoạỵ là mất đi một mảng da đầu như chơi.

Nhìn đôi mắt to trắng dã, cái gò má xương xẩu vêu ra, và bộ râu quai nón mọc tua tủa của bác, tôi sợ hãi ngồi im thin thít. Thực quả là tôi sợ. Tôi sợ đôi bàn tay khuỳnh khoàng xương xẩu kia. Chắc hẳn chúng cứng quèo vụng về giống như cái dáng thô kệch của sư bác. Bác Độ vừa cạo xoèn xoẹt vừa nói chuyện với tôi:

- Chú thật là may. Vừa đến đã được sư cụ yêu mến ngay. Chú tưởng làm tiểu dễ đấy hả? Trong làng có hai thằng bé nhà nghèo ngoan ngoãn. Bố mẹ chúng ra chùa năn nỉ xin cho chúng ở chùa nhưng không được. Cụ bảo riêng chú có duyên với Bụt... Mà này, lạ thật! Chính tôi cũng thấy quý chị em chú... Khốn khổ, cái đời mạt pháp!

Xoẹt xoẹt... xoẹt xoẹt...

- Này... Bố mẹ chú có phải là Việt Minh không? Chú biết không, ở nhà chùa cũng có sư Việt Minh.

- Thế sư cụ là Việt Minh hở bác?

- Không phải! Không phải! Người khác cơ. Nhưng, bao giờ chú lớn lên ... Rồi sẽ biết.

Xoẹt xoẹt... xoẹt xoẹt...

- Xong rồi! Thật là đẹp! Cái đầu chú tròn xoe như quả bưởi nên lúc cạo đi trông thật là đẹp.

Sư bác Khoan Độ cười ha hả, lấy tay xoa mãi lên cái đầu nhăn thín của tôi, hể hả vì công trình mà bác cho là tuyệt mỹ của mình. Bác kéo tôi ra cầu ao, bắt tôi soi mình trên mặt nước:

- Thấy chưa? Tuyệt chưa? Không một vết xước nhỏ. Tôi đã phải mài con dao cạo suốt hai tiếng đồng hồ. Lần đầu tiên cạo đầu, tôi không muốn chú sợ. Tại vì lần đầu tiên xuống tóc, sư thúc là sút mấy miếng da trên đầu tôi... Ôi chao là xót!... Ôi chao là sợ!...

Sư bác lại cất tiếng cười ha hả. Tiếng cười xóa tan những thành kiến ban đầu của tôi về bác. Hóa ra, đôi tay xương xẩu tưởng như vụng về kia lại vô cùng khéo léo. Hóa ra con người có gương mặt tưởng như dữ tợn kia lại có một tiếng cười sáng khoái hồn nhiên đến thế. Tiếng cười rất vui của sư bác, tuy nhiên, vẫn không xóa tan được nỗi buồn sâu đậm trong lòng tôi.

Những ngày đầu ở chùa, cả ngày tôi chả nói một tiếng. Tôi cứ lì lì ngồi ở thềm nhà bếp. Giải vũ bên tái, một đầu làm bếp, khoảng giữa để cối xay, cối giã, còn đầu kia quây hai tấm giại tre làm buồng cho tôi ở.

Đêm nào cũng thế, tôi không tài nào ngủ được. Nằm đấy để nghĩ vợ vẫn. Nằm đấy để nghe tiếng mõ đều đều của sư cụ tụng kinh. Bài học tu hành đầu tiên của tôi là gõ mõ. Sư cụ bảo:

- Người chân tu phải lúc nào cũng tu. Đi cũng thiền. Ăn cũng thiền. Uống cũng thiền. Nói cũng thiền. Từng giây từng phút đều thiền....

Tôi ngỡ ngác. Đầu óc non nớt của tôi lần đầu tiên được tưới tắm bằng những giọt nước mát lành nhưng quá cao siêu. Tuy nhiên, tôi vẫn cảm được vị trong trẻo dịu dàng của nó qua đôi mắt hiền hậu ấm áp, qua cái vóc dáng từ bi như tỏa ra một vùng từ lực. Sư cụ cầm lấy cái mõ, cầm lấy cái dùi:

- Con ơi! Tiếng mõ là tiếng nói của đức Phật. Tiếng mõ đánh thức sự tốt lành, đánh thức cái tâm Phật trong mỗi con người. Tiếng mõ đêm khuya vang lên trong làng xóm nói với thế gian rằng Phật luôn luôn ở giữa cuộc đời này... Phải nghiêm trang, kính cẩn mà gõ. Phải quán tưởng đến hạnh từ bi mà gõ. Đến một lúc nào đó, tâm hồn ta sẽ sáng bừng. Ta sẽ được sống trong sự an lành vô biên...

Tôi còn quá non nớt để hiểu những lời tâm huyết của sư cụ. Nhưng tôi cũng hiểu đó là những lời an ủi, đó là sự xoa dịu những vết thương sâu hoắm trong tâm hồn một đứa trẻ.

Sư bác Khoan Độ không có những lời lẽ sắc sảo để giải tỏa cho nỗi u buồn của tôi rằng thế gian này mọi vật đều vô thường. Sư bác cũng không có những tinh tế để đoán biết những diễn biến của tâm hồn tôi để tùy lúc, tùy nơi tìm lời an ủi. Nhưng cần gì cơ chứ! Bởi vì lúc nào sư bác chả ân cần với tôi. Giọng nói thô kệch không biết rót mật xoa dịu vào tai tôi. Nhưng ánh mắt, vẻ mặt thì biết. Những tia mắt dịu dàng không biến hóa được ra bàn tay, ra giọng nói, nhưng lại biết ôm ấp, biết tạo ra một luồng từ khí ấm áp. Đó là tiếng nói của vô ngôn. Sau này lớn lên tôi mới hiểu tiếng nói có hạn chế của nó. Tiếng nói không bao giờ nói hết được, đấy là chưa kể có khi nó còn nói không đúng, còn tiếng nói của im lặng, của vô ngôn, của tia nhìn ấm áp thì ta chỉ có thể cảm nhận được, và nó chẳng bao giờ sai.

Tôi cảm nhận được điều đó khi sư bác ngồi kề bên tôi, nắm tay tôi và nói về ngôi chùa:

- Chúng ta là một gia đình.

Hóa ra, gia đình ngôi chùa quê của chúng tôi thật là sum suê, đông đúc. Chưa kể những vị tổ xa xưa, tôi chỉ tính từ vị tổ gần đây nhất.

Sư cụ Thích Vô Chấp có năm học trò trong đó có thầy tôi. Ba vị sư bác đã ra ở riêng, hiện trụ trì ở những tỉnh xa. Gần với ngôi chùa Sọ, có hai người. Đó là thầy tôi Thích Vô Úy và sư thúc Vô Trần, một đệ tử tục gia.

Sư cụ Thích Vô Úy có một đệ tử rất đặc biệt. Đại sư huynh của tôi là một nhân vật huyền thoại. Và nếu có dịp, về sau tôi sẽ nói. Nhị sư huynh là Thích Khoan Độ, một vị sư khá lạ lùng mà tôi vừa mới gặp. Còn người thứ ba là tôi, tôi vừa mới bước vào cửa tam bảo. Tôi vừa mới được sư phụ cho phép xuống tóc. Chẳng hiểu sư cụ nhìn thấy gì ở gương mặt tôi, mà người bảo với sư bác Khoan Độ rằng tôi có duyên với Phật. Tôi đã mười một tuổi nhưng không phổng phao. Người tôi loắt choắt chỉ bằng đứa bé lên chín. Một gương mặt chín tuổi! Chắc trên đó phải hằn in những nét sâu khùng khiếp, và những nỗi kinh hoàng khiến đôi mắt mở to ngơ ngác. Dấu ấn ấy còn đọng lại mãi trên gương mặt tôi, trong trí não tôi. Rửa cũng không sạch. Dấu ấn ấy còn dai dẳng bám lấy tôi suốt cả cuộc đời. Có lẽ vì thế nên tôi hay nghĩ. Có lẽ vì thế nên sư cụ bảo tôi có duyên với Phật. Và chắc sư cụ muốn dùng ánh sáng của đức Phật để cứu vớt tôi, rửa sạch những vết u ám trong tâm hồn tôi chẳng?

Chị tôi được ở ngoài vườn chùa cùng với bà vải Thầm. Còn tôi, sư cụ sai dọn đầu hồi giải vũ bên trái làm chỗ ngủ. Sư bác Độ dùng hai tấm gai che đàng trước và bên cạnh quây lại, rồi đặt một chiếc chõng tre bên trong. Từ bé, tôi chưa bao giờ nằm một mình, ban đêm tôi vẫn rúc vào nách rúc vào lưng chị tôi mà ngủ. Chị tôi là người mẹ thứ hai của tôi. Tôi nghe nói thừa tôi mới sinh, u tôi ốm nặng, chị tôi đã bế tôi đi ăn mỳ sữa khắp làng. Nhờ có chị nên tôi mới sống, mới thành người như hôm nay. Nay thầy u tôi đều đã chết, tôi lại tách khỏi chị. Có lẽ tôi như đứa trẻ bị tách ra khỏi vú mẹ. Tôi như đứa trẻ bị cai sữa. Cho nên cả đêm hôm ấy, tôi không tài nào ngủ được. Hôm sau, tôi thưa với sư cụ:

- Thưa thầy, xin cho con được ngủ chỗ khác. Ngủ một mình, con không tài nào nhắm mắt được.

- Con sợ gì?

- Con sợ ma.

- Đây là đất Phật con ạ - Thầy tôi nghiêm trang giảng giải – đất Phật nên trên đầu chúng ta luôn có tàn lọng của đức Phật che chở. Dù có hiểm nguy nào, núp dưới bóng râm của người, thì cũng qua khỏi. Chẳng có ma chướng nào, chẳng có loài ngạ quỷ súc sinh nào đụng chạm được tới con.

Thấy tôi cứ cúi đầu xuống, không chịu đi, vẻ mặt thì đăm chiêu, tẩn tu, sư cụ liền ôn tồn nói với tôi một điều mà tôi ghi nhớ suốt đời:

- Con ơi! Trên đường đời dài dằng dặc, một người con của Phật, hay một con người cũng vậy, đều phải biết tự đi bằng đôi chân của mình... Phải biết độc hành con ạ... Chẳng biết thầy nói con có hiểu gì không? Đường của Phật gian nan lắm con ơi. Muốn tìm được đạo, phải biết được hành... Không có ai tìm hộ con đâu...

Nói xong câu nói dài ấy, sư cụ nhắm mắt lại. Thú thực, nghe câu nói ấy tôi cũng chẳng hiểu gì sâu xa. Tuy nhiên, cái ý đi bằng đôi chân của mình, thì tôi mang máng hiểu. Tôi hiểu rằng bây giờ tình cảnh đã khác rồi. Tôi hiểu rằng chị tôi không thể đi xin sữa nuôi tôi như thửa bé được nữa. Rằng chị tôi không thể dắt tôi đi trốn giặc được nữa, rằng chị tôi không còn có thể xòe cánh tay che chở cho tôi nữa. Tôi phải tự đi một mình.

Tôi rón rén lùi khỏi Phật đường. Câu nói của thầy thật khó, tôi chưa hiểu hết, nhưng ít nhất nó cũng làm cho tâm hồn tôi máy động. Ôi chao! Cha tôi chết! Mẹ tôi chết! Chị tôi không thể xòe tay ra với tôi được nữa! Và tôi phải bước chân một mình.

Đêm hôm ấy, nằm trên chiếc chõng tre, trong gian buồng quây, tôi thao thức mãi. Tôi ngắm ánh trăng luồn qua khe gại vẽ những vệt sáng trên nền nhà giải vũ. Mắt cứ chong ra mãi, tôi lèn đứng dậy ra khỏi gian buồng. Ngoài gian buồng là nơi xay thóc, giã gạo. Chiếc cối xay lù lù như một bà già mặc váy đang ngồi tắm trăng. Tôi lấy chiếc chổi lúa quét sạch nền nhà, nằm xuống bên cạnh chiếc cối. hình như chiếc cối giống hình người làm tôi thấy đỡ cô đơn hơn là gian buồng trơ trọi chỉ có chiếc chõng. Hình như nơi đây còn vương hơi ấm của bà Thăm, chị Nguyệt. Ban tối, họ còn xay thóc, sàng gạo nơi đây. Ở đây còn có hơi người, còn trong kia chẳng có. Tôi nằm co ro ở đấy để gặm nhấm những nỗi đắng cay đã đột nhiên ào ạt đổ xuống đầu tôi trong những ngày qua.

Chắc mấy đêm nay chị tôi vẫn khóc. Bà vải Thăm suốt đêm còn vãn vợ bận bịu trò chuyện với những hồn ma ở cối âm của bà. Lấy đâu ra tình tảo, lấy đâu ra tế nhị để an ủi nỗi đau của chị. Tôi biết chị Nguyệt vẫn khóc đêm vì sáng ra, thấy mắt chị sưng húp và đỏ ngầu

Riêng tôi, tôi thèm khóc lắm, nhưng dù cố thế nào thì nước mắt trong tôi cũng chẳng chảy ra. Tôi nằm đấy nghe tiếng chim đêm, nghe giun dế ni non, và tắm ánh trăng giàn giụa chảy từ mái chùa xuống. Ánh trăng cứ chảy, chảy mãi đến mức đầy ắp cái tâm hồn nứt nở của tôi. Ánh trăng có cách xoa dịu của nó. Nó ru tôi một cách thềm lặng, và tôi ngủ thiếp đi lúc nào không biết. Đang ngủ, tôi bỗng có cảm giác một cái gì rất mềm mại đã chạm vào tôi. Hình như có một cái gì xôm xộp mà tôi ôm lấy. Hình như có một bàn tay đang ve vuốt khuôn mặt tôi. Rất mơn man, rất nhẹ nhàng. Phải chăng là gió? Phải chăng là trăng? Trăng mà cũng biết xoa dịu ta ư? Tôi từ từ mở mắt. Tôi dần dần từ cõi mơ trở về cõi thực. Đến lúc ấy, tôi mới biết tôi đang ôm con chó vàng. Thì ra chỗ này là chỗ nằm của con vàng hàng đêm vẫn ngủ. Thì ra hơi ấm lúc trước tôi cảm nhận không phải là của chị tôi cũng không phải của bà vải Thăm. Con chó mà cũng biết cảm nhận nỗi buồn, nỗi cô đơn của tôi sao? Cám ơn vàng, cám ơn hơi ấm của mày, cám ơn cái lưỡi ấm áp của mày đã lau khô những giọt nước mắt hiếm hoi của ta;

chỉ khi ngủ nó mới chịu ứa ra. Vàng ơi! Nhưng giọt lệ hiếm ấy chắc là mặn lắm.

Trong những ngày đầu tiên ở chùa, tôi cứ một mình vật vã như vậy. Cứ tưởng như chẳng có ai quan tâm tới tôi. Về sau sư bác kể lại tôi mới biết sư cụ tôi nhiều đêm vẫn ngồi ở bàn nước nhà tổ nhìn ra, chứng kiến sự vật lộn của tôi. Sư bác Độ xin cụ tìm cách giúp đỡ tôi, nhưng cụ chẳng cho. Sư cụ chẳng bảo phải tự độc hành, độc bộ là gì. Chẳng ai có thể sống cả đời núp dưới bóng cây. Sư cụ muốn tôi phải tự chữa lành cho vết thương của mình. Chẳng ai biết hết được sự tự chịu đựng, sự tự làm lành lại mình của con người mạnh mẽ đến thế nào đâu.

Những ngày ấy tôi chưa phải học gì, chưa phải làm gì. Có thể nói đó là đặc ân, Sư cụ cho phép, để mặc tôi lang thang trong chùa và vùng lân cận. Ý muốn của cụ là để tôi hòa hợp với khung cảnh mới, hay là để cho thiên nhiên chữa tâm bệnh giúp tôi.

Tôi lang thang nhưng chẳng biết lang thang để làm gì. Về sau này, có người bạn nghe chuyện, bảo rằng thực ra sự lang thang của tôi khi ấy là cuộc đi tìm nước mắt. Nghe qua, thấy thật nực cười, nhưng ngẫm nghĩ kỹ lại thấy có phần nào đúng. Quả thật, thời gian ấy tôi muốn khóc mà không tài nào khóc được. Tôi trở nên thảng bết lằm lằm lì lì. Lúc nào cũng ngỡ ngác như phiêu du tận đâu tận đâu. Có lúc, có người hỏi, thì mắt cứ trở ra gương to. Hình như tôi không nghe thấy hoặc không hiểu người ta hỏi gì. Có lúc chị tôi phải ôm mặt ngồi bên bờ ao khóc thút thít. Chị Nguyệt thương tôi quá. Chị chỉ sợ tôi trở thành kẻ ngớ ngẩn, kẻ điên rồ. Sư cụ khuyên chị đừng lo và dặn mọi người ai ai cũng phải đối xử với tôi dịu dàng. Phật chẳng bỏ ai đâu, nhất là những người gặp nạn.

Những ngày đặc biệt này, tôi rất thích lang thang ở khu rừng thông gần chùa. Gọi là rừng cho to, chứ thực ra chỉ là một quả đồi thấp trũng toàn thông. Thông trồng đã lâu, thân to đủ người ôm. Tán lá rậm rịt không có ánh nắng lọt xuống. Tôi thường ngồi ở chân đồi nghe thông reo, nghe đàn

chim sẻ lảm mồm, ríu rít cãi nhau trên tán lá, thỉnh thoảng chúng lại vù vù cả đàn bay ào ra ruộng lúa.

Từ chân đồi, tôi có thể bao quát nhìn khắp cánh đồng trước mặt, cũng như quang cảnh khắp vùng. Nơi đây rất giống quê tôi. Cũng vẫn dãy Tam Đảo xanh ngắt, lừng lừng ngời, đội mây trắng trên đầu, lặng nhìn xuống trần gian. Cũng vẫn dãy Tam Đảo xanh ngắt, lừng lừng ngời, đội mây trắng trên đầu, lặng nhìn xuống trần gian. Cũng vẫn những đồi sim bát úp dâng hiến cho lũ trẻ nhỏ chúng tôi những trái sim tím bầm vừa ngọt, vừa thơm, lại chan chát, ngày nào cũng ăn mà không bao giờ biết chán. Cũng vẫn những khóm mấu đơn đại mọc ê hề khắp nơi, để lũ con gái chần trâu kết tràng hoa đỏ đội đầu, chơi trò cô dâu chú rể.

Tại sao tôi không khóc được nhỉ? Phải chăng vì tôi chưa quen với không khí nhà chùa? Nó mênh mông khác hẳn với không khí đầm ấm trong căn nhà bé nhỏ của cha mẹ tôi. Nằm dưới gốc thông, nhìn những đồi sim, tôi chợt nghĩ như vậy.

Thì ra những hoài niệm mà tôi không thể quên được đang kéo nhau trở về. Cả những kỷ niệm đau đớn, mà tôi muốn chôn vùi không bao giờ muốn nhắc lại, cũng lấp ló trong tâm hồn tôi. Và đi cùng với chúng là những xúc động. Tự nhiên trong người tôi thấy rưng rưng.

Tiếng chuông chiều, chuông thu không đang vang lên ngân ga từ gác tam quan. Tiếng chuông lại kéo tôi về thực tại. Nhắm mắt lại, tôi cũng cảm nhận được sự u tịch của ngôi chùa. Ở xa xa thế này, tôi cũng ngửi thấy được mùi hương ngào ngạt, cũng như nghe thấy được tiếng mõ đều đều, buồn buồn, lúc xa lúc gần... Phải chăng những thứ đó là quá trang nghiêm đối với tâm hồn măng sữa của tôi. Hình như tiếng chuông, tiếng mõ, cả mùi hương nữa... tất cả đều mang một triết lý sâu thẳm rất cần cho những tâm hồn từng trải u uẩn, còn tôi, tôi là đứa bé mà trái tim bị một vết tử thương sâu thẳm, tôi cũng u uẩn chứ, nhưng khi ấy tôi thêm cái sự an ủi là một cái

gì rất cụ thể, rất vật chất, như một bàn tay ấm áp của mẹ chẳng hạn. Nhưng than ôi! Mẹ tôi đã chết rồi.

Phải chăng vì thế nên ở trong chùa tôi không dám khóc, hay nói cho đúng hơn, tâm hồn tôi đang khóc nhưng không tài nào chảy nước mắt. Mà hoàn cảnh một đứa trẻ như tôi lúc ấy rất cần khóc. Mà phải khóc to thành tiếng, khóc giữa thanh thiên bạch nhật, giữa mênh mông trời đất. Phải khóc cho nỗi tang thương vón cục thành khối thành hòn trong trái tim được tan chảy ra. Giữa bao la, nỗi đau chắc chắn tan đi nhanh hơn. Gió sẽ mang nó đi, gió sẽ hòa loãng nó vào mênh mang.

Vả lại, tôi chỉ muốn khóc một mình. Tôi chẳng muốn có ai nhìn thấy tôi đang khóc. Vì nhút nhát chẳng? Vì kiêu hãnh chẳng? Vì sợ hãi sự thương hại của người đời chẳng? Tôi nghe người ta kể, có những con voi già nua bệnh tật, khi biết mình sắp chết, liền một mình đi vào rừng sâu, rồi một mình gục xuống, chung quanh chẳng hề có một cặp mắt nào của đồng loại. Có lẽ đó là mặc cảm của mọi sinh linh trên thế gian này chẳng. Thực ra, tôi chẳng hiểu căn nguyên hành vi của tôi ở đâu. Chỉ biết rằng nỗi đau là của riêng tôi. Tôi chỉ muốn một mình tôi gánh chịu.

Như đã nói, lúc ấy tôi rưng rưng. Cái bao la mênh mông, cái một mình riêng lẻ quả là hiệu nghiệm. Nhờ có chúng nwoocs mắt của tôi tự nhiên trở về. Những giọt nước mắt mặn không biết từ đâu tới, bỗng đột nhiên tràn đầy khóe mắt. Rồi chúng tràn ra bò lăn trên mặt. Tôi mặc cho chúng tuôn rơi. Và cùng với chúng là những hình ảnh hiện ra. Phải nói là những hình ảnh ghê rợn. Đúng rồi! Chính những hình ảnh này là điều tôi muốn quên đi, muốn không bao giờ nhắc tới. Có lẽ nào chính chúng đã làm tôi thành kẻ mất hồn, kẻ không khóc nổi ra nước mắt.

Tôi sẽ còn nhớ đến suốt đời cái ngày Tây càn, cái ngày đã làm tôi tan nát.

Hôm ấy, nghe lời thầy tôi, chị Nguyệt dắt tôi chạy trước, còn thầy u tôi dìu nhau chạy sau. Tôi thuộc những đường ngang ngõ tắt trong làng như lòng bàn tay. Cho nenekhoong phải chị Nguyệt dắt đường, mà chính tôi đã kéo chị tôi đi. Tôi không chạy theo đường chính. Tôi đi tắt qua những vườn, những trổ tre, nên chỉ một lát sau chúng tôi đã đến đồng mà chẳng gặp ai cả. Chị em tôi lội ra giữa cánh đồng Miếu, tìm một ruộng lúa tốt um rồi trốn ở đấy. Đáng lẽ theo lời thầy u tôi, thì hai chị em phải chạy đến dốc núi Bò. Qua dốc ấy là ổn, bởi vì đã đến gần rừng. Nhưng nhìn ra còn đường đến núi Bò lại thấy người chạy như vịt và Tây nổ súng đi đệt đuổi theo. Chị Nguyệt thấy thế, quyết định cứ ở lại ruộng lúa cao.

Hai chị em ngồi đấy có đến nửa tiếng vẫn thấy rất im lặng. Nhưng rồi có tiếng xì xồ đâu đấy. Hóa ra chị em ngồi thụp xuống nên không trông thấy lũ lính đi càn đã sục cả xuống cánh đồng để tìm Việt Minh. Chị Nguyệt vội vã thì thào vào tai tôi:

- Em bò vào giữa ruộng lúa đi. Nằm bẹp xuống nước. Không được động đậy.

- Còn chị?

- Chị bò sang ruộng bên kia...

Tôi theo lời chị, tôi như con lươn trườn một loáng đã chui vào giữa ruộng lúa xanh um. Và tôi nằm im như chết. Tôi ngơ ngẩn thật. Thực ra, chung quanh đấy có ruộng lúa nào tốt để có thể làm chỗ trú ẩn được đâu. Chẳng qua là chị cũng như bố tôi thôi. Họ muốn bảo vệ tôi, vì tôi là đứa con trai độc nhất trong dòng họ.

Về sau này, nghe kể lại, tôi mới biết chị Nguyệt bị bắt tập trung ở đình làng. Đạo ấy, chị tôi ăn mặc rách rưới. Cái quần thì bạc phếch vá chẳng vá đụp. Cái áo thì thùng thình. Hình như là cái áo của thầy tôi cắt ngắn ống tay đi. Không phải là chị tôi không có quần áo tươm tất, vừa vặn. Lần chạy

giặc trước, khi giặc yên trở về làng, u tôi nhìn bộ quần áo gọn gàng trên người chị Nguyệt liền rên lên:

- Con ơi là con! Sao mà ăn mặc thế kia? Người thì mơn mớn phây phây. Cái yếm thì căng ra. Ăn mặc thế kia có khác nào mỡ để miệng mèo. Gái thời loạn, đừng có phơi ra mà chết. Làm sao để che giấu đi. Làm sao để cho xấu đi...

Và từ đấy, u tôi giấu cái gương của chị tôi đi. Và bắt chị ăn mặc sao cho xấu xí, lem luốc. Cái áo, cái quần thì bạc phếch, thùng thình. Các đường cong trời ban cho người con gái làm duyên đều biến đi hết.

Ở sân đình mấy thằng lính phụ tá cho viên trung úy Tây lai Bernard gãi đầu gãi tai nói với sếp của chúng:

- Thưa trung úy... Cái đám kia ạ...

- Toàn là đàn bà con gái...

- Bẩm, trong đó có lẫn cả Việt Minh. Không nên để sót....

- Thì làm sao?

- Chúng em khám ạ...

- Ừ thì khám. Nhưng vừa vừa phải phải thôi nhé. Đừng để cho chúng kêu la là không được với ông đại úy đâu...

Được phép rồi, một tiểu đội cả Tây đen, Tây trắng lẫn lính ba ti dăng (1) bắt tất cả đàn bà con gái ra khám xét.

- Bẩm quan lớn. Con còn bé ạ

- Bẩm quan lớn. Con già lão rồi ạ.

Một chuẩn úy nói to:

- Trẻ con hay bà lão cũng khám tuốt tuột. Việt Minh nguy trang khéo lắm. Cứ tặc áo lên, khám vú là rõ tất cả. Đứa nào chưa có vú hay vú quá mướt thì thả ra. Tất cả những đứa vú mẩy đều giữ lại. Họ đều là tráng niên, đều là Việt Minh.

Một lính ba ti dăng tếu táo:

- Thế đứa có vú sữa thì sao ạ?

- Vú có sữa càng tốt chứ sao – Đứa ấy mới là Việt Minh thứ thiệt.

- Vậy thì đem tra khảo lũ đàn bà Việt Minh này ở đâu ạ?

- Tùy thích. Nơi nào càng kín càng tốt.

Đàn bà làng tôi, tất cả đều cuống lên. Sắp xảy ra vụ cưỡng hiếp cả làng. Mỗi thằng lính túm một người đàn bà sau khi đã khám vú. Chúng lôi xềnh xệch họ đi. Tiếng kêu la vang trời. Chỉ riêng viên trung úy không tham dự. Hắn khoanh tay đứng ở thềm đình.

May thay, lúc đó ông lý trưởng trông thấy chị Nguyệt của tôi đang bị một tên lính da đen bế đi. Chị tôi giãy giụa và gọi ông lý:

- Ông lý ơi! Cứu cháu với.

Chả biết chị Nguyệt đã lọt vào mắt ông lý tự lúc nào, hay là chỉ khi chị Nguyệt cầu cứu đích danh ông, ông mới nảy ra ý nghĩ biến chị tôi thành bà lý năm. Dù sao chẳng nữa, hành động bấy giờ của ông lý cũng được hàng xóm khen ngợi. Ông vội vàng chạy sang nhà ông giáo là nơi viên đại úy Thalan chỉ huy cuộc càn đang ngồi nói chuyện.

Đại úy Thalan là một nhà quân sự có học, có nguyên tắc. Được ông lý báo tin, Thalan chạy ngay ra sân đình và hét lên:

- Tất cả dừng lại!

Ông rút súng lục bắn chỉ thiên. Ông ta mời lý trưởng và ông giáo đứng bên mình. Ông bắt đám lính vô kỷ luật phải xếp hàng nghiêm chỉnh. Ông cũng mời dân làng tập hợp lại và diễn thuyết.

- Người Pháp chúng tôi đến đây chỉ cốt đánh đuổi Việt Minh. Chúng tôi hoan nghênh tất cả những ai chăm chỉ làm ăn và không chống đối lại chúng tôi. Nếu những người lính của tôi có làm điều gì xúc phạm tới các bà các chị, khi về đồn, tôi sẽ phạt họ thật nặng. Mong các vị kỳ hào, bô lão trong làng hiểu cho những ý định tốt của chính phủ Pháp.

Rồi quay sang những người lính của mình, ông ta nói:

- Các chiến hữu của tôi cần phải biết rằng chúng ta là những chiến binh của nước Pháp văn minh và vinh quang. Chúng ta đem ánh sáng đến cho xứ sở này. Vậy, đối với người dân, chúng ta phải là bạn. Nhưng đối với Việt Minh, kẻ thù của chúng ta, chúng ta quyết không nường tay. Các bạn hãy giải tán, vào làng lục soát từng nhà, quyết không bỏ sót một tên Việt Minh.

Trong khi diễn ra bao nhiêu chuyện ngoài đình, tôi vẫn nằm im trong ruộng lúa. Thấy yên yên, tôi bò ra gần mép ruộng, nhìn qua bờ cỏ, thẳng về phía ngôi miếu hoang xa xa. Ngôi miếu cô hồn. Bên trong chỉ có chiếc bệ thờ bằng gạch trên có pho tượng. Trước cửa miếu có một cây bàng rất xanh tốt làm chốn nghỉ trưa cho người làm đồng. Miếu làm trên gò, nơi đây vào đêm mưa phùn thường thấy ma trôi như những quả bóng xanh lơ bay đi bay lại. Người ta bảo gò miếu là nơi chôn người chết giặc ngày xưa. Xác chết gom lại thành năm mồ hoang tập thể. Nhiều ma lắm nên miếu rất thiêng. Trẻ chăn trâu chúng tôi tuy nghịch ngợm nhưng cũng không dám phá phách. Chẳng thế mà pho tượng làm đã rất lâu vẫn không hề suy suyển. Tượng nặn bằng đất mà tay chân vẫn không bị gãy. Mặt sơn trắng, chỉ bị bạc đi với thời gian, chứ không bị vẽ than nhem nhuốc. Đặc biệt pho tượng

có đôi mắt xéch bằng thủy tinh nên trông rất dữ tợn. Chỉ nhìn vào mắt đã thấy khiếp. Cho nên miếu cô hồn đã bao đời nay vẫn còn đủ cả cửa.

Cái ngày đặc biệt ấy, từ ruộng lúa, tôi thấy mấy lần bọn lính Tây dẫn người vào ngôi miếu đó. Rồi những tiếng kêu la từ ngôi miếu thoát ra. Tôi nghĩ bụng: chúng nó đưa người vào miếu hoang tra tấn. Ba lần thì phải. Cả ba lần đều nghe thấy người kêu khóc, rồi lại bật im. Lần cuối cùng, nghe thấy cả tiếng thét, tiếng chửi rủa và tiếng súng. Tôi tự hỏi: “Không biết chúng nó bắt ai?” Tôi run lên sợ hãi. Tôi nghĩ bụng: “Lỡ chúng đi ra và nhìn về phía mình thì sao” Nghĩ vậy, nên tôi lại lúi sủi vào ruộng lúa. Nhưng cũng từ lúc ấy, sự tò mò nảy sinh ra trong óc tôi. Tôi không phải là đứa can đảm, nhưng tôi nóng lòng chờ cho bọn giặc rút quân. Tôi rất muốn đẩy cánh cửa miếu, nhìn vào bên trong. Chắc có người chết nhưng thể nào cũng còn người sống. Không biết người nhà tôi có ai bị bắt vào đó không? Hay chỉ bị ra đình... Nghĩ vơ vẩn mãi, tôi lại nghĩ tới chị tôi, thầy u tôi.

Đến chiều thì giặc rút. Tôi thấy tiếng xe nổ máy. Tôi trông thấy người chạy về làng. Tôi cũng đứng lên khỏi ruộng lúa song tôi không về làng. Tôi đi về phía miếu cô hồn.

Trong cả làng, tôi là người đầu tiên đến miếu sau trận càn. Tôi đứng dưới gốc bàng nhìn thấy cửa miếu vẫn đóng im ỉm. Tôi lắng tai nghe. Quái lạ! Không có tiếng người bên trong. Tôi kêu lên:

- Cháu đây! Thăng An đây! Có ai còn sống không?

Không thấy tiếng trả lời, tôi liền tiến gần lại. Lúc ấy đã xế chiều. Ánh nắng xiên khoai nên lọt qua được tán bàng chiếu đúng vào bậc thềm đạu kín những ruồi. Bước chân của tôi làm ruồi bay vù vù lên không trung để lộ ra cái bậc thềm toàn máu đỏ. Máu từ trong miếu chảy ra.

Thăng Tây cuối cùng ra khỏi miếu thật cẩn thận. Khi khép cửa lại nó dùng một đoạn tre làm cái chốt xuyên qua hai đỉnh khuy giữ cho cửa khỏi

mở. Tôi rút chốt. Hai cánh cửa mở tung và một vật nặng ngã ra. Tôi hét to vì vật nặng đó là một cái xác người chết. Mắt tôi trợn tròn, vì nền miếu là một ao máu. Lúc trước có xác người dựa vào cửa nên máu chảy ra ít. Ngay xác người đổ dọc, cái cửa lại mở nên máu chảy ào ra. Chảy qua thềm, xuống đến gốc bàng. Tôi hết hồn nhìn vào những xác người bị trói. Tất cả đều bị cắt cổ. Có cả những đầu người bị cắt rời ra. Những cái đầu. Những cái xác không đầu. Có cả những người bị trói đứng vào cột. Cái đầu lâu chưa bị đứt hẳn còn lủng lẳng treo trước ngực. Có thể cuộc hành lạc của lũ lính sắp sửa xảy ra ở ngoài đình bị ngăn chặn làm lính bất mãn, nổi điên lên mới xảy ra vụ thảm sát man rợ đến thế.

Tôi hết hồn hết vía, chạy vội ra đường. Vừa chạy vừa kêu:

- Bớ làng nước! Tây nó cắt cổ người ta ở miếu cô hồn – Chạy giữa làng tôi cũng kêu to như vậy. Về đến nhà mới biết u tôi đã chết. Còn thầy tôi cũng không thấy mặt. Nghe lời líu ríu của tôi, chị Nguyệt vội chạy ra miếu cô hồn. Trận càn ấy, Tây đã cắt cổ mười lăm người làng tôi, trong đó có thầy tôi. Ngay tối hôm ấy, tôi lên cơn sốt ùng ùng.

Mỗi ngày sư cụ Vô Úy chỉ ăn một bữa vào buổi trưa. Hầu hết thời gian còn lại người dành để tham thiền, tụng kinh và đọc sách.

Còn bốn chúng tôi thì ăn hai bữa: bữa sáng và bữa tối mịt. Thường ngày, bà vải Thầm, sư Độ và chị Nguyệt làm vườn, làm ruộng cho đến sẩm tối mới nghỉ. Bà Thầm và chị tôi vội rút rơm, rạ nổi lửa. Đun bằng rơm rạ chín rất nhanh. Mọi hôm, cứ đến nhập nhoạng là tôi bắt đầu dọn mâm bát.

Cái hôm tôi ra rừng thông, nhớ lại câu chuyện bi thảm trước kia để cho nước mắt trào ra, mọi người ngạc nhiên vì mãi không thấy mặt tôi. Cả khi sư Độ lên gác tam quan đánh trống thu không xong, tôi vẫn cứ biệt tăm. Đến khi ấy, mỗi ngạc nhiên chuyển thành lo ngại. Mọi người bỏ nhà đi tìm. Tìm khắp xóm xinh trong chùa, ngoài vườn đều không thấy. Khi trời nhập nhoạng, chị Nguyệt đã ôm mặt khóc, mọi người chuẩn bị đèn đi tìm

bên ngoài chùa. Giữa lúc ấy, con chó vàng cứ nhìn mọi người mà sủa gâu gâu. Sư Độ nhìn con chó chợt nảy ý kiến:

- Con chó này đêm vẫn nằm ngủ với chú An ở cối xay lúa. Nó đã quen hơi chú ấy. Cứ theo nó chắc chắn sẽ tìm thấy chú tiểu.

Quả như vậy! Con chó như hiểu mọi người. Nó lon ton chạy trước dẫn họ ra khu rừng thông... Nó đánh hơi trên mặt đất rồi dẫn họ đến bụi cỏ ở bìa rừng, nơi tôi đang thiếp ngủ. Sau đó, sư Độ kể lại với tôi rằng tôi ngủ mê mệt mà vẫn khóc. Tôi khóc cả trong giấc mơ. Có lẽ những hòn cục vón lại trong tim tôi đều được dịp mà trôi ra hết. Sư Độ sờ vào khuôn mặt đầm đìa nước của tôi, sờ cả vào trán rồi kêu to:

- Thăng bé nóng như hòn than.

Sư bác vội công tôi lên lưng về chùa. Tối hôm ấy, tôi không ngủ bên cối xay lúa nữa. Sư cụ bắt tôi phải ngủ cùng buồng sư Độ - Tôi cần phải được chăm sóc. Đó là trận ốm nặng đầu tiên của đời tôi. Nó là một bước ngoặt. Bởi vì qua nó tôi mới hiểu tôi thực sự là thành viên của ngôi chùa. Con sốt kéo dài đến hơn một tuần. Qua đợt ốm tôi gãy trơ xương. Mọi người giúp tôi dần hồi phục. Da thịt tôi dần dần trở lại. Sư bác bảo:

- Da thịt cũ của cậu tiêu hết rồi. Da thịt mới này là của chùa đắp cho.

Có lẽ vậy! Hình như trước khi vào chùa tôi phải được lột xác. Tôi buộc phải để lại tất cả tục lụy từ thân xác đến tâm hồn ở ngoài cổng tam quan.

Cũng đến ngày ấy, tôi mới hiểu cả sư cụ, cả sư Độ đều là những ông thầy thuốc, nhất là sư Độ. Ông ta là một thầy lang chỉ dùng lá lấu. Không hiểu trong cái vóc dáng thô tháp của ông còn ẩn chứa biết bao điều bí ẩn khác nữa?

Chú thích:

(1) Partisan: người Việt vào lính Pháp.

ĐỘI GẠO LÊN CHÙA

Nguyễn Xuân Khánh

www.dtv-ebook.com

Chương III

Đi ba đêm ba ngày, chị em Nguyệt và An tưởng như mình đã đi được rất xa. Xa títt mù tắp, ngoảnh đầu lại, chỉ thấy những ngọn núi xanh lơ ở phía chân trời. Chẳng biết núi Tam Đảo ở đâu, làng xóm quê hương mình ở đâu. Thực ra, họ không đi được xa lắm. vẫn nằm trong tỉnh. Chỉ khác là ở một huyện cuối tỉnh. Ở đây bằng phẳng hơn, nhiều ruộng nước hơn, nhưng vẫn còn đồi. Nhất là ở bên kia con sông đào, ở đấy đồi lô xô như bát úp. Đó là vùng du kích. Còn ở bên này sông, đó là vùng tề, vùng đang bị tranh chấp quyết liệt giữa Việt Minh và quân Pháp. Vào lúc xảy ra câu chuyện, trên bề mặt vùng này đã thuộc Pháp, đã có chính quyền tề ngụy, và Việt Minh đang cố sức giành lại.

Đây là một tiểu khu, dưới quyền chỉ huy quân sự của P.C. Huyện. Dưới P.C. là một loạt đồn bót nhỏ đóng rải rác ở các điểm xung yếu, và ở dọc các huyện lộ, hương lộ. Các đồn nhỏ này thường chỉ có từ hai tiểu đội đến một trung đội lính gồm cả lính Âu Phi lẫn lính bảo hoàng. Ở P.C. thì đông hơn. Có cả một tiểu đoàn lính cơ động. Có cả đơn vị cơ giới, pháo binh. Ban chỉ huy quân sự tiểu khu đóng ở đây. Đại úy Thalan là chỉ huy trưởng. Phụ trách phòng nhì là trung úy Bernard. Cả hai nhân vật này ta đều đã gặp trong trận càn ở chân núi Thẩn Lăn. Đó là cuộc hành quân phối hợp mà họ tham dự nhất thời để rút kinh nghiệm. Còn nhiệm vụ chính của họ là ở P.C. Huyện, nơi mà họ đang tìm trăm phương ngàn kế để xây đồn, để củng cố chính quyền làng xã, để tiêu diệt và xua đuổi tất cả những phần tử Việt Minh đang còn nằm vùng hoạt động.

Sau trận càn Thẩn Lăn, một tối, Thalan và Bernard ngồi uống rượu ở câu lạc bộ sĩ quan. Thalan nói :

- Tôi hiểu, tôi rất hiểu công việc vô cùng khó khăn của trung úy. Tôi biết những người cấp dưới của trung úy là những con người không dễ tìm. Họ là những người gan dạ, có máu lạnh, lại phải thông minh lanh lẹ. Không dễ gì kiếm được những người cộng sự như vậy...

- Xin cảm ơn sếp đã một phần nào hiểu được công việc của chúng tôi.
- Bernard thấy lúc cuối câu Thalan có vẻ ngập ngừng, chưa chịu nói hết ý riêng, anh ta liền nói toạc ra - Chắc đại úy muốn nhắc nhở những người lính phòng nhì chúng tôi, rằng trong trận hành quân vừa qua họ hành động nhẫn tâm quá chứ gì, hay nói cho rõ hơn, là tàn bạo quá chứ gì. Nào khám vú ư! Nào cắt cổ ư! Tôi xin nói, họ là những con người đặc biệt, phải cho phép họ những hành vi đặc biệt. Đại úy nên biết cho, họ là những người cầm chắc cái chết nếu bị sa vào tay Việt Minh. Họ là đối tượng số một bị các đội diệt tề trừ gian đưa vào tầm ngắm. Cái chết kề bên, nếu không tàn nhẫn làm sao họ có thể sống sót. Vậy thì, nên cảm thông với họ, nương nhẹ với họ. Vậy thì, trong trận càn, nếu họ có đi tìm thú vui ở một người đàn bà nhà quê, tôi nghĩ chuyện ấy chỉ là một lỗi nhẹ. Trên thế gian này, đã có cuộc chiến tranh nào không có sự hãm hiếp, không có chuyện cắt cổ giết người. Chúng ta, những người sĩ quan, chúng ta có bao nhiêu quyền lợi. Tiền ư, gái đẹp ư, thăng quan tiến chức ư, chúng ta có nhiều điều kiện để đạt được. Còn họ, với học vấn của họ, với thân phận của họ, chẳng có cơ may nào để ngoi lên. Vậy thì...

Thalan lắc đầu :

- Trung úy ơi! Tiếng là chúng ta làm quân sự, làm chiến tranh nhưng thực ra chúng ta làm chính trị. Bởi VI nếu dân chúng oán hận chúng ta, liệu chúng ta có bình định được cái xứ sở này không? Trung úy cố tình không muốn hiểu điều đó hay sao?

-Tôi hiểu chứ! Nhưng, thực bụng, tôi chưa đồng ý với quan niệm làm chiến tranh của đại úy. Đại úy đã học từ một trường đại học quân sự danh tiếng ra. Tuy nhiên, nhà trường người ta dạy làm chiến tranh khác. Còn ở

Việt Nam, chúng ta lại đối mặt với một cuộc chiến tranh hoàn toàn khác. Ở đây không có mặt trận, chiến tranh xảy ra ở mọi lúc mọi nơi, ở đây không có những chiến binh. Một người đàn bà, một đứa trẻ ngây thơ đều có thể giết chúng ta. Ở đây không chỉ đàn ông cầm súng mới là kẻ thù. Ở đây chúng ta có thể chết vì hổ chông vì một cây gậy tre vót nhọn. Ở đây, kẻ thù ở lẫn với ta. Ở đây ngọn cỏ, cành cây, mái tranh xơ xác đều thù địch với ta. Do vậy, nó khốc liệt gấp hàng trăm lần so với chiến tranh chính quy. Hoàn cảnh chiến tranh đã khác. Lẽ nào ta cứ khư khư những quan niệm chiến tranh mà nhà trường đã dạy. Xin lỗi đại úy, tôi có thể tự hào tôi hiểu đất nước này hơn các vị, bởi vì trong dòng máu của tôi một nửa là dòng máu da vàng. Tôi có thể nói: Trong cuộc chiến tranh này, kẻ nào nhân đạo, kẻ ấy đang tự sát.

Thalan bỗng cảm thấy lúng túng. Không phải ý kiến của Bernard sai. Nó có nhiều phần sự thật. Cái sai của nó nằm ở chỗ nó ngược hẳn với những lý tưởng của những vĩ nhân, danh nhân của nước Pháp. Nó khác hẳn với những tư tưởng của Rousseau, Hugo, Pascal, Descartes... mà lúc còn ngồi ở ghế nhà trường, chàng đêm ngày say sưa đọc... Biết nói gì với anh ta đây? Bernard cũng là người được học hành. Chàng trung úy thấy vậy lại tiếp thêm :

- Tôi biết đại úy đã từ đường số 4, từ đường biên giới địa ngục sống sót trở về. Tôi cũng hiểu đại úy là người sùng bái đại tướng De Lattre de Tassigny. Tôi cũng biết đại úy là người muốn, sau trận quân viễn chinh của chúng ta thua ở đường số 4, phải phục hồi danh dự cho nước Pháp ở cái xứ sở Đông Dương này. Chắc đại úy cũng biết cha tôi là người đã hy sinh từ những ngày đầu cho công cuộc thuộc địa khai sáng đất nước này. Nói cho cùng, chúng ta có gì khác nhau đâu. Tôi cũng là người sùng bái đại tướng De Lattre như đại úy. Tôi sùng bái ý chí, quyết tâm sắt đá không hề run tay của đại tướng. Khi người mới sang, Việt Minh mở ngay chiến dịch Vĩnh Yên sát Hà Nội. Đối phương muốn thừa thắng sau chiến dịch Biên giới. Tình báo của ta đưa tin Việt Minh muốn tổng phản công. Đại tướng liền giơ

quả đấm sắt, đưa quân tinh nhuệ vào cuộc. Lần đầu tiên quân viễn chinh dùng bom na pan, dùng súng phun lửa. Tiêu diệt đối phương không thương tiếc. Tôi cũng muốn như vậy thôi. Bình định ư? Giai đoạn đầu ta cũng phải đánh địch một cách tàn bạo như vậy. Bất kể ai. Đã chống chúng ta là phải chết. Còn sau đó, đại úy muốn dùng củ cà rốt hay những ngón ngọt ngào thế nào thì tùy...

Trung úy phòng nhì Bernard Martinot là Tây lai, một anh chàng nửa Việt, nửa Pháp. Cha là chuẩn úy Jean Martinot, sang Đông Dương từ đầu thế kỷ hai mươi, có nhiều công tích trong công cuộc bình định thuộc địa, nên đã được tướng thưởng huân chương Bắc đẩu bội tinh.

Mẹ là bà Lê Thị Thu, một cô gái quê đặc sệt. Bà Thu người làng Bái, vì quá nghèo đói nên bỏ quê ra Hà Nội làm ăn. Trước khi ra Hà Nội, bà Thu đã vào chùa định làm ni cô nương nhờ cửa Phật. Sư thầy Diệu Tâm thấy Thị Thu là người nhan sắc mới bảo rằng :

- Con là gái hồng nhan. Khó tu hành lắm con ơi! Đi tu mà nửa đời nửa đoạn, không trọn kiếp thì chỉ thêm mang tội. Đàn bà đẹp đi tu, bọn đàn ông nó cũng không tha đâu.

Thị Thu van lạy, thề quyết tâm theo Phật. Sư bà thở dài đành lòng cho Thị Thu tu thử một thời gian. Nghĩa là Thu vẫn chưa cắt tóc, chỉ ăn mặc nâu sồng. Nhà chùa cắt đặt công việc, chỉ bắt Thu hàng ngày đi gánh nước và học tụng kinh niệm Phật. Quả nhiên như lời sư bà nói, hàng ngày bọn trai làng đã chờ sẵn ở ngoài giếng, hễ cứ thấy bóng Thu ở chùa ra là chúng vây lại buông lời chòng ghẹo. Đến nỗi Thị Thu quỳ xuống lạy chúng chẳng tha. Có đứa táo tợn còn giật khăn bịt đầu cho xổ tóc ra rồi ôm lấy cô nghịch ngợm. Hôm ấy Thị Thu không gánh được nước, chỉ còn biết nước nở chạy về chùa. Sư bà thương tình liền cho Thu một đồng bạc và bảo :

- Thầy thấy con vừa có sắc, lại vừa lanh lợi tháo vát. Ngay từ đầu thầy đã biết con chưa có duyên với Phật. Thôi thì sống ở đời cũng được. Chỉ cốt

con có cái tâm. Tâm là Phật con ơi. Thầy chẳng có nhiều, chỉ có đồng bạc này cho con làm vốn ở đời.

Thị Thu lạy tạ sư bà rồi một thân một mình ra đất Hà Nội kiếm sống, vốn là gái quê thạo việc chăn nuôi, nên Thu chọn việc buôn gà. Mới đầu là dăm con gà ngoài chợ, sau rồi bu to bu lớn. Thu có duyên bán hàng nên công việc dần phát đạt. Thu tháo vát, dám theo chị theo em lên tận Cửa Đông bán hàng cho nhà binh trong thành. Ngày ấy, làm thân con gái hờ hờ ra mà dám giao thiệp với Tây cũng thật táo tợn. Lẽ dĩ nhiên, chút nhan sắc, Thị Thu cũng chẳng ngại gì mà không sử dụng cái ma lực trời ban cho riêng mình ấy. Vừa ăn nói mặn mà, vừa xinh đẹp, Thị Thu được một ông Tây “ăcxìđăng” [1] làm trong “anhtăngđăng” [2] để ý. Ông giao cho cô việc cung cấp thịt gà cho lính Tây. Thế là Thị Thu phát lên như điều gặp gió. Chỉ trong vài năm, cô đã làm được mấy căn nhà cho thuê ở ô cầu Dền. Thị Thu thấy ông chuẩn úy Martinot là người Tây nhưng cũng thật tốt bụng. Tử tế chẳng khác gì người An Nam. Thế là cô quyết định lấy ông. Một quyết định thật khó khăn ở thời buổi ấy. Bởi vì người ta gọi cô là mẹ Tây. Đó là một từ ngữ sỉ nhục với người đàn bà lấy giặc làm chồng. Tuy nhiên, cô ở Hà Nội, cho nên sự thành kiến dè bủ khinh miệt cũng đỡ hơn nhiều so với ở làng.

Mối tình Pháp Việt đề huề ấy đã khai hoa kết trái. Cô sinh được một con trai. Đó chính là Bernard Martinot. Tuy nhiên, cuộc tình chẳng được dài lâu. Nếu dài lâu, chắc bà Thu đã trở thành nhà tư sản kếch xù ở Hà Nội. Bởi vì vào thời đó, chân nhà thầu cho “anh tăng đăng” là một chân béo bở. Chỉ ngồi không, tiền của cũng đổ vào như nước. Ông Martinot qua đời, người khác lên thay, lẽ dĩ nhiên mỗi lợi phải rơi vào tay người khác.

Ông Martinot qua đời khi cậu Bernard mới được sáu tuổi. Bà Thu lo tang lễ cho chồng khá chu tất. Có cả những nghi thức Thiên Chúa giáo. Lại có cả những nghi thức Phật giáo. Bà về làng làm lễ cầu siêu cho ông Martinot ở chùa. Chạy đàn tưng bừng một đêm. Rồi cỗ bàn mời hết các bậc

kỳ hào trong tổng trong huyện. Người ta hỏi ông Martinot là Tây có đi chùa đâu mà làm thế. Bà trả lời :

- Tôi được như ngày hôm nay là nhờ một đồng bạc sư thầy cho tôi. Tôi ăn mày cửa Phật nên mới nên người. Tôi phải biết ơn Phật.

Đã đến lúc cho Bernard đi học. Giả như ông Martinot còn sống, chắc cậu Bernard sẽ nhập học trường Tây. Nhưng bà Thu lại là người Việt nên cách suy nghĩ của bà có khác. Bà nghĩ con người phải có tổ có tông, con gái xuất giá, phải nhờ nhà chồng, nhưng bên nội nhà thẳng Bernard nào có ai. Mình sống ở đất Nam, mà sống ở quê mình là phải có họ hàng làng nước, nếu không khi gặp bước hoạn nạn thì ai giúp đỡ. Thôi! Không được nhờ bên nội, thì ta nhờ bên ngoại. Bà Thu là người Việt rất thuần túy. Trong khi làm ăn phát lên, bà không quên họ hàng anh em. Bà bỏ tiền ra tậu ruộng, gây dựng cho ông em là Cẩm. Lại chạy cho chân lý trưởng. Hiện nay lý Cẩm vừa giàu có vừa oai phong nhất làng Bái. Bà cũng dùng thế lực của chồng chạy cho người trong họ những chân chánh tổng, trưởng bạ... Họ Lê nhà bà nhờ thế trở thành một họ lẫy lừng của làng Bái. Bà đã tuân theo đúng lời dạy của cụ trưởng họ: “Ở cái xã hội An Nam này, nếu không có vây cánh, không có anh em họ hàng che chở, thì sẽ chết đầu nước”. Do nghĩ vậy, bà đã cho Bernard theo một đứa anh họ lớn tuổi hơn vào trường Hàng Kèn, một trường học ở Hà Nội dành cho người An Nam.

Thế là suốt thời thơ ấu, Bernard chơi bời nghịch ngợm và học tập cùng với lũ trẻ người Việt. Nó nói tiếng Việt, ăn cơm bằng đũa, chén thịt chó mắt tôm, đi ăn giỗ ăn tết, rồi có lúc học cả cái cách đối xử mảnh khỏe, xỏ lá ba que chẳng khác gì hạng hạ lưu trong xã hội người Việt. Nói tóm lại, bà Thu đã biến nó thành người An Nam, chỉ có khác là mắt nó xanh, mũi nó lõ.

Khi Bernard mười ba tuổi, bắt đầu lên trung học, có một đồng đội cũ của ông Martinot đến chơi. Ông này đã chuyển sang làm công chức. Ông Jules thấy tình hình của cậu Bernard như thế, cho là không ổn. Thằng bé rõ

ràng là dân Tây. Bố nó là Tây chính cống. Còn nó, chỉ phải tội mái tóc nó màu đen, chứ còn màu da, con mắt... hầu như tất tậ trên con người nó đều lộ ra nó là người Pháp. Nói thực bụng, ông Jules không ưa cái mớ tóc màu đen của nó. Mớ tóc đen nhánh của nó được thừa hưởng của người mẹ. Xưa kia, mớ tóc đen mượt mà của bà Thu đã hút hồn ông bạn Martinot; đó là điều mà ông chê cái “gu” của bạn. Ông Jules là người tóc vàng, và rất tự hào về màu vàng mớ tóc. Ông cho rằng nó rất Pháp, rất quý phái. Nghĩ xong ông Jules lại tự trách mình hẹp hòi. Bởi vì, mớ tóc màu đen dễ gợi ý cho ta sự kỳ thị chủng tộc, nhưng biết đâu đấy, ở một thời nào đó, nó lại là một ưu điểm thì sao.

Tuy nhiên, có một điểm ở Bernard lúc này, ông hoàn toàn không thể bằng lòng. Đó là tiếng Pháp của anh chàng lai. Ngôn ngữ phản chiếu tâm hồn con người rất rõ. Ngôn ngữ thế nào, tâm hồn thế ấy. Ông không thể quan niệm nổi một người Pháp mà lại nói tiếng Việt sôi hơn tiếng Pháp. Nghe nó nói tiếng Pháp... thì “Ôi! Thật là thảm hại!”. Nói thì sai ngữ pháp, giọng thì đúng là dân An Nam nói tiếng Tây, điệu bộ khi giao tiếp thì giống như kiểu me sừ lý trưởng. Ông rên lên, kết luận trong lòng:

“Hông! Bà mẹ này đã biến hóa một ông Tây thành một kẻ An Nam. Chỉ vài năm nữa là cậu bé sẽ trở thành một thứ “sale Annammite” (người An Nam bán thiu), một thứ người An Nam khúm núm, nịnh bợ. Chẳng còn chút gì đáng vẻ kiêu hãnh, uy nghi của một ông chủ, của một người văn minh đã chinh phục một đất nước man rợ”.

Ông ta hỏi Bernard :

- Cậu đã nghe câu chuyện này chưa? Chắc chưa ai kể cho cậu bao giờ. Câu chuyện xảy ra vào thời chinh phục xứ Bắc Kỳ vào cuối thế kỷ mười chín. Chính ông Martinot cha cậu, đã tham dự. Lúc bấy giờ, tướng Négrier chỉ huy một đạo quân lớn gồm 7.200 lính Pháp và 6.500 cu li người Việt để khuân vác lương thực và đạn dược. Chúng ta đánh lên biên giới Lạng Sơn. Chúng ta đánh nhau với quân triều đình Huế và quân Cờ đen Cuộc chiến

thật hào hùng. Nó rất tàn bạo kinh hoàng nhưng cũng rất hùng tráng. Con biết không, người đi chinh phục không thể có tình cảm thương xót, mềm yếu. Tất cả tù binh và tử sĩ đối phương đều bị chặt đầu. Ta nhớ tướng Négrier ra lệnh chặt 640 cái thủ cấp để xếp thành một cái Kim tự tháp toàn đầu lâu. Đếm thì số thủ cấp còn thiếu. Ông ra lệnh cho lính đi lùng ở khu vực lân cận. Lính theo lệnh đi càn. Hễ kẻ nào có dáng vẻ học trò, dáng vẻ văn thân thì chặt đầu không tha. Tại sao lại thế? Bởi vì chống lại người Pháp lúc ấy là đảng Văn Thân. Con hãy nhớ lấy. Chúng ta muốn làm ông chủ thì bắt buộc phải làm như vậy. Muốn cai trị một xứ man di thì phải biết không thương xót, con có hiểu không? Ở trong con có hai dòng máu: một là thứ máu cao quý của nước Pháp, hai là dòng máu thấp hèn của xứ da vàng. Muốn trở thành cao quý, con phải biết thanh lọc, gội rửa dần dần cho đến hết kiệt cái chất da vàng trong máu huyết của con.

Thực ra, Bernard chưa hiểu hết những lời nói của ông Jules, chiến hữu của cha cậu. Cái gì mà cao quý? Cái gì mà thấp hèn? Cái gì mà tẩy rửa? Cái gì mà man di?... Tất cả cuộc sống của cậu từ thời thơ ấu đều không nói lên những điều mà ông Jules phát biểu. Thực ra, cuộc sống ở với bên ngoại nhà cậu cũng êm đềm lắm chứ, cũng thú vị lắm chứ. Tuy nhiên, từ thăm sâu trong lòng, Bernard vẫn cảm nhận được có một niềm kiêu hãnh âm thầm trú ngụ. Nhất là khi ông Jules khơi gợi cho nó thức dậy. Mình thuộc về một nòi giống cao quý, thượng đẳng ư? Mà lạ thật! Mình chẳng giống mọi người chung quanh. Cả với mẹ, mình cũng khác. Hình như mọi người chung quanh khi tiếp xúc, lại có vẻ nể sợ mình... Ôi chao! Sự khác người ấy cũng ngọt ngào lắm chứ, cũng tự hào lắm chứ!...

Ông Jules thấy có trách nhiệm phải phục hồi lại bản sắc cho cậu bé Bernard. Ông âm thầm làm chuyện ấy. Ông thấy đó hình như là một di chúc ẩn ngầm mà ông Martinot khi nhắm mắt chưa kịp nói với ông. Việc đầu tiên của ông Jules là chạy chọt, nhờ vả, tìm mọi cách để đưa chàng thiếu niên Bernard được vào trường học dành riêng cho trẻ em mồ côi của những binh sĩ Pháp. Muốn sửa tâm hồn, thì trước hết hãy sửa ngôn ngữ, đó là điều

ông vẫn nghĩ. Có thể nói, đây là một công cuộc tái Pháp hóa, một công cuộc đi tìm lại cái nhân dạng Âu châu cho một chàng trai đã bị “da vàng hóa”.

Chàng trai Bernard thừa hưởng được từ người cha, nhà chinh phục thuộc địa cái can trường táo tợn của một kẻ phiêu lưu mạo hiểm, lại đồng thời thừa hưởng được cái lạnh lẹn tháo vát, láu lỉnh của người mẹ, nên rất thông minh, cả quyết và dễ dàng thích ứng mọi hoàn cảnh. Chẳng thế mà chỉ một năm sau, anh ta đã có điệu bộ hoàn toàn Tây, và giọng nói thì hết như một người Pháp mới từ Paris sang xứ thuộc địa. Tuy vậy, khi trở về nhà ngoại hay trở về quê mẹ, những ngày Tết, ngày nghỉ hè, anh ta lại lột xác biến đổi như con kỳ nhông và trở thành một anh chàng An Nam đặc sệt, biết ăn lòng lợn chấm mắm tôm và chén tiết canh thì không sợ. Ông Tây chiến hữu của cha muốn Bernard lột bỏ lột da vàng vô hình mà ông cho rằng anh đã có lúc vô tình khoác vào. Thực ra Bernard không lột xác da vàng, anh chỉ khoác thêm cái lột da trắng bên nội mà lúc này anh ta mới được tiếp nhận. Tức là anh ta có hai lớp da: lớp vàng, lớp trắng. Và Bernard có thể sử dụng chúng tùy hoàn cảnh. Như vậy, chẳng tốt sao. Ở tiểu học Bernard được hưởng cái tự do tự tại của người Nam, được hưởng cái không khí êm đềm chất phác của đồng quê Việt. Lên trung học, Bernard được biết mình có một miền quê nội xa lắt xa lơ qua những áng văn tinh tế, qua những điều kỳ diệu mà người ta gọi là văn minh, qua cái lý tính khôn ngoan từ ý tưởng vụ lợi chuyển sang cao cả mà người ta gọi là sự nghiệp của người đi khai sáng. Từ mơ hồ chuyển sang ý thức, hình như Bernard đã mang máng hiểu được cha mình hơn. Tiếng gọi của nòi giống đã lên tiếng trong Bernard tuy nó chưa tường minh, tuy nó chưa mồn mọt. Từ đó Bernard chững chạc hẳn lên.

Hắn đang chuẩn bị thi tú tài thì nổ ra cuộc đảo chính mùng 9 tháng 3 năm 1945: Nhật đảo chính Pháp. Hôm ấy, may mắn hẳn về làng Bái ăn giỗ. Đến tối, bà Thu từ Hà Nội bố về quê, giọng nói hoảng hốt thì thào :

- Con còn nhớ ông Jules không?... Cái ông bạn bố mày, đã xin học cho mày ấy... Chết rồi... Chắc là thế... Có khi cả vợ ông ta nữa... Nhà ở phố Hàng Chuối... Người ta đi chợ về qua nhà, thấy bảo có vũng máu ở trước cổng sắt... Còn cả chiếc giày cao gót màu tím nằm chổng gọng... Khổ thân bà Jules... Người gầy gầy, hay làm đóm... Giày màu tím là đúng của bà ấy... Dân Hà Nội lên tận vườn hoa Canh Nông xem Nhật đánh Tây... Người ta bảo súng trong thành nổ đi đọp đến chiều mới thôi.

Thế là, Bernard ở lì trong làng Bái. Nghe nói tất cả Tây Hà Nội bị Nhật bắt hết. Cả học sinh, cả trẻ con cũng bị bắt tuốt tuốt. Điều may mắn là lý trưởng làng Bái lại là lý Cầm em bà Thu, cho nên Bernard được che chở. Vóc người Bernard thấp và đậm. Chỉ cao có một mét sáu mươi, bằng khổ người Việt tóc anh lại màu đen. Cho nên, mặc quần áo nâu, rồi đội cái nón sùm sụp vào Bernard dễ dàng lẫn với người nhà quê.

Mới đầu, người Nhật phải lo trăm công nghìn việc, không với tay được tới miền quê xa. Sau vài tháng, thì vùng Bái lại là địa bàn hoạt động của Việt Minh. Cho nên cuộc sống của Bernard khá an toàn.

Cho đến ngày Cách mạng tháng Tám năm 1945...

Từ ngày Nhật đảo chính đến ngày cách mạng, tính kỹ ra được năm tháng mười ngày. Chỉ hơn năm tháng một chút, nhưng cũng đủ để nảy sinh ra một mối tình. Bernard, mà dân làng Bái vẫn gọi là cậu Lê Na, ở tại nhà ông lý Cầm. Nhà ông Cầm xưa chỉ là một ngôi nhà lá trên mảnh đất vườn họ Lê. Từ khi bà Thu phát lên ở kẻ chợ, nhà họ Lê cũng phát lên theo. Xưa, dù giàu có ở Hà Nội, mà ở quê vẫn lúi xùi thì dân làng vẫn coi khinh. Do vậy, bà Thu mang tiền của về quê xây nhà, tậu ruộng. Thứ nhất, để báo hiếu mẹ cha. Thứ nhì, để gây dựng cho em trai, cho họ hàng. Vậy nên, ngôi nhà gạch năm gian của ông Cầm to nhất làng. Rồi ông Cầm được bà chị chạy cho chân lý trưởng. Từ một gia đình tầm thường, bỗng chốc lý Cầm nhảy lên ngôi vị nhất nhì trong xã. Thực ra cái cách ứng xử ấy của bà Thu là cách nhìn xa, đúng theo lẽ thói của người Việt. Cộng đồng quan trọng,

trong đó cộng đồng gia tộc là quan trọng nhất. Phải thế thôi vì ở cái xứ sở đầy biến động bất trắc này khi thất thế ai là người dang tay ra giúp đỡ trước tiên. Chẳng là gia đình họ tộc đó sao? Cứ ngẫm như trường hợp của Bernard, nếu không có quê hương làng Bái, không có gia đình ông Cẩm thì số phận của anh ta lúc này ra sao? Nếu không bị Nhật giết thì cũng bị chúng nó bắt tù đày.

Bernard thích ứng rất nhanh. Từ khi ở nhà ông cậu, anh không dùng tên Tây nữa. Anh lấy họ của mẹ, và chuyển Bernard thành Na. Cái tên Lê Na cũng hay đấy chứ, mà lại có vẻ người Việt. Cạnh nhà ông lý Cẩm là nhà ông chánh Toàn. Ông chánh có cô con gái là Mận đẹp nhất nhì trong xã. Năm ấy Mận chừng đôi tám, cái tuổi căng đầy nhựa sống. Cô gái quê ấy mộc mạc, chất phác, nhưng là thứ mộc mạc của con nhà giàu trong làng nên diêm dúa và duyên dáng lắm. Cũng là váy, nhưng không phải thứ váy mo nang, mà là váy sồi mềm mại. Cũng là yếm, nhưng bao giờ Mận cũng mặc yếm lụa, buộc căng ra để khoe đôi vú thây lầy, tràn trề sinh lực. Cũng là vành khăn quấn trên đầu, nhưng vành khăn bao giờ cũng đen nhánh (hề vải hơi bạc là cô nhuộm lại hoặc thay ngay). Cô kín đáo trang điểm đấy, chả là chỉ có màu đen và thật đen mới làm nổi bật được làn da trắng bóc của khuôn mặt cô, của cái gáy và cái cần cổ như ngà, như ngọc mà lũ trai làng đứa nào cũng thèm cần vào một miếng.

Những ngày ấy, thế lực gia tộc họ Lê vẫn đang mạnh, cho nên khi chàng Lê Na đứng bên hàng rào nhấm nháy, thì Mận không đáp ứng ngay, cũng không phản đối, mà chỉ đỏ bừng mặt, chạy đi cùng với nụ cười. Lần tán tỉnh thứ hai, Lê Na nắm cổ tay, Mận đẩy tay ra, nhưng Na vẫn nắm. Lần gặp gỡ thứ ba ở chỗ vắng, Lê Na thừa cơ ôm choàng lấy Mận, và cậu bắt chước bọn trai làng, dùng bàn tay bóp vú cô nàng. Mận đánh mạnh vào tay Na rồi giận luôn mười ngày. Sau đó, lần gặp thứ tư, thứ năm, Lê Na nghiêm chỉnh hơn...

Đến lần gặp thứ sáu, lần này cả nhà ông chánh đi ăn giỗ bên ngoài, Mận ở nhà một mình trông nhà. Lê Na xé rào sang nhà ông chánh. Đôi trai gái hái quả trong vườn. Nhân lúc Mận ngã cây ổi, đau chân, Na thương xót bóp chân cho cô. Rồi anh thối, anh xoa. Bất thành linh anh bế bổng cô lên, đem ra sau đồng rơm. Ở đây, anh là người đầu tiên cắn vào cái cổ ngọc ngà của cô. Rồi tốc cái yếm lên... Tốc cái váy lên... Lần này, anh không bắt chước lũ trai làng. Bọn ấy chỉ biết bề ngoài, chỉ biết mơn trớn, không biết chiếm đoạt. Hình như đây là tiếng gọi của nòi giống, tiếng gọi của người cha. Lê Na đã quên mất gương mặt người cha, nhưng người cha vẫn ngủ lịm trong anh, đến bây giờ chợt thức giấc. Cường đoạt chẳng? Chưa chắc! Sao người đàn bà lại run rẩy, bám chặt lấy anh? Móng vuốt của sự oán hận, hay của sự hân hoan? Sao cô ta lại đầm đìa nước mắt rồi lại ôm chặt lấy cổ anh. Có tiếng thì thào trong đầu: Cái ấy có tên là chinh phục. Phải chăng đó là tiếng của người cha.

Sau chuyện đó, Lê Na lâng lâng sung sướng. Lần đầu tiên anh biết thế nào là hạnh phúc của kẻ chiến thắng. Nhưng chỉ ít lâu sau, anh lại trải nghiệm ngay thế nào là nỗi chua cay của chiến bại. Đó là ngày Cách mạng tháng Tám. Cả một dân tộc bỗng bừng bừng trong niềm hân hoan. Khắp nơi, người người ca hát:

“Việt Nam bao năm ròng rên xiết lầm than.

Dưới ách quân tham tàn đế quốc sài lang...”.

Tất cả cứ như một thùng thuốc súng nổ vang trời. Người ta biểu tình. Người ta treo cờ. Người ta tập quân sự. Người ta tập hát Người ta đi họp. Người ta đi học bình dân...

Chỉ riêng nhà ông lý Cẩm buồn thiu. Cả Lê Na cũng buồn thiu. Ô hay! Việt Minh cướp chính quyền từ tay người Nhật cơ mà. Người Nhật thua chứ người Pháp có thua đâu. Cớ sao Lê Na lại buồn. Thậm chí có thể nói

người Pháp cũng thẳng, bởi vì người Pháp ở trong phe đồng minh chống phát xít. Lê Na cố tự giải thích và anh ta yên lòng vì thấy mình có lý.

Nghĩ như vậy, Lê Na đường hoàng ra khỏi nhà. Ra tới ngõ anh lại chợt thấy lý lẽ của mình chẳng vững. Anh cảm thấy ngay, hình như tình cảm của dân làng Bái đối với anh đã đổi khác. Hình như người ta có ý lảng tránh anh. Cả cô Mận cũng vậy. Thoáng bóng anh từ xa, cô ta đã rẽ sang lối khác.

Ba hôm sau, Lê Na mới thực sự hiểu rõ hoàn cảnh của mình. Có giấy ủy ban triệu tập anh lên xã. Người tiếp chuyện anh là một cán bộ Việt Minh từ nơi khác đến. Một người trạc ba mươi, nước da ngăm ngăm, đôi mắt sáng và giọng nói thật nghiêm nghị :

- Tên anh là gì?

- Tôi họ Lê tên Na.

- Anh là Tây lai phải không?

- Dạ, phải.

- Vậy thì, tên họ chính thức, tên Tây của anh là gì?

- Dạ, Bernard Martinot.

- Tốt! Thế mới phải chứ. Hiện bố anh ở đâu?

- Dạ, đã chết.

- Còn bà mẹ anh?

- Bà là Lê Thị Thu, hiện ở Hà Nội.

- Cha anh, ông Martinot chết vì gì?

- Dạ, nghe nói bị bệnh.

- Không đúng! Thế là anh chưa thành khẩn.

- Dạ, vì vết thương ở ngực.

- Có thể chứ!... Này, anh đừng tưởng... chúng tôi biết hết cả. Đừng có giấu diếm. Anh thử trả lời xem vì sao ông Martinot bị thương vào ngực?

- Dạ, quả thực điều đó tôi hoàn toàn không biết. Lúc ông bị chết, tôi mới lên sáu.

- Vậy để tôi nói cho anh nghe nhé. Ông Martinot chỉ huy một trung đội, thuộc đoàn quân của thiếu tá Bonifacy. Họ truy kích đoàn nghĩa binh của cụ đề Thám ở vùng núi Tam Đảo Trong trận càn ấy, cha anh bị thương nặng ở ngực, được thưởng Bắc đẩu bội tinh, và được chuyển về Hà Nội làm trong intendante, từ đó mới quen bà Thu bán gà ở Cửa Đông. Chuyện này báo Pháp đăng âm ỉ, thậm chí đã viết thành sách. Tôi học luật nên có đọc chuyện ấy. Tôi là người huyện này. Bà Thu mẹ anh là người cùng huyện với tôi. Bà lại là người đàn bà lấy Tây giàu có. Ảnh của bà được in lên báo. Chính vì vậy, nên tôi mới nhớ câu chuyện.

Bernard chẳng còn biết nói sao nữa, lý lẽ của anh cán bộ Việt Minh lại rất rõ ràng xác đáng. Cho nên anh đành im lặng, coi như hoàn toàn công nhận lý lịch của mình. Và Bernard cũng hiểu được cái ý ẩn ngầm của người cán bộ Việt Minh kia là: “Dù chúng tôi không cướp chính quyền trực tiếp từ tay người Pháp các anh, nhưng thực chất chính người Pháp là kẻ bị thua. Và từ đây, sẽ không bao giờ người Pháp còn có thể cai trị người Nam được nữa”. Cuối cùng anh cán bộ Việt Minh kết luận :

- Anh hãy nhớ cho kỹ. Từ nay, chính quyền là của chúng tôi. Tất cả mọi thế lực ngoại bang đều phải đầu hàng. Hàng thì sống, chống thì chết. Người Nhật đầu hàng, gia nhập hàng ngũ cách mạng, được gọi là người

Việt Nam mới. Người Pháp, nếu đầu hàng, cũng sẽ là người Việt Nam mới chứ sao.

Bernard chỉ biết vâng, dạ. Từ lúc đó, anh ta không nói nửa lời. Đột nhiên, đất dưới chân anh như sụt xuống. Trong anh ta, một cái gì to lớn, kiêu hãnh bỗng đột ngột tan tành. Phút chốc, tất cả bỗng dựng đảo ngược. Sụp đổ nhất là niềm tự hào, niềm tự hào là người da trắng. Trước kia, Bernard không nghĩ tới nó mấy. Nào ngờ nó vẫn thường trực trong anh. Bây giờ đây, đối mặt với hiện thực, Bernard mới nhận ra sự hiện hữu của nó. Ông Jules, người chiến hữu của cha anh, ngày trước đưa anh đi học, ông chỉ muốn làm công việc thức tỉnh điều này trong anh nhưng không được. Còn bây giờ, anh đột nhiên thức tỉnh, nhưng ông Jules đã chết rồi. Bỗng nhiên, Bernard chợt hiểu rằng anh không thể sống ở cái làng này được nữa. Ông lý Cẩm đã đùm bọc anh, cứu anh sống sót trong mấy tháng qua, anh rất quý điều này, nhưng mái nhà của ông vẫn không phải mái nhà của anh. Có lẽ cái nhà của anh nó phải to hơn, sang trọng hơn; mà điều cốt yếu anh phải là chủ ở đấy.

Cả một đêm suy nghĩ. Cả một ngày suy nghĩ. Cả ngày anh chỉ ăn cơm qua quýt rồi lại nằm dài. Đến tối hôm sau, Bernard nói với ông lý Cẩm :

- Cậu ơi! Cháu phải đi thôi. Chỗ của cháu không phải ở đây Nếu chần chừ, cháu nghĩ rằng người ta sẽ giết cháu, vì ý nghĩ của cháu khác họ. Cháu cảm ơn cậu vì những ngày qua. Cậu cũng cẩn thận đấy. Cháu còn cảm thấy, sắp tới, cả cậu nữa người ta cũng chẳng để yên. Cháu lạy cậu. Cháu ra Hà Nội ngay đêm hôm nay.

Trong đêm đen, Bernard ra đi, không cả lời chào cô Mận, người con gái mà mấy tháng trước đây, anh cứ nghĩ đình ninh sẽ cưới làm vợ. Cái đêm trốn chạy khỏi quê ngoại ấy, cá đêm phải đi bộ ròn rã vài chục cây số ấy đã khắc sâu vào tâm hồn Bernard, có lẽ cả đời anh không quên. Nó là nỗi hận thứ nhất đối với xứ sở này, nỗi hận của một ông chủ bỗng dựng bị đổi ngôi.

Về tới Hà Nội, Bernard thấy yên tâm hơn. Trước đây ở làng, lúc nào anh cũng vẫn có cảm giác bức bí. Cứ như con cá nằm trong rọ vậy. Khi cách mạng nổ ra, lúc ấy cá không nằm trong rọ, mà nằm trên thớt. Còn khi về Hà Nội, lại là cảm giác cá được thả vào nước. Và khi người Pháp quay về Hà Nội, đóng quân trong thành, lúc ấy Bernard mới thấy mình đã hành động hoàn toàn đúng đắn. Con cá đã bơi lội tung tăng. Anh ta đã tìm cách liên hệ với người Pháp. Con mắt xanh, cái mũi lõ, giọng nói đặc Paris của anh là những đảm bảo tuyệt hảo. Chỉ một tháng thôi, người ta đã có đủ hồ sơ về anh. Đầu tiên, anh làm phiên dịch cho một đại tá. Sau đó, thấy anh quá thông thạo về xứ sở này, người ta chuyển anh sang làm việc trong hồng nhĩ cơ quan tình báo của quân đội Pháp.

Về phương diện đàn bà, Hà Nội có biết bao cô gái đẹp, song không hiểu sao Bernard vẫn cứ tư tưởng tới cô Mận con ông chánh làng Bái. Phải chăng cái bận tiếp xúc với thân xác cô ở chân đồng rơm vẫn để lại trong anh một dư vị không thể nào quên. Đó là người đàn bà đầu tiên trong đời Bernard. Bảo rằng giữa hai con người ấy hoàn toàn chỉ là chuyện thân xác, điều ấy không đúng. Trong tâm hồn người đàn ông nào cũng có một mẫu hình nào đó về người đàn bà. Thường thường mẫu hình đó là mẹ chúng ta. Bởi vì ta sống với mẹ từ thuở lọt lòng. Mẹ bú mớm, ôm ấp ta. Sống bên mẹ ta được che chở, cảm thấy hoàn toàn yên tâm. Có thể người đàn ông phối kết với một người đàn bà thuộc mẫu hình khác. Cuộc kết đôi ấy chắc sẽ gây ra nhiều ảm ức, bất mãn, để rồi người đàn ông gặp người đàn bà thuộc mẫu hình từ thuở ấu thơ của mình, lúc đó bi kịch sẽ nổ ra. Bernard mồ côi cha từ nhỏ. Bà Thị Thu như con gà mái, suốt đời xòe cánh ấp ủ anh. Hơn nữa, thuở ấu thơ, anh chỉ sống với người An Nam, do đó hình ảnh bà Thu chắc chắn sẽ là mẫu hình về người đàn bà mà anh muốn tìm kiếm. Có thể anh khó nói ra lời, nhưng trong tiềm thức đó là một người đàn bà Việt, thắt đáy lưng ong, đầy sức sống, tháo vát, dịu dàng, và rất cương nghị. Cái vẻ đẹp quê mùa An Nam ấy, nếu nói ra, chắc sẽ bị chê cười vì nó có màu sắc da vàng quá. Mà những người con lai như anh, thì điều lý tưởng là phải gội rửa cho nhanh cái màu vàng ấy khỏi tâm hồn, phải thanh lọc cho nhanh cái

chất vàng ấy khỏi dòng máu. Vì thế cho nên Bernard cố giấu kín điều đó, cố đè nén ham thích đó. Tuy nhiên, điều ấy vẫn cảm rể trong vô thức anh, và chỉ gặp dịp là thức dậy. Người ta có thể gặp người đàn bà mơ ước ở những thời đoạn khác nhau trong cuộc đời. Ở Bernard, điều đặc biệt là anh đã gặp người đàn bà ấy ngay trong cuộc tình đầu tiên.

Bernard đã yêu cô Mận. Nếu như không có thay đổi thời thế, có thể họ sẽ thành vợ chồng. Cũng phải lẽ thôi, vì đứng về mặt gia thế, cô Mận là con ông chánh tổng. Môn đăng hộ đối đấy chứ.

Nhưng thời thế đã khác rồi. Cách mạng đã cuốn phăng mọi giá trị, quan niệm cũ. Và những giá trị mới lên ngôi. Một anh Vệ Quốc đoàn, lại là đại đội trưởng đến đóng quân ở làng Bái. Anh đại đội trưởng bị tình yêu sét đánh bỗng chết mê chết mệt cô Mận. Đổi đời rồi. Họ có diên mới dính líu và mơ tưởng mãi một cậu Tây lai. Còn là con gái không chồng, có rõ đại đâu mà tự choàng vào cổ cái thòng lọng, để cho cả làng cả xã gọi mình là kẻ lấy Tây. Cho nên, đến năm 1946, nhà cụ chánh tổ chức đám cưới đời sống mới rất linh đình cho cô Mận lấy anh đại đội trưởng Vệ Quốc đoàn.

Đến khi cuộc chiến tranh Pháp Việt nổ ra, khi quân Pháp tấn công tràn qua làng Bái, Bernard mới biết tin cô Mận đã lấy chồng. Điều này là một mối hận thứ hai trong lòng Bernard. Mối hận này càng bị đẩy lên khi Bernard biết người đại đội trưởng nợ lại chính là anh cán bộ gây gò hôm xưa đã gọi anh ra ủy ban để dạy dỗ. Nghĩ lại càng thêm căm. Hẳn bảo người Pháp cũng phải đầu hàng và nếu đầu hàng thì được làm người Việt Nam mới.

Khi quân Pháp mở rộng vùng chiếm đóng đến làng Bái, thấy các làng trong vùng đã lập tề hết cả rồi, chắc rằng nghĩ người Pháp đã vững chân ở đây rồi, nên hôm viên đại úy chỉ huy vùng về ủy lạo, ông lý Cầm đã đặt hương án ở đầu làng, rồi khăn xếp áo the chỉnh tề, dẫn các bô lão ra đón. Lý Cầm lại được phục chức lý trưởng. Người Pháp biết lý Cầm có chị gái lấy Tây, cháu lại là sĩ quan phòng nhì, nên rất tin cậy. Quan tinh, quan

huyện về nhà ông luôn. Kê ra, lý Cấm chưa phải là tay sai đắc lực và cũng chưa làm điều gian ác. Tuy nhiên lũ tay chân của lão lại rất hách dịch thích ra oai. Đội du kích thấy cần phải diệt tận gốc, cho nên một buổi tối về làng, định bắt hắn đem ra hậu phương. Hôm ấy, Thị Thu cũng về nhà em trai. Cả nhà lý Cấm phải quỳ xuống nghe bản cáo trạng. Bà Thu lạ như tể sao :

- Xin lạ các ông. Tha cho em trai tôi được sống.

- Bà là ai?

- Tôi là Thu, chị gái lý Cấm.

- A, con mụ me Tây.

- Vâng! Tôi lấy Tây, tôi có tội. Các ông giết tôi, tôi cũng chịu. Nhưng xin tha cho em tôi. Nó chẳng làm gì ác cả. Chẳng qua là bù nhìn. Tây người ta bắt làm lý trưởng. Không làm cũng không xong.

- Chúng tôi chỉ bắt lý Cấm ra vùng tự do. Sẽ có tòa án nhân dân xét xử.

Lý Cấm líu lười :

- Xin các ông du kích tha cho. Tôi làm lý trưởng, nhưng đâu có dám hại dân làng.

- Có đi không thì bảo? - Anh đội trưởng du kích trở nên cáu kỉnh.

Tình thế càng trở nên lúng túng khi cả nhà lý Cấm bỗng đồng thanh khóc như mưa như gió, van xin náo động. Thực ra đội du kích không chủ định giết lý Cấm. Tội lão ta chưa đáng Họ chỉ định bắt Cấm ra hậu phương ít ngày để giáo dục, đe nẹt, cảnh cáo làm gương cho bọn hào lý trong vùng. Nhưng khốn nỗi, ở gần nhà Cấm có cái bột hương dưng. Có thể lý Cấm định kéo dài tình hình, chờ bọn lính đồng đến giải cứu. Thấy dằng dai mãi

không có lợi. Anh chỉ huy lại là người nóng tính. Quát mấy lần Cẩm vẫn không nghe, anh ta nổi điên liền kéo tay Cẩm, lôi sênh sếch ra cửa. Lão ta bám lấy chân bàn làm cái bàn đổ kèn. Ấm chén, nước nô tung tóe khắp nhà. Đã thế, lão còn om sòm cầu cứu, kêu vang trời đất. Đội du kích được giao nhiệm vụ đánh nhanh rút gọn. Thấy dềnh dàng mãi cả đội sẽ bị nguy hiểm. Chẳng còn cách nào khác, anh đội trưởng bèn rút súng lục bắn một phát vào đầu lý Cẩm. Lý Cẩm chết tươi. Tất cả im re. Bắn xong, du kích còn đặt tờ cáo trạng lên mặt người chết rồi mới rút lui.

Bà Thu là người trọng gia tộc. Sở dĩ bà lặn lội buôn bán, rồi lấy ông Martinot cũng chỉ vì muốn cho gia đình thoát khỏi nghèo túng để vươn lên trong xã hội. Báo hiếu cha mẹ, gây dựng cho em trai, bà coi đó là nghĩa vụ thiêng liêng ở đời. Sau khi đẻ con, lại tiếp tục lo lắng gây dựng cho con, đó là nghĩa vụ to lớn. Làm xong những điều ấy thì nhắm mắt cũng yên tâm. Tuy nhiên, đối với Bernard bà thấy chẳng còn phải lo lắng. Nó là người Tây, chính phủ Pháp lo liệu cho nó còn tốt gấp trăm lần bà ấy chứ. Và lại nay nó là trung úy phòng nhì đầy uy quyền.

Do nặng tình gia tộc như vậy, nên bà coi cái chết của lý Cẩm là một đòn chí tử. Đã đành Cẩm có con trai, nhưng lo cho lũ cháu thì bà không còn sức, bà đã già rồi. Lý Cẩm chết, bà coi như mình đã không làm tròn chữ hiếu với cha mẹ. Bà đã không che chở được cho đứa em trai. Cái chết của người em làm bà Thu chuyển biến thành người sùng đạo Phật. Bà rất chăm đi chùa. Không đi được chùa xa, nhưng trong lòng Hà Nội thiếu gì chùa. Rồi sùng Phật đến mức lập bàn thờ Phật ngay trong nhà, và đêm ngày gõ mõ tụng kinh. Bernard nói với bà :

- Sao mẹ có thể tin được mấy ông sư răng đen, trọc đầu, dốt nát ấy?

- Con chớ ăn nói báng bổ như vậy. Chẳng qua là nghiệp chướng. Kiếp trước, mẹ đã làm nhiều tội ác. Cả cha con cũng vậy. Không chỉ có cậu, mẹ còn lo cả cho con. Na ơi! Mẹ chỉ ước ao giá con bỏ cái nghề nhà binh của

con lúc này đi. Ôi mẹ lo lắng lắm. Đêm ngày mẹ tụng kinh, chẳng qua là mẹ tụng cho con đấy thôi.

Bà Thu đụng đến người cha, đụng đến công việc của Bernard, tức là đụng đến điểm nhạy cảm nhất của anh. Niềm kiêu hãnh vì người cha, vì nòi giống vốn ngổ lì trong anh, nay thức giấc. Nó tỉnh dậy một cách đột ngột và mạnh mẽ đến mức không lý lẽ nào có thể làm nó nhụt đi. Gặp những hoàn cảnh éo le của chiến tranh, nó càng được củng cố và nuôi dưỡng để ương thành thù hận một cách phi lý. Bà Thu đêm ngày tụng kinh, và suy nghĩ rất nhiều. Suy nghĩ mãi thành bệnh. Ốm lơ ốm lửng được một năm thì chết.

Việc lý Cẩm chết nằm ngoài tầm tay của Bernard. Anh ta rất thương lý Cẩm, bởi vì ông là một ông cậu rất An Nam, rất trọng tình gia tộc hết như người chị, ông ta thật sự yêu thương Bernard. Thuở nhỏ, đã có lúc hẳn sống hàng năm trời với người cậu quê mùa, hiền lành ấy. Có thể vì bà Thu quá quý mến cậu em trai, cho nên cái tình cảm của người mẹ đã chuyển sang người con. Ông cậu chết đã đành một nhẽ. Tiếp theo bà Thu cũng lại chết. Bà Thu là người mẹ mà càng lớn lên Bernard càng hiểu rõ sự tận tụy cao quý của bà. Bà đã xả thân vì bố mẹ, vì em, vì con cháu. Bà Thu chết, Bernard nghĩ dù bà không chết trực tiếp vì tay Việt Minh, nhưng Việt Minh phải chịu trách nhiệm gián tiếp. Bởi vì không có cái chết của ông lý Cẩm, thì bà Thu không héo hon đi như thế. Cái chết của người cậu và người mẹ trở thành cái hận thứ ba trong lòng viên trung úy phòng nhì.

Sự oán giận được nghiền ngẫm mãi đã trở thành sự thù hận càng lúc càng sâu sắc. Sự thù hận có tính lây lan. Đạo Phật, mà bà Thu cuối đời sùng bái, tuy không bị Bernard xếp vào nguyên nhân chính, nhưng cũng bị cho rằng nó làm đầu óc bà Thu mê muội tối tăm. Vì nó nên bà tụng kinh quên cả thuốc thang. Nghĩ vậy nên Bernard ác cảm lây cả sang đạo Phật. Sự thù hận làm con người thiếu sáng suốt. Sự thù hận của Bernard cứ như vậy tăng lên từng bước. Nó như những lớp sóng xô đẩy, lớp sau đè lên lớp trước hay

nói cho đúng, lớp nọ đẩy lớp kia dâng lên càng ngày càng cao. Hơn nữa, lại còn cái cộng đồng nơi anh làm việc nữa chứ. Phòng tình báo là chốn mà mưu mô xảo quyệt được tôn vinh thành thông minh sáng láng, mà sự tàn bạo đến quỷ khóc thần sầu được tôn vinh là đức hạnh, là thước đo lý tưởng trung thành. Ở đây, thương xót là trò ngớ ngẩn đàn bà, đức từ bi được đánh giá là trò ngu xuẩn. Cái gì cũng được cho phép, miễn là kẻ thù bị tiêu diệt. Cái hung bạo vốn sẵn có trong con người không hề bị kiềm chế. Ở người lương thiện bình thường, nó bị xiềng xích bị giam giữ. Nhưng ở đây, xiềng xích đã tháo tung, nó tha hồ bay lượn tung hoành. Như đã nói, Bernard là người thích ứng giỏi, là người thông minh. Cho nên chẳng cần phải dạy dỗ, chỉ thoáng nhìn, hắn đã hiểu ngay mình cần phải làm gì. Bạo lực ở đây gắn với quyền lực. Nó có tiếng gọi, sức hấp dẫn mê hồn. Bạo lực sẽ gặp phản bạo lực. Chúng là đối thủ song cũng là đối tác trong cái vũ điệu ma quái không gì kiềm chế nổi. Hai bên sẽ say máu như những kẻ lên đồng. Bên nọ đẩy bên kia lên. Người nào rơi vào cơn lốc xoáy của nó sẽ trở nên mê muội cực đoan. Không biết chừng trở thành đao phủ khát máu lúc nào chẳng hay. Ở cấp độ này, trí thông minh cộng với sự tàn bạo sẽ thành lý thuyết để biện minh cho hành động của mình. Hai bàn tay sạch của kẻ văn minh bao giờ chả hấp dẫn. Trên thế gian này, kẻ đao phủ nào cũng hô hoán lên: "Hai bàn tay tôi rất sạch".

Bernard cũng không thoát khỏi tình trạng này. Hắn thường tự nhủ mình: "Đáng lẽ ra tôi là người bình thường đấy chứ. Nhưng ai đã phản bội tôi. Ai đã giết cậu tôi, đẩy mẹ tôi đến chỗ chết. Ai đã cư xử với tôi như một kẻ hạ đẳng. Mà ai hạ đẳng kia chứ? Người Việt hay người Pháp. Cha ông tôi đã chẳng giương ngọn đèn sáng lên cao cho cả nhân loại soi chung đó sao. Chẳng qua các người vô ơn. Nhân loại tránh sao được chuyện có dân tộc sáng láng hơn, còn dân tộc khác tối tăm hơn. Chúng tôi là dân tộc thượng đẳng, còn các người hạ đẳng. Chuyện ấy lẽ tự nhiên. Chống lại chúng tôi, các người sẽ mãi mãi rơi vào tăm tối. Còn theo chúng tôi, các người sẽ nhìn thấy ánh sáng".

Hùng hồn thế đấy! Hợp lý thế đấy! Những lý lẽ làm hẩn yên tâm, cảm thấy được một chính nghĩa hỗ trợ, bảo vệ. Và hẩn nhúng tay vào máu một cách điềm nhiên. Tuy vậy máu mà vẫn thấy bàn tay sạch một cách tinh tươm.

Hẩn ta là một tiểu trí thức. Người ta bảo khi một tiểu trí thức đã tin vào một điều gì, và khi điều ấy đã được lý trí bảo đảm, thì hẩn rất dễ cực đoan cuồng tín. Bernard rơi vào trường hợp ấy. Ông Jules, chiến hữu của cha hẩn, đã mất bao công sức để thuyết giảng, bảo hẩn phải tẩy rửa cái chất da vàng còn chảy lẫn trong dòng máu của hẩn, song hẩn có chịu nghe đâu. Còn bây giờ, hẩn đã trải nghiệm, hẩn có lý lẽ, hẩn mới chột “đốn ngộ” ra cái màu trắng cao quý của mình. Ngộ ra không cần thuyết giáo. Hẩn bỗng cảm thấy xấu hổ vì cái màu vàng luôn nằm trong từng tế bào của hẩn. Có lẽ cái mặc cảm bị nhuộm vàng ấy và cái mong ước được tẩy rửa nó đi quá mạnh mẽ nên hẩn trở thành một con người lạnh lùng khét tiếng. Hẩn không đánh giá cao cái nửa phần An Nam trong hẩn, nhưng ngược lại, cấp trên của hẩn đánh giá rất cao điều ấy. Thực ra, trong công việc phòng nhì ở xứ này, điều ấy là một ưu điểm khó kiếm. Nhờ nó mà hẩn thành công dễ dàng. Chẳng thế mới chỉ vài năm hẩn đã leo lên đến trung úy.

Bất kỳ đến địa phương nào, hẩn cũng nhanh chóng tập hợp ngay được một lũ lâu la. Bọn đầu trâu mặt ngựa chỉ nghĩ thấy hẩn, chỉ trông thấy hẩn là lập tức bâu lại ngay. Có gì đâu, thuở nhỏ hẩn đã thường xuyên đi lại với bọn anh chị Hà Nội. Nói rất sôi tiếng Việt, lại sôi đến nước rành rẽ cả những tiếng đầu đường xó chợ; rồi cách đối xử rất khí phách anh hùng nghĩa hiệp, rồi nốc rượu như hũ chìm, sẵn lòng thử tài vài chiêu quyền cước, rồi rất hào phóng sẵn sàng chia sẻ với đàn em; tất cả những điều ấy giúp hẩn thu hút được những tay anh chị, tạo lập được một mạng lưới tay chân, những điệp viên được dung túng, được ưu đãi, tự nguyện trung thành và rất tàn bạo.

Bernard ngày nào cũng bia rượu, cũng cơm gà cá gỏi, nên chẳng mấy chốc, người hăn to ra. Dân xung quanh nơi đóng quân, trông thấy hăn là sợ nem nép, sợ đến xanh mặt. Người ta gọi hăn là Tây lùn. Thực ra, hăn có lùn đâu.

Tây lùn rất yêu trẻ con, thường ra phố huyện thấy trẻ con là cho kẹo. Nhưng rồi một hôm, người phố huyện thấy Tây lùn dân ba người bị trói giật cánh khuỷu đem ra bãi chợ. Người ta nói đó là ba cán bộ Việt Minh. Dân phố bị lừa ra xem. Không chỉ là cuộc xử tử. Họ bị trói vào cọc. Một tiểu đội lính tập bắn, mỗi người lính ba viên đạn. Ba anh cán bộ bị bắn nát lồng ngực. Có anh bị đạn trúng mặt, văng cả quai hàm. Máu bắn tung tóe. Óc vãi ra tung tóe. Một lính ba-ti-dăng sợ quá, bắn văng đạn lên trời. Anh lính bị phạt phải chạy quanh bãi tập vòng; rồi lại phải một mình tập bắn tiếp cho đến khi trúng mới thôi. Sau bận ấy, trẻ con phố huyện sợ mất mặt, hễ thấy Tây Bernard xuất hiện là chạy bán sống bán chết. Chúng đi trốn không dám xin kẹo nữa.

Tại sao Bernard lại hung tợn như thế? Người ta giải thích rằng: Khi một người lính đi xâm chiếm phối kết với một người đàn bà thuộc địa, thì đứa con sinh ra sẽ là một bãi chiến trường cho cuộc chiến tranh chấp giữa dòng máu nội và dòng máu ngoại. Nếu phía người mẹ thắng, người con sẽ đứng về phía ngoại. Nhiều người lai đã trở thành những chiến sĩ chống thực dân kiên quyết nhất. Nếu phía người cha giành giật được, đứa con sẽ trở thành kẻ chống đối lại bầu sữa đã nuôi nấng nó một cách điên cuồng. Hăn cố phủ nhận người mẹ. Và để lấy lòng người cha, hăn sẽ không từ một thủ đoạn nào. Hăn ghê tởm dòng máu người mẹ mà hăn mang trong huyết quản. Hăn cực kỳ nguy hiểm, bởi vì hăn từ lòng mẹ chui ra, hăn đã thuộc lòng tất cả những gì thuộc về người mẹ. Bernard thuộc về trường hợp này. Phải nói rằng, có lúc hăn đã ngả về phía người mẹ. Nhưng rồi hoàn cảnh chiến tranh đưa đẩy, hăn đã chối từ phía mẹ và đi về phía người cha. Chối từ bằng những lý lẽ biện minh đàng hoàng.

Khi về P.C. Huyện phụ trách phòng nhì, hẳn gặp đại úy chỉ huy Thalán. Bernard cười thầm trong bụng cho rằng đó là một con người viễn vông, thiếu thực tế. Phải nói trong thâm tâm, hẳn còn có chút ghen tị, đố kỵ. Đó là một người Pháp thuần túy. Ở ông ta toát ra những nét quý phái, ngây thơ, lý tưởng... những nét mà hẳn có học hàng chục năm cũng không có được, hay nói cho đúng hơn, hẳn thèm khát những điều đó, nhưng những điều đó lại từ trong máu toát ra, mà máu hẳn lại là máu của kẻ tạp chủng.

Hôm hai người về làng Sọ để khảo sát lập bốt tại đây, lý trưởng dẫn Bernard và Thalán ra chùa. Bernard rất tỉ mỉ, trung úy quan sát kỹ từng người. Bernard nhận xét: Sư cụ thì lạnh lùng có vẻ không thích người Pháp; sư bác Độ thì đôi mắt sắc sảo đáng ngờ; bà vải Thầm, cô Nguyệt và chú tiểu An thì là lũ dân mê tín, ngu muội.

Đại úy Thalán nghe lời nhận xét, liền chau mày tỏ ý không bằng lòng. Ông cho rằng con người có đức tin tôn giáo là những người lương thiện, đáng quý. Người Pháp muốn đứng vững trên mảnh đất này, thì phải biết trân trọng ngôi chùa.

Bernard không trả lời Thalán. Viên trung úy lẳng lẳng một mình đi quan sát ngôi chùa. Ra vườn chùa xem ao bèo, vào thượng điện ngắm nghía các pho tượng Phật, ra sân trước ngắm tam quan. Ông ta đi đâu, con chó vàng cũng lừ lừ đứng đĩnh theo chân đến đó. Đang đứng giữa sân chùa, ông đột ngột quay mặt lại, rồi rút súng bắn chỉ thiên một phát. Con vàng hết hồn chạy vút ra vườn sau. Chạy bán sống bán chết, kêu ăng ăng thảm thiết mặc dù nó không hề bị thương.

Hình như Bernard có ác cảm với ngôi chùa. Tại sao vậy?

Người ta bảo rằng người được nhận ơn thường hay ghét người ban ơn.

Mẹ của Bernard - bà Thu, nhận của tam bảo một đồng bạc mà làm nên cơ đồ. Nay Bernard muốn chối bỏ món nợ ấy.

Chú thích:

[1] Acxìđăng (Aspirant): chuẩn úy.

[2] Anhtăngđăng (intendante): hậu cần.

ĐỘI GẠO LÊN CHÙA

Nguyễn Xuân Khánh

www.dtv-ebook.com

Chương IV

Khi nhớ lại những điều này, là lúc tôi đã lớn tuổi. Tôi đã trải qua nhiều cảnh đời, đã được đọc sách, và từng được nhiều bậc thiện trí thức chỉ bảo. Tuy nhiên những bài học đầu tiên của tôi về đạo Phật, do thầy tôi, hòa thượng Thích Vô Úy dạy bảo, thì không bao giờ tôi quên được.

Hòa thượng bảo tôi có duyên với đạo, cho nên người đích thân chỉ bảo cho tôi từng li từng tí. Đầu tiên người nói :

- Người tu thiền không phải chỉ ngồi tư thế hoa sen, rồi hít thở theo đúng quy cách đã là tu thiền. Con nên hiểu mọi lời nói, hành vi, cử chỉ... tất cả đều là thiền hết. Thiền là một nếp sống đạo hạnh. Từ sớm mai cho đến tối mịt, lúc nào cũng là thiền.

Tôi ngỡ ngác :

- Vậy lúc ta ăn uống... thì sao?

- Ăn cũng thiền, đi cũng thiền, cả ngủ cũng thiền - Dừng một lát để quan sát sự chú ý của tôi rồi sư cụ mới tiếp - Con ạ, kinh pháp có nói rằng: “Chúng ta được sinh ra ở cõi người. Đó là điều hi hữu” sống ở đời đã là điều hiếm có, vậy thì ta phải sống làm sao cho xứng đáng. Đừng phí hoài. Sáng dậy, ta được nghe chim hót, được hưởng luồng gió mát trong lành, ta phải biết trang nghiêm nhủ thầm trong dạ: “Tôi rất sung sướng được sinh ra ở cõi nhân gian này”. Cho nên ăn miếng cơm ta cũng cần niệm hồng danh đức Phật, rồi cảm ơn những nhà nông đã một nắng hai sương vất vả làm ra hạt gạo. Sau đó ta từ tốn nhai thật kỹ miếng cơm cho đến lúc cảm nhận được vị ngọt của nó. Ăn như thế tức là ăn thiền. Đi cũng vậy. Phải đi đứng

từ tốn khoan thai, đi theo chiều kim đồng hồ, đi theo lẽ phải, đi theo chính đạo. Nói cũng vậy, nghĩ cũng vậy, làm cũng vậy. Tất cả đều thuận theo chính đạo. Lúc nào cũng trang nghiêm và cung kính.

Tôi nghĩ rất lâu rồi nói :

- Thừa thầy, như vậy thật khó. Từ sáng cho đến tối mịt lúc nào cũng phải tu hành...

- Lúc đầu thì khó thật đấy. Nhưng về sau thành nếp lại thấy tự nhiên, dễ dàng. Con nên biết, chỉ riêng việc thường nhật ấy thôi, có người tu cả đời không xong. Có nhiều người nói về đạo Phật thao thao bất tuyệt, rất hay nhưng lại không hành thiền nổi như vậy. Có người chẳng được học nhiều kinh sách, nhưng đã tu tập thực sự, nên thiền quả rất to lớn, không kể xiết được.

Đó là bài học thứ nhất về nếp sống mà thầy đã dạy. Bài học thứ hai nói về chữ Tâm. Tôi thấy nhiều người ai ai cũng nói đến chữ Tâm. Cha tôi, lúc sống cũng dạy tôi phải tu tâm dưỡng tính. Mẹ tôi thì thuộc lòng câu Kiều: “Chữ Tâm kia mới bằng ba chữ Tài”. Tôi tò mò hỏi những người lớn khác. Song tôi chỉ nhận được những câu trả lời lơ mờ, không rõ ràng.

Vào chùa, tôi được thầy tôi giảng theo cách của thầy :

- Tất cả mọi người đều có Phật tính, mặc dù vẫn mang trong mình cái “tham, sân, si”. Vậy nên, con người có thể hướng tới cái cao thượng. Không rèn luyện để hướng tới cao thượng không phải là người. Cái cao thượng đó là cái tâm của Phật. Đó là tâm từ, tâm bi, tâm hỉ, tâm xả. Tâm từ thương yêu tất cả chúng sinh. Tâm bi thương xót những người đang gặp đau khổ. Tâm hỉ cùng vui với những người đang có điều vui, điều thành công. Người đạt đạo xa lạ với lòng ghen ghét ganh tị. Tâm xả không dính chấp tới những được thua ở đời. Khen cũng không vui, chê cũng chẳng buồn. Dù cay đắng hay ngọt bùi, dù sạch dù nhơ đều vẫn thản nhiên. Đạt

được bốn cái tâm cao thượng ấy, ta đã tiến được khá xa trên con đường tu tập.

Đó là những điều, mà sau này tôi tóm lược lại để dễ học. Chứ thực ra, thầy tôi dạy bảo những điều đó cho tôi theo cách mưa dầm thấm sâu. Người dạy bảo, uốn nắn tôi từng chút từng chút một. Có khi là chỉnh đốn một lời nói một cử chỉ, có khi là sự nhắc lại, có khi lại bằng những hành động mô phạm đức hạnh của thầy hàng ngày, có khi bằng kể một câu chuyện xưa kỳ diệu mà suốt đời tôi chẳng quên.

Tôi cứ nhớ mãi câu chuyện đức Thế Tôn bước đầu hành đạo. Tôi cũng như mọi người, cứ quen với ý nghĩ rằng, người trên đời này ai ai cũng cung kính tôn vinh sùng bái đức Thích Ca Mâu Ni. Hóa ra không phải như vậy: Lúc sinh thời, đức Phật tổ có nhiều đệ tử cung kính tôn sùng người. Tuy nhiên đức Thế Tôn cũng gặp không ít những người phi báng công kích, nhiều người vu oan giá họa để bêu xấu, làm giảm giá trị, nhằm thỏa mãn lòng hận thù, lòng ganh tị. Thậm chí có kẻ ám sát hại người. Có một kẻ đã hận thù người đến mức tìm một con voi cho nó uống nước mía pha với rượu. Nước ngọt và rượu con voi uống không biết chán đến nỗi voi say trở nên điên rồ. Thời 2.500 năm trước, Ấn Độ rất nhiều voi, những con voi to khổng lồ, ngà dài sắc nhọn, nó chỉ cần giẫm khế bàn chân là con người bẹp gí. Thấy đức Thích Ca ngồi dưới tàn cây, kẻ kia thả voi ra. Con voi tên là Nalagiri lúc đó trở nên vô cùng dữ tợn. Voi say tung vòi, kêu váng trời, sầm sầm chạy tới. Đức Anandà thấy vậy, định hy sinh thân mình, chặn lối, mặc cho voi giẫm đạp để cứu đức Thế Tôn. Nhưng Phật tổ gạt đi, người bình tĩnh ngồi thiền, rải tâm từ ra chung quanh. Voi say được tâm từ của người cảm hóa ngay lập tức. Đến trước mặt người, nó không còn hung dữ nữa. Nó bỗng nhiên tỉnh lại, quỳ sụp trước mặt người như đánh lễ.

Ôi! Thật kỳ lạ! Tâm từ có năng lực cảm hóa phi thường đến thế sao! Rải tâm từ. Chử rải thật hay. Phật giáo có câu “Thiên nữ tán hoa”. Tôi tưởng tượng ra Phật tổ niệm những câu thần chú và những cô tiên xinh đẹp

hiện ra trên bầu trời rải hoa xuống trần gian, những cánh hoa rơi lả tả... và tâm hồn con người cùng vạn vật bỗng trở nên hiền hòa - cuộc đời hết hung bạo.

Đó, tôi nhớ chữ tâm từ là như vậy.

Thực ra, tôi là đứa trẻ từ nhỏ được nuôi nấng trong một môi trường hoang dã. Thầy u tôi mãi đi làm nên mặc tôi lớn lên như cây cỏ. Lên bảy tuổi tôi đã biết cầm cái thừng dắt trâu đi chăn. Chỉ buổi tối tôi mới được cắp sách ra điểm học lớp bình dân. May mắn tôi được cái sáng dạ, học đâu biết đấy nên đọc sách vanh vách và làm toán rất nhanh. Thích học, nhưng có lẽ tôi thích chăn trâu hơn. Bởi vì đời sống mục đồng có bao nhiêu trò hấp dẫn. Nào be bờ tát vũng, nào trộm khoai trộm ngô, nào nướng cá nướng cua... Bởi vậy nên khi vào chùa, được sư cụ giảng dạy tôi cũng thấy hay, nhưng lắm lúc tôi cảm thấy như bị cầm tù, cuồng chân cuồng tay. Sư Vô Úy bảo tôi có duyên với chùa chắc vì tôi hiền lành và sáng dạ. Sư cụ bắt tôi học chữ nho. Sư bảo :

- Sách nhà Phật chứa tòa ngang dãy dọc không hết. Thế mà dịch sang chữ quốc ngữ mới chỉ lèo tèo vài cuốn. Vì vậy phải học chữ nho. Nghĩa lý kinh Phật không biết đến đâu mà lường. Tu là hành theo Phật nhưng tu cũng là đọc. Phật bảo vô ngôn, nhưng trước khi đến chỗ vô ngôn ta phải đọc trước đã.

Hòa thượng là người nhìn xa trông rộng. Người bảo :

- Mỗi thời mỗi khác. Phải biết tùy duyên. Đạo Phật đang sống ở thời mới, nên người tu hành cũng phải hiểu cái thời mới nó như thế nào.

Với lý lẽ ấy, thầy chia thời gian làm hai, buổi chiều tôi học kinh kệ và chữ nho với thầy, còn buổi sáng tôi phải đi học ở trường làng cùng với trẻ em ngoài chùa.

Thầy tôi rất tiết kiệm. Thầy có một cái hòm to. Những bộ quần áo nâu cũ rách không biết tự đời nào, thầy cho giặt sạch sẽ, phơi nắng khô khăn, thơm tho rồi gập cẩn thận xếp vào hòm ấy. Lúc này, thầy mới lấy ra vài bộ, bắt chị tôi giặt giữ lại sạch sẽ, rồi lựa những chỗ còn tương đối dùng được, cắt ra may cho tôi hai bộ quần áo nhà chùa. Chiếc quần nâu ngắn đến ống chân, chiếc áo dài nâu, cài khuy bên sườn chưa quá đầu gối. Chị Nguyệt rất khéo tay. Đường kim mũi chỉ vừa êm vừa tằm tắp nuốt nà. Tôi mặc vào vừa in, trông tôi khác hẳn xưa Rõ ràng là chú tiểu nhà chùa nghiêm trang nèn nã.

Hòa thượng không sai sư bác Khoan Độ mà sai chị Nguyệt dẫn tôi đến trường. Ngôi trường làng nhỏ thôi. Chỉ có hai gian nhà gạch do bà lý, một bà nhà giàu không con cái tặng làng làm nơi học tập cho trẻ nhỏ. Hương sư là thầy giáo Hải. Thầy Hải trạc hai tư hai năm, dáng người gầy gò, mặc áo the thâm quần dài trắng. Mặt thầy sáng sủa, tiếng nói nhẹ nhàng.

Chị Nguyệt dắt tay tôi dẫn vào lớp. Thầy Hải đang cúi xuống chỉ dẫn một học trò, nghe tiếng lũ trẻ xì xào, ngẩng đầu lên, thấy mặt chị Nguyệt, chột như bối rối lúng túng. Còn chị Nguyệt, trông thấy đôi mắt sáng của thầy, mặt bỗng ửng hồng. Giọng chị nhỏ hơn thường ngày, nhưng vẫn rõ ràng :

- Thưa thầy giáo, em đến xin học cho em An.
- An là em cô?
- Thưa vâng.
- À,... mà cô ở xóm nào nhỉ?
- Dạ... dạ... em ở chùa làng.
- Thế ư... vâng... tôi hiểu rồi. Sư cụ cũng đã có lời với tôi.

- Dạ, sư cụ sáng nay đi hóa duyên ở làng bên, đến tối mới về. Đáng lẽ cụ đưa em An đến trường mới phải. Sư cụ dặn dò em xin thầy thứ lỗi cho.

- Không sao đâu... Thế này nhé... Trường có bốn lớp: Một, Hai, Ba, Bốn. Một, Hai học buổi chiều, Ba, Bốn học buổi sáng...

Thầy Hải rất niềm nở với chị em tôi. Sau câu chuyện thầy còn tiễn chị Nguyệt ra tận gốc bàng ở cổng trường mới quay trở vào. Chị tôi có duyên thế đấy. Đi đến đâu cũng được người giúp đỡ.

Chị tôi thật xinh đẹp. Thuở bé tí, tôi chưa biết điều đó Nhưng một, hai năm lại đây tôi chợt nhận ra điều đó. Nhận ra vì bỗng nhiên đám con trai trong làng bám lấy tôi để chiều chuộng, thậm chí để nịnh nọt. Bởi vì thầy u tôi rất nghiêm, hầu như luôn luôn kèm bên chị. Tối đến thầy u tôi cấm chị không cho đi đàn đúm. Còn tôi lại được phép sống hoang dã, đi đâu ; thì đi. Lẽ dĩ nhiên, họ phải bám lấy tôi, hòng thông qua tôi đến được với chị.

Chắc hẳn chị tôi có gương mặt dễ coi, có một thân hình nảy nở duyên dáng. Nhưng cánh con trai cho rằng chị Nguyệt đẹp nhất ở mái tóc và nước da. Nước da như ngà, mớ tóc đen nháy óng ả chảy xuống kheo chân. Mớ tóc càng duyên hơn vì chiếc khăn vấn. Không phải màu đen, cũng không phải màu nâu già, chiếc khăn màu nâu non. Chị tôi phải khéo léo nhuộm bằng nước củ nâu già nhỏ cùng với một số vỏ cây. Cuối cùng mảnh vải trắng biến thành như màu son mà không phải là son, như màu nâu mà không phải là nâu, nó không gắt mà dịu dịu ấm áp. Chiếc khăn cuộn quanh mớ tóc, chít tròn vành vạnh trên đầu, khiến gương mặt chị tôi sáng bừng lên và để lộ ra cái cổ kiêu ngà ngọc, cùng với vài sợi tóc mây lòa xòa sau gáy.

Thầy Hải cũng không nằm ngoài quy luật. Thầy tôi từ cổng trường quay về lớp. Đôi mắt như sáng lên, và một nụ cười còn đang trên môi. Thầy dắt tôi đến cái bàn có một cô con gái trạc tuổi tôi đã ngồi và bảo :

- Em đã biết làm toán đố. Thầy xếp em vào lớp ba. Có gì chưa biết thì hỏi bạn Huệ. Huệ nó ngoan lắm, Huệ sẽ giúp em.

Như tôi đã nói, trường có hai buồng. Đáng lẽ mỗi lớp một buồng. Nhưng cả làng chỉ có sáu đứa lớp Ba và bốn đứa lớp Bốn nên thầy gộp hai lớp làm một. Lớp Ba ở dãy bàn bên trái lớp Bốn dãy bên phải. Cũng như vậy, khi lớp Bốn làm luận thì thầy đọc chính tả cho lớp Ba v.v... Thầy rất chú ý đến tôi. Có lúc thầy giảng riêng cho tôi những bài mà tôi chưa được học để theo kịp các bạn lớp Ba. Cái Huệ ngồi cạnh tôi tùm tùm :

- Chưa có bạn nào được thầy dạy riêng như anh.

Tôi hiểu cái nụ cười tùm tùm của nó quá đi chứ. Phải nói thầy Hải xếp tôi vào lớp Ba là có phần chiếu cố. Tôi chỉ được học lớp bổ túc bình dân nên còn bập bõm lắm. Tuy thầy giáo giao tôi cho Huệ giúp đỡ, nhưng khi thấy tôi và Huệ luôn đi bên nhau, cả lớp Ba và lớp Bốn đều chế giễu. Thậm chí có đứa còn sừng cồ, nhất là thằng Căn anh ruột cái Huệ. Nó quắc mắt đe tôi :

- Sao mà cứ như cái đuôi của em tao thế. Liệu không tao dần cho nừ xương.

Thằng Căn học lớp Bốn, đã mười lăm tuổi, nó to lớn ngộc nghếch như con gà chọi. Tính khí thất thường, lúc nó hiền như cục đất, lúc nó giận dữ, quát tháo, bậm trợn, mắt quắc tròn xoe. Cả lớp ai ai cũng sợ nó. Căn đi câu, đi tát cả ngày. Có lúc tôi theo Huệ về nhà nó. Không thấy bố nó đâu. Chỉ thấy mẹ Huệ; bà hiền từ ít nói, có con mắt rất đẹp hơi xếch lúng la lúng liếng. Huệ có con mắt giống hệt như mẹ. Một hôm, thấy mâm cơm nhà Huệ chỉ có bát rau muống và tương tôi bảo :

- Mùa này mùa hè, sao Huệ không đi bắt ve lột xác. Ve lột đem rang ròn và thơm lắm.

- Anh An đi tu mà cũng bắt ve ư?

- Không, ấy là chuyện năm ngoái lúc anh còn ở nhà.

Ở quê tôi có nhiều ve lắm. Vào hè hàng vạn con ve trên cây kêu vang trời suốt ngày. Lũ mục đồng chúng tôi thường đi bắt ve lột xác. Vào lúc trăng bắt đầu nhú, chúng tôi đập giập nửa làm đuốc, rồi đi soi ở khoảng đầu đêm, những con đế, tức là những con ve con được sinh ra từ hè năm trước từ dưới đất chui lên, bò lên các cành cây ngang thắt lưng người, để bắt đầu lột xác hóa sinh từ kiếp đế sang kiếp ve. Thật lạ lùng! Con đế nứt vỏ lưng ra rồi cong người lột vỏ. Con đế màu nâu, nhưng con ve mới lột lại màu xanh nhạt. Chờ vài tiếng cho khô người và cứng cáp, ve non mới bò lên ngọn cây và hoàn tất một cuộc đời suốt ngày kêu ra rả. Ve già chẳng ai ăn, nhưng ve non mới lột ngon tuyệt vời. Nó rất sạch sẽ. Rang lên ăn vừa béo, vừa bùi, thơm ngon chưa từng thấy.

Nghe tôi kể, Huệ cười :

- Mới nghe anh nói em đã thèm. Hay là tối mai anh trốn chùa đi bắt ve với em nhé. Em biết ở vườn chùa chỗ gần ao có cái trổ, chúng em vẫn chui qua đấy vào ăn cặp ối của tam bảo.

Tôi lắc đầu :

- Đấy là chuyện ngày xưa. Còn bây giờ anh không dám đâu. Đã vào chùa ai lại dám làm chuyện sát sinh.

Huệ tinh quái :

- Anh kể cho em nghe cách bắt ve cũng là mắc tội sát sinh rồi.

Lúc ấy tôi hãy còn thơ dại, lại mới chân ướt chân ráo vào chùa tôi đã hiểu gì đâu, nhưng tôi cũng không ngờ chuyện bắt ve lại gây cho tôi bao phiền phức. Hay cái nghiệp của tôi là vậy Tôi là kẻ sống giữa đời mà lại vào chùa. Như sau này tôi mới biết, tôi bị giăng xé giữa đời và đạo. Mà chẳng cứ lúc ấy, suốt đời tôi cứ bị giăng xé như vậy.

Mấy hôm sau, Huệ nói với tôi.

- Tối qua, em đã đi bắt ve lột xác rồi. Quả là như anh nói, ve rang lên ngon tuyệt.

Hôm sau nữa, lúc tan học, Căn sừng sộ gọi tôi lại tra hỏi :

- Ê thằng sư hổ mang, mấy hôm trước mày đến nhà tao phải không?

- Vâng, nhưng em có làm gì đâu.

- Lại còn cãi. Mày dạy cho cái Huệ nhà tao soi đuốc bắt ve phải không?

Căn vừa nói vừa giơ cái ống bơ sữa bò đựng đầy những con ve màu xanh xanh :

- Mày còn chối hả? Tao đã bắt quả tang. Từ rày, tao cấm thằng thầy chùa bén mảng đến nhà tao để dụ dỗ con Huệ.

- Em đâu có dụ dỗ.

- Hôm nay không, thì ngày mai mày dụ dỗ. Trông cái mặt mày là tao biết. Từ rày tao cấm tiệt. Nhà tao không muốn dây dưa với mày. Còn bây giờ tao phải cảnh cáo cho mày nhớ đời.

Nói xong, Căn hô to, gọi lũ bạn nghịch ngợm :

- Thằng Trăm đâu. Mày giữ chặt đầu nó cho tao. Còn lũ kia giữ chân.

Trăm là đứa lộc ngọc nhất. Nó là con chị Thì, cháu ngoại bà vãi Thầm. Nhà nó quá nghèo nên nó không học ở trường làng, chỉ đi học bình dân buổi tối. Thằng này có khi còn khỏe hơn thằng Căn. Nó ôm lấy tôi, đè nghiêng xuống đất. Hai bàn tay nó như hai cái kìm sắt, ghì chặt đầu tôi trên mặt đất. Thằng Căn xông tới, cầm những con ve sống cánh còn xập xòe run

rầy nhét vào mồm tôi. Tôi mím chặt môi không ăn. Căn vành mồm tôi ra, tọng những con vật run rẩy ấy vào họng tôi. Tôi nghệt thở. Nước mắt chảy giàn giụa vì uất ức. Mồm nhõ phì phì cái thứ nước tanh tươi xanh lè ấy. Nước bọt bắn vào mặt thẳng Căn. Thẳng Căn trở nên cái kính. Nó giơ nắm tay đấm vào mồm tôi. Máu chảy tóe loe. Thế là, tôi bỗng như kẻ rồ dại. Tôi dùng hết sức cắn vào bàn tay Căn. Tôi vùng vẫy đấm đập, cố thoát ra khỏi hai bàn tay gọng kìm của Trầm. Còn Căn thì hét lên vì bàn tay bị thương.

Trong khi ấy, lũ lâu la của Căn nhảy cẫng lên vui thích. Có đứa nào đó đang hét to:

Ba cô đội gạo lên chùa

Một cô yếm thăm bỏ bùa cho sư.

Không hiểu sao, khi nghe câu hát ấy, thẳng Căn càng điên rồ hơn. Nó thôi đấm, chuyển sang bóp cổ tôi ằng ặc. Tôi ngạt thở, thè lè lưỡi ra rồi ngáp ngáp. Lúc đó nó mới chịu buông tha. Tôi ho sù sụ, rớt dãi ròng ròng. Tôi rất ngạc nhiên, khi thấy Căn quay lưng lại tôi, rồi cầm đất, cầm gạch ném tứ tung vào bọn quỷ sứ đang gôn cổ lên hát.

- Mẹ chúng mày! Cút hết cả đi!

Trông Căn như con thú điên rồ. Còn lũ kia thì cầm đầu cầm cổ mà chạy. Thế này là thế nào. Tôi hoang mang tự hỏi, rồi lui thủi quay về chùa. Quần áo tơ tã. Vừa đi vừa khóc. Nước mắt và máu mồm máu mũi nhoe nhoét trên mặt. Chị Nguyệt mang tôi ra giếng rửa ráy cho tôi, rồi nhẹ nhàng hỏi :

- Em đi ở chùa phải ngoan chứ, sao lại đi đánh nhau? Nhỡ ra sư cụ biết, đuổi chị em mình khỏi chùa thì chúng mình biết bầu vú vào đâu.

Chị Nguyệt sợ hãi vá vúi lại chiếc áo nâu bị rách vạt xõa ra, chị còn giấu biệt không cho sư cụ và sư Khoan Độ biết. Giấu thế thôi chứ làm sao

qua được đôi mắt xếch của sư bác. Từ hôm sốt, tôi vẫn ngủ với ông sư kỳ dị và bí ẩn này. Ngay buổi tối hôm ấy, ông hỏi tôi :

- Chú vừa đánh nhau một trận sáng nay?

Trong khi tôi còn ấp úng chưa biết trả lời ra sao, thì ông cất lời bằng cái giọng an ủi :

- Không sao cả. Ở ngoài đời, người ta thường xuyên cấu xé nhau. Kẻ mạnh ăn hiếp kẻ yếu.

Ông giơ bàn tay trái ra cho tôi xem. Tôi đã nhận ra điều kỳ lạ của bàn tay ấy khi mới đến chùa, song không bao giờ dám hỏi ông. Bàn tay ấy trông như bé hơn bàn tay phải, bởi vì ngón tay út bị cụt lùn đến tận sát gốc nơi lòng bàn tay. Nó để lại một vết sẹo nhẵn thín, ông cho tôi xem, không nói rõ nguyên nhân tại sao, mà chỉ nói :

- Tôi đã nguyện theo gương các vị hộ pháp bảo vệ cho ngôi chùa này. Tôi bảo vệ chú nhưng không phải bằng cách đi đánh người khác. Chú phải tự bảo vệ mình. Tôi sẽ dạy chú học võ.

Tôi rụt rè :

- Sư mà cũng học võ sao?

- Thời loạn, sư cũng phải học võ.

- Thế sư cụ có cho phép không?

- Sư cụ có cho phép. Thế chú tưởng sư cụ không biết chuyện chú bị người ta đánh cho học máu ra sáng hôm nay chẳng? Sư cụ biết rất rõ và người cho phép tôi dạy chú tập võ.

Như vậy là từ hôm ấy, tôi phải học ba buổi: buổi sáng học chữ thầy Hải; buổi chiều học chữ sư cụ; buổi tối học võ với sư bác.

Tối nào sư Độ cũng đem tôi ra cái sân đất ở vườn chùa, bắt tôi tập đứng tấn, tập lộn, tập nhảy, tập đấm đá các thế võ. Bị bong gân, bị đau, bị trầy xước là chuyện thường. Sư Độ có mấy lọ thuốc để ở xó nhà, tôi thường xuyên được nắn bóp thứ thuốc thơm phức như ở quê tôi người ta xoa bóp cho gà chọi. Nhờ có tập võ, tôi và sư Độ càng lúc càng trở nên thân thiết. Con người thô tháo ấy rất tình cảm. Ông thương tôi như người cha thương con, hay người anh cả thương em út. Đêm đêm, sau khi hai chúng tôi quỳ sau lưng sư cụ đọc kinh sám hối thời đêm xong, chúng tôi nằm cạnh nhau trên tấm phản mộc. Và nhiều đêm, tôi đã kể cho sư bác nghe những chuyện về gia đình tôi, không giấu diếm một điều gì. Ví dụ chị tôi thích ăn dấm cá, thầy tôi thích uống rượu với chạo bì bò, mùi thính và lá ổi thơm lừng, còn u tôi chỉ thích ăn châu chấu nhúng nước dừa đun sôi rồi rang với tương thêm vào vài lát lá chanh thái chỉ. Có bận cá rô rạch từ ao chùa bò lên vườn, sư bác bắt đem cho chị Nguyệt. Chị tôi bảo:

- Nhà chùa đâu được phép ăn thịt cá.

- Sư cụ và tôi và chú tiểu An không được phép ăn. Đó là giới cấm sát sinh. Còn cô vẫn được phép. Sư cụ không bằng lòng xuống tóc cho cô. Cô không phải là ni sư.

- Dù sao tôi cũng không ăn...

- Ô kìa! Cô thích canh dấm cá kia mà.

- Ai bảo sư bác vậy?

Sư Độ không trả lời, lúi lũi lên nhà tổ. Hôm ấy, chị Nguyệt đem cá vào làng cho dân, tôi thấy sư Độ đứng đằng sau cánh giại nhìn theo mãi chị tôi bưng rổ cá rô đi ra cổng chùa, vẻ mặt sư như buồn.

Và như tôi đã nói, chị tôi có hai thứ đẹp trên người mà khó có cô gái nào sánh nổi: nước da trắng bóc và mớ tóc đen dài gần chấm gót. Có một hôm trời nóng, chị tôi gội đầu và hong tóc. Chị tôi cũng có ý tứ, ra đằng sau

chùa bên bờ ao để cho kín đáo và đồng thời được nhận ánh nắng chiều qua khoảng trời thoáng dang của vùng ao chiếu vào. Chị tôi xõa tóc, tấm lưng trần trắng muốt, ánh nước loang loáng. Chị tôi nghiêng đầu cầm cái quạt nan phe phẩy vào mớ tóc đen láy. Thật yêu điệu. Tôi và sư bác đang chờ lặc. Sư Độ cũng vô ý. Tôi chợt thấy ông ngậy người... Hình như ông thở dài thì phải.

Sư cụ Vô Úy là người trải đời và độ lượng. Có lẽ hòa thượng đã dạy bảo chị tôi vào một buổi mà sư Độ và tôi không có nhà.

Tôi đoán thế vì thấy chị tôi thay đổi rất đột ngột. Thứ nhất, chị Nguyệt bỏ hẳn không vấn tóc bằng chiếc khăn nâu non làm sáng bừng gương mặt. Thứ hai, quần áo nâu sồng của chị bỗng trở nên rách rưới lam lũ hơn. Thứ ba, chị tôi luôn luôn sùm sụp trên đầu một chiếc khăn vuông cũ, chiếc khăn che kín hai thứ đẹp nhất của chị tôi. Từ đó rất ít ai nhìn thấy mớ tóc tuyệt vời mà trời đã ban riêng cho chị. Cũng chẳng ai được chiêm ngưỡng chiếc cổ kiêu trắng ngà mà người con gái nào được trời ban tặng cũng luôn phô ra để cho đời thèm khát. Nói chung chiếc khăn vuông như một tấm vải đen đã che kín đời chị Nguyệt.

ĐỘI GẠO LÊN CHÙA

Nguyễn Xuân Khánh

www.dtv-ebook.com

Chương V

Chú tiểu An cứ thắc mắc mãi về một điểm trong cuộc đánh lộn với lũ thằng Căn. Sau khi Căn nhét ve vào mồm An, có một đứa đứng xem nào đấy hát to câu: “Ba cô đội gạo lên chùa - Một cô yếm thắm bỏ bùa cho sư”, thì thằng Căn bỗng nổi xung lên, buông tay không hành hạ An nữa, mà quay lại ném đất đá vào lũ người ủng hộ nó. Vậy thì tại sao lại thế? Chú tiểu An liền đem chuyện đó ra hỏi sư thầy Khoan Độ. Sư thầy trả lời :

- Sư thúc Vô Trần là học trò cuối cùng của sư tổ Vô Chấp, là em út của sư phụ chúng ta. Chuyện của các bậc đời trước, làm sao huynh biết được. Chỉ nghe nói rằng hiện nay sư thúc là đệ tử tục gia, và đang làm chính ủy...

Một ông sư lại là một người cách mạng. Câu chuyện về ông chắc khá đặc biệt. Tôi nóng lòng muốn biết. Sự tò mò khiến tôi tìm hiểu, lượm lặt những lời đồn đại, những mẩu chuyện liên quan đến sư thúc.

Thực ra cái sự tích đặc biệt ấy xảy ra ở chùa Sọ cũng đã lâu lắm rồi. Nhà chùa thì không muốn nhắc lại vì lý do tế nhị. Còn người làng Sọ thì cũng đã quên mất rồi. Lúc ấy còn là thời Pháp thuộc. Lão hòa thượng Thích Vô Chấp chưa về chùa Sọ cụ hãy còn trụ trì ở một ngôi chùa nhỏ ven Hà Nội, quá ô Cầu Dền một chút. Nghe nói thủ đô Hà Nội lúc ấy bé tẻo teo. Các bà Phật tử thuộc khu phố cổ, cùng Hàng Ngang, Hàng Đào chỉ cần đến bờ Hồ, hay ra chợ Đồng Xuân, đi xe điện, xuống đến quá ô cầu Dền một đoạn, xuống tàu là đã thấy những ngôi làng ven đô rất quê, và đã có thể vào những ngôi chùa cổ kính lễ Phật. Chẳng nhớ tên chữ Hán của ngôi chùa ấy là gì nhưng dân sở tại vẫn gọi là chùa Ổi, bởi vì ở vùng đó trồng rất nhiều cây ổi.

Có một bà Phật tử khá giả ở phố Hàng Chiếu. Bà là người sùng mộ đạo Phật. Ngày rằm, mùng một, bà thường đem cậu con trai nhỏ đi theo xuống chùa Ôi. Cậu ấm khoảng hơn mười tuổi. Cậu bé suốt tháng năm sống ở cái phố cạnh chợ Đồng Xuân nhộn nháo, nơi đây rầy những kẻ lừa bịp, nơi cuộc cạnh tranh không thương xót diễn ra hàng ngày, hàng giờ. Có lẽ vì thế nên khi cậu bắt gặp khung cảnh hiền hòa, thanh bình của chùa Ôi liền lập tức bị ấn tượng rất mạnh.

Tên cậu bé là Trần. Gặp ngôi chùa, Trần cứ tưởng như mình được lột xác. Tuần nào cũng vậy, cứ xuống khỏi xe điện, là Trần vội vã ba chân bốn cẳng chạy vào chùa. Ở đây cậu có thể ra hồ sen, ngồi dưới gốc si già, hoặc đến rặng ôi leo trèo. Đặc biệt, cậu Trần có thể ngồi hàng giờ trong mùi hương ngào ngạt để nghe sư cụ đọc kinh. Cậu ấm Trần rất cung kính, lễ phép nên được sư cụ rất yêu. Dần dà cậu trở thành như người nhà của chùa Ôi. Thân thiết đến mức cậu được phép ngồi lẫn với các chú tiểu, sư thầy để nghe sư cụ giảng kinh. Trần đang học năm thứ tư trường trung học Pháp Việt, lại khá thông minh, học đến đâu hiểu đến đó, nên được lão hòa thượng Thích Vô Chấp yêu mến vô cùng.

Cho đến một hôm, bỗng nhiên cậu ấm Trần mất tích. Gia đình bà phố Hàng Chiếu nhộn nháo đi tìm song không thấy đâu. Đầu tiên, họ bố xuống chùa Ôi, các sư tăng đều lắc đầu. Đến nhà họ hàng quyến thuộc cũng không tìm thấy. Bà Phật tử khóc lóc kêu trời, nghĩ mình là người tu nhân tích đức, có sao lại gặp nghịch cảnh. Được ba hôm, thì chính sư cụ Vô Chấp đã tìm ra cậu.

Đêm nào sư cụ cũng tụng kinh rất khuya. Đêm hôm ấy, tụng kinh xong cụ cứ thấy bồn chồn trong dạ. Cảm giác như nghe thấy một tiếng động mơ hồ nào đó. Nằm xuống ngủ cũng không ngủ được. Cứ như nghe thấy có ai gọi trong đầu. Sư cụ liền thức dậy, đốt nến, vào tòa chính điện, soi khắp các nơi, các xó. Soi mãi vẫn chẳng thấy gì. Chợt cụ nhớ tới pho hộ pháp. Ngày trước, lúc đi trốn bọn giặc Cờ Đen hung ác, sư tăng trong chùa

có đào một căn hầm nhỏ dưới đất pho tượng không lối. Cụ vội lật đật đến mở tấm ván đậy hầm, thì quả nhiên thấy cậu ấm Trần nằm co ro trong đó. Nhịn đói ba hôm trời. Cậu bé gan liền đã lả đi. Sư cụ liền gọi người tới công lên, ủ chăn ấm và đổ cháo cho ăn. Đến sáng, cậu ấm tỉnh lại. Bà mẹ được tin xuống chùa, run rẩy ôm lấy con trai :

- Sao lại thế hở Trần? Muốn thế nào thì con phải nói với cha với mẹ chứ.

Trần ứa nước mắt bảo bà :

- Thưa mẹ, con đã nghĩ kỹ rồi. Con xin lạy mẹ. Con xin phép mẹ được cắt tóc đi tu. Lòng con đã nhuốm mùi thiền chỉ có vào chùa, con mới thấy lòng mình thanh thản.

Sư cụ Vô Chấp nghiêm nghị bảo :

- Việc này là việc lớn, quan hệ đến cả đời người. Một cậu bé thông minh nguyện cắt tóc đi tu có thể là một điều hay. Người ta nghĩ vì chán đời mà đi tu là không phải. Hoan hỉ mà đi tu mới là phải. Đây là chuyện tìm đường giải thoát. Sợ rằng đó là chuyện còn quá cao siêu với cháu Trần.

- Bạch sư cụ, con rất lấy làm hoan hỉ. Thưa, cứ đến nhà chùa ngửi mùi hương trong chính điện là con thấy thích, thấy lòng nhẹ nhõm.

Bà phố Hàng Chiếu về nhà bàn tính với chồng. Bà nghĩ đây là chuyện nông nổi, trẻ con còn cặn nghĩ, không ngờ ngay sau đó, Trần không đến trường học nữa và hễ cứ hở ra là cậu bé lại trốn nhà xuống chùa Ôi. Sư cụ cũng rất băn khoăn; sự quá đổi nhiệt tình của Trần làm sư cụ vừa thấy yêu, vừa lo lắng. Sự nhiệt tình ở một con người thông minh... rồi con người sẽ gặp bao cảnh đời gặp ghềnh mới lạ... Sự cuồng nhiệt... sự thông minh sẽ gặp bao nẻo rẽ trên con đường trần thế... Sư cụ thấy lo lắng vì sự cuồng nhiệt và thông minh ấy. Người càng cuồng nhiệt thông minh thì càng dễ thay đổi. Sau này, gặp một hoàn cảnh khó xử cậu ta sẽ ra sao? Tuy nhiên

cậu Trần cứ kiên trì một mực như vậy, cuối cùng, bà phở Hàng Chiếu và cả sư phụ Vô Chấp cũng phải chịu thuyết phục, chấp nhận cho Trần đi tu.

Cậu bé tên Trần được sư đặt pháp danh là Vô Trần. Trưởng lão lúc ấy đã già, cả đời thu nhận hơn chục đồ đệ, nay được người học trò thông minh sáng láng ấy lấy làm vui mừng vô hạn. Đó là người học trò cưng yêu nhất của hòa thượng. Có thể đó là pháp khí nổi được đèn tổ chãng. Sư đi đâu cũng đem tiểu Vô Trần theo hầu.

Khi hòa thượng quay trở về chùa Sọ, ngôi chùa mà người bắt đầu đòi tu hành, hòa thượng cũng đem Vô Trần về đó. Sư cụ nghĩ phải đem học trò về tận tổ đình, nơi tổ đặng luôn luôn thắp sáng; có như thế con người mới hiểu được công sức của bao nhiêu các tổ đã viên tịch, người tu hành mới hiểu rõ được tại sao phải giữ lửa cho tổ đặng.

Ở gian giữa nhà tổ có bức hoành phi bốn chữ “Tùy duyên lạc đạo”. Hôm mới về, sư cụ đã giải thích cho Vô Trần ngay :

- Bốn chữ này rút từ câu “Cư trần lạc đạo thả tùy duyên” của đệ nhất tổ Trúc Lâm, đức vua Trần Nhân Tông. Xưa, đức vua có lúc tu hạnh đầu đà, đã lìa bỏ ngôi vua, đi khắp nước giáo hóa Phật pháp. Qua đây, chính tay người đã viết bốn chữ này. Ý vua muốn nói người tu phải bất ly thế gian, tùy duyên ở cảnh đời nào cũng vui với Đạo.

Vô Trần ngây ngất ngắm nhìn bức tranh hoành phi cũ kỹ sơn son thếp vàng, nay sơn đã bay, gỗ đã có chỗ nứt. Của quý đến như vậy vẫn ẩn tàng ở một ngôi chùa nghèo, thật không ai ngờ tới. Trần thầm tưởng tượng ra cái cảnh một ông vua đi chân đất, trải tấm giấy hồng ra giữa sân chùa, xắn tay áo lên, cầm cây bút lông to vung tay viết những chữ tưởng chừng như giãn dị kia, mà đến bây giờ nhìn thấy, lòng người vẫn ửng rưng xao xuyến, suy ngẫm. Sư cụ Vô Chấp cũng xúc động đã lâu lắm cụ không kể chuyện xưa. Hôm nay cụ muốn thổ lộ tấm lòng cho hết, như người cha nói với đứa con út yêu quý :

- Thời Lý, thời Trần, dân ta ai cũng theo đạo Phật. Năm trăm năm thờ Phật, nên trong hồn người Việt, ai cũng có hạt giống Phật. Trải qua nhà Hồ rồi hai chục năm lệ thuộc nhà Minh, đạo Phật đã phôi pha ít nhiều. Đến đời nhà Lê, các vua đề cao đạo Nho. Các vua nhà Lê không nhắc đến đạo Phật, vì nhắc đến đạo Phật là nhắc đến đức Trần Nhân Tông, vị vua đã chiến thắng quân Nguyên, chiến thắng lừng lẫy, rồi lại tự mình xây dựng nên Thiên phái Trúc Lâm làm rạng rỡ văn hóa Việt. Các vua Lê sợ dân nhớ đến nhà Trần, nên mặc cho chùa đổ hoang tàn. Đạo phải có lúc hiện lúc ẩn. Thuận thì hiện, không thuận thì ẩn. Tuy nhiên, ẩn chứ không dứt. Đạo vẫn ở trong nhân gian. Đàn ông say mê danh lợi không cần đạo, thì các vị sư sãi và đàn bà làm các vãi giữ lấy đạo không dứt...

Vô Trần tinh tấn tu hành chẳng mấy chốc đã mười bảy, mười tám.

Một nhà sư trẻ tuổi, mặt sáng như trăng rằm, ăn nói mềm dẻo, lâu thông kinh kệ, giỏi chữ Hán, là niềm tự hào của hòa thượng Vô Chấp. Sư cụ cố đem hết cái sở đắc của mình truyền dạy cho người học trò yêu. Cũng sắp đến lúc làm lễ truyền giới cho Vô Trần. Thấy người học trò đêm ngày miệt mài kinh kệ, sư bảo :

- Tinh thông giáo lý là điều quan trọng, nhưng đó mới chỉ là bước đầu của việc tu tập. Con đã nghe hai câu này chưa?

Thanh thanh thúy trúc tổng thị Pháp thân

Quật quật hoàng hoa vô phi bát nhã

(Trúc biếc xanh xanh là Pháp thân

Hoa vàng rợp rợp là Bát Nhã).

Da con xin được nghe lời chỉ dạy của sư phụ.

Xưa có ngài Hương Nghiêm đã đọc thiên kinh vạn quyển, tu hành đã lâu mà vẫn chưa vào nổi cửa Thiền. Có một hôm, chợt ngài nghe thấy tiếng vang của một hòn sỏi chọi vào cây trúc. Thế là ngài đốn ngộ. Ngài Linh Vân cũng vậy. Một hôm đi trên đường, bỗng trông thấy vườn đào nở rộ; ngay lúc đó, ngài ngộ đạo. Con đã hiểu ý ta chưa?

- Bạch thầy, con vẫn chưa hiểu.

- Ngộ đạo không phải cố học mà được. Người ở chùa phải kiên nhẫn tinh tấn tu hành. Bao giờ thời tiết nhân duyên chín mùi và thâm tâm thanh tịnh thuần thực, thì có khi nghe thầy quát một tiếng, bị thầy đập một cái, hay tai nghe một tiếng động, mắt trông thấy một màu sắc, bị kích thích đột nhiên ta bừng ngộ.

- Vậy con đọc kinh Phật thì sao?

- Chỉ là một nhân duyên. Không biết đọc có khi còn cản trở.

- Bạch thầy...

- Con quá đổi nhiệt tình. Từ lúc ta mới gặp con cũng vậy. Vì thế ta vừa yêu con vừa lo lắng cho con.

Xem như thế ta mới thấy tình thầy trò khăng khít biết nhường nào. Sư cụ lo lắng uốn nắn cách tu cho Vô Trần từng li từng tí. Nói chung hòa thượng có lo cho Vô Trần nhưng mừng là chủ yếu. Con đường đã vạch sẵn rõ ràng; môi trường tu tập thuận lợi; học trò thì ngoan ngoãn cố gắng, do đó hòa thượng thấy yên tâm, nghĩ rằng học trò đã lớn khôn, bèn giao hết việc chùa cho Vô Trần. Lúc đó sư cụ đã già lắm, người muốn được rảnh tay, đi thăm lại các ngôi chùa xưa, những nơi người đã trụ trì và hiện đã giao cho các đệ tử của mình. Rồi một hôm người đeo tay nải lên vai, chống gậy về thăm chùa Ôi :

- Thầy đi dăm bữa nửa tháng sẽ về. Chuyến này có lẽ hơi lâu. Con ở nhà nhớ đèn nhang chu đáo. Đừng có chệnh mảng tu tập.

Có lẽ sư cụ không hiểu tâm lý một chàng trai mới đến tuổi trưởng thành. Cũng có lẽ cụ quá tin cậy vào bản lĩnh của người học trò yêu nên đã để cho Vô Trần một mình quản lý ngôi chùa. Có biết đâu, dù sao Trần cũng chỉ là một chàng trai mới lớn. Sư cụ thường dạy :

- Con không bao giờ được phép để cho tay chân hay đầu óc được nghỉ ngơi. Con người phải biết luôn chân luôn tay. Hết việc này thì phải tìm việc khác mà làm. Hết việc chân tay thì tìm việc đầu óc. Buông tay ra phải tìm ngay quyển kinh, cuốn sách. Rồi còn tụng kinh, ngồi thiền. Có vậy mới nên kẻ chân tu.

Bao nhiêu năm qua Vô Trần vẫn răm rắp theo đúng lời sư phụ. Nhưng dạo này Trần bỗng thấy mình lêu lổng. Đó không phải là chuyện lang thang bằng đôi chân mà là sự lang thang đầu óc. Sự lang thang này cũng thật vô cùng thú vị. Đúng là từ sáng đến đêm Trần vẫn theo đúng lời thầy dạy. Nào hương đăng sớm tối, nào quét tước lau chùi để cái sân chùa bao la không một chiếc lá, để những chiếc cột lim thường xuyên bóng lộn, nào gõ mõ tụng kinh cho đến lúc gà gáy nửa đêm... Nhưng sau đó thì sao? Một mình một bóng trong ngôi chùa mênh mông. Có đêm, Trần thấy cô quạnh quá, phải ra sân chùa ngồi cạnh con chó vàng già nua trên thềm hè. Vô Trần ôm lấy đầu con chó kể kể những câu chuyện tận ngày xưa ngày xưa.

- Nhà ta ở phố Hàng Chiếu. Ở đấy chật lắm không nuôi được chó, nhưng mẹ ta vẫn nuôi một con mèo... Mèo trắng tinh đẹp vô cùng. Đến tối nó vẫn ngủ cùng ta. Gừ gừ... Con mèo lúc nào cũng run rẩy. Có những đêm thật nóng mà nó vẫn run lên trong lòng ta. Ta yêu nó. Mẹ ta cũng yêu nó. Mẹ ta kể chuyện lúc ta rời nhà đi tu, nó nhớ ta quá, hàng tuần liền đêm nào cũng ngồi trên nóc nhà mà gọi meo meo... Còn mẹ ta nghe thấy nó kêu cũng nhớ ta mà khóc cả đêm. Còn bây giờ thì... đã gần chục năm rồi. Con mèo trắng đã chết... Còn mẹ ta cũng đã qua đời.

Vô Trần miên man nghĩ đến đám tang của mẹ. Cha của Trần cũng buồn, nhưng dù sao ông cũng còn có người vợ thứ hai trẻ măng bên cạnh. Chính mẹ ta đi tìm một người đàn bà mẫn để để cưới cho chồng làm vợ lẽ. Một sự bắt đền. Vì ta đi tu nên cha ta thở ngán than dài là không có người nối dõi. Và dì hai đã đẻ luôn cho cha ta hai cậu con trai. Mừng vui hay buồn tủi? Có lẽ cha ta thì mừng, còn mẹ ta thì tủi. Sự mặn nồng của cha ta với mẹ ta thế là phai nhạt. Ôi! Thân mẫu yêu quý! Sự phụ bảo lẽ đời lạ vô thường. Cũng bảo mẹ dày phúc đức. Có con đi tu mẹ cũng được nhờ cậy, sẽ thoát khỏi đầu thai vào cõi nạ quý... Bóng dáng người mẹ hiền thực và cam chịu ấy chợt hiện lên rõ mồn một trong tâm tưởng. Mẹ ơi! Giờ mẹ ở nơi đâu? Ở cõi trời hay cõi người? Trong mỗi con người đàn ông đều có bóng dáng một người đàn bà. Hình ảnh thân yêu ấy từ lúc mở mắt chào đời ta đã thấy...

Đêm hôm ấy, Vô Trần ngồi ở hiên chùa ôm con chó già nhìn những ngôi sao đổi ngôi vạch trên trời, nghe những con vạc, con cú bay qua vườn chùa, mơ màng cùng những kỷ niệm, về những hình ảnh đẹp vô cùng mà cuộc sống tu hành bận rộn làm chàng hầu như đã quên mất. Còn đêm nay, nó ào ạt trở về. Nó trở về cùng với sự mang mang ý thức về nỗi cô đơn của kiếp người. Đã đành rằng đi tu là phải xả hết nỗi buồn vui ở đời. Vui cũng chẳng động tâm, buồn cũng chẳng động lòng. Luôn luôn tĩnh lặng sáng suốt. Thế nhưng đức Thế Tôn xưa đã chẳng vì ý thức được nỗi đau khổ của thế gian nên đã đi tìm con đường giải thoát sao. Có khi nỗi buồn đã hoàn thiện con người, làm con người trở thành người.

Vô Trần cứ miên man nghĩ như vậy. Có lẽ anh chưa dứt khỏi vòng sinh tử. Phải chăng sự đi tu của anh là một sự đi tìm đường trong cõi nhân gian, và đó cũng mới chỉ là bước khởi đầu của một hành trình dài dằng dặc.

Trong đêm tịch mịch, chợt Vô Trần hình như thoáng nghe thấy một tiếng động lạ. Chàng trai định thần chú ý. Đúng là có tiếng động lạ. Hay chính xác hơn đó là tiếng khóc. Những làn gió nam khởi dậy lên từ lúc nào

chẳng biết, đã đưa tiếng khóc đến ngôi chùa. Càng lúc tiếng khóc than càng rõ hơn. Chàng hiểu rồi. Ở phía bắc ngôi chùa có một bãi tha ma. Trưa nay, có đám ma trong làng. Những nhà khá giả ở đây có người chết thường đến chùa, xin sư cụ làm lễ siêu độ và có lời với hội vải già đi đưa để bắc cầu vồng dẫn vong sang thế giới bên kia. Nhà này chắc nghèo nên chẳng liên hệ gì với chùa. Tiếng ri ri khóc than có lúc nghe rõ mồn một dần dần làm xốn xang lòng chàng. Vô Trần như bị cuốn hút rồi bị mê hoặc vì tiếng khóc. Chàng đứng dậy. Con chó vàng ngẩng đầu nhìn chàng như muốn hỏi chàng định làm gì. Chàng lăm bằm trong mồm một câu gì đó. Rồi chẳng nói chẳng rằng, như người mê, bập bồng thất thểu ra cổng chùa, mở cái cửa bên. Con chó lững thững bước theo, nhưng tới cổng, nó dừng lại vẫy đuôi, sủa dồn lên như muốn gọi. Vô Trần vẫn đi không quay đầu lại. Con chó vẫn rên ư ử như thất vọng, khi bóng chàng khuất sau những bụi cây. Nó chỉ còn biết sủa bâng quơ mấy tiếng rồi nằm xuống ở bóng tối tam quan, ở cái cổng bên, mà chàng đi ra.

Vô Trần nhắm thẳng bãi tha ma đi tới. Bãi tha ma ngổn ngang gò đống, trơ trọi. Chỉ có bóng lù lù những ngôi mả bên cạnh những bụi sim, mua. Tới đầu bên kia mới thấy bóng hai cây nhãn vươn lên trời. Đó là nơi phu đào huyết nghỉ tay tránh nắng. Ở đây có bàn thờ thổ thần thổ địa xây bằng gạch. Tiếng khóc phát ra từ chỗ này. Bây giờ nghe đã rõ ràng. Người đàn bà nào đó khóc rằng.

- Dì ơi... sao dì bỏ... cháu mà đi... Trời cao đất dày ơi!... Bây giờ... tôi biết... sống cùng ai...

Tiếng khóc thật ai oán, lúc to, lúc nhỏ, lúc tỉ tê kể lể, lúc nức nở không ra tiếng, rồi tiếng hỉ mũi... Rồi tiếng nấc... Tiếng khóc im lặng một lát sau lại ré lên... Rồi thì ằng ặc... ằng ặc... Đột ngột tiếng kêu than ngừng hẳn. Lặng lẽ đến ngạc nhiên. Cả bãi tha ma chợt im phăng phắc để sau đó vang lên tiếng rộn của muôn ngàn con dế và lũ ếch ương, cóc nhái trong những hố chôn, trong bãi cỏ còn đọng nước của trận mưa vừa qua.

Vô Trần như bị thôi miên. Chàng cảm nhận có chuyện gì đó mới xảy ra. Chàng vội đến chỗ hai cây nhãn. Dưới bóng trăng, một người đàn bà nằm còng queo dưới chân bàn thờ thổ thần. Chàng ngồi xuống bên cạnh người đàn bà đang ngắt xiu chân tay lạnh ngắt. Ở chùa, sư cụ còn dạy Vô Trần y thuật Chàng vội vã lấy ngón tay cái bấm vào huyệt ấn đường dưới mũi, huyệt bách hội trên đỉnh đầu và huyệt hợp cốc ở nơi bàn tay. Được một lát thì chị ta tỉnh lại. Chị ta vẫn còn nấc nhẹ nhưng đôi mắt khóc như đã cạn nước mắt. Hỏi ở đâu, chị ta chỉ biết hất đầu chỉ vào cái lùm tre gần đây nhất. À, chị ta ở trại Cò. Đó là cái vườn cò chừng mười mẫu trên mấy quả đồi thấp. Đồi trồng toàn tre của nhà cụ chánh. Nghe đâu có một bà già trông vườn. À, chắc cô này là cháu. Và người mới đem chôn hẳn là bà cụ già.

Trần dìu người con gái đi về vườn cò. Phải dìu vì cô ta hầu như kiệt sức. Lần đầu tiên Vô Trần được ôm một thân hình mềm mại và ấm áp. Trong bóng trăng chẳng nhìn rõ được từng nét mặt của chị ta. Anh chỉ cảm nhận được một khuôn mặt trẻ trung, tròn vành vạnh, và trắng ngát. Ở người chị ta toát ra một hương thơm, thứ hương đặc biệt của người con gái. Nó gần giống như hương của những bông lúa ngâm sữa. Hay là hương trên da thịt một đứa bé bụ bẫm.

Họ đã đi vào bóng những lùm tre. Thỉnh thoảng lại gặp vũng trăng trên mặt đất. Tre cốt kết. Tre rì rào. Những con cò, con vạc, con sếu làm tổ trên những ngọn cây nghe bước chân họ đi lại kêu xáo xác, riu ran. Có những chỗ tối om hoàn toàn. Trần đã quên mình đang dìu cô gái. Hình như cô ta đã tỉnh hẳn rồi thì phải. Trần cảm nhận như vậy vì đến quãng này chính anh lại được cô ta dìu đi. Nói cho đúng, họ ôm nhau mà đi. Và đây là đất của cô, đường sá ở đây cô đã thuộc lòng. Bóng tối kịt của vườn tre đã bịt kín mắt hai người, nhưng họ bước đi không hề đụng chạm. Cho đến lúc đằng trước mặt lóe sáng. Ánh sáng mở rộng dần. Họ đã tới một khu đất trống. Một túp lều nằm chính giữa khu đất. Đi trong vườn cò Trần đã biết được tên cô gái là Năm. Anh hỏi :

- Cô Năm ơi. Đèn nhà mình ở đâu?

- Nhà em không có đèn, nhưng có củi đấy. Củi ở ngoài hiên.

Trần đốt củi lên. Sờ bàn tay cô gái đã thấy ấm, Trần bảo :

- Không hề gì nữa rồi. Chỉ đến mai là cô khỏi hẳn.

Năm cũng trạc tuổi Trần. Cô gái khỏe mạnh, không đẹp, nhưng đôi mắt rất sáng, lúng liếng. Cô có những vết tàn nhang trên đôi má bụ bẫm. Trần nhìn vào đôi mắt lúng liếng của cô chợt thấy như chúng đang van xin. Năm bảo :

- Thầy đừng về đêm nay nhé?

- Sao? - Vô Trần cảm thấy mình đỏ mặt.

- Chẳng sao cả. Nhưng ở một mình em sợ lắm. Tối nay ở một mình em sợ quá. Cứ thấy hồn đi về nên em phải ra bãi tha ma.

- Lại thế nữa ư?

-Thầy mà về thì em lại theo thầy ra bãi tha ma. Hay là em theo vào chùa. Em chỉ ngồi ở sân chùa thôi. Lạy thầy. Cứ cho em ngồi ở sân chùa chắc Phật chẳng nỡ chối từ em.

- Cô vào chùa ban đêm ư? Chẳng được đâu.

- Thế thì thầy cứ phải ngồi đây với em suốt đêm nay. Không sao đâu. Cứ đốt lửa ngồi cả đêm.

- Thế đêm mai thì sao?

- Đêm mai em cũng sợ chứ, nhưng không sao, sáng mai em sẽ về nhà anh trai em. - Cô thở dài - Nhưng nhà anh trai em nghèo lắm. Lại đông

con... Em chỉ định ở đây ba hôm rồi lại quay về đây. Em chỉ còn đủ gạo ba hôm mang về cho anh chị ấy. Mà... ba hôm, chắc em cũng nguôi ngoai... Mà ba hôm chắc vong linh dì em cũng nguôi ngoai... Bà chắc cũng đã yên tâm ra đi, không quay trở về... làm em sợ nữa.

- Sao cô lại ở với bà dì?

- Em góa chồng mà. Năm ngoái chồng em đi bắt lươn bị hổ mang bành nó cắn. Em mới mười tám tuổi. Bố chồng em nói: “Thôi con vui lòng về với anh trai con. Con còn trẻ quá. Gặp người nào tử tế thì đi bước nữa. Chứ con ở đây... nhà đông người chật chội không tiện đâu”. Em về nhà anh trai. Anh có bốn đứa con, lại nghèo quá, vợ chồng anh chỉ biết mò cua bắt ốc quanh năm. Thế là em phải về đây ở với dì.

- Đây là đất nhà cụ bá Phượng. Có phải đất dì em đâu.

- Dì em làm lễ thứ năm cụ chánh. Cụ chánh là bố cụ bá Phượng. Dì em không có con. Cụ chánh cho dì em ra ở đây mỗi năm cấp cho mấy chục thùng thóc.

- Hóa ra thế.

- Cụ chánh thường nói: “Đất lành chim đậu”. Cụ lại bảo: “Giữ sao cho cò vạc không bay đi. Thế là phúc cho nhà phúc cả cho làng mình”. Cụ cho dì em ở đây cốt để trông coi ngăn trẻ chăn trâu phá phách. Dì em ở đây nhưng không được phép bắt cò ăn thịt. Chỉ được bắt những con nào lúc gió bão, hoặc ban đêm sậy chân rơi từ tổ xuống đất.

- Như thế chắc gì ông chánh sẽ cho cô ở thay chân bà dì.

- Việc ấy chẳng biết nữa. Nhưng sau rồi sẽ tính.

Hai người cứ ngồi bên bếp lửa nói chuyện vặt như thế suốt đêm cho đến lúc gà gáy sáng. Vô Trần dầm trên sương mai trở về chùa. Con chó

vàng thấy Vô Trần sửa gâu gâu, vẩy đuôi. Có lẽ con vật đã nằm ở cổng chùa lo lắng cho chủ suốt đêm.

Hai đêm tiếp theo, Vô Trần cảm thấy lòng mình thanh thoi tính lặng. Song tới đêm thứ ba, mới sẩm tối, chàng đã thấy lòng mình chột bồi hồi khó tả. Thường thì cứ ba hôm, chàng mới quét sân chùa một lần. Đáng lẽ ra phải đến ngày kia mới là lúc cần phải quét. Nhưng tối nay chàng cảm thấy cần phải quét ngay. Trận gió sáng nay làm lá đa rụng nhiều. Vô Trần lấy cái chổi dài kết bằng lá cọ. Những nhát chổi quét trên sân gạch kêu ràn rạt. Cứ tưởng tiếng chổi đưa có thể làm cho con người trấn tĩnh hơn. Nào ngờ càng quét lòng càng rối bời, cứ như đám lá bời bời ở đầu sân bên kia gặp cơn gió quẩn, tự nhiên bốc lên lại rải ra khắp sân. Hóa ra đâu vẫn hoàn đấy. Vô Trần vứt chổi, vào điện thắp hương, gõ mõ. Tiếng mõ ngày xưa thật diệu kỳ. Khi nó vang lên, chỉ một lát tâm hồn chàng đã lặng yên như mặt nước hồ vào ngày đứng gió. Sóng không bao giờ nổi. Còn hôm nay, lạ chưa! Càng gõ, mặt hồ tâm hồn càng gợn sóng. Ngồi thiền cũng chẳng xong. Có bao giờ chàng rơi vào một thứ tà thiền như đêm nay. Tâm hồn chàng bỗng như chú ngựa hoang, không chịu sự sai khiến. Nó muốn rong chơi. Nó muốn hí dài rồi cong đuôi lên, nhìn bầu trời bát ngát. Chàng thở dài đi nằm. Chàng cứ chạy trốn mãi, nhưng cuối cùng những mong muốn thực sự cũng hiện ra. Một tiếng nói dịu dàng văng vẳng bỗng nghe rõ mồn một trong óc: “Em chỉ về nhà ông anh em ba hôm. Chiều hôm thứ ba em lại quay về”. Sau tiếng nói là hình ảnh cô thôn nữ căng đầy nhựa sống với con mắt lúng liếng, với đôi má bầu bĩnh tàn nhang. Mở mắt ra cũng thấy hình. Nhắm mắt lại hình vẫn sờ sờ trong óc. Đi đứng, nằm, ngồi, hình ảnh cô Năm cũng chẳng lúc nào rời Trần chột nghĩ tới một câu chuyện cổ.

Ngày xưa, có một thầy tăng ở trên núi, mỗi lần về làng đều phải qua sông. Người lái đò là một cô gái xinh đẹp, duyên dáng, rất ưa nhìn. Tiền đò là một xu. Cô lái đò lại đòi thầy tu hai xu. Cô giải thích: “Người ta qua đò chỉ nhìn sông nhìn nước, còn thầy qua đò lại nhìn cả mặt tôi. Hai xu là phải”. Lần sau, có việc qua sông. Hôm ấy, thầy tăng úp mặt xuống ván

thuyền, quyết không nhìn cô gái. Song tiền đồ lại tặng bốn xu. Và cô giải thích. “Lần này, thầy không nhìn bằng mắt mà nhìn bằng tâm. Tâm nhìn thì rõ hơn. Không những nhìn được mặt tôi, mà còn nhìn thấu suốt vào con người tôi. Bốn xu là phải”.

Vô Trần bật cười khi nghĩ đến câu chuyện ấy. Đúng là ta nhìn bằng tâm. Ta trốn cũng không được nữa rồi. Nghĩ như vậy xong, thầy yên tâm với cái lý lẽ: việc đã trốn không nổi, thì thà cứ đương đầu với nó cho xong. Khi thầy Trần ra cổng chùa, con chó vàng lại đứng đình đi theo. Con chó vẫn sủa lên như muốn gọi lại. Hình như lần trước thầy có ngoái đầu nhìn, còn lần này thì tuyệt nhiên không.

Vô Trần xăm xăm đi vào rừng tre xào xạc. Thầy lội qua những vũng trắng, chui vào lối tre mịt mù hun hút. Lúc trước chàng bồi hồi vật lộn với chính mình, còn lúc này chàng lại hồi hộp lo lắng. “Không biết Năm đã quay về chưa?”. Chỉ khi cái quăng trống và căn nhà lá hiện ra, chàng mới hết lo và tim chàng bỗng đập rộn ràng lúc nhìn thấy ngôi nhà có ánh sáng chứ không lù mù tối om như lần trước. Chàng ứa vào túp lều rách nát, long lanh con mắt nhìn vào Năm đương ngồi sưởi bên đống lửa. Cô gái ngẩng lên không chút ngạc nhiên :

- Anh đã tới rồi ư?

Cô lặng lẽ đặt chiếc ghế con sát bên mình. Hai người ngồi bên nhau im lặng. Họ chẳng nói một lời vì có lẽ ngôn ngữ lúc này là vô ích, là ngớ ngẩn. Mãi cô mới hỏi :

- Thầy có đói không?

Vô Trần im lặng. Còn cô thì ríu ran :

- Còn em đói là mất rồi. Em đã nấu cháo. Chỉ còn thiếu thức ăn.

Mắt Năm bỗng sáng rực. Cô rất tự nhiên nắm lấy tay Trần :

- Đi, ta cùng đi kiếm thức ăn.

Hai người đứng dậy, bước ra cái lạnh man mác của đêm xuân. Lại qua một lối tre hun hút để tới một khoảng trống thứ hai, nơi đây lộ nhô những cây rơm.

- Nhà ông chánh, sáu con trâu nên phải tích trữ rơm cho chúng ăn quanh năm. - Cô Năm giải thích - Rơm nhà này để tau cữu. Có những cây rơm, bên dưới mục ra nên có nhiều nấm rơm... Nào để em dẫn thầy tới chỗ nhiều nấm nhất.

Cô gái cầm tay Trần kéo đi, họ len qua giữa hai cây rơm để chui vào cái khoảng trống, mà bốn phía đều có những cây rơm che kín. Ở đây, không có gió. Ở đây, rơm như một tấm nệm dầu thơm phức. Ở đây, kín đáo, nhưng lúc nào trăng cũng nhòm xuống. Ở đây, tia mắt của người ta nhìn nhau như cũng ấm áp hơn. Hai người đi vén rơm phủ xòa quanh chân cây rơm, ở đấy những chiếc nấm trắng phau tròn như những quả ôi, những nấm tay lộ ra dưới trăng. Nấm đã trắng lại càng thêm trắng. Họ ríu rít như trẻ thơ. Tay chạm tay, vai chạm vai, có lúc mặt cũng chạm mặt để những hơi thở nóng ran phả vào nhau. Để rồi họ nắm lấy tay nhau lúc nào cũng không hay. Nấm nâng những ngón tay dài thư sinh của nhà sư trẻ lên mặt để nhìn thấy chúng run rẩy, nàng nở một nụ cười. Cô yêu thích những ngón tay dài thanh dịu dàng này. Những ngón tay mà những người nghèo khổ quanh nàng không bao giờ có. Những ngón tay quý hóa ấy nay thuộc về cô. Thuộc về Năm tất cả. Cả cái khuôn mặt sáng ngời, cái dáng gầy gò mảnh mai của con người trẻ tuổi này cũng vậy. Cô bầu bình mập mạp. Chàng mảnh dẻ yếu đuối. Hai cánh tay dài bỗng trượt theo bờ vai ôm lấy cổ nàng. Lúc này không những bàn tay mà toàn thân chàng run lên. Năm chợt hiểu ra cái ma lực của mình. Cô thấy kiêu hãnh trước sự thèm khát. Ở đây cô là nữ thần. Ở đây cô là hạnh phúc. Dưới ánh trăng ngút ngát trần gian này, cô còn hơn cả ngọc ngà châu báu. Khi cái yếm đào rơi xuống, Vô Trần đỡ lấy nó, nâng niu trên hai bàn tay, nghi lễ của một bước ngoặt, nghi lễ điểm đạo trần gian.

Họ hiến dâng cho nhau có trăng sao làm chứng, có rừng tre rì rào hát khúc tụng ca, có đồng lúa tỏa mùi thơm được gió dẫn vào ướp hương cho cái nệm ái ân của họ.

Đêm hôm sau, Vô Trần như lên cơn sốt. Chàng nằm liệt giường, nhưng khi lũ cú mèo làm tổ trên những tháp cổ bay ra đi ăn đêm, có thể chúng bay tới khu rừng Cò, thì chàng không đứng được nữa. Vô Trần bật dậy mặc quần áo, rồi len lén lén ra vườn chùa y như một kẻ trộm. Hôm nay, chàng muốn giấu cả con chó vàng. Chàng sợ đôi mắt của nó ngược lên như muốn hỏi chàng đi đâu. Chàng sợ cả tiếng sủa dài của nó ở cổng chùa, mỗi khi chàng xăm xăm đi về phía vườn cò. Đêm nay, chàng luồn mình qua lỗ chó chui.

Đêm nay, nàng lại dẫn Trần ra cái góc ái ân thiêng liêng của họ. Tay trong tay, họ nhìn vào mắt nhau. Cho đến lúc nàng đưa tay ra sau gáy cởi dải buộc cổ yếm, để cho cái yếm từ từ rơi xuống. Họ thích cái nghi lễ ái ân này. Nhìn vào mắt Năm, chàng trai hiểu đêm nay cô ta muốn chàng mạnh mẽ chiếm đoạt. Đêm qua, nàng dạy và chàng học. Đêm nay, người đàn bà muốn trả lại quyền chủ động cho người đàn ông. Vì chỉ ở trạng thái thụ động, người đàn bà hưởng thụ được hạnh phúc toàn vẹn. Người đàn bà thích uế oải lười nhác trong cuộc trao duyên. Hay ít nhất, đối với nàng đêm nay là thế. Hay đó cũng là cách trao duyên tinh vi và đắm say nhất của người đàn bà. Đến lúc ăn cháo năm đêm bên đồng lửa, nàng mới hỏi :

- Đêm qua... thì sao?

- Ta sợ lắm... nhưng mà ngọt ngào.

- Còn đêm nay?

- Trời đánh! Đêm nay ta bị trời đánh...

Cô Năm cười khúc khích. Khúc khích vì cô đã hiểu cái quyền năng của cô bây giờ là tuyệt đối. Vô Trần sẽ chẳng bao rời xa cô.

ĐỘI GẠO LÊN CHÙA

Nguyễn Xuân Khánh

www.dtv-ebook.com

Chương VI

Tôi không ngoan như thầy của tôi, hòa thượng Vô Úy tướng tượng đầu. Trong tôi có hai con người: một con người khuôn phép, nề nếp, chăm chỉ, biết tuân theo những lời chỉ dạy của thầy, khi ở chùa; cũng còn một con người thứ hai, có thể gọi là hoang dã, mỗi khi tôi ra khỏi chùa, sống giữa thế gian. Tôi có thể cùng Huệ nằm hàng giờ trên bãi cỏ trên đồi sim để lắng nghe những con sơn ca bay lên tít trời cao, vừa bay vút vừa cất cao tiếng hót. Tôi cũng có thể cởi bỏ bộ quần áo thầy chùa và trần truồng lặn ngụp dưới sông chẳng kém gì một con cá. Và như tôi đã thú tội, cũng như sau này tôi sẽ thú tội, là trong cuộc đời, dù tôi hoàn toàn không muốn, nhưng đã có những lần tôi phải đấu tranh vật lộn với kẻ khác; trong những lần ấy, kẻ khác làm tôi đau đớn nhưng chắc chắn tôi gây tổn thương cho kẻ khác không phải nhỏ. Nghĩa là cái chất phàm phu trong tôi còn rất nhiều. Sự khác nhau trong tính cách lúc ở chùa, khi ra ngoài không phải do bản tính của tôi giả dối. Phải nói những lúc tôi không kiềm chế được để vi phạm những giới điều, điều tôi vẫn sám hối. Tuy nhiên, buồn thay! Cuộc đời luôn có những cơn giông tố và dù tôi ở chùa, tôi đi tu, tôi cũng không tránh được những cơn giông; và cũng buồn thay, tôi là kẻ đức mỏng phúc bạc...

Cái bận tôi bị thằng Căn đánh cho một trận tơi bời rồi nhét ve sống vào mồm, tôi trốn lui mấy ngày không dám đàn mặt sư cụ Vô Úy. Mấy hôm sau, khi chị Nguyệt đã vá vùi quần áo tôi lành lặn và các vết sưng đã xẹp xuống, tôi mới dám ra mặt thầy. Tuy tôi đã bình thường, song chắc thầy tôi cũng nhận ra, thầy tôi lúc ấy đã xong buổi tọa thiền, chỉ mở mắt ra lướt nhìn tôi rồi nhắm mắt lại luôn và khẽ bảo :

- Người tu Phật bất ly thế gian, nhưng luôn phải giữ bốn điều cao thượng của đức Thế Tôn. Đường tu của con còn dài, dù gặp cảnh đời nào

vui hay khổ cũng phải can đảm điem nhiên. Nghiệp của ta, ta phải gánh.

Không hiểu thầy tôi đã nhìn thấy và dự cảm thấy gì trong cái số kiếp của tôi? Hay là vì tôi đã đến chùa trong một hoàn cảnh bi thương, nên từ hôm đầu tiên tôi đã trông thấy cái tình cảm xót thương trong đôi mắt của thầy và cũng vì thế nên thầy quá khoan dung với tôi. Cũng có thể thầy đã nhìn thấy tương lai của chị tôi; rất có khả năng như vậy vì thầy tôi là một đại sư, một bậc thánh thiện cao thượng, tôi vẫn nhìn thấy sự cao đẹp ấy tỏa ngời trên khuôn mặt người giống như ánh hào quang. Những con người lạng lẽ từ bi ấy rất có thể có sự thông linh với ngày mai.

Sư bác Khoan Độ phản ứng với việc đánh lộn ngoài trường học của tôi lại hoàn toàn khác hẳn. Tối hôm ấy, sư cho tôi xem bàn tay trái có ngón út bị cụt, với cái vết sẹo nhẵn thín và bảo :

- Ta không còn trẻ như chú, đầu óc như mảnh đất cằn, đầy sỏi đá, cho nên ta không có duyên được sư cụ truyền dạy những điều cao thâm Phật pháp. Đời ta chỉ có một điều phát nguyện đó là bảo vệ Phật pháp.

Tôi bảo :

- Tu để thành một vị hộ pháp bảo vệ chùa cũng là một chuyện to lớn lắm rồi.

Ông cười :

- Ta không nghĩ xa. Ta chỉ nghĩ một cách rất đơn giản: muốn bảo vệ được chùa thì phải có những vị sư biết võ. Chú đừng sợ. Không hề gì đâu... Sư cụ đã bảo ta rồi, học võ để mà giữ thân thì chẳng sao. Người tu hành đâu có muốn hà hiếp kẻ khác.

Thế là tôi có thêm một người thầy thứ ba. Sư cụ dạy tôi về đạo. Thầy giáo Hải dạy tôi về đời. Còn sư bác Khoan Độ cho tôi sự cứng rắn ở đời.

Chẳng biết sư cụ nhìn thấy gì trong tương lai của tôi mà cho phép tôi học tất cả mọi thứ như vậy.

Lúc đầu ở trường làng, sức học của tôi còn đuối nên sau buổi học tôi thường phải theo về nhà thầy Hải học thêm. Nhà thầy giữa làng, một ngôi nhà lợp ngói nhỏ xinh, đằng trước có sân gạch với dàn mướt vàng, có tường hoa, có bể nước mưa với mui che khum khum như chiếc thuyền nan lật úp, có bốn cây cau vươn lên trời và hai cây hoa ngâu như hai cây nấm khổng lồ màu xanh vào mùa mưa đơm hoa vàng thơm nức. Nhà thầy Hải thật giống ngôi nhà của cha mẹ tôi cho nên đến nhà thầy tôi rất thích. Chỉ có khác là thầy có cái chuồng chim bồ câu đặt ở lưng chừng cây nhãn. Cái chuồng nhỏ sơn xanh với tiếng chim gù suốt ngày thật êm đềm. Nhà chùa cũng không có chuồng chim câu. Không gian chùa là sự tĩnh lặng thâm u và cao siêu. Còn không gian nhà thầy Hải là sự tĩnh lặng xinh xinh và đầm ấm.

Tôi không phải là kẻ vô ơn đâu. Tôi biết nếu không có sư cụ Vô Úy mở lòng từ bi cứu mang, thì không hiểu đời chị em tôi sẽ ra sao. Tuy nhiên tôi cũng biết trong lòng tôi vẫn khát khao một điều mơ hồ nào đó! Tôi chỉ là một chú bé thơ ngây; tôi chỉ là một kẻ phạm phu.

Sau hôm đánh nhau với thằng Căn, nó đe tôi :

- Tao cấm mày không được tới nhà tao. Mày cứ bèn mảng đến thì đừng có trách.

Không được đến nhà Huệ, nhưng lại thường đến nhà thầy Hải, thì có khác gì. Bởi vì nhà hai anh em Căn và Huệ ở gần đấy. Và lại, thầy Hải sống độc thân. Vợ thầy bị ho lao mới chết, thầy không có con nên Huệ và lũ con gái trong trường vẫn đến giúp. Cái Huệ là đứa thường xuyên đến nhất nên tôi vẫn nói chuyện với Huệ hàng ngày ở nhà thầy. Thấy vậy, thằng Căn tức điên. Một hôm, nó trắng trợn gây sự với tôi. Sau buổi học, khi thầy đã về nhà, nó xông tới ào ào chộp tay vào đũng quần tôi rồi hét to:

- Ha ha! Thằng này có dái. Có dái mà cũng đi tu sao?

Lập tức lũ bạn của Căn, cả ở trường lẫn bọn trẻ chăn trâu không đi học kêu toáng lên :

- Tu gì?

- Tu hú!

Tôi tức giận gạt tay Căn ra. Lần trước, khi Căn gây sự, tôi chạy ngay lập tức, nhưng cũng không thoát khỏi tay nó. Lần này, tôi không chạy mà khòm lưng xuống, hai tay vờn vờn, mắt tròn xoe nhìn đối thủ. Sư bác dạy tôi đứng tấn nhưng tôi biết báo đi bằng cách cúi thấp người xuống. Căn cười gằn :

- A! Mày dám chống lại à?

Nói xong, nó phi thân đá tôi nhưng hụt. Sư bác đã dạy tôi cách né tránh đòn đá. Hai thầy trò tập luyện hàng tuần ở vườn chùa chỉ riêng việc tránh đòn và tôi đã thành thạo. Sư phụ dặn tôi rằng can đảm và bình tĩnh là đã thắng một nửa. Điều này làm được vì tôi có tiếng lì lợm. Căn cao lớn nên thích đá, nhưng nó đá không bài bản, cứ vung hai chân phi đại tới đối thủ. Cú đá thứ hai của nó trúng vai làm tôi loạng choạng. Bọn bạn nó hò la inh ỏi. Căn phấn khởi song phi đá tiếp lần thứ ba. Lần này tôi bình tĩnh xông thẳng tới, nắm được chân nó và đẩy mạnh lên. Thế là Căn mất thăng bằng ngã huych xuống đất. Nó then quá lồm cồm đứng dậy, áp sát, đấm vào mặt tôi. Tôi cúi đầu xuống húc vào bụng nó và khua tay đấm. Trận này, tôi ăn no đòn. Tôi bị ngã hai lần nhưng không chịu thua. Đứng dậy, lại xông vào đánh tiếp luôn. Cuối cùng có người lớn đến can ra. Thế là hòa.

Lần ấy, tôi bị đau nhiều hơn Căn. Chân tay, mình mẩy, nhiều chỗ sưng tím. Sư bác phải lấy thuốc bóp cho tôi hàng tuần mới hết. Nhưng từ đây Căn không bắt nạt tôi nữa.

Tôi cứ băn khoăn mãi không hiểu sao Căn lại ghét tôi đến thế, và thường xuyên chế giễu việc tôi ở chùa. Mãi sau này có người nói tôi mới hiểu. Bố Căn chính là sư Vô Trần. Mẹ Căn là bà Năm. Sau khi hai người lấy nhau, họ phải bỏ làng đi biệt xứ. Lão hòa thượng Vô Chấp ngày xưa vẫn bảo sau khi cụ tịch, Vô Trần sẽ là sư trụ trì chùa Sọ. Sư Vô Trần hoàn tục, vậy là chùa làng mất sư. Dân làng rất giận. Không ai có thể chấp nhận, nhìn mặt đứa đàn bà điều tha quạ mổ, dám đang tâm quyến rũ sư chùa làng. Các cụ bảo hạng con gái ấy đáng đem trôi sông. Trước Cách mạng, câu chuyện này làm xôn xao làng xã, thậm chí bị cả vùng dè bieu. Sau Cách mạng dần dần câu chuyện nhạt đi, và lại người ta còn đả phá dị đoan thành thử không ai nhắc tới nữa. Đó là thái độ của người lớn, nhưng với trẻ con lại khác. Hơn nữa lại còn câu ca dao:

Ba cô đội gạo lên chùa

Một cô yếm thăm bả bùa cho sư...

Chùa làng vẫn còn. Và câu ca dao cổ vẫn còn. Câu ca dao vừa duyên dáng vừa hóm hình ấy nửa như giễu cợt nửa như tôn vinh cái đời sống trần tục, vậy nên nó còn được sống lâu. Lũ trẻ con là người làm câu chuyện truyền đời đó, tùy theo từng thời kỳ. Khi cách mạng thành công, ông Trần (tức sư Vô Trần) làm chủ tịch xã, lẽ dĩ nhiên lúc ấy không thấy trẻ con hát lên câu ca báng bổ. Cuối năm 47, Tây chiếm làng, bây giờ là thời của ông chánh, ông Bá. Thực ra cũng chẳng có ai xui trẻ con làm cái việc đó đâu. Nhưng bây giờ nhà ông Trần không còn quyền gì nữa, ông Trần không có mặt ở làng. Thế là tự nhiên có một hôm, trẻ con đứng ở đầu ngõ đồng thanh hát vang lên: “ Ba cô đội gạo lên chùa...”, bà Năm tím mặt song không dám ra lời. Thằng Căn thì ngơ ngác không hiểu chuyện gì. Đến lúc nó hiểu, Căn tìm lũ trẻ con để đánh. Trong đám trẻ có con ông lý. Thấy con bị đánh, bà lý mang con đến nhà bà Năm và hỏi :

- Bà sai con bà đến đánh con tôi có phải không?

- Ấy chết! Sao bà lý nói thế.

- Chồng bà là Việt Minh. Bây giờ thời thế khác rồi. Người ta chưa hỏi tội đến bà là vì còn chút nể tình. Bà có muốn tôi kiện bà lên quan đồn không.

- Thôi. Cho tôi xin bà... Con dại cái mang.

Lũ trẻ trong làng vây kín cổng nhà bà Năm. Bà lý bảo chúng nó :

- Chúng mày cứ hát to lên xem đứa nào dám đánh. Cứ hát thật to. Tội vạ đâu tao chịu.

Và thế là mấy chục đứa trẻ làng được thể đồng ca với nhau suốt chiều hôm ấy:

Ba cô đội gạo lên chùa

Một cô yếm thắm bỏ bùa cho sư.

Bà Năm rơm rớm nước mắt, còn Căn thì lồng lên. Bà Năm bảo con :

- Thôi! Nuốt giận vào bụng con ạ, kéo mang vạ vào thân. Bố mày ở xa, ai che chở cho các con.

Tôi hỏi sư bác Khoan Độ về bố của Căn. Sư bác trả lời :

- Đó là sư thúc của chúng ta. Chú và Căn là anh em của nhau. Đánh nhau vỡ đầu rồi mới nhận họ. Có khi như thế sau này càng hiểu nhau hơn.

- Sư huynh đã gặp sư thúc bao giờ chưa?

- Rồi.

- Sư thúc là người thế nào?

- Là một người thâm trầm, bền chí. Lúc ở chùa, sư thúc được sư tổ yêu quý nhất. Sư thúc lâu thông kinh - luận. Lúc hoàn tục, sư thúc cũng là người xuất sắc. Không cục mịch như ta đâu. Sư thúc là người cắt tóc cho ta đi tu.

Sư Khoan ĐỘ cười nhớ lại chuyện xưa :

- Giỏi gì thì giỏi, chứ tay dao cạo đầu thì kém. Ta nhớ hôm ấy ta bị sứt da chảy máu hai chỗ trên đầu... - Ông bùi ngùi - Ủ, ta còn nhớ ông vừa cắt tóc cho ta vừa nói: “Thực ra, căn duyên của ta còn kém hơn anh”. Ta bảo: “Con làm sao so được với sư thúc. Con là người dốt nát, một chữ bẻ đôi không biết”. Sư thúc nói: “Không phải thế đâu. Người đọc nhiều, có khi vì chấp chữ nên càng đọc càng xa đạo. Còn người không biết chữ, nếu gặp đủ duyên, đủ lòng thành kính trang nghiêm và tất cả hành vi cử chỉ trong từng phút từng giây đều sống vì thiên, thì cũng đến đạo giải thoát nhanh như người khác”.

- Hiện giờ sư thúc ở đâu?

- Ai mà biết được. Ông ấy là đội trưởng du kích của huyện. Người thoát hiện thoát biến, xuất quỷ nhập thần.

- Sư huynh thấy lời của sư thúc ra sao?

- Hừ. - Sư thúc nói nhiều điều cao siêu quá - Ông lại giơ bàn tay trái có ngón tay cụt lên và nói - Còn ta, ta vẫn chỉ có một tâm nguyện muốn là người canh giữ cho chùa của chúng ta được an bình.

ĐỘI GẠO LÊN CHÙA

Nguyễn Xuân Khánh

www.dtv-ebook.com

Chương VII

Lúc ấy sư Vô Trần đã biến thành một con người hoàn toàn khác hẳn. Trần đã trút bỏ hết quần áo thầy tu. Nói thế thôi, chứ thực ra anh chỉ phải cởi bỏ cái áo rất đặc trưng của nhà chùa thôi. Đó là cái áo dài nâu, lưng đến đầu gối và cài khuy nách. Còn cái quần nâu thì vẫn dùng được. Cái áo dài nhà chùa được thay bằng chiếc áo cánh. Riêng cái đầu trọc lốc thì hơi khó xử một chút. Một tháng trời nuôi tóc cũng chỉ đủ cho nó mọc thêm không dài quá một phân. Trần đành phải che giấu nó đi bằng chiếc khăn vuông đen của cô Năm. Hôm rời chùa, Vô Trần thả hương ở chính điện, rồi về nhà tổ, quỳ lạy trước bàn thờ :

- Kính lạy chư tổ, thầy ơi! Con muôn vãn có lỗi với chư tổ, với thầy. Con là đứa bạc bẽo, làm uổng công dạy dỗ của thầy. Con đã phạm giới... Tội lỗi nặng nề. Chắc nghiệp trần gian con chưa trả hết. Đúng là con mê muội, nhưng không sao cưỡng lại nổi... Một lạy này con xin ghi nhớ ơn thầy đã dạy dỗ con từ lúc ấu thơ... Một lạy này, con xin hứa dù trở lại thế gian, cũng sẽ không bao giờ quên những điều thầy dạy.

Vô Trần đi xuống nhà bếp, lấy bát cơm, rồi gọi con chó vàng, cho ăn. Anh ngồi xuống đất, vuốt ve con vật :

- Mà y hãy ăn cho no. Tao vẫn còn để dành trong nồi. Ngày mai, hãy vung ra mà ăn. Ngày kia là rằm, các vãi trong làng ra lễ Phật. Tức khắc họ sẽ biết tao đi. Rồi họ sẽ lo cho mà y. Đừng giận tao nhé. Tao chỉ có mà y là bạn. Xa mà y, tao nhớ lắm chứ... Cũng thương lắm chứ...

Có tiếng cú rúc ở cái giếng ngoài vườn chùa. Rúc đúng năm lần. Đó là tiếng gọi của Năm. Trần vội vào lấy tay nải, đội sụp chiếc nón lên đầu, rồi

mở cánh cửa nách, ra vườn. Năm thì thào :

- Sao mà lâu thế. Làm người ta chờ mãi. Cứ tưởng còn luyến tiếc chùa, không nỡ rời chân.

Năm vừa nói vừa khúc khích. Cô giơ bàn tay trắng ngà ấm áp ra nắm lấy tay Trần và kéo đi.

Họ không ra lối cổng chính. Hai người cúi xuống bò qua cái lỗ chó chui. Con vàng cứ bám theo Trần. Anh phải ngồi xuống, áp má vào má nó, để cho con vàng thè cái lưỡi ram ráp nóng hôi ra liếm. Trần vỗ vào đầu con vật, bắt nó nằm ép xuống, lấy tay vuốt lên lưng nó. Con vàng ngoáy tíu đuôi và rên gừ gừ trong cổ họng. Trần bảo :

- Thôi về đi! về đi! Chóng rồi hôm nào tao về thăm. - Trần bước đi đầu cứ ngoái lại. Con chó đứng mãi bên bờ tre thỉnh thoảng lại sủa một tiếng. Sủa cho đến lúc hai bóng người lẩn hẳn vào sương đêm.

Họ đã bàn với nhau, dứt khoát phải bỏ hẳn làng ra đi. Họ biết rằng ở làng hay ở quanh vùng thì sẽ không sống nổi. Họ định đi thật xa. Họ sẽ ra Hà Nội, ở đấy người đông, ở đấy có nhiều xóm nghèo, nơi ở của những người hai tay trắng và lam lũ như họ. Thực ra cũng không phải hai bàn tay trắng. Bà dì chết còn để cho Năm năm đồng bạc. Vả lại, Trần là dân Hà Nội. Bà Cả Hàng Chiếu, mẹ Trần, đã chết. Ông cụ vẫn còn sống, tuy nhiên Trần cũng chẳng có mặt mũi nào mà về với cha. Năm hỏi :

- Về Hà Nội ở chỗ nào?

- Về ô Cầu Dền, ngày nhỏ, tôi bắt đầu tu ở đấy.

- Ngộ nhớ gặp người quen thì sao?

- Tôi xa Hà Nội lâu rồi. Vả lại lúc đó còn bé, bây giờ tôi đã thành người lớn. Làm sao mà nhận ra được.

- Ừ nhỉ!

- Mấy lại Hà Nội đông lắm. Người như kiến. Không giống như nhà quê mình đâu.

- Em hiểu rồi. Có phải Hà Nội như một cái làng, một cái làng rỗ to... Cái làng không có vườn... chỉ toàn nhà và chỉ thấy những người... có đúng thế không?

Trần cười và tùm tùm :

- Gần gần như vậy.

Họ đến ô Cầu Dền, đi trên con đê. Đó là vùng đất tắm tối nhất của Hà Nội. Thời xưa thời xưa, con đê Đại La này là vùng bảo vệ phía ngoài của kinh đô Thăng Long. Từ ô cầu Dền một phía con đê dẫn về cầu Giấy, phía kia con đê dẫn về phía Thanh Trì gặp đê Sông Hồng. Trần dẫn Năm đi về phía ấy. Cũng tự ngày xưa ngày xưa, dưới chân con đê là một hào nước. Nghe nói thuở trước người ta vẫn bơi thuyền trên con hào đó. Ngày nay, con hào trong vạt ấy đã biến đổi hoàn toàn. Nó đã bị thu hẹp lại và đã cho nước cống thành phố đổ ra đấy. Dân ở đây gọi nó là sông Tô Lịch, bởi vì thật sự nó đã chảy vào sông Tô Lịch trước khi sông này đổ vào dòng sông Nhuệ. Cũng nhiều người hiện thực hơn, nên không tô vẽ cho nó bằng cái tên nên thơ, mà gọi thẳng nó là dòng cống Thối. Đúng là thối thật. Thối hoăng, thối inh trời đất. Nhất là những đêm hè oi bức. Cái nóng cô đặc quánh dòng nước. Xú khí bốc cao ngất trời Không chỉ cái thối đơn thuần của cứt đá thành thị. Ở đây có cả cái khản khản của mùi cóc chết, cái thum thum ngai ngái lên men của bã rượu, cả mùi nước đá quý làm các tiểu thư mới thoáng gặp đã hắt xì hơi, cái chua chua hăng hăng của loại axit không xác định...

Thế mà bên dòng sông đen sông thối ấy có tới bốn cái xóm. Ngày nay người ta gọi là những xóm liều, còn ngày xưa chỉ đơn giản gọi là những

xóm nghèo thôi. Người nhà quê nghèo khổ ra đây, mang theo cả những cách gọi rất quê mùa của mình. Bốn cái tên xóm ấy là:

Xóm Cầu Tre, xóm Cây Găng, xóm Ngõ Bò và xóm cầu Gỗ.

Trần đến xóm cầu Gỗ. Ngày xưa, đã có lần anh theo thầy đến đây làm Phật sự. Một bà vải rất nghèo nhưng là một Phật tử thuần thành qua đời, thầy đã đến nhà tụng kinh cho cụ. Xóm Cầu Gỗ có tới năm, sáu chục nóc nhà. Toàn là nhà tranh vách đất. Lắm nhà chỉ là những cái lều xiêu vẹo. Không có nhà gạch. Chỉ có vài ba nhà làm bằng gỗ xoan theo kiểu nhà ba gian nông thôn; đó là những nhà khá nhất của vài ông cai thợ mộc, thợ nề hoặc thợ nguội, thợ rèn làm ở Nhà Đền, Nhà Rượu. Còn ra những nhà khác đều là cột tre cột bương tam bộ, đó là nhà mấy ông kéo xe tay, mấy ả thối cơm nhà máy rượu, mấy cô bán rau, mấy ông đồ tế lò lợn, mấy ông phu khuân vác Phà Đen, mấy chú bé bán báo, trèo me trèo sấu... Có thể nói xóm Cầu Gỗ như một ốc đảo, một cái gò đất nổi lên giữa một vùng nước đen sì thối rình mà những người giàu có chẳng bao giờ đặt chân tới.

Họ đi qua cái cầu bắc bằng ba cây xoan to trên trái những tấm ván thối. Có được những tấm ván thối này là nhờ mấy ông phu đào huyết ở trong xóm. Họ làm việc ở nghĩa trang Hợp Thiện. Phải là người làm việc lâu năm ở đó mới được ông chủ nghĩa trang bán rẻ cho.

Cô Năm hỏi bà bán hàng vật ở ngay đầu xóm :

- Cụ ơi! Vợ chồng cháu ở quê ra, muốn thuê nhà.

- Muốn chỗ thơm tắt có buồng riêng, hay là thuê giường ở chung, hay là chỗ chỉ cần cái ổ cái chiếu là xong.

Năm tươi tắn cười :

- Nhà cháu chỉ thích chỗ nào re re thôi.

Bà cụ ngấm nhìn hai người rất cẩn thận rồi bảo :

- Trông anh chị cũng hiền lành tử tế nên tôi mách cho chỗ này. Bà cụ là bạn tôi. Nhà chỉ có hai vợ chồng già. Ông cụ ốm đã lâu ngày không đi làm được. Người ta già ốm, ở nhà người ta thỉnh thoảng cũng nên nhón tay nhón chân giúp đỡ. Nếu bằng lòng thì tôi mách cho.

- Cháu bằng lòng. Không biết cụ ấy lấy chừng bao nhiêu tiền cụ nhỉ.

- Không đắt đâu. Một tháng chưa đến đồng bạc. Tôi nghĩ chỗ này tốt đấy. Cái anh chồng chị có tướng phúc hậu tôi mới mách cho.

Từ lúc gặp Trần không nói một lời. Bà cụ lại nhìn vào mặt Năm mà bảo :

- Còn chị thì tháo vát lắm. Đáo để nhưng mà biết điều. Anh thì nhờ chị về đường tài lộc. Chị thì nhờ anh về đường phúc đức.

Bà cụ thật lắm nhời, vừa mách giúp vừa xem tướng, tuy nhiên cụ rất tốt bụng. Chính cụ đã dẫn họ tới nhà ông Tập.

Cụ cho thuê nhà tên là cụ Tập ở tận cuối xóm cầu Gỗ. Căn nhà ba gian, cột tre, vách những, lợp lá gồi vững chãi nhưng có chỗ đã dột. Có hai cái phản kê ở hai góc nhà. Ở giữa là bàn thờ làm kiểu gác lửng lát ván gỗ. Nhà nhìn ra cái ao rau muống. Ngoài ao nhà còn rất nhiều ao khác phần lớn thả rau muống, rau rút, một số ít là ao sen, ruộng niễng, chỉ có vài ao thả cá. Ở cuối xóm nên không khí ở đây không nồng nặc như phía ngoài gần dòng cống thối.

Họ đến đúng lúc ông cụ Tập định ra ngoài. Ông già trạc sáu mươi tuổi, mặc quần nâu áo cánh nâu, đội cái mũ cát màu cứt ngựa. Đặc biệt ông đi đôi guốc mộc cao. Trần nghĩ cụ già này có vẻ kỹ tính, từ đầu tới chân chỗ nào cũng tinh tươm sạch sẽ. Ở cái xóm lầy lội này mà lúc nào cũng đi guốc. Chẳng giống người quê mình. Còn Năm thì liếc nhìn ông cụ mấy lần có

chiều suy nghĩ. Biết họ đến thuê nhà, ông cụ dừng chân một lúc lâu, ngắm nghía hai vợ chồng trẻ kỹ lưỡng, rồi gọi vợ từ ao rau muống về. Bà cụ Tập nhỏ bé lom thom, lưng còng, miệng nhai trầu, nói với Trần :

- Ông cụ nhà tôi ốm đau song kỹ tính lắm. Có mấy người đến hỏi thuê, túng, nhưng cụ ấy không bằng lòng. Cứ dặn bà cụ Thư bán hàng vặt rằng nếu gặp người tử tế thì mới mách cho đến.

Ra vậy. Lúc này Trần mới hiểu tại sao bà cụ hàng vặt lại như xem tướng Trần và Năm. Bà cụ Tập mời họ ngồi xuống phản, hỏi han đủ điều về quê hương nghề nghiệp. Năm cũng bẻo léo lắm. Cô nói tránh ra, bảo quê mình dưới Phủ Lý, chiêm khê mùa thối, lại ít ruộng, nên vợ chồng kéo nhau ra đây kiếm miếng ăn. Rồi cô hỏi :

- Thưa cụ, cụ ông con kỹ thế không biết đã bằng lòng cho vợ chồng con đến ở chưa?

- Đã bằng lòng thì ông cụ mới gọi tôi ngoài ao về chứ. Song cũng phải nói thật với hai bác rằng ở với ông cụ nhà tôi thì phải tinh tươm sạch sẽ. Tinh tươm cả nét ăn nết ở, tinh tươm cả lời ăn tiếng nói. Tôi ra giá thế này nhé, tiền thuê tôi lấy bảy hào một tháng, ở thử một tháng đầu. Đến tháng thứ hai ông cụ nhà tôi nếu không bằng lòng thì tôi cũng đành chịu.

Bà cụ Tập là người thật thà dễ tính. Cụ giúp đỡ bảo ban Năm đến nơi đến chốn :

- Cháu hay cười. Cũng là cái nét tươi tắn tốt bụng. Song ông nhà tôi không thích đàn bà con gái hay cười đâu. Cụ bảo: “Vô duyên chưa nói đã cười”. Cụ thích đàn bà phải tươi tắn, nhưng không được lộ ra bằng tiếng cười. Ấy tính ông nghiêm thế song phải chiều cụ thôi.

Cụ bà còn bày cho Năm cách kiếm sống.

- Chồng con là đàn ông, hơi khó kiếm việc đấy. Phải chờ lâu lâu một chút. Con là đàn bà, ở đây dễ kiếm sống thôi. Sáng sớm giúp tôi hái rau muống. Ngày trước hái rau xong, tôi đi chợ bán rong đến trưa mới về. Bây giờ không đi được nữa. Cứ một gánh rau tòn ten trên vai. Mùa hè thì bán thêm quả sấu, quả chanh, quả ổi. Mùa đông thì bán thêm dăm quả cà chua. Đi rong các phố. Nhớ là mỗi chân cũng không được ngồi. Ngồi là cu lít họ bắt ngay. Một ngày bỏ rế cũng được vài hào bạc.

Năm mừng lễ. Tối đến, cô đem tất cả những điều bà cụ nói ra khoe với chồng, rồi nói thêm:

- Bà cụ nói cũng là người quê như chúng mình, chẳng may nấu rượu lậu bị Tây đoan bắt. Thế là mất hết cơ nghiệp phải tha phương cầu thực... Mà... lạ thật!...

- Sao lại lạ?

- Em cứ ngờ ngờ... Trông họ quen quá... Chẳng biết có đúng không?...

Năm rất nhanh chóng thích ứng với hoàn cảnh mới. Cô chít khăn mỏ quạ, mặc áo dài tứ thân đối vai, hai vạt trước buộc với nhau thả xuống. Trông cô nền nã duyên dáng. Trông cô khỏe mạnh, sạch sẽ, tươi tắn. Rau của cô lúc nào cũng nõn nà, tươi ngon. Cô lại khỏe chân nhanh nhẹn, cho nên hàng cô bán rất chạy. Chẳng mấy chốc, cô đã có rất nhiều khách quen; đến trước cửa nhà người ta chỉ việc giật chuông giao hàng, lấy tiền. Không phải mà cả từng đồng Bảo Đại.

Hết tháng đầu tiên, vợ chồng cụ Tập bằng lòng cho vợ chồng Năm thuê lâu dài. Năm khéo ăn ở. Cô thường mua thuốc lào, chè mạn đưa cho chồng biểu cụ Tập. Cụ già mắc bệnh run tay. Cầm cái đóm, cái đóm rung bần bật. Không hút được thuốc lào. Sáng, trưa, tối nào, Trần cũng phải nạp thuốc lào vào điều cày rồi châm đóm cho cụ Tập hút. Sự khăng khít giữa hai vợ chồng già và hai vợ chồng trẻ cứ thế càng ngày càng tăng.

Trần cũng chịu khó không kém gì vợ. Mới đầu đi theo ông cai thợ nề trong xóm đi làm phu hồ. Công việc vất vả lại không đều đặn. Chỉ làm được ba tháng đã chơi dài. Trần lại xin đi làm cho hàng cơm. Việc này, Trần chỉ làm được ba ngày. Ngày thứ tư người ta làm thịt chó. Con chó vện bị buộc mõm treo ngược lên cành ổi, hai chân trước bị trói quặt sau lưng. Nó rên ư ử sùi bọt mép, đôi mắt trắng dã thất thần vì sợ hãi. Trong khi ông chủ liếc dao, đột nhiên Trần nôn thốc nôn tháo. Ngay lập tức anh chạy về nhà, bỏ việc, bỏ cả ba ngày công. Vậy nên trong khi chờ đợi, Trần đành theo anh cu Sếu bên hàng xóm đi câu cá. Câu ở những hồ sen, hồ hoang. Câu cá diếc, cá rô, quăng cần cá quả. Gọi là theo đóm ăn tàn, đi cho vui chứ Trần đâu có tài cán gì trong nghề kiếm cá. Hết kiếm cá thì đi bắt chuột. Chuột cống thành phố bần lăm, chúng đào hang ngay bên bờ dòng cống thối. Nào tra hom, nào hun khói, nào đổ nước. Có hôm bắt được chục con. Thịt chuột trắng hếu. Sếu bảo ngon lắm, nạc như thịt gà. Sếu mời uống rượu thịt chuột, Trần xin kiếu. Thịt chuột bán trong xóm Ngõ Bò cũng đắt hàng lắm. Chẳng cần rao bán. Người ta đến tận nhà hỏi mua. Đắt hàng vì rất rẻ, chỉ một chình hai con. Chỉ một chình cả nhà được ăn thịt, lại có chút mồi để đưa cay. Anh Sếu có tài lần mò ở những nơi chẳng ai ngờ tới.

Có hôm anh Sếu rủ anh Trần chui vào cống lớn thành phố. Cửa cống thành phố đổ ra con sông Tô Lịch, con sông thối. Đó là hai cái cống hình vòm cung, người đi trong cống không đụng đầu. Người ta bảo rằng nó được xây giống như cống của thành phố Paris. Anh cu Sếu mang nơm và vợt. Trần mang nửa đập giập buộc sau lưng. Vào đến trong cống, càng đi càng tối mịt mù, Trần bật lửa châm vào đuốc nửa. Nước cống không sâu chỉ đến bụng chân, Sếu lấy nơm úp, có lúc lấy vợt xúc vào những hõm cống. Không ngờ trong cống lại nhiều cá đến vậy. Mỗi lần úp nơm không được cá rô thì được cá trê. Chẳng mấy chốc đã lưng giỏ cá. Sếu hỏi :

- Còn nhiều đuốc không?

- Bảy đuốc đã dùng bốn, còn ba. - Trần trả lời.

- Thế thì phải quay về.

Hai anh trở về rất vui vẻ. Sếu đã nghĩ tới bữa rượu tối nay. Còn Trần nghĩ tới nồi cá kho. “Phải rồi! Chỉ cần xin Sếu ba con trê cụ là đủ một nồi rồi”. Có một hôm nào đó, Năm bảo món ăn trên đời cô thích nhất cá trê kho khô với riềng, vừa ngọt, vừa thơm, vừa nạc. Còn đang mơ tưởng, bỗng Sếu kêu vác lên :

- Bỏ mẹ rồi! Sao nước lên nhanh thế này?

- Ủ! Sao thế nhỉ?

- Sao với giăng cái gì. Chạy nhanh không chết cả nút bây giờ.

- Sao lại chạy?

- Mưa rồi. Ở ngoài chắc mưa rất to. Chạy thật mau. Cho đến chỗ có cái bệ. Nước cống sắp đổ về như lũ đấy.

May mắn họ đến chỗ cái bậc ximăng thì nước chảy về ngập đến ngực. Lúc này, đuốc tắt nhưng cây nứa sau lưng cũng ướt, bao diêm cũng thế. Trong bóng tối đen, Trần thấy sợ hãi. Sếu dặn dò :

- Hai đứa phải bám lấy nhau. Cứ ở yên tại chỗ. Mùa này chắc mưa to không lâu.

Sếu đoán cũng sai. Trận mưa ấy kéo dài mấy tiếng đồng hồ. Phải đêm mới thấy cống rút xuống thấp. Sở dĩ họ đoán là đêm vì không nghe thấy những tiếng động phía trên đầu họ. Phía trên ấy là đường đi và cống lớn thành phố bao giờ cũng nằm ở giữa, phía dưới những đại lộ. Bụng đói meo, lại không có đuốc. Họ mò mẫm đi xuôi dòng cống lớn. Cũng may, không có trận mưa tiếp theo.

Họ ra khỏi cửa cổng lúc quá nửa đêm. Ướt như chuột lột, về đến nhà lúc ba giờ sáng. Năm ngồi ở bậc cửa khóc từ tối đến giờ. Cả xóm Cầu Gõ đều lắc đầu bảo: “Hai thằng đã chết là cái chắc”. Năm không tin điều ấy. Vợ chồng cụ Tập bảo thế nào cô cũng không đi ngủ. Năm thắp cái đèn hoa kỳ ngồi một mình ở bậu cửa rấm rứt khóc. Khi thấy chồng, cô nhảy tới ôm lấy anh khóc òa lên. Đang khóc, cô chọt rú to :

- Trời ơi! Mình nóng như hòn than thế này.

Sau trận gặp mưa mắc kẹt trong cổng, Trần sốt luôn ba ngày. Hai vợ chồng Năm Trần ở nhà cụ Tập cũng đã bốn tháng. Bốn tháng chắc cũng đủ để ông già kỹ tính hiểu đôi vợ chồng trẻ. Khi Trần đã khỏe, một hôm sau khi uống trà sớm, ông già Tập gọi Trần lại bảo đưa tay cho xem. Ông cụ bảo :

- Tới đây, anh đã nghĩ tới tìm việc gì mà làm chưa.

- Thưa cụ, việc làm bây giờ thật khó kiếm. Mà con lại không biết nghề gì.

Ông cụ không xem những đường nét trên tay, mà chỉ sờ nắn bàn tay rồi cười :

- Tôi thích bàn tay anh, những ngón tay dài, lúc nào cũng như son lúc nào cũng ấm áp. Mà lại đầy đặn. Tôi sợ nhất bàn tay lạnh lẽo, mà lại nheo nhèo, dâm dấp mồ hôi... Nhưng, bàn tay thế này thì khó làm việc nặng. Mà này, anh có biết chữ không nhỉ.

- Con biết chữ quốc ngữ.

- Còn chữ nho?

- Con cũng biết đôi chút.

- Thế à? Viết thử tôi xem.

Ông cụ vạch chiếu rút ra một tờ giấy, rồi đứng lên giường lấy một gói nhỏ gói trên mái lá. Mở ra, trong đó có chiếc bút lông và thỏi mực tàu. Trần ra chặn lấy cái đĩa mài mực rồi viết trên tờ giấy câu thơ cổ: “Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận”. (Đừng tưởng xuân tàn hoa rụng hết). Ông già giương kính lên gật gù :

- Chữ rắn rỏi và đẹp. Ta đoán không sai. Có thể chứ. Bây giờ thì ta tin vợ chồng anh... Nhưng mà này khẩu khí câu thơ có hơi hướng nhà chùa hay của một đạo sĩ.

- Dạ thưa, đó là của một thiền sư đời Lý.

- Ra thế đấy.

Bây giờ cụ Tập đã hoàn toàn tin cậy Trần. Anh cũng không ngờ chỉ bằng mấy chữ nho ấy anh đã thuyết phục được ông già. Chắc thời trẻ ông cụ đã có lúc miệt mài với chữ thánh hiền. Ông già đi đôi guốc mộc lộc cộc đến mở chiếc bàn gỗ ở dưới bàn thờ, rồi lôi ra một chiếc hòm gỗ con. Mở chiếc hòm ay nào dao, nào kéo, nào lược, nào tông đơ... Lúc đó Trần biết xưa kia cụ Tập làm nghề thợ cạo. Cụ nói :

- Ta mắc bệnh run tay, không làm nghề này được nữa. Còn anh, ta đã xem tay, đã xem chữ, ta biết anh làm nghề này hợp. Ta có thằng con trai. Cứ định để dành cái hòm nhỏ này cho nó. Nhưng thằng bé đi làm ăn xa. Quanh năm suốt tháng cứ biền biệt. Chắc nó không thích nghề này. Nghề mọn chả làm giàu được, nhưng đủ ăn thì chắc chắn.

Hốt nhiên, Trần trở thành đệ tử của cụ Tập. Lại còn như người tri kỷ của cụ nữa chứ. Cái chữ thánh hiền ghê thật. Ở nông thôn ngày xưa đầy người biết chữ nho nhưng càng về sau này càng ít người biết. Còn ở đô thị, nơi ảnh hưởng của người Pháp rất mạnh, thì lại càng hiếm hoi. Đã hơn chục năm ra Hà Nội ẩn cư tại xóm cầu Gỗ, hầu như cụ Tập quên bém tất cả.

Nay gặp Trần, với những con chữ thánh hiền kỳ diệu, đột nhiên bao nhiêu chuyện quá khứ bỗng xuất hiện ò ạt trong tâm trí ông già. Mấy tháng nay cùng sống với anh chàng nho nhã ấy, ông cụ cứ ngỡ ngỡ. Người đâu mà dáng đi dáng đứng lúc nào cũng khoan thai đĩnh đạc, mà câu nói lúc nào cũng điềm tĩnh chắc nịch. Chẳng thấy một cử chỉ vũ phu, thậm chí mạnh cũng không. Chẳng thấy một lời nói tục tằn, thậm chí quát to cũng không. Bà cụ Thư bán mặt quà đầu xóm có bận còn nói vào tai bà lão Tập: “Cậu ta có tướng thật phúc đức. Hai cái tai to dài như tai Phật”. Nghe vậy ông lão cứ cười, nhưng cụ không bao giờ tin điều gì nếu không tận mắt kiểm chứng. Đến hôm nay thì mọi nghi ngờ của cụ đều tan biến hết. Mà sao cụ lại kỹ tính thế chứ. Điều này cụ chẳng nói cho ai hay. Cũng là tại anh con trai đi làm ăn xa. Anh tên là Trí. Cũng không hiểu sao lúc anh lên Thái Nguyên kiếm ăn, cứ dặn đi dặn lại bố :

- Tốt nhất bố đừng cho ai thuê nhà mình. Còn bắt đắc dĩ phải cho thuê thì phải chọn người tử tế hiền lành.

Buổi sáng hôm ấy, cụ Tập như bỗng nhiên phát hiện ra một con người khác rất thân trong con người của Trần. Con người ấy ẩn giấu nay bỗng dưng đột hiện. Ông lão vui lắm, kể cả chuyện quê ông chính ở làng Sọ, cái làng quê xinh đẹp mà từ xa nhìn về đã thấy ngay cái tam quan chùa sừng sững duyên dáng. Nói đến đây ông cũng sững lại và Trần cũng ngớ ra. Ông già khéo léo dẫn anh ra bên chum nước, dạy anh mài dao, mài kéo. Cũng thật hay! Bỗng dưng Trần học được nghề thợ cạo.

Tối hôm ấy, Trần kể chuyện với vợ. Bây giờ, Năm đã hiểu tại sao trông thấy hai vợ chồng già này cô cứ thấy ngỡ ngỡ quen quen. Ông lão bỏ làng ra đi lúc Năm còn nhỏ. Ông ta chính là ông lý Tập, con người nổi tiếng của làng Sọ.

Câu chuyện nổi tiếng nhất của ông Tập là: “Một hào mua chức lý trưởng”. Gia đình ông Tập vào loại thường thường bậc trung ở làng Sọ. Bù vào chỗ không giàu có, gia đình nhà này lại thông minh, sắc sảo, có học.

Ông đồ Bùi Văn Huân sinh ra hai con là Học và Tập. Học làm lý trưởng, Tập làm phó lý. Hai anh em Học, Tập quản lý làng Sọ rất quy củ, chính trực. Họ chẳng kiêng nể gì cánh giàu có trong làng. Vì vậy nên gia đình họ Nguyễn gồm chánh Long, bá Phụng tức tối lắm, quyết hạ bệ họ Bùi cho bằng được. Bùi văn Tập học chữ nho từ bé. Nguyễn văn Phụng học chữ nho cùng Tập nhưng dốt đặc, liền xoay ra học chữ quốc ngữ. Đọc chữ còn phải đánh vần, nhưng đại loại là cũng biết chữ.

Khi lý trưởng Bùi văn Học bị cảm đột ngột chết, liền xảy ra việc tranh chức lý trưởng giữa bá Phụng và phó lý Tập. Tập có thể mạnh ở chỗ đã quen việc quan. Phụng có thể mạnh ở chỗ giàu có, hơn nữa chánh Long lại quen hết cả các quan trong huyện, tỉnh. Hội đồng kỳ mục chẳng biết phân xử ra sao, liền đưa việc ấy lên quan Tuần phủ trên tỉnh xem xét. Chánh Long chạy chọt, đút lót khắp mặt quan trên. Lẽ dĩ nhiên họ Nguyễn không quên quan Tuần phủ. Cả làng Sọ bàn tán. Họ đoán phen này Bùi văn Tập thua là cái chắc.

Quan Tuần phủ triệu tập Phụng và Tập lên tỉnh vào sáng thứ bảy. Bá Phụng trống giông cờ mở lên tỉnh rất oai vệ. Hãn đi ngựa hồng có nhạc đồng treo cổ kêu rung reng khắp đường làng, theo sau là hai tên gia nhân bưng tráp. Sở dĩ hãn ra oai như vậy vì quan huyện là chỗ quen thân với chánh Long đã mật báo rằng công việc đã xong xuôi. Còn phó lý Tập lên tỉnh thật thảm hại. Ông dậy từ lúc gà gáy sớm, ăn cơm nắm, rồi cuốc bộ hơn chục cây số, trong túi vền vện chỉ có một hào tiền xu.

Quan Tuần phủ hôm ấy bận quá. Mãi đến mười giờ, hai người mới được vào hầu. Lúc vào sân phủ đường, Tập đã trông thấy chiếc xe hơi màu đen bóng lộn đậu ở giữa sân. Lân la hỏi người lái xe mới biết tan giờ thăng đường là quan ông quan bà về Hà Nội ngay. Chả là ngày chủ nhật này sẽ tổ chức ăn hỏi cô con gái rợu của quan.

Đúng là quan hôm nay có vẻ sốt ruột và cáu kỉnh. Lão Tập và Phụng hai tay chấp trước ngực đứng hai bên. Quan ngồi ở giữa. Quan cúi xuống

đọc hai tờ đơn một hồi lâu rồi ra oai vỗ tay xuống bàn :

- Thật hoang đường! Có một chuyện cón con thế này mà hai thầy mang nhau lên đây làm ta mất bao thời gian. Hai thầy tố cáo lẫn nhau. Thầy Tập thì tố cáo thầy Phụng cậy có tiền bạc ức hiếp dân lành, không xứng đáng là người “nhất lý chi trưởng”. Thầy Phụng thì tố cáo thầy Tập là dốt nát không biết chữ... Này, tôi hỏi thật thầy Tập có phải đúng là thầy không biết chữ? Tôi nói cho mà biết. Cái thời xưa nó đã xa rồi. Nước Pháp khai hóa văn minh cho dân Nam. Cái việc học hành mở mang dân trí là hệ trọng. Tới đây, các quan huyện phải là người có bằng cử nhân luật. Còn các xã quan ít ra cũng phải có bằng yếu lược, thậm chí phải nói được cả tiếng Tây. Ấy thế mà thầy lại không biết chữ. Tôi đã nghe tiếng thầy. Người ta bảo thầy làm phó lý rất sắc sảo. Tôi cũng biết quý trọng người làm được việc, nhưng nếu thầy Phụng nói đúng thì không được.

- Dạ chúng con nói hoàn toàn sự thật - Bá Phụng hỏi lòng hỏi dạ vì quan trên đã phủ đầu cho phó lý Tập một trận nên thân. Ông Tập nghe xong lập tức quỳ xuống, đầu sát đất.

- Oan cho con quá. Oan ức quá. Tên Phụng hoàn toàn vu cáo.

- Sao lại vu cáo? Tôi cũng nể tình thầy phó. Được, oan ức thế nào thì cứ nói ra.

Phó Tập ghê gớm lắm. Biết là quan đang nhập nhòm muốn xong việc, ông ta liền kéo dài câu chuyện. Quan đã cho nói thì ông nói cho thật thỏa thích. Ông tố cáo chuyện bá Phụng ép Khán Hựu phải bán ruộng cho mình ra sao. Ông tố cáo Phụng cho vay nặng lãi khiến cho mấy gia đình cầm cố ruộng phải bán đoạn cho ông. Ông tố cáo việc bá Phụng lấy bà vợ thứ tư bằng cách chôn rượu lậu vào nhà cô ta rồi đi báo Tây đoan v.v...

Phó Tập nói dai nói dài đến nỗi Tuần phủ phải vỗ bàn :

- Được rồi, được rồi. Chuyện ấy bằng chứng chưa đủ ta sẽ tra xét sau. Bây giờ thầy chỉ cần nói thẳng với ta một điều: Thầy có biết chữ không?

Lúc bấy giờ Tập mới nói năng gọn gàng rất có tình có lý :

- Thời giờ của quan trên là vàng là bạc. Hôm nay là ngày thứ bảy. Quan làm việc suốt cả tuần đã mệt nhọc lắm rồi. Ngày mai là ngày chủ nhật, quan còn bận tâm với những công việc gia đình. Con đã nói là con oan ức. Con đã nói là bá Phượng vu cáo. Con có lời thế này. Để chứng tỏ nỗi oan của con, con xin quan mở một cuộc thi. Thi ngay giữa công đường. Con và ông Phượng xin thi viết chữ. Quan sẽ làm chủ khảo. Để chuẩn bị cho cuộc thi được công bằng, xin quan ấn định ngày thi là sáng thứ hai.

Tuần phủ gật gù :

- Thầy Tập nói thế ta nghe cũng phải. Đúng, sáng thứ hai ta sẽ mở cuộc thi ngay tại đây. Thế nào, thầy Phượng có dám thi không?

Lẽ dĩ nhiên thầy Phượng dám thi, và thầy tin chắc rằng mình thắng cuộc. Thầy bá Phượng lại nhong nhong cười con ngựa hồng trở về làng. Tiếng nhạc ngựa rung lên thật vui tai.

Thầy phó Tập không trở về làng. Ở làng họ Bùi xôn xao hẳn lên. Họ nghĩ phen này họ sẽ thua to. Quan Tuần phủ thật cao tay. Sau cuộc thi này ông vừa được ăn, vừa làm hài lòng cả đôi bên, lại vừa được nổi danh trong tỉnh mà là người công minh chính trực.

Phó Tập cũng nát óc trong chuyện này. Song việc đầu tiên của ông là ra quán dùng một xu vừa ăn vừa uống rượu. Cơm thường giá chỉ một chinh. Cơm rượu thì giá hai chinh tức một xu. Quán rượu này là quán quen. Ông biết thẳng con ông chủ quán học lớp ê-lê-măng-te, tức lớp Ba. Ông bảo nó :

- Tao cho mày hẳn một chinh để mày ăn quà. Còn một chinh nữa mày đi mua cho tao một quyển vở và một cái bút.

Đưa bé đi mua về. Ông lại bảo chủ quán :

- Tôi đưa cho ông hai xu, tức là bốn chinh. Một chinh là tiền ngũ trợ. Một chinh cho bữa ăn sáng mai. Còn một xu cho bữa tối. Tôi sẽ học suốt đêm nay và ngày mai. Tối mai học xong tôi cần cơm rượu.

Thằng bé con chủ quán chi dạy cho phó Tập mấy chữ như sau: “Le lý trưởng Bùi văn Tập ký tên”. Phó Tập đã học chữ nho năm năm, việc cầm bút đối với ông không khó. Ông lại là người viết chữ nho đẹp. Và lại, ông là người chăm học. Cho nên qua một đêm một ngày, ông viết dòng chữ trên còn đẹp hơn cả thầy tức cậu học trò lớp Ba.

Sáng thứ hai, phó Tập đến công đường sớm hơn tất cả mọi người. Ông biết viên thư lại là người đi làm sớm nhất. Hai người gặp nhau, ông móc túi đưa cho viên thư ký năm xu.

- Tiền gì đây?

- Tôi không dám mong bác làm điều không phải. Chỉ mong bác đưa cho tôi tờ giấy tốt, cây bút tốt trong cuộc thi sáng nay.

Đúng tám giờ quan đến. Người lính khố xanh đánh hồi trống. Mọi người tề tựu đầy đủ. Quan phán :

- Ta lấy làm hài lòng vì cuộc thi này. Giấy trắng mực đen trước mặt mọi người thật là công bằng. Hai thầy nên cố gắng. Không cần viết nhiều, mỗi người viết một câu là đủ.

Lẽ dĩ nhiên phó Tập viết: “Le lý trưởng Bùi văn Tập ký tên” Còn bá Phụng thì viết dài dòng hơn. “Quan phụ mẫu là bậc đèn trời soi xét. Con xin vô cùng hậu tạ”. Viên thư lại thu bài thi. Khi nhận tờ giấy của bá Phụng, lão lấu cá cười mồm mím. Tuần phủ liếc mắt xem hơi cau mày lại. “Xin vô cùng hậu tạ”, không hiểu thằng này viết nhằm cảm tạ ra hậu tạ, hay là nó định nhắc khéo mình cái khoản đút lót và ra điều hứa hẹn. Nó là thằng

ngu, giữa bao nhiêu con mắt thế này... mà dám bóng gió. Quan Tuần phủ lặng im, rồi trả tờ giấy lại cho viên thư lại rồi hất hàm :

- Thấy thế nào?

Thầy thư lại biết ý quan. Ông ta muốn tỏ ra vô tư. Ông ta đã ăn tiền của Phụng và muốn mượn mồm mình, nhưng quan cau mày lại khi đọc tờ giấy của bá Phụng, xem chừng quan không hài lòng với cái ý nhắc khéo xác xược của hắn. Vậy nên ông ta nói rất khéo.

- Dạ thưa quan, cả hai thầy đều biết chữ quốc ngữ cả. Một chín một mười ạ. Chỉ có điều thầy Tập thì chữ đều tăm tắp, còn thầy Phụng thì chữ to chữ nhỏ.

- Chữ to chữ nhỏ à? - Quan Tuần phủ muốn thư lại đưa ra một phán quyết. Còn thư lại thì nói nước đôi, đẩy sự định trở lại vào tay quan. Vì vậy Tuần phủ vẫn ra chiều suy nghĩ. Chính đến lúc này phó Tập mới ra tay. Một sự ra tay không ai ngờ tới :

- Dạ bẩm quan lớn. Thời buổi này, chữ quốc ngữ mới ra đời. Trăm người dân mới có một người biết. Nhất là ở thôn xóm, người dân quê mùa chúng con, viết giấy tậu trâu, bán ruộng người ta vẫn dùng chữ nho. Họ chẳng một hai chục năm nữa mới khác đi được. Vậy người cầm đầu làng xã vẫn cần đến thứ chữ ấy.

- Thầy nói chí phải. - Quan vê râu cằm đặc ý. Cái thằng cha phó lý này thế mà lanh lợi. Nó gỡ bí cho ta đây. Quan liền phán - Thầy Tập nói đúng. Hiện nay cả hai thứ chữ đều cần. Vậy tiện thể giấy còn thừa, các thầy viết cho ta một số chữ nho vào đây.

Thế là, đang từ bị động bỗng chuyển sang chủ động, đang từ thế yếu bỗng chuyển sang thế mạnh. Chỉ biết rằng, khi quan Tuần phủ cầm tờ giấy với những nét chữ như rồng bay phụng múa của Tập, quan gật gù sái cổ.

Đáng lẽ ra quan phải trị tội Phượng về cái tội vu khống, nhưng quan không nỡ. Ông chỉ nói bằng những câu rất nhẹ nhàng :

- Thôi bây giờ chuyện đã rõ ràng. Ta chắc chỉ là chuyện xích mích hiểu lầm chi đây. Các thầy đều là các bậc tai mắt trong làng xã. cần phải hòa thuận cho dân họ trông vào. Còn riêng thầy Phượng, chớ có buồn, không có keo này thì sẽ còn keo khác.

Nghe thế bá Phượng hiểu ý. Quan thầy nói bóng đẫy. Lần này quan không thể xử khác được, thực ra quan không ưa loại người như Tập. Quan nhắc khéo Phượng là phải chờ cơ hội. Và cơ hội ấy đã đến khi Tập nấu rượu lậu. Bá Phượng và quan huyện đã phục binh về bắt quả tang. Để chạy chọt khỏi bị tù tội, lý Tập đã bán cả sản nghiệp ông cha và đem vợ con ra thành phố, trở thành ông thợ cạo ở cái xóm nghèo hèn.

Thực ra, lý Tập làm nghề tướng số hay viết sớ ở các đền chùa cũng được, nhưng ông không nỡ mang chữ thánh hiền ra bán nên ông đã chọn nghề thợ cạo. Ông vốn khéo tay chi cần lân la với các phó cạo ít lâu đã học được nghề. Ông bảo với vợ con: “Người có chữ, nhìn cái gì cứ cách vật trí tri là sẽ làm được tất”. Và lại các nghề tướng số, viết sớ chỉ có mùa vụ, còn nghề thợ cạo có việc quanh năm. Ông đã thề rằng, nếu không mở mày mở mặt, ông quyết không bao giờ trở về làng cũ. Ông có độc nhất người con tên là Trí; ông đã thất bại nên đã dồn hết hy vọng vào con. Ông hiểu ý nghĩa của cái chữ nên dù khó khăn, ông cũng cho Trí đi học. Ở cái xóm bùn lầy nước đọng của thành phố, nhưng không lúc nào ông tắt giấc mơ cho con trở thành người có chữ. Trí học hết tiểu học, được vào trường Bưởi, ông lý Tập vui mừng khôn xiết. Nhưng khi Trí học đến năm thứ ba thành chung thì giấc mơ của lý Tập tan tành. Bùi văn Trí tham gia phong trào yêu nước nên bị đuổi học. Sau đó anh ta phiêu bạt nhiều nơi, bảo rằng để tìm kế sinh nhai, nhưng ông Tập suy sụp, lâm bệnh. Mới ngoài năm mươi ông đã già ngoẻo, và sau khi khỏi bệnh, tay ông run không làm nghề thợ cạo được nữa. Ông buồn hẳn đi, chỉ ở nhà chăn lợn gà hoặc thỉnh thoảng đến nhà

mấy ông già trong xóm đánh cờ. Ông còn mắc cái bệnh thích sạch sẽ, tinh tươm. Cứ ra khỏi nhà là đội cái mũ cát màu cứt ngựa và lúc nào cũng lập cập đi đôi guốc mộc.

Có lẽ cái cuộc thi chữ ở công đường quan Tuần phủ khi xưa đã tạo cho ông một ấn tượng rất mạnh, cho nên khi Trần, Năm đến thuê nhà, ông đã theo dõi anh chồng kỹ lưỡng và kết thúc bằng việc khảo sát bắt Trần phải viết chữ cho xem. Chữ thế nào người thế ấy mà. Khi đã thấy bàn tay Trần đầy đặn ấm áp và đỏ như son, khi đã tận mắt trông thấy Trần viết câu thơ cổ “Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận”, nét chữ như rồng bay phượng múa, lập tức ông cụ Tập tin ngay tư cách của Trần, thu nhận anh làm đồ đệ để truyền nghề thợ cạo.

Ông cụ Tập dắt Trần đến mấy ông bạn nghề người làng Kim Liên. Các ông thợ cạo già rất bí mật không truyền nghề, nhưng được cái Trần rất tinh ý quan sát. Khi Trần kể chuyện cho ông Tập nghe về thái độ giấu nghề của mấy ông già, cụ Tập cười :

- Nghề thợ cạo chỉ là nghề vặt. Đã học chữ thánh hiền rồi, ai giấu ta điều gì cũng không nổi đâu. Hiểu câu “cách vật trí tri” rồi chứ. Học câu “Tri hành hợp nhất” chưa? Phải rồi! Anh đi xem làm mười hôm, bây giờ đã tri chưa? Tri xong bắt đầu hành.

Cụ Tập gọi trẻ con trong xóm lại. Mỗi hôm bắt Trần cắt năm cái tóc không lấy tiền. Rồi lại dạy mài dao cạo, dạy đánh tay kéo sao cho ròn tan, dạy đưa tông đơ sao cho dứt khoát. Rồi đưa đến hiệu quen chuyên quay mài tông đơ. Thêm một nửa tháng cắt thật trên đầu trẻ con, Trần lúc này đã có thể thợ cạo thực thụ. Đến lúc ấy, cụ Tập mới truyền bí quyết. Cụ lấy ra một cái hộp nhỏ giống như hộp bút, mở ra giảng giải.

- Nghề thợ cạo nước ta có một trò rất quyến rũ, đó là thuật lấy ráy tai. Ráy tai hàng tháng vẫn sinh ra sâu trong tai. Cắt tóc xong, được lấy ráy tai

là một điều thích thú không thể tả được. Có người bảo lấy ráy tai sướng như tứ khoái.

- Đến thế kia ư, hả thầy?

- Chứ sao? Người thợ cạo giỏi lấy ráy tai sẽ có khách quen thường xuyên. Người ta nghiện cái trò này đến nỗi mỗi tháng đến kỳ, không lấy là bứt rứt không yên. Ta lấy ráy tai cũng thuộc loại khá, tiếc rằng tay ta run mất rồi. Nay, có người chỉ riêng lấy ráy tai đã trả tiền gấp đôi, gấp ba cắt tóc.

Rồi ông già mơ màng mô tả :

- Người lấy ráy tai phải là người tinh vi. Không được hùng hục, không được sỗ sàng. Nay lão xin lỗi nhé... Nó giống như ta giao hoan với người đàn bà ấy...

- Lại thế kia ư, hả thầy? - Sự ngạc nhiên của Trần lên đến tột độ. Anh hớp từng lời của ông thầy.

- Đây là cái móc để nạo. Dùng cái này ít thôi. Người giỏi có khi không dùng. Hoặc là chỉ dùng khi gần xong. Nghĩa là khi cái tinh vi, cái mơn man đã xong. Phút cuối cùng để làm cho khách thật đã. Chủ yếu dùng cái này. Đây này, nó thẳng đơ, mỏng tang, mỏng hơn lá lúa. Dùng để nạy những thứ ráy mỏng như giấy. Ráy này hình như mọc ra từ da trong tai. Lấy cái nạy đồng nạy khẽ cho nó bong ra. Đừng nạy một chỗ mà đau người ta, nạy ở hai, ba chỗ khác nhau. Nghe đánh roạt khe khẽ tức là nó bong ra rồi. Lúc đó, lấy cái panh cạy nhẹ nhàng, từ từ châm chạp bóc ra. Vừa bóc ra vừa nghe ngóng. Thấy khách nhăn mặt quá, tức là khách đau thì ngưng lại. Lúc đó lai nạy. Càng chậm càng lâu, khách càng thích. Đau quá thì khách sợ, hết thích. Khi gặp miếng ráy như tờ giấy mỏng trắng đặt lên bàn tay ông khách ngửa ra, khách trông miếng ráy mắt sẽ sáng lên. Lúc đó dùng cái tăm

cuốn bông hay cái tăm bông làm bằng lông tơ con ngan trắng, xoáy tí thò lò trong tai khách thì khách tí mắt lại, chẳng khác nào lên tiên. Hà hà...

Ông già gật gù :

- Muốn làm được như vậy ư. Phải có đôi mắt rất sáng. Phải có bàn tay vàng. Những ngón tay tinh vi như biết nghe, biết tiến, biết thoái, biết cái sung sướng của người ta đến đâu, biết dừng lại để cái đau thành cái khoan khoái. Cái tay của người thợ cũng biết mê đắm cùng cái mê ly trên mặt khách hàng.

Thế là anh Trần thành người thợ cạo. Dần dần nổi tiếng. Nổi tiếng trong giới người nghiện lấy ráy tai. Người nọ mách người kia, cuối cùng anh có cả một số khách quen định kỳ. Thậm chí, có những quý khách hàng tháng phải phục vụ tại nhà. Lại giống ông thầy, anh Trần cũng đi đôi guốc mộc, cũng mặc bộ quần áo nâu sạch sẽ, cũng đội cái mũ cát nâu cứt ngựa, cũng tay xách cái hòm nghề nho nhỏ, vai khoác chiếc ghế khung gỗ mặt ngồi là những dải da nhẹ tênh, đi khắp các thôn xóm phía nam Hà Nội. Hôm nào mệt mỏi anh lại ra ngồi bên cái hàng rào sắt của nhà giải phẫu nhìn ra vườn hoa Pasteur hống khách. Vợ chồng anh Trần là người có tình có nghĩa, rất biết ơn vợ chồng cụ Tập đã cứu mang gậy dựng cho mình, cho nên cuối cùng họ như đã trở thành con cháu trong nhà. Hai ông bà già đau ốm luôn; anh Trí người con trai độc nhất thì đi biên biệt; hai vợ chồng Trần đến ở đã được một năm vẫn chưa bao giờ gặp mặt Trí. Vợ chồng Trần phải quán xuyến mọi việc, lo nuôi nấng, lại chăm sóc thuốc men cho họ.

Cho tới một đêm. Thường dễ đã tới hai giờ sáng. Năm chợt nghe thấy tiếng đập cửa bếp và tiếng gọi thì ào.

- Thầy, thầy ơi! U, u ơi!

Năm định ngồi dậy, thì bà cụ đã ra mở cửa sau. Rồi ngọn đèn nhỏ như hạt đậu lóe lên. Cả nhà thức dậy. Một người đàn ông trạc gần ba mươi, râu

ria lờm chờm, ăn mặc như phu phen, cứ chăm chăm nhìn vợ chồng Trần. Ông cụ Tập giới thiệu vắn tắt :

- Mà cứ biên biệt, bố mẹ ốm đau cũng chẳng thấy mặt. Đây là vợ chồng anh Trần, cũng người làng Sọ ta. Anh chị ấy ở đây đã một năm. Người tử tế. Không có anh chị ấy, thì có khi mà về chả còn nhìn thấy mặt tao đâu.

Thế là đôi mắt sáng quắc ngờ vực của con người râu ria lờm chờm ấy chột dụi ngay. Cho đến cái đêm ấy, Trần mới biết người con trai của ông cụ không phải đi làm ăn xa mà là người đi làm hội kín. Hóa ra nhà cụ Tập là gia đình được ghi trong sổ đen của Sở Mật thám Tây. Phải nói cụ Tập rất kén chọn người thuê nhà; đã có mấy đám đến ở nhà cụ, nhưng chỉ độ một tháng sau là lập tức họ dọn đi ngay. Chỉ riêng vợ chồng anh Trần là người ở được tới một năm.

Anh Trí ở nhà chỉ có một ngày. Không ló mặt ra ngoài. Cả xóm chẳng ai biết, suốt ngày ở trong cái buồng xép dưới bếp. Cái buồng tối tăm chứa đồ vật quang gánh, thúng mủng, cây giang bó lạ... cửa che là chiếc thuyền thúng hái rau đã nát. Buổi chiều hôm sau Trí nói chuyện với Trần.

- Vợ chồng anh ở với các cụ đã một năm, chăm sóc các cụ, tôi thật đội ơn nhiều lắm.

- Chẳng có gì đâu. Bây giờ tôi mới rõ là anh bận việc nước. Anh cứ yên tâm. Các cụ cũng thương chúng tôi như con đẻ.

Trí nắm tay Trần :

- Cũng có cái may. Bọn Tây chẳng để ý gì đến vợ chồng anh. Tôi nghe cụ nói anh là người biết chữ nghĩa.

- Vâng, tôi biết chút ít chữ nho.

- Còn chữ quốc ngữ.

- Vâng, tôi cũng biết.

Nghe thế, mắt Trí như sáng lên, vui vẻ. Tối hôm ấy Trí lại ra đi. Bằng đi đến vài tháng Trí mới lại xuất hiện. Lần này, anh gặp Trần ở vườn hoa Pasteur. Anh sắm vai người đi cắt tóc. Anh hỏi Trần rất nhiều chuyện. Cứ gặp như thế vài lần, sau khi đã thật thân quen, chắc là đã dò xét kỹ lưỡng, Trí mới rủ Trần tham gia hoạt động. Trí bảo :

- Anh làm người cắt tóc, đi chỗ này chỗ nọ là chuyện thường tình. Chẳng ai nghi ngờ. Dùng cái lợi thế đi mà giúp dân giúp nước là việc rất tốt.

Trần đã trở thành người cách mạng một cách thật ngẫu nhiên như thế. Anh đã làm liên lạc cho tổ chức cách mạng một cách rất tự nhiên giản dị. Trí huấn luyện cho anh qua công việc, qua đọc tài liệu. Dần dần, anh trở thành người hoạt động rất đầy táo bạo gan dạ. Tuy nhiên, Trần vẫn không xao nhãng việc mình là người thợ cắt tóc. Nghề lấy ráy tai của anh lại càng tuyệt vời hơn. Qua sự góp ý, giúp đỡ của khách hàng, bây giờ anh có hẳn một bộ đồ nghề ráy tai thật tinh xảo, sáng loáng sạch sẽ rất hợp vệ sinh. Đến lúc ấy, Trần có cả những khách sang trọng. Trước khi hành nghề, họ bắt anh làm sạch tay bằng cồn. Có người còn bắt anh phải khử trùng đốt cồn lên hơ kỹ đồ nghề rồi mới cho làm việc.

Nghề lấy ráy tai cũng lắm chuyện kỳ cục không thể tưởng tượng. Có một bà mẹ Tây, vợ một viên đại úy người Pháp cũng rất nghiện lấy ráy tai. Một hôm, anh Trần đến nhà ông Bếp nấu ăn cho viên quan ba. Nhà ông Bếp là ngôi nhà nhỏ nằm sau tòa biệt thự ở cái ngõ rộng, sạch sẽ thuộc khu phố tây. Căn nhà tĩnh mịch có vườn cây bao quanh. Hôm ấy Trần cắt tóc xong cho ông Bếp, nhân rộng rãi thời giờ, bèn lấy ráy tai cho ông ta. Ông Bếp lừ đừ nhắm đôi con mắt, mồm méo đi vì khoan khoái. Còn anh Trần tay trái, kéo dài cái tai người khách hàng cho cái lỗ tai thủng ra để ngó nhìn

vào chỗ sâu thẳm trong đầu ông Bếp. “Đây rồi!”, Trần khẽ reo như bắt được mỏ vàng, anh nín thở, tay phải lấy cái nậy bằng đồng mỏng tang khẽ khàng mơn man, cào cào như vờn để cho ông khách nghe thấy tiếng lạo xạo trong đầu để cho ông ta có một cảm giác buồn buồn thú vị đến mức ông ta cũng nín thở theo, rồi rùng mình khi cảm thấy một luồng khoái cảm chạy xuống tận gan bàn chân... Rồi Trần gọi gọi, nậy nậy, bóc bóc, để cuối cùng gắp ra cái cục trắng trắng hanh vàng, cái thứ dư thừa vô tích sự trong tai. Ông Bếp kêu lên. “Ôi chao! Mày sinh ra để làm ta khoan khoái thế này ư?”. Cũng lúc ấy, có tiếng cười thanh thanh giòn tan. Cả Trần và anh bếp đều ngẩng nhìn. Một bà to béo mặc quần lụa đen, cái áo cánh trắng, tóc vấn trần đang vỗ tay miệng kêu:

- Giỏi! Giỏi! Cậu thợ cạo này quá giỏi! Xin mời lên nhà. Thật là cầu được ước thấy. Bao nhiêu năm nay tôi cứ đi tìm một người tuyệt vời như cậu. Tìm thì chẳng ra. Không tìm thì lại thấy. Thú thật với cậu, tôi cũng mê lấy ráy tai. Ngày kia tôi lên hầu thánh trên Đồng Mỏ. Phải dọn mình cho sạch sẽ đấy. Quần áo tóc tai đều phải tinh tươm. Cái tóc thì dễ. Còn cái tai cho sạch sẽ mới là khó.

Thế là cậu Trần phải phục vụ bà Capiten (Capitaine). Bà giao hẹn :

- Cậu không được làm nhanh. Chậm chậm thôi. Làm cho ông Bếp như vậy là nhanh. Phải từ nửa tiếng trở lên. Không được làm đau. Không được làm sót. Ngóc ngách nào trong tai cũng phải như li như lau. Không lo gì hết. Làm tốt tôi trả đồng bạc... Cậu đã hiểu chưa... Nào, tôi ngồi trên ghế sa lông... Tôi dựa đầu vào cái tựa... Còn cậu đứng gần lại đây. Chỗ này đủ sáng chưa... Xin lỗi nhé, tôi phải ôm lấy cậu... Tôi có máu buồn mà... Còn cậu thì cứ tự nhiên... Ghé mắt lại gần mà nhìn cho rõ.

Trần hành nghề. Bà ta rên lên hừ hừ... Bà ta rú lên, rồi run bần bật. “Sao lại ngừng, nữa đi nữa đi”. Bà ta hỗn hển như người đàn bà trong cơn hứng đại.

Nói chung, bà Capiten, trong lúc chồng đi biên giới Lào Cai đã làm cho anh thợ cạo Trần sợ hết hồn. Lần thứ hai, bà ta làm cho Trần sợ hơn. Khi lấy ráy tai xong, bà ta ôm chặt lấy cậu, hôn chùn chụt vào má cậu và bảo :

- Cậu lấy ráy tai khéo lắm. Cậu cũng xinh lắm. Đi lên buồng chị đi. Đừng sợ. Lão Capiten lúc này đang ở tận Hà Giang. Chóng ngoan, chị yêu, chị thưởng...

Thừa lúc bà lên cầu thang, Trần vội vồ lấy chiếc hòm và chạy như ma đuổi, không lấy cả đồng bạc mà bà ta trả công.

Nếu bình thường chắc Trần không bao giờ quay trở lại ngôi nhà ấy nữa. Nhưng, trở trêu thay, ông Bếp lại là cơ sở cách mạng. Nghĩa là Trần vẫn phải liên lạc với nhà ấy. Vậy nên mỗi khi đến nhà ông Capiten, Trần cứ phải len lén nhìn lên nhà trên, không thấy bóng bà Capiten, Trần mới vội vàng chui tọt vào nhà ông Bếp. Một hôm, Trần có nhiệm vụ phải đến nhà ông Bếp. Vừa đẩy cánh cổng khép hờ vào đến sân, Trần bỗng giật mình. Trên cái dây phơi ở hàng hiên nhà ông Bếp, thấy chiếc yếm đào của bà vợ ông treo lủng lẳng. Đó là mật hiệu cảnh báo cơ sở đã bị lộ. Chẳng lẽ lại quay ra ư? Chắc chắn ở đâu đây, đang có những cặp mắt chăm chú theo dõi. Tim Trần đập thình thịch. May thay, nhìn vào phòng khách nhà trên. Trần thấy cái bóng to béo của bà Capiten. Anh liền thản nhiên đi tới phòng khách, gõ cửa. Bà Capiten nhìn thấy Trần, liền cười tươi, mở cửa, đon đả :

- Này, lần trước chị giận đấy. Vội vã đến thế nào mà quên cả lấy tiền, quên cả chị... Nhưng chị biết thế nào cậu cũng quay lại mà. Nào vào đây... vào đây đi... Mà có lẽ chị em mình lên gác... Trên ấy cửa sổ rộng nên sáng hơn mà cũng tĩnh hơn... Capiten chột hạ giọng xuống cầm tay Trần và nói nhỏ - Này sao run thế - Đừng có sợ... Lão Capiten bận này lên Lạng Sơn nửa tháng.

Trần chẳng biết làm sao. Anh chỉ định lấy ráy tai cho bà một lát rồi chuồn ngay. Nào ngờ, hôm ấy anh bị tấm thân đồ sộ của bẹp gí. Ôi! Thật là số phận trớ trêu của anh chàng thợ ráy tay. Tuy nhiên anh nhờ thế đã thoát hiểm.

Sau bận ấy, tổ chức sợ anh bị lộ đã điều Trần về hoạt động ở khu vực quanh làng Sọ.

Chuyện ông sư Vô Trần phá giới trở thành nhà cách mạng thật thú vị. Cũng có thể người dân làng Sọ đã thêm mắm thêm ớt vào cho câu chuyện đã biến thành một huyền thoại. Chính ông là người lãnh đạo cách mạng ở huyện sở tại. Ông đã phá kho thóc chia cho dân nghèo. Ông đã vũ trang tuyên truyền, hùng hồn diễn thuyết giữa chợ Sọ. Ông đã đường hoàng đến từng nhà bọn chánh tổng lý trưởng, uy hiếp, bắt chúng nộp triệu đồng giao trả chính quyền cho nhân dân.

Cách mạng thành công. Thiền sư Vô Chấp lúc đó đã hơn chín mươi tuổi. Nghe tin vị thiền sư già đang ốm, Vô Trần vội vã về thăm chùa cũ. Vị sư già ngồi lọt thỏm trong chiếc ghế mây. Mắt trưởng lão đã mờ, nhìn người chỉ còn thấy như những chiếc bóng cử động, nhưng chỉ nghe thấy bước chân, cụ cũng nhận được ra học trò yêu :

- Con đã về đây à?

Vô Trần sụp xuống đất.

- Học trò tội lỗi đã làm uổng bao công thầy dạy dỗ.

Đầu óc vị sư già vẫn còn minh mẫn tuy mắt mờ và hầu như không đi được nữa. Ông giơ bàn tay chỉ còn xương và da đặt lên đầu người học trò yêu.

- Ta mong con về quá. Ta biết là con sẽ trở về trước khi ta ra đi. Con chưa đủ duyên lành để hoàn toàn rũ bỏ trần ai. Cũng chẳng sao đâu. Xưa

kia, đức Tuệ Trung thượng sĩ thầy dạy của đức vua Trần Nhân Tông, đệ nhất tổ Trúc Lâm, cũng chỉ là một cư sĩ... Chỉ có điều, dù là tăng hay tục, con cũng không bao giờ được quên lời đức Thế Tôn đã dạy.

Vô Trần nước nở, chẳng nói được lời nào. Thiền sư Vô Chấp bảo :

- Ta cần nhờ con giúp ta một việc cuối. Hãy đi tìm sư huynh Vô Úy của con về cho ta. Nhớ là mau lên kẻo không kịp. Giờ của ta sắp đến rồi.

Lúc bấy giờ ở vùng làng Sọ chiến sự chưa lan đến, nhưng đó là thời gian đầu cuộc kháng chiến, giặc Pháp đang tích cực mở rộng vùng chiếm đóng. Vô Trần phải xin nghỉ việc hai tháng trời, lặn lội đi tìm người sư huynh về cho thầy. Trưởng lão Vô Chấp nói rằng đang là thời loạn lạc, chỉ có sư Vô úy mới đủ đức độ để trụ trì, gánh vác Phật sự và làm sáng tỏ ngọn tổ đăng.

ĐỘI GẠO LÊN CHÙA

Nguyễn Xuân Khánh

www.dtv-ebook.com

Chương VIII

ĐỘI GẠO LÊN CHÙA

Nguyễn Xuân Khánh

www.dtv-ebook.com

Chương IX

Đội Hải chỉ mới làm việc ở P.C Huyện được ba tháng, nhưng đã được đại úy Thalan cho là một sĩ quan mẫu mực. Ông thích sự trang nghiêm, trách nhiệm. Đối với cấp trên, ông kính trọng nhưng không hề quy lụy, nịnh nọt. Đối với cấp dưới, ông hòa nhã nhưng nghiêm khắc. Đối với ông, chỉ có kỷ luật, hành động và hiệu quả là trên hết. Ông là vị chỉ huy tử tế, đứng đắn, cấp dưới quý mến nhưng khó gần, bởi vì ông không tán chuyện tầm phào hoặc tâm sự riêng. Tuy nhiên, vẫn có một lần ông nói với Hải:

- Thuở trẻ, lúc còn đi học, tôi đã có khi mơ tưởng sẽ làm thầy giáo. Do vậy, khi biết ông đã làm nghề đó, tôi có cảm tình và nhận ông ngay. Mà thật quả, tôi đã không lầm. Ông thành thạo tiếng Pháp và rất có trách nhiệm... Làm người, tôi đánh cao nhất sự công chính. Tuy là trong chiến tranh, tuy rằng cái chết luôn kề cận, chúng ta vẫn cần đến sự công chính.

Đại úy Thalan sang Đông Dương một mình. Vợ và cô con gái ở lại Toulouse. Bà vợ của ông cũng là nhà giáo. Thalan đồng âm với từ Talent nghĩa là tài năng, cấp dưới, có người lợi dụng sự đồng âm đó để bợ đỡ nịnh nọt. Ông cười mà rằng: “Tôi không dám nhận cái nghĩa tài năng. Trong quân sự, hoàn thành trách nhiệm đã là tốt. Còn tài năng quân sự ư? Đó là con người hoàn thành nhiệm vụ mà lại tổn ít sinh mạng con người. Có khi thất bại ở cái nhỏ mà lại hoàn thành cái lớn. Điều ấy rất khó nên tôi không dám nhận”. Trước khi về P.C Huyện, ông chỉ huy bớt Thăn Lăn nên người ta còn gọi ông là Tây Thăn Lăn (Chữ Thalan cũng gần âm với Thăn Lăn).

Người đại úy thứ hai ở P.C mà đội Hải chú ý: Đó là trung úy Bernard, viên sĩ quan Tây lai phụ trách phòng nhì. Không là chỉ huy trưởng, nhưng quyền hành của Bernard rất to. Sự sống chết của con người trong khu vực

đều nằm trong tay ông ta. Bernard, mắt xanh mũi lõ đặc Tây, nhưng tóc đen và vóc dáng lùn so với Tây nên người trong vùng vẫn gọi là tây lùn. Một đặc điểm đáng chú ý nữa là Bernard rất sôi tiếng Việt, song chỉ nói tiếng Pháp, không bao giờ tự nói tiếng Việt, khi giao tiếp với người bị bắt đều thông qua phiên dịch.

Một đặc tính đáng nể của Bernard là ít nói và kín đáo, điều này hẳn học được từ ông cậu cường hào của hẳn. Hẳn rất kiêu hãnh vì đức tính này, song hẳn không bao giờ thừa nhận là đức tính ấy hẳn thừa hưởng được từ bên ngoại.

Đội Hải ít giao tiếp với Bernard. Chỉ có một lần viên thiếu úy phiên dịch phòng nhì đi vắng, Hải được điều tới phiên dịch cho cuộc hỏi cung. Người bị hỏi cung là một thanh niên mặc quần áo nâu, mặt mày sừng tím. Bernard bảo :

- Hãy nói với anh ta là đừng bướng nữa. Chúng ta đã biết hết. Rằng anh ta là bộ đội Việt Minh. Rằng anh ta không phải người vùng này. Giọng nói đã tố cáo anh ta là người Sơn Tây. Nghe đã biết ngay anh ta là người ở Phùng. Chỉ cần biết anh ta tên là gì. Rồi quê quán, đơn vị nào, bao nhiêu tuổi.

Đội Hải định dịch lời nói đó thì Bernard dặn thêm :

- Không cần gay gắt. Chỉ nói mềm dẻo là đủ. Làm sao để anh ta đừng sợ. Bảo anh ta rằng những điều ấy không làm tổn hại gì đến phẩm cách của anh ta.

Người thanh niên ngẫm nghĩ một lát rồi khai :

- Tên anh là Mỗ. Mười tám tuổi. Quê ở Phùng. Ở C15 đơn vị độc lập của tỉnh đội. Được về phép. Đi lạc đường.

Bernard nghe xong cho lui. Hải hỏi cuộc hỏi cung chỉ nhẹ nhàng như thế thôi sao, Bernard cười :

- Nó đã bị tấn hai trận rồi. Lần trước không nhận là bộ đội. Lần này đã chịu nhận. Thằng này còn trẻ măng, chắc mới vào lính. Ở nó chẳng có nhiều điều để khai thác. Chỉ cần biết nó ở đơn vị nào. Thế là đủ. Tối nay lại tấn cho một trận và hỏi những câu hỏi như cũ. Nếu nó thòi ra điểm mới thì tiếp tục khai thác. Nếu nó khai như cũ thì mai lại hỏi như cũ. Khai thác đúng ba ngày, không có gì mới thì cho đi tấn công.

Bernard mời Hải hút thuốc rồi nói :

- Tôi chưa nói chuyện với anh, nhưng chúng tôi biết về anh. Quân Mật có báo cáo chi tiết về anh. Anh là em họ Bùi Văn ỡ Chủ tịch Tỉnh. Ông Mật cho chuyện ấy là quan trọng. Chúng tôi không nghĩ như vậy. Chú là chú. Cháu là cháu. Ai làm người ấy chịu. Và lại anh đã được học trường của người Pháp chúng tôi. Và tôi cũng báo cho anh biết điều này: Anh vào hàng ngũ chúng tôi, tuy anh không cầm súng bắn vào Việt Minh, nhưng vị trí của anh rất quan trọng, vì rằng anh ở ngay trong bộ phận đầu não của người Pháp ở khu vực này. Đối với chúng tôi, cũng phải rất tin cậy anh. Vì thế, đối với Việt Minh họ coi anh còn nguy hiểm hơn cả những người lính bảo hoàng mà họ gọi là Việt gian.

Hải không hiểu nổi đây là lời tâm sự của Bernard hay chỉ là những lời đe dọa bóng gió, cũng có thể đó là những sự thật quá rõ ràng mà Hải không muốn được nói ra.

Người Pháp thứ ba Hải chú ý là chuẩn úy Gustave. Một anh chàng đậm người, tính tình vui vẻ cởi mở. Cùng trạc tuổi trên ba mươi như nhau. Gustave là lái xe của đại úy Thalan. Có lúc còn làm thư ký, làm điện thoại viên cho sếp của mình. Hai người cùng phục vụ cho một chủ nên hàng ngày thường cùng ngồi trên một xe díp. Sự tiếp xúc thường nhật đã dần dần gắn bó họ với nhau.

Những buổi tối rỗi rãi, họ thường đến mess (phòng ăn) hạ sĩ quan, hút thuốc lá mù trời và uống rượu. Những người lính kề cận cái chết thường có nhu cầu tâm sự, nhất là khi đã uống được vài chén rượu. Gustave hỏi Hải :

- Cậu có biết tại sao tôi thích chơi với cậu không?

- Không.

- Vì cậu là người Việt. Đơn giản thế thôi.

- Tại sao?

- Thế này nhé. Năm ngoái mình đóng quân ở Hải Dương. Mình chơi thân với một caporal (cai) người Việt. Cậu ta dạy mình học tiếng Việt. Mình bảo cậu ta trước tiên hãy dạy mình những từ chết chóc. Thế là mình học được chữ “giết” chữ “bắn”, chữ “đâm, chém”, chữ “phục kích”... Một bận đội xe của mình xuống Hải Phòng lấy hàng. Mình đi bộ lảng vảng trong đám phu khuân vác. Họ tưởng mình không biết tiếng Việt nên nói chuyện thoải mái. Mình nghe không hiểu hết, nhưng hiểu lảng máng được mấy từ như “thằng mũi lõ” rồi “giết”, rồi “phục kích”... Thế là, nhân thể ông trung úy bảo hàng nhiều phải tổ chức hai toán chuyên chở: một toán đi tối hôm ấy, một toán sáng hôm sau. Toán đi tối về sẽ nghỉ một ngày. Đi tối trời mát lại được nghỉ, nhưng vì đã nghe lảng máng lời của bọn phu khuân vác nên mình đi toán sau. Quả nhiên vào hồi chín giờ tối hôm ấy, toán xe chở hàng bị đánh mìn cách Hải Dương tám kilômét. Năm xe hàng bị đốt cháy, chết bốn người, ba người bị thương. Hải Dương phải đem quân đến ứng cứu, nếu không sẽ bị tiêu diệt toàn bộ. Và mình hiểu biết tiếng Việt có lợi như thế nào.

Hai người cùng cười to. Và Hải bằng lòng hàng ngày sẽ dạy Gustave học tiếng Việt. Để chiêu đãi ông thầy giáo, Gustave đêm ấy mua một chai Cognac. Và lẽ dĩ nhiên, rượu nhiều, thì lời cũng nhiều. Gustave :

- Ông có biết tháng trước tôi vừa nhận được thư không?

- Vui chứ?

- Vừa vui, vừa buồn.

- Thư của vợ?

- Không, của bạn. Nó báo tin rằng mẹ mình rất khỏe vẫn chờ ngày mình hết hạn trở về... Nhưng... Cũng chính vì lá thư ấy mà... lão Bernard gọi mình lên gặp.

- Gặp phòng nhì sao?

Gustave không trả lời mà uống ực luôn nửa cốc Cognac. Hắn im lặng hồi lâu rồi kể :

- Đúng chín giờ mình vào phòng, quần áo chỉnh tề., biết căn phòng của trung úy Bernard rồi chứ. Căn phòng lạnh lẽo. Chỉ đọc một cái bản làm việc và cái tủ hồ sơ, trong đó giấu một chai rượu mạnh...

Ông ta hỏi tôi bằng cái giọng tươi cười thoải mái :

- Chuẩn úy biết mục đích của cuộc gặp này rồi chứ?

- Trung úy Bernard không nói mục đích, nhưng tôi biết.

- Phải. Tháng trước, anh có nhận được thư từ Pháp sang.

- Vâng, thư của Pierre, một người bạn.

- Bộ phận kiểm duyệt thư tín trong quân đội Pháp đã bóc lá thư ấy, và chép lại nội dung.

- Vâng tôi biết. Đó là phép tắc ở Đông Dương, tôi đã được phổ biến.

- Tại sao anh sang Đông Dương?

- Vì lý do riêng tư.

- Xin nói rõ.

- Tôi vào quân đội trong kháng chiến chống Đức phát xít. Khi phát xít thua, vợ tôi muốn tôi giải ngũ, nhưng vì tôi còn phải giúp đỡ mẹ và nhà tôi nghèo nên chưa thể giải ngũ được. Vợ tôi đã đi với người đàn ông khác nên tôi tình nguyện sang Đông Dương.

- Trong lá thư vừa rồi có nói vợ anh đã tái hôn.

- Vâng, tôi hiểu chuyện ấy phải xảy ra.

- Bạn anh còn nói cuộc chiến tranh Đông Dương là cuộc chiến tranh chủ nghĩa thực dân, rằng cuộc chiến tranh ấy sẽ thất bại. Anh nghĩ thế nào?

- Tôi là một người lính của nước Pháp. Không người lính nào lại muốn Tổ quốc mình thua trận.

- Anh quen Pierre, bạn anh từ nhỏ sao?

- Không. Tôi quen Pierre trong cuộc kháng chiến. Pierre chống phát xít, anh ấy bị thương ở chân.

- Nhưng Pierre là cộng sản. Anh có biết điều đó không?

- Lê dĩ nhiên tôi biết. Nhưng người ta kết bạn với nhau không cần biết đến đảng phái. Pierre là bạn tốt của tôi. Khi tôi sang Đông Dương, Pierre giúp đỡ mẹ tôi rất nhiều.

- Và anh ta cũng tuyên truyền cho anh khá nhiều.

- Mỗi người một con đường. Tôi là một người lính Pháp. Tôi đã làm trọn bốn phận một người lính. Tôi cũng là một công dân Pháp tốt.

- Chúng tôi hiểu. Trong trận xe bị phục kích ở đường huyện lộ, đại úy Thalan bị thương, anh đã chiến đấu đánh lui Việt Minh cứu sống đồn trưởng và được thưởng Huân chương.

- Cám ơn đại úy đã đọc kỹ hồ sơ của tôi.

- Tôi đọc hồ sơ, biết chuẩn úy rất thân với những người lính Việt chiến đấu trong hàng ngũ chúng ta. Anh nghĩ thế nào về họ.

- Họ là những người Collaborateur [1].

- Collaborateur ư? Không phải? Họ là những người cộng sản thì đúng hơn.

- Có phần nào sự thật ở đây. Bởi vì Việt Minh do cộng sản lãnh đạo, nhưng họ cũng chiến đấu giành độc lập cho đất nước họ. Sự thực, người dân Việt vẫn gọi họ là Việt gian cái từ ấy giống nghĩa với từ Collaborateur của nước Pháp chúng ta.

- Kể ra cũng bị kịch cho họ thật.

- Không biết sau chiến tranh họ sẽ ra sao? Ở nước Pháp, tôi đã nhìn thấy những người hợp tác với Đức sau thế chiến II bị cạo trọc đầu giải đi trên đường phố.

- Chuẩn úy vẫn học tiếng Việt?

- Vâng. Trong chiến tranh, nếu không hiểu đối phương thì thắng sao nổi đối phương.

Khi sử cụ Vô Úy bị bắt giải lên P.C Huyện, Bernard hỏi cung, sử cụ khai :

- Tôi đi tu từ lúc nhỏ. Từ đó chỉ biết tu hành. Không hề bao giờ dính líu đến việc trần thế.

Hỏi :

- Vậy sao ở bờ ao có hầm bí mật?

- Vườn chùa rất rộng. Ao chùa cách xa nhà chùa. Du kích đào ban đêm, họ làm bí mật, làm sao tôi biết được.

Lại hỏi :

- Vô Trần với ông là thế nào? Ông ta có liên lạc với ông không?

- Ông Trần là sư đệ của tôi. Sau này ông ta xuất đạo, lấy vợ. Ông ta làm việc đời, không dính líu với việc nhà chùa.

Bất cứ ai bị bắt lên P.C Huyện đều bị tra tấn. Sư cụ Vô úy cũng không thoát. Bị đánh đau, sư cụ kêu to nhưng hết đánh lại niệm Phật. Nhìn một ông già máu me đầm đìa, nhắm mắt lại, miệng lẩm nhẩm A di đà Phật, ngay đến cả bọn lính phòng lòi giết người không ghê tay, cũng phải lắc đầu ngạc nhiên và chùn tay. Bernard hỏi đội Hải:

- Có thực ông sư này và huyện đội trưởng Vô Trần không liên hệ với nhau?

- Con ông Trần là học trò của tôi. Nó không bao giờ bén mảng lên chùa. Bị trẻ con trong làng chế giễu bố nó là sư hổ mang nên nó thù ghét nhà chùa. Mẹ nó là bà Năm thì bị người ta chế giễu là loại đàn bà “bỏ bùa cho sư” nên chị ta có vẻ ngượng với dân làng, không đi lễ chùa bao giờ. Còn Vô Trần thì đi biên biệt, chả mấy khi ló mặt về làng.

- Thế sư Độ thì sao?

- Ông ta là người thiên hạ, nghe nói chịu ơn sư cụ nên cắt tóc đi tu. Công việc đồng áng của chùa đều do một tay ông cáng đáng.

Bernard cười to, hỏi tiếp, vừa hỏi vừa nháy mắt :

- Còn cô Nguyệt xinh đẹp?

- Cô ấy cũng coi cú được nhà chùa nhật về. Nói chung, ở nước chúng tôi, nhà chùa chỉ làm những việc thiện, việc nhân đức.

- Ờ ờ... ông sư khai cô ta lên tỉnh mua sắm để làm đám cưới với ông. Xem ra, ông sư này giống như ông bố vợ của ông thông ngôn. Tôi nói thế có đúng không?

- Dạ, cũng đúng ạ. Tôi cũng định xin phép...

- Ông thông ngôn muốn vào thăm sư cụ chứ gì. Thôi được. Tôi cũng nể tình cho phép. Nhưng cũng nên khuyên nhủ ông cụ, có biết gì thì cứ khai hết ra. Khai hết thì tôi cho về chùa mà tu Phật.

Hải vào nhà giam, thấy mặt mũi sư Vô Úy sưng vù còn có cả những vết máu khô. Anh rơm rớm nước mắt. Sư cụ đang ngồi bằng tròn niệm Phật, mở mắt ra bảo Hải :

- Anh đừng lo. Tôi bị đánh, nhưng không chết đâu mà sợ. Cái nghiệp của tôi phải vậy. Sư tổ lúc gần tắt thở, cố sống cho đến lúc tôi về và dặn: “Con phải giữ chùa vào thời loạn lạc, phải chịu gánh nhiều tai nạn. Nhưng thầy tin con sẽ giữ vững được chùa làng qua cơn bão tố. Tôi sẽ về thôi nhưng anh nhớ báo cho cô Nguyệt và sư bác đừng về lúc này. Họ còn trẻ... Nguy hiểm lắm”.

Bernard, tối hôm ấy, lại hỏi Hải :

- Ông sư già nói gì?

- Dạ, sư cụ bảo là người tu hành, chỉ biết có Phật, không biết chuyện đời.

Sáng hôm sau, sư Vô Úy lại phải trải qua một trận tra tấn dữ dội hơn. Ông cụ vẫn một mực A di đà Phật. Bọn lính phòng nhì đánh gãy chân trái của cụ, cái chân vốn đã đau từ xưa. Sư Vô Úy ngất đi. Tỉnh dậy, ông lại A di đà Phật.

Một tháng sau, không có chứng cứ gì, Bernard đành thả cụ ra.

Trong thời gian ấy, ở Hà Nội, một tờ báo tiếng Việt có đăng một bài báo viết về tình hình nông dân vùng phụ cận thành phố Hà Nội. Có một số dòng nói về các chùa chiền, có nhắc tới trường hợp một vị sư già bị bắt oan, bị đánh đập đến nổi gãy cả chân. Và có viết về một viên chỉ huy đồn lợi dụng quyền lực, dọa nạt dân quê để bóp nặn. Sau bài báo có tính tổng quát đó, số sau tờ báo ấy lại đăng một bài có nhan đề là “Một vụ tham nhũng trá hình”. Bài báo kể lại một đám khao thượng thọ ở một làng quê. Đám khao có lính bông súng. Đám khao bắt cả làng đi mừng, cả vùng đi mừng. Bài báo phân tích cái hại của bọn cường hào, bọn có quyền đã bôi nhọ chính nghĩa quốc gia và đẩy người dân ngã vào tay Việt Minh. Điều ngạc nhiên là hai tấm ảnh: một tấm chụp một người lính bảo hoàng tay cầm súng đứng trước cái cổng gạch nhà ông chánh Long, tấm thứ hai chụp ba bốn người dân đứng trước bàn ghi danh sách người dân quê bị bắt buộc phải đi mừng.

Khi đọc tờ báo, quản Mật tức giận, lồng lộn. Hăn bảo :

- Ảnh này là của hai thằng thợ ảnh phố huyện.

Lập tức, Mật cùng hai vệ sĩ tới hiệu ảnh. Người thợ ảnh là một ông trung niên, tóc gọng kính, run cầm cập khi hai tên vệ sĩ túm ngực :

- Mà dám chơi tao. Muốn chết hả. - Quản Mật nói xong quăng tờ báo vào mặt ông thợ ảnh.

Thợ ảnh nhìn hai bức ảnh, lắc đầu quày quật:

- Quan quản nhầm rồi. Tôi, họa có là gan cóc tía, cũng chẳng dám làm việc này. Quan làm khao, có thuê tôi chụp ảnh đâu. Có điều gì nhầm lẫn ở đây. Tôi chưa hề đến chụp tại nhà. Tôi chụp ngay tại hiệu cũng không hết việc.

Lúc này, Mật mới chú ý nhìn gã thợ ảnh. Mớ tóc dài dẹt vệt bôi bi-dăng-tin bóng nhẫy, chải lật sang hai bên tai, bị xõa xuống như hai cánh gà rù; thỉnh thoảng lão phải đỡ tóc lên giắt vào hai vành tai. Mà đúng thật! Cái tay thợ ảnh hôm ấy trẻ hơn nhiều, đẹp trai hơn nhiều, tóc lại cắt ngắn, có vẻ là người thành phố sành điệu chứ đâu có như lão thợ quê gà rù này. Quản Mật ngắm kỹ rồi đi đến kết luận là mình đã mắc bẫy bọn nhà báo ở Hà Nội. Quản Mật lần trở lại những sự việc. Đúng bọn thợ ảnh này khác thường thật. Mình mời cơm, chúng không ăn. Khi trả ảnh, chúng không đến nhà mà lại gửi đến Phòng hành chính của quận. Ủ! Sao hôm đó mình hớ thế. Tại sao lại không hỏi giấy căn cước, giấy phép hành nghề. Thời loạn, chụp ảnh đâu phải dễ. Nhỡ ra ảnh chụp những bí mật quân sự thì sao? Có phải đúng chúng là nhà báo không?

Quản Mật cũng không nghĩ được xa hơn nữa. Bởi vì đây là việc của P.C Huyện. Thalan thực ra rất tin ở Mật. Bố trí những đồn bốt để mở rộng quyền kiểm soát và ngăn sự bành trướng của Việt Minh là nhiệm vụ của ông. Con sông Đào là phân tuyến giữa vùng du kích và vùng của Pháp. Sự lan tỏa ảnh hưởng của một đồn bốt là ba kilômét. Nếu không có bốt Đình Sọ, nơi ấy sẽ thành một lỗ hổng lớn để du kích từ bên kia sông đột nhập. Để bình định và lan tỏa thì không gì tốt hơn bằng dùng người địa phương. Do vậy, Thalan cho Mật làm sếp đồn Sọ. Thalan nghĩ: “Thời kỳ cầm chốt đã xong. Quản Mật là tay đắc lực, nhưng không thể hoàn toàn tin cậy được. Bởi vì dưới quyền Mật là một trung đội lính Việt bổ sung. Tới đây sẽ thêm hai trung đội nữa. Ít nhất phải có hai người Pháp ở đồn này. Đây không phải đơn vị của quân đội Bảo Đại. Họ là những người Việt tự nguyện đầu quân vào đội quân viễn chinh Pháp. Phần lớn, họ là những giáo dân và

những người có thù hận với Việt Minh. Nhưng dù sao họ cũng vẫn là những người Việt”.

Chuẩn úy Gustave được cử làm trưởng đồn chỉ huy chốt Đình Sọ. Quản Mật thực ra cũng không ngạc nhiên. Hẳn biết bài báo đã có ảnh hưởng đến chuyện này. Mật khác, hẳn cũng biết chốt Sọ được tăng quân số lên tới ba trung đội, và một viên quản như hẳn cũng không được đủ tin cậy để chỉ huy một toán quân như vậy. Gustave nói với Mật :

- Tôi nghĩ mọi việc vẫn được tiến hành như trước. Anh làm phụ tá cho tôi. Một người thông thạo địa phương như anh là một thuận lợi lớn cho công việc của chúng ta.

- Cám ơn chuẩn úy.

- Thời gian tới, anh cắt cử các trung đội trực đêm, trực ngày. Thời gian vừa qua ở P.C., tôi chỉ thấy đội tuần đêm đi theo dọc phố. Tôi nghe nói, ở đây, anh tổ chức được đội tuần đêm đi cách xa chốt đến ba cây số.

- Điều này tôi học được ở Việt Minh. Ở các chốt khác chỉ đi toàn đêm gần chốt. Tôi thích yếu tố bất ngờ. Du kích bảo chúng ta chỉ làm chủ ban ngày, còn ban đêm là của họ. Chúng ta có cái lợi toàn lính Việt. Họ cũng là nông dân, cũng can đảm. Tôi cho họ mặc quần áo nâu và đêm cũng đi phục kích như Việt Minh. Nếu đụng độ du kích, họ không sợ vì được trang bị toàn súng tự động. Hỏa lực của ta mạnh hơn.

Gustave gật đầu cười :

- Như vậy ta luôn ở tư thế chủ động chứ không phòng thủ động. Vậy thời gian tới anh cứ lo canh gác và tuần tra ban đêm. Còn tôi sẽ lo việc xây dựng lại vòng lô-cốt phòng thủ bên ngoài. Chúng ta phải lo đến những cuộc tấn công quy hàng tiểu đoàn của đối phương.

Khi nói chuyện với Mật, Gustave nghĩ tới Thalan. Viên đại úy này là một người lính Pháp đích thực. Đại úy tốt nghiệp Saint Cyr, đã tham gia chống phát xít Đức, một con người bốc lửa nhiệt tình vì vinh quang của nước Pháp. Chính khi quân Pháp thua to ở đường số 4, phải rút khỏi dọc biên giới, quân viễn chinh ở Hà Nội nhốn nháo, người ta đã nghĩ tới sự sụp đổ của sự thống trị của Pháp tại Đông Dương, thì riêng Thalan vẫn không tin điều đó. Ngay lúc đó ông đã tình nguyện đến P.C Huyện để thay thế cho viên chỉ huy ở đó bị thương nặng.

Vậy nên, khi tướng năm sao Jean de Lattre de Tassigny đến Đông Dương, thì đại úy tưởng như mình được hồi sinh nhờ một thần dược. Ông ta kêu lên: “Danh tướng bậc nhất của nước Pháp, vị cứu tinh cho danh dự nước Pháp đã đến rồi. Lá cờ tam tài từ nay sẽ phần phật tung bay kiêu hãnh trên đất Đông Dương”. Cũng dễ hiểu, khi Gustave thấy ông đại úy nhiệt thành ca tụng vị tướng năm sao của mình. Trước khi Gustave xuống đồn Sọ, Thalan giảng giải cho viên chuẩn úy:

- Cậu cũng biết rõ là tôi rất quý cậu. Cậu lái xe giỏi, nhưng tôi biết cậu còn là một chiến binh giỏi hơn. Lái xe ư, tôi dễ dàng tìm ngay được người thay thế. Nhưng còn đồn trưởng đồn Sọ, tôi đã nghĩ kỹ rồi, sẽ chẳng có ai thay thế được cậu.

Viên đại úy dừng lại để châm điếu thuốc. Trước khi viên chuẩn úy thân tín của ông xuống đồn Sọ, có lẽ ông ta muốn châm lửa, truyền lửa, làm sao để cho tình yêu nước Pháp được bùng cháy rừng rực trong trái tim Gustave.

- Cậu đã được nghe chiến lược bình định Bắc Kỳ rất tuyệt vời của đại tướng De Lattre chưa. Thế này nhé. Đại tướng đang cho xây một hệ thống lô-cốt Bunker bao vây lấy đồng bằng sông Hồng. Nó ngăn không cho Việt Minh từ Việt Bắc thâm nhập vùng vừa lúa. Nó cũng là hàng rào ngăn cản dòng lũ cộng sản từ Trung Quốc tràn xuống. Nó không giống như chiến lũy Maginot cổ điển, mà là một chiến lũy thời chiến tranh hiện đại. Hàng nghìn

những lô-cốt Bunker. Cậu hỏi giữa hai bốt là những răng kẽ hở ư? Không lo. Ở những khoảng cách đó ta có những đơn vị commăngđô (xung kích). Chỉ cần một người Pháp chỉ huy một trăm lính Việt, ta sẽ bịt kín những lỗ hổng đó. Và chính cậu là người đang thực hiện cái chiến thuật vĩ đại của ngài De Lattre. Cậu đã thấy vinh dự của mình chưa?

Điều thuốc lá không được rít đã cháy sát ngón tay đại úy, ông quăng mạnh rồi châm điếu khác. Gustave thấy bàn tay Thalan run run. Ông lại tiếp tục hùng biện :

- Cậu thấy không. Một người Pháp chỉ huy một trăm người Việt. Đó là chưa kể những đơn vị quân đội hoàn toàn Việt Nam Quốc trưởng Bảo Đại với những sĩ quan là những trí thức học Trường sĩ quan Đà Lạt. Cuối cùng người Việt sẽ đảm nhiệm việc tiêu diệt Việt Minh. Họ là những người chống cộng thứ thiệt. Họ là vua Bảo Đại, là Đèo Văn Long, là Chao Quang Lồ, là Việt Nam Quốc Dân đảng, là lính Nùng, lính Thái, lính Mèo, lính Mường, là người theo đạo Thiên Chúa đầy rẫy ở Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình... Với những người lính đầy hận thù cộng sản ấy, ta sẽ làm cho Việt Minh thiếu lương thực, ta sẽ bình hoàn toàn vùng châu thổ sông Hồng. Trong cuộc chiến tranh ác liệt này, ai làm chủ đồng bằng, làm chủ thóc lúa, kẻ ấy sẽ thắng. Cậu hiểu chưa? Chính cậu phải làm những việc ấy.

Bốt Đình Sọ đã trở nên một công trường lớn. P.C Huyện cử xuống mười lăm người thợ đổ bê-tông lành nghề. Họ đã đi xây lô-cốt ở nơi khác về. Ba trung đội, thì lấy hai làm việc canh gác và tuần đêm. Còn trung đội thứ ba cũng tham gia xây bốt.

Chủ yếu xây dựng hệ thống phòng thủ thứ hai, vòng ngoài. Sau khi quan sát và tham khảo kỹ càng, Gustave vẽ một bản sơ đồ và trình đại úy Thalan. Có thể hình dung vòng ngoài bốt Sọ trông như một tam giác lớn. Ở ba đỉnh tam giác xây ba lô-cốt bê-tông nửa chìm nửa nổi, ở đây lính có thể trực tiếp chiến đấu chống lại sự tấn công từ bên ngoài và yểm trợ cho hai lô-cốt ở hai đỉnh tam giác còn lại.

Ở giữa sân đình là chòi quan sát cao tám mét, có thể dùng ống nhòm từ đây quan sát các làng chung quanh. Phía dưới đặt khẩu súng cối 60 có khả năng bắn chung quanh bất trong trường hợp bị đối phương tấn công. Sẽ xin thêm một súng cối 81 để bắn xa.

Nằm phía ngoài ba lô-cốt bê-tông là hàng rào dây thép gai. Cách một đoạn nữa là một đường mương sâu hai mét rộng bốn mét, được tháo nước vào, tạo thành một con sông phòng thủ. Nằm ngoài cùng là một bãi mìn rộng năm mét. Gustave hãnh diện nói với Thalan :

- Khi xây dựng xong, bất này có thể chống lại sự tấn công của một trung đoàn đối phương.

Đại úy Thalan vỗ vai Gustave tỏ ý hài lòng. Ông chỉ thêm :

- Như tôi đã nói hệ thống phòng thủ của Vua Jean (người Pháp rất sùng bái De Lattre, gọi ông là Vua Jean) không có tính thụ động mà mang tính chủ động. Hệ thống là một chiến lũy dài dang dặc, như một tấm lưới ngăn Việt Minh từ phía bắc xuống đồng bằng. Các khe hở đối phương có thể xâm nhập là khoảng cách giữa hai đồn. Từ bất Sọ lên tới bất huyện là năm cây số. Vậy bất Sọ không thể để lính nằm yên trong đồn, mà hàng đêm phải cho quân đi tuần xa đồn, hoặc phục kích xa đồn trong vòng ba cây số. Phải luôn có con mắt tình báo để nhận ra những biến động của đối phương quanh đồn, dù là biến động rất nhỏ.

Mười lăm lính thợ cộng với trung đội lính đồn ngày đêm xây dựng ba lô-cốt. Khi công binh đã rải kín hàng rào dây thép gai, thì quân Mật bắt hai thôn Sọ Đoài và Sọ Trung phải cử một trăm dân phu đến đào hào nước. Có mười gia đình lính người Việt ở trong đồn. Gustave sai những cô vợ lính cùng đi đào hào và trả lương họ gấp đôi. Nhiệm vụ của họ ngoài đào đất ra còn phải để mắt đến đám dân phu, bởi vì rất có thể Việt cho người trà trộn vào để nắm tình hình.

Đúng như mong đợi của Gustave, Thalan tăng cường hỏa lực cho chốt Sọ. Đại úy gửi thêm cho họ ba khẩu FM và một súng cối 81. Gustave xoa tay hứng thú :

- Như vậy từ nay ta có thể khống chế những làng ở cách ta năm kilômét vì tầm bắn của cối 81 là tám kilômét.

Nỗi vui mừng của viên chuẩn úy càng tăng vì ngoài súng đạn, Thalan còn cử cả đội Hải, phiên dịch viên xuống cho anh. Thực ra, anh chàng đội người Việt này có biết gì về đâu. Nhưng anh ta là một người bạn, một người có thể tâm sự được. Mặc dù quản Mật nói được tiếng Pháp, nhưng Gusta không gần được anh ta. Mặc dù chuẩn úy học tiếng Việt, nhưng đó vẫn chỉ là dăm câu nói bập bẹ. Không được nói tiếng mẹ đẻ, sống giữa những người ngoại chủng, giao tiếp bằng thu tiếng ngô ngô ngọng ngọng, lắm khi phải ra hiệu nhiều lần bằng tay mà cuối cùng đành phải lắc đầu, rồi nhờ Mật phiên dịch mà không biết sự phiên dịch ấy có chính xác không. Tất cả những điều đó làm Gustave thấy cô đơn, cảm thấy như bị lưu đày để rồi cuối cùng nhiều khi thấy sợ hãi. Đúng vậy, liệu ta có tin cậy được những người bản xứ này không. Phần lớn họ là người công giáo, họ thành tâm theo người Pháp, nhưng đằng sau những con mắt như u buồn kia không biết là những ý nghĩ gì. Nếu như trong đám lính này có một vài người theo phía bên kia thì sao? Có thể lắm chứ. Ở nước Pháp, thời kỳ Đức chiếm đóng, luôn xảy ra chuyện đó. Có những đêm, Gustave càng nghĩ càng thấy sợ. Do vậy, khi ngủ, anh luôn để súng cạnh người và cài chặt then cửa. Bởi vì khi ngủ, đó là lúc ta yếu nhất, bởi vì chính đại úy Thalan cũng dặn dò kỹ lưỡng khi Gustave xuống đồn Sọ: “Cái khó là ta phải vừa tin cậy họ vừa không thể tin cậy họ. Ngay đại tướng De Lattre cũng vậy, ông rất tin tưởng ở con bài Bảo Đại, tuy nhiên, ông vua da vàng này nghĩ gì, đại tướng cũng không hiểu nổi”. Chuẩn úy dang tay ôm lấy đội Hải:

- Tôi không ngờ đại úy lại hiểu tình trạng của tôi đến thế. Tôi đang phát rồ lên vì sự cô độc. Anh là thầy tôi, là bạn tôi, là tất cả những gì tôi

cần thiết lúc này.

Đội Hải không bộc lộ tình cảm cuồng nhiệt như Gustave. Anh ta chỉ cười rất hiền từ và bình tĩnh nói một câu tiếng Pháp rất chuẩn về phát âm và văn phạm :

- Khi anh ra đi, trung úy Bernard điện ngay về Hà Nội xin một phiên dịch viên đã được tuyển chọn kỹ lưỡng. Đó là thiếu úy Lân đã đỗ tú tài phần một, trượt phần hai. Lân là con nhà công chức. Quân đội Pháp hứa, sau ba năm quân ngũ, sẽ cử anh sang Pháp học.

Sau hai tháng, bột Sọ đã hoàn toàn giống như thiết kế mà Gustave mong đợi. Lúc này chuẩn úy chuyển sang kế hoạch củng cố thế lực của người Pháp ở các làng quanh bột. Cách một, hai cây số gồm hai làng Trung và Đoài. Cách trên dưới ba cây số có làng Bùi Xá, Trịnh Xá và làng Thượng. Ngày nào, Gustave cũng đi cùng Hải đến nhà các hào lý của các làng để xem xét tình hình và để thông thuộc các đường ngang ngõ tắt. Vài buổi tối, người đồn trưởng đi theo Mật tuần tra lúc thì ở làng Bùi Xá, lúc thì Trịnh Xá. Đó là hai làng mà ban ngày vào ta thấy nhan nhản những khẩu hiệu của Việt Minh vẽ trên hờng. Nào là “Nông dân là quân chủ lực của cách mạng”, nào ta “Hỡi binh lính Pháp, hãy hồi hương”, nào là “Đả đảo Bảo Đại và bè lũ Việt gian bán nước”. Gustave đưa ra kế hoạch bình định hai thôn này. Đầu tiên là quân sự. Đang đêm bao vây làng Bùi. Du kích chống cự, liền đốt mười căn nhà nơi phát ra tiếng súng. Tập trung cả làng ra đình. Kẻ chỉ điểm trùm bao tải nhận mặt. Bắt người tình nghi lên phòng nhì P.C. Cuối cùng lập tề...

Gustave rất chú trọng đến tình báo. Phòng nhì P. có hệ thống mật vụ riêng ở các làng. Gustave thu nhặt tin tức thông qua các hào lý và tay chân của họ. Đồn trưởng Sọ khuyến khích mật vụ bằng tiền thưởng. Ngoài ra, Gustave còn biết sử dụng cả những bà vợ lính trong đồn. Họ đi chợ Thượng hàng ngày. Ở chợ khối tin tức của các làng trong vùng. Các bà la cà ăn miếng trà, uống miếng nước, nói chuyện tầm phào với những người quen.

Vợ lính vốn người thiên hạ, nhưng đi chợ mãi, nhãn mặt nhau, cuối cùng thành thân thiết với người dân các làng lúc nào không biết.

Sáng hôm ấy, một vợ lính báo cho Gustave :

- Lạ thật! Riêng làng Trung hôm nay bán năm con chó. Phiên trước có ba nhà.

Mật rất nhạy bén. Ông quản cười :

- Các ông du kích lại bắt đầu về làng Trung. Việt Minh thấy ta đang siết chặt làng Bùi và lỏng tay để làm yên dân làng Trung nên đã mon men đến gần bốt. Thảo nào...

Quản Mật thỉnh thoảng vẫn về nhà ông chánh Long, hút chơi điếu thuốc phiện ở bàn đèn của bố. Hăn nằm đấy nhưng luôn cảnh giác. Tiếng chó trong làng là tiếng chuông báo động của hăn. Thường thì những làng có cán bộ về đều vắng tiếng chó cắn. Chẳng ai cấm nhưng người dân tự động diệt chó, đe cho bước chân của người du kích không bị lộ.

Báo cáo hàng ngày của đồn trưởng viết về ngày hai một, sau phiên chợ Thượng như sau:

Nghe được tin diệt chó ở thôn Trung, buổi tối đồn trưởng Gustave đích thân đi tuần tra đêm. Mười giờ tối xuất phát. Đồn phó Mật ở lại chỉ huy đồn. Đội tuần tra gồm mười lính Việt, đồn trưởng và phiên dịch viên. Đồn phó Mật nói chùa Sọ là trọng điểm. Đội tuần tra phục trong vườn chùa.

Quả đúng như tin đồn ở chợ, cả làng không có tiếng chó, trừ ngôi nhà lớn của chánh tổng Long. Ở đấy có tới ba giọng chó khác nhau. Chùa Sọ cũng không có chó. Đồn trưởng cho vượt tường gạch vào hăn trong chùa. Nghe thấy tiếng mõ. Nhìn vào đại điện, thấy có người đang gõ mõ, chú tiểu ngồi sau lưng buồn thiu, ngọn nến hiu hắt lúc tỏ lúc mờ. Phục ở chùa hơn

một tiếng đồng hồ. Không thấy động tĩnh gì hết. Cho tới lúc chú tiểu dìu sứt cụt đứng dậy chống nạng tập tễnh về buồng ngủ mới rút quân.

Phục kích ở ruộng ngô bên ngõ ra phía bờ sông. Đến hai giờ đêm, nhờ có trăng hạ tuần sáng nhờ nhờ, thấy có mấy bóng đen xuất hiện rồi lại biến mất ở những ruộng ngô xa. Đuổi theo, nổ súng. Chắc là họ ra phía sông Đào. Điện về đồn. Cho súng cối bắn dọc bờ sông.

Ngày hai mươi mốt. Cho hai trung đội vào làng Trung. Soát xét từng nhà. Kiểm tra kỹ từng góc ngách. Cả nhà ông chánh tổng cũng xem xét kỹ. Không có sự gì lạ.

Dự kiến những ngày tới: Tăng cường tuần tra các làng ban đêm. Nhất là làng Trung. Cho gọi các gia đình bị nghi vấn lên bắt thẩm vấn. Bất thành linh, tập trung dân làng Trung kiểm soát giữa đêm. Kiên quyết không để cho du kích tái lập ảnh hưởng tại đây.

Chú thích :

[1] Collaborateur (tiếng Pháp): người cộng tác với địch trong kháng chiến Pháp - Đức thế chiến II.

ĐỘI GẠO LÊN CHÙA

Nguyễn Xuân Khánh

www.dtv-ebook.com

Chương X

Lúc sư cụ bị bắt, bị giải lên huyện, tôi chỉ biết khóc. Khóc cả ngày hôm ấy. Khi người bị trói rồi bị đẩy lên ô tô, thầy tôi còn cố ngoái lại dặn dò tôi :

- Con ở nhà, giữ lấy chùa. Nhớ đừng sao nhãng hương đăng.

Ngày hôm ấy, tôi quên cả ăn, ngồi ở chánh điện, nhìn lên tượng Phật, lẩm nhẩm cầu xin đức Thế Tôn phù hộ cho thầy tôi thoát vòng tù ngục, cầu nguyện mãi rồi lại khóc. Khóc cho đến cạn khô nước mắt, rồi mệt quá lăn ra đất ngủ thiếp đi.

Khi tỉnh dậy, trời đã khuya. Tôi giật mình sững sốt. Thế là mới chỉ ngày đầu, tôi đã quên cả đèn nhang, quên cả lời thầy dặn. Tôi vội vàng đốt mấy nén hương thơm, cắm lên bát nhang. Rồi thỉnh chuông, gõ mõ. Tôi nhớ tới đức Quán Thế Âm Bồ tát, vị Bồ tát nghìn mắt nghìn tay, người luôn nghe thấy tiếng kêu than khổ đau của cõi nhân gian, để mở lòng thương cứu giúp. Tôi niệm hồng danh của Người, vì thầy tôi nhiều lần dạy rằng: lúc nào ta đau khổ, thì chỉ cần nhắc đến tên Người là Người đã sẵn sàng có mặt ở bên ta, trong tâm hồn ta. Tôi đã niệm tên Người hàng trăm lần, hàng ngàn lần, niệm cho đến niệm lúc lạc vào giấc mơ.

Tôi sợ lắm. Đêm ấy tôi sợ lắm. Nỗi sợ hãi như thấm vào tận xương tủy. Mới chỉ đến giữa mùa thu, mà đêm ấy, sao tôi thấy lạnh thế. Con chó vàng đi đâu? Từ lúc thầy bị bắt nó cứ ra nằm ở tam quan để ngóng. Nó chờ thầy tôi. Vàng ơi! Mà hãy còn nằm ngoài gió lạnh hay sao? Tôi thềm nó đến ngồi bên cạnh tôi để sưởi ấm cho tôi, để tôi được ôm lấy nó, được lùa bàn tay vào lớp lông dày của nó, để được ngửi cái mùi gầy gầy, hôi hôi

thân thuộc, để được con vật thè cái lưỡi ram ráp, nóng hồi liếm vào bàn tay, liếm cả vào mặt. Sự an ủi lúc này, dù là của một con vật, đối với tôi cũng vô cùng quý giá. Không hiểu sao, chính lúc ấy, tôi lại nhớ tới hình bóng của cha mẹ tôi. Nghĩ đến cái thê thảm rùng rợn của xác người nằm trên vũng máu, cái cổ họng bị cắt, mở ra toang hoác. Những hình ảnh ghê rợn ấy cũng là một lý do thúc đẩy chị em tôi rời bỏ làng quê ra đi, và không bao giờ muốn quay trở lại nữa.

Chị em tôi đã may mắn đến được chùa này, đã may mắn gặp được sư cụ từ bi cứu giúp. Chúng tôi đã may mắn tìm lại được mái ấm. Nào ngờ, nơi cửa Phật cũng không tránh khỏi được bão táp mưa sa. Thầy ơi! Bây giờ, trong chốn ngục tù, thầy ra sao? Chị ơi! Bây giờ chị ở đâu? Cả sư bác Khoan Độ nữa. Sư bác đã chặt đứt cả một ngón tay để thề nguyện suốt đời bảo vệ Phật pháp. Nhưng liệu sức người có chống đỡ nổi cơn bão táp phong ba này không? Tôi ngồi dựa lưng vào cây cột lim, suy nghĩ miên man và nghe những con chim đêm vừa bay qua chùa vừa kêu lên những tiếng nào nùng thê thảm. Ồ! Sao đêm nay lắm chim lợn đến thế. Loài chim ma quỷ mang điềm gở, đêm nay tụ tập đến chùa làm gì nhỉ.

Tôi sợ lắm. Sợ đến buốt giá trong lòng. Không phải nỗi sợ cái lạnh từ ngoài thấm vào. Có lẽ nó từ trong xương tủy toát ra. Cũng có thể nó là sản phẩm của ngôi chùa thê thảm đột nhiên trở nên hoang lạnh, cô cút, cô đơn. Sư phụ của tôi tên là Vô Úy, nghĩa là không sợ. Sư cụ giảng cho tôi :

- Con ạ! Ngày xưa thiền sư Vạn Hạnh nói rằng: “Nhậm vận thịnh suy vô bố úy” (gặp cảnh đổi thay trên cõi đời, không sợ hãi). Thầy ta đã lấy chữ Vô Úy mà đặt pháp hiệu cho ta. Sống ở cõi nhân gian tức là sống giữa những đau khổ. Không sợ hãi, mới tìm được Niết Bàn. Niết Bàn chẳng ở đâu xa. Nó ở ngay cõi trần gian này.

Sư phụ ơi! Khó quá! Con chưa hiểu nổi. Con sợ hãi lắm. Mệt quá, tôi ngủ thiếp đi. Thầy tôi về với tôi trong giấc mộng. Người thầy đầy máu, mặt mũi tím bầm. Tôi nức nở ôm lấy thầy. Sư phụ hiền từ bảo :

- Nín đi! Con đừng sợ. Nghiệp đấy. Có nghiệp thì phải trả. Trả xong, thầy sẽ về với con.

Tôi nín áo. Thầy dứt áo quay đi. Bất thần một quái vật to lớn, miệng đỏ lòm há to. Thầy lạng lẽ đi về phía cái miệng há hốc. Tôi thét lên, tỉnh giấc. Cũng là lúc trời rạng sáng. Tôi xuống bếp nấu cơm. Tôi bưng bát cơm rưới tương, lừa vọi vàng vào miệng, rồi lùn cùn theo đường cái quan lên huyện.

Trời còn mờ sương sớm. Đoàn lính từ chốt Sọ đi mở đường còn sớm hơn cả tôi. Sáng nào cũng vậy, lính vẫn phải dậy sớm đi mở đường. Tức là họ phải đi dò mìn trên đường suốt năm cây số từ đỉnh Sọ lên đầu huyện. Ban đêm, lính Tây, lính bảo hoàng phải cố thủ trong đồn. Đêm tối thuộc quyền kiểm soát của du kích. Họ chôn mìn trên đường. Quân Pháp cậy có ô tô, ban ngày, cho xe chạy trên đường, cơ động nhanh đến khống chế các làng xóm ở cách xa các chốt. Mìn là cách khống chế sự cơ động. Khoảng tám giờ sáng, cuộc mở đường mới chấm dứt, lúc đó các xe cơ giới mới chạy.

Tôi gặp toán lính mở đường ở khoảng ba kilômét cách chốt Sọ. Ở đây có những bụi sim mọc lúp xúp cách con đường một quãng chừng trăm mét. Bọn lính dùng súng tiểu liên bắn vào các bụi nghi ngờ. Tôi nghe người ta nói du kích đã thay đổi cách đánh mìn. Họ không chôn mìn tự động nữa, mà dùng loại mìn điện làm nổ tung một chiếc cam nhông đầy lính. Thấy tôi đi giữa đường, người lính cầm súng hỏi :

- Ê, nhóc con, đi đâu?

- Thưa ông, cháu lên huyện.

- Lên làm gì?

- Thưa ông, cháu đi thăm sư cụ.

- Sư cụ mà làm sao?

- Dạ, sư cụ cháu bị tù.

- Việt Minh hả. Sư mà cũng làm du kích hả?

- Dạ, không, sư cụ cháu chỉ đi tu thôi.

- Lại đây tao khám. Mà có phải là Việt Minh con không?

Người lính túm lấy tôi rồi nắm vào đũng quần. Hắn cười :

- Thằng này còn có dái, không phải chú tiểu. Việt Minh trá hình. Anh em ơi bắt nó lên đồn.

Tôi khóc thút thít. Một người lính hiền lành nói :

- Thôi! Đừng trêu chọc dọa nạt nó nữa. Ông sư chùa Sọ mới bị bắt. Thầy trò họ hiền lành lắm mà.

Người lính cầm súng lại hỏi :

- Mà mang theo cái đùm gì đây?

- Dạ, cơm nắm. Cháu nghe bảo ở trong tù không được ăn, nên cháu đem cơm cho thầy cháu.

Nghe cái giọng thật thà của tôi, trông thấy tôi rân rấn nước mắt, hình như người lính cầm súng cũng động lòng Anh ta không dậm dọa tôi nữa, mà hỏi :

- Chúng tao chưa gỡ mìn quăng trước mặt đâu. Mà đi không sợ vấp phải mìn sao?

- Cháu là sư, du kích họ không nổ mìn đâu ạ.

Lại hỏi :

- Họ không dùng mìn đánh chết mày, thì họ đánh ai?

Tôi im lặng không trả lời. Bọn lính gật gù. Có tiếng nói :

- Chú tiểu láu cá lắm. Nó sợ bảo rằng du kích dùng mìn để đánh Tây, thì sẽ bị chúng ta ghép vào tội tuyên truyền Việt Minh.

Những người lính dẫn ra nhường lối cho tôi đi. Anh lính cầm súng dậm dọa tôi lúc này còn dậm với theo:

- Mày nhớ đi vào chính giữa đường. Đừng đi bên lề. Việt Minh hay chôn mìn ở bên lề đường. Hôm nọ có con chó chạy ở vệ cỏ cũng bị mìn nổ tan xác...

Hóa ra người lính này chỉ dậm dọa cho oai. Thực ra, bụng dạ anh ta cũng không đến nỗi nào. Tôi theo lời anh cứ giữa đường mà đi. Con đường này chỉ là tỉnh lộ. Con đường trải đá dăm, lâu ngày không được sửa chữa. Hồi đầu kháng chiến, dân xã, theo lệnh trên, đào những hố to như những cái rá để ngăn không cho xe tăng của Tây đi. Sau này, người Pháp, khi chiếm đóng, có cho sửa chữa lại. Tuy nhiên, con đường vẫn lờm chờm, đầy ổ gà, và vì mặt đường không trải nhựa, nên con đường vẫn có nhiều chỗ đáng nghi ngờ; du kích vẫn có thể chôn mìn, và nếu nguy trang khéo léo, khó ai có thể phát hiện, lối đi giữa đường, miệng lẩm nhẩm niệm hồng danh bồ tát Quán Thế Âm. Sự tụng niệm ấy, thật không ngờ, đã làm cho tôi, một chú bé mấy tiếng trước đây còn run rẩy vì sợ hãi, cô đơn, tuyệt vọng bỗng trở nên chững chạc, vững tin. Tôi quán tưởng tới Bồ tát từ bi nghìn mắt nghìn tay, thấy ánh hào quang dịu dàng của Người như đương tỏa sáng trong tâm trí tôi. Và tôi đã đến huyện hoàn toàn bình an vô sự.

Người phố huyện chỉ cho tôi đến trại giam. Trại giam phòng nhì là nhà một ông Hàn, có tường cao, có cổng gỗ lim. Người lính gác là anh da đen

rạch mặt. Hắn ta thấy chú tiểu lại gần liền giơ súng có lưỡi lê đuổi quây quây :

- Ê, bé con. Đi không tao bắn.

Chú tiểu quỳ xuống, lạy người Tây đen :

- Xin ông đón tay làm phúc, cho phép tôi vào thăm thầy tôi.

Người da đen nghe không hiểu, liền lên đạn và quát tháo :

- Bé con. Lui ra. Tao bắn.

Quan hai phòng nhì Bernard đứng ở hiên nhà thấy cảnh ồn ào cổng vội chạy ra, theo sau là anh bồi mặc quần áo trắng. Bernard hỏi tôi bằng một tràng tiếng Tây xì xồ. Anh bồi áo trắng phiên dịch :

- Tây hỏi cháu đến đây có việc gì?

- Thưa, con đến thăm thầy con là ông sư bị tù sáng hôm qua.

Anh bồi dịch :

- Lui, bé con, vouloir, voir, le bonze, emprisonner matin hier [1].

Tây Bernard nhú mày nghĩ ngợi. Tôi nói tiếp :

- Cháu mang cơm đến cho sư cụ.

Anh bồi lại dịch theo kiểu bồi :

- Lui, vouloir, envoyer, poignée de riz, au bonze [2].

Tây Bernard bỗng trở nên tò mò. Hắn cầm nắm cơm từ tay tôi, bẻ đôi ra nhìn, rồi bỗng mỉm cười, gật gật, xoa đầu tôi và nói xì xồ.

Anh bồi có vẻ ngạc nhiên bảo tôi :

- Ông Tây bằng lòng cho chú vào thăm đấy. Nhớ bảo với ông sư rằng khai ra thì ông Tây cho sư cụ về với cháu.

Anh bồi ngạc nhiên vì chưa bao giờ thấy Tây Bernard dễ tính đến thế. Có thể, người sĩ quan phòng nhì này thấy tôi là một chú tiểu ngô ngộ, cũng có thể lòng anh ta có chút cảm động nào chẳng, khi thấy tôi tha thiết xót thương thầy tôi. Nó giống như tình cảm người con với người cha. Ở bên đạo, tại các nhà thờ, không có các chú tiểu đi tu giống như ở chùa. Có lẽ người Tây này thấy điều đó là hay hay, là lạ nên đã ban cho tôi cái đặc ân này chẳng?

Nhà giam là năm cái casô, tựa tựa như năm gian nhốt ngựa, nhưng kiên cố, có chấn song sắt. Thầy tôi, quần áo tả tơi, mặt thâm tím, nằm còng queo trên sàn ximăng. Tôi kêu thầy ơi rồi khóc hu hu. Thầy tôi run rẩy đứng lên, bám lấy chấn song sắt. Ông cụ thều thào “A di đà Phật”. Đôi mắt mờ của thầy nhìn chăm chăm vào tôi.

- Con đấy ư? A di đà Phật, cầu Phật phù hộ cho con.

Tôi ghen ngào đưa năm cơm hẩm và gói muối vừng cho thầy.

- Thầy cố ăn cho khỏe.

- A di đà Phật.

- Ông Tây bảo thầy khai thì sẽ thả ra.

- A di đà Phật.

- Ngày mai con lại mang cơm cho Thầy...

- A di đà Phật.

Thầy tôi cứ niệm Phật mãi bằng một câu như vậy. Cho đến phút chót thầy mới nói được một câu khác, nhưng vẫn là câu hôm ra đi thầy đã dặn tôi :

- Con ở lại giữ lấy chùa. Đừng quên sớm tối đèn nhang. A di đà Phật.

Tiếng A di đà Phật cứ văng mãi trong tâm hồn tôi. Về sau, tôi mới biết, khi bị hỏi cung, bị tra tấn, thầy tôi vẫn chỉ một mực nói câu nói ấy. Nó như một câu thần chú, đem lại cho thầy tôi một sức mạnh kỳ diệu để chống lại sự đau đớn thể xác, để không làm trái với những niềm tin của cả đời mình. Thầy tôi là một nhà tu hành thuần thành. Một ông thầy chùa đích thực thì phải có lòng từ ái. Từ với tất cả chúng sinh, từ ái với cả những kẻ coi mình là thù nghịch. Không sân hận ngay với kẻ muốn làm ác với mình, muốn giết mình. Điều đó mới khó làm sao. A di đà Phật. Thầy chỉ còn biết niệm Phật để mong cho mình có sức mạnh mà chịu đựng. A di đà Phật. Đức Thế Tôn xưa rải tâm từ đến con voi điên muốn giết ngài và cuối cùng đã cảm hóa được nó. A di đà Phật. Nếu không có từ tâm ấy thì thầy tôi lấy đâu ra sức chịu đựng, chắc chắn thầy đã chết trong những cuộc tra tấn khủng khiếp ấy. Tâm từ, thầy tôi đã rải cho cả chính mình. Chính tâm từ đã cứu mạng sống cho bản thân thầy. Bây giờ, tôi mới hiểu tại sao sư tổ ngày xưa lại đặt pháp hiệu cho thầy tôi là Vô Úy.

Tôi trở về chùa. Cứ nghĩ đến cảnh gặp thầy tôi ở xà lim phố huyện, tôi lại vô cùng lo lắng. Nhưng nghĩ tới người Tây dễ tính cho phép tôi vào thăm thầy, tôi lại có chút hy vọng. Còn nghĩ rằng sự đức độ của thầy, cái tâm từ bao la của thầy có lẽ đã cảm hóa được người Tây đó chút nào chẳng. Người ta cho tôi vào thăm thầy, tức là người ta cho rằng tội thầy tôi cũng nhẹ. Có khi chỉ là sự nghi ngờ nào đó thôi. Việc thầy tôi được thả ra chắc chỉ là chuyện ngày một, ngày hai.

Các bà vải đến giúp tôi trông nom chùa ngày nào cũng có mặt. Ruộng chùa sư bác Độ cho cấy rẫy hết. Chỉ có mấy sào lúa nếp hương đã hoe hoe vàng. Mấy ruộng nếp đóng oản quanh năm. Nếp này nếp cái vừa dẻo vừa

thơm. Một bà vải làng lấy chồng Nam Định, vẫn nhớ đến chùa làng, đem năm cần thóc giống tận quê chồng lên đây cúng chùa. Bác Độ chăm sóc thật khéo. Gần chục năm rồi mà giống vẫn không lai tạp. Gạo vẫn dẻo vẫn thơm.

Thầy tôi dặn dò lúc ra đi, rồi nhắc lại lời dặn khi tôi đến xà lim, điều ấy tôi đâu dám quên. Lời thì ngắn, nhưng ý thì nhiều. Trông nom nhà chùa, đèn nhang sớm tối còn gồm cả chuyện những mảnh lúa nếp này nữa. Có một mảnh đã chín. Các bà vải và tôi phải mất hai ngày trời mới thu hoạch xong mảnh ruộng ấy.

Tôi theo thầy tôi thẩm thoát đã gần ba năm. Thầy dạy dỗ tôi thật kỹ càng. Ngoài học tập kinh kệ, chữ nghĩa, tôi còn phải học làm việc đồng áng. Thầy bảo :

- Con người ở chùa phải tinh tấn học tập từng giây từng phút. Ăn là thiền, nói là thiền, nghĩ là thiền, đi đứng là thiền, làm việc đồng áng cũng là thiền. Bởi vì thiền là sự sống, hiểu sống. Ta bưng bát cơm ăn, ta cảm ơn sự sống. Người làm ra hạt gạo tức làm ra sự sống. Do đó ta quý việc đổ mồ hôi trên luống cày.

Tôi mười ba tuổi, không cao lớn, nhưng gân thịt săn chắc. Làm việc dẻo dai. Đã gánh nổi ba chục cân lúa ở đồng về.

Gặt xong lúa, hôm sau tôi định lại lên phố huyện thăm thầy. Tôi dậy sớm nấu xôi gạo mới. Cơm sôi, mùi hương nếp từ bếp tỏa ra, bay vào gian chính điện. Cả ngôi chùa thơm nức hương nếp. Tôi quán rơm trùm trên nồi cơm. Đợi cho rơm cháy hết, tôi ra sân chùa, đến cây mít hái lá. Tôi muốn đóng chục cái oản. Trước là dâng lên cúng Phật, sau là làm lộc cho các bà vải đem về nhà, để các cháu nhỏ cũng được thụ lộc của trời đất. Hôm nay sẽ đóng oản nhiều hơn mọi ngày răm mùng một. Tôi sẽ mang oản này lên nhà giam cho thầy. Tôi đứng dưới gốc mít, cứ nghĩ như vậy. Thích thật! Oản chưa đóng mà gốc mít đã thơm lừng mùi oản. Hóa ra hương nếp bay ra

tận đây, đọng lại rên vòm lá xanh rờn. Hóa ra hương nếp lẫn vào sương mù buổi sớm như tấm áo choàng thơm tho ướp hương cho chừa.

Lần này, tôi đến phố huyện sau khi lính đồn Sọ đã mở đường, gỡ mình xong. Khoảng hơn mười giờ sáng tôi đứng trước cửa trại giam P.C. Tôi đứng xa xa, chờ đến lúc ông Tây xuất hiện ở sân mới xách cái bị lò dò đến gần cửa. Lính Tây đen rạch mặt lại quát to :

- Ê, bé con, đi ra xa, mau lên.

Tôi lại khúm núm xin xỏ, mắt vẫn liếc vào sân, mong ông Tây mặt đỏ như mặt gà chọi chú ý. Lần này, ông Tây mặt đỏ ra mở cửa, nhưng không có ông bếp áo trắng đi theo. Tôi đứng trước mặt ông Tây, khắp khởi mừng thầm vì lại được gặp con người dễ tính nhân đức này.

- Con xin chào quan lớn.

- Mà muốn cái gì?

Hóa ra ông Tây cũng biết tiếng ta, tuy nói giọng lơ lớ.

- Con xin thăm tù. Thăm ông sư. - Tôi vừa trả lời, vừa làm hiệu xoa lên cái đầu trọc của tôi.

- Thăm sư ha. Thăm Việt Min ha.

- Thưa vâng.

- May la Viet Min be con ha.

- Không, tôi là sư.

- Cut đi! Me may! Cut đi!

Nói xong, người Tây giơ chân đi giày sắt đá đập mạnh vào người tôi. Một cú đập trời giáng, đập hết sức làm tôi ngã vang ra xa.

- Me may. Viet Min, be con.

Nét mặt người Tây cau lại hung dữ, hoàn toàn khác người Tây mà tôi gặp lần trước. Tôi có lầm đâu. Vẫn người Tây cũ không sai. Một con người hiền lành dễ tính sao bỗng nhiên thành một hung thần làm ta khiếp đảm. Tôi chẳng hiểu nguyên nhân sự đổi thay ấy từ đâu. Ông ta nhổ nước bọt rồi quay đít đi vào trong khi mặt tôi tái xanh, chưng hửng. Người lính da đen cũng hùa theo. Anh ta lên đạn lách cách rồi giậm chân mạnh xuống đất kiểu như ta đuổi chó. Tôi vội lồm cồm nhồm dậy và lùi thối bước xa. Người lính da đen đóng cánh cổng lim lại. Tôi kêu lên trong lòng :

- Thầy ơi! Bây giờ thầy ra sao. Liệu con có gặp lại được thầy nữa không? Con không hiểu sao lại thế...

Người tu hành không được phép sân hận trước bất cứ một điều gì. Lòng từ bi của đạo Phật là vô biên. Tuy nhiên, thú thật lúc đó lòng hận thù trong tôi bỗng đột ngột dấy lên. Nó như những lớp sóng bạc đầu nối tiếp nhau xô vào đầu óc tôi dồn dập. Tôi khóc với đôi mắt đỏ ngầu, bàn tay nắm chặt. Tôi muốn hét thật to. Tôi ra khỏi phố một quãng, ngồi phệt xuống bờ ruộng. Người tôi như được tích tụ thuốc nổ, chỉ chờ nổ tung. May mắn là tôi khóc được. Nước mắt đầm đìa khuôn mặt. Nước mắt ào ạt tràn ra, không tài nào cản được. Tôi khóc cho đến lúc không còn nước mắt. Hàng tiếng đồng hồ ngồi khóc, dần dần làm lòng tôi dịu lại. Tôi ra con mương gần đấy, vốc nước vả vào mặt. Nước mát làm tôi tỉnh táo lại. Tôi suy nghĩ trước sau, và chợt nghĩ ra anh Hải. Ủ, tại sao tôi không đến gặp anh Hải. Anh vừa là thầy giáo của tôi, vừa là anh rể tương lai của tôi.

Tôi đến P.C (đồn chỉ huy khu vực). Ở đây khác với trại giam. Lính đông đúc. Xe cộ tấp nập ra vào. Bao nhiêu là Tây trắng, Tây đen, bảo hoàng, lính dù, lính mũ đỏ. Lúc này tôi sợ sệt chứ không bạo dạn như đến

trại giam. Tôi chỉ dám đứng ở rất xa chứ không dám lại gần. Mãi mới thấy một anh lính bảo hoàng từ trong đồn đi bộ ra phố. Tôi lại gần lễ phép hỏi :

- Thưa bác, tôi có người nhà làm thông ngôn. Nhờ bác làm ơn làm phúc nói cho làm cách nào gặp được ông ấy.

- Tên ông ta là gì?

- Dạ, Hải, ông đội Hải.

- Đúng. Có ông đội Hải thông ngôn. Nhưng mấy hôm nay ông về Hà Nội có việc.

Chú thích:

[1] Lui, bé con, vouloir, voir, le bongé, empuisonner, matin hier: Nó, bé con, muốn, thăm, ông sư giam sáng hôm qua.

[2] Nó, muốn, gửi, năm cơm, cho ông sư.

ĐỘI GẠO LÊN CHÙA

Nguyễn Xuân Khánh

www.dtv-ebook.com

Chương XI

Điện từ P.C báo rằng, sáng hôm ấy, đích thân đại úy Thalan sẽ về kiểm tra chốt Đình Sọ. Trưởng đồn - chuẩn úy Gustave bắt các trung đội trưởng phải kiểm tra cẩn thận vũ khí, trung đội trực ban ngày phải đầy đủ quân số ở các lô-cốt, nhóm tuần tra vào làng phải túc trực đợi lệnh, mấy gia đình binh sĩ ăn ở trong đồn phải sạch sẽ gọn ghẽ, không cho trẻ nhỏ lếch thếch nghịch ngợm các nơi.

Chưa đến tám giờ sáng, tổ dò mìn mở đường đã báo về đường đã thông. Tám giờ ba mươi phút, xe dip của đại úy Thalan đã bóp còi inh ỏi ngoài cổng lớn. Gustave quân trang tề chỉnh vội vã ra đón. Sau cái chào nhà binh cứng ngắt, hai thầy trò ôm chầm lấy nhau. Từ trận rơi vào ổ phục kích bị thương, trong trận đó, ô-tô cháy bùng bùng, Gustave đã bình tĩnh dũng cảm cứu sống Thalan, từ đó đại úy chỉ huy coi chuẩn úy Gustave như anh em của mình.

Tiếng là đi kiểm tra, nhưng đại úy Thalan hoàn toàn tin cậy Gustave, nên cuộc kiểm tra chỉ là hình thức. Ông đi lướt một vòng, rồi vội kéo người chuẩn úy thân cận của mình vào bên trong đình nói chuyện. Chợt nhìn trước sân, thấy chiếc chòi quan sát tám mét, cao lênh khênh, ông liền rủ Gustave lên đó. Đồn trưởng Đình Sọ cười nói với đại úy :

- Đúng là cần phải lên đây. Ở đây nhìn rõ khắp vùng. Tôi có chai vang lâu năm mua ở Hà Nội, cứ chờ uống cùng đại úy chưa có dịp.

- Như thế càng hay. Ở đồn của cậu, chỉ có trên cái chòi ấy là kín đáo nhất. Uống rượu cũng tiện mà bàn chuyện cũng tiện.

Khi rượu đã được rót ra, Thalan đưa cái cốc có chân cao lên ngang mặt, nhìn cái chất lỏng màu đỏ sẫm trong đó rồi dăm chiêu gật gù :

- Cậu thật vất vả. Một trăm người lính da vàng. Chỉ độc một mình cậu là người da trắng. Thật cô đơn nhưng biết làm sao khác được. Chúng ta phải dựng lên một đội quân da vàng cho đức vua Bảo Đại. Phải để cho người da vàng cùng gánh vác với chúng ta trong cuộc chiến tranh này. Vị tướng thiên tài De Lattre của chúng ta đã tốn bao tâm huyết vì chiến lược dựng lên đội quân da vàng ấy. Nếu đội quân bản xứ đứng vững, nếu người Việt gánh đỡ chúng ta được phân nửa công việc... thì đó là trọng trách to lớn và cũng là thắng lợi lớn... Cậu hiểu tôi nói chứ... Thật là cô đơn nhưng cũng thật cao thượng.

Hai người cụng ly rất kêu... rồi uống một ngụm dài. Uống vì nhiệm vụ cao thượng và vinh quang của quân đội Pháp. Thalan, nhờ có men rượu, nói càng lúc càng cao hứng, càng hùng hồn.

- Đúng là cao thượng và vĩ đại nhưng cũng thật cô đơn. Họ da vàng chúng ta da trắng. Họ phương Đông, chúng ta phương Tây. Cậu có nhìn những đôi mắt của những người lính của cậu không? Thật là buồn, lắm lúc mình thấy họ buồn đến nẫu ruột. Họ là những người Thiên Chúa giáo, là các tộc người thiểu số ghét người Kinh mà theo ta, họ là những người giàu có ở nông thôn và thành thị. Dù sao họ cũng chỉ là số ít so với các biển người nông dân cuồng nhiệt đi theo cụ Hồ. Vì họ ít nên họ cũng cô đơn. Vì họ theo ta nên họ đầy mặc cảm tội lỗi. Tôi lỗi vì cảm giác chống lại mảnh đất của tổ tiên mình. Cũng do vậy, họ vừa đáng tin cậy, vừa có những điểm không thể tin cậy. Này, thú thật đi, sống giữa họ có lúc nào cậu cảm thấy sợ không? Có lúc nào nhìn vào mắt họ, cậu thấy sự thù hận không? Tôi khuyên cậu phải tin họ nhưng phải luôn cảnh giác, nghĩa là dẫu sao những lúc ngủ cậu vẫn phải khóa bên trong, và hễ có chút nghi ngờ nào thì phải báo ngay cho tôi.

- Thưa đại úy, tôi hiểu chứ. Tôi nghe những người lính Batidăng, quân của tôi, nói với nhau. “Người Pháp đến rồi họ lại về Pháp, còn chúng ta vẫn phải ở mãi tại đây. Vì đó là xứ sở của chúng ta”.

- Cậu là người anh em của tôi. Tôi hiểu sự cô đơn của cậu. Tôi muốn giúp cậu nhiều. Nhưng giúp bằng cách nào. Điều nhiều người Pháp đến đây với cậu thì tôi không có người. Điều thêm một người Pháp nữa, thì một hay hai người nào khác gì. Thêm một người Pháp, chắc cũng có tác dụng về mặt tâm lý. Bởi vì, một anh hạ sĩ hay binh nhất thì hiểu biết gì về cái làng quê Việt Nam bí ẩn trước mắt ta. Tốt hơn hết là điều động chính những người Việt đến đây, nhưng phải là những người Việt đáng tin cậy và có học vấn để có thể làm bạn với cậu. Cậu thấy Hải là người thế nào?

- Cảm ơn đại úy đã cử Hải đến đây. Anh ấy là người bạn tốt. Một kiểu người trí thức nhaqué (nhà quê). Ở anh ấy thấy sự đôn hậu, thẳng thắn, trọng danh dự. Có điều lúc nào cũng rầu rầu. Mà phải thế chứ. Chúng ta bắt ông sư đi. Người vợ sắp cưới của anh sợ hãi bỏ đi mất, không thấy về.

- Tôi thích sự thẳng thắn, lương thiện, trọng danh dự của anh Hải. Hải là một thầy giáo trước khi vào lính mà.

Thalan nở nụ cười mỉm. Bố Thalan là giáo sư trung học. Mẹ cũng là giáo viên dạy nhạc, lại là hậu duệ của một gia đình quý tộc lâu đời đã sa sút. Thalan không khoe nguồn gốc của mình. Tuy nhiên dấu tích rất rõ trong tính tình và tính cách của ông. Đại úy trọng sự trung thực, lương thiện và danh dự. Tính quân nhân và tính quý tộc là hai điều thấy rõ nơi ông. Phải chăng chính vì thế nên đại úy rất yêu mến, yêu đến độ sùng bái vị tướng năm sao De Lattre. Ở con người vị tướng ấy, sự quyết đoán lắm khi đi đến độc đoán, sự kiêu hãnh lắm lúc đến cực đoan nên người trong quân đội viễn chinh gọi ông là Vua Jean điên rồ. Cũng có thể vì lý do ấy mà Thalan yêu mến, quý trọng thượng sĩ Hải cũng nên. về Hải, Gustave thêm nhận xét :

- Về đến đây, tôi mới biết quân Mật và thượng sĩ Hải là người cùng làng. Tính cách của họ như lửa với nước. Một người quỷ quyệt, tàn nhẫn. Một người thâm trầm, hiền hòa. Họ thuộc về hai dòng họ thù hằn nhau.

- Đúng vậy. Cho nên tôi mới cử Hải về đây. Để cậu được nghe tiếng nói từ hai chiều. Hoàn toàn nghe Mật nói cũng dễ sai lệch. Chúng ta có thể tin cậy Mật, vì anh ta thù ghét Việt Minh Tuy nhiên, chúng ta phải nghĩ theo cách một dân tộc văn minh, một dân tộc nổi tiếng trên toàn cầu với tự do, bình đẳng bác ái. Chiến tranh là tàn bạo, nhưng một dân tộc văn minh làm chiến tranh cũng phải tiến hành một cách văn minh. Tôi muốn những người Việt cộng tác với chúng ta trong cuộc chiến này, sau khi ra khỏi chiến tranh cũng phải học được ở chúng ta một cái gì.

- Xin đại úy cho một ví dụ.

- Như sự bình đẳng tự do chẳng hạn. Tôi chỉ là một đại úy quen. Nhưng tôi cũng có thể phát biểu về chiến tranh, thậm chí có thể tranh cãi bình đẳng với một vị tướng lừng danh. Tháng trước, tướng De Lattre cho mời một số chỉ huy các ca chê (quartier: phân khu) về tổng hành dinh để rút kinh nghiệm. Tôi có mặt trong cuộc họp ấy. Đại tướng rất kiêu hãnh về chiến lược phòng thủ bằng hệ thống đồn bốt boongke. Ông ta nói hệ thống ấy là một tấm lưới bê-tông, ngăn không cho quân đội Việt Minh từ chiến khu Việt Bắc xuống đồng bằng. Đồng bằng Bắc bộ là vựa lúa, là kho hậu cần của Việt Minh, về mặt lý thuyết, quân Việt Minh sẽ bị cắt đứt khỏi nguồn tiếp tế. Tôi phát biểu ý kiến: Trên thực tế, ta vẫn không ngăn được, vì đây không phải là một chiến lũy liên tục. Giữa hai đồn bốt là những khoảng cách. Việt Minh vẫn có thể di chuyển thâm lậu ở những khoảng cách đó. Nếu tin cậy quá vào những lô-cốt bê-tông ấy, sẽ có tác động tiêu cực. Tự nhất kín trong đồn bốt bê-tông dần dần sẽ bị nỗi sợ hãi xâm chiếm. Ta sẽ chuyển sang thế phòng ngự bị động. Ta sẽ trở nên tĩnh. Trong lúc chúng ta tưởng được bảo vệ kín đáo, thực ra là chúng ta như nằm trong nhà kính. Ai ai cũng có thể quan sát, nhìn rõ chúng ta trong đồn trại. Bởi vì Việt

Minh, dân chúng, dân quân du kích đều lẫn lộn không thể phân biệt. Họ có thể lọt vào trong đồn mà ta không biết. Người lính có khả năng chiến đấu bảo vệ đồn bốt nhưng không có khả năng chống lại người bản xứ xâm nhập đồn. Người ta bảo De Lattre là vị đại tướng điên rồ, ưa quát tháo nếu ai phát biểu trái ý. Nhưng hôm ấy ông lại ngồi im lặng, chăm chú nghe tôi nói. Thậm chí, khi tôi trình bày xong, ông lại nhiệt tình bắt tay, khen ngợi tôi.

Đến lúc ấy, Gustave mới biết mục đích của cuộc viếng thăm này. Tuần trước, quân Việt Minh tiêu diệt đồn Thà, một đồn có lô-cốt bê-tông, có một trung đội lính batidăng do một thượng sĩ tên là Roger chỉ huy. Tiêu diệt trong vòng hai tiếng đồng hồ. Ba năm người chết, trong đó có cả Roger. Mười lăm người mất tích. Mất một moọc chê 60, hai khẩu đại liên, toàn bộ hơn năm mươi khẩu súng trường, tiểu liên. Nhà cửa cháy rụi, lô-cốt bị đánh bọc phá. Nói chung, xóa sổ đồn Thà. Cuộc trò chuyện giữa đại úy Thalan và chuẩn úy Gustave kéo dài đến trưa. Cuối cuộc chuyện, đại úy ngừng nói, chỉ uống.

Cuộc độc thoại của Thalan chấm dứt trong sự trầm ngâm. Gió đông hiu hiu thổi vào tháp quan sát, ru người sĩ quan Pháp thiu thiu đi vào giấc ngủ. Gustave ngồi bên cạnh canh cho ông ta ngủ, đồng thời đưa tầm mắt ra xa xa, trên cánh đồng vàng ươm đang vào vụ gặt.

Rượu vang của Gustave thật ngon, thứ chính hiệu Pháp, mà Thalan vẫn ưa thích, mà Gustave vẫn nhớ mua về, rồi cất đi, để dành đến lúc này mang ra đãi. Thứ rượu vang đậm đà chất quê hương dìu người đại úy đi vào xứ mộng mị.

Giấc mơ trưa của viên đại úy vẫn chẳng khác gì khi thức. Chắc là ông ta nghĩ nhiều quá đến vị đại tướng năm sao trứ danh của mình, cho nên hình bóng của đại tướng lại về trong giấc mơ ông.

Đó là cuộc đón tiếp Jean De Lattre de Tassigny tại Phi trường Tân Sơn Nhất. Tất cả Paris, cả nước Pháp đều xôn xao vì cái tin tướng năm sao Jean De Lattre de Tassigny đã nhận trọng trách sang Đông Dương vừa làm Cao ủy vừa làm Tổng chỉ huy quân viễn chinh Pháp. Sau khi bị thua trận ở Biên giới, quân đội Pháp rút khỏi đường số 4 và tỉnh Lạng Sơn. Đó là một thất bại thảm hại. Tinh thần quân viễn chinh rã rời tưởng như sắp tan rã. De Lattre đã không đòi hỏi điều kiện, đã không dè dặt tuyên bố rằng :

- Tôi không đòi hỏi gì hết. Quân viễn chinh đang lâm nguy. Tôi đi cứu nguy cho quân đội bằng chính những phương tiện có sẵn ở đó. Các bạn sẽ phán xét tôi dựa trên những kết quả. Chỉ sau khi có những kết quả ban đầu, sự phục hồi đầu tiên, tôi mới sẽ trình bày một vài yêu cầu, những yêu cầu rất nhỏ để hoàn thành công trình.

Thế đấy! Một vị tướng tài ba, đầy tự tin đầy tham vọng cao thượng muốn cứu nguy, đem lại danh dự cho nước Pháp. Toàn thể các nhân vật cao cấp của Pháp trên toàn cõi Đông Dương đang hợp thành một đám đông khổng lồ, sốt ruột chờ đợi người hùng, vị tướng tài đã kháng chiến chống phát xít, đến Việt Nam như một vị cứu tinh. Những bó hoa đẹp nhất. Những bộ quần áo sang trọng nhất. Những con người cao sang nhất như cao ủy Pignon, tướng Carpentier. Những tấm huân chương lấp lánh, những phù hiệu cấp tướng, cấp tá đều được trưng ra ê hề, nhan nhản. Ai ai cũng cố gắng ăn mặc cho thật sang, mang một gương mặt cho thật tươi.

Máy bay hạ cánh, màu trắng bạc trên thân máy bay lấp lánh ánh mặt trời. Điệu nhạc Marseillaise cất lên. Cờ tam tài phất phới. Tiếng hô vang trời. Cao ủy Pignon, tướng Carpentier dẫn đầu đoàn quan chức cao cấp tiếp theo đường băng đến phía máy bay. Người ta đứng cách xa, nín thở. Kìa! Người anh hùng xuất hiện. Ông ta chậm rãi bước xuống thang máy bay. Đoàn tùy tùng từng người một cũng lần lượt bước ra. Choáng ngợp! Toàn thể phi trường choáng ngợp. Tất cả đều màu trắng. Những bộ quân phục trắng muốt nổi bật trên phi trường.

Ấn tượng nhất là đại tướng năm sao De Lattre. Ông mang trang phục hết sức quý phái và cổ điển. Chiếc cà vạt đen láy nổi bật trên nền quân phục màu trắng đến mức tinh khiết. Những huân chương xếp hàng trên ngực, chứng tỏ giá trị cao quý của vị tướng tài. Nhưng De Lattre còn muốn nhấn mạnh đến tính chất quý tộc của mình bên cạnh tài năng quân sự. Đôi bàn tay quý phái của ông được trang trí bằng một đôi găng trắng toát làm bằng thứ da hươu thật mịn, thật mềm. Và nhất là ông cầm một chiếc can để thể hiện một dáng vẻ ung dung quý tộc.

Đoàn tùy tùng của ông là những chiến hữu, những chuyên gia về phương Đông, về thuộc địa, ăn mặc cũng trắng muốt tinh tế như ông tuy không thể sánh bằng. Trước khi lên đường, ông đã gọi điện dặn từng người :

- Điều quan trọng là ăn mặc. Phải lịch sự và đẹp đẽ. Hãy gặp những người thợ may giỏi nhất. Hãy bắt họ thử đi thử lại. Khi đặt chân lên Đông Dương, chúng ta phải thật tuyệt vời. Chúng ta bắt đầu một trang mới. Vì vậy, tất cả phải trắng muốt, tinh khôi.

Tiếng hoan hô vang dậy. Tiếng hoan hô ở phi trường. Tiếng hoan hô còn như ở trên trời bay xuống. Càng lúc càng to. Có tiếng ai đó dặn dò vào tai đại úy một điều gì đó. Cũng lúc ấy Thalan tỉnh dậy. Trưởng đồn Gustave nói:

- Đại úy đã chớp mắt được một giờ.

Thalan vươn vai :

- Dễ chịu quá. Khỏe hẳn ra. Đêm qua mình chỉ ngủ chập chờn. Giấc mơ cũng rất tuyệt. Bây giờ mình vẫn còn nhớ những điều trong mơ. Hay thật. Mình lại gặp đại tướng trong giấc ngủ... Nhưng... Quái lạ thật... Cái đoạn cuối giấc mơ mình lại quên tịt... Chẳng còn nhớ chút gì... Phải rồi! Ai

đó ghé vào tai mình nói... Có thể là tiếng nói của đại tướng. Thế mà chẳng còn nhớ một chữ... Lạ thật!

Gustave gật đầu :

- Người ta nói rằng trong giấc mơ, điều ta quên đi chính là điều quan trọng nhất. Điều quên đi ấy chính là cái nút của giấc mơ. Có những vấn đề làm ta trăn trở, suy nghĩ đêm ngày mà vẫn chưa tìm được lời giải đáp. Rồi lời giải đáp ấy đến trong mơ, nhưng ta lại quên ngay mất.

Câu nói của viên chuẩn úy càng làm cho Thalan bực bội sốt ruột. Ông tập trung ngẫm nghĩ. Nhưng câu nói đó, ý tưởng đó không biết đã lẫn trốn ở xó xỉnh nào trong óc ông mà vẫn biệt tăm biệt tích.

Khi ấy, Gustave đưa ống nhòm nhìn ra cánh đồng tứ phía. Tất cả đều một màu vàng ươm. Đang vụ gặt. Người nhà quê từng tốp lố nhố trên những ruộng lúa. Những bóng người áo nâu, nón lá kiu kịt gánh lúa nhấp nhàng ve vẩy, nối đuôi nhau đi trên con đường trải đá. Họ đi theo vệ cỏ ở hai bên lề đường nơi trước đây rất hay chôn mìn, tuy nhiên họ đi rất thanh thản vững tin, như thể những chỗ ấy chưa bao giờ là nơi chết chóc. Mà lạ thật, trước đây, đội mở đường sớm nào cũng tìm thấy mìn. Còn từ một tuần nay không thấy bóng dáng tử thần. Mìn không cánh mà đã bay đâu hết. Hình như ở đây có một sự phối hợp nhịp nhàng vô hình nào đó. Bởi vì cũng từ một tuần lễ nay, nông dân bắt đầu gặt lúa. Không phải các ông lý trưởng các làng là những người có quyền hành. Có một người bí mật nào đó, một tổ chức bí mật nào đó đã điều hành tất cả những chuyện này. Hình như các ông lý trưởng các làng cũng bị phụ thuộc vào sự điều hành ấy. Đại úy Thalan nói về sự cô đơn của các đồn bốt. Với cái ống nhòm, Gustave hình như đã hé nhìn thấy một điều gì. Có lẽ đó là cảm giác đang bị vây bủa trong một tấm lưới vô hình.

Mãi không nhớ ra được điều đã quên trong mơ, đại úy Thalan bực mình lên xe díp quay trở về P.C Gustave cùng với thượng sĩ Hải và một tiểu

đội lính cũng ra khỏi đồn đi đến chỗ những đám thợ gặt. Quản Mật đã có mặt ở ngoài đồng suốt buổi sáng. Gustave hỏi :

- Tình hình ra sao?

- Đã kiểm tra khắp cánh đồng. Dân làng theo đúng quy định của đồn. Chỉ có dân các làng Trung làng Đoài. Không có người lạ mặt. Dân không thuê thợ gặt người thiên hạ. Tôi cùng ông lý đã nhận mặt từng người.

Gustave dẫn quân lên đường cái. Nhìn thấy chiếc xe díp từ hướng P.C đi tới, tung bụi mù trời. Người trên xe vẫy tay gọi rồi rít. Hóa ra lại là đại úy Thalan :

- Tôi nhớ ra rồi. Về đến gần P.C mới nhớ ra. Phải vội quay lại ngay. Câu nói quên đi là: “Đừng tự nhốt kín trong đồn. Hãy đem quân đi lùng sục, phục kích đêm cũng như ngày”. Đó cũng là ý của tôi.

Thalan nhảy xuống xe, đến bên Gustave nói nhỏ một điều gì đó. Hải chỉ nghe rõ được hai chữ “mùa gặt”. Đại úy lại nhảy lên xe quay trở về bột huyện. Lúc này, mặt ông ta tươi tỉnh chứ không nhăn nhó như lúc ở trong đồn Sọ.

Gustave dẫn lính đi vào thôn Trung. Đường làng phủ đầy rơm rạ. Cả làng chìm trong hương lúa thơm ngát, ngọt ngào. Những đứa trẻ cười ròn, lăn lộn trên thảm rơm. Những con trâu bóng nhẫy, bụng căng phồng, đứng ở những góc vườn, miệng nhai liên miên không biết mỏi. Những đàn sẻ đậu trên sân phơi thóc thấy người vội vù vù bay lên cây mít trốn lủi. Hai người đàn bà đứng trên sân gạch cầm nia sấy lúa. Tiếng hạt thóc chắc rơi rào rào và thổi bay những rơm rác thành đống. Hai người đàn bà mặc váy, mặc yếm, vấn khăn nâu tóc đuôi gà, lưng trần rám nắng, nhịp nhàng đôi tay hất lên, hất xuống dẻo quẹo cái dáng thật là duyên dáng kỳ diệu “Đẹp hơn cả bức tranh”. Gustave đứng ngây người ngắm mãi không chán mắt.

Đi qua làng, Gustave dẫn mọi người đến chùa và bảo toán lính :

- Các anh vào bên trong, sục sạo khắp nơi thấy gì khà thì báo với tôi.

Nói xong, Gustave kéo Hải ra ngồi dưới gốc thông nhìn cánh đồng, hút thuốc lá. Hải nói :

- Khổ thân ông sư già. Có là Việt Minh đâu. Phật giáo chỉ là ngọn cỏ ở giữa đồng quê. Thân phận cỏ nên phải chịu tang thương trước các loại gió.

Gustave cười :

- Anh có biết ai đã sai tôi phải luôn đe nẹt ngôi chùa này không? Đại úy Bernard phụ trách phòng nhì P.C đấy. Lão ta bảo Phật giáo không đáng sợ. Họ không có tổ chức khoa học. Nhưng họ gắn liền với làng xóm nông thôn nên dễ ngả theo Việt Minh. Ngôi chùa này đã có sư đi theo Việt Minh nên có thể nói họ đã ngả về cụ Hồ Chí Minh. Trung úy Bernard cũng biết ông sư cụ không là cách mạng nhưng đã lặng im để ngôi chùa cho Việt Minh sử dụng. Vì vậy phải luôn đe nẹt để quân du kích không dám bén mảng tới nơi này.

Gustave châm điếu thuốc lá trước khi nói tiếp :

- Tôi biết anh sắp cưới cô Nguyệt, con nuôi ông sư già, vì thế anh xót xa cho ngôi chùa này. Tôi cũng biết anh buồn rầu khi cô Nguyệt sợ hãi trốn đi. Đại úy Thalan thì hoàn toàn tin cậy ở anh. Ông ta hiểu anh vào quân đội Pháp chỉ muốn tạo lập một thế lực cân bằng giữa dòng họ của anh và dòng họ ông quản Mật. Nhưng đại úy Bernard thì không. Nghề nghiệp của ông ta là thế. Từ khi phát hiện ra hầm bí mật ở nhà chùa, ông ta không có bằng cứ gì nhưng nghề nghiệp của ông ta là thế.

- Nghĩa là thực chất việc điều tôi về bớt Sọ không phải vì mục đích để giúp anh.

- Tôi nghĩ cũng không phải như thế.

Cách nói của Gustave không rõ ràng, tuy nhiên một người Pháp thổ lộ với một người Việt như thế cũng là quá nhiều. Hải cảm ơn Gustave. Anh ta thực sự là người bạn của Hải. Thực ra, Gustave cũng nhiều tâm sự. Anh ta là người Pháp nhưng cũng có yên đầu. Gustave đã chẳng nói với Hải rằng chính anh ta cũng đã được thăm vấn một cách khéo léo khi nhận một lá thư từ Pháp gửi sang sao.

- Người Pháp chúng tôi nghiên cứu về Việt Nam khá kỹ càng. Có người nói. “Ai nắm được nông dân Việt, người ấy là kẻ chiến thắng”. Có ba thế lực nắm hiểu được nông dân Việt Nam. Đó là người Cộng sản, người Thiên Chúa giáo, người Phật giáo. Tuy nhiên, phải gạt Phật giáo ra vì Phật giáo lỏng lẻo và bất bạo động. Còn lại người Cộng sản và Thiên Chúa giáo. Lẽ dĩ nhiên người Thiên Chúa gắn với phương Tây từ lúc mới ra đời ở xứ này nên họ theo người Pháp chúng tôi. Người Cộng sản phần lớn từ nông dân mà ra nên họ bắt rễ trong nông dân rất sâu. Nông dân không theo Thiên Chúa giáo, lại là đa số. Cho nên, trong cuộc tranh giành ảnh hưởng ở nông thôn họ có ưu thế hơn. Tuy nhiên, người Thiên Chúa giáo vẫn có ưu thế riêng của họ. Họ có tổ chức rất chặt chẽ. Họ có người lãnh đạo được học hành đến nơi đến chốn. Họ lại luôn được phương Tây ủng hộ...

Hải cười :

- Còn phải kể thêm một ưu thế nữa. Đó là: họ còn mang trong huyết quản cái nhiệt tình quá đỗi, cái cuồng tín của các hiệp sĩ thánh chiến thời trung cổ. Tuy nhiên, điều đó cũng là nhược điểm của họ. Sự cuồng tín làm người ta sợ hãi khó gần. Chúa Kitô rao giảng tình thương, còn các hiệp sĩ thánh chiến lại muốn dùng bạo lực để xác định niềm tin. Riêng đạo Phật trước sau, chỉ một lòng rao giảng từ bi. Ai biết được tâm từ bi có sức mạnh to lớn đến đâu. Điều này chỉ có tương lai mới thấy hết.

Hải và Gustave cứ bàn những chuyện đầu đầu như thế mãi cho tới lúc, tiểu đội lính từ trong chùa đi ra. Hạ sĩ chỉ huy là một người Công giáo. Anh ta báo cáo với Gustave:

- Thực chết cười! Khi chúng tôi vào chánh điện, chú tiểu dẫn một ông sư tuổi ngoài bốn mươi ra. Tôi hỏi: “Chùa này có theo quan Tây không? Ông ta trả lời “A di đà Phật”. Chú tiểu phiên dịch: “Tức là có ạ”. Tôi lại hỏi “Thế sao sư cụ lại bị bắt?”. Ông sư lại nói: “A di đà Phật”. Chú tiểu lại nói: “Tức là bị bắt oan ạ”. Tôi lại tiếp tục: “Thế tại sao lại có hầm ở bờ ao?”, vẫn điệp khúc A di đà Phật. Chú tiểu thông dịch: “Chúng tôi không biết ạ”. Tất cả chỉ bằng một câu như thế. Thế có chán mở đời không. Họ giả ngô giả ngọng đây mà.

Đêm hôm ấy, quản Mật ở nhà giữ đồn. Đích thân Gustave dẫn hai tiểu đội batidăng đi phục kích. Chuẩn úy ra lệnh :

- Chín giờ ba mươi đêm nay xuất phát. Toàn đội mặc quần áo đen mang tiểu liên, đi chân đất. Phó đồn Mật trực điện đài. Mật hiệu gọi đồn là Chim ưng, đội phục kích là Thỏ rừng. Tiểu đội Moóc chi ê sẵn sàng đợi lệnh.

Chín giờ mười lăm, đội tuần tiểu tập hợp ở sân trước. Gustave ra lệnh cho chạy tại chỗ. Chỉnh đốn quân trang. Thắt lưng cho gọn chặt, sao cho khi chạy nhanh, bao đạn và lựu đạn không phát ra tiếng động dù rất nhỏ.

Đến đúng giờ, đoàn quân ma xuất phát lên đường. Chia làm hai nhóm. Một nhóm Gustave chỉ huy. Một nhóm do trung sĩ Ái, người lính Thiên Chúa giáo lúc chiều đã vào chùa tra vấn. Hải đi sau lưng Gustave. Trời tối thui. Họ không đi theo đường mòn. Theo bờ lúa, qua đầu làng Trung, lội trên cánh đồng sâu, nước đến đầu gối. Phải lội thật khéo để không phát ra tiếng động. Tiếng chấu chuộc, ễnh ương vang khắp cánh đồng, đoàn quân đến đâu lủ ếch nhái ở đó đột nhiên im bật. Mười hai giờ đến đê sông Đào. Lệnh của Gustave: tuyệt nhiên không nổ súng dù có sự gì xảy ra. Lúc này mới rõ nhiệm vụ. Khi đại úy Thalan nói nhỏ với Gustave lúc chiều, tức là lúc ông trao nhiệm vụ. Lúc này đang vụ gặt. Chắc chắn Việt Minh sẽ thu thóc trong dân chuyển sang vùng du kích, cần phải nắm được cách chuyển vận của họ.

Toàn nhóm chui trong cỏ rậm ven đê nhìn vào quãng sông, nơi có con đường từ đầu làng Trung đi ra. Sang bên kia sông, vào vùng du kích, thường phải qua khúc sông này, bởi vì ở đây sông hẹp và nông. Chỉ được nửa tiếng thì trăng hạ tuần như cái liềm vàng đã treo ở góc trời. Nằm im lặng đã lâu nên tiếng ếch nhái lại vang lên ở ngay bên cạnh chỗ nấp.

Đồng khuya, trăng khuyết, trăng lu, màn đêm ảo mờ sương loãng. Bỗng dừng, ếch nhái ngừng kêu. Theo kinh nghiệm đi phục kích đêm, Gustave biết chắc có người sắp tới. Chuẩn úy căng mắt nhìn ra phía con đường đầu làng, rồi nhìn con đê trước mặt. Đây rồi. Trong sương mờ dần dần hiện ra một đoàn người. Bên bờ sông phía bên kia cũng vậy. Bỗng nhiên thấy nhô lên một toán người đeo súng: Quân du kích. À họ vác cả những cây tre trên vai. Gustave ra lệnh: Không được nổ súng tuyệt đối không để lộ. Mục đích của ta là quan sát hành động của họ. Nhìn đám người lố nhố, chuẩn úy ước tính họ có chừng ba mươi tay súng, đây là chưa kể những du kích còn nằm ở vệ đê yểm trợ.

Đám người bắt đầu hành động. Xem họ làm gì nào? Ở hai bên sông đều có người lội xuống nước. Họ cắm tre xuống bùn. Hai cây tre tạo thành hình chữ X. Có hai chữ X ở hai bên sông. Họ gác một cây tre lên hai chữ X, rồi buộc dây. Hiểu rồi. Họ làm một chiếc cầu khỉ. Chỉ cần cây tre buộc làm tay vịn nữa là xong. Cũng vào lúc ấy, một đoàn người toàn là đàn bà quang gánh trên vai xuất hiện trên con đê, leo lên cầu khỉ qua sông. Gustave đếm ba mươi hai gánh. Mấy phút sau đoàn gánh thóc thứ hai lại qua cầu. Toán này hai mươi. Vị chi tổng cộng hơn năm mươi gánh mỗi gánh bốn mươi cân. Trên con sông Đào này, đêm nay có mấy cái cầu, có bao nhiêu gánh thóc qua sông? Việt Minh đang chuyển thóc về vùng mình. Vụ mùa này, họ có thể lấy đi từ đây hàng trăm tấn lương thực rất dễ dàng. Đại úy Thalan đến đồn Sọ sáng nay cũng vì chuyện này. Ông đang thực hiện ý đồ của tướng De Lattre phải bịt kín tấm lưới không cho thóc chảy ra vùng du kích.

Ở hai bên sông, họ đang cởi dây buộc. Hai cây tre thân cầu và tay vịn đã được tháo ra. Rồi những cái cọc tạo hình chữ X cũng được rút lên. Loáng một cái, cây cầu đã biến mất. Thật giản dị nhưng cũng thật thần diệu. Con sông lại lặng lẽ chảy, cứ như thể chưa bao giờ có một cây cầu đã mọc lên ở đây. Cây cầu không hề để lại một dấu tích.

- A lô! Thỏ rừng gọi Chim ưng. Thỏ rừng gọi Chim ưng.

- Chim ưng nghe rõ 5 trên 5.

- Nhiệm vụ đã xong. Thỏ về cửa Tây.

Hai tổ gặp nhau lúc bốn giờ. Khi trời gần rạng sáng thì họ về đồn. Gustave vào nhà bếp uống ly cà phê, ăn bánh quy, rồi về buồng chợp mắt. Chuẩn úy sẽ ngủ cho tới khi mở đường xong, tức là sẽ dậy vào tám giờ sáng.

Khoảng tám giờ rưỡi đại úy Thalan cho xe díp xuống đón Gustave lên P.C báo cáo tình hình. Cuộc hội ý chỉ có ba người: Thalan, Bernard và Gustave. Chuẩn úy báo cáo tỉ mỉ tình hình du kích chuyển thóc qua sông đêm hôm trước. Bernard cũng cho biết những tin tức của những chỉ điểm viên của phòng nhì nằm vùng ở các làng. Theo tin báo ấy, đêm nào cũng có những đoàn dân công chuyển thóc qua sông, tập trung để ở làng Thượng, sau đó mới chuyển vào sâu trong vùng du kích. Tới đây, việc chuyển vận sẽ tăng cường hơn, bởi vì đã tới kỳ thu hoạch rộ. Điểm qua sông của dân công là điểm cầu khi mà đêm qua Gustave chứng kiến, cùng với địa điểm thứ hai thuộc địa phận làng Lê Xá. Thalan đưa ra kế hoạch trận cướp lúa sẽ tổ chức ba mũi tấn công. Đồn Sọ chỉ để lại một trung đội giữ đồn và dùng súng cối yểm trợ, hai trung đội sẽ phục kích ở điểm cầu khi và đánh chặn đoàn thóc lúa từ đầu nguồn đi xuống. Đồn Trịnh Xá thì phục kích ở điểm qua sông Lê Xá và chặn cướp đoàn dân công từ hạ nguồn đi lên. P.C Huyện sẽ cho một đại đội lính da đen đánh sang bên kia sông. Pháo 105 từ P.C sẽ bắn yểm trợ các nơi. Đến sáng, máy bay sẽ là một mũi từ trên trời đánh xuống. Mật hiệu

của P.C là Hồ vàng, của mũi Gustave là Thỏ rừng, của mũi Tịnh Xá là Mèo đen, của đại đội lê dương là Gấu đen...

Thalan định tấn công vào đêm mồng năm, nhưng mồng ba và mồng bốn Việt Minh đã tấn công trước. Đêm mồng ba, đồn phó Mật mang một tiểu đội đi “patòrui” (patrouille). Đạo này đêm yên tĩnh lắm, quân Mật cho rằng quân du kích đã hoàn toàn bị bật khỏi làng Trung, cho nên chỉ mang một tiểu đội batidăng đi. Hẳn cũng theo chiến thuật của Gustave nghĩa là trang bị súng tự động nhẹ, cơ số đạn cao, lợi ruộng mà đi. Bất ngờ và táo bạo, học tập hoàn toàn theo kiểu du kích. Nào ngờ hẳn đi phục kích nhưng đã bị phục kích trở lại. Hẳn đã bị một tốp du kích phục quân ở gần cánh đồng sâu đánh cho tơi tả. Quân du kích đông gấp đôi. Nhóm của Mật vừa từ cánh đồng sâu nhoi lên đê, một nửa trên bờ, một nửa còn dưới nước, đã bị du kích bắn xối xả. Không có điều kiện mà nằm, lại bị bắn từ trên cao xuống, ba tên chết ngay tại chỗ; quân Mật và lũ còn lại sống sót chạy tứ tung, may ra thoát chết. Du kích kéo xác ba tên chết và một tên bị thương nặng đến đường cái quan gần đồn. Bốn cái xác nằm song song giữa đường, đứa toác nửa đầu, đứa mất hàm, đứa phòi ruột, còn đứa bị thương nặng thì rên la oai oái, tiếng kêu vang đến cả lô-cốt boongke. Sáng sớm, bọn lính đi mở đường mới ra khiêng vào. Cái chết của mấy người lính làm những người còn lại trong đồn xì xầm cả ngày hôm ấy.

Đêm mồng bốn, Việt Minh tấn công đồn Tịnh Xá. Đồn nằm trên đất làng Tịnh Xá, bên con đường huyện lộ, cách P.C mười cây số, cách đồn Sọ năm cây số. Đồn này bị du kích tấn công kiểu khác. Việt Minh mang về hai khẩu cối 60. Hai khẩu moọcchê di chuyển liên tục, thay nhau bắn vào đồn Tịnh. Cả đêm hôm ấy đồn Tịnh cuống cuống, tướng quân chủ lực của Việt Minh sắp công đồn.

Thalan nhận định không phải quân chủ lực, nhưng cũng không phải quân du kích, mà là quân của tỉnh. Bởi vì quân của tỉnh đội mới có súng cối. Thalan quyết định vẫn đánh trận đêm mồng năm. Thalan thấy hào

húng. Đánh nhau với du kích nhiều rồi. Vừa mệt vừa chán. Lần này ông quyết sống mái với quân tinh đội xem sao. Trong trận tranh giành thóc lúc này, ông quyết giành phần thắng. Ông ra lệnh điều thêm cho mỗi đồn lộn khẩu F.M. Thalan nhớ tới câu chuyện khi tướng De Lattre mới sang Đông Dương, ông từ Sài Gòn bay ra Hà Nội thì được tin quân Việt Minh tập trung ở Vĩnh Yên. Lúc đó, quân viễn chinh vừa thất trận lớn, phải rút khỏi đường số 4 và Lạng Sơn. Tướng năm sao cương quyết nâng cao tinh thần quân lính đang bị tụt xuống rất thấp. Ông tuyên bố bảo vệ Bắc Kỳ đến cùng, quyết không lùi dù chỉ một tấc đất.

Ông đã cho đổ quân cơ động thiện chiến xuống Hương Canh. Rồi ném bom Napan. Lần đầu tiên, ở Đông Dương, ông cho dùng thứ vũ khí khủng khiếp đó. Kết quả, quân đối phương phải rút lui. Cũng từ đó, tiếng tăm của ông vang dội. Điều cốt yếu là phải rắn như thép. Phải có tinh thần của một hiệp sĩ quả cảm. Phải dũng mãnh như con hổ, xảo quyệt như con cáo.

Thalan linh cảm thấy hình như đối phương đã hiểu rõ ý đồ của quân Pháp. Sẽ không có chuyện bất ngờ tóm gọn đoàn người gánh thóc qua những chiếc cầu khi đâu. Nhưng cái làng Đông vẫn nằm sờ sờ ra đấy. Làng Đông bên kia sông không thuộc vùng kiểm soát của quân viễn chinh. Nó là làng du kích giáp ranh. Tuy nhiên, chưa khi nào nó bị càn quét. Người dân Đông vẫn tin rằng quân Pháp còn chưa bình định yên ổn vùng họ kiểm soát, làm sao họ với tay tới bên này sông. Điều hay ho là tất cả tin tức báo về đều nói làng Đông là cái kho trung chuyển. Tất cả thóc lấy được bên này sông đều được giao nộp về đấy trước khi chuyển sâu vào khu du kích. Cái hay chính là ở điểm này.

Ngày mồng năm.

Đúng 6 giờ tối mới có điện từ P.C về đồn.

- Hổ vàng gọi Thỏ rừng. Hổ vàng gọi Thỏ rừng, có nghe rõ không?

- Thỏ rừng nghe đây. Rõ 5 trên 5.

- Thỏ rừng đã rõ phương án 1, phương án 2?

- Đã rõ.

- Xem kỹ phương án 2. Mười giờ xuất phát. Điểm đến như cũ.

- Đã rõ.

Lần này, Gustave cho lính mặc quần áo ra trận, bộ quần áo xanh rằn ri, chứ không mặc quần áo đen như những lần trước. Bởi vì phải phối hợp với các đơn vị khác. Mặc đồ đen sợ có sự nhầm lẫn, đơn vị bạn lại tưởng là quân du kích, vẫn cái kiểu băng đồng tới nơi phục kích. Địa điểm vẫn là bãi cỏ rậm khi quan sát du kích dựng cầu khỉ. Phương án một là chụp bắt đoàn chở thóc qua sông tại trận.

Mười hai giờ đêm.

Gustave cho lính chui vào những bụi cỏ nằm quan sát con đê ở khúc sông hẹp. Họ nằm bẹp hòa mình vào đất và cỏ dại, cố căng mắt ra nhìn vào bóng đêm nhờ nhờ để tìm những bóng người, cố căng tai ra để nghe bản hòa tấu của triệu triệu con dế, con giun, con ếch ương chèo chuộc, để cố phát hiện ra những biến động âm thanh như tiếng vỗ cánh của một con chim đêm từ ruộng lúa bay lên, sự bỗng dưng bật lạng của đàn ếch ương, tiếng xào xạc của một sinh vật chạm vào lá lúa, hoặc những tiếng thậm thịch nặng nề nào đó, tóm lại những dấu hiệu có thể tố cáo sự có mặt của con người. Tuy nhiên đã hàng giờ trôi qua rồi mà chẳng thấy gì. Sương đêm xuống đã làm lạnh đôi vai. Cái cầu khỉ vẫn không xuất hiện. Đoàn dân công gánh thóc vẫn bật tằm hơi.

Hai giờ sáng rồi đến ba giờ sáng, vẫn chẳng thấy gì lạ. Đến lúc này Gustave mới thấy tài nhận định xét đoán của Thalan. Hai con hổ đang vờn nhau đưa ra cả những dọa nạt và những đòn giả. Bởi vì lương thực là cái

sống còn của chiến tranh. Đến bốn giờ bỗng có tiếng súng nổ ở bên kia sông. Tiếp đó một tràng F.M. nổ giòn. Rồi súng nổ loạn xạ.

- Hồ vàng gọi thỏ rừng.

- Thỏ rừng nghe rõ.

- Bắt đầu phương án 2. Chú ý. Voi gầm bên kia sông.

Lúc ấy, súng bỗng im bật. Pháo 105 từ P.Cbản dọc theo bờ đê bên kia sông. Phương án 2 tức là đánh vào làng Đông, nơi được coi là địa điểm trung chuyển thóc gạo của quân du kích. Chờ cho pháo 105 dứt tiếng, Gustave ra lệnh cho lính chặt hết một vườn chuối ven đê, lấy thân chuối làm phương tiện sang sông.

Trời tờ mờ sáng. Pháo 105 chuyển làn, tập trung bắn vào làng Đông. Đã trông thấy những căn nhà trúng đạn bị cháy. Những cột khói đen bốc lên. Những mái nhà tranh, bắt lửa bùng đỏ rực, soi rõ cả những cây tre bị cụt ngọn, bị toác ra thành những chiếc chông tua tủa lên trời.

Lũy tre làng Đông rất dày, nó là bức tường thành kiên cố che chở cho quân du kích bên trong. Đồi bên đánh nhau từ sáng đến trưa, quân Pháp vẫn chưa vào được làng. Khi quân da đen tập trung phá được cổng làng, một cuộc hỗn chiến thời trung cổ đã xảy ra. Người ta đánh nhau bằng dao găm, bằng lưỡi lê, bằng gậy tre, bằng mã tấu, bằng răng, bằng bóp cổ cào cấu, bằng đâm tim, mổ bụng, bằng vật lộn... Máu lênh láng. Ruột gan bung ra. Rên rĩ. Chửi rủa. La hét. Hận thù bốc lên đến trời xanh. Một chiến sĩ du kích ruột gan lòng thông, nhìn thấy đồng đội mình đã chết hết, liền rút chốt quả lựu đạn Mỹ. Anh đã chết cùng với mấy người lính da đen còn sống sót.

Lúc ấy, tiếng súng bỗng bật lạng. Không biết những người du kích đã biến đi đâu hết. Thalan gọi điện :

- Hồ vàng gọi thỏ rừng.

-Thỏ rừng nghe rõ.

- Gấu đen lục soát làng. Thỏ rừng về bên kia sông. Lục soát làng Trung. Mèo đen lục soát làng Đoài.

Trong cuộc lục soát lớn ấy, Gustave không có mặt ở làng Đông, anh không biết được tường tận, nhưng về sau anh biết được tình hình như sau: Đội quân lê dương đi tìm hầm, mãi đến năm giờ chiều mới tìm được cửa hầm. Nhưng đó không phải hầm bí mật cá nhân, mà là một hầm dài ăn thông ra cái miếu hoang giữa đồng. Quân du kích thoát ra ngoài làng từ lối đó. Về chiến lợi phẩm, quân Pháp nói đã chặn đứng được việc chuyển lương thực của Việt Minh.

Còn tình hình ở làng Trung thì sao?

Gustave ra lệnh cho lính của mình vào từng nhà lửa tất cả già trẻ gái trai ra sân chùa điểm danh từng nhà một theo sổ gia đình. Gustave đã làm báo cáo lên P.C . Dân làng Trung hiện nay chỉ thấy đàn bà và trẻ con. Đàn ông từ mười bốn tuổi trở lên đều vắng mặt. Đàn bà thì không có mặt loại gái chưa chồng. Chỉ toàn các bà nạ dòng và bà già. Hôm nay đặc biệt có bốn đàn ông trung niên. Lệnh: đàn bà và trẻ con cho về nhà hết. Giữ lại bốn người đàn ông. Họ là những phần tử khả nghi. Câu hỏi đặt ra là tại sao họ vắng mặt mà hôm nay lại có mặt. Có phải họ đã nghe thấy tin gì và trốn từ làng Đông về không? Làng Đông, làng Đoài, làng Trung cùng một xã. Dân hai bên sông có họ hàng và nhiều quan hệ với nhau. Nhiều con trai làng Trung đã trốn sang làng Đông và nhập quân du kích. Hiện đã có danh sách đích xác ba gia đình có con trai gia nhập bộ đội. Thalan ra lệnh đốt nhà ba gia đình đó. Gustave phải tự tay cầm đuốc châm vào ba mái tranh. Những người dân bị đốt nhà đứng khóc. Trẻ con càng khóc thảm thiết. Tiếng kêu khóc như ri. Có bà cụ già quỳ xuống lạy Gustave như tế sao :

- Lạy quan lớn. Xin quan lớn tha cho. Quan đốt nhà thì chúng tôi chui rúc vào đâu, sinh sống bằng gì. Quan hãy nghĩ đến mẹ mình ở quê mà

thương chúng tôi.

Gustave phải lặng lẽ quay mặt đi, cúi đầu xuống. Trên đường trở về đồn, anh đắm chiêu, tư lự. Đêm hôm ấy, Gustave gọi Hải sang buồng mình uống rượu, uống xong ba chén rượu mạnh, anh mới nói :

- Thật xấu hổ. Khi bà cạy lạy mình, cứ cảm giác như chính mẹ đang lạy mình.

Hải cũng buồn :

- Chiến tranh mà! Ai có súng trong tay, kẻ ấy là chúa tể.

- Mình cũng hiểu chứ. Mình đã được học về Napôlêông (Napoléon) mang quân sang Tây Ban Nha. Và quân của ông ta đã xử sự ra sao, đã được những người du kích nước đó đối xử ra sao.

Gustave lại uống liền thêm mấy chén nữa:

- Cậu có biết bây giờ mình muốn gì không? Khi ở Pháp, mình tưởng sang Đông Dương làm chiến tranh người ta sẽ dàn trận đánh nhau như ở chiến lũy Maginot... Mình là người Pháp, chắc chắn là mình không muốn nước Pháp bị thua trận... Mình là người lính, chắc chắn mình sẽ thi hành tốt những mệnh lệnh mà chỉ huy giao cho... Chính vì vậy nên mình thật khổ... Bây giờ ư? Bây giờ mình chỉ muốn cho hết hạn hợp đồng ở Đông Dương... Tuy nhiên còn một năm nữa cơ... Một năm! Ôi thật là dài. Không biết trong một năm ấy, mình sẽ ra sao?

ĐỘI GẠO LÊN CHÙA

Nguyễn Xuân Khánh

www.dtv-ebook.com

Chương XII

Hôm nay, thầy tôi, thiền sư Vô Úy được thả khỏi nhà tù Đơ Bê (D.B) [1] phố huyện. Tôi phải lên phố huyện từ tối hôm trước để chờ. Không thể đi ban sáng được, bởi vì phải đến hơn bảy giờ quân gỡ mìn mới mở xong đường. Tôi ngủ nhờ ở lều nhà ông Xuân, ông kéo xe bò. Ông Xuân năm ấy đã ngoài sáu mươi, người cao lớn như ông hộ pháp. Con ông là Hạ cũng khổng lồ như ông bố. Họ là những quái nhân của làng Sọ. Chuyện đồn đại về họ rất nhiều. Riêng tôi, chỉ biết họ làm kẻ ăn người ở cho nhà ông trưởng bạ trong làng Trung. Mẹ ông trưởng bạ làm nghề se hương, người phúc đức lắm lại chăm lên chùa nên tôi biết. Ông bà trưởng bạ nhận Hạ làm con nuôi, lại cho ông Xuân, bố của Hạ làm cái lều trên mảnh đất ở phố huyện, rồi sắm cho cái xe bò để ông Xuân kiếm sống hàng ngày. Bà cụ hàng Hương làm thế là để đền bù cho ông già Xuân, đã ăn ở hầu hạ nhiều năm trong gia đình nhà bà. Ông già Xuân an ủi tôi khi hai bác cháu chui vào cái ổ rơm ngủ :

- Chú tiểu ạ, thế là phúc đức cho chùa mình lắm rồi, chú có biết không. Mười người rơi vào nhà tù Đơ Bê, rơi vào tay thằng Tây lùn Bernard, thì cả mười người đều chết. Tôi chỉ chờ xác người từ đấy ra. Chưa bao giờ chờ người sống từ đấy ra. Thế mới nói sự cụ nhà mình sống sót là phúc đức quá. Chắc sự cụ được các Bồ tát phù hộ độ trì.

Khoảng bảy giờ sáng, tôi và ông xe bò đã có mặt ở cổng, đứng cách trại giam chừng vài chục mét. Hai cánh cửa lim nhà giam vẫn đóng im ỉm. Người Tây đen rạch mặt gác cổng vẫn cầm súng đi đi lại lại. Đã có kinh nghiệm của lần đi thăm trước, đã bị lão Tây mặt đỏ đá cho ngã còng queo, cho nên lần này tôi đứng cách xa, không dám lại gần ngó nghiêng. Và vì đứng xa nên tôi có thể ngắm nghía cái gọi là nhà giam. Đây là nhà ông Hàn

ở Hà Nội, nhà giàu nhất vùng. Tòa nhà năm gian nền rất cao, tòa nhà đồ sộ, cả đến cái cổng ra vào cũng đồ sộ. Cái cổng to như tam quan nhà chùa. Cổng tám mái, tức là mái hai tầng. Cổng vòm thên thang, nhưng không có hai cửa bên. Cánh cổng lim chữ thọ vì to quá cỡ nên phải có bánh xe cho khỏi xệ. Tường bao từ cổng sang hai bên cao trên hai mét, có ngói ống màu xanh lam phủ đầu. Vì vậy nên từ bên ngoài nhìn vào, tòa nhà rất bề thế, sang trọng, rõ ràng là nhà quan. Chỉ có điều ngược đời nó là nhà giam mà lại mang dáng dấp một thiền viện, hay một phủ đường của một nhà quyền quý thời xưa.

Tôi đang còn miên man nghĩ ngợi, thì bỗng thấy hai cánh cửa nhà lim mở toang ra. Tôi mừng rỡ, chờ cái dáng đứng đỉnh thân thuộc của thầy tôi bước ra. Nhưng không phải. Chợt thấy hai người lính khiêng một chiếc cang ra đặt ở khu đất trước cổng. Thầy giáo Hải theo sau, nhón nhác nhìn chung quanh. Thấy tôi, thầy giáo vẫy tay. Ông Xuân xe bò lọc cọc kéo chiếc xe định tiến lại gần, nhưng người lính da đen xua tay ra hiệu không cho lại gần. Ông xe bò đành dừng xe lại. Thầy Hải bảo :

- Sư cụ bị gãy chân. Bác làm ơn gượng nhẹ hộ nhé. Mà bác đã chuẩn bị đầy đủ như tôi dặn hôm qua chưa?

- Dạ, đã đủ. Tôi đã mua một gánh rơm sạch sẽ, khô khén.

- Còn nẹp tre?

- Dạ, đủ cả.

Bác Xuân bế bổng cụ tôi lên tay. Đến cạnh xe bò, thầy Hải bảo đặt cụ nằm thẳng trên mặt đất. Ông sờ sờ, nắn nắn cái chân bị gãy cho thẳng, rồi đặt hai thanh nẹp tre như hai chiếc đũa cả ở hai bên. Sau đó, lấy chiếc hầu bao mới mua, bó chần lại như ta bó giò ngày tết. Cuối cùng gượng nhẹ đặt cụ lên thùng xe đã được lót rơm rất dày. Thầy giáo Hải, nay là thượng sĩ Hải còn bận nhiều công việc ở P.C, nên chỉ có mình tôi theo xe bò về chùa.

Bác Xuân làm bò cầm cương, còn tôi đẩy phía sau. Con đường huyện lộ ở quãng gần Huyện còn khá. Ra xa chừng một cây số, đường chẳng còn ra đường. Liên miên ổ gà. Có cái bằng cái rá. Có cái bằng cái thúng. Thế mà ông Xuân cứ giữa đường mà đi. Chiếc xe bò bánh sắt có lúc nhảy lên chồm chồm. Cụ tôi rên lên nhăn mặt, cắn răng lại chịu đựng.

- Sao bác không đi bên lề vệ cỏ êm hơn.

- Chú không sợ mìn à?

- Người ta đã dò mìn mở đường từ sáng.

- Dừng mà vẫn còn sót. Cách đây mấy hôm, giữa trưa mà một con trâu vẫn giẫm phải mìn bên vệ đường. Thằng bé ngồi trên lưng trâu bị ném tung ra ruộng. May mà cái bụng trâu nó đỡ cho nên thằng bé không bị thương. Nếu thằng bé đi sau đít con trâu, có khi chết rồi.

Rồi ông an ủi thầy tôi.

- Cụ chịu khó đau một chút. Con đảm bảo sẽ đưa sư cụ về chùa an toàn. Du kích có bao giờ đánh mìn xe bò. Nhưng mìn nó đâu có mắt. Mà bọn batidăng dò mìn buổi sáng thì thỉnh thoảng lại bỏ sót vài quả. Chẳng lẽ sư cụ không chết về tay Đơ Bê mà lại chết vì mìn sao.

Ông xe bò mồ hôi lã chã. Mặt trời đã lên cao. Ông hay chuyện nên cứ luôn miệng nói. Ông kể về cái nhà tù Đơ Bê (phòng nhì) phố huyện :

- Bọn này hung tợn lắm, nhất là Tây lùn Bernard. Tháng trước, chúng nó mổ bụng một chị cán bộ đang có mang. Chị này bị tra tấn dã man nhưng đánh thế nào chị cũng không khai. Mổ bụng ra cái thai đã bằng củ khoai to. Cái thai cứ phập phồng ngoe nguẩy mãi mới chịu chết.

- A di đà Phật! - Vị sư già quên hết đau đớn, cụ cầu nguyện cho cái sinh linh bé bỏng kia đã bị giết trước khi chào đời.

- Con ở gần nên con biết. Vào nhà giam ấy là vào cửa tử. Sư cụ chỉ bị gãy chân thế này thôi là may mắn lắm. Cứ vài hôm lại có một gia đình trong vùng thuê con chở xác đem về làng chôn. Cứ luôn luôn cắm mặt xuống đường, đến nỗi con gần thuộc lòng từng cái ổ gà trên đường. Quãng đường chúng ta vẫn qua lắm ổ gà nhất. Quãng này ít hơn. Còn quãng gần chùa thì êm ru.

Cứ nói chuyện như thế, chúng tôi về đến nhà lúc nào chẳng hay. Ông Xuân lại bế bổng cụ tôi lên như ấm em bé, đưa vào nhà tổ. Ông than vãn :

- Khốn khổ! Đến người tu hành mà chúng cũng hành hạ cho đến xơ xác thế này. Con bế cụ lên, thấy nhẹ như cái bấc

Tôi trả tiền công, ông xe bò nhất định chỉ lấy một nửa Ông bảo :

- Ai lại lấy của nhà chùa nhiều tiền thế.

Tôi cảm ơn ông xe bò. Còn sư cụ tôi thì nói :

- Ông Xuân ạ. Chuyển đi hôm nay là duyên gặp gỡ giữa ông và tôi. Tôi sẽ cầu nguyện chư Phật phù hộ cho gia đình ông tránh khỏi những điều ác. Mà không chỉ lần này thôi đâu. Tôi nghĩ gia đình ông còn nhiều duyên với nhà chùa.

Ông Xuân nghe thế muốn hỏi cái duyên ấy là gì, nhưng chuyển đi dài trên con đường ổ gà chắc đã làm thầy tôi quá mệt. Thầy tôi lim dim con mắt. Chúng tôi đưa thầy vào phòng nghỉ. Và câu chuyện bị cắt ngang tại đây.

Thầy tôi cũng giỏi y thuật. Thầy sai tôi đi đun nước để rửa vết thương. Thầy nói :

- Về khoa xương cốt thầy không sánh. Giá có sư huynh Khoan Độ của con ở nhà thì tốt biết bao. Thầy Độ giỏi trị thương. Con nên để tâm học hỏi

tất cả những chuyện này. Người tu hành biết nghề thuốc, có thể tạo phúc giúp đỡ được nhiều người. Con nên nhớ tất cả những gì làm cho con người bớt đau khổ và sung sướng đều là đạo cả.

Hôm sau, nghe tin sư phụ tôi được thả về, cụ chánh Long đến chùa thăm. Cả hai người tay bắt mặt mừng. Cụ chánh nói :

- Sư cụ thoát khỏi chốn hang hùm, thật là đại phúc - Ông già thở dài - Khi nghe huynh gặp nạn, thú thật đệ thấy lo lắng nhưng lực bất tòng tâm. Chuyện này nằm trong tay bọn phòng nhì trên huyện. Đệ có hỏi thì thằng Mật nói như vậy. Đệ cứ áy náy trong lòng vì chẳng giúp gì được cho huynh. Người ta bảo gia đình đệ lúc này đây có chút thần thế. Ôi chao! Thần thế ư? Quyền hành ư? Thằng Mật con đệ chỉ là thứ tay sai, một kẻ quyền rơm vạ đá. Đệ biết chứ. Ở cái thời loạn lạc này, người ta trốn đi chẳng được mà hẫng lại nhơn nhơn chường mặt ra. Nghĩ mà thấy lo. Ở trong làng xóm, lúc lâm sự, thì phải biết đỡ đần cho mọi người mới là phải nhĩ. Đàng này...

Thầy tôi vội giơ tay ra, nắm lấy tay người bạn già, người mà nhìn bề ngoài, tưởng như chẳng có gì phải suy nghĩ, thế mà trong lòng lại chất chứa bao tâm tư. Cụ tôi nói :

- A di đà Phật.

Cụ chánh đến thăm hỏi người ốm. Rồi người ốm lại an ủi ông chánh bằng câu cửa miệng, muôn thuở của một nhà tu hành. “A di đà Phật!” Đó là lời chào, lời xin lỗi, cũng có lúc là lời cảm ơn, cũng có thể là lời thông cảm một tiếng kêu đau xót với cuộc sống trần thế vô thường. Nó có lúc được dùng với người hiền hòa thân quen, nhưng cũng có thể là câu trả lời với kẻ hung bạo, độc địa. Khi ấy tôi còn nhỏ dại, tôi không hiểu hết được ý nghĩa của câu nói cửa miệng thường dùng ấy của thầy tôi. Cứ tưởng như câu “A di đà Phật” chỉ là một thói quen tầm thường. Đâu biết nó nằm trong hạnh an lạc của Phật. Đó là chữ Nhẫn của Phật gia. Nói câu ấy cho đúng ý nghĩa

thật khó. Nói làm sao để cái từ bi được biểu lộ trong ánh mắt trên gương mặt của ta. Nói làm sao để khi gặp nghịch cảnh, không có chút nào sân hận, đối chọi được đẩy lên trong lòng ta. Nói làm sao để người đã vui được vui thêm, và người gặp cảnh buồn được vui nhẹ.

Hai ông già gặp nhau. Nói thì ít, những phút lặng thì nhiều. Lúc mới gặp, họ còn nói về số phận của nhau, nhưng một lúc sau, thì chỉ nói về trà ngon, về hoa mộc, hoa ngâu, hoa sói. Tôi là chú tiểu đồng hầu trà các cụ, nhìn diễn biến của cuộc trà lòng không khỏi đẩy lên những suy ngẫm.

Thầy tôi và cụ chánh ngoài tình già còn là tình đồng môn. Cụ tôi là sư huynh, ông chánh là sư đệ. Những năm họ còn trẻ, họ đều là học trò chữ Hán của sư tổ Vô Chấp. Cụ chánh là người đệ tử tục gia tài hoa. Cụ thông minh rất mực. Ngoài việc học chữ với sư tổ Vô Chấp, ông chánh còn học đánh đàn nguyệt với một thầy đàn nổi tiếng. Người ta bảo cụ chánh đàn rất hay. Chẳng thế mà các bà vợ của cụ đều là những người đàn bà đẹp nhất trong vùng. Ông có tới sáu bà vợ. Ông không có chí làm quan, mà chỉ thích tận hưởng những cái đẹp ở đời. Kể ra thì

cũng vô hại. Bởi vì ông không ham mê thuốc phiện và cờ bạc. Ông được thừa hưởng một gia tài kếch xù trên trăm mẫu ruộng từ cha ông làm quan để lại. Ông không phung phí phá tán nó, trái lại đến đời ông, gia tài ấy hình như còn được tăng lên. Sư tổ Vô Chấp nói rằng :

- Nếu trò Long sửa được cái tật quá mê thanh sắc thì chắc chắn anh ta là người quân tử.

Ông chánh Long là người không ác độc. Đối với kẻ ăn người ở, ông rộng rãi. Đối với các bà vợ và lũ con cháu, ông gầy dựng cho từng người. Đối với bè bạn, ông có nghĩa có có tình. Ông rất quý phục người sư huynh là thầy tôi. Có dịp là biểu trà vì ông biết thầy tôi chỉ có cái thú độc nhất ở đời là thưởng thức trà.

Tuy nhiên, thầy tôi vẫn ít đi lại với ông. Sư cụ bảo :

- Người tu hành không giao du với kẻ ác, kẻ tà giáo, ông chánh Long không phải kẻ ác, nhưng là người quyền thế. Phải tránh cả chuyện đi lại với kẻ có quyền. Bởi vì kẻ quyền thế lúc nào cũng muốn thống trị mọi người. Và muốn thế họ luôn phải âm mưu, thủ đoạn. Vì thế mọi người đều không ưa.

Không đi lại với cụ chánh Long, nhưng thầy tôi vẫn biết cụ chánh là người tử tế. Thầy tôi nói :

- Thời loạn thế này, khó đoán định được ngày mai ra sao, con người không thể dương dương tự đắc. Hôm nay lên voi, ngày mai xuống chó. Ai lường trước được. Và đến khi người ta thất thế. Đó lại hoàn toàn là chuyện khác.

Trong những ngày thầy tôi gặp nạn, suốt ngày đêm tôi ở sát bên thầy, lo hầu hạ cơm nước, thuốc thang. Để chữa cái chân gãy, theo lời chỉ dẫn của thầy, tôi đi hái lá về giã ra làm thuốc bó. Thầy giáo Hải mua thuốc tây cho thầy uống. Thấy lâu khỏi, thầy Hải rất lo lắng, muốn tìm cách đưa thầy tôi ra Hà Nội chữa đốc-tờ. Nhưng chùa Sọ chúng tôi hẻo lánh ít người lễ bái, tiền nong nhà chùa quá eo hẹp, lương anh Hải chỉ từng tiêm đủ tiêu, làm sao thầy giáo có thể thực hiện chuyện ấy được. Sư cụ tôi nghe thầy Hải nói chỉ cười và bảo :

- Các con đừng lo. Cái nghiệp của thầy là vậy. Thầy còn phải chịu đựng nhưng không sao. Thầy biết, rồi thầy sẽ khỏi.

Chính trong những ngày không may ấy, đối với tôi lại là điều may... Bởi vì giữa hai thầy trò có nhiều phút rảnh rỗi Thầy đã chỉ dạy cho tôi rất nhiều. Có bận, thầy tôi hỏi:

- Trên đời này, con thích gần gũi những ai?

- Bạch thầy, đó là thầy, là chị Nguyệt, là thầy giáo Hải, là sư bác v.v...

- Thầy hiểu. Nhưng vì sao vậy?

- Bởi vì ở gần những người này, con thấy được an lạc.

- Còn những người con muốn xa lánh?

- Ví dụ như ông quản Mật, ông Tây mặt đỏ.

- Điều ấy thầy cũng hiểu. Tuy nhiên, gần những người như thầy, điều ấy quá dễ. Còn gần những người ghét ta, thậm chí muốn giết ta, điều ấy thực khó, nhưng là một việc nên làm. Bởi vì trong họ cũng có Phật; gặp thuận duyên, ông Phật trong họ sẽ thức dậy.

- Con nghe nói lúc ông Tây mặt đỏ đánh thầy, thầy cũng niệm A di đà Phật.

- Đúng vậy, khi ấy ta cũng niệm Phật. Như vậy có hai cái lợi, đối với ta, khi niệm Phật, lòng sân hận trong ta sẽ không dấy động, còn đối với kẻ kia, ta cũng cầu mong cho họ đừng nhúng tay vào cái ác, để tránh nghiệp quả.

- Nhưng ông Tây mặt đỏ vẫn đánh đập thầy, vẫn bẻ gãy chân thầy.

- Thầy tin rằng những ý nghĩ tốt lành cũng có sức mạnh của nó và có cách lan truyền riêng của nó. Ý nghĩ an lành như một làn sóng, nó truyền lan nhưng mắt ta không nhìn thấy. Và lại, sự tàn độc của một thời biết đâu lại chẳng có mặt tích cực. Bởi vì khi cái ác xuất hiện thì cái thiện cũng đồng thời được biểu hiện với tất cả vẻ rực rỡ của nó.

Như tôi đã nói, ngôi nhà tổ của chùa Sọ là ngôi nhà năm gian ba gian giữa để thờ và hai buồng gó hai đầu. Buồng của thầy nằm bên trái. Tôi và sư Khoan Độ ở buồng bên phải. Vì sư Độ và chị Nguyệt tôi phải trốn ra

vùng du kích khi thầy tôi bị bắt, lúc này thầy tôi lại đau nặng, cho nên tôi phải chuyển sang ở cùng buồng với thầy tôi để tiện việc ngày đêm chăm sóc.

Căn buồng nhỏ bày biện rất giản dị. Phía trong cũng là một chiếc giường nhỏ nơi thầy tôi nằm. Đối diện với giường là chiếc bàn nhỏ. Bên cạnh bàn, từ cái xà thông xuống ba chiếc quang treo. Đó là cái giá sách của thầy nơi đó thầy xếp những chồng sách chữ nho, những quyển kinh, luận nhà Phật. Phía tường đầu hồi, trổ một chiếc cửa sổ hình tròn âm dương, cái cửa sổ không tạo ra một luồng sáng ào ạt, lại được che bằng tầm màn trúc, nên ánh sáng trong buồng lúc nào cũng mờ mờ tỏ tỏ. Dạo ấy mùa rét, tôi bèn đánh tranh làm một ổ rơm ngủ ngay dưới cửa sổ ấy.

Trong những ngày đau ốm dài dằng dặc, hầu như liệt giường, liệt chiếu ấy, người ta hay nghĩ về những kỷ niệm xưa xa lắc xa lơ. Có lẽ vậy cho nên thầy tôi đã kể về đời mình cho tôi nghe. Thầy Hải vẫn bảo tôi: “Sư cụ là người nhân đức. Em được sư cụ nhận làm con. Đó là điều may mắn hiếm có ở đời”. Như vậy đây là câu chuyện giữa cha và con. Người cha truyền lại những trải nghiệm của mình cho đứa con nghe.

Thầy tôi họ Lê tên tục là Sinh. Thân phụ người có hai người con Trường và Sinh. Sinh quán ở tại thôn Nhiễm, một ngôi làng cạnh Hà Nội. Dòng dõi nho gia. Một cụ tổ đỗ Thám hoa dân trong vùng vẫn gọi là cụ Thám Nhiễm. Ông thân sinh ra người là Lê Mậu chỉ đỗ cử nhân. Ông cụ sinh ra trong thời loạn, khi giặc Pháp xâm chiếm nước ta. Cụ cử Lê Mậu giàu lòng yêu nước, ông tham gia phong trào cần vương, bị giặc Pháp bắt đày ra Côn Đảo. Bà nội phải nuôi nấng dạy dỗ Trường và Sinh cho con trai. Bà nội cũng là con gái một gia đình khoa cử nên rất trọng việc học hành. Cụ dồn tất cả tài lực để cho cậu cháu đích tôn là Trường được học hành. Năm ông cử Mậu đi tù Côn Đảo cũng là năm Trường đỗ vào trường Bưởi. Năm ấy, Sinh mới sáu tuổi. Sư cụ Vô Úy kể lại :

- Ta còn nhớ khi người Pháp lừa đám tù nhân xuống tàu thủy, thầy ta đeo gông còn cố giơ tay lên, đầu ngoái lại nhìn mẹ và vợ con đứng trên bờ khóc như mưa như gió. Ông hét lên: “Hẹn mười năm nữa. Hẹn ngày trở lại”. Cả nhà ta chạy xuống dốc sông, định theo cha ta xuống tàu thủy. Bọn lính ngăn lại, còn các bà thì vừa khóc vừa xô đẩy. Tức quá, bọn lính cầm gậy tre đánh túi bụi. Tiếng kêu khóc như ri. Bà nội mặt mày đầy máu ôm lấy ta để che chở cho khỏi bị những chiếc gậy đánh.

Ông Trường, anh ông Sinh (sư cụ Vô Úy) học trường bảo hộ. Vì biết gia đình tập trung tài lực hy sinh cho mình quá nhiều, nên ông Trường cố công học tập. Ông học rất giỏi, luôn luôn đứng đầu lớp. Còn ông Sinh không được đi học, nhưng bà nội không chịu bỏ nễ nếp thi thư của gia đình. Bà nội là con một cụ cử, lại là người tháo vát thông minh, nên cũng là người có chữ nghĩa. Cụ tự mình dạy chữ cho Sinh. Bà cụ giỏi, cậu cháu cũng là đứa học một biết mười. Khi Sinh học xong Thiên tự kinh, cụ bà bảo:

- Bây giờ, cháu đã đọc hiểu được rồi. Bố cháu có năm bồ sách. Đủ cả Tứ thư, Ngũ kinh và sách của trăm nhà. Ta giao cho cháu quản lý. Năng thì đem sách ra phơi. Rách thì bồi dán giữ gìn. Cháu hãy tự học, làm sao đọc cho hết năm bồ sách ấy.

Phải nói Sinh là một cậu bé vừa có chí vừa thông minh. Cậu theo lời bà, đem sách ra đọc. Chỗ nào không hiểu thì hỏi bà. Chỗ nào bà cũng không hiểu thì đi hỏi cụ đồ, cụ tú trong làng. Sinh hỏi lắm chỗ các cụ cũng phải lắc đầu lè lưỡi:

- Chắc kiếp trước thằng bé này đã phải làu thông kinh sử rồi. Vì thế đến kiếp này nó chỉ cần đọc qua là nhớ ngay. Chả thế mà những quyển sách khó như kinh Dịch, rồi cả kinh Phật thằng bé cũng dám mang ra đọc tất cả.

Không những đọc năm bồ chữ Hán của cha để lại, Sinh còn muốn học thêm cả chữ quốc ngữ, chữ Pháp. Sinh bắt anh mình là Trường, đi học về

phải dạy lại cho mình. Điều kỳ lạ đã xảy ra. Sau mười năm dùi mài tự học như vậy, Sinh đã tinh thông cả chữ Hán lẫn tiếng Pháp. Những người bạn của Trường cũng phải kinh ngạc, vì có một lần, Sinh đã dịch cả một trang tiếng Pháp cho họ nghe.

Có thể nói Sinh là một thần đồng, tuy nhiên, cậu bé nhà quê ấy thật khiêm nhường. Mà Sinh là cậu bé nhà quê thực sự. Ngoài việc học tập, Sinh phải đảm đương việc đồng áng. Lúc bé thì chăn trâu, cắt cỏ. Hơn mười tuổi đã biết cày bừa. Nhà không có trâu bò. Bà nội và mẹ phải nai lưng ra kéo cày thay trâu. Bà cụ dạy cháu :

- Đã làm người là phải biết làm việc. Cái chân, cái tay sinh ra là để làm việc. Vậy nên, không được để cho chúng nhàn cư. Nhàn cư dễ sinh chuyện. Không được để chân tay rỗi việc. Không việc này thì việc khác. Bới đất nhặt cỏ, tìm việc mà làm.

Thấy còn có nhiều ngày nông nhàn, bà cụ liền nghĩ ngay ra việc bán thuốc. Hai bà cháu gánh đôi bồ đi khắp các chợ quê. Gia đình vốn có nghề làm thuốc. Cả thuốc nam lẫn thuốc bắc. Cụ thuộc lòng những bài thuốc tê thấp, phong hàn, điều kinh, nhức đầu, cảm mạo... Hai cái bồ thuốc ấy làm phúc cho thiên hạ cũng nhiều và cũng giúp cho gia đình có đồng ra đồng vào.

Bà nội là người sùng đạo Phật. Rằm, mồng một, cụ thường đến lễ Phật ở chùa Ổi. Ông cử Mậu là người đọc rộng. Trong mấy bồ sách của ông có cả sách Phật học. Sinh đọc sách Phật thấy nghĩa lý rất uyên bác. Sinh thường theo bà nội đến chùa Ổi để nghe hòa thượng Vô Chấp giảng kinh. Sư cụ Vô Chấp rất quý mến chàng thiếu niên sáng láng và uyên bác đó. Hiếm có một chàng trai trẻ nào, ít tuổi mà lại có một sở học rộng rãi đến thế. Sư cụ cho phép Sinh được ngồi lẫn với các tỳ khưu trong chùa nghe những bài giảng triết lý thâm sâu. Sinh đã ngồi cả một buổi để nghe giảng và thảo luận cái công án “Bách trượng đã hồ” (con hồ ly của sư Bách trượng). Con hồ ly đã trả lời nhằm cho rằng bậc đại tu hành thì không mắc

không rơi vào nhân quả. Con hồ ly không hiểu rõ thuyết nhân quả luân hồi trùng trùng điệp điệp của đạo Phật nên đã đọa kiếp hồ ly tới năm trăm kiếp. Sư Bách trọng sửa chữa câu trả lời “Bất muội nhân quả”, tức là bậc đại tu hành không mê lầm luật nhân quả. Đứng về mặt tuyệt đối tất cả chúng sinh đều rơi vào luật nhân quả, bậc đại tu hành thì hiểu rõ luật nhân quả, không bị mê lầm bị che mờ, cái tâm không sai biệt, nên không chấp có chấp không. Nếu tâm còn sai biệt thì dù tu một trăm kiếp hồ ly vẫn là hồ ly. Sư Vô Chấp nói với mọi người:

- Nhân quả hiểu theo nghĩa thông thường là Nghiệp. Giữa người mê và người ngộ, Nghiệp tác động không giống nhau. Người mê coi Nghiệp là tai ách, gặp hoàn cảnh khó khăn đau khổ, họ buồn tủi, than vãn. Còn với người ngộ, khi đã vô phân biệt giữa khách và ta, giữa ngoài và trong, họ biết mình vẫn có Nghiệp như ai, nhưng không cảm thấy Nghiệp là nặng. Ngộ không hề có nghĩa là vứt bỏ Nghiệp, mà là vô ngại đối với Nghiệp và cả đối với phi Nghiệp, được như thế sẽ tự do tự tại ở bất cứ hoàn cảnh nào.

Sư Vô Chấp hỏi Sinh :

- Con có cảm hiểu được lời ta nói không?

- Con đã lờ mờ nhận ra con đường.

- Ở tuổi con, dù chỉ một chút thôi, chỉ lờ mờ thôi, cũng là quý lắm rồi. Đời con còn dài... Đến như ở tuổi ta đây, đã vài chục tuổi hạ, thế mà cũng đâu dám nói đến sự tỏ ngộ.

Ông cử Mậu mãn hạn tù, từ đảo Côn Lôn trở về. Từ thuở còn đi học, ông đã đọc sách thuốc, lại có bà mẹ biết về y thuật nên có thể nói ông khá hiểu nghề y. Một người bạn đồng môn cố tri đến chơi thấy hoàn cảnh gia đình và thấy ông suốt ngày nằm dài trên chiếc võng mới nhân lúc tửu hứng đọc ngâm một câu rằng: “Tâm hồn cố quốc, bất năng vi tướng, tất vi y” (Tâm hồn mà còn lưu giữ Tổ quốc, không thể làm tướng, tất sẽ làm thầy

thuốc). Ý người bạn muốn nhắc nhở ông. Không còn điều kiện hành động cứu nước nữa, thì hãy làm điều gì có ích cho đời, cho gia đình. Không thể để cho mẹ và con nheo nhóc mãi.

Lúc đó, người tù trở về phần chí, mới nhìn mẹ mình con mình, lòng đau như cắt. Bà mẹ, lúc ông đi đày, vẫn tần tảo cố sức nuôi hai con ông ăn học thành người. Bà cụ chỉ có thể cho người con lớn đi học, còn đứa bé thì tự dạy lấy. Lại còn dạy đứa cháu biết làm nghề nông, biết gánh đôi bồ đi chợ bán thuốc, để cậu bé trở thành một con người hoàn chỉnh, có học vấn, có chí, có lòng tự trọng. Thật là phi thường! Ông cử sau khi nghĩ kỹ nói rằng:

- Từ rày, hai bà cháu không phải gánh bồ đi chợ bán thuốc nữa. Con sẽ bán hai sào ruộng lấy tiền mở cửa hàng thuốc.

Ông cử Mậu là nhà khoa bảng đọc sách nhiều, rất thông y lý, lại có nghề gia truyền, cho nên cửa hàng mở ở đầu làng, chẳng mấy chốc đã rất đông khách. Tiếng đồn khắp vùng nên lại càng đông hơn. Sinh phải ra cửa hàng làm người phụ tá đắc lực cho cha. Ở gần người con út, lúc này ông mới hiểu hết người con. Ông cử nhìn Sinh, càng thấy nó giống ông nhiều hơn là anh nó. Mới đầu ông tưởng rằng thằng bé chỉ được bà nội dạy chữ, chắc thằng con chỉ đọc thông đã là tài. Ông dần dần kinh ngạc vì không ngờ cậu con trai có thể lầu thông Tứ thư, Ngũ kinh. Chẳng những Sinh thông Nho học mà lại còn biết cả Tây học. Đó là điều nó hơn ông.

Một buổi, hai cha con đến thăm sư cụ chùa Ổi.

Nghe người con hầu chuyện hòa thượng, ông càng kinh ngạc bội phần. Ông không thể ngờ người con mười chín tuổi của ông lại có thể nói chuyện về đạo Phật như một nhà tu hành thực thụ.

Cũng như nhiều nhà nho khác, ông cử Mậu không mặn mà với đạo Phật lắm vì tính chất xuất thế gian của nó. Hôm ấy ông mới có dịp hiểu về

những người tu hành. Hòa thượng Vô Chấp biết ông là nhà yêu nước bị người Pháp bắt đi đày, nên rất tỏ lòng kính trọng. Lúc hai người đàm đạo, thiền sư nói :

- Đạo Phật ở nước Nam ta luôn luôn gắn bó với dân tộc, bởi vì họ biết đất nước có tự chủ thì đạo Phật mới phát triển được. Nói chung, trong suốt lịch sử, dân Việt là Phật giáo. Thời Lý Trần đã đảnh. Lúc ấy phân nửa dân số ở chùa. Sang thời Lê và sau này, Nho giáo lên ngôi. Tuy nhiên, lúc này vẫn là Phật giáo. Bởi vì mỗi làng đều có đình và chùa. Người nam sinh hoạt ở đình. Người phụ nữ sinh hoạt ở chùa. Vì vậy tinh thần Phật giáo thấm vào xã hội thông qua người mẹ, người vợ. Mà người phụ nữ nào chả có gia đình và con cái. Người đàn bà ứng xử trong gia đình xã hội và dạy con cái ít nhiều theo tinh thần Phật giáo. Vậy nên mới nói, bất cứ người Việt nào cũng đều có chút Phật giáo trong người.

Vị sư già Vô Chấp thật thâm thúy. Ông cụ làm cho ông cử Mậu phải suy nghĩ mãi khi về nhà.

Ông cử Mậu là nhà nho thuần khiết. Ông cũng không cực đoan tới mức bài xích đạo Phật. Tuy nhiên ông tin tưởng vào sự nhập thế tích cực của đạo Nho. Muốn thương yêu đồng loại ư? Muốn hạnh phúc cho mọi người ư? Thế thì hãy ở giữa cõi đời này mà sống. Can chi mà phải xa lánh trần gian.

Những ngày bị tù đày trên hòn đảo trơ vơ giữa biển khơi ông ngẫm nghĩ về cuộc sống hết ngày nọ qua ngày kia tư tưởng nhập thế của ông vẫn không thay đổi, nhưng nhìn cái tương lai mờ mịt của dân tộc đứng trước một kẻ thù quá mạnh hình như cái tư tưởng nhập thế của ông đã mềm dẻo hơn. Phải trải qua truân chuyên, ông mới cảm nhận được phần nào cái lý của sự tồn tại những ngôi chùa ở những làng quê. Hòa thượng Vô Chấp bảo :

- Có người nghĩ rằng chữ nhẫn của đạo Phật là sự yếu hèn cam chịu. Chắc chắn không phải vậy. Cuộc đời lắm lúc cần phải biết dừng lại để suy ngẫm, để tích tụ sức mạnh. Khi nào cần thiết, Phật giáo sẽ bùng nổ theo cách của nó. Mà năng lượng của cái nhẫn sẽ ghê gớm không thể tưởng tượng nổi. Nó kinh thiên động địa. Sức mạnh của từ bi có thể làm sụp đổ những gì bạo tàn nhất. Phải là người dũng mãnh như sư tử, ý chí như sắt thép mới thi hành được chữ nhẫn nhà Phật.

Phải nói ông cử Mậu lên chùa phần nào cũng vì người con út của mình. Ông muốn biết con đường đi của nó. Nghe sư Vô Chấp nói rồi nhìn người con lạng lẽ của mình, hình như ông hiểu con mình hơn. Thì ra trong lúc ông xa nhà, con ông vẫn có những người thầy xứng đáng, giá như ông cử còn trẻ, hoặc giá như đời ông hanh thông, chắc ông đã phải giảng giải rất nhiều cho người con trai mới bước vào đời đã say sưa nghiên ngẫm đạo thiên. Tuy nhiên, lúc này ông lại nghĩ khác. Ông tự hỏi mình: đã có một đứa trẻ nào, từ thuở nhỏ, không được cắp sách tới trường, mà lại làu thông cả Tứ thư, Ngũ kinh, lại biết Tây học, rồi lại đọc được sách Phật. Phải chăng chỉ có ông mới là người ưu tư, mới biết đi tìm đường ở cõi đời này sao? Không, con ông cũng đang tìm đường đấy chứ. Mà lại tự tìm đường, tự soi đèn tìm lối lúc tuổi đời còn rất trẻ. Ông cử Mậu nghĩ tới ngày xưa ông được cha mình nâng niu ra sao. Hầu như ông không phải làm gì cả. Suốt ngày đêm chỉ cầm quyển sách trên tay. Còn con ông thì sao? Suốt một thời thơ ấu vắng cha. Phải tự mình mò cua bắt ốc, cày sâu cuốc bẫm, rồi gánh đôi bồ trên vai ra chợ. Dù ông không dạy, thì Sinh cũng đã tự vạch ra con đường đi của đời mình rồi. Cuộc đời thực đã cho nó những suy nghĩ. Và những ý nghĩ sinh ra từ cuộc sống mà ta tự chiêm nghiệm thì chắc là sâu sắc. Vậy thì ông có quyền gì lại muốn vạch ra con đường cho nó. Phải nói rằng những ngày tù đầy cũng rèn cho ông một đức tính. Trong lao tù, con người cần biết im lặng. Ta phải biết im lặng lắng nghe những tiếng nói thầm kín của người khác. Ta còn phải biết im lặng vì không phải bao giờ những ý nghĩ của ta cũng là hay nhất, đúng nhất.

Ông Cử phải đi tù mới biết cách lặng lẽ. Còn người con út của ông không đi tù cũng thích sự lặng lẽ. Đạo Phật đã dạy cho Sinh biết cái huyền diệu của sự tĩnh lặng.

Hai cha con rất ít nói với nhau, song hình như người con út rất hiểu nỗi niềm của người cha. Anh lặng lẽ chăm chỉ học nghề thầy thuốc của ông Cử. Người cha cũng mang hết sở đắc của mình ra truyền thụ cho người con. Hình như ông cũng muốn bù đắp cho người con những tình cảm phụ tử mà người con thiếu thốn trong những ngày ông xa nhà. Người cha càng ngày càng yêu quý người con hơn khi ông thấy cái tâm của người con vô cùng trong sáng. Ông dạy con phải tận tụy với người bệnh thì người con lại thực hành sự tận tụy ấy đến mức như quá sự cần thiết. Một lần, có một làng gần đây mắc dịch tả. Người ta đồn dân làng ở đó chết không kịp chôn. Các ông lang trong vùng đều lánh tránh. Họ chẳng chịu đến thăm bệnh cho người làng đó. Có con bệnh đến mời ông cử Mậu. Người cha nói :

- Dân gặp nguy khốn mới cần đến ta. Ta là loài chó lợn hay sao mà lại từ khước.

Người con ngăn lại :

- Cha già rồi, sức chịu đựng chẳng thể bằng con. Và lại, con đã đọc sách Tây y về bệnh này rồi. Con biết cách phòng tránh lây bệnh. Cha cứ để con đi thì hơn.

Sinh đã lăn lộn ở ngôi làng đó hàng tháng, cho đến khi trận dịch kết thúc. Hòa thượng Vô Chấp biết được chuyện ấy vui mừng, ban tặng cho Sinh chuỗi tràng hạt mà trưởng lão, thầy của sư Vô Chấp đã trao truyền lại. Sư cụ bảo :

- Sư phụ ta ngày xưa tu theo hạnh đầu đà. Người cũng là thầy thuốc. Suốt đời người chăm sóc cho người hủi. Người qua đời ở trại hủi Mui Tía. Con cũng có thể noi theo bước chân của người. Vì vậy, ta tặng con chuỗi

tràng hạt này, chuỗi tràng hạt hồ phách vô cùng quý giá nghe nói của vua ban truyền từ xưa đến giờ. Nó qua tay đã chục thiền sư nên vô cùng linh thiêng.

Khi bà nội qua đời, ông cử Mậu và hai người con lo ma chay cho cụ rất chu đáo. Sư cụ chùa Ổi về tụng kinh cho cụ đủ bốn chín ngày.

Xong giỗ đầu bà nội, một sáng, Sinh quỳ lạy cha rất cung kính. Anh quỳ rạp, đầu sát đất, thưa rằng :

- Thưa thầy, bà nội con vốn theo đạo Phật. Từ nhỏ, khi cha vắng nhà, con đã theo bà ăn chay niệm Phật, đọc kinh Pháp Hoa. Con đã được bà nội dạy dỗ điều hay lẽ phải. Hàng tháng con theo bà lên chùa nghe hòa thượng giảng kinh. Suốt đời, con đã nguyện chỉ làm điều thiện và theo Phật pháp. Chính nhờ đạo phật nên con mới đủ ý chí và nghị lực để có thể học hành và góp sức cùng bà nội giữ lấy nề nếp tổ tông. Nay bà nội con đã quy tiên, anh cả con thì đã thành tài ra làm thầy giáo, lại đã sinh con trai nối dõi tông đường. Riêng phận con, con nghĩ hầu như đã làm xong trách nhiệm với gia đình. Chỉ còn có một điều bắt buộc con suy nghĩ mãi. Đó là nghĩ rằng cha đã già rồi. Con xa cha lúc này thật chưa tròn đạo hiếu, thật chẳng đành lòng. Nhưng thưa cha, thầy của con, sư cụ chùa Ổi cũng đã ngoài tám mươi, đã luống tuổi lắm rồi. Mà con thì chỉ có một ước nguyện là được hầu hạ bên sư cụ, để được nghe lời dạy của một bậc cao tăng gần trọn đời sống dưới bóng từ bi. Nếu con chậm trễ, sợ rằng cái phước lớn được làm đệ tử của thầy con sẽ không kịp nữa.

Người cha không ngạc nhiên khi nghe con nói, vì từ lâu ông đã biết cái chí của Sinh. Ông chỉ khẽ thở dài và gật đầu :

- Thực ra, cha phải cảm ơn con. Con đã làm quá nhiều việc cho gia đình. Nhất là con đã thay ta chăm sóc bà nội. Đó là nhiệm vụ của ta mà ta không làm được. Chắc hẳn cha con phải cảm ơn đức Phật từ bi, vì Người đã gửi một đồ đệ ưu tú đến giúp đỡ khi ta gặp hoạn nạn. Con vốn là người

của Phật. Nay con trở về với nhà chùa. Đó là phải lẽ. Có khi nào ta lại cản bước con đi.

Sinh, sau khi cha cho phép, đã trút bỏ mọi thứ, chỉ mặc bộ quần áo nâu đến chùa, quỳ trước mặt sư tổ. Hòa thượng Vô Chấp mở mắt ra và nói :

- Con đã đến rồi ư? Ta cứ mong mãi ngày hôm nay. Con đến chẳng chậm đâu. Có người đến chùa vì gặp nghịch cảnh. Có người vì chán cảnh trần thế. Riêng con, con có chán cảnh trần thế hay không?

- Bạch thầy! Con không chán mà rất yêu trần thế.

- Vậy thì tại sao con xin cắt tóc quy y?

- Bạch thầy! Vì từ nhỏ con đã được bà nội dạy dỗ.

- Lành thay! Bà nội con là đệ tử thuần thành của Phật. Bà con đã dạy con những gì?

- Hàng ngày con vẫn được ngửi hương giải thoát.

- Hương ở đâu?

- Hàng ngày hai bà cháu vẫn dâng hương cúng Phật.

- Hương ở đâu nữa?

- Hương từ bi. Bà nội con chỉ biết làm việc thiện.

- Lành thay! Lành thay! Hương còn ở đâu nữa?

- Ở những kinh sách mà con thường đọc.

- Lành thay! Lành thay.

Tuần lễ đầu, sau khi ở nhà tù về, sức khỏe thầy tôi bình thường. Tuần thứ hai sau đó, tình hình xấu đi trông thấy. Có một đêm, tôi đang ngủ rất say, chợt choàng tỉnh giấc thấy thầy tôi nằm còng queo trên mặt đất. Thì ra thầy tôi muốn đi vệ sinh, thấy tôi ngủ ngon, thương học trò suốt ngày hầu hạ, không nỡ đánh thức, nên cố tự mình xuống giường. Tôi vội vã thắp đèn, đỡ thầy lên. Nhưng từ phút ấy, thầy tôi không ngủ được nữa. Sáng ra nhìn vào cái chân gầy thấy sưng húp. Tôi ra vườn chùa tìm lá náng, hơ nóng, chườm chỗ đau. Suốt ngày, thầy tôi nằm liệt trên giường, tay lẫn tràng hạt. Thầy chẳng kêu rên nhưng tôi biết thầy tôi rất đau. Có lúc, tôi thấy thầy nghiêng rặng lại, mồ hôi lấm tấm trên trán. Đến cả cháo, có lúc thầy tôi cũng bỏ. Tôi lo lắng vô cùng, nhưng không biết làm thế nào để cứu thầy tôi lúc này. Tôi chỉ biết chườm lá náng. Tôi bảo hay là đến nhờ cụ chánh, song thầy tôi cương quyết gạt đi. Buổi tối, tôi lên thượng điện thắp hương gõ mõ thỉnh chuông, cầu xin chư Phật độ trì cho thầy tôi qua cơn hoạn nạn. Cả buổi tối, tôi ngồi dựa cột ở thềm nhà tổ. Cổ không khóc nhưng nước mắt cứ tự động ứa ra. Tôi cứ ngồi như vậy và ngủ thiếp đi lúc nào không hay.

Chợt trong cơn mê, tôi mừng tượng như có bàn tay đặt trên vai mình hết sức nhẹ nhàng. Cảm giác bàn tay rất thân quen. Rồi mơ hồ tiếng thì thầm “Này, chú An!”. Tôi dụi mắt, tỉnh dậy. Cứ tưởng là mơ, nhưng không phải... Trước mặt tôi, một bóng người cao lớn lom khom. Tôi sợ hãi định kêu lên, nhưng bàn tay đã bit miệng tôi lại. Rồi tiếng thì thầm cất lên :

- Tôi đây mà. Không nhận ra à. Sư huynh Khoan Độ đây mà.

Đến lúc ấy, tôi mới tỉnh ngủ hẳn. Tôi ôm lấy sư bác, mừng rỡ :

- May quá! Lúc tối, em cứ cầu xin mãi. Mong bác trở về. Bác mà không về kịp thì em chẳng biết xoay xử ra sao. Sư bác vào buồng đi. Sư phụ chúng ta nguy khốn lắm rồi.

Tôi vội khêu cái bấc đèn liu riu lên một chút cho nó tỏ sáng hơn. Thầy tôi thấy sư Khoan Độ thì mừng ra mặt. Ông nắm lấy tay học trò :

- Ta mong con từng giây, từng phút. Dù thế nào, ta cũng tin tưởng rằng con sẽ về với ta.

- Con cũng thế. Thầy gặp nạn con không ở bên cạnh. Thảo nào, mấy hôm nay lòng con như lửa đốt. Sư huynh Vô Trần chẳng bằng lòng cho đi, nhưng con cương quyết cứ liều chết trở về.

Thầy tôi lại hỏi :

- Thế cháu Nguyệt... ra sao?

- Cô Nguyệt cũng nhớ thầy, nhớ chùa, nhớ chú An. Song sư huynh bảo Tây đồn đương dò hỏi về hai người. Sư huynh cấm tiệt không cho cả hai người sang bên này sông.

Có sư bác, lòng tôi vững tin hẳn lên. Sư bác xem chân thầy và nói :

- Vì ngã, khúc xương gãy trật ra. Để con nắn rồi bó lại. Khi nắn vô cùng đau, nhưng không nắn sẽ què hẳn. Tuy nhiên thầy không lo vì nghề bó xương gãy là nghề gia truyền nhà con.

Tôi cũng nghe loáng thoáng rằng sư bác Khoan Độ xưa kia có lần đã bị cắt gân chân. Ông đã tự bó thuốc và đã lành lặn như người thường. Không biết đó là sự thật hay sự ngoa truyền. Sư Khoan Độ tiến hành chữa cho sư cụ Vô Úy ngay đêm hôm ấy. Bác bảo về lần này rất bất ngờ, bọn đồn Sọ chưa hề hay biết. Phải làm gấp vì chưa biết đến hôm sau sẽ ra sao. Sư bác nói nắn xương gãy, cái đau sẽ như dùi khoan vào tim vào óc, thông thường phải trói người bệnh vào giường, sau mới nắn. Hơn nữa, trong trường hợp của thầy tôi, sư cụ không được kêu lên hoặc hét lên, để tránh đánh động xóm làng, tránh mối nghi ngờ của đồn Sọ. Thông thường, ông thầy thuốc phải khuyến khích bệnh nhân kêu thật to, hét thật to. Tiếng kêu thét giống như một liều thuốc tê. Thầy tôi bảo không cần phải trói Thầy tôi sẽ chịu đựng được, sẽ không kêu một tiếng nào. Tôi đứng bên cạnh kêu òn òn thêm. Thầy tôi nằm sấp trên giường. Tôi đưa cái áo cũ cho thầy tôi

cẩn nhưng thầy gạt đi. Thầy tôi nhắm mắt lại rồi đưa cổ tay mình lên bịt lấy miệng. Sau đó, sư bác Khoan Độ nắm lấy chiếc chân gậy của thầy mà kéo, mà co, mà nắn. Tôi biết lúc này thầy tôi niệm Phật. Tôi thấy mặt mũi thầy co dúm lại, thầy tôi vẫn trụ vững. Nhưng tình hình có vẻ khó khăn, tôi thấy sư bác lắc đầu và bảo :

- Thầy chịu thêm một chút nữa nhé... Để con nắn thật chỉnh... Chỉ một phút nữa thôi... nào nào...

Ôi chao! Một phút thật là dài. Sư bác toát mồ hôi, và cả thầy tôi cũng lấm tẩm mồ hôi trên trán. Thầy tôi chắc không chịu nổi nữa, khi sư bác lại ra sức kéo co cái chân. Trời ơi! Thầy tôi sắp kêu lên mất. Tôi thấy thầy há miệng ra... Nhưng không phải là kêu. Thầy há miệng chỉ để đưa cổ tay vào mồm và nghiền chặt lại.

- Đã xong!

Sư Khoan Độ thở phào ngồi xuống cạnh tẩm phản. Tôi cũng thở phào rồi lấy cái áo lau mồ hôi trán cho thầy. Còn thầy tôi thì gần như ngất xỉu. Thầy nhắm mắt, đầu gục xuống tẩm phản, cái cổ tay bị răng bập vào ri ri máu. Sư Độ sai tôi ra vườn hái lá. Sư ra lệnh cho tôi giã lá thật nát. Giã làm sao để chày đâm xuống cối lại không phát ra tiếng động. Trong lúc tôi giã, tôi nghiền thì sư bác rắc một thứ thuốc bột đỏ lên chỗ gãy, chỗ sưng. Chắc thứ bột đó là thứ bí truyền của sư bác.

Gà trong xóm gáy sáng thì bó xong, nẹp xong. Tôi đưa cho sư bác mấy củ khoai lang luộc ban chiều mà tôi bỏ bữa không ăn. Sư bác đút vào túi rồi lên lên tòa chính điện. Tôi biết ở dưới cái bệ thờ trong gian thâm cung lúc nào cũng tối đen như mực ấy có một hầm bí mật...

Không biết có đánh hơi thấy gì không mà sáng hôm sau quân Mật dẫn lũ lính batidăng xuất hiện ở chùa. Hắn cho lính đi ngó nghiêng khắp nơi rồi đến buồng sư cụ tôi. Hắn ăn nói ra vẻ nhân nghĩa :

- Cụ tôi bảo tôi ra thăm cụ. Thầy tôi nói mấy hôm nay người nó nhọc nên chưa ra chùa xem cụ cần thứ thuốc thang gì.

- Cảm ơn cụ chánh và ông quản. Tôi cũng đã đỡ, chắc chỉ dăm bữa nửa tháng nữa là dậy được.

- Thế cụ có cần thuốc Tây không?

- Cảm ơn ông. Tôi chả dám phiền. Các cụ ta ngày xưa bị như tôi cũng chỉ dùng năm lá là khỏi. Lá lấu chẳng mất mấy tiền mua...

Quản Mật lại bắt nọn :

- Hôm qua con chó Lài nhà ông Hương Tê cạnh chùa sủa khỏe lắm, cụ có thấy ai lên vào chùa?

- Tôi nằm không ngủ cả đêm, song chẳng nghe thấy gì cả.

Quản Mật còn huyền thuyên một lúc nữa, chờ cho lũ quân sục sạo xong rút lui.

Tình hình có vẻ không ổn nên tối hôm ấy sư bác thì thầm với sư cụ tôi rất lâu. Tôi phải đứng ở sau chùa canh gác nghe ngóng tình hình. Lúc tôi trở về chỉ nghe được mấy câu sau cùng :

- Cô Nguyệt mong thầy giáo Hải lắm. Cô ấy nhắn chú Hải nên quyết đoán, ra ngay vùng tự do...

Sư bác quay sang tôi :

- Tôi phải đi ngay tối nay chú An ạ. Nhờ chú thay tôi chăm sóc cho thầy. Cô Nguyệt nhắn chú phải hầu hạ thầy cho chu đáo, học hành kinh kệ thật siêng năng.

Sư bác lạy thầy. Sư cụ của tôi chỉ “A di đà Phật” với gương mặt thản nhiên, tuy nhiên tôi nhìn thấy con mắt của thầy vô cùng trù mẫn.

Chú thích:

[1] Đơ Bê (Deuxième Bureau): Phòng nhì tình báo quân đội Pháp.

ĐỘI GẠO LÊN CHÙA

Nguyễn Xuân Khánh

www.dtv-ebook.com

Chương XIII

Hòa thượng Vô Úy là một ông già nhỏ thó, đầu nhẵn bóng, da đỏ hồng hào, long mày trắng toát. Hàm răng đen nhưng nhúc, gần bảy chục tuổi rồi mà vẫn không gãy một chiếc răng nào. Ông cụ có gương mặt rất tươi. Trông thấy cụ là thấy nụ cười trên môi. Cụ thường nhai trầu bồm bẻm suốt ngày. Hòa thượng rất nghiêm cẩn trọng mọi lúc. Đi đứng không bào giờ vội vàng. Lúc nào cũng khoan thai nhẹ nhàng. Có một bận, hai thầy trò từ ngoài về chùa gặp cơn mưa rào. An vội vã ôm đầu chạy như mà đuổi. Trong khi ấy sư cụ khoan thai từ tốn bước đi tưởng chừng như không có những hạt mưa to như đổ nước từ trời xuống. Hòa thượng bảo:

- Ta cũng có thể chạy nhanh như con. Nhưng ta không làm vậy. Không bao giờ được nôn nóng, vội vàng. Mà vội vàng đến độ xộc xệch hốt hoảng lại càng không được. Người ta lúc nào cũng cần phải đàng hoàng gặp cảnh nào cũng không thay đổi.

Hòa thượng không mặc áo cánh. Sáng dậy là sư cụ khoác ngay lên trên người chiếc áo nâu dài bạc phếch rộng thùng thình. Gọi là áo dài nhưng thực ra chiếc áo chỉ dài đến đầu gối.

Có thể nói sư cụ Vô Úy lúc nào cũng đứng đĩnh, an nhàn, tự tại.

Trông thấy cụ là thấy sự thanh bình, hồn nhiên, vô sự. Cứ tưởng như đời cụ thật bằng phẳng, chẳng hề sóng gió. Có thể nghĩ như là mặt nước hồ thu. Cho đến lúc được hầu hạ sư phụ trong những ngày ốm đau hoạn nạn ấy, An mới biết những suy nghĩ từ trước của mình về thầy là không đúng. Sư cụ nói ra mới biết, đời cụ chẳng bằng phẳng chút nào.

Sau hi từ biệt cha vào chùa, sư Vô Úy ở với sư vô chấp được ba năm, Vô Úy thưa với sư phụ mình rằng:

- Con xin phép thầy được tu tập theo hạnh đầu đà, được đi đó đi đây, gặp các bậc thiện tri thức cho tâm mắt được mở rộng.

Được phép của thầy, sư Vô Úy khoác tay nai, chống gậy lên núi Yên Tử. Hồi ấy, chưa mấy người biết Yên Tử. Đó là vùng rừng núi hoang vu, ma thiêng nước Độc đầy thú dữ, ít người dám đặt chân tới. Chỉ riêng trong giới tu hành, người ta mới biết đó là ngọn núi thiêng, nơi phúc địa mà thời nhà Trần, vua Trần Nhân Tông đã tu ở đó.

Sư Vô Úy vác bị gậy đến gần chân núi thì ông dừng chân. Người dân nói phải vượt qua chín con suối nữa mới đến suối Giản Oan dưới chân núi Yên Tử. Vô Úy bèn tìm vào chùa Rộng – một ngôi chùa nhỏ, xin tà túc. Vùng Yên Tử có rất nhiều ngôi chùa nhỏ như vậy. Vô Úy lội theo một con suối toàn đá nhẵn thin, tảng nào cũng to như cái thúng. Đi một quãng dài thì thấy cổng chùa ở lưng chừng núi. Qua cánh cổng gỗ lim thấy vườn chùa trồng toàn mít và cây mơ. Đang xuân, hoa mơ nở trắng xóa. Con chó vàng và một nhà sư lực lưỡng đang cởi trần chạy ra đón khách.

- Nhà thầy đến đây có việc gì? – Sư cởi trần hỏi.

- Thưa đạo hữu, tôi cũng là người tu hành. Tôi nghe sư phụ tôi nói: “người mới tu tìm đến chỗ tĩnh mà tu. Sau đó, lạ phải tìm chỗ Động mà tu”. Cho nên sau ba năm tu tại chùa, tôi xin người cho phép được vân du các nơi để học hỏi cho rộng đường tu.

Sư bác cởi trần nghe vậy liền cười hỉ hả rồi nói.

- Phải đấy. Tôi cũng tu như chú vậy. Tôi tu hạnh đầu đà, lang thang khắp nơi. Năm ngoái tôi đi các chùa ở tỉnh Bắc Giang. Năm nay lại qua Hải Dương, thấy tình cảnh chùa này đặc biệt nên dừng chân lại ít tháng.

Nhà sư nói tình cảnh đặc biệt là như thế này. Chùa Rõng do một vị sư già trụ trì. Cụ đã ngoài chín mươi. Chẳng biết pháp hiệu cụ là gì. Nhân dân thấy cụ điếc đặc nên gọi cụ là sư Điếc. Vị chùa phải lội suối mới vào được. Còn cụ sư Điếc thì ngày đêm không nói một câu, chỉ biết lăn tròng hạt. Cho nên khách thập phương đến ngày càng thưa vắng. Chùa chỉ có sư điếc và một chú tiểu mười hai tuổi. Chẳng biết hai thầy trò sống như thế nào. Chỉ biết khi nhà sư cõi trần tức sư Huyền Không thương tình liền ở lại chùa Rõng sáu tháng liền. Ông trồng sắn, cấy lúa, nhờ thế hai thầy trò sư Điếc mới thoát khỏi chết đói. Sư Huyền Không hỏi Vô Úy:

- Trông thầy leo khéo như học trò. Liệu có biết làm ruộng không?

- Thưa sư bác tôi biết.

- Thế thì được. Người theo hạnh đầu đà phải biết làm đủ mọi việc. Lại còn phải biết ăn đói mặc rét, sống kham khổ thế nào cũng được. Có như thế mới có thể vân du tầm đạo.

Tối hôm ấy, tất cả mọi người ngủ trong căn nhà bếp của chùa. Ngọn lửa bếp bập bùng ở giữa nhà. Cụ sư Điếc ngồi dựa lưng vào tường, trên người choàng chiếc khăn nâu. Cụ sư Điếc ngồi dựa lưng vào tường, trên người choàng chiếc khăn màu nâu. Khuôn mặt vị sư già đã tiêu hết thịt. Trên mặt cụ chỉ còn hai con mắt sáng quắc biểu hiện sự sống. Đôi mắt ấy hau háu nhìn vào hai người. Sư Huyền Không nói:

- Cụ không nghe thấy gì bằng tai. Cụ nghe ta nói bằng mắt. Nhìn mặt ta, trông thấy môi ta mấp máy, cụ hiểu ta nói gì.

Lúc này, mặt sư Huyền Không đối diện với vị sư già. Hai người nói gần như quát tháo. Họ nói chuyện bằng môi, bằng mắt, cả bằng tay nữa.

- Đây là sư Vô Úy. Vô Úy. Thầy ấy muốn hành hương lên đỉnh Yên Tử.

- Hả? Vô Úy hả? ... tên thế là tốt. Lên đỉnh Yên Tử hả? Lại càng tốt... nhưng tốt nhất... là phải đi vòng thế này.

Cụ sư Đיעc vừa nói vừa giơ tay lên vẽ một vòng tròn thật to chung quanh mình. Vô Úy không hiểu ý nghĩa câu nói. Sư Huyền Không phải giải thích cho rõ:

- Cụ sư là người rất thâm sâu Phật pháp. Trước đây, gặp người nào muốn lên thăm viếng chốn từ hành của bậc Giác hoàng, sư cụ thường khuyên: “Muốn hành hương đi thăm một chốn linh thiêng, ta không nên đi đường thẳng mà phải đi đường vòng quanh. Ý nghĩa của hành hương là để biến đổi sự nhận biết tầm thường của thế gian. Đừng sợ gian khổ. Hành hương càng gian khổ càng tốt, ý nghĩa của hành hương là ý nghĩa của con người đi tìm đạo ở trần gian. Người đi đường thẳng ít tới được chốn thiêng. Đi đường vòng sẽ gặp nhiều nghịch cảnh. Hãy dùng nghịch cảnh để biến thành sức mạnh và thành đạt tinh thần”.

Ôi chao! Ý nghĩa một cuộc hành hương lại cao xa đến thế ư? Phải nói rằng, sư Vô Úy nghe câu nói của cụ sư Đיעc đêm hôm ấy như bị một tiếng sét đánh vào tâm hồn mình. Và sau này phải trải qua nhiều chuyện, sư càng ngẫm nghĩ càng thấy đúng. Sư Vô Úy ở lại ba hôm cùng với sư Huyền Không và chú tiểu trồng cây nường sẵn ở đằng sau chùa Ròng. Sư Huyền Không bảo để cuối năm quay trở lại thì sẵn đã được dỡ. Vị sư bác hồn hậu nói rằng:

- Tôi đã chuẩn bị thóc gạo đầy đủ để chú tiểu nuôi hòa thượng cho đến cuối năm. Theo đúng lời sư cụ dạy, tôi sẽ dẫn thầy đi đường vòng. Phải hơn một tháng mới sang Bắc Giang sau lưng Yên Tử, rồi từ đó ta lên đỉnh núi. Xong việc tôi sẽ dẫn thầy đến am cỏ của tôi. Nó ở đằng sau lưng Yên Tử. Đến đây, thầy có thể ở lại tĩnh tu ít lâu. Mà muốn ở lại mãi cũng được. ở am của ta ra biển cũng gần, xuống đồng bằng cũng gần. Còn ta cuối năm sẽ quay trở lại đây cùng với cụ sư Đיעc. Ta biết cụ là bậc Bồ tát. Ta muốn ở

đến phút cuối cùng bên cạnh Bồ tát để được hưởng nguồn từ lực hộ trì của người.

- Sư Vô Úy đi với sư Huyền Không về phía tây Yên Tử. Sư đến am cỏ của sư Huyền Không. Cảnh vật ở đây đã giữ chân người lại một thời gian dài. Tại đây sư Vô Úy đã thu nhận hai đệ tử. Đại đệ tử khoan hòa và nhị đệ tử khoan Độ.

Sư khoan Độ gắn bó với thiền sư Vô Úy trong một thời gian rất dài, cho nên xin có đôi lời về sư khoan Độ.

Quê của sư bác không phải ở làng sọ mà ở xa lắm. Đó là làng Sứa. Cái tên Sứa nghe đã mặn mòi vị biển. Tuy nhiên làng lại thuộc đồng bằng ở sát kề vùng đồi. Có lẽ ngày xưa, thời xa lắm rồi làng gần biển, về sau phù sa bồi đắp mãi, nên ngày nay muốn ra đến biển phải mất hai ngày đường.

Thưở nhỏ, Độ đã nổi tiếng ngộ nghịch, là kẻ đứt dây trên trời rơi xuống. Người đen nhẻm, tóc rể tre, mắt trắng dã, cao lớn, tay dài như tay vượn, da thịt rắn chắc tựa gỗ lim. Độ trái ngược hẳn với ông bố, ông cụ người nhỏ thó hiền hậu, nhân đức, làm nghề lang y được tiếng khen khắp vùng. Thực ra, cụ Chăn chỉ là lang vườn, thưở trẻ đi ở cho cụ Hạnh, một bậc túc nho rất thông y lý. Thấy Chăn điềm đạm hiền lành, cụ lang xem tướng biết là người có duyên với con dao cầu, liền truyền nghề cho. Ông Chăn không giỏi chữ nhưng thông tuệ các bài thuốc. Các phương pháp cầm tay chỉ việc của cụ lang Hạnh không ngờ đã tạo nên một ông lang vườn có chân tài. Ông lang Chăn không những nổi được nghề của cụ lang Hạnh, mà còn phát triển nó lên. Có gì đâu, ông lang Chăn vốn là người trong dân gian, đã lăn lộn hòa đồng khắpwsn ói kiếm sống trước khi đi ở cho cụ lang Hạnh, cho nên ngoài những bài thuốc thầy dạy, ông còn biết bài thuốc dân gian. Ông lang Chăn giỏi nhất chữa rắn cắn, nhất là trị thương và bó xương.

Anh chàng Độ càng lớn càng ngộ nghịch. Lại quen giao du với bọn lêu lổng, hung đồ. Chỉ thích học võ, đánh quyền, đánh côn. Độ giỏi nhất

ngón đánh chùy. Hai cục sắt hoặc hai mẩu gỗ lim nối với nhau bằng sợi xích sắt. Khi múa lên, nó kêu vù vù, khiến người ta tang đờm kinh hồn. Một bận đánh nhau với trai làng Thượng, một mình Độ sử dụng chùy đã gây thương tích và đánh tan tác cả một toán hơn hai chục chàng trai lực lưỡng. Sau trận hỗn chiến ấy, Độ vênh vào ra mặt. Trong làng xảy ra một số vụ trộm cắp, người ta nói cũng do độ làm càn. Ông Chấn khuyên bảo bao nhiêu lần, song lời nói như nước đổ đầu vịt. Ông lang tức giận vô cùng. Một bận, ông gọi Độ lại bảo:

- Mà có coi tao là bố mày không?

- Thưa thầy con có bao giờ dám hỗn hào với thầy. Việc ngộ nghịch con xin nhận. Còn việc trộm cắp con bị oan. Nếu thầy muốn đánh, con xin nằm xuống đây cho thầy đánh bao nhiêu cũng được.

Ông lang ngồi thờ trên giường bảo rằng:

- Anh thì khỏe như vâm, còn tôi thì yếu đuối lạ già rồi. Làm sao đánh nổi anh. Đánh nửa chừng anh bỏ chạy, chỉ tổ làm tôi uất lên mà chết thôi. Nếu anh là đứa có hiếu, anh hãy tự trói mình vào cái cột kia tôi mới tin.

Thực ra, Độ là đứa rất có hiếu với cha. Mẹ chết ngay khi sinh Độ được vài ngày, nên anh hiếu công ơn người cha nuôi nấng mình lắm chứ. Độ không ngần ngại liền tự trói mình vào cột. Người cha cẩn thận còn lấy thêm cái trạc buộc trâu buộc thêm cho thật chắc. Xong rồi, ông lặng lẽ xuống bếp, thu lu cái gì đó sau lưng. Ông tiến lại gần cái cột, chọt nước mắt ông trào ra, ông khóc rờn rờn, khóc như tầm như tã:

- Con ơi là con. Cha làm thế này là bất đắc dĩ. Nhà ta mấy đời lương thiện, tại sao con lại là thằng nghịch tử. Thôi thì cha đành vậy. Cha làm thế này con sẽ oán cha. Nhưng dù sao thế vẫn còn hơn. Làm Độc ác thế này nhưng cha cứu con đấy...

Nói xong, ông lang đưa tay ra trước mặt. Hóa ra là con dao phay đã mài sáng loáng. Người cha vẫn nức nở, người con thì kêu toáng lên:

- Giời ơi! Cha điên rồi hay sao? Cha định giết con hay sao?

- Tao không giết, tao chỉ cứu mày.

- Con van cha, con lạy cha. Hãy buông dao xuống. ối làng xóm ơi cứu tôi với. Cha tôi điên rồi.

Ông lang vẫn khóc, sau đó ngồi xuống, vén hai ống quần nâu cẩu Độ lên. Tiếp đó ông hành hình đứa con. Vừa làm vừa lẩm bẩm:

- Độ ơi! Cha đứt từng khúc ruột đây. Con đừng oán cha nhé.

Độ kêu thét lên vang trời. Ông lang hiền từ đã cắt gân ở hai gót chân chàng trai. Ông muốn sửa lại cái tính hung dữ của người con bằng cách biến anh thành người tan tạt, thành một thằng què. Làm xong ông ngã quay ra đất. Trong khi đó Độ vẫn kêu vẳng làng nước. Khi bà con trong làng Sứa tới nơi thì ông lang Chấn nằm hôn mê bất tỉnh, tay còn cầm con dao phay sáng loáng. Còn Độ thì bị trói chặt vào cột, đứng trên vũng máu. Người ta vội cấp cứu cho cả hai cha con.

Sau chuyện ấy, người con ngỗ ngược bỏ làng đi biệt tích. Anh như con thú hoan, thầy mình sắp chết đã bỏ baayf đàn tìm vào rừng sâu, tìm nơi vắng vẻ để chết một cách bình thản với niềm uất hận và lòng kiêu hãnh vô bờ chẳng? Không phải vậy. Ông lang Chấn không thể ngờ người con bất trị ấy lại có một bộ óc rất sáng láng. Ông không thể ngờ rằng, lúc Độ còn bé, ông vẫn công con vào rừng, khi đi hái thuốc, và những chiếc lá rừng hiếm hoi kia không những không bị quên đi mà lại hần sâu vào trong trí nhớ cậu bé. Ông cũng không ngờ rằng thằng con tưởng như chỉ biết lê lổng kia lại có thể thuộc lòng nhiều bài thuốc và cách chữa bệnh của ông. Hóa ra, nó vẫn giống cha nó. Đúng là Độ đã lê lết bò vào rừng. Nó đã mất bao công sức mới bò được vào nơi có những chiếc lá thần diệu. Nó đã bò vào rừng

để tìm đường sống chứ không phải tìm chết. Nó đã biến mất một tháng ròn. Không biết trong những ngày ấy nó ăn bằng gì, sống như thế nào, chữa bệnh cách nào. Chỉ biết rằng, khi trở về Độ đã lành lặn, tuy chân còn hơi tập tễnh và người vêu vao gầy còm.

Suốt một tháng trời bần bật tin con, ông lang Chấn tưởng Độ đã chết. Ông âu sầu khóc lóc, người rạc như con ve phần thì lo lắng, phần thì ân hận.

Từ khi ấy, Độ trở nên lầm lỳ, ít khi nói, hay có nói thì ăn nói cụt lủn. Đôi mắt trắng của anh thêm sáng quắc, nó đầy uy lực khiến chẳng ai dám nhìn vào. Độ thường bỏ nhà ra đi, có khi hàng tháng mới trở về. Ông lang Chấn lúc này hầu như không dám nói gì với anh nữa, không dám cất lời dạy dỗ, mắng chửi, cũng không dám khuyên lơn hoặc đuổi đi. Ông đã mắc lỗi với con rồi. Ông đành nhắm mắt buông xuôi, mặc ông trời dun dùi ra sao thì ra.

Độ như con thú hoang. Người cha xa anh đã đành, dân làng chả ai dám dây với anh, ngay cả bọn trai tráng lêu lổng bây giờ cũng xa lánh anh, bởi vì anh bỗng trở nên kẻ luôn luôn nổi nóng. Nổi nóng vì giận dữ với cuộc đời. Đến như cha anh, người ruột thịt gần nhất còn đối xử tàn nhẫn với anh như vậy, thì hỏi còn có thể tin cậy ai được nữa. Từ đấy, anh sống cô Độc. Chợt xuất hiện, chợt biến mất. Chẳng ai biết anh sống thế nào, sống ở đâu. Có lúc người ta gặp anh ở hậu cung chùa làng, có lúc gặp ở tòa miếu hoang nơi người ta đồn có loài rắn Độc trú ngụ, thi thoảng bắt gặp bóng anh trên đồi lau ở cánh đồng xa.

Tối hôm ấy, Độ ngủ ở cầu Si. Cầu Si là ngôi nhà giữa đồng, nơi nghỉ chân ban trưa của nhà nông. Tên là Si vì có cây si cổ thụ rất sum suê. Còn Cầu có lẽ vị thời xưa ở đây có một con lạch giữa đồng phải bắc cầu ngang. “Thượng gia hạ kiều” là kiều cầu có mái che vốn phổ biến ở thôn quê từ thời nhà Trần. Sau này vật đổi sao dời, lạch nước đã bị lấp nhưng cầu vẫn

còn. Rồi cái cầu sụp đổ, người ta thay nó bằng một ngôi nhà nhưng vẫn gọi là cầu.

Tối hôm ấy, Độ nằm ngủ trên cái quá giang đầu hồi cầu Si. Ngày xưa, làng Sứa chữa đình. Một số cây gỗ cũ mục đầu, cắt đoạnmục đi thì ngắn không dùng làm đình được, nên dân làng đem ra làm cầu. Gỗ đình to lớn nhưng xẻ ra hay đẽo đi cho thanh mảnh đẹp đẽ thì quá tốn công, cho nên người ta cứ để thô ráp to bè như cũ đem ra làm cầu. Do thế bốn cái quá giang ở đây khá to rộng, người nằm trên đó cũng được, không sợ chênh vênh.

Cả làng Sứa, chẳng ai có thể ngờ rằng Độ lại tìm nơi bất ngờ này làm nơi trú ẩn của mình. Hơn nữa, ở đây ngoài chỗ quá giang, Độ còn một chỗ ẩn náu khác, đó là chạch ba gần ngọn si. Chỗ này rễ si ken dày, lá si rậm rạp, Độ đem rơm lên đây làm thành cái ổ. ẩn náu nơi đây thật hoàn toàn kín đáo.

Tối hôm ấy không trăng, gió thu se lạnh do đó Độ không chọn ngọn si mà chọn cây quá giang làm chỗ ngả lưng. Độ định bụng chợp mắt đến quá nửa đêm mới thức giấc mò vào làng. Kiếp sống gần như chồn cáo nên giác quan của anh rất nhạy bén. Anh có thể đặt mình xuống là ngủ ngay, và đang ngủ chỉ một tiếng Động nhẹ anh cũng choàng tỉnh lập tức. Gió trên cánh đồng mênh mông thổi vào cây si làm những chiếc lá bần bật rung lên xào xạc, rồi thổi vào căn nhà trống vù vù. Trên cái nền âm thanh đều đều ấy, chợt có tiếng dẫm lên lá. Tiếng Động rất nhẹ hầu như mơ hồ ấy cũng đủ làm cho Độ chú ý. Không phải lũ chuột hay chạy ra ruộng lúa, cũng không phải loài cáo ăn sương. Tiếng những loài thú nhỏ ấy Độ phân biệt được ngay. Hay là bước chân của những người tuần phiên đi canh đồng. Cũng không phải. Những ông tuần phiên có bao giờ ngậm miệng mà đi đâu. Họ đi đến đâu là có tiếng thì thầm nhỏ to kèm theo. Phải, đúng là tiếng chân người. Chỉ có một người, bước đi chập choạng. Tiếng chân ấy đang tiến gần về phía cầu, nơi Độ đang ẩn náu. Lạ nhỉ, khuy khoắt thế này, có kẻ

Động rồ nào lại ra đây một mình. Tiếng chân nhỏ dần. Có tiếng ậm ạch của một đứa trẻ, rồi tiếng người thều thào dỗ dành: “Nín đi. Nín đi”. Thì ra một người đàn bà ãm con đang đi vào cầu Si. Độ từ trên cao nhìn xuống, từ chỗ tối sậm của góc mái nhìn ra khoảng giữa căn nhà trống gió. Dù đêm không trăng nhưng trời vẫn còn nhờ nhờ đủ để Độ nhận ra bóng một người đàn bà tay bồng con, toàn thân chui trong chiếc áo tơ là. Chiếc cầu nghỉ ba gian, hai gian để trống, một gian có tường che. Người đàn bà chúi vào góc có tường che ấy, ngay phía dưới chỗ Độ trú ẩn. Lúc này Độ không nhìn rõ hai mẹ con người đó nữa, nhưng qua tiếng Động và tiếng nói yếu ớt của người đàn bà thỉnh thoảng cất lên, Độ cũng biết chị ta đang làm gì. Tiếng đứa trẻ khóc rên rĩ như tiếng kêu yếu ớt của một con mèo ốm. “Nín đi! Nín đi!”. Người mẹ dỗ dành thế nào đứa con vẫn khóc. Nó khóc ngăn ngắt, có lúc chẳng ra hơi. Tiếng người mẹ trong nước mắt. “Có còn gì nữa đâu mà con đòi”. Chắc là người mẹ đang vạch vú cho con bú. Tiếng hức hức mừng rỡ của đứa trẻ đang nhay nhá cổ vét cạn dòng nước sống. “Ôi! Con ơi. Rát đến cả lòng ruột đây này. Đây, có còn gì đâu”. Bầu sữa như cái giếng đã bị vét cạn đến đây chẳng còn một giọt. Đứa trẻ cố mà chẳng được. Nó đành buông và lại khóc ngăn ngắt. Mới đầu còn có tiếng oe oe. Sau đó khóc khan. Độ cứ tưởng tượng ra thằng bé đang ưỡn ra, mồm đang há hốc, toàn thân tím ngắt. Người mẹ lúc ấy cũng khóc theo. Độ không đành lòng, vội tụt từ cái quá giang xuống. Thấy một bóng người lững thững đứng phịch bên cạnh, người đàn bà sợ hãi quỳ xuống lạy như tế sao:

- Con lạy các ông. Đừng đuổi con nữa. Con đói khát, con ăn mày ăn nhặt, chứ đâu có ăn trộm ăn cắp. Con kiệt sức rồi, không lê chân được nữa. Xin cho mẹ con con trú ngụ qua một đêm sáng mai con xin đi ngay... xin các ông đón tay làm phúc.

Thì ra là mẹ con người ăn mày này đã đến trú ngụ ở cầu Đông, ở cánh đồng Mả Trâu đã bị tuần phiên làng bên đuổi đi. Người mẹ ôm con dặt dẹo suốt cả buổi tối mới đến được đây. Người đàn bà tưởng Độ là tuần phiên làng Sứa lại đến đuổi họ. Độ ôn tồn:

- Đừng sợ, tôi không phải tuần phiên đâu.
- Ông là ai?
- Cũng như chị thôi...
- Đừng nói dối mẹ con tôi mà phải tội.
- Thật đấy. Tôi cũng gần như kẻ ăn mày.

Nói xong, Độ cười to. Cái cười sáng khoái hồn nhiên. Cái cười có âm điệu, tín hiệu riêng của nó khiến người nghe nhận ra sự chất phác hiền lành tuy có chút ngang tàng của Độ. Nghe tiếng cười ấy, người đàn bà yên lòng ngay nhưng còn bỡ ngỡ. Độ liền hỏi sau khi dứt tiếng cười:

- Đói phải không? Mẹ con đói quá phải không?
- Thừa vâng. Hai hôm nay không có miếng gì vào bụng.

Độ sốt sắng nói như đinh đóng cột:

- Được, cứ chờ tôi ở đây một lát. Tôi đi kiếm cái gì về cho mà ăn.

Người đàn ông nói xong vội bước ra khỏi cầu Si, rồi mất hút trong bóng đêm. Người đàn bà nhìn ra cánh đồng mênh mông tối tăm nhờ sương. Chị ta ôm chặt con vào lòng. Đứa bé qua cơn khóc lóc, lả đi trong giấc ngủ chập chờn.

Người đàn bà, như tỉnh cơn mê. Cái đói không nhắc đến thì thôi, nhưng khi được Độ gọi tên, nó liền xuất hiện ngay trong tâm trí người đàn bà. Ruột gan đang ngủ yên bỗng dựng thức dậy. Mà chẳng phải chỉ riêng ruột gan hình như tất cả các tế bào trong cơ thể đều giật mình tỉnh giấc. Sự đòi hỏi cấp thiết của sự sống lúc mới thức dậy làm chị nôn nao đau đớn. Ruột gan như lũ rắn quấn quại. Đau quá rồi hóa ra mù mịt. Cơ thể thức dậy, thèm khát rồi chẳng được đền đáp, nó lạng lẽ sụp đổ. Không còn sức để mà

cửa quây nữa. Ngọn lửa đèn lúc này còn thoi thóp nhấp nhô, lúc này đầu đã cạn, nó đang lụi dần chỉ còn một chấm đỏ liu riu. Người đàn bà từ mụ mị đi sang đỡ đứa. Đứa trẻ ọ ẹ cửa. Tay chị cũng không co lại được để ôm con. Chị muốn dỗ nó nhưng môi chị ta không phát ra thành tiếng. Trong tâm tưởng nghe như giọng của mẹ chị ngày xưa vọng lại để dỗ dành. “ngủ đi con. Ngủ say cho thoát khỏi cực nhọc. Ngủ say cho thoát khỏi nợ trần gian”. Và chị đã trôi trên con thuyền bồng bênh dòng sông sương khói mênh mông. Chỉ một chút xíu nữa thôi thì chắc thuyền sẽ trôi vào xứ mịt mù và chẳng bao giờ quay trở lại. Chị đã cảm thấy hơi lạnh dần ngấm vào xương tủy. May thay chính lúc ấy chị bỗng thấy hơi ấm. Sương trắng hồng lên. Trong sương hồng hiện ra đốm lửa. Rồi đốm lửa cứ to dần, to dần. Nó đuổi không khí lạnh ra khỏi cơ thể. Chị thở dài một cái đôi mi mắt nặng trĩu hé mở. Lúc đó chị mới nhận ra một người trai trắng ngời bên, và một đống lửa tí tách cũng ở bên...

Độ đã vào làng ăn cắp được một nồi cơm, một niêu cá kho đem về cầu Si cho mẹ con chị ăn mày. Song khi về tới nơi, Độ thấy mẹ con chị đã lả đi sắp chết. Độ vội vàng đốt một đống lửa hơ tay, hơ chân cho chị ta, rồi giật tóc lay gọi. Chị ăn mày tỉnh lại nhưng cổ họng cứ nghẹn lại không tự ăn cơm được nữa. Độ phải nhai cơm, nhai cá nát ra thành từng miếng rồi mớm cho chị như chim mẹ mớm mồi. Mớm mãi mới được lưng bát cơm. Cũng nhờ chút ngũ cốc ấy, chị ăn mày mới sống lại. Tiếc thay cứu được mẹ nhưng chẳng cứu được con.

Khi phía đằng đông, trời bắt đầu hửng thì Độ đã vui xong thầy đưa trẻ ở mảnh ruộng gần đấy. Anh quay lại cầu Si, cũng người đàn bà trên lưng đi về phía đồi lau.

ở phía trong đồi lau, gần chân đồi, cụ Chấn có một vạt ruộng thường bỏ hoang. Trước đây, cụ Chấn trồng cây thuốc, sau thấy đất xấu cây khó mọc nên sai Độ trồng chuối. Lúc bỏ nhà đi lang thang, Độ nghĩ con cáo cũng phải có cái hang riêng của mình, nên đã dựng một cái lều ở đây. Thi

thoảng, thấy cần nghỉ ngơi, Độ lại chui về trong lều ngủ vùi, có khi ngủ một ngày một đêm mới dậy.

Cái lều nằm trong vườn chuối. Không có cột, chỉ có hai vì kèo cắm thẳng xuống đất. Ba phía lợp tranh kín đáo. Phía cửa đầu hồi buộc những túm cỏ tranh dài thong xuống đất như kiểu màn trúc. Ra vào vén sang hai bên, để rồi sau đó tranh lại rủ xuống làm rèm che. Trong lều trải phen nứa, mùa rét trải ổ rơm thật dày.

Độ đặt người đàn bà trên cái ổ rơm thơm tho ấy. Tên chị ta là Khoai. Bây giờ Độ mới có dịp ngắm Khoai kỹ lưỡng. Ban đêm, anh cứ tưởng cô ta đã lớn tuổi. Bây giờ mới rõ cô ta chỉ xấp xỉ tuổi hai mươi như anh. Sự đói khát lâu ngày làm Khoai vêu vao. Tuy nhiên vì xương nhỏ nên gò má không bị nhô ra. Long mày không rậm không thưa. Cái đói không làm phai nhạt đi màu đen nháy của nó. Chỉ có hai hố mắt là hiện ra rõ nhất cái đói làm nó sâu thăm thẳm. Nhìn vào đó, thấy buồn lạ lung. Đôi môi kia chắc khi trước hồng đỏ và rất duyên, nhưng lúc này bệch ra trắng nhợt. Đêm hôm qua, lúc khẩn cấp cứu người, Độ phải mớm cho đôi môi ấy, khi đó anh chẳng nghĩ gì hết. Nhưng lúc này nhìn vào cặp môi ấy anh mới ngạc nhiên vì sự tự nhiên của mình. Tưởng là mớm cho một bà nạ dòng, ai ngờ người được mớm ấy là một cô gái trẻ. Bất giác, môi anh nở một nụ cười. Cô ta ngủ đã lâu lắm rồi, nhưng vẫn mê mết không thức dậy. Sao cô ta cứ ngủ mãi thế nhỉ, liệu có hề gì không. Độ thầm nghĩ, nhưng nhìn ngực cô ta cứ phập phồng đều đặn, anh lại yên tâm. Độ cứ ngồi ngắm người đàn bà gầy gò ấy mãi mà không chán mắt. Từ bé đến lớn chưa bao giờ anh ngồi cạnh và gần một người đàn bà thế này. Ngay cả người đàn bà đầu tiên trong cuộc đời con người, tức là người mẹ đẻ ra mình, anh cũng không được hưởng hơi ấm, sự âu yếm, bởi vì đẻ anh ra được vài ngày thì mẹ đã chết. Từ đó, anh sống với cha. Người cha mặc cho anh sống như cỏ dại. Rồi tiếp theo đó là sống với lũ bạn trai, với những cuộc gây gổ, với đời sống lang thang như con thú hoang. Còn lúc này, trước mắt anh là người con gái bị đói khổ làm cho tàn úa đi, nhưng dù sao đó cũng là người đàn bà đầu tiên mà anh được

ngồi bên cạnh. Người đàn bà, dù hoàn cảnh làm cho xấu xí đi, vẫn toát ra được sự mềm mại, sự yếu đuối, sự dịu dàng, sự an bình, sự hấp dẫn khó tả mà Độ chưa bao giờ biết. Có thể nói, đó là sự khao khát vẫn ngủ lịm trong anh từ lúc nào lúc nọ, nay bỗng u ơ tỉnh dậy.

Độ vẫn đăm đăm nhìn cô Khoai. Trong tia nhìn của anh có những ao ước rất nhỏ bé, rất lương thiện tốt lành dấy lên. Người ta bảo tư tưởng, ước vọng. Trong ao ước, Độ muốn cô ta tỉnh dậy, khỏe mạnh. Tài tình thật. Độ vừa mới cầu mong như vậy, thì đôi mắt người đàn bà từ từ hé mở.

- Tôi ở đâu thế này? – Chị ta ngạc nhiên hỏi.

- Mà thằng cu của tôi đâu rồi?

Chị Khoai cố nhòm ngời dậy, nhưng không đủ sức lại nằm vật xuống. Chị ta có lẽ đã nhớ một chút gì đó; Độ thấy đôi lông mày của Khoai hơi nhíu lại, và có hai giọt nước mắt từ từ bò trên gò má. Hình như ký ức đêm qua đã trở về đầu óc. Chị lấy hai bàn tay ôm mặt. Chị ta khóc không to mà thút thít. Độ nhìn người đàn bà, lặng yên một cách vụng về, anh chẳng biết an ủi cô ta thế nào. Lát sau, anh sức nhớ ra:

- Ăn cháo nhé. Tôi nấu cháo từ sớm. Để đun lại cho nóng, ăn vào mới khỏe.

Độ chưa chăm sóc ai bao giờ và Độ cũng không ngờ mình lại có thể chăm sóc một người ốm khéo léo đến thế. Độ cũng phát hiện ra một điều rất lạ: khi chăm sóc người khác, bản thân người làm việc ấy cũng vui vui trong lòng. Sau cái đêm ở cầu Si, cô Khoai tỉnh lại nhưng cô đã ở trong tình thế kiệt quệ. Sự đói khát, sự đau thương đã ở mức đỉnh điểm. Khi lê lét đến cầu Si, Khoai đã dùng hết sức lực của mình. Kể ra đến được đó cũng là sự lạ. Đáng lẽ ra mẹ con chị đã chết ở giữa đồng. Chẳng biết trời đất dun dủi ra sao chị mới đến được đây, gặp được Độ và sau khi gặp Độ, nếu anh

không tận tụy chăm sóc thì dù tỉnh lại, chị vẫn không thoát khỏi tay thần chết.

Độ vào làng ăn cắp rổ trứng gà, vào đồi cỏ tranh đánh bầy gà gô. Độ bẻ trộm ngô, đào trộm Khoai, mò mẫm đánh lươn ban đêm... làm tất cả để cứu sống người đàn bà không quen biết, không máu mủ họ hàng. Cái lúc công cô trên lưng, cô còn hơi tỉnh; Độ hỏi: “tên cô là gì?” Cô ta trả lời: “Khoai”. Cô chỉ nói một tiếng ấy thôi. Sau đó, hỏi thêm, nhưng cô ta im lìm chẳng nói được gì nữa. “Thật khi! Ai bắt mà mình chịu mang cái vạ này vào thân cơ chứ”. Bụng nghĩ thế nhưng Độ không dừng được, anh vẫn làm mọi thứ cho người đàn bà định mệnh, bỗng dưng gắn vào đời mình.

Người đàn bà tỉnh dần. Cô ăn được một bát cháo rồi hai bát cháo, một bát cơm rồi hai bát cơm. Da thịt cô dần trở lại. Cô tập đứng lên, đi một bước rồi hai bước, ba bước. Cảm giác của một người sáng tạo thấy tác phẩm của mình thành xương thành thịt. Cảm giác của người mẹ đang tập cho đứa bé con mình chập chững đi từng bước. Và ai cũng biết, tên của cảm giác ấy người đời vẫn gọi là hạnh phúc.

Chị Khoai gần như trở lại bình thường. Một hôm trời nắng, Độ đi rừng bắt được con nhím. Anh hí hửng đem về, lòng vui mừng nghĩ tới một bát canh thịt nhím ngọt lừ, một nồi thịt nhím kho mặn ăn dần. Anh vạch đám cỏ tranh định khoe với Khoai, nhưng căn lều bỗng trống trơn chả thấy bóng cô gái. Anh tưởng cô đi đâu gần liền ngồi trên đồng lá chuối khô chờ. Chờ mãi không thấy tăm hơi. Chờ rất lâu, dễ chừng đến hai tiếng đồng hồ. Thế là đầu óc anh quay cuồng. Độ bắt đầu nghi ngờ: Thế đấy. Người là thế đấy. Mình nhặt cô ta về khi đó cô ta là cái xác chết... còn bây giờ đã trơn lông đỏ da... cô ta bỏ đi, chẳng thềm nói nửa lời... người như thế mà bạc thế sao... anh bực mình đứng dậy đá vào con nhím chúi trong cái rọ. Đá lần thứ nhất không sao, cái rọ lăn đi một vòng. Đá lần thứ hai anh bỗng kêu lên vì con nhím xù lông. Cái chân buốt nhói. Cái buốt tưởng như đâm vào tim làm cho anh tỉnh khỏi cơn nóng giận ừ, mà sao mình lại cáu. Cô ta phải ra

đi là lẽ tự nhiên. Bởi vì Độ với cô ta có dính líu gì đâu. Chẳng qua chỉ là gặp gỡ giữa đường. Thấy người hoạn nạn thì thương. Mẹ cha cô ra sao? Nào Độ có biết. Con người ta phải biết trọng nghĩa khinh tài, làm ơn xong, phải biết quên phắt ngay sự ra ơn của mình... một tay giang hồ già dạy Độ chơi ngón thiết lĩnh trước khi chết đã nói với Độ như vậy. Nghĩ miên man một lúc Độ thấy thanh thoi đầu óc hơn. Tuy nhiên, anh vẫn thấy buồn, một cái buồn tiếc nuối như vừa bị mất một cái gì đó mơ hồ nhưng rất đẹp. Cùng lúc ấy, một bóng người từ trong bụi lau đi ra. Người ấy mặc một chiếc quần lửng, một cái áo cánh rộng. Một người đàn bà tóc bỏ xõa sau lưng, xách một cái nồi trên tay, đầu hơi cúi xuống. Người ấy chưa nhìn thấy Độ vì những bụi chuối che lấp. Khi chị ta ngẩng đầu lên, Độ mới nhận ra Khoai. Thì ra cô ta đi tắm gội. Ôi chao! Một con người hoàn toàn khác hiện ra trước mặt anh. Trong lúc ốm, mặt cô ta nhem nhuốc, mái tóc rối bù, bộ quần áo vá đùm và đụp, rách tơi tả. Còn lúc này, tóc cô ta đen mượt ở sau lưng, mặt tròn trịa hồng đào, đôi chân từ cái quần lửng phô ra trắng như ngó cần. Khoai mặc quần áo của anh, bộ quần áo mới nhất mà anh vẫn để trong cái tay nải dặt trên mái lều. Rộng quá, cái áo thùng thình. Dài ngộ. Nhưng ngộ ngộ và thùng thình mà vẫn đẹp trong con mắt của Độ. Anh từ sau bụi chuối bước ra. Cô gái trông thấy anh liền dừng bước. có vẻ ngỡ ngàng. Cô lí nhí:

- Tôi đi tắm. Mang cái nồi ra sôi đun nước. Quần áo của tôi rách quá, bẩn quá. Phải vứt đi. Tôi mặc quần áo của anh.

- Cô cứ mặc. Chả sao đâu.

Thấy Độ cứ nhìn chăm chăm, cô ửng má hỏi:

- Sao anh cứ nhìn tôi thế?

- Trông cô lạ quá.

- Sao

- Lột xác.

Phải dùng từ lột xác mới đúng. Khi cứu giúp Khoai, Độ không nghĩ rằng mình đã cứu được một người đàn bà đẹp như thế kia. Lúc đó cô ta nhem nhuốc, quần áo như tổ đĩa, chắc trong đó phải nhung nhúc rận, rồi còn hôi hám nữa chứ. Người cô ta phát ra một mùi khẳn khẳn như cóc chết. Đến nỗi cứ vào trong lều một lúc là Độ vội nhào ra ngoài ngay. Đêm đêm, Độ phải ngủ ngoài trời trên ổ lá chuối khô. Anh vốn ưa sự thoáng đãng, thơm tho cái đồng ruộng cây cỏ. Chẳng lẽ nước suối lại thần diệu thế sao. Nó là thứ nước thần của chuyện cổ tích đã biến một kẻ ăn mày xấu xí thành một nàng tiên. À, tay cô vẫn xách cái nôi. Không phải phép thần. Chắc Khoai đã vào rừng tìm lá thơm rồi bắc ba hòn đá đun lên. Hóa ra nước lá rừng đã lột xác cho Khoai. Cũng có thể những ổ trứng gà mà Độ đã ăn cắp, những con gà gô bầy trong rừng, những con tôm, con tép, con cua mò dưới ruộng lên, đã làm thay da đổi thịt cho Khoai từ lâu, nhưng cái đẹp còn ẩn giấu dưới lớp bùn đen, dưới manh áo tả tơi, dưới làn không khí hôi hám nên Độ chẳng nhận ra thôi. Cũng có thể sự bẩn thỉu xấu xí ấy là cái vỏ bọc che chở cho cô khỏi những tai họa trong chuỗi ngày lưu lạc. Cũng có thể gian truân đã qua, an bình đã tới nên Khoai mới từ cái kén chui ra hiện nguyên hình là con bướm vàng xinh xắn. Độ đứng cạnh Khoai ngạc nhiên vì từ người cô tỏa ra một mùi hương thật dễ chịu. Không phải mùi lá bưởi, lá hương nhu, lá sả ở thôn quê mà là một thứ mùi ngai ngái thơm dịu dịu của những thứ lá rừng ta chẳng biết tên...

Lúc này, Độ mới chú ý tay Khoai ngoài cái nôi, còn có mấy cành củi khô và một túm bồ kết. Hỏi để làm gì, cô trả lời:

- ở bìa rừng có cây bồ kết, nhiều gai quá nên tôi chỉ chọc được chùm bồ kết này thôi.

- Để gội đầu phải không?

- Không!

Nói xong Khoai đi thẳng đến lều, kéo cái ổ rơm ra, và bảo:

- Anh ra đồng kiếm ít rạ mới người ta phơi trên ruộng đem về đây.

Lúc Độ mang rạ về, đã thấy Khoai đốt cái ổ rơm cũ. Làm xong cô nhóm củi đốt bồ kết trong lều. Cô giải thích cho Độ.

- ở quê tôi vẫn làm thế. Mỗi khi có người ốm, người chết xong, người ta vẫn đốt bồ kết. Bảo rằng để khử tà, trừ Độc.

À, té ra Khoai muốn làm mới tất cả. Người phải tắm gội trút bỏ hết cái cũ. Căn lều cũng phải được tắm gội. Người được tắm bằng nước thơm tho tinh khiết. Căn lều thì được tắm bằng khói thơm khử tà. Khói bồ kết bốc ra ngan ngát, hăng hắc. Một lần nữa, Độ nhìn Khoai ngạc nhiên. Cô gái kỳ lạ này đã nghĩ ra những điều mà anh không bao giờ nghĩ tới. Hai người hì hục làm hết chiều căn lều mới được tinh tươm. Họ ăn một bữa chiều thật ngon. Chỉ có sắn luộc và bát canh thịt nhím. Bàn tay Khoai nấu rất khéo. Sắn thì khô khén và nở bung ra. Canh thịt vừa vặn không mặn chát như Độ nấu. Anh gật gù bảo ngon hơn là vàng.

Đêm hôm ấy, gió bắc đầu mùa thổi về, đem theo cái rét se se cùng những hạt mưa phùn. Ông trời đã đuổi Độ vào lều, không cho phép anh ngủ trên ổ chuối khô ngoài vườn chuối nữa. Chẳng biết vì không quen hay một lý do nào khác mà anh cứ ngồi so ro ở một góc lều. Khoai cũng nằm im quay mặt vào vách. Độ nghĩ vẫn vợ. Đúng là chẳng còn cái mùi ồm ồm của những hôm trước. Khói bồ kết đã xông hết tà khí. Hình như nó còn ám động trong những cuộn cỏ gianh trên mái nên thỉnh thoảng lại lẳng đàng tỏa ra một mùi thơm ngai ngái. Xen lẫn còn có cả mùi rạ rơm khô mà ban chiều Độ tha về làm ổ mới. Độ ngồi thu lu như vậy đã lâu lắm. Có tiếng cô Khoai hỏi:

- Anh vẫn thức đấy à!

- Làm sao ấy. Mắt nó cứ trong ra.

- Em cũng vậy. Chẳng thấy buồn ngủ tẹo nào.

- Ngồi thế có mỏi không? Hay là cứ nằm xuống, rộng lắm mà.

Độ chần chừ mãi mới bò ra, nằm xuống ồ rơm, nhwgn không dám nằm sát vào Khoai. Một lúc sau, cô lại hỏi:

- Sao mà run thế? Anh rét à?

- ừ

- Nằm gần lại tí nữa. Để em trùm rơm lên người cho nhé. Thế nào? Đã ấm chưa?

- Rồi.

- Rồi mà vẫn run bần bật thế này. Hai lưng sát vào nhau chân co lại thì ấm hơn.

- Tôi sợ lắm.

- Sợ là thế nào. Đừng có sợ. Thế nào đã hết run chưa?

Khoai choàng tay ôm đọ vào thì thào:

- Anh đã cứu em. Bây giờ em tứ cố vô thân. Chồng chết. Con chết. Em chả theo mình thì biết theo ai. Em xin mình cho em nương dựa vào mình.

- Anh cũng muốn nương dựa vào em.

Cái đêm ân nghĩa ấy thật mặn nồng. Thân xác họ đã thề thốt với nhau những lời nặng tình nhất. Họ chẳng nói lời thề non hẹn biển, nhưng họ biết rằng từ phút ấy, đời họ gắn chặt với nhau. Họ chẳng cái chết mới chia rẽ nổi. Đêm hôm ấy, họ tier tê với nhau nhiều chuyện lắm. Khoai hỏi Độ:

- Những quả trứng gà ấy anh đem về nuôi em, ai cho anh vậy?

- À... à...

- Cả những bát gạo, củ Khoai, bắp ngô nữa...

- À... chẳng qua là lấy của người giàu chia cho người nghèo thôi mà.

- Giờ đã là vợ chồng. Không như thế mãi được đâu. ở chân đồi còn nhiều đất hoang. Đất xấu nhưng mà vẫn ra Khoai ra sắn.

Sáng hôm sau, cụ lang Chấn thấy Độ về nhà rất sớm. Đã mấy tháng nay cụ lang không gặp mặt con. Từ ngày cắt gân con, cụ lang buồn rầu và ân hận vô cùng. Lắm khi cụ nói như van xin mà nó chẳng chịu về nhà. Đến mức dụ dỗ cho cả tiền nó cũng không thèm lấy. Vì vậy thấy mặt con, ông mừng rỡ vô cùng. Ông hỏi:

- Mà ăn cơm chưa?

- Rồi! – nó trả lời chỏng lỏn nhưng ông cụ cứ lờ đi không bắt bẻ.

Ông cụ chợt nhớ tới lời dân làng đồn đại trong làng từ nửa tháng nay. Ông dò hỏi:

- Người ta bảo mà ở với con mẹ ăn mà ở cầu Si. Chuyện ấy có thật không?

- Thật.

- Ôi trời! Làng thiếu gì gái mà lại đi lấy ăn mà ở con.

Độ cãi ngang như cua:

- Tôi thích thì tôi lấy. Thầy chẳng bằng lòng thì tôi đi. Tôi chẳng thèm nhờ thầy nữa.

Ông cụ đầu dụi ngay lập tức.

- Thì cũng để tao hỏi đầu đuôi vài câu chứ.

Độ cúi kính:

- Thầy hỏi gì thì hỏi đi. Tôi thích tôi lấy. Chẳng ai ngăn được đâu.

- Tao chỉ hỏi con mẹ ăn mày ấy đã già hay còn trẻ?

- Trẻ.

- Thế nó còn đẻ con được chứ?

- Được.

- Tao chỉ sợ mày lấy vợ già không đẻ được cháu cho tao bế. Chứ còn chuyện ăn mày cũng chả sao. Các cụ chẳng bảo: ‘Ăn mày là ai? Ăn mày là ta’ rồi sao. Thế mày có định nhờ tao cái gì?

- Con xin thầy hai chục vuông vải cho cô ấy may quần áo. Với lại xin hai cái cuốc.

- Cuốc làm gì?

- Cô ấy muốn trồng sắn, trồng Khoai ở gần vườn chuối.

- Ôi chao! Thế thì tốt quá. Hai chục vuông vải là tao theo lời dặn của mẹ mày lúc chết. Bà ấy bảo: “Ông cứ mua sắn hai mươi vuông vải. Bao giờ có con dâu thì đưa cho nó và bảo đấy là quà của mẹ”. Tao nghe theo bà ấy. Bây giờ thì mày hãy mang đi.

Ông lang già vừa nói vừa rưng rưng nước mắt, rồi mở khóa cái hòm gian lấy xếp vải đưa cho Độ. Khi Độ lấy cuốc rồi định ra ngõ, ông cụ nài nỉ:

- Hay là chúng mày về đây với bố.

- Con không về đâu. Con đã thề rồi.

- Sao mà cứng cổ thế hở Độ. Thì thầy có lỗi thầy đã xin mà rồi mà... à thế này... mà chưa bằng lòng về, chuyện ấy bàn sau. Còn bây giờ, hôm nào mà đưa nó về đây cho thầy xem mặt... hay là thầy ra vườn chuối gặp hai đứa...

- Không được, thầy mà ra là chúng tôi bỏ làng đi đấy. – Độ trả lời ông lang bằng một giọng rất kiên quyết. Nỗi hận người cha trong lòng Độ vẫn chưa nguôi. Anh đã thề không xin gì cha mình nữa. Hai chục vuông vải là của mẹ anh. Trước khi chết bà dệt được hai chục vuông vải. Con còn bé tí bà đã nghĩ tới người con dâu tương lai của mình. Bà dặn ông bán số vải ấy đi, nhưng bao giờ con trai lớn đến tuổi lấy vợ, thì ông phải mua bù vào cho bà. Như vậy là Độ vẫn không lấy gì của ông già. Còn hai cái cuốc là do anh chiều vợ, anh mượn tạm thôi. Rồi anh sẽ trả.

Ông lang Chấn biết tính ương bướng của đô. Nó đã nói là sẽ làm. Vì vậy, ông rình lúc Độ lên rừng liền ra vườn chuối. Thấy Khoai đang cuốc đồi ông lại gần hỏi:

- Có phải cô Khoai đấy không? Tôi là bố thằng Độ đây. Ôi chao? Có phải cô ăn mà đây không? Trời thật có mặt mới dun dũi cho cô đến với con tôi. Cô trông phúc hậu lắm. Thế này nhé. Thằng con tôi nó gàn lắm. Tôi biết cô lấy thằng Độ sẽ khó khăn. Nhưng tôi cho thì nó không nhận. Vậy, thỉnh thoảng ban đêm tôi sẽ đến chỗ bụi sim này, tôi sẽ để bị gạo hay bị ngô rồi đập lá chuối lên. Sáng sớm hôm sau nếu trông thấy, cô cứ nhận.

Cô Khoai lễ phép mời ông lang vào lều song ông không chịu vào. Ông sợ thằng con trai bắt gặp sẽ rắc rối to. Cuối cùng ông dặn:

- Cô mà đưa được Độ trở về lương thiện, tức là lập được phúc to. Chẳng khác gì sinh ra con người lần thứ hai. Lão già này xin cảm tạ cô trước.

Một hôm, Độ đi đến quá nửa đêm, mang về cho vợ một ổ trứng gà mười hai quả. Khoai hỏi:

- Kiếm ở đâu về?

- Trong làng.

- Thế là ăn không của người ta à?

- ừ, thì đại loại là lấy của người giàu chia cho người nghèo...

Khoai bần thần rồi bảo:

- Không được đâu mình ạ.

Thế là Độ khùng lên:

- Cô sợ à? Cô khinh của ăn không ăn hỏng à? Cô khinh tôi là thằng trộm hả. ừ, tôi là thằng đào tường khoét vách đấy. Tôi không ngờ... mà sao cô lại lấy tôi.

Thấy Độ nổi cơn ngông ngạo bướng bỉnh, Khoai ngồi yên không hé răng. Đợi cho đến lúc người đàn ông nằm xuống bên cạnh, đợi cho đến lúc anh chàng lân la đụng vào lưng cô rồi khẽ khàng luồn tay dưới cái yếm, vuốt ve đôi nhũ hoa nóng hổi của cô Khoai mới trở người quay lại, ôm lấy chồng và hỏi:

- Mình có thương em không?

Hắn không trả lời, chỉ ôm chặt lấy cái thân hình lúc này đã trở nên phốp pháp vô cùng ngọt ngào của Khoai. Cô gỡ tay anh ra, nói khẽ vào tai:

- Khéo đấy, khéo đấy.

- Sao?

- Nhè nhẹ thôi. Chẳng thì...

- Sao?

Khoai không trả lời mà chỉ kéo tay hắn, đặt cái bàn tay thô tháp của hắn vào cái bụng mát rượi mềm mại của mình:

- Đây. Em có rồi đây...

- Có gì?... – giọng hắn chột háo hức hẳn lên.

- Lại còn có gì trong bụng đàn bà con gái nữa chứ.

- Thế mình có mang thật rồi à?

- Lại chả thật... vì thế em mới bảo với mình là không được rồi mà.

- Mình bảo thế là thế nào... không được... ấy hả?

- Rõ nữa. Em bảo... tức là... mình không được... lấy trứng của người ta.. Trong làng nữa...

- À... không được... lấy của người giàu chia cho người nghèo nữa chứ gì?... Vẽ chuyện... kẻ không ăn hết kẻ lần chẳng ra... mười quả trứng đối với nhà lão chánh hội giàu nhất làng chỉ là cái bụi thôi...

- Nhưng mà... em sợ lắm.

- Sợ cái gì?

- Sợ phải tội.

- Tội lợi xuống sông.

- Mình có tin có trời có Phật không?

- À... ờ... cũng có tin...

- Thế đừng ăn trộm ăn cắp... mình thì chẳng sao đâu. Nhưng còn con cái mình sinh ra sau này. Nó có biết gì đâu mà phải mang tội của mình. Con thằng trộm lớn lên sẽ làm thằng ăn trộm giống như cha mẹ nó. Thậm chí có đứa thành kẻ giết người. Anh ơi, tôi không muốn con mình sau này lại thế. Anh có biết không. Mẹ con tôi đi ăn mày, nhưng không bao giờ tôi ăn trộm ăn cắp cái gì. Tôi van anh đấy, tôi lạy anh đấy. Hãy để cho hạt máu của anh trong bụng tôi được chút nhân đức.

- Tôi hỏi, nếu không trộm cắp thì sống bằng gì? Tôi ăn trộm nên cô mới sống được đến hôm nay.

- Thì đã đành. Tôi biết ơn mình. Nhưng từ bây giờ, bao chuyện cũ xí xóa hết.

Người đàn ông nằm bên cạnh Khoai chẳng biết đang nghĩ gì. Anh ta im lặng một hồi lâu, cái hồi lâu ấy làm Khoai thấy sợ, bởi vì Khoai cần một sự lương thiện, thêm một sự yên ổn. Và nếu như Độ không nghe lời Khoai thì sao. Người chồng cũ chết đói, hai mẹ con lang thang ăn mày, Khoai thấy rùng mình vì quãng đời phiêu bạt rạc ròi đó rồi. Còn bây giờ, nếu Độ vì thương cô mà vẫn sống cuộc đời... như cũ thì sao? Thực bụng Khoai muốn làm như lời ông lang... nghĩa là khuyên nhủ Độ... nếu như chưa làm cho hai cha con hòa thuận, thì ít nhất cũng làm cho sự phối kết mới của mình được an ổn, bình thường như mọi gia đình nông dân khác... bởi vậy, Khoai mới hồi hộp chờ đợi lời phán quyết của người chồng mới. Chị là người đàn bà dằm thắm. Hai người chả nói lời nào, nhưng Khoai hiểu được sức mạnh của sự dằm thắm đối với người đàn ông này chứ. Ân ái có tiếng nói riêng của nó. Sự quy phục của người đàn ông nằm ẩn cả trong những cử chỉ giao hoan. Người đàn bà biết sức quyến rũ của mình nhưng vẫn hồi hộp vì chưa biết sức quyến rũ tới mức Độ nào. Có những mê hoặc ái ân đi tới mức chuyển hóa được con người.

Độ nghĩ thật dài. Mãi tới khi người đàn bà ôm lấy cổ anh, sợ tay vào chiếc cằm tua tua râu của anh, cái cử chỉ của người đàn bà cần đến sức mạnh đàn ông, thèm khát cái sức mạnh hùng hực của một đấng nam nhi, cái cử chỉ mềm mại, yếu đuối như mong muốn che chở ấy, chớ biết đâu lại có một quyền lực chi phối mà người đàn ông không hề hay biết, chỉ tới khi ấy Độ mới thềm thì vào tay người đàn bà của mình.

- ừ, xí xóa hết. Mình yên tâm. Tôi không làm như trước nữa.

Người đàn bà vui mừng, người đàn bà biết ơn. Chị mở lòng mình ra và cho tất cả. Đêm ấy, chị đắm thắm hơn bao giờ hết. Đời một con người có nhiều cuộc giao hoan, nhưng có những cuộc ta chẳng bao giờ quên, cũng như có những bữa ăn chỉ dựa cà đạm bạc thôi nhưng ta nhớ suốt đời.

Thực ra, Độ nghĩ gì anh chẳng nói ra. Độ là kẻ ngang tàng. Chỉ riêng việc anh dùng môn vũ khí thiết lĩnh đã nói lên điều ấy. Lão ma cà bong già, thầy dạy võ của Độ thường bảo học trò:

- Thằng ăn cắp khác thằng ăn cướp. Thằng ăn cắp trộm chớ bắt gà chẳng qua là thứ gà què ăn quần cối xay. Ăn trộm cả những người quần manh áo rách, nhỏ mọn và đê tiện. Phải là kẻ ăn cướp ngang tàng khí phách, đầu Đội trời chân đạp đất. Lấy của giàu chia cho người nghèo. Phải làm sao để hét lên một tiếng là kẻ mạnh run lên nhong nhóc. Dù máu chảy đầu rơi cũng coi nhẹ tựa lông hồng...`

Lão ma cà bong già chết đi vẫn chưa thực hiện được cái chí ấy. Và cả người học trò yêu là Độ cũng vậy. Sự thực là từ trước tới nay, Độ bị mang tiếng nhưng vẫn chưa làm gì. Chỉ từ khi gặp Khoai, Độ mới bắt đầu làm kẻ gà què ăn quần cối xay. Cũng chỉ vì muốn cứu Khoai nên Độ mới phạm phải lời dạy của thầy, nay ăn cắp một ổ trứng, mai ăn trộm một thúng Khoai. Vậy nên, nay Khoai muốn anh thôi việc ấy, Độ bằng lòng ngay. Khoai thủ thủ bảo chồng:

- Ruộng Khoai em trồng chỉ mười bữa nữa đã rở được. Còn ruộng ngô nhà mình cũng đã trổ cò... và lại, nhà mình còn gần một nôi ngô hạt...

- Ngô ở đâu mà lắm thế?

Khoai không dám cho chồng biết chỗ ngô ấy là của bố cho, nên cô đành nói dối:

- Tháng trước, mình bắt được đôi cạp nong. Em bán lấy tiền, đóng được nôi ngô để dành.

- ừ nhỉ... thôi được, từ rày tôi nghe mình. Từ rày, tôi không lấy của nhà giàu chia cho nhà nghèo nữa.

Từ đấy, Độ không lấy của người nữa, anh cố gắng lấy của trời. Làng Sứa gần rừng, lại lắm đồi hoang. Mà đồi rừng thì thiếu gì cái sống. Muốn vào rừng còn phải đi xa. Nhưng chỉ riêng cụm đồi hoang này thôi, cũng có khối thứ để vợ chồng anh dựa vào sống qua ngày. Tôm tép thì nhờ vũng, nhờ lạch. Cua ốc thì nhờ ruộng nhờ ao. Đặc biệt Độ có tài đánh bẫy muông thú. Tại chỗ họ ở, không có thú to, to nhất là con chồn con cáo. Tuy nhiên, bắt chúng không dễ. Chỉ thi thoảng mới vớ được một con. Riêng loài chuột, chồn này nhiều vô kể. Mùa lúa ngô, chúng ở đồi tràn xuống đồng. Vào lúc những cánh đồng chỉ còn trơ gốc rạ, chúng lại rút quân vào núi. Độ thương vợ. Anh biết người đàn bà mang thai cần chất bổ dưỡng. ừ! Chuột cũng là thịt chứ sao. Có bận, anh đã được ăn bữa cỗ toàn là thịt chuột. Cũng đủ giò, nem, ninh mọc mới tài chứ. Anh nhớ bữa cỗ ấy, sư phụ anh còn sống. Bữa cỗ thâm đêm. Ăn thịt chuột vào sức lực dồi dào, ông ma cà bong già đã cởi áo ra và biểu diễn một bài thiết quyền. Những bắp thịt cuộn cuộn nổi lên ở ngực, ở tay ông già, sờ vào thấy cứng như thép. Lúc ông già ra quyền, gó chuyển vù vù, đám vào tường, tường thủng; chem. Vào gạch, gạch tan. Nghĩ thế Độ liền lấy tre làm bẫy kẹp. Hì hục mấy ngày làm được chục cái. Cái bẫy đơn giản nhưng thần tình. Hai thanh tre tạo hình chữ V lại khi con vật chui qua. Cái bẫy toàn tre nửa ấy dễ hòa lẫn với cỏ dại, lá tranh, đất cst,

rất dễ dàng đánh lừa lũ chuột. Chuột có thói quen chui qua những bụi rậm, tạo thành những lối mòn để riêng sử dụng. Đặt những chiếc bẫy kẹp ngang những lối mòn và ngụy trang cho thật khéo, thật tự nhiên, khiến cho chúng tưởng rằng chỉ là cành tre cọng rác vô tình cắt ngang lối mòn. Chạm khẽ vào thanh tre giữ lấy chỉ to như cái tăm dài là hai thanh tre chữ V khép lại chẹn ngang cổ. Lúc đó, cái cần tre lò xo đẩy xuống giữ thật chặt. Người khỏe dùng tay giương bẫy còn nặng nề như giương cung, huống hồ là con vật chỉ nhỏ bằng cái nắm tay.

Chiều nào Độ cũng gánh hai mươi cái bẫy đi đặt. Rồi sáng nào anh cũng đi một vòng thu bẫy. Lũ chuột đồng béo ngậy, tuy vậy vẫn có mùi của loài ở hang. Cho tất cả lũ chuột vào nồi nước sôi, sau đó tuốt lông ra như vật lông chó. Cái đám lông xám hôi sì tuột đi để lộ ra một làn da trắng toát. Rồi mổ bụng vứt hết lòng ruột, nhồi lá thơm như lá cúc tần vào. Tiếp đó là thui như ta thui chó. Thui bằng rơm cho đến lúc mỡ chảy ra lèo xèo và da vàng rộm. Cuối cùng là luộc. Nước luộc chớ dùng vì nó vẫn còn hôi mùi chuột. Công đoạn kết thúc là ép. Trải một lớp lá chanh rồi dùng ván đặt cối đá hay vật nặng để ép cho nước luộc còn sót trong mình con chuột ra hết. Lúc này, thịt chuột trắng phau trông như thịt gà. Ngon như thịt gà. Chặt ra kho cũng được, nấu rựa mặn hay chả cày cũng được, mà đảo lên rồi gói giò xào cũng thật tuyệt.

Cô Khoai nhờ thịt chuột đồng mà béo trắng ra. Da dẻ hồng hào, phây phây. Chuột ăn không hết, Khoai mang ra chợ bán. Hai xu một con. Khôi nhà mua về cho trẻ nhỏ ăn. Vừa ngon vừa sạch cam, người ta nói với nhau như vậy.

Một hôm, Độ lên phố huyện về, dáng vẻ vui mừng khác hẳn mọi ngày. Anh còn phớn chí mua về cho vợ mấy chiếc bánh rán tẩm mật. Khoai còn hỏi có chuyện gì mà anh phấn chấn đến thế. Độ tủm tỉm mà chẳng nói gì. Nét mặt anh cứ tươi tỉnh như vậy suốt cả ngày. Nhưng chuyện vui giấu mãi

trong lòng không chịu được, đến tối, lúc hai vợ chồng nằm bên nhau anh đành thổ lộ:

- Có chuyện này hay lắm cơ... mình biết cái lão Tàu ở phố không. Bên kia đường, trước cái quán tiết canh lòng lợn ấy... cái lão già đeo kính lúc nào cũng sùm sụp Đội chiếc mũ nỉ màu đen ấy...

- À, tôi nhớ rồi, tôi biết rồi. Ông thầy Tàu bán thuốc bắc chứ gì.

- Đúng. Hôm nay tôi đang đi tìm lão ta gọi giật lại: “cái nị đứng lại một chút lờ”. Tôi chỉ vào ngực mình:”ông gọi tôi?”. Ông ta tươi tỉnh:”ngộ gọi cái lị chứ còn ai lố.” Ông ta mời anh vào nhà. Anh ngạc nhiên không hiểu ông ta muốn gì. Ông ta giàu sang có những hai bà vợ. Bà hai trẻ măng chỉ chừng hai mươi tuổi. Những người như ông ta sao lại niềm nở với mình như thế. Em có biết ông ta nhờ anh làm gì không?

Độ ngừng chuyện tỏ vẻ bí mật và quan trọng làm cho Khoai sốt ruột.

- Thì nói đi nào. Làm gì mà cứ úp úp mở mở.

- Lão ấy bảo thế này... lão ấy nhờ mình bắt cho con hổ mang.

- Tưởng gì. Chuyện ấy anh làm dễ như bỡn.

- Dễ hả. Dễ thì việc gì hẳn phải cầu cạnh tôi. Không phải loại hổ mang thường đâu. Hẳn yêu cầu con hổ mang chúa. Dài từ 2m trở lên. Mà lại phải rắn sống. Mình tưởng loại này dễ tìm hả? Không đâu. Trăm con rắn, ngàn con rắn may ra mới có một con. Và lại... bắt nó đâu phải dễ. Cái loại thợ bắt rắn mới vào nghề, trông thấy nó cũng xanh mắt mèo. Lóng ngóng là mất mạng như chơi...

- Thế thì khó quá!

- Chả khó mà lão ấy chịu bằng lòng trả cho con rắn bằng đôi khuyên tai bằng vàng.

- Ôi chao! To tiền thế ư? Không biết lão ấy dùng làm gì mà mua đắt thế.

Độ cười hì hì, ghé mồm nói thầm vào tai vợ:

- Nghe nói... làm thuốc cường dương. Lão ta bảo một ông Hà Nội đặt hàng. – Độ bỗng dừng cười to hơ hơ vang lên. – tớ nghe vậy liền cười tùm tùm. Chả là lão thầy thuốc này hom hem lắm. Mà cô vợ hai thì trẻ phây phây ra. Tớ đồ chừng lão mua hổ mang chúa để luyện cho chính lão ta.

- Rõ nôm. – cô Khoai cũng khúc khích rồi rúc vào nách chồng. – thế, nhà nó có nhận lời không?

- Nhận quá đi chứ lì. Vùng mình cũng có con hổ mang chúa. Tớ cứ để dành mãi chưa muốn bắt. Bởi vì vật hiếm phải kén khách chơi. Gặp đúng khách cần mới được giá. Đôi nó lấy khuyên tai vàng cho mình đeo. – đó là ước vọng của tôi từ khi trông thấy con rắn này.

Từ hôm ấy, Độ bỏ cả bắt chuột, ngày đêm đi rình mò, theo dõi con hổ mang chúa. Hang của nó thì biết rồi. Nó nằm ngay trên quả đồi thấp phía sau, dưới một tảng đá. Ngày hôm sau, Độ đi quan sát. Anh rất thuộc chỗ này. Đâu là đường chuột đi, đâu là đường rắn bò, anh chỉ nhìn cây cỏ là biết ngay. Anh nhìn đám cỏ bên tảng đá lấy làm ngạc nhiên. Chỉ chừng một tháng anh không ra đây nhưng xem chừng tình hình đã khác. Mấy tháng trước Độ phát hiện được cái hang rất kín đáo này nấp dưới hòn đá tảng. Hòn đá hơi nhô ra như cái hiên cho nên chẳng ai biết trong đó có hang. Tuy nhiên con vật to lớn này ngày nào cũng trườn qua chỗ này khiến cho đất phía trước cái hiên của hòn đá như khô hơn. Nhìn thật kỹ lại thấy có chút mốc trắng. Điều này chứng tỏ tổ con hổ mang chúa đã rời khỏi nơi đây. Tại sao nó bỏ đi? Độ nghĩ mãi rồi chợt hiểu. Có thể vì Độ luôn luôn đặt bẫy ở

nơi này nên chuột ở đây vẫn đi. Thiếu mồi thì rắn bỏ đi là tất nhiên. Tuy nhiên, Độ nghĩ con rắn không bỏ đi xa vì ở đây vẫn còn nhiều chuột. Đó là chỗ mấy thửa ruộng ngô chưa đến kỳ bẻ cách vườn chuối của anh chừng vài trăm mét. Độ tới nơi nhìn quang cảnh và chợt hiểu ngay. Trên một quả đồi thấp có một cây đa cổ thụ không biết đã mấy trăm tuổi. Cây đa này, thân nó có nhiều hang hốc. Rễ lại loằng ngoằng nổi trên mặt đất. Chắc chắn con quái xà tìm chỗ trú ngụ tại đây. Anh đi quanh quanh càng tin chắc điều đoán định của mình khi tìm thấy phân rắn. Phân to. Thứ phân vàng lẫn đen còn tươi khắn khắn. Lại thấy cả những đường rắn bò nhẵn thín nhẵn thui dưới cỏ. Chắc chắn hang ổ của con hổ mang chúa là một cái hốc nằm giữa thân cây hoặc chui dưới những cái rễ ngoằn nghèo cứng như đá kia. Để khẳng định chính xác, một đêm trăng, Độ nấp trong ruộng ngô đã tận mắt trông thấy con vật dài chừng bốn mét to như con trăn. Anh nghĩ tới lão thầy Tào Đội mũ nỉ đen.

- Con rắn dài ba mét ngô trả bằng một đôi khuyên tai. Dài bốn mét ngô trả thêm bằng tiền. Nếu là loại Độc xà biết phun Độc ngô trả gấp đôi...

Nghĩ tới lời nói ấy của lão, Độ thấy hào hứng bội phần. Anh quyết tâm bắt con rắn cho bằng được. Nhưng lần này bắt nó thật gay go. Bắn rắn chết thì dễ. Độ có thể dùng bẫy kẹp. Nhưng lão thầy thuốc yêu cầu phải rắn sống. Dùng thủy công và hỏa công đều không được, bởi vì ở đây không có nước, và hun hang trong cây rồi đơm đó cũng là điều không thể thực hiện. Anh nghĩ mãi, nghĩ mãi và cuối cùng dùng kế dụ rắn ra khỏi hang. Kế này gồm hia phần, phần thứ nhất dùng bẫy kẹp và bả ngăn chuột từ đồi ra ruộng ngô; phần thứ hai đan một cái lồng to thật chắc nhốt chuột trong đó, hai đầu lồng có hai cái hom để dụ rắn chui vào. Tuần đầu tiên chẳng bắt được gì. Tuần thứ hai bắt được con hổ trâu. Tuần thứ ba im lìm. Mãi đến tuần thứ tư, đêm hôm ấy không trăng, không sao, trời đen như mực. Độ vẫn kiên trì nấp trong ruộng ngô. Quá nửa đêm, thì nghe thấy tiếng chuột trong lồng kêu chít chít. Độ đang ngủ gà ngủ gật vội chạy ra. Anh sung sướng xách cái lồng nặng trĩu về vườn chuối. Anh vừa sai bước vừa kêu to:

- Mình ơi! Khoai ơi! Thằng rồi! Thằng rồi!

Hai vợ chồng đốt đuốc nhìn con rắn to hơn cổ tay, màu xám đen đang cố ngóc đầu lên, nhưng vì cái lồng thắp nên không được. Anh chồng khoan khoái nói với vợ:

- Con này dài lắm, chắc bốn mét. Nó mà ngóc lên, cái đầu bạnh ra chắc phải bằng bàn tay. Ngoài đôi khuyên chắc còn được vài đồng bạc cho mình nữa đấy.

Người vợ cầm đuốc soi cho anh chồng lấy dây thừng chằng buộc thêm cho kỹ càng trước khi vào trong lều ngủ. Nằm trong ổ rơm họ còn thì thầm to nhỏ, tiếng thì thầm hân hoan vì đó toàn là những chuyện tương lai sáng sủa hơn nhiều do tiền bán con mãng xà đem lại. Bàn tán mãi rồi cũng mệt. Cái mệt không phải của một đêm mà của một tháng trời ròn rã, đêm nào Độ cũng phải thức trắng. Sự thắng lợi đã xả dẫn những căng thẳng tích tụ lâu dài, khiến cho Độ đêm ấy ngủ li bì như chết.

Đang say giấc, bỗng nhiên một tiếng hét làm Độ tỉnh dậy.

- Cái gì thế? – Độ hốt hoảng hỏi vợ.

Người vợ đã ngồi dậy từ lúc nào không hay, tay ôm chân, lưỡi líu lại.

- Mình... mình ơi... chết tôi rồi... nó cắn em...

- Cái gì cắn?

- Rắn... rắn...

Khoai chỉ tay ra ngoài cửa lều. Bóng trăng hạ tuần nhàn nhạt cũng đủ để Độ nhìn thấy một bóng đen như sợi thừng to đang trườn đi trên mặt đất. Độ nhảy choàng lên ra khỏi lều nhưng sợi thừng dài màu đen đã biến mất.

Đốt đuốc lên ra gốc chuối xem vẫn thấy cái lồng và con hổ mang chúa vẫn còn nguyên. Độ dìu vợ ra ngoài, giọng cáu kỉnh:

- Rõ rang con rắn không xống, sao lại rắn chui vào lều được nhỉ.

- Hay là... hay là con rắn to gọi con rắn nhỏ đến báo thù. – vợ vẫn.

- Sao lại vợ vẫn. Anh không nghe chuyện rắn báo oán sao. ối trời ơi! Đau quá, buốt quá.

Đến lúc này Độ mới nghĩ đến chuyện chăm sóc cho vợ. Đang lẽ ra trong trường hợp này, Độ phải buộc garo, rạch vết thương rồi nặn cho máu chảy ra. Phải nặn máu Độc cho đến khi đỡ đau, đỡ buốt mới thôi, nhưng anh đã không làm. Ông lang Chăn cũng giỏi chữa rắn cắn, nhưng tiếc thay Độ không chịu học người cha môn thuốc ấy. Vì học võ nên Độ chỉ chăm chăm học ch những môn võ chữa đòn, chữa vết thương, chữa gãy xương, và cũng vì mối hận người cha nên anh cứ chần chừ. Đáng lẽ ra anh phải cầu cứu người cha từ lúc Khoai bị rắn cắn. Chỉ đến lúc Khoai tức thở, rồi thở khò khè, rồi tím ngắt anh mới chạy về gọi ông lang. Khi ông cụ Chăn đến nơi thì đã muộn. Toàn thân Khoai lúc đó tím bầm. Cô không nói được nữa, chỉ thấy đôi môi lấp bắp.

Độ như người điên. Anh khóc, anh chửi, anh la hét. Anh đuổi cả ông lang già. Anh rửa sả ông. Cứ như thế vì ông Khoai mới chết. Rồi anh hì hục đào hố một mình. Vừa đào vừa chửi.

- Mẹ cha nó chứ. Rồi sẽ biết tay ông.

Ông lang già chỉ còn biết đứng nhìn mà rơi lệ. Chôn xong vợ, anh lấy dao ra chặt nát cái lồng, chặt nát con hổ mang chúa. Làm như vậy chưa hả, tiện tay anh cầm bó đuốc châm vào lều nhà. Ngọn lửa bắt vào đám tranh bốc lên ngùn ngụt. Anh vái lạy nằm mồ rồi quay lưng đi về phía đồi. Người cha gào lên.

- Độ ơi! Mày đi đâu đấy. Con ơi! Quay lại đi!

Từ làng Sứa, Độ đi về hướng đông. Đó là hướng có những ngọn núi xanh rì và đi thêm nữa sẽ ra tới biển. Đang mùa xuân, mùa lễ hội. đi được vài hôm, tiền lưng đã cạn. Độ dừng chân ở một làng dưới chân núi Voi, vừa đúng lúc này làng đang mở hội. Nghe nói hội làng Voi to lắm, hầu như người cả vùng đi đến đây. Tiếng trống thì thùng kéo Độ vui chân đến bãi cỏ trước đình. Hôm ấy là ngày cuối cùng của cuộc đấu giải vật nên cả mọi người tập trung cả vào sỏi vật.

Người thắng cuộc liên tiếp trong ba ngày đấu vừa qua là đô Thường Luồng. Nghe nói anh ta người vạm vỡ đến từ một hòn đảo ngoài vịnh Bái Tử Long. Đô Thường Luồng cao to, người đen trũi, bắp thịt ở tay, ở bụng, ở ngực nổi lên cuồn cuộn. Đặc biệt hai cánh tay anh dài quá gối trông như hai gốc tre đực lủng lẳng ở hai vai. Người đứng xem kể lại hai cánh tay ấy rắn chẳng khác gì hai tảng sắt. Ngày hôm kia chỉ một chút nữa là đô Thường Luồng bẻ gãy cổ một đô người xứ Đông. Từ hôm qua chẳng ai dám thượng đài nữa. Trai tráng làng Voi tức lắm nhưng chẳng ai dám đối đầu với đô khỏe mạnh và hung tợn này.

Đô Thường Luồng rất đặc chí. Anh ta ngồi vắt vẻo trên chiếc ghế bành, đầu buộc khăn đầu rìu bằng lụa đỏ, dưới đóng khố bao màu hồng. Sau lưng anh ta là cây tre buộc giải bao gồm ba tấm lụa bay phất phơ trong gió và cái túi đựng bạc. Nghe nói túi bạc ấy là của một lái buôn nước mắt rất giàu. Giải là mười đồng bạc. Vì giải to như vậy nên cả đô vật tận ngoài đảo tít mù khơi mới bò về đây chứ. Còn có lời xì xào rằng đô Thường Luồng là một tay cướp biển uống máu người không tanh. Độ nhìn kỹ thấy gương mặt tay đô vật này cũng dữ tướng thật. Lông mày lười mác rậm rì. Mắt xếch. Mồm rộng ngoác. Ngồi một lúc lâu, đô Thường Luồng liền đứng dậy, chấp tay thưa với mọi người:

- Tôi có chút thiện nghĩ như sau. Tôi thấy cái sỏi vật này xem chừng rộng quá. Mà hôm nay lại là ngày chót, những đô thượng đài chắc đều là

các bậc siêu quần. Người giỏi thì luật lệ phải khắt khe. Tôi xin thu hẹp vòng đấu lại. Chỉ còn rộng bằng cái nong. Đồ vật nào chạm chân vào vạch vôi là thua.

Người đứng xem đều lè lưỡi và lắc đầu. Đô Thường Luồng sau đó lại nói thêm.

- Cũng xin viết giao kèo và hai đô cùng điểm chỉ. Đấu vật cũng là đấu võ. Vậy nên nhớ ra sa sầy đến tính mạng không được kiện cáo.

Thế này thì thật quá quắt. Lão Thường Luồng đang đe dọa thách đấu tử chiến với các đô tứ xứ. Thăng cha này kiêu ngạo thật, dám buông lời hạ mực vô nhân. Tuy nhiên, theo lời các đô đã chạm trán với hắn mấy ngày hôm trước thì hắn quả thực lợi hại. Toàn thân hắn là mình đồng da sắt. Người hắn không một chút mỡ. Sờ vào bất cứ một chỗ nào cũng cảm giác như sờ vào sắt đá. Có lẽ hắn thành thạo tất cả các loại tấn. Hắn đã cắm chân xuống đất, hoặc đã bò xoài trên mặt đất, thì đổ ai có thể lay chuyển. Con người hắn uống biết bao nhiêu là nước mắm chắt, đã rau rầu nhai bao nhiêu là tôm cá sống, đã trải qua biết bao nhiêu là gió mưa giông bão, đã lặn ngụp bơi lội biết bao ngày đêm trong biển cả mới hun đúc một thân hình góm ghê đến như vậy. Cho nên chắc đô Thường Luồng sẽ giật giải. Suốt buổi sáng, chẳng ai dám lên đài:

Đến chiều, bắt đầu buổi vật cuối cùng, lúc đô Thường Luồng tưởng như không còn ai dám lên và chắc chắn mình đã thắng, anh ta liền biểu diễn một bài quyền lạ, vừa múa vừa vờn kiểu như một con bạch tuộc đang vươn vòi bám lấy kẻ thù, thì có một người vạm vỡ, vai đeo tay nải tiến lên bàn các vị chức sắc trong làng và hỏi:

- Bẩm các cụ, tôi là khách qua đường muốn tham dự, không biết có được phép không ạ?

Các cụ chức sắc đang bức tức vì thái độ dương dương tự đắc của gã đô hồn xược đã đánh bại tất cả trai làng, nay lại thấy có người muốn vì làng mà rửa nhục thì vui mừng. Cụ trùm sân vật còn cho anh mượn cả khố và còn mách nước dặn dò anh.

- Cần thận chớ coi thường. Thăng này có miếng “móc quai xanh” rất hiểm.

Thực ra, ông thầy già lang thang dạy võ cho Độ cũng là đô vật. Thường thường, các lò vật bao giờ cũng kiêm cả võ. Và các tướng giỏi quân giỏi của ta ngày xưa đều từ các lò vật kiêm lò võ mà ra. Ông thầy già đã bắt Độ phải bê cối đó chạy vòng quanh sân, phải vật sừng trâu bao giờ cho than thọt trước khi học các miếng vật. Một võ sĩ giỏi, theo ông thầy già, cũng phải là một đô vật giỏi.

Độ vận khố xanh. Anh thấp hơn đô miền biển, tay cũng ngắn hơn, nhưng vạm vỡ thì không kém. Trông hai con người vờn nhau, nhận ngay ra sự khác biệt. ở Độ, ta thấy một sự cân đối, sự điềm tĩnh. ở đô Thường Luồng, ta thấy sự hùng hổ muốn ăn sống nuốt tươi. Bốn con mắt nhìn chăm chập vào nhau, cả hai đều muốn thôi miên đối thủ. Bất thành linh, hai quái nhân chồm lại áp sát, bá tay tư, nghĩa là cả hai đều tóm lấy cổ nhau và nắm vai nhau. Những ngón tay sắt của đô Thường Luồng đang tìm cách vặn cổ Độ. Còn Độ thì khác. Những ngón tay của anh đang rờ tìm gáy của địch thủ. Đối với các trạng vật, sức mạnh của những ngón tay cực kỳ quan trọng. Những ngón tay phải là những chiếc dùi sắt, những chiếc vuốt sắc. Khi chúng đã chạm vào đâu, lập tức chúng biến những ngón tay thành những cái móc sắt bám vào thịt da gỡ không ra. Khi chúng đã ấn vào đâu, lập tức chúng như những cái đinh sắt muốn xé rách chui sâu vào da thịt đối phương. Khi chúng đã bóp vào đâu, lập tức chúng như cái kim bóp nát chỗ đó. Những ngón tay của Độ cũng vậy. Độ đã trở công phu luyện tập bàn tay: xia vào cây chuối, xia vào cát, xia vào gỗ... bây giờ không xia, nhưng những ngón tay ấy đang bóp vào cái huyết sau gáy của đô biển. Nhoi một

cái, đô Thường Luồng cảm thấy như bị điện giật. Biết mình gặp phải một cao thủ, cái ngông nghênh khinh địch của anh ta chợt tan biến ngay.

Đô Thường Luồng vừa sợ vừa cău. Ngay lập tức, hắn liền giở chiêu ác hiểm ra, định chinh phục Độ thật nhanh. Hắn lừa miếng định miệng chớp nhoáng móc vào xương quai xanh của Độ. Ai bị miếng này, dễ bị gãy xương quai xanh và trở thành kẻ tàn phế một đời. Tuy nhiên, Độ cũng giỏi tránh và giỏi nội công cho nên bàn tay Thường Luồng cứ chạm vào chỗ nào là chỗ đó nổi lên cuộn cuộn, tạo thành áo giáp sắt che chở chỗ đó. Cả hai người lúc đó như hai pho tượng đồng, mồ hôi vã ra bóng loáng. Cả hai người như hai cây gỗ lim cắm chặt xuống đất. Họ đang ở tư thế cầm cự, đang cố tìm chỗ sơ hở của đối thủ. Đô Thường Luồng dướn người lên cố vít đầu Độ xuống. Cái cổ to ngấn nần nần những thịt thật khó khuất phục. Nhanh như chớp Thường Luồng chuyển sang thế dùng kheo tay khóa cổ Độ, định làm cho ngạt thở. Đang ở thế thượng phong, Thường Luồng không chú ý để hở sườn phía dưới. Năm ngay cơ hội, Độ dùng ngón tay sắt bấu vào những đẽ sườn của Thường Luồng rồi bóp mạnh. Miếng móc sườn này thật khó bởi vì lồng ngực vừa tròn vừa nhẵn đâu có chỗ nào để bám vào. Nhưng vì Thường Luồng dướn người, đang tập trung hết lực để bẻ gãy cổ Độ, nên cái bụng hở ra. Nếu như Độ là một đô tầm thường, anh sẽ cuống quýt vì ngạt thở và chỉ lo thoát ra khỏi cánh tay sắt, đấng này Độ khác hẳn. Một mặt Độ gồng cổ lên để chống miếng khóa gáy; một mặt, Độ phản công dùng tay móc vào bụng, chỗ tiếp giáp với xương sườn rồi bóp mạnh. Dính miếng này, địch thủ dễ bị bẻ gãy xương sườn như bòn. Trán chàng đô biển vã mồ hôi. Mặt chàng đô biển từ hồng hào chuyển sang tái nhợt, rồi mắt trợn lên vì đau đớn. Cánh tay khóa cổ lỏng ra. Đáng lẽ Độ bẻ gãy xương sườn đô biển, nhưng vì thương tình, nên nhân lúc đô biển loạng choạng, anh chỉ đẩy hắn ra khỏi vạch mà thôi.

Độ lấy tay giật ba tấm lụa và cái túi tiền thưởng trong tiếng hoan hô vang dội của người đứng xem và tiếng trống chiêng vang lên rộn rã. Keo

vật của Độ từ bại chuyển thành thắng làm cho mọi người trầm trở bàn tán mãi.

Độ thắng nhưng anh rất cảnh giác. Anh vội vàng thay quần áo đến cầm ơn cụ trùm sợi rồi đeo tay nải lên đường ngay. Thường thường ở những cuộc tranh giải gay go như thế này, bên thua cay cú có khi nhảy ngay vào sợi vật gây xô xát. Và Độ cảnh giác như vậy cũng không thừa. Ra khỏi làng Voi một quãng, anh trông thấy một toán người đứng đón đường phía trước. Vì đã chuẩn bị nên Độ rất bình tĩnh, lấy từ hai tay nải ra hai quả trùy buộc dây xích. Đó là thứ vũ khí đối địch với đông người. Như đã nói, Độ sử dụng loại vũ khí này rất thiện nghệ, anh vung lên vù vù đang gọi là quỷ khóc thần sầu. Anh chỉ định xua đuổi bọn đồng đảng của đô Thuồng Luồng chứ không muốn sát thương bọn họ. Nhưng bọn này thấy Độ chần chừ nên định làm già. Chúng vẫn cứ xông vào, đứa nào cũng tay dao tay gậy. Bất đắc dĩ, Độ đành phải ngồi xuống dùng hai quả trùy xích quét vào chân bọn chặn đường. Bốp bốp bốp. Liên tiếp ba thằng bị đòn lăn quay ra. Còn hai thằng cuối cùng, Độ không thêm dùng vũ khí nữa, chỉ bằng tay không qua mấy đường đâm đá, anh đã hạ gục được ngay.

Bọn Thuồng Luồng là bọn cướp biển, từ đảo vào đất liền. Băng đảng của chúng mới tan tác. Độ dựng lều tạm trong rừng tìm là thuốc chữa thương cho bọn chúng. Năm tên cướp liền bái Độ làm tướng. Từ đó, băng cướp Thuồng Luồng ngày càng đông. Chúng hoành hành suốt dải bờ biển phía bắc, có lúc xâm nhập cả vùng Bắc Giang, Hải Dương.

Trận cướp bóc thứ nhất là một nhà hào phú trên trăm mẫu ruộng ở miền núi Hải Dương. Trận thứ hai cướp một nhà buôn lớn ở Móng Cái. Trận thứ ba đánh một thuyền buôn lậu của Tàu Ô trên biển Bái Tử Long... nói chung phương châm của toán Thuồng Luồng cũng không đi quá được câu “thay trời hành đạo”, “lấy của giàu chia cho kẻ nghèo”. Nhưng đã là người giàu, hễ kháng cự, họ chém ngay không tha.

Cướp phá một cách chọn lọc như vậy mới đầu thì dễ vì nó bất ngờ, nhưng sau đó băng cướp gặp khó khăn vì những nhà giàu trong vùng đã biết mình đang là mục tiêu nên ra sức đề phòng. Thuyền buôn lớn trên biển đã thuê lính hộ tống. Những nhà cự phú đã tổ chức tráng đinh chống cướp. Hết cách làm ăn lớn, đảng Thuồng Luồng phải xé ra thành các toán cướp nhỏ để kiếm sống. Họ biến thành các toán cướp đường. Và than ôi! Cái lý tưởng “lấy của người giàu chia cho người nghèo” lúc này chỉ còn như ngọn đèn leo lét, lò mờ chỉ chực tắt. Toán cướp nhỏ do Độ cầm đầu ở lục ngạn đã có lúc nường nấu trong rừng một tuần liền không có món ăn. Gặp toán nông dân đi gặt thuê về, Độ cũng trói hết cả lại và lột hết tiền bạc. Một thợ gặt bảo:

- Nghe nói các ông nhân nghĩa lắm cơ mà. Bây giờ lại đi ăn cướp của cả những thằng khổ rách áo ôm chúng tôi sao.

Bộ hạ của Độ nổi nóng rút dao tóm cổ kẻ táo tợn dám có lời chống đối:

- Chán sống rồi hả. Chúng tao ăn gan người không biết tanh đâu.

Độ vội gạt đi, chấp tay vái người thợ gặt.

- Hôm nay chúng tôi làm thế này, chẳng qua bất đắc dĩ.

Nói rồi, chia năm tiền ra làm hai, trả lại đám thợ gặt một nửa. Độ thấy khổ sở, khi thấy mình đã biến thành một kẻ ăn bẩn. Nhớ lời ông thầy già lang thang “Ninh thợ tử, bất ninh thợ nhục” nên anh lại quyết định một chuyến làm ăn lớn. Mục tiêu của anh trận này nhằm vào một đồn điền trồng cam. Đồn điền của một phán toàn xứ. Gia đình này giàu lắm, bà vợ buôn tơ lụa sang Pháp. Tuần nào gia đình họ cũng đánh xe ô tô từ Hà Nội về nghỉ một hai ngày. Trận cướp diễn ra vào hai giờ đêm hôm thứ bảy. Tên dò la thám thính đã tận mắt trông thấy hai chiếc ô tô bóng lộn buổi chiều đã vào đồn điền. Rồi tiếng kèn hát Tây vang lên inh ỏi. Rồi các cô thiếu nữ mặc

quần trắng áo dài đeo kiềng vàng, xuyên thướt tha nhảy múa. Độ thăm nghĩ. Chắc họ mang nhiều tiền. Mà ngoài tiền, còn kiềng vàng, hột vàng, xuyên vàng, nhẫn vàng nữa chứ.

Trận cướp diễn ra đúng như kế hoạch. Năm con chó ta của đồn điền thấy đuốc sáng liền xô ra sủa vang, nhưng thấy đám cướp người nào cũng cầm dao sáng loáng nên vừa sủa vừa lùi. Chỉ có con bẹcgiê to cao như con bê dám hùng hổ xông lên không chạy. Hai nhát chém hung bạo làm con bẹcgiê rú lên rồi nằm sóng soài. Điều mà Độ không ngờ là những tiếng sung bông nổ giòn giã. Điều mà toán cướp không hay biết, do tên thám thính không tinh ý nhận ra, đó là hôm ấy có ba thanh niên cháu và bạn của con chủ nhà đã vác súng sẵn đi theo. Họ dự định một chuyến săn hươu nai. Vì định săn thú to, nên đạn của họ nhồi những viên chì lớn có khả năng sát thương người. Súng nổ rất to. Đạn vãi ra tung tóe. Đám cướp có tên chết ngay tại trận, và hai ba tên bị thương, đã thất bại thảm hại, lập tức rút lui ngay. Lúc bấy giờ, gia nhân của đồn điền cũng đốt đuốc cầm giáo truy đuổi. Độ cũng bị thương vào ngực, vào đầu. Vết thương nặng, chính Thuồng Luồng phải cõng anh vào rừng trốn trui trốn lủi suốt hai ngày đêm.

Vùng núi ấy thuộc dãy núi Yên Tử, bên phía Bắc Giang. Mới đầu Độ còn tỉnh, sau đó mê man chẳng còn biết gì. Thuồng Luồng vừa đói vừa mệt, chẳng biết xoay xử ra sao. Anh đành đặt Độ xuống đất, rồi đi tìm xung quanh. May mắn, anh nhìn thấy một ngôi chùa nhỏ xíu gần chân núi. Gọi là cái am thì đúng hơn. Xây gạch lợp tranh. Một ông sư gầy gò không xác định nổi tuổi đang gõ mõ tụng kinh. Thuồng Luồng phăm phăm định xông vào am, thì có tiếng gầm vang. Một con hổ vằn từ trong bụi bông xuất hiện vô cùng hung hãn. Thuồng Luồng kêu thét rút dao ra. Vị sư vội vàng chạy ra quát con ác thú.

- Côi! Côi! Không được hỡn.

Con vật tên Côi, nghe tiếng ông sư liền lùi lại và đứng đĩnh đi vào rừng. Ông sư gầy gò bảo:

- Đừng hung tợn với nó. Ai hung tợn là không xong với nó.

Thuồng Luồng vội quỳ xuống vái lạy vị kỳ tăng, kể lại sự tình, xin cứu giúp. Hai người vội tìm Độ, khiêng vào am. Ông sư vào rừng kiếm lá đắp vết thương và vắt nước cho Độ uống. Thuồng Luồng định chờ vết thương Độ đỡ sẽ lên đường, nhưng xem chừng không ổn. Thức ăn chỉ có mấy củ sắn nướng. Còn Độ thì sốt lì bì trong cơn mê. Vả lại anh rất sợ con hổ. Con vật, đối với ông sư, nghe lời chẳng khác gì một con chó. Ông sư chỉ nói một tiếng là nó cúp đuôi đi ngay. Riêng đối với anh, nó luôn gừ gừ hầm hè. Cứ thấy Thuồng Luồng là nó nhe răng ra. Đi khỏi am là anh phải nhìn trước, nhìn sau, tay luôn luôn đặt trên chuôi dao. Ông sư kể chuyện:

- Con hùm con này mồ côi mẹ từ lúc mới sinh. Mẹ nó bị sa bẫy. Tôi đem nó về nuôi bằng cháo. Đã ba năm rồi. Đối với tôi, nó như một con chó. Nó ở trong cái hang gần am. Đã mấy lần tôi thả nó vào trong rừng nhưng chỉ được chừng bà hôm, nó lại quay trở về. Đối với các vị ni ở bên kia núi nó quen rất nhanh. Riêng đối với anh không biết sao nó lại xung khắc như vậy. Đã năm hôm rồi mà trông thấy anh nó vẫn gầm gừ... hay là thế này... xem chừng anh Độ còn lâu mới tỉnh. Nếu anh tin tôi thì cứ để Độ ở đây. Tôi sẽ chữa và chăm sóc cho bằng khỏi. Vả lại nếu anh ta có mệnh hệ nào thì tôi sẽ chôn anh tan gáy đằng sau chùa, để ngày ngày anh ta được nghe kinh của đức Phật từ bi, được sám hối những tội lỗi ở chốn nhân gian.

Thuồng Luồng nghe lời ông sư nói cũng phải. Vả lại ngày ngày đi nhổ sắn ở chân núi anh cũng biết chứ. Ruộng sắn từ lúc anh tới đã vơi đi một nửa. Sức anh ăn khỏe. Gấp ba, bốn sức ăn của vị sư gày mà vẫn thấy đói. Thuồng Luồng liền quỳ xuống lạy nhà sư:

- Trụ trì mang ơn cứu mạng an hem con. Thật từ bi như trời như biển. Con đành phải ra đi. Còn tính mệnh của bạn con, trăm sự đều trông cậy vào sự tế Độ của nhà chùa.

Trước khi Thuồng Luồng lên đường. Nhà sư nghiêm nghị nói;

- Con hãy nhớ lấy câu này. Tại sao con Côì của ta, đối với con, lại cứ găm ghè như vậy. Con hiểu ý ta chứ.

Thuồng Luồng, đầu vẫn sát mặt đất, suy ngẫm rồi trả lời.

- Dạ, vâng. Con hiểu.

Anh ta hiểu những gì chỉ có lòng anh biết, chỉ có nhà sư mới biết, có lẽ nhà sư đã rải tâm từ vào đến tận thẳm sâu trong tâm hồn anh ta.

Độ có một thân hình cường tráng khó ai bì kịp, có một sức chịu đựng siêu phàm khó ai sánh nổi. Cho nên một tháng ròng hôn mê, chỉ thỉnh thoảng nhận được một hớp nước cháo, thế mà anh vẫn không chết. Sau tháng hôn mê, anh ta mở được mắt. Anh ta mở mắt nhưng vẫn chưa dậy được. Lại một tháng nằm liệt. Tâm hồn anh hình như phải bò lết, nhoai dần lên từ miền âm ty, sang miền ánh sáng. Anh ta cứ từ từ, dần dà nhích lên từng phân nhỏ tìm về sự sống. Cho đến lúc anh hoàn toàn tỉnh táo và ngồi lên được phải mất chừng bốn tháng. Nhà sư bảo:

- Thế cũng tốt. mấy tháng ròng đi về cõi sống, người con đã tẩy rửa, rũ bỏ được bao nhiêu bụi bặm. Con đã thanh sạch đi rất nhiều.

Khi ý thức được mọi điều, Độ nhìn vị sư già chẳng chút ngạc nhiên. Anh thấy vị sư rất quen, rất thân thiện. Rồi anh chảy nước mắt rập đầu lạy sư.

- Sao con lại khóc? – sư hỏi.

- Con gặp thầy, thấy người rất quen. Cứ nghĩ là thầy đã chăm con từ lúc mới sinh.

Nói xong Độ òa khóc.

- Con cứ khóc đi. Chắc là con nghĩ tới cha mình. Có thể con đã không nghe lời người. Con cứ khóc đi. Nước mắt cũng là lời sám hối.

- Vâng. Bao nhiêu năm nay, chắc là cha già của con đã chết rồi.

Sư Vô Úy gặp sư Khoan Độ như vậy đó. Bốn, năm tháng trời tận tụy, sư mới dìu được người đồ đệ về cõi sống. Khoan Độ cũng hiểu được ơn cứu tử ấy. Độ nhận sư là cha, nhưng sư bảo:

- Không phải ta cứu con đâu. Lòng từ bi của phật đã cứu con.

Và cũng thật kỳ lạ. Chẳng những sư Vô Úy nhận anh, mà đến cả con hùm mồ cô cũng nhận anh. Gặp Thường Luồng, hùm mồ cô gầm gừ, nhưng trông thấy anh nó lại vẫy đuôi. Trông con hổ dữ vẫy đuôi như một chú cún con, sư Vô Úy bảo.

- Loài ác thú cũng hiểu hết đấy.

Không biết có phải vì con vật vẫy đuôi với anh, tức là nó chứng nhận một điều gì đó tốt lành trong anh hay không, hay là còn vì một điều gì khác nữa. Đã ba lần anh xin với thầy cho anh cắt tóc đi tu mà thầy không nhận. Mãi cho tới sáng hôm ấy, khi anh thức dậy ra trước cửa am vươn vai, thì con hùm Cô từ bụi rậm đi ra, tiến về phía anh vẫy đuôi. Con hùm không bao giờ gầm gừ khi thấy anh, tuy vậy anh vẫn sợ nó; thường thì anh vẫn né tránh đi lối khác khi trông thấy nó. Nhưng sáng hôm ấy, anh vẫn đứng nguyên khi nó lại gần. Đứng nguyên mà lòng run rẩy. Nhưng rồi anh cũng bình tĩnh được. Cũng không hiểu tại sao anh còn có lòng can đảm đi về phía nó, và lại còn dám giơ bàn tay vuốt ve đầu nó. Có tiếng cười ròn: “tốt lắm, các con tốt lắm”. Đó là tiếng sư Vô Úy, ông đã đứng ở hiên am. Và cũng từ hôm ấy, sư mới bằng lòng cắt tóc cho sư Khoan Độ.

ĐỘI GẠO LÊN CHÙA

Nguyễn Xuân Khánh

www.dtv-ebook.com

Chương XIV

Chùa bị giặc khám xét. Thầy tôi bị giặc bắt giam. Sư bác trốn ra vùng du kích rồi lại liều mạng trở về chùa cứu chữa cho thầy tôi. Đạo ấy chùa Sọ thật tiêu điều, hãi hùng. Người ta cứ bảo ngôi chùa là nơi tể mịch, ai vào đấy là trốn được cuộc đời. Thì ra, trong thời loạn, bão tố không trừ nơi nào cả. Bão tố, bạo quyền ngang nhiên xông xáo cả nơi Phật đường. Ôi! Ngôi chùa quê hiền lành bé nhỏ của tôi! Thương biết bao.

Tuy nhiên những ngày ấy với tôi thật là bổ ích. Tôi vào chùa là do ngẫu nhiên. Do vậy, có thể nói tôi là một nhà sư bất đắc dĩ. Duyên trời đã dẫn tôi đến với đạo Phật, cho nên tôi nhập đạo mà chưa có ý thức. Chỉ đến lúc ấy, ở bên cạnh chăm sóc cho thầy, tôi mới hiểu được cái thâm sâu uyên áo của Phật. Thầy tôi không bỏ lỡ cơ hội để truyền lại cho tôi cảm hứng cao thượng của con người đi trên đường Đạo. Đến lúc ấy tôi mới biết sư tổ Vô Chấp, cuộc đời thầy tôi, cuộc đời sư huynh Khoan Độ. Tôi mới hiểu thế gian này mới lắm truân chuyên, vốn vô thường. Tôi càng biết về số phận những bậc tiền bối, tôi càng thấy yêu ngôi chùa của mình hơn. Khi biết rõ hành trình đến đạo của thầy Vô Úy, tôi càng yêu và kính trọng thầy mình hơn. Qua những câu chuyện, tôi biết ngoài sư huynh Khoan Độ, tôi còn một đại sư huynh. Vị đó là một động vật. Vị sư huynh đó còn ở nơi rừng thẳm, hay đã hóa thân rồi, ai mà biết được. Vì tâm từ, đức Phật đã cảm hóa được con voi dữ say rượu. Đó là chuyện thời xưa. Còn thời nay, thầy của tôi cũng có thể cảm động được loài vật hung dữ. Chuyện tưởng như huyền thoại, nhưng mà là có thật. Tôi đã vào chùa, nhưng trong thâm tâm, tôi cứ cho rằng lòng từ bi ở cõi đời, ngày nay hầu như bị cạn kiệt. Bây giờ tôi biết sự hoài nghi đó không đúng. Thế ra, với tôi những ngày tu hành vẫn chưa đủ để xóa đi những cay đắng thù hận của mình.

Đối với tôi, một tâm hồn non nớt, hình ảnh người cha bị cắt cổ trong ngôi miếu giữa đồng thật quá sức ám ảnh. Hình ảnh ấy đeo bám, hằn sâu trong óc tôi mãi đến nỗi mấy năm ở chùa rồi, nó vẫn chưa chịu phai. Đến nỗi nó tạo ra một tinh thần hoài nghi. Tôi luôn cảnh giác hoài nghi sự thánh thiện ở con người. Khi chị em tôi đến chùa, con mắt của thầy Hải nhìn chị Nguyệt, là tôi hiểu ngay tình cảm của thầy. Sự hoài nghi làm người ta rất bén nhảy. Con mắt của sư bác Khoan Độ nhìn chị Nguyệt cũng rất lạ. Điều này tôi cũng nhận thấy. Đừng tưởng là tôi ngây dại. Tôi đã đem điều hoài nghi này hỏi thẳng thầy tôi. Sư phụ bảo:

- Thầy còn lo lắng gấp mười con. Sự thanh sạch của ngôi chùa là phải tuyệt đối. Người đã tu hành, dù một ý niệm không đúng dấy lên trong óc cũng không được phép. Nếu không chịu được giới luật thì trở lại đời thường. Không ai ép buộc tu hành. Nhưng đã đi tu thì sư phải ra sư.

Cho đến khi sư phụ tôi kể lại câu chuyện về đời sư Khoan Độ, thì tôi mới vỡ lẽ. Hóa ra chị vợ ăn mày của bác xưa kia, là chị Khoai rất giống với chị Nguyệt tôi. Theo như bác Độ nói: “Giống như hai giọt nước”. Cuộc đời bi thảm của chị Khoai. Rồi hai kiếp người xấu số ấy gặp nhau. Nỗi đau khổ sự biết ơn nhau đã tạo thành một mối tình lớn, đã làm cho sư Khoan Độ đã đi tu rồi vẫn không thể quên được hình bóng xưa. Cho nên, khi trông thấy chị Nguyệt tôi, sư bác bỗng bàng hoàng nhớ lại chuyện xưa. Tuy nhiên, cảm giác ấy chỉ xảy ra lúc ban đầu thôi.

Nghe sư cụ giải thích như vậy, mới đầu tôi còn ngờ ngợ. Về sau, lại được nghe câu chuyện về ngón tay út của sư Độ thì sự hoài nghi của tôi mới hoàn toàn tiêu tan. Như tôi đã kể, bàn tay trái của sư Độ bị cụt ngón út. Sư phụ tôi nói:

- Y thuật là một bể học rộng mênh mang. Những điều mà bà cụ nội và cụ thân sinh dạy cho ta chỉ là một góc nhỏ xíu trong bể học. Y thuật của ta không giỏi về ngoại thương. Khi tên cướp Thường Luồng mang Khoan Độ đến am của ta, Độ bị thương rất nặng. Một vết đâm giữa ngực. Ta đem hết

sở trường ra chữa cho Độ mà vết thương cũng chẳng lành. Ta nghe theo lời Độ vào rừng lấy lá đắp cũng không kết quả. Cuộc chữa trị kéo dài, sinh mạng Độ thì như ngọn đèn leo lét có thể tắt bất cứ lúc nào. Sư huynh con héo hon, chỉ còn da bọc xương. Ta vẫn kiên trì chữa trị. Vừa chữa vừa đọc kinh hàng ngày. Chính lúc cận kề cái chết như vậy, Khoan Độ như chợt bừng tỉnh. Độ xin ta giảng giải cho mình về những điều Phật dạy. Ta nghĩ: Con người sắp chết là con người khao khát chân lý nhất. Giờ phút sắp hóa thân chuyển sang thế giới khác là giờ phút con người cần sự hướng dẫn nhất. Trước khi bước qua cửa tử con người cần phải chuẩn bị một hành trang chu đáo như con người sắp sửa một chuyến đi xa. Con người cần được sám hối, cần được tha thứ những chuyện đã qua để thanh thản bước sang một chặng đường mới.

Giữa ta và sư huynh Khoan Độ của con lúc ấy là như thế này. Ta nói sư huynh con nghe. Hoặc sư giao cảm không diễn ra bằng lời nói, mà bằng sự tiếp xúc. Ta nắm chặt tay Khoan Độ. Ta im lặng, nhưng tâm từ bi của đức Phật chuyển qua bàn tay ta đến trái tim Khoan Độ để xoa dịu nỗi đau. Nghĩa là ta nói bằng Tâm và Độ cũng nghe bằng Tâm.

Bằng cách ấy, không ngờ ít lâu sau vết thương thuyên giảm tuy chưa khỏi hẳn. Cơ thể trong quá trình ốm đau gầy rộc đi. Đó là quá trình tiêu hủy. Cùng với sự tiêu hủy ấy, bao nhiêu cái độc địa tích tụ trong cơ thể từ xưa đến nay cũng tan chảy theo ra ngoài. Cuối cùng, con người như được thanh lọc, được mát mẻ trở lại. Như thế con người được tái sinh. Bản thân Khoan Độ cũng kinh ngạc về sự sống này. Bởi vì khi Độ bảo ta vào rừng hái lá, tức là Độ đã dùng tới phương thuốc bí truyền của cha mình. Khi dùng phương thuốc mà không có tác dụng thì vết thương không thể chữa được nữa. Vậy thì vết thương này khỏi không phải do thuốc chữa khỏi. Sư huynh Khoan Độ của con bỗng chốc hóa thành một người khác hẳn. Độ nhất quyết xin quy y. Khoan Độ trở thành một phật tử sùng tín ta chưa từng thấy. Nói như người xưa, sư huynh của con là “kẻ đồ tể buông dao trở thành Bồ tát”. Lúc ấy sư huynh con còn yếu lắm. Hầu như chẳng còn sức

lực làm một việc gì. Cứ vận động chân tay là thờ đốc. Một bạn Khoan Độ nói với ta:

- Thừa thầy. Thân xác của con nhờ có phép lạ của Phật nên còn sống. Con có duyên mới gặp được thầy. Con muốn sám hối những việc đã làm. Con xin có lời nguyện sẽ suốt đời đem tấm thân này để bảo vệ Phật pháp. Để chứng cho lời nguyện đó, con xin đốt một ngón tay để cúng Phật.

Nghe vậy, ta không tán thành. Khoan Độ vô cùng ốm yếu. Làm vậy, có thể nguy hiểm đến tính mạng. Khoan Độ liền khóc và nói rằng:

- Con đã nghĩ kỹ. Con phát nguyện xin đốt ngón tay cúng Phật. Dù có chết cũng không thể vì thế mà bỏ.

Cuối cùng, ta vô cùng xúc động trước lòng thành của Khoan Độ và phải bằng lòng. Ta vào rừng hái hoa, kiếm quả dại làm đồ tế trai. Rồi phải dạy sư huynh con bài kinh sám hối và biết các nghi lễ. Sáng sớm hôm ấy ta thắp hương dâng tiến hành lễ Phật, tụng kinh, gõ mõ. Sau khi tụng niệm, ta giúp Khoan Độ buộc giẻ vào ngón tay út bàn tay trái, tẩm dầu, rồi dùng Đệ Nhị Dược Vương đưa vào cột, trước điện thờ Phật. Sau khi châm lửa, sư huynh con nhắm mắt, và nhất tâm niệm Phật. Ta tụng kinh gõ mõ để gia hộ cho Khoan Độ. Thiêu một ngón tay cúng Phật đâu phải chuyện dễ dàng. Ngay cả các vị tu hành đã nhiều tuổi, họ có định lực kiên cường cũng khó làm việc này. Sư huynh con mới đầu cảm thấy đau nhức khủng khiếp. Chỉ một ngón tay cháy, nhưng cứ như toàn thân đang bốc lửa. Cái đau nhức như những mũi khoan xuyên vào tim, vào óc. Khoan Độ vẫn nhất tâm tụng niệm. Rồi dần dần sự an nhiên trở lại với Đệ Nhị Dược Vương. Cái đau đớn mỗi lúc một giảm đi như có phép lạ, để cuối cùng là sự nhẹ nhõm thanh thản. Ta nhìn Khoan Độ, lòng vô cùng khâm phục khi ngọn lửa tắt.

Một điều kỳ lạ nữa xảy ra. Lúc trước ta phải dùng Đệ Nhị Dược Vương mới đi được. Còn lúc này, sư huynh con bỗng tự mình đứng lên được, rồi một mình ra trước điện lễ Phật. Hình như bao tật bệnh đã tiêu tan hết. Ngọn lửa ngón

tay đã thiêu đi nốt những mệt mỏi, đau đớn cuối cùng rong người sư huynh con. – thầy tôi kể xong, kết luận – một người đã dám làm như vậy, đã quyết tâm nguyện suốt đời bảo vệ Phật pháp như vậy, ta hoàn toàn tin ở Khoan Độ.

Tôi cũng vậy. Sau câu chuyện ấy, tôi cũng hoàn toàn tin ở sư huynh. Và tôi cũng như xấu hổ vì sự hoài nghi của mình. Bởi vì một người chỉ nhìn thấy một người giống vợ mình mà đã dấy lên trong lòng sự thương xót người xưa phải là một người chân tình, trọng nghĩa.

Tuy nhiên, dù sao đi chăng nữa, sư phụ tôi cũng kén rể, cũng phải cưới chồng cho chị Nguyệt tôi. Sư phụ nhất quyết không cho chị tôi cắt tóc quy y. Phải chăng người nhìn thấy ở chị còn nhiều nghiệp chướng nên cần phải trả nợ xong với đời mới có thể giải thoát. Hay là do bởi chị Nguyệt tôi quá đẹp. Người đàn bà đẹp mà đi tu thì thật phí phạm. Người đàn bà là một vật quý hiếm. Tạo hóa sinh ra người đàn bà đẹp để dâng hiến tô điểm cho cuộc sống trần gian. Cớ sao lại giấu nó đi. Cớ sao một bông hoa lại phải đi ở ẩn. Hơn nữa, người đàn bà đẹp đi tu có thể gây họa cho chùa.

Và điều kỳ lạ hơn nữa là người thầy chọn cho chị tôi không phải một Phật tử thuần thành mà lại là một người luôn phản biện Phật giáo. Người đó là thầy giáo Hải.

Thầy giáo Hải hay đến chùa. Sư phụ tôi tiếp thầy trân trọng. Lần gặp nào sư phụ cũng mang trà ướp hoa ngâu, hoa sói, những thứ trà sư phụ tôi quý nhất, mà thầy giáo Hải cũng khen là ngon nhất. Và lần gặp nào, tôi cũng bắt buộc phải làm tiểu đồng hầu trà, để quạt lò để sai vặt. Cũng có thể sư phụ bắt tôi hầu trà để tôi được nghe chuyện, để được mở rộng kiến văn.

Thầy giáo Hải đến chùa, tôi chắc là để có dịp nhìn mặt chị Nguyệt tôi, nhưng cũng có lẽ là để được đàm đạo với sư phụ thôi. Gọi là đàm đạo, nhưng thực ra một người hỏi một người trả lời. Người hỏi là thầy giáo, đóng vai phản biện, đóng vai một người ngoại đạo hỏi một bậc cao tăng.

Thầy giáo Hải là người Tây học, đọc sách nhiều. Những vấn đề thầy hỏi do đó rất bất ngờ và thâm sâu. Trả lời cho mình bạch cũng là chuyện khó.

Ví dụ có bạn thầy Hải hỏi:

- Bạch sư cụ. Thiên Chúa giáo nói đến Thiên đàng. Phật giáo nói đến Niết bàn, miền cực lạc. Phải chăng các tôn giáo đều khuyên con người ta ráng tu hành ở kiếp này, rồi chờ cho đến sau khi chết, ta mới được hưởng thành quả của sự tu hành. Nghĩa là đi tìm một thế giới lý tưởng hảo huyền mà chả ai biết rõ nó thế nào. Nghĩa là đi tìm một thế giới bánh vẽ chỉ có trong tưởng tượng.

Đúng như trong câu hỏi của thầy giáo tôi, có ai đã sống ở Niết bàn bao giờ mà có thể mô tả, giải thích cho nó rõ ràng. Sư phụ tôi cũng không ngoại lệ. Cho nên người phải ngồi trầm ngâm, mấy lần nhấp chén trà. Cứ tưởng sư phụ tôi bí, phải khất câu trả lời. Nhưng không ngờ, sau một phút trầm ngâm, sư phụ tôi chậm rãi nói. Sư phụ không trả lời bằng lý thuyết mà bằng một câu chuyện:

- Ngày xưa, ở nước Nhật, có một chàng võ sĩ samurai. Anh ta là người đã lập được nhiều chiến công hiển hách. Lưỡi gươm của chàng samurai đã đâm chết nhiều kẻ thù lừng lẫy. Võ sĩ nổi tiếng và oai phong đến nỗi kẻ dân thường đứng trước mặt đầu không dám ngẩng nhìn và chân tay run rẩy. Khi đã lên tới tận đỉnh vinh quang, võ sĩ bỗng cảm thấy vinh quang cũng không lấp đầy được chỗ trống trong tâm hồn mình. Chàng võ sĩ luôn cảm thấy cô đơn. Bèn quay ra đọc sách. Đọc rất nhiều sách, cuối cùng đọc sang đạo Phật. Có rất nhiều điều không hiểu, chàng võ sĩ liền tìm đến một thiền sư nổi tiếng. Chàng võ sĩ lớn tiếng hỏi:

- Kính thưa đại trưởng lão. Tôi đã đọc nhiều sách Phật. Thế mà đến nay tôi vẫn không hiểu Địa ngục là gì, Niết bàn là gì. Sách giảng vô cùng rắc rối.

Chàng võ sĩ định ninh tin rằng mình là một võ sĩ uy danh chấn động; vị sư già còn cỡi kia được một võ sĩ công huân đến hỏi; chắc chắn đó là niềm vinh hạnh hiếm có; vậy tất nhiên ông già phải trả lời cặn kẽ và cung kính. Nhưng trái lại với sự suy đoán của chàng samurai, và cũng trái lại với thái độ sợ hãi vốn có của một người khi gặp võ sĩ, vị sư già trước mặt an vẫn điềm tĩnh bình thường. Không những thế, ông già còn lớn tiếng mắng chàng võ sĩ lừng danh bằng những lời lẽ khinh miệt mà chàng chưa bao giờ nghe:

- Hỡi kẻ võ biền lỗ mãng kia. Nhà ngươi là một kẻ suốt cả đời chỉ biết chém giết. Ngươi làm sao hiểu nổi những lời cao siêu về Đạo. Về đi! Hãy về đi! Ta nói chỉ phí lời. Đừng làm mất thời giờ của lão nạp.

Là võ sĩ nổi tiếng, anh ta coi thường sống chết, anh ta rất trọng danh dự, coi danh dự là điều cao nhất. Cho nên khi bị lăng nhục, anh ta điên cuồng nổi giận. Võ sĩ bèn rút kiếm, hét vang trời:

- Hỡi lão già hỗn xược. Người sẽ chết dưới lưỡi kiếm của ta vì những lời láo lếu.

Vị sư già liền chấp tay trước ngực, điềm nhiên nói:

- A di đà Phật. Xin thí chủ bình tĩnh. Chính lúc này thí chủ đang ở trong Địa ngục.

Chàng võ sĩ nghe vậy liền sững lại. Chỉ một thoáng suy nghĩ, chàng võ sĩ thông minh bỗng hiểu ngay thiền sư phỉ báng mình vậy chẳng qua là để giảng giải một cách sinh động thế nào là Địa ngục. Cách giảng giải thật đúng. Chàng võ sĩ kinh ngạc, vội tra gươm vào vỏ. Cơn cuồng nộ trong chàng vụt tan biến lập tức. Ông cúi mình cảm tạ lão thiền sư một cách rất cung kính:

- Bạch thầy. Chỉ một lời nói giản dị của thầy, con đã hoàn toàn đốn ngộ.

Vị sư già nghe vậy, một lần nữa lại chấp tay trước ngực và điềm nhiên nói:

- Lành thay! Lành thay! Chính lúc này, thí chủ đang ở cõi Niết bàn.

Câu chuyện thật thú vị, sinh động. Hóa ra Niết bàn và Địa ngục nằm ngay trong cuộc đời này. Một hành động từ bi, một giây chánh niệm, lập tức Niết bàn mở ra với ta. Còn trái lại, một phút giây sau. Ta lại sa hỏa ngục.

Thầy giáo Hải bảo sư cụ Vô Úy chính là một vị Bồ tát. Chị em tôi được cụ nhận một người làm con nuôi, một người là học trò, điều ấy là một hạnh ngộ. Làm con, làm học trò thì phải hiểu về cha mình, thầy mình. Có như vậy, lòng yêu kính càng thêm sâu sắc.

Tuy thầy giáo trọng sư cụ Vô Úy như vậy, nhưng điều ấy vẫn không ngăn được những câu hỏi, những thắc mắc của thầy. Chú tiểu đồng nhỏ là tôi vẫn thường được nghe những cuộc tham vấn giữa thầy giáo và sư phụ tôi. Những cuộc trò chuyện nhỏ nhẹ thôi, nhưng theo tôi nghĩ, thật phức tạp, tế nhị. không giống như cách nói trong các kinh, lục Phật giáo, ở đó, Phật pháp là một chân lý hiển nhiên, và ngôn ngữ chỉ là một sự gợi ý. ở đó, người ta nói nhiều bằng vô ngôn, lời viết ra chỉ là điểm gợi ý, một điểm kích thích để sự giác ngộ đột nhiên bùng nổ. Còn ở những cuộc nói chuyện này thì lại khác. Thầy Hải dùng ngôn ngữ lý sự, thứ ngôn ngữ đời thường của thời hiện đại, cứ tưởng như dễ dàng, mà lại vô cùng khó khăn.

Thầy giáo tôi hỏi:

- Bạch hòa thượng, con người có linh hồn không?

- Thầy giáo dùng chữ của Thiên Chúa giáo rồi. Tôi đã đọc nhiều kinh Phật. Song chưa bao giờ, tôi thấy đức Phật dùng chữ ấy.

- Bạch hòa thượng, theo con hiểu thì Phật giáo là một tôn giáo vô thần. Phật giáo không cho rằng có một vị thần tối cao nào quyết định số phận con người. Không có thần linh nào khen thưởng hoặc trừng phạt con người. Tất cả đều do nhân quả. Nhân thiện, thì quả thiện. Nhân không lành, thì quả không lành.

- A di đà Phật! Đúng vậy. Những tà niệm luôn luôn khởi trong ta. Thẳng chính bản thân ta là việc khó. Làm sao để vô niệm, đó là công phu của người hành đạo.

- Bạch thầy, đúng là con chưa nghe đạo Phật nói linh hồn bao giờ. Các học giả nói rằng đức Phật lánh tránh không nói những chuyện đó. Nhưng trong sâu thẳm Phật giáo không tin có linh hồn. Và như vậy nảy sinh một mâu thuẫn. Nếu không có linh hồn con người tái sinh như thế nào? Sao lại có thuyết luân hồi?

Sư phụ tôi lim dim đôi mắt:

- Nói thực với thầy giáo, tôi chưa bao giờ bàn luận đến những chuyện như thế này. Tôi chỉ được nghe rằng đức Phật bảo những chuyện như vậy, nếu ta sa vào, ta sẽ như người lạc lối trong rừng rậm, trong sa mạc, sẽ chẳng bao giờ tìm được lối ra. Chúng chỉ tạo ra những cuộc tranh biện nảy lửa không bao giờ dứt. Để rồi sinh ra bực bội, có khi thành hận thù. Con đường Phật giáo là con đường dẫn đến yên tĩnh tâm hồn, dẫn đến minh triết. Con đường ấy là hành đạo chứ không tìm ra được bằng tranh cãi xa vời.

Trong cuộc thảo luận hôm ấy, thầy giáo Hải của tôi không lúc nào ngừng một giọng nói say sưa. Cho đến lúc tranh biện xong mà thầy vẫn nói. Có lẽ lúc ấy thầy tâm sự, hay là thầy tự tranh biện với bản thân mình.

- Bạch hòa thượng, con không nhìn cuộc đời một cách bi quan. Bản thân con lại rất trân trọng Phật giáo. Nhưng khuynh hướng xa lánh trần thế

không phù hợp với con. Con thú thật, những gì đang xảy ra ở đất nước ta, làm con thật đau đớn, thật náo lòng. Thờ ơ được không? Và người Phật tử có thờ ơ không? Cái ý nghĩ Phật giáo là bi quan cứ lớn vồn trong đầu óc con, song con tự nhủ: hãy nhìn ra thế giới mà xem, nước Tàu nước Miến Điện rồi Thái Lan, Nhật Bản và cả dân ta nữa... một phần ba thế giới đi theo Phật giáo. Vậy, một tôn giáo bi quan liệu có đủ sức thu hút nhân loại thế không? Rồi còn biết bao nhiêu người thông minh tài trí nữa chứ. Họ cũng là những Phật tử. Như thế nghĩa là, ở đây còn rất nhiều điều tinh tế mà con chưa đủ sức khám phá. Con chưa hiểu hết, vậy thì con đâu có đủ thẩm quyền để đoán định những điều phức tạp, tế nhị có khi vô ngôn, ẩn tàng, mà bộ óc thô thiển của con người khi động chạm vào chỉ làm rối tung lên mà thôi... hay là tại con thiếu một đức tin. Mà đã là tôn giáo thì để hiểu nó, con người cần có đức tin, con người cần hiểu nó qua trái tim. ở đời, có những tiền đề mà người ta phải công nhận.

Đấy, thầy giáo Hải của tôi phát biểu thật chẳng mạch lạc chút nào. Một mớ câu hỏi, đối thoại, độc thoại. Công nhận. Phủ nhận. Nghi hoặc. Cả khiêm nhường lẫn kiêu ngạo. Sư cụ, thầy tôi nghe nhưng mặt không biến đổi. Tay cụ, trong lúc nói chuyện, không ngừng lần tràng hạt. Đợi cho thầy giáo Hải nói xong, cụ rót bát nước vối, mời khách uống xong, sư cụ mới cất giọng nhẹ nhàng:

- Thầy Hải ạ, trên đường đời, nhiều người cũng đã suy nghĩ như thế. Nhờ những ưu tư, con người đi tìm đường để thức tỉnh. Hòa thượng Vô Cháp, thầy của tôi bảo rằng: ‘Đức Thế Tôn, lúc còn tại thế, không hề muốn giải thích tất cả mọi điều trên thế gian này. Người chỉ dạy cho các đệ tử những điều mà họ có thể hiểu và làm theo được, để con người tìm được đường giải thoát. Thầy tôi bảo: có lần đức Phật cầm một nắm lá khô trong tay và hỏi Ananda, ngoài những chiếc lá khô trong tay ta, có còn những chiếc lá khô khác không?’ Ananda thưa: “Bạch Thế Tôn, này là mùa thu, lá rụng khắp nơi, không tài nào đếm xuể”. Phật Thích Ca gật đầu, rất hài lòng, nói: “Đúng vậy, ta đã trao cho các con một nắm chân lý như nắm lá khô

trong tay ta vậy, nhưng ngoài năm chân lý này còn muôn vàn những chân lý khác mà ta không đếm xuể...”.

Nghe câu nói ấy, thầy giáo Hải của tôi đứng ngay dậy. Ông chấp tay kính cẩn lễ bái hòa thượng rồi đi giật lùi ra cửa.

Đúng như thầy giáo Hải nói, ta muốn yêu thương ai thì ta cần hiểu rõ người. Càng hiểu rõ, ta càng yêu sâu sắc hơn. Điều này không đúng với lời hòa thượng dạy. Tâm từ của người Phật tử đều khắp cho chúng sinh. Tâm từ không phải tình duyên ái riêng biệt với người thân, tâm từ vượt lên tình huynh đệ, tình đồng chí, tình đồng bào, tình cha mẹ, vợ chồng. Nó không phân biệt thân sơ. Nhưng làm sao biết được. Tôi chỉ là một chú tiểu, một kẻ tập tu. Vậy thì sư quyến luyện đặc biệt với thầy mình chắc không phải là lầm lỗi. Chỉ biết rằng từ khi nghe thầy Hải nói chuyện với sư phụ, tôi thấy mình thương hòa thượng hơn, kính trọng hòa thượng hơn. Rồi những ngày ốm đau của thầy lại càng gắn chặt thêm tình cảm giữa hai người. Cảm giác tìm lại được người cha đến với tôi lúc nào chẳng hay.

Sư cụ lúc ấy khoảng chừng sáu mươi tuổi. Trông cụ như một lão nông. Cái đầu nhăn thin. Lông mày dài đã bạc. Cái mũi to. Đôi mắt hơi xuôi xuống hai gò má. Răng đen. Đôi môi dày lúc nào cũng như thoáng cười. Người gầy gò tưởng như rất yếu đuối.

Nhìn cụ tôi suốt ngày bồm bẻm nhai trầu, không ai có thể ngờ cụ thông thạo chữ Hán, chữ Quốc ngữ và ngay cả chữ Tây. Chừng một tháng sau, đôi chân sư cụ đã đỡ. Nhưng buổi chiều tôi thường dìu cụ ra ngồi ở thềm nhà tổ, trên một chiếc ghế thấp. Sư cụ dựa lưng vào tường để ngắm nhìn mấy bụi hoa sỏi, mấy cây hoa mộc và hàng cau trồng dọc theo lưng tòa thường điện. Tôi tưới hoa xong, đến ngồi dưới chân thầy. Chúng tôi im lặng ngắm nhìn đôi chim sẻ tha rác về làm tổ ở bẹ cau. Lũ chim sẻ thật lắm mồm. Một bầy bốn năm con ríu rít chẳng biết tranh nhau hay đang gọi nhau chui vào hốc trên bức tường rêu xanh rì. Sư cụ cứ ngắm mãi hàng cau, bầy chim và bức tường rêu đó. Chẳng biết tại sao, cụ bỗng hỏi tôi:

- Con có nhớ cái bận ta nói chuyện rất lâu với thầy giáo Hải không?

Tôi ngớ ra. Hầu chuyện thầy Hải nhiều lần lắm, làm sao tôi nhớ hết. Mà không nhớ, bởi vì những cuộc nói chuyện ấy thường quá tầm hiểu biết của tôi. Nhưng cuộc nói chuyện dài nhất ấy tôi nhớ. Bởi vì lần ấy thầy Hải rất xúc động. Thầy nói rất hùng hồn. Lúc thì lúng túng, lúc thì sang sảng. Linh hồn ư? Có thể đó là một vấn đề rất quan thiết mà lại rất khó. Tôi còn ngờ vực trí nhớ của mình. Tôi còn chưa thốt ra lời nào thì hòa thượng đã đọc ra ý nghĩ trong đầu tôi:

- Đúng đấy con ạ. Hôm ấy thầy giáo Hải nói về linh hồn. Đúng là trong kinh Phật không giảng giải hai chữ linh hồn. Nhưng theo ta thiền nghĩ là có linh hồn. Ông bà cha mẹ tổ tiên chúng ta vẫn nói thế. Mà bà nội của ta cũng nói thế...

Hòa thượng nói đến đây bỗng ngừng lại. Mắt ông già xa vời như đang hồi tưởng lạc về miền dĩ vãng. Đây là lần đầu tiên sư cụ nói với tôi về gia đình mình, quá khứ của mình. Giọng sư cụ trở nên ấm áp và buồn buồn.

- Lúc ta lên bảy thì em gái ta chùng lên ba. Lúc đẻ em bé mẹ ta băng huyết rồi chết. Ta còn nhỏ quá nên chẳng còn nhớ được khuôn mặt mẹ. Chỉ còn nhớ được đôi mắt mẹ rất to. Vài giọt nước mắt to bò lên trên má mẹ. Mẹ ta khóc vì lúc mẹ có mang em bé, thầy ta cũng bị bắt và bị đày ra đảo Côn Lôn. Thế là ta không có mẹ, suốt thời thơ ấu ở với bà nội. Ta còn bé nhưng đã biết suốt này công em cho bà đi làm đồng kiếm gạo. Vì chỉ bám lấy anh nên em quần ta lắm. Tên em là cái Choắt. Thiếu sữa mẹ, bé tí tí teo, nên bà gọi nó là Choắt. Choắt hay khóc. Chẳng ai dỗ được, nhưng anh Sinh bế là Choắt nín ngay. Lên ba tuổi thì Choắt ốm. Choắt bị bệnh nôn. Ăn gì cũng nôn ra. Choắt đã bé tí lại không ăn được gì nên chỉ năm ngày sau đã thoi thóp hấp hối. Ta phải ôm nó suốt ngày đêm. Hễ ta cứ buông ra là nó lại khóc. Nó bảo:

- Sinh ơi. Choắt rét lắm.

Rồi:

- Sinh ơi! Anh đừng nè, Choắt không nè đâu.

Choắt chết lúc nửa đêm. Lúc chết mắt Choắt cũng to giống đôi mắt mẹ. Và cũng có hai giọt nước mắt rất to. Ta nhớ khi ấy ta thương em mấy ngày liền cứ ngồi ở thềm nhà mà khóc. Ai dỗ cũng không nguôi được. Bà nội tối nào cũng ngồi cùng với ta ở thềm nhà. Ta hỏi:

- Người chết xong đi đâu hở bà?

- Người chết nhưng hồn vẫn còn – Bà nói – Hồn người chết vẫn nhớ thương người sống nên vẫn lẩn quất bay quanh nhà.

- Con chẳng trông thấy hồn em Choắt.

- Con cứ nhắm mắt lại và cầu khẩn, chắc hồn sẽ hiện về.

- Có thật không hở bà?

- Thật chứ! Nào con nhắm mắt lại đi.

Ta nhắm mắt lại và lẩm nhẩm trong lòng. Ta bảo “Em Choắt ơi! Anh thương em lắm. Em có nhớ anh thì hồn hiện về đi”. Ta bỗng choàng mở mắt vì bà nội bỗng gào thét reo lên: “Kìa nó đã về rồi”. Bà nội giơ tay chỉ vào ngọn cau. “Choắt đang vẫy gọi anh Sinh kìa”. Quả thật có một sự lạ hiện hình. Tối mùa hè oi ả. Không một ngọn gió. Cây nhãn đứng im. Bụi tre không lắc lư cót két. Ba cây cau trước nhà thì hai cây thẳng đơ im phăng phắc. Chỉ có cây cau đứng giữa là đung đưa, rồi những tàu cau rung lên bần bật như múa, như gọi, như vẫy tay. Đúng rồi. Đúng là em gái đang gọi tôi rồi. Tôi òa lên nước mắt: “Em Choắt ơi!”. Bà nội tôi vỗ vào vai tôi:

- Con khóc nhưng đừng khóc nhiều quá. Hồn em con hiện vào cây cau để chào con đấy. Nhưng hồn bé bỏng thường được đầu thai sang kiếp khác

ngay. Bởi vì các em bé chưa gây nghiệp chướng. Nếu con khóc nhiều quá sẽ làm hồn quyến luyến, sẽ làm hồn lơ buối đầu thai. Hãy khóc nốt chỗ nước mắt ấy thôi nhé. Xong rồi bà cháu ta vào tụng kinh để cho hồn em Choắt nhẹ nhõm ra đi...

Tôi cần phải kể nốt đoạn cuối buổi đàm đạo giữa thầy giao Hải và sư phụ tôi chứ, bởi vì nó có đoạn cuối. Và chính đoạn cuối này, tôi cứ nhớ mãi. Có lẽ gọi buổi ấy là tham vấn thì đúng hơn. Gọi thế vì cuối cùng thầy Hải nói:

- Con là kẻ đọc sách. Những lời con hỏi cụ chẳng qua là những lời người ta đã nói trong sách vở. Mà con cũng đã đọc được ở đâu đấy rằng: “Tu đạo mà sách vở quá nhiều, chấp trước vào sách vở quá mắc thì càng lúc càng xa đạo”. Thực ra con yêu thích đạo Phật. Con muốn trở thành Phật tử.

- Tại sao thầy giáo nhiều bản khoán thế lại muốn thành Phật tử?

- Đầu tiên, bởi vì đạo Phật dạy người ta lòng từ bi. Không có từ bi, thế gian này sẽ rơi vào mê muội. Rồi lại dạy con người phải dựa vào chính mình. Ta luôn phải tìm Phật trong bản thân ta. Thế gian ngày nay rất cần đến cái tâm cao thượng. Có được cái vô ngã, cái từ bi hỉ xả của đức Phật thì mới mong thế gian được an lành. Phật giáo là một lối sống. Lối sống tốt đẹp lành mạnh nhất mà con được biết.

- Lành thay! Lành thay! Thầy giáo hướng đến những điều như vậy đã là kẻ tu hành.

Sư phụ tôi ra trước bàn thờ Phật gõ mõ, thỉnh chuông. Thầy giáo Hải cúi xuống lễ bái.

ĐỘI GẠO LÊN CHÙA

Nguyễn Xuân Khánh

www.dtv-ebook.com

Chương XV

Cô Nguyệt, như ta đã biết, là một cô gái xinh đẹp. Giá như chỉ đẹp thường thường thì cũng chẳng sao. Đẳng này sắc đẹp ấy lại khá đặc biệt. Người con gái đẹp là nhờ mớ tóc, con mắt, làn da và vóc dáng. Chẳng biết may hay rủi, tất cả bốn điều đó Nguyệt đều có. Tóc thì mượt mà đen láy. Mắt thì thăm thẳm sáng dịu dàng, da thì ngà ngọc mịn màng lúc nào cũng như thoa phấn. Vóc dáng thì dong dỏng cân đối. Nhìn cô ta thấy tràn dâng nhựa sống. Nếu như ở vào hoàn cảnh thuận lợi, sự tụ hội những thứ mỹ miều ấy vào một cô gái, sẽ hứa hẹn cho cô một tương lai sáng sủa. Nhưng số phận như muốn trêu ngươi; cái tinh túy trời đất lại tụ hội cả vào một cô gái đang trong cơn hoạn nạn, phải ăn mày cửa Phật, trong khi đó đất nước thì chao đảo trong máu lửa điêu linh.

Lúc Nguyệt mới đến chùa, sự sợ hãi, cái lam lũ, đói khát đã che lấp tất cả. Nhưng sau đó, sự ổn định, no đủ và nhất là sự bùng phát của tuổi dậy thì đã làm cho cái đẹp của cô càng ngày càng hiển lộ rõ rệt. Hòa thượng Vô úy, ngay hôm đầu tiên đã

nhận ra cái đẹp của cô gái này. Cho nên, dù Nguyệt cứ một mực xin cụ cho được thí phát, cụ cũng chưa bằng lòng. Đối với đạo Phật, con đường đi là dẫn tới cái đẹp vĩnh hằng tối thượng của tâm linh. Cái đẹp bề ngoài thuộc về trần thế. Người trần gian bị nó mê hoặc, hấp dẫn xô nhau tìm đến. Nó là vật hiếm trên đời nên nó cũng rất mong manh, nhất là trong thời loạn lạc. Một bận, Nguyệt đi chợ Sọ. Có ông già bán thuốc ê người Tàu từ Lạng Sơn xuống. Ngoài bán thuốc, ông già còn xem tướng, xem bói. Trông thấy Nguyệt đi qua trước mặt, ông già gọi vào:

- Để ngộ xem cho cái tử vi lỗi. Ngộ xem không lấy tiền đâu. Cái nị có quý tướng lỗi. Nhưng mà khổ lỗi.

Ông già nói lú lo như chim hót, nhưng mà Nguyệt nghe cũng hiểu. Không hiểu ông già nói có đúng không, chứ ông ta bảo nhìn rõ cả kiếp trước của cô. Ông già thuốc ê bảo kiếp trước Nguyệt là đàn ông, một nho sinh mặt trắng môi son. Nhà nghèo rất mỏng tờ, được một người đàn bà tướng mạo dữ tợn nuôi cho ăn học. Về sau chàng nho sinh thi đỗ. Chàng làm quan, được một nhà giàu quyền thế gả con gái cho. Người vợ xấu xí hận người phụ bạc đâm đầu xuống sông tự vẫn. Vậy duyên nghiệp của cô còn nặng ở kiếp này. Người vợ kiếp trước sẽ theo cô đến tận kiếp này, không cắt tiền duyên, ông già thuốc ê còn biết kiếp này cô định đi tu nhưng không được. Ông già còn giở một quyển sách bằng giấy bản, chỉ cho Nguyệt xem hình vẽ một người đàn bà cao to dữ tợn bụng mang dạ chứa nét mặt hầm hầm tức giận. Ông già bảo:

- Cô ta đấy. Kiếp này cô ta là đàn ông. Cả đứa con trong bụng cô ta cũng sang kiếp này đòi nợ. Kiếp trước, để nuôi chàng nho sĩ, cô gái xấu xí kia làm nghề giết lợn. Cho nên sang kiếp này, cô ta vẫn không được hưởng phúc. Lại vẫn là con người có tướng mạo dữ tợn xấu xí.

Chẳng hiểu sư cụ Vô úy xem tướng mạo có biết được tiền kiếp của Nguyệt như ông già bán thuốc ê không, nhưng dù Nguyệt năn nỉ thế nào, sư cụ cũng không bằng lòng cho cô xuất gia. Phải chăng sư cụ cũng đã nhìn thấy một điều gì trong tương lai của Nguyệt. Phải chăng muốn hiểu được câu hỏi đó, ta phải quay về thời xa xưa, lúc đức Phật hãy còn tại thế. Ở thời nguyên thủy, lúc đầu các đệ tử của đức Phật toàn là người nam. Có rất nhiều người nữ cũng muốn xuất gia, nhưng dù họ cầu xin thế nào, đức Phật cũng không bằng lòng. Các đại đệ tử cũng năm lần bảy lượt cầu xin điều đó mà không được. Cuối cùng, chỉ còn thị giả Ananda, người đệ tử gần gũi đức Phật nhất cầu xin điều đó, lần cuối cùng Phật mới bằng lòng. Tại sao

vậy? Đức Phật không giải thích. Tuy nhiên kinh sách có ghi lại cuộc nói chuyện giữa Anandà và đức Phật về chuyện ấy:

- Bạch đức Thế Tôn - Anandà hỏi - Chúng con phải đối xử với người nữ như thế nào?

- Nay Anandà, hãy coi như con không trông thấy.

- Bạch đức Thế Tôn, nhưng đã trông thấy rồi thì chúng con phải làm thế nào?

- Nay Anandà, hãy không nói chuyện.

- Nhưng nếu người ta hỏi, chúng con phải làm thế nào?

- Nay Anandà, khi ấy cần phải đề phòng. Hãy giữ vững chánh niệm.

Nghĩa là đến cả đức Phật cũng đề phòng cái sức hút ghê gớm của người phụ nữ. Chính bản thân cô Nguyệt cũng cảm nhận được cái chất đàn bà ma mị của mình ở ngôi chùa, cho nên cô cố gắng che đậy giấu giếm nó đi. Nguyệt, bằng mọi cách, tự làm cho mình xấu đi. Cô xin những chiếc áo rách, vá đụp để mặc. Khốn nỗi, Nguyệt lại khéo tay. Cho nên, những chiếc áo rách được cô sửa chữa, lại vừa khít thân hình cô. Khi Nguyệt đã xỏ tay vào, thì dù chiếc áo bạc phếch đầy mụn vá cũng đột nhiên trở nên duyên dáng lạ thường. Có khi, người ta nghĩ, những mụn vá ấy còn là những nét tô điểm. Nào ai có hay, khi người ta trẻ và đẹp, thì mọi thứ khác trên người đều được tuổi trẻ và sự duyên dáng trời cho thổi hồn thổi vía vào đó, biến chúng trở thành lung linh kỳ diệu. Cả đến điều này, cô Nguyệt cũng nhận ra. Cho nên, sau đó, Nguyệt lại bỏ tất cả những thứ đó đi. Lần này, cô tìm trong chiếc hòm quần áo cũ của sư phụ, tìm những chiếc áo cũ nhất, rách nhất. Chỉ cần giặt đi, và vá vúi, chứ không sửa chữa, rồi cứ để nguyên những chiếc áo bạc phếch và rộng thùng thình đó mà mặc. Cô mong cái sự rộng thùng thình ấy sẽ xóa đi những đường cong mỹ miều mà trời đất đã ban tặng riêng cho cô. Rồi lại còn thêm chiếc khăn vuông nâu lem luốc

nữa. Chiếc khăn xấu xí lúc nào cũng trùm trùm trên đầu Nguyệt. Nó là tấm tàng hình để giấu biệt cái cổ kiêu ba ngấn, làn da ngó cần, con mắt long lanh và mớ tóc mây đen láy.

Cô Nguyệt hành xử như vậy làm cho sư cụ cũng được yên tâm. Còn sư bác Khoan Độ, khi cô Nguyệt đến chùa, đã có những biểu hiện sững sờ ngạc nhiên, bởi vì Nguyệt giống cô Khoai, người vợ đáng thương của bác ngày xưa. Việc ấy, Khoan Độ đã thổ lộ cùng sư phụ. Thực ra Độ cũng không hề có chút tà niệm trong đầu. Khoan Độ đã đốt ngón tay cúng Phật. Chuyện đó không hề có chút nào giả dối. Đó là niềm tin thành thật của ông. Khoan Độ là một Phật tử xuất thân từ chốn dân gian, hơn nữa lại là người hảo hán giang hồ. Những người như Độ, chữ tín nghĩa đặt lên trên hết. Ông đã thề làm người bảo hộ Phật pháp thì đầu rơi máu chảy cũng không thể sai. Ông nói với cụ Vô úy:

- Không những con không cho tà niệm dấy lên trong đầu óc, mà con còn có nhiệm vụ bảo vệ cho cô Nguyệt. Cô Nguyệt là con nuôi sư cụ. Tức thị cô ấy là con cái nhà chùa. Con thề nguyện bảo vệ nhà chùa. Tức thị con sẽ bảo vệ cô Nguyệt, cũng như những gì liên quan đến cô ta.

Khi sư cụ kén rể, chọn thầy giáo Hải cho Nguyệt, sư Khoan Độ ôm lấy thầy giáo và bảo:

- Từ bây giờ thầy giáo cũng là em tôi. Tôi cũng nguyện bảo vệ cả thầy giáo nữa.

Nhìn Độ ôm thầy giáo Hải, sư cụ Vô úy tươi sắc mặt. Vị sư già lấy làm hài lòng.

Sáng sớm hôm ấy, khi quân Mật cho lính đến chùa vây ráp, định bắt sư cụ, chú tiểu An theo đúng kế hoạch, liền thả chó ra, rồi chùng chình mãi không ra mở cửa. Bọn lính bảo hoàng đập rầm rầm vào cánh cửa lim ngoài tam quan. Song chiếc cửa được cài đóng ngang lại chốt cẩn thận, nên cánh

cồng vững như công thành, đập thế nào cũng không bị bung. Đến lúc công mở, thì con chó to như con bê lại xồ ra, vừa sủa vừa cản đường. Quản Mật tóm lấy chú tiểu An ngay khi cánh cổng hé ra. Quản Mật liền ra oai dang tay tát thật lực vào má chú tiểu An. Rồi hắt lại bắn súng lục thị uy, lúc bấy giờ con chó mới chịu lùi về chiến tuyến thứ hai, tức là lối vào sân trong, lối vào nhà tổ năm sau tòa thượng điện.

Trong suốt quãng thời gian dài ấy, sư cụ bảo sư Khoan Độ và Nguyệt:

- Tình hình này ta xem lành ít dữ nhiều. Sư thúc các con đã báo trước với ta, quân Pháp đang chú ý tới ngôi chùa Sọ. Chúng cho rằng đây là nơi trú ẩn của kháng chiến. Các con hãy đi thật xa. Bao giờ yên hãy trở về. Hãy tìm đến nhà cô Năm ngoài khu du kích. Thầy Độ, ta giao Nguyệt, con gái nuôi của ta cho con. Nó là em gái con. Hãy bảo vệ cho nó.

Nguyệt có nỗi ám ảnh, kinh hãi về cuộc Tây càn năm xưa ở chân núi Thần Lăn, lúc cha mẹ cô bị chết. Cô gái run rẩy, hồn vía lên mây. Giá như không có sư Khoan Độ, chắc cô sẽ chẳng biết làm gì lúc ấy. Khoan Độ vội dắt Nguyệt ra vườn chùa rồi chui qua chiếc trổ tre ra nghĩa địa. Ông lắng nghe tiếng chó sủa rộ trong chùa, sau lưng. Ông quyết định băng qua đồng ra bờ con sông Đào rồi tìm đường ra khu du kích.

Trong bóng tối lơ mờ của buổi rạng đông, một bóng người thoáng hiện. Cả hai bên đều lùi lại tìm chỗ ẩn nấp. Nguyệt bỗng ngỡ ngợ vì cái bóng rất quen thuộc. Cô hồn nhiên lên tiếng hỏi khẽ:

- Anh Hải đấy phải không?

Thầy thông ngôn nhận ra giọng Nguyệt, liền tiến lại:

- Tôi đoán có người sẽ trốn ra đây nên chờ ở chỗ này. Định ra sông Đào ư? Không được đâu. Lối ấy chúng nó đã chặn. Chúng đón lõng người qua sông đến khu du kích.

- Thế thì chạy đâu bây giờ? - Nguyệt hỏi.

- Chỉ có cách chạy vào khu rừng Cò. Chờ đến tối mai. - Hải bảo.

- Vào rừng Cò ư? Đó là rừng của nhà quản Mật.

Nguyệt còn chần chừ, nhưng Hải đã nắm tay Nguyệt kéo đi và nói: “Mau lên, kéo không kịp”. Đến rừng Cò, Hải dừng chân về mặt phân vân nhìn hai người.

- Sao thế? - Sư Khoan Độ hỏi. - Thông ngôn Hải lưỡng lự một lát rồi đành thú thật.

- Tôi chỉ biết một chiếc hầm bí mật trong rừng Cò. Mà lúc này lại có hai người. Làm thế nào bây giờ. Trời sắp sáng mất rồi.

Sư Khoan Độ nhìn quanh rồi nói:

- Cái chính là cô Nguyệt có chỗ trú ẩn. Riêng tôi thì chả lo. Tôi đã có cách. Các vị cứ yên tâm. - Dù thế nào, Hải cũng không thể yên tâm được. Anh còn có chút chần chừ. Khoan Độ lúc bấy giờ mới mỉm cười nói nhỏ vào tai Hải:

- Thầy chắc chưa biết. Ngày xưa, tôi đã làm tướng cướp. Để gì bắt được Độ này. Thôi, thầy mau đưa cô ấy đi trốn. Hai người nhớ nhé. Lần này xa nhau chắc còn lâu mới gặp. Cứ yên trí. Tôi ở ngoài này bảo vệ cho hai người. Nhớ nhé. Đến tối mai tôi đợi cô Nguyệt ở chỗ này.

Lần đầu tiên thầy giáo Hải nắm tay Nguyệt lâu như thế này. Cũng lần đầu họ đi trong bóng tối những lùm cây. Và cũng đến lúc này, Nguyệt mới biết tại sao thầy Hải lại lên bốt Huyện làm việc cho quân Pháp. Thật không ngờ. Cứ tưởng anh ta chỉ biết đi dạy học. Lại cứ tưởng anh ta là người yếu đuối, không biết phải trái, nhắm mắt với số phận.

- Đây rồi - Hải lần mò trong bóng tối dẫn Nguyệt đi bỗng dừng chân. - Đây là hầm bí mật chỉ riêng anh và một người nữa biết. Em là người thứ ba. Em ra ngoài ấy, tìm đến nhà anh Trần. Chỗ ấy là xóm Trúc. Đồi đom đóm nhớ chưa? Tối mai anh không đến đây đâu. Dặn sư Khoan Độ đi ở quãng cây gạo già, chỗ ấy sông rộng nhưng an toàn. Chỗ cũ hẹp hơn nhưng chúng hay phục kích...

Trước khi nói, Hải đã giật chiếc khăn vuông của Nguyệt ra. Anh thào thì vào tai cô, hơi thở phả vào má cô nóng hổi. Và đây cũng là lần đầu. Anh ôm chặt lấy cô, và môi anh hôn vào chiếc cổ trắng như ngó cần. Cô giơ thẳng hai tay lên đầu rồi tụt xuống cái hố. Hải đập nắp lại. Lúc này Nguyệt chỉ có một mình đối diện với bóng tối đen kịt.

Ở ngoài bìa khu rừng tre, Khoan Độ ngồi sau một bụi sim. Bỗng nhiên, sư bác trông thấy một bóng người. Cái bóng lúi húi nhìn trên mặt đất. Lúc này bầu trời sáng hơn, cho phép sư bác nhận ra đó là một tên lính. Khoan Độ giật mình. Có lẽ hắn đã nhìn thấy những vạt cỏ đẫm sương đêm đã bị chân người đạp lên để lại dấu vết. Người lính này thuộc đám lính của quân Mật khám xét trong chùa. Hắn ra vườn chùa bất ngờ tìm ra cái trống chó chui. Hắn đã theo lỗ hổng đó lần ra dấu vết ở bãi tha ma, rồi dẫn vào vườn Cò. Hình như người lính này khá tinh ma. Hắn lặng lẽ lần mò để lập công. Vì vậy hắn chỉ một mình đơn độc điều tra. Có lẽ hắn nghĩ rằng khám xét khu rừng Cò rộng lớn vào ban đêm là việc cực khó. Vì vậy phải chờ đến lúc rạng sáng. Và để tránh đánh động đối phương, tránh mạo hiểm vào sâu không cần thiết, hắn cũng chọn một bụi rậm ở bìa rừng để quan sát động tĩnh bên trong.

Sư Độ nấp trong bụi sim nhìn cái bóng đen và suy nghĩ như vậy. Không biết hắn đến tự lúc nào và đã biết có hai người đi vào rừng Cò chưa. Giá như hắn xuất hiện rồi biến đi ngay thì chả sao. Sư Độ có thể cho qua vì đó là ngẫu nhiên. Đàng này, cái bóng đen lại cố thủ sau bụi rậm. Như vậy là hắn đã nghi. Và sáng mai nhất định sẽ có vây lùng trong rừng Cò.

Tuy nhiên, hắn rất bất lợi vì hắn không thấy Độ mà Độ lại thấy hắn. Khoan Độ ngẫm nghĩ toan tính. Làm thế nào bây giờ? Đã lâu lắm ta không động thủ. Nhưng liệu có thể để cho sáng mai một bầy sói lang dàn quân ra tay cầm thuẫn đi vào rừng được không? Liệu có thể để cho Nguyệt gặp hiểm nguy được không. Mà đâu chỉ có mình cô ấy. Còn thầy giáo Hải nữa chứ. Hơn nữa, đằng sau thầy còn bao nhiêu người khác. Mà nhà người có biết thầy Hải đang làm gì không? Ta đã thề nguyện làm vị hộ pháp cho ngôi chùa Sọ. Lại còn sư cụ của ta nữa chứ. Lại còn chú tiểu An nữa chứ. Lại còn cái bóng dáng của vợ ta đang hiện hình trên người cô gái nữa chứ. Vậy thì có thể để cho hai người trong rừng gặp nguy hiểm được không?

Khoan Độ tự đối thoại với mình như vậy và đi đến quyết định. Chờ một đám mây đen che khuất làm cho bầu trời tối sầm lại. Độ bò ra khỏi chỗ nấp tiến đến vị trí của kẻ địch. Và không đợi cho đám mây đen trôi qua, lợi dụng bóng tối, Khoan Độ nhảy chồm vào địch thủ mà hắn không hề hay biết, chồm vào rất chính xác, mười ngón tay tóm ngay lấy cái cổ của người lính bảo hoàng. Đã lâu ngày không dụng võ, nhưng Khoan Độ là một cao thủ nên bản năng rất tinh nhạy. Không nhìn rõ đối thủ, Khoan Độ thật không thể ngờ kẻ địch lại là một gã to con; cái cần cổ của hắn ngắn, to bự lại lắm mỡ trơn nhẫy. Vì vậy nên tên địch hất mạnh một cái, bàn tay trái của Độ đã bị bật ra. Nhưng bàn tay phải của Độ tóm lấy cổ họng của hắn thì không chịu rời. Đó là thế võ hiểm chỉ dùng trong quyết đấu sinh tử, bất đắc dĩ Độ mới đem ra dùng. Độ không muốn giết người, nhưng nếu lúc này kẻ địch mà gãy giữa, thoát khỏi, rồi kêu toáng lên cầu cứu bọn lính trong chùa thì hỏng bét. Miếng võ này cũng có nhược điểm là hai tay kẻ địch được tự do. Kẻ địch sẽ có hai cách phản ứng: hoặc là đưa tay lên gỡ cổ, hoặc là, nếu tay hắn cầm dao găm hắn sẽ đâm thẳng vào bụng kẻ bóp cổ. Một miếng võ cực kỳ mạo hiểm vì không biết trong tay địch có gì. May thay thằng địch lại cầm súng trường, một vũ khí bất lợi khi hai người đang ôm lấy nhau. Người lính này khá thiện chiến. Hắn rời ngay cây súng và quai bàn tay xuống háng Độ định bóp dái ông sư. Là người thiện chiến, lẽ nào Độ chịu sơ hở để lộ điểm yếu đàn ông của mình cho địch nắm lấy. Hai

bên ở thế một mất một còn. Địch thủ chắc cũng là một võ sĩ có hạng. Không biết bằng cách nào hắn đã móc được những ngón tay vào xương đòn của Độ. Hắn định bẻ cho gãy. Vừa bẻ vừa móc. Hắn còn định làm thủng làn da cổ để thọc sâu những ngón tay vào phổi. Không xong rồi. Khoan Độ phải nín hơi vận khí vừa tự bảo vệ vùng cổ, vừa dồn hết sức mạnh vào hai bàn tay. Lúc này hai tay Độ một nắm lấy hàm, một nắm lấy đầu đối thủ. Độ ra sức vận. Lúc này, cổ Độ cũng đau nhói, nhưng địch thủ phải cố sức chống lại miếng võ bẻ cổ nên những ngón tay bám lấy xương đòn của hắn dần dần rời ra. Chỉ chờ có thế. Hai bàn tay sắt của sư bác thừa cơ địch chưa kịp gỡ đã dồn hết sức. Cuối cùng đánh rắc một cái. Độ còn nhấn thêm một lần nữa để toàn thân tên lính run lên bần bật trước khi mềm nhũn.

Khi đội Hải ở trong rừng đi ra thì mọi việc đã xong xuôi. Khoan Độ ra hiệu cho Hải đi vào chùa. Còn sư bác đã cõng cái xác trên lưng chạy vào trong xóm.

Không một giọt máu, cái xác được đặt ngời, dựa lưng vào cánh cổng lim nhà bố quản Mật. Cái xác ngời đầy mặt xỉ ra, đầu ngoẹo sang bên, hai chân thẳng dẳng, hai tay buông xuôi thông thuật, tóc rối bù, mắt trợn ngược. Khoan Độ muốn sáng mai về thăm ông chánh, quản Mật sẽ được tận mắt nhìn thấy.

Làm xong mọi việc, Độ lần ra đầm sen cuối làng, tay cầm một ống sậy. Ngày mai, Độ sẽ lần trong đám lá sen. Nếu giặc càn, nhà sư sẽ ngậm ống sậy lặn xuống nước. Bằng cách ấy ông có thể lặn sâu dưới nước hàng tiếng đồng hồ.

Trong lúc ấy, ở vườn Cò, cô Nguyệt chui trong lòng đất, dưới bụi tre. Từ hôm xưa khi đẩy cửa ngôi miếu hoang giữa đồng, và trong cái mù mờ nhìn thấy cha mẹ mình ngời dựa lưng vào cột, đầu ngoẹo sang bên, mắt trợn trừng trong vũng máu, cô Nguyệt đâm ra sợ bóng tối. Sau đó, cô hay mơ thấy ác mộng. Rồi nhờ tiếng mõ từ bi đêm nào cũng vang lên đến tận khuya xua đuổi những tà khí, xua đuổi những tà thần, nên dần dần Nguyệt

tĩnh trí lại. Cảnh Bụt tĩnh lặng làm nguôi khổ đau. Những ác mộng thưa dần, cuối cùng dứt hẳn.

Nhưng đêm nay, cuộc chạy trốn khỏi chùa bỗng làm thức dậy cuộc chạy lầy càn năm trước. Những hồi ức ào ạt quay về. Bóng tối của chiếc hầm bí mật làm nhớ lại cái mù mờ tranh tối tranh sáng của ngôi miếu hoang.

Khi thầy giáo Hải dậy nắp hầm, Nguyệt đột ngột bị nhấn chìm trong đen kịt. Nguyệt nghe rõ tiếng tim mình đập thình thịch. Và đột nhiên chân tay lạnh toát, mồ hôi vã ra. Tiếng chân Hải xa dần. Cuối cùng lặng tanh. Chợt nghĩ tới trong khu rừng tre chẳng có ai, và chỉ độc nhất có mình đang tự chôn mình trong lòng đất, Nguyệt cảm thấy cô đơn vô cùng tận, và nó chuyển thành nỗi sợ hãi đến tuyệt vọng. Vì đã sống ở chùa, nên một phản xạ tự động đến ngay, Nguyệt lầm nhẩm đọc: Nam mô Quán Thế Âm Bồ tát. Cô cầu cứu đến đức Phật bà nghìn mắt nghìn tay, cầu cứu vị Bồ tát luôn nghe được tiếng than vãn đau đớn của những sinh linh nhỏ bé ở cõi trần và luôn sẵn lòng giơ tay cứu vớt. Nguyệt cứ đọc mãi, đọc không thành tiếng và đọc ở trong lòng. Có thể cô đã đọc một ngàn lần hoặc vài ba ngàn lần rồi cũng nên. Kỳ diệu thay: Dần dần lòng cô tĩnh lặng trở lại. Sự bình tĩnh đã trở về, nó đem lại sự can đảm chịu đựng. Khi cô ngừng tụng niệm, Nguyệt chợt nghe thấy một tiếng động. Không phải tiếng động mà là một tiếng kêu, cũng có thể đó là tiếng hát. Tiếng hát ấy ngay ở phía trên đầu, tiếng của một con dế. Con dế nào đó đã khéo làm tổ ở dưới bụi cỏ, trong tảng đất nắp hầm. Con dế gáy ri ri con dế hát ri ri. Cũng có thể con dế gáy như con gà báo sáng cũng nên. Nguyệt cảm nhận tiếng nó gáy vui vui. Cũng có thể nó là một sứ giả của Bồ tát gửi đến để làm bạn với cô trong lúc cô đơn này chẳng? Nghĩ như vậy tức là Nguyệt lầm cẩm ngậy ngô, một thứ suy nghĩ trong lúc quần chẳng? Chẳng phải! Bởi vì con dế đã gọi Nguyệt thức tỉnh lại. Mà chính là con dế đã gáy báo sáng. Nguyệt thấy một vật sáng lờ mờ ở trong hầm. Sáng rồi! Sáng rồi! Ánh sáng từ cái ống tre thông hơi, ở một bụi rậm trên mặt đất tỏa xuống. Nó lờ mờ nhưng vẫn là một luồng sáng. Nó

đem theo cái tinh khiết của sớm mai, đem theo cả mùi cỏ, mùi lúa chui vào. Nguyệt ngửa mặt gần lỗ thông hơi để đón nhận cái mùi đồng quê quen thuộc, ở này, nó đem theo cả tiếng chim. Nguyệt phân biệt những tiếng hót. Tiếng lũ chào mào lạnh lót, tiếng đôi chích chòe gọi nhau thiết tha, nghe thấy cả những tiếng cò xôn xao, ríu rít. Chắc là cò mẹ đã ra đồng rồi quay trở về sớm cho lũ cò con. Cái giống chim này sao mà chăm chỉ thế.

Cuộc vây khảm chùa đêm ấy xảy ra bất thành hình, cho nên Nguyệt xuống hầm không đem theo thức ăn. Nghe tiếng dế, tiếng chim mái, cuối cùng cô chợt cảm thấy đói. Cả một đêm dài, sự mệt nhọc, nỗi lo lắng sợ hãi làm người ta quên cái đói. Nhưng bây giờ, khi đã trú ẩn yên ổn, thì cái đói cộng với cái mệt, xúm lại hành hạ cô. Quái quỷ thật! Có bao giờ mình thấy đói như hôm nay. Ruột gan như xoắn lại. Cô phải khom người, hai tay bóp bụng, đầu gục xuống hai đầu gối, rồi ép sát đầu gối vào ngực để co người lại, làm nhỏ người lại một lúc lâu, cái đói mới dịu đi.

Sự im lặng bất động để chống chọi với đói và sự mệt mỏi dần dần làm cô xỉu đi, kéo cô vào giấc ngủ lúc nào chẳng hay.

Cả một đêm dài vật lộn. Cả một đêm dài xúc động. Sự lo lắng và sợ hãi, cả những phút ngạc nhiên, hân hoan khi biết thầy giáo Hải, vị hôn phu của mình không phải là kẻ đi theo địch, mà trái lại, lại là người của ta, bí mật hoạt động ngay trong hàng ngũ của Pháp, tất cả những xúc cảm bất ngờ, tột cùng ấy làm tâm hồn Nguyệt thay đổi bất thường, mãnh liệt. Cho nên, khi cái nắp hầm bí mật đập xuống, và cái bóng đêm đen kịt của không gian hầm chụp xuống, khi cô cảm thấy được che chở, được an toàn, thì cái mệt mỏi rã rời của cơ thể mới bộc lộ. Cô cảm thấy cái mệt như từ xương tủy bò ra làm mắt cô trĩu nặng. Cô thấy không cưỡng lại nổi, và lại cũng chẳng cưỡng làm gì. Thêm nữa, còn tiếng dế, tiếng lũ chim hót sáng từ lỗ thông hơi văng vẳng chui vào. Đó là tiếng ru của trời đất dẫn dắt cô vào giấc ngủ hồi phục, hồi sinh.

Nguyệt ngủ khá lâu.

Khi giật mình tỉnh giấc, cô gái nghe thấy nhiều tiếng động, xôn xao trên mặt đất. Tiếng chân người thành thịch, tiếng quát tháo, tiếng súng nổ, này, đúng rồi có cả tiếng chó sủa.

Đêm hôm ấy, quản Mật khám chùa Sọ chỉ bắt được sư cụ Vô Úy. Hăn tiếc không tóm được Nguyệt, bởi vì tóm được Nguyệt, hăn mới trả thù được Hải, người mà hăn ghét cay ghét đắng. Hăn còn tiếc vì không tóm được sư Khoan Độ, cái lão sư mắt xích, kẻ mà quản Mật cho là sư hổ mang, kẻ mà hăn rất nghi ngờ nhưng không có chứng cứ. Quản Mật càng tức lộn ruột khi sáng sớm, gia nhân của cụ chánh gọi hăn về nhà có việc gấp. Hăn về nhà, vừa đến trước ngõ đã trông thấy cái xác cai Thi, một tay chân đắc lực nhất của hăn. Cai Thi ngồi dựa lưng vào tường, hai chân thẳng đặng, hai tay thông xuống đất, cái đầu nghẹo sang vai trái, cái lưỡi thè ra từ cái mồm nhoè nhoét máu. Máu chảy cả xuống cằm, xuống ngực áo, máu tím bầm đông lại thành dây, ruồi muỗi người thấy máu đã hàng đàn hàng lũ bầu quanh người viên cai, khi quản Mật lại gần, lũ muỗi nhặng vù vù bay lên đập cả vào mặt. Quản Mật tức giận bắn một phát súng lục rồi ra lệnh:

- Quay cả làng. Khám xét thật kỹ. Không bỏ sót một bụi cây, một xó bếp.

Quản Mật đồn rằng cái chết của cai Thi là do nhà sư mắt xích, cái lão sư bác tay dài như tay vợ. Đêm qua, cai Thi chắc đã đánh hơi ra dấu vết, lần mò theo dõi và vô ý đã sa vào ổ phục kích của Độ nên đã bị giết. Khám tử thi, thấy viên cai bị gãy xương cổ. Quản Mật chợt nhớ tới những lời của viên trung úy phòng nhì Bernard. Khi về làng Sọ, ra đến chùa, cái bận ấy ngài đại úy tình báo cứ nhìn chăm chặp vào sư bác Khoan Độ rồi lẩm bẫm:

- Thật lạ lùng! Lạ vô cùng!

- Sao? - Đại úy Thalan có vẻ không bằng lòng với cung cách soi mói quá đáng của Bernard. Viên chỉ huy PC. được dạy dỗ từ nhỏ rằng phải tôn trọng tín ngưỡng. Cha mẹ ông là người công giáo. Đại úy được đọc khá

nhieu về đạo. Ông không đi lễ nhà thờ vào ngày Chủ nhật, nhưng ông không báng bổ tôn giáo. Mọi người đều có quyền tự do niềm tin. Lòng thương xót vô biên của Chúa là một lý tưởng vĩ đại của con người, tuy nhiên đọc sách về đạo Phật, cha ông nói với ông rằng đạo Phật cũng rất đáng trọng và đạo Phật giảng dạy lòng từ bi với mọi vật. Đạo Phật ở phương Đông cũng có điểm rất gần với đạo Thiên Chúa phương Tây. Ông cùng trung úy Bernard đến chùa chỉ vì ông nghĩ ngôi chùa làng cũng giống như một ngôi nhà thờ ở quê ông. Còn sư cụ cũng giống như vị linh mục. Muốn bình định một làng quê, do đó, việc đầu tiên là phải viếng thăm ngôi chùa, được lòng sư sãi. Cái tay phòng nhì này là một Tây lai ít học, hẳn không hiểu thâm ý của vị chỉ huy phân khu.

Khi ra về, Thalan cự nự Bernard. Lúc ấy có mặt cả quản Mật. Có lẽ cảm nhận thấy Thalan có vẻ coi thường mình ít học, nên Bernard giải thích cho Thalan tại sao mình lại có vẻ sỗ sàng khi nhìn thấy vị sư mắt xếch. Không biết Bernard đọc được ở sách nào hay nghe lỏm ở đâu mà ông ta giải thích rất khoa học:

- Các vị để ý mà xem, vị sư bác ấy cao lớn, hai tay dài quá khổ, như hai ống tre, xuống quá đầu gối. Mắt xếch trắng dã. Lòng mày rậm. Chắc phải cân nặng tới tám mươi kilôgam. Một trọng lượng bất thường. Một khổ người bất thường so với người Việt. Người hẳn không có mỡ. Chỉ thấy toàn xương là xương. Con người tip ấy, khoa học hình sự gọi là kẻ “siêu đực”. Công thức nhiễm sắc thể là XYY. Kiểu người này có sức khỏe phi thường, có tính cách hung hãn, cực đoan, thô thiển, giết người không ghê tay. Họ thường là kẻ phạm tội. Tôi nghĩ hẳn không phải nhà sư.

Chỉ huy trưởng Thalan nói:

- Ông không nên nghĩ như thế. Tôi nghĩ khoa học không khi nào có tính định mệnh như thế. Ông đã đọc Hugo chưa. Tôi nghĩ Jean Valjean cũng là kiểu người như vậy. Thế mà đạo Thiên Chúa đã chẳng cảm hóa được ông ta rồi sao. Tôn giáo làm được nhiều điều mà ta không tưởng

tượng được. Và lại, chúng ta đâu phải những viên thanh tra hình sự. Chúng ta là những quân nhân. Đối thủ của chúng ta là Việt Minh. Nếu nhà sư là một loại người có khả năng phạm tội nhưng không phải là Việt Minh thì ông ta cũng không phải là đối tượng mà chúng ta quan tâm.

Nhớ lại cuộc đối thoại ấy, nhớ lại cái từ ngữ “siêu đực” mà Bernard đã nói; rồi “Kẻ siêu đực có sức khỏe phi thường, có tính cách hung hãn cực đoan... giết người không ghê tay...”. Quản Mật lại liên hệ tới trường hợp cai Thi với cái cổ bị gãy, đầu ngoẹo sang bên, máu trào ra mồm. Mật lẩm bẩm: “Chẳng phải lão sư hổ mang mắt xé rách với đôi tay vượn đã vượn lia cổ kẻ địch, thì ai là người có đủ công lực để giết nổi cai Thi. Tay cai này cũng là một lực điền khỏe mạnh chứ đâu phải tay vừa”. Nghĩ vậy, quản Mật liền gọi điện cho Bernard: “A lô! Có dấu hiệu lão sư hổ mang chùa Sọ đã bẻ gãy cổ một viên cai”. Viên sĩ quan phòng nhì không hiểu tại sao mà từ buổi gặp gỡ đầu tiên đã rất ác cảm với sư bác Khoan Độ. Hẳn có dự cảm lão sư cao lớn này là một kẻ thù tiềm năng, một khắc tinh của mình, Bernard liền tập trung một trung đội lính Âu Phi, lại dặt cả chó xuống làng Sọ lùng sục. Hai trung đội ngụy và Âu Phi sục sạo khắp làng rồi tập trung vào ngôi chùa nhưng tuyệt nhiên không phát hiện ra một dấu tích nào của nhà sư Khoan Độ. Cái đầm sen cuối làng cũng khả nghi. Quản Mật cho lính bơi thuyền chạy rào rào trong đám lá sen. Rồi thỉnh thoảng lại cho bắn súng xuống nước. Trong khi ấy nhà sư vẫn ngậm ống sậy nằm im dưới đáy hồ.

Cuối cùng mới đến khu rừng Cò. Quản Mật vẫn nể sợ ông chánh. Chẳng là ông vẫn nói “đất lành chim đậu”. Sở dĩ họ nhà ông vẫn ăn trên ngồi trốc trong làng Sọ, đó là nhờ ân đức của tổ tông. Mộ tổ họ Nguyễn đặt ngay trong khu rừng ấy. Thầy địa lý xem long mạch cẩn thận. Mới đầu khu ấy chỉ lưa thưa một vài sào tre. Có vài tổ cò rú rít. Thầy địa lý bảo: “Chim làm tổ là nơi phúc địa, nếu đây thành một khu rừng thì tốt biết mấy”. Nhân tiện khu vực này chỉ là chân đồi, chỉ là đất trồng sắn bạc màu, giá rẻ như bùn, ông chánh liền bỏ tiền ra mua, sự thực chỉ mua một phần, còn một phần cướp không của làng. Xong rồi ông cho trồng tre, cấm trẻ con không

được chặn bờ nơi ấy. Nhờ uy của cụ chánh, trẻ mục đồng không đứa nào dám bén mảng nên chỉ sáu bảy năm sau, nghiêm nhiên một rừng tre đã sừng sững mọc lên và cò vạc bốn phương đã quy tụ bay về, tạo ra một nguồn lợi không thể ngờ tới cho cụ chánh. “Đất lành chim đậu”. Thầy địa lý bảo khu rừng càng xanh tốt, chim chóc càng quy tụ, thì mộ tổ càng phát. Và lộc tổ họ Nguyễn sẽ được hưởng không bao giờ hết. Vì thế nên dân làng Sọ không ai dám bén mảng kiếm chác nơi đây. Đứa trẻ nào chỉ bắt một con cò, đào một củ măng là bị trừng trị ngay. Lũ gia nhân nhà ông chánh như lũ hùm sói, nghe tin đứa mục đồng nào đột nhập rừng tre, là ngay lập tức xông xộc tới nhà, áp đảo tại gia. Họ không đánh, chỉ trói thẳng bé ở cột điểm một đêm cho muỗi đốt, chỉ trừng trị nhẹ thế thôi, dân làng đã sợ xanh mắt mèo.

Cụ chánh tin rừng Cò là chốn phúc địa, tin ở lũ cò vạc quy tụ là một điềm lành, là sự chứng tỏ của phúc khí, nên dĩ nhiên cả quản Mật cũng tin như vậy. Cho nên suốt cả buổi sáng vầy rập, hăn cứ lờ đi không dả động gì tới khu rừng Cò.

Tuy nhiên, Tây phòng nhì Bernard thì không có một ý niệm gì về phúc địa, phúc khí và khu mộ tổ của người An Nam. Hăn đứng ở nghĩa địa ngắm khu rừng tre rậm rịt với những cánh cò trắng lượn vòng trên đầu. Bernard bảo:

- Sao chúng ta lại quên khu rừng tre này nhỉ. Chiều nay chúng ta sẽ lùng sục tại đây.

- Thưa đại úy, đó là vườn Cò của cha tôi.

- Của nhà cụ chánh ư? Thế càng tiện chứ sao.

- Thưa, đó là nơi mộ tổ của gia đình họ Nguyễn chúng tôi.

- Mộ tổ là gì. Mộ tổ cũng chẳng ích gì khi nơi đây là chốn ẩn náu của Việt Minh.

Quản Mật chỉ còn biết sầm mặt lại và lắc đầu khi bọn lính dưới quyền chỉ huy của Bernard tràn vào khu rừng. Nhìn lũ cò xáo xác, quản Mật thờ dài. Hẳn không thể nào đoán trước sự việc sẽ diễn biến thế này.

Nguyệt choàng tỉnh dậy dưới hầm khi nghe thấy những tiếng chân người chạy rầm rập. Nghe thấy cả tiếng lũ cò xáo xác kêu trên ngọn tre. Rồi tiếng người quát tháo. Tiếng Tây xen lẫn tiếng ta. Cuối cùng là tiếng chó sủa. Có hai con chó thì phải. Chúng khìn khịt. Chúng sủa gâu gâu, chúng thở hồng hộc. Chúng ở xa. Chúng tiến lại gần. Rồi lại xa. Hình như một con đực một con cái. Nguyệt nghĩ như thế vì một con sủa êm ái hơn, một con sủa hung dữ hơn. Hình như con đực theo sự chỉ huy của con cái. Tim Nguyệt đập thình thình khi con đực đứng ngay trên nóc hầm mà sủa. Hình như nó gọi con chó cái. Hình như con đực đã ngửi thấy một mùi gì, con chó đực cứ đứng ở trên đầu Nguyệt mà sủa. Sủa tha thiết, sủa hung tợn. Con chó cái vẫn không theo lời nó. Con chó cái sủa ở phía xa. Có lẽ ở đó có cái gì hấp dẫn hơn nên con chó cái không nghe tiếng gọi của con đực. Con chó đực sủa thật to. Nó cũng bị hấp dẫn bởi cái gì đó ở phía xa xa. Nguyệt vừa lẩm nhẩm đọc kinh cầu sự cứu giúp của Bồ tát Quán Thế Âm. Con chó đực bỏ đi một lát rồi lại quay về đứng ngay trên tảng đất nóc hầm và sủa rồi rít. Nó sủa rất to khiến Nguyệt run lên cầm cập và run nhất là khi con chó đực lấy hai chân trước ra sức cào trên mặt đất “Tôi bị lộ rồi. Con chó đã đánh hơi thấy tôi rồi. Muôn ngàn lần con cầu xin đức Phật che chở cho con”. Quái lạ! Hình như chẳng ai chú ý đến sự phát hiện của con chó. Có lẽ người ta đang mải mê vì một chuyện gì đó. Lặng tanh không một tiếng chân người. Rồi cuối cùng nghe thấy tiếng tre nổ lốp đốp, ngửi thấy mùi khói khét lẹt. Còn nghe thấy cả tiếng cò vạc kêu lên như vỡ tổ và cả tiếng người hò hét phấn khởi.

Những tiếng động ấy phát ra ở chỗ những đồng rơm. Như ta đã biết, trong rừng có một khoảng trống để đánh những đồng rơm, rạ, thân cây ngô. Đây là kho dự trữ thức ăn cho trâu bò và cái đun cho nhà cụ chánh. Viên sĩ quan phòng nhì từ lúc vào rừng đã chú ý ngay đến khu vực này.

Ông ta cho lính tập trung ở đây xăm hằm. Cuối cùng ông ta đã tìm ra một cửa hằm. Cái hằm đó chui vào dưới một đồng rơm. Bernard cho lính giã ra bao vây vì sợ rằng du kích trong đó xông ra. Cuối cùng, nghĩ ra một kế, Bernard cho đốt tất cả những đồng rơm. Bằng cách này nếu Việt Minh chui ra cũng chết thui, mà trụ lại cũng chết thui. Và phía ông ta sẽ không tổn một viên đạn.

Một đồng rơm cháy. Hai đồng rơm cháy. Rồi ba đồng rơm cháy... Mới đầu ngọn lửa còn nhỏ, chỉ như một ngôi nhà cháy. Đến khi lan ra ba, bốn đồng thì ngọn lửa cao ngút trời. Khói đen cuộn lên đến tận trời xanh, về sau người ta bảo đứng xa ba bốn cây số còn trông thấy. Đám cháy tỏa ra nóng khủng khiếp. Mới đầu đứng gần còn được về sau nóng quá người ta phải chạy ra khỏi khu rừng Cò. Đến khi tất cả hơn mười đồng rơm cùng cháy thì cái nóng khủng khiếp đến nỗi toàn thể cò vạc trong rừng đều bay tủa lên trời. Đúng là quang cảnh chim vỡ tổ - lũ cò trắng bay lên nhưng không bay xa, bay mất tăm. Chúng vừa kêu ồn ã vừa lượn quanh khu rừng. Bởi vì cò bố mẹ nào cũng đều vướng mắc đàn con. Đáng thương cho lũ cò bé bỏng, cánh chưa mọc đủ lông. Những bụi tre gần đám cháy bị sức nóng tỏa ra làm cho khô héo dần, để rồi cuối cùng toàn bụi tre nổ lộp bộp bốc lửa, thiêu sống cả lũ cò con. Ở những bụi tre xa hơn, tuy cây tre không bốc cháy, nhưng lũ cò non không chịu nổi sức nóng phải lấy bẫy bò lên miệng tổ và rơi xuống đất. Mùi thịt cò bị thui nướng có lúc thơm phức, có lúc khét lẹt.

Căn hằm của Nguyệt ở xa đám cháy, nhưng vẫn bị ảnh hưởng. Người cô nóng ran, mồ hôi vã ra như tắm. Rồi có lúc cô thấy như bị nghẹt thở. Cô phải ghé mồm vào ống thông hơi để thở. Tuy nhiên, dù sao đám cháy cũng cứu cô thoát chết. Con chó săn đứng trên nóc hằm của cô vừa bới vừa sủa như con chó điên. Người ta còn bận đám cháy nên chẳng ai chú ý đến nó. Sủa mãi, bới mãi con vật cũng chán. Sức nóng tỏa đến làm nó khó chịu. Và lại còn mùi thơm phức của những chú cò con bị nướng kích thích khứu giác làm nó không cưỡng lại nổi.

Cuối cùng nó trông thấy con chó cái đang chạy đuổi theo một con cò bốc lửa. Thế là nó quên phắt nhiệm vụ. Nó cũng bắt chước cô bạn gái lao vào cuộc săn tìm những chú cò con bốc lửa thơm phức.

Bernard nhìn khu rừng cháy. Viên sĩ quan phòng nhì tỏ ra mãn nguyện vì hãn nghị đám cháy ấy cũng tiêu diệt được vài anh chị du kích. Thực ra căn hầm bí mật ở đồng rơm ấy là chiếc hầm đã bỏ hoang. Đội du kích đã lỡ đào hầm ấy, nhưng sau đó nghĩ lại thấy căn hầm dễ bị hỏa công nên không dùng nữa.

Chỉ có quản Mật là buồn. Hãn không nghĩ tới cái kết quả thảm hại này khi gọi điện cho Bernard. Khu rừng Cò cháy mất một phần tư. Sau trận hỏa công, cò sợ không dám về đây như cũ. Khu phức địa biến thành nơi hoang địa. Ông chánh cứ trông thấy mặt quản Mật là chửi: “Tiên sư thằng phá gia chi tử, đem thằng mắt xanh mũi lõ về giày xéo lăng mộ tổ tiên”.

Còn sư bác Khoan Độ, tối hôm ấy Tây rút về đồn, lại từ dưới đầm sen ngoi lên. Ông không quên moi dưới bùn vài cái ngó sen già. Ông chạy vào rừng Cò và sung sướng moi cô Nguyệt từ dưới hầm bí mật lên. Cô nhũn người gần như kiệt sức. Nhưng để cô ngồi lên bờ ruộng ăn ngó sen vừa bùi vừa ngọt, và hít thở hương đồng nội mát rượi, nên chỉ nửa tiếng sau cô đã hồi phục hoàn toàn. Họ ra bờ sông Đào, vượt sông, sang khu du kích.

Lúc tối mịt, Nguyệt và sư Độ bơi qua sông Đào. Bơi ở quãng sông rộng nhất, sâu nhất như lời căn dặn của thầy giáo Hải.

Nguyệt bám vào cây chuối, mặc cả quần áo để bơi. Cô không nói nhưng trong bụng cô thầm nghĩ không thể để một mẩu da thịt nào lộ ra cho mắt người ngoài trông thấy. Nhất là đôi mắt xéch của sư thầy Khoan Độ. Mặc dù sư cụ đã giải thích bởi vì cô rất giống người vợ đã chết của sư Độ ngày xưa, và còn nói dù đôi mắt xéch của sư Độ trông rất dữ nhưng đó chỉ là cái vẻ bề ngoài, còn thực ra đằng sau đôi mắt đáng sợ ấy lại là một tấm

lòng Bồ tát. Nghe sư Vô úy nói Nguyệt vâng dạ, nhưng thực ra trong lòng cô, Nguyệt vẫn sợ sệt.

Sang đến bên kia sông, sư Độ biết ý bảo Nguyệt vắt quần áo cho khô kéo bị cảm. Nguyệt vào sau bụi rậm nhưng không cởi quần áo khỏi người, cứ để chúng trên người mà vắt.

Họ đi suốt đêm ấy và cả ngày hôm sau, hỏi thăm mãi mới đến được làng Trúc, địa điểm mà tối hôm trước Hải cho biết. Đó là nơi gia đình ông Trần đến tản cư. Thấy họ, bà Năm hồ hởi tíu tít hỏi thăm chuyện làng xóm. Chuyện thằng Căn con bà hay sừng cổ nói láo thực ra chỉ là chuyện trẻ con. Bà Năm thường nghĩ như vậy. Thực ra từ sâu trong lòng, bà Năm vẫn cảm thấy như mình có lỗi với nhà chùa. Khi còn trẻ, lúc mới tăng tịu với sư Vô Trần, người ta bảo: “quyển rũ sư bỏ chùa là có tội to lắm với Phật; sau này chết đi sẽ sa hỏa ngục, lúc đi qua cầu vồng sẽ bị rơi xuống để chó ngao cắn cho lòi ruột...”. Lúc Năm kể câu ấy với chồng, anh Trần cũng có dáng tư lự, anh an ủi vợ rằng: “Nhà Phật chẳng hẹp hòi thế đâu. Phật dạy cho con người trí tuệ để giải thoát nỗi khổ thế gian. Nếu chưa đủ căn duyên để ở chùa, thì ta làm người thường dân cũng tốt. Chỉ cốt lòng phải hướng thiện...”. Chị Năm từ khi ăn ở với Trần thấy chồng mình chẳng còn là sư, nhưng xem ra còn nặng lòng với chùa Sọ lắm. Có thể vì anh xa nhà đến ở chùa từ nhỏ nên mái chùa chính là mái nhà của anh. Anh coi sư phụ Vô Chấn là cha và coi sư Vô úy như người anh cả ruột thịt. Khi sư cụ Vô Chấn thị tịch, Năm thấy chồng mình buồn rĩ. Anh không khóc bao giờ nhưng có đêm Năm giật mình thức dậy, thấy anh Trần ngồi ngoài hiên khóc một mình. Ngược lại, dù Trần đã trở về đời thường, nhà chùa vẫn coi anh là con. Sư Vô úy vẫn coi Trần là em út. Sư Vô úy là bậc chân tu. Thực ra ông đã thoát tục, chẳng còn muốn dính líu tới bụi trần. Tuy nhiên khi Vô Trần đề nghị xin phép được đào hầm bí mật trong chùa, ông chẳng nói gì chỉ im lặng lên thượng điện gõ mõ tụng kinh. Người sư đệ biết người sư huynh đã mặc nhiên chấp nhận hiểm nguy. Thực ra Vô Trần cũng cực chẳng đã. Lúc đó cơ sở ở làng Sọ hầu như trắng. Phải trở về làng bám đất. Mà muốn bám

đất thì phải có hầm, có cơ sở. Trong khi ấy nhà ở làng Sọ lại san sát kề nhau. Đào hầm bí mật dễ lộ. Vô Trần đành dùng chiến thuật từ rìa làng tiến vào nội địa. Những nhà rộng rãi có ao chuôm thường ở rìa làng. Mà chùa làng lại là nơi rộng rãi nhất, cũng lại là nơi an thân thiết nhất.

Dĩ nhiên, với mối quan hệ tình nghĩa sâu đậm như thế, trong lúc sự cụ bị Tây bắt chỉ vì sự hoạt động của chồng mình, cho nên chị Năm lo lắng rất chu đáo khi sư Độ và cô Nguyệt đến làng Trúc.

Nhà chị Năm nằm trên đỉnh một quả đồi. Chung quanh toàn là tre. Nhà gồm hai nếp: nhà chính ba gian, nhà phụ hai gian dùng làm bếp luôn. Ở vùng sắn tre nửa nên nhà làm xinh xắn, chắc chắn. Chị Năm cho gọi thằng Căn từ nhà phụ lên, bảo:

- Con sắp xếp cho sư thầy ở cùng con. Xong rồi, chạy ngay lên cơ quan gọi thầy mày về.

- Đi gọi ngay đêm nay hả u?

- Sư cụ đã bị bắt. Phải gọi thầy mày về ngay đêm nay thôi con ạ. Từ đây lên đó năm cây số. Nhanh thì cũng phải hai tiếng cả đi cả về.

Căn lúc ấy đã sắp thanh niên. Chắc đã được bố giảng giải cho biết chùa Sọ với gia đình thân thiết đến mức nào, nên Căn bây giờ khác hẳn Căn ngày xưa. Từ một cậu bé bướng bỉnh, cậu đã trở thành một chàng trai chín chắn với đôi mắt sáng rực. Cậu nắm lấy cánh tay dài rần như gỗ lim của sư Khoan Độ dẫn xuống căn nhà phụ. Hắn cười và bảo:

- Sư bác còn nợ tôi đấy nhé.

- Nợ gì? - Sư ngạc nhiên.

- Có phải dạo trước sư đã dạy thằng An học võ không... Tôi biết ngay mà... Nếu không, thằng An đánh tôi sao nổi...

- À - chuyện mấy năm rồi... Nhớ dai quá hả...

- Vậy sư phải trả nợ cho tôi nhé.

- Trả thế nào?

- Chắc sư bác không đi ngay được... Hãy dạy võ cho tôi.

Trong lúc ấy, chị Năm và cái Huệ dẫn Nguyệt vào căn nhà chính. Nhà này được gọi là nhà trên, nhà phụ gọi là nhà dưới. Ông Trần trước đây là đại đội trưởng bộ đội địa phương huyện, nay được điều lên tỉnh làm phó tỉnh đội. Nhà của ông sở dĩ được làm tươm tất, rộng rãi và có hai căn, căn trên căn dưới, bởi vì nó còn dùng làm trạm dừng chân cho các cán bộ huyện, tỉnh. Nhà trên làm nơi ở cho cán bộ nữ trú chân nên rộng rãi kín đáo. Nhà dưới cho cán bộ nam ở nhờ thành thử có chút tuềnh toàng.

Nguyệt đưa mắt nhìn căn nhà ba gian. Vách trát nhúng (1). Ở đầu hồi có một gian được ngăn làm buồng. Chắc trong đó có sào vắt quần áo và gạo, nước. Dài suốt hai gian ngoài, có một chiếc sạp che kín nửa nhà, chiều cao quá gối, trên trải tấm phên nửa đan lóng đôi. Chắc đây là cái giường ngủ thô sơ đủ chỗ cho một chục người. Ở góc còn xếp mấy chiếc chiếu gập gọn, có lẽ dùng làm cái đắp khi trời rét. Nửa dọc còn lại của căn nhà, đất phẳng phiu đầm nén kỹ lưỡng, mặt nền nhẵn mịn. Ở đó có chiếc bàn tre, mấy chiếc ghế đầu thấp mặt đan bằng mây kiểu miền núi.

Nguyệt biết cô Năm nhưng đây là lần đầu nói chuyện. Nguyệt cũng nghe đồn nhiều về người đàn bà xinh đẹp ma mị, đã đủ sức quyến rũ vị sư thúc thông minh đi tu từ nhỏ. Vô Trần đã tắm gội hương giải thoát từ thuở ấu thơ mà có thể rời bỏ nhà chùa, rồi bỏ đức tin của mình, thì người đàn bà này chắc hẳn phải đặc biệt. Tuy nhiên, khi đứng trước mặt cô Năm, Nguyệt lại chẳng thấy có gì khác lạ.

Cô Năm năm ấy trạc ba năm tuổi. Cô giống như mọi người đàn bà thôn quê khác. Khuôn mặt tròn trịa hần hậu. Vóc dáng vững chãi nhanh

nhẹn. Nét mặt lúc nào cũng tươi tắn, dễ dàng nở một nụ cười... Quả thực là chẳng có gì đặc biệt. Nhưng mà... cô ấy thật đậm đà. Đúng! Phải nói là đậm đà. Nguyệt tuy mới lớn nhưng đã tiếp xúc với nhiều người đàn bà. Thuở em An mới sinh, mẹ ốm nặng, Nguyệt đã bế em đi xin sữa khắp làng. Em An sống được là nhờ đã bú chực khắp làng. Cảnh đi ăn mày sữa thiên hạ thật nào lòng. Có lúc trong làng không ai có sữa phải ẵm em ra chợ.

- Lạy bà. Bà nhón tay làm phúc. Mẹ con ốm sắp chết. Em con đói sữa. Nó khóc từ sáng tới giờ. Cả đêm hôm qua, em con khát sữa mà không có một giọt.

- Sao không cho nó uống nước cơm.

- Dạ đã cho nhưng nó không chịu. Dạ, nó đang sốt, chắc chẳng mồm không chịu.

- Thôi đi đi. Em mày ốm. Cho nó bú để lây bệnh sang con tao ư.

Chị ôm em về tới gốc đa. Lúc ấy cực quá, chị chỉ muốn chết. Nhưng thương em quá nên hai chị em chỉ còn biết khóc. Và một người đàn bà qua đường như ông Bụt hiện ra. Bà ta dừng chân, đặt cái thúng đội trên đầu xuống, rồi ôm lấy thằng An và nói:

- Rõ khổ. Thằng bé đói quá đây mà. Đói quá nó cũng phát sốt lên đấy. Chả có bệnh tật gì đâu. Để tao cho nó một bầu là khỏi... Một bầu thôi nhé... Em mày ba tháng chứ gì... Hơn con bé nhà tao một tháng... Thế thôi nhé... Còn thèm phải không... Chẳng được đâu... Còn dành phần cho con em mày chứ... Thôi, no rồi... Tao đi đây... Kéo ở nhà nó mong sữa mẹ lại khóc hết hơi...

Người đàn bà cứu khổ cứu nạn cho em An nói xong lại đội thúng lên đầu ve vẩy, te tái đi theo con đường giữa cánh đồng xanh ngát. Nguyệt cứ nhớ mãi cái kỷ niệm lạ lùng về người đàn bà xa lạ dưới gốc đa năm xưa đã cho em An bú sữa, đã cứu em thoát chết. Bởi vì không phải như Nguyệt nói

là em đói sữa một hôm. Thực ra em đói sữa ba hôm. Và đúng như người đàn bà đã nói: Vì đói sữa quá nên em An lên cơn sốt. Và nếu như không có bầu sữa của bà đi đường hôm ấy, có thể em An đã sốt cao hơn... Và làm sao biết được chuyện gì sẽ xảy ra sau đó.

Bà ngoại của Nguyệt khi đó còn sống, nghe cháu kể chuyện xong về người đàn bà đội thúng ở gốc đa, đã bảo rằng:

- Người đàn bà ấy chắc đẹp lắm phải không cháu?

- Lúc ấy cháu khóc nhiều, nước mắt như mưa. Mắt cháu nhòa đi nên không nhìn rõ. Cháu chỉ nhớ là cháu nắm lấy tay bà ấy.

- Bàn tay ra sao?

- Dạ bàn tay đỏ như son.

- Thế cổ tay.

- Cổ tay... trắng như ngà.

- Đúng... trắng như ngà... còn sao nữa?

- Dạ, tay vừa mát vừa ấm ạ.

- Đúng thế... Đàn bà con gái như người ấy gọi là đậm đà.

- “Đậm đà” tốt hử bà.

- Tốt lắm chứ.

- Cháu vẫn chưa hiểu thế nào là đậm đà.

- Con bé này ngốc thật. Là... là... ừ nhỉ là thế nào nhỉ?... Chắc là sống với người như thế ta không biết chán. Là... là... Sống với người ấy ta không muốn chết... sống với người ấy ta chỉ muốn sống...

Nguyệt, vừa rồi cũng đã nắm tay cô Năm. Cũng thấy bàn tay cô đỏ như son. Cổ tay cũng tròn và trắng. Làn da cũng ấm và mát. Nguyệt băng khuâng không hiểu mình nói rằng cô Năm đậm đà có đúng không.

Cô Năm nhìn Nguyệt rồi vào buồng, lấy ra một bộ quần áo và nói với con gái:

- Huệ ơi, dẫn chị ra suối. Người chị mày lấm lem.

Hai chị em ra đến sân, bà còn dặn thêm:

- Chỉ tắm thôi nhé. Tối rồi, lại đi đường mệt, chớ có gội đầu, trời này hong tóc lâu khô lắm. Nhớ cảm thì khốn. Để mai cô đun nước hương nhu cho mà gội.

Cô bé Huệ cứ đi sát vào người Nguyệt, tay ôm ngang lưng chị. Nguyệt hỏi:

- Sao thế?

- Em sợ.

- Sợ gì nào? Ở đây chỉ toàn tiếng ve. Ve sàu bé tí còn chả sợ tối. Tối thui thế này mà nó vẫn ca hát. Còn em lớn tướng còn sợ tối đêm sao.

- Được rồi, tí nữa xuống suối chị sẽ biết - Cô bé thầm thì nói nhỏ để dọa Nguyệt. Còn Nguyệt thì cười khúc khích. Huệ thân với chị Nguyệt từ lúc ở làng. Nó và An hay đến nhà thầy Hải. Nó và An hay ngồi ở thềm nhà, để làm bình phong cho chị Nguyệt và thầy Hải ngồi tràng kỷ trong nhà nói chuyện với nhau.

Hai người đi qua khu rừng tre mới trồng. Những ngọn tre non trông như những cái đuôi sóc khổng lồ nhún nhảy theo gió trong bầu trời sáng nhờ nhờ. Thịnh thoảng những con ve từ ngọn nọ bay sang ngọn cây kia,

vừa bay vù vù vừa kêu ọ ọ. Ở dưới khe suối có tiếng cuốc kêu và tiếng con chim bắt cô trói cột đều đều nấu ruột. Cái Huệ hỏi.

- Chị ơi! Thế chị đã làm đám cưới với thầy chưa?

- Chưa em ạ - Nguyệt trả lời rất nhỏ. Cô không ngờ là Huệ lại hỏi câu ấy. Nguyệt cứ nghĩ Huệ còn rất bé. Có lẽ Nguyệt vẫn coi An, em trai mình, còn rất nhỏ, bởi vì những hình ảnh bế em đi xin sữa ngày xưa vẫn đọng lại trong tâm khảm Nguyệt đến tận bây giờ. Cô coi An còn bé, thì Huệ là bạn của An cũng phải còn bé chứ sao. Cô chợt mỉm cười nhìn sang cô bé đang đi bên cạnh. Nguyệt nghĩ thầm: “ừ nhỉ”. Nó đã mười ba, mười bốn. Cả thằng An cũng thế. Đầu nó đã ngang tai mình. Rõ thật lắm cảm. Huệ lại hỏi thêm:

- Thế chú tiều... à quên... anh An bây giờ ra sao?

Nguyệt cười mỉm: Rõ khéo! Mình vừa nghĩ tới An thì nó cũng nghĩ tới An. Cả một đêm, một ngày vật lộn căng thẳng, hầu như Nguyệt đã quên không nghĩ đến em trai. Câu hỏi của Huệ bắt Nguyệt cũng phải tự hỏi mình: Không hiểu bây giờ An đang làm gì? Chúng nó có bắt An không? Nếu không chắc có thể An đang lo lắng cho thầy. Đang khóc cũng nên. Và Nguyệt trả lời Huệ bằng trí tưởng tượng của mình:

- Không hề gì đâu. Bọn Tây không bắt trẻ con đâu. Thầy Hải bảo thế. Chị cũng nghĩ như thế. Cả sư cụ cũng tin là thế. Vì nếu không thì sư cụ phải bảo An trốn đi cùng với chị và sư bác chứ. Lúc chị đi, sư cụ lên điện thờ gõ mõ. Lúc chị ra đến bãi tha ma, thì thấy trong chùa huyền não lắm. Đêm qua, sư bác bảo chị rằng chúng bắt sư cụ đi rồi. Còn An thì không biết tin nhưng chắc là không... Em nghĩ rằng lúc này thằng An đang khóc à. Không đâu. Em của chị chị biết chứ. Nó gan lắm. Táo tợn là khác. Chị chắc nó phải lên phố huyện, tìm cách vào thăm thầy. Mà sợ gì kia chứ. Thầy là bậc từ bi. Thằng An cũng là người hiền lành. Phật sẽ phù hộ cho cả hai người...

Họ đã đi vào bóng tối mù mịt của khu rừng rậm ven suối. Con suối chảy róc rách theo giữa hai quả đồi cao. Đằng sau hai quả đồi này là những khu rừng trùng điệp. Nước từ rừng chảy ra. Không hiểu tại sao bên nước này tập trung nhiều đom đóm đến thế. Đến nỗi dân gọi nó là suối đom đóm. Nhờ ánh sáng lập lờ của chúng, hai chị em dắt nhau đi theo con dốc lổn nhổn đá xuống suối. Lũ đom đóm vẽ thành những đường cầu vồng trên mặt nước. Chúng nhớn nhơ chập chờn như ma trời. Nguyệt búi tóc ngược đỉnh đầu chuẩn bị xuống nước. Còn Huệ đi vợ lá khô, cành khô nhóm lên một đồng lửa nhỏ. Lửa bùng lên. Huệ nhìn thấy Nguyệt đang ngồi trên một tảng đá dưới suối. Chị quay lưng lại. Mảng lưng trần trắng ngát; tóc ở gáy vén hết lên đỉnh đầu làm lộ ra cái cổ trắng ngà, và càng làm tôn vẻ mỹ miều của chiếc cổ kiêu ba ngấn trứ danh, mà hàng ngày chiếc khăn vuông nâu bạc phếch vẫn che khuất. Lần đầu tiên, Huệ mới thấy vóc dáng thật của chị lộ ra. Cô thầm nghĩ đẹp như tiên.

Ánh lửa đuổi lũ đom đóm ra xa. Chúng bay hết lên khúc suối thượng lưu, ở đấy bóng tối vẫn dày đặc. Nhìn từ xa, Huệ mới hiểu lũ đom đóm đang chơi trò đuổi bắt. Hóa ra cứ từng cặp một chúng cùng nhảy múa khúc cầu vồng. Lũ đóm làm cô bé bỗng lạc về những cuộc chơi năm ngoái năm xưa.

Lúc này, bằng trí tưởng tượng, chị Nguyệt đã kể cho Huệ nghe tình cảnh của chùa khi lính vây bắt. Huệ biết chị chỉ muốn làm yên lòng Huệ, bởi vì chị biết An và Huệ thân nhau lắm... Nhưng chị Nguyệt làm sao biết rõ được lúc này An thế nào. Nếu An không việc gì và chỉ mình sư cụ bị bắt thì An cũng khổ vô cùng. Dù An đã mười ba, cậu ta vẫn là một đứa bé. Trẻ con mà lo lắng cho một người lớn bị tù đày... Chẳng biết phải xoay xử ra sao. Không? Chớ có lo. An nhanh nhẹn tháo vát lắm. Chẳng sao đâu.

Bên ngọn lửa, trước mắt là những con đóm vẽ cầu vồng, Huệ mừng lung lạc về một kỷ niệm xưa. Một kỷ niệm mùa hè năm ngoái. Cũng là kỷ niệm về những con đom đóm.

Thường thường, cứ vào cuối tuần trăng, trẻ con làng Sọ lại tập trung nhau ở trảng cỏ nằm giữa vườn chùa và bãi tha ma. Đêm tối đen như mực thì không tốt. Đêm không trăng nhưng có sao, chơi mới vui. Nghĩa là đêm vẫn tối trời, nhưng ánh sáng vẫn còn nhờ nhờ len vào bóng tối. Những đêm như vậy mới nhiều đom đóm. Cách đây một, hai hôm nếu có trận mưa rào thì càng tốt. Tốt vì trên bãi mênh mông sẽ lập lòe cơ man là đom đóm, và nếu gặp may sẽ thấy ma trời xuất hiện bay ven rừng Cò. Lũ trẻ làng Sọ chia làm hai nhóm. Nhóm con trai thì ở bên tha ma, chơi trò hú gọi ma trời. Nhóm con gái và những đứa hiền lành, thì chơi trò phụ đồng chổi. Bọn con gái rủ cả chú tiểu, nhưng An không dám. Sư cụ không cho phép. An đành ngồi trong vườn chùa ngó ra qua lỗ chó chui. Ở phía xa, bọn thằng Căn đang đứng trên bờ tường một ngôi lăng mộ hét khản cả cổ để gọi ma:

Hú ma trời

Mặt trời đã lặn...

Còn ở sát hàng rào nhà chùa, thì lũ con gái chơi vui hơn, hiền hòa hơn. Chúng ngồi thành vòng tròn ở giữa là cái Huệ. Huệ trum lên đầu một chiếc khăn vuông, hai tay nắm lấy gốc cái chổi và giơ ra trước mặt. Đứa trẻ ngồi đồng chổi phải là một đứa trẻ mềm mại hiền hòa. Khi ngồi thì phải tập trung nghe câu hát. Tốt nhất khe khẽ đảo đưa chút ít. Không được cười. Cứ lẩm nhẩm không thành tiếng hát trong lòng theo các bạn càng chóng nhập đồng.

Phụ đồng phụ chổi. Thôi lổi mà lên

Ba bề bốn bên. Đồng lên cho chóng

Ví bằng cửa đóng. Phá ra mà vào.

Cách sông cách ao. Mà vào cho lọt

Cái roi von vọt. Mà vọt cho đau...

Câu hát nhịp nhàng lạnh lớt bay lên trời. Hát được ba lần thì cái đầu trùm khăn của Huệ lắc lư mạnh hơn rồi nhẹ nhàng xoay vòng tròn. Có đứa nói: “Đồng đã nhập rồi chúng mày ơi!”. Có thể hôm ấy đồng chóng lên vì cái Tí xin được ba nén hương của ông từ. Cái Tí thắt lưng bao hoa lý mượng của chị. Nó múa nén hương trước cái khăn vuông trên đầu Huệ. Rồi đến cả cái chổi cũng lắc lư và đung đưa quét đi quét lại.

- Đứng nghỉ. Cứ hát tiếp nữa đi. Cái Tí dẫn lối cho đồng. Tiếng hát vẫn không ngừng lạnh lớt, khi cái Huệ trùm khăn bắt đầu di chuyển đi theo nén hương của Tí.

Hàng trầu hàng cau. Là cô con gái

Hàng bánh hàng trái. Là hàng bà già

Hàng hương hàng hoa. Là đồ cúng Phật

Đám phụ đồng chổi càng lúc càng vui. Tiếng hát càng lúc càng lạnh lớt. Bây giờ thêm cả tiếng cười giòn giã. Lúc này được phép cười nói xôn xao. Chẳng sao cả. Bởi vì đã nhập đồng rồi, đã mê mẩn đi rồi.

Ở bãi tha ma, lũ mục đồng ngộ nghịch vẫn gào lên:

Hú ma trôi, mặt trời đã lặn...

Chúng gọi ma mãi mà ma chẳng hiện. Nhưng kìa! Một đứa chợt nhìn ra phía đồng và hét to tướng: “Kìa ma”. Thì ra ma không hiện ở bãi tha ma mà lại xuất hiện từ phía đồng lúa. Ba quả bóng lửa tròn to như ba cái mũ từ cánh đồng lừng lững bay vào. Có quả xanh xanh. Có quả vừa xanh vừa hồng. Chúng bay thẳng về phía lũ trẻ chẵn trâu. Thế là bọn chúng thét lên vắt chân lên cổ mà chạy. Nghe tiếng thét, lũ con gái chơi phụ đồng chổi cũng chạy tất cả.

Trên bãi cỏ, lúc này chỉ còn một mình Huệ vẫn lắc lư cần cái chổi quét đi quét lại. Chú tiểu An ở chỗ chui thấy vậy vội chạy ra, giật cái khăn trên đầu Huệ, giật cái chổi trên tay Huệ. Ấy thế mà cô ta vẫn chẳng tỉnh, vẫn chẳng biết gì. An phải cống Huệ vào sân chùa lấy nước mưa vãi vào mặt. Phải đến lúc ấy cô ta mới ú ớ thức dậy vươn vai, cứ như người từ giấc ngủ mê mệt tỉnh giấc.

Thế đấy! An là thế đấy! Kỷ niệm ấy chợt làm Huệ vui vui, làm cô vững lòng. Chị Nguyệt đã tắm xong. Huệ ngắm nhìn Nguyệt rồi bảo.

- Chị mặc quần áo mẹ em vừa in. Chị ơi! Em thích chị ăn mặc như thế này. Mặc thế này, chị rất xinh.

Nguyệt ửng mặt vì câu nói của cô gái. Và Nguyệt thầm nghĩ: Cô gái này thật lạ. Lúc thì lo lắng sợ sệt. Lúc thì ủ rũ. Bây giờ lại vui như con sáo...

Tối hôm ấy, Căn đi lên cơ quan tìm bố nhưng ông Trần đi công tác vắng. Mãi ba hôm sau ông mới trở về nhà. Sư bác Khoan Độ kể với ông mọi việc xảy ra ở chùa. Cuối cùng ông đề nghị với giọng rầu rầu:

- Xin sư thúc nghĩ cách cứu thầy tôi ra. Tây phòng nhì Bernard nổi tiếng ác ôn. Người ta bảo mười người sa vào tay hắn thì chết chín. Thầy tôi già rồi. Liệu có sống nổi với hắn không.

Tình đội phó Trần nắm lấy tay sư Độ:

- Tôi với sư cụ vốn là tình huynh đệ. Thầy Độ nghĩ rằng tôi không nóng ruột ư? Tuy nhiên, lúc này phải thật bình tĩnh. Người của ta ở P.C. Huyện báo cáo ra là Tây Bernard chưa dùng cực hình tra tấn, vì viên chỉ huy Thalan không muốn dùng bạo lực với một người tu hành.

- Chắc là thầy Hải. Đúng là thầy Hải đã báo cáo.

- Không chỉ có một mình thầy Hải. Ở đây ta còn những người khác. Mà sư thầy hãy quên thầy Hải đi. Rất nguy hiểm cho người của ta. Sư thầy tình cờ biết được thầy Hải làm gì thì cũng coi như chưa bao giờ biết đến việc đó. Đây là sinh mạng con người. Đây là công việc cách mạng. Đây là chuyện tuyệt đối bí mật. Sống để bụng chết mang đi...

Ông tỉnh đội nói một thôi một hồi làm sư Độ có vẻ phật lòng. Ông ngắt lời Trần:

- Thầy Hải là chồng sắp cưới của cô Nguyệt. Cô Nguyệt lại là người của chùa Sọ. Tức thầy Hải cũng là người của chùa Sọ. Sư thúc không biết tôi đã phát nguyện với thầy tôi rồi sao. Tôi đã thề nguyện làm người hộ pháp. Kẻ nào phạm vào thầy tôi hay những người của chùa, tôi sẽ không để yên. Vậy thì, há tôi lại không biết cách bảo vệ thầy Hải. Dù thầy ấy không đi tu, thầy ấy vẫn là con rể của chùa.

Câu nói gan ruột chất phác của nhà sư lạ lòng kia đã làm ông Trần lúng túng, chả biết nói sao. Cô Nguyệt nghe nói chỉ biết đỏ mặt cúi đầu. Bà Năm phải chen vào câu chuyện:

- Thôi. Chuyện ấy để đấy. Hãy bàn sang chuyện sư cụ đã.

Ông Trần cũng cười xòa. Ông cười cái tác phong thủ trưởng của mình. Buồn cười là tác phong ấy theo ông về tận gia đình. Ông đã quen cái nếp nói với ai là phải giảng giải, giáo dục đến cái tầm quan trọng của nó. Cuối cùng ông bảo:

- Thực ra, chuyện này lãnh đạo tỉnh cũng bàn. Chùa Sọ tuy nhỏ bé nhưng nó nằm trong kế hoạch lớn của tỉnh. Đó là giành giật dân, mở rộng khu du kích. Tôi thương sư huynh tôi nhưng tất cả phải tuân theo kế hoạch.

- Nghĩa là chẳng ai cứu thầy tôi chứ gì?

- Sư bác bình tĩnh đi. Không phải bỏ mặc. Mà thực ra tình thế không đến nỗi như thầy Độ nghĩ. Sư huynh của tôi không quan hệ với cán bộ cách mạng nào, ngoài tôi ra. Như vậy, sư cụ hoàn toàn không biết gì về công việc cách mạng. Vậy thì Tây Bernard tìm được gì ở sư cụ. Phòng nhì nó tinh lắm. Chúng nó biết cần khai thác ai. Nếu tra tấn cụ mà chẳng được gì, và chỉ làm cho chúng mang tiếng thì chúng không làm đâu.

- Vậy theo sư thúc, phòng nhì sẽ thả thầy tôi ra?

- Đúng thế. Chẳng chóng thì chầy... Lâu lắm cũng chỉ một tháng...

Sư Khoan Độ thờ người ra ngồi im lặng. Ông Trần tiếp:

- Trong lúc chờ đợi, cô Nguyệt theo nhà tôi vào tổ cấp dưỡng, nấu cơm cho cơ quan huyện. Còn thầy Độ giỏi võ, nếu thầy bằng lòng, tôi sẽ giới thiệu cho thầy nhập ngũ.

Khoan Độ cười:

- Tôi không làm lính được đâu. Tôi sẽ ở đây tạm một tháng, chờ xem thầy tôi có được thả ra như sư thúc nói không.

Trong một tháng ấy, sư Khoan Độ dạy Căn luyện võ. Hai người huynh huych với nhau suốt ngày trên bãi cỏ mềm. Quả nhiên, chừng một tháng sau, sư cụ Vô úy được thả. Sư Khoan Độ đến gặp tình đội Trần:

- Thừa sư thúc. Quả là người đoán việc như thần. Còn tôi, đã vào chùa mà còn nôn nóng. Tôi không thể làm lính. Tôi đã nguyện theo thầy tôi suốt đời rồi, để cảm tạ cái ơn thầy đã sinh ra tôi lần thứ hai. Bây giờ, tôi không thể về chùa Sọ được nữa. Nhưng thầy tôi vẫn còn cái am nhỏ ở sau lưng núi Yên Tử. Tôi đã được thầy cứu sống ở đấy. Nay, tôi lại về đấy để tu tâm dưỡng tính chờ lúc yên hàn lại trở về chùa Sọ hầu hạ thầy tôi.

Sư nói với Nguyệt:

- Cô Nguyệt ạ. Cô là con nuôi sư cụ. Cô cũng là em tôi. Có lúc cô chưa hiểu nhưng bây giờ chắc là đã hiểu. Em cứ yên tâm ở lại với gia đình sư thúc. Bao giờ em cần, lúc bấy giờ anh sẽ có mặt ngay. Anh đã thề rồi. Em hiểu chứ.

Cô gái ngậm ngùi cầm lấy bàn tay rắn như sắt, cụt một ngón tay của người sư huynh kỳ lạ.

Chú thích:

[1] Vách nhúng: Rơm trộn bùn vắt qua những lỗ mắt cáo tạo nên vách.

ĐỘI GẠO LÊN CHÙA

Nguyễn Xuân Khánh

www.dtv-ebook.com

Chương XVI

Lúc sư phụ tôi đau ốm, tôi đã mười bốn, mười lăm tuổi. Tôi đã đủ trí khôn để hiểu những điều phức tạp nhất. Tôi cảm ơn cái quãng thời gian quý báu ấy. Nó cho phép thầy trò tôi ngày đêm luôn ở bên nhau để chuyện trò đủ mọi thứ. Quãng thời gian ấy đã giúp tôi khai mở tâm hồn. Tâm hồn tôi là những trang giấy trắng tinh dễ dàng thấm thấu mọi điều tốt đẹp cũng như xấu xa. Có lẽ thầy tôi vui mừng vì người cho rằng đây là một duyên may. Và thầy là người đầu tiên đã viết lên trên những trang giấy trắng. Một bận, thầy hỏi tôi:

- Đã bao giờ con nghĩ đến câu hỏi: “Tại sao trên cõi đời này lại có rất nhiều người đi theo đạo Phật?”

Thực ra, điều ấy tôi chưa khi nào nghĩ tới. Hai chị em tôi là những kẻ khốn cùng. Cha mẹ chúng tôi chẳng may chết hết; sư cụ thương tình dang tay ra cứu nạn. Sau đó tôi trở thành chú tiểu. Đơn giản chỉ có vậy thôi.

Sư phụ để tôi suy nghĩ rất lâu, sau đó người mới nhẹ nhàng nói rằng:

- Con người ta, khi trông thấy sự độc ác, ai ai cũng bất bình.. Khi thấy người khác đau khổ, ai ai cũng động lòng trắc ẩn, thương xót. Lòng trắc ẩn là bước đầu của tâm từ bi. Tâm từ bi người nào cũng có. Đạo Phật lấy tâm từ bi làm gốc. Những tôn giáo lớn trên thế giới như đạo Phật, đạo Thiên Chúa đều rao giảng lòng từ bi, tình thương. Chính tâm từ bi, tấm lòng cao thượng sẵn có ở tất cả mọi người đã tạo nên sự hấp dẫn của đạo Phật. Lẽ tất nhiên giáo lý đạo Phật còn nhiều điều sâu sắc hấp dẫn con người như tứ diệu đế, bát chánh đạo, vô ngã, vô thường trung đạo v.v... nhưng đó là điều đến sau. Bước đầu tiên dẫn người ta đến với Phật thông thường vẫn là sự

hấp dẫn của lòng từ bi. Lòng từ bi thật giản đơn, nhưng sức hút của nó thật kỳ lạ và vô biên. Có những con người có trái tim rất cần cỗi, có thể nói độc ác, nhưng rồi có một phút nào đó, đột nhiên nghe được điệu âm của tiếng từ bi. Và thế là đột ngột thay đổi, và thay đổi hoàn toàn. Cứ như thế lột xác vậy.

Nói rằng từ bi là điều giản dị, ai cũng có và ai cũng hiểu, thực ra để hiểu nó và thi hành nó đâu có phải chuyện dễ.

Tôi vẫn tự hào rằng tâm hồn mình là một tờ giấy trắng tinh để thầy tôi viết những điều cao thượng tốt đẹp của đức Thế Tôn lên đó. Tuy nhiên, thực ra đâu phải như vậy. Tôi theo hầu sư phụ tôi đã mấy năm rồi, thế mà vẫn có nhiều đêm, tôi vẫn mơ thấy cái cảnh hãi hùng trong ngôi miếu hoang. Mơ thấy cái xác thầy tôi nằm trên vũng máu, đôi mắt trắng toát mở trừng trừng, cái cổ bị cắt mở ra toang hoác. Sau mỗi giấc mơ nhắc lại ký ức đau buồn xưa, thú thực lòng tôi lại sừng tấy lên sự hận thù. Nói đúng ra, mấy năm ở chùa, ánh sáng từ bi đã lóe lên trong tâm hồn tôi rồi. Tuy nhiên, chắc nó còn leo lét lắm. Lạy đức Phật từ bi. Sao đã mấy năm rồi mà con vẫn chẳng quên. Chẳng thể nào vươn được đến chỗ cao thượng. Thú thật, sự hận thù vẫn gặm nhấm lòng con. Cái hôm tôi đẩy xe bò đưa thầy tôi từ nhà giam phố huyện về chùa, tôi hỏi thầy tôi:

- Thầy ơi! Sao chúng nó tàn ác thế?

- A di đà Phật - Thầy tôi trả lời bằng câu niệm Phật chung chung. Tức là thầy tôi không trả lời hay né tránh câu hỏi.

Tôi lại hỏi tiếp:

- Thầy ơi! Thầy có thấy căm thù chúng không?

Thầy tôi bảo:

- A di đà Phật! Thực ra thầy vẫn tu chưa trọn. Bị người ta ngược đãi quá đáng, lòng thầy vẫn dâng lên oán giận.

Sự thành thật của thầy làm tôi ngạc nhiên và kính phục. Đối với một chú tiểu nhỏ bé như tôi, sư phụ cũng không giấu giếm sự kém cỏi của mình. Điều ấy còn có thể có nghĩa là thầy tôi muốn đạt tới chỗ vô hạn, đạt tới chỗ cao thượng tột cùng.

Thú thật, có những buổi chiều ở trên gác chuông tam quan, đánh những tiếng chuông ngân nga, tôi cứ suy nghĩ miên man, và có lúc tôi chột xấu hổ. Thực ra, suy nghĩ tâm hồn mình ví như một tờ giấy trắng tinh là một sự kiêu ngạo vô lối. Nhất là khi tâm hồn tôi đã bị một vết đỏ làm hoen ố. Tuy tôi còn nhỏ, nhưng cái chết của cha tôi đã ghi một vết hằn rất sâu, sự hận thù đã có lúc làm đầu óc tôi đen ngòm, tê dại. Sự yêu thương của thầy tôi, tiếng chuông chùa vang lên hàng ngày ngân nga, thực quả cũng làm vết thương hằn gần lại, nhưng sự đau đớn đâu phải đã hết. Thình thoảng, gặp một dịp nào đó, vết thương lại tấy lên. Nguyên nhân của sự sưng tấy lắm khi rất giản đơn. Ví dụ buổi chiều ngồi trên gác chuông nhìn xuống thấy người ta đi làm đồng về. Những đứa trẻ trạc tuổi tôi ngồi trên lưng trâu, có đứa nằm sấp trên lưng trâu ôm lấy cổ trâu, có mấy đứa con gái vừa dắt trâu vừa ríu ra ríu rít. Cảnh tượng thật thanh bình êm đềm. Thế mà bỗng dưng tôi buồn, buồn vô cớ, buồn băng quơ. Nước mắt bỗng dâng lên mi, cứ chực tràn ra. Tôi là đứa trẻ dễ xúc động. Tội phận chăng? Nỗi thèm khát một gia đình êm ấm chăng? Ghen tị với đời chăng? Tôi cũng chẳng hiểu được lòng mình nữa. Có lẽ chính vì thế nên tự thăm sâu trong lòng, tôi đã nhận sự cụ là cha mình. Cái hôm tôi đẩy xe bò, đưa người cha thứ hai của tôi từ phố huyện trở về, nhìn cái thân hình lở loét, chín phần chết một phần sống của thầy, thú thật là lòng hận thù trong tâm hồn tôi lại như sóng biển trào lên. Từ bi ư? Hận thù ư? sống thế nào mới phải? Đó là câu hỏi lớn trong tôi. Tôi đã nói tôi không phải là tờ giấy trắng. Ảnh hưởng đến tâm hồn tôi, ngoài cụ ra, còn có thầy giáo Hải. Thầy giáo có những luận giải về cuộc sống theo một góc độ khác. Hơn nữa, lại còn những sự kiện bên ngoài xảy ra hàng

ngày... Ngôi chùa đâu có thể đóng kín cửa đối với thế gian... Tất cả đều góp phần vào, cũng có thể nói tất cả đều có thể là mực để vẽ vào tâm hồn tôi. Dù những nét vẽ ấy nguệch ngoạc, thì chúng cũng vẫn là những nét vẽ.

Trong chuỗi ngày đặc biệt ấy, sư phụ đã kể cho tôi nghe tất cả đời mình. Trong đời mỗi con người, thường có những quãng đời đau ốm kéo dài phải nằm liệt trên giường bệnh. Đó là những chuỗi ngày rỗi rãi, không phải làm việc. Thông thường ở những thời điểm đó, người ta hay nghĩ lại những ngày đã sống. Đó là những hồi ức quý báu. Có thể nói, đó là những tổng kết nhỏ để con người rút ra những kinh nghiệm cho quãng đời sau đó.

Đối với tôi, được nghe những hồi ức của thầy, tôi như được đọc một cuốn sách, một cuốn sách sinh động, mà đôi đoạn cứ như truyện cổ tích. Có đoạn rất huyền hoặc, khó mà tưởng tượng nổi. Thầy tôi kể về người đệ tử đầu tiên của mình.

Vị đại sư huynh của thầy tôi là một động vật. Sư huynh là một con hổ. Hồi tu trên Yên Tử, một bạn đi rừng, thầy tôi nhặt được chú hổ con gần chết. Mẹ nó bị những người thợ săn giết chết. Mấy hôm trước, thầy bắt gặp mấy người khiêng con hổ lớn qua trước am. Sư phụ tôi nói:

- A di đà Phật. Đất đai ở đây thiếu gì. Sao các thí chủ không khai khẩn mà sống. Tội gì làm nghề săn bắn cho thất đức.

- Thừa sư phụ. Cũng là cái nợ đồng lần cả thôi. Trước kia chúng tôi làm thợ đốt than. Chính con hổ này đã vồ chết một người của chúng tôi. Vậy phải làm thế nào? Chúng tôi phải rình mò mãi mới giết được nó. Tưởng cũng là giúp dân vùng này được yên ổn làm ăn. Sư phụ mắng chúng tôi là mắng oan đấy ạ.

- A di đà Phật - Sư phụ tôi chẳng còn biết nói ra sao. Một người trong nhóm còn nói thêm:

- Chúng tôi giết nó nhưng còn một chút thương tình đấy. Nó bị mắc bẫy, chông đâm phòi ruột, nhưng còn chạy được một quãng mới chịu ngã. Lúc chúng tôi đến, thấy bên xác nó có một chú hổ con. Chúng tôi không bắt hổ con. Thường chúng tôi đã có nhời nguyện. Đi săn không bao giờ tuyệt diệt. Những con vật còn nhỏ không giết. Tuy không bị bắt, nhưng chú hổ con chắc là sẽ chết.

Bọn thường săn nói xong lên đường. Thầy tôi ở lại trong lòng bản khoán. Thầy tôi cứ nghĩ rằng người thợ săn chẳng nói toạc ra, nhưng có lẽ lời nói ấy là một lời gửi gắm. Sư phụ tôi thấy mình phải có trách nhiệm đi tìm con hổ con bị để lại trong rừng.

Đến hôm sau mới tìm ra nó. Không được bú sữa mấy hôm, chú thú hoang là đi gần chết. Trên mép con hổ nhỏ còn thấy máu khô. Có lẽ con vật không có sữa mẹ đã liếm máu trên cỏ mà sống tạm. Nó cũng khôn đáo để. Đến lúc đói gần mê man, nó còn biết lăn xuống một cái hố to có cỏ rậm che phủ. Thầy tôi đi tìm, trông thấy một con cáo đuôi đỏ đang đánh hơi trên mặt đất. Thấy ông sư, con cáo hoang chạy trốn, nhưng chỉ một lúc sau lại thấy cái đuôi đỏ xuất hiện tại vùng đất ấy. Thấy vậy, thầy tôi sinh nghi, liền quay lại tìm kiếm kỹ càng hơn. Vạch những bụi rậm, tìm những hang hố. Nhờ lục soát kỹ nên cuối cùng mới tìm ra chú hùm con mồ côi bất hạnh.

Thầy đem hổ về, lấy nước cháo bón cho. Rồi lại nhai cơm mớm cho như ta nuôi trẻ nhỏ. Bù trì ôm ẵm như vậy chừng nửa tháng thì chú hùm con hoàn toàn hồi phục. Từ đấy, nó như con chó nhỏ suốt ngày đêm bám gót sư thầy. Thầy tôi đọc kinh nó cũng biết nghe kinh. Thầy tôi ngồi thiền, nó cũng ra hè nằm lim dim đôi mắt. Thầy đặt pháp hiệu cho đại sư huynh của tôi là Khoan Hòa. Sư huynh oai phong lắm. Không có việc

gì, Khoan Hòa thường nằm ở đầu am như một con mèo vàng nằm ngủ. Hễ có người quen đến, Khoan Hòa mở mắt ra rồi nhắm lại ngay coi như chẳng có việc gì xảy ra. Khách cứ tự nhiên vào am. Nhưng cứ có người lạ đến, thì đôi mắt mở ra, không chịu khép lại và sáng quắc. Nếu kẻ lạ có

hành động bất thường thì Khoan Hòa từ từ đứng lên và gù gù trong họng. Mới chỉ có từng ấy cử chỉ thôi, khách đã hết hồn run lấy bầy rồi kêu cứu. Thầy tôi thấy vậy, từ trong am bước ra quát khê:

- Chú Hòa. Đừng làm vậy kéo khách sợ.

Chỉ trông thấy bóng thầy tôi là đại sư huynh đã vội nem nép nằm xuống.

Thầy tôi, về sau, kể lại chuyện ấy, đôi mắt tiếc thương vô hạn và thêm lời nhận xét:

- Thực ra sư huynh con tính nết đúng như cái tên Khoan Hòa mà thầy đặt cho. Hiền hòa lắm. Chưa làm thương tổn ai bao giờ. Cứ ít lâu sư huynh con lại bỏ nhà đi ít hôm. Nó vào những khu rừng thật xa, thật sâu. Chẳng ai gặp nó bao giờ. Và chính ta cũng chẳng biết nó làm gì trong những ngày ấy. Chỉ biết rằng khi trở về, nó lại hiền khô. Về sau, khi Khoan Hòa quá lớn, ta phải đào cho nó một cái hang bên sườn núi rồi rào tre chung quanh, kiểu như một cái cũi lớn để cho mọi người đỡ sợ.

Chú hùm có một tài năng đặc biệt, đó là tài có thể đoán nhận ra tâm tính con người ta. Ngày xưa, khi sư huynh Khoan Độ đến am, anh mê man bất tỉnh và người công anh là Thuồng Luồng. Chàng tướng cướp dũng mãnh này đặt Khoan Độ trước cửa am và đập cửa. Lúc Thuồng Luồng quay lại, anh ta bỗng hét lên. Một con hùm lớn đang ghé mũi xuống mặt Khoan Độ để ngửi. Thuồng Luồng vội thét lên khi con mãnh thú mắt sáng quắc nhìn anh và nhe răng gầm gừ. Cũng may lúc đó sư Vô Úy xuất hiện. Thuồng Luồng ở am mười hôm mà vẫn không tài nào làm quen được với con vật kỳ lạ. Cứ thấy anh là nó nhe răng, nó gầm gừ. Lắm lúc cứ như thể nó đang trong tư thế đang sắp nhảy lên vồ.

- Ta biết sư huynh con còn mang nhiều chất rừng rú hoang dại trong người. Phải gột rửa dần dần thôi. Nhanh cũng chẳng được. Người dạy thú,

mỗi lần con vật nghe lời, lại thưởng cho một miếng ăn. Ta không làm thế. Mỗi lần sư huynh con nổi xung, gầm gừ, ta lại ôm cổ nó mà vuốt ve, xoa dịu. Ta ghé mồm gần tai nó thì thầm “Đừng nổi nóng con ơi. Nóng giận làm ta mất khôn. Nóng giận sẽ tiếp nóng giận. Như sóng càng lúc càng mạnh. Con sóng sau hung dữ hơn con sóng trước. Chi bằng hãy nhắm mắt lại. Hãy tha thứ. Hãy khoan dung. Thế đấy. Thật mượt mà như bãi cỏ xanh. Thật lắng trong như hồ lặng sóng”. Ta nói nhẹ nhàng êm dịu. Ta không biết con vật có thể hiểu được tiếng người không. Nhưng ta biết lời từ bi của đức Phật thấm vào tay ta. Tinh thần của Phật nhuộm vào giọng nói, ánh mắt và vẻ mặt của ta. Nhất là vẻ mặt. vẻ mặt có tiếng nói đúng như tâm hồn ta suy nghĩ. Khó giấu đi được. Chính vì vậy, sư huynh con có thể biết con người qua vẻ mặt. Chính vì vậy, sư huynh con biết được Thường Luồng là người đã làm nhiều tội ác khó rửa cho sạch. Sự giảng dạy lòng từ bi của ta chắc cũng làm cho đức tính cao thượng ấy thức dậy trong lòng Khoan Hòa. Ta tin như vậy, vì sư huynh con đã bớt ác cảm với Thường Luồng. Tuy vậy hai bên vẫn không thân được với nhau. Và khi trông thấy anh ta, sư huynh con không gầm gừ nữa nhưng vẫn không hết được nét mặt hầm hầm rồi lầm lũi bỏ đi. Đối với Thường Luồng thì thế, nhưng đối với Khoan Độ sư huynh con lại tỏ ra khác hẳn. Không biết ngoài vẻ mặt, mùi vị từ thân thể con người tỏa ra biểu lộ chút gì cái tâm tính ẩn giấu bên trong không. Khi Thường Luồng đặt cái xác sư huynh Khoan Độ của con trước cửa am. Từ bên trong nhìn ra, ta thấy đại sư huynh của con ghé mũi sát mặt Khoan Độ rồi đánh hơi rất lâu. Lại còn thè lưỡi ra liếm lên mặt Khoan Độ, đáng vẻ không gây hấn, hoàn toàn hiền lành. Khi khỏi vết thương, Khoan Độ rất dễ dàng thân với Khoan Hòa. Ngoài ra, chỉ độc nhất Khoan Độ là người có thể ôm lấy cổ đại sư huynh của con. Thú thật, có lẽ chính vì thế nên ta mới thu nhận Khoan Độ làm đệ tử. Ta tin là đại sư huynh đã nghĩ thấy căn duyên trên người Khoan Độ. Còn Thường Luồng thì khác, anh ta chưa có căn duyên để sống trong am cỏ.

Sư phụ kể chuyện về đại sư huynh của tôi đến đây bèn dừng lại. Tôi nhìn vào đôi mắt của người chột nhận ra một nỗi buồn không tả được...

Thầy tôi run run kể tiếp:

- Rồi đến một đêm, ta và Khoan Độ đang ngủ trong am, bỗng thức dậy vì những tiếng động khác thường. Uôm uôm... Đại đệ tử của ta, chú hùm Khoan Hòa đang ra sức kêu náo động cả khu rừng. Tiếng kêu làm lũ khỉ ngủ trên cây dẻ cũng thức giấc cất tiếng kêu theo. Cứ như thế rừng động. Ta và Khoan Độ mở cửa ra sân. Hóa ra chú hổ sữa trắng. Bóng trắng qua những tán lá chày xuống, tạo thành những vũng vàng lổ chỗ loang loáng trên sân am. Hùm Khoan Hòa đứng mà kêu, ngửa cổ mà kêu. Nó bước đi loanh quanh cứ như thể người thấy gì trong làn gió rừng hiu hiu thổi. Ta ngó quanh. Khoan Độ phải đi quanh am thăm dò động tĩnh. Mấy vòng vẫn chẳng thấy gì khác lạ. Ta bèn đến bên chú hùm. Ôm lấy cổ nó, vuốt ve an ủi: “Con ơi! Con nhớ rừng chẳng? Thì đi đi. Hãy về với suối, với hang, với rừng đại ngàn cho đỡ nhớ. Bao giờ nguôi ngoai trong dạ thì trở lại với thầy”. Con vật nghe nói, chỉ hít hít người ta như muốn nói điều gì mà không diễn tả được. Ta dắt nó ra rừng nhưng nó lại quay về. Ta chịu không hiểu nổi hùm đang nghĩ gì.

Đến trưa hôm sau, có ba người khách lạ vào am xin nghỉ nhờ. Hùm Khoan Hòa lúc ấy ở trong hang có rào chắn. Nó đang lim dim ngủ bỗng chồm dậy, gầm gừ và liên tục đi đi lại lại, chẳng chịu dừng chân. Ba người lạ mặt ra sau am thổi cơm. Ăn uống xong họ lễ phép chào hỏi rồi tiếp tục lên đường. Bọn khách đi xa rồi mà hùm Khoan Hòa vẫn bồn chồn đi lại. Ta bảo nó: “Ta hiểu tại sao đêm qua con kêu và hôm nay con bồn chồn như thế. Có phải con đã người thấy, đã nhận ra đó là những con người đang đẳng đẳng sát khí. Ta cũng nhận ngay ra họ và bảo: “Ta không biết các anh là ai nhưng biết các anh có mưu đồ bất thiện. Đây là nơi tu hành, nơi đất Phật. Hãy từ bỏ những dự định đen tối. Có nhân là có quả. Hãy tránh nhân ác kéo mang vạ vào thân. Họ chối đây đây, thề sống thề chết là trong sạch. Ăn cơm xong, họ đi liền.

Sư Khoan Độ cảnh giác hơn thầy tôi. Mấy hôm sau, sư đi lùng sục khắp vùng. Sư đã tìm thấy một tảng thịt làm mồi và một cái chạm bầy hổ. Sư liền đi tìm hiểu khắp vùng, vốn xuất thân từ chốn giang hồ nên Khoan Độ tìm ngay ra tung tích của đoàn người chẳng khó khăn gì.

Đám này chắc không biết nên mấy hôm sau đã trơ tráo xuất hiện lần nữa. Họ nói dối không biết ngược rằng họ là đám đi tìm trầm hương. Sư phụ tôi nói:

- A di đà Phật. Các thí chủ nói dối kẻ tu hành này làm gì. Trong các vị đây, có vị nào tên là Ngói. Mấy năm về trước chính bản tăng đã gặp ông phó Gạch. Ông ấy là thợ săn. Ông thân sinh ra thí chủ chết rồi phải không? A di đà Phật, cầu mong cho ông cụ chóng được vãng sinh vào cõi tịnh độ. Thí chủ có biết không. Chính ông phó Gạch đã bắn chết con hổ mẹ sinh ra con hùm ngoài kia đó. Ông cụ giết con mẹ nhưng không muốn mắc tội tuyệt diệt đối với hổ con. Làm người phải có đức hiếu sinh. Ông cụ dù sao cũng có một nửa đức hiếu sinh, thế mà còn mang tội. Chẳng lẽ các thí chủ lại muốn làm trái với lời nguyện của cụ phó Gạch hay sao. Ông cụ phó Gạch sinh ra ông Ngói. Đấng sinh thành ra ông Ngói cũng như đấng sinh thành ra các thí chủ...

Nghe sư phụ tôi giảng dài dòng nhưng có tình có lý, bọn thợ săn tránh hình bị lột mặt nạ, cũng thấy ngược. Họ lại thề thốt rằng quyết không bao giờ đụng chạm đến con hùm mồôi, người đệ tử quý báu của thầy.

Thầy tôi thấy vậy yên lòng. Mà bọn thợ săn cũng giữ lời hứa. Không thấy họ bén mảng tới vùng am thờ Phật của thầy tôi nữa. Cứ tưởng cuộc sống lại được quay trở về bình thường.

Ai ngờ, ác nghiệt thay! Đám thợ săn không giết sư huynh tôi ở gần, nhưng họ lại tìm cách giết sư huynh tôi ở xa. Cũng như mọi khi, một bận sư huynh tôi bỏ am vào rừng thăm vài hôm. Lần này sư huynh đi đến nửa tháng không về khiến thầy tôi vô cùng lo lắng.

Một đêm, đang ngủ thây tỉnh giấc, ngồi bật dậy bảo sư Khoan Độ:

- Anh Độ à, anh Hòa gặp nạn rồi. Anh dậy đốt nén đốt nhang lên cho tôi cầu Phật phù hộ cho nó.

Sáng hôm sau, sư bác Khoan Độ cõm nải lên đường vào rừng thẳng theo hướng đi của đại sư huynh. Không thấy tăm tích. Chỉ được nghe những người thợ đốt than kể:

- Bọn thợ săn gài cạm ở một bến nước, nơi chỉ có vết chân thú dữ. Một con hổ rất tinh khôn bị sa bẫy. Báo tinh khôn cũng đứng mà báo nó can đảm cũng đứng. Bọn thợ săn gài cạm, mấy hôm sau quay lại thì chỉ thấy một chiếc chân hùm còn nằm trong cạm. Ở chiếc chân thấy nhám nhờ những vết cấn gặm. Thì ra con vật bị mắc bẫy đã cắn đứt chiếc chân rồi tập tễnh lui vào rừng. Theo vết máu, họ tìm đến một chiếc hang sâu thăm thẳm. Con vật đã lê đến đây và chui vào hang, quyết không chịu chết trong tay phùng săn.

Hang nhỏ và sâu. Chẳng ai biết có gì chờ đợi mình trong đó. Bọn thợ săn đành thở dài quay về.

Một ông bạn nhà nho lên am thăm sư phụ tôi, nghe câu chuyện, bèn nói rằng.

- Sao cụ lại dạy cho hùm chữ từ bi. Rừng thẳm có luật rừng thẳm. Cụ dạy cho nó chữ từ bi tức là cụ tước mất của nó cái sự bảo vệ sinh tồn rồi.

Thầy tôi nghe vậy chỉ thở dài, rồi ngồi gõ mõ tụng kinh suốt một ngày. Tôi biết thầy tôi buồn vì cái chết của sư huynh tôi nhiều lắm. Buồn mãi đến tận hôm nay. Kể xong câu chuyện, sư phụ bảo:

- Hai chữ từ bi dù sao cũng được nhiều người mang giữ mặc dù mang giữ nó có khi thiệt vào thân. Nhưng nếu hai chữ ấy mà bị mất đi hoàn toàn

chắc chắn con người sẽ bị rơi lại vào thời mông muội. Thiếu nó, con người sẽ chẳng còn là người.

ĐỘI GẠO LÊN CHÙA

Nguyễn Xuân Khánh

www.dtv-ebook.com

Chương XVII

Sư bác Khoan Độ và cô Nguyệt phải thăm rất nhiều lần và đi ngoắt ngoéo mãi mới tìm được nhà bà Năm nằm ở đồi Đom Đóm, xóm Trúc. Đó là khu rừng tre nứa. Nhà bà Năm nằm ở lưng chừng một quả đồi nhỏ. Nhà nằm dưới tán rừng thưa. Thưa nhưng đủ để che giấu con mắt soi mói của những chiếc máy bay bà già có lúc bay là là trên đầu cánh rừng để dò xét. Quả đồi tên gọi Đom Đóm vì ở đây có rất nhiều loài sâu bọ biết bay mang ánh sáng xanh lơ ấy. Cái Huệ thích cái tên ấy vì nó gợi nhớ cho cô nhiều kỷ niệm ở làng Sọ quê nhà. Mà cũng lạ thật! Không hiểu sao đom đóm tập trung ở đây nhiều đến thế. Nhất là ở ven suối, và ở cái ao, tức là một vũng nước rộng, do người ta lấy đá ngăn dòng suối lại. Đom đóm nhiều là do ở đây ẩm, lại lắm mùn, điều kiện tốt cho sâu bọ phát triển.

Những đêm tối trời, ngồi ở thềm nhà bà Năm nhìn ra, đom đóm từ dưới khe bay lên thật thích. Như thể vỡ tổ đom đóm vậy. Mới đầu chỉ có vài con nối đuôi nhau bay là là chập chờn, tạo thành những vệt dài dài xanh lơ trong bóng đêm. Sau đó, ở đâu mà đom đóm tỏa ra lắm thế. Chúng bay bồng bay la loạn xạ. Cảm giác như một lũ trẻ tinh nghịch đang vui đùa ríu ra ríu rít. Trong đêm đen, những hột sáng long lanh nhảy nhót như sao sa. Cuối cùng, đột nhiên, chúng biến đi đâu hết sạch. Chắc trận gió to vừa mới từ khu rừng tre thức dậy đã xua đuổi, lùa quét chúng sang thung lũng bên cạnh. Nhưng chỉ một lát sau, lại thấy một đợt đom đóm khác từ dưới khe nhoi lên. Cảm giác như có những đợt sóng đèn vô hình, vô thanh đang nối tiếp nhau trườn trôi trong bóng đêm. Hơi thở của núi, hơi thở của rừng phập phồng chằng?

Cả những đêm có trăng ngồi ngắm đom đóm cũng lạ. Lúc ấy, ánh sáng của chúng hòa vào ánh trăng, tuy vậy nhìn cho thật kỹ vẫn thấy bóng của

chúng. Trong bao la bàng bạc, chúng chỉ là những vết phẩy mờ và ảo trang trí trên tấm lụa đêm màu sữa loãng.

Chị Nguyệt và cái Huệ thường hay im lìm ngồi bên nhau ngắm đom đóm bay. Chị Nguyệt ít nói, nét mặt lúc nào cũng buồn buồn. Những lúc ấy, nhìn cái dáng nghiêng của chị trong đêm mờ ảo, Huệ thấy sao chị Nguyệt đẹp một cách lạ lùng. Cái Huệ tuy ít tuổi nhưng rất tinh. Nó biết chị Nguyệt lo lắng cho thầy giáo Hải, người chồng sắp cưới của chị phải nằm ngay trong hang ổ của địch. Và lo cả cho chú tiểu An nữa chứ. Huệ biết tình cảm đặc biệt giữa hai chị em Nguyệt và An. Nó biết chuyện lúc An mới sinh, mẹ của họ ốm nặng, và chị Nguyệt mới bảy tuổi đầu đã phải bế em đi ăn mày xin sữa cả làng cho em khỏi chết. Chả trách An coi chị Nguyệt như là mẹ.

Bà Năm dắt Nguyệt vào cơ quan phụ nữ huyện. Bà Năm thông minh nhanh nhẹn nên được đề bạt, chuyển từ chân nấu ăn sang làm cán bộ phụ nữ. Nguyệt được tuyển vào cơ quan, thay bà Năm làm chân nấu bếp. Trên danh nghĩa, Nguyệt làm “chị nuôi”, song thực chất cô làm linh tinh đủ việc, có lúc làm liên lạc đưa giấy tờ công văn, có lúc làm sai vặt, có lúc nấu cơm, lại có lúc làm người bảo vệ khi chị bí thư xuống xã. Khi kiểm điểm hàng quý, mọi người đều khen Nguyệt tích cực, làm việc gì cũng chu đáo. Tuy nhiên, còn phê bình nét mặt của Nguyệt lúc nào cũng ủ dột. Người ta bảo làm cách mạng là phải cứng rắn lạc quan. Hoàn thành công việc tốt nhưng hay buồn bã cũng vẫn là khuyết điểm. Nguyệt trả lời:

- Ở chùa tôi cũng như vậy, song sư cụ không mắng. Có lẽ đã quen mất nét đi rồi.

Cán bộ có vẻ không bằng lòng với cách tiếp thu phê bình ấy. Riêng chỉ có bà Năm thông cảm với Nguyệt. Bà không tán thành những lời nói mang tính chất nâng quan điểm ấy. Bà nói với Nguyệt:

- Cháu cần nghĩ cho thoáng. Những chuyện gì nằm ngoài tay ta không thể thay đổi khác được thì phải chấp nhận. Cứ để cho mọi sự diễn biến. Rồi tùy theo mà ta hành động. Buồn bã cũng chẳng giải quyết được gì.

Riêng Huệ, em thương chị Nguyệt và làm vơi nhẹ khuây khỏa chị Nguyệt theo cách của em. Em luôn quấn quýt bên chị, rồi thỉnh thoảng thủ thỉ dăm câu theo cách của em. Như đêm nay, trên thềm nhà, câu chuyện giữa hai chị em thật chẳng đâu vào đâu cả.

- Chị à, sao ở đây lại lắm đom đóm thế nhỉ? Nhiều hơn ở làng Sọ chúng mình.

- Ở nhi. Nhiều thật!

- Bãi tha ma làng Sọ cũng nhiều, song chả thấm gì so với ở đây.

- Có lẽ thế. Ở tha ma làng mình, đom đóm không nhiều như đây. Thỉnh thoảng mới có vài ba con từ tha ma vượt rào bay vào vườn chùa. Lại một điều, cứ vào trong chùa là chúng bay tới ao bèo. Chị và bà vãi Thầm ở cạnh ao bèo nên biết rõ. Đom đóm ở đấy thưa thớt hơn nhưng chúng to hơn đom đóm ở đây.

- Sao mà biết?

- Biết chứ! Đom đóm ở đây chỉ bằng hạt đỗ xanh. Còn đom đóm ao chùa nhà chị thì to bằng cái nụ hoa nhài.

- To đến thế cơ à!

- Chứ sao. Chú An đã bắt nên chị mới biết. Mới lại đom đóm ở đây là vong linh con sóc, con thỏ, con chuột dũi trong rừng nên chúng nhỏ. Còn đom đóm ở tha ma làng là vong linh của người ta nên phải to hơn.

- Là vong linh hả chị?

- Chứ sao! Chả thế mà mỗi tối, cứ trông thấy đom đóm bay vào nhà, là bà vải Thầm lại xuýt xoa khăn vải. Bà Thầm bảo đó là những vong linh lang thang. Bà cụ khăn vải cho đến lúc nó bay ra thì thôi.

Nói đến đây, chị Nguyệt bỗng cười khúc khích. Hiếm khi thấy chị cười nên Huệ hỏi:

- Sao chị cười?

- Nhớ đến thằng An chứ sao. Nó nghịch lắm. Đã đi tu rồi mà vẫn còn nghịch.

- Nghịch thế nào?

- Nó bắt đom đóm nhốt vào lọ. Nó núp sau nhà, rồi thả dần đom đóm vào trong nhà. Bà vải Thầm khăn mãi con đóm thứ nhất mới chịu bay ra. Nhưng sau đó tiếp tục có con đom đóm thứ hai, rồi thứ ba. Thành thử bà cụ cứ phải lầm rầm cho đến nửa đêm mới thôi.

Huệ nghe xong cũng phải khúc khích cười theo:

- Ai ngờ cái chú tiểu này nghịch ngầm quá thế. Bao giờ về làng em phải mách chuyện này với sư cụ.

- Thì thế! Chị cấm, nhưng nó cứ trêu bà cụ Thầm mãi. Về sau, chị dọa mách sư cụ nó mới chịu ngừng.

Những chuyện tưởng chừng như vớ vẩn ấy lại làm cho Nguyệt thấy vui. Và hai chị em càng ngày càng thêm thân thiết. Cả những chuyện về thầy giáo Hải cũng góp phần vào để tăng thêm tình thân ấy. Nguyệt thì ôn lại những kỷ niệm về thời thơ ấu của An. Huệ thì nói lại về thầy giáo Hải vốn là hàng xóm với gia đình em. Mang tiếng là vợ sắp cưới của thầy giáo, nhưng sự thực Nguyệt có biết gì nhiều lắm về Hải đâu. Hai người có cùng những người thân quen. Và sự kể lể về những người thân quen ở xa ấy tạo

nên những sợi dây vô hình gắn bó hai cô gái lại với nhau. Đến nỗi bà Năm phải thốt lên:

- Hai đứa quấn quýt nhau đến thế. Đáng lẽ chúng mày phải là chị em ruột của nhau mới phải.

Huệ rất hồn nhiên, ríu rít ân cần với chị Nguyệt. Nó tưởng rằng điều đó hoàn toàn xuất phát từ sự thông cảm. Nó có biết đâu đằng sau sự hồn nhiên đó còn là sự thích thú. Nó muốn biết và biết thật nhiều về chú tiểu An, về người bạn học. Biết để làm gì nhỉ? Chẳng để làm gì cả. Chỉ muốn biết, đơn giản thế thôi.

Cứ tưởng thằng Căn là người thô lỗ vô tình chẳng chú ý đến người khác. Thực ra không phải. Vụng về thì đúng, còn vô tình thì không. Căn ở dưới nhà ngang nơi vừa ở vừa làm bếp. Có những tối, nó cũng lên nhà trên ngồi thềm hè hóng chuyện. Khi cái đèn chai thả sáng lên ở giữa nhà. Vài ba con ve sầu ngoài rừng thấy ánh sáng bay vào nhà. Để tỏ lòng thông cảm với hoàn cảnh của chị Nguyệt nên nó nhắc tới An:

- Chị Nguyệt ơi! Em học được thằng An, nên mới biết ăn ve sầu rang lên đấy - Nó cười khi khi - Chị biết không, dạo trước đánh nhau với nó, em đã nhét con ve sầu sống vào mồm thằng An đấy. Bây giờ nghĩ lại thấy buồn cười, và lại thấy thương thằng An nữa chứ.

Căn thật lúng túng. Câu chuyện của nó chẳng đâu vào đâu cả, nhưng chắc chị Nguyệt hiểu tấm lòng của nó.

Nói chung, mỗi người trong gia đình ông Trần đều có cách riêng của mình để cảm thông với Nguyệt. Bà Năm cũng có cách của bà. Bà đối xử với Nguyệt như một người cô dạy dỗ cháu. Một hôm bà hỏi:

- Các con đã bao giờ được ăn loại bánh rán đặc biệt của làng Sọ chưa?

Huệ hỏi:

- Nó có khác gì bánh rán ngoài chợ mà ai cũng đã được ăn hả mẹ?

Bà Năm cười:

- Không phải thứ bánh rán mặt to như quả trứng mà các con thường thấy. Đẳng này là thứ bánh rán to, rõ to. Có khi nó to bằng cái mâm đồng. Bánh đặc biệt mà. Mẹ nghe nói ngày xưa mang đi tiến vua. Thực ra tiến vua thì mẹ chưa thấy. Nhưng bánh rán đám cưới thì mẹ thấy. Ngày xưa, trong đám cưới của làng Sọ, bất cứ đám nào nhà trai cũng phải đội đến nhà gái một chiếc bánh rán to như vậy đặt trên chiếc mâm đồng. Lại phải chọn một cô tổ nữ trẻ và đẹp, váy chùng chấm gót, khăn vấn hồng, áo nâu non, thắt lưng hoa lý đội mâm.

Cái Huệ cười giòn:

- Hôm nay mẹ cũng làm một chiếc bánh rán to như vậy chứ?

- Gớm! To như thế lấy gạo đâu mà làm. Hôm nay, chỉ bằng cái đĩa đại thôi cũng đủ cho cả nhà nếm thử.

Thế là buổi sáng hôm ấy, bốn mẹ con, cô cháu tíu tíu xay bột, rây bột, rán bánh. Kể ra làm bánh rán như vậy cũng cầu kỳ thật. Bột phải theo tỉ lệ ba nếp, một tẻ. Bột phải nhỏ tăn, mịn màng. Bí quyết đặc biệt là phải có cây duối. Hái một rổ lá duối đem về cho vào cối giã nhỏ. Khi giã, đổ vào ít nước. Khi nào lá duối nhuyễn thì vắt từng nắm, chiết ra một thứ nước xanh xanh. Nước lá duối trộn với bột cho thật đều, thật quánh. Rán bánh có phần tốn kém vì phải rán vông mỡ. Hôm ấy, bà Năm phải đành đổ ra cả một vò mỡ để dành từ hôm đựng lợn ăn Tết. Điều ấy làm bà cứ xuýt xoa mãi. Chiếc bánh trong chảo lớn cứ phồng mãi ra, cho tới lúc nó choán hết lòng chảo. Cứ phồng rộp lên chỗ nào, lại lấy đũa chọc vào chỗ ấy. Cuối cùng là giai đoạn tẩm mật. Lấy mật giọt hòa với nha nhỏ đều khắp cả hai mặt bánh. Chiếc bánh rán to đến nỗi đĩa lớn đựng cũng không xuể. Phải đặt nó lên mâm, nhưng mâm không có, nên phải trải lá chuối trên mặt rồi đặt nó vào.

Cả nhà vui vẻ xúm quanh chiếc bánh rán kỳ diệu. Mặt bánh phủ mật bóng nhoáng. Tưởng như nó óng ánh phát sáng. Thăng Căn hỏi:

- Không biết bánh có cứng không? Có phải lấy dao chặt không?

- Không cứng mà giòn tan. Tay bẻ cũng được. - Bà Năm trả lời.

Đến lượt cái Huệ nói như tiếc rẻ:

- Bánh ngon thế này mà thầy con không có nhà.

- Vắng nhà thì để phần. Bánh này ăn hàng tháng vẫn ngon, vẫn giòn tan. Nó là thứ phẩm vật tiến vua. Cũng có thể dùng làm thức ăn dự trữ.

Nguyệt xen vào:

- Cháu cũng đã được nghe sư cụ nói về những chiếc bánh mật cúng Phật như thế. Đến hôm nay mới được tận mắt nhìn.

Bà Năm cười sung sướng.

- Thì hôm nay cháu biết làm rồi đấy. Sau này yên hàn về chùa, cháu cứ như thế mà làm. Tự tay làm cúng Phật càng quý chứ sao. Chỉ cần nhớ cúng Phật thì không được dùng mỡ. Phải dùng dầu mà rán.

Đời người ta giống như bản giao hưởng dài, đủ cả buồn vui, hạnh phúc. Những phút như thế này, giản dị thôi, tầm thường thôi, nhưng chắc chắn đó là những phút giây hạnh phúc. Nó là những dấu lặng để ta nghỉ ngơi trong bản nhạc dài. Những phút như vậy giữa con người nạp thêm năng lượng để có thể bước tiếp trên cõi thế gian đầy bất trắc này. Điều này chắc là đúng đối với Nguyệt, bởi vì cô sắp phải trải qua thử thách. Thử thách mà không dễ gì con người chịu đựng được.

Cả nhà để dành phần cho ông Trần một nửa chiếc bánh. Mãi một tuần sau ông mới về. Bánh cất trong thạp gạo, lấy ra vẫn thơm nức, giòn tan.

Ông Trần về cùng một ông khách. Đó là chủ tịch tỉnh kiêm phó bí thư tỉnh tên là Trí. Ông Trí con cụ Tập mà một thời vợ chồng bà Năm đã ở thuê nhà tại cái xóm rau muống phía Nam Hà Nội. Cụ Tập đã dạy Trần nghề cắt tóc. Bà cụ lại dạy Năm gánh rong đi bán rau muống ở các phố phường. Chính ông Trí đã dẫn dắt Trần vào con đường cách mạng. Lâu lắm mới gặp lại, cô Năm vui lắm, cứ tíu tít kể lại chuyện xưa. Rồi sai con giết gà đãi khách. Ông Trí bẻ miếng bánh rán ăn rồi nói:

- Thú thật, là dân làng Sọ nhưng đã lâu lắm tôi mới được nếm lại thứ bánh đặc biệt này của quê ta. Hình như đã lâu lắm rồi người ta gần như quên mất cách làm.

- Thì bác ra ở tỉnh bao năm, rồi sau đó lại khói lửa loạn lạc nữa, ai có thể làm thứ bánh cầu kỳ này. Tôi nhân ngày rỗi rãi nên giở giói ra trước là để dạy các cháu, sau là để đãi khách.

Ông chồng cười:

- Bà này tài. Có cái thiên lý kính hay sao mà biết bác Trí về chơi nhà ta hôm nay. Mà lại làm bánh trước cả một tuần cơ chứ.

- Đúng thế đấy. Tuần trước có con chim khách suốt cả ngày kêu râm ran ngoài ngõ. Mấy lại, ông chẳng biết hay sao, cô Nguyệt đây cũng là khách của nhà ta. Cũng là khách của nhà bác Trí. Cô ấy sắp làm dâu làng Sọ, làm dâu cả nhà họ Bùi đấy.

Cũng lúc ấy, Nguyệt và Huệ ở ngoài suối về. Cô Nguyệt được bà Năm giới thiệu với ông Trí, chọt đỏ bồng hai má. Ông Trí quan sát cô kỹ càng như người xem tướng. Ông hồ hởi nói với cô:

- Chị Nguyệt phúc hậu lắm. Bác Hải nhà tôi lấy được thật có phúc lớn... Tôi cũng xin giới thiệu: tôi và bác Hải là hai anh em chú bác. Đứng về thế thứ họ tộc, tôi là em vì là con nhà chú. Chúng ta có họ hàng với nhau đấy. Chính thức cưới xong, tôi phải gọi chị Nguyệt bằng chị.

Nguyệt càng đỏ bừng mặt. Cô cúi đầu lễ phép:

- Thưa ông chủ tịch. Tôi không dám ạ...

Cả nhà nhìn Nguyệt lúng túng, cùng cười vang.

Họ Bùi và họ Nguyễn là hai họ danh tiếng trong làng Sọ. Họ Bùi phát về đường nghiên bút. Họ Nguyễn phát về đường hào lý. Ông nội của Trí là cụ Bùi Huân là bạn đồng môn với Nguyễn Long. Cụ Huân đỗ tú tài ở khoa thi cuối cùng triều Nguyễn. Cụ Long không đỗ đạt nhưng làm chánh tổng. Đến đời Bùi Học, Bùi Tập, khoa thi chữ nho bỏ, nhưng ông Học vẫn làm ông đồ, và như ta biết, đã xảy ra cái giai thoại một hào mua được chức lý trưởng. Ông Tập nhờ trí thông minh đã tranh được chức lý trưởng và bá Phụng bị thua. Lần đầu tiên họ Bùi làm hào lý làng Sọ, nhưng cũng vì tranh quyền nên gia đình khánh kiệt, Bùi Tập phải bỏ làng ra Hà Nội làm nghề thợ cạo. Ông Học để ra thầy giáo Hải, ông Tập để ra ông Trí. Còn về phía họ Nguyễn, ông chánh để ra quản Mật. Đến đời này hai họ lại phân ra theo hai ngã khác nhau. Ông Mật định làm giàu bằng cách đi buôn về sau sung vào lính Pháp. Còn Bùi Trí và Bùi Hải ngã theo con đường cách mạng.

Cả ngày hôm ấy, Nguyệt cứ có cảm giác như ông Trí rất quan tâm đến mình. Cả ông Trần cũng vậy. Họ như xem tướng cô, chú ý đến lời ăn tiếng nói của cô, cách xử sự của cô. Ngạc nhiên hơn nữa là hình như họ rất biết rõ về thân thế của cô, về ngôi chùa của cô, về sự cụ, về em An. Ông Trần như muốn thông báo cho cô rõ:

- Chú tiểu An lanh lẹn tháo vát lắm. Nhờ cậu ấy tận tụy chăm sóc, sự cụ đã khỏi rồi. Chống nặng đi lại trong chùa một mình được rồi. Cô yên tâm về cụ và cậu An rồi chứ.

Đến tối, Nguyệt mới hiểu ra sự việc: Họ gọi cô xuống nhà ngang nơi Căn ở. Hai cha con gọi nhau ra đời nói chuyện. Chỉ còn ông Trí và Nguyệt.

Ông nói:

- Chị Nguyệt làm việc ở Hội Phụ nữ có gì khó khăn không?

- Thừa thủ trưởng, em chỉ nấu cơm, đưa công văn. Chẳng có gì khó khăn. Nhưng các chị phê bình em còn ít nói và buồn.

- Chúng tôi định bố trí cho chị làm một công việc khác. Việc này cần một người bình tĩnh ít nói.

- Em ít chữ lắm. Việc khó quá em không làm được đâu.

- Việc không khó, song phải bình tĩnh và can đảm.

- Can đảm ư? Em dốt lắm. Hôm bị vây trong rừng Cò, em run lắm, khi Tây đi càn, nhất là lúc con chó Tây đứng trên nắp hầm rồi sủa...

- Thế nói đại, nhờ ra hôm ấy lầy nó bắt được chị thì sao?

- Lúc ấy em run lắm. Em vừa lo sợ, vừa nghĩ rằng, nếu chúng nó bắt được mình, chúng sẽ làm nhục. Nếu thế mình sẽ cắn lưỡi. Thà chết đi còn hơn để nó giày xéo.

Ông Trí gật đầu, đôi mắt chớp khẽ:

- Ừ, thế thì được. Chị làm được việc này.

- Việc gì ạ? Thừa thủ trưởng.

Ông Trí không trả lời thẳng vào câu hỏi mà lại nhận xét:

- Chúng tôi đã nghiên cứu kỹ về chị. Chu đáo trách nhiệm với công việc. Giao việc gì cứ lằm lũi làm cho xong mới thôi. Chị phụ trách phụ nữ huyện khen chị lắm đấy. Chị em cùng công tác người ta phê bình này nọ. Ừ thì mình nghe. Cái chính, cái cốt yếu mà làm trọn mới là điều chính. Ông

cụ bà cụ sinh ra chị bị Tây nó giết phải không. Chính cái thằng Bernard, thằng Tây lùn ấy nó giết chứ ai. Mà anh Hải cũng đang làm việc ở P.C. Huyện. Người của ta đấy. Chị cũng biết rồi, tôi chẳng phải nói. Anh ấy hoạt động bí mật trong lòng địch hàng ngày cận kề bên cái chết. Nguy hiểm lắm... chị có muốn giúp anh ấy không? Mà chị có căm thù cái loại thực dân như thằng Bernard không?

- Muốn chứ! Đồng chí thủ trưởng ạ. BỐ tôi bị nó giết.

Nhìn gương mặt rầu rầu của Nguyệt lúc đó đang cúi xuống,

ông Trí nghĩ một lát, rồi mới tiếp:

- Tỉnh và huyện có kế hoạch như thế này. Phải mở rộng khu du kích, tức là nhổ những đồn bốt quanh vùng làng Sọ. Nhất thiết phải làm chúng co cụm lại ở bốt PC. Huyện, hoặc nếu thấy chín mùi, nhổ hẳn cái bốt huyện đi... Chúng nó đã gây tội ác nhiều lắm rồi. Dân vùng Sọ cũng khổ lắm rồi. Ai ai cũng mong được giải phóng. Muốn thế từng người phải góp tay vào. Đồng chí giao liên bí mật của ta ở khu vực ấy mới hy sinh một tháng nay... Thế nào, đồng chí hiểu tôi định nói gì rồi chứ... Chị sẽ được tập trung hướng dẫn tỉ mỉ trong một tháng... Công việc này giản dị thôi nhưng vô cùng quan trọng và cũng vô cùng nguy hiểm. Tôi phải nói rõ với chị về tính chất nguy hiểm của công việc. Bởi vì đây là công việc quân báo. Đối thủ của chúng ta chính là phòng nhì của Pháp, là thằng Tây lùn Bernard. Chính anh Hải chồng chị đang trực tiếp đối mặt với Bernard. Liệu chị có thể giúp anh ấy hoàn thành nhiệm vụ được không. Chúng tôi đã nghiên cứu kỹ rồi. Để chị chấp nối lại liên lạc với anh ấy lúc này là thuận tiện hơn cả.

Trung úy Bernard Martinot phụ trách phòng nhì của P.C. Huyện, có người mẹ Phật tử - bà Thu, là một người hiền từ. Nếu còn sống, chắc bà không thể tin được rằng đứa con mình lại có thể thành một người tàn độc đến vậy. Vì đã sống như một người Việt, sinh hoạt như một người Việt, nên Bernard càng nguy hiểm vô cùng. Ở đây là cuộc phủ nhận, tẩy rửa dòng

máu trong một con người. Cho rằng máu da vàng là hạ đẳng, như nhớt, nó làm hạ thấp mình xuống, cho nên Bernard cố ngoi lên, cố tẩy rửa những gì là bản xứ trong mình đi. Những thù hận cá nhân cộng với sự cố gắng ngoi lên làm Bernard trở thành con người cực đoan. Cực đoan để trở về với người cha, để trở thành người đích thực da trắng. Mới chưa đầy ba mươi tuổi, Bernard đã lột xác mấy lần, và lần thay đổi nhân dạng này là lần thay đổi quyết liệt nhất.

Đối với Thalan, đại úy chỉ huy PC., Bernard có hai thái độ. Thứ nhất, thèm muốn giống như ông ta. Thứ hai, có chút ghen tị, không phục và ngầm ngầm mâu thuẫn với Thalan. Đại úy có dòng máu quý tộc trong người. Ông lại là người luôn hãnh diện với những giá trị cao quý của nước Pháp biểu hiện trên lá cờ tam tài. Ông là người dân chủ, cho nên chưa bao giờ ông biểu lộ sự coi thường đối với những cấp dưới của mình. Tuy nhiên, trung úy Bernard vì có mặc cảm nên cứ thấy viên đại úy chỉ huy trưởng PC. rất cao ngạo. Đại úy luôn ăn mặc chỉnh tề. Chiếc áo sơ mi trắng luôn trắng tinh. Tất cả đều được là ủi phẳng phiu. Người thợ giặt là phố huyện cứ ba hôm lại lấy hàng, trả hàng riêng cho Thalan. Rồi đám sĩ quan cận thân quanh Thalan cũng vậy. Khi đến văn phòng của đại úy, Bernard thường nghĩ như sau:

- Cái trò học đòi đây mà! Bắt chước sao nổi đại tướng De Lattre. Cứ bao giờ cũng là cú. Mượn lông công cũng có bao giờ trở thành công.

Có thể đó là mặc cảm tự ti của một kẻ mang máu tạp chủng, chứ thực ra có bao giờ Thalan coi thường Bernard đâu. Và tự nhiên hình thành cái xung đột ngầm ngầm trong lòng viên trung úy đối với đại úy.

Thalan là chính thống. Ông muốn công cuộc bình định phải tiến hành song song cả chính trị lẫn quân sự. Phải đàng hoàng đi con đường chánh đạo. Nước Pháp là một trung tâm văn hóa tỏa sáng. Điều ấy có thật. Trách nhiệm của quân đội viễn chinh là phải làm cho người Việt Nam bị chinh

phục bởi văn minh của nước Pháp, hay ít nhất bị chinh phục nhưng không oán hận.

Còn Bernard thì nghĩ khác. Do có nhiều va chạm với Việt Minh, do bản thân muốn lột xác dứt khoát, nên Bernard càng ngày càng cực đoan. Hắn nghĩ chiến tranh là chiến tranh. Đó là máu và lửa. Phải độc địa như loài rắn. Phải thâm hiểm xảo quyệt như loài chó sói. Làm bất cứ điều gì, chỉ cốt cuối cùng chiến thắng. Bởi vì chỉ có người chiến thắng mới là người có lý.

Phải nói sự cụ Vô úy còn được sống sót là nhờ đại úy Thalan. Ông nói: “Nhà sư cũng là người dân. Vậy họ phải chịu sự quản lý của quân đội Pháp. Tuy nhiên, không được phép xử bừa xử oan. Nếu không đủ bằng chứng thì phải thả người ta ra. Vả lại làng Việt nào cũng có chùa, Phật giáo là tôn giáo chính của người Việt. Bắt bớ người đi tu là điều tối kỵ. Nước Pháp là văn minh. Văn minh là tôn trọng các tôn giáo. Có như thế, người dân mới phục chúng ta”.

Chắc ở đây cũng có hận thù dính líu. Sau khi ông lý cảm bị du kích giết, bà Thu bỗng năng đi chùa, Bernard quý mẹ nhưng thấy mẹ mộ đạo quá cũng phải gắt:

- Sao mẹ suốt ngày tháng đi chùa? Mê tín gì những ông sư hồ mang đó.

Bà Thu buồn rầu:

- Sao con ăn nói báng bổ thế. Cậu mà chết thế tức là nhà ta có điều thất đức. Tao đi chùa là để giồng cây đức, tao đi chùa là để giải tội cho con. Chắc cha con ngày xưa có làm việc oan khiên. Chắc là mẹ cũng mắc nhiều tội lỗi...

- Tội gì mà tội. Tội lợi xuống sông - Bernard cáu kỉnh văng tục rồi bỏ đi.

Khi bà Thu sắp chết, bà căn dặn các bà em làm lễ cầu siêu cho mình. Thế là các bà đi tổ chức linh đình lễ cầu siêu trên đình. Nào sư gõ mõ, nào vãi tụng kinh, nào chạy đàn, nào đốt hình nhân. Giá như vào ngày trước kia, Bernard chắc vui vẻ làm hết mọi chuyện. Còn như vào lúc bấy giờ, anh ta đã hoàn toàn nghĩ khác rồi. Những chuyện đó chỉ còn tác dụng làm cho anh ta thấy phiền phức, khó chịu. Và những cảm nghĩ không thiện cảm với mấy ông sư bắt đầu xuất hiện trong anh ta từ đó. Rồi sau đêm hôm chạy đàn, mấy ông sư còn kêu ca, mè nheo các bà dì Bernard về chuyện tiền nong. Điều ấy khiến Bernard càng thêm khó chịu. Những nhà sư quá ham tiền đó đã biến sự khó chịu chuyển thành ác cảm.

Về phụ trách phòng nhì ở PC. Huyện, Bernard đã chú ý ngay đến các ngôi chùa. Anh ta bảo:

- Những chỗ tưởng như từ bi nhất, yên lành nhất có thể là những điểm sóng gió. Vô từ bi của nó làm ta mất cảnh giác không chú ý. Việt Minh có thể xâm nhập từ đấy.

Đến lúc phát hiện ra hầm bí mật ở chùa Sọ, trung úy Bernard lấy làm đặc ý về những nhận định của mình. Kể ra đại úy chỉ huy PC. cũng có lý. Ông là người chỉ huy cả khu vực. Ông không thể thuần túy quân sự. Phải có con mắt chính trị. Ông hiểu thuần túy quân sự sẽ chỉ là việc ban đầu. Nếu thiếu chính trị, mầm chống đối sẽ như căn bệnh âm ỉ, chỉ chờ dịp là phát ra. Cho nên khi không đủ bằng cứ, ông không cho phép khủng bố nhà sư. Còn Bernard, anh ta hoàn toàn nghĩ khác Thalan. Anh có chất da vàng trong người. Từ thuở nhỏ trung úy đã sống giữa người Việt nên anh hiểu họ rất rõ. Hơn nữa anh đã tiếp xúc với Việt Minh, lại có nhiều bà con bên ngoài làm Việt Minh, nên anh hiểu tính khốc liệt không thể tưởng tượng nổi của cuộc chiến tranh chống du kích này. Ở đây tất cả đều được phép. Hãy dùng những mưu sâu kế hiểm độc địa nhất. Hãy không tin bất cứ ai dù là một bà già, một trẻ nít. Không được phép may mắn có lòng nhân đạo, có đức từ bi. Một chút xíu mùi lòng sẽ dẫn tới cái chết. Hoặc là mi chết, hoặc

là ta chết, không có lựa chọn trung gian. Những kẻ chỉ nghĩ đến chiến tranh cao thượng, chiến tranh chính quy, chỉ là những con vẹt cầm súng. Họ chỉ gây phiền phức rắc rối và dẫn cuộc chiến của người Pháp đến bế tắc, nếu không nói là thất bại. Ở giai đoạn này hãy chỉ nhắc tới cái gậy, và không nghĩ đến củ cà rốt. Triết lý quân sự của Bernard ở xứ sở này là: Đối với cuộc chiến du kích khốc liệt một, thì người Pháp cần phải sử dụng cuộc chiến phản du kích tàn khốc gấp mười. Bernard tin rằng, trong quân đội viễn chinh, chẳng thiếu gì người cùng chia sẻ những suy nghĩ giống mình. Và nếu họ chưa nghĩ như thế, thì hãy để họ ra trận; cuộc chiến có tính chất nguyên thủy sẽ dần làm họ say máu. Và hãy khuyến khích cho họ say máu.

Cách suy nghĩ rất là phòng nhì ấy đã giúp Bernard không bị bó tay. Đôi tay hoàn toàn tự do cho phép hắn có nhiều mưu kế, không bị phụ thuộc vào người chỉ huy PC. Thalan yêu cầu hắn không tra khảo nhà sư nữa và phải thả ông cụ về. Tuy nhiên có ai cấm hắn theo dõi ngôi chùa. Và lại, những người theo dõi ấy là những chỉ điểm viên, không ăn mặc nhà binh; thậm chí Thalan cũng không có quyền biết mặt họ.

Bernard bố trí chỉ điểm viên theo dõi chùa Sọ cả hai mươi bốn tiếng, song chẳng thấy hoạt động gì khác lạ. Điều ấy vẫn không xua tan được mối nghi ngờ của viên trung úy. Bằng sự bén nhạy, hắn vẫn cảm thấy có mối liên lạc giữa người chỉ huy Việt Minh Vô Trần với ngôi chùa. Hắn biết Vô Trần đi tu từ thuở nhỏ. Như vậy, dù là Việt Minh chẳng nữa, tình cảm của anh ta với ngôi chùa là rất sâu nặng. Tình cảm của người Việt vốn như thế. Giữa những người đã sống một thời gian dài cùng nhau dưới mái chùa, tình cảm của họ với nhau thiêng liêng lắm. Chẳng khác gì những người cùng một cha mẹ. Họ khó mà bỏ rơi nhau, nhất là trong một tình thế hiểm nguy. Phải kiên nhẫn giăng lưới mới bắt được cá. Có khi lại phải giăng rộng tấm lưới ra thật xa.

Hắn còn đang tính toán thì lại nhận được nhiều thông tin chứng tỏ rằng có điệp viên Việt Minh đang hoạt động trong nội bộ PC. Huyện. Hắn

lên danh sách những người nghi vấn, và cho theo dõi gắt gao. Như vậy ngôi chùa không phải là trọng điểm mà chính cái phố huyện này mới là nơi hẳn cần chú ý. Như vậy nghĩa là cái giác quan thứ sáu của hẳn đã sai. Hẳn không tin như vậy. Chẳng hiểu sao hẳn cứ bám lấy cái nghi vấn ngôi chùa. Một ý nghĩ bỗng lóe trong óc. Nếu không phải những người trực tiếp ở chùa, thì vẫn còn những người gián tiếp dính líu tới nó. Đại đội trưởng Vô Trần, sư Khoan Độ, cô Nguyệt đã đi theo Việt Minh thì rõ ràng rồi. Ông chánh Long bạn của sư cụ, các bà vải già thì sao? Những người này quản Mật có thể bảo đảm. Thử đi xa hơn nữa; thử đi tìm những con người tưởng như xa lạ với ngôi chùa, xa lạ với giáo lý đạo Phật, nhưng thực chất lại rất gần bó với ngôi chùa bằng những liên hệ khác. Những người này ta rất dễ bỏ quên. Chẳng hạn như đội Hải. Viên đội này định lấy cô Nguyệt, nhưng sau khi cô Nguyệt trốn theo Việt Minh, anh ta rất bình thản với chuyện mất vợ chưa cưới. Bernard đã sống giữa lòng người Việt nên anh ta biết. Nếu cuộc hôn nhân này có xảy ra, thì nó cũng hoàn toàn mang tính lý trí. Người ta hỏi rồi người ta cưới. Nếu không thành, người ta chuyển sang hỏi người đàn bà khác. Ở Việt Nam hiếm có hôn nhân theo kiểu tình yêu Tây phương. Hôn nhân ở đây là sự sắp xếp gia đình, sự ghép đôi hoàn toàn lý trí. Cho nên, không thể nói ăn hỏi một người đàn bà là đã có mối liên quan mật thiết với gia đình người đàn bà. Ở đây gia đình cô Nguyệt là ngôi chùa. Tuy nhiên, đó cũng là một mối liên hệ xa mà Bernard cần lưu ý.

Trung úy bắt đầu điều tra nghiên cứu đội Hải. Bernard càng lúc càng ngạc nhiên vì thấy viên đội này thật không đơn giản. Đội Hải họ Bùi, họ hàng với Bùi Trí một cán bộ Việt Minh cấp cao của tỉnh. Tuy nhiên điều này vẫn chẳng nói được gì. Bởi vì nước Pháp là nước văn minh. Con người chỉ chịu trách nhiệm về bản thân mình, chứ không chịu trách nhiệm về những người cùng dòng họ. Hải không có liên hệ gì với Trí. Từ bé chỉ chăm học. Lớn lên làm thầy giáo, không hoạt động chính trị. Anh ta giỏi tiếng Pháp. Ra làm thông ngôn cũng chỉ vì sự tranh chấp giữa hai dòng họ Bùi và Nguyễn. Muốn ra làm thông ngôn cho PC., để tạo sự cân bằng giữa hai dòng họ, để cho họ Bùi khỏi bị lép vế trong làng xã.

Chính đại úy Thalan cũng muốn lợi dụng điểm này. Quản Mật họ Nguyễn, là người có uy thế trong vùng. Nếu chỉ riêng dùng Mật, ông ta cùng bè cánh sẽ làm che lấp nhiều sự thật mà người Pháp cần biết. Cho nên, phải dùng cả thầy giáo Hải. Họ Bùi từ xưa vẫn có tiếng trong vùng. Dưới triều Nguyễn có nhiều người họ Bùi làm quan to. Lại có tiếng là dòng họ khoa cử, học giỏi. Cả thầy giáo Hải cũng vậy. Nếu không vì gia đình túng thiếu, chắc chắn anh ta sẽ là một nhà trí thức có bằng cấp cao. Ngay cả cái tiếng Pháp của anh ta hiện nay cũng đáng nể trọng. Một thứ tiếng Pháp chính xác về ngữ pháp, và chải chuốt về ngôn ngữ. Anh ta ăn nói thận trọng, chỉnh tề, đúng là tư cách của một người dòng dõi văn hóa. Đại úy Thalan thích cái nết đó. Anh làm thông ngôn cho đại úy ít tháng, rồi được điều về bột Sọ nửa năm, tiếp theo lại chuyển về làm việc cũ với Thalan và được thăng chuẩn úy. Xem thế mới biết Thalan rất quý anh ta. Điều chuyển về bột địa phương chẳng qua là cách tạo điều kiện cho Hải được thăng cấp nhanh. Và thế là chuẩn úy thông ngôn Bùi Văn Hải lọt vào tầm ngắm của trung úy phòng nhì Bernard Martinot.

Chuẩn úy Hải là quân nhân, nhưng vì làm thông ngôn và lại được đại úy Thalan yêu quý, nên được hưởng một quy chế tương đối tự do thoải mái hơn những người lính khác ở PC. Nghĩa là mỗi tuần anh được về nhà một hai ngày nếu không có việc khẩn cấp. Những ngày ấy Hải không về làng, mà ra nghỉ ở nhà bà cô ruột ở ngay phố huyện. Bà cô góa chồng, không con, sống nhờ vào cái cửa hàng tạp hóa nhưng chủ yếu là bán tương, nước mắm, cá khô... Hải vẫn chu cấp cho cô sống, nhưng bà cụ hay làm vẫn tiếc, không chịu bỏ nghề bán hàng vặt. Ngôi hàng suốt ngày đêm sặc mùi mắm cá, có cái hay là khiến các ông Tây, các sĩ quan đi qua tạt vào chơi không thể ngồi lâu được.

Như ta đã biết, Hải bí mật hoạt động cho kháng chiến, nên cửa hàng tạp hóa này là một vỏ bọc khá an toàn.

Lúc này, chuẩn úy Hải đang bần khoản lo lắng. Không hiểu vì nguyên cớ gì, đột nhiên anh mất liên lạc với cấp trên. Có phải cái hôm vây chùa, khi đi cứu Nguyệt, anh đã có sơ hở gì nên đã bị lộ tung tích? Anh đã ngồi nhớ lại từng hành động, từng khoảng thời gian, anh đã làm gì, anh đã ở chỗ nào, anh đã gặp ai, đã nói chuyện với ai, đã nói những câu gì. Nghĩ lại, Hải thấy hoàn toàn hợp lý, trong khu rừng Cò khi ấy chỉ có anh và Nguyệt. Không ai trông thấy anh ở đấy. Giả định có thể có một người thoáng thấy, thì người đó cũng đã bị sư Khoan Độ bóp chết rồi. Có thể việc làm của anh hôm ấy như có chút phiêu lưu. Tuy nhiên, anh lấy làm hãnh diện vì việc làm của mình. Bởi vì việc làm này đã có kết quả: Nguyệt đã thoát chết. Vậy thì chỉ có một khả năng thứ hai, người liên lạc với anh đã hi sinh. Điều này, Hải đã đoán đúng. Không phải chỉ riêng người liên lạc với Hải chết, mà cả tổ tình báo ba người đã hi sinh trong một trận ném bom của giặc vào khu an toàn của ta.

Mấy tháng không bắt được liên lạc với tổ chức, Hải thấy sốt ruột. Tuy nhiên, cũng có cái hay là trong thời gian ấy Bernard cho người theo dõi nhưng không thấy hiện tượng gì khác lạ nên sự chú ý không còn ráo riết như trước.

Một ngày chủ nhật, bà cô đang ngồi trông hàng, lúc ấy vắng vẻ không có khách, chợt có cô gái đội nón sùm sụp, tay cặp rổ đi vào nhà.

- Cụ ơi! Cho cháu hỏi thăm anh Hải thông ngôn có nhà không ạ?

Cô gái nói nhưng vẫn ngoái đầu nhìn ra sau lưng.

- Có đấy. Anh nó mới ở đồn ra sớm hôm nay. À... mà cô là ai lại hỏi thăm anh Hải nhà tôi.

- Cháu đây mà. Cụ không nhận ra à.

Bà cụ kèm nhèm nên chưa nhận ra ai, thì cô gái đã lách qua cái cửa ngách vào nhà trong. Bà cụ thấy lạ lật đật vào theo. Lúc bấy giờ cô gái đã

bỏ nón và thì thào:

- Cháu là Nguyệt đây.

Chuẩn úy Hải từ ngoài sân bước vào, nắm lấy tay cô mừng mừng tủi tủi. Cô gái cũng xúc động nhưng vội gỡ tay anh ra:

- Ở ngoài phố nhiều lính lắm. Em sợ có đứa nhận ra. Em được tình giao nhiệm vụ thay chị Hồng liên lạc với anh.

- Thế còn Hồng?

- Chị ấy hi sinh rồi. Bị bom anh ạ.

Bà cô lúc ấy mới nhận ra Nguyệt. Bà lấy tay bóp vai bóp tay Nguyệt, rồi ngắm nghía cô từ đầu đến chân.

- Rõ khổ! Cái hôm Tây vây chùa, cô cứ lo cho mà mãi. Mấy đêm chả ngủ được. Sau thằng Hải bảo chạy thoát rồi tao mới yên lòng. Thế... để cô đi nấu cơm cho mà ăn nhé.

- Không được đâu cô ạ. Con phải đi ngay.

Lúc hai cô cháu thì thào, Hải đứng ngoài cửa hàng canh chừng. Chỉ một lát anh quay vào:

- Có một bọn lính vào quán thịt chó. Em phải đi ngay thì đừng qua đây. Rẽ ngay vào ngõ cầu Đá trước đó qua cầu là đến cánh đồng. Qua cánh đồng là vào làng Chùa...

- Em biết rồi - Cô ghé sát mặt Hải nói thật nhỏ - Chỉ thị của trên ở trong mớ rau muống ấy.

Hải nhìn thấy bà cô đứng ở cửa đã quay lưng lại, anh liền ôm lấy Nguyệt để nghe tiếng trái tim cô đập rộn lên, để ngửi cái mùi thơm ngọt

ngào ở tóc cô, cổ cô tỏa ra, để cảm nhận cái luồng hơi thở nóng như lửa của cô phả vào má, để nghe thấy cái giọng êm ru thanh thanh của cô rót vào tai:

- Thôi... nào... để em đi nhé.

Hôm ấy, phiên chợ huyện. Mưa rất to cho nên chợ họp muộn. Bà cô già cũng mở cửa hàng muộn. Hơn tám giờ sáng mà bà chưa tháo mở những tấm ván lùa, bà chỉ mở hé cái cửa bên để nhờ có khách quen đến mua thì biết rằng bà vẫn bán hàng.

Người khách mở hàng là một cô gái. Cô cởi tấm nilông che mưa màu xanh rữ nước, rồi đẩy cửa bước vào. Bà vừa định cất tiếng hỏi, thì cô gái đã nhanh nhẩu, khe khẽ:

- Cháu đây mà. Cháu Nguyệt đây bà ạ.

Bà cụ bỗng tươi nét mặt và cũng nói nhỏ nhỏ:

- Vào đi. Anh nó ở trong nhà.

Khi hai người đưa nhau xuống bếp thì thăm, bà cụ đã lấy chiếc ghế đầu ngồi bên cánh cửa canh chừng. Ở trong bếp, thầy giáo Hải háo hức ôm chặt lấy Nguyệt, rúc mũi vào ngực nàng. Cô gái giãy giụa đẩy ra, vừa đẩy vừa ngửa cổ cười rúc rích.

- Nào nào... Đừng dẫn đi nào...

- Sao thế - Chàng thông ngôn có vẻ dỗi.

Cô gái sờ vào má chàng như muốn an ủi:

- Vội lắm. Em phải đi ngay. Ở bất đường cái, chúng nó khám kỹ lắm. Chỉ thị ở trong rổ ấy.

Cô gái nhanh như chớp hôn vào má Hải. Cô vội vàng đến như cơn gió, rồi lại ra đi nhanh như cơn gió. Cô không trở ra theo cửa chính, mà xé rào lội xuống ruộng ngay ở sau nhà. Chuẩn úy Hải còn tần ngần đứng ở bụi tre nhìn theo cô gái khoác tấm nilông xanh đi giữa cánh đồng lúa đã uốn câu. Anh còn có thể đứng lâu nữa nhìn theo cái bóng xanh cứ nhỏ dần, nhưng bỗng giật mình tỉnh lại, đi đến bên hè cầm cái rổ đem vào bếp. Còn chưa kịp làm gì, anh đã nghe bà cô gọi:

- Anh Hải! Có khách.

Hải lấy cái mẹt đập rổ cá lại, bước vội lên nhà, đơn dả chào đón mấy người nhà binh.

- Xin chào trung úy Bernard. Cơn gió lành nào đã đưa trung úy đến thăm nhà tôi hôm nay sớm thế?

Bernard cười cười, đảo mắt nhìn khắp căn nhà rồi ra cửa sau nhìn xuống bếp, sau đó mới lên nhà ngồi xuống chiếc ghế dựa:

- Gió lành nào đâu. Hôm nay chủ nhật, lại đúng phiên chợ. Tôi định đi dạo quanh chợ một lát xem dân tình, nhưng ngài đại úy triệu tập một cuộc họp khẩn cấp. Chuẩn úy cũng phải có mặt. Tôi liền nhận nhiệm vụ liên lạc cho nhanh chóng. Chuẩn úy cũng đã quân phục chỉnh tề rồi nhỉ? Thôi nước nôi để khi khác... Ta mau về họp cho chóng vánh. Chủ nhật, còn phải nghỉ ngơi.

Chuẩn úy Hải liếc mắt qua đã cảm nhận thấy có cái gì không ổn trong nét mặt, giọng nói của Bernard. Điều ngạc nhiên hơn nữa là hai người tùy tùng của Bernard toàn là hạ sĩ quan của phòng nhì cả. Khi ra đến đường, sự ngạc nhiên nghi ngờ của anh hầu như đã được xác định. Lúc này, Bernard đi tách sang một bên, còn Hải đi giữa, hai viên hạ sĩ quan phòng nhì kèm hai bên. Hải hiểu ngay mình đang trong một tình thế nguy khốn. Anh lập tức nghĩ ngay đến cách đối phó mà anh đã phải tính toán từ trước.

Họ dẫn anh đến đại sảnh của PC. Trung úy Bernard và chuẩn úy Hải bước vào. Hai viên hạ sĩ khép cửa lại và đứng gác bên ngoài. Chỉ thấy có ba người, Hải biết đây không phải cuộc họp, mà là cuộc hỏi cung sơ bộ. Đại úy Thalan vẫn bằng cái giọng nghiêm nghị, lạnh lùng, trung tính như mọi ngày.

- Ông chuẩn úy Hải. Theo như tin tình báo, cô Nguyệt, vợ chưa cưới của ông hiện nay làm liên lạc cho Việt Minh. Ông trung úy buộc tội ông vẫn liên hệ với cô ta. Không phải mối liên hệ trai gái mà là mối liên hệ có tính chính trị. Ông trả lời thế nào về việc buộc tội này. Ông là thuộc cấp của tôi. Nếu ông vô tội, tôi sẽ bảo vệ ông. Còn nếu có đủ bằng chứng, tôi không giúp được ông đâu. Vì vậy ông nên khai thực và hãy bảo vệ bản thân.

Chuẩn úy Hải suy nghĩ một lát rồi trả lời:

- Đúng cô Nguyệt là vợ chưa cưới của tôi. Việc cô ta làm liên lạc cho Việt Minh tôi hoàn toàn không biết. Trước đây, chúng tôi sắp sửa cưới nhau thì có cuộc vây chùa. Cô ta là đàn bà, cô sợ bị quân đội bắt bớ, sợ phòng nhì, bỏ trốn, tôi nghĩ đó là lẽ tự nhiên.

- Tôi xin hỏi ông một điều - Trung úy phòng nhì lên tiếng - Điều này rất quan trọng. Hiện nay ông có liên hệ với cô Nguyệt không?

- Cô Nguyệt là vợ chưa cưới của tôi. Tôi xin nhắc lại - Và đó là chuyện riêng của tôi. Tôi nghĩ tôi được phép không trả lời câu hỏi này.

Bernard mở chiếc cặp, lấy ra một xếp ảnh, quăng ra trước mặt Hải. Đó là những tấm ảnh mà người ta chụp lén khi Nguyệt đứng ở trước cửa hàng tạp hóa của bà cô già. Nguyệt ngoái đầu nhìn lại phía sau. Bernard có vẻ đắc ý:

- Ông nhận ra cô Nguyệt vào ngày chủ nhật 25 tháng ba chứ. Hôm ấy cô ta ở nhà ông đúng ba mươi phút.

Hải quay sang đại úy Thalan nói như để phân bua:

- Với hai người sắp tới hôn nhân, tôi nghĩ, những tấm ảnh này cũng chẳng chứng minh được điều gì. Có thể cô Nguyệt trốn ra vùng du kích. Nhưng cô ta về thăm chồng chưa cưới điều đó chẳng lẽ không được phép?

Bernard nhú mày lại, rồi cười:

- Thế còn sáng nay, trước đây hai mươi phút thôi, cô Nguyệt về thăm ông, điều này ông có chối không? Và hiện nay cô ta ở đâu? Đó là điều chúng tôi cần biết.

Hải còn đang nghĩ cách trả lời, thì người hạ sĩ mang vào một chiếc phong bì. Bernard lấy ra tấm ảnh mới đưa cho đại úy Thalan:

- Chúng tôi muốn chuẩn úy phải thành thật. Đây là một tấm ảnh mà người của chúng tôi mới chụp cách đây vài mươi phút. Cô ta vừa mới vào nhà ông. Cô ta đã nói với ông những gì. Hiện nay cô ta trốn ở đâu?

Hải liếc nhìn tấm ảnh mới còn chưa khô mà Thalan đưa cho anh. Hải vừa định trả lời, thì Bernard vội giật lấy nó, rồi trở mắt nhìn một lúc, sau đó bỗng vỗ tay xuống bàn miệng mỉm cười rồi đứng lên chỉ cho Thalan:

- Đại úy có nhìn thấy cái gì không?

- Cái gì?

- Đây này. Đúng rồi. Còn cái rổ cô ta cặp ở tay. Đúng rồi. Cái rổ.

- Cái rổ? Sao?

- Thưa đại úy. Nó giấu tài liệu trong cái rổ.

Những người hạ sĩ quan phòng nhì được sai đến ngay cửa hàng tạp hóa của bà cô già. Họ lục tung căn nhà. Mười phút sau, họ tìm thấy cái rổ

đậy bằng cái mẹt còn nguyên trong bếp. Họ mang đến. Đại úy Thalán nhìn thấy một mớ cá chép nằm con tai trâu. Bernard thân hành khám từng con cá chép trước mặt đại úy Thalán. Cuối cùng, hắn moi ra được cái ống sậy nhỏ hơn ngón tay út, đút trong miệng con cá to nhất. Hắn reo lên như bắt được vàng. Xé cái ống ra, bên trong là tờ giấy pơluya cuộn lại bé hơn điều thuốc lá. Hắn đặc ý:

- Thế nào Hải. Con vợ mày là Việt Minh. Tao không ngờ mày cũng là Việt Minh. Hết cãi rồi chứ. Mày có biết cái hiệu ảnh xế trước mặt nhà bà cô mày không? Năm trước nhà cụ chánh Long ăn khao, chính mày đã nói dối là thuê thợ ảnh ở đây về chụp. Tao cho gọi thằng chủ hiệu ảnh, nó sợ vãi cứt khai ra hết. Từ dạo ấy tao đã nghi mày, nhưng cứ tưởng chỉ là trò tranh giành giữa họ Bùi và họ Nguyễn. Ai ngờ mày đã là Việt Minh từ dạo ấy. Con ơi! Muốn sống thì khai hết đi. Không giấu được bố mày đâu.

Đại úy Thalán lắc đầu đứng dậy. Trước khi đi, ông ta nói với Hải:

- Ông đã phụ lòng yêu quý của tôi. Bây giờ, tôi chẳng còn có thể giúp được ông nữa rồi. - Sau đó quay sang Bernard ông lễ phép nói - Thưa trung úy, còn bây giờ là nhiệm vụ của ngài. Tôi không có quyền can thiệp nữa.

Việc phát hiện ra chuẩn úy thông ngôn Bùi Văn Hải hoạt động cho Việt Minh có tiếng vang lớn trong đơn vị quân viễn chinh. Trung úy Bernard được thăng hàm đại úy. Còn đại úy Thalán thì thôi giữ chức chỉ huy trưởng PC. Huyện và được chuyển sang đơn vị chiến đấu khác. Thực ra, điều này Bernard không muốn, nó nằm ngoài ý định của Bernard. Anh ta khác với Thalán về quan điểm chiến tranh, chứ thực ra trong thâm tâm anh vẫn rất quý trọng Thalán. Ở Thalán, cái nét quý tộc thuần Pháp, cái nét cao thượng ấy, Bernard dù mơ cũng không có được. Do vậy, tối hôm ấy đại úy Thalán mời riêng Bernard đến uống rượu chia tay, anh lập tức nhận lời ngay.

Ngồi trên hai cái ghế bành gỗ gụ, mặt đá kiểu Tàu, họ uống rượu vang, hút thuốc lá thơm và tâm sự. Hai người cùng làm việc với nhau đã bốn năm rồi, kể từ hồi P.C. còn nằm trên đỉnh núi Thần Lăn. Họ có lạ gì tâm tính của nhau. Thalan cười mỉm bắt đầu câu chuyện.

- Từ lúc anh tuyển người giúp việc, tôi đã hiểu trung úy ngay. Anh còn nhớ cái vụ ba người lính bảo hoàng chuyên chọn những tù binh trẻ và khỏe rồi mổ bụng lấy gan xào ăn chứ?

- Làm sao tôi quên được - Bernard cười giòn - Ôi chao! Bọn thằng Lâm, thằng Hà, thằng Tuyên. Bọn này tin rằng những đứa du kích ấy là những kẻ táo tợn, gan lì. Ăn được gan kẻ thù can đảm, thì mình sẽ can đảm hơn.

- Đó là một niềm tin thơ ngây, nguyên thủy, hoang dã còn sót lại đến thời hiện đại. Chính thiếu tá De Robert bạn của tôi đã đưa bọn ấy ra tòa. Và chính anh là người đã cung cấp tiền thuê luật sư, rồi chạy chọt giúp cho chúng được trắng án. Chả vậy mà khi về dưới quyền anh, chúng đã cúc cung tận tụy với anh. Cái cách dùng người ấy anh học được ở đâu?

- Thuở nhỏ, tôi ham đọc sách cổ của Tàu. Tôi học được từ trong sách. Từ cả ngoài đời nữa chứ. Anh không hiểu cái nghĩa khí anh hùng hảo hán Đông phương đâu. Đó là:

Một lời đã biết đến ta

Muôn chung nghìn tứ cũng là có nhau.

Nói rồi Bernard uống cả một cốc rượu vang lớn. Còn Thalan thì càng uống càng trầm ngâm:

- Tôi chợt nhớ tới lời một người bạn ở Saint Cyr. Anh ta bảo rằng: “Ở thời đại chúng ta có rất nhiều chính ủy”. Anh cũng là một chính ủy đấy.

- Sao? Tôi, Bernard là một chính ủy - Bernard cười vang ồ ồ.

- Phải! Có chính ủy phía tả. Cũng có chính ủy phía hữu. Chính ủy là người say mê cuồng tín một thứ tư tưởng, hết lòng vì tư tưởng ấy cho dù phải chết.

- Nghĩa là có thể có chính ủy Nhà thờ, chính ủy Phật giáo... Điều này tốt hay là xấu. Như tôi chẳng hạn, tôi hết lòng hết sức vì sự vinh quang của nước Pháp. Tôi tốt hay tôi xấu?

- Tôi cũng chẳng biết nữa - Thalan buồn rầu trả lời. - Có những lúc, những người cứu vớt thế gian. Và cũng có những lúc, những người làm khổ thế gian... À mà thôi! Ngày mai tôi lên đường rồi.

- Người ta chuyển anh đi đâu?

- Có lẽ tôi lên Tây bắc. Lên Điện Biên Phủ. Dù sao ở đây tôi cũng được đánh nhau theo kiểu hiện đại. Mặt đối mặt. Súng đối súng. Dù sao ở đây tôi cũng được làm như một người lính. Còn ở đây, không hợp với tôi. Lắm lúc tôi chẳng biết mình đánh nhau với ai. Giết toàn đàn bà và những người không có súng.

Đó là những tháng giữa năm 1953, lúc quân ta và quân Pháp chuẩn bị vào một cuộc quyết chiến cuối cùng. Ở P.C. Huyện ta cũng ráo riết chuẩn bị nhổ bốt phá tề mở rộng vùng giải phóng. Ta cũng muốn biết địch. Địch cũng muốn biết ta. Do vậy, ngày nào chúng cũng tra tấn Hải bằng đủ mọi cách. Chúng cáu kỉnh vì chẳng moi được một lời từ miệng anh. Hôm nay Robert dùng biện pháp cuối cùng. Đó là trò “lặn trên cạn”. Kẻ bị tra tấn nằm trên một cái giường. Hai tay bị trói vào giường. Chân cũng thế.

Hải nằm trên giường tra tấn, mắt nhắm lại. Anh đã chịu đủ mọi cực hình từ đánh đập dã man kiểu trung cổ đến tra điện. Thân thể sưng vù chỗ nào cũng có vết thương. Chân thì gãy. Anh không phải người cuồng tín, cũng chẳng mang tư tưởng anh hùng. Anh đã học trường Pháp, đã giao tiếp

với người Pháp. Anh đã học những tư tưởng cao đẹp của dân tộc họ. Và đã thấy sự ngạo nghễ vênh vang của những con người da trắng, lúc nào cũng tự vỗ ngực, lúc nào cũng miệt thị hành hạ những người đồng bào hiền lành khốn khổ của dân tộc mình. Không thể chịu đựng được nữa. Chỉ có thể thôi. Và bão tố đã nổi lên rồi. Và các người phải ném trái cái túi nhục cay đắng mà các người đã đổ xuống đầu chúng ta. Đơn giản lắm. Chỉ có thể thôi. Và giờ phút tàn lụi của họ sắp đến. Có như thế các người mới cuồn điên như con thú giãy chết. Đấy, cái lập luận của Hải đã có thể chịu đựng được sự hành hạ tàn khốc của địch chỉ giản dị thế mà thôi. Tiếng Bernard vang lên trong đầu Hải:

- P2 là gì? P7 là gì? (Đó là những mật ngữ mà Bernard đã nhét trong tờ giấy nhét trong miệng con chép tai trâu).

- B5 là gì? KN là gì? Mà phải khai. Nếu không hôm nay mà phải chết.

Hải trả lời rất điềm tĩnh:

- Là những năm mờ. Sẽ có rất nhiều năm mờ...

Hải biết số phận của mình. Không khai chúng cũng giết. Khai chúng cũng giết. Mà cách mạng và chiến thắng lại rất cần đến sự im lặng của anh. Vậy thì Hải im lặng. Sự bình tĩnh, sự nhắm mắt ở phút giờ ấy lại giúp anh nghĩ tới hình bóng Nguyệt. Những ngày bị tra tấn liên miên, anh đã quá thờ ơ với hình bóng ấy. Có lẽ đây là những phút linh thiêng, vì chỉ có sự linh thiêng mới dắt ta trở về với những điều quý báu thật sự của đời người mà nhiều khi ta quá vô tâm đã quên đi. Cũng chẳng hiểu sao anh lại cất tiếng cầu nguyện trong tâm khảm, cầu nguyện giống như Nguyệt mà xưa kia có lúc anh đã chế giễu, cầu nguyện như một Phật tử, mặc dầu chưa bao giờ anh là Phật tử “A di đà Phật! A di đà Phật...”. Đó là nhu cầu tâm linh của con người ở những phút tột cùng chẳng? Hay anh đã là Phật tử ở một tiền

kiếp nào đó, mà chúng tử của nó vẫn ngủ yên trong vô thức của anh đến lúc tột cùng này mới thức dậy.

Bernard phải dùng đến cách tra tấn cuối cùng, cách mà hẳn nghĩ rằng sẽ chẳng một tù nhân nào rơi vào tay hẳn có thể chịu đựng nổi.

Thầy giáo Hải chợt thấy một màu đen kịt chụp xuống mặt mình. Đó là lúc lưỡi dao phủ trùm một miếng vải đen phủ kín mặt anh. “Có chịu khai không?”. Tiếng nói của Bernard vang lên một lần nữa. Hải vẫn một mực im lặng. Bernard giơ tay ra lệnh “Bắt đầu”. Cách tra tấn thật giản đơn nhưng thật kinh hoàng. Bọn tay chân bắt đầu rót nước xuống tấm vải. Miếng vải dần dần thấm nước. Nó dính sát vào mặt nạn nhân. Nó bịt hết mọi đường chuyển động của không khí vào mũi của nạn nhân. Nước vẫn rót xuống tạo thành một màng nước kín mít không một thứ khí nào có thể lọt qua. Mới đầu Hải nhịn thở. Nhưng không thể nhịn mãi được. Mỗi khi cái mũi hít khê là nước lại chui vào phổi ngay. Ông thầy giáo thư sinh mới đầu còn nằm im lặng, sau đó buộc phải giãy giụa, tiếp đó phải nhồm đầu lên, rồi cong người như con tôm, ngửa cổ ra, cố hết sức hít vuông vải đen đi mà không được. Anh đang bị chết đuối trên cạn. Lồng ngực muốn nổ tung vì nước đã tràn vào phổi, vì thiếu không khí. Phản xạ sống buộc anh phải hít một lần nữa. Mà càng hít thì nước càng chui vào phổi.

Khi bọn đao phủ theo lệnh của Bernard lột tấm vải ra thì mặt thầy giáo Hải đã xám ngoét. Anh ho sặc sụa. Nước ở mũi anh vọt ra. Sau đó anh nôn thốc nôn tháo. Chất nôn nhoe nhoét trên mặt. Một tên lính hắt xô nước lên mặt anh cho cái chất bầy nhầy trôi xuống nền. Tiếng Bernard lại cất lên:

- Có khai không? P2 là gì? P5 là ai?

Hải vẫn im lặng không nói. Lúc này anh không cầu nguyện niệm Phật nữa. Những lời cầu nguyện khi trước đã biến thành những tiếng chuông êm dịu ngân nga trong tâm khảm chàng trai. Nửa mê nửa tỉnh. Anh biết mình sắp chết bởi vì trong cơn mê, anh thấy hình ảnh của Nguyệt bỗng bành

trong làn sương trắng. Người lính rót nước tra tấn có nhiều kinh nghiệm bảo Bernard:

- Mắt thẳng này lờ đờ rồi. Báo cáo trung úy. Rót nước thêm lần nữa là hãn chết.

Bernard phẩy tay tức giận:

- Ừ thôi tạm ngừng. Mà đâu có thể để cho hãn chết dễ dàng như vậy. Treo ngược lên cho nước chảy ra. Dù hãn có chết, thì cái chết đó cũng phải có lợi cho chúng ta.

Trong cuộc đối đầu này, khi sự ngoan cường của Hải tăng lên, thì sự tức giận của Bernard cũng dần tăng lên đến những cung bậc cao hơn. Thông thường sự tàn khốc tăng lên thì sự ngoan cường giảm đi, cho đến lúc chẳng còn chút gì nữa. Thế trạng càng mảnh dẻ, sự chịu đựng ngoan cường càng kém. Hải là người gầy gò. Thư sinh mảnh khảnh. Ngược lép kẹp. Cử chỉ khoan thai nhẹ nhàng. Không biết ăn to nói lớn. Thi thoảng lại ho khúc khắc. Chẳng có chút nào đáng đáp của bậc trượng phu hùng dũng. Người ta bảo Hải là kẻ bạc nhược, yếu tướng. Khi mới bắt được Hải, Bernard tưởng như ăn sống nuốt tươi được cái con người hèn yếu đó. Cũng tưởng chỉ sau một trận đòn là đê bẹp được ý chí của ông giáo làng trói gà không chặt. Tây lùn Bernard không ngờ những trận đòn chỉ làm cho đôi mắt của ông thầy giáo đã sáng lại càng thêm sáng mà thôi. Không biết lấy sức lực từ đâu mà Hải chịu đựng giỏi đến thế. Trường hợp Hải đã trái ngược với kinh nghiệm phòng nhì mà Bernard đã có. Cứ mỗi lần tra tấn, Hải chống cự và chịu đựng nổi, là nỗi tức giận trong Bernard lại tăng lên. Tức giận chùng lên tức giận. Dần dần nó chuyển biến thành sự căm giận hung tàn. Một bên quyết đê bẹp. Một bên quyết chống cự. Lẽ dĩ nhiên cái điều man rợ nhất sẽ phải xảy ra. Nạn nhân có nỗi sợ của mình. Nhưng đao phủ cũng có nỗi sợ của đao phủ. Sợ nhất là con mồi không bị đê bẹp. Bàn tay dù vấy máu nhưng đem lại kết quả, thì chí ít kết quả ấy cũng là sự an ủi, bởi vì nó biện minh cho hành động. Bàn tay vấy máu mà không có kết quả, thì không có sự biện

minh. Kẻ giết người, khi ấy sẽ trở thành đồ tể. Đao phủ không bao giờ muốn mang tiếng đồ tể. Đó là danh từ hạ đẳng. Đao phủ chỉ thích mang danh sang trọng mà thôi.

Bởi thế cho nên, sau khi thất bại trong cuộc hỏi cung tra tấn thầy giáo Hải, Bernard trở nên cuồng giận. Hắn như kẻ điên rồ, nghĩ ngợi, tìm một cách khủng khiếp nhất để kết liễu đời Hải, để tỏ ra hắn là kẻ chiến thắng, đồng thời thị uy với dân chúng.

Để trình diễn sự man rợ, không gì bằng quay ngược lại thời gian, bắt chước thời cổ. Khi Bernard ở với ông lý cấm, cái ông cậu người bản xứ ấy đã sống qua thời đại loạn lạc lúc quân Cờ Đen hoành hành như những kiêu binh trên đất nước ta. Quân Cờ Đen đánh Pháp nhưng cũng là quân giặc cướp phá và giết chóc người dân rất dã man. Một bận quân Cờ Đen tràn vào làng. Tuần đình đóng cửa làng chống cự quyết liệt. Cờ Đen bắt được mười người trai tráng. Quân Cờ Đen tập hợp cả làng lại để xem chúng mổ bụng và chặt đầu những người chống cự chúng. Câu chuyện từ thuở ấu thơ đã ấn tượng vào Bernard rất mạnh để lúc này hắn gọi hứng từ đó và biến tấu đi, tạo ra một cuộc hành hình mà đến bây giờ người dân phố huyện vẫn còn nhớ không quên.

Cuộc giết người diễn ra ở bãi chợ. Hôm ấy là ngày bảy, đúng phiên chợ huyện (chợ huyện ngày bảy ngày ba. Ngày bảy là phiên chính. Phiên này có cả mua bán trâu bò). Vào ngày ấy, người đông lắm. Hầu như người khắp nơi đến dự.

Bãi hành quyết nằm trên thửa ruộng đã gặt, sát chợ trâu bò. Bernard cho chuẩn bị từ sáng sớm, lúc người đi chợ còn lác đác.

Mấy ông lý trưởng tề quanh vùng phải đem quân tới cấm cờ ngũ hành quanh thửa ruộng. Rồi đánh trống thì thùng. Cứ như thế chuẩn bị hội làng vậy. Trống đánh vang dội đến nỗi cả chợ nhón nhác lên. Đám trâu bò cũng phải nghển cổ kêu ầm ĩ.

Đúng mười giờ sáng, đoàn lính từ P.C. Huyện xuất phát. Đi đầu là trung úy Tây lùn Bernard. Trung úy cưỡi con ngựa hồng mượn của gia đình cụ chánh Long. Không hiểu sao hôm ấy Bernard hình thức đến vậy. Chẳng hiểu hẳn mượn được ở đâu chiếc áo sơ mi lụa đỏ chói. Trung úy Bernard sáng rực chói lọi trên lưng con ngựa đi suốt dọc phố đến chợ. Tiếp theo sau lưng hẳn ta là hai hàng lính lười lê tuốt trần vác vai đi đều bước. Cuối cùng là chiếc xe bò kéo chở người bị hành hình. Thầy giáo Hải quần áo rách bươm, mặt mày thâm tím tóc dài bù xù, râu ria xồm xoàm. Đứng sau lưng anh là đao phủ tay cầm đại đao sáng loáng mặc quần áo nâu. Ngay sau chiếc xe bò là lũ trẻ con đông như kiến cỏ, chúng chen lấn nhau kêu ồn ã.

Đến bãi hành quyết, Bernard ngồi trên chiếc ghế bành sau lưng là những người lính tay lăm lăm cây súng với lưỡi lê nhọn hoắt.

Người ta đã đào sẵn một chiếc huyệt ở ngay thửa ruộng bên cạnh. Một người lính ngay cầm dao chặt một cây tre làm ba đoạn. Một đoạn gốc dài hơn hai đoạn kia. Đoạn gốc được cắm xuống ở phía trước Bernard. Người ta đã chuẩn bị trước chiếc vồ tre. Tiếng đóng cọc tre chan chát. Phải kê ghế đứng lên mà đóng. Cuối cùng chiếc cọc vững chãi nhô lên khỏi mặt đất khoảng chừng một mét. Thầy giáo Hải được dìu từ xe bò xuống. Mặt anh bình thản. Anh chẳng nói một lời. Người ta đặt Hải ngồi dựa vào chiếc cọc. Hai tay quặt sau lưng trói chặt vào cọc. Người lính làm việc trói còn cẩn thận lấy chiếc dây thừng khác vòng nhiều lần qua ngực, trói lưng anh vào chiếc cọc. Tiếp theo là đóng hai chiếc cọc ngắn. Hai chân giăng ra thành hình chữ V Mỗi cổ chân buộc vào một chiếc cọc. Công việc cuối cùng của người lính trói buộc là quàng một chiếc thòng lọng qua đầu người tử tù để cái nút ở dưới cằm.

Trống đánh rộn lên. Bernard ra đứng cạnh người tử tù đồng dục tuyên án.

- Bùi Văn Hải, thầy giáo làng Sọ là một tên cộng sản nguy hiểm. Hẳn chui lồn vào quân đội Pháp, làm gián điệp cho Việt Minh. Tội xử theo luật

nhà binh: Xử tử. Xử tử theo cách chém đầu. Nay thông báo cho toàn dân trong huyện biết. Kẻ nào đi theo cộng sản, nhà nước quyết không tha.

Thầy giáo Hải dướn cổ lên mắt sáng quắc như có điện, nói với mọi người đến xem, lúc này đông như kiến cỏ:

- Đả đảo giặc Pháp dã man. Đồng bào. Hãy trả thù cho tôi!

Mọi người không nói gì chỉ rì rầm khe khẽ, Bernard thấy kéo dài mãi cảnh này không có lợi. Hắn rút súng lục bắn chỉ thiên ra lệnh hành hình. Có hai tên lính làm đao phủ. Một tên kéo dây. Hắn chống chân làm động tác như kéo co. Hắn kéo mạnh để cái cần cổ vươn ra đằng trước, để cái gáy được lộ ra. Tên lính cầm dao nhắm cái gáy vung dao lên chém mạnh. Tên kéo dây mất đà lao đảo lùi lại. Cái đầu lâu bị kéo mạnh văng ra, đập vào mặt hắn làm mặt hắn nhoe nhoét máu. Cái thân hình mất đầu phun máu ra thành vòi. Cái vòi máu đỏ theo nhịp tim lúc lên cao lúc xuống thấp. Người đứng xem có thể cảm được nhịp đập của con tim qua luồng máu chảy. Còn cái đầu lâu của thầy giáo Hải đã rời khỏi cổ rồi mà đôi con mắt vẫn còn chớp chớp và đôi môi vẫn còn mấp máy. Có lẽ đôi môi ấy vẫn tiếp tục nói: “Hỡi đồng bào! Hãy trả thù cho tôi”.

Trong thời gian ấy, đại úy Thalan đã chuyển sang một đơn vị khác. Còn người chỉ huy mới lại chưa về. Ở P.C. Huyện, khi ấy Bernard là người chỉ huy cao nhất. Chẳng có ai ngăn trở, cho nên Bernard làm lắm điều mà người ta gọi là kỳ quái và bệnh hoạn.

Hắn lấy một chiếc thuyền thúng cắm ba cái cọc. Mũi thuyền cắm chiếc cọc thấp nhất treo cái rọ lợn thừa đựng đầu thầy Hải. Giữa thuyền là chiếc cọc trung bình. Tây lùn sai mỗ bụng thầy Hải lấy bộ lòng trắng hếu quần vào chiếc cọc này. Đuôi thuyền là chiếc cọc cao nhất. Bernard sai lấy chiếc áo trắng vấy máu của Hải, rồi dùng cây cọc cao tạo thành một gã bù nhìn.

Cuối cùng buộc hai dây thừng ở mũi thuyền. Sai hai thằng lính, ban ngày đi hai bên bờ chậm chạp kéo chiếc đò chở xác trên con sông Đào. Đến mỗi xóm lại bắt dân ra xem. Đặt tên cho trò biểu diễn quái gở ấy là “Thuyền cộng sản trôi sông”.

ĐỘI GẠO LÊN CHÙA

Nguyễn Xuân Khánh

www.dtv-ebook.com

Chương XVIII

Tin thầy Hải bị phòng nhì bắt nhanh như chớp lan truyền ngay về làng Sọ. Mấy bà đi chợ huyện về làng thì ào vào tai nhau:

- Chính mắt tôi thấy thầy Hải bị thằng Tây lùn giải đi.

- Trời ơi! Rơi vào tay Tây lùn chỉ còn nước chuẩn bị áo quan mà chôn thôi.

Mấy ông già họ Bùi đến nhà trưởng họ bàn nát nước mà cũng không tìm ra được kế gì giải cứu cho thầy giáo. Nghe nói thầy Hải bị bắt quả tang hoạt động kháng chiến. Có chứng cứ hẵn hoi. Bây giờ thì chỉ còn có cách như trong truyện Thủy hử là cướp ngục mà thôi. Nhưng ở thời hiện đại này rất khó có chuyện cướp ngục. Chỉ trừ phi bộ đội ta mở chiến dịch quét sạch đồn bốt khỏi khu vực này. Chuyện này đâu có dễ. Nó phụ thuộc vào cả chủ trương của tỉnh. Mà chủ trương thì đâu có thể vì một sinh mệnh cá nhân.

Tôi đi hóng hớt nghe tin. Trốn cả sư phụ lên phố huyện nghe ngóng. Chuyện này quan trọng với tôi lắm. Sư cụ Vô úy là thầy tôi, cả thầy giáo Hải cũng là thầy tôi nữa. Họ là những người dẫn dắt tinh thần cho đời tôi. Sư cụ đã chẳng có lúc nói với tôi rằng đạo là phải gắn với trần gian, với đời người ta. Đạo là phải vì đời. Ví dụ không có đời nữa thì còn cần gì có đạo. Vả lại còn chị Nguyệt nữa chứ. Thầy Hải gắn bó với chị tôi. Hình như điều này là hạnh phúc của chị tôi, mà còn là hạnh phúc của cả tôi nữa. Tôi hãnh diện có thầy là anh rể. Mất gia đình, chị em tôi tìm thấy chùa là gia đình. Song đó mới là cái gia đình tinh thần. Nó vô cùng quan trọng, nhưng dù sao con người cũng gắn bó với tình máu mủ ruột rà. Tôi ở chùa nhưng vẫn rất thèm khát một gia đình trần thế. Thì đây, anh Hải chị Nguyệt sắp đem lại

cho tôi sự thỏa mãn ấy. Anh Hải ơi! Thầy Hải ơi! Em biết làm gì cho thầy bây giờ. Em chỉ là một thằng bé, một chú tiểu, thế thì trong cơn sóng cả gió lớn này, em có thể làm được điều gì giúp anh cơ chứ. Anh ơi! Em chỉ còn biết khóc mà thôi. Buổi chiều tà, trèo lên gác chuông trên tam quan đánh hồi chuông thu không. Tôi cầm chiếc vồ gỗ đánh vào chiếc chuông, chậm rãi đánh để nghe tiếng ngân nga của nó lan tỏa trên cánh đồng làng. Tiếng chuông thu không thật êm ả nhưng cũng thật u buồn làm sao. Đánh xong mỗi nhát vồ tôi lại nhắm mắt ngồi im để tiếng chuông u oa của nó rung lên trong đáy tim tôi. Nghe chuông chùa, nhiều người cảm thấy được xoa dịu, cảm thấy như tiếng chuông vượt ve an ủi tâm hồn mình. Nhưng riêng tôi, kẻ đánh chuông, trong những ngày ấy, lại thấy chúng như tiếng nước vỡ. Khóc cùng nhân gian cũng là một cách an ủi chứ sao.

“Thầy Hải ơi! Mấy tháng trước, em cùng ông phu phố huyện, dùng chiếc xe bò lộc cộc kéo thầy em về chùa. Thầy em có làm gì đâu, còn bị người ta đánh cho gãy chân thập tử nhất sinh. Còn thầy thì sao? Người ta bảo chúng bắt thầy với đầy đủ tang chứng...”. Tôi không dám nghĩ tiếp đến cái kết cục cuối cùng mà thầy Hải phải gánh chịu.

Tối hôm ấy, sau bữa ăn, tôi dọn dẹp vôi vàng rồi ra vườn chùa ngồi bên gốc nhãn. Tôi ngồi đến khuya. Hết cả nước mắt để khóc. Đã quá nửa đêm, thầy tôi phải ra đặt tay lên vai tôi mà bảo:

- Đời người vốn là thế đấy... Hãy ráng học cách bình tâm... Thôi con ạ, để sáng mai ta đi hỏi xem sao.

Sáng hôm sau, sư cụ - thầy tôi chống gậy trúc tập tễnh đến nhà cụ chánh Long. Một tay cầm gậy, một tay nắm vai tôi.

- Bạch hòa thượng: Sao không sai chú tiểu gọi tôi ra chùa hầu chuyện mà lại... Rõ khổ! - Ông chánh ra tận ngõ đón thầy tôi vào. Còn thầy tôi thì rất kính cẩn:

- Bẩm cụ chánh, nhà chùa quê mùa này xin cụ chánh mở rộng lòng từ bi chìa tay ra giúp. Thầy Hải sắp làm con rể nhà chùa. Mà cũng là con dân làng Sọ, dưới quyền của cụ. Chắc ở đây có sự lầm lẫn nào đó. Thầy Hải vẫn được tiếng trong làng là nghiêm cẩn, là đức độ. Ai ai cũng mến. Chúng tôi là người tu hành chẳng biết nhờ cậy vào ai. Nghĩ đi nghĩ lại, chỉ còn biết nhờ cậy vào cụ. Cụ là người có tiếng tăm. Một lời nói của cụ với quan đồn thì gấp trăm gấp nghìn lời nói của người dân chúng tôi...

Cụ chánh Long rất vì nể sư cụ Vô úy. Cụ thường khoe với dân làng rằng hai người cùng học chữ nho một thầy, là chỗ đồng môn. Cụ chánh thường tôn vinh sư cụ là lão sư huynh.

- Bẩm lão sư huynh. Thực quả là thời thế đã thay đổi lắm rồi. Lão đệ nào còn chút quyền hành gì. Nhưng huynh đã dạy thì đệ xin nghe. Chuyện này để lão đệ nói với cháu Mật xem sao.

Sự thực sư cụ cũng hiểu điều đó. Nhờ vả ông chánh cũng chỉ cốt đạt được điều ấy. Quan Mật mới là người có quyền thế. Hôm ấy, quan Mật về thăm cha. Ông ta đứng ngoài sân sau nói chuyện với mẹ, thấy sư Vô úy đến thăm cụ chánh, biết nhà chùa đến nhờ vả việc gì. Ông bèn vào nhà nói:

- Bạch sư cụ và thưa thầy. Con cũng xin nói chuyện này cho thật rành rẽ, kéo rồi làng ta lại có sự hiểu lầm. Thực ra, từ trước đến nay, họ Bùi và họ Nguyễn vốn có những chuyện xích mích. Nhưng thưa hai cụ, trong chuyện của anh Hải, họ Nguyễn chẳng dính dáng gì. Đây là chuyện chính trị, chuyện người Pháp và Việt Minh. Bây giờ đã rõ rành rành ra rồi. Anh Hải là Việt Minh chính cống. Sư cụ cũng rõ đấy, Việt Minh bí mật đào hầm ở ao chùa, còn sư cụ chẳng biết đây là đâu, thế mà phòng nhì cũng bắt giam cụ, lại còn tra tấn nữa. Huống hồ là chuyện anh Hải làm Việt Minh bị bắt quả tang... chuyện tà trời ai mà chẳng hiểu. Thầy con nể cụ nên nhận lời chuyện ấy... Con cũng phải thành thực tạ lỗi với cụ. Chuyện này quả thực quá sức con. Không ai có thể chạy chọt được đâu, cụ ơi...

Hai thầy trò tôi đành phải dặt nhau ra về. Đêm hôm ấy, và cả những đêm sau nữa, trong lúc tôi đang ủ rũ, trong lúc thầy Hải của tôi chắc đang bị tra tấn, thì thầy Vô úy tưng kinh gõ mõ. Sư cụ gõ mõ cho tới quá nửa đêm. Lạ chưa! Tiếng mõ đều đều vào không gian. Lời khẩn cầu kêu gọi chẳng? Tiếng mõ vượt không gian siêu linh đi tìm các bậc Bồ tát cứu khổ cứu nạn hãy về với ngôi chùa quê nghèo hèn này, hãy dang tay ra mà cứu vớt những kiếp người nhỏ nhoi đang gặp phải bạo tàn với muôn vàn bất hạnh. Hay là tiếng gọi nhằm tới một chốn xa xăm nào.

Cái đêm cuối cùng, tiếng mõ của thầy tôi bỗng nhiên rất khác lạ. Nghe nó ta thấy cồn cào trong dạ. Nghe nó ta không ngủ được, nó làm mắt ta chong ra.

Có người còn bảo nghe nó thấy dựng cả tóc gáy. Cứ như thể có loài quỷ dữ đang đi trên những ngọn tre, xõa tóc mà hú gào oán than. Trong làng nhiều người nghe rõ tiếng mõ đã nói như vậy.

Đêm ấy, ở cái miếu hoang trên núi Yên Tử, sư huynh của tôi, sư Khoan Độ, đang đêm bỗng giật mình tỉnh giấc. Lòng dạ cồn cào bất an. Mắt chong ra không ngủ được. Rồi như có ai cấu vào tim mình, có ai bóp cổ mình cho nghẹt thở. Nghe thấy trong gió có tiếng ai kêu cứu. Tiếng gọi rất xa xăm và rất mơ hồ. Cái đêm ấy chính là đêm thầy Hải của tôi bị tra tấn đến chết đi sống lại.

Khi ấy, cùng sống với Khoan Độ còn có hai người nữa, đó là Thường Luồng và Sáu Nhỏ. Ngày xưa, lúc Độ xuống tóc đi tu, Thường Luồng không có duyên với Phật, liền trở về đảo. Anh cũng đã chán cảnh giang hồ nên lại quay về nghề đánh cá, câu mực trên một con thuyền nhỏ trong vịnh đảo sống qua ngày. Một người đàn bà quê Thái Bình trôi dạt ra mỏ, thương anh, chấp nhận lên đênh, chấp nhận sống trên con thuyền nhỏ suốt đời với anh. Em chị ta là Sáu nhỏ vì uất ức đánh cai mỏ, bèn trốn ra biển cùng với anh chị. Mỏ thuê lính Tây đem canô gắn máy truy tìm. Hôm ấy Thường Luồng và Sáu Nhỏ đi đánh cá xa. Chỉ còn vợ Thường Luồng đang có mang

ở nhà. Chúng đánh đập tra khảo người đàn bà đến trụy thai. Chị chết vì băng huyết.

Thuồng Luồng dẫn em vợ lên rừng làm nghề đốn củi, xẻ gỗ. Đi ngang qua miếu hoang lại gặp người xưa. Ba kẻ lang thang mừng quá tụ lại, bám vào nhau mà sống. Khoan Độ bảo:

- Huynh chỉ biết trồng sắn trồng rau sống qua ngày. Còn các em, cũng đừng làm nghề thảo khấu nữa.

- Đại ca chớ lo. Đệ đã bỏ từ lâu. Bây giờ, hai anh em chỉ cần vác rìu vác cưa là đủ sống cho cả ba người. Xin đại ca cứ ngày đêm tụng kinh, gõ mõ, cầu Phật cho thỏa thích. Nhớ tụng kinh thêm phần cho cả hai em. - Thuồng Luồng vừa nói vừa cười ha hả.

Sau cái đêm cồn cào mất ngủ ấy, Khoan Độ nói với hai người em:

- Hai đệ ở lại đây trông miếu cho ta nhé. Suốt đêm qua ta bồn chồn. Lòng nóng như lửa đốt. Chắc chắn sự phụ ta và ngôi chùa đang gặp nạn. Ta phải về với họ.

Thuồng Luồng nhìn mặt Khoan Độ bảo:

- Sắc mặt đại ca không tốt. Ẩn đường hắc ám. Kỳ này đi lành ít dữ nhiều. Đệ không cam lòng để huynh ra đi một mình. Thế này nhé. Đệ và cậu Sáu sẽ cùng đi với huynh. Không chần chừ gì nữa. Dù thế nào, ba người cũng hơn một người... Đại ca còn sợ gì nữa nào... Giấy thông hành, có tiền là mua được. Ô tô lúc nào cũng chạy rầm rập ngoài đường cái. Chỉ tối hôm nay ta đã về đến phố huyện.

Lúc thầy giáo tôi bị tra tấn trong nhà giam, sự cụ tôi gõ mõ rỗng rã bảy hôm. Bảo rằng gõ mõ thế để các Bồ tát mười phương về hộ trì cho thầy giáo đủ sức chịu đựng nỗi sự hành hạ của ma vương.

Lúc thầy giáo tôi bị chặt đầu, rồi đầu xám ngoét, ruột trắng lòng thông bên trên cọc thuyền nan trôi sông, sư cụ của tôi lại kiên trì tiếp tục gõ mõ đến tận khuya. Bảo rằng để giải oan cho thầy, để hồn thầy chóng vãng sinh vào cõi Tây phương cực lạc. Đầu thầy Hải bị trôi sông.

Đầu thầy đã bị bêu ba ngày đêm. Canh khuya hôm ấy, tiếng mõ của sư cụ đã dứt từ lâu mà tôi vẫn thao thức, không tài nào nhắm mắt nổi. Cứ nhắm mắt lại là hình ảnh cái đầu lâu thầy Hải lại hiện ra trong trí óc tôi. Con thuyền ma quái được kéo đi diễu hành trên sông Đào. Để phô trương sức mạnh của quân đội viễn chinh, để đe dọa nhân dân, cảnh cáo những người đi theo du kích, Bernard cho thuyền dừng lại ở các bến nước, và bắt các dân làng ven sông ra xem để nghe hăn nói những lời đe dọa rồi cả những lời đường mật. Cả nhà chùa cũng buộc phải đi xem. Đôi mắt thầy Hải tôi vốn sáng. Người có đôi mắt sáng là người thông minh, và dễ dàng gần với tâm nhà Phật. Thầy tôi bảo thế. Sư cụ chọn thầy Hải làm rể nhà chùa, chọn chồng cho chị gái tôi cũng vì điều đó. Sư cụ bảo chị Nguyệt:

- Con có thể tin cậy được người này. Thầy thấy chẳng nhìn lầm người đâu. Đôi mắt thầy giáo nói lên cái trí và sự trung thành. Con người này không phản bội những điều tốt đẹp.

Nhìn cái đầu từ xa, nhưng sao tôi vẫn thấy rõ đôi mắt của thầy Hải. Có lẽ những lời nhận xét của sư cụ đã ăn sâu vào tâm tưởng của tôi, hay là hàng ngày ngồi trong lớp, nhìn đôi mắt hiền từ của thầy quá nhiều nên ấn tượng về chúng đã thấm vào trí não của tôi, cho nên lúc này dù đứng ở xa, dù cái đầu để trong cái rọ thưa, tôi vẫn thấy đôi mắt rõ mồn một. Chỉ có điều khác là dù đôi mắt ấy vẫn rất sáng nhưng chúng lại ánh lên một nét căm hờn. Sự căm hờn là điều tối kỵ ở chùa. Phải tránh xa sự căm hờn, nhưng thú thực lúc ấy tôi đã nhìn thấy những tia nhìn ấy. Và thú thực lòng tôi cũng dâng lên một niềm xúc động. Lại còn bộ lòng ruột nữa chứ. Nó trắng hếu, nó lòng thông. Lại còn con quạ đen ngử thấy mùi xác chết đã bay tới đậu trên thanh ngang của cây thập ác, tức là trên cánh tay của chiếc

áo bù nhìn thắm máu. Chắc cái áo ấy tượng trưng cho cánh buồm của con thuyền ma trôi trên sông phù sa màu máu loang. Dân làng Sọ câm lặng cúi đầu xuống. Chả một tiếng xì xào. Trong không trung chỉ nghe thấy tiếng quạ kêu và tiếng hò hét của Bernard.

Chiếc thuyền ma cuối cùng được neo lại ở bến làng Sọ. Neo ở đấy vì làng Sọ là trung tâm cả vùng. Neo ở đấy còn vì lý do người ta đồn rằng đó là con đường đi lại giữa vùng tạm chiếm và khu du kích. Quãng sông này nông có con đường từ bến dẫn qua trước mặt chùa làng.

Tối hôm ấy, tôi còn đang mơ màng nghĩ tới con thuyền ma quái và đôi mắt của thầy Hải thì một bóng người bồng lù lù hiện ra ở đầu giường tôi. Cái bóng cao lớn làm tôi sợ hãi. Tôi chưa kịp nhận ra mọi chuyện thì cái bóng đã bịt lấy miệng tôi. Tôi giãy giụa, nhưng bàn tay rắn như thép đã ghì tôi xuống. Và một giọng thì thào quen thuộc:

- Đừng sợ nào. Sư huynh đây mà... Huynh không muốn cho sư phụ biết rằng huynh đã về... Này... đệ hãy nghe cho rõ những lời huynh căn dặn đây...

Sáng hôm sau, lúc mặt trời lên đầu ngọn tre thì con chó vàng sủa rộ lên ở ngoài cổng tam quan. Tôi vội vàng chạy ra. Có hai người mặc quần áo nâu, một người đeo rìu, một người mang chiếc lưới cửa xẻ được uốn vòng lại cho gọn rồi khoác trên vai. Người lớn tuổi vạm vỡ nói:

- Chúng tôi thợ xẻ, nghe nói nhà chùa muốn đốn cây.

Tôi vội vàng dẫn họ xuống nhà tổ gặp sư cụ. Thầy tôi nói:

- Nhà chùa muốn hạ hai cây. Một cây mít trăm tuổi, cổ lắm rồi. Chục năm nay không có quả. Ta muốn cho cây được hóa kiếp thành tượng Phật. Các bác phải khéo. Vì thân cây ngắn chưa đủ chiều cao hai pho. Cho nên không được chặt mà phải đào cả củ rễ.

- Bạch thầy, chúng con hiểu. Sẽ cưa hết các cành. Sau đó chỉ còn thân mới đánh cả củ.

- Cây thứ hai là cây xoan ngoài vườn chùa. Ta thấy nó đã bị rầu ngọn. Nếu để lâu ta e sâu ăn lan xuống dưới hổng cả cây.

- Bạch sư cụ cứ yên tâm. Mới bị rầu thì không lo. Chúng con sẽ hạ xuống. Cũng đánh cả củ rồi ngâm xuống ao cẩn thận cho nhà chùa.

- Các bác cứ làm cẩn thận. Nhà chùa sẽ có thưởng. Còn chuyện ăn ở, các bác ở tạm cái nhà lá bên ao chùa. Bà vải Thầm dạo này ốm yếu về ở với cháu rồi. Nhà bỏ không nhưng hàng ngày chú tiểu vẫn ra trông nom dọn dẹp, cho nên cũng thơm mát, sạch sẽ...

Thế là Thuồng Luồng và Sáu Nhỏ được tự do chiếm lĩnh ngôi nhà lá của bà vải Thầm. Tôi biết hai người thợ xẻ này là đàn em của sư bác Khoan Độ. Hai người cũng biết quan hệ giữa tôi và sư bác nên thân thiết với tôi lắm. Hàng ngày, sau khi làm công việc chùa, tôi lại đi theo hai người để giúp đỡ và nói chuyện cùng họ. Người lớn tuổi tên là ông Luồng có sức khỏe phi thường. Ông ta cầm rìu bổ củi. Bổ đâu trúng đấy. Gỗ cứng đến thế nào cũng chỉ một nhát là toác làm đôi. Người bé nhỏ có cánh tay thịt sắt lại, chuyên dùng cây cưa xọc sáng loáng. Tên anh ta là Sáu. Sáu nói với tôi:

- Cưa này của Tây. Chỉ một người cũng cưa được. Một ngày tở mài cưa hai, ba lần. Lưỡi nó chẳng khác gì đao kiếm. Dùng nó chém chết người như chơi.

Tôi vội nói:

- A di đà Phật. Đứng trên đất tam bảo, sao anh lại nói lời hung tợn?

Sáu cười hì hì rồi chữa lại:

- Ấy là tôi nói dối với kẻ ác. Chứ thực ra tôi dùng cái cửa này để bảo vệ nhà chùa đấy.

Tôi lấy làm ngạc nhiên, vì sau cái đêm gặp tôi, sư Khoan Độ chợt biến đi đâu mất. Tôi cũng tuân theo lời sư bác không nói với sư cụ rằng sư bác đã về. Sư Khoan Độ giấu sư cụ như vậy chắc cũng có nỗi khổ tâm riêng. Tôi tin ở sư bác. Tôi tin ở ngón tay mà sư bác đã tự đốt. Tôi tin ở lòng tận tụy của Khoan Độ đối với thầy tôi. Khoan Độ dù có làm điều gì thì điều ấy cũng chỉ tốt đẹp đối với thầy tôi và với ngôi chùa mà thôi. Mãi về sau tôi mới biết hết những gì đã xảy ra.

Đến tối thứ ba, quá nửa đêm, sư Khoan Độ mới xuất hiện ở căn nhà lá của bà vải Thầm. Trong bóng tối, ông nói với hai người em:

- Các chú ạ, thăm lắm! Thăm lắm! Đầu lâu thầy giáo Hải bị bêu giữa sông đã một tuần rồi. Thầy thầy giáo họ Bùi đã chôn rồi, nhưng thiếu đầu là không xong. Các cụ họ Bùi lên xin mà Bernard không cho. Nó bảo còn bêu hàng tháng. Hồn người ta nằm ở cái đầu. Nó còn dọa sẽ vứt đầu đi để thầy Hải không được hóa kiếp. Mới đầu, tôi định một mình đi ăn trộm cái đầu trả về họ Bùi. Sau điều tra ban đêm mới biết, Tây Bernard định dùng đầu lâu thầy Hải để làm mồi nhử. Hoặc du kích bên kia sông sẽ tới. Hoặc Việt Minh bên này sông sẽ từ phía chùa đi ra. Hàng đêm, chúng vẫn phục kích gần đấy. Có đêm chính Tây Bernard dẫn một tiểu đội đi phục. Khoảng chín giờ tối chúng xuất phát. Bernard muốn che cái lốt Tây và súng ống của mình, thường cải trang thành người nhà quê. Đội nón, mặc quần áo nâu. Trời rét mưa phùn nên thường khoác chiếc áo tơ lá. Tôi biết chỗ phục kích của chúng nó rồi. Tình hình thế này, tôi không thể một mình, phải nhờ các chú giúp một tay...

- Em thử nói thế này, đại ca nghe xem có ổn không - Thường Luồng nói - Thực ra, bọn Tây lùn em không sợ đâu. Chúng phục kích, mình không biết phục kích hay sao? Cái hơn của mình à biết rõ quy luật của chúng, còn chúng hoàn toàn bấ ngờ không biết chúng ta. Cái hơn của chúng là vũ khí.

Em trộm phép đại ca, đã giấu đem theo hai quả lựu đạn Mỹ để trong đám đồ nghề. Bọn chúng đi phục kích nên phải ít người ... Anh điều tra rõ rồi phải không...Chúng chỉ có sáu đứa ... Thằng Tây lai này gan to thật ... Như vậy ta phải một chọi hai. Đệ có cái rìu. Chú Sáu có cái cưa ... Còn đại ca? Chắc phải dùng cây tre đực làm côn. Đại ca dùng côn thì quý khóc thần sầu rồi... Nhưng đệ vẫn sợ một điều ... Sợ gì à? Sợ đại ca ấy ... Nếu đại ca đồng ý thì lần này ta phải đại khai sát giới ... Mà đại ca thì đã xuống tóc đi tu ... Đại ca phải giải lời thề một phen đi ... Thằng Tây lùn là loại ác ôn ... Trời không dung đất không tha nổi cho nó ... Nó đã bẻ gãy chân sư phụ đại ca rồi đó ... Nó đã chặt đầu bao người dân lành rồi đó ... Hãy quyết định đi... Nó còn sống một ngày là dân không yên một ngày. Diệt trừ một kẻ ác ôn như vậy ...chắc đức Phật cũng phải bằng lòng ... mà đại ca phải nhớ điều này nhé. Đại ca chỉ chờn lòng một chút thôi ... là tính mệnh của ba chúng ta đều gặp nguy ...Chúng em xin giao tính mệnh vào tay đại ca quyết định ...

Thuồng Luồng đã quyết tâm, và đẩy sư Khoan Độ vào chỗ tốt cùng tình nghĩa nên ông cũng phải thờ dài, quyết tâm. Sau khi bàn tính kỹ càng đến từng chi tiết nhỏ nhất, họ quyết định phục kích vào tối hôm sau.

Khi bóng tối sập xuống, họ bí mật đến bờ sông. Con sông Đào vừa tưới vừa tiêu. Tưới thì ít, chỉ những chân ruộng gần sông. Con sông đào đã lâu, từ thời nhà Nguyễn. Đất đào lên đổ sang hai bên. Cho nên, tuy không có đê, những ruộng sát sông cũng có phần cao hơn.

Chỗ phục kích của ba người là nơi có mấy cái mả đã cải táng từ lâu. Gỗ ván thối người dân đã mang hết về làm chuồng lợn. Đất lở, đất sụt lâu ngày nên hố chỉ còn sâu đến bụng, cỏ dại mọc um tùm che kín miệng cái hố. Thật là nơi lý tưởng để giấu quân. Khoảng tám giờ họ đã ẩn nấp xong, tức là họ đã đến từ lâu trước khi Bernard xuất quân, trong khi đó viên sĩ quan Pháp hoàn toàn mù tịt về sự có mặt của ba người và ba người ấy lại đang phục kích chờ hấn.

Lúc đó vào tháng bảy. Nước con sông Đào rất to. Nước dâng lên kín cả bãi. Nước quăng này nông. Mùa cạn chỉ lên tới bụng, lội qua dễ dàng. Còn mùa này nếu lội lên tới ngực nhưng vẫn là nơi nông nhất. Cho nên qua sông mùa này, thông thường ai cũng qua đây.

Trời tối thui như mực. Mưa lâm thâm. Khắp cánh đồng mênh mông lúa con gái. Êch nhái giun đế mừng mưa kêu lên inh ỏi. Ba chàng dững sĩ gần như hoàn toàn cời trần. Người nào cũng chỉ mặc chiếc quần đùi. Khoan Độ căng mắt núp trong cỏ, căng mắt nhìn ra dòng sông, nhưng chả thấy gì. Chỉ khi nào ánh chớp nháy trên bầu trời mới trông rõ con thuyền ma quái ở giữa dòng sông hiện ra, nhưng chỉ là cái bóng. Độ thầm nghĩ: “Đêm hôm trước, mình cũng ra đây định bơi ra trộm cái đầu lâu, chợt người thấy mùi khét của thuốc lá Basto. Hôm ấy không mưa. Chắc có thằng lính nào nghiện nặng theo Bernard đi phục kích đã bị mình phát hiện. Còn đêm hôm nay, mình có thể đi ăn trộm đầu mà không bị phát hiện. Vậy tại sao mình vẫn phục kích nhỉ - Độ chợt cười mím trong lòng - Như thế không chỉ hoàn toàn là chuyện cái đầu. Trong thâm tâm, mình vẫn thích đánh trận này. Nghĩa là mình chưa dứt hẳn... Mình vẫn chưa hoàn toàn là một ông sư...”.

Ở cái mả cải táng gần đấy, có tín hiệu của Thuồng Luồng, báo chú ý, nó cắt đứt ngay dòng suy nghĩ của Độ. Anh liền định thần, chăm chú. Căng hết mắt, hết tai, hết cả óc ra để nghe ngóng, phán đoán. Hình như trong tiếng lúa rì rào, thoảng có tiếng lá lúa chạm vào nhau mạnh hơn. Như thế những chiếc lá dài, mảnh dẻ và nham nháp ấy va chạm vào những vật gì cứng hơn. Cái tiếng lạ ấy mỗi lúc mỗi gần, mỗi rõ. Nó ở trước mặt. Bây giờ thì rõ rồi. Đó là tiếng một tốp người đương rẽ lúa đi tới. Nghe rõ cả tiếng chân lội bùn nhóp nhép. Gã Tây lai này lợi hại thật. Hắn không đi trên đường, mà lội ruộng tới. Tín hiệu của Thuồng Luồng chuẩn bị. Trận đánh này Thuồng Luồng chỉ huy. Anh ta sợ Khoan Độ đã đi tu lâu ngày không quen chiến trận. Anh ta đặc biệt chỉ giao cho Độ một nhiệm vụ: Nếu tên Bernard trực tiếp dẫn quân đi, thì Độ phải bám chặt lấy, không để cho nó thoát.

Bóng tối mù mịt nhưng Khoan Độ cũng đã nhận ra những bóng đen lù lù xuất hiện. Một... hai... ba... Độ nhắm đếm bảy tên cả thảy. Chúng đang tiến đến gần. Ô chết tiệt! Hình như chúng định phục kích đúng ở chỗ này. Tên đi đầu đi chậm lại. Kìa nó mặc áo tơ lá. Tây lùn đêm nay có mặt. Trời phù hộ ta hay sao mà chúng gom gọn lại thế kia. Đúng khi ấy, một tiếng nổ vang trời. Không kịp đếm xem bao nhiêu tên ngã xuống, cả ba người cùng đội cỏ xông lên như hung thần. Khoan Độ nhắm thẳng áo tơ lá, thẳng chỉ huy, lúc này đang phục xuống chuẩn bị bắn. Phải giáp lá cà để chúng không thể dùng súng. Phải chém giết theo kiểu thời nguyên thủy, vì đó là điểm mạnh của ta và cũng là điểm yếu của chúng. Một ánh chớp trên trời lóe lên, khiến chúng trông rõ ba con người mình trần đẫm mưa bóng loáng. Thuồng Luồng hét to vung búa bổ mạnh xuống đầu một tên làm máu và óc bắn tung toé. Sáu Nhỏ vung chiếc cưa mà buổi chiều anh đã mài từng răng sắc như lưỡi dao cạo. Còn Độ thì cười lên lưng thẳng mặc áo tơ, ra sức đấm. Tây lùn cũng khỏe. Nó đội lưng đứng dậy. Thằng này có súng lục. Nó quai tay ngang hông định rút súng, nhưng Độ đã nắm được tay nó. Còn tay và chân. Tây lùn dùng tất cả để đánh vào mặt Độ, để thúc vào ngực Độ, tuy nhiên hai bàn tay sắt của Độ đã bám được vào tay nó thì đâu có chịu nhả ra, dù cái đầu gối của nó tống vào bụng anh rất đau. Độ ra sức vặn. Nó ra sức chống lại. Cuối cùng rắc một cái. Tây lùn thét văng trời rồi nhũn ra.

Ba bốn cái xác nằm sóng soài. Có lẽ hai thằng lủi được vào ruộng lúa. Sáu Nhỏ gỡ được khẩu súng tiểu liên từ tay thằng địch vỡ đầu. Anh bắn liên hồi vào ruộng lúa nơi hai thằng tẩu thoát.

- Kìa đại ca, sao anh không khử thằng quỷ đó đi - Thuồng Luồng chỉ vào thằng Tây lùn vẫn đang bị bẻ quặt tay sau lưng - À... Tôi hiểu rồi... Thôi để nó cho bọn tôi.

Khoan Độ trao tên sĩ quan phòng nhì cho Thuồng Luồng. Thuồng Luồng vẫn bẻ quặt tay thằng Tây lùn, sai Sáu Nhỏ lấy dây thừng trói chân nó lại, và dùng thừng quấn quanh người nó như bó giò.

- Cậu định làm gì đấy?

- Anh cứ mặc tôi. Để cho chắc ăn anh ạ.

- Cậu định dìm nó xuống nước.

- Dù dìm chết, nó cũng chưa hết tội. Nó hung tợn một thì em sẽ hung gấp đôi. Nó làm người ta đau đớn, thì em cũng phải làm cho nó biết thế nào là đau đớn.

- Đâm cho nó một nhát đi cho xong.

Độ nói nhưng hai người chẳng nghe.

Khoan Độ chấp tay ngẩng mặt lên trời, lăm bằm trong miệng. Hai người cựa một cái đầu. Kẻ bị bó giò rú lên như con chó đại sủa trắng. Chiếc thuyền bêu đầu trôi sông dập dềnh trên nước. Ông sư ngửa mặt lên trời ăn mày lòng từ bi của thế gian.

Ôi chao! Thật là phiền muộn! Sự thương xót ở thế gian này có còn sót lại chút nào không? Phải chăng chỉ còn là những tiếng đầu môi chót lưỡi.

Về sau yên hàn, sư huynh Khoan Độ của tôi trở về chùa, Độ không nói nửa lời mà chỉ mong sư phụ tôi dạy cho cách tụng kinh sám hối. Sư phụ nhẹ nhàng bảo rằng:

- Bồ tát cực chẳng đã phải làm những điều ngược ngạo, tuy nhiên lòng Bồ tát phải luôn không mảy may thù hận. Bất ly thế gian nhưng phải siêu vượt thế gian.

ĐỘI GẠO LÊN CHÙA

Nguyễn Xuân Khánh

www.dtv-ebook.com

Phần II – BẢO NỔ LÊN CHÙA - Chương I

Sáng hôm ấy, khi mặt trời lên tới đầu ngọn tre, thì có một anh bộ đội quần áo chỉnh tề đến chùa, đầu đội mũ lá bọc vải, bên ngoài lằn vải giăng lưới ngụy trang. Nghĩa là một anh bộ đội chính quy hẳn hoi. Từ đầu đến chân anh là một màu xanh lá cây của bộ quân phục mới tinh. Lần đầu tiên, tôi gặp một anh bộ đội như thế. Mới gần đây, bộ đội có về làng. Nhưng vùng tôi là vùng du kích, nên tôi thấy họ mặc toàn quần áo nâu, chẳng khác gì nông dân. Anh bộ đội gặp tôi, bảo:

- Chào chú tiểu! Cho anh gặp sư cụ với.

Sư cụ và anh bộ đội nói chuyện với nhau ở nhà tổ. Nói những gì, tôi không biết. Khi anh bộ đội ra về, tôi thấy thầy tôi vẻ mặt rất hớn hờ. Sau đó, thầy tôi ăn mặc tề chỉnh, lên thượng điện đọc kinh. Trước đó, thầy sai tôi:

- Con lên gác tam quan gõ chuông.

Tôi ngạc nhiên:

- Bạch sư cụ, sao lại gõ chuông vào giờ này?

- Thì con cứ gõ? Chẳng là hôm nay ngày đại hi.

Tôi còn cố hỏi thêm cho rõ:

- Bạch sư cụ, con phải gõ mấy hồi?

- À à... Con phải gõ năm hồi... Mà càng lâu càng tốt... Cho tất cả bàn dân thiên hạ, cho cả làng đều biết...

Tôi vẫn chưa hiểu đầu đuôi ra sao, nhưng cứ theo đúng lời sư phụ dạy. Tôi gõ đúng năm hồi chuông thật đồng dục. Cái vồ treo gõ vào cái núm chuông rất mạnh. Chuông chùa làng tôi là đại hồng chung. Cái chuông đúc từ hồi nhà Lê. Nghe nói hồi ấy họ Bùi có người làm quan to... Lúc đúc chuông, ông quan là người đầu tiên cúng dường đức Phật, đã thả vào vạc nấu đồng một lượng vàng. Trong làng, còn nhiều người khác làm công đúc cúng vàng nữa. Thành thử chuông làng tôi nổi tiếng là ngân nga rất xa. Chuông Sọ đánh, cả ba xã lân cận đều nghe thấy tiếng.

Chuông đánh hồi thứ nhất. Dân làm đồng, dừng tay, hỏi nhau:

- Hôm nay là ngày gì, mà nhà chùa gõ chuông giữa giờ thế nhỉ?

Chuông đánh hồi thứ hai. Họ bảo nhau:

- Hay là... sự cộ có chuyện gì?

- Không phải. Chuông vui chứ không phải chuông buồn.

- Sao bác biết?

- Chuông chùa làng Sọ thiêng lắm. Các cụ bảo nó biết vui biết buồn. Các ông các bà cứ nghe kỹ thì biết. Hôm nay chuông như hát. Trong tiếng ngân nga có tiếng reo vui.

Chuông đánh hồi thứ ba. Có người nôn nao lòng dạ, bỏ việc đồng áng, chạy vội về làng, về đến nơi, đã thấy các cụ già áo the quần trắng, quạt che đầu, kéo ra chùa. Người ta bảo nhau:

- Hòa bình rồi. Pháp thua rồi. Từ nay không phải đánh nhau nữa. Giặc rút hết rồi. Cả đồn Sọ nhà mình chúng cũng rút sạch cả rồi. Về mà làm lễ kính cáo gia tiên đi. Ăn mừng đi... Nhờ có tổ tiên phù hộ, hôm nay quê ta mới sạch bóng quân thù. Đình làng giặc chiếm làm bột, hôm nay chưa tu

sửa được, nên các cụ phải ra chùa. Chùa cũng như đình, các cụ muốn nhờ chốn linh thiêng để tế cáo trời đất, để tế cáo tổ tiên.

Thì ra, anh bộ đội sáng nay tôi gặp thuộc đơn vị tỉnh đội. Bộ đội về làng mấy hôm nay là để chuẩn bị quét sạch các đồn bốt dọc huyện lộ và cả bốt PC. Huyện. Chưa kịp đánh thì sáng nay có điện của tỉnh về nói đã ký Hiệp định Giơnevơ (Gevève). Quân Pháp sẽ hoàn toàn rút khỏi miền Bắc. Từ nay, cả miền Bắc đã hoàn toàn được giải phóng.

Muốn thông báo tin này cho cả làng cùng biết, nhưng đây là vùng tề, chưa có chính quyền cách mạng. Chẳng lẽ lại bắt chính quyền ngụy đi báo. Không được! Giải phóng rồi tức là chính quyền ngụy đã bị giải tán. Nghĩ vậy nên anh chỉ huy mới sáng kiến ra cách vào chùa nhờ sư cụ gióng chuông báo tin cho cả làng. Thế cũng phải! Chuông chùa làng luôn gắn bó với mọi nỗi vui, buồn của làng xóm. Ngày Tết, ngày Hội, chuông chùa làng thường vang lên. Ngày hòa bình lập lại chẳng là ngày hội vui chưa từng có của cả làng hay sao? Sư cụ Vô úy là bậc chân tu. Hòa bình tức là lòng từ bi của đức Phật đã được thực hiện. Sư cụ là người hoan hỉ nhất, cho nên sư cụ cho đánh tận năm hồi chuông, nhiều hơn cả tiếng chuông những ngày đại lễ.

Hôm ấy tòa thượng điện trong chùa đèn nến sáng trưng. Các cụ bảo chùa cũng như đình đều là của làng, nhưng tế cáo thành hoàng làng thì làm trong thượng điện không được. Phải làm lễ vọng ở ngoài sân thôi. Các cụ liền bày hương án ra giữa sân chùa. Rồi vác cả trống cái ra thì thùng cho đến tận khuya.

Mấy hôm sau, chính quyền xã được thành lập. Bà Trần cán bộ phụ nữ huyện được trên cử về làm chủ tịch xã. Anh Hà, em anh Hải tản cư lên Tuyên Quang, nay cũng trở về xã làm bí thư chi bộ. Chị Nguyệt của tôi cũng trở về chùa. Bà Trần bảo:

- Sư cụ gả cô cho chú Hải. Nay chú Hải đã hi sinh oanh liệt cho Tổ quốc. Hay là tôi tính thế này. Cô cứ về ở với gia đình tôi. Dần dà để tôi tính, sẽ gây dựng gia đình cho cô. Trước mắt, hay là cô làm phụ nữ xã giúp tôi gây dựng phong trào, ừ, phải đấy, cô đã có một năm công tác ở phụ nữ huyện.

Chị tôi nghe vậy, giãy nảy lên:

- Cháu chịu thôi. Cháu làm cán bộ sao được. Một năm ở huyện, cháu chỉ làm chân thối cơm. Có biết gì đâu.

- Thì cứ làm. Chúng ta là công nông cả thôi mà. Công nông nào đã được học, nào đã được nắm chính quyền bao giờ. Trong cách mạng, người ta hơn nhau ở cái lập trường mà thôi. Cứ làm, khắc biết.

Bà Trần phân tích thế nào chị tôi cũng không nghe. Bà Trần nhờ sư cụ. Cụ tôi nói, chị tôi cũng chẳng nghe. Chị Nguyệt bảo:

- Bạch sư cụ, sư cụ đã gả con cho anh Hải. Con nghe thầy đã trở về đời tục. Tuy nhiên, con chẳng có duyên với đời. Con nhớ bố con ngày xưa dạy: “Đời người con gái chỉ nên có một lần đò. Đời người ta càng nhiều lần đò càng lắm truân chuyên”. Anh Hải con không may vì nước thiệt thân. Tuy chưa cưới nhau, nhưng con cũng coi như mình đã sang một lần đò. Bạch cụ, con nguyện còn ngày nào sống ở nơi trần thế, con sẽ dành hết cả để ăn chay niệm Phật.

Chẳng hiểu thầy tôi đã nhìn thấy tương lai của chị tôi ra sao, mà thầy tôi chỉ thở dài. Sư cụ bằng lòng cho chị tôi ở lại chùa. Chị tôi lại bảo với bà chủ tịch xã:

- Cô ạ. Không hiểu sao, nghe gõ mõ, ngửi mùi hương, con thấy lòng con rất thanh thản. Mấy lại, còn em con nữa chứ. Còn sư cụ nữa chứ. Chị em con chịu ơn sư cụ. ơn ấy thật cao dày. Năm xưa, không có sư cụ dang

tay ra cứu mang, chắc chị em con đã chết cả rồi. Con phải ở lại chùa để hầu hạ sư cụ.

Chị Nguyệt tôi trở về chùa hỏi thăm bà vải Thầm nhưng hiện nay chẳng ai biết bà ở đâu. Người ta bảo bà vải dạo này lẫn lẩn rồi. Suốt ngày đêm, bà sống với cối âm. Khi chị tôi đi lánh nạn, không có người phụ nữ nào ở chùa nên không có người giúp đỡ cụ Thầm. Cô Thì phải đón mẹ về ở với mình. Nhà cô Thì nghèo nhất làng. Chồng cô, anh cò Lắm là người lưu lạc, quê tận dưới Nam, lên đây lấy cô Thì ở rể. Khi ông cụ Khố chết, anh Lắm lại vác cái riu ra đồng bắt tôm tép. Cô Thì thấy vậy rớm nước mắt:

- Thầy tôi đã chết rét ngoài đồng. Anh lại định theo nghề thầy tôi hay sao?

- Thì nhà nó thử nghĩ xem. Nhà mình có ba gian nhà rách, bố mình đã dành cả một gian để chứa nào lờ, nào đó, nào ống lươn, nào nơm, nào lưới... Tôi phải cám ơn bố. Gia tài to đấy mình ạ. Ít nhất thì mình cũng có miếng ăn.

Anh Lắm chẳng khác ông cụ Khố tẹo nào. Suốt ngày đêm quần quật vật lộn với sóng với nước. Chỉ có điều khác: ông cụ Khố chỉ có một mình cô Thì, còn anh Lắm lại những năm con. Cô Thì là loại mẫn đẻ. Mới hơn ba mươi tuổi đã năm mặt con với chồng.

Bà cụ Thầm về ở với con gái, nhưng thực ra cả nhà có ai để mắt được tới cụ đâu. Anh Lắm mãi ra sông, ra hồ, đi đến nửa đêm mới về. Cô Thì còn mãi làm mướn cho người ta. Tối mịt mới về nhóm lửa. Có năm đứa con: đứa lớn nhất đã choai choai, phải đi ở đợ; đứa thứ hai, thứ ba, khoảng trên mười tuổi đã phải tập nhui tôm nhui tép giúp đỡ bố mẹ; hai đứa bé nhất, thẳng lên bảy công con lên ba, lê la hết ngõ trên xuống ngõ dưới. Thế là chẳng có ai cai quản nữa, cụ vải Thầm liền bỏ đi lang thang. Người ta chẳng biết cụ sống bằng cách nào. Năm thì mười họa, người ta mới lại thấy mặt cụ ở làng. Hỏi cụ đi đâu về, thì cụ trả lời: “Tôi đi chơi với bà Thầm”,

hay “Tôi ở đền cô Chín về”, hoặc “Tôi đi thăm ông lão nhà tôi về”. Hóa ra, bà cụ toàn đi thăm những người ở cõi âm. Chị Nguyệt để ý đi tìm, nhưng không thấy.

Cho tới một đêm, chị tôi đang ngủ bỗng choàng tỉnh dậy. Chị Nguyệt chăm chú lắng nghe, thấy văng vẳng tiếng khóc. Tiếng ti tê lúc to, lúc nhỏ, lúc rõ, lúc đứt quãng. Chị tôi bèn ngồi dậy, đi ra hè. Định thần, nghe thật kỹ mới xác định được tiếng khóc ở ngoài chùa, ở bãi tha ma vọng vào.

Chui qua cái trở tre, chỉ một quãng đường ngắn là tới bãi tha ma, và xa hơn chút nữa là tới rừng Cò. Cũng thấy rợn tóc gáy, nhưng nghe tiếng khóc quen quen, nên chị Nguyệt đánh liều đi ra bãi tha ma. Linh tính báo trước, hơn nữa, đã có lần bà cụ Thầm nói rằng ông cụ Khố được chôn ở đây, nên chị tôi mạnh dạn đi về phía tiếng khóc, lúc này nghe đã rõ mồn một.

Chị tôi quả đoán không sai. Chị đã bắt gặp bà cụ Thầm đang quỳ, đầu gục xuống trước một nắm đất. Bà khóc rấm rứt và lầm bầm trong miệng cái gì không rõ. Khi chị Nguyệt đỡ cụ lên, bà cụ Thầm như bàng hoàng trong mộng:

- Ai đây?... Nguyệt hả?... Nguyệt ơi, cái Thì nó bỏ mẹ rồi... Mẹ đi tìm con bao nhiêu lâu mà không thấy... Mẹ gặp con đom đóm rất to... Nó không xanh lét, mà đỏ đòng đòng... Đom đóm ma đấy!... Nó bảo con chết rồi, song mẹ chẳng tin... Chết thì mẹ biết chứ... Mẹ thường nói chuyện với các vong... Ông Khố nhà mẹ này... Cô Thầm này... Không vong linh nào trông thấy con cả... Tức là con chưa chết. Đêm hôm nay, vong ông Khố dẫn mẹ đi tìm con... Ông ấy bảo thế nào cũng gặp. Thế mà mẹ gặp con thật. - Bà nắn vai, nắn tay chị Nguyệt như để kiểm tra - Thật hả? Thế là con còn sống thật hả?

Chị Nguyệt vội mang bà Thầm về căn nhà lá vườn chùa. Đang đêm cũng đun nước tắm cho cụ. Rồi định giặt giũ bộ quần áo hàng mấy tháng trời không thay. Bộ quần áo cứng như mo nang, bốc mùi như chuột chết.

Cuối cùng chị Nguyệt đành đốt nó đi, lấy một bộ thơm tho của mình mặc cho bà cụ. Mừng vì gặp được Nguyệt, lại được tắm táp sạch sẽ, lại được húp bát cháo nóng ấm bụng, bà cụ ngủ ngay khi chui vào cái ổ rơm. Ngủ nhưng vẫn nắm lấy tay chị Nguyệt tôi, như người chết đuối bám vào cái cọc. Trong giấc mơ, cụ vẫn thầm thì: “Nguyệt ơi đừng bỏ ta nhé”.

Sứ cụ, thầy tôi, tỏ ra hài lòng vì việc làm của chị tôi. Cụ bảo:

- Ở chùa, chỉ có con làm được việc này thôi. Ráng mà cứu lấy bà cụ.

Cả xã, trong những ngày đầu hòa bình ấy, đều dồn sức vá lành những vết thương chiến tranh còn để lại sâu hoắm trên da thịt làng xã.

Người giàu rủ nhau xuống Hải Phòng, vào Nam. Người ta đồn nhau về những chuyện giảm tô, cải cách, đấu tố ở vùng hậu phương. Cụ chánh Long, một sớm, ra chùa uống trà với thầy tôi. Cụ bảo:

- Bạch sư huynh. Thầy khuyên tôi nên đi hay nên ở? Thằng quản Mật nhà tôi đã bông bế vợ con xuống Hải Phòng từ một tháng nay. Nó bảo: “Ông phải quyết định cho nhanh. Không thể lưỡng lự. Việt Minh họ không dung tha cho nhà ta đâu. Nay nhé: ruộng thì nhiều. Rồi bao nhiêu đời toàn là chánh tổng, lý trưởng. Riêng con lại đi lính cho Tây...”. Tôi hỏi lại nó: “Thế còn ruộng nương? Cả nhà ta bao nhiêu là miệng ăn? mấy chục đời nay đều sống bằng ruộng đồng. Bỏ làng mà đi, vào trong ấy thì sống bằng gì?”, “Phải bỏ hết, bỏ hết không tiếc! Chần chừ là chết. Con hỏi thầy: mạng sống quý hay ruộng nương quý? Riêng con, thì bắt buộc phải đi thôi. Con nói hết lời. Còn tùy thầy? Thầy không nỡ xa mồ mả ông cha ư? Thầy không nỡ rời bỏ nơi chôn nhau cắt rốn ư? Thầy bịn rịn với tình làng nghĩa xóm ư? Con nói thật, đó là những cái bẫy, chúng thít vào cổ chúng ta lúc nào không biết”. Chính vì nó nói như vậy nên tôi mới phải đến đây xin huynh một lời khuyên.

- Tôi biết nói thế nào với cụ đây. Thực ra chúng sinh chúng ta đang sống trong thời mạt pháp. Chẳng ai có thể biết rõ ngày mai rồi sẽ ra sao. Thế gian đương xao động. Con người đang giãy giụa tìm lối đi

Thực ra, ở dưới gầm trời này, chẳng đâu là không sóng gió. Tôi là người tu hành, chiế biết nẻo đi của Phật. Cụ là người sống giữa trần thế. Những nẻo đường trần thế liên quan đến chính trị, tôi hoàn toàn mù tịt. Thôi thì tùy thời thế, hoàn cảnh. Chỉ xin cụ, dù thế nào, cũng cố giữ bốn chữ từ bi, hỉ, xả.

- Bạch hòa thượng, không biết tôi nghĩ thế này có ổn không. Gia đình anh quản Mật thì đi một nhẽ. Chúng nó đi cả rồi. Còn gia đình anh bá Phụng. Nhà ấy có hai vợ? Gia đình vợ cả, chúng nó sợ, thì chúng nó đi. Còn gia đình vợ lẽ có ba đứa con còn nhỏ cả. Và lại, cô con dâu vợ lẽ ấy tính toán, thành phần nhà nó nghèo, bần nông, lại là vợ lẽ, tì thiếp. Loại ấy cách mạng người ta không trừng trị? Có thể lại còn dựa vào là đảng khác. Cho nên, chúng nó không đi. Cái Hiếu, con gái lớn chị ta, tức là cháu tôi; nó nói với tôi: “Ông ơi! Cháu ở lại với ông, dù khổ sở, sống chết thế nào cháu cũng chịu”. Con bé mới mười lăm tuổi. Tôi yêu nó lắm. Nghe nó nói tôi mới vững dạ. Tôi quyết định ở lại cụ ạ. Và lại, năm nay tôi đạ sáu năm. Cũng đã được rồi ... cụ nhỉ.

Người giàu lo lắng, tính toán nát nước ra như vậy. Còn người nghèo, họ phập phồng chờ đợi. Nghe đồn rằng: Việt Minh về, thì người càng nghèo càng sung sướng. Có thể nói đó là những con cưng. Việt Minh sẽ chiu chuộng họ, nân đỡ họ Cái ý nghĩ huyền thoại, cái mơ ước ngàn đời “lấy của nhà giàu chia cho nhà nghèo” sắp được thực hiện.

Mang máng đồn đại như vậy. Mơ hồ biết được như vậy. Thực chẳng? Hư chẳng? Lắm lúc ý tưởng ấy như hiện ra mồn một. Rồi có lúc lại thấy hình như không phải vậy. Chả thế mà có ông cán bộ đã giải thích cho một gia đình khá giả:

- Các ông các bà đừng có nghe lời địch tuyên truyền nhằm mà kéo nhau đi Nam. Nơi đó là nơi địa ngục còn nằm trong tay bọn đế quốc sài lang. Độc lập mới là điều quý giá. Cách mạng đem lại lợi ích cho tất cả mọi người, giàu cũng như nghèo.

Câu nói ấy, người làng Sọ ngẫm cũng có lý. Bởi vì họ đã tận mắt chứng kiến những người kháng chiến. Họ là những người tốt, vô tư. Có người hi sinh cả mạng sống vì đuổi Tây. Như anh Hải chẳng hạn. Bóng con thuyền trôi sông, trên đó cắm cái đầu lâu của anh, cả khúc ruột lòng thông của anh. Hình ảnh ấy, người làng Sọ có bao giờ quên được.

Và chẳng nói đâu xa. Ngay trong phút này, giờ này, hình ảnh của chị Trần tức cô Năm cũng thuyết phục được mọi người. Đất này là vùng tề cũ. Nơi đây, trong kháng chiến, dù người dân vẫn ra sức làm ăn, nhưng phải nói là sự làm ăn rất khó khăn. Nào Tây tấn công, nào bắt lính, nào vây ráp tập trung, nào bắt bớ cấm đoán. Ấy là chưa kể đến chuyện cái cánh đồng ruộng bị cấm trồng trọt, bởi vì đây là vùng gần chốt, vùng quân sự. Ấy là chưa kể đến có lúc lúa chín rữ trên cánh đồng mà không ai được gặt và dám gặt, bởi vì đó là thời gian những cuộc vây càn. Cho nên khi hòa bình lập lại, dân có bao nhiêu người bị đói. Chị Trần phải xắn quần móng lợn đi suốt ngày suốt đêm cứu dân, quyết không để ai chết đói. Xong cứu đói lại đến chống hạn. Cả tháng trời không mưa. Ruộng khô nứt nẻ. Lúa nghẹn đồng. Chị lại phải đi liên hệ, đưa bộ đội về giúp dân tát nước. Rồi động viên thanh niên trong xã cùng ra làm. Đói. Người nào cũng gầy gò, bụng beo, mặt xanh nanh vàng, cầm cai dây gầu mà thở, mà run. Rồi bản thân chị cũng phải trực tiếp tham gia nữa chứ. Nói mồm cho khéo, ai người ta theo...

Có lẽ, trong những ngày đầu hòa bình năm 1954 ấy, chỉ có trẻ con là những người vui sướng nhất. Đây là lần đầu tiên chúng được đánh trống, được hát hò, được nhảy múa. Đối với chúng, rõ ràng đó là những ngày hội.

Đình làng, Tây dùng làm bốt mấy năm qua. Lúc này, các cụ bô lão đang phải góp sức phá bốt, phá hàng rào thép gai, lấp giao thông hào, nhờ bộ đội gỡ mìn, để ngõ hầu trả lại cho ngôi đình dáng vẻ đúng là đình. Công việc còn đang bề bộn, nên mọi chuyện làng xã, đáng lẽ phải được diễn ra ở đình, thì lại phải tiến hành ở chùa.

Khu chùa yên tĩnh bỗng trở nên rộn ràng. Dưới bóng những cây muỗm tán lá xanh rì, rậm rạp, đội thiếu nhi đêm nào cũng múa hát.

Tôi là một chú tiểu. Lẽ dĩ nhiên, tôi không được tham gia hát hò. Đêm nào, tôi cũng ngồi ở tòa thượng điện ghé mắt qua khe cửa, nhìn các bạn đồng học của tôi với thầy giáo Hải trước đây sinh hoạt. Tôi không học hát bao giờ. Tuy nhiên lời những bài hát đều đã in sâu vào trí óc tôi. Dạo ấy, đâu đâu cũng vang lên Chiến thắng Điện Biên, Hò kéo pháo, Kết đoàn, Tình bằng có cái trống cơm.

Nhưng câu hát tuy hay nhưng điều hấp dẫn những người dân quê chúng tôi hơn cả là những điệu múa. Nói cho đúng hơn, đó là những điệu múa tập thể. Vừa múa vừa hát. Hát vốn là chuyện thường rồi. Bất cứ ở đâu và lúc nào, đã là con người ai cũng biết hát. Còn múa thì không. Dân quê chúng tôi nghĩ rằng múa khó lắm; múa là những bàn tay dẻo quẹo. Những ngón tay ngọc ngà uốn lượn tạo thành những đường cong mềm mại. Người thường không làm được. Việc ấy chỉ dành cho các cô đào chèo trứ danh năm thì mười họa mới xuất hiện ở sân đình. Đẳng này lại là múa, mà ai múa cũng được. Chỉ việc nhón cái chân lên chút xíu rồi dậm khê ra phía sau, còn đôi tay thì vẩy sang phía bên kia. Dễ thật! Vui thật! Trò múa ấy kéo tất cả trẻ con làng Sọ tối nào cũng quây quần ở sân chùa, kết thành vòng tròn để tiếng hát vang rung cành lá, để cô cậu nào cũng đổ mồ hôi cùng những tràng cười giòn giã. Múa sạp: “Sòn sòn sòn đô sòn”. Hái chè bắt bướm: “Là là mí mí rê”. Tuy nhiên, người ta hay múa theo những giai điệu từ nước ngoài đem về, hay những điệu mô tả cái thiên đường xa lắc xa lơ. Ví dụ như:

Dân Liên Xô vui hát trên đồng hoa

Đây bao la, muôn sắc bao chan hòa.

Hay là...

Thăm thiết tình Việt Trung Xô

Để quốc càng nhiều mối lo.

Cái đế quốc sài lang kia chúng tôi cũng đã biết mặt. Đó là quân Pháp. Pháp mạnh lắm. Bao nhiêu là súng đạn, bao nhiêu là lô cốt. Chúng tôi đã trải cả rồi, nhưng chúng tôi không sợ. Còn đế quốc Mỹ. Có anh bộ đội bảo rằng Mỹ giàu hơn Pháp nhiều, giỏi hơn Pháp nhiều, hiện đại hơn Pháp nhiều... Tuy nhiên, chúng tôi không hề sợ, bởi vì trước mắt chúng tôi là hình ảnh của những thiên đàng:

... Dân Liên Xô, vui hát trên đồng hoa...

Đêm nào, lũ trẻ chăn trâu ngâm thơ của làng Sọ chúng tôi cũng gọi tên xứ thiên đàng ấy. Gọi tên, ao ước, cố gắng biến thành sự thực niềm mơ ước, đó là những ý nghĩ vụng dại, đáng yêu của những người bạn mục đồng của tôi thuở ấy.

Còn sư cụ Vô úy, thầy tôi trong những ngày ấy, lại lặng lẽ như một cái bóng. Khác với ngày thầy tôi năm liệt, đạo ấy thầy tôi chẳng giảng dạy gì cho tôi cả. Thầy tôi tụng kinh nhiều hơn. Tối nào cũng vậy, sau khi lũ trẻ trong làng trở về nhà, thầy tôi lại lên thượng điện tụng kinh. Những khi ấy, tôi ngồi đằng sau, nhắc lại những câu kinh mà thầy tôi tụng niệm. Đọc mãi, nghe tiếng mõ đều đều mãi, cho đến lúc tâm tôi hoàn toàn phẳng lặng.

Thầy tôi bảo: đạo Phật cũng có Niết bàn. Nhưng nó không phải là một xứ xa lắc xa lơ nào đó. Nó nằm ngay trong cõi ta bà, nó nằm ngay trong

lòng chúng ta. Niết bàn xuất hiện lúc chúng ta vô tâm nhất, tâm hồn ta bình lặng nhất, và chẳng một gợn thù hận.

Cái Huệ lúc ở hậu phương trở về đã đến thăm tôi ngay. Hôm ấy, tôi đang đun nước trong bếp. Nó lên từ vườn chùa đi vào. Nó hỏi thăm chị Nguyệt (chị tôi về làng trước nó). Huệ cứ lúng túng mãi, hai má ửng hồng, rồi mới đưa cho tôi một cái gói. Tôi cười:

- Tưởng quà hậu phương là gì khác. Hóa ra lại là ổi găng ở vườn nhà cậu.

- Cây ổi găng tứ thời nhà mình sai quá. Vừa về tới sân đã ngửi thấy mùi ổi thơm nức. Chả là mình đi vắng không ai hái, ổi chín mồm, chào mào đến ăn, quả rụng đầy gốc.

- Thế anh Căn?

- Anh Căn đi bộ đội rồi. Chưa đến tuổi nhưng cao lớn nên các chú chỉ huy nhận vào.

Nước sôi, Huệ theo tôi lên nhà tổ chào sư cụ. Thầy tôi khen Huệ chóng lớn, rồi hỏi thăm tình hình gia đình sư thúc Vô Trần. Đến tối, sư phụ nói chuyện với sư huynh Khoan Độ ở tràng kỷ. Tôi nghe loáng thoáng nói đến tôi, liền dừng chân nghe lén. Sư Khoan Độ:

- Dạ thưa thầy, con thấy sư đệ An và em Huệ nay đã lớn cả rồi.

- Sao cơ?...

- Dạ, chúng đã lớn. Mà lại thân thiết với nhau quá.

- Ủ, chúng đã lớn cả rồi - Thầy tôi nói thủng thẳng, giọng rất hiền từ - Nhưng mà, chẳng sao đâu con ạ... Đời người ta, có được một người bạn tốt

là quý lắm. Mà sư, thì cũng như mọi người thôi. Cũng cần có bạn chứ sao. Thôi, cũng chẳng nên xét nét. Chẳng hề gì đâu con ạ.

Đêm ấy, lúc đội thiếu nhi đến sân chùa để tập múa hát, Huệ rủ tôi cùng tham gia. Tôi cười:

- Ai đời chú tiểu lại tham gia thiếu nhi, rồi lại nhảy sòn sòn. Không được đâu Huệ ạ.

Huệ dài giọng ra:

- Rồi mà xem. Đố cậu trốn đi đâu được.

- Sao cơ?

Huệ trầm thì:

- Bố tớ bảo: sư cũng là công dân. Nghĩa là...

- Nghĩa là sao?

- Nghĩa là... Sư cũng phải... giống như mọi người...

Lúc ấy chúng tôi còn nhỏ quá để có thể hiểu những cơn bão tố... những trận cuồng phong đang từng đợt từng đợt ào ào tràn qua đất nước, tràn qua ngôi làng nhỏ bé của chúng tôi...

Trong những ngày ấy, những anh bộ đội, những người lính, là những sứ giả cách mạng ở các làng quê. Hầu như, tất cả những gì mới mẻ của cách mạng đều thông qua họ mà đến với dân quê. Nào chống đói, nào chống hạn, nào chống di cư vào Nam, nào mít tinh, nào phổ biến học tập... tất cả đều có bàn tay của họ tham dự. Ngay cả việc dạy các em thiếu nhi hát múa, như tôi kể ở trên, cũng đều do các anh bộ đội. Tôi còn nhớ, đêm hôm ấy, sân chùa bỗng vang lên một bài hát mới, một bài hát lạ. Lời ca ấy như sau:

Ta hát múa ta ca

Cố bản ta nắm tay nhau

Là quyết đấu tranh đem lại tự do

Là quyết đấu tranh đem lại lợi quyền

Đời cần lao ấm no sung sướng

Trung, cố, bản ta vui liên hoan

Là trung, cố, bản ta vui liên hoan.

Trước đây, chỉ là xì xào. Còn bây giờ đã rõ ràng. Bài tụng ca về cố nông, bản nông đã bắt đầu vang lên ở làng tôi.

ĐỘI GẠO LÊN CHÙA

Nguyễn Xuân Khánh

www.dtv-ebook.com

Chương II

Chị Thì hỏi con trai lớn:

- Trăm ơi! Thế mà nhất định không đi làm cho cụ trưởng bạ nữa hở con?

- Vâng. Bây giờ người ta còn bụng dạ nào để nghĩ đến chuyện làm ăn. Ông trưởng bạ đang lo sốt vó lên kia kìa. Mà con cũng chả thiết đi làm thuê cho người ta nữa.

- Sao thế hả con? Không làm thì lấy gì mà ăn?

- U chả phải lo. Đổi đời rồi u ạ.

- Đổi là đổi thế nào?

- Nghĩa là... trước kia, người ta là ông, mình là thằng. Còn bây giờ ngược lại: người ta lại là thằng, mình lại là ông.

Thằng Trăm chột cười hí hí. Mẹ nó chẳng hiểu nó cười vì cái gì, bà hỏi:

- Sao lại cười?

- Con nghĩ mà buồn cười, u biết tính bà trưởng bạ đấy. Đối với kẻ ăn người ở, hôm nào bà cũng chửi vắt óc lên. Tốt cũng chửi, xấu cũng chửi. Hình như không chửi bà ăn không ngon. Ấy thế mà hôm con xin nghỉ việc bà ấy lại ngọt ngào với con, bà ấy nắm tay con và bảo: “Ta trả công thưởng cho con thêm thúng thóc nữa nhá. Đừng hận bà hay chửi mà. Bao giờ đội cải cách về, mà đừng tố bà, con nhé”.

- Thế con trả lời ra sao?

- Còn ra sao nữa! Con bảo: “Úi dà! Bà đừng lo. Con coi bà như bà của con. Con biết tính bà hay chửi. Nó quen miệng đi rồi. Thực ra bà chẳng có bụng dạ với ai. Không phải bà cho con thúng thóc mà con nói thế. Bà ơi! Bà cứ yên tâm”. Thế là bà ấy rưng rưng nước mắt u ả. - Nói xong Trăm lại hì hì.

Chị Thì cũng cười theo con. Lúc này, chị mới chợt nhận ra hôm nay Trăm mặc quần áo mới. Chị Thì có năm con: Thăng Trăm, cái Bống, thằng Rô, cái Mè; thằng út là cu Săn Sắt. Trăm năm nay đã mười bảy tuổi. Chị Thì đẻ nó lúc còn rất trẻ. Năm chị mười lăm tuổi, ông cụ Khố thấy anh Lắm là người hiền lành, chăm chỉ lại to khỏe, liền ưng ý bắt Thì phải lấy Lắm. Thì ngúng nguẩy. “Con chịu thôi. Anh ấy to lớn thế kia! Trông xấu lắm”. Lắm là người hay làm, nhưng đúng là con người thô kệch, lại có máu dê nữa. Còn Thì nhỏ nhắn lẳn chắc, mới choai choai thôi mà đã thắt đáy lưng ong đầy hứa hẹn trở thành một người đàn bà xinh đẹp. Mà cô Thì sợ anh Lắm cũng phải. Hăn ta vầy vò cô suốt đêm ngày. Nhà thì chật. Hồi đó ông cụ còn sống. Lắm thích cùng đi làm với vợ ở cánh đồng cạnh rừng Cò. Ở đấy tiện. Lắm đồng rơm khô, cỏ khô. Mỗi ngày hăn đề cô ra hai lần, sáng một, chiều một. Làm mãi thành quen. Cô Thì thích ứng kịp với chồng. Lấy nhau chỉ năm tháng, người cô được hơi trai, bỗng nở bung ra, đẹp lồng lộng, ngồn ngộn, hơn hớn. Cái sắc đẹp bưng bưng và lung linh ấy càng kích thích anh Lắm. Và thế là cô đẻ sòn sòn, đẻ hồi hả một mạch năm đứa con. Đạo ấy, lúc nào trông thấy cô cũng chỉ trông thấy cái bụng chửa. Đẻ xong thằng út, là thằng Săn Sắt, cô Thì hai chín tuổi. Và xong cái đợt sinh đẻ liên hồi ấy, đột nhiên cả hai người bỗng teo quắt lại. Người anh Lắm, nhìn chỉ thấy xương. Người cô Thì, nhìn chỉ thấy đôi gò má cao, đôi mắt sâu hoắm và thân hình như con cá rô đực. Cứ tưởng như cô Thì biến thành đàn ông. Cô bỗng ngừng đẻ đột ngột. Có lẽ đó là phản ứng của cơ thể. Cơ thể phải đực hóa cô đi, vì nếu cứ tiếp tục đẻ nữa, chắc cô Thì sẽ chết. Cũng có thể vì cô lao lực quá, đói khát quá. Chưa đầy ba lăm tuổi, trông cô đã già như

người năm mươi. Tóc đã hoa râm. Nhưng bù lại, sự cường tráng của người cha, sức sống viên mãn của người mẹ đã di truyền lại cho đàn con, nhất là cho Trăm. Năm ấy, Trăm mười bảy tuổi mà đã như chàng trai hai mươi. Mặt mũi sáng sủa. Nhanh nhẹn, hoạt bát. Ngực nở như vú đàn bà. Tay như tay vượn, lưng như lưng gấu. Làm việc đồng áng băng băng. Học hành cũng sáng láng. Chỉ đi học lớp bình dân học vụ thôi mà chữ viết đẹp đáo đẽ. Lại thông thạo bốn phép tính. Đã bốn năm đi ở cày thuê cho ông trưởng bạ. Con gái làng Sọ, khối đũa nhấm nháy, nhưng Trăm chỉ thích một cô. Bà mẹ cười và hỏi con:

- Hôm nay, mặc quần áo mới làm gì? Hay là đi gặp cái Hiếu?

- Không phải đâu u ạ. Thế u không biết chuyện gì à?

- Chuyện gì?

- Sáng hôm nay đội cải cách về. Họ đang họp ngoài đình Sọ. Con gặp bà chủ tịch Trần ôm một tài liệu ra gặp đội. Cả ông bí thư, anh xã đội vững về. Đội về, giải tán cả Đảng, cả chính quyền cũ mà. Chắc chiều thì các anh đội mới về các xóm thăm nghèo hỏi hỏi.

- Gớm! Mà nói cứ như mà là cán bộ đội cải cách ấy.

- Đợt này là cải cách đợt ba. Các xã gần mình người ta phát động quần chúng hết rồi. Làm gì mà con chẳng biết. Nghe người ta nói chuyện, rồi con đọc tài liệu. Con biết hết mọi chuyện. Này nhé! Cải cách ruộng đất gồm có bốn bước. Bước một: Tố khổ, quy định thành phần, diệt trừ ác bá. Bước hai: Tịch thu, trưng thu ruộng đất, lên phương án ăn chia. Bước ba: Cầm thẻ nhận ruộng, chia quả thực, xây dựng tổ chức, làm lễ đốt văn tự phong kiến. Bước bốn: Phúc tra, tiêu diệt nốt địa chủ lột lột.

- Thế theo con tính, nhà ta thuộc thành phần gì?

- Cỗ nông u ạ. Đấy rồi u xem, chỉ một lát nữa thôi, sẽ có anh đội vào nhà ta cho mà xem. Vì thế nên hôm nay con mới ăn mặc chỉnh tề. Con không muốn giả nghèo giả khổ, cứ đến lúc đội về là ăn mặc rách rưới. Việc gì phải thế. Việc gì phải rúm ró đi khi trông thấy anh đội. Nhà mình không một tấc đất. Vậy thì sợ cái gì nào? cỗ nông thì cũng phải biết đàng hoàng chứ.

Quả như lời Trầm nói, khoảng xế chiều, một người đàn ông trạc bốn mươi, ăn mặc quần áo nâu, đội cái mũ lá trùm vải xanh, phủ lưới bên ngoài, lưng đeo ba lô, vai đeo xà cọt, xuất hiện trước ngõ, hỏi qua hàng rào cúc tần:

- Cho tôi hỏi, đây có phải nhà ông Lãm không ạ?

Chị Thì chạy ra mở cái cổng tre:

- Nhà cháu ở ngoài đồng chưa về.

Người đàn ông trông quắc thước, dáng người rắn chắc, đôi lông mày rậm, khi nói cứ rướn lên rướn xuống.

- Chị là Thì, vợ ông Lãm? Còn tôi tên là Khoát muốn đến thăm gia đình.

Thằng Trầm từ trong nhà chạy ra:

- U mời anh ấy vào đi. Anh đội đến thăm nghèo hỏi khổ đấy u ạ. Cháu xin chào anh đội.

- Gọi tôi là Khoát đi cho tiện. À mà sao cậu lại biết tớ là anh đội.

- Cả làng cháu ai chả biết. Khi các anh tới chợ, người đi chợ về báo cho cả làng. Rồi các anh ra đình. Chủ tịch Trần cấp tài liệu ra bàn giao, cả làng cũng đều biết hết. Ở đây người ta đã nhấm tính hết cả rồi anh đội ạ.

Nhà nào là thẳng địa, nhà nào là thẳng phú, nhà nào trung nông, bần nông họ đều nghĩ sẵn trong bụng rồi.

Khoát ngồi xuống cái ghế con ở chỗ chái vẩy ra làm bếp. Chị Thì ngồi bệt xuống cái chõi rơm, rót bát nước với màu hổ phách từ cái ấm đất. Nước với ủ trấu nóng hôi hổi uống vào thơm thơm, ngọt ngọt. Anh đội Khoát uống vào tỉnh hẳn ra. Lúc ấy anh mới tỉ tê hỏi chuyện.

- Nhà ta có mấy sào ruộng?

- Chẳng có một sào nào. Nhưng nhờ bà vải, u em ở chùa nên sư cụ thương cho cấy rẽ ba sào. Ông chánh cũng cho cấy thêm ba sào nữa. Vị chi là cấy rẽ sáu sào.

- Thế ăn chia thế nào?

- Ruộng chùa thì mình ăn hai, nhà chùa ăn một. Ruộng ông chánh thì mình ăn một, ông chánh ăn một.

- Nhà mình mấy nhân khẩu?

- Dạ bảy: năm đứa con, hai vợ chồng.

- Bảy cơ à? Thế thì túng bấn lắm nhỉ?

- Được cái trời thương, cả nhà khỏe mạnh cả nên mỗi người mỗi việc. Tôi thì chăm mấy sào ruộng, có con Bống đỡ một tay. Nhà tôi thì cặm cụi đi đánh dậm, nhủi tôm nhủi tép ngoài đồng. Thằng thứ ba là cu Rô đi phụ cho bố nó. Thằng Trăm năm nay cày đã vững rồi nên làm thợ cày cho nhà cụ trưởng bạ. Chỉ còn hai đứa bé nhất: cái Mè, thằng Sắn Sắt là ăn không thôi. Đấy, hai đứa đã về kia rồi...

Từ ngoài sân bỗng vẳng lên tiếng ríu rít trẻ con: U ơi! U ơi! Rồi hai đứa trẻ xuất hiện. Một đứa con gái trạc bảy hay tám tuổi, tóc vàng như lông

bò, quần đến đầu gối, rách rưới, cồng thẳng em lên ba trần truồng như con nhộng. Hai đứa trẻ nhem nhuốc, mặt như mặt hề. Tuy nhiên cả hai đều hồng hào mồm mĩm. Thằng em cầm củ khoai trên tay khoe với mẹ:

- Bà vãi cho khoai.

- Bà vãi nào? Cô Nguyệt cho chứ. - U ơi!... Hôm nay trông thấy chúng con, bà vãi khóc... Con sợ lắm... Rồi bà vãi lại bế thằng Săn Sắt, vỗ vào mông nó và bảo: “Cha tông môn nhà mày... Đêm qua gặp ông Khố... Cụ bảo bố mẹ mày quên ông rồi... Đã bảo ông thích ăn lươn... Thế mà giỗ ông vừa rồi... Bố mày không cúng lươn... lại đi cúng cá diếc là thứ ông đã ăn đến chán rồi... Có đúng thế không? Há con cái Mè?... Ừ, ông Khố gọi tên mày đấy... Gọi tên cả thằng Săn Sắt... Ông bảo tối nay ông sẽ về thăm nhà mày... “U ơi! Thế có làm sao không? Con sợ lắm”.

- Sợ cái gì?

- Sợ ông về thăm nhà mình.

- Sợ gì. Nhà mình tức nhà của ông cho. Cửa ông thì lúc nào ông về chả được... Mấy lại ông chết rồi cơ mà.

Chị Thì thở dài, rồi giải thích cho anh đội Khoát hiểu câu chuyện giữa hai mẹ con:

- Bà vãi tức là bà ngoại lũ trẻ. Bà ở chùa nên mọi người gọi là bà vãi. Cụ Khố tức ông ngoại lũ trẻ. Cụ Khố chết rét ngoài đồng, từ đó bà vãi thành ngơ ngẩn. Suốt đêm ngày bà chỉ mơ màng sống với người âm. Cũng nhờ cụ Khố để lại cho cái gia tài toàn lờ, với giò, với đó, với lười nên anh Lắm nhà tôi mới biết đánh dậm nuôi con.

Lúc này, anh đội Khoát mới ngẩng đầu lên nhìn thẳng Trăm vẫn đang đứng dựa vào chiếc cột tre bóng loáng để nghe hóng hớt câu chuyện giữa mẹ nó và anh “đội”. Anh hỏi:

- Này cậu Trầm! Có vẻ cậu đã biết chính sách cải cách. Theo cậu, gia đình nhà ta thuộc thành phần gì?

- Dĩ nhiên, là cố nông thì anh mới đến bắt rế.

- Cậu cứ mạnh dạn phát biểu.

- Chẳng những cố nông mà lại ba đời cố nông. Ông ngoại cháu là cụ Khố, quanh năm chỉ đóng khố bì bõm ngoài đồng. Chưa bao giờ có một mảnh đất, trừ mảnh đất làm lều mà nhà em đang ở. Ông nội em chết đói ở Thái Bình. Bố em lưu lạc đến đây, nổi nghiệp ông ngoại em chẳng là cố nông đời thứ hai hay sao. Đến đời em lại tiếp tục đi ở thợ cày cho người ta chẳng là cố nông đời thứ ba hay sao.

Anh đội cười:

- Cố nông gì mà lại ăn mặc bánh chọe thế kia?

- Đúng, hôm nay em ăn mặc tươm tất. Anh nên biết dù là cố nông, mỗi năm bố mẹ em cũng vẫn may cho chúng em mỗi đứa một bộ quần áo mới. Còn tại sao em mặc? Xin hỏi anh đội có phải cải cách ruộng đất là đổi đời, là cách mạng long trời lở đất không? Đúng. Người ta bảo nó là ngày hội. Vậy ngày hội có cần ăn mặc tươm tất không?

- Chịu cậu.

Ông đội Khoát cười. Có thể nói, ông hơi ngạc nhiên, vì người thanh niên này ăn nói rành rẽ, gọn gàng quá. Khoát ngạc nhiên là phải. Trong cuộc họp tổng kết, cấp trên đã nhắc nhở đội phải nêu cao tinh thần cảnh giác. Bởi vì bọn phản động giãy chết sẽ phản ứng giai cấp rất gay gắt. Có thể chúng đã bày sẵn trận địa với thiên la địa võng, chờ những người cán bộ ngờ nghếch rơi vào bẫy. Tuy nhiên, Khoát cũng thấy anh chàng hay hay. Khoát muốn nhân cơ hội, tìm hiểu tình hình xóm Đình thông qua anh chàng này.

- Theo cậu, ở xóm này những ai là địa chủ.

- Chắc hẳn số một là chánh Long. Ông ta có trên một trăm mẫu ruộng. Chỉ riêng vườn cò trồng tre và xoan đã hơn chục mẫu. Nếu ông bá Phượng, con ông chánh không chạy vào Nam, thì cũng là thằng Địa. Ông trưởng bạ Liên nhà năm mẫu ruộng bốn nhân khẩu. Ông này làm nghề nông rất giỏi. Giàu lên là nhờ chăm chỉ, lại là lão nông tri điền. Chính cháu làm thuê cho ông ấy cũng học được nhiều lắm. Tiếng là đi làm thuê, nhưng lắm lúc cháu nghĩ mình là người học trò còn ông ấy là ông thầy.

Đôi lông mày rậm của Khoát chột rướn lên. Hình như câu trả lời của Trăm không vừa lòng anh. Khoát chuyển sang câu hỏi khác:

- Bà Thêu thì sao? Tôi đi đến đầu xóm thấy có tiếng chửi bới ồn ào. Hỏi ra mới biết bà ấy chửi cạnh chửi khóe chánh Long. Bà ấy hận thù chánh Long ra sao?

Chị Thì nhanh miệng đỡ lời con trai:

- Phải. Hơn một tuần nay bà ấy chửi cạnh khóe chánh Long suốt. Chuyện này thì tôi cũng nghe đồn đại. Chuyện đàn ông đàn bà ấy mà.

- Thế còn chính quyền cũ ở đây ra sao? Bà và cháu có biết gì về chủ tịch Năm?

Câu hỏi này, Trăm im lặng nhìn mẹ. Chị Thì lại nói:

- Chị Năm thời tề ngụy làm phụ nữ trên huyện. Chồng là anh Trần đi bộ đội tình. Hòa bình chị Năm mới về làm chủ tịch xã. Chị ấy suốt ngày xắn quần móng lợn đi làm việc. Cứu đói, chống hạn đều lăn xả vào. Dân làng tôi quý chị ấy lắm.

- Tích cực à? Vô bực đấy thôi! Chị phải biết chúng nó thâm lắm. Chính quyền của ta đã bị Quốc dân đảng lũng đoạn. Chị có biết gì lão Trần

chồng chủ tịch Năm. Nghe nói trước kia lão là sư?

- Vâng, trước kia ông Trần là sư chùa làng. Chị Năm là gái làng. Sau rồi lấy nhau. Bỏ làng ra đi cho đến cách mạng, ta cướp chính quyền mới về.

- Ghê thật! Thấy chưa! Gái quyến rũ sư. Sư giả cầy mà cách mạng của hần cũng giả cầy. Nghe nói sư cụ chùa làng hiện nay và lão Trần còn là sư huynh sư đệ với nhau phải không?

- Dạ vâng!

- Thế thì ghê thật! Lắt léo thật! Thâm hiểm thế đấy!

Nghe anh đội thở ra một loạt câu tán thán, cậu Trăm chẳng hiểu ghê là thế nào? Lắt léo, thâm hiểm là thế nào. Cái thằng Căn đi bộ đội, được học tập, đã viết thư về làng để nói lên cái long trời lở đất của cuộc cách mạng thổ cải, và để động viên người bạn thân của mình mà Căn biết chắc chắn là một cố nông. Căn viết thư cốt để bạn của mình hồ hởi lao vào cuộc cách mạng vĩ đại này, nó sẽ làm thay đổi bộ mặt u ám của làng Sọ. Chính vì nhận được thư của Căn nên hôm nay, để đón tiếp “đội”, Trăm mới mặc bộ quần áo mới. Nghe anh Khoát nói xong, Trăm bỗng buồn hẳn đi. Trăm sẽ không viết thư cho Căn, nhưng nếu viết hẳn sẽ nói thế này:

“Căn ơi! Tự nhiên tao bỗng buồn bã không tài nào hiểu được. Hình như mọi chuyện xảy ra sẽ không như mày tưởng đâu. Căn ơi! Tao thấy lo lắng. Lo cho mẹ mày. Cả thầy mày, cả em mày nữa. Trống ngoài đình đang nổi lên đấy. Có cả tiếng loa. Căn ơi! Tối nay xóm mình họp. Nông dân cùng đầu tổ khổ”.

Ngôi đình làng, trước kia giặc Pháp chiếm làm bốt, sau hơn một năm được dân làng tu sửa, nay đình mới trở thành đình gần giống như xưa. Anh Khoát đội cải cách tổ chức cho nông dân xóm Đình họp tổ khổ ngay tại đình. Hai chiếc đèn ba dây treo ở tả hữu. Một chiếc đèn chai đặt trên chiếc bàn gỗ nơi anh Đội và Lắm ngồi. Anh Lắm đen trùi trùi, người sắt lại rần

như thép, ngồi lêu nghêu giữa đình. Anh như con rái cá, bơi lội, lặn ngụp, rồi đơm tát, rồi chịu đựng nắng mưa thì cả làng chả ai bằng, nhưng cái chuyện điều khiển cuộc họp thì thật kém cỏi. Nói thì ấp úng như ngậm hột thị. Thứ tự thì lộn tùng phèo. Anh Khoát đành phải làm tất cả. Hôm ấy họp xóm đông lắm. Ai được gọi đi là mừng rơn. Kéo cả nhà lũ lĩ đi họp. Người không được mời như chính quyền củ, nhà giàu có, tề ngụy thì ra thờ vào than, sốt ruột nghe ngóng. Anh Khoát hùng hồn nói:

- Hôm nay Đảng ta phóng tay phát động quần chúng. Cải cách ruộng đất sẽ đập tan bè lũ địa chủ phong kiến và phản động. Địa chủ sẽ bị đánh gục. Tôi tuyên bố giải tán mọi tổ chức cũ. Cả Đảng lẫn chính quyền, đoàn thể. Từ hôm nay, dân cày nghèo được vùng lên. Đó là người chủ đích thực của nông thôn. Nào những ai có khổ hãy tố khổ. Ai bị bóc lột hãy tố giác bọn bóc lột. Ai có nợ máu hãy đòi nợ máu. Đảng ta phóng tay phát động. Ai có tội, dù ở cấp nào, cũng phải bị vạch tội. Không được bao che. Cắt đứt mọi liên quan với bọn bóc lột, bọn phản động...

Khoát nói rất hùng hồn. Vừa nói vừa chém tay vào không khí. Người dân sáng mắt lên, hớp từng câu nói, như hớp được làn không khí trong lành bổ dưỡng bỗng nhiên từ trời cao rơi xuống.

Sau khi anh Khoát nói, cô Rêu con bà Thêu cho thiếu nhi hát bài “Nông dân là quân chủ lực”. Tiếp theo, cô lại bắt nhịp cho thanh niên nam nữ hát một bài hát rất thịnh hành thời đó. Nghe thấy giọng con gái nhiều hơn. Đó là những tiếng kể lẽ buồn buồn. Nghe cứ thấy bồn chồn trong dạ. Có lúc, những người hát bị xúc động không hát được. Vừa hát vừa khóc. Những lúc ấy, duy chỉ còn một mình cô Rêu hát. Con họa mi nước nở. Dân làng tôi vẫn gọi Rêu là con họa mi, vì Rêu hát hay nhất làng. Có người còn quá khen, bảo Rêu hát hay nhất huyện. Lời của bài hát ấy như sau:

Mặt trời bừng sáng cánh đồng quê.

Lúa đã về dân cày...

Sớm nay, nàng bông lúa nặng lòng... lòng bàn tay.

Ngày xưa, khi mùa lúa chín,

Thóc chẳng đủ nộp tô, trang trái nợ nần.

Công sức quanh năm không đủ trả nợ nần.

Giọt nước mắt mồ hôi rơi trên bông lúa,

Ngày xưa, về tay bọn địa chủ

Hôm nay, về tay dân cày

Ơn này nhờ có Đảng, ơn Bác Hồ

Đã cứu giúp cho dân cày nghèo đời này một ấm no.

Giọng hát đều đều, kể lể, kiểu như một bài thánh ca trong nhà thờ. Nó nghiêm trang chứ không hùng hồn, tuy vậy, nó lay động được hồn người. Bài này do cái Hiếu cháu gái ông chánh Long phổ biến. Nhà ông chánh ở vùng tề, nhưng riêng cái Hiếu lại theo họ ngoại tản cư tận trên Tuyên Quang đem về phổ biến. Cái Hiếu đã học xong lớp bảy, cắt tóc thề. Nó khác hẳn những đứa con gái trong làng. Là con cháu nhà chánh Long địa chủ, nhưng không biết sao hôm nay nó cũng có mặt ở cuộc họp nông dân này. Có người thắc mắc:

- Thưa anh đội, chẳng hiểu có nhầm lẫn gì không, lại thấy có mặt cả con cái thằng địa trong cuộc họp của bản cổ trung nông?

Khoát trả lời danh thếp:

- Bà con yên tâm. Ai có mặt ở đây đều do tôi cho gọi. Ai có mặt ở đây đều là những người bị địa chủ áp bức bóc lột.

Cuộc tố khổ bắt đầu. Người tố khổ trước tiên là bà Bệu. Nguyễn Thị Bệu là mẹ của Hiếu, vợ lẽ của bá Phụng tức là lý Phụng, con dâu của chánh Long.

Bà Bệu con nhà nghèo. Thời con gái, bà không đẹp, nhưng là người đàn bà rục rờ. Cái sức xuân phây phây lúc nào cũng hùng hực tỏ lộ trên con người bà. Mặt tròn vành vạnh, da mượt má màu hoa đào. Thân thể mỡ màng, tươi tắn, lúc nào cũng như sẵn sàng mời gọi. Quanh năm, lúc nào cũng mặc yếm đào. Nhà nghèo nhưng dứt khoát cái yếm phải mỏng manh, tươi thắm. Người con gái quê khác thường muốn kín đáo với bộ vòng ngực, họ thường thít chặt dải yếm hoặc dùng áo cánh cài khuy chặt để bó giò bộ ngực lại. Riêng cô Bệu, cô cứ thích thả lỏng dải yếm và không cài chặt khuy áo để mặc cho bộ ngực được thoải mái nóng nín. Chả thế mà lý Phụng phải lòng, chết mệt vì cô. Ông chánh Long thấy cô sinh ra từ nơi nghèo hèn lại phóng túng liền can ngăn. Lý Phụng không nghe quyết lấy làm vợ lẽ cho bằng được. Vợ cả lý Phụng con nhà danh giá, bố làm tiên chỉ. Chị này mỏng mày hay hạt, nhưng càng ngày càng gầy yếu sau khi sinh nở bốn đứa con.

Lấy được cô Bệu, lý Phụng say sưa với thị đêm ngày, chẳng ngó ngàng gì tới vợ cả. Thế là xảy ra cuộc chiến giành giật người chồng giữa hai người đàn bà. Thị Bệu được chồng yêu, ăn nói văng mạng chẳng kiêng nể gì ai, dám chửi cả tổ tiên nhà bà vợ cả. Ông tiên chỉ gọi lý Phụng đến mắng:

- Anh là thằng đàn ông, con nhà gia giáo, mà chịu thua đứa con gái lẳng loàn đó sao.

Ông chánh Long cũng nghiêm khắc bắt con trai phải trị cho bằng được cái con ngựa cái bất kham đó. Một hôm, ba người em trai người vợ cả đến nhà, bắt thị Bệu phải xin lỗi, phải lạy sống người vợ cả. Bà Bệu cậy đã có hai mặt con với bá Phụng: Con Hiếu, thằng Nghĩ, lại cậy được chồng yêu (cả làng đồn rằng thị đã đánh bùa mê cho chồng), nên đã chẳng lạy thì chớ,

lại còn réo nhà ông tiên chỉ lên mà tể. Đúng lúc lý Phượng về. Người chồng tức giận quá liền giơ thẳng cánh tát cho Bệu hộc máu mồm máu mũi. Thị Bệu đau quá mất khôn. Thị nổi cơn tam bành, coi trời bằng vung. Lần này, thị réo nhà ông chánh lên để chửi. Thị lại kể lể rất tục:

- Mà y cậy mà khỏe à... mà giàu sang à... Bà thì dí... vào cái giàu sang nhà mà... Mà y có nhớ cái lúc mà y úp mặt vào l... bà không. Mà y hôn... mà y hít... mà y liếm... Thế mà bây giờ mà y lại giở vũ phu với bà...

Chuyện ấy, cả làng chứng kiến. Họ cười um. Chuyện ấy thì làng Sọ hiểu được. Ai chả biết họ nhà ông chánh toàn loại máu dê. Những lúc vui thú trong buồng the vắng vẻ. Lại đang lúc nổi cơn động cốn, ai chứ lão lý Phượng thì chắc dám làm thế thật. Thời gian ấy, ta vừa cướp chính quyền. Uy thế nhà ông chánh bị sút đi nhiều. Trong khi ấy, anh ruột thị Bệu lại là một nhà cách mạng. Cho nên bá Phượng căm lắm mà không làm gì được. Và ông ta đã đuổi thị Bệu ra khỏi nhà mình. Cụ chánh Long thấy thế không ổn, vì dù sao con Hiếu, thằng Nghĩa vẫn là con cháu họ Nguyễn. Cụ chánh đến nhà nói chuyện với thị Bệu và chia cho thị một mẫu năm sào ruộng để nuôi con. Khi giặc Pháp tấn công đến làng Sọ, thị Bệu liền bỏ làng tản cư lên Tuyên.

Bà Bệu rên rỉ kể lại chuyện bà bị cả họ hàng nhà chánh Long đánh đập ra sao.

- Thằng Phượng nó đâm vào mặt làm tôi hộc máu ra. Thằng Cả nhà lão tiên chỉ nắm lấy tóc tôi quăng tôi ngã sóng soài ra đất. Thằng hai bèn đá vào ngực tôi. Lần này tôi hộc ra một vũng máu. Còn cụ Phượng, tôi căm thù nó đến muôn đời muôn kiếp. Các ông các bà có biết nó đã man đến thế nào không? Nó cầm một bát cứt và nhét vào mồm tôi...

- Đả đảo địa chủ chánh Long.

- Đả đảo địa chủ lý Phượng.

- Đả đảo địa chủ cường hào gian ác.

Cả ngôi đình rùng rục lên sự căm thù. Bà Bệu tóc xòa rũ rượi. Hầu như bà ngất đi rồi tỉnh lại. Bà lại tiếp tục tố khổ.

- Các ông các bà có thấu không? Còn lão chánh Long nó cũng đều chẳng kém gì thằng con nó. Nó đến nhà tôi... Nó nói nhân nghĩa, ngon ngọt. Rồi lão còn gạ gẫm tôi. Lão bảo nếu tôi bằng lòng, thì lão sẽ cho tôi ba mẫu chứ không phải mẫu rưỡi...

Cô bé Hiếu ngồi ở chỗ tối nhất trong góc đình. Cô vào chỗ tối để che giấu những giọt nước mắt, dù cô không muốn, vẫn cứ ào ạt tuôn ra. Cô khóc như mưa như gió. Không phải cô khóc vì căm thù mà vì xấu hổ. Con người có vô sỉ đến mức phải trưng ra, tố ra những điều xấu xa, yếu hèn của những người khác, những điều mà đáng lẽ ta nên quên đi. Hiếu chợt thấy thương ông nội. Ông chánh Long đâu phải loại người như mẹ tố cáo. “Mẹ ơi sao mẹ lại vu khống ông. Đã đành là mẹ uất ức. Nhưng ông con là người tử tế”. Khi mẹ con bà Bệu lên Tuyên Quang, hàng năm, ông cụ chánh vẫn thu hoa lợi của một mẫu rưỡi ruộng, rồi chuyển ra vàng, nhờ người gửi ra hậu phương cho mẹ con Hiếu. Có như thế, chị em Hiếu, Nghĩa mới đủ điều kiện đi học. Khi ba mẹ con hồi cư về làng, ông cụ trao trả lại số vàng. Cái Hiếu thường xuyên đến thăm ông. Ông và cháu rất thân với nhau. Khoảng nửa năm gần đây, ông cụ hình như biết số phận của mình. Ông cụ nói với cháu:

- Thầy học của ông là sư cụ đời trước, nay đã viên tịch rồi. Cụ là người đại đức, ông đã cố gắng học theo thầy cả đời. Cụ bảo con người ở đời là phải mang nghiệp. Có lẽ đời ông trước đây có nhiều nghiệp chướng. Cho nên sắp tới mới gặp đại họa.

Cô bé nắm tay ông:

- Ông ơi! Cháu không bao giờ từ bỏ ông đâu.

Cô bé cũng đủ trí khôn để hiểu cái tai họa to lớn đến chừng nào sắp đè xuống tấm lưng còng và mái tóc bạc của ông mình. Chỉ tức một nỗi: biết mà chẳng làm gì được. Tìm cách né tránh cho ông cũng không được. Gánh vác giúp ông cũng không ai cho gánh. Thậm chí lui tới để an ủi ông cũng bị mẹ ngăn cấm. Bà mẹ nghiện ngấm con.

- Xót xa máu mủ dòng tộc nhà mày lắm phải không? Tao truyền đời cho mà biết... Cứ đi lại mãi với nhà thằng địa chủ già... đội người ta sẽ lột da mày đấy.

Anh đội Khoát thấy Hiếu khóc liền hỏi:

- Căm thù địa chủ là tốt. Nhưng phải biết biến căm hờn, biến những tiếng khóc thành những hành động cụ thể. Hành động ở đây là gì: là tố cáo cho bằng hết tội ác thằng địa. Nào cô Hiếu, mẹ cô, bà Bệu đã tố xong rồi đấy. Cô có tố bổ sung gì không?

Hiếu lúng búng:

- Cháu còn bé mới lớn lên... Có biết gì đâu ạ.

Nói chung, hôm ấy tập trung tố khổ vào chánh Long. Thêm hai người tá điền tố cáo chánh Long lấy roi cặc bò đánh mỗi người hai chục roi. Lưng sưng vù, một tuần lễ phải nằm ngủ sấp.

Người tố thứ hai rất có ấn tượng là bà Thêu.

Trong cái cách ruộng đất, muốn quy một địa chủ cường hào ác bá, cần phải tìm ra bốn tội: bóc lột nông dân, chiếm đoạt ruộng đất, nợ máu, hãm hiếp phụ nữ. Đối với chánh Long, ông ta có đến sáu vợ. Tuy nhiên, nhiều vợ không phải tội ác. Phải hãm hiếp phụ nữ mới là tội tà trời. Khốn nỗi, chánh Long, tuy máu dê, nhưng đối với phụ nữ, ông ta không lèm nhèm. Ông ta không phải là cái loại lớn bùi, bé mềm, bạ ai cũng quan hệ. Ông ta có trăm mẫu ruộng, lại là người có học. Oai phong đường bộ, đi đâu xa thì

cưỡi con ngựa hồng, dạo chơi trong làng thì chống cái batoong bằng song bóng nhẫy. Lại là người tài hoa, trên tường phòng khách luôn treo chiếc đàn nguyệt. Người ta bảo ông đánh đàn khá hay, tuy nhiên, trong làng chưa ai được nghe đàn của ông, bởi vì người nhà quê chân lấm tay bùn làm sao có thể là người tri kỷ của ông.

Bởi những lẽ kể trên, những người đàn bà của chánh Long đều là những phụ nữ đẹp. Ông toàn lấy vợ thiên hạ, những người đàn bà đẹp nhất ở các làng lân cận. Ông thường than vãn: “Không hiểu giếng nước làng Sọ ra sao, mà làng này không có mỹ nhân”. Và cái thành kiến ấy cứ bám rễ mãi trong trí óc ông. Cho tới một buổi chiều, ông chống ba toong đi dạo mát trong làng. Ông đi qua cái giếng khơi ở giữa làng, thấy một cô gái đang khóa đám bèo tổ ong, múc nước. Cô gái xắn quần quá đầu gối. Đầu tiên, ông chỉ ngạc nhiên về cái màu trắng ngọc ngà nhể nhại của những khoảng da thịt để hở trên người cô gái. Đến khi cô gái lên bờ, thì cái ngạc nhiên chuyển thành cái sững sờ, bởi vì toàn thân cô gái là một sự cân đối mềm mại. Những bà vợ của ông đẹp thì đẹp thật, nhưng ở mỗi bà, ông đều tìm ra khiếm khuyết. Người thì thô tháp quá, người thì mảnh mai đến mức gầy gò, người thì nước da quá mức hồng hào đem lại cho ông cái cảm giác hừng hực xuân tình một cách lộ liễu, thiếu cái đằm thắm mà e lệ, đó là điều ông thường khao khát. Còn ở người đàn bà này, cái hông tròn lẳn bao nhiêu là hứa hẹn, đôi vú thây lầy mà lại săn chắc đủ để tạo nên sự mỹ miều từ những đường cong, đôi lông mày cong vừa phải, to vừa phải, xanh mướt sức sống, đôi mắt sáng mà dịu gọi những khao khát đằm thắm, nó hé lộ cái cửa sổ tinh tế chứ không ánh lên cái sắc tựa dao cau. Ông chánh chợt ngộ ngay ra cái định kiến sai lầm của mình. Làng Sọ của ông cũng đã sinh ra một mỹ nhân. Ông là một nhà nho tài tử lỗi thời cho nên ông thích cái đẹp xưa xưa ấy. Mà tên cô ấy lại là Thêu. Cái tên cũng xưa cũng đẹp như là người. Không thể để phí hoài một vưu vật hiếm. Vưu vật ấy phải ở trong tay một người hiểu biết cái giá trị của nó. Người ấy chẳng phải ta thì là ai. Và thế là cô Thêu đã lọt vào con mắt sành sỏi của ông chánh. Nói cách khác, cô Thêu đã được ông chánh chấm. Năm ấy cô mười tám, ông chánh đã ngót nghét

sáu mươi. Thêu đã đến tuổi lấy chồng, nhưng một khi ông chánh đã để mắt tới, thì đám thanh niên dù có sừng có mỏ thế nào cũng không dám ho he tán tỉnh. Ông chánh như ông vua con ở làng Sọ. Ông chánh đã dùng thế lực của mình bao vây cô Thêu thật chặt. Ông trưởng họ tán thành, ông chú ruột tán thành. Người ta vẽ ra một tương lai xán lạn cho bà mẹ già mù dờ của cô nếu cô chịu lấy ông chánh: nào có cơ ngơi riêng, nào có ruộng nương riêng, nào bà cụ sẽ được phụng dưỡng đầy đủ cho tới khi nhắm mắt xuôi tay. Cuối cùng, bà cụ tặc lưỡi bằng lòng gả cô gái mười tám ấy cho ông lão sáu mươi đã có tới năm vợ.

Cuối cùng cô gái xuân sắc hờ hớ đã phải cưới ông già, dù cô nhịn ăn và khóc suốt hai ngày đến mức đôi mắt sưng vù.

Anh đội Khoát, sau khi đến ở nhà vợ chồng Lắm, đã bắt rể sang cả bà Thêu. Gọi là bà, thực ra lúc đó Thêu mới chưa tới ba mươi năm, trông vẫn rất đẹp. Nếu ta thật bình tĩnh nhìn nhận, có lẽ lúc ấy Thêu còn đẹp hơn cả thời con gái. Bởi vì Thêu đã có con. Da thịt nở bung ra. Có thể nói ba mươi tuổi, đàn bà mới thực sự là đàn bà, nhất là đàn bà đã sinh con. Đó là thứ quả chín vừa thơm phức, ngọt đậm đà mà những người đàn ông từng trải đánh giá rất cao.

Suốt ngày anh Khoát sang nhà bà Thêu cốt cán để bồi dưỡng:

- Gốc rể chị là cố nông. Chị lại lấy lẽ thứ sáu. Lẽ thứ sáu tức là một loại người ở không công. Vừa phải hầu hạ xác thịt cho địa chủ. Vừa phải lam lũ ngoài đồng. Chị phải tố cáo là nó đã hiếp chị.

- Như thế sao được. Cả làng đều biết lão chánh cưới tôi.

- Thế chị có yêu lão già ấy không?

- Không.

- Thế chị có bằng lòng lấy lão ấy không?

- Không. Tôi khóc suốt ba ngày ròng. Mắt sưng húp híp.

- Thế thì lão ngủ với chị khác gì lão hiếp. Chỉ khác là hiếp sau khi cưới... Thế thì chị đổi thời gian đi. Tổ là lão hiếp chị hôm bà cụ đi ăn giỗ. Lão đến chơi, chị ở nhà một mình. Lão đê chị ra. Chị lạy van mãi mà lão không tha. Chị khóc lão cũng không tha. Lão ấy đã cướp cả đời con gái của chị.

Cái kịch bản Khoát đề ra, Thêu đã chấp nhận. Mà thực ra, lão ta đã hiếp chị thật. Cái hôm động phòng đầu tiên, Thêu cũng lạy van thật:

- Cháu lạy ông ạ. Cháu xin ông ạ. Cháu sợ lắm. Ông đừng làm gì cháu ạ.

Khi lão hành sự xong, thấy máu chảy ra, Thêu lại khóc ròng rã suốt đêm hôm ấy, không ai dỗ được. Khi ở nhà, khóc còn có mẹ dỗ. Còn bây giờ, khóc chỉ có một mình. Khóc một cách cô đơn, oan uổng.

Đúng như anh đội nói, chị đã bị phí cả một đời con gái. Nghĩ như vậy, nên chị thấy mình tổ lão chánh không phải là tổ điều.

Cả một đời con gái bị phí hoài. Cứ nghĩ đến câu nói đó của anh Khoát, Thêu lại bưng bưng lửa giận. Và sự căm thù nổi lên. Căm thù ở chỗ, sau khi Thêu sinh ra con Rêu, chánh Long đã bỏ rơi mẹ con chị. Tiếng là có chồng cũng như không. Bỏ rơi mà lại giam giữ nữa chứ. Bởi vì tuy không bị chồng bỏ hẳn nhưng mà bị chồng bỏ lửng, không đoái hoài đến nữa, và cũng không giải phóng. Thêu chẳng được cùng ai. Mà cũng chẳng ai dám cùng với người đàn bà ấy nữa.

Nỗi giận dữ đã lên tới cùng cực. Nó biến thành sự hận thù. Thêu như người lên đồng. Càng múa, càng hú hét, càng nghe đàn sáo, càng ngửi thấy hương trầm, nỗi hận thù càng lên chót vót. Hôm ấy, chị Thêu vừa tổ vừa khóc. Đôi mắt chị đẹp là thế, tối hôm ấy bỗng long lên sòng sọc, sắc như con dao cau. Chị kể lể, chị nghiêng răng kèn kẹt, rồi chị lăn ra bất tỉnh, sùi

bọt mép. Toàn thể ngôi đình cùng khóc. Toàn thể ngôi đình cùng nức nở hô to:

Đả đảo địa chủ ác bá chánh Long

Nợ máu phải trả bằng máu.

Thực ra, sau khi Thêu đẻ con Rêu, bị chánh Long bỏ rơi cũng là có lý do.

Bọn trương tuần, lúc Thêu đang có mang một đêm đi canh đồng, họ bỗng thấy một bóng đen từ phía nhà riêng của chị xuất hiện rồi chạy về phía sông Đào. Họ quát, bóng đen vẫn chạy. Họ thổi tù và tí u vang trời, bóng đen vẫn chạy. Mờ mờ tỏ tỏ. Lúc rõ lúc mất. Bóng đen chạy đến bờ sông, liền ồm một tiếng rồ to. Đám tuần phiên đến bờ sông tìm. Song hoàn toàn không thấy tung tích. Họ bàn tán:

- Tôi trông thấy hẵn từ cái trổ tre nhà cô Thêu chui ra.

- Có đúng không, chả oan người ta.

- Tôi trông thấy rõ ràng mà.

- Cách mấy đêm trước, tôi qua nhà cô Thêu, nghe thấy tiếng đàn ông. Sau đó tắt đèn và im bật.

- Chẳng lẽ...

Thế rồi một đồn mười, mười đồn trăm. Cuối cùng thành câu chuyện cô Thêu chứa trai trong nhà. Câu chuyện ấy vào tai bọn trai tơ trong làng, lại càng thêm mắm thêm muối rất ly kỳ. Người ta đồn rằng, trước khi lấy ông chánh cô Thêu đã phải lòng một anh đánh dậm to khỏe người đen như cái cột nhà cháy. Họ đã ăn nằm với nhau nhiều lần. Khéo không chừng cái thai trong bụng cô Thêu không phải là của ông chánh...

Bọn trai làng tưởng tượng thù dệt chẳng qua do lòng đố kỵ. Họ muốn trả thù ông chánh, nhưng không ngờ đòn ấy lại đập vào cô Thêu.

Giá như tình cảnh ấy xảy ra khi ông chánh và cô Thêu đang trong tình trạng mặn mà thì chẳng sao. Đằng này nó xảy ra đúng lúc ông chánh đang mắc bệnh trọng. Cái thứ bệnh đàn ông rất xấu hổ khi bị mắc. Ông chánh bị liệt dương, đang uống thuốc của ông lang Khoái. Bệnh ấy, người nhiều vợ như ông chánh mắc cũng dễ hiểu. Lang Khoái bảo:

- Bệnh như ông với thuốc của tôi, mười người chữa khỏi đến sáu, bảy. Không biết với ông có ăn thua gì không?

- Cũng tạm tạm, lúc được lúc không.

Ông Khoái muốn cụ thể, nên hỏi bổ bã:

- Thế có chui được vào người ta không?

Ông chánh già đỏ mặt.

- Có lúc chui được.

- Thế có sung sướng như bình thường không?

- Có - Ông chánh cười hà hà.

- Thế thì tốt rồi. Nhưng tôi phải nhắc ông câu này nhé. Năm bà đầu, họ đủ rồi. Xin ông cai hẳn. Chỉ dành riêng cho bà sau thôi. Và nhớ lấy câu này:

Nhất nguyệt đáo nhất nhật

Lương y hất đáo gia.

Ông chánh đã theo đúng lời thầy thuốc. Không ngờ bây giờ lại xảy ra chuyện thế này. Ông chánh nửa tin, nửa ngờ liền tra hỏi cô Thêu. Cô Thêu chối, cho là chuyện bịa đặt. Nhưng chẳng hiểu tại sao, từ bấy khi gặp cô, ông không tài nào làm chuyện ân ái được nữa. Lẽ nào cái của ấy cũng biết bất mãn, nghi ngờ hay sao. Mà nó đã nghi ngờ là có cái lý của nó... Lý lẽ ấy làm ông chánh dần lánh xa cô Thêu. Khi Rêu ra đời, ông chánh rất khổ tâm, vì không biết có phải con mình hay không. Ông chánh hỏi ông Khoái. Ông Khoái trả lời:

- Tôi hỏi ông cái lần ấy có sung sướng không? Ông bảo có. Như vậy, có thể nói thuốc của tôi đã thành công. Và chắc chắn ông có thể có con với cô Thêu. Vì ông đã thực sự đi lại với cô ấy rồi. Bây giờ giả sử trường hợp xấu, thì ít nhất năm mươi phần trăm con bé vẫn là con của ông. Nếu ông bỏ nó và nó là con người khác, chuyện ấy đi một nhẽ. Nhưng nếu lại rơi vào chỗ phần trăm đúng là con ông thì sao? Nếu thế ông sẽ mang tội suốt đời. Và lại, tin tôi đi, con bé Rêu sao mà xinh thế, sao mà thông minh thế. Chẳng lẽ một thằng đánh dậm khố rách áo ôm lại đúc ra nổi một đứa bé như thế sao. Phải là người sang, phải là bậc tài hoa, mới có con cái như thế.

Nghe ông lang nói, ông chánh vẫn nhận Rêu là con. Nhưng trong đáy lòng, ông cứ lo mình chỉ là bố hờ. Bậc tài hoa sợ nhất sự phản bội. Mà khi kẻ phản bội là mỹ nhân, thì kẻ tài tử lại càng đau đớn khôn xiết. Chính vì lẽ đó, ông đã lặng lẽ rời xa, ít khi lui tới nhà bà Thêu. Người đàn bà hừng hực xuân thì đã bị bỏ quên.

Khoát nghĩ: Như vậy lão chánh Long đã rõ ràng rành rành mắc ba tội bóc lột, chiếm đoạt và hãm hiếp. Chỉ còn cần một tội thứ tư tức là nợ máu, thì có thể đưa lão ta lên hàng ác bá, một thứ địa chủ tội to nhất, thứ tội mà trời không dung đất không tha. Muốn thế, ta ghép tội hãm vào chuyện giết cán bộ kháng chiến, ví dụ như giết anh Hải chẳng hạn. Anh Hải bị giặc chặt đầu, mổ bụng moi ruột, lại cắm đầu trên thuyền trôi sông. Một con người hi sinh như thế, anh hùng như thế, nên được cả làng cả xã, cả huyện kính

phục, thương tiếc. Nếu hấn mắc tội ấy thì lòng căm phẫn của nhân dân chắc hấn sôi sùng sục... Và tội ấy chắc hấn là tội chết.

Mới đầu ý nghĩa đó chỉ manh nha, nghi nghi hoặc hoặc. Sau đó, Khoát theo hướng đó đi tìm chứng cứ. Có hai người gia nhân nhà chánh Long nói:

- Hàng tối ba cha con lão ta gồm chánh Long, bá Phượng và quản Mật thường ngồi với nhau bàn chuyện. Có khi liền vài tiếng đồng hồ...

Hỏi:

- Bàn chuyện gì?

- Em làm sao biết được.

Anh đội:

- Sao lại không biết chuyện gì. Này nhé lão chánh là tay cường hào già đời. Lão bá Phượng là lý trưởng. Quản Mật là phó đồn Sọ. Còn bàn chuyện gì nữa. Bàn chuyện bóp nặn dân, bàn chuyện phá kháng chiến. Tên cường hào già truyền kinh nghiệm cho cường hào trẻ. Thế nào, bây giờ đồng chí đã hiểu chưa?

- Dạ, em đã hiểu.

- Hiểu thì nói đi.

- Dạ, một buổi tối, em phải đun nước cho họ pha trà. Em đem nước sôi lên, họ không để ý. Bất chợt em nghe thấy ba cha con họ bàn. Họ nói có gián điệp Tây ngoài hậu phương báo rằng anh Hải là Việt Minh hoạt động trong bột Tây. Lão chánh bảo cần trừ khử ngay nếu không sẽ nguy hiểm.

- Thế, ngoài hai đứa con, lão chánh còn bàn với ai nữa?

- Dạ, lão chánh hay ra chùa uống trà với sư cụ.

- Sư cụ gì. Lão ấy là sư hồ mang. Anh có nghe thấy tổ chức phản động liên tôn chống cộng không?

- Dạ, em không biết.

- Thế này nhé. Bọn tề ngụy nợ máu cấu kết với bọn tôn giáo phản động, và với bọn Việt Nam Quốc dân đảng đội lốt cán bộ để phá hoại cách mạng.

- Thế là em đã rõ. Bọn chánh Long cấu kết với lão sư. Lão sư Vô Úy cấu kết với lão Trần, cán bộ huyện, xưa kia cũng là sư.

- Nhưng ngoài lão sư già, bên dưới còn phải có bộ hạ chứ. Thử hỏi ai làm liên lạc giữa họ?

- Dạ, sư bác Độ. Tay này ghê lắm.

- Vớ vẩn! Anh ta giết Tây lùn Bernard. Anh ta giết Tây rõ ràng ai cũng biết. Bảo anh ta chống kháng chiến ai người ta tin.

- Hay là cô Nguyệt.

- Vớ vẩn nốt. Cô ấy tuy chưa cưới anh Hải, nhưng cả làng này ai cũng coi cô ấy như là vợ liệt sĩ.

- À, còn thằng sư con, chú tiểu An.

- Ừ, thằng sư con. Bé tí đã đi tu. Tiêm nhiễm tư tưởng mê tín phản động từ lúc nhỏ. Thằng này tội không nặng nhưng cũng cần phải cải tạo. Nó là liên lạc phản động.

Thế là, chỉ một buổi tối bồi dưỡng cốt cán, Khoát đã tính toán xong phải giết ai, phải bắt ai, phải cải tạo những ai.

Bây giờ Khoát đã là ông trời con ở cái làng Sọ này rồi. Anh đi trong làng, luôn giữ vẻ mặt nghiêm nghị. Đối với các gia đình rể, chuỗi thì anh ban cho họ một nụ cười. Còn đối với các gia đình trung nông cứng hoặc phú nông, thì họ len lét sợ sệt và chào anh rất cung kính, nhưng anh không cười mà chỉ cho họ một gương mặt lạnh tanh và cái gật đầu khẽ.

Thằng Trăm, chú tiểu An, cái Hiếu, cái Rêu, cái Huệ là những người bạn thân. Chúng là lũ trẻ choai choai mười bốn đến mười bảy tuổi. Thằng Trăm thích cái Hiếu. Trăm mười bảy, Hiếu mười lăm. Trăm gấu lắm. Có tối đi học hát về, nhân lúc tối trời và vắng vẻ chỉ có hai đứa, Trăm liền ôm chầm lấy Hiếu. Hai cánh tay rắn chắc như hai gọng kìm làm Hiếu giãy giụa mãi mới thoát. Nó đâm thùm thụp vào lưng Trăm.

- Đồ bậy bạ! Tớ đánh chết đấy.

Đứa này nghèo rớt mùng tơi. Đứa kia, dù thế nào, cũng sinh ra từ một gia đình giàu có. Giá như xưa kia, vào thời Pháp, chắc Trăm không dám thế. Nhưng bây giờ, tình hình làng xóm đã khác đi nhiều lắm rồi. Là đàn bà con gái, nên khi Trăm vồ lấy mình, giới tính bắt buộc Hiếu phải giãy giụa chống cự vùng thoát ra thôi. Chứ thực bụng, cô gái cứ muốn trong vòng tay vững chắc của Trăm mãi. Ít lâu nay, tình hình gia đình làm Hiếu buồn khổ bối rối vô cùng. Trước kia ở cùng với ông bác ngoại, một cán bộ trung ương, nên Hiếu cũng hiểu rõ thế nào là phát động giảm tô, là cải cách ruộng đất, là đấu tố. Hiếu vô cùng thương xót cho người ông già nua; đội chưa về đã run rẩy, đã cam chịu, đã sợ hãi. Sợ hãi mẹ của Hiếu còn hơn là trông thấy dã thú. Có lẽ ông đã biết số phận của mình.

Trước khi đội về một tháng, một hôm, ông cụ bảo cháu gái:

- Hiếu ơi! Bây giờ mọi sự đối với ông đã rõ rồi. Ông chỉ có một ước vọng... Cháu là đứa cháu gái ông yêu nhiều nhất. Chỉ có điều suốt thời gian dài nhiều năm cháu ở hậu phương thành thử ông chả chăm sóc được cho

cháu. Lại chả được gặp mặt cháu luôn. Giá như cháu có thể đến với ông thường xuyên.

- Thế thì ngày nào cháu cũng đến thăm ông.

- Ông ngại nói điều ấy vì sợ mẹ cháu chẳng bằng lòng.

Mẹ Hiếu không bằng lòng thật, khi thấy ngày nào Hiếu cũng vắng nhà vào buổi chiều, và chị đã lồng lộn lên khi biết Hiếu đến nhà ông chánh. Ông già thích cô cháu gái nấu cơm cho mình ăn. Một hôm, không có thức gì ăn, Hiếu mua được một đùm châu chấu về rang. Ông già ăn cứ khen ngon. Ông kể:

- Ông thích châu chấu rang vì ngày xưa ngày xưa cụ cháu, tức mẹ ông hay cho ăn món này. Ngày ấy cụ đã giàu, đã có chục mẫu ruộng, nhưng quanh năm bóp mồm bóp miệng, trừ ngày giỗ tết, còn thì ngày thường không bao giờ ăn thịt cá. Cụ bảo: “Kẻ chỉ thích ăn ngon, chẳng bao giờ nên người”. Cả nhà, chỉ riêng mình ông được chiều chuộng nhất, tức là được ăn thức ngon. Và thức ngon của cụ tức là châu chấu rang.

Nhắc đến kỷ niệm xưa, nhắc đến người mẹ đã quá cố từ rất lâu, ông già sáng mắt lên và chợt nhớ ra một điều. Ông vào nhà trong, lấy ra một cái túi vải con:

- Vàng bạc của ông, bố cháu và chú cháu vào Nam mang đi hết cả. Ông chỉ giữ lại mấy thứ của mẹ ông. Cứ quên khuấy đi mãi. Bây giờ mới chợt nhớ. Ông để dành cho cháu và cô Rêu của cháu. Đôi chằm và chiếc nhẫn trơn là của cháu. Chiếc nhẫn to hơn là của cô Rêu. Cái Rêu nó không bao giờ đến đây. Thôi thì con giữ cho nó. Đời người chả biết sau này thế nào đâu cháu ạ. Ông cho để phòng thân những khi khốn đốn. Đừng cho mẹ mày biết. Cũng đừng cho ai biết cả. Nhất là khi cãi cách. Ông nghe nói, nông dân người ta đánh đập để khảo của đấy. Phải giấu vào chỗ thật kín. À, phải rồi! Cái nhà mẹ con cháu ở, xưa kia chính là cái nhà mẹ con ông ở.

Ông biết rõ từng cái cột, cái kèo. Thế này nhé... Ở câu đầu phía bên phải, phía mặt trên câu đầu có một cái hốc. Cuộn cái túi nhỏ lại giấu vào đấy, thì chỉ có thánh mới biết được. Chờ lúc mẹ cháu ra đồng, hãy trèo lên mà giấu.

Hôm ấy Hiếu rất vui, dù về muộn, bị mẹ chửi cho một trận. Hiếu vui vì ông nội cũng rất vui. Ông chánh bảo:

- Bây giờ thì ông chết được rồi. Nhưng ông đại gì mà chết ngay. Ông phải sống cho đến ngày cuối cùng khi đội về. Để còn được ăn châu chấu rang của cháu chứ. - Ông già nói xong cười hà hà.

Khi anh đội Khoát về làng, tối hôm ấy, Hiếu trần trọc không tài nào ngủ được. Bởi vì cô biết đêm ấy là đêm cuối cùng của ông nội. Hiếu biết ông mình là người to gan, dám xem cái chết nhẹ bằng. Cô nằm nghĩ ngợi mà nước mắt ứa ra. Tuy nhiên Hiếu không khóc thành tiếng. Cô thấy giận mẹ mình. Cô không muốn cho mẹ biết mình đã khóc.

Khi gà gáy sáng, Hiếu choàng ngay dậy chạy ra đường, đến nhà ông nội. Cô ngạc nhiên thấy ông Lãm đứng chặn trước cửa.

- Mày đi đâu sớm thế.

- Cháu lạy bác, cho cháu vào thăm ông cháu.

Ông Lãm nhìn trước nhìn sau rồi bảo:

- Vào nhanh lên, rồi ra ngay lập tức, kéo ông đội Khoát về thì khõ.

Tưởng ông mình đã gặp chuyện rồi, Hiếu rơm rớm nước mắt chạy vào. Cứ tưởng ông đã treo cổ hay uống thuốc độc rồi. Nào ngờ vào đến trong, thấy ông cụ vẫn còn sống. Bị trói như bó giò vào cái cột. Mồm cũng bị trói bằng sợi dây thừng. Ông Lãm đứng sau nói:

- Ông đội bắt trói cả mồm. Chả là sợ cắn lưỡi tự tử. Ta bảo: “Ông già móm ròi. Chỉ còn có lợi. Làm sao mà cắn lưỡi được”. Anh đội bảo: “Cần tắc vô áy náy”.

Thì ra anh đội Khoát là người có kinh nghiệm, anh đã tham gia hai đợt cải cách. Trước khi về đây, anh đã nắm rất chắc tình hình và phán đoán chánh tổng Long có thể tự sát. Mình không thể để lão già này tự chết. Hẳn là địa chủ đầu sỏ, nhiều ruộng, nhiều ân oán với dân làng. Hẳn chết dễ dàng, nhân dân sẽ mất đối tượng đấu tranh. Khí thế sẽ bị xẹp. Vậy thì, ta không cho phép nhà người chết. Chỉ đến khi nông dân đã xả hết căm thù, và nếu nông dân xử người tội chết, lúc đó nhà người mới được phép chết.

Nghĩ thế nên vào khoảng chín giờ tối hôm đó, Khoát cùng với anh Lắm và hai nông dân tá điền của nhà ông chánh đến nhà trong lúc ông già đang buộc dây thừng lên chiếc quá giang. Khoát quát to:

- Này, lão già kia! Định trốn tội hả? Chết hử? Chết đâu có dễ thế! Lão còn phải sống. Lão còn nặng nợ với nông dân.

Rồi Khoát sai Lắm tháo chiếc dây thừng treo trên xà ngang xuống, trói chánh Long vào cây cột. Lại sai trói cả mồm ông già lại. Trước khi làm việc ấy, Khoát gật gù giải thích:

- Cuộc đấu tranh long trời lở đất này có hai mục đích chính trị: một là đánh sục đổ tan tành uy thế của địa chủ tàn ác; hai là qua nó nâng cao lòng căm thù giai cấp cho nhân dân. Muốn làm được như thế, phải có đối tượng cụ thể. Nếu chánh Long tự tử, ta mất đối tượng cụ thể. Ra đấu trường, bần cố nông lấy gì mà đấu tố. Mất đối tượng cụ thể, chẳng lẽ nông dân đấu một cách chung chung hay sao. Mặt đối mặt với kẻ thù, người nông dân mới có chỗ xả giận bốc lên ngút trời cao... Địa chủ hiểu điều đó, họ rất sợ đấu tố, họ vừa hèn nhát vừa sợ nhục nhã nên thường tự tử khi đội về để trốn tránh đấu tố. Chính vì vậy nên tôi phải vội tới đây ngay.

Lãm và hai người tá điền nhìn Khoát vẻ khâm phục anh đội quá nhiều kinh nghiệm. Khoát đặc ý lại vạch mồm ông già ra mà giải thích thêm.

- Lúc này, đồng chí Lãm bảo lão già này móm rồi, làm sao cắn lưỡi được. Đây này, lão chỉ móm hàm dưới. Hàm dưới trụi hết răng nhưng hàm trên còn nguyên vẹn. Nếu lão thè lưỡi dài ra, rồi đập cằm vào vật cứng, răng hàm trên vẫn cắn được lưỡi. Trong đợt hai, tôi đã gặp một trường hợp thế này. Ta chủ quan lão già móm, nên tên địa chủ đã tự tử thành công, trốn tránh được nông dân đấu tố...

Khoát lần này không hỏi Lãm mà lại nhìn vào đôi mắt hau háu của chánh Long và hỏi:

- Thế nào, ông chánh, ông có thấy tôi đi guốc vào trong bụng ông không?

Chánh Long:

- Vâng, quả là anh đội có tài hành hạ địa chủ chúng tôi.

Khoát tát một cái lật mặt ông già:

- Người chớ ngoan cố, lão lếu. Người nói đến hành hạ. Thế bao nhiêu năm trời người làm mưa làm gió, cười đầu cười cổ, gây ra bao nhiêu tội ác ở cái làng Sọ này thì người có nói đến tội ác và hành hạ mọi người không. Ta nói cho người biết. Không phải chỉ là tội ác của riêng người. Người còn công trên lưng cả tội ác của cha người, lão phủ Lân, cả tội ác của con người, bá Phụng. Người hiểu chưa? Người công trên lưng tất cả tội ác của cả dòng họ Nguyễn cường hào gian ác đời nọ nối đời kia ở cái làng Sọ này.

Mắt Khoát long sòng sọc, căm thù. Khoát nổi giận, điều người ta chưa bao giờ thấy ở anh. Với đôi mắt sáng quắc ấy, Khoát hỏi:

- Nhà người đã biết ta là ai chưa?

Chánh Long ngỡ ngàng trả lời:

- Vâng, tôi đã biết ông là “anh đội”.

Đột nhiên, đôi mắt Khoát chùng xuống. Và Khoát bỗng cười to, một tiếng cười rất lạ. Chỉ một thoáng thôi, ông già địa chủ chợt nhìn thấy trong ánh mắt của anh đội Khoát có cái gì đó bí ẩn ghê ghê, vừa lạ lại vừa quen...

Ông Lãm dẫn Hiếu đến gần ông già Long bảo khẽ vào tai cô gái:

- Ông cháu nói gì với nhau thì nói nhanh lên. Sáng mai người ta đưa ông cháu lên trại giam của đoàn ủy đấy.

Nói xong, Lãm ra đứng canh chừng ngoài cửa để mặc cho hai ông cháu đứng cạnh nhau. Ông già bị chiếc dây thừng thít ngang miệng nên chẳng nói được một lời. Ông lão chỉ gục gặc cái đầu. Đôi mắt già mờ đục chan chứa nước mắt. Nước mắt nóng hổi tràn ra bò trên đôi gò má nhăn nheo. Hiếu nức nở ôm lấy ông rồi lấy ống tay áo chấm khô những giọt nước mắt cho ông. Cô rên lên thương cảm: “Ông ơi là ông ơi!”. Hiếu muốn được nghe vài lời của ông. Cố lấy tay ra sức cạy sợi dây thừng trên miệng ông già. Ông Lãm chợt đi vào, rên lên: - Ấy chết! Đừng làm thế. Anh đội Khoát mà biết thì chết cả lũ. Trước hết là ông cháu sẽ bị hành hạ. Sau nữa là chúng ta. Thôi... thôi... Ông cháu gặp nhau như thế là tốt rồi... Không thể chậm được nữa. Mau lên! Mau lên! Cháu rút đi...

Hiếu ôm lấy ông òa khóc to. Ông Lãm phải gỡ mãi Hiếu mới rời ông ra. Ông Lãm kéo Hiếu sềnh sệch lôi ra cửa. Cô gái biết cuộc gặp gỡ này là lần cuối nên đầu cứ ngoái lại nhìn ông già, đôi mắt nhòa lệ của cô sẽ ghi lại suốt đời cái hình ảnh ông lão bị bó giò vào chiếc cột và cái đầu bạc gục gặc lên xuống. Ông như muốn nói với cô: ‘ ‘ “Chào vĩnh biệt, cháu gái yêu quý của ông”.

Ra khỏi nơi giam giữ ông, Hiếu thất thểu bước ra bãi tha ma cạnh chùa. Vì là con bà Bệu, rể của anh đội Khoát, nên Hiếu được kết nạp vào

đội dân quân du kích. Cô được phép đi lại dễ dàng trong đêm vào những ngày cải cách. Hiếu đi gặp tổ trưởng du kích, anh Trăm. Gọi là việc công cũng được, hoặc là việc tư cũng được, bởi vì hai cô cậu choai choai này đã xoắn xuýt với nhau. Cuộc hẹn ở bãi tha ma. Ra tới nơi, Hiếu chẳng thấy Trăm đâu. Chỉ thấy những con đom đóm vẽ những đường cầu vồng xanh lơ trên bãi hoang lạnh. Chỉ nghe thấy ếch nhái, nhận cơn mưa rào ban chiều, được thỏa thuê tắm mát, nên dẻo mỏ, đua nhau phồng mang phồng bụng lên mà ộp oạp. Tiếng kêu loạn xạ chẳng chút nhịp nhàng làm tâm hồn rối bời của Hiếu càng thêm bối rối.

Hiếu căng mắt nhìn vào đêm tối, vẫn chẳng thấy bóng người. Chợt từ sau ngôi mộ xây, một bóng đen xuất hiện, xò ra ôm chầm lấy cô. Hiếu giật mình, nhưng cái mùi gậy gậy của gã du kích làm cô nhận ra ngay đó là Trăm nên không kêu lên.

Gã con trai sấn sổ thò ngay bàn tay nóng hổi luồn vào ngực Hiếu... Đấy, Trăm đấy, gã con trai của Hiếu đấy. Lần gặp nào hẵn cũng sỗ sàng như vậy. Nóng hổi, cứ như thảng rồ mỗi khi gặp nhau. Lần thì hẵn cắn vào tai, lần thì vào cổ, vào ngực Hiếu thấy sờ sợ nhưng cũng thích thích. Riêng lần này Hiếu chẳng thích tẹo nào. Cô dùng hết sức đẩy hẵn ra và kêu lên-

- Rõ nữa.

Phản ứng của Hiếu làm Trăm chưng hửng:

- Sao vậy?

- Nghe đây này. Đừng cợt nhả nữa - Hiếu ra lệnh bằng một giọng nghiêm trang - Tổ vừa mới biết, sáng ngày mai, đội sẽ đưa ông chánh lên trại giam đoàn ủy.

- Trại giam đoàn ủy?

Đúng vậy! Trăm nghe xong chột sững người. Bởi vì người ta đã biết tiếng khu trại giam ấy. Kẻ nào đã vào sẽ không có lối ra

Nghe vậy, Trăm nghiêm chỉnh ngay lại. Nó hỏi thêm-

- Còn bà Năm thì sao?

- Mình không biết. Mẹ mình chẳng hỏi ra điều gì. Nhưng cũng phải báo cho cái Huệ biết ngay. Bởi vì nghe thái độ của ông Khoát nói chuyện, mình biết đội cho rằng bà chủ tịch chẳng khác gì các địa chủ đầu sỏ. Người ta tố bà ấy là trùm Quốc dân đảng cơ mà.

Trăm chia tay với Hiếu, anh đi về nhà bà Năm. Ngay sau khi đội về được một hôm, người ta đã giam lỏng bà Năm tại nhà. Đội Khoát sai Trăm chặt ngay cây cau già trước cửa nhà bà Năm. Lại sai chừa hai khúc gần gốc, mỗi đoạn dài một mét Ở giữa mỗi đoạn, khoét hai lỗ. Lúc bấy giờ, Khoát mới nói đó là cái cùm. Bà chủ tịch Năm bị cùm hai chân. Hai khúc cây cau ấp lại với nhau. Một đầu buộc bằng dây sắt to xoắn lại, nếu không có dụng cụ, tay người không thể tháo ra. Còn đầu kia khóa chặt bằng chiếc khóa đồng to bằng cổ tay.

Lúc bấy giờ, trại giam của đoàn ủy đã chật cứng, cho nên có chỉ thị cho phép tạm giam những đối tượng cải cách tại nhà, nhưng phải canh gác và cùm kẹp cho kỹ chớ ta mở rộng trại.

Thằng Căn, thằng Trăm, cái Hiếu, cái Huệ, cái Rêu, chú tiểu An... là những bạn thân của nhau. Khi cải cách, các gia đình bị chia làm hai nhóm: cốt cán và đối tượng của cách mạng. Lẽ dĩ nhiên, đám trẻ trong những ngày nước sôi lửa bỏng ấy, cũng trở nên rất khôn ngoan. Bị cơn bão tố cuồn cuộn chưa từng có của cuộc sống xô đẩy, con người có thể trở thành ti tiện, độc ác thậm chí tàn bạo với đồng loại; may thay, đám thanh thiếu niên ấy lại rất trong sáng, lương thiện. Họ chưa có những lý lẽ để bảo vệ sự lương thiện của mình. Phải chăng cái lương thiện ấy là một bản năng sẵn có, hay đó là

kết quả của cái nếp sống làng xã ngàn đời đã gieo trồng và nảy mầm trong tâm hồn họ mà họ không hay biết. Phải nói là họ rất hoang mang. Họ biết ông chánh là một người giàu có, một địa chủ, nhưng nói rằng ông ta độc ác thì họ không thấy. Họ biết bà Năm là chủ tịch xã, nhưng bảo bà ta và chồng bà ta là kẻ phản động hại dân hại nước, thì họ không hiểu nổi. Thậm chí họ còn thấy đó là những con người tốt đẹp. Hơn nữa họ còn thấy cái Hiếu, cái Rêu, cái Huệ là những người bạn tốt bụng của họ sao lại gặp hoàn cảnh trở trêu đến thế, đau khổ đến thế. Nhất là Huệ. Đó là đứa bạn hiền hòa nhất. Nó chẳng dám làm đau đến ai, dù đó là con ong, cái kiến. Giờ phút này đây, gặp Huệ là thấy nước mắt. Có thể nói, Huệ đã bị tê liệt, nó chẳng biết làm gì ngoài việc khóc. Nó thầm gọi ông Trần và anh Căn của nó: “Thầy ơi! Thầy về mà cứu lấy mẹ con. Người ta bảo sẽ mang mẹ con đi bán. Anh Căn ơi! Em phải làm gì bây giờ để cứu mẹ chúng ta?”. Nó tuyệt vọng rồi. Người ta sắp mang mẹ nó lên trại giam đoàn úy. Và khi người ta mang mẹ nó đi, không biết nó còn có thể sống nổi không nữa. Mẹ nó, tuy suốt ngày bị cùm, vẫn tỉ tê khuyên nhủ nó: “Phải cứng rắn lên. Dù mẹ có mệnh hệ nào, thì con cũng phải sống cứng rắn. Đời con còn dài lắm. Dù thế nào cũng đừng ngã lòng”. Cũng may, bà Năm còn được tạm giam tại nhà. Huệ cố gắng dùng những ngày gần gũi cuối cùng để chăm sóc cho mẹ. Đêm nằm, hai mẹ con tỉ tê với nhau. Bà mẹ thấy con sụt sùi, cố vỗ về an ủi:

- Xem kìa, con gái cứng của mẹ. Cô như một cục giẻ ướt. Véo chỗ nào cũng ra nước mắt. Con nên nhớ, đời mẹ con ta là đời con gái thời loạn. Còn biết bao gian truân ta không thể biết đang ở phía trước mặt. Người con gái thời loạn vừa phải biết mềm yếu vừa phải biết cứng rắn. Mà khi người đàn bà đã biết cứng rắn thì ghê gớm lắm. Bão tố cũng không lay chuyển được. Cái mềm yếu thì con có thừa. Còn cái cứng rắn ư? Mẹ biết rằng con sẽ cứng rắn...”. Chẳng biết người mẹ đang động viên con gái, hay là bà đã cảm nhận thấy cái số phận và tính cách tương lai của Huệ. Bà bảo rằng hoàn cảnh của bà thật bi đát, nhưng chưa phải đã hết hi vọng.

Tối hôm ấy, người mẹ nói với người con gái đang tuyệt vọng và sợ hãi bằng một giọng rất cương quyết: “Chưa phải đã hết hi vọng đâu con ạ”. Giọng nói của người mẹ như muốn truyền sự can đảm, sự khát sống cho người con. Bàn tay lạnh của bà nắm lấy bàn tay nóng hổi của Huệ, rồi dẫn bàn tay con tới chiếc khóa bằng đồng bóng loáng ở đầu hai khúc thân cau: “Mẹ nghĩ ra rồi. Cái chính là cái này”. Rồi bà lại kéo con nằm xuống và rất băng quơ, kể cho Huệ nghe một câu chuyện ngày xưa. Một kỷ niệm từ thời con gái, tưởng như chẳng ăn nhập với hoàn cảnh hiện tại.

“Lúc ấy, mẹ mới mười bảy, mười tám, ở với bà dì. Bà ấy là bà Tư của ông chánh Long. Hai dì cháu ở ngoài rừng Cò. Dì Tư lấy chồng giàu, tuy vậy vẫn sống rất tằn tiện chẳng khác gì người nông dân nghèo. Dì Tư có một chiếc hòm gian. Chiếc hòm to bằng đúng một gian nhà. Chiếc hòm nằm trên bốn chiếc chân cao kê ở giữa gian. Nó vừa làm bàn thờ, vừa làm nơi chứa đựng của nả của dì Tư. Ở trong đó đựng mấy tấm vải, mấy bộ váy áo mới, rồi cả ngô, khoai, gạo nếp, gạo tẻ thậm chí cả lạc, cả vừng. Như đã nói dì Tư giàu nhưng rất căn cơ; hàng bữa dì chỉ thổi cơm có ngũ. Mà lúc ấy mẹ đang tuổi lớn. Mẹ lúc nào cũng thấy đói. Đói quá, nên nghĩ chuyện ăn vụng. Chiếc hòm gian lúc nào cũng bị khóa chặt. Chiếc khóa bằng đồng bóng nhoáng. Nó giống như chiếc khóa cùm này đây. Mẹ đã nghiên cứu, đã loay hoay tìm nhiều cách trong nhiều ngày, và cuối cùng đã mở được chiếc khóa đồng. Chiếc hòm gian đã được mở. Mẹ chỉ dám ăn cắp khoai và ngô của dì Tư, còn gạo thì không dám đụng đến”.

Trong bóng đêm, người mẹ nhớ lại kỷ niệm xưa, cười khẽ trong cổ họng. Rồi bà bỗng bóp chặt tay con gái và thì thầm vào tai cô:

- Thế đấy, con hiểu chưa. Cái khóa đồng to, trông tưởng ghê gớm lắm nhưng chẳng khó gì đâu. Nó khóa chặt nhờ hai lá sắt vênh ra tạo thành hình chữ V. Nay ta bóp hai đầu mút hình chữ V lại là khóa sẽ mở. Con đi kiếm hai thanh sắt mỏng và nhỏ cho ta.

- Kiểm sao được hở mẹ. Ở nhà này du kích lấy đi hết những gì là sắt, thép. Họ sợ mẹ con ta tự tử. Đến một cái đinh, một sợi dây thép cũng chẳng còn.

- Phải cố mà tìm cho bằng được. Nhờ lũ bạn con ấy. Mẹ nghi chúng nó rất tốt bụng.

- Ai bây giờ nhỉ.

- Thử bảo thằng Trăm xem sao.

- Đến nói chuyện với con nó cũng không dám. Hòng gì nó giúp.

- Con đừng nghĩ thế. Thằng Trăm không dám nói chuyện với mẹ con mình vì nó là tổ trưởng du kích. Nhưng nhìn ánh mắt của nó mẹ biết nó sẽ giúp chúng ta.

Huệ thật không ngờ mẹ mình đã phán đoán đúng. Cô không thể ngờ nhìn vào mắt một con người bà Năm có thể biết được những ý nghĩ đằng sau đôi con mắt đó. Một bận, nhân lúc hai anh chị du kích canh gác còn mãi cười nói với nhau ngoài ngõ, Huệ đã ngó ý nhờ Trăm tìm cho hai thanh sắt nhỏ. Lúc hỏi, Huệ cứ run run sợ Trăm từ chối, hoặc lợi dụng chuyện đó mà tố cáo với đội. Thật không ngờ, nghe Huệ nói, Trăm chỉ lặng thinh nhìn ra ngõ, rồi liếc nhanh nhìn cô và gật đầu. Cái gật đầu mà chỉ mình cô nhận ra thôi.

Sau khi gặp Hiếu ở bãi tha ma, Trăm thọc tay vào túi quần đi thẳng đến nhà bà Năm. Trăm thay đổi thái độ quá đột ngột làm Hiếu phải ngạc nhiên. Đang cọt nhả, sõ sàng, Trăm, thoát một cái, đã biến thành chàng trai nghiêm túc, hình như lại có phần nôn nóng vì một việc gì đó. Rồi Trăm từ biệt đi ngay. Mỗi lần anh ta chia tay ở chỗ vắng vẻ, Hiếu đều phải phòng bị. Bởi vì lúc đó thế nào Trăm cũng ôm chầm lấy Hiếu, để rúc đầu vào cổ cô, vào tai cô để mà hít hà. Anh ta bảo làm như thế hương của cô lúc nào cũng quyến trong mũi anh. Và có như vậy nó mới đỡ nhớ. Sợ nhất là bàn tay thô

nhám của Trăm. Lúc ôm cứng lấy Hiếu thế nào nó cũng luồn vào ngực cô, để mà sục sạo, lục lọi. Ôi cái bàn tay! Táo bạo thế mà cũng lại run như cầy sậy! Nhưng riêng hôm nay thì không. Anh ta cảm cúi bước đi để Hiếu thật ngỡ ngàng phí công phòng bị. Hiếu nhìn theo cái dáng hối hả của anh và ngạc nhiên thốt lên: “Rõ là thằng rồ!”. Chẳng biết cô thất vọng hay hài lòng vì thái độ khác lạ ấy của Trăm.

Trăm xăm xăm bước vào nhà bà Năm. Ban trưa trời còn nắng chang chang, thế mà khi chiều về, trời bỗng ỉu đi nhanh trông thấy. Những đám mây xám không biết từ đâu kéo về ùn ùn, cùng với những trận gió ào ào phi trên đầu những ngọn tre, đem theo cái rét đầu mùa đột ngột chui vào những mái tranh nghèo vốn đang ngơ ngác vì những chấn động thổ cải, nay bất ngờ gặp cái rét đầu đông lại càng thêm ngơ ngác.

Hai anh du kích gác nhà bà Năm chưa phòng bị để kịp chống rét. Mỗi anh, trên người chỉ phong phanh một manh áo. Họ đã nhanh trí đốt một đồng lửa ngoài hiên. Họ vừa sưởi ấm, vừa nướng khoai, vừa canh gác. Trăm chào hỏi:

- Thế nào? vẫn ổn chứ?

- Dạ, vẫn ổn. À, có chuyện này. Mụ Năm kêu rét, chúng tôi cho phép mụ choàng cái bao tải.

- Được thôi! Nhưng vẫn phải hết sức cảnh giác. Mấy lại, để tôi vào kiểm tra xem sao. Các đồng chí cứ ngồi sưởi cũng được.

Hai du kích đang ngồi ấm, ngại đứng dậy, nay được lời của Trăm, nên để mặc một mình anh vào nhà.

Trăm vừa bước vào vừa nói oang oang:

- Phản động Năm còn thức không? Anh đội bảo còn ngoan cố lắm. Anh Khoát nói phải nhận tội hết đi, lúc ấy mới được tháo cùm.

- Dạ thưa anh du kích, oan con lắm. Con đã thành khẩn khai hết rồi ạ.

- Chưa hết. Anh đội bảo mù vẫn không chịu nhận tội hoạt động Quốc dân đảng.

Ngọn đèn dầu hỏa liu riu như hạt đỗ xanh tỏa ánh sáng mờ tỏ lên người đàn bà bị cùm giữa nhà. Bà Năm tóc rũ rượi, khoác chiếc bao tải trông như mù ăn mày. Trăm miệng nói to, chân bước tới người bị cùm. Huệ đã nhồm dậy, đứng ngậy người nhìn cảnh mẹ và Trăm đối đáp. Họ như hai người diễn kịch. Trăm đã đến bên cái cùm, làm ra vẻ như xem xét kiểm tra, miệng vẫn không ngừng nói:

- Mụ nên thành khẩn thì hơn. Tội gì ngoan cố để chuốc lấy cùm gông khổ sở.

Khi nói Trăm quay lưng ra cửa. Rồi rất nhanh nhẹn, tay anh thả những thanh sắt mà Huệ đã nhờ hôm trước. Bà Năm nhanh nhẹn chộp lấy, giấu dưới cái tải. Trước khi kiểm tra xong, Trăm còn kịp nói một câu rất nhỏ mà chỉ riêng bà Năm nghe thấy: “Sáng mai, họ chuyển lên trại giam đoàn ủy”.

Tối hôm ấy, bà Năm hoàn toàn gặp may. Thứ nhất: Gió rét đầu mùa đã làm hai anh du kích ngủ gật bên đồng lửa. Thứ hai, những thanh sắt nhỏ của Trăm cũng đến kịp thời.

Khoảng hai giờ sáng, mẹ con bà Năm mở khóa chạy vào rừng Cò. Nhờ đã quen hoạt động bí mật, bà Năm không đi ngay. Họ chui xuống cái hầm bí mật mà hồi kháng Pháp ông Trần đã đào riêng cho mình.

Ba giờ sáng, du kích toàn xã đốt đuốc đi tìm phản động vượt ngục bỏ trốn. Toàn xã náo động. Mệt phờ mà chẳng thấy tăm hơi. Mẹ con bà biến mất như bốc hơi.

Đêm hôm sau, họ mới từ dưới đất chui lên, đi về phía rừng. Người mẹ dạy con: “Đường xa nhất mới là đường gần nhất. Lúc này đã đủ thời gian

để cho đội Khoát báo tới các xã cạnh đường quốc lộ dẫn về Hà Nội. Đi theo con đường gần mẹ con ta sẽ bị bắt. Bây giờ có hai con đường: hoặc là lên Phú Thọ, rẽ sang Hòa Bình rồi về Hà Nội; hoặc là vượt Tam Đảo, sang Thái Nguyên, từ Thái Nguyên đến Bắc Giang cuối cùng trở về Hà Nội. Đường thứ hai xa hơn nhưng bất ngờ hơn. Nó rất an toàn, nhưng không có đồng xu dính túi, liệu có đi nổi không.

Mẹ con bà Năm đi theo con đường thứ nhất. Họ đã làm thuê, rồi ăn mày, phải đi ba trăm cây số mới về được thủ đô gặp ông Trần.

ĐỘI GẠO LÊN CHÙA

Nguyễn Xuân Khánh

www.dtv-ebook.com

Chương Iii

Một hôm, có người đàn bà dẫn một đứa trẻ vào lớp học giáo Hải. Tôi đang cắm cúi làm toán, bỗng nghe thầy gõ mạnh cái thước kẻ xuống bàn và tiếng hô “Levez vous”. Đó là lệnh cả lớp phải đứng dậy chào khách. Phải nói là tôi hết sức ngạc nhiên khi nhìn thấy hai mẹ con người đàn bà ấy. Tôi thấy lớp học bỗng như tươi tắn hẳn lên. Có những con người như vậy đó. Họ xuất hiện ở đâu là bỗng nhiên nơi đó trở thành sinh động, ấm áp, ngược lại có những người xuất hiện chỉ mang lại sự buồn tẻ, bức mình, như người ta vẫn nói đi đến đâu là chết trâu chết bò đến đấy.

Người đàn bà ấy là bà Thêu, còn đứa trẻ nhỏ là cái Rêu. Bà Thêu rất đẹp. Tóc đen nhánh. Da trắng. Mắt bồ câu long lanh. Người cân đối thon thả. Bà mặc chiếc áo cánh nâu già vừa khít. Rất giản dị nhưng sao mà đẹp. Bà là bà Sáu của ông chánh cơ mà. Và ông chánh Long thì cả tổng, cả huyện ai chả biết. Ông nhiều vợ nhưng khét tiếng kén chọn. Người đàn bà nào đã thuộc về ông đều là người đẹp. Mà bà Sáu của ông, thì như ông vẫn hãnh diện khoe với mọi người, là người vợ ưng ý nhất của ông, là một người đẹp hiếm có, mà ông cứ đi tìm mãi, cho đến gần chót đời mới tìm ra.

Mới đầu, tôi cứ tưởng chính cái sắc đẹp kỳ diệu của bà, khi vào lớp học, đã tỏa sáng đem lại cái ấm áp tươi tỉnh cho lớp học của tôi. Sau tôi mới biết mình đã nhầm. Bởi vì khi bà đã đi khỏi rồi, chỉ còn lại đứa bé xinh xinh nhỏ nhắn kia, tức là chỉ còn lại cái Rêu, không khí lớp tôi vẫn sinh động tươi vui như thế. Sự có mặt của Rêu là một điều diệu kỳ. Sự thay đổi lạ lùng ấy rất nhỏ bé, rất tế nhị. Hầu như lớp học của tôi chẳng ai cảm thấy, nhận ra điều ấy. Đó là cảm nhận của riêng tôi. Hay là tôi đã nhầm. Và đó chỉ là sự tưởng tượng của tôi. Không biết sự cảm nhận hay sự tưởng tượng ấy có thật hay không, tôi chẳng biết nữa.

Bà Thêu đặc biệt về sắc đẹp. Riêng tôi nhận thấy, cái Rêu còn đặc biệt hơn. Nó gầy gò, nhỏ bé, xinh xinh. Giống hệt như mẹ, cũng da trắng môi hồng, cũng tóc đen như mun, cũng đôi mắt đen láy long lanh. Có thể nói nó là bản sao của mẹ nó. Nhưng vẫn có một cái gì riêng biệt khác với bà Thêu. Nhìn cô bé tinh khôi, mặc một chiếc quần đen, một chiếc áo nâu non rộng thùng thình so với cái thân hình gầy guộc của nó, tôi cứ nghĩ mãi về cái khác biệt của Rêu so với bà Thêu. Nghĩ mãi mà chẳng ra. Là cái gì nhỉ? Phải chăng là nụ cười luôn thường trực trên đôi môi đỏ như son? Đôi mắt của bà Thêu long lanh như Rêu nhưng mà buồn. Còn đôi mắt của Rêu, chúng cũng long lanh nhưng ấm áp. Khi đôi mắt ấy nhìn vào ai, thì tâm trạng của kẻ được nhìn, dù đang lúc giận dữ, cũng bỗng nhiên như được xoa dịu. Còn cái gì riêng biệt của Rêu nữa nhỉ? Hay là...hay là nhìn Rêu ta cảm ngay thấy sự mong manh, ừ, đúng là sự mong manh. Ánh mắt ấm áp đôn hậu mong manh. Đúng chẳng? Rêu đem lại cho tôi cảm nhận sự mong manh thế gian. Thế đấy, Rêu mang lại cho tôi cảm giác cô bé là một thiên nữ. Cô gái nhà trời có cánh. Những cô gái biết bay trong không trung, rắc hương, rắc hoa của đức Phật xuống trần thế. Cô là một thiên nữ tán hoa.

Rêu là em út của lớp thầy Hải. Bà Thêu bảo rằng nó chỉ rong chơi đến tuổi lên mười. Chẳng ai dạy nó bao giờ, thế mà bỗng nhiên bà Thêu phát hiện ra Rêu đã biết chữ. Vì thế, bà mới mang nó ra trường làng cho đi học. Lũ thằng Cấn, thằng Trăm luôn bắt nạt chòng ghẹo tôi. Tôi đi tu. Chẳng hiểu sao, chúng coi như là tôi mắc tội. Một bận, lũ quỷ sứ bắt gặp một mình tôi giữa đường. Lập tức chúng vây quanh tôi và đồng thanh hát:

Sư đương tụng niệm nam mô

Thấy cô xách giỏ mò cua bên chùa

Lòng sư luống những ngăn ngại

Bỏ cả kinh kệ, tìm cô hỏi chào.

Chúng trêu, cốt để tôi tức giận, song tôi giữ im lặng. Chúng bảo:

- Thằng hèn! Sao mà không chửi chúng tao?

- Nhà chùa không biết chửi.

- Sao mà không dám đánh chúng tao.

Chúng chỉ muốn có thể. Tôi đã học được sư bác dăm miếng võ. Tôi đã đánh nhau với Căn. Lúc ấy tôi không thua, nhưng cũng không được. Tôi chỉ ngăn chặn được một lần không cho bọn chúng bắt nạt. Chắc lần này chúng muốn trả thù. Như vậy không ổn. Chẳng lẽ tôi cứ phải học thêm hết thế võ này sang thế võ khác, để rồi phải đấu hết trận này sang trận khác với lũ chúng hay sao. Tôi nói:

- Tôi không đánh nhau. Các anh muốn tôi là người gây sự trước chứ gì.

Chợt lúc ấy Rêu đi ngang qua:

- Đứng đấy, các anh đừng đánh nhau. Kìa anh Căn. Kìa anh Trăm. Cho em xin các anh.

Một cậu lên tiếng:

- Con bé này! Mà ẹ định bênh vực cho thằng trọc đầu.

Nói xong, nó sấn sổ bước tới, lấy tay đẩy mạnh Rêu, làm cô bé bật từ trên đường xuống ruộng. Cô bé long lanh nước mắt nhìn Căn, như cầu khẩn:

- Em làm gì đâu mà các anh đánh em.

Căn đang bưng bưng tức giận nhìn tôi, nay gặp tia mắt của Rêu bỗng dừng chùng xuống. Nó quát to:

- Không được làm thế. Không được đụng tới cái Rêu. Thằng hùng hổ đầu tiên tỏ vẻ bất mãn:

- Sao cơ? Nó bênh thằng sư con.

- Còn sao nữa. Cái Rêu là con gái. Không được đánh con gái. Thằng hùng hổ cười, chĩa mũi dùi sang tôi.

- Thế thì thằng An là con trai.

Rêu lập tức đến trước mặt thằng Căn:

- Anh không đánh đàn bà ư? Anh An cũng hiền như con gái. Anh An chẳng làm hại gì các anh. Anh An chẳng tranh chấp với ai bao giờ...

Thằng Trăm lên tiếng:

- Cái Rêu nói thế nghĩa là nhà sư cũng là đàn bà.

- Đúng! Người đi tu cũng là đàn bà - Cái Rêu ngẩng đầu lên nói như khẳng định.

Bọn quý sứ nghịch ngợm đều cất tiếng cười vang. Chúng bỏ đi miệng lao xao: “Sư cũng là đàn bà. Chúng tao không đánh đàn bà”. Tôi đi cùng đường với Rêu một quãng. Không biết ai dạy cái Rêu mà nó lại nói ông sư giống như đàn bà. Tôi cố giải thích cho Rêu rằng không phải, nhưng lý lẽ của tôi có được là bao, thành thử lời nói của tôi lúng túng, không thuyết phục được. Cái câu nói “ông sư là đàn bà” tưởng như lời tếu táo đùa chơi, không ngờ cứ ám ảnh tôi mãi. Về sau, dần dần lớn lên đọc nhiều, tôi mới hiểu ra câu nói đó dính líu tới những ý tưởng rất to lớn của cuộc đời. Đó là sự bạo lực và không bạo lực. Đó là lòng yêu thương và sự hận thù. Đó là sự cứng rắn và đức bao dung.

Rêu chơi rất thân với Huệ và tôi. Cô bé cứ khẳng khẳng bảo tôi rằng chẳng ai dạy cô cả. Như vậy là Rêu đã có những ý nghĩ đó từ một kiếp nào kiếp nào. Mà lạ thật! Chẳng biết kiếp trước cô ta là gì, mà sao cô bé thông minh đến thế. Học một biết mười, đối với Rêu thật dễ dàng. Ví dụ như học chữ chẳng hạn. Rêu bảo cô trông thấy những quyển sách, cô thấy thích đọc. Cô bảo người ta chỉ vẽ cho cô những chữ cái và cách ghép vần. Những người thầy bất đắc dĩ dạy cô nhưng cứ tưởng đó là trò ham thích nhất thời của trẻ nít, khi thấy cô luôn cặm cụi với hững cuốn sách đen ngòm những chữ lít nhít. Ai ngờ chỉ một tháng sau cô đã đọc sách vanh vách. Khi đến lớp cũng vậy, cô học tính toán cũng nhanh chóng với tốc độ phi mã. Chỉ nửa năm theo học, cô đã đuổi kịp chương trình của cả lớp.

Được cô học trò thông minh như vậy, thầy giáo Hải rất hãnh diện. Thầy lại giao cô học trò yêu đó cho Huệ giúp đỡ kèm cặp. Cô bảo Huệ và tôi một cách ý nhị:

- Em kém chú tiểu An ba tuổi, kém chị Huệ hai tuổi. Cho em xin làm em út. Em quý anh và chị lắm. Sẽ chẳng khi nào làm phiền hai người đâu.

Thời trẻ bà Thêu chẳng đến chùa. Từ khi có trục trặc với ông chánh, những lúc buồn khổ quá, bà tìm đến chùa làng, và mới hiểu ngôi chùa là niềm an ủi với người dân quê thế nào. Một bận bà dẫn Rêu lên chùa. Cô bé hồn nhiên đã nhiều lần đùa nghịch ở chùa. Nhưng hôm đó, có thể nói là ngày cô đột nhiên bừng tỉnh cùng với ngôi chùa. Ngôi chùa thân quen hàng ngày nhìn thấy, nhưng hôm ấy bỗng dưng như cởi tấm áo khoác, trở nên hoàn toàn mới mẻ trước mặt cô gái. Đó là lần đầu tiên cô bước vào tòa thượng điện. Con người thường phát hiện ra cái kỳ diệu của ngôi chùa, sau khi đã trải qua những đau đớn ê chề của cuộc đời. Một người bị phản bội bởi người thân. Một linh hồn oan khiên ngút trời. Một người hãnh tiến, được số phận nuông chiều, nay bỗng dưng hiểu mình tay trắng. Một kẻ nghèo khổ cùng đường, thấy vận rủi cứ đổ xuống đầu mình hết đợt này qua

đợt khác. Những kẻ tật nguyền, những đứa con cô cút... Nói tóm lại, người ta càng bất hạnh càng sớm tìm ra ngôi chùa.

Còn Rêu thì sao? Cô tìm ra sự kỳ diệu của ngôi chùa làng ngay lúc cô đang nhờ nhờ sung sướng. Hay là cô đang mang trong mình những mầm mống ẩn tàng của đau khổ mà cô không hay biết.

Bước qua bậu cửa vào thượng điện tức là ta đã đặt chân vào đất Phật. Làm lễ xong, mẹ con bà Thêu đến hầu chuyện sư tổ của tôi. Thầy Vô úy hiền từ nhìn Rêu và hỏi:

- Con có hay đi chùa không?

- Bạch cụ, con vẫn chơi ở sân chùa. Hôm nay con mới vào thượng điện.

- Con thấy trong lòng mình ra sao?

- Dạ bẩm, con rất thích. Rất đẹp và thơm quá ạ!

- Thơm ư?

Sư cụ nhìn vào đôi mắt long lanh và đôi cánh mũi phập phồng của Rêu. Sư cụ nhắm mắt lại như để nhìn cô bé hồn nhiên, nhưng là nhìn cô trong tâm tưởng. Cô bé có giọng nói như thủy tinh. Trong vắt! Phải, đúng là trong vắt! Và rất cao... giống như tiếng con họa mi... và sáng nữa chứ... Như những quả chuông pha lê không vết gợn đang bay lên không trung...

- Bẩm cụ, con rất yêu thơm tho.

Sư cụ mở mắt ra cùng với nụ cười:

- Đức Phật sẽ phù hộ cho con. Con đến với Phật lòng trong vắt. Con đã ngửi được hương của Phật. Để ta cho người đưa con đi thăm chùa nhé.

Sư cụ gọi tôi ra dẫn Rêu đi để cụ đàm đạo với bà Thêu. Tôi dẫn Rêu đi ngang qua chiếc sân giữa ngăn cách thượng điện và nhà tổ. Cô bé vừa đi vừa nói:

- Lạ thật! Lạ thật! Chú An ơi, em ngửi thấy một mùi hương rất lạ.

- Hương ở thượng điện tỏa ra sân đấy.

- Không phải. Hương đốt khác, đăng này...

- Hay là hương hoa mộc. Ở góc sân có cây mộc năm nay ra rất ntều hoa.

- Không phải! Hương này rất đặc biệt. Khó tả ra lắm.

Thế là cuộc đi vãn cảnh chùa biến thành cuộc đi săn tìm một mùi hương đặc biệt chẳng biết tỏa ra từ đâu, mà mũi tôi thì điếc đặc, và chỉ mình Rêu ngửi thấy.

Rêu nhắm mắt lại, cánh mũi phập phồng định hướng:

- Phía này... bên phải... đi thẳng trước mặt... Không, đừng đi nhanh quá... Phía này mất mùi... Nó đây rồi - Rẽ trái! Đúng rẽ trái!...

Tôi cầm tay Rêu, còn Rêu nhắm mắt đánh hơi, đi tìm một mùi hương vô hình. Theo sự chỉ dẫn của cô bé. Và thật lạ! Chúng tôi đứng trước cái giếng đá ong. Chùa Sọ có hai cái giếng. Một cái giếng to hơn chiếc kia, miệng giếng đục bằng đá xanh rất nhiều nước. Đó là chiếc giếng cho sinh hoạt hàng ngày. Chiếc giếng thứ hai xây bằng đá ong. Miệng giếng nhỏ thôi. Nó nằm ở chỗ khuất lấp gần cây nhãn cổ thụ. Lạ một điều là cây nhãn này là nhãn lồng rất ngon. Và sư cụ tôi, khi pha trà, bao giờ cũng bắt tôi kín nước từ cái giếng nhỏ đó.

Đến đây Rêu bỗng mở choàng mắt và nói với tôi:

- Đến rồi! Ở đây hương bốc lên ngọt ngào. Em biết rồi. Đây là giếng thơm.

- Giếng thơm!

Tôi thốt to, nói theo, và hếch mũi hít những hơi dài. Tuy nhiên, tôi chẳng thấy mùi thơm. Còn Rêu, cô lim dim đôi mắt, vẻ mặt bừng lên hân hoan. Cô đang tận hưởng cái làn hương thơm tho, mà chỉ mình cô nhận được. Tôi ngạc nhiên, sững sờ nhìn cô song chẳng nói một lời. Bởi vì ở đời có rất nhiều điều kỳ diệu mà ta không thể ngờ. Chắc là tôi không có duyên, còn cô có duyên với thứ hương bí ẩn ấy. Người ta bảo mỗi vùng đất đều có hương riêng của nó, giống như làn hương riêng của mỗi cá nhân con người. Có thứ đất hương ô trọc. Có những linh địa hương sức nước ngào ngạt. Chùa của tôi chắc chắn là linh địa. Và khẩu giếng đá ong này thông với chính nguồn linh khí. Có vậy, thầy tôi, khi pha trà, mới bắt tôi nhất thiết phải lấy nước từ khẩu giếng này về đun. Thầy của tôi chỉ nhận ra hương đất qua những ấm trà, còn Rêu thì có duyên hơn, cô tìm ra hương đất chỉ đơn thuần bằng mũi ngửi.

Rêu đúng là một đứa trẻ. Cô lấy gầu, thả dây, kéo nước lên. Cô đổ gầu nước trong veo long lanh ánh sáng vào chiếc chậu sành. Rồi cô khum hai bàn tay, vốc nước, vãi vào mặt. Cô nghịch nước như một đứa trẻ. Cô uống nước, cô vỗ nước, đập nước, rồi cả té nước vào mặt tôi và cười với tiếng cười giòn như nắc nẻ...

Sau hôm phát hiện ra điều kỳ diệu, Rêu rất năng lên chùa. Đến nỗi bà Thêu phải hỏi con gái:

- Con thích lên chùa... Hay là mày muốn đi tu?

Rêu nhoèn cười với mẹ:

- Chùa thơm tho lắm u ạ. Nhưng con thích ở đời hơn ở chùa.

Dần dà, Rêu thân với mọi người trong chùa. Cả con chó vàng giữ chùa trông thấy cô cũng vẫy đuôi mừng rỡ. Rêu thân với tôi đến mức có chuyện gì cũng nói. Rêu luôn đi lại với ngôi nhà lá bên ao bèo nhà chùa. Chị Nguyệt, bà vải Thăm coi Rêu như người thân. Có thể nói bà vải Thăm và Rêu như đôi tri kỷ. Nhiều buổi tối, hai người ngồi ở thềm nhà nhìn ra ao bèo ngắm đom đóm bay. Người ta bảo bà vải già rồi dại, còn Rêu thì cũng ngờ ngờ. Bà vải trở những con đom đóm to nhất, bà cụ đã nhận ra bóng dáng những người âm:

- Con đóm ở cuối ao gần cây vối là ông Khố nhà tôi. Con đóm trong lùm cây sung là bà bạn thân của ta thời con gái...

- Cô Thăm phải không?

- Ừ, cô Thăm! Cô ấy chết rồi mà vẫn làm đóm. Áo tứ thân này, váy sồi này, hầu bao hoa lý, rồi lại đeo cả dây xà tích bằng bạc.

- Cô Thăm nói gì hở bà?

- Chả nói một nhời. Nhưng mặt buồn rười rượi. Cô Thăm là chị ông Trưởng bạ làng ta. Quái lạ! Nhà ông trưởng bạ giàu có. Sao cô Thăm lại buồn thế nhỉ. Hay là sắp có chuyện gì.

Bà vải Thăm nhìn thấy ma, thấy người cõi âm qua những con đom đóm. Còn Rêu thì nhìn thấy Phật. Những ông Phật hiền hòa từ chiếc giếng thơm bay lên.

Một tối, tôi xuống căn nhà lá nói chuyện với chị Nguyệt. Tôi nhìn thấy hai bóng người một già một trẻ tha thui ngồi ở đầu hè thì thầm, thủ thủ, đang nhìn những con đom đóm bay bồng bay la để nói về những người ở cõi âm, tôi chợt thấy sờ sợ. Thầy tôi bảo người tu hành không sợ ma quỷ, nhưng thú thật, tôi vẫn thấy sợ.

Dạo ấy, thầy tôi hay đi làm phật sự ở những nơi xa, có khi vài hôm mới trở về chùa. Trong những chuyến đi ấy, sư bác Khoan Độ phải đi theo giúp đỡ, bởi vì thầy tôi đã già lắm rồi.

Những lúc ấy, một mình tôi quán xuyên cả ngôi chùa mênh mông. Tôi đánh chuông thu không. Sau khi đi kiểm tra các góc ngách cửa ngõ, tôi ngồi trong thượng điện tụng kinh gõ mõ. Ở tòa thượng điện tôi hoàn toàn yên tâm, bởi vì ở đây tôi ngồi dưới chân bao nhiêu là Phật. Trong ánh hào quang của chư Phật, loài nạ quỷ nào dám bén mảng tới đây. Tôi nghĩ vậy và tôi đọc kinh hai lần, cố kéo dài thời gian, dưới sự che chở của chư Phật. Tôi nghĩ phải nằm một mình ở gian buồng gói đầu hồi nhà tổ. Sợ nhất phải một mình nghe đêm, mà giấc ngủ thì biến mất.

Rõ ràng là đêm ấy tôi đã tụng kinh cho tới quá nửa đêm. Rõ ràng là tôi đã buồn ngủ vì hai con mắt cứ díp lại. Thế mà khi về nhà tổ, bỗng nhiên tôi lại tỉnh như con sáo. Tôi nằm im lặng, miệng nam mô Phật, cố gắng gọi cơn ngủ trở lại. Nhưng thật quái ác, tôi càng gọi thì giấc ngủ lại càng xa vời.

Tiếng động ban đêm ở ngôi chùa vắng thật muôn hình vạn trạng. Đầu tiên là tiếng mọt đục gỗ. Tiếng ken két như người nghiền răng. Nghe ghê cả người. Mà không phải một con, những ba con. Lấy ngón tay nút lỗ tai lại, vẫn nghe thấy tiếng ken két trong óc. Hết phương cứu chữa rồi. Mắt chong ra. Thế này là giấc ngủ đêm nay đi tong. Quái lạ! Căn nhà tổ làm bằng gỗ lim cơ mà. Hay là mọt ăn rác gỗ. Tôi cứ phân vân nghĩ ngợi, chợt nghe tiếng gió hu hu ở đầu hồi nhà. À, tôi hiểu rồi. Sư bác bảo căn nhà toàn gỗ lim lõi. Chỉ riêng bộ đòn tay trong đợt sửa chữa cách đây mấy năm, là bằng tre. Dạo ấy đánh Tây, sự sửa chữa qua quýt. Chắc có mấy cây tre ngâm chưa kỹ, chưa chín, nên lúc này mọt mới hoành hành. Nghe tiếng gió hu hu, tôi chợt nghĩ đến ông thợ làm nhà tre tên là Thần trong làng. Ông ta lẩn thẩn nhưng làm nhà tre thì khéo tay chẳng ai bằng. Tỉ mỉ lắm. Đầu hồi là những ống tre. Ông Thần biến chúng thành những ống sáo như kiêu sáo

diều. Mùa đông, đêm mưa to gió lớn, ta nằm trong chăn nghe mưa rơi, nghe tiếng sáo diều kể cũng thú. Tôi đã nghe sáo đầu hồi mùa đông của ông Thần rồi. Nhưng lúc ấy là nằm bên sư bác. Cảm giác thật yên ổn. Tiếng sáo đầu hồi ru tôi vào giấc ngủ. Còn đêm nay, sáo mùa hạ thì sao? Mỗi mùa gió có hướng khác nhau, lại lúc mạnh lúc nhẹ, nên sáo đầu hồi mùa hạ có khác. Đêm nay trăng vắng vặc giải ngoài thềm, nhưng gió lại phe phẩy như đùa như bỡn. Ô hay! Ngọn gió nhẹ ấy lại hợp với những ống tre to. Tiếng sáo đầu hồi, trầm và buồn, nghe như tiếng tiêu xa với. ừ, nó nức nở như tiếng khóc. Tự dưng, thấy héo hắt trong lòng.

Lại thêm tiếng chó sủa ma. Tiếng nhát gừng của con chó vàng. Có tiếng tru kéo dài của con chó bông đáp lại. Con Bông là con chó trắng của nhà cụ chánh Long. Cụ chánh quý con chó trắng này lắm. Lông nó không mượt mà xù. Cụ chánh chăm tắm cho nó nên con chó như một cuộn bông trắng tinh. Cái đuôi cong cong uyển chuyển như lá cờ. Đó là con chó cái duyên dáng. Cụ chánh hăm, không cho nó đi tư với loài chó vện, chó vàng quê mùa. Cụ bảo con Bông là giống chó quý phái, chó Ả Rập. Nó chỉ xứng đáng cặp đôi với loài chó tuyết của Nga. Có người mách có con chó Nga ở Hà Nội. Cụ đang liên hệ. Sẽ có một ngày cụ đem con Bông của cụ đi lấy giống. Dân làng thì nghĩ khác. Họ bảo:

- Quý gì mà quý. Giống chó trắng là giống chó ma. Con chó ma này động cõn như điên như dại. Mà lạ thật. Nó chỉ thích con chó dái ngoài chùa. Đó là con vàng của sư cụ. Mà cũng lạ! Con chó dái của sư cụ không bị thiếu mà trông thấy chó cái nó cứ đứng đứng như không. Hay là nhà chùa có thuốc bí truyền. Trông thấy gái mà không động lòng thế mới gọi là chó nhà chùa chứ.

Đêm nay, chắc chó trắng sống chuồng. Con chó ma đến bãi tha ma, tru lên, dụ dõ con chó vàng. Nghe chó tru gọi bạn, nghe ống sáo hu hu thối khúc tiêu buồn, tôi như nấu cả lòng, và nghe mãi thì lòng xốn xang, người bỗng gai gai rờn rợn. Cứ thấy hiện ra trước mắt hình ảnh con chó ma trắng

toát, lông xù, mũi đỏ chót, mắt xanh lè, đi bằng hai chân sau ngoài bãi tha ma, vừa đi vừa tru lên bằng những tiếng tru dài thống thiết.

Đang lúc ấy, chợt vẳng lên một tiếng hát, tiếng tỉ tê trong đêm bát ngát. Văng vẳng mơ hồ... lúc dứt... lúc nổi... véo von... trong vắt. Tiếng hát như ma trời chập chờn trong gió. Tôi phải gắng sức nghe mãi mới luận ra:

Con ch im nho nhỏ

Cái đuôi nó đỏ

Cái mỏ nó vàng

Chim chích mà đậu cành hồng

Lú lo nó hót cho lòng ngẩn ngơ.

Ai hát mà véo von thế nhỉ. Cả làng Sọ này có ai hát hay thế đâu. Lại chọn đêm khuya giữa ánh trăng suông. Gió hây hây từ hướng nam. Phía ấy là bãi tha ma. Chẳng lẽ có kẻ động rờ nào ra giữa bãi tha ma mà hát. Lại thật! Im ắng tịt cả. Cả tiếng con chó trắng cũng dứt. Hay là con chó ma cũng mê tiếng hát, đã ngừng sủa trăng để nghe tiếng hát. Hay là chính con chó ma đã hóa thân làm cô gái mặc áo trắng, đang đội trăng để khoe tiếng hát mỹ miều. Tôi nghi nghi hoặc hoặc nghĩ vẫn vơ. Hóa ra chính tôi cũng đang say mê, đang bị hấp hồn vì tiếng hát. Tiếng hát như gọi tôi dậy. Tiếng hát đã cất bỏ gánh nặng sợ hãi đè trĩu tâm hồn tôi. Tôi đã ngồi bật dậy từ lúc nào chẳng hay. Rồi tôi bước ra thềm nhà ngồi trong ánh trăng vàng định hướng. Hóa ra không phải tiếng hát từ bãi tha ma vọng tới, mà từ vườn chùa. Quái lạ! Kẻ nào thế nhỉ? Kẻ nào dám đột nhập vườn chùa giữa đêm hôm khuya khoắt. Tôi khẽ mở cánh cổng hậu, đi ra vườn.

Lúc này tiếng hát mỗi lúc một to. Tôi đi tay không, chẳng mang gậy gộc. Bây giờ đã rõ ràng là một tiếng rất thanh và rất trong. Lúc này tôi hiểu

tôi đã theo tiếng hát ra đây do sự tò mò. Quái lạ thật! Chỉ có kẻ điên rồ hay một loài tinh ma nào đấy mới đang đêm lẫn vào vườn chùa để cất tiếng hát:

Con chim nho nhỏ

Cái đuôi nó đỏ

Cái mỏ nó vàng...

Tiếng hát đã nghe rõ mồn một. Trong tiếng hát, có cả tiếng nước ào ào. Bây giờ thì tôi hiểu rõ rồi. Sở dĩ tiếng hát đứt nối là vì có những gàu nước chảy. Nghe rõ cả tiếng gàu lanh canh chạm vào thành giếng. Tức là, một con ma nào đó, hay một người nào đó đã múc nước từ giếng lên, rồi đổ ào từ đầu xuống chân. Tôi nấp sau bụi hoa sỏi và tôi đã hoàn toàn định hướng.

Tôi đưa mắt nhìn ra khẩu giếng đá ong. Ở đây, cây nhãn lồng đã chừa ra một khoảng trống để ánh trăng giàn giụa chảy xuống khẩu giếng. Và tôi không tin nổi mắt mình nữa. Bên thành giếng, giữa trời đất, một cô gái khỏa thân trắng toát, mớ tóc đen nhưng nhức sau lưng, đang tự nhiên, thỏa thuê tắm trăng, tắm nước giếng thơm. Làn da trắng của cô long lanh trắng vàng. Và cô lại cất tiếng hát véo von, mê hoặc:

Con chim nho nhỏ

Cái đuôi nó đỏ

Cái mỏ nó vàng...

Tiếng hát vút lên lạnh lót giữa trời đất. Rồi gàu nước dội ào ào từ đầu xuống chân. Người cô gái như dát bạc. Cũng đúng lúc này, đất trời chợt lằng lằng. Mà tôi cũng như ngây ngất. Bởi vì một mùi hương đã tỏa ra ngút ngát. Khắp vườn chùa thơm phức. Chẳng hiểu đó là hương đất trời, hay là hương từ cái giếng đá ong tỏa ra, mà lần đầu tiên tôi cảm nhận được.

Người ta chắc đoán ngay ra cô gái tắm trắng đó là ai. Cô Rêu đã nhằm lúc sư cụ và sư bác đi vắng, cô cũng biết tôi là kẻ nhút nhát, nên đã lên vào vườn chùa múc nước giếng thơm tắm. Tôi đã chứng kiến Rêu nhiều lần vục nước giếng vào lòng hai bàn tay vãi vào mặt. Những lúc ấy, mắt cô long lanh thèm thườn. Cô xin được tắm nhưng ai cho cô tắm bằng thứ nước quý chỉ dành cho sư cụ pha trà và chỉ dùng để thổi xôi đóng oản vào những ngày sóc vọng.

Rêu nói chuyện với Huệ, cứ ao ước được tắm nước giếng đá ong ngoài chùa. Huệ hỏi:

- Sao lại cầu kỳ thế? Nếu em thích tắm nước trong thì ra nhà chị. Nhà tao có bể nước mưa ngọt và trong vẩn vắt.

- Chị không hiểu đâu. Nước mưa ở bể nhà chị cũng quý. Tuy nhiên, nó ngọt mà không thơm. Ở làng này, chẳng nước nhà nào bì được với nước giếng đá ong ngoài chùa. Em bảo cho chị biết nhé. Nước ấy là nước thơm, nước thiêng. Một lần được tắm ở đấy là con người sạch bong. Sạch từ trong lẫn ngoài.

Huệ thì thầm bảo tôi:

- Cái Rêu nó lạ thật đấy. Cứ ngu ngu ngơ ngơ. Cứ như ở trên trời rơi xuống. Chẳng biết nó nhặt được ở đâu cái ý nghĩ tắm giếng kỳ lạ ấy.

Đến lúc ấy, tôi mới biết tới đức tính sạch sẽ của Rêu. Lúc nào cô cũng sạch bong, tinh khiết. Cô bé gầy gò, mảnh mai, nhẹ bồng. Trông Rêu, có ngay cảm giác mong manh dễ vỡ. Cái tạng ấy thuộc về người nghệ sĩ.

Sau cái hôm sư cụ sai tôi lên gác tam quan đánh năm hồi chuông đại hồng chung để báo cho dân làng biết từ nay quê tôi sạch bóng quân thù, Pháp rút quân, miền Bắc hoàn toàn giải phóng, làng Sọ náo nức ăn mừng. Thím Năm lên nắm chính quyền. Bà bảo:

- Làng ta phải tổ chức một bữa tiệc tập thể cả làng. Mỗi người đóng một bát gạo. Dân làng chia làm hai. Một nửa tát ao đình. Một nửa bắt cá ngoài sông Đào.

Tôi đi theo đám người bắt cá sông. Người ta lấy hai mảnh lưới chắn hai đầu một khúc sông nông. Đầu tiên, tất cả trẻ con trong làng ra quẫy lộn, xô nước, đập nước, đánh ròn ròn, lặn ngụp, chúng quần đi quần lại làm cho lũ cá sợ chết khiếp lặn hết xuống đáy. Nước sông ngầu bùn. Tiếp đó gần trăm người lớn dàn hàng ngang thành một dãy dài nối hai bờ sông. Mỗi người cầm một cái nơm chụp xuống nước liên tục. Dãy người úp nơm tiến lên, đi từ đầu đến cuối khúc sông. Người ta reo to khi một con cá lớn quẫy ùm ùm trong nơm. Người ta hớn hở tay trái bịt miệng nơm, tay phải mò bắt những con cá bạc. Rồi mỗi khi bắt được, họ lại hớn hở giơ con cá lên trời mà hét lên như bắt được vàng... Đến trưa, thu được lưỡng hai rổ sòng...

Bữa tiệc tập thể mừng giải phóng được kết thúc vào buổi tối bằng một cuộc liên hoan. Một đơn vị bộ đội đóng quân trong làng góp vui bằng màn biểu diễn hò kéo pháo. Một tuần lễ tập luyện ngoài chùa cũng đủ để đội thiếu nhi toàn là nữ biểu diễn thành công điệu múa “Mừng ngày được mùa”:

Ta vui l à vui bông lúa chín...

Các cô thiếu nữ tha thướt váy sồi, áo dài, thắt lưng xanh đỏ. Tập múa đã công phu, nhưng công phu nhất là trang phục, trang điểm. Xưa kia, làng nghèo, hiếm áo quần. Các cô phải vận động mãi các bà vải mới cho mượn váy sồi áo dài đi chùa. Lại phải lạy van bà đồng trong làng cho mượn một mớ dải lụa xanh đỏ, tím, vàng để các cô choàng lên cổ, cầm ở hai tay. Có những dải lụa nhiều màu sắc phát phơ, điệu múa mới mềm mại uyển chuyển . Lần đầu tiên, các cô thiếu nữ làng Sọ trông như những cô văn công. Lần đầu tiên, dân làng Sọ mới nhận ra con gái làng thật đẹp, trông chúng như những nàng tiên...

Nhưng tiết mục làm cả làng ngạc nhiên nhất là bài hát của cô Rêu. Có lẽ tôi là người đầu tiên được nghe Rêu hát dưới ánh trăng. Cả làng không ai biết Rêu có giọng hát hay đến thế:

Con chim nho nhỏ

Cái đuôi nó đỏ

Cái mỏ nó vàng...

Chim chích mà đậu cành bàng

Véo von nó hót cho chàng ngấn ngơ...

Con chim nho nhỏ

Cái đuôi nó đỏ

Cái mỏ nó xanh

Cành cam, cành quýt, cành chanh

Trong ba cành ấy cho anh cành nào...

Khi Rêu hát, cả làng Sọ đều ngây ngất. Giọng cô bé lạnh lót, cao vút. Lại nhí nhảnh, ngây thơ. Họ không ngờ làng Sọ rất quê mùa của họ lại nảy nòi ra được một con chim họa mi như thế. Hôm ấy, có một ông chỉ huy trung đoàn cũng đến dự. Sau đêm liên hoan ông gặp Rêu và hỏi:

- Cháu học được ở đâu bài hát ấy?

- Thưa, cháu không học ở đâu cả.

- Thế, có ai dạy cháu không?

- Dạ, không.

- Vậy là cháu tự nghĩ ra và hát.

- Thưa, mẹ cháu nằm võng cứ ngân nga: “Con chim nhỏ nhỏ, cái đuôi nó đỏ, cái mỏ nó vàng...” cháu thấy câu đó hay hay. Khi đi chăn bò, cháu cứ ngêu ngao mãi mà thành bài hát...

- Giỏi! - Ông chỉ huy khen ngợi - Cháu có giọng hát và bịa bài hát cũng khéo. Cháu có năng khiếu đấy. Cháu có muốn đi văn công không?

Rêu chẳng biết văn công là gì, nhưng được ông chỉ huy giải thích, nó bằng lòng ngay, vì rằng nó thích hát và nhất là được đi khắp đó đây. Tại sao Rêu lại thích đi văn công, xa nhà như vậy? Ở làng Sọ, những đứa trẻ còn bé, chẳng đứa nào dám xa cha mẹ cả. Cái lý do tại sao, chẳng ai biết. Cả tôi, cả Huệ, những đứa bạn thân nhất của Rêu cũng không biết, mãi cho tới sau này mới được nghe nó kể.

Nghe nói, thời gian hơn một năm ở đội văn công của Rêu cũng nổi đình nổi đám lắm. Càng ngày nó hát càng hay vì vào văn công nó được học hành tử tế. Rêu nhỏ bé, mảnh khảnh, mong manh nhưng có giọng hát rất vang, rất lạnh lót. Nhìn Rêu, người ta chẳng hiểu lồng ngực của Rêu cấu tạo ra sao mà lại phát ra được những âm thanh kỳ diệu và lung linh đến như vậy. Giọng hát của cô bé đã thuyết phục, đã mê hoặc được bao nhiêu thính giả. Nghe Rêu hát, nhất là khi cô ngân nga, run rẩy ở một âm thanh chót vót, người ta bảo lồng ngực và cổ họng của cô giống như con chim họa mi bé nhỏ. Người ta thích thú hoan nghênh nhưng cứ thấy rờn rợn. Thính giả có cảm giác như cổ họng của cô làm bằng thủy tinh. Rất mong manh để có thể rung lên những thanh âm thay đổi cực kỳ tinh tế. Cứ cảm giác như nó thật giòn tan dễ vỡ. Và người ta gọi cô là con họa mi thủy tinh.

Một năm trời trôi, nhưng Rêu được đi rất nhiều nơi. Cô bé hát rất say sưa. Cái say sưa của một con người đang tìm một cái gì đó mà chưa thấy. Cuối cùng, điều mà những khán thính giả của cô lo sợ xảy ra, cũng đã xảy ra. Sau một cuộc biểu diễn thành công đặc biệt, con họa mi hiếm hoi của

làng Sọ bỗng lẫn ra ốm. Các bác sĩ phát hiện ra Rêu mắc bệnh lao phổi. Người ta tận tình chữa cho cô liền sáu tháng trời mới khỏi. Rêu trở về làng xưa, nhưng từ giờ không được hát nữa.

Rêu đã hoàn toàn thay đổi. Điều mọi người dễ nhìn ra nhất là Rêu đang từ một cô bé vui tươi bỗng trở nên trầm tĩnh tư lự. vẫn tốt bụng, đôn hậu như xưa; vẫn thăm thiết với bạn bè, làng xóm; vẫn nụ cười nở trên môi, chỉ có khác là nụ cười buồn buồn, vẫn ra cái giếng đá ong nhà chùa, để vọc tay vào làn nước thơm vã lên mặt, nhưng cái Huệ bảo có lần nhắc nó chuyện tắm nước giếng thơm ngày xưa, nó chỉ cười hắt hiu và lắc đầu.

Một hôm, Huệ thấy Rêu quá tư lự, âu sầu, liền đánh bạo hỏi:

- Sao lúc nào mà cũng ỉu xìu như thế?

- Thì cũng tại cái số em nó như thế... Thế chị không biết làng xóm người ta đồn về em hay sao?

- Tao cũng nghe qua loa... Nhưng tin sao được miệng lưỡi thế gian...

- Nói thế chứ, em nghĩ cũng thật buồn... Trong làng đứa nào cũng có cha... Còn em thì sao... Tại sao ông chánh lại hờ hững với mẹ con em... Chị có biết không, có khi quá nửa đêm, em thức dậy cứ thấy có tiếng sụt sịt. Em nghe ngóng mãi mới biết mẹ em đang khóc... Em thương mẹ quá... Từ lúc ấy, em quyết đi tìm cho bằng được xem cha mình là ai.

Ôi, con họa mi thủy tinh hiếm hoi của quê tôi! Cứ tưởng cô chỉ biết đến sự hồn nhiên, nhớn nhơ ở cõi đời này. Hóa ra lòng cô cũng tơ vò trăm mối. Huệ hỏi:

- Thế tại sao mà lại đi văn công, đi ca hát?

- Có người bảo rằng em hát hay như thế vì bố em là một anh bộ đội cũng hát rất hay... Em đi biểu diễn khắp nơi. Đến đâu em cũng hỏi thăm

anh bộ đội có giọng hát hay. Hỏi bố em tên gì, em không biết, chỉ trả lời rằng ông rất giống em mà thôi... Thế là hơn một năm trời lang thang mất công toi...

Thế đấy! Con họa mi làng tôi dù sao thì cũng rất hồn nhiên. Cô ta quá ngây thơ để có thể tin vào một lời đồn vu vơ, đã dám bỏ ra hơn một năm trời để đi tìm một con người trong tưởng tượng mà cô không hề biết tên, biết họ.

Người thứ hai cô nghi hoặc và tìm đến hỏi là một người cô biết tên biết họ hẳn hoi. Trong lời đồn đại về cái đêm định mệnh đối với bà Thêu có câu nói của mấy ông tuần phiên: “Tối hôm ấy tối đen như mực. Chúng tôi thấy một bóng đen chui từ cái trổ tre nhà bà Thêu chạy ra đồng. Chúng tôi đuổi theo đến bờ sông, thì đánh ùm một cái rồi mất hút. Chúng tôi đứng trên bờ sông, chờ kẻ kia lặn hết hơi sẽ ngoi lên. Đứng mãi vẫn chẳng thấy gì. Chỉ có ma nam mới biến mất tăm như vậy. Hoặc là chỉ có những người bắt tôm bắt cá, thạo sông nước, bơi lặn như rái cá mới có thể trốn lủi dưới nước, thoát khỏi con mắt của chúng tôi...”. Tuần phiên chẳng dám nghi ngờ ai, bởi vì giới sông nước nhất làng này, kẻ có tài lặn vài mươi phút như rái cá ở làng này chỉ có độc nhất anh Lắm, chồng cô Thì, con rể bà vãi Thầm. Tuy nhiên, anh này xấu xí quá, người đen như cột nhà cháy, tóc tai bù xù bần thiu, lúc nào cũng đội chiếc nón mê và lăn lộn ngoài đồng. Kể ra, tay này cũng là loại dê cụ, tuy nhiên chẳng dám chàng màng tới bà Sáu, vợ cụ chánh. Hơn nữa, người đàn bà nồn nà như bà Thêu có khi nào lại dính dáng tới con người xấu như ma lem ấy... Anh Lắm bị loại khỏi vòng nghi ngờ của xóm làng. Chỉ riêng Rêu, cô vẫn ngờ vực. Đã ngờ vực thì phải hỏi cho ra nhẽ. Rêu nghĩ như vậy. Rêu hoàn toàn khác mọi người. Cô không sĩ diện. Nếu thật quả là đúng, thì cô có một người cha như vậy cũng chả sao.

Có thể nói, ông Lắm sống hoang dã, màn trời chiếu đất. Suốt đêm ngày, ông trụ ở ngoài đồng. Có khi vài ba hôm ông mới trở về nhà. Mỗi ngày, chị Thì mang cơm cho chồng hai lần. Bữa thứ hai, lúc trời đã tối

nhẹm. Ở ngoài đồng, thỉnh thoảng lại nhô lên một gò cao. Anh Lắm thường thả lờ, đặt đơm, đặt đó vào ban đêm. Mệt thì lăn ra ngủ trên gò, trùm hum chiếc áo tơi che muỗi. Chừng hai canh giờ lại choàng tỉnh, đi nhắc đơm nhắc đó.

Do vậy nên một tối, Rêu lội xuống tìm đến Gò Mả Quan để gặp ông Lắm. Gò Mả Quan nằm liền kề khu đồng Độc. Đồng Độc là một dải ruộng sâu, nơi tôm cá khắp vùng dồn tụ cả về, nơi ông Lắm hàng đêm vẫn đặt lờ, đặt đó.

Lúc ấy, chị Thì vừa mới mang cơm ra đồng cho chồng ăn xong, chị đổ giỏ tôm tép vào cái rổ rời cặp nách đem về. Chị không quên mang ra cho anh Lắm lưng cái chai con chùng hai chén rượu. Chị thỉnh thoảng và chỉ có ngữ thể thôi. Trăng đầu tuần như chiếc liềm sáng treo trên bầu trời thưa sao trong vắt. Anh Lắm giữ lại mấy con tôm kèn to bằng ngón tay, nhảy tanh tách trong giỏ. Anh nhắm rượu với tôm sống chấm muối ớt. Trông thấy cô bé Rêu gầy gò mảnh khảnh ngồi trước mặt mình, hình như anh không lấy làm lạ. Cô bé lúng túng mãi không biết nên vào đề như thế nào. Cô lại hỏi một câu chẳng ăn nhập gì cả:

- Bác ăn tôm sống như vậy có tanh không?

- Không đâu cô ạ. Lại ngọt là đằng khác. Cô có biết không có lúc làm nhiều, đói quá đến thắt cả ruột, tôi ăn cả cá sống, cua sống. Cũng may, ở đằng kia có lãng Quan Nghè. Đây là mả một ông quan to ngày xưa. Nhờ có cụ phù hộ nên tôi kiếm ăn ở đây cũng được. Ở đây có mấy bụi đình lãng, nhón vài hạt muối, một quả ớt chỉ thiên đưa tất cả vào miệng mà nhai cho kỹ. Ôi chao! Vừa ngọt, vừa bùi, vừa cay cay, mặn mặn. Ngon ơi là ngon! Ngon tuyệt trần đời! Ăn tới đâu, khỏe người tới đó...

Ông Lắm nói xong, cười giòn. Rêu cũng cười. Tiếng cười xóa tan sự lúng túng ban đầu, làm Rêu thấy thoải mái, thấy con người hoang dã ấy cũng chẳng có gì đáng sợ. Ông Lắm tợp một ngụm rượu, rồi bảo:

- Cô định hỏi tôi điều gì phải không? Cứ nói đi. Đừng ngần ngại gì cả... À... mà chắc cháu lại nghe dân làng người ta đồn đại gì rồi phải không? Đừng có nghe. Nhảm! Tất cả đều nhảm!

- Cháu khổ tâm lắm bác ạ. Chẳng biết dân làng nói đúng hay là nói sai, nhưng thật sự cháu rất khổ tâm... Bác ơi!... Thực sự cháu muốn có cha... Cha cháu là ai cũng được... Miễn là cháu có cha... Bác Lắm ơi! Cha cháu là ai? Bác đã ở đây lâu... Đêm nào bác cũng ở ngoài đồng... Người ta bảo chỉ có bác là biết thôi... Cháu van bác đấy... Bác nói cho cháu khỏi nghi hoặc... khỏi khổ tâm... cháu rất cần biết... Dù cha cháu là người nghèo khổ cũng không sao... Cháu thề với bác đấy... Dù cha cháu thế nào cháu cũng vẫn yêu mến... kính trọng.

Ánh trăng mờ thượng tuần chiếu vào mặt cô gái, ông Lắm nhìn thấy những giọt nước long lanh trong đó. Giọng cô gái run lên, van xin:

- Bác ơi! Xin bác nói đi... Hay là... Hay chính bác là cha của cháu... Người ta bảo trong làng Sọ, chỉ có bác là người có thể lặn sâu dưới nước... rất lâu mà không cần thở... Bác Lắm ơi! Bác nói đi! Có phải sự thật là thế phải không?

Người đánh cá ngồi im như trời trồng, nhìn cô gái hiền hậu đang trong cơn mê sáng. Nghĩ rất lâu, mới lên tiếng:

- Cháu bình tĩnh lại đi. Đây là việc rất hệ trọng nên cháu không nên nghe những lời nói nhảm... Cháu tốt bụng, cháu hiền như một cô tiên... Nếu cháu là con... Còn gì sung sướng cho ta hơn. Nhưng cháu tin ta đi... Ta thề có trời đất... Cháu không phải là con ta... Cháu nhìn kỹ ta mà xem. Ta đen đui... Đầu tóc như tổ quạ... Người ngợm mặt mũi lúc nào cũng lấm bùn đất... Còn cháu thì sao? Cháu xinh đẹp... Cháu tốt bụng... Trời đất sinh ra hiếm có ai như cháu. Con phải thật bình tĩnh mà thử nghĩ xem: Liệu một người xấu xí như ta có thể sinh ra một đứa con như ngà như ngọc hay không? Huống hồ đối với cụ chánh, đối với họ Nguyễn, ta lại là người chịu

ơn... Cháu biết không, cái bận ta đói khát từ Thái Bình đến làng này, cụ chánh đã rủ lòng thương, nhận ta vào làm thợ cày. Có như vậy, ta mới không chết đói. Có như vậy, ta mới lấy được vợ, rồi sinh con đẻ cái...

Ông Lãm ngừng lời một lát như để suy ngẫm, như để hồi tưởng lại những chuyện rất xưa, rồi mới nói:

- Cái khổ là cháu nghe lời nói nhảm. Cả đến cụ chánh Long cũng tin vào lời nhảm... Cái dạo ấy vào hồi trước Cách mạng, Việt Minh hoạt động rất ráo riết. Cụ chánh Long tuy làm chánh tổng, nhưng là người học chữ thánh hiền, lại là học trò của sư cụ ngày xưa, thầy sư cụ Vô úy bây giờ, nên chẳng màng gì đến chuyện đời. Riêng ông lý Phụng, con cả của cụ chánh thì khác. Ông ta rất năng nổ đôn đốc đám tuần phiên; đêm nào tiếng tù và cũng tí u vang lên khắp cánh đồng. Đến như ta làm nghề đơm đó, chuyên sống về đêm, ông ta cũng cấm không cho đi đêm. Ta phải lạy van mãi, xin nộp cho làng mỗi tháng một đồng bạc, ông ta mới cho phép, nhưng hạn chế chỉ được kiếm ăn ở cánh Dộc này, chứ không được đi lung tung. Đêm hôm ấy, ta nghe tiếng tù và vang lên dồn dập ở phía cánh đồng gần nhà cháu. Ta không mục kích cuộc rượt bắt. Tuy nhiên, ta nghĩ rằng có thể là cuộc rượt bắt khác. Chẳng ai nhìn thấy, nhưng có thể vì đêm tối mịt mờ, người ta có thể hoa mắt nên bảo rằng có bóng đen từ cái trổ tre nhà cháu chui ra. Cũng có thể người ta nói thế vì mục đích khác thì sao? Nhà giàu, lắm của, lắm vợ, lắm con. Chỉ có giới mới biết đích xác... Tuy nhiên, cháu phải tin bác đi... Cháu giống mẹ như hai giọt nước, cháu chẳng giống người đàn ông nào mà bác biết... Cho nên bác tin chắc rằng đích thị cháu là con cụ chánh Long... Mấy lại... cháu cũng giống cụ chánh đấy chứ. Cụ chánh đàn rất hay... Còn cháu hát như con chim họa mi... Người ta bảo: “Con nhà tông chẳng giống lông, cũng giống cánh” mà...

Sau cuộc gặp gỡ với ông Lãm ở Gò Mả Quan, Rêu được nghe lời phân tích của ông, cô gái lại nhen lên trong lòng một niềm hy vọng khác. Cô gái tìm cha đã làm một hành trình thật lạ. Mới đầu, là cuộc du hành bốn

phương trời, đem tiếng hát để đi tìm một người cha không tên, không họ. Đi một vòng, để rồi lại quay về điểm xuất phát, để kiểm chứng lại cái người đã không thừa nhận, đã bán tín bán nghi dòng máu của mình.

Cũng có thể nói đây là cuộc du hành cuối cùng của con chim họa mi, của cô em nhỏ bé nhất trong lớp học làng tôi, cuộc du hành của đứa con đi tìm cha.

Lúc ấy, ở khắp vùng trong huyện, làng quê đều đang nôn nao, hăm hập như con người sắp lên cơn sốt. Người ta bảo đợt tới, làng Sọ sẽ làm cải cách ruộng đất. Những làng ở huyện bên cạnh đã làm rồi. Cho nên, tuy chưa trải qua, người ta đã biết hết cải cách sẽ tiến hành ra sao, có những bước thế nào. Người ta nghe ngóng, người ta đồn đại, người ta tự liên hệ bản thân, ai ai cũng ang áng biết mình sẽ thuộc thành phần nào, gia đình nào sẽ lên thẳng phú, thẳng địa, gia đình nào sẽ là cố nông, bần nông. Kê lo, người mừng. Tuy nhiên, người ta cũng hiểu rõ một điều, nhưng điều đoán định ấy chỉ là tương đối. Sẽ không như sách vở đâu. Còn rất nhiều điều bất ngờ. Bởi vì còn có chuyện tố khổ. Người lương thiện tố khác. Người ác độc lại tố hoàn toàn khác. Chỉ vì một lời tố bâng quơ nào đó, anh cố nông cũng có thể trở thành phản động, hay một nhà nông nghèo cũng có thể lên thành phần bóc lột. Cho nên, người dân quê, trừ những kẻ đặc thời, đều gài chặt cửa ngòi nhà, và khóa cả mồm cả miệng. Ở thời này ít nói là hơn. Chỉ một lời sảy miệng có khi mang vạ vào thân. Và nhất là chẳng nên đi lại với những nhà có máu mặt. Thì thật, thân thiết với kẻ khác có khi cũng là tội lỗi.

Thầy tôi, sư cụ Vô úy, đêm nào cũng tụng kinh tới quá nửa đêm. Thầy tôi bảo: “Nộ khí, sát khí đang dâng cao. Nó có thể thấm vào ta. Thầy hiểu những tụng niệm của thầy chẳng hề có thể làm tan bầu khí nặng nề. Song, ít nhất, nó cũng an cái tâm cho thầy, nó cũng ngăn những xung khí ấy thấm nhiễm vào người ta, và qua những lời kinh, thầy trò ta cũng nhận được

luồng từ lực của chư Phật hộ niệm cho chúng ta, giúp ta có được lòng kiên trì nhẫn nhục để vượt kiếp nạn”.

Trong những ngày ấy, Rêu hay lên chùa. Nó càng lúc càng thân với tôi hơn. Tới mức, có gì trong lòng nó đều thổ lộ cho tôi hết. Tôi đã nói, Rêu rất trong sáng. Có thể cô bé trong vắt. Mà nhà chùa cũng là một nơi chốn trong vắt ở thế gian này. Có lẽ nói chuyện với Phật rất khó. Chỉ có những người đắc đạo mới có thể nói chuyện với Phật. Bởi vì khi ấy độc thoại được biến thành đối thoại. Chắc vì thế nên Rêu mới tìm đến nói chuyện với tôi. Dù sao, tôi cũng là người ở chùa. Rêu nghĩ tôi gần Phật hơn. Một bận, Rêu bảo:

- Chập tối hôm qua, ông chánh đến nhà em... Mẹ em không tiếp, bà đuổi ông ấy về. Trông ông chánh đi lúi cúi, cái đầu gục xuống, thật thương anh An ạ...

- Tại sao bà Thêu lại đuổi?

- Chắc mẹ em sợ liên lụy. Bà muốn cắt đứt với địa chủ. Có người nói với mẹ rằng vợ thứ sáu thì không phải là địa chủ. Vẫn là thành phần lao động. Bà ngoại em bần nông, vậy mẹ em cũng là bần nông... Anh An ơi! Bây giờ em phải thế nào hở anh.

Tôi ngẫm nghĩ và nhớ đến lời thầy tôi dạy. Tôi đem lời ấy nói với Rêu:

- Trong cuộc bể dâu này, chẳng có ai thoát nổi. Nó động chạm đến khắp mọi người. Kẻ gặp may, được ưu ái thì tâm hồn cũng vấy bẩn, có khi còn ân hận cả đời. Kẻ bất hạnh không gặp may thì sẽ gặp bước gian truân, lưu ly. Sẽ tai qua nạn khỏi tất cả, chỉ miễn là giữ được cái tâm trong sạch, từ bi...

Chẳng biết lời của thầy tôi giúp được Rêu tới đâu. Chỉ biết rằng bà Thêu cứ dặn đi dặn lại con gái phải tuyệt nhiên không được liên hệ với ông

chánh, nhưng cô con gái đã làm ngược lại lời bà. Bởi vì cô Rêu nghĩ việc cải cách này không phải là điều cô quan tâm nhất. Cái cô quan tâm nhất là việc cô đi tìm một người cha. Cuộc nói chuyện với ông Lắm ở Gò Mả Quan đã làm cô nghĩ lại và hy vọng. Hơn nữa, vào cái lần bà Thêu đuổi ông đi, cô bé nhìn ông cúi đầu ra ngõ, cái đầu cúi xuống, cái lưng còng còng... Cái dáng tha thui nhẵn nhụi bỗng làm lòng trắc ẩn dâng lên trong cô... Nhờ ông ấy thực là cha ta thì sao? Có thể lắm chứ. Sao tìm ta, nhìn thấy ông như thế, cứ thấy phập phồng đau xót... Hay là trái tim mạch bảo... Rêu đã kể với tôi như vậy với con mắt buồn đến nẫu ruột. Tôi bảo Rêu: “Trái tim đã mạch bảo thì cứ thế mà làm”.

Một lần, Rêu đột ngột đến nhà ông chánh. Cô đi vào Ngõ Lớn. Ngõ Lớn là ngõ to nhất làng Sọ. Ngõ cạnh đình, nối với trục chính trong làng. Sở dĩ ông chánh làm Ngõ lớn chỉ vì muốn ô tô đi đến tận cổng nhà mình, để tiện cho việc đi đến của các quan tỉnh, quan huyện. Ngõ được làm từ thời cụ phủ (cụ làm quan phủ), cụ thân sinh ra ông chánh. Ngõ Lớn chỉ có một nhà, nó là ngõ riêng của gia đình ông chánh. Hai bên ngõ trồng tre. Tre châu đầu vào nhau, tạo thành một vòm cung màu xanh trên đầu. Trẻ con trong làng không đứa nào dám quấy phá, lại luôn có một gia nhân chuyên sửa sang buộc bụi.

Cuối ngõ là cái cổng gạch xây theo kiểu cổ ở các làng quê. Một bụi xương rồng lạ, gốc ở trong, leo lên mái ngõ, rồi tỏa những cành xanh từ trên cao rủ xuống, như những cánh tay cong cong. Tất cả tạo nên cho Ngõ Lớn một vẻ rất độc đáo và duyên dáng. Chả thế mà các quan lớn ở trên về, ai ai cũng phải tấm tắc khen ông chánh là kẻ có con mắt sành sỏi, biết biến hóa, làm cho những thứ rất quê mùa trở thành diễm lệ.

Đây là chuyện ngày xưa, thời mà ông chánh, ông bá Phượng còn là những ông vua con trong làng. Còn bây giờ, cái ngõ tre rộng đầu còn như trước, cỏ hoang đã đâm lên từ kẽ gạch. Hai dãy tre vàng không được sửa sang, tỏa nhánh tùm lum tua tủa. Bóng dáng con người chỉ còn dấu vết ở

một con đường mòn nằm giữa nền gạch. Thường dễ đã mấy năm rồi Rêu chưa đặt chân trở lại đây. Sự xa cách giữa ông chánh và mẹ con Thêu - Rêu xảy ra từ từ. Hồi bé, Rêu nhớ cứ mười ngày ông chánh lại đến với mẹ con cô. Những bữa ấy vui lắm. Rêu được ngồi trong lòng ông, khi ông uống rượu. Bà Thêu làm mắm tép rất khéo. Mà ông chánh thì lại thích thức ấy. Bà Thêu thường mua chân giò thái mỏng ra rồi thái những lát khế, lát chuối cho ông chấm mắm tép đỏ au. Những lúc ấy, ông chánh rung đùi tít lên, vuốt má Rêu và âu yếm khen Rêu là con gái xinh. Nhưng rồi, những bữa ăn ấy cứ thưa dần, thưa dần. Cuối cùng bật hẳn.

Cái bận cuối cùng Rêu đến nhà ông chánh cách đây chừng mấy năm. Vào ngày giỗ cụ phủ thì phải. Hồi ấy, Rêu còn nhớ như in, vì vừa vào ngõ Rêu đã bị ba bốn con chó to xõ ra vây quanh. Rêu khóc thét lên. Và nếu không có Hiếu chạy tới thì có lẽ Rêu đã bị lũ chó phanh thây. Từ bữa ấy, Rêu không đến nhà cụ chánh, người mà cô vẫn gọi bằng thầy.

Rêu đứng trước cánh cửa lim gọi to song chẳng có ai thưa. Rêu vẫn sợ đàn chó như đàn hùm dữ. Cô tần ngần nhưng cuối cùng cũng đẩy cánh cửa lim. Cô giơ tay đẩy. Cánh cửa không cài then. Nó nặng nề xoay cọt két trên cái trôn bát. Rêu hồi hộp, giữ thế thủ chờ đàn hùm dữ. Tuy nhiên, lại chỉ có một con chó trắng tinh, lông lồm xồm, đứng phe phẩy cái đuôi lá cờ, rồi sủa gâu gâu. Tiếng sủa chẳng có gì hung dữ, mà lại như âu yếm. Hóa ra con chó chỉ là cái chuông báo hiệu. Ông chánh lồm khộm, ho sù sụ từ sân sau bước ra. Khu nhà mệnh mônng tòa ngang dãy dọc nên Rêu phải đứng chờ một lúc trước con chó trắng. Con chó sủa nhưng vẫn đứng im, phe phẩy lá cờ đuôi, cái mũi đỏ hếch lên nhìn Rêu. Cô hỏi nó:

- Mà có phải con chó ma, mà dân làng cứ đồn ầm lên phải không? Chó ma ư? Mà xinh đáo để.

Cô đang định làm thân với con chó trắng thì ông lão đến. Ông nói hiền lành:

- Rêu đấy ư? Rêu đã đến đây ư? - Ông nói run run. Đôi mắt già như sáng lên. Ông lẩm bẩm - Ừ... nó cũng đến. À, mà phải... Con chó này không phải chó ma đâu... Lũ chó dữ... chúng bỏ đi hết rồi. Con nào không bỏ đi ta cũng cho người ta. Chỉ giữ lại con này... để nó làm bạn. Nào... vào đây... con vào đây...

Rêu lặng lẽ bước vào gian nhà khách, rón rén ngồi vào chiếc tràng kỷ. Cô ngạc nhiên khi cảm thấy bộ óc mình như rỗng không. Bao nhiêu câu cô định hỏi bỗng nhiên bay đi đâu mất. Ông lão hình như cũng lúng túng như cô. Ông hỏi những chuyện vãn vơ. Hỏi làm văn công cô đi những đâu. Hỏi khi bị bệnh cô điều trị ở đâu. Rồi ông bảo ông mừng vì bệnh lao là một trong tứ chứng nan y. Và khoa học ngày nay tài quá. May mà cô sinh vào thời bây giờ nên bệnh mới khỏi. Riêng chủ đề bà Thêu, rồi chuyện vợ chồng, cha con ra sao, cả hai đều như muốn lãng xa không động đến.

Rêu nhát gừng trả lời ông lão. Cô lơ đãng nhìn lên tường nhà. Ở đấy, treo hai cây nguyệt cầm cổ và một cây nhị. Cô bỗng dừng nhớ lại một kỷ niệm:

- Hơn một năm con đi văn công, rồi đi chữa bệnh, con cũng học đàn nguyệt. Nhất là năm sáu tháng ở bệnh viện, con gặp một ông thầy đàn. Ông ấy đã dạy con...

- Thế ư? Ta cũng nghe dân làng bảo con hát rất hay. Không ngờ con còn biết đánh đàn...

Ông lão đứng dậy, lấy cây đàn treo trên tường xuống, đưa cho Rêu. Cây đàn rất đẹp. Cần đàn, sườn và lưng hộp nguyệt màu cánh gián có vài hình khảm xà cừ óng ánh, căn phòng khách nhiều bụi, riêng cây đàn sạch bong, cầm cây đàn, tự nhiên mắt ông già long lanh:

- Con thử đánh ta nghe một khúc xem sao.

Rêu ngần ngừ định từ chối, nhưng rồi nghĩ một lát, cô bằng lòng nhận lời. Ông chánh vốn nổi tiếng đàn nguyệt, cả làng ai cũng nói thế, song thực ra Rêu chưa bao giờ được nghe ông chơi. Tuy thế, nhìn cây đàn, cô biết trước mặt mình là một tay đàn lành nghề, một thầy đàn. Nhất là trước khi đưa cây đàn cho cô, ông đã dạo lên một đoạn lưu không... Ôi chao! Tiếng ngọt ngào. Ôi chao! Ngón tay như bay, như múa.

Tự nhiên cô run run sợ hãi. Cuộc gặp gỡ hóa thành cuộc khảo đàn.

Ông già có lẽ hiểu cô đang nghĩ gì. Ông khích lệ động viên Rêu:

- Con đừng ngại. Thầy con dạy thế nào, con cứ làm thế ấy.

Ông già tròn đôi mắt khi Rêu tháo tung tất cả dây đàn rồi lắp lại theo ý cô. Đàn nguyệt có bốn trục vặn nhưng chỉ có hai dây đàn thấp và cao. Ông già à lên một tiếng khi thấy cô đảo chỗ giữa hai dây. Thì ra cô thuận tay trái. Ông cũng gật gù khi thấy cô vấp chân chữ ngũ, nghiêm chỉnh sửa soạn chỗ ngồi, cái cổ vươn lên kiêu hãnh mà sang trọng. Khi hát, đôi mắt cô nhìn xa xăm long lanh duyên dáng. Cô vừa đàn vừa hát điệu Cờn:

Nhớ lời Mẫu gọi cô lên

Một tin gần bó hai tin hẹn hò

Mẫu dặn cô điều nhỏ tiếng to

Hương thơm huê ngát thơm tho lạ lùng

Tấu cô thương lấy ghế cô cùng...

Ông chánh tươi tỉnh khi cô dứt tiếng hát. Ông lấy cây đàn thứ hai từ trên vách xuống rồi vừa nhấn phím vừa chỉ vẽ cho cô:

- Ta hiểu rồi, ông thầy đàn của con vốn là một ông cung văn. Chắc ông ta là một thầy đàn nguyệt điêu luyện nên ngón đàn của con tuy còn chút

ngõ ngang nhưng rất vững vàng. Con nên biết đàn nguyệt không chỉ riêng dùng cho hát chầu văn... Ngâm thơ... hát chèo... ca Huế đều dùng đến nó cả. Bởi vậy muốn chơi nguyệt cho hay, phải biết tất cả các loại dân ca. Thạo tất cả mới có thể pha trộn uyển chuyển, biến báo linh hoạt làm cho tiếng đàn thật mềm, thật nhuyễn. Người đánh đàn hay như rót mật và tai người nghe. Muốn lấy nước mắt của người đời cũng được. Muốn người ta vui tươi nháy nhót cũng được. Nhưng người đánh đàn hay nhất là người biết rót lòng mình vào tiếng đàn...

Chẳng biết ông già nói với riêng mình hay nói với cô gái nữa. Còn đối với Rêu, đây là lần đầu tiên cô được nghe những lời nói dài như thế từ một người, mà trên danh nghĩa, là cha cô. Chẳng những nghe lời nói mà còn nghe tiếng đàn của ông. Lời nói đã đành... Những tiếng đàn mới thực là tâm tình. Ôi! Tiếng đàn hôm ấy! Sao nó náo lòng lắm vậy. Tiếng đàn lúc buổi chiều tà. Tiếng đàn oi bức của một bầu trời trước cơn dông bão... Ngồi bên cạnh là một cô bé đi tìm cội nguồn, với nỗi tư vò trong lòng, với những câu hỏi trong đầu óc còn chưa kịp mở ra. Con chó trắng, con chó ma thì nằm dưới đất. Con chó cũng như tư lự. Nó đặt mõm gối vào hai chân trước. Con chó cũng biết nghe đàn ư? Khi dứt tiếng đàn, ông lão cũng bừng tỉnh. Bấy giờ ông lão mới quay trở về, nói đến tiếng đàn của cô:

- Tiếng đàn ở khu vực giữa lúc hòa vào tiếng hát là được. Còn ở giữa hai trổ hát, lúc đó tiếng đàn một mình tung hoành ở khu vực cao; đó là lúc người chơi đàn khoe ngón của mình. Tiếng đàn lúc này phải réo rắt, phải uyển chuyển tinh tế, vì giọng hát khi ấy đã dứt rồi. Tiếng đàn chẳng thể nương tựa trốn lủi vào giọng hát nữa. Giọng hát của người đàn càng hay thì khúc lưu không phải càng hay mới cân xứng... Người ta bảo con có giọng hát họa mi. Ta thấy đúng và mừng cho con. Tuy nhiên khúc lưu không thì chưa ổn. Con chưa khoe được tiếng đàn.

Ông già ngừng một lát rồi tiếp.

- Con thích giọng Cờn... Ta hiểu con thích cái gì là điệu dàng đẹp đẽ. Ta biết con thích sự duyên dáng thanh cao. Trong hát văn có một điệu có tính chất như vậy. Nó cũng uyển chuyển cũng tươi tắn. Nghe nó lòng người lâng lâng... Đó là điệu Phú. Thế này là Phú... thấy chưa? Chính khúc là thế này... Còn biến cách thì có phú bình, phú chên, phú dựng, phú đồn... Con thích có phải không?... Ừ... ta sẽ dạy con... Dạy cái làn chính thôi... Học cái chính... sau đó biến cách thì con sẽ phải tự lần mò... Con phải học ba buổi... Tính nhanh như con cũng phải ba buổi.

Thế là cái Rêu đi tìm một câu trả lời. Song câu trả lời lại là một bài đàn.

Cuộc gặp gỡ giữa ông chánh và Rêu mãi sau này tôi mới tường tận qua lời kể của Rêu và của ông lang Khoái. Cụ chánh, ngoài chuyện là con bệnh thường xuyên, còn là người bạn đồng tuế và tri kỷ của ông lang Khoái. Chơi với nhau từ lúc để chỏm cho đến cuối đời. Lần gặp gỡ cuối cùng của họ vào lúc xóm làng rục rịch đi vào cuộc cải cách long trời lở đất ở chốn thôn quê. Ông lang nói: “Hôm ấy ông ấy xách chai rượu đến. Ông ấy bảo chai rượu này là chai rượu cúc cuối cùng tự tay ông nấu. Rượu cúc được chôn hàng năm dưới đất hẩn hoi. Ông ấy bảo còn vò rượu quý, không uống cũng phí. Ông phải uống hàng ngày, uống thật say. Uống hết vò rượu này thì sẽ cười hạc vân du về cùng tiên tổ. Ông vẫn có một chuyện cứ canh cánh trong lòng. Nhưng đến hôm nay, ông đã hết băn khoăn. Đi được rồi, đi được rồi. Ông ấy cười khà sáng khoái, nhưng khi hỏi chuyện canh cánh là gì thì ông không nói. Ông ấy chỉ cầm tay tôi lắc lắc và nói lời cảm ơn đã chữa bệnh cho ông ấy khỏi. Tôi đã chữa cho ông ấy khỏi bao nhiêu lần mắc bệnh trong đời rồi. Đâu chỉ có một lần. Tôi nghĩ rằng ông ấy say rồi. Mà đúng là ông già đã say vì ông lại quay sang một câu chuyện khác. Ông khoe rằng mình vừa mới nhận một cô học trò đánh đàn nguyệt. Cô học trò đặc biệt. Ông chỉ làm mẫu rồi giảng giải sơ qua, cô ta đã nắm được ngay. Rất xuất sắc. Mà lại đánh hết như ông mới lạ chứ... Bây giờ thì ông mãn nguyệt rồi... Đã có truyền nhân rồi... Ông có thể nhắm mắt được rồi ”

Lời kể của ông lang Khoái mờ mờ tỏ tỏ như vậy đó Còn sau đây là lời kể của Rêu với tôi:

- Ông chánh hện với em rằng sẽ dạy đàn cho ba buổi. Song chỉ đến buổi thứ hai ông đã bảo em rằng thế là tốt rồi em không cần học thêm nữa. Ông đuổi đi, nhưng em cứ ngồi ì ra. Ông rên rỉ: “Thầy đã hết chữ rồi. Con còn muốn gì nữa. Thế là được rồi. Con như thế là thầy hài lòng rồi. về đi! Kéo mẹ mày không hài lòng, về đi! Kéo rồi rước vạ vào thân”. Em vẫn cứ ngồi ì bởi vì anh biết mục đích của em đâu phải học đàn. Ngồi im mãi cuối cùng em cũng đánh bạo nói ra: “Thầy có hận mẹ và con không?” - “Trước thì có. Bây giờ thì không”. Em lại hỏi “Điều thứ hai con hỏi thầy phải nói thật. Có đúng con là con ruột của thầy không. Điều này làm con rất khổ tâm. Con rất muốn biết”. Đến câu này thì ông im lặng một lúc lâu sau mới trả lời: “Chuyện ấy chính ta cũng không biết nữa. Nhưng có quan trọng gì đâu hở con. Bao giờ ta cũng yêu con. Bây giờ ta càng yêu con hơn, bởi vì... con đánh đàn rất giống ta. ” “Sao

thầy cứ vòng vo mãi không trả lời ý chính. Con hỏi lại, con có đúng là con ruột của thầy không?”. Ông già như bứt rứt ngập ngừng, để cuối cùng hỏi lại Rêu: “Thế con đánh đàn như thế nào?”? “Thầy đã chẳng nói con chơi đàn giống hệt như thầy sao”. “Đúng, nhưng con đánh bằng cách nào”. “Con đánh bằng tay trái”. “Họ Nguyễn nhà ta chưa có người nào thuận tay trái... Nhưng dù sao con vẫn là truyền nhân của ta”. Nói xong ông đứng dậy, ra vườn rồi bảo em: “Thầy van con. Đừng bao giờ quay lại đây nữa. Con hãy nghe lời mẹ”. Con chó trắng đứng lên sủa như để tiễn em. Em trở về nhà cứ ngẫm nghĩ mãi. Lạ chưa! Em nhận được câu trả lời rất mù mờ, nhưng kể từ hôm ấy, lòng em hết băn khoăn. Ý em đã quyết.

Cuộc gặp gỡ ấy xảy ra khoảng một tháng trước khi đội về. Sau đó ông già không tiếp Rêu nữa. Cô đến, nhưng cái cửa lim cài then chặt. Gọi như hò dò cũng chỉ có tiếng con chó trắng, con chó ma đáp lại. Mà tiếng sủa lại còn gặt gồng nữa chứ. Từ đấy, Rêu đành hỏi thăm tin tức ông cụ qua cô

cháu gái, tức là Hiếu. Một bạn Hiếu đưa cho Rêu chiếc dây chuyền bằng vàng:

- Ông gửi cho cô cái này để làm kỷ niệm. Cô đừng buồn. Trong nhà mình ông yêu quý cô nhất đấy.

- Ông cụ nói vậy sao?

- Không, ông chả nói ra lời nhưng cháu biết. Bởi vì, lần nào ông cũng hỏi về cô. Lại hỏi thật tỉ mỉ. Và nói về cô ông lại thở dài.

Ngày hôm đội về, ông đã bị bắt. Đến nhà thăm, du kích gác đuổi quây quây:

- Này cái Rêu, mày điên đấy à? Được đội xét cho vào thành phần nông dân là phúc bảy mươi đời rồi. Phải dứt khoát cắt đứt với thằng địa chủ em ạ. Mày đừng có lảng vảng đến đây. Không sợ liên quan hay sao. Không sợ đấu tố hay sao.

Bà Thêu cuối cùng được bắt rể. Hôm tổ khổ ngoài đình, bà tổ rất hăng rồi ngất đi hàng giờ. Phải giật tóc mai, phải hít nước đá quý. Mãi mới tỉnh. Từ đấy anh đội Khoát rất thân với gia đình. Anh Khoát thường xuyên đến nhà bàn công việc. Thậm chí có lúc ăn cơm. Bà Thêu lại lấy chai mắm tép đỏ au ra. Bà khoe tài nội trợ, thái những miếng chân giò mỏng như tờ giấy, tìm những quả chuối thật chín, thật xanh, quả khế thật chua, cút rượu thật thơm, thật mềm môi để cho anh đội say đứ đừ. Để rồi sau đó họ cười sảng khoái với nhau... Những khi ấy, Rêu thấy lộn ruột. Cô bỏ nhà ra chùa để ngủ với chị Nguyệt, với bà Thâm... Thêu phản ứng tuy không ra mặt, nhưng chẳng có thái độ nào qua mắt được dân làng Sọ. Họ bảo:

- Hôm tổ khổ ngoài đình, cái Rêu nó khóc. Nhưng nó không khóc vì căm thù thằng địa chủ. Nó khóc thương cho bố nó đấy.

- Sao bảo nó không phải con lão chánh?

- Ai biết được chuyện ma ăn cỗ. Là âm mưu của người ta thì sao.
- Cũng lạ thật. Mà cũng đừng bép xép. Anh đội bênh nó lắm đấy.

Anh Khoát đến nhà, gọi Rêu ra, giảng giải:

- Đúng là cháu chưa dứt khoát, chưa căm thù, chưa giác ngộ giai cấp. Cháu có biết là ta đã bao che cho cháu thế nào không. Cắt đứt tình cảm đau thật đấy. Nhưng có thế mới là giác ngộ. Và có giác ngộ mới tiến lên được trong cuộc đời. Vả lại cháu có biết không. Người ta bảo cháu không phải con ruột của lão chánh. Càng nhẹ nợ chứ sao. Cháu cứ yên trí đi. Nếu cháu muốn, ta sẽ nhận cháu là con nuôi. Cháu nghĩ cho thật kỹ. Nếu cháu là con nuôi của ta, lúc ấy sẽ chẳng có ai trong làng dám nói ra nói vào nữa.

Rêu chẳng nói một lời, cô lặng lẽ bỏ nhà ra vườn chùa. Bà Thêu thì rên lên.

- Con ơi là con! Có phúc chẳng biết hưởng phúc. Sao con cứ tự đường quang đâm vào bụi rậm.

Đấy là tối hôm trước. Sáng hôm sau, người ta đưa chánh Long ra đấu diễn hình toàn xã. Chánh Long là ác bá, địa chủ cường hào có nợ máu. Ông sẽ bị xử bắn.

Tòa án nhân dân được thiết lập trước cửa đình làng Sọ. Người ta thiết kế hẳn một cái bục cao, rồi kê bàn ghế lên trên, đó là nơi quan tòa ngồi. Sau lưng bục, làm giàn giáo để đỡ chiếc phông to màu đỏ chói và những khẩu hiệu màu vàng rực rỡ. Dây bàn quan tòa ngồi bịt kín đằng trước bằng giấy hồng điều.

Vì đấu trường chỉ chứa được một số người nhất định, mà cuộc đấu lại toàn xã, nên từng xóm phải chỉ định từng người đi dự đấu. Mười lăm xóm, mười lăm khu vực. Cộng thêm một khu vực dành riêng cho gia đình con em các thành phần bóc lột. Bọn này cũng phải dự, bởi vì xử án chỉ là xử

những tên đầu sỏ mắc nợ máu với nông dân; nhưng còn gia đình chúng, con cháu chúng, phải cho bọn này xem để chúng biết khí thế của nông dân, để cho chúng hiểu thời của chúng nó đã hết, để mở ra cho chúng một con đường cải tạo. Phải làm tiệt nọc hận thù, không cho chúng dám, có lúc nào đó, thừa cơ góc đầu dậy, phải làm cho đầu óc chúng nhớ như in điều này: “Hàng thì sống, chống thì chết”.

Số người dự chỉ có hạn, nhưng số người đi xem thì đông vô kể. Có thể nói gấp đôi số người dự. Hầu hết đám thanh niên, đám trẻ con trong xã đều có mặt. Họ ở vòng ngoài. Đám người dự ngồi bệt xuống đất, có hàng có lối, tương đối trật tự. Còn đám đi xem ở vòng ngoài thì đứng. Họ ăn nói lao xao, bàn tán đủ điều, nói chung thiếu trật tự. Họ cũng không giác ngộ gì đâu. Đi xem cốt là xem xử tử. Giết người, lại giết công khai, tấp lự, có bài có bản. Giết một con bò đã ghê, giết một con người, hăn ghê gớm lắm. Đây là một dịp hiếm xảy ra, có một không hai trong đời người ta. Không đi xem cũng phí.

Sự chờ đợi cái nút cuối cùng, tức là cuộc xử bắn địa chủ hôm nay thật căng thẳng. Căng thẳng bởi vì giết một con người là điều dân làng thực tình không ai muốn, tuy nhiên, trong thâm tâm, đi xem giết người, thì ai cũng muốn được mục kích. Đám trai trẻ hỏi lẫn nhau. Người bị xử bắn có giã giũa hay không? Có run run co giật hay là chỉ ngất xỉu rồi gục xuống? Khi sắp bị bắn có được nói lời cuối cùng như trong phim không? Liệu có hộc máu ra đặng mồm? Ở xã này, ai là người cầm súng lục bắn phát đạn gia ân cuối cùng vào thái dương kẻ xấu số? Sao không thấy chôn cột buộc tử tù? Bãi bắn ở đâu? Chung quanh đình, bao nhiêu là nhà, là xóm, người ta sẽ xử lý ra sao? Hay lại rông rã kéo nhau ra giữa đồng? Bắn ở chỗ khác ư? Cách rách thật?

Có một người thạo tin, rất quan trọng, thì thào rất to với mọi người:

- Anh đội đã đi ba đợt cải cách rồi. Rất nhiều kinh nghiệm... Các ông có thể tưởng tượng được không? Anh ta chỉ tay ra cây muỗm cổ thụ rồi giải

thích: - Bãi bắn chính là cây muỗm ấy. Ta sẽ từ từ treo địa chủ lên cây. Bao giờ kẻ tử tù leo lên đến cành ngang kia, thì những người du kích sẽ bắn. Súng chĩa lên trời nên tất cả đầu đạn ra khỏi nòng đều bay vào không khí. Nếu viên nào không trúng mục tiêu, nó sẽ bay hết tầm rồi rơi xuống cánh đồng sau đình. Chẳng còn sợ đạn lạc vào ai cả.

Cả đấu trường đều ồ lên thán phục. Người ta khen: “Anh đội nghĩ ra cách bắn thật tài tình”.

Ông trưởng thôn dẫn đầu đoàn người thuộc thành phần linh tinh vào bãi đấu. Cái đoàn tạp nham chúng tôi chẳng thuộc tầng lớp bóc lột, nhưng cũng không được trong sạch. Đoàn gồm những người trong chùa: sư cụ, sư bác, bà Thăm, chị Nguyệt và tôi. Còn có thêm hai ông thầy cúng, xem bói, cùng mấy bà đồng đều ở xóm bên cạnh. Ông trưởng thôn hỏi đội trưởng Khoát:

- Cái nhóm “mê tín dị đoan” này thì xếp cho ngồi ở đâu hở anh đội.
- Cho họ ngồi bên cạnh bọn địa chủ.

Thế là sư cụ và tôi được ngồi gần hàng đầu, được nhìn rõ bàn xử án của tòa án nhân dân, mà cũng rất gần chỗ quỳ gối của những địa chủ gian ác. Chéo trước mặt chúng tôi đoàn thiếu nhi gõ trống inh ỏi. Tôi ngồi nấp sau lưng thầy tôi. Tôi bắt chước sư cụ, nhắm mắt lại, thầm đọc kinh trong lòng, để cho những tiếng trống náo động kia bật lặng trong tâm hồn. Tôi đang cố gắng tập trung, đi tìm sự tĩnh lặng trong cái ngoại cảnh hỗn độn náo nhiệt ấy, thì có người chen lấn đến ngồi cạnh tôi. Mở mắt ra, thấy Rêu. Cô gái ấy ngày thường trông đã mỏng manh xanh mướt, hôm nay trông càng mảnh mai hơn. Tôi hỏi thăm:

- Sao mắt thâm quầng thế kia? Cô ốm phải không?

Cô gái không trả lời, chỉ giơ ngón tay lên miệng ra hiệu đừng nói.

Tôi hất đầu lên bàn các vị quan tòa, nơi ấy có mặt bà Thêu, rồi hỏi tiếp:

- Bà Thêu là quan tòa. Sao cô lại ngồi chỗ này? Đây là chỗ ngồi của địa chủ và những thành phần không trong sạch khác.

Lúc ấy, Rêu mới khẽ trả lời:

- Thế chú không biết sao? Em là con địa chủ. Nhưng chú An đừng nói nữa. Kéo người ta lại xua em ra khỏi đây. Mấy lại... em muốn được nấp bóng sự cụ.

Sự cụ Vô Úy của chúng tôi đang ngồi ở tư thế tọa thiền. Cụ ngồi lưng thẳng, hiền hòa và nghiêm trang. Cái áo nâu bạc rộng thùng thình không tỏa ánh hào quang nhưng cũng đủ để cho hai đứa trẻ chúng tôi giấu mặt, nấp bóng. Chúng tôi không muốn đối mặt với anh đội Khoát. Khi ấy, anh Khoát đang đứng sững trước sự cụ. Không biết có phải tư thế trang nghiêm của cụ, hay con mắt đầy từ lực của cụ đã thu hút anh, nên anh không nhìn thấy tôi và Rêu đang núp sau lưng cụ. Anh Khoát uy nghiêm nói với thầy tôi:

- Cụ phải nghiêm túc khi nhân dân đấu tranh. Ráng mà tiếp thu học hỏi tinh thần của bản cổ nông. Tôi biết các vị thầy chùa hay lăn tràng hạt trong những lúc như thế này. Tôi nhắc để cụ nhớ: hôm nay không lăn tràng hạt.

Rồi anh quay sang đám con cái gia đình địa chủ:

- Còn các người cũng xem mà nhớ lấy. Phải tuyệt đối đầu hàng nông dân thì may ra còn con đường sống. Còn tên ác bá nào lọt lưới ta cũng không tha đâu. Hãy trông cái gương tày liếp mà cố gắng cải tạo...

Nói xong, đội trưởng Khoát đi nhanh về phía khán đài, leo lên bục cao, đọc bài diễn văn phóng tay phát động quần chúng. Anh hùng hồn nói ý

nghĩa của cuộc cách mạng long trời lở đất này. Từ nay sạch bóng những quân bóc lột... Từ nay người nông dân làm chủ ruộng đất... Anh nói lời danh thếp. Bàn tay xòe ra chặt mạnh những nhát chém vào không khí...

Đám đông chột rẽ làm đôi. Du kích áp giải địa chủ ác bá đầu tiên ra đấu trường. Đó chính là chánh Long. Tiếng hô dậy trời đất:

- Đả đảo địa chủ cường hào gian ác Nguyễn Văn Long!

- Nợ máu phải trả bằng máu!

Mọi chuyện được diễn ra theo đúng kịch bản đã định trước. Những ai sẽ ra đấu. Ai tố thế nào. Ai sẽ ngắt ra sao. Hầu như dân làng Sọ đều đã biết trước tất cả. Bởi vì anh đội bồi dưỡng cốt cán ra sao, người ta đã rõ trong những cuộc tập dượt đấu trong xóm. Địa chủ đang bị trói giật cánh khuỷu, quỳ giữa đấu trường. Ông già với cái đầu bạc phơ cúi gằm. Người ta xỉ vả, hò hét. Tiếng khóc xen lẫn tiếng hô vang trời dậy đất. Sát khí tỏa ngất trời cao. Những bộ mặt người đỏ rực, phừng phừng lửa hận. Bệnh căm thù lây lan khắp đấu trường. Người ta moi móc ra những thái độ mà có lẽ ông già không có, những thái độ mà chỉ có những bộ óc sừng tấy lên mới có thể tưởng tượng ra được: “Sao mặt lão già cứ căng căng ra thế kia? Nó quen thói ăn trên ngồi trốc, khinh bỉ nông dân. Đến nước này rồi mà lão vẫn thế. Sao không vả vào mặt nó, sao không dim đầu nó xuống đất đen? Đả đảo địa chủ ngoan cố”. Có bà còn nắm bộ râu dê của ông già kéo ngẩng lên để nhìn vào đôi mắt tê dại như đã mất hết thần hồn, rồi nhổ vào mặt ông lão. Khốn khổ! Nước mắt cộng với mũi dãi của người đàn bà làm địa chủ Long chẳng nhìn thấy gì cả. Ông lão muốn lấy tay dụi mắt nhưng hai tay đã bị trói ngược ra đằng sau. Khi anh đội Khoát lại gần kéo người đàn bà ra, ông lão lạy van:

- Con lạy ông đội, con xin ông đội. Cởi trói cho con một lúc thôi. Để cho con được lấy tay chùi mặt. Con muốn mắt mũi con sạch, con muốn được nhìn tất cả trước khi con chết.

Anh đội Khoát ghé vào tai lão nói một câu gì đó, rồi lấy mảnh giấy báo mà ai đó vứt lẫn lóc trên đất. Bằng mảnh giấy bẩn thỉu đó, anh lau mặt cho lão. Anh quệt thì đúng hơn. Quệt rất mạnh. Quệt đi, quệt lại ngang con mắt. Quệt mấy lần. Mảnh giấy cứng quét trên mặt chắc là đau lắm, nhưng dù sao nó cũng đã lấy đi hết những thứ nhơ bẩn trên mặt lão. Chắc là lão đã nhìn ra mọi vật. Tôi chắc vậy vì tôi thấy đôi mắt mờ đục của lão đảo quanh như muốn đi tìm những gương mặt nào đó.

Rêu ngồi cạnh tôi, vẫn gục đầu nấp bóng sự cụ. Từ lúc này, Rêu chẳng nhìn ra chung quanh. Tôi chỉ thấy cái đầu Rêu rung rung khi đầu trường vang lên những tiếng the thé hận thù. Đến lúc này, tôi mới vỗ vỗ vào lưng cô. Tôi không nói, nhưng trong lòng tôi muốn bảo: “Rêu ơi! Hãy ngẩng lên. Có lẽ ông cụ chánh muốn nhìn mặt cô đấy”. Rêu ngẩng đầu lên, ngó đầu ra khỏi lưng sự cụ. Đôi mắt cô long lanh những giọt nước. Không biết ông già có nhìn thấy cô không, có nhìn thấy cô bé mà có lần ông đã nhận là truyền nhân của mình không. Hay đó chỉ hoàn toàn do trí tưởng tượng của tôi. Chỉ biết rằng người tử tù già nua ấy đưa con mắt đi rất chậm. Đôi con mắt mờ đục nhưng hau háu lia một vòng quanh mình như muốn ghi lại cái cảnh tượng thật kỳ dị, thật bi thảm của đời mình. Tôi rất tin vào thuyết luân hồi. Ông già vận rủi ấy ghi lại quang cảnh này để làm gì nhỉ. Mang nó sang kiếp sau ư? Tôi cứ nghĩ người ta quên nó đi còn chẳng được...

Cái điểm nút người ta chờ đợi đã đến. Đội du kích xếp thành vòng tròn, đuổi mọi người dẫn ra, tạo thành một khoảng trống rất rộng chung quanh cây muỗm cổ thụ, có một cành đâm ngang. Cành cây đó to lớn vạm vỡ như cánh tay lực sĩ khổng lồ để có thể treo người trên đó mà không suy suyển. Sợi dây thừng được treo vào cái ròng rọc đã buộc sẵn trên cành cây ngang.

Ông già địa chủ Long bị trói cả chân lẫn tay. Anh du kích hỏi ông già bằng cái giọng trống không:

- Muốn ngẩng mặt lên trời hay quay mặt xuống đất.

Ông già trả lời rất điềm tĩnh:

- Các ông treo thế nào cho tôi được nhìn thấy xóm làng khi chết.

Như thế tức là địa chủ chánh Long bị treo ngược cái lưng bán cho trời, cái mặt cúi xuống đất. Tức là vẫn theo cái tư thế của người nhà quê đi cày. Ba người du kích đã bắt đầu làm công việc kéo dây. Ông già địa chủ từ từ được nhắc lên khỏi mặt đất. Khi thân hình ông chạm cành cây, người ta mới thấy cái tư thế ấy thật ngược ngạo. Cái bụng cong thông xuống. Hai khuỷu tay kéo lên khỏi lưng trông như hai cái còng châu chấu. Cái thân người, đôi chân, đôi tay bị trọng lượng kéo xuống nên coi gần như bất động. Chỉ còn cái cổ, cái đầu là vẫn tự do hoạt động. Ông già cố vươn cổ ra, cất đầu lên. Bộ râu dê của ông được gió phơ phất. Gió lại thổi xuôi nên mớ tóc bạc chạy xuôi ra phía sau. Cái tư thế ngạo ngược thế lại hóa hay. Trông ông già như đang bay. Và nhìn ông lúc này, rồi ngẫm nghĩ, tôi mới hiểu tại sao ông lại xin được treo như thế. Nếu như treo theo cách nằm ngửa, tức là khi chết ông già sẽ được nhìn tán lá, và qua những kẽ hở được loáng thoáng thấy bầu trời xanh. Kể ra nghe chữ tán lá và trời xanh, ta thấy có vẻ đẹp, nhưng thực ra cái chết ấy bí bách quá. Đằng này ông già chọn cách khi chết nhìn xuống đất. Cứ tưởng cách bị treo một cách ngược ngạo như vậy thì khó coi và tầm thường. Thực ra, cách chết ở tư thế này có cái hay là khi chết vẫn nhìn được đồng ruộng, xóm làng. Dù thế nào, ông chánh Long vẫn là người nhà quê. Dù là địa chủ, ông ấy vẫn là nông dân. Dù sao thì những mái nhà lợp rạ kia cũng vẫn gắn bó với ông lão lắm chứ. Tôi cứ nhìn chăm chăm vào ông lão và ngẫm nghĩ. Ôi chao! Bị treo giật cánh khuỷu. Có thể mỏi lắm chứ, đau đớn nữa chứ. Đau thì đau, ông lão vẫn cố gắng ngừng đầu lên, để nhìn cho thật xa. Tôi biết, phía ấy là căn nhà của ông. Tư thế ngược ngạo này quá bất tiện. Phải vươn hết sức cái mặt mới ở tư thế thẳng dọc, để có thể từ trên cao nhìn thấy những mái nhà ngói thâm nâu lô xô, đó là nơi ông sinh ra, để có thể nhìn thấy một hàng tám cây cau liên phòng nổi tiếng của gia đình ông. Chúng như tám người hầu trung thành luôn đứng sừng sừng trước sân nhà ông. Tám cây cau được trồng khi

ông mới sinh. Có phải những tàu cau đang vẩy gió không? Chúng run rẩy trước gió, hay chúng đang nói lời từ biệt với ông già xấu số.

Tôi đang mãi suy ngẫm liên tưởng thì có tiếng hô vang trời.

- Đội du kích chú ý! Chuẩn bị bắn!

Khu đấu trường đột nhiên im phăng phắc. Chưa có xác chết mà lũ quạ đã ngửi thấy mùi tử khí. Có đàn quạ đen đang đậu trên ngọn cây gạo cao chót vót và cất tiếng kêu. Mặc dù tôi đã biết trước, nhưng khi loạt đạn đầu tiên nổ vang tôi vẫn giật mình và nhắm mắt lại. Tiếp theo, là loạt đạn thứ hai, rồi thứ ba.

Chỉ đến khi tất cả hoàn toàn im lặng, tôi mới dám mở mắt ra. Ở phía dưới nhìn lên, cái xác ông già vẫn còn run rẩy, những run rẩy cuối cùng như những làn sóng cứ từ từ yếu dần rồi tắt lặng.

Mới đầu, người ta còn hò reo. Tuy nhiên chỉ một lát thôi, tiếng reo bỗng bật. Cuối cùng là lặng ngắt, giống như một cuộc lên đồng, khi tiếng trống tiếng đàn của người cung văn im tiếng. Khi ấy, con người như bưng bình. Khi này, đầu óc con người còn sững tấy lên, ai ai cũng hau háu nhập vào cuộc hành hình. Còn bây giờ, khi nhìn vào cái xác thảm hại, rũ rượi, con người ta đột nhiên như tỉnh khỏi cơn ác mộng. Chợt cảm giác ớn lạnh. Cái ớn lạnh thấm vào xương tủy, và kéo theo nó là sự xấu hổ. Mới đầu, cảm giác ấy còn mơ hồ, nhưng càng ngẫm cho kỹ, thì nỗi xấu hổ càng thấm thía. Cứ tưởng như cả bản thân mình cũng đang vẩy bắn, mặc dù nhìn đôi bàn tay, thấy chúng hoàn toàn sạch sẽ.

Người ta thấy treo mãi cái xác trên cành cây không tiệt. Người đi dự dần dần lảng hết ra. Người bắt buộc phải có mặt cũng quay đầu đi, hay cúi đầu xuống, trước cảnh tượng bi thảm đã chuyển thành ghê rợn. Đội trưởng Khoát liền cho hạ cái xác xuống đất.

Trong cái im lặng phăng phắc của pháp trường, bỗng nhiên có tiếng nước nở rất to. Tiếng khóc làm mọi người sững sốt. Kẻ nào dám có gan cóc tía, dám khóc lóc xót thương cho tên địa chủ đầu sỏ, tên ác bá điển hình phải mang đi xử bắn đầu tiên thế nhỉ.

Mọi con mắt bỗng đổ dồn hết cả vào chỗ tôi ngồi, khi Rêu đứng lên, hai tay bưng lấy mặt, bước về phía cái xác chánh Long. Không biết cô ta đã chuẩn bị từ lúc nào, mà trên đầu cô đã chít một vành khăn tang trắng toát.

- Ồi cha ơi là cha ơi!

Cô sụp xuống lạy, rồi ôm lấy xác ông già. Mới đầu tất cả mọi người đều ớ ra, lặng đi, không kịp phản ứng. Phải một lát sau bà Thêu mới từ trên kỳ đài bước xuống quát mắng con gái. Còn anh Khoát thì lớn tiếng sai du kích:

- Anh em hãy lôi nó ra. Và mang xác lão địa ra hố chôn mau. Rêu lăn xả vào và khóc rất to. Du kích phải ôm ghì lấy cô, mặc dù cô giãy giụa, khóc lóc cho đến lúc gần như ngất đi. Rồi người ta phải khiêng cô đi. Khiêng ra thật xa, để không còn ai nghe được tiếng khóc.

Người ta xì xầm:

- Có chuyện lạ đời thế nhỉ! Mẹ thì làm quan tòa đấu tố chồng. Con thì khóc lóc thảm thiết, dám nhận cha trong lúc dầu sôi lửa bỏng như lúc này.

- Dữ sao, cũng có một vành khăn tang, cho vong linh ông lão đỡ tủi.

Khi mấy anh du kích bọc ông già vào cái chiếu khiêng ra hố chôn, Rêu không có mặt. Chỉ có con chó trắng, con chó ma chẳng biết từ chỗ nào bỗng xuất hiện. Nó lùn cùn đi theo xác ông chủ ra tận huyệt. Sau đó chẳng ai trông thấy nó đâu. Chó ma đã biến đi chẳng?

Về đến chùa, tôi mới hiểu tại sao, trong đấu trường, người ta xếp chỗ ngồi cho nhà chùa ở cạnh chỗ gia đình địa chủ. Thì ra chúng tôi bị nghi là phần tử phản động. Theo sự suy luận của anh đội Khoát, tất cả địa chủ và phản động đều có mối liên hệ với nhau. Sư cụ Vô úy là bạn đồng môn chữ nho với chánh Long, còn là sư huynh của ông Trần. Ông Trần là sư pháp giới. Ông Trần và bà Năm vợ ông là Việt Nam Quốc dân đảng chui vào hàng ngũ cách mạng để từ trong phá ra. Vậy đây là tổ chức phản động nguy hiểm. Chúng liên kết những phần tử bóc lột, phản động, tôn giáo để chống đối cách mạng. Chánh Long đã bị tiêu diệt, ông Trần thì còn được bao che, mẹ Năm thì nhân sơ hờ đã trốn biệt. Bây giờ ở xã chỉ còn sư Vô úy. Vậy nên, ngay buổi chiều hôm bắn chánh Long, du kích đã dùng cái cùm cây cau cùm chặt thầy tôi lại. Riêng cá nhân tôi cũng bị cùm vì bị nghi làm liên lạc cho tổ chức phản động. Bà cụ Thăm vừa già vừa điên điên rồ rồ chẳng ai nói làm gì. Chị Nguyệt tôi được coi như vợ của liệt sĩ Hải nên không liên quan gì. Sư bác Khoan Độ xin được bị bắt để đi theo hầu hạ thầy nhưng anh đội Khoát không nghe:

- Chúng tôi đã xét kỹ trường hợp sư bác. Tuy ở chùa, ở gần phản động nhưng không bị ảnh hưởng. Có công giết thằng Tây lai ác ôn. Đội cải cách đồng ý cho ở lại giữ chùa sau khi đưa sư phản động lên nhà giam đoàn ủy.

Mới đầu, du kích định giam hai thầy trò tôi ở tòa thượng điện. Nhưng du kích nghiên cứu, thấy tòa thượng điện mênh mênh, chống chến quá. Họ rút kinh nghiệm việc hai mẹ con bà Năm trốn thoát, thấy chỗ tạm giam không cần rộng. Chỉ cần diện tích hẹp, cốt yếu chung quanh phải xây bằng gạch kín đáo, vững chắc; và người gác không phải gác ngoài cửa, mà phải ở gần tội phạm, luôn nhìn thấy tội phạm. Như vậy, nhà tổ chính là nơi tạm giam thích hợp.

Anh du kích châm lửa vào bắc ở cái đĩa đèn dầu lạc. Ở làng Sọ, hầu hết mọi nhà đều đã dùng đèn dầu hỏa. Nhưng riêng nhà chùa, sư cụ tôi vẫn dùng đèn dầu lạc. Bảo rằng dùng thế đỡ tốn tiền, bởi vì dầu lạc nhà chùa tự

ép lấy. Thứ nước vàng vàng, thơm thơm, trong vắt, dùng để rán đậu cũng được mà để thả sáng cũng được. Thật tiện lợi. Chỉ cần một cái đĩa nhỏ đặt trên cái giá nền cũ kỹ, rót thứ dầu màu hổ phách vào, rồi thả một, hai sợi bắc xếp to hơn sợi chỉ và châm lên. Thế là một ngọn lửa leo lét bùng sáng, tỏa ra mùi thơm thơm ngây ngây rất quen thuộc với quãng đời tu hành thơ ấu của tôi...

Đêm ấy, sư bác Khoan Độ bị đuổi ra ngủ cạnh cái cối xay ở nhà tảo mạt. Toàn bộ căn nhà tổ bị biến thành nơi giam cầm hai thầy trò tôi. Cả hai người đều ngồi trên nền nhà, ở đầu bàn nước. Cả hai thầy trò đều bị cùm chân. Ông đội Khoát bảo bốn anh du kích:

- Các cậu cắt nhau ra mà canh. Hai người một lượt. Anh nọ trông chừng anh kia, không cho phép ai được ngủ gật. Liệu hồn đấy. Để xong tù giống như trường hợp con mẹ Năm là chết với tôi. Nhớ lấy, chúng nó mà trốn thì tôi sẽ bắt các anh thế chân vào. Tôi sẽ cùm cả lũ.

Anh đội cải cách đe dọa như vậy nên các anh du kích canh kỹ lắm. Họ ngồi trên bậu cửa, súng mút cơ tông dựa vào vai, thỉnh thoảng lại rút thuốc Lào sòng sọc cho đỡ buồn ngủ.

Đêm hôm ấy, đầu mùa đông. Đợt gió lạnh đầu mùa này khá mạnh. Gió đông bắc thổi chéo vào đầu hồi hu hu. Cái đêm cô Rêu gọi trăng tắm giếng đá ong trước đây vào mùa hạ. Gió hiu hiu thổi vào đầu hồi phía bên kia. Đêm hôm ấy tôi được nghe kiểu sáo diều mùa hạ của ông thợ mộc Thân. Tiếng sáo thoang thoang tình tứ. Còn đêm nay gió đông thổi vào đầu hồi bên này. Gió lồng lộn, gió rét rú rít, những ống tre đòn tay phía bên này lại kêu lên theo kiểu khác. Nó âm âm ưu... Khi gió dịu đi, tiếng ống tre bỗng sững lại rồi mới nối tiếp, nghe như tiếng sụt sùi, thốn thức. Thầy tôi bảo muốn đi tới chỗ đặt chỗ ngộ phải giữ được tâm bình thường, dù hoàn cảnh thế nào cũng không loạn động. Lúc ở đấu trường, anh đội cải cách cấm không cho thầy tôi lãn tràng hạt. Tuy nhiên, tôi biết thầy tôi vẫn làm điều đó trong tâm tưởng, tôi biết trong phút ông chánh lâm nạn thầy tôi vẫn

không ngừng tụng niệm hồng danh đức Phật mong cho người bạn đồng môn đủ nghị lực để gánh chịu kiếp nạn. Những cuộc dâu bể ở thế gian này là chuyện thường hằng, chúng xảy ra như những đợt sóng. Mà chẳng cứ gì ông chánh, những người ở chùa như thầy trò tôi, đã xa lánh tục lụy, nhưng sóng ở thế gian cũng đâu có buông tha. Cả những phút này, thầy tôi đang khép hờ đôi mắt, nhưng tôi biết thầy tôi cũng vẫn đang tụng niệm. Thầy thương tôi. Có lẽ thầy thương tôi còn quá nhỏ mà đã phải gánh chịu. Lúc cha mẹ tôi mất, thầy dang tay đón tôi vào chùa. Ý thầy là muốn che chở cho đứa bé cô cút. Nhưng hình như nghiệp tôi quá nặng. Hay là ở những phút thế gian nổi sóng, kiếp nạn ùng ùng như núi lửa, thì bóng từ bi, bóng những ngôi chùa cũng chông chênh chao đảo. Và số kiếp con người đã có lúc rời xa khỏi bóng mát từ bi. Hay là bóng mát ấy đã nhiều khi chẳng che nổi cho con người, mặc dù con người rất nhỏ nhoi, mà bóng mát kia thì rất to lớn...

Chắc lúc ấy tôi còn quá nhỏ, chưa đủ trải nghiệm thâm thúy nên mới có những ý tưởng chua chát như vậy. Trong một đêm gió khóc hu hu, thêm cái lạnh đầu mùa thấm vào da thịt, mà một chú bé như tôi lại còn bị cùm chân trong ánh đèn dầu leo lét. Ôi chao! Thật là buồn! Buồn héo ruột héo gan! Thầy tôi chắc đọc được những ý nghĩ trong lòng tôi. Sự cụ giơ tay kéo tôi lại gần. Tôi ngả đầu vào ngực người để đón nhận cái ấm áp, chút lòng từ bi, mà trong phút gay go này thầy tôi đâu có nhiều nhưng vẫn sẵn sàng chia sẻ cho tôi. Chút hơi ấm ấy dù nhỏ nhoi song vẫn đủ để ru được tôi vào một giấc ngủ chập chờn.

Chẳng biết tôi đã ngủ được bao lâu. Trong giấc ngủ tôi còn mơ một giấc mơ thật kinh hoàng. Chỉ còn biết là rất kinh hoàng, song khi giật mình choàng tỉnh, chẳng còn nhớ được chút gì. Thấy mồ hôi toát ra trên trán, tôi định đứng dậy, nhưng thấy chân mình cứng đờ, tê dại. Lúc bấy giờ mới hoàn toàn tỉnh và mới nhớ chân mình đang bị cùm. Thầy tôi khẽ khàng nói:

- A di đà Phật! Đừng hốt hoảng! Thầy vẫn ở bên con.

Anh du kích ngồi ở xó cửa canh gác hình như cũng ngủ gật, nghe tiếng kêu của tôi cũng tỉnh giấc. Anh ta đứng lên lắng nghe, rồi bước ra sân, nhìn lên lùm cây. Không phải tôi mê hoảng không duyên cớ. Đúng là có gì mới xảy ra thật. Mặc dù lúc này lặng gió, nhưng ở đầu hồi, những ống tre vẫn kêu hu hu. Quái lạ! Sao đầu cây nhả ngả bóng xuống sân nhà tổ lại đung đưa mạnh thế kia. Hình như có trận cuồng phong vừa mới đi qua. Mà chắc là có gió to mới thổi thật. Bởi vì lúc này tôi mới biết, ngọn đèn dầu lúc tôi chưa ngủ còn xanh lét như hạt đỗ, nay đã tắt ngấm tự lúc nào. Lắng tai nghe kỹ còn nghe thấy ngọn cuồng phong đang đùa ngoài vườn và trên những khóm tre. Rồi nghe thấy cả tiếng một đôi chim lợn. Mọi tối, khi chim lợn bay qua chùa, tiếng kêu của chúng cứ xa dần rồi mất hút ngoài cánh đồng. Đêm nay, sao đôi chim kỳ quái thế. Tiếng của chúng hết xa lại trở về gần. Cứ như thể có chuyện gì đã cầm chân chúng lại. Cứ như thể có chuyện gì đó làm chúng chẳng nở bay đi. Tiếp theo đó là tiếng chó. Tôi nhận ra ngay tiếng của con Bông, con chó trắng, con chó ma của ông chánh Long. Sau khi vớt xác ông xuống hố, du kích bảo không thấy mặt nó nữa. Chẳng biết nó đã trốn lủi ở đâu nay bỗng xuất hiện ngoài lũy tre vườn chùa. Đêm nay tiếng kêu của con chó trắng khác hẳn. Vừa sủa, vừa rít, vừa tru. Con chó trắng không to nhưng tiếng tru của nó rất dài. Nghe cứ thấy rờn rợn. Tôi chưa nghe thấy tiếng chó sói trong rừng bao giờ, nhưng chắc tiếng sói rừng cũng giống thế này. Bởi vì nghe nó tru, tóc gáy tôi dựng hết lên. Và còn điều này mới lạ. Mọi khi chó trắng kêu bao giờ con vàng nhà chùa cũng đáp lại. Còn hôm nay, sao chẳng thấy tiếng con vàng. Nó im re và không biết đang trốn lủi ở xó xỉnh nào. Không có tiếng đáp lại, con chó ma càng thống thiết kêu. Nó làm lòng dạ tôi bỗng dưng cồn cào khó tả. Ở khoảng lặng giữa hai đợt chó sủa, tôi còn mơ hồ nghe như có tiếng người khóc. Tôi hỏi anh du kích:

- Anh ơi! Hình như có tiếng người khóc ở vườn chùa.

Anh du kích chắc cũng sợ thì phải. Anh ta ra sân lắng nghe một lúc rồi vào bảo tôi:

- Tôi chẳng thấy gì. Làm gì có ai khóc. Chú tiều bị thần hồn nát thần tính rồi.

Tôi không nói gì, nhưng trong lòng bán tín bán nghi.

Mọi người chẳng nghe thấy gì, nhưng tai tôi vẫn nghe rõ tiếng khóc, thậm chí có lúc còn nghe cả tiếng thút thít. Có lẽ tôi đang thức mà vẫn mơ chẳng. Đó là trạng thái nửa mê nửa thức. Trạng thái xác nằm đấy mà hồn bay rất xa, để có thể thấy những điều mà người khác không thấy được. Trong khi hồn tôi đang bàng lảng như vậy, bỗng dưng con chó ma tru lên dữ dội. Nó tru như khóc thảm thiết. Nó sủa như muốn đánh thức người ta dậy. Nhưng vào một đêm mùa đông, lại ở trong hời cái cách đang gay cấn nhất, người dân quê nào có thể ra khỏi nhà lúc này. Còn tôi, tôi bỗng thấy lòng mình đau thắt. Như thể có ai vừa đâm dao vào lồng ngực. Lạ thật! Thầy tôi hình như biết được những cảm giác của riêng tôi. Sư cụ bảo:

- Con đau tức ngực phải không. Để thầy xoa cho.

Rồi bỗng dưng những giọt nước mắt trào ra khóe mắt. Tại sao tôi khóc, tôi chẳng biết nữa. Đau quá, buồn quá hay sợ quá nên nước mắt trào ra ư? Ngớ ngẩn quá! Cũng may chẳng ai nhìn thấy nước mắt của tôi. Tôi còn thăm thẳm vào tai thầy tôi một câu ngớ ngẩn khác.

- Thầy ơi! Thầy có ngửi thấy mùi gì không? Thơm quá thầy ạ. Sao chùa mình đêm nay thơm đến thế.

- Ủ, thầy cũng ngửi thấy mùi thơm.

Cũng may, thầy tôi cũng cảm nhận giống tôi.

Sáng hôm sau, người ta thấy một chiếc áo vắt trên thành giếng đá ong. Hỏi ra mới biết là áo của Rêu. Cô gái đã nhảy xuống giếng tự tử. Như vậy, tiếng khóc đêm qua tôi nghe thấy là thực. Cả cái mùi thơm từ giếng tỏa ra

khi cô nhảy xuống cũng là thực (mặc dù mùi thơm ấy chỉ hai thầy trò tôi có thể cảm thấy).

Mới đầu, người ta cho rằng nguyên nhân cái chết của cô là do ông chánh Long bị xử bắn. Người làng bảo nhau:

- Sao con bé đại thế. Đã đành lão chánh là địa chủ. Nhưng mẹ nó thành phần bần nông. Vậy nó cũng là bần nông. Vậy can chi mà chết cho oan nghiệt.

Rồi có người lại nói:

- Trước kia cứ tưởng nó chỉ là con hờ của ông chánh. Nó cứ đi tìm bố mãi. Tìm được thì lại thảm thương thế ấy.

- Có thật ông chánh là bố nó không nhỉ?

- Chắc là thật. Chắc có chứng cứ. Nếu không sao nó lại chết vì ông.

Trước kia, cả làng cứ xì xào nó không phải là con ông chánh. Còn bây giờ người ta lại cho rằng Rêu có nhiều nét rất giống ông chánh. Rêu được cả làng khen là đứa con chí hiếu.

Nói chung lại, mới đầu người ta chỉ biết có độc nhất nguyên do ấy thôi. Sau này, sau sửa sai, người ta biết thêm được cái nguyên nhân thứ hai, dân làng Sọ lại càng thêm cảm thương cho cô bé.

Buổi chiều hôm xử tử ông chánh, Rêu không về nhà. Nó đi lang thang trong rừng Cò, ngoài đồng vắng. Sau đó nó tìm đến ngôi mộ mới chôn của người bị xử tử, nhưng du kích ngăn không cho tới. Nó liền lộn ruộng ra cánh đồng Độc, ra Gò Mả Quan. Đồng hoang vắng chẳng có người. Chỉ có tiếng ếch nhái làm bạn, chỉ có gió lạnh vi vu buồn thối ruột gan, nhưng Rêu quên hết cả sợ. Nó ở đó cho đến khuya, mãi khi trăng mọc mới thất thểu về làng.

Rõ ràng Rêu đã trở về nhà. Một người làng chính mắt đã trông thấy Rêu đi vào ngõ, nhưng không đi lối chính mà xé rào vào nhà. Chính đêm hôm ấy đã xảy ra chuyện tự tử bi thảm ở cái giếng đá ong nhà chùa.

Giá như chuyện chỉ có thể thôi... Đẳng này, mấy tháng sau, vào lúc sửa sai, một chuyện động trời nữa lại xảy ra. Người làng phát hiện ra bà Thêu đã chữa hoang. Người tăng tịu với bà chẳng phải ai xa lạ, lại chính là anh đội Khoát.

Đến phút ấy, liên hệ mọi thứ lại, người ta mới hiểu ra đầu đuôi câu chuyện. Hóa ra, chắc trong đêm hôm ấy, khi xé rào vào nhà, Rêu đã nhìn thấy cái điều mà một tâm hồn trong sáng như cô sẽ không chịu đựng nổi. Cô đã nhìn thấy mẹ mình và anh Khoát đang quấn vào nhau.

Bây giờ thì tôi đã hiểu: tại sao mắt Rêu lại to và buồn đến thế? Tại sao Rêu lại gầy gò mỏng manh đến thế? Cô bạn gái, cô em út của tôi tinh khiết như pha lê. Thế gian này làm Rêu thất vọng phải không. Tôi mơ hồ hiểu được sự tìm kiếm và câu hỏi của Rêu khi cô còn sống. Rêu ơi có phải vì yêu cõi nhân gian quá nên cô chẳng muốn sống nữa phải không.

Về sau này, có nhiều lúc ngồi bên giếng chùa, cái giếng đá ong, tôi thường nghĩ về Rêu như vậy. Cho đến lúc ấy, vẫn chẳng có ai ngửi thấy mùi thơm của giếng. Chỉ có Rêu, chỉ có tôi là người thấy. Tôi hiểu tại sao Rêu lại trầm mình xuống đó.

Rêu ơi! đức Phật dạy rằng: Chẳng có gì sinh ra, chẳng có gì mất đi. Gặp duyên thì tụ thì sinh. Hết duyên thì tán thì diệt. Tôi đang nhìn đám mây trên trời. Chắc chỉ một lát nữa đám mây đó sẽ thành những hạt mưa. Rồi sau này những hạt mưa lại chuyển thành mây...

Rêu ơi! Có lẽ phút này Rêu đang ở trên những đám mây đó nhỉ. Rêu hãy gửi tiếng hát xuống cho chúng tôi đi. Ừ! Tôi biết là Rêu đang hát. Tiếng hát giọt mưa... tí ta tí tách.

ĐỘI GẠO LÊN CHÙA

Nguyễn Xuân Khánh

www.dtv-ebook.com

Chương Iv

Đội cải cách đến làng Sọ được ba ngày. Sư bác Khoan Độ và chị Nguyệt được triệu tập ra đình. Anh đội Khoát bảo:

- Tôi đã nghiên cứu kỹ về nhà chùa. Ở đây có nhiều vấn đề. Riêng sư thầy và cô Nguyệt, tôi đã xem xét lý lịch. Không có vấn đề. Cũng là bản cổ cả thôi. Chỉ có điều mắc phải mê tín dị đoan. Nhẹ thôi. Chịu khó học tập, cải tạo, thì cũng là chỗ dựa của cách mạng. Các rể chuỗi cốt cán trong làng đều nói hai người rất tốt. Trong kháng chiến, sư thầy có công diệt được thằng Tây lùn ác ôn. Còn chị Nguyệt, tuy chưa cưới xin, nhưng chồng là liệt sĩ bị giặc Pháp giết hại. Riêng sư cụ trong chùa lại là một phần tử cực kỳ nguy hiểm. Tôi thay mặt đội cải cách, kêu gọi tinh thần giác ngộ giai cấp của hai vị. Hãy vì cách mạng, hãy vì Đảng mà tố cáo mọi hành vi đen tối của sư Vô úy. Lão sư già này rất thâm hiểm. Những kẻ mặc áo cà sa bao giờ cũng tinh vi... Bề ngoài thì từ bi... nhân đức... nhưng thực chất lại là phản động. Nhưng dù hăn xảo quyết đến đâu cũng không thể che giấu được con mắt của nhân dân...

Nhất là các vị... Các vị ở gần lão ta... hàng ngày tiếp xúc với lão ta... Con cáo dù xảo quyết đến đâu cũng không che giấu được mãi... Có những lúc sơ hở cái đuôi cáo cũng thò ra... Đây là những lời nói. Có thể là những lời nói rõ rệt... Cũng có thể là những lời phản động mập mờ... Chính nó mập mờ nên càng nguy hiểm... Chẳng hạn như những lúc uống trà với chánh Long, hăn đã phát biểu những gì. Những lời bất mãn với cách mạng... những lời chống đối ra mặt... những lời than thở chê bai... Chẳng hạn có những lúc hăn họp bàn với lão sư đệ Vô Trần... Hăn bảo là hội ý Việt Minh ư?... Đừng tin vào lời nói... Việt Minh giả đấy. Đó là những cuộc họp Việt Nam Quốc dân đảng... Thế đấy! Thâm hiểm thế đấy... Có như vậy

Đảng mới phải nhờ cậy vào sự giác ngộ của các vị... Mong các vị lập công với Đảng... Các vị càng dứt khoát, càng vạch trần nhiều tội lỗi của chúng thì các vị đã có công với cách mạng trước đây, phen này lại càng lập công to hơn... Và các vị đã được Đảng tin cậy, phen này lại được Đảng tin cậy hơn.

Anh Khoát chắc biết rõ hai người vốn chịu ơn sâu nặng của vị sư già, cho nên anh phát biểu dài như thế. Dài như một bài diễn văn. Vừa nói vừa nhìn vào mắt họ. Chủ yếu để thăm dò. Nếu họ chịu khuất phục ngay, hân hoan tán thưởng ngay, đó là điều tốt nhất, quá sức mong đợi. Và Khoát lập tức liệt họ vào hàng cốt cán, sẽ cho họ những ân huệ đặc biệt... Còn nếu họ chưa chịu hợp tác, thì ít nhất lời nói của anh cũng phân hóa được hàng ngũ địch, biến họ thành trung lập. Mà những người đã trung lập, thì chỉ cần khéo léo một chút xíu, là đã bước chân sang phía bên này rồi. Chút xíu khéo léo ấy tức là một tí lợi quyền chẳng hạn, một tí sợ hãi chẳng hạn. Con người ta, lợi quyền ai chẳng ham, sợ hãi ai chẳng muốn tránh. Con người vốn tham lam, vốn hèn yếu. Đánh mạnh vào những điểm ấy, trong những lúc bão tố như thế này, chắc chắn anh sẽ tập hợp được một đội quân cuồng nô đi theo. Ba đợt cải cách, mà anh đã tham dự, đã cho anh những kinh nghiệm ấy. Chính vì vậy nên Khoát không vội vàng. Mới chỉ có ba ngày, tức là lửa chỉ mới nhen, gió chỉ mới dấy lên hiu hiu thổi. Mười hôm nữa, lửa sẽ bùng bùng, gió sẽ ào ào. Đến lúc ấy, gió lửa cuồng nô sẽ cuốn phăng tất cả. Trong trận cuồng phong có ai cưỡng lại được gió. Đến lúc ấy, kẻ nào chậm chân, hay dừng lại, sẽ bị nó đè bẹp, dẫm nát, xé tan ra từng mảnh. Hỡi các người! Hãy mau theo ta! Ai đến sớm nhất sẽ có lợi nhất. Người xưa chẳng nói trâu chậm uống nước đục hay sao. Anh đội Khoát nghĩ như vậy và cứ chăm chăm nhìn vào hai người. Anh chờ đợi, nhưng hai người chỉ cúi đầu xuống, lảng tránh tia mắt của anh. Cuối cùng, anh Khoát nói:

- Tôi biết lão sư già rất tinh vi. Hẳn che đậy rất khéo léo những hành động, những lời nói. Vì vậy, các vị cần có thì giờ để ôn lại. Ngay từ giờ

phút này, các vị hãy bắt đầu cố nhớ lại cho thật kỹ. Chớ bỏ sót một chi tiết nhỏ nhất nào. Có khi một chi tiết nhỏ lại là một đầu mối lớn cho chúng tôi. Nhớ ra điều gì đến gặp tôi ngay. Cách mạng kêu gọi các vị đấy... Tôi chờ đợi các vị đấy... Nên nhớ, càng sớm càng có cơ hội, càng muộn càng bất lợi... Hai vị hiểu đấy chứ?

Lời nói vừa như mơn trớn, vừa như đe dọa ấy làm sư Khoan Độ và cô Nguyệt suy nghĩ rất lung. Họ cảm cúi về chùa chẳng nói một lời. về đến nơi, họ vào ngay nhà tổ. Sư cụ ngồi ở tràng kỷ chờ họ. Sư Khoan Độ thưa:

- Bạch thầy, tình hình rất căng thẳng.

- Con cứ bình tĩnh kể lại đầu đuôi.

Sư bác, sau khi kể, đưa ra kết luận:

- Bạch thầy, anh đội Khoát muốn chúng con tố cáo thầy bằng bất cứ giá nào. Xoay quanh việc thầy thân thiết với ông chánh Long và sư thúc Vô Trần.

- A di đà Phật! Ông chánh Long thì đi một nhẽ. Mục tiêu của cải cách ruộng đất mà. Còn ta cũng đi một nhẽ. Vì là mê tín dị đoan, vì làm mê muội nhân dân mà. - Còn sư thúc của các con... ông ấy làm người cách mạng... nhưng cũng không thoát... A di đà Phật!...

Sư bác thở dài:

- Con thiết nghĩ trước sau thế nào họ cũng bắt sư phụ. Con nghĩ thế vì anh đội Khoát không úp mở gì, quy sư phụ là phần tử phản động. Tình thế thật khẩn trương.

- A di đà Phật! Ý con như thế nào?

- Bạch thầy, tình hình đã đến nước này, con nghĩ thầy cứ trốn đi là hơn.

- Đi trốn ư?

- Thưa thầy, con nghĩ đã đến lúc nguy cấp, nếu ta không tính nhanh thì sẽ không kịp. Nếu thầy ở lại, chắc sẽ chuốc lấy tai họa. Con xin mạn phép tính thế này: Ngay đêm nay, con hộ tống thầy, ta lên đường ngay. Đội mới về chỉ ít hôm, đội cải cách chưa tập hợp đủ người tin cậy. Việc gác xách các nẻo đường còn vô cùng lỏng lẻo. Trong kháng chiến, con đã thuộc mọi đường ngang ngõ tắt. Trời càng tối càng thuận lợi. Con đi đêm chẳng khác gì đi ban ngày...

Vị sư già cười mỉm hiền hậu:

- Con định đưa thầy đi đâu bây giờ? Lúc này ở ta, nơi nào chẳng đang cải cách.

- Thầy trò mình lại quay trở về chốn xưa. Lại về vùng núi sâu Yên Tử. Ở đấy, dân thưa vắng. Ở đấy, dân sơn cước tính tình chất phác. Ở đấy, đất đai rộng rãi. Chắc chắn ít địa chủ hơn. Chắc chắn ít sự tàn khốc. Cho nên cuộc đấu tranh cũng ít khắc nghiệt hơn. Vả lại cái am mà thầy trò ta trú ngụ ngày xưa vẫn còn. Chỉ có mái lợp lá đã sứt hết cả. Con chỉ cần gác mấy chiếc đòn tay, rồi cắt ít tranh lợp lại là thầy trò ta có thể sống qua ngày. Con lạy thầy! Xin thầy nghe con! Hãy đi lánh nạn vài tháng. Đợi cho yên tĩnh trở lại, con lại xin công thầy quay trở về đây ngay... Còn việc ở nhà, mong thầy yên tâm. Chú An nay đã lớn khôn, có thể đảm đương được việc đèn nhang, chẳng bao giờ có chuyện hương lạnh khói tàn. Việc đồng áng thì đã có cô Nguyệt và vãi Thầm quán xuyên...

Sư cụ, mặt rất vui, tỏ vẻ hài lòng với người học trò. Cụ gật đầu nói với giọng ung dung điềm tĩnh:

- Con tính toán mọi việc thế là chu đáo. Tuy nhiên, thầy không thể bỏ trốn được lúc này. Bởi vì đã mang lấy nghiệp là phải gánh chịu nghiệp. Nếu tránh được khi này, thì nghiệp vẫn sờ sờ ra đấy, lúc khác ta lại phải gánh chịu. - Sư cụ nhắm mắt lại một lúc như để quán tưởng điều gì rồi mở mắt ra bảo. - Chỉ tiếc rằng cái căn nghiệp mà chúng ta chịu đựng phen này khá nặng nề. Và lại, nghiệp này chỉ mình ta phải chịu. Nếu như ta cùng con đi trốn. Việc ấy sẽ liên lụy đến con. Đó là điều ta không muốn. Khoan Độ ạ, trốn cũng không được đâu. Ta sẵn sàng hy sinh cho Phật pháp. Nếu lỡ xảy ra chuyện gì, thì ở đây phải trông cậy vào con... Thầy đã nghĩ kỹ rồi. Thầy sẽ đến gặp anh đội cải cách.

Hai thầy trò nói chuyện đến tận khuya. Anh đội Khoát mới chỉ về làng vài hôm, nhưng đã có thái độ riêng. Anh ta rất lạnh lợi, yêu ghét rõ ràng. Khoát chắc chắn là người vô thần, mà vô thần đến mức cực đoan. Ngay ở gần đình, có một điện thờ tam tứ phủ. Sáng về làng thì chiều anh ta đến ngay và hỏi:

- Ở đây thờ gì? Sao lại có hai con rắn trên quá giang thế kia? Thờ rắn à? Thờ hổ mang à? Anh em du kích đâu, giết ngay hai con rắn xanh rắn trắng xuống. Cách mạng không dung thứ cái trò mê tín dị đoan.

Riêng đối với chùa, anh Khoát dè dặt hơn, nhưng rất ghét các nhà sư, nhất là những nhà sư hổ mang, hư đốn. Anh bảo với những cốt cán:

- Lão hòa thượng hèn mọn ở chùa làng ta có sao lại thu phục được dân chúng thế nhỉ. Tôi hỏi dân làng, không nghe thấy ai nói xấu ông già. Chắc hẳn đã làm nhiều điều bàng môn tà đạo để mê hoặc dân. Mà lại biết cách che đậy kín đáo. Hẳn đeo mặt nạ đi tu. Tôi phải vạch trần bộ mặt thật của hẳn ra.

Khoát đặt ra cả một kế hoạch để hạ gục sư Vô úy mà Khoát tin là một phản động đầu sỏ. Bước đầu gọi sư Khoan Độ và Nguyệt lên, đó chỉ là

bước đánh động, phân hóa. Khoát chưa kịp tiến hành bước sau, thì sư Vô úy đã tự động dẫn thân đến

ngôi đình, trụ sở của đội. Phật giáo là một tôn giáo lớn, có ảnh hưởng sâu nặng với làng quê từ bao đời nay. Đâu có giống như đạo Mẫu, đạo ngòi đồng, đạo dân gian chẳng bao giờ có chút quyền uy. Đó là đạo của những người đàn bà thôn quê khổ cực chẳng biết than thân cùng ai, nên đến đó để làm ông hoàng bà chúa trong chốc lát, cốt giải tỏa những sầu khổ, uất ức, tủi nhục. Đã là đạo của những người đàn bà thì ai muốn làm gì chả được, muốn đối xử tùy tiện thế nào chả được. Còn đối với đạo Phật, đối xử với nó tức là đối xử với cả một bề dày văn hóa tâm linh. Đối xử với nó tức là đối xử với cả một chiều thăm thăm của lòng nhân ái. Đối xử với nó tức là đối xử với chính mình. Bởi vì bất kỳ ai chẳng có chút Phật trong lòng mà mình không biết. Có thể ta phủ nhận điều đó, nhưng nó cứ tồn tại trong ta. Nó gây cho Khoát sự gờn gợn, sự lúng túng. Anh biết anh đang có một quyền uy vô cùng to lớn trong tay, quyền uy của một đội trưởng cải cách, nghĩa là anh có quyền sinh quyền sát con người. Song dù là thế, anh vẫn cứ thấy gờn gợn, lẩn cấn trong lòng. Điều mà một người có tiếng là cứng rắn, là lập trường vững vàng như anh cũng không thể phân tích nổi. Vì vậy, nên Khoát hôm ấy mới điềm tĩnh và mềm dẻo. Một điều hiếm thấy. Anh ôn tồn hỏi:

- Hòa thượng đến đây có việc gì?

Ông sư già rất lễ phép:

- Chúng tôi biết lúc này anh đội phải bận trăm công nghìn việc, chúng tôi không dám phiền anh đội lâu đâu ạ. Chúng tôi chắc anh chưa rõ tình hình của chùa làng. Cho nên tôi tới xin được giải bày cùng anh đội đôi lời.

Đội Khoát bỗng hỏi một câu hình như có vẻ rất xa đối với tình hình lúc đó. Nó có vẻ rất lý thuyết, chẳng dính líu gì tới nhiệm vụ của một đội cải cách ruộng đất về làng. Tuy nhiên vẫn thấy sự căng thẳng trên nét mặt và trong giọng nói của anh:

- Phật giáo dùng để làm gì nhỉ? Để cho các chùa chiền được tự do liệu có ích gì không?

Sư Vô Úy không ngờ bắt đầu cuộc nói chuyện với con người nổi tiếng là cứng lòng ấy lại là câu hỏi như vậy. Có thể vì Khoát lúng túng chẳng? Hay là anh ta cũng có những vướng mắc trong tâm hồn mà vô tình đã bật ra lời. Sư cụ nhân cơ hội, hiền hòa nói:

- Từ bao đời nay, dân ta đều biết Phật giáo dùng để cứu đời. Hàng ngàn đời nay, Phật giáo ở nước ta chỉ làm lợi lạc cho đất nước, cho nhân quần. Ân đức của đức Phật giáo hóa cho dân thật vô lượng. Vì thế nên làng nào, xã nào trên đất nước ta cũng có chùa. Từ lý lẽ thâm sâu cho tới hành động của nhà chùa đều chỉ vì mục đích tạo điều lành, diệt điều ác. Cũng từ xưa đến nay, cả nhà chùa, cả chính quyền đều cùng lập hạnh. Chính quyền lo sự an dân. Nhà chùa lo dạy dân hướng thiện, tránh ác. Tức là Phật giáo lo trị bệnh cái tâm con người. Nếu tâm lành, thì mọi sự bình an, trời đất thái bình. Tâm là gốc của sự sự, việc việc trên thế gian...

Hình như lời nói của sư Vô úy làm cho gương mặt của anh đội Khoát đã bớt nét căng thẳng. Anh dịu giọng hơn khi hỏi:

- Nói thì hay như vậy, nhưng tại sao trong dân gian, sư sãi vẫn làm lắm việc không hay, thật chẳng khác gì những kẻ xấu trong xã hội. Người ta gọi họ là sư hổ mang, là kẻ trốn việc quan đi ở chùa.

- Hòa thượng chỉ là tên gọi, trong họ vẫn có kẻ phàm người thánh. Người ta không thể chỉ thấy mấy ông sư làm sai mà trách cứ chê bai Phật giáo. Nói rộng ra, tất cả các đoàn thể trên thế gian này đều như thế cả. Không có đoàn thể nào chỉ toàn người chính trực. Biển cả bao dung chứa đựng muôn loài không phân biệt cá tôm cua ốc. Tánh Phật cũng bao la như biển cả, dung chứa tất cả chúng sinh, kể cả tốt lẫn xấu.

Có lẽ lời lẽ của hòa thượng đều đúng quá. Cũng có khi vì cách trao đổi quá ư hiền hòa và viễn vông lý thuyết. Điều ấy không phù hợp với phong cách của một anh đội trưởng cải cách, mà tính sắt đá, tính cuồng nộ bùng bùng khí thế mới là phong thái điển hình. Cho nên, bỗng nhiên, Khoát đổi giọng. Dây đàn chùng được căng lại.

- Thôi, không dông dài nữa. Ông sư hãy nghe đây. Đội cho ông về suy nghĩ. Ngày mai, chín giờ, ra đây. Phải trình bày rành mạch mối quan hệ của ông với tên Trần, tên Năm, tên Long. Chúng nó là bọn địa chủ, bọn phản động, có nợ máu với nhân dân. Ông đã rõ những lời tôi nói chưa?

Khoát báo cáo tình hình lên Đoàn ủy. Có vẻ Đoàn ủy cũng lưỡng lự. Bởi vì, xét về mặt chiếm hữu ruộng đất và bóc lột nhà chùa tuy có cho cấy rẽ hơn một mẫu ruộng thật, nhưng mức tô lại quá thấp. Ở những chân ruộng xấu, hầu như tô chẳng có gì, nhà chùa chỉ lấy ít thóc tùy tâm người cấy để nhang đèn cúng Phật. Những nhà nghèo làm ruộng thuê, chẳng ai tố cáo điều gì, vì lẽ họ thật sự chịu ơn nhà chùa đã giúp họ miếng cơm. Vả lại, tố điều cho nhà chùa, hoá ra tố điều cho đức Phật à, điều này họ không dám làm.

Một hôm, bà cụ Thầm nói với con gái bằng một giọng rất tinh táo. Quái lạ! Mọi khi bà cứ mê mê tỉnh tỉnh nói toàn chuyện âm phủ. Không hiểu sao hôm ấy bà nói khôn thế:

- Bố mày về tối hôm qua nói chuyện với mẹ đấy. Ông ấy bảo tao rằng: “Dân làng ai nói hơn nói kém, mặc người ta. Còn vợ chồng mày, đối với nhà chùa phải nói cho thật. Chịu ơn ai thì nói chịu ơn. Đừng có a dua, đừng có tham như mõ mà một nói thành mười. Kẻo rồi lúc xuống âm phủ, quỷ đầu trâu nó bẻ răng rút lưỡi”.

Bản tính vợ chồng anh Lắm chị Thì vốn lương thiện, lại được mẹ dặn dò, cho nên dù được bắt rẽ làm cốt cán, dù được đội bồi dưỡng thế nào, anh vẫn luôn luôn một mực nói hay cho nhà chùa. Không có lời tố khổ của

quần chúng, lại không có chứng cứ rõ rệt, nên quy cho sư ông Vô úy bóc lột cũng khó, mà quy là phản động cũng khó. Cho nên đội Khoát vô cùng khó xử.

Cho đến khi mẹ con bà Năm, cái Huệ bỏ trốn, Khoát liền cho đội du kích bao vây nhà chùa, theo dõi cả ngày, lẫn đêm. Lại có lúc tỏ ra lơ đãng, sơ hở, tạo điều kiện cho ông sư đi trốn, để tạo cơ bắt quả tang. Tuy nhiên, nhà chùa vẫn chẳng hề động tĩnh. Nhưng đến hôm xử bắn chánh Long, thì đội trưởng Khoát nôn nóng không được. Điểm mấu chốt là Khoát muốn hoàn thành hồ sơ về Vô Trần. Anh ta cứ khẳng định rằng Vô Trần, chánh Long, sư Vô úy là một tổ chức phản động, địa chủ cấu kết với nhau, mà vô Trần là kẻ đứng đầu. Theo kinh nghiệm ba đợt cải cách anh đã tham dự, lô gích của các sự việc phải là như thế. Nếu chỉ bắt địa chủ ác bá đem bắn, điều ấy đội cải cách tầm thường nào chẳng làm được. Nhưng nếu phát hiện được một tổ chức phản động chui sâu leo cao vào để phá cách mạng từ bên trong, rồi chúng lại cấu kết với bọn địa chủ bóc lột, và bọn tôn giáo chống đối cách mạng nữa, thì công tích ấy thật to lớn vô cùng, và con đường thăng tiến cách mạng của anh cũng sẽ thêm thang không thể lường được.

Khoát nhắm vào Vô Trần, nhưng Vô Trần lại có một vỏ bọc cách mạng từ hồi bí mật. Hiện nay, Trần là chính trị viên tiểu đoàn trong quân đội. Khoát đã đề nghị Đoàn ủy viết giấy gọi anh ta về xã để cho đội cải cách xét hỏi. Tuy nhiên, vẫn chưa thấy quân đội giải anh ta về. Chắc Trần đã được cấp trên bao che. Trường hợp này thật khó vô cùng. Song càng khó Khoát càng thích. Bởi vì tóm được một tên phản động chui sâu, công càng to.

Trong tình hình ấy, khi mẹ con bà Năm bỏ trốn, Khoát càng tin rằng Vô Trần và bà Năm có tội thực sự. Người ta gửi điện đến các địa phương trong tỉnh để truy lùng mẹ con bà Năm. Cách suy nghĩ của bà Năm là đúng. Bà không ra đường quốc lộ, đó là con đường gần nhưng nó lại vẫn nằm

trong tình và ở trong một vùng đang cải cách ruộng đất sôi động. Bà đi lên hướng bắc thoát sang tỉnh bạn, ở đó tình hình yên ắng. Hai mẹ con thoát khỏi sự truy đuổi gắt gao. Hai mẹ con ngủ cầu, ngủ quán, ngủ đình, ngủ chùa. Chẳng có đồng nào giặt lưng. Đói thì ăn xin, khát thì uống nước ruộng. Mất ba ngày lần mò mới lại ra đến đường quốc lộ. Hai mẹ con ngồi bên vệ đường định đón ô tô đi nhờ về Hà Nội, nhưng hồi ấy rất ít ô tô. Chờ cả một tiếng mà chẳng có chiếc xe nào đi qua. Đang chờ bỗng nghe tiếng ồn ào. Văng vẳng như tiếng hô khẩu hiệu. Nghe cả tiếng gõ trống. Một lát sau, thấy xuất hiện đoàn người đi cổ động kéo dài trên đường quốc lộ. Hóa ra ở đây cũng bắt đầu phát động quần chúng. Hai mẹ con sợ hãi quá vội lẫn sang bên kia đường. Họ vội tránh xa khỏi con đường và đám cổ động. Vượt qua con đê đến cánh bãi ven sông. Ở đây, ngô cao lút đầu người. Họ chui vào những ruộng ngô. Bà Năm bảo Huệ:

- Mẹ nghĩ kỹ rồi. Đi đường quốc lộ, mẹ con ta dễ bị bắt lại. Chi bằng ta đi theo đường sông. Trên sông vắng người. Đây là sông Hồng. Nó sẽ dẫn mẹ con ta về Hà Nội.

Đói bụng quá, Huệ phải lấy trộm vài bắp ngô non, bóc ra. Hai mẹ con ăn ngô sống. Ngô non ăn sống cả lõi ngọt lừ. Mẹ con đang ăn thì nghe thấy tiếng người đằng hắng. Thật nguy hiểm. Họ đã bị bắt quả tang ăn trộm. Nếu người canh đồng bắt họ đưa về xã thì sao. Thấy tiếng nhưng chưa thấy người. Kẻ bắt trộm vẫn đứng trong lùm ngô cao quá đầu người. Hai mẹ con bà Năm bật thành tiếng khóc rồi sụp xuống lạy về phía tiếng người:

- Mẹ con tôi xin người tha tội. Chẳng qua đến bước đường cùng, đói bụng quá ăn mấy bắp ngô. Chúng tôi vốn người lương thiện, chưa ăn trộm ăn cắp của ai bao giờ.

Người đằng hắng hình như còn nấp kín để quan sát xem thực sự mẹ con bà Năm là người thế nào. Mẹ con bà, mặc quần áo nâu cũ đã hơn một tuần chưa thay, lại lẫn lộn đường trường gió bụi nên thân hình tiêu tụy, mặt mũi nhem nhuốc. Tuy nhiên, ở họ, dáng vẻ vẫn rất đàng hoàng, dáng vẻ của

những con người tử tế sa cơ lỡ bước, chứ không phải của phường trộm cắp. Và lại họ có những gương mặt sáng sủa. Người giấu mặt chắc đã thấy họ từ lâu, trước khi đằng hắng đánh tiếng. Có tiếng lá ngô xào xạc và tiếng chân người bước ra. Hai mẹ con vừa sợ vừa nhục, vẫn cúi đầu. Một tiếng nói cất lên:

- Mẹ con đừng sợ. Nào hãy đứng dậy.

Huệ và bà Năm vô cùng ngạc nhiên khi thấy đứng trước mình không phải người canh đồng mà là một bà lão tóc bạc trắng. Bà cụ trạc ngoài bảy mươi, vẫn còn khỏe, lưng không còng, dáng vẻ tinh anh vững chãi. Đôi con mắt nhỏ vẫn còn sáng nhìn họ như biết cười.

- Mẹ con đói lắm phải không? Nhà ta ở gần đây. về ta thổi niêu cơm nóng cho ăn. Kéo cứ ăn sống ăn chín mãi, rồi sinh bệnh ra...

Căn lều của bà cụ rách nát tuềnh toàng. Khi hai mẹ con ra vại nước, bà cụ nhóm lửa nấu cơm trong chiếc niêu đất. Nhìn hai gương mặt sáng bừng của chị Năm và Huệ, sau khi đã rửa mặt, bà cụ cười móm mém và cứ gật đầu một mình. Bà cụ xới cơm nóng, lấy mấy quả cà và bát tương cho mẹ con chị ăn, rồi ngồi bên cạnh thủ thủ:

- Ta chỉ nhìn mặt cũng biết mẹ con chị là người thế nào. Ta biết mẹ con chị là người tử tế nên ta mới giúp. Chắc là mẹ con gặp cảnh ngang trái phải không? Trốn nợ, vợ cả vợ lẽ lục đục, hay là cháy nhà lũ lụt mà phải lang thang cơ nhỡ? Ta nghĩ mãi

nhưng chắc không phải... Không phải bởi vì ta cứ thấy mẹ con chị cứ lấm lét... sợ sệt... Dáng vẻ của các con là những người đi trốn... Kìa... các con cứ ăn đi, và đừng có sợ... Cả đời ta, ta chỉ biết giúp người mà thôi... Ta hiểu chứ... Nhìn thấy hai mẹ con lam lũ nhưng mặt mũi sáng sủa... dáng vẻ đường hoàng là ta nhận ra ngay... Ta biết ngay các con là người gặp hoạn nạn trong cái cách... Các con cứ ăn đi... Mà đừng sợ hãi gì... Ta phải nói

thế, vì ở mỗi hoàn cảnh, lại phải giúp một cách khác... Có phải không nào... Ta có người bà con đi buôn chuyến. Mười ngày một chuyến về Hà Nội. Bảy ngày nữa bà ta mới tới đây. Nếu là cơ nhỡ bình thường, thì chờ cũng chẳng sao... Còn nếu là chuyện cải cách, thì lại khác. Phải đi thật nhanh, rời khỏi đây thật nhanh, có phải không? Ta biết vì xã ta đã cải cách rồi, có nhà địa chủ bị bao vây, cả nhà không có gì ăn, ôm nhau mà chết... Trốn khỏi quê là phải... Đi nhanh khỏi quê là phải... Hãy ra Hà Nội. Hãy ra thủ đô... Ở đó chắc có bà con... Tìm đến họ hàng mà sống tạm trong lúc sóng to gió lớn.

Hai mẹ con bà Năm cứ cắm cúi ngồi ăn, có lúc họ dừng lại vì lo sợ, vì ngạc nhiên... Cớ sao bà cụ lại nói đúng hoàn cảnh tâm trạng của họ đến thế... Có lúc họ nghi ngại, nhưng khi nhìn nét mặt hiền từ và giọng nói chất phác của bà cụ, họ lại thấy yên lòng. Bà cụ già muốn giúp họ thật.

Sáng hôm sau, bà cụ dậy sớm, rang cho họ mấy mẻ ngô, rồi đổ tất cả vào một chiếc hầu bao bằng vải nâu:

- Từ đây về Hà Nội, đi đường sông, chẳng xa lắm đâu. Ta chẳng có tiền cho các con. Chỉ có bao lương khô này, ăn lúc đói, để khỏi phải ăn xin. Còn thuyền ư? Các con theo ta ra đây.

Bà cụ dẫn mẹ con Huệ ra một vườn chuối khá rộng rồi nói: - Chặt mười cây chuối ghép lại làm bè. Ta cho một mái chèo, một cây sào. về dưới đó xuôi nước. Mẹ con cứ men theo bờ mà đi. Chưa quen, nhưng chỉ một lúc là quen. Nhớ đừng ra giữa dòng.

Họ rưng rưng nước mắt chia tay bà cụ. Sao chẳng có chút máu mủ ruột rà gì mà bà cụ tận tình với họ thế. Hai mẹ con ngồi lên chiếc bè rất thô sơ. Kiểu bè thời nguyên thủy nhưng khá chắc chắn và rất nổi. Nước con sông Hồng vào cuối mùa thu cũng không chảy xiết lắm. May mắn thay, bà Năm vốn biết bơi từ hồi còn trẻ. Còn Huệ, nhờ lúc trước luôn đi theo bọn thặng Căn, thặng Trăm bắt cua bắt cá, lặn lội trên con sông Đào nên sóng

nước với nó chẳng có gì đáng sợ. Bà Năm cầm sào đứng mũi. Cái Huệ cầm chèo đứng cuối bè. Tiếng là bè đi ven sông nhưng cũng nhanh lắm. Có lúc nó trôi phẳng phẳng chồm lên sóng rồi dúm xuống nước như con ngựa bất kham. Có lúc nó lại lừ lừ trôi hiền hòa như một chiếc du thuyền. Huệ nhìn ra giữa dòng sông mênh mông. Ở đó những đám củi rêu trôi phẳng phẳng hối hả. Ở đó, những con thuyền buồm cánh dơi lướt như bay trên sóng dữ. Ở đó những bè gỗ, bè tre nứa, nối với nhau thành một con rắn khổng lồ, uốn mình trên cả một khúc sông dài. Những người chống sào là những người đàn ông ở trần, trên mình có đục một chiếc khố. Những thân hình màu đồng hun sừng sững trên con sông màu đỏ. Một gã chống sào nói tiếng Thanh Hóa bỗng cất tiếng hát:

Sông Bờ Đề nước đỏ như son

Anh chưa lấy vợ, em còn nhớ thương

Sông sâu cá lặn biệt tăm

Chín thu cũng đợi mười năm cũng chờ.

Giọng người đàn ông trầm ấm vang vang trong mênh mông trên những lớp sóng cuộn cuộn. Giọng xứ Thanh hùng tráng nhưng thoang thoang nỗi buồn. Chiếc bè chuối đang trôi bỗng gặp một đàn cá. Chúng từ dưới nước nhảy lên không trung thành những đường cầu vồng trắng toát. Sự ngẫu nhiên nhưng đem lại cảm tưởng như những con cá bạc kia cũng ngần ngại lao xao vì tiếng hát.

Đi đến khoảng quá trưa thì bè chuối của hai mẹ con gặp bè gỗ nứa khổng lồ ở một khúc sông hoang vắng. Khúc sông tương đối êm đềm. Lại thêm một loạt bè nứa như con đê chắn sóng bên ngoài, nên ở phần sát bờ, nước phẳng lặng như trong mặt ao. Cái bè chuối tí xíu so với loạt bè nứa trong như thứ đồ chơi của lũ trẻ con tinh nghịch. Những gã đàn ông thợ bè đang nhóm bếp thổi cơm nhìn hai mẹ con chị Năm bằng những con mắt

hau háu sỗ sàng. Trên một chiếc bè gần đó, ở đấy có một căn lều làm bởi một tấm phên long đôi uốn cong kiểu mũi thuyền. Một người đàn ông mặc bộ quần áo nâu già rất tề chỉnh chui ra. Theo sau là một người đàn ông vạm vỡ mặc một chiếc quần lửng. Người cời trần ấy nói một câu gì đó với người mặc bộ nâu già. Nghe chẳng rõ nhưng nhận ngay ra giọng anh là giọng xứ Thanh. Huệ thầm nghĩ chắc ông ta là người cất giọng hát giữa dòng sông sáng hôm nay. Bà Năm chẳng nói chẳng rằng cứ mãi miết chống sào. Chợt người đàn ông cời trần cất tiếng nói như lệnh vỡ:

- Này, hai mẹ con chị kia. Ông chủ tôi muốn hỏi hai mẹ con chị đi đâu mà lại đi bằng bè chuối. Sao lại vất vả thế?

Bà Năm cũng nói to trả lời:

- Chúng tôi về bến Nứa.

Lúc bấy giờ người mặc quần áo nâu già mới lên tiếng:

- Rõ khổ! Quãng này nước lạng còn đi được. Đoạn sắp tới, bè chuối không đi nổi đâu. Chỗ ấy nhiều xoáy nước. Nước lại chảy xiết.

Hai mẹ con ngược mắt nhìn lên, thấy người được gọi là ông chủ ấy hãy còn trẻ, chưa đến ba mươi. Khác với vẻ dữ dằn phong trần của người đàn ông xứ Thanh cời trần, gương mặt của người quần áo nâu già sáng sủa có vẻ tử tế. Anh ta ôn tồn bảo:

- Chúng tôi cũng mang nứa về Hà Nội. Có muốn đi nhờ thì tôi giúp. Chứ trông thấy cái bè chuối ấy... áy ngại lắm. Nó không chịu nổi sóng dữ của khúc sông kia đâu.

Không cho mẹ con chị Năm kịp ngăn ngừa, người cời trần giơ cái sào rất dài ra, đặt đầu sào lên chiếc bè chuối rồi quát to ra lệnh:

- Này cô bé, năm lấy sào đi.

Huệ lúng túng nhìn mẹ. Chị Năm có một thoáng lưỡng lự, nhưng nhìn dòng sông đỏ ngầu bao la, chị bỗng khẽ gật đầu. Khi hai mẹ con đã lên bè, người đàn ông quần áo nâu già lặng lẽ đi vào trong lều. Còn người đàn ông cởi trần dắt hai mẹ con đến chiếc bè đang bắc bếp thổi cơm. Có năm người phu chõng bè cũng cởi trần như người đầu tiên đang chuẩn bị bữa ăn. Để cho bằng phẳng dễ ngồi, họ cũng trải chiếu nhưng chiếu ở đây là một tấm phen. Có lẽ tấm phen ấy cũng là chỗ ngả lưng.

Mâm cơm không bày biện bát đĩa linh tinh. Thịt lợn thái mỏng bày trên tàu lá chuối, bên cạnh có mắm, muối và những quả ớt chỉ thiên đỏ chót. Một tàu lá khác để bày rau muống luộc. Cuối cùng là một chai rượu trắng nút lá chuối khô.

Người chõng sào xứ Thanh tên là Thọ mang mẹ con chị Năm đến, nhưng không đưa nhập hội, mà để mẹ con chị ở một góc bè rồi bưng đến cho mỗi người một bát cơm lớn với thức ăn đầy tú ụ. Đám phu chõng bè uống rượu bết nhè, có người nằm ngả ngốn trên sạp. Năm mà vẫn uống. Thịnh thoảng lại có anh hau háu nhìn ra chỗ hai mẹ con. Họ vừa ăn vừa nói những chuyện sông nước. Qua những câu nói nghe được lồm bồm, Huệ biết cái ông Thọ xứ Thanh là người cầm đầu. Đoàn bè vượt Thác Bà mới về. Vượt thác bị vỡ bè là thường, nhưng khi ông Thọ là tay chõng sào chính, thì trăm bè vượt yên ổn cả trăm. Cuộc rượu đã đến cao trào. Cách ăn nói đã nhiều phần bỗ bã. Một gã giơ bát rượu lên nói với ông Thọ:

- Ông anh định hưởng một mình sao? ít nhất thì cũng phải cho đàn em tí sái nhì sái ba với chứ.

Ông Thọ quắc mắt:

- Uống cho lằm vào! Mà có cảm mồm đi không?

Rồi ông đứng dậy, đến đưa hai mẹ con chị Năm ra khỏi bè rượu, đi đến chiếc bè cuối cùng, nơi ấy cũng dựng một cái lều vòm. Ông Thọ bảo:

- Hai mẹ con vào nghỉ đi. Gần tối thì nhổ neo. Trời sáng bạch ngày mai, bè đến Hà Nội. Mẹ con nhà chị cứ yên tâm...

Khi ông Thọ quay lại bè rượu, Huệ bảo chị Năm:

- Con sợ đám người này lăm mẹ ạ.

- Còn cái ông Thọ xứ Thanh này thì sao?

- Ông này còn có vẻ tử tế.

Chả biết sao chị Năm thở dài.

Khi nắng nhạt, đoàn bè nhổ neo. Con rồng khổng lồ ườn mình nằm trên dòng sông màu đỏ. Nó im lìm lười biếng nổi phềnh trên nước, chẳng chút cựa quậy, mặc cho dòng nước kéo mình đi. Đám phu bè cũng không phải hoạt động nhiều. Họ rải đều trên các bè, chỉ chèo chống khi cần thiết, cốt làm sao cho đoàn bè đi giữa dòng nước, và giữ cho khỏi va chạm khi gặp vật cản trên sông. Ông Thọ chỉ đứng mũi khi qua khúc sông hơi vòng vèo mà ông cho là hung dữ. Trong bóng tối mịt mù, lại nghe thấy giọng hò xứ Thanh hùng tráng và trầm buồn của ông cất lên. Lại câu hát cũ mà Huệ đã nghe.

Con sông Bồ Đề nước đỏ như son...

Tiếng hát ở đầu đoàn bè mà sao nghe thấy xa tít tắp. Có lẽ gió thổi xuôi theo con sông đã đuổi tiếng hát vào trong mênh mông để cho Huệ nghe khi được khi mất, lúc tỏ lúc mờ. Tiếng hát bị phai nhạt như vậy nghe càng buồn. Nhất là lại có tiếng sóng vỗ vào bờ oàm oạp làm âm nền cho nó.

Khoảng gần nửa đêm, đến một khúc sông rộng và êm. Ông Thọ thôi đứng mũi, nhường chỗ cho người phụ lái, quay về phía đuôi đoàn bè. Và lại lúc này trăng đã mọc. Cũng may là đêm ấy không có sương mù. Mặt sông long lanh ánh trăng. Cô bé Huệ chìm dần vào giấc ngủ. Một giấc ngủ nặng

nề phập phồng, hậu quả của mấy ngày trốn lủi đầy bất trắc và lo sợ. Một giấc ngủ mê man, nhưng người ta có thể choàng ngay dậy bất cứ lúc nào.

Một tiếng động lạ dù nhỏ cũng có thể phá tan giấc ngủ ngay tức khắc. Huệ đã choàng tỉnh khi nghe thấy một tiếng động như vậy. Mới tỉnh thì Huệ hoảng hốt. Nhưng nghe thật kỹ thì chỉ là tiếng hai cây nửa cọ vào nhau loạt xoạt. Cô quay lưng lại tìm mẹ bên cạnh, song cô rất ngạc nhiên vì không thấy mẹ Năm đâu. Cô định ngồi dậy đi ra ngoài, chợt nghe thấy một tiếng thì thào từ bên ngoài, ở bên kia cánh lều vọng vào:

- Ơ hay... ông làm cái gì đấy.

Một tiếng thì thào khác đáp lại, giọng trầm.

- Tôi van bà mà... Tôi xin bà mà... Đừng nên to tiếng... kéo con bà...

Lúc này Huệ đã hoàn toàn tỉnh ngủ. Bây giờ cô đã dần dần hiểu ra... Tiếng của mẹ và tiếng của người đàn ông xứ Thanh... Cô đã choàng thức dậy vì có lẽ một phút trước đây là một cuộc vật lộn... Còn bây giờ lại là sự lặng lẽ... Chợt Huệ thấy lòng mình run rẩy... Người ta đang làm gì đây... Hay là ta... ta kêu lên thì sao nhỉ. Nhìn ra cửa khoang lều... Khúc sông này rộng bao la. Cô nghĩ... Không hiểu ta kêu lên liệu có ai nghe tiếng ta không nhỉ... Bên sông là bãi ngô... Rồi đi hàng cây số nữa mới đến đê... Những gã đàn ông vạm vỡ gần như trần truồng với những con mắt hau háu nhìn mẹ con nàng... Hình ảnh những con người hoang dã uống rượu lúc chiều bỗng hiện lên trong óc đã ngăn tiếng kêu ngừng lại trong cổ họng mà lúc bỗng bật cô bé định thốt lên. Ở bên ngoài vách lều, tiếng thì thào vẫn vang lên:

- Tôi van bà mà... Chúng nó đang đợi đấy... Bà mà kêu lên lúc này... chúng nó sẽ xô cả lại... Bà biết đấy... chúng nó nhịn đã lâu lắm rồi... Lũ hổ đói... Chúng nó định... hội đồng với bà...

-Hả?

- Thực đấy... chẳng những chỉ với bà... mà còn muốn... hội đồng con bé...

- Khốn nạn! Chạm đến con bé thì... tôi liền chết...

- Đừng nghĩ vớ vẩn... Tôi không muốn hại nó đâu... Thật đấy... Tôi đã ngăn... không cho chúng nó làm thế... Chúng đã nghe... nhưng nếu bà kêu lên... thì tôi chịu... Chắc chắn chúng sẽ đổ xô đến.

- Các người không sợ chính phủ à?

- Vớ vẩn! Làm gì có chính phủ. Ở đây chỉ có sóng và nước. Mấy lại... chắc chắn bà cũng đang trốn tránh chính phủ. Ông chủ tôi tinh lắm. Ông ta bảo rằng mẹ con bà... trốn cái cách.

- Ông chủ là người tử tế... Ta sẽ mách ông chủ.

- Vớ vẩn. - Bà có hiểu không? Ông ta thích con bé nhà bà... Lão ta chuyên thích cốm non... Lão ta chỉ khác bọn ta... là thích từ từ đưa mẹ con bà vào tròng mà thôi... Nào... nghe ta đi... Ta không muốn hại con bé... Thật đấy... Cứ nghe ta... ta sẽ giúp... Nào... Ta thề là được chứ gì... Ta van bà mà... Ta xa nhà... Nửa năm rồi... Ta thêm đàn bà lắm rồi... Không nghe ư... Ta sẽ xé tan quần áo... Mà lúc đó... bọn kia xô lại... ta làm sao ngăn được chúng... làm sao bảo vệ được cho con bé... Nào nghe ta đi, ta đâu chịu đựng được mãi... Ôi chao...

Một tiếng thì ào dài... Nghe như tiếng gió... Cũng có thể là tiếng thở dài của mẹ... Tiếng thở dài cam chịu... dù sao cũng còn chút hy vọng mong manh. - Dù mong manh như một sợi tơ trời cũng phải bám víu... Những lời nói thật hay những lời mà cả... Thôi mặc... Gió lại thổi dài một lần nữa... Lần này gió hu hu như khóc... Xen lẫn tiếng gió là những tiếng động mạnh.

Rồi hỗn hển. Rồi rên rỉ. Cô bé Huệ bịt tai lại. Rồi vừa bịt tai vừa ôm mặt. Nước mắt trào ra nóng hổi ướt đầm hai bàn tay...

Cũng may, người đàn ông xứ Thanh đã làm đúng lời hứa. Chỉ mấy phút sau, ông ta lấy chiếc thuyền thúng tựa bên lều ra, cho hai mẹ con chị Năm ngồi vào rồi đẩy xuống nước ra sau bè. Cũng lúc ấy bọn phu chống sào ở những bè phía trên xô cả ra chỗ lều:

- Anh Thọ ăn mảnh một mình.
- Đều thật! Chẳng cho chúng ông ăn xái với.
- Sao lại thả đi? Sao lại phí của thế hở trời?

Tiếng lao xao xa dần. Bè cứ trôi phẳng phẳng. Và con thuyền nan của mẹ con Huệ bị một con xoáy nước kéo ra thật xa. Những đợt sóng lôi con thuyền lên thật cao rồi lại cho rơi tòm xuống nước. Con thuyền như một chiếc lá giữa dòng. Người mẹ hét lên:

- Ngồi chính giữa. Bám vào cái ngáng. Thuyền dù có lật cũng bám lấy nó. Không được rời tay.

Lúc này, con thuyền nan đã rơi vào giữa con xoáy nước. Con thuyền đột nhiên xoay tròn, xoay tít. Nỗi sợ hãi đã biến thành nỗi khủng khiếp. Huệ hét lên. Nước lập tức ào vào miệng cô. Tay cô cố giữ mạn thuyền, nhưng thực ra cô đã mê man bất tỉnh. Con thuyền lật nhào, sóng giăng tay cô ra khỏi mạn thuyền. Rồi sóng đưa cô đi... Cô chẳng còn biết cơn sóng dữ đang đưa mình đi đâu. Cô chẳng còn biết đâu là bờ, đâu là bến. Hình như trong khi mê man, có lúc cô còn nắm được vào tay bà Năm, nhưng sóng vô tình đã giăng cô ra khỏi cả bàn tay mẹ. Hình như trong lúc mê man Huệ đã kêu lên “Mẹ ơi! Mẹ ơi!”.

ĐỘI GẠO LÊN CHÙA

Nguyễn Xuân Khánh

www.dtv-ebook.com

Chương V

Buổi sáng hôm phát hiện ra Rêu tự tử ở giếng, chùa làng bỗng tấp nập hẳn lên. Tiếng bà Thêu hờ khóc con gái. Bà tỉ tê kể lể khiến ai nghe cũng ái ngại. Rõ hoàn cảnh của Rêu nên người ta càng thương cảm. Nhất là khi vớt xác cô lên, đặt cô nằm dài trên cỏ. Tôi không được ra nhìn, nhưng dân làng được đến bảo rằng cô vẫn như lúc sống, vẫn đẹp như hoa. Mớ tóc đen như mun xòa trên cỏ. Da mặt trắng toát, trắng hơn cả ngày thường. Đôi mắt nhắm nghiền. Đôi môi như thoáng một nụ cười chua xót. Người cô mặc chiếc quần đen, áo trắng. Người ta bảo trông cô thánh thiện, tinh khiết và trong vắt. Trong vắt, đấy là lời nói của chính người dân làng Sọ. Tôi lúc ấy còn bị giam, làm sao nghe được, nhưng về sau tôi được nghe chính mồm người kể lại nói như vậy. Tại sao lại thốt ra được một chữ về Rêu chính xác đến như vậy nhỉ? Riêng tôi, chơi với cô bé, là bạn thân của cô, nên có cảm nghĩ về con người tinh khiết của cô như vậy, điều đó dễ hiểu thôi. Còn người làng, chỉ đến khi cô chết, họ mới nhận ra điều đó. Phải chăng vì cô chết dưới giếng, chết trong nước, cho nên mới có liên hệ với nước trong vắt. Cô đẹp, điều này ai cũng thấy. Cô hát hay như họa mi. Giọng con mi thì lạnh lót và lại trong veo như pha lê. Có lẽ giọng hát của cô cũng gọi nên một mối liên tưởng nữa chẳng. Bây giờ thì tôi hiểu rồi. Rêu có một thân phận đầy cảm thương. Chỉ có khác, cái chất tinh khiết trong vắt của cô, khi chết dân làng mới nhận ra. Còn lũ trẻ chúng tôi, bạn của cô thì đã nhận thấy lâu rồi.

Đám ma của Rêu, giữa hồi cải cách, mà đông người lắm. Phú nông địa chủ cũng đi đưa, bần cố cũng đi đưa, cốt cán cũng đi đưa, cả đội trưởng Khoát cũng đi đưa. Khi hạ huyệt, đám thanh thiếu niên khóc như ri. Điều này dễ hiểu. Nhưng mà... Cả cốt cán lẫn cánh địa chủ cũng khóc. Thật là lạ!

Hóa ra Rêu là người chẳng mang thành phần nào. Địa chủ cũng tìm thấy ở cô một cái gì đó. Mà nông dân cũng cho rằng cô đã được sinh ra từ bùn lầy.

Cái chết của Rêu làm anh đội Khoát nghi ngờ. Trong cái cách, có một người tự tử, đó là một chuyện lớn. Thông thường nó gây khốn đốn cho nhiều người. Người ta sẽ đặt câu hỏi: tự tử hay là bức tử. Nếu tự tử, thì tại sao lại tự tử. Phản ứng giai cấp chẳng? Sợ hãi hay là trốn tránh sự đấu tranh của nông dân. Còn nếu bức tử, thì ai đã giết? Giết để gieo rắc hoang mang đe dọa quần chúng đấu tranh, hay để bịt đầu mối.

Người bị khốn đốn trước tiên là những địa chủ, những người có liên quan tới địa chủ, những phần tử dính líu tới phong kiến đế quốc, những phần tử phản cách mạng... Lẽ dĩ nhiên hai thầy trò tôi bị nghi trước tiên. Chúng tôi bị quy là phần tử phản động, lại ở gần liền kề nơi xảy ra cái chết. Thầy tôi bị nghi ít hơn, bởi vì cụ già rồi, không thể hành động được. Tuy nhiên, vẫn bị tra vấn, vặn vẹo; người ta vẫn có thể cho rằng cụ không hành động nhưng là người vạch ra kế hoạch. Anh Khoát hỏi:

- Ông sư già! Hãy khai ra, tại sao ông lại mưu mô giết hại cô Rêu? Cô ấy là người hiền lành tử tế. Cô ấy như cái hoa mới nở. Ông là người tu hành nhưng sao ác độc. Rõ là đồ khẩu Phật tâm xà. Giết cô ấy để làm gì? Đe dọa nông dân ư? Phá hoại cải cách gây hoang mang ư? Bịt đầu mối chẳng? Có phải cô Rêu đã biết điều gì về tổ chức phản động?

- A di đà Phật! Oan cho kẻ tu hành tôi quá! Tôi bị cùm ở đây nào có biết gì.

- Ừ thì không giết. Nhưng ông đã sai ai giết?

- A di đà Phật! Tôi không sai ai cả. Nhà chùa là chốn từ bi. Cô bé chết đi, lòng tôi cũng vô cùng thương xót.

Tra khảo sử cụ không xong, anh Khoát lôi tôi ra xét hỏi. Anh ngồi trên ghế, bắt tôi quỳ dưới đất. Anh không gọi tôi là chú tiểu nữa. Với tôi, anh

thằng thường hơn. Bởi vì với anh, tôi là kẻ nghi can số một. Anh thẳng cánh tát tôi một cái tát phủ đầu:

- Thằng An! Nghe cho kỹ đây! Mày đã giết cô Rêu như thế nào. Hãy khai ra thật tỉ mỉ.

- Bấm ông đội, tôi bị oan. Tôi là bạn cô Rêu. Làm sao tôi có thể giết bạn.

Tôi vừa nói vừa khóc. Tôi khóc thương cái chết của Rêu. Tôi khóc thương cho số kiếp của tôi.

- Có cảm mồm nín đi không? Mày làm liên lạc viên cho bọn Việt Nam Quốc dân đảng. Tội ác đã rành rành. Người làng đã

tố cáo tội ác của chúng mày. Hãy nghe cho rõ đây. Tao muốn biết ai là người đã sai mày làm cái việc giết người đó.

- Bấm không. Không ai sai cả.

- Sự cụ phải không?

- Không phải.

- Mụ Năm còn bí mật trốn trong chùa. Mụ ta chỉ đạo phải không?

- Dạ, không.

- Chắc đêm qua, mệt quá, hai anh du kích gác ngủ gật. Mày tự tháo cùm đi giết cô Rêu.

Việc đổ tội thật hoang đường. Anh đội cái cách cũng thật có trí tưởng tượng. Tôi nghĩ như vậy song không dám nói. Còn anh Khoát vẫn cứ khẳng khẳng:

- Tao biết bọn phản động chúng mày mà. Không việc gì chúng mày không dám làm. Tao không đổ oan cho chúng mày đâu. Thì trường hợp con mẹ Năm rành rành ra đấy. Nó cũng bị cùm bằng cái cùm ở chân như mày. Thế mà mẹ ta mở khóa trốn đi được. Vậy thì mày cũng mở khóa ra và đi giết người. Điều ấy có gì là lạ.

May cho tôi là hai anh du kích gác hai thầy trò tôi đêm ấy cũng có mặt trong cuộc thẩm vấn. Họ thanh minh:

- Thừa anh đội, chú tiểu An khai đúng đấy ạ. Lúc cô Rêu nhảy xuống giếng, chúng em nghe rõ ràng con chó trắng cứ tru lên thảm thiết... Cả con chim lợn nữa... Nó cứ bay vòng quanh chùa... Em nói thật mà... Vừa bay vừa kêu. Nghe rợn lăm. Chú tiểu và chúng em lúc ấy đều thức... Em còn chạy ra sân nghe ngóng cho rõ. - Em đã định ra vườn chùa xem sao... nhưng nhớ lời anh dặn: “Không được rời phạm nhân nửa bước, và không được ngủ gật”, nên em lại thôi. Chúng em sợ xống tù như trường hợp mẹ Năm nên lại thôi không đi nữa.

Anh Khoát lờm hai anh du kích, rồi cho gọi cả tổ trưởng du kích tức là Trăm đến để xác minh. Trăm nói như đinh đóng cột:

- Chúng em đã rút kinh nghiệm trường hợp bỏ trốn của mẹ Năm, cho nên sự canh gác đêm qua em đảm bảo không hề có sự sơ sót. Chúng em bố trí người đi tuần quanh chùa, bảo đảm vòng ngoài. Cứ mười lăm phút em lại tạt vào nhà tổ vì sợ du kích gác tù ngủ gật. Em xin bảo đảm không hề có ai ngủ gật. Em cũng xin bảo đảm không hề có chuyện chú tiểu An tự tháo cùm đi giết người. Em xin chịu trách nhiệm, nếu nói sai anh cứ bắt em vào tù.

Tôi nhìn Trăm bằng con mắt biết ơn. Trăm là bạn thân của Căn. Lúc đi học thầy Hải, Trăm và Căn đã về bè với nhau làm cho tôi khốn khổ. Tuy nhiên tôi không hận anh ta. Và có thể nói càng về sau này càng mến anh ta. Nhất là khi biết được chính anh là người đã giúp mẹ con bà Năm, tôi càng

kính trọng Trăm. Nếu không có Trăm, không biết đời của Huệ, người bạn thân thời thơ ấu của tôi sẽ đi tới đâu. Có thể bà Năm sẽ bị xử tử. Và Huệ sẽ bị chết đói. Điều ấy có thể xảy ra lắm chứ. Bị bao vây, rồi chết đói, chuyện tang tóc ấy đã từng xảy ra và mắt tôi đã từng thấy.

Cái đêm hôm mẹ con bà Năm bỏ trốn, quá nửa đêm, tôi đang mơ màng sắp chìm vào giấc ngủ, chợt nghe tiếng con chó vàng rít lên khe khẽ. Tôi tỉnh ngủ ngay, lắng nghe. Tôi biết con chó kêu lên như vậy là người quen. Nếu là người lạ, con chó đã sủa lên một cách náo nức. Con vàng là chó nhà chùa nên chẳng cắn người bao giờ. Có khách lạ, nó sủa rất khiếp, nhưng vừa sủa vừa lùi. Lùi đến trước nhà tổ thì dừng lại. Nhà tổ là nơi ở của thầy tôi. Đây là điểm dừng cuối cùng của nó. Nó sẽ không lùi nữa, nhưng sẽ vẫn sủa mãi cho đến khi có người ra mới thôi. Còn với người quen, con vàng không bao giờ sủa một tiếng, trường hợp này nó không lùi mà vẫy đuôi theo khách đến nhà tổ. Đêm hôm ấy, con vàng gọi người ra tiếp khách bằng cách lấy chân gãi vào chiếc cửa lim.

Tôi vội lật đật ra hỏi “Ai đấy”. Tiếng thì thào trả lời:

- Chú tiểu An mở cửa mau lên. Tôi đây. Huệ đây mà.

Thầy tôi nghe tiếng cũng ra. Bà Năm lên tiếng cầu khẩn:

- Bạch sư cụ. Mẹ con chúng con xin được nhà chùa cứu giúp.

- Thím Trần đấy ư. Cả hai mẹ con vào trong này. Câu chuyện ra sao nói cho tôi rõ. Cả hai mẹ con đừng có sợ - Rồi quay sang tôi thầy bảo - Con đóng cửa lại. Không cần thắp đèn...

Qua câu chuyện bà Năm, tôi mới biết Trăm đã tìm cách giúp mẹ con bà Năm bỏ trốn. Mẹ con bà vào rừng Cò, cái hầm bí mật bà biết vì bỏ hoang đã lâu đã bị sập, không còn dùng làm chỗ trú ẩn được nữa. Nhưng trốn đi ngay đêm nay cũng không ổn, vì trời sắp sáng. Mà đội Khoát lúc này đã phát hiện ra mẹ con bà bỏ trốn, đã cho quân du kích đi chặn các ngã

đường. Thầy tôi bảo ở chùa có hai chiếc hầm bí mật: một ở bờ ao có miệng hầm dưới nước, trốn ở đây tuyệt đối an toàn, nhưng vì bỏ đã lâu nên không ai có thể biết tình trạng ra sao; còn chiếc hầm thứ hai, cửa hầm chui vào ở dưới đất pho tượng hộ pháp, hầm này nghe nói có từ đời xưa, nơi để trú ẩn khi gặp thời loạn lạc và cũng là nơi chứa ván in kinh Kim Cương. Bà Năm và Huệ đã trú ẩn trong ấy hai ngày. Anh đội Khoát đã vào chùa nhiều lần nhưng không bao giờ ngờ chuyện này có thể xảy ra. Và cũng chính sự cụ tôi đã mách cho bà Năm cách đi đường vòng để về Hà Nội...

Tôi cứ nghĩ miên man mãi về những chuyện đã xảy ra với mẹ con bà Năm. Và qua chuyện đó tôi mới hiểu thực chất con người của Trẫm. Phải nói ngày trước tôi không hận Trẫm, nhưng thực bụng tôi không thích Trẫm. Còn chính lúc này đây, tôi đã hoàn toàn biết rõ, anh hào hiệp và khảng khái. Phải nói, ngày xưa Trẫm cũng chẳng thích tôi, bởi vì nếu không tại sao lúc trước anh lại về hòa với Căn để trêu chọc tôi cho đến mức điêu đứng. Có lẽ cả Căn, cả Trẫm đều ghét bộ quần áo nâu chú tiểu của tôi. Còn phút này đây, tôi vô cùng cảm ơn lòng tốt, lòng trung thực của Trẫm. Trẫm giúp mẹ con bà Năm cái Huệ, đó là một nhẽ khác. Còn đối với tôi, người mà anh không ưa, nhưng anh vẫn giúp. Điều ấy tôi vô cùng cảm kích. Bởi vì hôm ấy, nếu như không có lời xác nhận như đinh đóng cột của anh, không biết thầy trò tôi sẽ bị tra khảo đến bao giờ mới thôi. Oan sai ư? Trong cơn co giật cuồng nộ ấy, ai người ta thêm để ý đến điều đó, nhất là đối với một con người bị gọi là phản động. Bị gọi là phản tử phản động tức đã mắc tội tày trời rồi. Nếu có quàng lên cổ kẻ ấy thêm một chút oan sai, thì tội của nó cũng không hề to thêm. Vả lại, tôi phải biết ơn anh ta, vì biết đâu đấy... trong lúc bão to gió lớn ấy... có chuyện gì lại chẳng có thể xảy ra. Mạng con người ta chỉ là mạng của con sâu cái kiến.

Mấy hôm sau, hai thầy trò tôi được giải lên Đoàn ủy. Hai tay tôi bị trói bằng dây thừng, đầu kia của sợi dây ấy lại trói tay thầy tôi. Một sợi dây thừng thứ hai thông lọng vào cổ tôi. Thầy tôi đi đầu, tôi đi giữa, sau cùng là anh du kích cầm sợi dây thừng thông lọng cổ, dong chúng tôi đi như người

lái trâu dắt trâu đi chợ bán. Anh du kích thứ hai, chừng là tổ trưởng, vai đeo súng trường đi bên cạnh nói:

- Đây là hai tên Quốc dân đảng phản động rất nguy hiểm. Nhờ ra để xông mất, là chúng ta mất đầu. Cho nên, phải hết sức cảnh giác. Hễ chúng có ý định chạy trốn, lập tức anh phải giật mạnh để siết chặt lấy cổ thằng sư con. Tên này làm liên lạc cho tổ chức phản động. Rất lanh lẹ, rất lợi hại...

Họ quàng dây thòng lọng vào cổ tôi ở giữa sân chùa. Chị tôi và sư bác ra tiễn. Chị Nguyệt thương tôi khóc rưng rức. Sư bác nói:

- Chú tiểu An còn nhỏ. Các anh lại có súng. Làm sao chạy nổi.

Sư cụ hiền từ nói:

- A di đà Phật! Người tu hành có khi nào chạy trốn quả nghiệp. Các con chớ lo. Đã không chạy trốn, thì làm sao chiếc thòng lọng kia xiết chặt cổ.

Họ dong hai thầy trò tôi từ cuối làng đến đầu làng rồi mới ra đường cái. Tôi buồn rầu nhìn sang hai bên đường làng, nhìn những lũy tre, những hàng rào râm bụt, những mái rạ, những ao bèo... Những người thân trong chùa ra đến tam quan thì bị đuổi lại. Trên đường đi, chẳng thấy bóng một người nào, đến cả những đứa trẻ vẫn thường ra chùa nghịch ngợm cũng không thấy bóng. Chỉ có mấy con chó nhách đứng trong sân sủa bâng quơ, và mấy chú bò vàng đứng bên cây rơm nhìn chúng tôi với những đôi mắt ngây thơ ngơ ngác. Ở nơi sắp tới, số phận thầy trò tôi sẽ ra sao. Nếu không là chốn hiểm ác, chắc cũng là nơi buồn tẻ, chắc cũng là nơi lưu đày. Tiễn chúng tôi đến nẻo lưu đày mà sao lại thế này. Một nỗi niềm cô đơn dâng lên trong tôi. Sợ hãi chẳng? Buồn tẻ chẳng? Trách tình đời nóng lạnh ư? Hình như có cả. Tôi biết... tôi biết, với người tu hành, thế chẳng là phải. Nhưng biết sao được. Tôi còn quá trẻ, chỉ là một kẻ tập tu. Còn những nỗi niềm trong tâm là điều khó tránh.

Tôi nhìn lên thầy tôi phía trước. Thầy tôi vẫn đứng đạc bước thong dong. Hai tay bị trói đưa ra đằng trước, nhưng gương mặt thầy tôi chẳng vương một chút giận hờn. Thầy tôi vẫn dạy: “Bình thường tâm là đạo. Gặp nghịch cảnh chẳng oán hận. Gặp thuận chiều, chẳng vui mừng. Người thiên, khi vui cũng thiên, khi đau khổ cũng thiên. Vậy là thầy tôi nói sao, làm vậy.

Phải chăng, lúc này đi đến chốn oan nghiệt, chẳng biết rằng sắp tới cái gì đang chờ đợi mình, thầy tôi cũng vẫn kiên trì cái công việc thiên hành của mình. Chẳng có gì đau khổ trên mặt thầy, nhưng cũng chẳng có chút kiêu hãnh trên gương mặt ấy. Tôi chợt thấy xấu hổ với bản thân. Ôi! Cái bình thường tâm sao mà khó!

Chúng tôi đi bộ từ bảy giờ đến mười giờ sáng mới đến trụ sở Đoàn ủy. Đó là một ngôi đình tọa lạc trên một khu đất rộng có nhiều cây cổ thụ. Dưới những tán lá là những ngôi nhà tranh tre mới làm khang trang sạch sẽ. Hai anh du kích dẫn thầy trò tôi vào phòng hành chính. Ở đây toàn những người mặc quần áo nâu, nhưng không phải là nông dân ra vào tấp nập. Tôi biết họ không phải nông dân vì có người đeo kính, có những bàn tay búp măng và gương mặt nào cũng trắng trẻo. Lần đầu tiên đến cửa quan nên tôi hồi hộp vô cùng. Tim tôi đập lồng lộn.

Một người chắc là địa chủ, râu ria xồm xoàm, quần áo rách rưới nem nép ngồi ở xó phòng. Nhìn ông ta, tôi chợt so sánh ngầm. Hóa ra thầy trò tôi bị trói ở cổ tay và bản thân tôi bị thòng lọng nơi cổ vẫn chưa phải là bị ngược đãi nặng nề. Ông địa chủ kia bị trói cổ tay lại còn bị trói cả bắp tay. Ngay cả đến đôi chân cũng bị trói tím bầm. Người ta bảo ông ta kháng cự khi nghe tin bị giải lên Đoàn ủy. Ông ta nghe tin bị giải lên Đoàn ủy, vào trại số 1, tức là bị rơi vào hỏa ngục. Vì thế cho nên, ông địa chủ này phản kháng không chịu đi. Du kích phải trói tay, trói chân ông lại rồi vớt ông lên xe cút kít đẩy tới đây. Đến Đoàn ủy, họ phải xỏ đòn tre khiêng ông như

khiêng lợn, vút vào xó nhà. Đáng lẽ ông ta phải được cỡi trói đôi chân, nhưng vì sợ ông ta chạy trốn, nên ông ta mới nằm còng queo như thế kia.

Ừ nhỉ! Chính bản thân tôi cũng đã nghe người ta kể về trại số 1, về cái chốn xà lim địa ngục ở Đoàn ủy. Vậy cứ làm sao thầy trò tôi lại chẳng hề phản ứng chút nào? Hay vì thầy trò tôi là những thầy tu. Những ông thầy chùa bị nhiễm nặng lòng từ bi. Lòng từ bi che đậy tất cả, cho nên nỗi sợ sệt bản năng của con người bình thường cũng bị tê liệt. Người ta bảo ở lò sát sinh thành phố, những con bò bị đập vào đầu trước khi chết rống lên ồ ồ và những con lợn bị chọc tiết thường có tiếng kêu thét vang đến trời xanh, thế mà khi dẫn lũ bò đi vào lò mổ, chúng không hề sợ hãi dừng chân mà lại chạy nhanh đâm đầu xông vào tử địa, cứ như thể nơi chết chóc ấy có sức hút của một tảng nam châm khổng lồ. Chẳng lẽ cái chết cũng có sức hút, và thầy trò tôi đang nhắm mắt lao vào chỗ chết.

Phải nói, cho đến lúc ấy, đến lúc nhìn thấy ông râu ria xồm xoàm bị trói như con lợn vút vào xó nhà sắp bị đem đi chọc tiết, thì những ý nghĩ lo sợ kể trên mới đột ngột xuất hiện trong óc tôi.

Người cán bộ hành chính cất tiếng hỏi lạnh lùng:

- Tên Nguyễn Văn An?

- Dạ, có. - Tôi khe khẽ trả lời.

- Nói to lên. Sao cứ lí nhí như ngậm hột thị. Khai đi.

- Thưa, tôi là chú tiểu ở chùa Sọ.

- Tội gì?

- Dạ, bẩm tôi không biết ạ.

- Tội phản động. Tội chống phá cách mạng. Lại còn giấu giếm quanh co hả? Bé tí mà đã ngoan cố. Được, rồi xem còn chối cãi được không? - Người cán bộ dồn tôi bằng những câu hỏi vừa khẳng định tội lỗi, vừa đe dọa, làm cho tôi dần ra chẳng biết nói lại ra sao.

- Tên Thích Vô úy kia hả? Sư cụ hả? Sư hổ mang hả? Ông đã già lão thể kia! Đáng lẽ phải biết thân biết phận chứ. Làm nghề tu hành, làm cái việc mê tín dị đoan, ru ngủ quần chúng đã là trọng tội, huống chi còn phản ứng lại cách mạng, chống đối lại cách mạng. Ông già có hiểu tội ông là tội gì không?

- A di đà Phật! - Thầy tôi không trả lời, mà chỉ cúi đầu nhũn nhận niệm Phật.

Có lẽ sự khiêm nhường, cam chịu ấy đã làm nguôi lòng người cán bộ đi chút ít. Ông ta không nói nữa chỉ hất hàm bảo hai người du kích.

- Một người ở lại hoàn tất thủ tục bàn giao với tôi. Còn một người dẫn họ sang nhà A để làm việc lấy cung ngay. Thôi, bỏ cái dây thòng lọng ở cổ thẳng bé ra. Đã tới đây họ không trốn được đâu.

Như vậy, ở đây mới là cổng địa ngục, vẫn chưa đến nơi. Còn bị hỏi cung ở nhà A. Rồi tiếp sau nhà A, còn nhà B, nhà C... Mới ở cổng địa ngục mà đã thế này... Không biết nhà A rồi sẽ ra sao. Tôi nghĩ vậy và thần kinh tôi căng lên như sợi dây đàn. Tôi vừa đi vừa phấp phồng. Tôi ngạc nhiên khi lúc đó nhìn thấy thầy tôi vẫn bước đi rất lặng lẽ bình an. Không phải một dáng điệu hiên ngang như những người anh hùng đi ra pháp trường mà các cuốn sách mô tả. Cái lưng gầy còng xuống có nhuộm nét buồn thì phải. Có cả sự cam chịu ở đấy, tuy nhiên không có chút quy lụy. Hình như thầy tôi đã biết trước. Tôi lại bắt gặp cả vẻ mặt đau đớn nhưng rất tự nhiên của ngày xưa, của cái ngày tôi lên phố huyện đón thầy tôi từ nhà giam Đơ Bê (2B =phòng nhì) của Tây về. Tôi còn nhớ như in con đường toàn ổ gà; tôi và ông kéo xe vĩa mồ hôi đẩy chiếc xe bò lộc cộc đưa thầy về chùa. Cứ mỗi

lần bánh xe gặp ổ gà giật nảy lên, là thầy tôi lại kêu rên đau đớn. Đau đớn thể xác nhưng không hận thù số kiếp. Không biết tới bao giờ tôi mới tu được như thầy. Thú thực, lúc này lòng tôi oán hận lắm, lo lắng lắm. Oán hận bất công, vì sự thực chúng tôi có làm gì đâu. Còn lo lắng ư? Có lẽ tôi không chịu đựng nổi. Vì, chịu đựng làm sao được, khi hai tay bị treo lên trời, hai chân dậm trên cứt đá. Lũ ruồi nhặng, dòm bọ rúc vào mồm, vào mắt, vào mũi mà không đuổi được. Rồi hôi thối, đói khát, mưa nắng... Cứ tưởng tượng như thế, tôi đã run rẩy...

Đã đến nhà A. Ngôi nhà lá khang trang sạch sẽ. Sạch như li như lau. Trật tự chứ không bề bộn như nhà hành chính vừa qua. Ở một đầu hồi, có tủ hồ sơ. Ở đầu hồi kia là hai dãy ghế băng. Ở giữa, kê một bàn giấy. Sau bàn giấy, một cán bộ trạc tuổi bốn mươi mặt mũi phong trần nhưng sáng sủa đang ngồi trước một tập hồ sơ. Ông ta ôn tồn bảo anh du kích:

- Cứ cời trói cho họ.

Ở đây chúng tôi không phải ngồi xổm dưới đất mà được ngồi trên hai chiếc ghế đẩu. Anh du kích lễ phép đến mức khúm núm xin phép lui ra.

- Báo cáo đồng chí Bí thư, chúng em đi về được rồi chứ ạ.

Tôi nảy người ngạc nhiên. Đến lúc này tôi mới biết người chúng tôi đang gặp lại chính là ông Bí thư Đoàn ủy đoàn cải cách ruộng đất X. Chính ông là người có quyền sinh quyền sát trong cuộc thay trời đổi đất này. Ông đã rất có kinh nghiệm vì đã làm suốt cả ba đợt: đợt một, đợt hai, đợt ba. Ông nổi tiếng là người sắt đá, kiên định lập trường. Chính bàn tay ông đã ký vào bản án tử hình của hàng trăm tên địa chủ gian ác, phản động. Ông là một hung thần, như nhiều người đã thềm thì vào tai nhau, khi nói về ông. Gặp phải hung thần, chúng tôi sẽ bị giam vào chốn xà lim khủng khiếp đến mức quý khóc thần sầu kia, đó là điều chắc chắn. Tôi lo lắng bồn chồn nhưng vẫn còn đủ tỉnh táo để ngắm nhìn con người sắp dẫn chúng tôi vào vực sâu hiểm ác, chốn địa ngục trần gian.

Ông ta là Chiến, với dáng vẻ bình thường giống như trăm ngàn con người bình thường khác. Nhưng nhìn thật kỹ mới thấy những nét khác biệt. Thứ nhất ông Chiến gày guộc. Hơi cao. Ngực lép. Những ngón tay dài. Ông hút thuốc lá liên miên, mới vào một lát tôi đã thấy ông nổi liên tiếp hai điếu. Tôi chợt nhận ngay ra ông ta không phải người nhà quê. Thử sinh thì đúng hơn. Nét khác biệt thứ hai là đôi mắt và đôi môi. Mắt dài và rất sáng, rất sắc. Đôi môi tái xám và mỏng, lúc nào cũng hơi mím lại nên trông càng mỏng hơn. Tôi hiểu con người này cương nghị và quyết đoán.

Từ lúc chúng tôi vào, ông ta chỉ nhìn qua chút xíu, sau đó lại mãi miết xem hồ sơ. Cứ như thể chúng tôi không có mặt ở đó. Im lặng. Cái im lặng rờn rợn. Cái im lặng đè trĩu lên trái tim run rẩy của tôi. Ông Chiến ngẩng đầu lên, gương mặt lạnh lùng không thể đoán biết. Ông nhìn thẳng vào mặt thầy tôi rồi hỏi một câu mà ai cũng thừa biết.

- Sư cụ là sư huynh của ông Vô Trần.

- Thừa vâng.

- Nguyễn Vô Trần. Hay thật. - Đôi môi mỏng của ông chợt nở một nụ cười bí hiểm, có vẻ như chế giễu. - Cũng lạ! Đi làm cách mạng rồi, đã xuất tam bảo rồi mà vẫn giữ nguyên tên khi ở chùa. Sư cụ có thấy buồn cười không?

Thầy tôi nói rất nhẹ nhàng, tìm lời để khỏi méch lòng con người lạnh lẽo ấy. Cái lạnh lẽo đầy quyền uy. Trong giờ phút nghiêm trọng này, ông ta lại nói có vẻ tầm phào băng quơ. Như thế nghĩa là gì? Điềm tốt hay xấu cho số phận của hai thầy trò. Vì thế thầy tôi không thể lờ lời:

- Bẩm, tôi không thấy buồn cười... Chỉ thương cảm cho chú ấy... Hai anh em tôi được thầy tôi nuôi từ bé, được sư cụ đời trước, đặt tên cho. Chú ấy không quên tên tức là không quên ơn của sư cụ, người chẳng khác gì cha mình. Thiết tưởng chú Trần là người có nghĩa...

- Tôi hiểu. Nhưng cái chết là ở chỗ ấy...

- Sao ạ?

Ông Chiến không giải thích, mà càng nhìn sâu hơn vào khuôn mặt của thầy tôi. Rồi bất chợt hỏi một câu đố chất:

- Sư cụ nằm trong tổ chức phản động?

- A di đà Phật. Thật oan cho người tu hành. Năm nay tôi sáu mươi tuổi. Xuất gia từ thuở nhỏ. Tôi đã xa lánh trần thế mấy chục năm nay. Không bao giờ dám càn rỡ, sa vào chốn thị phi. Xin ông Bí thư soi xét.

Không hiểu ông Chiến này là người thế nào. Ông ta vặn hỏi thầy tôi, lại xoay đổi chủ đề rất đột ngột. Chẳng hiểu mục đích của ông là gì. Bỗng nhiên ông nói:

- Cụ theo đạo Phật. Cụ rao giảng từ bi. Vậy cụ thấy cách mạng thế nào. Cụ cứ nói cho thật lòng... Có phải như thế này không: Cụ thì từ bi. Mà đối lại với từ bi tức là bạo lực. Mà chúng tôi thì bạo lực. Vậy có phải cụ coi chúng tôi là ác không?

- A di đà Phật! Đức Thế Tôn dạy thế gian đức từ bi đó là ngài mong muốn điều thiện và hạnh phúc cho đời. Đạo Phật không có lý thuyết về chính trị nhà nước. Tôi chỉ là nhà sư ở chốn thôn quê, đâu dám lạm bàn đến chuyện đại sự. Tuy nhiên nhà Phật có nói đến nhân duyên. Thưa ông Đoàn ủy, phải tùy duyên thôi ạ. Hợp hợp, tan tan...

Lời nói của thầy tôi hợp lẽ lắm chứ, phải đạo lắm chứ. Ông ta đưa ra một câu hỏi thật khó. Và thầy tôi cũng rất kín đáo lựa lời. Vậy có sao ông Chiến, ông Đoàn ủy lại đứng dậy thế kia? Đứng dậy và ngắm nhìn thầy tôi. Rồi đi lại và ngắm nhìn thầy tôi. Ngắm nhìn một ông sư nhỏ bé, khiêm nhường, có thể nói là tiêu tụy; cứ như thể con người nhỏ thó của thầy là một bí ẩn; cứ như thể cái ông sư quê mùa này là một đối tượng cần phải mổ

xé tìm hiểu tỉ mỉ; cứ như thế ông cụ già quê mùa ấy thuộc về một miền ký ức xa lạ, một thứ cổ vật mà người ta đã quên lãng từ lâu, nay đột ngột hiện ra.

Ông Đoàn ủy ngấm chán, rồi đập tay vào trán. Tôi nhìn ông ta, bụng lo lắng. Cuộc hỏi cung như thế này sao? Người ta kết luận số phận con người bằng những câu hỏi cóc nhảy như thế này sao? Những câu trả lời của thầy tôi như thế lại là những bằng chứng tội phạm hay sao? Tôi sợ hãi chờ đợi những lời phán quyết. Tuy nhiên, lời mở miệng của ông ta lại không phải là lời phán quyết. Lại thêm một câu hỏi cóc nhảy nữa. Câu hỏi làm tôi chẳng hiểu ra sao. Còn câu hỏi ấy làm thầy tôi lúc đầu rất ngỡ ngàng:

- Xin hỏi một câu cuối cùng. Có phải ngày xưa, cụ ở cái am... tên là gì nhỉ? Nó ở sau lưng Yên Tử.

Nghe câu hỏi ấy, có lẽ thầy tôi nhớ lại thời mình còn là một du tăng cầu đạo. Những kỷ niệm xưa làm thầy tôi sáng mắt lên chẳng:

- Dạ, bẩm ông Đoàn ủy. Tên cái am ấy là Am Tịch Mịch.

- Đúng rồi, đúng là Tịch Mịch. Một ông sư kỳ lạ và một con hổ...

Ông Đoàn ủy nói dở chừng rồi ngồi vào ghế. Sau đóng hồ sơ. Ông cúi xuống loay hoay viết mấy dòng chữ rồi ký.

Cuối cùng, ông ngẩng lên, đưa tờ giấy cho thầy tôi, vẻ mặt vẫn lạnh lẽo như băng, rồi nói:

- Tôi đã biết rõ hồ sơ của hai thầy trò cụ rồi. Đây là lệnh. Người ta sẽ đưa hai thầy trò xuống trại cải tạo số 2. Hai thầy trò hãy gắng cải tạo cho tiến bộ.

Không phải vào trại số 1 ư? Được vào trại số 2 ư? Thật hay là mơ? Tôi không thể tin ở tai mình nữa khi nghe lời tuyên bố của ông Chiến Đoàn ủy.

Trại số 2 nằm trong một thung lũng nhỏ giữa núi rừng. Một con đường mòn độc đạo giữa hai trái núi dẫn vào. Chúng tôi không đi bằng ô tô mà phải cuốc bộ ba mươi cây số. Một đoàn tù dây. Những sợi dây thường buộc nối người nọ với người kia. Bốn anh du kích bằng súng đi áp giải. Những quãng đường cách giữa hai người vừa đủ để bước đi thoải mái, tuy nhiên khá bất tiện. Bởi vì cùng đi thì ổn, nhưng hễ một người ngồi xuống là hai người trước và sau lập tức bị kéo căng ngang lưng ngang bụng. Bởi vì tất cả phải cùng đi, cùng nghỉ, thậm chí đá ỉa cũng phải đồng thời cùng một lúc. Chả thế mà quãng đường chỉ ba mươi cây, chúng tôi phải đi mất mười ba mươi bốn tiếng. Người dẫn tù đến trại cải tạo chắc đã rút được kinh nghiệm nên mới ba giờ sáng đã dựng chúng tôi dậy rồi phát cho mỗi người một nắm cơm, bắt khởi hành ngay. Cũng vì có kinh nghiệm nên lúc mới lên đường ông ta bắt chúng tôi đi thật nhanh. Lúc ấy mới ngủ dậy, hãy còn sức khỏe nên chúng tôi đi rất trật tự mặc dù trời rét. Lại cũng đi nhanh vì đi nhanh đỡ rét. Mùa đông, song đó là một ngày nắng. Con đường đất đỏ gồ ghề sỏi đá, hai bên đường chẳng một bóng cây. Càng đi con đường càng hoang vắng. Chỉ có đôi trọc, sim, mua, cỏ lau, cỏ tranh. Suối nước cũng không. Làng bản cũng không thấy bóng. Nóng, khát, mệt, chân rát bỏng. Có thể nói, lúc ấy chúng tôi há mồm ra mà đi. Lều thêu đưa chân. Chỉ thèm nắm xoài ra cỏ, chỉ thèm vục mặt xuống nước. Rồi ngã, rồi chửi thề, nói tục, gây sự với nhau. Những người giải tù quát tháo, vút roi tre cũng chẳng ăn thua gì. Đến nỗi, khi thấy giữa đồi hoang xuất hiện một ngôi nhà mờ, chúng tôi cũng chẳng sợ hãi gì, vội chạy tới tìm bóng râm trú nắng. Nghỉ ở đấy rất lâu, chừng hai tiếng đồng hồ mới lại sức. Rồi chúng tôi như đoàn quân thất trận tiếp tục lên đường. Giá như lúc ấy, chúng tôi được cởi dây trói buộc, chắc cũng chẳng ai tìm đường trốn, sớm tối chúng tôi mới tới khu rừng trại giam. Tối mịt, chúng tôi mới tới những lán giam trong thung lũng.

Thung lũng có núi cao, rừng rậm bốn bề bao quanh. Cây rừng trong thung đã bị đốn hạ hết. Đất đã biến thành nương. Một số cuối dòng suối biến thành ruộng nước. Nơi đây trước kia là trại giam tù thường phạm, nay được nhường chỗ làm trại cải tạo địa chủ và phản động. Trại giam nằm ở

đầu dòng suối, trên một quả đồi thấp. Có hàng rào dây thép gai mang từ các đồn bốt Tây bị triệt hạ đem về. Có khoảng một chục lán giam. Mỗi lán khoảng ba chục tù nhân nằm ngủ trên hai dãy sạp dài. Tù nhân được chia thành các tổ nhỏ từ ba đến năm người. Nhiệm vụ các tổ là phải quản lý nhau thật chặt chẽ. Quản lý theo kiểu ngũ gia liên bảo. Người nọ phải để mắt tới người kia. Một người có lỗi, nếu bốn người kia không tố cáo, họ cũng liên đới chịu trách nhiệm. Nghĩa là họ cũng phải chịu tội theo. Nhưng nếu người nào biết và tố cáo, người ấy lập công sẽ được khen thưởng. Nghĩa là sẽ được giấy khen, sẽ được ưu đãi, sẽ được tự do một nửa, hoặc sẽ được giảm thời gian cải tạo tùy theo mức độ. Tổ của tôi gồm thầy tôi, tôi, thầy giáo Hiếu và anh Tần. Anh Tần dù có tội, nhưng thành phần bản cố nên được chỉ định làm tổ trưởng. Anh Tần làm con nuôi một ông chánh tổng từ lúc còn bé. Chị Xim, bố mẹ chết đói, cũng được ông chánh tổng nhặt về nuôi nấng. Tuy danh nghĩa là con nuôi, nhưng thực chất họ là hai người ở, bởi vì họ vẫn phải làm quần quật suốt ngày như những người làm công khác trong nhà ông chánh. Chỉ có cái khác là họ được ông chánh ghép đôi thành vợ chồng và cho một mảnh đất méo mó đầu thừa đuôi thẹo gần đấy rồi làm một căn nhà tre cho ở. Tuy nhiên họ vẫn phải đến làm cho nhà ông chánh. Đội cải cách về. Vợ chồng Tần, Xim được bắt rết. Chị Xim theo đội tổ ông chánh đã bóc lột chị tận xương tận tủy, thậm chí cưỡng hiếp chị. Nhận làm con nuôi rồi lại hiếp con. Tội ác ấy trời không dung, đất không tha. Anh Tần mắng vợ là đồ vô liêm sỉ, chỉ vì một tí quyền lợi mà dám đặt điều ăn không nói có. Lại mắng thậm tệ là đồ ăn cháo đá bát, bởi vì cái lúc bố mẹ chết đói, nếu ông chánh không rủ lòng thương nhặt về nuôi, hỏi chị Xim còn sống được đến bây giờ không. Tổ ông chánh tội ác, nhưng thực ra chị mới là người mắc tội tà trời vì đã vu oan cho người hiền lành. Người đàn bà như vậy liệu có còn xứng đáng làm vợ được không? Anh suy nghĩ rất lâu rồi lạng lẽ bỏ nhà ra ở lều cá. Anh đội cải cách đến khuyên nhủ thế nào Tần cũng chẳng nghe. Hồi đánh Pháp, ông chánh làm Chủ tịch Mặt trận, anh Tần là du kích, vẫn thường phải đi hộ vệ ông từ vùng du kích ra vùng tự do và ngược lại. Vừa là chủ tớ, lại vừa cùng hoạt động với nhau, nên khi ông chánh bị quy địa chủ, bị bao vây không có gì ăn, anh Tần đánh

liều, lén lút tiếp tế thức ăn cho ông. Ông chánh thực ra là địa chủ kháng chiến nay bị quy là địa chủ gian ác có nợ máu. Bị oan ức lại tuyệt đường sống nên ông thất cổ chết. Người ta điều tra biết Tần vẫn liên lạc với địa chủ và lại tiếp tế cho địa chủ... Người ta kết luận ông chánh là phản động, Tần cũng nằm trong tổ chức ấy. Vì sợ lộ nên Tần đã giết ông chánh để bịt đầu mối. Vì lẽ đó Tần bị đi trại cải tạo.

Thầy giáo Hiếu là người Hà Nội, đậu tú tài, làm giáo viên cấp 2, đi theo kháng chiến suốt chín năm chống Pháp. Trong một cuộc nói chuyện tâm sự với người bạn thân, ông nói:

- Cải cách ruộng đất là cần thiết. Muốn lấy ruộng thì cứ việc lấy. Cần gì phải đấu tố, bắt giết, để sinh ra cái chuyện vô luân, con tố cha, vợ đấu chồng...

Người bạn thân ấy đã phản bạn, vì muốn lên chức hiệu trưởng. Thầy giáo Hiếu bị điều tra lý lịch. Người ta về quê Hiếu và biết gia đình bố mẹ anh là một địa chủ nhỏ. Hiếu bị quy là phần tử bóc lột phản ứng giai cấp có hành động tuyên truyền chống phá cách mạng.

Cái tổ tam gia bốn người chúng tôi sống với nhau rất hòa thuận. Sự cụ, thầy tôi yếu lắm nhưng vẫn phải làm việc theo đúng nhiệm vụ của một người đi cải tạo, nghĩa là làm việc đồng áng, chặt củi, đóng gạch, chăn nuôi v.v... Tôi phải cố sức làm thêm cho phần việc của thầy. Tuy nhiên, nếu không có anh Tần giúp đỡ chủ yếu, thì có lẽ thầy trò tôi ngày nào cũng bị phạt vì không làm tròn phần việc. Anh Tần rất giỏi việc đồng áng. Nếu chỉ phải làm riêng phần của mình, chắc anh chỉ cần nửa buổi là xong. Nhưng anh còn phải lo giúp cho thầy tôi và cả thầy giáo Hiếu nữa chứ.

Một hôm, ông Đoàn ủy xuống trại cải tạo. Ông bắt gặp chúng tôi đang dỡ sắn. Ông dừng xe lại và nói với thầy tôi:

- Trại cải tạo bảo rằng hai thầy trò sư cụ lao động rất chăm chỉ. Như vậy là tốt. Thế này nhé: đừng nghĩ rằng bắt cải tạo vì chúng tôi muốn hành hạ sư cụ đâu. Chúng tôi muốn tốt cho các vị đấy. Những người như các vị thay đổi cái đầu là điều quan trọng. Cũng nên nhớ rằng ở đây là kỷ luật sắt. Ở đây không nương nhẹ tay với bất cứ ai... Cụ hiểu ý tôi chứ.

Tôi hết sức ngạc nhiên. Ông Đoàn ủy cho chúng tôi về trại số 2 là điều ngạc nhiên thứ nhất. Khi về thăm trại, ông chẳng nói chuyện với phạm nhân nào, mà chỉ nói với thầy tôi, đó là điều ngạc nhiên thứ hai. Đến tối, trước khi ngủ, tôi hỏi sư cụ:

- Thầy ơi! Có phải trước đây, thầy đã quen ông Đoàn ủy?

Thầy tôi trả lời:

- Cái hôm mới đến Đoàn ủy, khi ông ta nói đến am Tịch Mịch, ta mới chợt nhớ ngày xưa đã gặp ông ta. Hồi ấy, ta tu ở sau núi Yên Tử. Một đêm, có mấy người mặc quần áo nâu cồng đến am Tịch Mịch một người ốm và nhờ ta cứu giúp. Ông ta bị sốt rét nặng. Đang sốt, nóng như hòn than. Lại mê man bất tỉnh. Ta vào núi hái lá rừng chữa cho khỏi bệnh, về sau, ta mới biết ông ta là cán bộ Việt Minh hoạt động ngoài mỏ than. Đó là con người cực kỳ thông minh. Lý luận rất sắc bén. Ăn nói sôi nổi. Lúc nào cũng hùng hực như lửa cháy. Ông ta bảo thầy: “Tôi cảm ơn ông đã hết lòng cứu giúp trong lúc tôi thập tử nhất sinh. Tôi với ông là những người đều hiểu đời có nhiều bất công đau khổ. Tuy nhiên chúng ta theo hai con đường diệt khổ khác nhau. Một đường đấu tranh với bất công. Xin lỗi sư ông cho tôi nói thật lòng. Tôi sợ rằng con đường của Phật tuy vĩ đại nhưng ảo tưởng. Và nếu đi quá mức đến một giới hạn nào đó sẽ là thứ thuốc ru ngủ cho những con người tuyệt vọng...”. Ở ông ta có cái gì quá mức cuồng nhiệt khiến cho thầy lo lắng, cảm thấy bất an. Khi nói ông ta nhò mắt, mắt sáng rực, nói hùng hồn, mặc dầu mồ hôi vã ra trên trán. Thầy không nói gì, chỉ đỡ ông ta nằm xuống mà rằng: “Anh còn yếu lắm. Chớ xúc động quá mức. Lúc này lo cho sức khỏe là trước hết... Cả suy nghĩ cũng chưa nên vội vàng quá độ

kéo hao tổn tinh thần... Còn về phần tôi. Chỉ là một ông sư quê mùa. Chúng tôi có nghĩ gì to tát lắm đâu. Chỉ là làm theo lời Phật dạy. Cứ thấy tâm mình an lành và mọi người được an lành... đã là sung sướng lắm rồi”.

Tôi thưa với sư cụ:

- Bạch thầy, có lẽ nhờ cuộc gặp gỡ ấy, và cũng nhờ đức độ của thầy, cho nên thầy trò ta mới không phải vào trại số 1 và được đến trại thứ 2.

Chúng tôi vào trại chưa đến một tháng, thì một sự việc xảy ra làm cho tôi phải bàng hoàng kinh ngạc. Một buổi tối tôi đã lên sạp bắt đầu ngủ thì có người lật chiếc chiếu đắp thay chăn của tôi ra, đập vào lưng tôi, gọi:

- An, An ơi! Mày phải không?

Tôi trở dậy, sững sờ, bởi vì trước mặt tôi chính là Trẫm.

- Sao cậu lại ở đây? - Đó là câu hỏi ngay lập tức của tôi.

Qua trả lời của Trẫm tôi được biết Trẫm bị phát hiện đã giúp mẹ con bà Năm đi trốn. Anh đội Khoát liên hệ các sự việc lại đi đến kết luận:

- Thăng Trẫm cũng nằm trong tổ chức phản động. Tổ chức này khá mạnh ở làng Sọ. Vợ chồng nhà Năm đã lũng đoạn cả tổ chức thiếu nhi của xã, đã biến tổ chức của ta thành của địch; đã biến thiếu niên xã thành một bộ phận liên lạc cho Việt Nam Quốc dân đảng. Con Huệ, thằng An, thằng Trẫm, cả thằng Căn đang đi bộ đội cũng đều là liên lạc viên của tổ chức này. Lẽ dĩ nhiên, Trẫm vì lẽ đó phải tìm mọi cách giúp đỡ mẹ con mẹ Năm. Chỉ riêng cái Rêu là không dính líu. Cũng có thể vì Rêu chơi thân với tổ liên lạc, đã biết hành động của chúng nên bị chúng giết đi để bịt đầu mối...

Chao ôi! Lời kết luận của Khoát thật ghê gớm. Cũng may, thầy tôi và tôi đã vào trại 2 nên Trẫm mới không bị kết tội nặng hơn. Tối hôm ấy Trẫm

được ngủ với tôi. Sáng hôm sau Trầm cứ nằn nì cán bộ xin vào tổ của tôi nhưng không được.

Cuộc sống ở trại cải tạo cứ bằng lặng trôi đi. Đói khát. Mỗi bữa chỉ một bát cám và một mẩu sắn. Cực nhọc. Chúng tôi hàng ngày lao động quần quật, để hoàn thành mức khoán. Có những lúc cực nhọc quá, tôi kêu ca oán thán. Tối đến thầy bảo tôi rằng:

- Con là người tu hành đạo của đức Thế Tôn. Không phải chỉ ở chùa mới tu. Người Phật tử tu ở mọi lúc, mọi nơi. Gặp cảnh an bình cũng tu. Gặp cảnh oan nghiệt cũng tu. Có thể nói, chính những lúc ấy mới là cơ hội để ta tìm đến chân như. Con chỉ nói miệng đời là bế khổ, điều ấy chưa đủ. Bản thân trải qua cảnh khổ, chính lúc ấy ta mới hiểu thế nào là khổ đế. Khổ cực ở đời chỉ là chứng cứ, là sự nhắc nhở cho người tu hành cái chân lý không thể chối cãi được của đức Thế Tôn rằng đã mang lấy nghiệp vào thân, con người còn chịu khổ. Thậm chí, con còn phải nghĩ đến chuyện cảm ơn nỗi khổ, bởi vì đó là những phút lý tưởng cho ta suy ngẫm về nỗi khổ ở đời, và nó có thể làm phong phú thêm trải nghiệm của ta.

Nghe lời thầy dạy, nhìn những người đồng cảnh lầm lũi làm việc tôi cũng cắn răng cam chịu. Và quả thực khi suy ngẫm nhiều, tôi thấy mình dễ chịu đựng hơn, hay có thể nói sức chịu đựng của mình được tăng lên. Tuy nhiên, những người khác trong tổ của tôi không giống như tôi. Nghe thầy tôi nói về chữ nhẫn, anh Tần và thầy giáo Hiếu chỉ mỉm cười. Thầy giáo không tranh luận mà nói:

- Cụ là người tu hành nên nghĩ thế. Còn chúng tôi nghĩ khác. Chúng tôi chắc chẳng chịu đựng được mãi đâu.

Sư cụ nhìn vào đôi mắt của thầy Hiếu. Hình như không nói nhưng thầy tôi biết thầy giáo đang toan tính một điều gì. Thầy tôi vẫn dăm dăm nhìn thầy giáo Hiếu. Rồi hai bàn tay gầy guộc nắm lấy bàn tay thầy giáo.

Không một lời nào, nhưng đã có bao lời giao cảm qua đôi tay già truyền đến cho thầy Hiếu.

Chẳng mấy chốc những điều dự cảm không nói ra lời của thầy tôi đã thành sự thật. Một đêm tôi đang ngủ bỗng nhiên choàng tỉnh giấc. Chợt cảm giác như thấy thiếu một cái gì. Trại cải tạo phát cho hai người một chiếc chiếu đắp thay chăn lúc mùa đông. Vì chiếu ngắn, đắp hở chân, cho nên anh Tần sáng kiến lấy lá cọ rừng kết thành một chiếc áo tơi thật rộng, thật dài để đắp trùm lên trên chiếu cho cả bốn người trong tổ. Từ khi có thêm chiếc chăn lá khổng lồ đó, tôi thường ngủ một mạch từ tối cho đến sáng mới tỉnh dậy. Thế mà đêm nay tôi lại thức giấc dở chừng. Tôi sờ tay sang phải vẫn chạm phải tấm thân gầy gò khẳng khiu của thầy tôi. Nhưng sờ sang trái mới biết tại sao tôi cảm thấy thiếu. Sờ gần rồi lại sờ xa vẫn không thấy gì. Anh Tần và thầy giáo Hiếu đã biến đâu mất. Hình như lúc ấy tôi có ý định kêu to lên, nhưng nghĩ một lát tôi lại thôi. Tôi xoay sang thầy, đập khê vào lưng và thì thầm: “Thầy ơi! Anh Tần, và thầy giáo Hiếu đã...”. Ngay lập tức, thầy tôi quai tay sang, bịt mồm tôi. Thế là tôi hiểu ngay. Thì ra chuyện này thầy tôi đã biết trước tôi. Tôi liền nằm im thin thít. Cho tới sáng tôi không ngủ lại được, cứ nằm đấy và miên man suy nghĩ. Hóa ra hai người đã chuẩn bị cho cuộc trốn trại này từ lâu lắm. Không biết lúc này họ đang ở đâu. Đến lúc ấy tôi mới ôn lại những điều tôi biết. Thầy giáo Hiếu có lần kể rằng thầy có mấy năm dạy học ở vùng cao. Thầy kể có một ông già người Mèo rất yêu cái chữ. Thầy Hiếu ở nhờ trong gia đình cụ. Thầy đã dạy học cho con cháu cụ, ngoài ra còn có cái ơn chữa khỏi bệnh cho bà vợ cụ. Thầy Hiếu vì thế được nhận là con của gia đình. Mà người Mèo lại rất trung thực và tín nghĩa. Đã tin ai, quý ai, và nhận ai là người của mình thì dù chết cũng không thay lòng đổi dạ hoặc phản bội... Như vậy là rõ rồi... Chắc thầy Hiếu đang lẫn trong rừng, trốn khỏi cái địa ngục này để đến nơi có thể là vô cùng nghèo đói, nhưng có những con chim tự do bay liệng trên bầu trời mênh mông, ở đấy sự công chính, sự tín nghĩa của những con người chất phác còn quý hơn mạng sống... Chắc chắn ở đó, núi cao, rừng sâu và con người sẽ che chở cho họ đến hết những phút gió to

bão lớn. Trong lúc tôi nghĩ ngợi và tưởng tượng liên miên như vậy thì cả lán vẫn im phăng phắc chìm trong giấc ngủ. Thỉnh thoảng mới có tiếng ho hoặc có ai đó ngáy. Thực sự chẳng ai biết chuyện gì đã xảy ra sao? Hay là người ta biết nhưng im lặng. Những người nằm ở đây là những người đã nếm trải những trái đắng trong cuộc đất chuyển. Họ là những con người đã bị lăng nhục, bị phản bội, thậm chí bị người thân phản bội. Cho nên họ biết cái giá của sự phản bội. Nhưng lát nữa thôi, khi mặt trời thức dậy, tất cả sẽ bại lộ. Không biết đến lúc ấy rồi sẽ ra sao? Tôi cầu xin đức Phật hộ trì cho chúng tôi, cho tất cả mọi người giữ được sự trong trắng, lòng ngay thẳng, sự lương thiện. Tôi cầu mong Phật tính luôn ở với con người, tôi cầu mong cho những người bạn của tôi, đã số lông, sẽ tìm được tự do ở những phương trời xa lạ...

Thầy tôi đã ngồi dậy nhập thiền. Chắc hẳn thầy tôi cũng đang cầu xin với đức Phật những điều như thế cho những người bạn của chúng tôi. Chính lúc ấy, một hồi còi rúc vang. Cán bộ trực trại gọi mọi người ra khỏi lán. Một ngày mới ở trại cải tạo số 2 bắt đầu.

Khi biết tin, trại trưởng xuống ngay và dùng dùng nổi giận:

- Cùm ngay lập tức tất cả bọn bóc lột phản động lại. Hôm nay cấm trại. Thẩm vấn. Đứa nào biết và tố cáo đích xác sẽ được khen thưởng, được giảm án nhẹ tội. Kẻ nào biết mà che giấu sẽ bị trừng phạt thật nặng.

Lẽ dĩ nhiên thầy tôi và tôi là người bị thẩm vấn đầu tiên. Tôi bị vạ vạ suốt một buổi sáng.

- Thầy cháu và cháu ở cùng một tổ với hai tên Tần và Hiếu. Chúng nó trốn mà thầy trò cháu không trốn. Thế là tốt. Ta biết thầy trò cháu tu hành chuộng việc thiện. Song cũng cần xác định ngay: Che giấu cho những tên chống đối Đảng, Chính phủ, việc đó không phải là thiện. Ta cũng biết nhà chùa luôn giữ thân, khẩu, ý theo chánh đạo. Lời nói thẳng thắn đúng sự

thật, không che giấu sự thật, ấy là lời nói ngay thẳng theo bát chánh đạo, theo đúng lời Phật dạy.

- Thưa cán bộ. Thực quả con không biết gì ạ. Buổi sáng dậy con mới biết các ông ấy trốn.

- Thế này nhé. Để dễ làm việc, ta sẽ hỏi từng câu. Hỏi câu nào, cháu trả lời câu ấy. Trước khi trốn, Tần, Hiếu có bàn bạc cùng ai không?

- Không ạ.

- Ví dụ nói với sư cụ thầy của cháu.

- Không ạ.

- Có chuẩn bị gì không? Ví dụ phơi cơm để làm lương khô chẳng hạn.

- Cháu không biết ạ.

- Thế lúc khám, còn một túi cơm khô rơi tung tóe ra sạp cháu có trông thấy không?

- Dạ... dạ... Có ạ.

- Cơm chứ có phải cái kim bé tí đâu? Phơi cơm dù chỉ một năm cũng phải tãi ra mẹt, ra lá chuối. Ai có mắt mà chả thấy ngay. Phải nói rằng cháu biết nhưng đã che giấu cho hai tên Tần, Hiếu.

- Dạ... oan cháu lắm.

- Thế còn lúc nửa đêm, lúc hai tên bỏ trốn cháu có biết không?

- Thực quả là không ạ.

- Ta nghe lúc đi ngủ, cả bốn người tổ cháu cùng đắp một chiếc áo tơi lá thật to có phải không?

- Dạ, thưa đúng vậy ạ.

- Vậy, khi hai người chui từ chăn áo tơ ra nó sột soạt có phải không?

- Dạ, có sột soạt ạ.

- Nó sột soạt tức là nó đánh thức cháu dậy. Theo ta, cháu đã tỉnh ngủ lúc quá nửa đêm. Cả hai thầy trò cháu đều biết Tần và Hiếu bỏ trốn, nhưng đã che giấu cho kẻ phạm tội nên không báo cho trại biết ngay lúc đó. Cháu có hiểu không. Hai đứa bỏ trốn làm trại phải điều một trung đội cán bộ và du kích đi truy đuổi suốt từ sáng tới giờ. Cháu có hiểu che giấu là gì không? Là đồng lõa, là cùng đồng lòng với kẻ phạm tội. Là không chịu cái tạo. Là trong thâm tâm vẫn chống đối cái cách ruộng đất. Tội ấy rất to. Ta rất thương người nhà chùa hiền lành. Nhưng ta không thể bao che được cho thầy trò cháu.

Người cán bộ thăm vấn tôi ăn nói rất tử tế ngọt ngào nhưng cuối cùng thì cả hai thầy trò tôi đều bị trừng phạt. Tôi còn bị hỏi nhiều câu hỏi nữa tôi không nhớ hết. Thầy tôi còn bị hỏi nhiều hơn tôi. Tôi chỉ bị thăm vấn một buổi sáng. Còn thầy tôi, cả ngày. Khi bị hỏi xong, tôi thấy run rẩy trong lòng. Thú thực, tôi sợ hãi. Tôi vẫn không theo được lời thầy dạy. “Vô úy” là tên thầy tôi. Không run sợ trước mọi nghịch cảnh ở đời. Đó là ý nghĩa tên thầy tôi. Thế mà tôi vẫn sợ.

Trung đội truy tìm mang cả chó đi đánh hơi. Không phải chó săn phương Tây. Chỉ là hai con chó giống của người Mèo, nhưng chúng đánh hơi, đi săn rất tài. Hai con chó cao to như hai con bê. Rất nhanh nhẹn và rất hung dữ. Phải hai ngày sau họ mới tìm được dấu vết hai người trong rừng. Chắc vì quá vất vả nên anh du kích đi truy tìm vô cùng tức giận. Đã thế hai người khi bị phát hiện còn tìm đường bỏ chạy. Anh du kích liền suất chó truy kích. Một con chồm lên cắn gáy đề sấp anh Tần xuống. Cũng may con chó chỉ dọa chứ chưa cắn thật. Nếu không, Tần đã chết. Còn với thầy giáo Hiếu? Con chó thứ hai đuổi theo dữ hơn. Nó xông vào xé quần áo thầy

Hiếu rách tươm. Cuối cùng nó cắn vào bắp chân làm thầy không chạy được nữa. Thầy bị khiêng về trại như con lợn bị khiêng đi chọc tiết. Giống con lợn sắp bị chọc tiết, bởi vì trong trường hợp ấy, lợn thường kêu váng trời. Thầy Hiếu cũng vậy, khi bị khiêng đi, thầy cũng la hét váng trời.

Sau hai ngày tra hỏi, khi biết chắc rằng hai người trốn trại chỉ là hành động tự phát riêng lẻ chứ không phải do một tổ chức bí mật chỉ đạo. Ban chỉ huy trại ra một quyết định trừng phạt. Ôi chao cách trừng phạt! Sao con người lại có thể nghĩ ra được những cách hành hạ con người quái quỷ đến vậy! Anh Tần và thầy Hiếu bị trừng phạt đã đành. Hai thầy trò tôi, tuy không trốn chạy, nhưng biết mà không báo cáo ngay, tức là đồng lõa đồng mưu. Và lại chúng tôi còn cùng một tổ, những người cùng tổ đều phải liên đới chịu trách nhiệm; hơn nữa, còn phải làm gương cho các tổ khác thấy mà sợ nữa chứ, vì thế hai thầy trò tôi cũng bị nghiêm trị.

Chúng tôi được dẫn đi theo một hàng dọc. Ba người lớn đều bị trói tay, chỉ có tôi không bị trói. Người nào cũng cởi trần tròng trọc, chỉ mặc độc một chiếc quần đùi. Họ dẫn chúng tôi đi qua trước mặt toàn thể trại viên. Thú thật lúc đó tôi vẫn không biết mình sẽ bị trừng phạt ra sao. Tôi đã được thầy tôi dặn, khi bước đi tôi cố quên mọi thứ đang xảy ra và không nghĩ tới mọi việc sắp xảy ra với mình, dù là những điều xấu nhất. Chỉ nhất tâm nhất niệm cầu xin đức Phật hộ trì và đọc hồng danh chư Phật. Phải nói rằng, tôi mới chỉ là kẻ tập tu, cho nên tôi chưa được nhất tâm cho lắm; chứng cứ là tai tôi vẫn còn nghe thấy những tiếng rì rầm lao xao. Hình như có ai đó nói vào tai tôi. Đúng thế! Rõ ràng có ai đó đã thì thầm vào tai tôi. Tôi đi giữa trại viên. Làm sao lại có thể có người dám ghé vào tai tôi để thì thầm được nhỉ. Chẳng có lẽ... nhưng rõ ràng có ai đó thì thầm mà chỉ mình tôi nghe thấy. Tiếng thì thầm rõ mồn một, nhắc đi nhắc lại mấy lần. Tiếng thì thầm bí ẩn ấy vẫn dặn tôi rằng: “Hai tay phải giơ lên trời. Giơ lên trời! Nhất định phải giơ lên trời! Hãy nhớ lấy!”. Tôi ngơ ngác vì chẳng hiểu ý nghĩa câu nói ấy là thế nào... Tôi ngơ ngác nhìn ba người lớn đi phía trước. Thầy tôi đi đầu. Người điềm tĩnh và lặng lẽ. Thầy chẳng nói một lời, nhưng

tôi biết chắc rằng trong lòng thấy tôi đang niệm hồng danh đức Phật. Tiếng nói thì thào vào tai tôi phải chăng là của thầy? Có phải không nhỉ? Có thể lắm chứ. Trong những phút cực kỳ phức tạp hay nguy khốn, con người có thể nói được với nhau mà không cần phải thốt nên lời. Nếu thầy không nói thì phải có một trại viên nào đó đã có kinh nghiệm và muốn truyền kinh nghiệm nào đó cho tôi. Và cũng bằng một cung cách bí ẩn siêu không gian như vậy. Tôi cứ nghĩ ngợi vờn vờn như vậy. Rồi bỗng dưng tôi chợt chú ý tới đôi tay bị trói của thầy. Cả hai người kia cũng bị trói tay. Chỉ có tay tôi là tự do. Không hiểu có mối liên hệ gì không giữa những đôi tay này. Tôi thầm nghĩ chắc phải có, tuy nhiên, ý nghĩa của câu nói “giơ tay lên trời” đối với tôi khi ấy vẫn hoàn toàn bí ẩn...

Người cán bộ dẫn chúng tôi ra vườn rau, theo sau là tất cả trại. Vườn rau xanh ngắt non tơ. Một vườn cải xanh hàng ngày vẫn được một tiểu đội trại viên chăm sóc rất chu đáo. Thế này nghĩa là thế nào nhỉ. Trồng trị một bọn cứng đầu cứng cổ tại sao lại phải mang ra vườn rau?

Người ta tập trung tất cả trại viên chúng tôi quanh một cái hố rộng cuối vườn. Đó là cái hố chứa phân. Hơn ba trăm con người hàng ngày đại tiện ở ba dãy hố xí công cộng. Cứ mỗi tuần lại phải mang những thùng phân từ hố xí ra đổ xuống những hố lớn ở vườn rau xa nhà. Khi hố xí đầy thì cắt lá xanh phủ lên trên, rồi lấp đất, chờ cho phân hoại sẽ gánh đi bón ruộng.

Lúc này, chúng tôi đang vây quanh một hố phân đã đầy ắp. Lúc này thì tôi đã mang máng hiểu điều gì sắp xảy ra. Phải nói là đầu óc tôi thấy bàng hoàng. Ông trại trưởng lên tiếng:

- Các anh được bố trí đến trại hai này là may mắn lắm rồi. Các anh là bọn bóc lột, là những phần tử phản động. Giai cấp bóc lột và phản động là phải bị tiêu diệt. Đảng đã nhân đạo mở ra con đường sống, cho các anh lao động cải tạo. Lao động là vinh quang, lao động biến các anh từ con người ăn bám, trở lại thành những con người của giai cấp cần lao, biết sống bằng

đôi bàn tay của mình, bằng những giọt mồ hôi của mình đổ ra. Đáng lẽ ra, ý nghĩa ấy các anh phải tự hiểu và các anh phải cảm ơn tấm lòng nhân đạo của Đảng, rồi ra sức mà lao động. Thế mà, đã có những kẻ vong ơn bội nghĩa, trốn tránh lao động, trốn tránh cải tạo. Không những lười biếng, lại còn tìm cách trốn trại. Trốn ư? Các anh định trốn đi đâu? Gầm trời miền Bắc này, chỗ nào chẳng có con mắt của nhân dân. Hay là các anh định trốn vào Nam theo giặc. Đừng mơ tưởng hão huyền. Khắp nơi đều là thiên la địa võng. Các anh biết rồi đấy, tội trốn trại là cực nặng. Phải trừng trị nghiêm khắc để cho từ bây giờ sẽ không có một trại viên nào còn tư tưởng nghĩ đến nữa. Ban chỉ huy trại cải tạo số 2 đã tham khảo ý kiến, nay ra quyết định: Hai trại viên đã thực sự phạm tội là Lê Văn Hiếu và Nguyễn Văn Tần thì phải trị tội thật nặng. Hai tên chống đối đó phải ngâm mình xuống hố phân trong thời gian nửa tiếng. Hai tên phải từ từ đi xuống hố cút. Bao giờ cút ngang đến vai mới được dừng lại. Tất cả trại, hãy trông gương mà nhớ lấy suốt đời. Nếu lần sau có kẻ nào trốn trại, tôi sẽ cho kẻ ấy ngâm cút suốt ngày chứ không phải nửa tiếng. Hãy đứng đấy, mở mắt to ra mà nhìn, mà nhớ cho đến lúc chết cũng chớ có quên, để chớ có khi nào dám manh tâm chống đối...

Còn như hai kẻ tòng phạm trong tổ của Hiếu và Tần...

Tôi nghe lời ông trại trưởng nói mà rợn tóc gáy. Thì ra hình phạt là quái gở đến như vậy. Đến lúc này tôi mới hiểu hết ý của cái tiếng nói vô hình vô ảnh thì thâm bên tai tôi lúc nãy. Ba người lớn bị trói tay. Khi xuống hố, tay họ sẽ ngâm trong cút. Còn đôi tay tôi được tự do, tôi sẽ giơ lên trời. Tôi hiểu. Phải giữ cho đôi tay sạch sẽ. Chắc chúng sẽ được việc lắm đây... Hai người kia phải xuống hố phân, chắc số phận thầy trò chúng tôi cũng thế thôi. May ra kẻ tòng phạm tội nhẹ hơn nên thời gian thụ án sẽ được giảm nhẹ đi chút ít. Tôi cay đắng nhìn bộ mặt nhăn nheo của thầy tôi. Thầy tôi đang lim dim con mắt, chẳng nói gì. Cũng chẳng chút biến động nào trên gương mặt từ bi ấy. Thầy tôi vẫn bảo: “Trong những phút trái ngang nhất của cuộc đời, tâm ta rất dễ xao động. Mà tâm xao động đấy niệm lên là ta

dễ hành xử sai. Tốt nhất hãy niệm hồng danh đức Phật, và hãy nghĩ rằng: Mỗi khó khăn ở đời là một bước để ta tôi rèn, để đi đến gần Đạo hơn”.

Đã có lệnh bắt hai kẻ phạm tội bước xuống hố.

Ở trên bờ, mùi xú khí nồng nặc bốc lên. Những bàn chân xé rách lớp phân khô trên mặt hố. Khí hôi thối khăm khú bị màng phân khô cứng trên mặt hố giam hãm như lũ tù bị giam trong tù ngục, nay bỗng chốc được giải phóng. Chúng sôi lên ùng ục rồi như lũ ngựa hoang đang cuồng cẳng bỗng phi nước đại. Xú khí ào ạt bốc ra thối hoảng cả vùng trời.

Tôi nôn nao, xây xẩm mặt mũi rồi nôn khan, cố ngăn lại mà không nổi. Tất cả cơ quan trong họng tôi đều quặn quại, cuộn cuộn. Những cơn co thắt nôn ọe cứ diễn ra bất chấp ý chí của tôi cưỡng lại. Thầy tôi đứng bên cạnh, mở mắt ra, an ủi:

- Cố gắng lên con. Tất cả sẽ qua nhanh thôi. Hãy cố định tâm. Tâm mà an thì mọi thứ trong ta sẽ an trở lại.

Tôi và thầy tôi chờ đợi đến lượt mình thụ hình. Ông trại trưởng muốn tra tấn thầy trò tôi bằng sự chờ đợi hay sao mà chưa thấy ông tuyên bố tội trạng của hai người. Tù nhân chúng tôi bầu quanh hố phân nhìn thầy giáo Hiếu và anh Tân dưới hố. Mọi người xanh lè con mắt. Cùng lúc ấy ông trại trưởng mới nói:

- Còn hai người kia, sư cụ Vô úy và chú tiểu An, họ cũng có tội, ở trong tổ mà không báo cáo. Kẻ nào sắp đi trốn mà không có dấu hiệu chuẩn bị. Họ bảo không biết, nhưng thực ra họ biết. Chẳng qua che giấu cho nhau. Ban chỉ huy trại suy tính mãi. Đáng lẽ ra họ cũng phải xuống hố cứt. Nhưng xét đi xét lại, từ lúc vào trại họ đều hiền lành, chưa mắc lỗi gì. Cho nên, tha cho hình phạt ngậm mình dưới hố, nhưng cũng phải phạt để cho họ thấm thía. Hai thầy trò phải đi gánh phân một tháng. Phải gánh hết hố phân đã hoai đổ ra ruộng và phải chặt đủ lá xanh rồi băm ủ hố phân mới.

Tôi thở phào. May mắn đã thoát được thứ hình phạt kinh hoàng. Tôi nghĩ chắc ông Bí thư Đoàn ủy, con người có thể lực cao đã che chở cho thầy trò tôi bằng một cách nào đó.

Ông trại trưởng nói tới đây thì có tiếng thầy giáo Hiếu kêu lên dưới hố:

- Tôi lạy ông trại trưởng. Cho tôi lên bờ. Tôi van xin ông đấy!...

Mọi người đưa mắt nhìn xuống. Người ta thấy hai cái đầu trọc của hai người tù trắng xóa. Cái gì ngoe nguẩy thế kia? Trời ơi!... Những con dò! Những con vật nhỏ bé, trắng nhợt, bóng nhảy từ những kẽ nứt chui lên. Lũ sinh vật ngoe nguẩy lúc nhúc sao mà lăm thế. Những tiếng kêu thét của hai con người làm ta sồn tóc gáy.

- Trời ơi! Chúng rúc vào mồm tôi!...

- Ôi giờ đất ơi. Chúng chui vào óc tôi rồi.

Sư cụ Vô Úy lúc này phải lên tiếng:

- Kính thưa cán bộ trưởng trại... Tôi nghe tiếng của ông giáo Hiếu hàng ngày. Tôi biết lúc này ông ấy đang nói thật... Tôi biết chắc lũ dò đã chui vào óc ông ta... Thưa cán bộ... Tôi nghe giọng thật là thảm thiết, khác thường... ông Hiếu không nói dối đâu. Xin cán bộ hãy rủ lòng thương... Cứu một người phúc đặng hà sa... Xin cán bộ đừng lại kéo không kịp nữa...

Thầy tôi vốn có cái tài chỉ nghe tiếng nói, cảm nhận được nỗi đau của người khác, chỉ nghe âm sắc tiếng nói biết được cái thống thiết đã tới mức nào. Tôi nhìn mặt ông trưởng trại, thấy ông ta liếc nhìn đồng hồ đeo tay và lăm bậm: còn năm phút nữa. Thầy tôi nhìn vào mắt ông trưởng trại và hiền từ bảo:

- Tôi biết ông trưởng trại đã nghĩ trong lòng thế là đủ rồi. Sao cán bộ chẳng nói điều ấy ra?

Và tôi lúc này chợt nhớ ra cái tiếng nói thầm thì vô hình vô ảnh khi trước. Tiếng nói ấy phải chẳng vốn là tiếng nói của thầy tôi. Thảo nào tôi nghe quen quen. Và tôi chợt hiểu thêm một điều về thầy tôi. Thầy chẳng những có thể nghe được nỗi đau của người khác, mà còn có thể truyền giao những cảm xúc từ bi của mình cho người khác. Phải chăng chính lúc này thầy tôi đang truyền giao lòng từ bi cho ông cán bộ, làm thức dậy cái tốt đẹp sẵn có trong ông ta và biến nó thành hành động.

Tôi sờ dĩ nghĩ vậy, vì lúc ấy tôi thấy khuôn mặt sắt thép của ông trưởng trại bỗng như chùng xuống. Và ông ta đột nhiên ra lệnh:

- Thôi được rồi. Cho ngừng lại.

Ông trại phó nghe lệnh, huýt một tiếng còi:

- Cho hai anh lên bờ.

Hai người tù cuống quýt lên bờ. Riêng tôi, không hiểu sao, tôi đã tự động cởi chiếc áo đang mặc của mình ra từ lúc nào không biết. Hình như tiếng nói quen thuộc ấm áp lúc trước đã lại vang lên bên tai tôi: “Con lấy chiếc áo phủ cho lũ dòi rơi xuống. Nhè nhẹ thôi, kẻo chúng bị nát như”. Trước thì tôi không biết, chứ bây giờ tôi nghĩ đó là tiếng của thầy tôi.

Và khi họ vừa lên bờ, tôi đã kịp thời dùng chiếc áo phủ nhẹ lũ dòi khỏi hai chiếc đầu lâu kỳ dị. Hai khuôn mặt đầy dòi bọt trắng nhờn ngo nguậy, phút chốc đang từ hình dạng ma quỷ đã trở lại thành những khuôn mặt người. Thầy giáo Hiếu lại trở về thầy Hiếu. Anh Tần lại ra anh Tần.

Ông trại phó lại rúc lên hồi còi cho phép hai người tù được ra suối tắm rửa. Hai người tù chỉ đợi có thế, vội ba chân bốn cẳng đạp phăng hàng rào, dẫm cả lên những luống cải đang trổ hoa vàng, vội vã đến vũng nước được

hình thành từ dòng suối chảy ra, nhảy ùm xuống và ngụp lặn. Họ vặt những búi lá chó đẻ rồi ra sức kỳ cọ, hòng mong mùi thơm hắc của cỏ cây sẽ xóa đi cái mùi thum thum mà dòng nước dù trong sạch thế nào cũng không thể làm phai đi được.

Cũng may, lúc ấy đã vào mùa xuân. Đã hết những đợt gió lạnh cắt da cắt thịt. Ông trưởng trại lại cho phép cởi trói và cho đốt một đồng lửa ven bờ suối cạnh những bụi sim, bụi mua. Hàm răng của những người tù đã thôi đánh cặm cật. Anh Tần vạm vỡ nên đã trở lại bình thường. Chỉ có thầy giáo Hiếu là vẫn nhăn nhó. Thầy lắc đầu, ngoáy tai. Thầy ôm đầu, thỉnh thoảng lại rên la nhăn nhó. Thỉnh thoảng thầy lại yên được một lát. Có lẽ con dòi trong tai thầy giáo nhờ lửa ấm nên không ngộ nguậy. Tuy nhiên, sự yên tĩnh ấy không kéo dài. Chỉ vài phút sau thầy lại ôm đầu mà rống lên đau đớn. Thậm chí khoảng nửa tiếng sau, thầy bỗng như người điên rồ, nhảy cồm lên chạy vòng quanh sân mà kêu trời. Có lẽ con dòi trong tai đang giãy giụa đục khoét. Sự ấm áp bên đồng lửa làm con dòi ngủ quên, lúc này nó lại hoạt động.

Ông y sĩ trại giam phải sai người giữ chặt thầy giáo Hiếu lôi vào trạm xá. Thầy Hiếu vẫn lờn lộn kêu la, ông y sĩ phải trói vào chiếc chõng tre mà việc khám bệnh vẫn khó khăn. Cuối cùng, ông y sĩ phán rằng:

- Trường hợp này gay đây. Phải cho đi bệnh viện chuyên khoa Ô Rờ Lờ (ORL) mới xong. Nếu chậm, con dòi chui vào óc thì hết đường cứu chữa.

Ông y sĩ này vốn là y tá làm việc với Tây ở bệnh viện Bạch Mai. Đi kháng chiến có thành tích nên được đề bạt làm y sĩ. Ông ta sành nói tiếng chuyên môn theo kiểu Tây. Ông trưởng trại nghe phải chuyển bệnh nhân đi bệnh viện đã ngại, nay lại nghe ba tiếng Ô Rờ Lờ (ORL= oto-rhinolaryngologi e= tai mũi họng) của ông y sĩ nên càng ngại thêm. Ông ta vốn tin quần chúng vốn có nhiều mưu mẹo sáng kiến. Ông liền đứng ra giữa sân hô hào anh em:

- Thầy giáo Hiếu bị dò chui vào tai. Trong anh em, ai là người có khả năng chữa bệnh cho Hiếu?

Tôi rất ngạc nhiên khi thấy Trăm giơ tay:

- Tôi xung phong xin thử xem sao.

- Anh đã làm y tá rồi sao?

- Không, tôi làm thợ cạo.

- Thợ cạo kiêm ông lang hả?

- Không, tôi làm thợ cạo tồi, nhưng lấy ráy tai thì giỏi.

Trại trưởng vỗ đét vào đùi.

- Giỏi! Tôi hiểu rồi. Đúng là quần chúng nhiều sáng kiến.

- Nhưng điều kiện là phải có một cái dip dáy tai thợ cạo. Một cái dip đầu nhọn thật dài.

- Không lo. Dip dáy tai thì có sẵn.

Chuyện này thì tôi hiểu. Trăm vốn là đứa khéo tay. Trăm lại chơi thân với Căn. Ông Trần bố Căn có thời đã nức tiếng về nghề lấy dáy tai. Nghe nói hồi trước Cách mạng đã có lần ông thoát khỏi tay bọn mật thám Tây cũng là nhờ có tài lấy dáy tai. Ông Trần không muốn thất truyền cái nghề mọn quý báu mà thằng con ông là Căn với bàn tay chuối mỡ sẽ không bao giờ thành tài, nên đã truyền nghề cho Trăm. Thằng Trăm giỏi bách nghệ - Người làng vẫn bảo thế - Nó đã thích nghề gì, cứ chạm tay vào là khắc làm giỏi. Nó bắt cá giỏi chẳng kém gì bố. Thợ cày cũng tài. Rổ, rá, thúng, mủng, lờ, giỏ tự tay nó đan trượt. Lúc rỗi rãi còn vác cái hòm thợ cạo đi các làng cắt tóc rong.

Trẩm chuẩn bị lấy con dòi trong tai thầy giáo Hiếu ra có vẻ rất nghiêm trọng và khó khăn. Nó trói thầy giáo Hiếu vào cột hiên bắt một người giữ chặt đầu thầy giáo. Rồi nó tuyên bố:

- Con dòi chui rúc rất sâu. Sắp sửa vào óc rồi. Do đó lấy ra sẽ đau. Ngộ ngoạy đầu, đâm thủng màng nhĩ, đâm vào óc, tôi không chịu trách nhiệm. Ông muốn tôi lấy nó ra hay đưa đi bệnh viện cho người ta mổ óc ông ra? Muốn tôi làm chứ gì... Vậy thì ngồi yên! cắn răng lại nếu đau... Nào! Tất cả dân ra cho đủ ánh sáng...

Trẩm nheo mắt trái, mở to mắt phải, nín thở, bàn tay trái kéo căng vành tai thầy giáo Hiếu, rồi từ từ đưa cái díp dài ngoẵng vào lỗ tai thầy giáo Hiếu. Thịnh thoảng anh lại nói một câu ngắn:

- Thấy rồi. Tôi thấy nó rồi... Căng mọng... Được rồi... Đau hả? Chớ ngộ nguậy... Tôi rút nó ra đây... A ha! Tôm được cu cậu rồi.

Trẩm giơ con dòi trắng nhầy ra trước ánh sáng cho mọi người xem. Trại trưởng có vẻ hể hả.

- Cậu Trẩm khá lắm! Thế là khỏi phải đi bệnh viện... Đồng chí y sĩ, hãy bơm thuốc sát trùng vào tai thầy giáo Hiếu cho chắc ăn. Hôm nay, cho cậu Trẩm nghỉ một ngày...

Nhờ có chuyện con dòi kỳ lạ ấy, Trẩm chiếm được lòng tin của ông trại trưởng. Cũng phải nói rằng, sự chiếm được lòng tin ấy còn nhờ vào việc ông này mắc nghiện lấy dáy tai, hoặc nhờ vào một kỷ niệm nào đó rất riêng tư của ông. Sau này, Trẩm được đặc ân, được ông thường xuyên gọi đến nhà riêng giúp gia đình ông làm những việc vặt.

Sau cái ngày chịu sự nhục hình kỳ quái ấy, trong những ngày điêu linh ấy, tôi cảm thấy cuộc sống thật là trò hề, lại vừa bi thảm. Tôi buồn rĩ hẳn đi, mặc dù tôi cố cưỡng lại. Nhất là về đêm. Ở rừng mà cũng lắm cú thế ư? Cú cũng kêu suốt đêm. Cứ cảm giác như là khu rừng có bao nhiêu cú đều

tập trung lại đây tất cả. Có kẻ bảo: Người ở đâu khắc cú kéo tới đó. Chả là có người là có chuột, và có chuột là có cú. Đêm nào cũng nghe chuột rúc rích trên mái. Người ta nghe chuột rúc rích mà đoán điềm lành. Còn tôi nghe chuột rúc đêm mà mắt cứ căng ra không tài nào ngủ được. Thức thâu đêm, nghe gió rừng than thở, nghe muôn vạn con côn trùng ngoài thung lũng tấu lên khúc nhạc đệm rền rĩ bất tận, nghe những con ếch ương phồng bụng, ngoác mõm van xin đất trời những giọt mưa ân huệ, rồi nhìn vài con đom đóm lạc loài từ rừng chui vào căn nhà giam khốn khổ để lập lòe bay lượn.

Trông con đom đóm bay, tôi lại nhớ tới cái Huệ, người bạn học của tôi. Lúc này Huệ ở đâu? Cái đêm bà Năm và Huệ từ chùa trốn đi, tôi khắc khoải mất ngủ cả đêm. Cứ tưởng tượng ra bao nhiêu tai họa sẽ đến với họ. Người ta bảo thân gái dặm trường, vong gia thất thổ. Chúng tôi là lũ trẻ mới lớn... Bây giờ Rêu đã lìa trần... Không biết cô ở cõi nào? Cõi nọ quý, chúng sinh? Người trong như pha lê ấy chắc đang trụ ở cõi trời. Căn thì trong quân đội, còn Huệ đang lưu lạc ở phương trời nào?

Sau cuộc trừng phạt, thầy tôi vẫn điềm nhiên, không hận thù. Thầy tìm hiểu, và biết rằng ông trại trưởng có một thời thơ ấu rất khốn khổ. Đi ở cho nhà giàu từ khi còn nhỏ. Không tác đất cắm dùi, không học hành, bị đói khát, bị đánh đập hành hạ. Lớn lên lấy vợ. Vợ có chút nhan sắc bị cường hào cưỡng hiếp. Như thế cũng chưa hết. Tiếp đó, cô lại bị bà chủ ghen, lột trường ra, treo lên đánh cho đến trụ thai...

Cuộc sống thảm thương thế đó. Cho nên người trại trưởng mang mối hận thù to lớn đi vào cách mạng. Cuộc cải cách là lỗ hồng xì hơi để hận thù bung ra biến thành bão to gió cả... Tôi hiểu thầy tôi muốn phân tích, muốn đi tìm cái Phật tính trong con người để mà tha thứ. Tôi còn bé nhưng tôi cũng hiểu chứ, tôi cũng biết tha thứ cho những kẻ hành hạ tôi chứ. Đức Phật bảo sân hận là một trong những nguyên nhân tạo thành đau khổ thế gian. Hận thù nối tiếp hận thù sẽ muôn đời muôn kiếp không tan. Cái vòng

luẩn quẩn như thế sẽ chẳng bao giờ dứt. Tôi hiểu lắm chứ. Nhưng muốn thế con người phải có lòng cao thượng tuyệt vời. Mà tôi dù sao vẫn là kẻ phàm phu... Hay là tôi đang ngụy biện, hay là tôi đang cố tìm những lý lẽ để cố che giấu tâm hồn yếu hèn của mình?... Thú thật, khi thấy con người bị đẩy xuống hố phân, một luồng nộ khí đen ngòm, dù tôi cố ngăn giữ, vẫn cứ ngùn ngụt xông lên, che kín đặc tâm hồn tôi. Thú thật, tôi đã cảm hận, mặc dầu những lời Phật dạy luôn ở trong tôi.

Sau cái vụ nhục hình hố phân ấy, thầy giáo Hiếu thoát chết, tôi và anh Tần trở lại bình thường, chỉ riêng thầy tôi bỗng trở nên ốm yếu. Cũng may, càng ngày cậu Trăm càng được lòng trại trưởng. Ông nghiên cứu lý lịch biết Trăm thành phần cố nông. Ông ra sức giáo dục Trăm:

- Thành phần cố nông là chỗ dựa của cách mạng. Tôi biết cậu tốt. Hoặc là cậu hàm oan, có điểm cách mạng chưa rõ. Nếu thế cậu phải làm cho rõ để lấy lại sự tin cậy của cách mạng. Hoặc là cậu nhất thời sai lầm nhưng chỉ là kẻ a dua, vì trẻ tuổi nên bị bọn chúng lợi dụng... Vậy tốt hơn hết, cậu phải đái tội lập công. Biết gì thì cứ tố... Tố càng mạnh càng tỏ rõ lập trường. Tố những kẻ nào ư? Bọn đầu sỏ chứ còn ai... Ví dụ như lão sư gia chẳng hạn... Bây giờ, tôi cho phép cậu đi sát bọn họ... Không sợ liên quan gì đâu... Cậu là bạn thẳng chú tiểu chứ gì? Ở đây chỉ có cậu là người dễ gần bọn họ nhất... Hãy xem có phải chính lão sư đã tổ chức vượt ngục không?... Hãy để ý xem tổ chức của họ còn những ai?... Hãy nhớ rõ xem họ hay gặp gỡ những ai?... Cậu biết đấy... Tim ra được tổ chức của chúng, công của cậu là rất to...

Về sau, Trăm kể lại với tôi như thế. Tuy nhiên, trại trưởng lại không hề biết Trăm là con người vô cùng lương thiện. Anh là người hành động và suy nghĩ một cách hồn nhiên. Anh không thể làm ác hoặc vu oan cho bất cứ ai. Cái hồn nhiên của anh chính là cái lương tri của con người. Còn thầy tôi thì nói đó là Phật tính trong mỗi con người. Cho nên, không những Trăm chẳng làm hại thầy trò tôi, mà lại còn lợi dụng hoàn cảnh để giúp đỡ thầy

tôi. Khi ấy, thầy tôi ốm lắm. Người bỗng nhiên gầy rộc đi. Lúc nào cũng hâm hấp sốt. Rồi tiếp theo là những cơn ho xé ruột xé gan. Những cơn ho dữ đi để nhường chỗ cho những cơn đau bụng... Trong những ngày tháng ấy, có lẽ cũng nhờ thân với ông trại trưởng nên Trăm luôn kiếm được trứng gà đem về, để cho tôi làm món “trứng gà lá mơ tam thể” chữa bệnh cho thầy tôi. Đến khi ấy sự cụ chỉ còn da bọc xương, không thể bắt đi lao động được nữa. Thầy tôi đi ngoài ra máu. Trước thì đi nhiều bận, về sau thì không thành bận. Ở lỗ hậu môn luôn rỉ ra thứ nước đỏ lờ lờ. Trạm xá cho thuốc cũng không khỏi. Người ta sợ bệnh lây lan, nên cách ly thầy tôi, cho ở trong cái lán nhỏ xa khu trại giam. Chẳng biết Trăm xin xỏ, lạy lục ông trại trưởng thế nào, mà ông ta cho phép tôi được ra đây chăm sóc cho thầy. Có lẽ thầy tôi cảm thấy trong người yếu lắm rồi, cho nên nhân lúc còn tỉnh táo, người dặn dò tôi. Cho đến lúc ấy tôi mới hiểu thầy tôi rất yêu tôi:

- Con ơi! Nhớ lấy câu này nhé: “Con người ta sinh ra ở đời... tức là đã có duyên... hạnh ngộ... đã là hạnh phúc lắm rồi”... Phật dạy có sinh là có khổ... Đời vốn vậy... Sao ta lại buồn... Giải thoát là việc lớn... Mọi chuyện đều là nhỏ... Muốn thành sự việc gì ở đời... đều phải mệt nhọc đau khổ... Con của ta hay buồn... Ta biết đó là ưu điểm của con, mà cũng là cản trở của con...

Đêm hôm ấy, thầy tôi nói nhát gừng nhưng nói rất lâu. Tôi vừa khóc, vừa nghe. Có lẽ vì thế nên tôi không nhớ hết lời thầy... Đại khái, trong óc tôi chỉ còn lại những điều như vậy. Nói nhiều nên thầy tôi mệt. Thầy lịm đi. Tôi hô hoán lên. Mọi người ủa đến, nhưng ai cũng lắc đầu. Thầy tôi đã chìm dần vào cõi hôn mê.

Chính cái ngày buồn thảm ấy, Trăm chạy xuống căn lều nhỏ, cái nhà xác trong thung lũng giữa rừng, và hôn hờ bảo tôi:

- Sống rồi! sống rồi! An ơi!

- Ai sống? - Tôi hỏi.

- Chúng mình chứ ai!

Tôi lặng lẽ không nói gì. Còn Trăm giải thích:

- Tớ vừa ở trên nhà ông trưởng trại về. Có tin rất vui. Chính phủ mới ra sắc lệnh sửa sai. Thế là chúng mình sống rồi.

Lúc bấy giờ, tôi đang ngồi ủ rũ bên cái xác thầy tôi. Tôi như kẻ vô cảm trước cái tin thực sự là vui của Trăm. Trước cái xác của thầy, thực quả tôi thấy ở cõi đời này, giữa cái sống và cái chết thật quá mong manh. Buồn ư? Vui ư? Sao con người ta dễ dàng buồn vui lắm vậy. Thực sự lúc bấy giờ tôi như một kẻ đứng đưng. Bên cạnh cái xác của một con người thánh thiện, cái vui dễ dãi của con người là một điều xúc phạm. Hình như sự lặng im của tôi làm Trăm chột hiểu. Cái vui bỗng bật cũng qua đi rất nhanh. Anh nói: “Để tôi xem nào”, rồi cúi xuống nắm lấy tay thầy. “Hãy còn hơi ấm”. Anh lẩm bẫm. Xong rồi, ghé tai sát lồng ngực. Tiếp theo, lấy sợi tóc đặt trước mũi. Cuối cùng Trăm bảo:

- Rất mong manh, nhưng hơi thở vẫn còn.

Tôi đứng yên bên cạnh, bội phục sự bình tĩnh và tháo vát của Trăm. Không biết ai đã dạy mà Trăm biết cả những việc khi con người sắp lìa cõi đời. Trăm tất tả chạy ra khỏi cái lều xác, tôi cũng chẳng hiểu anh định làm gì. Một lúc sau, Trăm quay lại, hai tay bưng cái bát to. Tôi hỏi:

- Bát gì?

- Nước - Trăm trả lời.

Tôi nhìn vào cái bát đầy vàng mỡ vàng khè.

- Không phải nước. Tôi nói - Cậu định cho thầy uống thứ nước này? Nếu tôi không nhầm. Đó là nước luộc thịt. Nước xương lợn. Thầy của tôi không bao giờ ăn thịt.

- Ừ đúng là nước thịt. Thì sao nào - Tôi ngần ngại. Còn anh nghiêm khắc hỏi tôi - Cậu muốn thầy sống hay chết?

- Nhưng...

- Không nhưng gì hết. Đừng có câu nệ vớ vẩn. Cứ thử xem sao.

Tôi bần thần, ngồi phịch xuống. Còn Trăm, anh thản nhiên cầm cái thìa múc thứ nước đầy váng mỡ kia, cạy mồm thầy ra, đổ vào. Tôi cúi đầu. Có tiếng cậu ta nói khẽ.

- Hay rồi!... Sự cụ liếm môi... Nước tràn tẹt đấy... Nước của đời người chúng con đấy... Cụ nếm rồi... Con tin là cụ sẽ khỏi.

Điều vô cùng kỳ lạ đã xảy ra. Nhờ bát nước xuýt, bát nước vật chất váng mỡ ấy mà thầy tôi lại quay trở về với cuộc đời. Trăm còn cho thầy tôi uống thứ nước tràn tẹt ấy thêm vài lần nữa. Ông y sĩ có bộ ria nhỏ giải thích rằng, thầy tôi không mắc bệnh gì hết. Vì ông cụ quá ốm yếu, thân thể quá suy kiệt, lại thêm lao động mệt nhọc, cuộc sống ô uế, nên sinh ra bệnh. Sự thiếu thốn kiệt cùng đã gây ra phản ứng cơ thể. Đi ngoài ra máu tức là tín hiệu tốt cùng. May mà Trăm nghĩ ra cách chữa dân gian. Trăm cười và bảo:

- Tôi chẳng nghĩ đến cách chữa dân gian. Tôi chỉ thương ông cụ thôi. Thương cụ cả đời chẳng biết ăn miếng thịt. Thì trước khi cụ chết. Hãy cho cụ ăn thịt xem sao. Chắc cụ chẳng nhai được thịt miếng. Thì cho cụ uống nước xuýt. Nước ấy chẳng qua cũng là thịt tan ra mà thôi. Cụ khỏi bệnh, chẳng qua là tôi gặp may.

Nghe câu trả lời vừa hài hước vừa báng bổ của Trăm, tôi chỉ ngồi lặng im. Tôi chẳng hề giận bạn tôi, mà lại còn cảm ơn là đằng khác. Tôi còn hiểu thêm nghĩa của chữ tùy duyên. Nếu tốt đẹp, ta chẳng nên chấp trước một điều gì.

Nửa tháng sau, thầy tôi đã ngồi dậy được nhưng còn yếu lắm. Chúng tôi đã được sửa sai. Chúng tôi được phép quay trở về chùa cũ. Sư bác Khoan Độ mang lên trại một chiếc xe bò. Chúng tôi đặt thầy tôi lên xe. Sư bác làm bò kéo xe. Tôi và Trầm đẩy phía sau. Tôi nhớ lại lần tôi kéo xe bò đưa thầy tôi từ nhà tù “Đơ Bê” từ phố huyện trở về.

Đây là lần thứ hai tôi kéo chiếc xe bò cộc cạch đưa thầy tôi từ cũi chết trở về.

ĐỘI GẠO LÊN CHÙA

Nguyễn Xuân Khánh

www.dtv-ebook.com

Phần Iii - Về Cõi Nhân Gian -Chương I

Hôm ấy là ngày giỗ sư tổ Vô Chấp. Tổ có nhiều học trò vì người trụ trì ở hai nơi, chùa Ổi trên Hà Nội và chùa Sọ tại đây. Giá như ở thời xưa, con cháu tam bảo ở hai nơi đều tụ tập về đủ cả, chắc chắn ngày giỗ này đông vui lắm. Nhưng vì hoàn cảnh thời mạt pháp nên ngày giỗ cụ làm nhỏ thôi và làm ở hai nơi, hai ngày trước sau; như thế cũng tiện cho con cháu ở hai chùa đi lại.

Nay nói riêng về chùa Sọ.

Cái đêm hôm trước ngày giỗ, chập tối đã có con đom đóm to, xanh lè bay vào nhà chị Thì. Con đom đóm bay dọc suốt cả ba gian nhà, bay cả vào căn buồng đầu hồi của vợ chồng thằng Trăm, rồi lại bay ra lượn lờ quanh bàn thờ gia tiên, quanh quần nấn ná có đến hơn tiếng đồng hồ mới chịu bay ra sân, cuối cùng bay về phía chùa và biến mất. Đêm hôm ấy, chị Thì nằm mơ thấy cụ Thăm. Cụ hỏi con gái:

- Này Thì, mà có nhớ ngày mai là ngày gì không?

- Thưa u, con chẳng biết là ngày gì cả.

- Rõ đoảng. Đoảng ơi là đoảng. Mai là ngày giỗ sư tổ ngoài chùa. Con ơi, ngày xưa, lúc u mới sinh mà ra, nhà chẳng còn hạt gạo củ khoai. Bố mà đi nhủi tép ngoài đồng rét quá phải cảm, người sốt nóng như hòn than. Mẹ phải ôm mà ra chùa ăn mà cửa Phật. Sư tổ thương tình ra tay cứu giúp. Có sư tổ mà mới còn sống đến giờ, mới có con có cháu. Rồi sau đó nhà chùa còn cho cấy rẽ mấy sào đất tam bảo, nhà ta mới có cái mà sống. Đừng có quên. Không bao giờ được quên con nhé.

Chị Thì choàng tỉnh, mồ hôi toát ra như tắm. Và lúc ấy mới quá nửa đêm, chị đã hoàn toàn tỉnh giấc. Chị lục sục vào buồng lấy gạo nếp, rồi thắp đèn, đưa nắm gạo trong lòng bàn tay lên ngắm nghía. Chị bực mình lắm lắm vì rõ ràng chị đã nhắc vợ thằng Trắm rằng đây là gạo chỉ dùng trong những ngày giỗ tết. Thế mà nó già chưa được trắng. Giần sàng cũng chưa được kỹ. Thế là chị lọ mọ một mình bưng thúng gạo xuống nhà ngang, đổ gạo vào cối rồi hì hụi một mình giã gạo. Tiếng chày thậm thịch vang trong đêm khuya. Đêm vắng lặng. Tiếng chày một mình chày đập thả nổi cô quạnh vật vờ trong lũy tre làng, nghe buồn thối ruột. Tiếng chày đánh thức anh Lắm dậy, làm anh không tài nào ngủ được nữa. Anh ra hiên rít điếu thuốc lào, rồi mò xuống nhà ngang hỏi vợ :

- Có chuyện gì mà mình phải giã gạo giữa đêm khuya? Đánh thức cả nhà dậy cả. Không khéo cả làng cũng thức dậy theo mình. Rõ là rồ!

Chị Thì trả lời chồng:

- Không sao! Nhà mình hẻo lánh rìa làng. Vườn lại rộng. Chẳng ai thức dậy vì tiếng chày của tôi đâu. Có khi tiếng chày xa xa còn ru người ta ngủ say thêm là khác.

Anh Lắm bước lên, đập cần cối giúp vợ. Chị Thì đứng đình giải thích cho chồng rõ.

- Vừa rồi u về báo mộng làm tôi sợ nhớ ra. Ngày mai là ngày giỗ cụ sư tổ ngoài chùa. Mình chịu ơn nhà chùa rất nhiều. Thế mà vô ơn, quên cả ngày giỗ của tổ là chẳng hay đâu.

Hai vợ chồng rủ rì bàn tính với nhau. Chị Thì nói:

- Tôi tính thế này: ngày mai nhà mình lên chùa tất cả. Tôi là đàn bà, phải lên chùa sớm hơn. Còn lo việc bếp núc. Chứ một mình cô Nguyệt thì biết xoay xử ra sao. Sớm tinh mơ, sau gà gáy, tôi sẽ đội gạo lên chùa.

- Không tiện đâu! - Anh Lãm ngẫm nghĩ rồi trả lời - Mình không biết chứ, họp ban quản trị hợp tác người ta nói nhà chùa gay gắt lắm. Nào là phục hồi mê tín dị đoan ư. Nào là hữu khuynh để lại cho nhà chùa ba sào ruộng không vào tập thể hợp tác, tức là tư hữu, đi theo con đường tư bản chủ nghĩa...

- Tư bản gì ba sào ruộng nhép ấy. Thế chẳng nhẽ không cho người ta sống hay sao? Nhà chùa có bốn người. Sư cụ thì già rồi. Sư Khoan Độ và chú tiểu An thì hợp tác xã hé môi sai làm việc gì cũng cung cúc làm ngay, chẳng phàn nàn lấy một lời. Ba sào ruộng một mình cô Nguyệt phải cáng đáng. Ba sào ruộng nuôi bốn người, rồi lại phải đèn nhang hàng ngày, rồi lại còn ngày rằm mừng một, giỗ tết. Hoa lợi ba sào ruộng tôi hỏi được bao nhiêu? Ban chủ nhiệm hợp tác xã phải vừa vừa thôi. Ông là đội trưởng, khi đi họp cùng ban chủ nhiệm, phải biết lựa lời bênh vực người ta với chứ. Người dân là thấp cổ bé họng. Nhà chùa cũng là dân, nhưng còn thấp cổ bé họng hơn nhiều.

Người chồng phải mềm dẻo dỗ vợ:

- Tôi bàn thế này mình nghe xem có được không. Tôi đi thì không tiện rồi. Tôi lên chùa tức là mình công khai ủng hộ mê tín dị đoan, chống lại ý kiến của chủ nhiệm hợp tác. Họ chỉ mong có thể thôi. Họ sẽ tước cái chân đội trưởng sản xuất của tôi. Thử hỏi đến lúc ấy, còn có ai là người trong làng này che chắn cho nhà chùa. Riêng mình, mình lên chùa thì chẳng sao cả. Bởi vì mình là con bà cụ Thầm. Mà cụ Thầm đã suốt đời nương bóng nhà chùa. Mình đi ăn giỗ cụ sư già. Đây là lẽ đương nhiên. Còn thằng Trắm, sự thật nó lên chùa là phải, nhưng cũng như tôi, nó là xã đội phó, là cán bộ, nếu lên chùa cũng không tiện. Cũng may, mấy hôm nay nó đang họp trên huyện. Còn con cái Hiếu, vợ thằng Trắm, nó đang bận con nhỏ. Đàn bà bận con, không lên chùa, thì cũng chẳng ai nữ trách.

Cái Hiếu, không biết đã đứng ở nhà ngang tự lúc nào, bỗng lên tiếng. Nó nói rõ ràng dứt khoát:

- Thầy u ạ, con đã nghe hết mọi chuyện thầy u bàn tính rồi... vâng... cháu nó đang ngủ say. Con xuống đây giúp u sàng gạo... Mà con xin thưa với thầy thế này. Ông con, cụ chánh ấy, ngày xưa cũng là học trò của sư tổ chùa làng. Ngày xưa con biết sư cụ Vô Úy và ông con vẫn hàng ngày qua lại với nhau, rồi nhận nhau là anh em. Nay ông con chẳng may thiệt phận đi rồi. Nhưng đã là học trò thì dù thế nào cũng vẫn là học trò. Ngày giỗ thầy, học trò phải theo giỗ. Nay ông con mất rồi. Con xin được thay cho ông con lên chùa. Vợ chồng con chưa ở riêng, nên tuy chưa đội gạo lên chùa, cũng xin được đến cúi lạy trước tam bảo.

Xong câu chuyện, cối gạo cũng đã trắng. Hiếu lấy cái trạc chữ Y chống cần cối lên, rồi vét gạo ra sàng sảy. Chị Thì lấy nắm gạo lên lòng bàn tay xem xét. Nhìn những hạt gạo trắng muốt, thơm thoảng, óng ả, mười hạt như một, mắt chị sáng lên vẻ hài lòng. Cũng khi ấy, con gà sống mơ ngoài chuồng cất tiếng gáy ran.

Chị Thì đổ gạo vào thúng, đặt thêm lên trên gạo một nải chuối, một thẻ hương. Chị khoác lên người chiếc áo dài màu nâu, chiếc áo mà chỉ những ngày trọng đại, một năm đôi ba lần mới xỏ tay vào. Chị Thì đội gạo lên chùa. Theo sau là Hiếu, cô con dâu bông đùa con vẫn say sưa ngủ. Hiếu lấy chiếc khăn vuông che sương cho con. Miệng Hiếu cắn vào một góc chiếc khăn nên không nói được ra tiếng. Vừa đi, Hiếu vừa nựng con bằng cái thứ tiếng nâng niu ậm ừ trong cổ họng, thứ ngôn ngữ ấm áp của người mẹ. Chẳng ai biết người mẹ đang nói gì với con, nhưng chắc là đứa bé hiếu, bởi vì qua ánh sáng bàng bạc của đêm sáng trời, người mẹ nhìn thấy đứa bé mỉm cười rồi nó lại tóp tép cái mồm trông đến là yêu. Vừa đúng lúc ấy mẹ con chị Thì đã đến trước tam quan. Đã nghe thấy một hồi chuông ngân nga và tiếng mõ trong tòa thượng điện. Sư cụ đã bắt đầu làm lễ.

Không thấy chú An; sư bác Khoan Độ là người nhận lễ. Sau khi đặt nải quả và hương lên bàn thờ, ba mẹ con bà cháu nhà chị Thì ngồi xếp

xuống chiếc chiếu sau lưng sử cụ kính cẩn làm lễ. Sau đó họ nhanh chóng xuống ngôi nhà lá cạnh ao chùa giúp cô Nguyệt chuẩn bị cỗ.

Chị Thì và cô Nguyệt gặp nhau tay bắt mặt mừng. Cô Nguyệt khoe luôn:

- Chị Thì à, đêm qua u chị, cụ Thâm về thăm em đấy. Em thấy một con đom đóm rõ là to, rõ là xanh, xanh biêng biếc, cũng lập lòe, nhưng lập lòe rõ là chậm. Cụ già rồi mà. Suýt soát chín mươi mới chết. Chậm chạp như vậy mới đúng là cụ. Em khẩn: “U ơi nếu thực là u thương con, u về thăm con thì u hiển linh cho con biết”. Em khẩn xong, cây hương trên bàn thờ đột nhiên cháy bùng. Thế mới biết u thật là thiêng...

- Thế thì đúng rồi - Chị Thì xác nhận - Chập tối đêm qua u cũng về thăm chị. Thăm nhà chị trước rồi mới đến thăm nhà em. Chị không khẩn như em nhưng chị biết chắc là u. Bởi vì người bay suốt ba gian nhà. Thăm hết các xó xỉnh. Bay cả vào buồng con Hiếu. Cụ thăm cháu cụ đấy. Cụ không hiển linh như ở chùa, nhưng cụ thiêng thì là điều chắc chắn. Bởi vì cụ báo mộng cho chị đấy. Chị thật đoảng. Chạy công điểm hợp tác xã lu bù ngày nọ qua ngày kia đến nỗi lú lẫn quên mất cả ngày giỗ sư tổ trên chùa. Thế là cụ mắng cho một trận. May mà cụ nhắc cho, nếu không em lại phải vất vả một mình.

Cô Nguyệt cười:

- Em đời nào lại chịu làm một mình. Nếu cụ không nhắc chị, thì chỉ lát nữa thôi, em sẽ đến nhà chị bắt chị ra cho bằng được. Chị có quên thì cũng phải nhớ.

Cái Hiếu đã đặt con ngủ xong, chạy ra đái đậu. Nó hỏi:

- Cô Nguyệt ơi. Nhà chùa năm nay có đỗ xanh mấy và sớ quá nhỉ.

- Cửa sư thúc Vô Trần gửi về đây. Ba bốn năm bật tằm. Năm nay gửi đồ lễ về trước. Không biết người có về giỗ cụ năm nay không?

Cô Nguyệt làm cỗ chay thật khéo. Chỉ bằng các loại đỗ, các loại gạo, các loại củ quả, hoa lá, cô có thể chế ra đầy đủ, giò, nem, ninh, mọc... Cách chế biến thật tinh xảo và phức tạp: nào giã nhuyễn, nào cán mỏng, nào gói tròn gói vuông; rồi thì rán, thì hấp, thì đồ, thì chưng... Phải mất tới mấy tiếng đồng hồ mới xong.

Làm lễ Phật ở đại điện xong, sư cụ mới làm lễ cúng ở nhà tổ.

Khoảng mười giờ sáng, có tiếng còi ô tô ở ngoài tam quan. Rồi một chiếc commăngca (ô tô con, có động cơ khoẻ, thường dùng trong quân sự.) qua cổng lớn chạy vào đỗ ở sân chùa. Rồi một cô gái bước xuống. Cô trạc ngoài hai mươi tuổi. Tóc tết thành hai chiếc đuôi sam dài thả xuống hai bên vai. Cô mặc quần đen, áo sơmi màu trứng sáo, đi dép nhựa. Tay cô xách chiếc làn nhựa đỏ đựng hoa quả và một thẻ hương. Cô có đôi con mắt rất dài và rất đen. Cả mớ tóc trên đầu cô cũng đen nhánh. Ở cô toát ra sự thanh sạch và hiền hậu nhưng thoáng chút buồn buồn. Dáng đi của cô uyển chuyển và khoan thai. Chẳng có chút hấp tấp vội vã. Người xem tướng có thể đoán cô sẽ có một tương lai thanh thản và nhàn nhã.

Sư Khoan Độ bước ra đón khách.

- A di đà Phật - Cô gái cung kính chắp tay trước ngực chào.

- Ai di đà Phật - Sư Khoan Độ trang nghiêm đáp lễ, rồi đỡ lấy chiếc làn đồ lễ, dẫn khách vào chiếc bàn kê ở góc sân - Xin cho nhà chùa được phép hỏi thí chủ...

- Kìa sư bác, không nhận ra được tôi ư. Tôi là người làng Sọ đây mà.

-Dạ...

- Sư bác Khoan Độ vẫn chưa nhận được rồi. Tôi là con ông Vô Trần. Sư bác đã nhớ chưa?

- Vâng. Cô Huệ. Cô khác xưa nhiều quá. Gần chục năm rồi còn gì. Ngày xưa cô còn bé tí. Ngày xưa, cô đi học cùng với chú An... Hóa ra là người nhà... Sư thúc tôi hôm nay có về không?

- Thầy tôi năm nay cứ định về giỗ tổ. Mấy hôm vừa rồi cứ nắc nỏm nhắc tới ngày về. Nhưng hôm qua lại nhận được lệnh phải đi dự một cuộc họp quan trọng. Thành thử, tôi phải về một mình.

Họ làm lễ xong, rồi xuống nhà tổ. Sư cụ Vô úy ngồi ở tràng kỷ. Cô Huệ cung kính khom lưng vái lạy:

- Dạ thưa, thầy con hôm nay bận việc quân đội, sai con về trước là lễ Phật, lễ tổ, sau nữa là thăm sức khỏe sư cụ Thầy con, tuy xa chùa, nhưng luôn nhớ tới sư huynh của người. Khi tổ viên tịch, cha con may mắn được sư thầy dạy dỗ, chẳng khác nào người cha thứ hai... Cho nên, cha con không về được đã sai con thay mặt cha về kính lạy sư cụ. Cha con nói rằng lúc nào cũng đình ninh trong dạ những lời dạy bảo của sư tổ trước khi ra ngoài đời.

Sau khi Huệ đã làm xong mọi nghi lễ, sư cụ và Huệ ngồi nói chuyện. Sư cụ cứ đăm đăm nhìn cô cháu. Có vẻ sư cụ hài lòng với cô cháu có gương mặt và cử chỉ hiền hậu. Cụ nói:

- Kể từ ngày cải cách, con trốn khỏi làng, dễ thường đã được hơn mười năm rồi đấy. Từ đó không có tin tức của gia đình con. Cũng nghe loáng thoáng người mất kẻ còn, ta xót thương lắm, hôm nay được trông thấy con thế này, ta mừng vô cùng.

Huệ chớp chớp mắt. Câu nói của sư cụ bỗng làm trỗi dậy trong tâm trí cô gái cái đêm kinh hoàng trên con sông Hồng hung dữ. Đêm hôm ấy, hai mẹ con Huệ nhảy xuống dòng sông giữa những con sóng. Nước đã cuốn

Huệ đi. Hình như cô đã bám được vào một khúc gỗ. Rồi nước đưa cô vào bãi giữa. Huệ ngất đi chẳng biết gì nữa. Khi cô tỉnh dậy thì thấy mình nằm bên một bếp lửa. Những người dân tứ xứ đến làm ăn vào mùa khô trên bãi giữa đã cứu sống cô. Cô gái gần như hóa câm suốt ngày khóc, phải hàng tháng sau đầu óc mới dần dần tỉnh lại. Cô đi tìm cha. Cũng đúng lúc ấy thì sửa sai. Cô đến Bộ Quốc phòng. Ông Vô Trần lúc ấy là một Chính ủy Trung đoàn cũng có chút tiếng tăm, cho nên Huệ dễ dàng tìm được cha mình. Cả một quãng đời bi thương nhưng cũng không thiếu tình người nồng ấm, vì vậy Huệ mới không hóa điên. Tuy nhiên, dấu vết của quãng thời gian ấy vẫn không phai mờ trong cô. Huệ đã trở thành một cô gái trầm ngâm và có chút u buồn.

Nghe sư cụ hỏi, quãng đời ấy bỗng trở dậy, nhưng Huệ không muốn nhắc đến nữa. Cô chỉ trả lời một cách ngắn gọn:

- Bạch sư cụ. Mẹ con chẳng may qua đời. Thầy con thì bận việc quân sự. Con được đi học đến hết lớp mười thì vào học trường y sĩ. Con ở tập thể. Nay sắp ra trường.

- Vậy là rất tốt. Con làm nghề chữa bệnh cho người thật quý hóa vô cùng.

- Bạch thầy. Kỳ này cha con sắp vào chiến trường. Chẳng biết đến bao giờ mới được về thăm sư cụ. Cho nên, không về giỗ tổ lần này, cha con lấy làm băn khoăn lắm.

Câu chuyện dần dần chuyển sang những người làng Sọ. Đến lúc bấy giờ Huệ mới được biết cái Rêu đã trẫm mình ở cái giếng thơm ngoài vườn chùa. Cảnh giếng bây giờ dân làng xin nhà chùa cho xây một cái miếu nhỏ, bởi vì ai cũng tin rằng những bà cô tự tử chết trẻ bao giờ cũng rất thiêng. Nói rằng dân làng đề nghị xây nhưng thực ra là bà Thêu đề nghị xây. Bà Thêu hiện giờ làm chủ nhiệm hợp tác xã nông nghiệp, lại là vợ ông chủ tịch huyện. Bà Thêu đã đi bước nữa, ông chủ tịch chồng bà lại chính là anh

Khoát, anh cán bộ đội cải cách hét ra lửa khi xưa. Cô Rêu chết trong cải cách ruộng đất, bà Thêu lại lấy anh đội cải cách. Có lẽ trong lòng bà và cả trong lòng chồng bà nữa, đã có chút gì là sợ sệt, là ân hận chằng, cho nên trong việc xây miếu cho cô Rêu, bà và chồng bà tích cực lắm, dù cho việc xây ấy có sinh ra dư luận. Chi bộ bảo thế là mê tín dị đoan, chuyện này có thể ảnh hưởng không tốt tới lập trường, tới con đường công danh tiến lên của ông bà; thế mà ông Khoát, bà Thêu cứ lơ đi, không đếm xỉa đến dư luận.

Khi nói đến Rêu, Huệ cứ đưa mắt nhìn ra cửa như muốn nói một điều gì mà không nói được. Đúng lúc ấy, từ cửa xuất hiện một bóng người, đó là Hiếu. Hiếu nghe tin Huệ về, bế con lên với bạn. Huệ ôm lấy đứa trẻ và tíu tít cùng bạn đủ mọi chuyện:

- Tên thằng bé là gì?

- Tên là Chép.

- Rõ khi. Bây giờ là đời mới rồi. Mà nhà chúng mày vẫn cứ đặt tên con như thuở ngày xưa. Sao không đặt tên khác cho nó đẹp.

- Bố là Trăm, con là Chép. Cũng hay cũng đẹp chứ sao.

- Ừ nhỉ! Ông Trăm đâu?

- Thừa với cô, anh Trăm bây giờ là xã đội phó. Sáng nay anh ấy bảo đi họp huyện. Họp gì mà lắm thế. Sắp trưa rồi vẫn không thấy mặt.

- À mà cả... chú tiểu An cũng chẳng thấy đâu.

Nói ra được câu nói mà từ lúc đầu Huệ đã muốn hỏi sự cụ nhưng không dám, Huệ nhẹ cả người. Nhưng nói xong Huệ cảm thấy má mình nóng bỏng. Không biết nóng mặt thế này, má mình có ửng lên không. Huệ thẹn thùng suy nghĩ. Chắc là có ửng. Chẳng thế mà cái Hiếu tùm tùm cười.

Giá mà ở chỗ khác, chắc cái Hiếu phải trêu Huệ đến chết. Nhưng không khí trang nghiêm của Phật không cho phép nói những điều sàm sỡ, nên Hiếu nghiêm nét mặt lại ngay. Cô bảo bạn:

- Bây giờ không còn là chú tiểu như xưa nữa đâu. Bây giờ phải gọi An là sư thầy An.

- Bạch cụ, pháp hiệu của sư thầy An là gì, con quen miệng gọi thầy An nên không nhớ được.

Sư cụ hiền từ trả lời:

- Chú ấy đã được thọ giới cụ túc. Ta đặt cho pháp danh là Khoan Hòa. Sư huynh là Khoan Độ. Sư đệ là Khoan Hòa. Khoan Dung và Hòa Thuận. Hòa là hạt thóc. Hòa ở chữ hài hòa, hòa hảo, hòa bình, hòa hiếu... Kể cũng dễ nhớ đấy chứ.

Nghe sư cụ giảng giải chữ Hòa, mắt Huệ cứ như mơ màng. Nó vốn đã buồn buồn, lúc này hình như lại buồn thêm một chút. Rồi sư cụ bỗng dừng sực tĩnh và có vẻ ngạc nhiên:

- Có lẽ sắp đến Ngọ rồi nhỉ. Quái lạ sao hôm nay thầy An về muộn thế. Mọi hôm chỉ khoảng chín giờ là về.

- Bạch cụ, hàng ngày sư thầy An vẫn phải đi đâu mà chín giờ mới về?
- Huệ ngạc nhiên hỏi.

- Chả là thế này. Bà Thêu chủ nhiệm hợp tác vừa đến chùa giải thích: Mọi công dân dù ở nhà hay ở chùa đều vẫn là công dân của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Trong độ tuổi lao động, thì người công dân phải đóng góp ngày công cho việc xây dựng làng xã. Anh An tuy đi tu, nhưng dù sao vẫn là công dân. Vậy thì, mỗi năm anh An phải đi đắp đê hoặc làm việc công ích mười lăm ngày. Đợt này, hợp tác xã gọi An đi đào mương. An còn phải học tập và làm phật sự ban ngày. Cho nên An xin phép được nhận

khoán và làm việc ban tối. Mỗi ngày khi đánh keng, xã viên ra đồng đào nương. Hết giờ, khi đánh keng mọi người ra về, thì An ra đồng nhận việc. Hợp tác xã cắm cột mốc giao khoán. An tranh thủ, lúc thì làm vào buổi hoàng hôn, lúc thì làm trước buổi bình minh cho đến khoảng chín giờ thì về... Mà thôi, thế này vậy nhé. chắc thầy An mắc bận chuyện gì đó. Đã trưa rồi. Chả có khách lạ. Chỉ toàn người nhà. Ta để phần thầy An. Xin dọn cỗ ở nhà tổ để tất cả mọi người cùng thụ lộc tổ.

Cỗ được bày trên bàn. Mọi người ngồi hai bên tràng kỷ. Mọi người mới bưng bát lên thì nghe tiếng con chó già rít lên mừng rỡ. Rồi một bóng người xuất hiện ngoài sân. Con chó già cứ bấu lấy riu rít, nhảy chồm lên tới ngực anh ta. Sư cụ cười:

- An đã về hả con? Thôi, vàng ơi, buông ra cho thầy mày đi chứ. Gớm! Mới xa nhau từ sáng tới giờ... cứ làm như thể đã xa nhau hàng tháng.
- Nói xong, sư cụ cười móm mém và bảo:

- Chú An rất có duyên với súc vật. Từ khi chú ở chùa, thường dễ đã nuôi đến gần chục con chó. Con nào cũng quấn quýt với chú ấy. Còn nhớ cái bận thầy trò ta đi tù. Lúc ấy nhà chùa nuôi con chó vàng. Khi chú An bị bắt, con vàng lông lộn như điên định cắn các anh du kích. Người ta phải cho chú An dừng lại ngồi xuống, ôm lấy nó, vuốt ve nó, như thế mới móc được cái xích vào cổ, và có thể du kích mới giải chú An đi được.

Sư cụ Vô Úy nói đến đây thì dừng lại. Hình như cụ cảm động khi nhắc lại chuyện xưa. Cô Huệ nhìn cụ sư già, đọc thấy những tình cảm trĩu mến trên gương mặt cụ, đọc được cả tình cảm đặc biệt ấy trong giọng nói buồn buồn của cụ ở đoạn cuối câu chuyện:

- Có phải không nhỉ, hả thầy Khoan Độ... Khuyến mãi chi tình mà. Chú An đi thì con chó cũng bỏ ăn. Thầy Khoan Độ phải dỗ dành: “Con cố mà ăn, cố mà sống. Kẻo rồi lúc chú An về, thầy trò lại chẳng được gặp mặt nhau”. Con vật hiểu được tiếng người đấy. Nghe câu ấy, con chó mới chịu

ăn. Nhưng ăn leo lớt quá nên cứ ốm lơ ốm lửng. Nó gần chết thì có tin sửa sai. Thầy Độ lại bảo nó: “Cố mà sống thêm vài hôm nữa. Chờ tôi đi đón sư cụ và chú An về hãy chết”. Con vàng nghe vậy liền cố gắng sống thật. Khi chúng tôi về đến chùa, nó còn đủ sức bò ra đến sân trước. Khi chú An ôm nó vào lòng, nước mắt con chó chảy ròng ròng. Chỉ đến lúc ấy nó mới chịu nhắm mắt.

Huệ đắm đắm nhìn người bạn thuở ấu thơ đứng ở thềm nhà tổ. Không còn nhận ra được người bạn thân thiết hiền lành thuở nào. Đó là một chàng trai cao cao gầy gầy. Đầu cạo trọc nhẵn. Môi đỏ. Mắt sáng. Trán rộng. Trẻ măng mà đã có những nếp nhăn. Giá như anh không mặc bộ quần áo nâu bạc, và không có nước da ngăm ngăm dãi dầu, thì ta tưởng anh là một thư sinh hơn là một nhà sư. Thầy An tức là thầy Khoan Hòa tay chấp trước ngực:

- Bạch thầy, con về muộn. Đào mương xong con định về thì có lệnh phải lên ủy ban. Con xin lỗi và chào chư vị.

- Có việc gì không hả con?

- Dạ chuyện bình thường. Chuyện riêng thôi ạ.

Huệ vẫn đắm đắm nhìn An, không nói một lời. An vẫn chưa nhìn thấy Huệ. Cô Hiếu vừa chỉ vào Huệ vừa lên tiếng hỏi:

- Thầy An có biết ai đây không nào?

Lúc bấy giờ An mới nhìn cô gái lạ.

- Dạ... thưa... tôi chưa... À... À... Có phải... cô Huệ không ạ... Vâng... Đúng là cô Huệ... con sư thúc phải không ạ.

Mọi người đều cười, khen sư thầy có trí nhớ lâu. Đã mười năm rồi mà vẫn có thể nhận ra người bạn thuở nhỏ.

Mọi người liền ngồi nhích ra, để thầy An ngồi cạnh cô Huệ. Bữa ăn chay bỗng trở nên vui vẻ. Nó không đông người nhưng hoàn hảo. Hoàn hảo không phải vì có nhiều người từ xa đến, mà hoàn hảo vì những người có liên quan đến những vui buồn của ngôi chùa đều có mặt, hoặc ít nhất cũng cử những hậu duệ của mình đến dự. Hậu duệ nhỏ bé nhất là thằng cu Chép. Nó mới hơn một tuổi đang bi bô tập nói. Nó reo lên nói tiếng “Giò! Giò!”. Sư cụ gấp cho bé hai miếng giò chay. Mỗi tay một miếng. Người ta không nhắc lại chuyện buồn mà chỉ nói chuyện vui. Lúc bấy giờ Huệ mới bảo An:

- Em chịu không nhận được ra anh. Thế mà anh vẫn nhận ra em. Tài thật.

- Tài gì cơ chứ. Đôi con mắt ấy thì quên sao được.

- Đôi mắt làm sao?

- Mắt dài khác hẳn mọi con mắt. Và buồn nữa chứ.

- Buồn ư? Anh tài đoán thật. Nhưng đừng tưởng... Em cũng có tài đoán người khác đấy.

- Cô đoán được gì ở tôi nào?

- Đoán rằng anh đang tư lự. Muốn giấu một điều gì nhưng giấu không nổi. Có đúng không nào?

-... Thì... thầy bói đoán mò.

- Chẳng mò đâu... Có chuyện gì mà phải lên ủy ban? Thử thành khẩn xem nào...

- Ờ... ờ...

- Đúng rồi chứ gì. Sợ nói ra, mọi người ăn mất ngon chứ gì...

Hai người còn đang truy hỏi nhau thì con chó già bỗng cắn rộn lên ở phía tam quan. Có tiếng người dậm chân vỗ tay dọa con chó. Chú chó già từ sân trước cứ lùi dần, lùi mãi cho đến sân nhà tổ. Đến đây, cậu có mọi người, nó không lùi nữa, mà đứng ngay giữa sân hung hăng sủa vánh trời đất. Người truy kích con chó là một trang thanh niên vạm vỡ tóc rẽ tre đen nháy, lông mày rậm đen nháy. Con người cao to lực lưỡng đó cất tiếng ồm ồm:

- Con xin chào sư cụ ạ.

Người reo lên đầu tiên bằng thứ tiếng bi bô là cu Chép:

- A a... BỐ! BỐ!

Sư cụ thân chinh đứng dậy ra đuổi chó và nghênh tiếp anh Trăm xã đội phó. Trăm nói, sau khi bước vào nhà:

- Hôm nay là ngày giỗ sư tổ. Bà ngoại con, gia đình con đã được ăn mày cửa Phật. Con phải có mặt trong một cuộc họp trên huyện nên bây giờ mới tới được để dâng hương cúng tổ.

Sư cụ Vô Úy hôm nay rất vui. Có lẽ sự có mặt của cô Huệ đã góp nhiều vào niềm vui ấy. Đã bao năm rồi bật tin của Vô Trần, hôm nay cụ mới nhận được đầy đủ tin tức về gia đình người sư đệ lưu lạc này. Dù ông ta không về chùa được, song Huệ đã về, tức là ông ta vẫn không quên cái ngôi chùa làng vô danh này, tức là ông ta vẫn không quên người đồng đạo sư huynh đã rất yêu mến ông, cùng chia ngọt sẻ bùi với ông suốt một thời ấu thơ. Ông sư già lạc vào những suy tưởng, bỗng giật mình vì cái giọng trầm ồm ồm của anh xã đội Trăm. Anh ta đang nói với cụ đấy:

- Bạch sư cụ. Bữa nay nhân tiện họp mặt cả nhà đầy đủ con cũng xin thưa với cụ một điều, một tin thật là quan trọng. Mà cũng có thể đó là tin vui... xã cân nhắc khá kỹ lưỡng... Mà huyện cũng cần nhắc cần thận... Đối với nhà chùa, đây cũng là sự tin tưởng ở trên...

Anh xã đội cất lời đã làm mọi người chú ý. Cách nói rề rà, vòng vo của anh ta càng làm mọi người chú ý, chờ đợi. Chờ đợi, bởi vì cái ý chính anh ta nói mãi vẫn chưa hiện ra. Cuối cùng, Trầm mới đập một câu:

- Trên đã ra quyết định: Kỳ này chú An được nhập ngũ, kỳ này chú An sẽ là anh bộ đội cụ Hồ.

Mọi người đưa mắt nhìn An. Người sư trẻ đầu hơi cúi. Tự nhiên An thấy mặt mình nóng lên. Huệ cũng quay sang nhìn An. Đôi mắt cô mở to. Cô là người đầu tiên nói lên sự ngạc nhiên:

- Sư mà cũng đi nghĩa vụ quân sự sao?

- Chứ sao! Ai chả có nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc. - Trầm hồn nhiên nói to giải thích - Chú An hai tư tuổi, khỏe mạnh, thông minh, được sự dạy dỗ chu đáo của nhà chùa. Kỳ này, vào bộ đội, ở một môi trường mới, chú càng được dạy dỗ và rèn luyện chu đáo hơn. Mà, vào bộ đội đâu có dễ. Con ông trưởng bạ, học hết lớp chín, làm đơn tình nguyện cũng có được đi đâu. Trên không duyệt thành phần bóc lột. Còn chú An, người ta biết cả cha lẫn mẹ đều bị giặc Pháp giết. Thành phần trong sạch. Vinh dự lắm chứ! Sáng nay tôi họp trên huyện cũng là vì chuyện ấy. Lúc này, mời chú An lên xã cũng là vì chuyện ấy...

Huệ nói riêng với An, lúc ấy vẫn còn đang cúi đầu:

- Nào! Em xin có lời chúc mừng anh bộ đội. Nào! Cứ giấu mãi! Thế mới biết em xem tướng tài thật. Lúc này em đoán anh tư lự như giấu một điều gì. Hóa ra là việc anh sắp đi bộ đội...

Đến đây, mọi người tưởng câu chuyện chỉ có thế, thì Trầm lại tuyên bố thêm một câu nữa làm mọi người càng ngạc nhiên thêm:

- Kỳ này, cả tôi cũng gia nhập quân đội. Trên cũng cân nhắc và đồng ý rồi. Làng Sọ chúng ta đã đăng ký rồi: Thóc không thiếu một cân, quân

không thiếu một người.

Bây giờ thì đến lượt cô Hiếu, vợ anh cũng tròn mắt ra ngạc nhiên.

Hóa ra, bữa tiệc chay hôm nay, ngoài việc giỗ tổ, còn là buổi họp mặt kính cáo lên chư Phật và chư tổ rằng, từ ngôi chùa quê nhỏ bé này, có hai người con sắp sửa lên đường.

ĐỘI GẠO LÊN CHÙA

Nguyễn Xuân Khánh

www.dtv-ebook.com

Chương 2

Tôi cố gắng đào cho mau xong khúc mương mà hợp tác xã giao khoán để kịp về chùa giúp mọi người chuẩn bị việc cúng bái làm giỗ sư tổ. Nhưng vừa sắp xong việc thì anh giao thông xã đi tới:

- May quá! Sư thầy vẫn còn ở đây. Có việc khẩn, ủy ban ra lệnh triệu tập gấp thầy đến trụ sở sáng nay. Có mặt đúng tám rưỡi. Thôi! Việc đào mương chưa xong cứ để đấy. Rửa tay chân cho sạch. Đi ngay bây giờ là vừa.

Tôi đến ủy ban, chờ một lát, thì bà Thêu, Chủ nhiệm hợp tác thôn kiêm Phó bí thư Đảng ủy xã xuất hiện. Bà mời tôi vào phòng làm việc. Bà đặt chiếc túi dệt bằng vải xanh lên mặt bàn rất ngay ngắn, rồi tươi cười với tôi:

- Xin có lời chúc mừng anh An. Xin lỗi nhé. Từ nay không gọi là sư thầy nữa. Mọi người sẽ xưng hô với anh là anh An. Thế nào? Anh nghe thấy thế nào? Sư thầy An! Nghe xa cách quá! Còn anh An! Nghe thân tình hơn chứ nhỉ? Xin chúc mừng anh được trở về gần gũi với mọi người.

Mới gặp tôi, khi tôi chưa nói một lời bà Thêu đã nói một thôi một hồi như vậy. Nói xong, còn bắt tay tôi rất chặt, rất nồng nhiệt. Tôi ngớ ra, ngạc nhiên không hiểu bà chủ nhiệm kiêm phó bí thư chúc mừng tôi về chuyện gì. Lúc ấy, bà mới giải thích:

- Anh An ạ, Đảng ủy xã đã họp, đã phân tích cặn kẽ. Sở dĩ phải như vậy, vì anh đang là thanh niên, cũng là một công dân. Dù là sư, cũng vẫn là công dân của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Mà đã là công dân thì ai

cũng có quyền lợi và nghĩa vụ công dân. Quyền lợi tức là có quyền bình đẳng trước pháp luật, có quyền làm người, có quyền bầu cử v.v... còn nghĩa vụ công dân, đã là người công dân, ai ai cũng phải có nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc. Thế nào anh An, công dân An, anh có đồng ý với lời tôi nói không?

- Thừa bà chủ nhiệm, tôi đồng ý. - An rụt rè trả lời.

- Thế là tốt. Bây giờ ta nói chuyện cụ thể. Khi này, tôi nói về nguyên tắc, về quyền lợi và nghĩa vụ công dân. Còn bây giờ cụ thể như thế này: Đợt này, xã đã duyệt xong danh sách nghĩa vụ quân sự. Trong danh sách có tên đồng chí Nguyễn Văn An, hai tư tuổi, hiện thường trú tại chùa Sọ, nghề nghiệp tôn giáo. Ngày lên đường nhập ngũ - mùng 5 tháng Tư năm...

Nghe xong, tôi như bàng hoàng. Bởi vì, tôi chưa bao giờ nghĩ đến chuyện này. Trong những ngôi chùa quanh vùng mà tôi được biết, tôi chưa thấy một nhà sư nào đi bộ đội. Ừ nhỉ! Bây giờ tôi mới chợt nhớ ra. Ở các chùa trong huyện hầu hết chỉ có sư già, sư trung niên và các chú tiểu nhỏ xíu. Có lẽ ở độ tuổi trai tráng, tôi là người duy nhất. Cùng lứa tuổi với tôi, hồi xưa, khi đánh Pháp, chẳng mấy người đi tu. Ở thời loạn, người ta dễ dàng gặp cái chết. Người ta lánh chết, tìm sống. Ngôi chùa, khi ấy không che chở được cho người tu hành. Có khi quân Pháp còn chú ý tới chùa, bởi vì chùa thường rộng rãi, hẻo lánh, còn sư sãi thì giống hết mọi người dân quê, sẵn sàng giúp đỡ cách mạng. Cho nên, ngôi chùa thường là nơi ẩn nấp lý tưởng của Việt Minh, cũng do đó ngôi chùa hay bị Tầy đốt phá. Hơn nữa, chính quyền cách mạng lại không khuyến khích đi tu. Cho nên, có thể nói vào thời kỳ ấy, Phật giáo ở thôn quê lâm vào cảnh suy tàn.

Tôi suy nghĩ miên man như vậy nên hầu như không nghe thấy những lời của bà Thêu Phó Bí thư kiêm Chủ nhiệm Hợp tác xã. Chắc bà nhận ra sự lơ đãng của tôi, nên đột nhiên bà cao giọng làm tôi chợt tỉnh ngay khỏi dòng nghĩ miên man.

- Đồng chí An có biết không, đồng chí thuộc thành phần nào? Nghề nghiệp tôn giáo ư? Cách mạng nói tôn giáo là thuốc phiện ru ngủ nhân dân. Giai cấp bóc lột đã lợi dụng tôn giáo. Đồng chí An có biết hạnh phúc là gì không? Là đấu tranh dứt dứt mọi xích xiềng. Sở dĩ chúng tôi phải bàn cãi cân nhắc chính là vì điểm này. Đồng chí là thầy tu nhưng gốc rễ là thành phần bần cố. Bố mẹ lại bị Tày giết. Xuất thân căn bản như vậy nên chúng tôi đặt niềm tin vào đồng chí. Hãy tỉnh ngộ, hãy nhớ lại nỗi đau khổ. Hãy sục sôi lòng căm thù giặc. Cách mạng kiên quyết kéo đồng chí trở về với giai cấp của mình...

Bà Thêu, bà Chủ nhiệm, bà Phó Bí thư càng nói càng cao giọng, hùng hồn, khiến đầu óc tôi tê dại đi. Trong đó chứa chất bao nỗi niềm riêng mà bà đâu có biết.

Khi ăn giỗ xong, Huệ, Hiếu và Trăm rủ tôi đến nhà Trăm chơi. Hai vợ chồng Trăm Hiếu bế con ríu rít đi trước. Tôi và Huệ cùng nhau theo sau. Lại thật, thuở xưa, lúc học thầy giáo Hải, ngày nào tôi chả đến nhà Huệ, lúc đầu đi học ngày nào Huệ chả kèm cặp tôi học để đuổi kịp các bạn. Lúc ấy, hai đứa luôn bên nhau, có làm sao đâu. Ấy thế mà hôm nay đi bên Huệ, tôi cứ thấy ngưỡng ngưỡng. Có lẽ xa nhau lâu quá nên sinh ra thế. Hay là tại bây giờ tôi đã lớn, đã trở thành một nhà sư thực sự. Cũng chẳng phải nữa. Bởi vì, kể từ hôm nay, kể từ lúc bà Thêu chủ nhiệm tuyên bố tôi phải lên đường nhập ngũ tôi đâu còn có thể là nhà sư được nữa. Tôi sẽ là người thường hay tôi sắp sửa là một người thường. Huệ cứ mỉm cười mãi và nhìn vào mặt tôi. Cô ấy bảo:

- An sợ phải không?

- Huệ nói gì cơ?

- Anh sợ... - Rồi cô giải thích thêm cho rõ - Không phải em nói lúc này đi bên cạnh em anh sợ. Mà là việc... anh sợ từ lúc lên ủy ban, sợ từ khi bà Thêu tuyên bố anh nằm trong danh sách những người nhập ngũ.

- Tức là tôi sợ ra trận?

- Không phải cái sợ ấy... Mà là sợ khác cơ...

Lời nói của Huệ làm tôi nghĩ ngợi. Từ ngày xưa Huệ vẫn thế. Nhìn vào mắt tôi, cô ấy có thể biết được những cảm xúc của tôi. Lại nhớ ban sáng. Lúc bà Thêu giảng giải và thuyết phục tôi, chắc chắn bà ấy chẳng biết gì về những cảm xúc những nỗi niềm của tôi lúc ấy. Mà lòng tôi mang nhiều nỗi niềm thật. Tôi nghĩ đến chị tôi. Tôi ra đi thì chị Nguyệt ra sao?

Thật là trở trêu. Chị tôi muốn cắt tóc xuất gia, thì sư cụ thầy tôi lại không cho. Còn tôi, tôi đã làm lễ thí phát, thì bây giờ lại phải rời chùa. Tôi còn nghĩ nhiều, nhất là, tới thầy tôi. Người đã ngoài bảy mươi. Người đã mất bao công phu dạy dỗ tôi. Rồi lại cùng tôi chia sẻ bao ngày khổ sở, bi thương. Không biết lên đường kỳ này, tôi có còn gặp lại được người nữa không? Nghĩ như vậy, tôi bảo Huệ:

- Có lẽ Huệ nhầm rồi. Từ sáng, khi nhận được tin nhập ngũ, mình lo và thương nhiều hơn là sợ. Lo cho chị Nguyệt, lo cho sư bác Khoan Độ. Và thầy thì... thương nhiều...

Huệ cười.

- Lo và thương thì ai chả biết. Kẻ nào xa nhà mà không biết lo lắng, thương xót người thân... thì có họa là... là ngọm. Đấng này sợ cơ.

Tôi lặng lẽ không đáp, lơ đãng đưa mắt nhìn cánh đồng xanh mơn mênh mông. Làng Sọ cong cong như lưỡi liềm. Chùa làng nằm ở chuôi liềm. Nhà Trăm nằm ở mũi liềm. Nếu đi đường chính giữa làng sẽ phải đi vòng cung. Chúng tôi chọn đường tắt, thẳng từ chuôi đến mũi liềm. Đường này do Huệ chọn. Thứ nhất là gần, thứ nhì là để hít thứ hương quê từ thuở ấu thơ, mà đã lâu sống ở nơi đô hội Huệ không được hưởng. Con đường nhỏ được lúa xanh hai bên nhô lên che tới bụng. Giữa đồng xanh, trên con đường nhỏ, bao nhiêu kỷ niệm xưa bỗng ùa trở về. Vì nhớ, sao có thể quên

được, ở chính con đường này xưa kia có hai đứa trẻ vắn tay trong tay đi bắt cào cào châu chấu... Chắc không chỉ riêng tôi mới nhận được ân huệ của những kỷ niệm rất xưa ào ạt trở về. Có lẽ Huệ cũng vậy bởi vì cô đã nắm lấy tay tôi từ lúc nào không biết. Tôi nhìn cô, thấy mặt cô bỗng ửng lên rồi nhìn xuống bàn tay mình, và mủm mím cười ranh mãnh. Cô nói như riêng cho tôi:

- Không sao chứ nhỉ. Giá như hôm qua nắm tay An thế này là có tội. Còn bây giờ... thì không. Có phải không nhỉ.

Tôi không trả lời, mà quay trở lại câu hỏi cũ:

- Huệ cứ bảo tôi sợ. Thế là sao? Tôi nghĩ mãi và vẫn chưa hiểu.

- Vì anh mới bước vào. - Còn em thì đã trải.

- Vẫn chưa rõ.

- Anh có biết cái đêm em bị chìm dưới dòng sông Hồng cuộn cuộn sóng nó như thế nào không? Em hoảng hốt... Em hét lên gọi mẹ. Mẹ ơi! Mẹ ơi! Em chẳng nghe thấy tiếng trả lời. Chỉ nghe tiếng ào ào hung dữ của sóng nước. Rồi em mê man đi. Tỉnh dậy, thế là em mất mẹ... Từ đấy, em như con chim non bị đẩy ra khỏi cái tổ ấm êm. Con chim non phải tự bay một mình. Phải tự mình vỗ cánh nếu không muốn rơi xuống đất.

- Tôi cũng đã trải qua chuyện đó rồi chứ. Mấy ngày đêm lang thang khi cha mẹ bị giết. May mắn mới gặp được chùa Sọ.

- Cái khác là ở chỗ ấy. Từ khi mẹ em chết, em tìm đến bố. Nhưng bố em liên miên xa nhà, gửi em vào một trại thiếu nhi quân đội. Mỗi năm cha con chỉ gặp nhau vài lần. Còn anh của em ư? Anh em ở một trại khác và nhập ngũ khi mới mười bốn tuổi. Còn trường hợp An hoàn toàn khác chứ. Anh An gặp được sư cụ Vô úy. Cụ khác nào cha anh, khác nào mẹ anh. Lại có chị Nguyệt luôn ở cùng chùa. Ngôi chùa làng ta chính là gia đình là tổ

ấm của anh. Anh bị mất tổ ấm thứ nhất, nhưng lại tìm được tổ ấm thứ hai. Anh đã quen với sự an bình, sự che chở của ngôi chùa... Quen quá nên không nhận ra hết giá trị của nó... Lần này, anh mới thực sự vào đời. Cũng như tôi thôi. Cũng như con chim non bị đẩy ra khỏi tổ, mới lần đầu tập bay mà không có mẹ bên cạnh. Bay một mình, sợ lắm chứ. Người như anh, ra chiến trận, em nghĩ chắc anh không sợ phải đối diện với hòn tên mũi đạn. Tôi không bảo anh có nỗi sợ ấy. Cái sợ mà tôi nói chính là cái sợ kể trên cơ.

Tôi biết ơn Huệ. Tôi cảm ơn Huệ nhưng tôi không nói ra lời. Tôi chỉ xiết chặt bàn tay nhỏ nhắn của Huệ. Huệ còn muốn nói thêm nữa nhưng cô vẫn lặng im. Hai bàn tay nắm lấy nhau cũng đủ nói nhiều quá rồi.

Khi ở nhà Trầm ra, chúng tôi đến nhà bà Thêu để thả cho Rêu một nén nhang. Bà Thêu đã đi thêm bước nữa cùng với anh đội Khoát. Hai người đã có với nhau một đứa con, đó là thằng Bình, một đứa bé khôi ngô, giống hệt người chị đã quá cố. Trông bé Bình, sự thương nhớ Rêu cồn cào trong lòng chúng tôi. Thoáng một cái đã mười năm rồi. Những chuyện xưa như những vết tử thương đã liền da. Mặt Huệ buồn trông thấy. Có lẽ cô nghĩ tới những ngày trốn chạy khỏi làng, nghĩ tới người mẹ đã mất. Còn tôi, những ngày kỳ dị quái đản trong trại cải tạo cũng hiện về nhưng tôi cố đuổi chúng đi. Con người cần chôn chặt quá khứ cho nó ngủ yên. Hiện tại mới là quan trọng. Phật đã dạy như vậy. Sự hận thù là những vấy bẩn chỉ làm cho gương mặt con người xấu xí. Tôi liếc nhìn Huệ. May thay! Gương mặt người bạn gái thời thơ ấu của tôi lúc này rất đẹp. Đôi mắt ngây thơ to dài lúc nào cũng buồn thăm thẳm, lúc này sao long lanh. Chỉ có những tâm hồn cao thượng mới có ánh mắt sáng trong như thế. Tôi tin ở sự cao thượng.

Chúng tôi còn ra nghĩa địa chùa thả hương cho thầy Hải, cho bà cụ Thầm. Huệ cứ nấn ná mãi đến gần tối mới lên được xe. Trước lúc xe chạy còn dặn tôi câu cuối cùng.

- Huệ lo cho anh An, bởi vì ngôi chùa cái tổ ấm cứu mang An gần hết thời thơ ấu là một chốn đặc biệt khác hẳn đời thường. Quân đội và nhà chùa khác nhau như lửa và nước. Không biết rồi An chịu đựng ra sao? Dù sao thì cũng phải cố gắng. Huệ tin ở An. Viết thư ngay cho Huệ nhé.

Sự chu đáo lo lắng của Huệ làm tôi cảm động. Tôi không ngờ Huệ nghĩ sâu xa như thế. Cô bạn gái của tôi thật nhạy cảm. Sự việc xảy ra đột ngột quá, nó mới xảy ra ban sáng. Tôi là người trong cuộc vẫn chưa kịp suy nghĩ được gì, trong khi đó Huệ đã tiên cảm được bao nhiêu điều. Câu nói của Huệ bỗng làm dậy lên trong lòng tôi bao suy nghĩ. Tôi bỗng nhớ lại cái phút mà bà Thêu chủ nhiệm báo cho tôi quyết định phải đi nhập ngũ, tôi không hề có phản ứng đột ngột gì. Chỉ ngạc nhiên thôi, cảm giác của tôi lúc ấy đúng là ngạc nhiên. Sở dĩ thế, vì trước tôi chưa có tiền lệ. Tôi chưa thấy một ông sư nào đi bộ đội, hay là ở địa phương nào đó, có chuyện ấy mà tôi không biết. Ngay khi tôi nói chuyện với bà chủ nhiệm thì những chiếc máy bay Thần sấm đang ù ù bay trên bầu trời làng tôi. Người quê tôi quen rồi. Người ta bảo Mỹ thả bom Hà Nội, và làng tôi chỉ nằm trong vòng lượn của máy bay phản lực thôi. Cái làng nhỏ của tôi chưa phải là mục tiêu của Mỹ. Dù sao thì hàng ngày thần chết vẫn lơ lửng bay trên đầu chúng tôi. Hàng ngày Đài truyền thanh của xã vẫn thông báo những trận đánh lớn ở miền Nam. Nghĩa là từng phút từng giây vẫn có những người con ngã xuống vì đất mẹ. Tôi là người tu hành, nhưng vẫn là một người con, trong hàng triệu người con ấy. Vậy thì, liệu tôi có quyền được miễn trừ tham dự không?

Huống chi, chiến tranh với tôi đâu có gì xa lạ. Tôi sinh ra trong chiến tranh. Cha mẹ tôi lại chết vì chiến tranh. Chỉ có điều khác, tôi có duyên được ngôi chùa che chở. Tôi có duyên được tiếp xúc, tiếp nhận sự từ bi bao la của đức Phật giữa lúc thế gian đầy cảnh tang thương giết chóc. Vậy tôi sẽ hành xử ra sao khi lúc này đây thế gian yêu cầu tôi rời bỏ ngôi chùa yên ấm. Có một đạo hữu nào đã bảo tôi rằng: “Hãy để cho mọi việc tự nhiên xảy ra. Cái chính là ở tâm ta”. Phải chăng là thế? Các vị Bồ tát xưa nay đã chẳng sống như thế sao? Phải, còn rất xa tôi mới hiểu được và làm được

theo lý tưởng Bồ tát. Nhưng ít nhất tôi cũng có đủ can đảm và nghị lực tuổi trẻ để hòa vào thế gian để cùng gánh chịu những vui buồn, đau khổ của thế gian này. Muốn hưởng ngoại lệ, đó là điều tôi không muốn.

Tôi không hề nói ra miệng những điều thầm kín ấy. Nhưng nhìn về mặt của tôi, bà Thêu chủ nhiệm rất hài lòng. Bà bảo:

- Cô cứ tưởng nghe quyết định, cháu sẽ phản ứng. Chính vì vậy mới phải mời cháu lên ủy ban. Bây giờ thì cô yên tâm rồi.

Bà Thêu xưng cô cháu với tôi. Điều ấy làm tôi cảm động. Nghĩa là bà ấy vẫn nghĩ tới Rêu, người bạn trong trắng như pha lê của tôi. Nghĩa là có thể ông Khoát chồng bà, một người rắn như thép, cũng nghĩ như thế. Đã là người ai chẳng biết sám hối, ít nhất là biết day dứt trước sự bất hạnh mà mình có góp phần tạo ra. Những người sắt đá như họ mà trong lòng vẫn có lúc ám ảnh sự thương xót. Vậy thì, còn ngại ngần gì nữa. Thế gian mênh mông đau khổ, trái ngang, song cũng là mênh mông tình thương...

Trước lúc lên đường, có cả một tuần chuẩn bị. Tôi là người tu hành, có gì đâu mà phải chuẩn bị. Tuy vậy, chị Nguyệt của tôi cũng phải bận rộn may cho tôi một bộ quần áo nâu mới. Tôi bảo:

- Quân đội sẽ phát quần áo đầy đủ. Việc gì phải may thêm.

- Không được. Cụ bảo phải may cho em một bộ quần áo nhà chùa. Em hiểu chứ. Dù là người lính, em cũng từ nhà chùa mà nên người, xếp ở đây ba lô. Lúc nào cũng công nó ở trên lưng em nhớ đừng quên.

Chị Nguyệt nói với tôi, rơm rớm nước mắt. Tôi chẳng biết an ủi chị thế nào. Tôi dặn chị:

- Sư cụ yếu lắm rồi. Không biết đến khi quay trở về chùa em có còn gặp lại thầy được nữa không. Chị nhớ chăm nom hầu hạ thầy chu đáo.

- Em chẳng cần dặn chị cũng biết. Trên đời, chỉ còn cụ là người thân nhất của chị em mình.

Còn cách ba hôm trước ngày lên đường, một hôm, cậu Trăm lên chùa gặp tôi:

- Trên xã muốn tiễn cậu lên đường thật trọng thể.

- Sư cụ không cho bày vẽ đâu.

- Chả là thế này: Khi cậu làm sư, nhà chùa làm lễ xuất gia cho cậu. Bây giờ cậu vào quân đội, cũng phải làm lễ xuất tam bảo cho cậu chứ.

Tôi cười, chối từ:

- Rõ nhiều khê vớ vẩn. Nhà nước bảo tôi đi bộ đội. Tôi chấp hành lệnh. Nào có kêu ca gì đâu. Sao các vị cứ thích làm rùm beng lên thế... Tôi hiểu rồi. Cứ như thế tôi bằng lòng đi bộ đội, và điều đó là một thắng lợi của xã.

Trăm nghe vậy cười to hô hố:

- Thế đấy... Cứ tưởng sư thầy An ngủ ngờ. Hóa ra tinh quái đáo để.

Cười xong, Trăm ra về và cũng không thấy ủy ban xã nhắc lại chuyện đó nữa.

Tôi đem chuyện ấy thưa lại với sư cụ Vô úy. Thầy tôi bảo:

- Con từ chối hay không tùy ở tâm con. Người chân tu không câu nệ, chấp trước. Đức Trần Nhân Tông thời xưa, lúc nhỏ đã là một phật tử thuần thành, nhưng người vẫn làm vua, vẫn hai lần đánh thắng quân Nguyên, vẫn có gia đình có con cái. Chỉ khi đánh giặc xong, đất nước đã thanh bình người mới lên núi đi tu.

Mấy ngày trước khi lên đường, tôi xin phép được ngủ cùng phòng với thầy tôi. Cũng như cái hồi thầy bị bệnh nặng, tôi trải chiếu xuống đất nằm bên giường. Tôi muốn luôn luôn được kề bên để nâng giấc cho thầy. Thầy trò tôi, bao nhiêu năm rồi, lúc nào cũng luôn ở bên nhau. Kỷ niệm cái lần tôi đẩy xe bò đưa thầy tôi từ nhà giam “Đơ Bê” phố huyện về chùa chẳng khi nào tôi quên được. Rồi kỷ niệm những ngày tù ở trại giam cải cách... Những ngày mười chết một sống ấy đã gắn bó thầy trò tôi với nhau bằng mối tình thâm sinh tử. Tôi biết ơn công sinh thành của cha mẹ đẻ mình. Nhưng thú thật, những ngày thơ ấu của tôi đã quá xa rồi. Thú thật, những kỷ niệm thời bé ấy tôi chẳng nhớ được là bao. Thời gian đã làm phai nhạt. Ôi! Thời gian! Thật bạc bẽo xiết bao. Nhưng những kỷ niệm với thầy tôi thì thật khó quên. Tôi may mắn được lớn lên với thầy. Lúc nào cái bóng từ bi của thầy cũng bao bọc che chở cho tôi. Người là người cha thứ hai, người mẹ thứ hai của tôi. Còn hơn cả thế. Sự cộng sinh cộng tử trong lúc nguy nan là một chất keo kết dính. Hơn nữa thầy còn là người cha tinh thần, dẫn dắt tôi đi trên con đường cao thượng. Sự cao thượng của đức Phật từ bao đời nay đã thấm đẫm tâm hồn làng quê. Thiếu nó tâm hồn người ta sẽ bị què quặt...

Lần này thì khác, thầy chẳng bằng lòng để tôi nằm dưới đất. Chỉ còn ba ngày thầy trò ở bên nhau thôi. Thầy muốn tôi ngủ trên giường. Thầy muốn trong ba đêm này thân xác tôi cũng gần gũi bên thầy. Ôi chao! Chỉ việc nhỏ thế thôi mà lòng tôi xiết bao xúc động. Cứ như thể đây là lần cuối cùng thầy trò tôi ở bên nhau vậy. Cả thầy tôi, cả tôi nữa, đều không nói ra điều ấy, nhưng hình như cả hai người đều cảm nhận như thế. Mà có lẽ thế thật, bởi vì ai có thể đoán biết được ngày mai sẽ ra sao. Thời chiến tranh, tôi lại sắp là người lính. Mà điều chắc chắn là tôi sẽ vào chiến trường... Còn thầy tôi? Năm nay người đã bảy lăm tuổi...

Trong ba đêm ấy, thầy trò tôi chẳng nói chuyện với nhau nhiều lắm đâu. Hình như thầy tôi thức nhiều hơn là ngủ. Hình như, những điều gì cần nói thầy đã nói với tôi cả rồi. Cũng có thể, sự nằm kề bên, rồi nghe thầy

thở, cảm nhận hơi thở của thầy cũng là một cách nói... Thầy muốn tôi ở kế bên để trao tặng cho tôi nguồn từ lực của người, lòng từ bi khoan dung của người. Thầy muốn tôi không quên lòng đại từ, đại bi của đức Phật, muốn nó thấm thật sâu vào từng tế bào, da thịt tôi. Bởi vì tôi sắp đi đến những nơi mà ở đấy cái chết, sự không khoan dung luôn cận kề từng phút từng giây...

Đêm cuối cùng, thầy mới nói với tôi mấy câu. Thầy bảo rằng:

- Thầy nghe nói con từ chối buổi lễ liên hoan xuất tam bảo?

- Thưa thầy, vâng. Bà Thêu bảo con: “Làm lễ xuất tam bảo tức là chúng tôi giải phóng cho anh đó”.

- Con trả lời ra sao?

- Bạch thầy, con trả lời: Tôi vào chùa là tự nguyện. Có bị ai cưỡng bức đâu mà phải giải phóng.

- Ừ, thế cũng phải. Thầy dặn con điều này. Phật giáo là một lối sống. Mà đã là lối sống thì tu ở chùa cũng được, tu ở ngoài cũng được.

- Thưa thầy, vậy là con có thể tu ngay giữa chiến trường.

- Được con ạ. Đã là người thì phải biết ta sinh ra từ đâu và đời sống tinh thần ta ra sao. Con sinh ra là người Việt thì phải có bốn phận với đất Việt. Con lại là phật tử, vậy phải có trách nhiệm phật tử.

Nói xong, thầy tôi im lặng rất lâu. Trong phút im lặng gần như tuyệt đối ấy, lòng tôi bao phân vân. Tôi nghe rõ mồn một tiếng tặc lưỡi của con mỗi trên cây xà ngang trần nhà. Còn thầy tôi thì như tìm lời nói... Cuối cùng, thầy tôi mới lên tiếng. Hình như thầy biết tôi đang phân vân điều gì. Thầy bảo:

- Không phải chỉ có con suy ngẫm thôi đâu. Thời xưa, người mình cũng đã suy ngẫm. Đức Phật hoàng Trần Nhân Tông, một bậc đại Bồ tát ngày xưa cũng đã hai lần đánh quân Nguyên. Đánh giặc ư? Chắc chắn là bao nhiêu máu đã chảy. Nhưng cuối cùng người lên núi đi tu. Và có ai dám bảo người không phải Bồ tát. Và người dạy chúng ta: “Cư trần lạc đạo thả tùy duyên”, “Cư trần” ta hãy ở giữa cõi trần này mà vui đạo. “Tùy duyên”! Hãy tùy duyên mà hành đạo. Con vẫn thức đấy chứ. Hãy nhớ lấy hai chữ tùy - duyên con ạ.

Tôi trả lời:

- Bạch thầy, con còn thức.

* * *

Hôm tiễn tôi lên đường, chị Nguyệt không đi, bởi vì nếu đi chắc chắn chị tôi sẽ khóc như mưa như gió, điều ấy chẳng ích lợi gì. Thầy tôi cũng không đi, bởi vì những điều cần dặn dò thầy tôi đã nói cả rồi. Chỉ có sư bác Khoan Độ đưa tôi ra đến tận sân đình. Như đã biết, sư bác là thầy dạy võ của tôi. Sư bác bảo: “Hóa ra tôi dạy chú học võ cũng có ích. Tôi xuất thân giang hồ. Từ võ biên thành người xuất gia. Còn chú, xuất thân tu hành, nay thành một chiến binh. Thế mới biết lẽ đời vô thường. Không thể đoán trước nổi điều gì”. Trước ngày lên đường mười hôm, sư bác cứ khăng khăng bắt tôi học một bài võ bí truyền, bài ngọc trản, tức là cái chén ngọc. Đó là bài võ gồm toàn những chiêu chết người như móc mắt, xọc ngón tay vào yết hầu, chặt gáy... Sư bác rủ rỉ: “Mình là kẻ tu hành, lấy từ bi làm gốc, không bao giờ dùng những thế võ này. Nhưng biết đâu đấy, đời người lính luôn ở chốn sa trường, nhớ một phút nào đó ta lâm vào tình thế nguy nan, bị hãm vào tử địa... thì biết tính làm sao... Tôi dạy chú chỉ để phòng xa mà thôi...”. Sư bác Khoan Độ là người cứng rắn, ít khi biểu lộ tình cảm nhưng nhìn con mắt bác, nghe giọng nói của bác hôm ấy, tôi biết người buồn lắm. Hơn một chục năm rồi còn gì. Chúng tôi ăn cùng mâm, ngủ cùng giường, lại cùng chung bao phút buồn vui... Lúc tôi lên xe ô tô, sư bác đứng dưới gốc cây phi

lao già. Người đi tiền chạy theo xe tản ra hết, nhưng bác cứ lặng lẽ đứng đấy cho tới lúc xe của chúng tôi ngoặt sang con đường rẽ.

** *

Chúng tôi được huấn luyện ở Bắc Giang. Chúng tôi đóng quân gần một khu rừng dẻ. Lúc ấy vừa mới gặt xong. Rơm phơi đầy ngõ xóm. Chúng tôi đi trên những con đường làng phủ kín rơm. Rơm phơi cả trên đầu những bức tường đất thậm chí cả trên những mái nhà. Một thế giới rơm vàng thơm nức. Nắng hanh sấy khô làm cọng lúa phơi càng bốc hương mạnh. Hương rơm vừa ngọt vừa thơm ngào ngạt. Ở sân kho hợp tác vang tiếng cười của những cô gái phơi thóc. Ở sân đình, những ông bà già cùng lũ trẻ tết mũ rơm. Trông lũ trẻ đi học, đội mũ rơm mới vàng hoe, cười toe toét chào các anh bộ đội thấy ấm áp trong lòng.

Hết mùa lúa thì đến mùa hoa dẻ. Rừng dẻ phủ kín những quả đồi thấp bên kia cánh đồng. Chúng tôi tập luyện trên bãi đất trống ở bìa rừng. Lăn, lê bò toài, xạ kích, kỹ thuật, chiến thuật... Tất cả đều được học dưới khu rừng. Đúng vào mùa hoa dẻ. Hoa dẻ rừng trắng ngà. Màu trắng phớt vàng. Giống như hoa nhãn trên cái giếng ở vườn chùa. Nếu như chỉ có một cây, ta khó có thể nhận ra hương hoa dẻ. Nhưng đây là cả một khu rừng toàn dẻ. Cho nên vô vàn những bông hoa li ti đã tỏa ra một thứ hương ngan ngát kỳ lạ mà tôi chưa từng được biết. Ngồi tháo lắp súng, nghe gió đùa trên những tán lá dẻ, tôi cứ tưởng những bông hoa dẻ cũng biết thì thầm.

Khi đầu, chúng tôi đóng quân trong nhà dân. Chúng tôi đã được học tập đầy đủ về công tác dân vận cho nên đã thực hiện được đúng câu “đi dân nhớ, ở dân thương”. Thực ra, đơn vị chúng tôi hầu hết đều là nông dân nên việc làm đó chẳng có gì là khó. Học tập bận rộn đến thế, chiến trường miền Nam đòi hỏi khẩn trương là thế, mà chúng tôi cũng dành ra được hai ngày đi gặt cho dân.

Trăm có nhiều điều kiện thuận lợi hơn tôi. Vì đã là đảng viên và xã đội phó nên dù mới vào lính, nhưng Trăm đã được đề bạt làm B phó, giúp việc cho các cán bộ khung. Còn tôi, dù sao tôi cũng đã nhiều năm ở chùa, cho nên tôi phải biết thân phận của tôi.

Hầu hết tân binh đều thuộc thành phần bần cố nông. Họ hồn nhiên và tếu táo. Sự có mặt của tôi trong đơn vị luôn là một đề tài đùa bỡn chọc ghẹo của họ. Riêng cái đầu trọc của tôi đã thành vấn đề. Mọi người đều để tóc. Riêng tôi, cái đầu nhẵn thín. Cái đầu trọc ấy như một sự đánh dấu. Nó làm tôi khác hẳn mọi người. Anh em gọi tôi là “sư cụ”, là “sư hổ mang”. Đến lúc này tôi mới hiểu hết sự lo ngại mà Huệ đã nói với tôi hôm xưa. Huệ có nói với tôi: “Phải làm sao để cho giống tất cả mọi người. Phải hòa đồng với mọi người”. Bây giờ thì tôi hiểu thấm thía rồi. Hãy cứ nhìn một đàn chó con mà xem. Nếu ta thả vào đó một con chó lạ cùng lứa tuổi, dù con chó lạ ấy có giống hệt những con chó kia, thì nó cũng lập tức bị đàn chó xua đuổi, những con chó cùng đàn sẽ cắn xé con lạc đàn, và con chó mẹ sẽ không cho bú, số phận kẻ lạc loài chắc chắn sẽ thảm thương. Trăm thấy tôi bị trêu chọc, phải đứng ra bênh vực và gắt gỏng với tôi:

- Sao trước hôm nhập ngũ chú còn bảo sư bác cạo đầu cho?

- Thì có biết đâu. Sư bác bảo muốn cho tôi khi vào bộ đội trông phải bảnh bao.

- Ngu ơi là ngu. Thôi nhé. Từ nay phải để tóc. Phải làm sao cho tóc mọc thật nhanh.

Đại đội trưởng đã trên ba mươi tuổi là người từng trải. Anh chín chắn, nói mọi người phải biết giữ đoàn kết. Xa nhà rồi, xa cha mẹ anh em rồi, nên phải coi đơn vị như gia đình của mình, coi đồng đội như anh em của mình. Còn với tôi, anh đến tỉ tê:

- Tớ biết cha mẹ cậu bị giặc Pháp giết. Cậu có thù với đế quốc. Nhưng cậu cũng đã ở chùa hơn mười năm. Đã bị tiêm nhiễm nhiều tư tưởng lạc hậu. Bọn đế quốc phong kiến rất là thâm độc. Chúng dùng tôn giáo làm thứ thuốc phiện ru ngủ dân chúng, làm cho họ quên mất rằng kẻ thù chính của chúng ta là giai cấp bóc lột. Họ làm cho quần chúng mê muội đi tìm thiên đường, đi tìm niết bàn mà quên mất chuyện đấu tranh giai cấp. May mà cậu mới qua tuổi chú tiểu. Sự tiêm nhiễm chưa sâu sắc. Cậu tin đi. Đời sống bộ đội sẽ rèn luyện cậu, giúp đỡ cậu gột rửa những tư tưởng lạc hậu. Cậu sẽ tiến bộ. Cậu phải cảm ơn cách mạng đã giải phóng cho cậu, đem cậu trở lại cuộc đời bình thường.

Tôi còn biết trả lời anh cán bộ đại đội ra sao nữa. Tôi chỉ còn biết ngồi im lặng.

Có lẽ chỉ có hai người trong đơn vị thương tôi, cảm thông với tôi. Họ chẳng bao giờ lấy việc ở chùa của tôi làm trò đùa hay cho là vấn đề cần phải dạy dỗ. Đó là Cường và Tiến trong tổ ba người. Các cụ xưa bảo có ăn nhạt mới thương đến mè. Phải chăng vì hai người ấy cũng có hoàn cảnh tương tự như tôi. Nghĩa là họ cũng có những vướng mắc về thành phần, lý lịch. Cường thành phần tư sản. Bố anh là thợ sửa chữa ô tô. Ông cụ là thợ giỏi, lại là người cần kiệm chặt bó. Cho nên sau hai chục năm làm việc, ông tậu được một mảnh đất nằm ở một cửa ô Hà Nội. Có đất làm xưởng, có nghề giỏi trong tay, lại có chút lạng vốn, ông liền mở xưởng sửa chữa, sau đó mua hai chiếc ô tô cũ không chạy nổi nữa. Song vào tay ông, như có tay tiên sờ vào, chúng lại chạy bon bon trên con đường Hà Nội - Hải Phòng. Rồi từ hai chiếc ô tô cà tàng ấy, ông sắm dần tới năm chiếc. Nước chảy chỗ trũng. Năm năm sau, ông đã tậu được ba căn nhà ở Hà Nội. Tuy giàu có, nhưng ông bố Cường là người thức thời. Năm 1954 giải phóng Thủ đô, được người em trai từ Việt Bắc trở về giải thích, ông hiểu ngay mình cần phải làm gì. Ông đem hai ngôi nhà hiến cho Chính phủ. Rồi lại đem cả cái xưởng sửa chữa ô tô hái ra tiền của mình đưa vào nhà nước. Cũng nhờ thế Cường được vào đại học. Nhưng dưới Cường còn tới năm đứa em lộc ngọc.

Ông bố Cường, thứ nhất vì tiếc của, thứ hai vì lo cho tương lai của lũ con, nên gây rộc hăn đi, suốt ngày thở ngấn than dài. Đứa em đốt dưới của Cường xin đi bộ đội cũng không đắt vì thành phần tư sản. Cho nên khi trường đại học có đợt tuyển quân anh xung phong ngay. Ông bố bảo:

- Anh học năm thứ ba. Leo cây gần đến lúc hái quả. Anh vào bộ đội liệu có phí đi không?

- Con nghĩ kỹ rồi bố ạ. Đối với cách mạng, nhà mình coi như chưa đóng góp cái gì. Phải có người tham gia. Hoặc làm cán bộ. Hoặc đi bộ đội... Con có năm đứa em. Phải cứu lấy chúng bố ạ. Nếu không, với cái thành phần tư sản, gia đình mình không biết còn rơi xuống vực thẳm nào.

Ông già thở dài:

- Anh muốn cứu gia đình. Thầy xin biết ơn con. Thầy già rồi. Sức tàn lực kiệt rồi. Chỉ còn biết trông cậy vào con dìu dắt lũ em.

Tâm tư Cường như thế đấy. Anh còn trẻ nhưng tâm hồn đã già dặn. Còn đâu lòng dạ hồn nhiên để cười trên số phận của tôi.

Còn Tiến, thân phận anh cũng chẳng sáng sủa gì hơn. Bố anh là địa chủ, mẹ anh cũng thuộc thành phần địa chủ. Đám cưới của họ là một chuyện ly kỳ. Ông cụ ăn hỏi một cô gái nhà giàu xinh đẹp. Đám cưới được tổ chức linh đình. Song, đêm tân hôn, chàng trai mới ngã ngửa ra. Bên nhà gái đã đánh tráo cô dâu. Đem cô chị thế vào cô em. Thực ra cô chị cũng không xấu xí. Chỉ phải tội đã cứng tuổi. Sợ rằng cô con gái lớn ế chồng nên ông bố vợ mới làm như thế. Hơn nữa, trước khi cưới, ông còn xem số cho cô chị với chàng rể. Gái hơn hai, trai hơn một. Tiêu chuẩn đã biến thành câu tục ngữ lưu truyền ngàn đời, như thế là phải lẽ. Và lại, khi xem số giữa cô em và chàng rể lại không thấy hợp. Cho nên ông mới quyết định đánh tráo.

Chàng rể cay hơn ăn ớt, song vì ông bố vợ có quyền thế, và ông lại đền bù cho chàng rể hơn mẫu ruộng hồi môn, nên chàng đành phải chịu ngậm bồ hòn làm ngọt. Chàng rể cũng là tay thâm nho. Chàng không ghét gì vợ, nhưng cay cú, chàng trả thù bố vợ bằng cách bỏ lửng. Có vợ cũng như không. Chàng không mắng chửi, không hành hạ, nhưng việc chung đụng ăn nằm với vợ thì tuyệt nhiên không. Người đàn bà cắn răng cam chịu cô đơn lạnh lẽo...

Thế rồi một chuyện tà đình xảy ra. Bỗng dưng bụng bà vợ cứ dần dần to lên. Vì là nhà danh giá nên câu chuyện bắt buộc phải giấu nhem. Người chồng đả đốn cay trối vợ lại, lấy roi dâu quất vào mông lúc đêm khuya:

- Mà y chữa với ai?

Đánh thì đánh, người đàn bà vẫn cắn răng không khai. Ôi! Thật tức chết đi được! Cái nhà này bao nhiêu là đàn ông. Năm tay thợ cày lực lưỡng. Ba ông chú người nào cũng hàng đàn thê thiếp nhưng trông thấy lũ đàn bà phây phây ông nào cũng nuốt nước bọt. Lại còn ông cụ cố nữa chứ. Bố ông, lão địa chủ già tám mươi tuổi, thế mà năm ngoái còn đê cô thợ cấy ra ở chuồng trâu mà hiếp... Biết ai là thủ phạm bây giờ. Mà con vợ ta thì phây phây ra thế. L. tù, cu hãm mà. Chuyện này phần nào cũng do tại ta. Ta cứ đánh nó mãi. Ngộ nhờ nó chết thì sao? Ngộ nhờ đứa con trong bụng nó lại thuộc về của một ông chú nào, hoặc có thể của cha ta thì sao? Nghĩ đến thế; anh chồng rùng mình và cời trối cho vợ.

Nhờ có sự nghĩ ngợi ấy, đứa trẻ tức là Tiến được cất tiếng chào đời. Sau cuộc sinh nở ấy, một chàng trai tá điền bỏ ông chủ, theo Việt Minh lên chiến khu. Vậy thì đứa trẻ ấy là con ai? Liệu có thể là con người chiến sĩ cách mạng, hay là một giọt máu của gia đình nhà ông. Người đàn bà ấy bị hậu sản chết năm 1947. Ông địa chủ giao Tiến cho người vợ lẽ thứ tư của ông. Bà này vô sinh, nên thương yêu Tiến như con đẻ. Anh cũng được đi học như những đứa trẻ cùng lứa. Hồi cải cách ruộng đất, người ta bàn luận về thành phần của Tiến. Mẹ Tiến rõ ràng xuất thân địa chủ, nhưng suốt đời

bị đối đãi còn kém hơn cả cố nông. Vậy bà ta thành phần gì? Ông địa chủ thì rõ ràng không phải bố Tiến. Nếu Tiến là con của một trong các ông chú, hay của ông cố tức lão địa chủ dê già thì đi một nhẽ. Thế ngộ nhờ chính là con của anh Việt Minh lên chiến khu thì sao? Anh ta là liệt sĩ. Nếu thằng Tiến là con liệt sĩ mà ta lại quy cho nó là địa chủ thì tức là ta mang tội với cách mạng. Nhưng tìm ra sự thật ở đâu bây giờ. Mẹ Tiến đã chết. Lão cố địa chủ dê già cùng bốn ông chú đều ở tuổi vàng cả rồi. Cuối cùng người ta đành ghi lý lịch của Tiến: Thành phần chưa xác định.

- Thế là chết rồi - Cường lắc đầu - Chưa xác định tức là không rõ ràng. Lý lịch không rõ ràng ư? Mà có phần đấu cả đời cũng chẳng góc đầu lên được đâu con ạ.

- Tao không tin. Mấy lại, tao điều tra rồi. Người làng bảo ông Việt Minh trước khi bỏ làng lên chiến khu đã vào thăm mẹ tao lúc đó đang ốm nặng. Ông ấy bón cháo cho mẹ tao ăn và ông ấy khóc. Mẹ tao cũng khóc. Chúng mày thấy chưa? Tại sao hai người cùng khóc. Cả làng ai cũng bảo tao là con ông liệt sĩ.

Chúng tôi im lặng. Tiến nói thêm:

- Mấy lại, cả làng bảo tao không giống người họ Lý (tức là ông địa chủ).

- Thế tại sao cả làng không chứng nhận vào lý lịch?

- Cũng không biết tại sao.

- Thế mà có thù ghét họ Lý không?

- Không. Họ Lý vẫn cho tao đi học. Còn u tao, mẹ nuôi tao ấy, thì rất thương tao. Cho nên có người làng xui tao nộp đơn lên tỉnh xin cắt đứt với họ Lý... nhưng tao không làm... Dù sao đi nữa, tao cũng cảm thấy, và tin

chắc rằng tao là con ông Việt Minh liệt sĩ. Tao nghĩ như vậy có đúng không?

- Mình chẳng biết nói sao. Nhưng nghĩ kỹ thấy hoàn cảnh cậu khổ thật, phức tạp thật - Cường trả lời rồi quay sang tôi - Còn cậu ý kiến thế nào?

Tôi gật đầu:

- Con người sinh ra là thế. Ai cũng khổ. Cậu cũng thế. Tớ cũng vậy. Lẽ dĩ nhiên Tiến khổ hơn chúng mình.

Cường cười:

- Cậu trả lời chán bỏ mẹ đi được. Chả trách chúng nó gọi cậu là “sư cụ”.

Thì ra tổ ba người chúng tôi là tổ đặc biệt. Toàn những anh lý lịch có vấn đề. Chắc người ta ghép lại một chỗ cho tiện giáo dục. Điều đặc biệt đáng nói là tổ chúng tôi lại là tổ xuất sắc của đơn vị. Trên thao trường luôn được biểu dương. Học tập chính trị, Cường là cây lý luận của đại đội. Trong sinh hoạt, đó là tổ đoàn kết nhất. Bắn đạn thật, cả ba đều đạt loại giỏi.

Nói đến chuyện tích cực, có một chuyện mà mãi mãi sau này tôi vẫn không quên. Trong ba người chúng tôi, Tiến là người tích cực hơn cả. Có người bảo: Cậu ta muốn chứng tỏ mình là con liệt sĩ, muốn phấn đấu cho xứng với dòng máu cách mạng luôn sục sôi trong huyết quản của mình. Cũng có thể chẳng phải vậy. Chỉ hoàn toàn tự nhiên thôi. Tôi cũng giống cậu ta. Chúng tôi là những con người lương thiện. Khi đã làm việc gì đều muốn làm cho tốt công việc của mình. Thầy dạy tôi như vậy. Phật dạy tôi như vậy. Cả những sách ngoài đời cũng dạy con người như vậy. Anh chàng Tiến béo phệ của chúng tôi là loại người như vậy.

Tôi nhớ bữa ấy là một ngày lễ lớn. Chúng tôi chuẩn bị một cuộc liên hoan lửa trại. Khắp làng rộn lên tập hát, tập múa, tập kịch. Đi đâu cũng nghe thấy tiếng ghita, tiếng sáo, tiếng nhị. Đoàn thanh niên xã cũng góp vui. Các em thiếu nhi cũng góp vui. Thật tưng bừng náo nhiệt. Trung đội chúng tôi chuẩn bị một vở kịch. Kịch cương thôi. Trung đội trưởng bịa ra một cốt truyện, cốt truyện được đại đội thông qua về mặt nội dung. Sau đó đại kịch họp lại thêm râu, thêm ria, quy định lời thoại.

Những cây củi gộc chỉ dùng để nấu bánh chưng được dân làng ủng hộ. Những cành cây, thân cây, gộc cây được dựng chụm đầu vào nhau ở giữa sân kho. Rồi tưới một can dầu hỏa vào đống củi. Lửa xua tan cái giá lạnh của đợt gió mùa đông bắc cuối xuân. Ấm áp quá nên những gương mặt tươi hơn hớn, những tiếng cười rộn hơn, những giọng hát lạnh lốt hơn, những điệu múa dẻo hơn.

Cô bí thư chi đoàn xinh xắn dẫn chương trình. Cô giới thiệu tiết mục kịch của trung đội tôi. Đã lâu rồi, nên tôi chẳng còn nhớ chi tiết vở kịch. Nhưng đại loại đó là câu chuyện ôn nghèo kể khổ. Tấn tuồng diễn lại chuyện ngày xưa nông dân nghèo bị địa chủ bóc lột đến tận xương tủy ra sao. Giá như trung đội trưởng là một người trẻ thì anh ta có thể nghĩ ra một cốt truyện khác: Chuyện về hợp tác xã tếu táo chẳng hạn, hoặc là diễn lại một đoạn trò Lưu Bình - Dương Lễ chẳng hạn. Đằng này, Trung đội trưởng của chúng tôi lại là cố nông, anh chính là Trăm. Trăm đã là xã đội, đã được học tập, chỉnh huấn trên tỉnh. Cho nên anh mới muốn kịch phải có lập trường chính trị. Và lập trường cao nhất là đấu tranh giai cấp, vì thế nội dung câu chuyện mới là mâu thuẫn địa chủ nông dân.

Anh chàng Tiến béo phệ hiền hòa của chúng tôi sắm vai địa chủ. Bởi vì địa chủ ăn uống thỏa thuê nên phải to béo; mà người to béo nhất trung đội lại chính là Tiến.

Tiến cầm cái roi tre, mặc áo the đen, đội khăn xếp, hai bên mép vẽ bộ ria vênh, chấp tay sau đít, đi lại bên đống lửa rất oai vệ. Chắc là anh đã

được chứng kiến nhiều những dáng điệu của các ông chú, ông bác, ông cụ cố ở những ngôi nhà thôn quê khang trang lợp ngói... cho nên anh đóng trò rất đạt. Ngồi vắt chân chữ ngũ cũng oai. Ăn nói thì đĩnh đạc, cử chỉ thì đàng hoàng sang trọng. Có thể nói, Tiến không dùng lối diễn biếm họa, thậm xưng, mà dùng cách tả chân, cách điệu. Còn người đóng vai cố nông cũng khéo. Anh ta gầy nhom, rách rưới, quy lụy. Vai địa chủ không đánh mà chỉ nói, chỉ quát. Giọng nói sang cả, oai vệ. Còn người cố nông thì không nói, hoặc là sợ quá mất tiếng nói, nên chỉ làm điệu bộ. Những điệu bộ thảm hại, rúm ró, khúm núm.

Theo tôi nghĩ, đứng về mặt kịch, cặp diễn ấy khá thành công. Bởi vì họ mới chỉ diễn năm phút thôi, mà khán giả đã bị hút hồn. Quanh đồng lửa, người xem im phăng phắc... Nhưng bỗng dưng một tiếng thét vang:

- Hông! Hông hét rồi! Chúng mày là lũ phản động.

Chúng tôi nhìn bóng người nhảy ra, đứng bên đồng lửa.

Đó là Trung đội trưởng. Anh ta đuổi hai diễn viên ra, rồi đồng dục, hùng hồn diễn thuyết một tràng dài. Trăm nói:

- Chúng tôi xin lỗi tất cả các đồng chí và đồng bào. Tôi xin lỗi vì cách đóng không có lập trường. Có thể nói cách đóng vô chính trị đã đem lại một phản tác dụng. Bản chất địa chủ là gì? Là độc ác, tàn bạo, thâm hiểm... hút máu người không tanh... Làm sao một địa chủ cầm roi mà không đánh. Làm sao một nông dân dưới cảnh áp bức của địa chủ mà chỉ thều thào van lơn như một thầy ma. Làm sao một tên địa chủ dê hèn lại được đóng như một con người đàng hoàng sang trọng. Các đồng chí diễn viên ơi. Tôi nói thật với các anh như thế là hông, là mất lập trường, là không hiểu thế nào là hông, nói tóm lại là vô chính trị. Thừa đồng bào, đồng chí. Tôi thật lòng xin lỗi.

Cuộc liên hoan mới được nửa chừng nhưng bài diễn văn của Trung đội trưởng như một gáo nước lạnh. Tất cả bỗng nhiên chùng xuống, xẹp xuống. Người ta chỉ hát thêm hai bài hát nữa rồi giải tán.

Chúng tôi trở về nhà như chó cụp đuôi. Tiến bảo tôi: “Sao thế nhỉ? Mình đã cố gắng hết sức. Chỉ muốn đóng cho thật đạt. Sao thiếu úy lại bảo mình là vô chính trị, mất lập trường?”.

Cường, chàng sinh viên mỉm cười, giải thích:

- Chỉ tại cậu thực sự có năng khiếu diễn viên. Cậu phải biết ở nơi khi ho cò gáy này, có ai cần đến sự tinh tế. Nếu cậu biết hò hét, biết quát tháo, biết đánh đập, biết dùng dùng nổi giận, thì dù cách ấy rất thô thiển, ngô nghê... cậu cũng sẽ được khen.

Còn Trung đội trưởng lại nói khác. Anh, nửa như giải thích, nửa như giáo dục:

- Cách diễn của cậu không phải cách diễn của công nông binh. Hình như cậu đã học xong cấp ba. Có đọc tí chút sách vở phải không. Nói chung là vớt... Hãy ném cái mớ sách ấy vào sọt rác. Diễn như cậu chỉ để phục vụ bọn tiểu tư sản, bọn tư sản địa chủ. Cậu định cãi hả... Cậu cho rằng cậu thành tâm và không cố ý hả... Đúng như vậy đó. Tôi biết cậu không cố ý. Nhưng cậu có hiểu tại sao ý muốn một đảng mà kết quả lại một nẻo không? Không hiểu à?... Thế này nhé... Nói thế nào cho cậu hiểu nhỉ... Ừ... Chẳng có cách gì khác... Phải nói rằng... thực chất... bản chất của cậu đã bị tiêm nhiễm bản chất của giai cấp địa chủ... Có lần... cậu đã nói với tôi về hoàn cảnh riêng... Đúng vậy... Có thể người cha là bần cố nông. Song nếu người con không sống như bần cố nông... mà lại sống theo hoàn cảnh địa chủ... anh ta sẽ bị tiêm nhiễm lễ thói của giai cấp bóc lột... Cậu hiểu tôi nói rồi chứ... Có nghĩa là những lễ thói bóc lột ấy, khi được giáo dục, chúng sẽ lặn sâu xuống, chìm xuống đáy lòng. Nó chìm xuống chứ không bị tiêu diệt. Và gặp dịp nó sẽ trỗi dậy, bùng phát bộc lộ ra mà ta không biết... Cậu đã

hiểu tại sao khi diễn kịch cậu lại mất lập trường không?... Rất đơn giản! Chỉ tại cái bản chất tầng lớp trên của cậu, từ lâu nay nó vẫn ngủ im trong đáy sọ não cậu. Nay gặp dịp nó bừng thức dậy. Bây giờ, cậu hiểu rõ chưa? - Chính vì thế nên Đảng mới nói những thành phần lớp trên phải tự cải tạo nhiều hơn tầng lớp dưới... bởi vì lập trường, sự trung kiên của thành phần lớp dưới là máu thịt của anh ta. Người nghèo... dù chưa được giáo dục đến nơi đến chốn... bản chất của anh ta đã cách mạng, đã tốt đẹp rồi... Cậu đừng nản... Tôi biết cậu thực tâm phấn đấu... Chỉ có điều phải phấn đấu nhiều hơn thôi. Thế nhé. Tôi tin ở cậu.

Tôi và Cường ngồi cạnh Tiến, khi Trung đội trưởng tâm sự và giáo dục. Tôi hiểu anh thiếu úy không chỉ riêng nói với Tiến mà nói với cả chúng tôi.

Khi vào quân đội, mỗi người chúng tôi đều có ao ước riêng. Tôi ao ước được đi học y tá. Đối với một người thuộc nhà chùa như tôi, việc y tế là công việc thích hợp nhất. Cường thì muốn được vào tên lửa, ra đa, còn Tiến thì ba phải, vào binh chủng nào anh ta cũng chấp nhận. Tiến cho rằng anh ta là một người tích cực. Anh lại tin tưởng rằng với sự tích cực của mình, vào bất cứ môi trường nào, anh cũng có thể tiến bộ. Phải nói rằng động cơ cho sự năng nổ của tổ ba người trong những ngày đầu vào quân đội của chúng tôi một phần nào cũng bắt nguồn từ những ao ước riêng. Nhất là tôi và Cường, chúng tôi chỉ muốn được tuyển chọn vào những đơn vị mình thích.

Xong phần huấn luyện cơ bản, các đơn vị lục tục đến nhận tân binh. Điều đáng buồn là những nguyện vọng của tôi và Cường đều không được thỏa mãn. Mặc dù Cường rất giỏi toán lý cũng không được vào đơn vị tên lửa ra đa. Còn tôi, mặc dù tay chân mềm mại, tính nết dịu dàng cũng không được vào y tế. Tiến cười bảo:

- Các cậu không biết thân biết phận. Làm sao chúng ta có thể được chiều theo ý muốn. Hãy cứ để cho số phận đưa chúng ta đi.

Tôi cứ tưởng Tiến suy nghĩ đơn giản. Hóa ra không phải như vậy. Con người lúc nào cũng nhiệt tâm như lửa cháy kia lại là con người thâm thúy hơn chúng tôi nhiều. Cuối cùng, cũng như đa số trong đơn vị, chúng tôi được biên chế vào bộ binh. Cũng phải thôi. Cả ba chúng tôi, điểm xạ kích đều được xếp vào loại khá - giỏi.

Thời gian sau đó, chúng tôi tập luyện để chuẩn bị vào chiến trường. Những cuộc hành quân dã ngoại liên miên. Tập đeo nặng. Ngủ rừng. Ba giờ đêm báo động. Leo đèo lội suối. Hành quân đêm. Đào hầm cấp tốc. Chiến đấu trong rừng. Tao ngộ chiến...

Lúc nào tôi cũng buồn ngủ. Tôi vốn gầy gò. Anh em bảo:

- Chú sư thầy trông loẻo khoẻo lắm. Chắc chỉ một tháng thì đổ gục thôi.

Thế mà tôi không gục mới lạ. Chắc anh em không biết, suốt thời gian ở chùa, tôi chỉ ăn cơm hẩm với tương cà. Họ cũng không biết người nhà chùa chúng tôi “bất tác bất thực” không làm thì không ăn. Lao động cần cù và nếp sinh hoạt đạm bạc trong hơn mười năm qua không ngờ đã tạo cho tôi một sức mạnh dẻo dai không thể ai ngờ tới. Tôi nhớ có bận chúng tôi tập hành quân đường dài ba trăm năm mươi kilômét ở Hòa Bình. Ba lô, súng trường, bao gạo, lương khô, tất cả chừng ba nhăm cân. Đường dốc dựng đứng. Có đoạn toàn đá tai mèo. Hành quân đêm vừa đi vừa ngủ. Có lúc bì bõm trong mưa. Có lúc phải bơi qua suối. Ròng rã gần nửa tháng. Tiến khỏe như vâm, nhưng chủ quan, đã trượt chân suýt lặn xuống vực, may được bụi cây cản lại. Tiến không chết nhưng bị trọ chân không đi được nữa. Tôi và Cường phải cõng nó đi. Tổ tôi vẫn hành quân theo kịp đơn vị. Sau đợt hành quân đường dài ấy, đại đội tôi có năm người ốm to. Riêng tôi, người như sắt lại, song sức khỏe chẳng hề gì.

Sau ba tháng tập luyện, tôi xếp vào hạng sức khỏe loại A.

Trước ngày lên đường đi B, tôi nhận được thư của thầy. Sư cụ viết rằng:

“... Mong cho con chân cứng đá mềm, ra mặt trận tránh được hòn tên mũi đạn. Hàng ngày lúc sáng, lúc tối, con nhớ niệm hồng danh đức Phật. Ánh sáng từ bi của đức Thế Tôn luôn hộ trì cho con và các bạn đồng ngũ. Hẹn ngày thầy trò ta tái ngộ...”

ĐỘI GẠO LÊN CHÙA

Nguyễn Xuân Khánh

www.dtv-ebook.com

Chương 3

Tổng kết ba tháng học tập, tổ ba người Tiến, Cường, An được bầu là tổ tam tam xuất sắc nhất đại đội. Thật trái khoáy. Cái tổ thành phần chẳng ra gì lại là tổ giỏi nhất. Lúc ở nhà, Trăm là xã đội lại có chân trong Đảng ủy, cho nên vào bộ đội được đề bạt rất nhanh. Thoắt một cái đã là thiếu úy Trung đội trưởng. Đối với cái tổ tam tam xuất sắc ấy, Trăm luôn kèn kẹt giáo dục. Anh bảo: “Người thường chỉ cần phấn đấu một, thì các cậu phải phấn đấu gấp đôi mới hòng tiến lên được”. Cứ tưởng rằng Trăm là một người sắt đá, thiếu trái tim nhân hậu, nhưng thực ra không phải vậy. Nói đúng ra, Trăm sợ hết hồn sau cái đêm diễn kịch lửa trại. Hôm ấy, Tiến sắm vai địa chủ oai vệ quá, thâm hiểm quá. Còn vai cố nông thì lại thảm hại quá, quy lụy và đê tiện quá. Nói đúng ra, Trăm đã là Đảng ủy, cho nên anh sợ những gì bị quy là có vấn đề chính trị. Mà đóng kịch đâu phải chuyện thường. Tư tưởng là đấy; mà chính trị cũng là đấy. Anh là chỉ huy, anh có biết phương châm chính trị là thống soái không? Anh là chỉ huy mà để cho lính đề cao giai cấp bóc lột và hạ uy thế những người bản cổ nông như thế sao. Tại sao là lãnh đạo, anh lại không duyệt trước. Có thể những người lính chỉ là vô ý thức, hoặc tự nhiên chủ nghĩa nên mới diễn như thế. Họ là những người trình độ thấp, giác ngộ còn kém. Còn anh, đã được tổ chức rèn giữa đã bao nhiêu lâu. Tổ chức đã tin tưởng anh, giao trọng trách cho anh, giao những tâm hồn người lính vào tay anh. Thế mà... Anh chính là người phải chịu trách nhiệm. Mất lập trường giai cấp ư? Tội họ thì ít. Tội anh thì nhiều. Tức là lập trường giai cấp của anh còn mơ hồ. Ai đã bị gán cho cái kết luận ấy, con đường tiến thân cách mạng sẽ vô cùng mờ mịt. Chỉ những ai được gọi là có lập trường giai cấp vững vàng mới có tiền đồ sáng sủa. Thật dễ hiểu tại sao trung đội trưởng Trăm lại khe khắt với tổ ba người Tiến, Cường, An như vậy.

Một hôm, Trầm lên trung đoàn họp. Anh gặp chính ủy. Ông ta kéo Trầm đi dạo trong một khu rừng thông. Là một thiếu úy quen mà được nói chuyện với trung tá chính ủy thật là một vinh hạnh.

Ông trung tá chính ủy đã nhiều tuổi. Mái tóc hoa râm. Trạc ngoại năm mươi. Người tầm thước. Khuôn mặt nhiều nếp nhăn. Bộ quân phục cấp tá bạc màu. Hàm răng hút thuốc lá nhiều được đánh chải kỹ lưỡng, tuy trắng nhưng kẽ răng vẫn vàng, có chỗ nâu nhạt. Ông cười. Cái cười hiền khô. Trung tá vỗ vai Trầm:

- Mình nghe ở trung đội của cậu có tổ tam tam Tiến, Cường, An rất đặc biệt.

Trầm chột dạ, nghĩ bụng: “Ghê thật, cái tổ ba người này đã đến tai trung đoàn. Mình biết nói gì về họ đây nhỉ”. Trầm phân vân như để hoãn binh, như để chờ xem cấp trên đang muốn biết gì về họ, để lựa lời mà nói. Cho nên trung đội trưởng trả lời một cách chung chung:

- Thừa thủ trưởng... Vâng... Đúng là họ ở trung đội của em... Trầm nói tiếng em rất khẽ, bởi vì ông trung tá đáng tuổi bố anh.

- Có gì cứ kể đi. Chớ có ngại... Mình nghe các cậu có tổ chức một đêm liên hoan... Đốt lửa trại... vì... nơi các cậu đóng quân, dân làng chẳng mấy khi được xem văn công. Chắc chắn là họ hưởng ứng rồi... Thành công chứ hả...

- Vâng cũng tương đối ạ - Trầm lí nhí. Chính đêm liên hoan ấy là điều Trầm ngại nhất... Nói thế nào bây giờ nhỉ... Nói là mấy cậu lính mất lập trường? Hay là mình đã sai? Trầm còn đang lưỡng lự tìm lời, thì cái giọng trầm trầm của ông chính ủy cất lên:

- Mình biết, mình biết...

Té ra ông ta đã biết hết tất cả... Thủ trưởng của mình ma xó thật. Có thể chính trị viên đại đội đã báo cáo! Cũng có thể ông ta quen một cậu lính nào ở đại đội mình. Và Trăm cúi đầu xuống. Anh chờ những lời giáo huấn nghiêm khắc. Và kìa... Chính ủy đã lên tiếng bằng cái giọng trầm ấm mà dứt khoát.

- Mình biết là vì chính trị viên của cậu báo cáo. Anh ta bảo cậu Tiến rất lo. Cả cậu cũng thế. Cậu đã đứng lên, dừng cuộc liên hoan lại, giảng giải một lúc... Tớ hỏi đồng chí chính trị viên: “Thế theo cậu, trong chuyện này ai sai?”. Đồng chí ấy nói: “Cả cậu Tiến và trung đội trưởng đều sai...”. Nhưng tớ cười và bảo rằng chẳng ai sai cả...”.

Chính ủy nói xong, cười khê. Trăm ngạc nhiên nhìn lên gương mặt hiền của ông ta. Còn ông ta thì đặt câu hỏi.

- Thế cậu đã bao giờ chứng kiến một gia đình địa chủ chưa?

- Có chứ ạ. Thuở bé em đã được đi dự đấu địa chủ...

- Cái điều mình muốn nói là sinh hoạt của địa chủ cơ. Là cái đối xử của địa chủ cơ. Cậu còn nhỏ tuổi. Cậu sao biết được. Còn mình thì biết. Còn gặp nhiều là khác... Giải thích thế nào cho cậu hiểu đây... À nghĩa là họ có của... họ được ăn học... Họ cũng giống như mọi người chúng ta... Lẽ dĩ nhiên họ sống có nề nếp hơn... Bần cố nông của chúng ta, cơm chẳng có ăn, áo chẳng có mặc làm sao mà nề nếp được... Làm sao mà lễ nghĩa nhiều khê được... Lẽ dĩ nhiên họ là kẻ bóc lột... là kẻ tàn ác... Nhưng biết nói thế nào cho cậu hiểu đây...

Đến chỗ này thì chính ủy là người lúng túng, ông phải dừng lại lấy thuốc lá ra mời Trăm hút, rồi tự mình châm một điếu và hút lấy hút để. Cuối cùng ông nói:

- À. Thế này nhé. Trong chuyện này, cả hai đều không sai. Cậu không sai vì cậu có bao giờ sống ở chế độ cũ đâu mà biết địa chủ họ sống thế nào.

Còn cậu Tiến không sai vì từ thuở bé cậu ấy đã sống trong một gia đình địa chủ. Bảo rằng địa chủ cần phải đánh đổ, rằng họ tàn ác... Thế rồi khi lên sàn diễn, đóng vai một cách biếm họa thô thiển, có lúc đóng vai một cách thậm xưng... Như thế cũng không phải... Nói chung... ở đây là nghệ thuật... Giống quá cũng không được... Thô thiển quá cũng không được. Mà sao các cậu lại đưa lên sân khấu cái chuyện ấy nhỉ... Sao chẳng đưa những chuyện sinh hoạt vui vẻ lên sàn diễn... Tóm lại đây là một lĩnh vực quá sức các cậu.

Chính ủy nói thật dài, song thật ra cuối cùng Trăm cũng hiểu rất lơ mơ. Và chỉ có một điều anh hiểu rõ nhất, đó là chính ủy của anh hiền lành. Và ông ta đã xá tội hết cho cả hai người. Ông chính ủy của anh còn biết An là một thầy chùa đi lính và Cường thuộc thành phần tư sản. Ma xó thật! - Trăm thầm nghĩ. Ông già còn biết tí mĩ Trăm là cố nông, đã từng là xã đội. Hình như ông ta quá chú ý tới cái trung đội quá vô danh, quá nhỏ bé của anh.

Sắp sửa vào chiến trường. Ban chỉ huy đại đội họp để xét duyệt thưởng phép cho một số cá nhân xuất sắc. Thời gian chỉ hơn hai ngày. Cho nên chỉ những ai nhà gần, và có thể tin cậy tuyệt đối và tinh thần vững vàng mới được đề nghị. Bởi vì lúc này nếu nhỡ ra có cậu nào về nhà rồi đào ngũ thì thật gay go, sẽ ảnh hưởng đến toàn đơn vị. Cuộc bình xét cực kỳ gay gắt.

Trường hợp của Tiến được nêu ra. Đại đội trưởng nói:

- Cậu này đúng là tích cực xuất sắc. Chẳng ai phản đối được. Làm việc gì cũng hết mình. Xạ kích xếp loại giỏi. Song về mặt tinh thần ai dám đảm bảo. Gia đình địa chủ này. À... cậu ta lại mới lấy vợ, cưới được một tháng thì nhập ngũ. Nhỡ cậu ta ở tịt nhà luôn thì sao? Có nhiều động cơ để cậu ta không quay lại đơn vị... Trường hợp này phải cẩn thận... Để cho cậu ta phấn đấu...

Chợt có tiếng:

- Trường hợp Tiến tôi xin đảm bảo.

Tất cả quay nhìn vào người phát biểu. Người ta ngạc nhiên. Hóa ra là trung đội trưởng Trăm. Đại đội trưởng nói:

- Đồng chí Trăm đảm bảo à? Sao nữa đây? Tôi tưởng chính đồng chí là người hôm xưa dùng đêm liên hoan lại để... chính đồn lại tư tưởng cho cậu Tiến. Tôi tưởng chuyện tư tưởng lập trường của cậu này đã quá rõ ràng.

Hình như sự khoan dung cũng là một căn bệnh hay lây. Cái hôm nói chuyện với chính ủy, Trăm tự thú nhận là mình hiểu rất mơ hồ, tuy nhiên khi nghe chính ủy bảo họ chẳng có tội, anh thấy như lòng mình được cất đi một gánh nặng. Khi xem vở kịch bên đồn lửa, anh thấy sờ sợ vì nó khác những điều anh đã xem. Khi đứng lên chính đồn những diễn viên, anh lại cảm giác mình đã nói một cái gì đó hơi quá đáng. Tuy nhiên anh lại chẳng tìm được lý lẽ gì để phản biện lại. Hơn nữa, còn có một thói quen của xã hội, hễ gặp một điều gì còn chưa rõ ràng, người ta thường chọn cách ứng xử cực tả. Đó là cách lựa chọn thuận tiện và dễ dàng nhất. Bởi vì cực tả thường được coi là lập trường kiên định, thường được khen là tính giai cấp vững vàng. Và tiếp theo đó là sự tin cậy, sự đề bạt thăng chức. Có thể sự tỏ rõ lập trường của trung đội trưởng Trăm đêm liên hoan, cũng bắt nguồn từ tâm lý đó chẳng. Đã có bao nhiêu chuyện buồn đã xảy ra từ đó. Và đã có biết bao nhiêu tâm hồn đã dần dần trở nên ti tiện cũng từ đó. Nhưng may thay, Trăm lại là một người lương thiện. Cho nên sau khi phát biểu ở đêm liên hoan, anh cứ thấy cắn cắn trong lòng. Và khi chính ủy xóa tội, giải tỏa cho anh, anh cũng lập tức đôn hậu hơn, rộng lượng hơn. Cho nên, trong buổi họp này, anh mới nói:

- Chuyện diễn kịch đêm liên hoan, tôi đã trực tiếp gặp chính ủy trung đoàn. Đồng chí ấy đã kết luận dứt khoát: Chẳng ai có tội gì hết. Chẳng ai mất lập trường gì hết. Đồng chí ấy còn nói với tôi, ai còn thắc mắc gì, xin trực tiếp gặp đồng chí ấy.

Trong cuộc họp ở trung đoàn, nhiều người đã trông thấy Trăm nói chuyện với chính ủy rất lâu. Cậu Trăm đâu có thể dám bịa đặt ra lời nói của chính ủy. Mà lời chính ủy tức là lời tối cao của trung đoàn. Bởi vậy, chẳng ai dám có ý kiến gì. Trăm liền báo cáo:

- Trường hợp đồng chí Tiến của B tôi xuất sắc trong huấn luyện thì ai cũng rõ. Tôi xin bổ sung thêm, cái đoạn chúng ta hành quân ở lưng chừng núi B, khi ấy chúng ta phải lội qua một thung lũng lầy sệt. Các cụ già bảo hàng ngàn năm rồi lá rừng rụng đổ xô vào đấy, lâu dần hoại mục hóa thành bùn lầy. Hai bên là vách đá. Đường độc đạo. Tiến lên cũng chết. Lùi lại tìm đường khác cũng gay go. Trung đội tôi hành quân dẫn đầu. Chính đồng chí Tiến đã đưa ra sáng kiến lấy dao tĩa chặt những cành cây vừa và nhỏ trải xuống làm lối đi. Mỗi chiến sĩ nằm cành cây. Nhờ sáng kiến ấy chúng ta đã qua vùng lầy an toàn.

Đại đội trưởng gật gù:

- Sáng kiến này của Tiến à. Bây giờ tớ mới biết. Chỉ riêng sáng kiến này cũng đáng thưởng đấy.

Thấy đại đội trưởng có vẻ xuôi, Trăm liền bổ sung:

- Trường hợp Tiến lý lịch phức tạp, cán bộ chúng ta ai cũng biết. Phải nói rằng, cậu ta có nhiều khổ tâm mà chẳng ai hay. Tuy rằng người ta vẫn cho ăn học nhưng thực tế là cô đơn. Họ hàng nhìn cậu ta bằng con mắt ngờ vực. Người mà cậu ta gọi là bố cũng không tin cậu ta là con ruột của mình. Ông ta tốt với Tiến nhưng mà tốt một cách hờ hững. Từ khi bị quy là địa chủ, suốt ngày đêm ông như người câm chẳng nói một lời. Không thèm nhìn mặt ai nhất là đối với Tiến. Trước khi chết, ông ta gọi Tiến vào và bảo rằng: “Anh không phải là con tôi. Tôi biết đích xác là thế vì chưa bao giờ tôi ăn nằm với mẹ anh. Nhưng tôi vẫn nuôi nấng anh tử tế. Thế là anh nợ tôi một điều. Khi cải cách ruộng đất, người ta xui anh lên đấu tôi. Anh còn bé nhưng nhất định không làm điều ấy. Tôi rất cảm ơn anh. Thế là tôi cũng

nợ anh một điều. Thế là đôi bên hòa. Xong nợ. Tuy tôi lạnh nhạt với anh, nhưng khi tôi đã chui xuống đất, chỉ xin anh nhớ tới ơn nghĩa xưa giúp tôi một điều. Anh hãy chăm sóc tới bà Tư, mẹ nuôi của anh. Bà ấy tốt lắm. Chẳng may không có con nên coi anh chẳng khác gì con. Anh hiếu nghĩa với bà ấy, thì dù ở dưới tuổi vàng tôi cũng cảm ơn anh”. Chính bà Tư này đã cưới vợ cho anh được một tháng thì Tiến lên đường nhập ngũ. Các đồng chí thử nghĩ xem, với thành tích cá nhân như thế với hoàn cảnh gia đình như thế, Tiến có xứng đáng được về hai ngày phép để thăm mẹ, thăm vợ trước lúc lên đường vào chiến trường hay không?

Trẫm đi họp cán bộ về, đến ngay tổ tam tam của An, nói oang oang:

- Lần này trung đội mình được thưởng phép bảy người. Riêng tổ ba người các cậu, được thưởng phép tất cả. Nhưng tiếc quá, ngày nghỉ chỉ có hai, thành thử chỉ những ai ở gần, tiện tàu xe, mới được đi. Khi đi lại phải viết cam đoan, trả phép đúng ngày giờ.

Cường cười:

- Từ đây về Hà Nội hai trăm năm mươi cây số. Chỉ riêng đi và về, nếu may mắn gặp ô tô, cũng phải mất đứt hai ngày. Chẳng lẽ về nhà nhìn mặt bố mẹ một lát rồi lại sắp ngựa đi ngay sao. Chẳng bỏ. Chỉ thêm mệt vào thân. Tôi không đi.

Trẫm gật đầu.

- Cũng phải. Tố đấu tranh cho tổ các cậu, chủ yếu là thông cảm hoàn cảnh cậu Tiến. Mới cưới vợ một tháng. Chưa kịp quen hơi bén tiếng. Nhà lại chỉ cách đây ba mươi cây số. Còn cậu An thì sao, làng chúng mình cách đây hơn trăm cây số. Tàu xe lại khó khăn. Bắt xe dọc đường ư? Phập phù lắm. Mấy lại ba tháng trước về phép, tố đã gặp sư cụ, gặp chị Nguyệt, gặp sư bác. Họ cũng đều bình thường và bảo cậu cứ yên tâm. Nhưng mà...

Nghe Trầm nói chữ nhưng, An chột ngẩng đầu lên. Quả nhiên Trầm đã nói tới một điều mà An không dám nói ra. Trầm nghiêm trang nhưng môi vẫn nở nụ cười:

- Nhưng mà... tháng trước cậu mới nhận được thư của cô Huệ phải không?... Cô ấy bảo trường y tế cách đây ba năm cây số chứ gì?

- Báo cáo trung đội trưởng... Thế... cô Huệ... tôi cũng được...

- Được đi thăm chứ sao... Bố cô Huệ và sư cụ là sư đệ sư huynh. Vậy, cậu với cô Huệ là con bác con chú...

Thằng Tiến lẻo mồm:

- Sư huynh sư đệ. Được quá chứ lại. Thôi! Chú tiểu mau mau đến thăm cô em út đi.

Hai tháng trước, An nhận được một lá thư. Lần đầu tiên trong đời. An được nhận thư. Lá thư không đề người gửi. Ai thế nhỉ? Chẳng lẽ là thầy? Hay chị Nguyệt? Hay sư bác? Những người tu hành giàu tình cảm nhưng rất ít bộc lộ tình cảm cá nhân. Do đó họ ít biên thư, trừ những trường hợp cần thiết. Hay là đã xảy ra chuyện gì ở chùa. Chắc không phải. Bởi vì Trầm mới đi phép về tháng trước, nói đạo này sư cụ rất mạnh khỏe, mọi người vẫn bình an. Bóc ra mới biết là thư của Huệ. Thế là lòng An bỗng xốn xang. Lại nghĩ đến ngày giỗ sư tổ, cũng là ngày anh nhận được tin mình trong danh sách lên đường nhập ngũ. Cái ngày thật lạ. Hai đứa xa nhau, hơn mười năm lại gặp nhau. Lại được sống lại ngày ấu thơ, cầm tay nhau đi giữa cánh đồng thơm ngát. Hôm ấy hai đứa cứ đinh ninh rằng sẽ luôn viết thư cho nhau. Nhưng rồi ngày tháng trôi đi và An vẫn không viết. Chẳng vì An vô tình, chỉ có điều, viết thư đối với An chưa là một thói quen. Anh chưa hề viết thư bao giờ. Chỉ có một lần, đó là khi Trầm về phép, An mới nguệch ngoạc được mấy chữ vụng về.

Thưa Thầy!

Con đi bộ đội, đêm nào lòng dạ cũng nhớ tới chùa. Nhớ tiếng chuông thu không mà hàng ngày con vẫn đánh trên gác tam quan. Nhớ hương trầm thơm ngát. Nhớ cái giếng sau chùa. Nhớ chị Nguyệt, nhớ sư bác, nhớ cả con chó già tội nghiệp...

Thầy ơi! Lúc nào con cũng nhớ lời thầy dặn. Hãy cứ trần lạc đạo, tùy duyên mà hành đạo. Tuy vậy, lòng con khi nào cũng thấy buồn.

Muôn vãn lạy thầy. Con chúc thầy mạnh khỏe. Con mong vài năm nữa thầy trò lại được gặp mặt nhau...

Khi gửi Trầm mang đi, An cứ nghĩ, đã một năm trời ra ngoài đời, không hiểu mình đã bị thế tục hóa đến nhường nào. Chắc đã có sự ấy, bởi vì một người nhà chùa chắc sẽ viết khác hẳn. Thư của họ là những việc nhà Phật, những tư tưởng nhà Phật, những cố gắng tinh thần trên con đường đến giải thoát. Đăng này chỉ toàn những tình cảm, lại là những tình cảm buồn buồn. Có lẽ vì vậy nên khi An định đặt bút viết lá thư thứ hai, lá thư cho Huệ, An cứ thấy ngại ngần không viết nổi. Đùng một cái, chính Huệ lại viết cho An. Thư rằng:

“Anh An ơi!

Năm ngoái khi tiễn chân anh đi. Anh hẹn rằng thế nào cũng viết thư cho Huệ ngay. Em đợi mãi mà không thấy. Hôm nọ về chùa làng mới biết địa chỉ của anh. Tiếc thay, lại chỉ là số hòm thư, chứ không phải là địa chỉ đóng quân. Thành thử muốn đến thăm mà không được. Anh An nhỉ, đời người lính như cánh chùn trời nay đây mai đó. Biết nơi đâu mà tìm. Sao em ngờ ngẩn thế không biết được. Cứ nghĩ đến anh lại thấy lo lo. Em biết mà. Anh vốn hiền lành, lại hay tư lự. Chẳng biết sống ở đơn vị anh có xoay xở được không. Hay lại cứ ngờ ngợ mãi thì khổ.

Riêng phần em, khóa học đang đi vào giai đoạn cuối. Em chuyên về phẫu thuật. Cấp trên bảo thầy em là cán bộ luôn ra bắc vào nam. Anh Căn

thì đi B dài rồi. Tuy vậy em vẫn cứ xin đi B. Em nghĩ chắc anh rồi i cũng vào trong đó. Không chừng rồi chúng mình sẽ gặp nhau trong đó cũng nên.

Anh An ạ. Không hiểu sao lần gặp anh vào ngày giỗ sư tổ năm ngoái, bỗng nhiên bao nhiêu kỷ niệm thời thơ ấu, lúc học với thầy giáo Hải, chợt sống lại trong em. Chúng trở về ào ạt, cứ như thể chúng đang ngủ lịm bỗng giật mình thức cả dậy. Từ cái ngày em và mẹ nhảy xuống sông Hồng, rồi mẹ em chết đuối, thế là bao nhiêu hình ảnh cũ bỗng nhiên tan biến. Em chẳng còn nhớ nhiều nhận gì quá khứ. Hay là nhớ nhớ quên quên. Quên nhưng mà vẫn biết mình có một quá khứ. Cái quá khứ ấu thơ bị xóa đi vì nỗi đau, nhưng hình như nó vẫn nằm đó, nó ngủ lịm nhưng vẫn tồn tại và chỉ chờ dịp là thức dậy. Và khi gặp anh là lập tức chúng ào ào tỉnh dậy, xô đến ngay. Thế có tài không chứ. Thế là cái Rêu, chị Hiếu, anh Trầm, thầy giáo Hải, cả anh nữa và bao nhiêu người khác đều trở về trong tâm trí em. Anh có nhớ lúc đi trên cánh đồng làng, em nắm tay anh. Tung tăng như thỏ còn đi học. Lúc ấy, anh có biết em nghĩ gì về anh không? Em thấy anh An chẳng khác xưa tẹo nào. Tức là anh vẫn ngu ngu ngơ ngơ. Ngu ngơ ư? Đừng nghĩ là Huệ nói xấu anh đâu. Huệ cũng ngu ngơ chứ. Hơn mười năm qua Huệ sống trong nỗi ngu ngơ, nhớ nhớ quên quên. Huệ chẳng ghét cái nỗi ngu ngơ ấy đâu. Lại thấy yêu nó là đằng khác. Bởi vì người ngu ngơ là người trong sáng, là người chân thật.

Không hiểu Huệ viết thư lan man thế cho anh có vợ vẫn không? Anh An ạ. Đối với anh, Huệ cảm thấy viết thế cũng chẳng hề gì. Có phải không anh?

Địa chỉ xóm Cây Đa, xã X, huyện Y, Trường Trung cấp Y tế. Nhận được thư này, nếu còn ở miền Bắc hãy viết thư trả lời cho em ngay. Hay là, nếu thuận tiện, hãy đến thăm em ngay.

Huệ.”

An lên đường đến xóm Cây Đa ngay sáng hôm sau. Vụng về lắm, An hỏi Cường:

- Không biết đi thăm có phải mang gì không nhỉ?

Cường rên lên.

- Trời ơi là trời! Đi thăm bạn gái mà lại tay không à? Cậu có biết lũ con gái thích gì không? Chút gì ngọt ngọt mà lại chua chua. Cậu hiểu chưa.

An đỏ mặt lên. Còn Cường phóng ngay ra đầu xóm mang về một bọc mận đỏ đưa cho An:

- Quà đây. Lên đường ngay tấp lự. Thời gian mỗi khắc ngàn vàng.

An đi nhờ ô tô quân sự. Chiếc xe nghiêng ngả, nhảy chồm chồm trên con đường đồi đá đỏ, tưởng chừng như ruột gan tim phổi đều bị long ra. Giống như một cỗ máy bị tháo tung, những bộ phận đổ lộn rồi xóc lên xóc xuống trong lồng ngực và ổ bụng. Đến một gốc cây đề lá rậm rịt, xe dừng lại. Người bộ đội tài xế nhảy xuống đường cạnh An lấy thuốc lá ra hút. Anh chỉ tay lên trời hỏi:

- Có nghe thấy gì không?

- Máy bay Mỹ. Mặc kệ chúng nó chứ. Nó cứ bay và xe mình cứ chạy.

Anh lái xe lắc đầu:

- Không đơn giản thế đâu. Dạo này bọn chúng quần thảo vùng này liên tục. Hôm kia nó bắn bến đò Mơ. Chỉ có hai chiếc thuyền mà chúng bắn đến mười phát tên lửa. Bắn cho chìm hai chiếc thuyền mới thôi. May mà chẳng có ai việc gì. Chúng đánh hơi thấy quân ta tập kết ở quanh vùng. Chính vì thế tớ mới phải phi trên đường đồi ghồ ghề. Phi đường này an toàn vì ở đây toàn đồi thông... Này, hút thuốc lá đi... không hả... Hay là bắn vài phát

thuốc Lào... Trên xe, tớ có điếu cày... Cũng không há... Này, vào lính lâu chưa?... Mới một niên há... Rồi cậu xem... Chỉ ít lâu nữa là thành tinh ngay thôi... Tớ chưa thấy thằng lính nào chê thuốc Lào... Cả những thằng con các ông kênh ở Hà Nội... Bạch diện thư sinh hần hoi... Gia đình có bìa Tôn Đản, Nhà Thờ hần hoi. Thế mà cũng biết rít thuốc Lào sòng sọc... Cậu trông cũng thư sinh lắm... Hay là... Cậu cũng vào loại con ông kênh.

- Không... tôi không. - An chối đây đây. - Tôi chỉ... chỉ đi phép... tranh thủ...

- Tranh thủ nghỉ phép há... Thế thì tớ biết rồi. Cậu sắp đi B... nay tranh thủ về thăm mẹ đi... Tranh thủ kéo phí cái “mùi đời” chứ gì?

- Không phải. Tôi chưa có vợ.

- Chưa phải là vợ... tức thì là bạn gái... có đúng không nào? Sao mặt lại đỏ bừng bừng lên thế kia?...

- Không... Không phải... - An cố cãi lại anh lính lái xe vui tính và hóm hỉnh. Còn anh tài xế thì cười ha hả.

- Đời lính thời chiến chúng ta, biết sống chết thế nào. Tranh thủ cho biết “mùi đời” đi cũng là phải lẽ. Mà cậu đừng coi thường nhé. Chiếc điếu cày cũng là một thứ “mùi đời” tuyệt vời đấy. Dính vào nó là khó quên.

Anh lái xe nói xong, leo lên cabin, lấy xuống chiếc điếu cày làm bằng một ống tre đã lên nước bóng loáng. Anh cố bắt An hút một điếu thuốc Lào. An chợt thấy quý anh lái xe vui tính, nên hút thử và ho sặc sụa. Đến lúc ấy, họ mới hỏi tên nhau.

- Tôi là An.

- Còn tớ là Mật. Bố tớ ở vùng Phùng chuyên ép mía nấu mật, nên mới đặt tên con thơm ngon như vậy. Thôi nhé! Nếu sau này có gặp nhau ở chiến

trường thì đừng có quên cái tên ngọt ngào ấy. Còn bây giờ, cậu chỉ cần đi bộ khoảng bảy cây số nữa là tới xóm Cây Đa. Trường Y tế chứ gì? Ở đây toàn các cô nàng xinh đẹp. Chúc may mắn.

Quá nửa buổi chiều, An mới tìm đến được Trường Y tế xóm Cây Đa. Trường nằm ở cuối làng, dưới một rặng thông. Vùng này toàn là đồi thông. Những đồi thông xanh mượt nhô lên, ngụp xuống, như những khúc lưng rồng chen lẫn nhau chạy vào vùng núi cao. Thầy bảo cuộc đời giống như cuộc hành hương quanh co. Chẳng bao giờ đi thẳng mà tới đích. Mình mới hơn hai mươi ba tuổi mà đã gặp bao khúc quanh co. Mà chính lúc này, An cũng đang gặp một khúc quanh. Hay thật! Đang là một ông sư ngày đêm tụng kinh gõ mõ. Thoắt một cái đã biến thành một anh bộ đội. Chuyện xảy ra tưởng như trong một giấc mộng lạ lùng, chẳng ai tưởng tượng nổi. An thở dài, dừng suy nghĩ, khi mấy chiếc lán hiện ra trước mặt. Đó là những hội trường lớp học. Học viên học ở ba cái lán hội trường, còn ăn ở thì phân tán ở nhờ trong dân.

Đợi tại lán hành chính đến nửa tiếng, lớp học Y3 mới tan. Phần lớn học viên là con gái. Những cô gái đuôi sam ngoe ngoẩy bên vai, nhìn anh bộ đội trẻ bằng những con mắt xoi mói. Nhìn thoáng thôi rồi quay đi ngay.

ĐỘI GẠO LÊN CHÙA

Nguyễn Xuân Khánh

www.dtv-ebook.com

Chương 3 (Tt):

Cuối cùng, Huệ xuất hiện. Huệ mặc quần đen, áo sơmi xanh lơ, tóc cũng tết đuôi sam nhưng chỉ một dải. Cái đuôi sam dài đến quá lưng. Cái đuôi sam rất óng, rất đen. Các cô gái thường cắt tóc ngang lưng rồi tết thành hai đuôi sam. Tóc Huệ rất mượt, rất dài. Mớ tóc óng ánh sức sống, ai cũng khen. Lúc về chùa ăn giỗ, hình như Huệ búi tóc. Búi tóc tròn to như quả bưởi con treo sau gáy, để lộ ra cái cổ cao trắng ngần. Màu tóc đen nhánh, càng làm cái cổ, cái gáy thêm nõn nà. Huệ tiếc mớ tóc đẹp nên không nỡ cắt ngang lưng.

An nhìn thấy mớ tóc ấy, khi Huệ xây lưng lại phía anh. An nhìn thấy cái gáy nõn nà và nhận ngay ra bạn. Anh gọi:

- Huệ.

Nghe âm thanh, Huệ cũng nhận ngay ra người gọi. Cô quay lại, mắt sáng lên, nhìn anh bộ đội trẻ và kêu lên:

- Anh An.

Tiếng kêu khe khẽ thôi, nhưng âm sắc vui mừng của nó thì không giấu được. Những người bạn gái phát hiện ngay ra cái khác lạ trong tiếng kêu ấy. Họ đổ dồn những con mắt lên chàng bộ đội cao cao gầy gầy, mắt rất sáng và môi rất đỏ. Anh chàng lính đẹp trai đấy chứ. Họ nhìn An rồi lại nhìn Huệ như để đánh giá so sánh. Có chút vui vui nhưng cũng có một thoáng ghen tị thì phải. Họ thì thầm vào tai nhau:

- Con Huệ tầm ngầm thật. Nói với ai cũng bảo em chưa có người yêu. Thế rồi đánh đùng một cái, lại xuất hiện chàng bộ đội này.

An và Huệ sánh đôi đi giữa rừng thông dưới những con mắt tò mò, đôi lúc trầm trồ.

- Đẹp đôi quá đi thôi. Chàng bộ đội rõ xinh mà cái Huệ cũng quá xinh. Con ranh nó giấu người yêu kỹ thế.

Họ đã ra khỏi tầm nhìn của mọi người. Chung quanh họ bây giờ chỉ là rừng thông yên tĩnh. Chiều đang xuống dần. Tiếng một đôi chích choè gọi nhau thiết tha. Từ sườn đồi nhìn xuống thung lũng thấp bên cạnh, một đàn chim bay chập chờn thành những đường cầu vồng loang loáng trong nắng nhạt. Từ lúc gặp nhau, Huệ thỉnh thoảng lại nhìn An và mỉm mỉm. Họ cứ im lặng mãi. Huệ là người đầu tiên phá sự im lặng ấy:

- Trông anh An lạ hẳn đi.

-Lạ?

- Đến cả em, lúc đầu cũng ngỡ ra. Trông vừa quen, vừa lạ.

- Thế nghĩa là làm sao?

- Cái đầu lạ chứ sao. Lúc mới gặp, anh lật chiếc mũ tai bèo ra sau lưng. Mớ tóc bị gió thổi hất ngược ra sau gáy...

- Thì ra là mớ tóc. - An bùi ngùi nói - Thực ra chẳng bao giờ tôi soi gương. Cũng chẳng hiểu trông nó ra sao nữa.

- Nó đẹp An ạ... Em mừng đấy.

- Sao lại mừng?

- Anh có nhớ hôm ở chùa, em nói em sợ cho anh. Em sợ khi ra môi trường mới, anh không hòa được với mọi người.

Huệ vừa nói vừa tìm lời. Cô sợ những chữ có thể làm cho An suy nghĩ. Còn An, từ khi gặp lại Huệ, không hiểu vì sao anh bỗng thấy yên tâm và tin cậy. Y như hồi hai đứa còn đi học. An có cảm giác sự tin cậy ấy bị gián đoạn mất mười năm, song nó vẫn toàn vẹn, không hề suy suyển. Ý nghĩ ấy có thể là ngô nghê, song trực giác mách bảo anh như vậy. Và có lẽ Huệ cũng cảm nghĩ như An. Anh tin như thế. Người ta bảo đó là tình bạn thuần túy hay một thứ tình cảm gì khác nữa... An không cần biết. Chỉ có điều là tình cảm ấy cho phép anh có thể bộc lộ hết những điều anh giấu kín trong lòng. Bởi vì anh là người tư lự, người cô đơn. Mà giống người này thì rất thèm, rất ao ước có một người tri kỷ. Và thế là anh nói:

- Huệ ạ, cô có biết tại sao người tu hành, khi vào chùa lại cắt bỏ mớ tóc đi không. Các cụ theo đạo Nho bảo rằng mớ tóc ấy là phần thân thể của cha mẹ để lại cho ta. Nếu ta có hiếu thì phải biết trân trọng giữ gìn nó, không được hủy hoại nó. Nhưng đi tu tức là xuất thế gian. Lúc này tâm hồn thể xác ta đều thuộc về Đạo. Ta đành giã từ gia đình, để lại phần thể tục ấy sau lưng. Bộ tóc còn là phần trang điểm cho người nam, người nữ. Ta cũng đành phải từ bỏ cái phần đẹp để diễm lệ ấy. Nó còn là một biểu tượng, luôn nhắc nhở ta hàng ngày hàng giờ, nhắc ta những giới luật, nhắc ta phải vững bước luôn đặt chân trên con đường chánh đạo...

An dừng nói một lát, như để sắp xếp lại ý nghĩ rồi mới tiếp:

- Tôi đã hứa với thầy tôi rồi. Nhưng cuối cùng mình cũng phải để tóc lại.

- Cũng phải thôi - Huệ nhẹ nhàng bảo - sống thế tục ta phải hòa cùng thế tục. Sao An cứ phải nghĩ đến chuyện đó nhiều như vậy.

- Huệ có biết không, mấy tháng đầu ở bộ đội, tôi cũng nghĩ đơn giản. Nhưng sau mới biết, cái đầu trọc của mình như một sự đánh dấu. Đánh dấu rằng mình là một kẻ khác, một kẻ ngoại lai. Lẽ dĩ nhiên, một kẻ khác nhập vào bầy sẽ bị xua đuổi. Sao thế nhỉ? Một người tử tế là phải chấp nhận

được những kẻ khác mình. Thế nhưng hầu như chẳng bao giờ những kẻ khác được yên dưới con mắt mọi người. Họ chẳng làm gì nên tội nhưng lại bị coi như một tội nhân. Người ta chế giễu cái đầu trọc của mình. Người ta gán cho mình những biệt danh nào sư hổ mang ư, sư phá giới ư. Rồi những trò tinh nghịch quậy phá cho đến lúc mình phải để tóc mới thôi.

- Bởi vậy, khi xưa em mới nói là lo cho anh. Anh sợ phải không?

- Đúng là sợ. Tôi chẳng ngờ, ra thế tục lại phiền nhiễu thế.

- Có oán hận không?

- Được cái là không oán hận.

- Thế thì mừng rồi. Đỡ lo cho anh rồi... Mấy lại anh thử soi gương mà xem. Cũng được đây chứ... Em nói là anh để tóc rất đẹp... Rất hiền hòa...

Lúc ấy hai người ngồi dưới một gốc thông. Huệ nói, và chỉ với giọng nói thôi, nó đã an ủi An rất nhiều. Giọng nói của Huệ rất đặc biệt. Thứ giọng nói trong cổ họng. Nó không to. Nó mềm mại. Như nhung vậy. Nói một câu rồi lại khúc khích. Khúc khích và thủ thỉ. Thứ giọng nói không dùng nhiều chữ. Thứ giọng nói an ủi bằng cách kiệm lời, có thể nói vô ngôn.

Đến chiều, Huệ đưa An về nhà bà cụ mà cô ở trọ. Huệ nói:

- Hôm nay em cắt cơm tập thể. Em sẽ nấu cơm cho anh ăn. Đây là nhà mẹ nuôi của em. Gia đình liệt sĩ. Cụ ở một mình Chủ nhật em vẫn ăn với cụ. Chả phiền phức gì đâu. Em đãi anh những món ăn ngày xưa mà mẹ em vẫn cho chúng mình ăn.

- Món gì?

- Trạch và búp khoai sọ kho tương. Có thích không?

- Thích. Gì nữa?

- Cà bát muối xối chấm tiêu ớt. Thích không?

- Thích... Nhưng hình như còn thiếu... một món tôi thích nhất.

Huệ ở người ra, nhưng rồi à một tiếng:

- Gớm! Nhưng mà làm nũng quá đấy. Được rồi! Có cả món ấy.

Huệ nói xong chợt cảm thấy như mình quá lời. Cô đỏ bừng mặt lên. Thực ra, cái món mà An khẩn khoản yêu cầu có là cao lương mỹ vị gì đâu. Chỉ là món cơm nắm. Ngày xưa An vẫn thích ngồi xem Huệ nắm cơm. Một vuông vải phin trắng tinh. Một chậu thau đồng nước mưa. Đôi bàn tay búp măng xinh xinh hồng hào. Cơm vừa chín tới xối ra. Huệ nắm cơm trên chiếc mâm đồng ngoài hè. Nắm cơm được nhào nắm, lăn tròn rồi mở ra đặt trên hai chiếc đĩa ngáng trên chiếc bát lớn. Để đến khi nguội mới cắt ra thành những lát mỏng hình bầu dục. Những lát cơm mịn màng rất nhuyễn ấy chấm với muối vừng thật tuyệt.

Những lát cơm nắm ấy ngon, hay những ngón tay hồng hào búp măng kia tạo ra cái ngon, hay những kỷ niệm xa lắc xa lơ ấy cũng ngon, nào ai biết được!

Trong bữa cơm, Huệ nhìn An ăn cơm nắm tốp tếp ngon lành, cô cứ mỉm mỉm cười và bảo:

- Em còn nắm thêm một nắm để dành cho mai anh mang đi. À, mà sáng mai em không tiễn anh được đâu.

- Sao thế?

- Vì sáng mai có buổi học về kỹ thuật phẫu thuật bụng. Em không thể bỏ được.

Câu chuyện cắt ngang bỗng làm cho bữa cơm vui chợt chùng xuống. Bà cụ chủ nhà cười móm mém nói một câu băng quơ.

- Ôi chao! Con gái tôi năm cơm khéo quá. Ai mà sau này lấy được con gái tôi, chắc là đưa phải tu đến chín kiếp.

Buổi tối, bà cụ chủ nhà trải chiếu ra hè ngồi nói chuyện với An, Huệ. Khoảng chín giờ thì bà cụ cáo từ vào buồng nằm.

Hai người bạn ngồi yên trong đêm tĩnh lặng. Cái tĩnh lặng sâu hun hút. Trời lặng gió nên không cả tiếng lá thông reo.

Im lặng rợn người, hầu như tuyệt đối. Sao lại có những phút trời đất lạ kỳ đến vậy. An nghe rõ cả tiếng thở của Huệ. Hình như trời đất muốn thổ lộ một điều gì đó mà không nói ra lời. Lúc ấy trời đất còn chìm trong bóng tối nhờ nhờ...

Rồi bỗng nhiên có một tiếng đế cất lên ở gần đấy. Ở quả đồi bên cạnh lại có một tiếng đế thứ hai đáp lại. Tiếp theo đó ran ran tiếng đế. Có thể có hàng vạn, hàng triệu triệu ỨC ỨC con đế ở khắp núi đồi chung quanh cất lên. Theo sau đó là tiếng ve ở những ngọn thông. Đế và ve hợp ca thành một bản hòa tấu ngút trời.

Huệ và An im lặng ngồi nghe khúc nhạc bí ẩn của trời đất trong bóng đêm nhập nhoạng. Trời sáng dần lên. Họ quay sang nhìn nhau. Đã rõ những nét mặt. Huệ cười. Hàm răng bắt ánh trăng sáng lóa. Thì ra trăng đã mọc tự lúc nào không hay. Cái cảnh họ vừa trải qua là siêu không gian, thời gian. Có lẽ một cảnh từ thời hồng hoang.

Một tiếng động chợt vang lên kéo họ trở về hiện tại. Tiếng phản lực ì ì lẫn khuấy trên bầu trời đầy mây mù màu sữa. Một tốp phản lực Mỹ bay qua bầu trời họ ở, bay tới vùng xa xa, có lẽ là vùng Hà Nội.

Tiếng phản lực dứt, nhưng núi đồi thì vẫn mơ màng. Còn hai người thì đã hoàn toàn bình tĩnh. Nhất là khi phía bên hàng xóm có tiếng trẻ con khóc. Người mẹ ru hời nhưng thằng bé không nín. Nó cứ ra rả như tiếng một con mèo. Bà cụ trong buồng đập chiếc quạt mo. - Khốn khổ! Thằng bé khóc dạ đề đấy mà. Bảo cúng giải vía cho nó mà chị ấy chẳng làm. Để thằng bé khóc rạc cả hơi.

Ở ngoài hiên, Huệ và An lại thầm thì chuyển sang câu chuyện khóc dạ đề. Huệ giải thích:

- Dạ là đêm. Đề là kêu khóc. Khóc dạ đề là bệnh khóc của trẻ nhỏ sơ sinh. Nó ra khỏi bụng mẹ. Chưa phân biệt nổi giữa đêm và ngày. Nó chưa thích ứng kịp với hoàn cảnh mới, nên nó khóc.

- Có thuốc gì chữa khỏi không?

- Không. Ngày xưa ngày xưa, chúa Trịnh Cương cũng khóc dạ đề. Làm thế nào cũng không khỏi. Ai bế cũng khóc. Chỉ có bà dì ruột làm vú nuôi bế, nhà chúa mới chịu nín.

- Câu chuyện nghe hay nhỉ - An nói, rồi búi ngủi - Này, Huệ có biết không, ngày xưa, lúc mới sinh, mình cũng khóc dạ đề. Mẹ thì ốm liệt giường không sữa. Bố thì vụng về, lóng ngóng. Chỉ có mình chị Nguyệt ôm mình. Một giờ đêm bắt đầu khóc. Rồi khóc ròn cho đến sáng. Chị Nguyệt ôm mình đi vòng tròn quanh sân. Rồi cả chị, cả em đều mệt quá. Có sáng bố mình tìm thấy hai chị em ngủ gục ở chân đồng rơm. Tiết thu lạnh. Chị mình kéo rơm làm chăn, phủ lên hai chị em chỉ thò ra đôi bàn chân.

- Thế khóc mấy tháng?

- Ba tháng ròn rã mới khỏi. Lạ một điều, càng khóc càng lớn...

- Mình ngẫm nghĩ mãi chuyện ấy cũng thấy thật lạ. Trẻ con nào chào đời chả cất tiếng khóc. Song chỉ khóc một lúc thì thôi. Đẳng này khóc luôn

cho ba tháng.

- Chả trách.

- Chả trách là sao?

- Anh An đúng là đứa trẻ khóc dạ đề. Thế này nhé... Người ta bảo đứa trẻ khóc dạ đề sau này lớn lên dễ trở thành người nóng nảy cáu bẳn... Đây là trường hợp người nuôi nó không chịu đựng được liên đản dỗi quát mắng nó, bỏ mặc nó, hay có khi ngược đãi nó. Đừng tưởng trẻ sơ sinh không biết gì đâu. Nó cũng tủi thân cũng giận hờn. Chỉ có điều nó nén trong lòng để về sau lớn lên mới bật ra.

- Còn trường hợp người nuôi nấng nâng niu nó, âu yếm, khóc lóc mà dỗ dành nó thì sao?

- Trường hợp chị Nguyệt đã nuôi anh chứ gì. Trường hợp ấy khi trẻ lớn lên, nó không hung bạo, và sẽ hiền lành, nhạy cảm, dễ xúc động và...

- Và gì?

Huệ bỗng đột ngột đứng lên. Trăng chiếu vào mắt cô long lanh. Cô bảo “Thôi em về đây” rồi lặng lẽ ra ngõ. An chạy theo:

- Và gì nữa?

Huệ đứng lại cười :

- Và chắc chắn đứa trẻ ấy hay làm nũng. Có đúng không nào?

An đã đuổi kịp. Anh nắm lấy hai tay Huệ. Một cử chỉ mạnh bạo chưa từng xảy ra với An. Anh chợt thấy tay mình run lên. Còn Huệ thì dịu dàng bảo:

- Anh vào ngủ đi mai còn đi sớm. Nhớ mang cơm năm em đã để ở rá. Có lẽ em chả tiễn được anh. Sáng mai, chúng em cũng phải đi thật sớm đến thực tập ở bệnh viện A. Nhớ những điều em dặn. Mai rồi sẽ gặp nhau.

An chẳng biết Huệ đã dặn mình những điều gì, nhưng anh cũng gật đầu. An còn run lên hơn nữa khi Huệ kiễng chân lên rồi hôn nhẹ vào má anh. Tối hôm ấy, An không ngủ một phút nào. Anh nằm thao thức nghe đứa trẻ nhà bên khóc dạ đề.

* * *

Hành trình về phép của Tiến hoàn toàn ngược hướng với An. An đi về vùng yên tĩnh trung du, nơi người ta sơ tán. Còn Tiến, anh đi vào vùng máy bay Mỹ thường xuyên bắn phá. Hơn năm mươi cây số đường đất. Thời gian nghỉ phép hai ngày rưỡi. Nếu tích cực cuộc bộ và thông đồng bén giọt thì ít nhất đi phải một ngày mà về cũng phải mất một ngày cật lực. May mắn thay, nhà ông chính trị viên đại đội ở gần đấy, ông cảm thông và thương tình Tiến, liền cho mượn chiếc xe đạp.

Tiến mừng rơn sửa soạn hành lý lên đường ngay. Xe của chính trị viên là xe phượng hoàng nam, luôn được chủ nhân nó lau chùi chăm sóc dầu mỡ nên đi rất bon. Mặc dù ngược gió, nhưng Tiến rạp mình cầm cổ đạp nên tốc độ vẫn khá nhanh. Đoạn đường rất yên ắng không có tiếng máy bay Mỹ, trời lại mát mẻ nên Tiến phải cố sức tranh thủ đạp. Anh tính, với tốc độ này chỉ xế trưa là đã về đến nhà. Khoảng mười giờ, mặt trời đã lên cao, Tiến sắp ra đến đường số Một. Đến đây tình hình đã hoàn toàn khác hẳn. Đã nghe thấy tiếng bom nổ ình ình xa xa. Đã nghe tiếng phản lực ù ù bay trên đầu. Đã trông thấy những chiếc Thần Sấm, Con Ma bắt nắng trắng xóa trên bầu trời. Tốp máy bay Mỹ đang bay ngay phía trước mặt, dọc theo bờ biển. Tiến nhìn lũ máy bay thầm nghĩ: chúng nó vừa bay qua trên đầu làng mình đấy.

Quê Tiến ở làng An Hải, một làng ven biển. Dân sống nửa bằng nghề biển, nửa bằng nghề nông và một phần nhỏ bằng nghề buôn bán vật. Gia đình nhà nội xưa kia chỉ có hơn hai mươi mẫu ruộng đã được xếp vào loại cự phú. Sau cải cách ruộng đất, tuy thành phần địa chủ, bà Tư và Tiến cũng được chia bảy sào ruộng. Ruộng vùng này pha cát không màu mỡ, nhưng nhờ bà Tư chăm chỉ bới đất nhặt cỏ nên hai mẹ con cũng đủ bát ăn. Năm Tiến học lớp 10, bà Tư bảo:

- Mẹ phải lo vợ cho mày thôi Tiến ạ. Mẹ già rồi. Nhà chỉ có hai mẹ con, vắng tiếng trẻ con, mẹ buồn lắm.

- Mẹ chỉ lắm cẩm. Con mới mười chín lại đang đi học, lấy vợ sao được.

- Mẹ nghĩ thế này. Mình thành phần địa chủ, con có học xong lớp 10, mà có học giỏi chẳng nữa, thì phần vào đại học cũng chẳng bao giờ đến lượt mình. Chi bằng con lấy vợ là hơn. An phận làm ruộng, có vợ có chồng, biết bảo ban nhau chí thú làm ăn thì cũng có thể may ra mở mày mở mặt được con ạ.

- Con sẽ đi bộ đội. - Tiến đáp.

- Chắc gì người ta nhận con cái địa chủ.

Nhưng xã bảo rằng con thành phần không rõ ràng chứ có phải địa chủ đâu.

- Ôi dào! Sao mà con hão huyền! Người ta nói thế là để an ủi mình thôi. Chứ thành phần không rõ ràng và địa chủ có khác gì nhau. Cũng là thứ thành phần cải tạo cả thôi. Đấy con thử nghĩ mà xem, con học lớp 10 hần hoi, mặt mũi lại sáng sủa hần hoi, thế mà có đứa con gái nào ở làng này đến chơi nhà ta đâu. Họ ngại dây với địa chủ đấy con ạ. Lại thử nhìn thẳng Huy con ông phó chủ tịch thì rõ. Nó thua con đứt đuôi. Học thì dốt. Người

thì bé loắt choắt như cái kẹo. Nó bằng tuổi con đấy. Thế mà tháng mười này nó cưới cái Cúc đấy. Cái Cúc xinh nhất làng.

Bà Tư nói đến Cúc làm Tiến thấy nhoi nhói trong lòng. Tiến để ý đến Cúc và Cúc cũng có chút cảm tình với Tiến. Thế mà Cúc lại sắp lấy Huy. Tiến ngẫm nghĩ mấy hôm, dần dần thấy mẹ Tư nói cũng có lý. Đúng là các cô gái trong làng có ý lảng tránh anh thật. Sao thế nhỉ? Mà nghĩ cho cùng, cũng phải thôi. Người ta phải tìm đến những chốn đỏ như miếng vông, đông như miếng tiết, chứ đại gì lại tìm đến những người thất thế như mình. Làm sao trách được người ta. Lúc ấy, bà Tư lại thủ thỉ với con:

- Đừng có lo. Mẹ tính cả rồi. Làm tài trai phải tìm cách đổi đời mình đi là đúng. Con vào bộ đội cũng là con đường tìm cách đổi đời. Thì con cứ đi, mẹ đâu có ngăn cản. Song, lấy vợ cũng là một cách đổi đời. Có người đàn bà bầu bạn, đàn ông mới thành ra đàn ông, con ạ. Mẹ đã quyết: Con lấy vợ trước, rồi đi bộ đội sau. Mẹ cam đoan, vợ con đẹp hơn cái Cúc.

Tết năm ấy, bà Tư dẫn con trai về quê mình tận Nam Định. Cuộc về ăn Tết quê ngoại ấy cũng là cuộc đi hỏi vợ cho Tiến. Bà Tư có người em con ông chú. Ông này là người lanh lợi, làm ăn rất táo bạo. Ông lăn lộn làm nghề buôn bè chẳng may bị thua lỗ sạt nghiệp. Lúc ấy vào thời Tây cai trị. Bà Tư dành dụm được ít tiền, liền dốc cả ra cho ông em vay. Ông này xoay ra buôn muối, rồi có lúc làm nghề mở lò ấp trứng vịt. Nhờ thế, ông xây dựng lại được cơ đồ. Hồi cải cách ruộng đất, vì ông không tậu ruộng nên lúc đầu không bị quy địa chủ. Ở quê, ông nhiều nhà, nhiều tiền nên người ta phải tìm hết cách để nâng thành phần ông lên. Người ta phát hiện ra có lúc ông đem tiền cho vay. Người ta bèn quy định ông vào thành phần bóc lột khác, về sau, lại phát hiện thêm ông mua cho người em hai mẫu ruộng, liền quy cho ông việc phân tán tài sản, nên cuối cùng ông là địa chủ cho vay nặng lãi. Mục đích cuối cùng là tịch thu toàn bộ tài sản.

Cho nên hai ông bà bị bao vây suýt chết đói. Người con gái lớn là người con hiếu thảo. May cho cô, gia đình nhà chồng cô là gia đình một

ông giáo, không bị dính líu cái cách ruộng đất. Cô chưa có con. Cô liền lạy sống bố mẹ chồng.

- Xin thầy mẹ thương gia đình con chẳng may gặp đại nạn. Con về làm dâu con thầy mẹ từ xưa đến nay chẳng có điều tiếng gì. Với chồng, con cũng một lòng kính yêu. Nhưng vận bất đắc dĩ, con phải cúi lạy, xin thầy mẹ cho con được ly dị với chồng, để về nhà báo hiếu. Thầy mẹ chẳng cho thì thầy u con, các em con sẽ đành chết đói. Thật là vận bất đắc dĩ nhưng con chẳng làm sao khác được... Ra đi thế này, con đứt từng khúc ruột. Con thương chồng con lắm chứ, song chẳng lẽ để cha mẹ con chết đói. Dù sao, chồng con cũng vẫn còn trẻ. Con mong anh ấy lấy được người đàn bà khác tốt hơn con để phụng dưỡng thầy mẹ và con đàn cháu lũ.

Ông bà giáo cũng phải rút nước mắt thương và tiếc người con dâu hiếu nghĩa có một không hai trên đời, và đành lòng thuận tình cho chị dứt áo về nhà cha mẹ đẻ.

Người chị cả ấy tên là Hường, ba đứa em là Lan, Tâm và Mai. Nhờ có cô Hường mang thúng gạo về nhà nên cha mẹ không chết đói. Sau đó, tình hình yên ả trở lại, Hường cũng không quay về nhà chồng nữa. Bởi vì tài sản thì hết, hai ông bà sau đận ấy lại ốm đau hết sức lao động. Hường đành tự hy sinh hạnh phúc riêng, lăn lóc đầu hôm sớm mai chợ búa, tần tảo nuôi cha mẹ và đàn em để chờ thời gầy dựng lại cho gia đình. Lan lớn lên xinh đẹp, Hường mỗi lái gả em cho một người ở Hà Nội. Cậu Tâm học hết lớp 10, Hường cũng cho ra Hà Nội học nghề, theo con đường vào xưởng máy. Còn cô út Mai xinh đẹp nhất nhà, lại rất tháo vát. Học xong lớp 7, Mai nhất định không đi học nữa, xin theo chị làm nghề buôn bán. Mai lanh lợi quá làm Hường thấy sợ. Cô chị rất lo cho tương lai cô út. Đúng lúc ấy, thì bà Tư về quê, đến nhà xin cái Mai cho thằng Tiến. Hường lưỡng lự hỏi bố mẹ:

- Thầy u ạ. Nhà mình địa chủ. Nhà bác ấy cũng địa chủ. Không biết về sau có ảnh hưởng gì đến em con không?

Ông cụ chưa kịp trả lời, Mai đã bảo:

- Nhà mình càn vàng lá ngọc gì mà chị nói thế. Con địa chủ lấy con địa chủ, thế chẳng môn đăng hộ đối sao. - Nói xong Mai cười.

Ông cụ xem chừng con gái ưng thuận bèn nói thêm vào:

- Thằng Tiến trông hiền lành, lại sáng sủa. Nó hơn con Mai một tuổi, học hơn con Mai ba lớp. Thầy xem thế là tốt. Vả lại nhà mình chịu ơn nhà bác Tư rất lớn. Cũng nhân dịp này, bố mong trả lại cái ơn xưa. Mà xem chừng cái Mai cũng bằng lòng rồi. Mai nhà ta làm mâm cơm cúng các cụ, thầy sẽ kính cáo gia tiên cho chúng nó thành vợ thành chồng. Thế là xong. Nhà ta là địa chủ cũng chẳng nên bày vẽ làm gì cho phiền...

Đám cưới thật quá đơn giản, về đến nhà, bà Tư cũng làm một mâm cơm kính cáo tổ tiên bên nội. Hôm ấy, mâm cỗ tuy gọi là cỗ cưới nhưng đạm bạc thôi. Một bát canh bí, một cái chân giò luộc thái mỏng, một đĩa trứng trắng.

Tiến còn đang mơ màng về đám cưới của mình, thì bỗng có tiếng người quát âm âm:

- Này, cái anh bộ đội kia! Hồn vía để đâu rồi? Điếc há? Không nghe thấy tiếng máy bay nó lượn trên đầu hay sao?

Một tiếng nói khác ra lệnh, chỉ dẫn:

- Xuống xe mau! Vứt xe đấy! Chạy thật nhanh xa khỏi vệ đường. Coi chừng: Bà già nó sắp bắn đấy.

Tiến mãi nghĩ như đang mơ ngủ, chợt bừng tỉnh. Thì ra anh đang đi trên con đường thiên lý. Lúc này anh mới nhận ra trên đầu mình một chiếc cánh bằng đang bay dọc theo con đường quốc lộ. Tiến vội vã nhảy xuống, quẳng chiếc xe nằm trên mặt đường rồi cầm cổ chạy ra xa xuống ruộng.

Chạy xa chừng hai trăm mét, anh nằm xuống, nấp sau một bờ ruộng cao. Ở đây đã có người trú ẩn. Một người đàn ông theo dõi đường bay của chiếc phi cơ. Ông ta bảo:

- Ở đây khác ngoài Bắc. Ở ngoài ấy có đủ loại súng canh giữ bầu trời, nhất là ở thành phố và quanh thành phố. Tầng thấp đã có súng trường, tầng cao hơn có súng máy, cao hơn nữa là cao xạ pháo, ở tít trên mây thì có tên lửa. Tầng tầng lớp lớp như vậy thành thử máy bay Mỹ phải rất dè dặt... Còn ở đây ư? Súng phải tập trung ở các khu vực trọng điểm. Còn ở các vùng bình thường, ta phải đánh chúng theo kiểu du kích. Biết vậy, nên ở đây chúng rất ngang nhiên. Chúng dùng cả những chiếc cánh bằng chậm chạp để tấn công ta... Kìa kìa! Chiếc bà già đang lượn đấy. Vòng này thì chúng sẽ bắn. Chúng dùng súng máy bắn vãi đạn xuống hai bên vệ đường. Chả là chúng biết ta hay đào hố cá nhân ở hai bên đường...

Người đàn ông hay chuyện vừa nói dứt thì tiếng súng từ chiếc máy bay vang lên. Đúng như lời ông ta nói, khẩu liên thanh vãi đạn xuống bên lề con đường nhựa. Hai người rạp đầu xuống khi chiếc máy bay lướt qua. Chẳng biết trên máy bay họ có nhìn thấy Tiến và ông bạn đường không, chứ Tiến thì nhìn thấy rõ cả tên phi công cầm lái. Có lẽ chúng có thể nhìn thấy khi tới gần, nhưng chưa kịp chuyển hướng bắn nên hai người chẳng hề gì. Khi chiếc phi cơ vừa bay khỏi, Tiến và ông bạn đường nhóm cả dậy và di chuyển tiếp, tránh xa khỏi con đường. Hai người tranh thủ chạy khi chiếc máy bay lượn vòng. Nhất định nó sẽ bắn phá lần thứ hai. Quả nhiên như vậy. Lần thứ hai, chiếc cánh bằng dùng súng máy bắn hơi xa con đường một chút. Nhưng họ đâu còn ở chỗ cũ nữa.

Khi chiếc máy bay mất hút ra phía biển, Tiến lại lên đường. Anh đã đi được gần nửa đường. Người đàn ông hay chuyện cũng đi xe đạp cùng đường với anh. Ông ta tỏ ra thông thuộc vùng này. Đoạn đường có cây ven đường. Bóng cây vừa che nắng vừa ngụ ý trang cho khách bộ hành, thành

thứ hai người đạp xe rất ung dung. Đến cuối đoạn đường có bóng mát, người bạn đường vui tính bảo Tiến dừng lại nghỉ và giải thích:

- Ta phải dừng chân ở đây, chờ đến chiều. Trước mặt chúng ta là đoạn đường nguy hiểm. Giờ này máy bay Mỹ hoạt động mạnh. Tuy nhiên, đến chiều chúng sẽ ngừng nghỉ. Có lẽ phi công Mỹ ở ngoài hạm đội làm việc theo giờ hành chính.

Tiến ngồi dưới bóng một cây xà cừ rậm rạp, ăn cơm nắm và đưa mắt nhìn ra quãng đường phía trước. Quãng đường trơn trượt không một bóng cây. Gọi là một con đê, hay một con đập thì đúng hơn. Con đê vắt ngang một thung lũng khá rộng. Xưa kia chắc nơi đây mọc đầy lau lách nay đã biến thành ruộng trũng. Khoảng giữa thân đê người ta xây hai cái cống để giữ và thoát nước, cống khá to và dài nên dân vẫn gọi là cầu xi măng. Quãng đường này nguy hiểm vì không có cây che. Đường thì rộng, đủ tiêu chuẩn, nhưng hai bên lề đường lại hẹp. Ra khỏi lề đường là triền đường và ruộng sâu cách mặt đường đến hai mét. Đoạn đường ấy lại dài hơn một cây số. Vậy giả thử khi đi tới nửa đường ta gặp máy bay thì sao? Nhảy xuống về đường thì rơi xuống ruộng sâu. Đi thẳng theo đường thì làm mục tiêu cho súng đạn. Quân Mỹ nắm được địa hình nên vẫn cho máy bay cánh bằng khống chế đoạn đường này. Rồi, những máy bay phản lực đi ném bom những mục tiêu nằm sâu trong đất liền, khi trở về hạm đội, qua đây, thừa bom liền trút xuống cái cống xi măng. Vì mục tiêu không đáng kể, lại có rặng núi che khuất tầm ngắm, nên phi công Mỹ không chúc xuống mà cứ thả bom từ tầm cao cho nên bom không trúng mục tiêu mà phần lớn rơi xuống cánh đồng trũng, được nhân dân đặt tên là cánh đồng túi bom. Thực ra, để tránh đoạn đường nguy hiểm này, xe tải của ta vẫn đi theo một con đường vòng khác, chỗ rẽ ở cách đây rất xa. Tuy có con đường vòng, nhưng về thực chất, đêm đêm vẫn có xe của ta đi về phía Nam qua con đường này. Việc ấy không lọt được qua mắt bọn Mỹ. Người Mỹ đã tính toán và quân ta cũng tính toán.

Bề ngoài quân Mỹ vẫn tỏ ra bình thường. Nghĩa là họ vẫn hoạt động theo phong cách hành chính. Sáng thì cho một chiếc cánh bằng lượn lò, có lúc chiếc cánh bằng là sát ngọn tre để mấy chú chó sợ hết hồn, chạy bán sống bán chết vừa chạy vừa kêu ăng ăng. Có lúc cánh bằng lại lia vu vơ mấy loạt đạn xuống vệ đường khiến cho quãng đường trở nên vắng tanh vắng ngắt, khiến cho dân trong vùng phải ra đồng ban đêm và khiến cho những khách đi đường phải nôn nao đợi chờ trong tức giận. Rồi, cuộc đụng đầu mà mọi người biết chắc chắn sẽ xảy ra, đã xảy ra. Bằng một nguồn tin quân sự nào đó, quân ta biết ý đồ của địch, nên đã cho một đại đội cao xạ pháo về bí mật lập trận địa ở một đầu đoạn đường.

Mười giờ sáng ngày 25 tháng trước, trên bầu trời bỗng đột ngột xuất hiện những máy bay Thần Sấm, Con Ma của Mỹ. Lần này chúng không thả bom từ trên cao mà bổ nhào rồi mới trút bom. Quân Mỹ tưởng nắm được yếu tố bất ngờ sẽ không bị hao tổn gì... Nào ngờ, ở dưới đất một lưới lửa đủ các tầng dày đặc đan lên trời. Hết tốp phản lực này đến tốp khác lao tới. Bom đạn vang lên. Đất rung chuyển. Khói lửa từ những căn nhà cháy cuộn lên trời ngùn ngụt. Chim chóc muông thú bạt hồn kinh vía. Nhân dân không hề gì vì được lệnh đã đi sơ tán hết. Kết quả cái cống xi măng bị sạt một nửa. Con đê bị ba hố bom. Bên Mỹ bị hạ hai máy bay. Một cái rơi tại chỗ. Một chiếc rơi xuống biển. Bên ta hai tử sĩ, ba thương binh. Hôm sau máy bay Mỹ lại tới, mục tiêu của họ lần này là tiêu diệt trận địa pháo. Tuy nhiên, quân ta đã di chuyển. Máy bay Mỹ chỉ bắn được những trận địa giả, trận địa nghi binh.

Cuối cùng quân Mỹ cũng phá được chiếc cống. Bây giờ xe tải không qua đây được nữa. Còn người đi bộ và xe đạp qua đây thì phải leo lên leo xuống và giẫm lên những tảng xi măng, những tấm ván bấp bênh. Còn chiếc máy bay cánh bằng thì vẫn không quên nhiệm vụ tuần tra. Có hôm một lần, có hôm hai, ba lần, chiếc cánh bằng vẫn cần mẫn bay lượn hàng ngày.

Chẳng lẽ nó bay như vậy chỉ để dọa khách bộ hành thôi ư? Chẳng lẽ nhiệm vụ quân sự của nó chỉ đơn giản là vậy. Tiến trải ni lông nằm dưới gốc xà cừ, chờ đợi và tức giận. Thời gian sao mà chậm. Mà ai có thể hiểu, đối với Tiến thời gian quý biết chừng nào. Tiến cởi áo sơ mi trùm lên đầu cố tranh thủ ngủ. Anh thầm tính toán: ‘Chắc đêm nay mình không ngủ được. Tình hình này, chắc ngày mai lại phải đạp suốt ngày để trở về. Thôi, Tiến ơi! Hãy cố. tranh thủ mà ngủ để lấy sức’. Tiến tự nhủ, tự dỗ dành mình như vậy.

Chiếc máy bay bà già không ngó ngang gì tới đoạn đường có cây che phủ. Lúc này nó chỉ bay lượn ngó nghiêng tới quãng đường trống trải, vắng tanh của chiếc cầu. Nó cũng chẳng bắn nữa. Bởi vì làm gì có sinh vật nào xuất hiện ở đây mà bắn. Lúc này Tiến có trông thấy một con bò vàng trên một quả đồi tí xa. Lúc này con bò cũng biến đâu mất rồi. Có lẽ tiếng súng khi này đã báo động cho chú mục đồng dắt bò tránh đi rồi chẳng? Nhìn ra con đường vắng ngắt trước mặt bây giờ, Tiến chỉ còn thấy nắng đổ lửa xuống mặt đường. Không khí bị nung biến thành một tấm kính trong suốt, dày đặc. Tấm kính ấy hình như nhò nhò, hình như chuyển động. Nó rung rinh, chập chờn. Chiếc máy bay cánh bằng đột nhiên biến đâu mất. Bây giờ lại thêm cái im lặng. Im lặng cộng thêm cái nóng nung người làm Tiến cảm thấy ngọt ngọt vì bức. Tiến bảo người đồng hành:

- Yên thế này! Hay ta lên đường.

- Đừng tưởng yên. Coi chừng đấy.

Tiến nhìn lên bầu trời cao vút không một đám mây. Chợt có tiếng ì ì ở xa. Người bạn cười và nói: “Thấy chưa”. Tiến nhìn về phía tiếng động. Trên bầu trời đã thấy xuất hiện một tốp phản lực. Chúng bay về phía hai người. Rồi tiếng máy bay âm âm. Tiếp theo đó Tiến nhìn thấy chúng cắt bom. Một hai... bốn năm. Trông thấy rõ năm quả bom lao xuống. Người đồng hành vui tính chăm chú rồi nói:

- Trượt! Trượt ráo! Chúng rơi cả xuống cánh đồng túi bom.

Tốp phản lực nhanh chóng xuất hiện, rồi lại nhanh chóng biến đi về phía biển khơi. Lập tức, Tiến hiểu ngay rằng không thể nôn nóng, anh lặng lẽ trải chiếc ni lông ra đất rồi nằm xuống, đẩy chiếc mũ lên mặt.

Tiến nằm nghĩ vợ vẫn. Hình ảnh Mai, người vợ trẻ lập tức hiện về trong tâm tưởng ... Mai là một cô gái rất hồn nhiên và rất ý chí. Hôm đầu tiên ngủ ở nhà chồng, cô bảo Tiến:

- Anh đừng mơ tưởng hão về chuyện thành phần. Đừng có tự ru ngủ rằng mình một ngày nào đó sẽ được đổi thành phần. Phải xác định thành phần không rõ ràng của anh tức là thành phần địa chủ.

- Thì anh cũng có hy vọng gì đâu?

- Sự thực anh vẫn hão huyền. Cứ cho là mình ở hoàn cảnh xấu thậm tệ đi. Có như thế mới tiến lên được. Em nghĩ con địa chủ lấy con địa chủ, điều ấy quá tốt. Cả anh và em đều cao ráo sáng sủa, lại có chút học vấn. Chẳng hề đui què mẽ sứt, chẳng hề tí chút đần độn. Vậy thì có gì vợ chồng mình chẳng khấm khá lên. Hà có gì vợ chồng mình không được hạnh phúc. - Cô vợ trẻ của Tiến càng nói càng có lý. Trước kia, Tiến âm thầm chịu đựng một mình, âm thầm cố gắng một mình, bên cạnh một bà mẹ chẳng mấy khi nói, quanh năm suốt tháng, chỉ biết nai lưng ra trên mảnh ruộng. Còn bây giờ, Tiến có Mai, cô ấy ngoài vai trò người vợ, còn là người bạn. Chẳng biết học được từ ai, cô gái sôi nổi ấy biết nâng người chồng của mình lên. Tiến bảo Mai:

- U anh nói: Làm tài trai phải có chí đổi đời. Anh không muốn bị người ta khinh rẻ như bây giờ. U cũng bảo: Thằng con trai lấy vợ cũng là một cách để đổi đời. Nghe em nói, anh mới biết U anh đúng. Xem ra, gặp em, anh sắp đổi đời thật rồi.

- Chứ sao! - Mai vénh cái mặt vừa xinh vừa đáo đẽ của mình lên - Em tính thế này anh thử nghe xem sao. Em không làm ruộng. Em sẽ đi buôn. Bây giờ cả xã hội đều khinh đi buôn. Ai buôn thì gọi là thành phần không cơ bản. Buôn to thì gọi là tư bản. Buôn nhỏ thì gọi là con phe. Thành phần địa chủ là xấu nhất thời nay, thì vợ chồng mình đang đeo trên cổ như một cái huân chương. Vậy nếu ta có đeo thêm một cái tiếng con phe cũng chẳng xấu thêm tẹo nào. Không xấu mà còn có lợi. Bởi vì ai cũng xô vào việc tiến thân bằng con đường chính thức của xã hội, nên đi buôn dễ dàng hơn.

- Buôn gì?

- Buôn nhì nhằng thôi. Em đã ra chợ xem rồi. Ở đây có thể buôn sợi ni lông đan lưới. Buôn dép lốp. Dây cao su, đá lửa, kim chỉ... Em biết nguồn hàng, em đã theo chị em ra Hà Nội. Ở đấy cái gì cũng có. Vào đúng lò thì rẻ hơn đây nhiều.

Nói xong, làm liền. Từ khi có Mai gánh hàng ra chợ, đời sống gia đình Tiến khá lên trông thấy. Mai lại là người biết đặng ăn ở, đối xử nên gia đình có thể nói là hạnh phúc. Tuy nhiên, nhiều đêm Mai cứ thấy Tiến thờ dài. Hỏi tại sao, lúc ấy Tiến mới bảo:

- U cũng bảo anh rằng đi bộ đội cũng là cách đối đời tiến thân. Câu nói ấy làm Mai nghĩ mất mấy hôm. Rồi, một đêm Mai nói với chồng:

- Em nghĩ kỹ rồi. Không cần anh phải đi bộ đội.

- Vì sao?

- Vì mình là địa chủ.

- Song, anh là người đàn ông.

Tiến giữ chặt hai tay Mai, nhìn sâu vào mắt vợ và nói như vậy. Mai cụp mắt xuống, cố tránh tia nhìn của chồng, cô như hiểu đôi mắt Tiến định

nói gì. Và cô yếu ớt hỏi:

- Đàn ông ư? Đàn ông thì làm sao?

Tiến cũng chột quay đi. Đến lượt anh không muốn nhìn vào đôi mắt vợ. Đôi mắt như cầu khẩn những điều cô chẳng muốn nói ra. Đôi mắt mà những người chồng nhìn vào dễ bị xiêu lòng. Cả hai đều không muốn nói ra những điều mình nghĩ. Cuối cùng Tiến chỉ nói nhẹ nhàng. Cái nhẹ nhàng quyết liệt:

- Em hiểu đấy... Người đàn ông nào cũng có hai việc phải làm. Thứ nhất là bốn phận đối với người đàn bà mà mình yêu. Thứ hai là bốn phận đối với đất Mẹ... Anh chả cần nói nhiều chắc em cũng hiểu.

Vừa nói Tiến vừa ôm lấy tấm thân tròn lẳn của Mai. Cô gái rất nhiều lý sự lúc này chẳng thốt một lời. Cô úp mặt vào ngực Tiến. Cô thở mạnh. Có lẽ cô hít hà - Cái mùi ngầy ngậy, hăng hắc của người đàn ông làm cô như ngây ngất. Lúc bấy giờ cô mới ngẩng mặt lên nói nhỏ:

- Em bảo này... Anh nói là phải có bốn phận đối với em... phải không?... Anh công nhận chứ... được rồi... Vậy, bao giờ anh làm xong bốn phận đối với em... lúc đó tha hồ cho anh đi.

- Thế là làm sao?

- Thế là... cố lên - Cô cười khúc khích...

- Cố lên thế nào?

- Ngốc ạ!... Lại còn giả vờ... Nghĩa là bao giờ trong bụng em có đứa con, em sẽ cho anh đi...

Thế là từ hôm ấy, Tiến cố sức chiều vợ. Tối nào, anh cũng phải ngủ ở nhà. Cố sức quá đến nỗi mặt mũi anh trở nên hốc hác. Sự cố sức ấy cuối

cùng cũng được đền đáp. Hơn một tháng sau, Mai tuyên bố Tiến đã làm tròn bốn phận. Cũng lúc ấy Tiến trích tay lấy máu, ký vào lá đơn tình nguyện lên đường đánh giặc.

Tiến nhập ngũ được ba tháng thì nhận được thư vợ. Lá thư báo tin Mai bị ngã, đã sẩy thai. Mấy tháng sau, nhận được lá thư thứ hai. Mai viết:

“Anh Tiến ơi.

Em nhớ cái đêm xưa, hai vợ chồng mình thủ thỉ với nhau. Anh bảo rằng người đàn ông nào cũng phải có hai bốn phận. Nay, anh đang làm bốn phận với Bà Mẹ vĩ đại. Còn em, người đàn bà nhỏ bé mà anh yêu quý, người đàn bà mà anh thề thốt rằng mình phải có bốn phận, thì hình như đã bị quên rồi. Liệu có phải thế không anh? Tiến ơi! Ngày thì chẳng sao. Chứ ban đêm thì đêm nào cũng vậy, em nhớ anh vô cùng. Nhớ đến thắt cả ruột gan...”.

Cũng chính khi nhận được thư ấy, lại xảy ra vụ diễn kịch. Nhưng Tiến là người rất trách nhiệm. Cho nên, anh đã nhận được kỳ phép đặc biệt này. Chả trách, trong giấc ngủ chập chờn dưới gốc cây, Tiến toàn nhớ đến chuyện xưa. Tiến toàn mơ thấy hình bóng của Mai. Mơ thấy Mai, anh cứ tùm tùm hoài. Ông bạn đường lúc ấy bỗng vỗ lưng Tiến.

- Này! Tùm tùm cái gì? Dậy đi! Dậy đi! Nó đi rồi.

Tiến vươn vai nhóm dậy:

- Bác bảo ai đi đâu?

- Thằng “bà già” chứ ai. Nó chuồn rồi. Nhân dân vùng này đã tìm ra quy luật: Thằng “bà già” chỉ xuất hiện ba lần lúc quá trưa. Chắc giờ này bọn phi công đã ngồi vào bàn ăn ngoài hạm đội. Nào, anh em ta tranh thủ vượt đường...

Tám giờ tối Tiến mới về đến nhà. Bà Tư ra đón, mừng con về đến chảy nước mắt. Tiến nhìn quanh chưa thấy Mai đâu. Chưa hỏi thì bà cụ đã nói:

- Vợ con lên xóm Thượng cất hàng. Chắc còn lâu hẳn mới viên. Thế kỳ này con đi phép được mấy ngày?

- Chỉ được đến sáng mai thôi U ạ.

- Chi mà gấp rứa. Vội vội, vàng vàng. Rõ khổ!

- Có thành tích đặc biệt mới được tranh thủ hai ngày. Thương U và cũng thương nhà con quá nên con cố về nhà. Phải đi ngay sáng sớm mai, bởi vì muôn là không đi qua nổi quãng cống xi măng. Đường thì hẹp, ruộng thì sâu. Mà chiếc cánh bằng ngày nào cũng trấn thủ chỗ ấy ngăn cản qua lại.

Bà Tư thở dài:

- Mẹ nói thế thôi. Cũng đành vậy chứ sao. Để mẹ đi nấu cơm cho con. Cơm tẻ hãy còn nhưng nguội. Mẹ sẽ thổi nồi cơm nếp. Nhân tiện, gói cho con một nửa mai đi ăn đường.

Có tiếng gà quéc quéc. Bà cụ thịt cả gà đãi con. Chỉ một tiếng sau mâm cơm tươm tất đã được dọn lên. Hai mẹ con ngồi bên mâm nói chuyện. Tiến chọn những miếng thịt ngon nhất, nạc nhất gắp cho mẹ, nhưng rồi bà cụ lại trút tất cả vào bát con. Bà Tư kể chuyện cho con nghe với vẻ tiếc nuối:

- Cái hôm nó vấp ngã ngoài ngõ, rồi sảy thai, con vợ mà nó như đứa rồ làm mẹ vừa thương lại vừa sợ. Cái thai ba tháng chỉ như cục thịt đỏ hồng. Vợ mà lấy chiếc nồi đất đặt vào, đập vung lại, đem ra chôn ngoài vườn. Lại đắp cái nấm xinh xinh. Xong rồi nó khóc. Khóc tỉ tê thảm thiết. Nó bỏ ăn hai ngày, nằm dài tấp tức trong buồng. Dĩ thế nào nó cũng không ra ăn.

Sáng hôm thứ ba nó mới dậy. Nó lại bình tĩnh như chẳng có chuyện gì xảy ra. Thật là lạ. Hỏi thì nó trả lời: “Đêm qua thằng bé nó về báo mộng cho con U ạ”. - “Nó báo mộng gì?”. - “Nó bảo U cứ yên tâm, đừng nhịn ăn nữa kẻo ốm. Nó bảo con thương U lắm. Thằng bé rất xinh trai U ạ”, U thấy vợ mà khác lạ cứ tưởng nó nghĩ quá hóa dại rồi. Nhưng may mà sau đấy nó vẫn bình thường, chẳng hề gì. Thế là U mừng.

Nghe mẹ nói, Tiến lại càng thương vợ. Mãi gần 12 giờ đêm, Mai mới đi cất hàng trở về. Cô vào ngay trong buồng, ôm lấy chồng, rúc vào nách Tiến như một đứa trẻ. Mai cuồng nhiệt quá làm Tiến ngại ngại.

- Hãy yên nào. Lát nữa hãy hay. Nói to thế U nghe thấy đấy.

- Kệ! U chứ ai mà sợ. Chúng mình càng lục đục thế này U càng mừng. Này anh tắm rồi à.

- Rồi! Sạch sẽ rồi.

- Tiếc nhỉ.

- Sao tiếc?

- Thì em... em... thích cái mùi mồ hôi của anh.

- Điên không đấy?

- Thật mà. Nó chua chua, hăng hắc, ngại ngại, ngứa ngứa... Nhớ nó lắm. Nhớ suốt đời...

Đêm ấy họ ân ái với nhau rất đắm thắm. Người đàn bà cuồng si kể với chồng:

- Chắc U nói với anh cái chuyện con chúng mình về báo mộng cho em rồi chứ gì?

- Rồi. Nhưng thằng bé ba tháng đã thành hình người đâu mà báo mộng.

- Thành hình người rồi. Thằng bé rất kháu. Em giơ tay ra nó sà vào tay em ngay. Còn một chuyện này, em giấu kín không nói với U. Tại sao em chịu ăn cơm, rồi bình thường trở lại anh có biết không?... Lúc ấy, em đã chán lắm rồi... Chắc nếu thằng bé không nói một câu, thì còn lâu em mới hồi lại.

- Nó nói gì?

- Nó bảo: “U cứ yên trí. Rồi một ngày gần đây thầy con sẽ về nhà. Và con sẽ đậu thai, lại trở lại làm con thầy U. Thật đấy. Con chỉ thích làm con thầy U thôi”.

Thật hoang đường! Nhưng nghe Mai nói, Tiến càng thấy thương vợ hơn. Đúng là Mai đang điên rồ vì thèm khát một đứa con. Một hạnh phúc quá bình thường, nhưng là một người lính, anh rất khó đem lại cho cô được. Mà Mai có rồ đâu. Thực ra cô ấy rất tỉnh táo. Mai nói:

- Em sạch kinh được bảy ngày rồi. Không hiểu sao em cứ tin rằng đêm nay vợ chồng mình chắc chắn sẽ có con.

Người đàn bà yên tâm. Người đàn bà no nê. Người đàn bà sung sướng gối đầu lên tay anh, rồi rúc vào nách anh để hít hà cái mùi chua chua, hăng hắc, ngầy ngậy từ nách anh tỏa ra, cái mùi mà cô cho là rất đặc biệt, sẽ làm cho cô nhớ suốt đời.

Mai ngủ rất say, nhưng cũng rất thích. Khoảng ba giờ sáng, khi gà vừa mới gáy, cô đã choàng dậy ngay. Tiến chào từ biệt mẹ. Trước khi đi, Mai kéo anh ra vườn, chỉ cái nấm nhỏ nơi cô chôn chiếc nôi đất đựng cái thai mới thành hình:

- Anh thả cho con một nén hương. Hãy khẩn rằng bố rất yêu con và cũng mong con sẽ là con bố. Em nhất quyết rồi, và cũng tin chắc rồi. Nhất định hôm nay, con chúng mình lại về lại với chúng mình.

Người đàn bà cứ đinh ninh như vậy. Người đàn bà cứ khát khao như vậy. Cái rõ đại mong muốn của chị làm người chồng thương vô cùng mà cũng yêu chị vô cùng. Chị khoác chiếc ba lô của chồng tiễn anh một quãng đường rất xa. Bảo thế nào cũng không chịu quay về:

- Cho em tiễn mình thêm quãng nữa. Đến lùm phi lao kia thì em mới về.

- Đẳng nào rồi cũng phải chia tay. Chẳng lẽ cứ bịn rịn mãi cho đến sáng à. Còn quãng đường thót cổ chai, anh phải vượt trước bảy giờ.

- Anh yên tâm. Mới ba giờ sáng. Bảo đảm kịp. Em hứa mà. Đến rặng phi lao em sẽ quay về ngay.

Sóng biển xô bờ oà m oạp. Họ đi trên bãi cát. Một bên là biển, một bên là rừng phi lao. Tiếng rì rầm của biển, tiếng rì rào của phi lao hòa vào nhau. Đêm đen kịt. Họ đi theo màu trắng của bãi cát. Gió từ biển thổi vào mát rượi. Chẳng có con mắt nào nhìn thấy họ cả. Cái vắng lặng của bờ biển đêm làm Mai bạo dạn hẳn lên. Cô đi bên chồng, rồi khoác tay chồng, nép sát vào người chồng, như thể cố níu giữ cái hơi hương của người đàn ông mà chỉ lát nữa thôi, sẽ xa rời cô, chẳng biết khi nào mới gặp lại.

Có những tiếng bung bung đều đặn ở trên trời, phía trước mặt. Cứ mỗi tiếng bung lại kèm một chớp lóe sáng. Và làm nền cho những chớp nổ ấy là tiếng máy bay âm ỉ. Tiến hỏi:

- Không biết bọn Mỹ làm trò gì vậy?

- Chúng nó chụp ảnh bờ biển, để theo dõi tình hình biến động của bên ta.

Hai người vội chạy dạt về phía rặng phi lao. Ngẩng đầu lên chỉ thấy kín mít tán lá. Tiến hỏi:

- Có phải đây là lùm phi lao rậm mà em bảo anh khi nãy?

- Phải. Chỉ lát nữa thôi, vợ chồng mình chia tay... Anh dựng xe đạp vào cây đi... Vào đây, mình vào đây cho kín.

- Sợ gì. Chúng làm sao trông thấy chúng mình được.

- Thì cứ vào đây nào... Chúng sắp thả... pháo sáng đấy.

Ở rừng phi lao lúc mới ra khỏi làng, cây thưa thớt. Còn ở đây cây rậm rịt. Những cây phi lao non tơ đâm nhánh tua tủa. Um tùm và kín như bưng. Cả lá phi lao già rụng xuống ở đây cũng nhiều hơn. Trẻ chăn trâu gom lá trải thành cái nệm khô dày dặn ấm áp. Người vợ kéo người chồng xuống cái nệm thơm ngát ấy. Cô ôm lấy anh. Và đôi môi nóng hổi của cô, bàn tay nóng hổi của cô, chọt làm Tiến hiểu ra tại sao Mai lại nói rằng đến cái lùm cây này cô mới chịu chia tay. Cô thì thầm:

- Chúng mình yêu nhau lần nữa đi. Cần phải thật chắc chắn. Nhất định em phải có con với mình đêm nay. Lúc nãy, em lại nằm mơ thấy con... Lúc nãy anh cũng đã thả hương cho con... Chúng nó thả pháo sáng ư? - Thây kệ chúng nó.

Vợ chồng Tiến Mai đã yêu nhau như thế đó. Yêu nhau trong rừng phi lao, dưới đèn pháo sáng. Mới đầu chỉ một hai quả ở xa, ánh sáng từ biển hắt vào yếu ớt nhưng cũng đủ để Tiến chiêm ngưỡng tấm thân mỹ miều của vợ. Một niềm kiêu hãnh thầm kín mà anh sẽ chẳng bao giờ nói ra. Đợt pháo sáng đầu tiên tắt lịm. Cái thân hình diễm ảo của nàng biến vào đêm đen. Rồi đợt pháo sáng thứ hai lóe lên, rộ lên. Lần này pháo sáng nhiều hơn, và nằm ngang trên đỉnh đầu. Ánh sáng không lọt qua vòm cây nhưng từ ngoài hắt vào cũng đủ để Tiến nhìn thấy cả cái núm vú hồng hồng của vợ, nhìn thấy cả cặp nhũ hoa của nàng. Ôi! Cái màu trắng ngọc ngà! Chúng là thứ

màu ngà voi tinh khiết nõn nà. Giặc bắn tên lửa âm âm rất gần. Song hai vợ chồng quên hết. Họ không thấy một chút sợ hãi.

Trước khi người chồng chia tay lên đường, người vợ bảo rằng:

- Thật hoàn toàn khác hẳn. Kỳ này em thấy trong lòng rung động. Như là sét đánh vậy. Em như bay lên chín tầng mây. Cám ơn mình. Em chắc chắn rồi. Lần này nhất định chúng mình sẽ có con.

ĐỘI GẠO LÊN CHÙA

Nguyễn Xuân Khánh

www.dtv-ebook.com

Chương 4

Tôi cứ ngẫm nghĩ mãi về số phận của tôi. Thật đáng ngạc nhiên. Tôi đang là nhà sư, bỗng nhiên trở thành người lính. Ngạc nhiên ở chỗ người tu hành lấy đức từ bi làm cơ bản, thậm chí thương xót đến cả sinh mạng của con sâu cái kiến; còn người lính lấy sự tiêu diệt kẻ thù làm cơ bản, ai đứng trước mũi súng chống lại ta đều bị giết, bất kể kẻ đó thế nào. Sư thúc Vô Trần của tôi thì sao? Ông ấy là nhà sư đã trở thành chính ủy. Có khác chứ, tôi là người tự nguyện mãi mãi là sư, còn sư thúc là người tự nguyện từ nhà sư trở thành người lính.

Cả một năm trời được huấn luyện trước khi vào Nam thì không sao. Không có vấn đề gì vì mới chỉ là tập luyện. Còn bây giờ khi đã ở B rồi, không còn là chuyện quân xanh, quân đỏ, năm bắn quỳ bắn, rồi mục tiêu cố định mục tiêu di động nữa, mà trước mũi súng là những con người bằng xương bằng thịt đang xả đạn vào ta.

Đã nhiều đêm tôi vắt tay lên trán, mắt chong ra nhìn vào đêm đen để suy nghĩ. Đạo Phật dạy có ngàn vạn pháp môn để đi đến giải thoát. Có người chỉ ngày đêm tụng kinh niệm Phật cũng tìm thấy đích. Có người kiên trì hành thiền lòng như tro lạnh, thân như cây khô, chỉ nghe suối reo chim hót, thế mà hốt nhiên bỗng ngộ được đạo. Có người đọc thiên kinh vạn quyển, thuyết pháp lầu lầu; cũng có kẻ thông tay vào chợ, hòa đồng cùng bụi bặm cuộc đời; rồi còn có những bậc thiện tri thức, ăn ở chẳng khác người thường, chỉ chăm chăm làm lợi lạc cho quần sinh, nguyện là kẻ sau cùng được giải thoát... Tu Phật ư? Ở thời nào cũng có thể tu, ở bất cứ cảnh nào, vùng nào cũng có thể thấm nhuần ánh sáng của Từ bi. Tôi nghĩ như vậy để làm yên lòng? Hay là tôi đang tìm lý lẽ để biện minh cho hoàn cảnh của tôi?

Trong những ngày sống ở chiến trường miền Nam gian khổ, có lúc cận kề cái chết, không hiểu sao tôi cứ nhớ tới câu chuyện về cuộc hành hương của thầy tôi lên đất Phật. Đó là câu chuyện khi thầy tôi còn là một du tăng, hành hương lên Yên Tử. Câu chuyện ấy thầy tôi kể lúc người từ nhà tù “Đơ Bê” trở về. Cụ sư Điếc già nua ở chùa Rồng dạy thầy tôi: “Người đi đường ngắn, đường dễ ít khi tới đích. Muốn đi tới đỉnh, thường phải đi đường vòng”. Câu chuyện ấy để lại trong tôi một ấn tượng rất mạnh. Cái khác giữa hai cuộc đi của thầy tôi và của tôi ở chỗ, ngày xưa thầy tôi lên Yên Tử, đó là cuộc hành hương đến chốn linh địa. Còn bây giờ, cuộc đi của tôi là cuộc hành hương vào cuộc đời. Không phải cuộc đời bình thường mà là cuộc đời ở dạng trần trụi nhất, khốc liệt nhất, nơi hàng ngày hàng giờ cái chết ở sát bên ta. Nơi ấy cuộc sống như chiếc cối xay, và ta chỉ là hạt thóc. Ta sẽ bị tróc vỏ, trày cám. Ở đó, ta

sẽ trắng tinh, hoặc bị nghiền thành bột. Nghĩa là qua nó, ta sẽ nhìn ra cái cốt lõi của mình.

Thầy tôi vẫn bảo sống ở cuộc đời chính là đang làm một cuộc hành hương. Hành hương không chỉ là tìm đến một nơi chốn, mà là qua cuộc du hành ấy tìm thấy được cái sức mạnh linh thiêng ngay chính trong tâm hồn mình. Rốt cuộc, đó là cuộc đi truy tìm cái bản lai diện mục của ta. Ý nghĩa các cuộc hành hương tốt đẹp ở chỗ nó làm biến đổi hẳn sự thức nhận tầm thường của thế gian, chuyển sự thức nhận ấy lên một tầm cao. Ở đó con người trở nên cao thượng hơn, sâu sắc hơn, khoáng đạt hơn, từ bi hơn. Cũng có những kẻ sau cuộc du hành lại trở nên thâm hiểm hơn, cuồng bạo hơn. Đó là vì khi tróc vỏ, khi lột xác, anh ta quá ngã mạn để cho cái mầm quỷ trong người thức dậy.

Đó là những suy ngẫm của tôi. Đó cũng là những lời dạy của thầy, khi tôi ở chùa. Thực ra, thầy chẳng bao giờ nói cụ thể như tôi nghĩ. Tuy nhiên, tôi chắc chắn thầy đã dạy tôi như thế. Những lời dạy của thầy tôi, chúng bàng bạc ẩn chứa trong mọi hành xử hàng ngày từ sáng đến tối. Chúng nằm

trong việc tụng kinh, niệm Phật, trong đánh chuông gõ mõ, cho đến cả lúc ăn uống, đi lại, nói năng, thậm chí khi đọc sách, suy nghĩ...

Trong cuộc hành hương, hay là một cuộc hành trình ngoài chiến trường miền Nam đầy gian truân ấy, may mắn là tôi vẫn được biên chế trong đơn vị của trung đội trưởng Trầm, lại vẫn được ở cùng tiểu đội với những người bạn tốt bụng, vui vẻ của tôi từ ngoài Bắc. Chúng tôi đã tham dự vài trận chiến đấu nhỏ tao ngộ chiến, chống càn, tuy nhiên trận đánh chưa thật ác liệt. Hình như vào đến đây, chúng tôi vẫn được cấp trên tiếp tục cho huấn luyện. Đưa chúng tôi vào những trận đánh đầu tiên ấy, phải chăng cấp trên muốn cho chúng tôi được cọ xát dần dần với thực tiễn để cho dày dặn kinh nghiệm. Làm như thế khi gặp những thực tế khốc liệt hơn, chúng tôi sẽ không ngỡ ngàng sẽ đương đầu dễ dàng hơn. Trầm bảo đó là cách sử dụng quân của chính ủy Trần.

- Chính ủy Trần nào? - Tôi hỏi Trầm.

- Chính ủy Vô Trần chứ còn ai. Sư thúc của cậu chứ còn ai. Thế cái Huệ nó không nói cho cậu biết à.

- Không.

- Ủ. Lạ thật đấy! Ông Trần là bố cái Huệ, là người cùng làng. Thế mà tớ chưa bao giờ gặp ông ấy. Dân làng Sọ hay nhắc đến ông Trần, nhưng ông ta chỉ như cái bóng, rất ít khi xuất hiện. Người ta đồn bao nhiêu chuyện về thời ông hoạt động bí mật trước tổng khởi nghĩa. Rồi thời đánh Pháp là một vị chỉ huy xuất quỷ nhập thần. Quân Pháp treo giải thưởng cho cái đầu của ông hàng vạn tiền Đông Dương. Thế mà ông không chết. Hòa bình lập lại, thì lại được tin ông làm việc gì rất bí mật cho quân đội, chẳng bao giờ về thăm vợ con. Đến nỗi khi cải cách ruộng đất, vợ suýt bị đem đi bắn. Rồi vợ con trốn chạy, lại phải nhảy xuống sông Hồng... Bà vợ chết... Nghe đâu, cái Huệ, cô con gái cũng đã đi B rồi. Vậy là cả ba cha con đều có mặt trong này.

- Anh Trầm này, thế có nghe tin gì của Căn không?

- Thăng Căn hiện nay là đại đội trưởng. Dũng sĩ diệt Mỹ, lại có lý lịch tốt nên được đề bạt nhanh. Ở cùng một trung đoàn mà mình cũng không biết ông Trần là chính ủy của mình. Chính thăng Căn viết thư nên tớ mới biết mọi chuyện và kể với cậu.

- Ừ, gia đình này làm gì cũng nguyên tắc, cũng bí mật thật. Cô Huệ thân với mình đến thế, mà cái hôm chia tay vào B, cô ấy cũng chẳng nói cho mình biết tí gì.

- Thì họ là cộng sản nòi mà. Nòi nghĩa là ông Trần là cộng sản trước khi cướp chính quyền.

- Nếu nói thế, ông ta còn là Phật giáo nòi trước khi làm cộng sản.

Thăng Cường trong tổ tam tam ngồi hóng chuyện cũng góp ý kiến:

- Các ông để ý mà xem. Những người làm nghề tôn giáo chuyển sang làm chính trị, đều trở thành những nhà chính trị cứng rắn, thậm chí có thể nói là cực đoan.

Trầm có vẻ không hài lòng, nhíu mày hỏi:

- Cậu thử cho một ví dụ.

- À... à... Như... như ông Cao ủy Pháp chẳng hạn. Ông D'Argenlieu trước kia là thầy tu. Năm 1946 sang Đông Dương làm Cao ủy. Các tướng tá quân sự Pháp có người còn muốn đàm phán hòa bình. Riêng D'Argenlieu thì không. Vì vậy mới nổ ra chiến tranh Pháp - Việt.

- Thôi đi ông tướng. Rõ là gái góa lo việc triều đình...

Cường còn định gân cổ lên cãi, Trầm liền hỏi một câu:

- Nói như cậu, thì trường hợp thằng An này cũng thế à? Đi bộ đội cũng là làm chính trị. Trước khi vào lính, nó là nhà sư. Vậy khi thành bộ đội, nó sẽ thành một con người cứng rắn, thậm chí thành một con người bạo hành hay sao?

Câu chuyện đến đây thì dừng lại. Trong đơn vị, Cường là một người lý luận sắc bén. Có bận tôi nói với Cường quan niệm của tôi rằng cuộc ra đi của chúng tôi là một cuộc hành hương mà cái đích không là đi đến một nơi chốn mà là tìm đến sự thức nhận một điều sâu xa cùng tột.

- Thì cậu cứ nói thẳng ra. Nói cho cùng, các nhà sư các cậu, ngay trong lò lửa cũng muốn tìm thấy một Niết bàn. Song, An ạ, Niết bàn và địa ngục cũng gần nhau lắm. Giống như lòng bàn tay và mu bàn tay... Này... Sao các cậu nhìn tôi thế... mà cho dù là hỏa ngục thì cũng phải xông vào... Con người là phải như thế. Mọi người đang đứng trong bão lửa... Chẳng có lẽ riêng ta, ta đứng bên ngoài sao?

Quay trở lại cuộc nói chuyện trên, khi Cường đưa ra ý tưởng rằng một nhà tu hành khi chuyển thành một người thế tục thì anh ta sẽ vô cùng quyết liệt, có khi còn quyết liệt gấp bội người thường. Và đảo lại khi một người thế tục, một nhà chính trị chuyển thành nhà tu hành, anh ta cũng là một nhà tu hành cuồng tín. Câu chuyện đến đây thì dừng lại. Mọi người nhìn tôi, rồi mắt lảng ra chỗ khác. Chuyện này có nguyên nhân. Đó là câu chuyện xảy ra với tôi.

Chúng tôi đi lấy gạo vào một ngày mùa xuân. Đó là một ngày tương đối yên tĩnh. Không nghe thấy tiếng máy bay. Bom nổ nhưng ở rất xa. Chim rừng ở vùng này đã bật đi đâu hết nhưng sáng hôm ấy, tôi nghe thấy tiếng chim. Đúng hơn là tiếng gà rừng. Tiếng gà rừng trên nương nghe thật thanh bình. Sương trắng choàng trên đỉnh núi. Trông ngọn núi như người khổng lồ đương trùm chần nhìn xuống chúng tôi. Núi xanh biếc lổ đổ những mảnh trắng của những bông hoa chân ngựa. Chúng tôi lội qua một con suối nông. Hai bên bờ ê hề các loài hoa mà tôi chẳng biết tên. Có

những bông hoa hình mồm chó đỏ tươi. Hoa cúc dại tím biếc từng đám. Nhiều nhất là hoa mai. Sao ở đây lắm mai đến thế. Mai vàng ươm theo dọc bờ suối. Người lính dẫn đường bảo:

- Theo con suối mà đi. Khi nào gặp rừng lau, rẽ phải. Đi chừng năm cây số nữa thì tới.

Người dẫn đường nói thế thôi. Chẳng phải năm cây số mà dài hơn nhiều. Khoảng mười giờ sáng chúng tôi mới lấy xong gạo.

Trên đường về, chúng tôi đi theo từng đơn vị tiểu đội để dễ cơ động. Chúng tôi đi xuôi theo dọc con suối. Hiếm có ngày im ắng thế này, nên anh em thoải mái, vừa đi vừa cười đùa tếu táo cùng nhau. Ra đến chỗ rẽ, tức là bãi cỏ đầy hoa ven suối, chúng tôi ngồi nghỉ. Tôi khoan khoái nằm dài trên cỏ, ngửa mặt nhìn bầu trời xanh thăm thẳm, nhìn tán lá rừng bên trên. Ô hay! Cái gì kia? Không phải dưới đất đầy hoa mà trên trời cũng đầy hoa. Ở cái trạc ba một cây cổ thụ, rủ xuống một búi hoa phong lan. Búi phong lan khổng lồ tỏa ra hàng trăm nhánh. Từ những nhánh hoa cong cong như những ngón tay búp măng của Phật, mọc ra hàng ngàn bông hoa trắng trắng. Hình như không phải trắng tinh, màu của hoa là trắng pha chút tím thì phải. Tôi lim dim con mắt để nhìn. Qua hàng mi của tôi, ánh sáng xuyên búi hoa, lọt xuống, không hiểu sao trở nên tím hơn. Có lẽ hàng mi của tôi là một bộ lọc ánh sáng chỉ cho phép màu tím đi qua. Tôi cứ nghĩ vớ vẩn như vậy. Rồi tôi nhắm tịt mắt lại. Lạ chưa? Lúc này, tôi lại ngửi thấy mùi thơm. Búi lan phớt tím này lại có cả hương. Tôi nghe người ta nói phong lan chỉ phun hương vào ban đêm để gọi loài bướm ma, loài ong đen đến giao duyên. Hay là hoa đặc biệt yêu quý tôi, nên phun hương, tặng riêng cho tôi một ân sủng chỉ mình tôi có. Mà lạ chưa! Đúng là mùi hương mà ngày xưa tôi quen biết. À, hiểu rồi, mùi thơm ở cái giếng chùa, cái giếng tỏa hương ở đây cô bạn học của tôi thời thơ ấu đã trầm mình. Ký ức xưa thật là đẹp nhưng cũng thật là buồn. Tôi bỗng giật mình vì đột ngột xuất hiện một mùi lạ. Nó thơm thơm nhưng hăng hắc. Mùi hương dịu dàng của tôi đang bị

xâm lấn. Tôi khịt mũi và chột hiếu ngay. Đó là thứ hương nhân tạo của thứ nước gội đầu thời hiện đại. Bộ đội chúng tôi không dùng thứ ấy. Chắc chắn là của Mỹ. Tôi ngẩng đầu tìm ngược theo hướng gió và tôi tìm thấy ngay. Sau một bụi cây dại loáng thoáng một bóng người. Đúng rồi. Quần áo rằn ri. Chúng tôi đang bị phục kích.

Thế là tôi vội vàng vớ lấy cây súng. Và đáng lẽ tôi nhắm bắn vào cái bụi ấy, thì tôi lại bắn lên trời. Bắn thế càng tốt. Tôi đã báo động cho toàn đơn vị. Anh em đang chơi đùa bỗng im bật. Cả những người đang tắm dưới suối cũng vớ ngay lấy súng. Họ tản ngay vào khoảng rừng có bụi hoa lan phớt tím. Đang ở thế bị động, chúng tôi chuyển sang thế chủ động. Súng từ khắp phía ran lên. Tuy nhiên chúng tôi đã rõ địch đang ở hướng này.

Địch khoảng hai tiểu đội. Bên tôi chỉ có một. Cuộc tao ngộ chiến có vẻ không cân sức, khoảng năm phút bỗng có tiếng hét lên:

- Thăng Cường bị thương.

Tôi vội bò lại chỗ Cường. Cậu ta bị đạn vào chân. Máu chảy đầm đìa. Tôi làm garô, băng bó vết thương cho cậu ta. Tiến nói:

- Đưa hai khẩu súng của chúng mày cho chúng tao.

- Chặn hậu à?

- Có vẻ chúng đông hơn ta. Nhưng chúng mình chặn được. Chỉ vài phút nữa, bọn đi sau sẽ lên kịp tiếp ứng.

Tôi lần chần thì Tiến nói:

- Mày bắn dở ẹc... Xem chừng vết thương thằng Cường, máu chảy rất nhiều. Mày cũng nó về quân y ngay.

Tôi vội công Cường lên lưng. Nhân lúc đạn ngớt, tôi vùng đứng lên chạy nhanh vào rừng. Đạn đuổi theo tôi chiu chít. Tôi cúi rạp mình chạy hết sức. Đạn cắm vào cây phía sau lưng; Đạn cắm xuống đất ngay bên cạnh vết chân tôi. Tôi định hướng. Hóa ra địch còn ở phía bên phải. Định hướng rồi tôi lại cắm cúi chạy tiếp. Tôi thở hồng hộc. Mồ hôi vã ra như tắm. Tôi chạy cho đến lúc tiếng súng xa dần phía sau. Lúc này, hầu như Cường đã ngất xỉu trên lưng. Và cũng lúc này tôi mới phát hiện ra cánh tay trái của tôi bị ướt đẫm. Cứ tưởng mồ hôi, hóa ra là máu. Tôi đã bị thương ở vai phải. Vào phần mềm thôi nhưng lúc này tôi mới thấy đau và mệt. Chắc vết thương chảy máu nhiều. Và Cường trên lưng tôi tự nhiên bỗng nặng hẳn lên. Mặc kệ! Tôi vẫn cố sức lao đảo công bạn đi về chỗ đóng quân. Còn cách đơn vị khoảng vài trăm mét, tôi hoàn toàn kiệt sức. Tôi ngã gục xuống. Nhưng tôi vẫn còn đủ sức để kêu lên khi trông thấy bóng người.

Nhờ kịp thời nên Cường không hề gì. vết thương của Cường không nặng, nhưng chạm vào một mạch máu. Nếu để chậm Cường sẽ không chết vì vết thương mà chết vì mất máu.

Trong cuộc họp đại đội, tôi được chính trị viên biểu dương:

- Đồng chí An là người thương yêu đồng đội. Chứng tỏ là đồng chí có tinh thần giai cấp cao. Ban chỉ huy biểu dương tinh thần ấy. Và đề nghị toàn thể đại đội học tập tinh thần xả thân vì đồng đội. Người cách mạng có thể hy sinh, nhưng không bao giờ bỏ rơi đồng đội của mình...

Nghe những lời khen ngợi ấy, tôi chợt thấy mặt mình nóng lên. Tiếng nói của chính trị viên sang sảng, càng lúc càng hùng hồn:

- Chính đồng chí An đã bắn phát súng đầu tiên vào bọn phục kích, báo động cho toàn thể đơn vị. Nếu không tất cả sẽ rơi vào ổ phục kích. Chắc ta sẽ bị thiệt hại lớn hơn... Rồi công đồng đội ra khỏi vòng vây... Bị thương nhưng đã xuất sắc hoàn thành nhiệm vụ.

Toàn là những câu chữ to tát... Tôi cảm thấy cái nóng bắt đầu từ gò má, từ đôi tai dần dần lan rộng ra... Tôi thấy mình không thể ngồi yên được... Và thế là tôi đứng lên.

- Báo cáo thủ trưởng, cho em được nói một lời.

Chính trị viên tươi cười.

- Đồng chí có ý kiến ư? Chúng tôi hoan nghênh. Nào, xin mời.

Mọi người hơi rì rầm: Cậu này rách việc thật. Thủ trưởng khen thế là hết lời rồi. Còn định kể lẽ gì nữa đây.

- Thưa, báo cáo anh em, tôi không dám nhận đâu ạ.

- Cái gì? Anh em lại xì xào.

- Thưa, báo cáo... Tôi không xứng đáng đâu ạ.

Đến lúc ấy, mọi người có vẻ ngạc nhiên. Thế ra không phải kể lẽ thêm à. Lại xì xào, nhưng rồi bật lặng ngay khi tôi nói rất thành thật.

- Đúng là em có cứu thoát đồng chí Cường thật... nhưng là do động cơ cá nhân thôi ạ.

- Cá nhân ư?

- Vâng, chả là anh Cường, anh Tiến và em cùng tổ tam tam. Thân nhau nên em cứu Cường. Chỉ có thể thôi ạ.

- Nhưng chính cậu là người bắn phát súng đầu tiên vào bọn biệt kích.

- Đúng là em bắn phát súng đầu tiên... nhưng...

- Nhưng làm sao?

- Nhưng không phải là bắn vào quân địch. Em chỉ bắn lên trời.

- Tức là bắn chỉ thiên.

- Vâng, bắn chỉ thiên ạ.

- Cậu trông thấy thằng mặc áo rằn ri sau bụi sim?

- Đúng thế ạ.

- Vậy, tại sao không bắn vào bụi sim, mà lại bắn lên trời?

- Em cũng... không hiểu tại sao ạ.

- Em xin ý kiến - Có tiếng một ai đó ngập ngừng.

- Phát biểu đi.

- Em cũng thắc mắc từ lâu rồi. Thắc mắc nhưng không muốn nói ra... Chả là không nói vì sợ nói oan cho đồng chí. Nhưng hôm nay đồng chí An tự thành khẩn nói ra khuyết điểm của mình thì em mới dám nói... Chả là... chả là...

- Chả là gì... Cứ ắp úng mãi... Rõ sốt ruột.

- Chả là khi đánh địch xã Hòa Bình... em cũng thấy đồng chí An... nhắm mắt lại và bắn... lên trời.

- Lại bắn chỉ thiên à... Có đúng thế không?... Chuyện này là chuyện tư tưởng... không phải chơi đầu... Có thì nói là có. Không thì nói là không... cậu phát ngôn phải có trách nhiệm... với sinh mạng chính trị của người ta.

- Không tin thì cứ chất vấn cậu An khắc rõ.

Lúc này, chính trị viên mới lên lời:

- Đồng chí An phát biểu đi. Cứ thành khẩn mà nói. Anh em không được truy ép, đổ oan cho đồng chí. Nhưng nếu đúng là sự thật thì phải nói rõ sự thật. Không một sự thật nào ở trên đời này có thể giấu giếm mãi. Biết sự thật mới tìm được ra bệnh và mới tìm ra phương thuốc chữa. Phê bình và tự phê bình của chúng ta là thế. Chẳng qua là chữa bệnh cứu người.

Tôi lặng người khi nghe chính trị viên. Thế ra tôi là một bệnh nhân. Nhiệm vụ của người lính là nhắm vào quân thù trước mũi súng mà bóp cò. Thế mà tôi lại nhắm mắt lại và bắn vọt lên trời. Có bạn, thầy tôi nói với tôi rằng: “Đạo Phật ở Việt Nam từ xưa tới nay, luôn luôn đồng hành với dân tộc. Nước thịnh thì đạo Phật thịnh. Nước suy, đạo cũng suy theo”. Phải nói, cũng vì vậy nên tôi mới vào bộ đội. Khi nhận lệnh, tôi đã lên đường chẳng đắn đo. Lúc đầu, tôi nghĩ rất giản đơn. Nhưng bây giờ mới hiểu chẳng giản đơn chút nào. Những điều dạy của Phật và thực tiễn đời sống làm tôi thật phân vân khó nghĩ. Thật ra tôi rất thành thực, tôi không hề giấu giếm việc mình làm. Cường và Tiến đều biết rõ hành xử của tôi. Cường bảo:

- Cậu rắc rối quá. Cậu là người lính. Nhiệm vụ là bắn kẻ ở chiến tuyến bên kia. Cậu bắn lên trời tức là cậu để cho đối phương tự do bắn vào cậu, bắn vào bạn cậu. Cậu đang ở thế kỷ hai mươi cậu có nhớ không. Ở thế kỷ này, nhà sư cũng phải biết bắn súng, biết giết người.

- Nhưng mình chịu, không làm được.

Cường nổi giận đùng đùng.

- Thằng dở hơi. Bất bạo động hả. Định học tập thánh Găngđi (Gandhi) hả. Nhưng ông ấy là thánh. Còn cậu chỉ là một ông sư quèn, một anh lính quèn. Ông thánh có thể làm những việc khác đời. Mà y dỏng tai lên mà nghe đây này. Sùng bái bạo lực, cuồng tín giết người, hành hạ con người là có tội. Nhưng ngược lại, bất bạo lực cũng là cuồng tín. Khoanh tay để cho đồ tể lên ngôi, tự do giết người cũng là tội lỗi.

Tôi cúi đầu, nhận lỗi.

- Mình hiểu cậu nói, nhưng mình vẫn không bắn được.

- Thằng này hết thuốc chữa.

Quay trở lại cuộc họp đại đội hôm ấy. Phải nói hôm ấy, khi mọi người hỏi tôi có bắn lên trời không, tôi không nói gì nhưng cúi đầu nhận tội, thì không khí bỗng trở nên căng thẳng và lúng túng. Căng thẳng vì đó là một chuyện hệ trọng. Còn lúng túng bởi vì từ trước tới nay chưa bao giờ xảy ra trường hợp tương tự. Chính trị viên còn phân vân, trung đội trưởng Trầm thương tôi, gỡ bí cho mọi người bằng cách vừa đưa ra câu hỏi, vừa gợi ý trả lời.

- Tôi biết đồng chí An có mối thù sâu nặng với đế quốc. Cha mẹ đồng chí đều bị Tây giết. Nhưng từ thuở bé, đồng chí An vẫn chỉ sống trong chùa. Không khí nhà Phật thì hiền hòa. Sớm tối chỉ tụng kinh gõ mõ. Phải hiểu hoàn cảnh riêng ấy, ta mới thông cảm... Tôi nghĩ có thể đồng chí An sợ. Tôi nghĩ mới ra trận, người ta sợ là bình thường, về sau này qua vài ba trận ta quen ngay thôi mà. Anh em chẳng ai thành kiến với chuyện đó đâu. Tôi nghĩ nên để cho đồng chí An nhận khuyết điểm và hứa lần sau sẽ sửa chữa. Thế là ổn thôi mà.

Thường thường người có tội nhận lỗi và hứa sẽ thay đổi. Đó là kịch bản sẵn có. Nhưng bạn ấy, tôi lại nói trước đại đội. Tôi nhận tội.

- Đúng là tôi đã không nhắm quân thù, mà đã chĩa súng lên trời để bắn. Nhưng tôi cũng không thể nói dối các đồng chí được bằng cách hứa suông. Tôi đi tu từ bé. Tôi đã hứa trước đức Thế Tôn là không sát sinh. Tôi đã quen mất nếp đi rồi.

Có lẽ cách trả lời của tôi quá vụng về. Một số anh em bực tức vặn hỏi tôi.

- Anh bảo anh quen nết. Vậy tại sao khi huấn luyện ở miền Bắc anh lại đạt loại xạ thủ giỏi. Tại sao kỳ thi bắn nào anh cũng được tuyên dương.

- Vì lúc đó tôi chỉ bắn bia.

- Còn bây giờ?

- Bây giờ tôi phải bắn người... Tôi van các đồng chí. Tôi không làm được.

- Ôi chao! Ngài cao cả quá! Ngài nhân đạo quá nhỉ. Phải vạch trần ra cho anh biết. Tại sao mẹ anh, cha anh bị giết giết? Tại anh đấy. Những kẻ như anh sợ giặc, tức là tiếp tay cho giặc. Chính anh trước tiên mang tội với cha mẹ anh...

- Tôi xin các đồng chí. Không phải thế đâu. Đừng kết tội tôi như vậy.

Cuộc họp đại đội bỗng nhiên sôi động. Có người còn lấy gương cụ Trần Nhân Tông để nhất tổ Trúc Lâm ra để nhắc nhở tôi. Phật hoàng vị tổ lòng danh đất nước, mà còn giết giặc nữa là tôi. Tôi là cái thá gì? Một anh sư quèn, vô danh ở cái xóm chùa quê mà dám ngang nhiên bắt bạo động, dám đi ngược lại mọi người hay sao?

Chính trị viên thấy tinh thần chiến sĩ như vậy rất hài lòng. Anh không cắt ngang, dội gáo nước lạnh làm mất khí thế của anh em, nhưng cũng không để anh em đi quá đà biến thành cuộc đấu tố. Cuối cùng anh bảo tôi phát biểu. Tôi nhũn người nói:

- Tôi không dám dối trá. Tôi xin tiếp thu ý kiến của tất cả mọi người. Bây giờ đại đội kỷ luật tôi thế nào, tôi cũng chấp nhận. Tôi xin thề trước anh em rằng tôi không hề sợ chết. Tôi xin chấp hành nhiệm vụ, dù nguy hiểm thế nào cũng không dám từ nan. Nhưng mong trên thông cảm cho khuyết điểm của tôi hay nhược điểm của tôi là bắn đạn không trúng. Nói như thế để trên dễ phân công cho tôi.

Anh em cười ồ:

- Thằng này nói hay thật. Xạ thủ loại giỏi mà lại “bắn đạn không trúng”.

Chính trị viên cũng cười theo.

- Chúng tôi sẽ báo cáo lên trên trường hợp của đồng chí An. Cách mạng không thiếu gì việc. Bắn đạn không trúng ư? Hiện nay đơn vị vận tải thủy đương yêu cầu chúng ta cử hai chiến sĩ về đó. Trước đây, tôi đã dự kiến một người là An nhưng qua cuộc họp này tôi thấy không được. Tôi rất tiếc. Ở miền Nam này, chúng ta đang dồn hết tâm lực tài lực vào, cho nên cuộc chiến này khốc liệt lắm. Địch chống trả kịch liệt lắm. Nơi nơi chồn chồn, chỗ nào chả máu với lửa. Thế mà đồng chí An lại muốn đem lòng từ bi vào chiến trận. Là điên rồ, hay ngớ ngẩn, hay khiếp sợ? Ta tha cho chúng, liệu chúng có từ bi với ta không. Có thể nói ở đây, không có chỗ nào là không tiếp xúc với súng đạn. Giả sử đồng chí đi vận tải trên sông đi. Chúng ta chở những bao tải hàng trong túi nilông. Chở bằng những con thuyền gỗ trên con sông toàn ghềnh thác, nước chảy băng băng. Tôi ví dụ trong khi ấy một chiếc “bà già” hai thân đuổi theo thuyền. Chúng bắn súng máy, bắn rốc két. Khi ấy, một người còn phải chèo lái, còn đồng chí đứng trên thuyền cầm súng. Đồng chí không bắn hay sao? Đồng chí đành lòng cho giặc bắn thuyền, bắn hai đồng chí hay sao? Tan thuyền mất hàng nhà nước. Đồng chí hy sinh thì đã đành, nhưng còn sinh mạng người đồng chí chèo thuyền thì sao. Hành động của đồng chí sẽ làm hại cả người khác. Vậy tôi xin nói thẳng từ bi ở đây là tự sát, là tội lỗi. Tỉnh lại đi. Tỉnh ngộ lại đi. Dung túng cho cái ác giết chúng ta, không những đồng chí có tội với nhân dân mà tôi nghĩ còn có tội với cả đức Phật.

Anh chính trị viên nói dài, rất hùng hồn, rất có tình có lý. Tôi nghe, đôi hàng nước mắt rùng rùng chảy. Tôi thầm nhủ với lòng: “Đúng là ta tội lỗi”. Tôi chưa có đủ lý lẽ sắc bén để cãi lại chính trị viên, tôi chưa đủ lập luận để biện hộ cho hành vi của mình. Tuy nhiên, không hiểu sao, ở đây

sâu tâm hồn tôi vẫn cứng cỏi một niềm tin, tôi không thể bắn vào những người trước mũi súng của tôi.

Chiều hôm ấy trung đội trưởng Trăm gặp tổ chúng tôi. Trăm bảo:

- May mắn cho thằng An mới gặp được chính trị viên Thiện của chúng ta. Chỗ khác, chắc mày phải ra tòa án quân sự. Ông ấy bảo: “Đồng chí An chưa là người giặc ngộ cách mạng, nhưng là người lương thiện. An nói: Tôi không thể bắn, nhưng chắc chắn là tôi không sợ nguy hiểm. Tôi có thể hy sinh vì đồng đội... Điều ấy tôi tin”.

- Ông ấy tin mình ư? - Tôi nói - Thế thì tốt rồi.

- Nhưng từ nay cậu thay đổi công tác. Cậu được biên chế vào tổ anh nuôi.

- Việc này tôi làm được.

- Này, đừng tưởng bỏ nhé. Nguy hiểm chẳng kém gì xung kích đâu. Lúc cần còn làm tải thương và các việc linh tinh khác. Thế là xong việc cậu An... Tiếp đến là việc cậu Cường. Đáng lẽ cậu An phải đi bổ sung cho đội vận tải thủy. Nhưng như chính trị viên nói, An không đủ tiêu chuẩn. Trên đã chọn Cường thay cậu An. vết thương ở chân lành rồi chứ... Thế nhé... Cậu Cường chuẩn bị, sáng mai lên đường.

Tiến thở dài:

- Chán ghê! Chúng mày chuyển đi hết. Tổ tam tam của chúng mình chỉ còn lại mình tao... Nhưng mà ở lại cũng tốt. Tôi xin đề nghị trung đội điều này nhé.

- Điều gì?

- Xin đừng chuyển tôi đi đơn vị khác. Tôi xin mãi mãi chung thủy với đơn vị mình.

- Tưởng cái gì, chứ cái đó thì được... Tớ cũng thích vậy... À, này cậu được đề bạt tiểu đội phó rồi đấy.

- Oách thật! Mình đã lên cán bộ...

- Nhưng tại sao cậu cứ thích đóng đô một chỗ... không muốn di chuyển, là cứ làm sao?

Cường cười:

- Anh Trăm không biết sao? - Nó không muốn chuyển vì muốn chờ để nhận thư vợ... Chuyển sang đơn vị khác, thì lại phải đi vòng vèo. Nhỡ thất lạc thì gay...

- Gớm! Thư quan trọng thế sao?

- Thế anh không biết à?

- Biết gì?

- Biết chuyện mấy tháng trước, lúc ở ngoài Thanh Hóa nó đi về phép ấy.

- Này thằng Cường. Có im mồm đi không.

- Có chuyện gì vậy? - Trung đội trưởng Trăm hỏi.

- Không được nói! - Tiến hét to - Mà đã hứa rồi mà. Thề không phản bội, không lộ chuyện của tao rồi mà.

- Thôi! Mai tao đi rồi. Cho tao phản bội mà chỉ lần này thôi.

- Có phải cái chuyên vợ cậu Tiến đi tiền chồng đến rừng phi lao rậm, rồi bắt cậu ấy phải yêu thêm một lần nữa, cố đúc ra một đứa con cho cô ấy không?

- Báo cáo thủ trưởng! Đúng!

- Tưởng gì. Chuyện ấy thì cả đại đội đều biết hết rồi. Từ lâu rồi.

- Thế có chết tôi không. Hóa ra thằng Cường phản bội tôi từ lâu rồi.

Chúng tôi cười rũ ra.

Thực ra, câu chuyện của tôi cũng không đơn giản như Trầm nói. Chính trị viên đại đội làm sao dám quyết định một mình. Đến chính ủy Trần cũng cho rằng vấn đề tế nhị và ông báo cáo lên sư đoàn. Các cán bộ bảo vệ của sư đoàn phải nghiên cứu. Cuối cùng họ đưa ra kết luận:

Thứ nhất - về gia đình. Đúng bố mẹ Nguyễn Văn An là bần nông, lại bị Tây sát hại.

Thứ hai - về bản thân. Từ năm mười tuổi, An đã là chú tiểu. Ngôi chùa Sọ trong thời đánh Pháp đã nhiều lần giúp đỡ cách mạng. Khi đi bộ đội anh là người chấp hành kỷ luật tốt, học tập tốt. Lại có tinh thần thương yêu đồng đội, không ngại hy sinh, cứu đồng đội trong chiến đấu.

Kết luận - Xét trường hợp đồng chí Nguyễn Văn An, không có quan hệ gì với phong kiến, đế quốc, trái lại, có mối căm thù với đế quốc. Vậy trường hợp này không phải là phản ứng giai cấp, hay phản động, chỉ là lạc hậu về tư tưởng. Nguyễn Văn An từ nhỏ đã ở chùa, đã bị tiêm nhiễm nặng nề tư tưởng xuất thế, tư tưởng từ bi nhân đạo phi giai cấp.

Vậy, không cần thi hành kỷ luật, mà chỉ cần bố trí công tác cho thích hợp.

Câu chuyện tôi trở thành cấp dưỡng là như vậy đó. Tôi nói với Trăm:

- Thực ra, tôi làm y tá là tốt nhất. Giá mà anh đề nghị cấp trên cho tôi đi học một lớp quân y sơ cấp.

Trăm cười:

- Cậu lại được tin cô Huệ đã về trạm y tế X nên muốn đi học y tá chứ gì.

- Đúng là Huệ đã vào đây rồi hả anh?

- Thì nghe tin thế. Chứ có ai đã gặp cô ấy đâu. Cậu muốn biết rõ hơn thì lên gặp thủ trưởng Trần.

Tôi im lặng và nghĩ đến Huệ nhiều. Nghĩ tới hôm giỗ tổ ở chùa, lúc tôi nhận lệnh nhập ngũ. Hôm ấy Huệ bảo lo lắng cho tôi nhiều. Huệ sợ tôi không thích ứng nổi với cuộc đời bộ đội. Hôm ấy, tôi nghe Huệ nói nhưng chỉ như một làn gió thoảng qua. Ôi! Cô bạn gái thơ ấu của tôi thật là nhạy cảm. Hóa ra, cô ấy hiểu tôi còn hơn cả bản thân tôi. Có lẽ tôi là kẻ hồn nhiên ngây ngô. Chỉ biết tin vào những cái gì tích cực của thế gian. Còn những khuất lấp, những khúc quanh co thì chẳng nhìn thấy.

Lại nhớ tới lần đến thăm Huệ ở Trường Trung cấp Y tế. Lúc ngồi ở hiên nhà bà mẹ nuôi của Huệ để nghe tiếng một đứa trẻ khóc dạ đề ra rá trong đêm. Khi ấy Huệ nói gì nhỉ? Phải rồi, cô ấy bảo những đứa trẻ khóc dạ đề lúc mới lọt lòng, khi lớn lên sẽ là con người hay làm nũng. Tôi ngẫm nghĩ rồi tự cười thầm. Ở thế gian vô thường này, đã là con người, ai mà chẳng thèm làm nũng. Thèm làm nũng tức là muốn quay lại thời hồn nhiên tuổi ấu thơ, ở đấy là Niết bàn, là trong trắng vô tư... Ở đấy, mẹ cho ta nụ hôn, chị cho ta tấm bánh. Tôi bỗng dưng nhớ tới chị Nguyệt của tôi. Quên đi thì thôi, chứ nhớ tới là nhớ nhung da diết. Từ nhớ chị lại nhớ đến thầy. Đáng trách thật. Đã lâu lắm rồi tôi chẳng viết thư về chùa...

“Thầy ơi!

Con thật cố lỗi, thật là kẻ vô tình bạc bẽo, vì chẳng biên thư về vấn an thầy. Thật ra con không viết thư, nhưng chẳng hề có phút nào quên lời thầy dạy. Gặp hoàn cảnh nào con vẫn nghĩ tới chánh đạo. Con nghĩ thực hành lời đức Thế Tôn, chắc sẽ làm cho thầy vui hơn là chỉ nói những lời đầu môi chót lưỡi.

Chiến trận có muôn vàn hiểm nguy nhưng con đều tai qua nạn khỏi cả. Hiện nay, con làm cấp dưỡng. Đơn vị con phải giữ một cao điểm trên một ngọn đồi. Bom đạn vãi xuống như mưa rào. Anh em ăn mãi lương khô không thể bảo đảm sức khỏe. Chúng con nắm cơm, nấu canh tiếp tế cho anh em ăn được mát ruột. Con đeo hai cái ba lô thức ăn leo lên đồi. Con leo lên trong mưa bom bão đạn. Đạn chiu chít vây quanh người. Lạy Phật! Thế mà con vẫn chẳng hề gì. Thưa thầy, con nghĩ chắc đức Thế Tôn đã phù hộ độ trì cho con.

Đã lâu lắm rồi, con chẳng nhận được tin tức gì. Sư bác Khoan Độ ra sao? Chị Nguyệt con ra sao? Con đều mù tịt. Chị Nguyệt với con chẳng khác nào người mẹ của con...”.

Viết đến đây, tôi muốn khóc. Không hiểu sao thế. Dòng nước mắt không chảy ra, nhưng tôi biết chúng đang trong tim tôi. Một cảm giác bồn chồn lo lắng bỗng dâng lên trong tôi. Cứ như thể có chuyện gì đã xảy ra với chị. Nghĩ nhiều quá về người thân nên cảm giác khắc khoải đã đến với tôi chẳng? Hay là tại những hồi ức? Cái buổi tối ở trường Y tế tôi đã kể cho Huệ nghe về chị tôi. Cả về tôi nữa. Về một thằng bé khóc dạ đề. Rồi người chị ôm đứa em đi quanh sân. Cả chị và em cùng khóc. Đứa em rên rĩ như một con mèo. Còn người chị thì khóc thầm, nhưng nước mắt tuôn ra lã chã. Để rồi mệt quá, chui trong đồng rơm... Chị Nguyệt ơi! Khi xưa, lúc ấy em còn quá nhỏ, làm sao có thể lưu lại được trong ký ức những kỷ niệm quá xa xôi như vậy. Nhưng về sau khi được nghe kể lại, thì những kỷ niệm ấy lại xuất hiện ra rõ mồn một. Có lẽ những đứa trẻ sơ sinh cũng đã có ký ức.

Những xúc động mạnh như yêu thương và đau khổ chắc cũng đã có vết hằn trong não bộ. Chỉ có điều là chúng mong manh nằm trong cõi mịt mù. Nhưng nếu khéo biết gợi mở thì chúng sẽ trở về, mà có thể trở về ào ạt...

ĐỘI GẠO LÊN CHÙA

Nguyễn Xuân Khánh

www.dtv-ebook.com

Chương 5

Chỉ ít lâu sau cải cách, làng Sọ lại rộn ràng lên một phong trào cách mạng mới: hợp tác hóa nông nghiệp. Người dân hỏi nhau:

- Lại cách mạng nữa à? Hợp tác xã là gì? Mới chia ruộng chưa được hai năm mà. Liệu lần này có đấu tố như lần trước hay không?

- Giai cấp bóc lột bị tiêu diệt rồi. Còn địa chủ đâu mà đấu. Lần này là ruộng nương, trâu bò. Tập trung tất cả lại. Làm chung. Ăn chung. Kiểu như nông trường bên Liên Xô. Làm theo năng lực, hưởng theo lao động. Ông không nghe trẻ con chúng nó hát hay sao:

Dân Liên Xô vui hát trên đồng hoa.

Kỳ này, tha hồ mà sướng.

- Rõ chán mớ đời! Vừa mới chia cho mấy sào ruộng xong. Rồi nay lại thu lại. Chả biết đường nào mà lần.

- Này, này... Có mồm thì cắp có nấp thì đập. Kéo rồi vạ miệng.

Cán bộ xã được cử đi tập huấn, học tập chính sách và các bước tiến hành. Bà Thêu cũng được cử đi học. Bà Thêu từ khi tái giá với anh đội Khoát đã tiến bộ hẳn lên. Bà đã len chân vào hàng ngũ cán bộ xã. Làm phụ nữ xã rồi được đi bồi dưỡng để trở thành nòng cốt của phong trào hợp tác hóa. Là một cán bộ nữ xinh đẹp, điều này cả làng cả xã ai chả biết. Vốn là bà sáu của ông chánh cơ mà. Ngoài cái đẹp người ra, bà còn là người có tài ăn nói. Nói đâu ra đấy. Có bài có bản hẳn hoi. Bởi vì bà là người lanh lợi, thông minh. Lại ham học tập, đọc sách. Người ta kể rằng, cái hồi làm vợ

ông chánh, tối nào ông cũng bắt bà đọc một đoạn trong cuốn sách Tàu Đông Chu liệt quốc. Nghe xong, hai vợ chồng còn bàn luận với nhau khi nằm ở trên giường. Nhờ thế mà bà Thêu trở thành một người đàn bà thông thái hiếm có so với những người đàn bà cùng lứa với bà.

Khi đi học hợp tác hóa về, trong cuộc họp xóm, bà giải thích cho dân làng:

- Đã qua cải cách ruộng đất rồi. Các ông các bà có còn ai thích làm địa chủ nữa không? Có còn ai thích bóc lột đồng bào nữa không? Hoặc giả có vị nào còn thích làm cố nông mảnh đất cắm dùi không có nữa không? Có vị nào còn thích chế độ bóc lột tàn tệ, kẻ ăn không hết người lần chẳng ra nữa không? Hẳn là không chứ gì? Nhưng nếu cứ để tự nhiên như thế này, thì mười năm nữa, hay hai mươi năm nữa, lại có người giàu lên, lại có kẻ nghèo đi. Làng ta lại mọc lên những địa chủ mới, những cố nông mới. Chẳng lẽ đến lúc ấy, chúng ta lại tiến hành cải cách ruộng đất lần thứ hai, rồi lần thứ ba... nữa hay sao. Người ta gọi tình trạng đó là phân hóa giai cấp. Đảng ta tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp, tức là muốn xóa bỏ sự phân hóa giai cấp. Mọi người góp ruộng đất, trâu bò, cày bừa lại làm của chung. Cùng làm ăn tập thể. Cùng làm ăn có kế hoạch. Như thế gọi là hợp tác xã.

Giai đoạn đầu: Ai làm nhiều, hưởng nhiều. Ai làm ít, hưởng ít. Thế gọi là làm theo năng lực, hưởng theo năng lực.

Giai đoạn sau: Làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu. Đó là giai đoạn chúng ta đã tới Chủ nghĩa Cộng sản.

Lẽ dĩ nhiên, bà Thêu được bầu làm chủ nhiệm hợp tác xã. Toàn bộ dân làng Sọ nghe bà giải thích đều đồng lòng vào hợp tác nông nghiệp hết. Không một ai chần chừ. Tổng kết đợt công tác hợp tác hóa, làng Sọ được bầu là thôn tiến bộ nhất huyện, bà Thêu được bằng khen.

Ông Khoát, chồng bà Thêu, sau cải cách ruộng đất được điều lên tỉnh làm Phó ty nông nghiệp. Trong hợp tác hóa, ông nghỉ phép ở nhà một tuần, lẫn lộn từng xứ đồng với các cụ lão nông rồi lên một kế hoạch sản xuất rất khoa học. Toàn bộ hợp tác xã có bao nhiêu ruộng nhất đẳng điền, bao nhiêu ruộng loại B, loại C, cho năng suất tổng cộng bao nhiêu tấn thóc đều rõ ràng rành mạch. Lại thống kê cả xóm có bao nhiêu lao động chính, phụ. Cũng rất chi tiết. Rồi lại tỉ mỉ cộng lại số công lao động của từng thửa ruộng, số ruộng đất đã rõ. Số lao động dự trữ đã có. Số công lao động phải dùng đã có. Người ta chỉ dùng bốn phép tính cộng trừ nhân chia đơn giản cũng tính ra giá trị của mỗi ngày công.

Kết quả của kế hoạch trên giấy thật mỹ mãn, mỗi công lao động sẽ được chia năm kilôgam thóc.

Trong cuộc hợp tác hóa ấy, lẽ dĩ nhiên tất cả ruộng đất nhà chùa đều phải vào hợp tác. Sư cụ Vô úy quá tuổi lao động nên không phải ra đồng làm việc. Đến vụ ăn chia hợp tác xã điều lương thực cho. Nghĩa là, cụ được hợp tác xã bán cho lương thực đủ sống. Còn sư Khoan Độ và vãi Nguyệt vẫn còn trong tuổi lao động, lại là những lao động chính nên được hợp tác xã điều đi làm việc hàng ngày. Cô Nguyệt thì chẳng làm sao. Cô có thể làm cho hợp tác bất cứ lúc nào. Riêng sư Khoan Độ thì có chút khó khăn. Bởi vì sư cụ đã quá già. Mọi việc nhà chùa, sư bác phải một mình cáng đáng. Ngoài việc nhang khói tụng niệm hàng ngày, lại còn những Phật sự như tang lễ, cầu siêu cho các gia đình. Thấy có sự khó khăn cho sư trong việc lao động hợp tác, cho nên có bạn sư cụ gặp bà Thêu chủ nhiệm. Cụ bảo:

- Thưa bà chủ nhiệm, đối với người tu hành Phật giáo, việc lao động là một việc tốt. Nhà chùa vốn có luật lệ “bất tác, bất thực”. Nghĩa là không lao động thì không ăn. Ngày xưa, có một vị tổ của chúng tôi chấp hành luật lệ này quá nghiêm khắc. Đến nỗi, lúc tổ ngoài tám mươi tuổi rồi, vẫn ngày ngày vác cuốc đi trồng sắn trồng khoai. Các đệ tử thấy vậy rất xót xa. Họ liền bảo nhau giấu cuốc đi, không cho tổ lao động nữa, sợ rằng hại sức

khỏe của thầy. Tổ không được lao động, liền bỏ bữa không ăn cơm nữa. Và tổ cứ thi hành cung cách ấy rất nghiêm túc. Nghĩa là tất cả những ngày không lao động, người đều nhịn ăn. Học trò thấy việc ngăn không cho thầy lao động, hóa ra lại làm hại thầy. Cho nên sau đó để mặc cho thầy lao động hàng ngày. Tổ nhờ lao động, đã sống ngoài chín mươi tuổi mới thị tịch.

Đối với nhà chùa chúng tôi, chúng tôi coi trọng việc lao động là thế. Cho nên nhà nước ta bảo lao động là vinh quang chúng tôi rất tán thưởng. Cả việc lập hợp tác để tránh việc phân hóa giàu nghèo chúng tôi cũng xin chấp hành nghiêm chỉnh.

Chỉ có điều, đi làm phải theo kẻo, theo giờ giấc hợp tác, thì có điều bất tiện cho chúng tôi khi làm Phật sự. Vì vậy chúng tôi xin bà chủ nhiệm xem xét tình hình riêng của chúng tôi, mà linh động cho phép nhà chùa được lĩnh riêng ra hai sào ruộng, để chúng tôi có thể tùy nghi lúc lao động ngày, lúc ban đêm, tùy theo giờ giấc lúc bận lúc rỗi. Dạ thưa bà chủ nhiệm, lẽ dĩ nhiên bao nhiêu hoa lợi, nhà chùa sẽ giao nộp toàn bộ lại cho hợp tác. Rồi đến vụ thu hoạch nhà chùa sẽ chỉ ăn chia tùy theo sự bình phẩm công của hợp tác... Vâng ạ... Chắc chắn sẽ không bao giờ có chuyện man trá.

- Không man trá. Điều ấy, tôi có thể tin sự cụ. Tuy nhiên, vấn đề không phải ở đây. vấn đề là nhà chùa lấy ra hai sào làm riêng. Hóa ra nhà chùa muốn làm ăn riêng lẻ. Khi thành lập hợp tác, chính sự cụ là người đã tự nguyện, đã ký vào đơn xin gia nhập, tự nguyện đưa toàn bộ ruộng nhà chùa vào làm ăn tập thể. Không bao giờ có chuyện chia nhỏ ruộng đất giao cho từng hộ. Việc đó là phá hợp tác, là quay trở lại con đường tư hữu. Bất cứ kẻ nào quay trở lại con đường tư hữu, đều là những phần tử phản cách mạng, chống lại đường lối của Đảng. Không thể có chuyện hai sào ruộng ấy đâu. Đó là nguyên tắc bất di bất dịch.

Như đã nói, bà Thêu là người đàn bà đẹp của làng Sọ mà ông chánh đã phát hiện. Nhưng, ngoài cái đẹp, bà Thêu còn là người đàn bà thông minh sắc sảo. Điều này mãi về sau ông chánh mới biết. Người đàn bà đẹp lại

thông minh, thì cái thông minh lại làm cái đẹp tăng lên bội phần. Không biết có phải vì những đêm đọc truyện Đông Chu và luôn được tiếp xúc với các bậc hào lý bạn ông chánh mà cái sắc sảo của bà được phát lộ ra không. Hay là bởi vì bà là người nhạy cảm, mà thời thế thì biến động thay đổi đã liên tục xô đẩy nên cái trí thông minh nhạy cảm của bà đã bị va đập mà trở thành sắc bén. Cũng có thể vì bà là người phụ nữ. Mà phụ nữ, thì từ bao đời kiếp nay ở chốn thôn quê, chỉ là cái túi để dòn chứa đầy ắp những túi nhục xót xa của kiếp người. Hơn nữa, những túi nhục ấy, chính mẹ bà và bản thân bà đều đã trải qua. Mà cách mạng thì sao? Đúng là cách mạng đã cời xiềng xích cho bà.

Vì thế cho nên, lúc Cách mạng tháng Tám sắp nổ ra, bà Thêu đã khuyên ông chánh nên đứng về phía cách mạng. Khi xảy ra vụ đói năm 1945, cán bộ Việt Minh đến nhà vận động giúp dân. Ông tiếc của có vẻ chần chừ, bà nói:

- Ông đọc sách mà chẳng sáng láng tẹo nào. Thủy Hử đấy. Lương Sơn Bạc đấy. Lấy của nhà giàu chia cho người nghèo đấy. Vua ngày xưa còn chẳng làm gì nổi, huống chi ông chỉ là một phú ông ở chốn quê mùa. Thà ông mở kho thóc chia cho dân còn được tiếng thơm là kẻ nhân từ, biết thời thế. Ông mà chần chừ, người ta sẽ vào cái nhà này cướp sạch, phá sạch.

Ông chánh nghe lời, vét kho được năm trăm thùng thóc đem chia cho dân nghèo. Thấy ông là người giác ngộ, nên cướp chính quyền xong, ông được dân bầu làm phó chủ tịch hành chính xã. Nghĩa là, sau cách mạng, ông vẫn được cưỡi con ngựa hồng, nay lên tỉnh, mai lên huyện họp. Đâu vẫn hoàn đấy. Trước ông là chánh, còn bây giờ là phó chủ tịch. Chỉ khác cái tên gọi đi thôi.

Còn chuyện ông chánh ghen với bà, nghi ngờ cái Rêu không phải con mình, chuyện ấy bà không thanh minh và chẳng nói với ai. Nhưng thực ra, đó chẳng qua là bà muốn bảo vệ cho chính quyền lợi của mẹ con bà thôi.

Hồi ấy, có một ông cán bộ Việt Minh thường hay lui tới nhà bà thật. Bà đã giúp đỡ và che chở cho con người ấy thật. Như ta đã biết, bà là người nhìn xa. Bà nhìn thấy thời thế, biết là Việt Minh đang lên. Trước sau, chính quyền sẽ về tay họ. Cho nên bà muốn tìm chỗ cậy dựa cho mẹ con bà lúc về sau này, tưởng cũng là chuyện bình thường.

Chuyện đám tuần phiên, đang đêm thấy một bóng đen từ cái trổ che nhà bà chui ra, rồi lặn xuống sông Đào mất hút, là chuyện có thật. Nhưng bảo rằng cái Rêu là đứa con trăng gió của bà thì sai. Bà không muốn thanh minh vì càng thanh minh thì người ta càng không tin. Ở thôn quê vẫn thế. Và lại, nếu người ta nghi nó là con một ông Việt Minh, thì điều ấy chưa chắc đã là bất lợi.

Đến thời tạm chiếm, khi Tây quay trở về, lý Phượng lên làm lý trưởng, quản Mật đi lính cho Tây, bà Thêu nói với ông chánh:

- Các con ông chẳng khôn ngoan chút nào?
- Ý bà là thế nào?
- Họ quá thân thiết với người Pháp.
- Bà nói rõ hơn xem sao.
- Họ không tính bước lùi. Sợ rằng lúc chết không có đất mà chôn.

Cả sư cụ cũng khuyên ông chánh nên răn dạy con nên bớt hung hăng với bà con và đừng quá gắn bó với người Pháp. Chánh Long nghe theo vợ và sư cụ khuyên nhủ, nhưng lý Phượng và quản Mật nào có nghe. Họ đã bị bão tố và danh lợi cuốn đi. Điều bi thảm được bà Thêu tiên đoán “Chết không có đất chôn” đã xảy ra. Nhưng buồn thay, người gánh chịu không phải hai người con, mà lại là ông chánh.

Lúc ông chánh bị treo trên cành ngang cây muỗm, và bà ngồi trên cao chót vót làm người xử án, quả thực bà thấy thương ông, bà biết ông bị chết oan, nhưng biết làm thế nào được. Bà có quyền gì trong việc này. Ông bị chết là do một người nào đó ký. Và lại chính người ký ấy cũng đâu có quyền gì. Hình như nó do một nguyên tắc tối cao nào đó quyết định. Và lại, lúc đó bà hoàn toàn cảm thấy mình là một người cách mạng. Và cách mạng thì giống như một guồng máy. Khi đã ở trong guồng, thì máy luôn quay, và phải tuân thủ đúng những nguyên tắc của guồng. Nếu không chính bản thân ta cũng sẽ bị nghiền nát.

Bà đau đớn xót thương cho cái Rêu. Con gái bà ít trải nghiệm. Nó quá thơ ngây. Cái chết của nó làm bà khóc tức tưởi hàng đêm suốt một tháng trời. Có lẽ con bé đã nghĩ vì bà nên ông chánh mới chết. Nó có biết đâu mẹ nó đã đau khổ thế nào khi bị ông chánh ép buộc. Nó có biết đâu thân phận người đàn bà xưa là thế nào. Nó có biết đâu những khát khao của người đàn bà. Mẹ nó là đàn bà. Tức thì mẹ nó cũng cần sống chứ. Con bé chưa đủ từng trải chưa đủ độ lượng để nghĩ cho thân phận bọt bèo của mẹ nó. Cho nên nó không chịu tha thứ. Cái chết của nó là sự phản kháng là sự kết tội người mẹ. Nhất là khi bà Thêu lại lấy anh đội Khoát.

Bà Thêu cảm thấy như vậy nên có những bứt rứt trong lòng. Và để giải tỏa những bứt rứt ấy, bà liền biến chuyển những tình cảm của mình thành những mối thiện cảm với lũ bè bạn của Rêu. Bạn của Rêu có thằng An, thằng Trăm, cái Huệ, cái Hiếu. Tất cả đã rời khỏi làng. Chỉ còn lại cái Hiếu. Cho nên bà coi Hiếu như con. Thực ra, đứng về thế thứ gia tộc nhà ông chánh thì bà Thêu là dì ghẻ lý Phượng. Cái Hiếu là con lý Phượng, nó phải gọi bà là bà trẻ. Rêu, Hiếu là hai cô cháu nhưng cũng là bạn thân với nhau. Không hiểu sao cái tình bè bạn của lũ trẻ làng Sọ hình như lại quá thắm thiết, đến nỗi lắm khi cái tình họ hàng như bị mờ đi. Vì vậy nên bà Thêu coi cái Hiếu như con gái mình là điều người ta hiểu được. Tuy nhiên, mặc dù thế, cái Hiếu vẫn gọi bà là bà trẻ. Hiếu làm công tác đoàn xã, khá lành lợi. Như vậy ở Hiếu hội đủ khá nhiều điều kiện để bà Thêu giúp đỡ

gây dựng. Cô gái đã học xong lớp bảy. Đã kinh qua công tác lãnh đạo. Ông Phệ, anh bà Bệu, bác ruột đảng ngoại của Hiếu lại là trưởng ty nông nghiệp trên tỉnh. Cho nên, khi bà Thêu được đề bạt lên phó chủ tịch xã, bà liền tìm hết cách để vận động đưa Hiếu lên làm chủ nhiệm hợp tác xã thôn, kiêm bí thư chi bộ. Bà Thêu lên xã làm phó chủ tịch, được bầu vào Đảng ủy xã. Bà được phân công theo dõi và kiểm tra, đôn đốc, giúp đỡ hợp tác xã thôn Sọ. Cho nên bà Thêu và Hiếu gắn bó với nhau lắm.

Sáng hôm ấy Hiếu đến nhà bà trẻ Thêu. Nhà bà là một căn nhà khá xinh xắn trong làng. Mỗi người vợ của ông chánh đều có nhà riêng. Lẽ dĩ nhiên, bà thứ sáu, bà Thêu phải có ngôi nhà đẹp nhất. Một căn nhà gỗ ba gian giữa một khu vườn ba sào. Và có lẽ thích nhất trong ngôi nhà ấy là khu vườn. Ở thôn quê, hiếm có một khu vườn như vậy. Ba phía đằng sau và bên cạnh có lũy tre bao bọc. Riêng dãy hàng rào phía trước hướng nam trồng dâm bụt. Thứ nhất, rào dâm bụt thấp tạo khoảng trống cho gió nồm ùa tới vào mùa nóng nực. Thứ nhì, hoa dâm bụt rực rỡ chói lọi, tạo thành một lũy hoa đỏ ối trước mặt tiền, khiến căn nhà có một vẻ riêng độc đáo, nó như luôn tươi cười đón khách. Đó là thị hiếu riêng của ông chánh khi cưới bà Sáu. Ông chánh là một tài tử. Tài tử rước một mỹ nhân về thì chiếc lồng son phải làm sao cho xứng với vưu vật đó chứ. Ngoài hàng rào dâm bụt đặc biệt, ông còn cho trồng một cây ngọc lan ở trước sân nhà. Người ta bảo hoa lan thơm ngát, nên ma quỷ hay về trú ngụ. Ông nói:

- Người xưa bảo người đẹp còn dễ thành tinh hơn cả hoa thơm. Thế mà tôi còn chẳng sợ nữa là.

Ông sai mua một cây lan tơ mập mập, cao quá đầu người, rồi sai mấy tay lực điền đào năm thật to, rồi chằng buộc kỹ càng đem về trồng. Cây to khỏe, lại được chăm sóc cẩn thận, nên chỉ ba năm sau, nó đã trĩu trĩu những hoa.

Hiếu mới bước đến đầu ngõ đã thấy sức nức mùi ngọc lan. Cả một vùng trời như được ướp hương lan. Chạm vào cành dâm bụt, những giọt

sương đêm rơi lộp độp. Có giọt rơi vào má Hiếu. Tưởng như sương ấy cũng đượm hương ngọc lan.

Cây hoa có một cành chìa vào sân gạch. Hoa nở rụng trắng một góc sân. Hiếu vào đúng lúc có người đang lúi húi nhặt hoa rụng. Hiếu ngỡ ngàng dụi mắt. Một lát sau mới à lên một tiếng. Người nhặt hoa ngẩng đầu lên. Hóa ra là bà Thêu.

Hai bà cháu vào ngồi ở thềm nhà. Hiếu ríu rít:

- Bà trẻ ơi! Cháu nói câu này bà trẻ đừng buồn nhé.

- Sao?

- Lúc này nhìn bà nhặt hoa. Cháu cứ ngỡ bà là cô Rêu. Chao ôi! Bà và cô Rêu giống nhau như đúc.

Người mẹ buồn buồn:

- Chả cứ gì cháu. Nhiều người trong làng nhìn ta đằng sau lưng, cũng nói giống như cháu.

Đó là câu chuyện người ta thường tránh nói vì không muốn động tới nỗi buồn ngày xưa. Nhưng rồi người ta vẫn nói, bởi vì thực sự hai mẹ con bà Thêu giống nhau như hai giọt nước. Và lại cũng còn bởi vì bà Thêu tuy thể song hình như vẫn thích gợi lại những kỷ niệm về con gái. Cuộc cải cách ruộng đất đi qua đã lâu. Những vết thương tâm hồn làng xóm đã lành trở lại. Riêng bà Thêu, vết thương vẫn chưa lành. Bà vẫn bị giày vò. Như một mặc cảm tội lỗi vậy. Có lẽ bà quá nhạy cảm và lương thiện. Sự thực thì chẳng phải lỗi của bà. Rêu là một thiên thần. Thiên thần quá trong trắng nên làm sao chịu đựng được những cảnh độc ác, ô trọc của cõi nhân gian này. Vì thế nên thiên thần mới vỗ cánh bay đi, để lại tiếc thương cho những người trần tục. Và lại, còn biết nhớ tới, biết tiếc thương cái mảnh pha lê trong vẩn vắt ấy cũng là điều đáng quý rồi. Tiếc thương cái đẹp làm cho

con người tốt hơn lên. Hơn nữa, việc nhắc lại ký ức còn là tác dụng giải tỏa cho bà Thêu những ảm ức. Nhớ lại rồi nói ra thì lòng cũng được vui nhẹ. Cái Hiếu bảo:

- Bà trẻ còn nhớ bà cụ Thầm, bà vãi chùa làng không?

- Ai mà quên được.

Cô gái kể một chuyện như hoang đường:

- Bà ngoại của chồng cháu có cái tài nói chuyện được với người âm. Thuở nhỏ, lũ chúng cháu hay ra căn nhà lá mà dân làng hay gọi là am ni ở cạnh ao chùa. Chúng cháu ngồi nghe kể chuyện cõi âm. Sợ run người mà vẫn thích. Bà vãi Thầm thường chỉ những con đom đóm bay trên ao bè mà nói: “Con đom đóm to nhất và xanh lét kia là bà Thắm. Hồi trẻ hai bà thân với nhau lắm. Bà Thắm yêu một ông thợ cày nhưng cha mẹ chê nghèo không gả. Các cụ cứ bắt bà Thắm lấy một ông già nhà giàu bên làng Thượng. Bà Thắm phẫn chí lấy thắt lưng treo cổ lên cây đa tự vẫn. - Bà cụ Thầm giải thích: “Khi người ta chết, trong thời gian còn chờ đợi để đi đầu thai. Hồn người ta thường nhập vào loài đom đóm. Chùa ở ngay cạnh nghĩa địa làng nên ở đây lắm đom đóm”. Nghe vậy, bọn trẻ thắc mắc: “Bà Thắm vào trạc tuổi bà. Như vậy đã chết lâu lắm rồi. Sao bà Thắm ở kiếp đom đóm lâu thế? Mãi chưa được sang kiếp người”. Bà cụ Thầm giải thích: “Đạo Phật cấm sát sinh. Giết người là tội to nhất. Không những giết kẻ khác, mà tự giết chính mình cũng không được phép”. Nghe thế, chúng cháu rất hoang mang - Bởi vì cái Rêu đã nhảy xuống giếng. Như vậy, tức là nó cũng tự sát. Nó tự sát nên chậm được đi đầu thai chăng? Cho đến một buổi sáng, khi cháu đến căn nhà lá cạnh chùa thì thấy bà cụ Thầm đang đứng gần người dưới giàn mướp. Thấy mặt cháu, bà cụ vẫy gọi rồi rít:

- Hiếu ơi, lại đây mà nghe.

- Nghe gì ạ?

- Tai mày điếc à? Thấy chưa? Thấy chưa?

- Thấy gì ạ?

- Tiếng chim hót chứ còn gì? Khẽ thôi nhé. Chả động nó bay mất.

Đến lúc ấy, cháu mới thực sự nghe thấy tiếng chim. Một con chim nhỏ bé hót trên cây táo, cạnh cây sung. Cháu căng mắt nhìn xuyên qua giàn lá mướt. Tìm mãi tìm mãi qua kẽ lá mới trông thấy một con chim nhỏ xíu. Lông màu vàng chanh óng ả. Con chim như một nghệ sĩ hót mê đắm, đến nỗi hai bà cháu đứng ngay phía dưới mà cũng không biết. Cháu có cảm giác nếu không có giàn mướt, thì chỉ cần giơ tay khỏi đầu là chạm tới cành táo nơi con chim đậu. Nói tóm lại, con chim chỉ cách đầu hai bà cháu một với tay. Đúng là thứ chim nghệ sĩ. Một con chim vành khuyên nghệ sĩ. Bà cụ Thầm thì thào vào tai cháu:

- Nó. Nó đấy.

- Nó là cái gì hở bà?

- Nó là nó chứ còn là gì. À... à... - Lúc bấy giờ, bà Thầm mới giảng giải rõ hơn. - Chả là đêm qua bà nằm mơ thấy cái Rêu. Nó bảo sáng nào nó cũng về chào bà hẳn hoi mà bà chẳng biết. Bà hỏi: Thế mày chào bà thế nào thì phải nói ra. Bây giờ âm dương cách trở rồi mà. Lúc đó nó mới nói sáng nào nó cũng nhập vào con chim vành khuyên lúi lo nói chuyện với bà. Nó bảo nếu bà không tin, sáng mai nó sẽ về hót trên giàn mướt.

Hiếu kết luận:

- Hóa ra con vành khuyên sáng hôm ấy là cái Rêu hiện về. Cháu cố nhìn kỹ. Con vành khuyên thật xinh đẹp. Mà hót thì hay vô chùng, bà trẻ ạ. Nhưng tiếc quá, cháu và cụ Thầm nói quá to nên nó bay đi mất.

Bà Thêu nghe Hiếu kể đến lúc ấy mới dám nói:

- Hiếu ạ. Thế thì bà chỉ cho cháu xem cái này hay lắm. - Bà Thêu và Hiếu ra gốc cây lan, ngửa cổ nhìn lên vòm lá xanh biếc màu ngọc. Cây lan rụng đã vội hoa, bắt đầu đơm lá non. Ánh nắng qua tán lá tỏa xuống đất biến thành màu xanh cốm. Nửa vàng nửa xanh. Cây lan non tơ nên vòm lá rậm rịt. Lá mơn mớn khá to. Bà Thêu giơ tay chỉ:

- Kia kìa! Ở giữa cành chĩa ra vườn ấy. Cháu đã nhận ra chưa? Cái tổ chim vành khuyên.

- Cháu thấy rồi. Nó được khâu bằng ba cái lá.

- Đúng thế. Tuần trước bà thấy một đôi chim tha rác về. Nó hót rất hay. Hóa ra đôi vành khuyên.

Hiếu đã thấy nhiều tổ chim sâu, vành khuyên. Thường thường chúng hay làm ở những bụi lá ngải gần bờ ao. Những con chim nhỏ xíu rất khéo léo. Chúng lợi dụng hai chiếc lá ngải kề nhau, rồi dùng mỏ làm kim dùng bông làm chỉ khâu ngọn hai chiếc lá lại. Sau đó, tha rác vào trong xếp đặt ràng buộc lại với nhau rất khéo léo tinh vi, tạo thành một cái tổ êm ấm. Phải chọn lá thế nào để khi trứng nở, hai chiếc lá chưa kịp già úa. Phải bố trí thế nào để dù mưa to gió lớn, nước mưa vẫn không thể lọt vào trong. Bà Thêu nói:

- Từ hôm thấy đôi vành khuyên, bà cứ thấy trong lòng hồi hộp xốn xang. Hôm nay được nghe cháu kể chuyện bà Thâm và con vành khuyên trên giàn mướp, bà càng thêm hồi hộp. Không biết có phải...

- Cháu hiểu ý bà trẻ rồi. Chắc bà trẻ ngờ một con chim vành khuyên làm tổ kia là hồn cô Rêu nhập về phải không?

- Ủ, bà nghĩ như vậy.

- Cũng dễ thôi. Để kiểm tra thôi bà trẻ ạ. Bà cho cháu xin ba nén nhang. Bà thắp lên và cắm dưới gốc lan. Sau rồi bà khấn. Khấn rằng nếu

phải đúng là con trở về thăm mẹ thì con hãy hiển hiện về làm một điều gì đó cho mẹ chứng kiến và được yên lòng.

Bà Thêu nghe lời Hiếu lầm rầm khấn vái về mặt rất thành kính.

Và kỳ lạ thay! Một điều khác thường đã xảy ra. Trời không một sợi gió. Cây cối trong vườn đứng im phăng phắc. Thế mà bỗng dưng ngọn cây lan đột nhiên lay động rồi múa lên, rung lên bần bật. Khi những chiếc lá thổi múa, thì đôi chim vành khuyên ở đâu cũng chọt bay về tán ngọc lan và ríu rít hót.

Bà trẻ Thêu và Hiếu nhìn nhau. Hiếu nói thêm.

- Cụ Thầm nói với cháu rằng những người thường thì chết đi hồn nhập vào lũ đom đóm ngoài nghĩa địa. Riêng những người đặc biệt như cô Rêu và những người cả đời chỉ làm việc từ bi thì khi chết đi được nhập thân vào những bông hoa đẹp hoặc những con chim có giọng hót hay, như con chim họa mi, con chim sáo. Nhập vào nhưng không vĩnh viễn. Họ chỉ chờ dịp đầu thai trở lại cõi trần, hoặc đầu thai vào cõi trời làm các cô tiên nữ rắc hoa.

Cuộc nói chuyện về con chim vành khuyên tưởng như tầm phào, nhưng thực ra đã làm cho Hiếu và bà Thêu gần nhau rất nhiều. Cho đến khi họ ngồi vào chiếc chiếu ở thềm nhà để nói chuyện công việc, thì công việc trở nên dễ dàng vô cùng. Bây giờ không phải là cô chủ nhiệm hợp tác xã nói chuyện với bà phó chủ tịch xã kiêm Đảng ủy nữa, mà là câu chuyện trong gia đình giữa cháu và bà. Cô Rêu, một người đã chết, đã làm chiếc cầu nối cho những người sống. Bà Thêu, như ta biết, khi làm chủ nhiệm hợp tác xã đã rất nguyên tắc. Sư cụ Vô úy xin hai sào ruộng cho nhà chùa làm riêng bà kiên quyết phản đối. Cô Hiếu, khi lên nắm hợp tác xã, thì tìm cách làm cho nhà chùa đỡ khổ. Hiếu chẳng lạ gì hoàn cảnh nhà chùa. Hơn nữa, bà cụ Thầm và cả bà Thì mẹ chồng cô, lại chịu ơn nhà chùa rất nhiều. Vậy cô không thể nào đành tâm để cho họ gặp khó.

Bà Thêu hỏi:

- Tôi nghe báo cáo, cô họp ban quản trị đề nghị cắt ra một sào đất cho hội bà vãi và hai sào đất cho nhà chùa...

- Báo cáo bà trẻ. Họ báo cáo thế là chưa đầy đủ. Thực ra, con đã bớt ra một ít sào, phân cho tất cả các đoàn thể. Con thiết nghĩ hợp tác xã giống như một con rết, có rất nhiều chân. Con rết muốn chạy được nhanh, thì tất cả các chân đều phải khỏe. Những chân đó là các đoàn thể. Mà các đoàn thể muốn khỏe thì ta phải có cơ sở vật chất cho họ. Tức là phải gây quỹ cho họ. Có gạo có tiền thì việc mới chạy. Vậy nên, hợp tác xã đã đồng ý cho các cụ phụ lão bốn sào. Bốn sào để làm vườn thuốc đông y.

- Tôi nghe các cụ chỉ trồng hơn một sào thuốc. Còn ba sào kia họ trồng đậu.

- Thì cũng phải linh động chứ ạ. Ngoài làm thuốc ra, các cụ còn phụ trách hội khuyến học, rồi tổ thơ. Cháu nghĩ các cụ già rồi. Mỗi lần họp cũng cần có ấm trà, điều thuốc. Không có ruộng thì các cụ lấy tiền ở đâu ra. Đoàn thanh niên cũng vậy. Họ muốn hoạt động cho rôm rả cũng cần có tiền. Đội văn nghệ này. Đội bóng đá này. Mua trống cho thiếu nhi này v.v... Còn các bà vãi, cháu chỉ cắt cho một sào thôi, cắt chân ruộng tốt, gần làng. Để các cụ trồng lúa nếp. Bà trẻ tính. Trẻ vui nhà, già vui chùa mà. Để cho các vãi ngày rằm mồng một còn có cái mà thối xôi đóng oản lễ Phật. Nhà sư cũng vậy. Nhà chùa dạy người ta làm việc thiện. Tức là các nhà sư làm nghề tôn giáo. Trước cháu được ra Hà Nội đoàn thanh niên mời các giáo sư đại học đến giảng. Thưa bà, nhà chùa không phải là mê tín dị đoan đâu. Người ta nói nghĩa lý hay lắm nhưng cháu không nhớ được. Cháu chỉ nhớ lời dặn cuối cùng của ông giáo sư già: “Chùa chiền là cửa quý của văn hóa dân tộc. Đó là điều rất tinh tế, rất sâu sắc. Chưa hiểu hết thì hãy lặng lẽ quan sát, dè dặt và trân trọng. Đừng đối xử thô bạo với nó. Kéo mà rồi hồi không kịp”.

Bà phó chủ tịch trầm ngâm một lúc rồi mới nói:

- Cháu đáo để thật. Nhưng mà, bà tán thành việc cháu làm. Từ ít lâu nay, bà suy nghĩ nhiều về cái lẽ cứng mềm. Mà vừa qua, có lẽ bà hơi cứng thì phải. Mới rồi, bà có gặp ông chủ tịch tỉnh. Ông ấy cũng có ý thích như bà: đọc các chuyện cổ bên Tàu. Thấy bà là nữ mà ham đọc sách ông ấy quý lắm. Cứ nhắc đi nhắc lại câu tục ngữ xưa của dân quê mình: “Lạt mềm buộc chặt”. Ông ấy bảo đó là lời dạy làm nghề chính trị sâu sắc nhất. Ông ấy nói: Làm lãnh đạo tức là phải thực hiện ý kiến của trên nhưng cũng đồng thời phải thỏa mãn được nguyện vọng của dưới. Nếu chỉ làm được về trên, thiếu về dưới, thì cũng thất bại. Nay, cháu ví hợp tác xã như con rết, và chú ý đến các chân rết, biết thỏa mãn nguyện vọng của các cụ phụ lão làm thợ, rồi nguyện vọng của đám thanh niên yêu văn nghệ, ngay cả các bà vải già đi chùa cũng không quên. Tức là cháu đang làm cái vế thứ hai trong câu nói. Vì thế nên bà ủng hộ công việc của cháu. Tốt quá! Bà nghĩ rằng cháu còn tiến xa hơn.

Bà Thêu là người thông minh sắc sảo. Bà lại là phụ nữ nên mềm dẻo, không ưa cực đoan. Nay bà gặp Hiếu cô gái trẻ này cũng giống bà, Hiếu lại là bạn Rêu. Gây dựng được cho Hiếu, bà cũng có cảm giác bù đắp được cho Rêu. Người đàn bà sắc sảo ấy hình như cũng giải tỏa được phần nào cái mặc cảm tội lỗi với người con gái đã khuất của mình.

Việc Hiếu lên làm chủ nhiệm cũng là điều thật may mắn cho những con người ở ngôi chùa làng Sọ.

* * *

Ở mỗi làng quê đều có những nhân vật đặc biệt của riêng mình. Đời sống của họ tạo nên những giai thoại, thậm chí những huyền thoại, làm cho mỗi làng lại có những màu sắc riêng; ví dụ những anh hùng đánh giặc giỏi, những thần đồng trong bụng chứa hàng bồ chữ, những cô gái đẹp nghiêng nước nghiêng thành, lấy vua chúa. Đó là cái tài cái đẹp làm ai cũng tự hào

và nhớ mãi. Nhưng không phải người ta chỉ nhớ tới những điều tốt đẹp mà thôi. Cả những con người kỳ dị xấu xí cũng làm người ta nhớ mãi. Có thể nói mỗi làng đều có những quái nhân của nó. Những quái nhân ấy cũng đóng góp cho màu sắc riêng của làng. Và những câu chuyện về họ, người làng cũng khó có thể quên. Có thể nói ông cụ Khố, chồng bà cụ Thăm là một quái nhân. Chồng thì đêm ngày bì bõm ngoài đồng như con rái cá. Đêm thì nằm quay lơ trên những chiếc má cao mà ngáy khò khò. Đã thế, bà vợ lại cũng điên khùng chả kém. Đêm ngày chỉ trò chuyện với người cõi âm.

Song, ngoài cụ Khố ra, làng Sọ còn có một gia đình quái nhân thứ hai. Đó là ông cụ Xuân. Những quái nhân làng xã thường là những chàng khổng lồ. Ông Xuân cao chừng một mét tám, chân tay vạm vỡ. Quái nhân thông thường nghèo khổ. Chắc chắn từ lúc chào đời đã đói khát. Vì vậy, họ phải có một thể chất đặc biệt, một sức sống dẻo dai thế nào mới sống sót nổi trên cõi đời này. Ông Xuân quê quán nơi nào, xuất xứ ra sao, vì sao phải lưu lạc đến vùng này, người ta không biết. Chỉ biết ông lực lưỡng, làm việc đồng áng giỏi, lại hiền lành nên người ta thuê ông làm việc. Ông Xuân để ý đến các cô gái trong làng, nhưng người ta đều sợ. Các cô bảo nhau:

- Hắn cao lớn thế kia. Người ta bảo cái “của ấy” của hắn to bằng cái chày giã cua. Hắn mà đè xuống, rồi tổng vào thì chỉ có nước rách ra mà chết.

Tán tỉnh mãi mà chẳng có cô nào đi theo làm vợ, ông Xuân chán nản bỏ lên mạn ngược mấy năm. Người ta đồn ông Xuân may mắn gặp được một cô gái người đẩy đà như cái bồ. Cô gái đẩy đà quá nên ế chồng. Nay gặp được Xuân vừa đôi phải lứa nên quấn lấy nhau. Cô gái người Mường to béo là thế mà khi gặp Xuân, bị hắn quần cho, cũng trở nên xanh lợt như tàu lá. Hắn dâm dê và quá khỏe nên người đàn bà sinh bệnh ốm lơ ốm lửng. Người ta bảo Xuân cuồng dâm, lúc nào trông thấy vợ cũng muốn đè ra ngủ. Lẽ dĩ nhiên người chồng quái nhân như thế thì vợ hắn phải chết thôi. Cũng

may, trước khi lìa đời, chị sinh cho hẳn một đứa con trai. Ông Xuân ôm đứa con đỏ hồng trở về làng Sọ. Đứa bé mồ côi mẹ, không có sữa bú, nhưng sức sống của nó thì vô địch. Chẳng bé đói sữa khóc, ông Xuân nhá ngô sống, nhá gạo sống. Nhá thật nhuyễn ra thành sữa rồi mớm cho nó. Chẳng bé tên là Hạ - Ăn sống ăn sít thế mà Hạ chẳng hề gì. Chẳng những không ốm, Hạ còn lớn nhanh như thổi. Hạ cũng giống ông Xuân bố hẳn. Loại người to lớn ngoại khổ. Cứ tiếc cho họ sinh bất cập thời. Giá mà họ sinh vào thời xưa. Những con người khổng lồ hiếm hoi như vậy chắc chắn được ưa chuộng, chắc chắn được giới nữ săn tìm.

Người giàu và người nghèo vốn là một cặp song trùng. Có người giàu ở đâu là có người nghèo xô ngay tới đó. Như có một sức hút giữa hai đối cực ấy. Cả hai đều cần đến nhau. Do đó oán cừu được sinh ra từ đây. Mà ân nghĩa cũng sinh từ đây. Người giàu ở đây là ông trưởng bạ Hiệp. Và người nghèo là bố con ông Xuân. Khi ông Xuân ãm đứa con đỏ từ trên Mường trở về, ông trưởng bạ liền giơ tay ra cứu giúp. Ông nhà giàu nào cũng muốn có những đày tớ tâm phúc, tuyệt đối trung thành với mình. Và nếu kẻ tâm phúc ấy lại là một người cơ bắp, dũng mãnh thì càng tốt. Bởi vì người giàu thường là kẻ cơ mưu có thừa. Cái họ thiếu là lũ tay sai thừa hành. Để tìm kẻ tâm phúc trung thành cũng cần phải có cơ duyên. Cơ duyên ấy là khi người nghèo rơi vào hoàn cảnh bước đường cùng, một sống một chết, lúc ấy người giàu phải lập tức sẵn sàng ra tay tế độ. Tế độ một cách thành thật. Điều này rất quan trọng. Bởi vì người nghèo không hề ngờ nghêch. Thậm chí họ còn nhạy cảm hơn những người bình thường, sống ở đáy thăm cuộc đời, nên cảm xúc của họ được mài giũa vô cùng bén nhọn. Ai tử tế thực bụng, ai đâu môi chót lưỡi. Chỉ ngửi qua, họ đã biết ngay mùi vị.

Về chuyện này, gia đình ông trưởng bạ hiểu khá rõ. Bố mẹ ông Hiệp xưa kia nghèo khổ, được một người làm hương nhận làm con nuôi rồi truyền nghề cho. Nhờ nghề se hương gia đình khá giả dần lên. Gia đình có nhiều ruộng, ông trưởng bạ được học hành là nhờ thế. Ông Xuân và chẳng

Hạ không chết đói nhờ vào lòng nhân đức của bà cụ mẹ ông Hiệp và vợ chồng ông Hiệp.

Thằng Hạ đi chăn trâu cho nhà ông trưởng bạ. Mười lăm tuổi mà to lớn như đứa mười tám. Nó cũng như ông Xuân bố nó, dậy thì rất sớm. Lúc nào nó cũng cảm thấy trong người thừa mứa sức sống. Một bận đi trâu cùng cái Xim, một đứa đầy tớ khác của nhà trưởng bạ. Nhân lúc ở trên đồi vắng, nó đèo ngựa cái Xim ra trên bãi cỏ. Nó giao cấu với Xim giữa mênh mông gió thổi và những tiếng sơn ca véo von trên tầng trời cao. Cái Xim nếm mùi vị kỳ diệu của thằng Hạ đắm nghiện, ngày nào cũng rủ Hạ đi chăn trâu ở đồi hoang xa, ở đó chỉ có hoa mua tím và tiếng sơn ca lạnh lốt. Đó là quãng đời thần tiên, sung sướng nhất của Hạ và Xim.

Bốn tháng sau. Bụng cái Xim đã lùm lùm. Ông Xuân sợ hãi, lúng túng, không biết giải quyết ra sao. Ông trưởng bạ lên tiếng:

- Sợ các cụ trong làng phạt vạ ư? Không lo. Đã có tôi. Tôi nhận chúng là con nuôi. Cưới cho chúng nó là được chứ gì.

Cả bà trưởng bạ, vốn là người lắm mồm. Chửi kẻ ăn người ở như hát hay. Ác khẩu thế thôi chứ bụng dạ chẳng có gì. Xim đẻ được đứa con gái, bà đặt tên cho nó là Mua. Mẹ Xim, con Mua. Toàn thứ cây cỏ dại ngoài đồi hoang mà bà bứng đem về để mong sau này chúng thành hoa thơm quả ngọt. Cái ý này là của bà cụ Hiệp, mẹ ông trưởng bạ. Bà cụ bảo:

- Nhà ta làm hương. Hương hoa là đồ cúng Phật. Nhà ta có khá lên là nhờ hương cúng Phật. Nếu ta gây dựng được cho vợ chồng Hạ Xim, tức là ta đã trồng được phúc. Hồi giặc Pháp chiếm đóng lập tề, ruộng nhà ông trưởng bạ đều ở quanh đình. Tây lập bốt, bắt dân bỏ hoang ruộng gần bốt để không cho Việt Minh xâm nhập. Việc đồng áng chẳng còn nhiều. Ông trưởng bạ liền cho nhà ông Xuân ra phố huyện. Ở đấy ông trưởng bạ có mảnh đất hoang. Ông lại sắm cho họ chiếc xe bò để cha con ông Xuân chở

hàng. Bốt PC. ở gần ngay đấy. Nhà giam huyện thỉnh thoảng có người chết, Tây liền thuê cha con họ chở xác người đem chôn.

Cái hôm sư cụ Vô úy được thả từ nhà giam “Đơ Bê” ra, chính ông Xuân đã cùng chú tiểu An kéo xe bò đưa sư cụ về chùa. Ông Xuân nhớ mãi buổi hôm ấy. Ông không định lấy tiền công, nhưng sư cụ bắt ông phải lấy. Rồi lại nắm lấy tay ông mà lắc lắc:

- Xin cảm ơn ông. Ông rất có duyên với nhà chùa. - Ông sư già nói xong rồi nhắm mắt lại. Ông Xuân không hiểu ý tứ câu nói ấy, liền về hỏi ông trưởng bạ. Ông trưởng bạ nghĩ cũng không ra, liền bảo rằng:

- Bà cụ nhà tôi hay đi chùa. Không ngày sóc vọng nào vắng mặt ở chùa. Tôi sở dĩ giúp ông cũng do bà cụ thích làm việc phúc đức. Có lẽ sư cụ muốn nói đến sự ấy chẳng. Ý nghĩa khác nữa thì tôi xin chịu.

Bà cụ Hiệp, mẹ ông trưởng bạ, chăm làm việc thiện như thế mà đến khi cải cách ruộng đất lại là người lâm nạn trước tiên.

Hôm trước khi đội về, thằng Trăm nói với bà trưởng bạ xin nghỉ việc. Chuyện ấy bà cụ hàng hương đã bàn với con dâu từ trước. Bà cụ bảo: “Mẹ nghe ở các nơi khi đội về, kẻ ăn người ở trong nhà sẽ xin nghỉ hết. Họ bảo phải dứt khoát cắt đứt với địa chủ bóc lột. Ở nhà ta thì phải khác mọi nhà. Ai xin về, con cứ biểu họ thêm thúng thóc, ngoài công xá ra”. Khi Trăm vào chào bà cụ, nó nói:

- Bà ơi! Thế là từ nay bà cháu mình chẳng được nói chuyện với nhau nữa. Bà ạ. Cháu rất thích khi nói chuyện với bà.

- Có ai cấm đâu hở cháu?

- Không ai cấm, nhưng người ta bảo địa chủ là kẻ thù của nông dân. Mà cháu đọc chính sách rồi. Theo tiêu chuẩn, bà là địa chủ. Còn nhà cháu là cố nông.

Bà cụ làm hương cươi.

- Kẻ thù ư? Bà mà là kẻ thù của cháu ư?

Thằng Hạ cũng từ phố huyện trở về. Bà cụ cứ tưởng nó về để cắt đứt với gia đình ông trưởng bạ. Đó là chuyện mọi đứa con nuôi nhà địa chủ vẫn làm. Khi nó vào chào, bà cụ mới hỏi:

- Này, Hạ ơi! Cháu thù bà lắm phải không?

- Gì cơ ạ? Bà nói thù bà ư? Sao bà lại bảo thế?

- Thì người ta bảo địa chủ là kẻ thù của bản cố nông mà.

- Con xin bà đừng nghe lời người ta. Con thù bà ư? Nếu con nghĩ thế, liệu con có đáng là con người nữa không?

- Mà nghĩ thế thật hở con?

Bà cụ hàng hương đang rầu rí, nghe Hạ nói, bỗng tươi tỉnh hẳn lên, Bà cụ cươi:

- Con nói thế là bà mãn nguyện rồi. Con đã thành người. Thế là bỏ công bà.

Tối hôm ấy, bà cụ nấu xôi vò chè đường cúng Phật. Cụ mặc quần áo đẹp ngày Tết. Cụ giục con cháu ăn, cươi cươi nói nói rất vui. Cả nhà thấy cụ như vậy đều lấy làm lạ.

Khoảng canh hai đêm ấy, có tiếng mèo gào đêm làm mọi người sờn hết tóc gáy. Cùng với tiếng mèo, còn có mùi hương ngạt ngào khắp nhà. Tiếng mèo tru tréo như tiếng đứa trẻ con bị ai bóp cổ hay đâm dao vào ngực. Tiếng kêu lúc thì khò khè ằng ặc, lúc thì rên rĩ lạy van, lúc lại như khóc thét lên ai oán. Tiếng kêu ấy lúc ở trên nóc nhà, có lúc lại như từ căn buồng đầu hồi, nơi bà cụ ngủ phát ra. Tiếng mèo thật bất thường. Cứ như

thể một điềm báo, cứ tưởng như có một hồn ma lang thang vờ vẩn quanh nhà.

Ông trưởng bạ không chịu nổi tiếng mèo, phải bật dậy. Ông ra sân quan sát. Nghe ngóng mãi, cuối cùng ông nhận định tiếng mèo từ căn buồng bà cụ phát ra. Từ khe cửa vẫn lọt ra ánh đèn dầu. Và lạ chưa! Cả mùi hương ngào ngạt khắp nơi cũng từ đó tỏa ra. Bà cụ còn thức hay sao? Ông vội đến gõ cửa, nhưng chẳng thấy trả lời. Biết là có chuyện, ông vội hô hoán và phá cửa.

Cửa buồng vừa hé mở, một con mèo đen mắt xanh lè, không biết từ xó xỉnh nào phi ra như trận cuồng phong, biến vào đêm tối. Cùng đi theo nó là khói. Không biết khói bị nhốt từ khi nào, nay được thả ra đặc kịt. Khói của những cây hương thơm quá hóa thành hắc, xộc vào óc làm ông choáng váng. Ông chưa thấy gì mà đã bủn rủn tay chân. Chiếc đèn hoa kỳ leo lét nhưng cũng đủ để ông nhìn quang cảnh bên trong. Căn buồng được cắm hương la liệt khắp nơi. Những đốm hương lấp lánh như sao. Và ở trên cao, giữa căn buồng là xác bà cụ đung đưa. Bà mẹ ông đã tự vẫn bằng chiếc hầu bao màu xanh hoa lý. Mẹ ông đã tự vẫn trong bộ quần áo đẹp nhất. Xác bà được tắm mùi hương nhà chùa. Bà đã chết đẹp đẽ và thơm tho. Bà cụ hàng hương đã quyết không chịu cho người đời đấu tố. Cụ nghĩ thật giản dị. Cụ mặc áo mớ ba, váy lĩnh để đi vào cõi vĩnh hằng. Đến trước Phật thì phải ăn mặc chỉnh chu, đàng hoàng. Ngày Tết còn phải ăn mặc thể huống hồ ngày cuối cùng làm người ra mắt Phật. Bà đã theo lời Phật dạy suốt đời. Thế nhân, đã hiểu biết gì về bà mà có quyền phán xét bà. “Suốt cả đời hành thiện. Chắc là Phật cũng phải vui vì ta. Thế mà các người định lôi ta ra làm nhục hay sao. Suốt cả đời ta chỉ ân hận vì một lỗi lầm. Đó là chuyện tự tử quyên sinh. Đức Phật thương xót mọi sinh linh, không cho phép người ta tự vẫn. Thương xót mọi sinh linh, điều đó bao gồm cả sự sống của bản thân mình. Ta đã vi phạm lời Phật dạy. Ta thực có lỗi. Nhưng các người cũng phải dè chừng. Hãy tỉnh lại đi”.

Anh đội Khoát quyết định đưa vợ chồng ông trưởng bạ ra đấu ở xóm. Hôm ấy, người ta bắt cả nhà ông Xuân phải trở về làng để làm nhân chứng và tham gia đấu tố. Cả buổi tối, ông Xuân không hé miệng nói nửa lời. Anh Hạ thì khăng khăng chỉ nói: “Ông trưởng bạ không bóc lột chúng tôi”. Chỉ riêng cô Xim, cô tố đủ điều. Hạ lăm bằm chửi Xim:

- Con đĩ vợ! Con đĩ vợ! Mà không là người. Là đồ con chó.

Hạ thật bướng bỉnh, thật ngông cuồng. Nhất đội, nhì trời.

Ai ai cũng sợ, mà anh dám coi trời bằng vung. Đến nỗi, anh đội Khoát phải kết tội Hạ là phần tử phản bội giai cấp bản cổ.

Mấy hôm sau, Hạ còn có hành động điên rồ hơn. Anh có một căn lều ở phố huyện. Giữa thanh thiên bạch nhật, giữa trăm con mắt của mọi người, Hạ công khai đuổi vợ con ra khỏi căn lều.

- Đây là căn nhà ông bà trưởng bạ cho bố con tao. Mà đã đấu tố, đã chửi ông bà, thì mà không có quyền ở đây.

Lôi mẹ con Xim ra khỏi nhà xong, Hạ châm lửa đốt nhà. Căn lều xiêu vẹo cháy bùng bùng. Còn cháy lan sang cả nhà hàng xóm.

Như vậy, tức là Hạ đã chuyển hẳn thành một phần tử phản động công khai chống đối cách mạng rồi. Họ lập tức cùm anh lại đưa vào trại cải tạo.

Tội phạm đã bị bắt ngay tại trận. Hơn nữa, tất cả bàn dân thiên hạ đều chứng kiến. Cho nên tội trạng của Hạ vừa mang tính chất chính trị, vừa có tính chất hình sự. Chẳng có cách nào bào chữa.

Trong sửa sai, người ta xét thấy Hạ không bị oan sai. Bắt anh là đúng. Anh là kẻ bệnh hoạn rồ dại, một con người nguy hiểm cho xã hội. Có nhà chuyên môn còn nói:

- Hạ là týp người mang tính tội phạm từ trong genes. Thứ người cao to hung hãn, thứ người siêu đực, cực dương tính. Nếu anh ta không là kẻ giết người thì cũng là kẻ cuồng dâm. Thứ người rồ dại luôn có khuynh hướng bạo hành.

Hạ bị bắt giam khá lâu. Hơn mười năm tù ngục. Anh ta được thả khi Mỹ ném bom.

Khi Hạ đi tù, cô Xim ở nhà được nhiều người đàn ông săn đón. Trong số đó có anh Tư Đồn người miền Nam tập kết. Xim và Tư Đồn sống với nhau không có giấy tờ gì cả. Xim cũng chưa làm đơn ly dị với Hạ. Tư Đồn sống phóng khoáng. Anh làm việc ở xưởng nông cụ huyện. Chủ nhật nào cũng tụ tập bè bạn đẫy nhà. Uống rượu rồi đàn ca vọng cổ. Tư Đồn ham chơi vậy nhưng thương Xim và Mua lắm. Xim đã vào tuổi ba mươi. Nước da bánh mật, thân hình nung núc những thịt. Người đàn bà vào độ chín, làm những gã đàn ông phóng túng như Tư Đồn bị hớp hồn, bị ngất ngây suốt đêm ngày. Chả thế mà Tư Đồn hùng hục lao động. Gã làm thợ đúc lưỡi cày. Thợ đúc được xếp vào loại lao động nặng nhọc nên lương thưởng của Tư Đồn cũng khá. Tư Đồn đưa hết cho Xim không giữ lại một hào một cắc. Tư Đồn coi cái Mua như con. Lúc Mua còn nhỏ, tối nào anh Tư cũng công kênh con nhỏ trên vai, đem con nhỏ ra tận cuối phố mua kẹo vừng cho nó. Con bé gọi Tư bằng ba Đồn ngọt xớt. Tư Đồn nóng tính, lại có võ nữa. Nghe nói, hồi ở bộ đội anh ở đặc công, có những đêm không đánh đồn ca hát, người ta thấy anh Tư cùng mấy ông miền Nam biểu diễn võ huỳnh huych ngoài sân. Nói chung Xim và Tư Đồn là một gia đình không có điều tiếng, được dân phố quý mến.

Buổi chiều hôm ấy, dân phố thấy Hạ xuất hiện ngoài chợ Huyện. Ở đây, chẳng ai lạ gì Hạ. Nhiều người còn được mục kích cái hôm anh châm lửa đốt cái lều của mình và đuổi vợ con đi. Hạ đeo cái túi dết màu xanh, mặc bộ quần áo màu cứt ngựa, ngồi ở quán nước. Bà bán nước mau miệng:

- Anh Hạ phải không? Đúng là anh Hạ rồi. Lần thế nào được đôi lông mày sâu róm kia. Thế nào? Anh được về hẳn rồi chứ. Rõ khổ. Ngồi xuống cái đi. Trà tôi mới pha. Vừa chín tới rồi. Uống một ngụm rồi hăng hay.

Rồi bà bổ bã:

- Nay hỏi thật. Anh biết chuyện rồi chứ.

- Chuyện gì cơ ạ?

- Thì... cái chuyện ấy... Chuyện chị Xim nhà anh ấy. Anh đã biết chưa?

- Thì sao?

- Cô ấy đã lấy chồng. Một anh cán bộ miền Nam... Anh ấy tốt lắm.

- Thế a?

Bà bán nước cố tìm sự biến đổi trên gương mặt của anh, nhưng chẳng thấy gì. Chỉ thấy im lìm như đá. Trong khi ấy, ở đầu kia, tức trước cửa ngôi lều nhà chị Xim, lũ trẻ con phố huyện cũng làm công việc thông báo:

- Chú Tư Đờn ơi! Đã biết chuyện gì chưa?

- Chuyện gì?

- Anh ấy về rồi đấy.

- Anh ấy là ai?

- Là chú Hạ.

- Chú Hạ nào? - Anh Tư Đờn nhướn mày lên như thể đang kiểm kê những người quen trong óc. Rồi đôi mày đã dần ra. Hình như óc anh đã thoáng thấy một điều gì. Lũ trẻ trả lời:

- Chú Hạ là chồng củ của cô Xim.

- Thế a?

Ở hai đầu, hai con người đều nói cùng một câu “Thế a”. Người ta chờ đợi nhiều hơn thế. Điều mà mọi người rất muốn biết là thái độ của hai người chồng sẽ ra sao khi đối mặt với sự thật này. Nhưng lạ thật, cả hai đều kín mít. Nhưng là dù kín mít thì cuối cùng họ cũng phải gặp nhau. Lúc họ gặp nhau sẽ thế nào? Đó mới là vấn đề mọi người nóng lòng chờ đợi. Anh Hạ thì khỏi bàn. Một người mà trong cái cách cũng chẳng sợ gì. Rồi còn dám châm đuốc đốt nhà mình trước mắt bàn dân thiên hạ, trong lúc đồng quê đang sôi lên như một chảo dầu sôi. Còn anh Tư Đồn thì sao? Một anh hai Nam Bộ nóng như lửa. Một lính đặc công vào sinh ra tử, võ nghệ đầy mình. Những đêm trăng, Tư Đồn múa võ, tay vờn vờn trông dáng dấp tựa cọp beo. Hai người cùng lấy một người đàn bà, lại cũng là hai tay sừng sỏ. Cuộc chạm trán của họ chắc lắm cái hay. Vì thế nên đám thanh thiếu niên phố huyện cứ đứng chờ ở quán nước. Họ chờ anh Hạ đứng lên. Dù sao anh ta cũng phải gặp mặt bà Xim và con Mua.

Quả nhiên, Hạ không thể ngồi lì ở quán nước mãi. Anh đâu phải thằng hèn. Đúng tám giờ thì Hạ đứng lên, rời quán nước đi về phía căn lều xưa. Người đi theo rần rần.

Căn nhà của chị Xim mới dựng lại sau khi lấy Tư Đồn, là căn nhà tre trát những, lợp rạ. Trông giản dị nhưng gọn gàng xinh xắn. Đằng trước là cái sân đất nện. Phía trên là dàn mướp quả lúc lỉu. Ngăn cách với đường là hàng rào cúc tần ngang tầm mắt.

Khi đoàn người hộ tống anh Hạ từ hàng nước đến, đã thấy anh Tư Đồn dáng người lùn và đậm đứng chờ sẵn ở cái cổng tre. Anh Hạ cao to lừng lững bước tới. Mọi người bỗng tản rộng thành một vòng tròn. Họ chờ đợi phút giây này đây.

Hai con người đối địch đã gần nhau. Hình như mọi người đều cảm thấy hai con người đều hầm hầm, họ cố nén sự tức giận vào trong, sắp rồi đây. Người ta nín thở. Kìa! Anh Tư Đồn đã giơ tay ra trước. Họ lấp bắp gì đó với nhau. Cánh tay anh Tư ngắn nhưng là một thỏi sắt. Người ta đã thường thấy anh quai cái búa tạ choang choang trên đe ngoài xưởng nông cụ.

Còn anh Hạ thì sao. Anh cũng giơ một cánh tay ra. Anh Hạ cao to, lưng gù gù như một con gấu. Cánh tay anh dài hơn nhiều và gân guốc cũng chẳng kém.

Hàng phố đang hy vọng cái cánh tay gấu ấy đâm thẳng vào mặt Tư Đồn. Nhưng ô kìa? Không phải họ giơ tay để đánh nhau mà là để bắt tay nhau.

- Chào anh!

- Chào anh!

Dân phố càng chưng hửng hơn, khi sau cái bắt tay, họ còn khoác tay nhau đi vào trong nhà. Trước khi quay lưng, Tư Đồn nói với dân phố.

- Xin cảm ơn bà con đã dẫn đường cho anh Hạ tới đây. Chẳng có chuyện gì đâu. Xin bà con giải tán cho.

Dân phố chờ cho tới khi họ chui qua giàn mướp, vào nhà, khép cửa sau lưng mới chịu ra về. Mọi người về nhưng mấy chú nhóc nghịch ngợm thì không. Chúng còn nán lại để nhìn trộm, nghe trộm qua khe cửa hoặc qua những lỗ hổng ở vách.

Tư Đồn, vẫn như mọi khi, tiếp khách trên chiếc chiếu trải xuống đất, giữa căn nhà. Chỉ có khác là lần này, anh bắt Xim trải chiếc chiếu hoa mới mua. Chị Xim đưa ấm chén ra. Tư Đồn vẫy tay:

- Chắc hẳn anh Hạ uống được rượu. Thôi, bà dẹp cái vụ này đi. Lấy cho chúng tôi cái hũ rượu để mà thằng Sáu nó cho tuần trước.

Hình như Hạ định nói gì nhưng Tư lại gạt đi:

- Chuyện đâu có đó. Anh em mình uống cái đã. Trên đời này, có chuyện gì mà chẳng giải quyết được. Nào, xin mời anh, ta “vô” cái đã.

Hai người uống rượu suông chén đầu tiên. Tư lại bảo Xim:

- Bà kiếm cho chúng tôi chút mồi. Phải rồi! Ra đầu phố mua cân lòng lợn. Lấy nhiều dạ dày nhé. Đừng có quên miếng gan cho con gái.

Con bé Mua, không biết từ lúc nào, đã ngồi chễm chệ trong lòng Tư Đờn. Anh Tư âu yếm vuốt tóc con nhỏ rồi bảo nó:

- Ba Tư là ba của con. Nhưng ba giới thiệu nhé. Ông đây cũng là ba của con.

- Vậy là con có hai ba. Ông ấy là ba gì hở ba?

- Ba ruột của con.

Vừa nói Tư vừa bế đứa bé đặt lên lòng Hạ. Con người khổng lồ đưa bàn tay thô nháp dày chai vuốt tóc con bé. Tình cha con mà hơn chục năm nay hầu như đã quên mất làm anh run run. Anh vụng về vuốt tóc đứa trẻ máu thịt của anh. Con bé cầm lấy bàn tay ấy xem xét, lật đi lật lại, rồi nói:

- Tay ba ruột nhiều sẹo hơn tay ba Đờn.

Rồi nó nói thêm:

- Chú Sáu bảo tay ba Đờn có sẹo, nhưng ba Đờn đánh đòn nên ngón tay nó mềm ra. - Rồi con bé lại nói - Ba ruột cũng đánh đòn đi ngón tay nó mới mềm ra.

- Bố không biết đánh đờn.

Nhân tiện, anh Hạ liền chỉnh lại cách gọi cho con gái:

- Từ rày con gọi ba Đờn bằng ba, còn ta, con gọi bằng bố. Anh lúng túng giải nghĩa cho con bé:

- Bố là người đẻ ra con. Ba là người nuôi con lớn lên.

Cái định nghĩa khập khiễng ấy hình như chẳng làm con bé vừa lòng. Nó liền hỏi thêm:

- Thế ba hơn bố, hay bố hơn ba?

Chị Xim lúng túng từ khi Hạ vào nhà, đến lúc này càng thêm lúng túng. Chị đưa cho con bé cái bát có mấy miếng gan rồi quát:

- Con đừng hỏi vợ vấn nữa. Ăn cho xong, rồi đi ngủ. Mau lên.

Khi con bé vào giường rồi. Chỉ còn ba người lớn đối diện với nhau, đối diện với vấn đề nhức nhối mà con bé con vừa mới lướt nhẹ qua. Cũng hay là con bé đã nói trước. Chứ hình như cả ba người đều ngại phải nói đầu tiên. Tuy nhiên, dù sao cũng vẫn phải có một người lên tiếng để phá vỡ sự lúng túng. Anh Tư Đờn, con người trực tính bảo:

- Trong ba người chúng ta Xim là quan trọng nhất. Ý kiến của bà là quyết định nhất. Bà thử nói xem chúng ta xử sự thế nào là phải.

Chị Xim ngần ngừ mãi mới nói:

- Ông Hạ ạ, tôi thực có lỗi với ông. Đáng lẽ ra tôi phải nói với ông trước khi tôi đi bước nữa. Nhưng xin ông hiểu cho. Khi ông đi cải tạo, tôi phải bỏ làng Sọ ra đây dựng ba cái tranh dăm cái cọc, lấy chỗ trú thân. Tôi không ở trong làng được nữa. Người ta bảo vì tôi nên ông bị đi tù. Người ta bảo tôi tố với đội rằng ông là phản động nên ông mới bị bắt. Khổ thân tôi.

Tôi thề trước ngọn đèn với ông rằng tôi có thể có lỗi với người khác, chứ với ông thì tuyệt nhiên không. Tôi thề là không tố ông một lời, dù anh Khoát gợi ý cho tôi mấy lần. Tôi mà nói sai ngọn đèn tắt thì tôi cũng tắt. Tôi có lỗi với ông là đi bước nữa nhưng ông cũng phải thể tình cho tôi. Tôi ra phố huyện phải gồng gánh trên vai buôn cái rau cái củ nuôi con Mua. Chỗ này thì tôi phải nói thật. Tôi chịu ơn ông Tư. Nói thực nhé, nếu không có ông Tư thì mẹ con tôi đã chết rồi cũng nên. Cái hôm mưa gió ấy, tui không còn một xu, gạo không còn một hạt, con cái Mua sốt nóng như hòn than. Anh Tư ở bên xưởng nông cụ may mắn sang kịp, cho gạo để tôi nấu cháo, cho tiền để tôi mua thuốc. Bác sĩ bảo con bé bị mắc bệnh gì nhỉ... À bệnh bạch hầu... Ông ấy bảo chậm tí nữa thì con bé không chữa được. Tôi nhận lời ông ấy là vì mẹ con tôi đội ơn ông ấy...

Chị Xim vừa nói vừa khóc. Chị kể lể. Chị sụt sịt. Dài dòng lắm song có tình có lý. Cuối cùng chị kết luận:

- Nếu ông còn thương đến con, còn nghĩ đến tôi, thì ông bảo thế nào, tôi cũng xin theo lời ông. Và nếu cả hai ông cho lời tôi là phải. Thì một ngày là ngãi là tình. Nếu thế, trước khi trở về với chồng cũ, tôi xin cho phép được lạy sống anh Tư ba lạy. Nói thật, ơn của anh tôi xin ngậm vành kết cỏ.

Tư Đồn vội giơ tay rồi cười cười, nói bông phèng.

- Chết cha! Tôi ở với bà gần chục năm. Giờ tôi mới biết bà này nói hay quá ta. Kết cỏ ngậm vành. Bà lại nói cả chữ trong Truyện Kiều. Nhưng xin khoan đã. Để cho tôi nói mấy câu.

- Anh Hạ ạ. Riêng chuyện này tôi phục anh đấy. Bình tĩnh. Chẳng nói một lời. Nếu ở địa vị anh, chắc tôi đã choảng nhau rồi. Nhưng mà tôi đã bảo rồi. Chuyện đâu khắc có đó. Tức là từ bây giờ tôi xin trả lại vợ cho anh. Sáng mai, tôi sẽ ra đi. Còn bây giờ. Vò rượu còn đấy. Tôi với anh, ta nhậu cho đến sáng.

Câu chuyện tưởng đã ngã ngũ. Bây giờ, đến lượt Hạ, người thứ ba phát biểu. Anh nói:

- Chưa xong đâu. Chúng ta còn người thứ tư trong chuyện này. Sao ta không hỏi ý kiến bé Mua xem sao nhỉ. Nhân vật tí hon này cũng chẳng kém phần quan trọng.

Thế là bé Mua đã bắt đầu ngủ cũng được đánh thức để hỏi ý kiến. Anh Hạ nói:

- Lúc này con hỏi chúng ta: “Bố hơn ba hay ba hơn bố?” Bây giờ ta cho con chọn. Nếu phải theo một trong hai người thì con theo ba hay con theo bố.

Cô bé Mua nhìn hai người đàn ông, lúc đầu như có chút lưỡng lự, nhưng rồi nó đi thẳng đến chỗ Tư Đồn và giơ tay ra. Tư Đồn vội cúi xuống. Con bé ôm lấy cổ ba của nó. Lúc bấy giờ Hạ mới nói:

- Ý kiến của cái Mua là khôn ngoan nhất. Thực ra, khi suy xét cho kỹ, nếu tôi trở về, thì cái nhà này có được ổn định không? Chắc chắn là không. Tôi là kẻ tù trở về. Không nghề nghiệp. Làm sao nuôi vợ con nổi. Còn nếu anh Tư ở lại. Tình hình vẫn tốt như xưa. Anh lại yêu con bé. Và con bé cũng yêu anh. Như vậy là tôi thỏa mãn. Tôi cảm ơn anh đã chăm nom con bé như là con của mình. Tôi đã sai lầm. Đáng lẽ ra tôi không nên quay về đây thì hơn. Tuy nhiên, không sao! Tôi sẽ không làm phiền mọi người đâu.

Lại nói tới cái hồi Hạ còn đi tù, và lúc ấy ông Xuân còn sống. Một bận, ông Xuân đến nhà tù tiếp tế cho Hạ. Ông bảo con trai:

- Lạ lắm con ạ. Mà có nhớ cái bận ta kéo xe bò đưa sư cụ Vô Úy từ nhà giam “Đơ Bê” về chùa không? Tao đã kể với con rồi đấy. Không hiểu sao sư cụ lại nói: “Ông có nhiều duyên với nhà chùa lắm”. Tao cứ ngẫm nghĩ mãi. Rồi chiêm nghiệm cũng thấy đúng. Bà mẹ ông trưởng bạ chẳng phải người nhà Phật sao. Không có bà cụ thì bố con ta đã chết rồi. Trong

cải cách, mà không tố ông trưởng bạ, lại còn trung thành với ông bà ấy. Chẳng phải duyên với nhà Phật sao? Nhưng sự cụ bảo còn nhiều duyên với Phật. Khi ấy chắc bố chết rồi. Có chuyện gì, thì con nhớ cũng phải cư xử cho phải đạo.

Khi người ta chết, thường dặn dò con cháu những lời di chúc. Vì không được ở bên cạnh ông Xuân khi ông chết, nên Hạ coi những lời nói của ông khi lên trại cải tạo thăm mình lần cuối cùng cũng là những lời di chúc.

ĐỘI GẠO LÊN CHÙA

Nguyễn Xuân Khánh

www.dtv-ebook.com

Chương 6

Tôi là người gõ chuông chùa Sọ. Mới đầu, tôi cứ tưởng đánh chuông đơn giản, sau mới biết không phải. Lúc mới đến chùa, tôi còn nhỏ, tôi cứ tưởng cái chuông be bé. Nhưng lần đầu leo lên gác tam quan, tôi bị choáng ngợp ngay. Chuông làng Sọ là đại hồng chung. To hơn cái chum, cao quá đầu người. Vô là cây gỗ dài hình cái chày treo ngang tầm cái nùm. Muốn đánh, tôi phải dùng sức đẩy cái chày lui xa, rồi buông tay thả cho cái chày rơi tự do. Một tiếng boong sẽ vang to như tiếng sấm làm toàn thân tôi cũng rung lên. Sư phụ Vô úy dạy tôi đánh chuông phải theo tôi lên tam quan chỉ cho cách đánh. Thầy bảo:

- Ngày xưa, ở mỗi thành quách, phủ, huyện, mỗi chiều đều đánh trống hay chiêng thu không. Lính canh đánh trống tức là báo đã khám xét trong thành xong và không có chuyện gì xảy ra. Ở nước ta làng nào cũng có chùa, có chuông, nên có lệ chiều chiều đánh chuông thu không. Việc đó không chỉ đơn giản báo hết ngày. Mà ý nghĩa là tiếng chuông nhắc cho mọi người biết nơi đây chính là đất Phật. Tiếng chuông báo điều lành, đuổi điều dữ. Báo cho bọn naga quỷ không được quấy nhiễu, rồi nhắc nhở cho dân làng nhớ tới lòng từ bi hỉ xả của đức Thế Tôn.

Chuông chùa làng ta thật trầm và thật rền. Vào ngày đẹp trời, đứng cách xa chục cây số vẫn nghe thấy.

Vì là chuông của Phật, nên trước khi đánh, con phải niệm Phật:

Nam mô đại từ đại bi Thích ca mâu ni Phật

Nam mô Quán thế âm bồ tát ma ha tát

Nam mô Vân thù bồ tát ma ha tát

Nam mô Phổ hiền bồ tát ma ha tát

Nam mô Đại thế chí bồ tát ma ha tát

Nghĩa là con phải niệm hồng danh chư Phật, chư bồ tát đến hộ niệm, mang điều tốt lành về cho dân làng. Tiếng chuông như những làn sóng đưa những điều lành bay thật xa đến tận hang cùng ngõ hẻm. Khi đánh chuông lòng con phải thật thanh tịnh, lời tụng niệm của con phải thật thành kính. Mỗi tiếng chuông đều phải đi kèm lời niệm đủ hồng danh chư Phật. Làm như thế còn để cho tiếng chuông đủ ngân nga chậm rãi. Tiếng chuông chùa hàng ngày rót vào lòng người, tức là chân lý của đức Phật luôn luôn ở bên cạnh chúng sinh, cả khi buồn, cả lúc vui. Thầy tôi bảo:

- Trong tiếng chuông chùa có đủ mọi cung bậc từ, bi, hỉ, xả. Cho nên chùa làng Sọ có tục lệ đóng chuông khi làng xóm có vui hay buồn. Tiếng chuông chùa đầy xót thương, thông cảm khi con người quay trở về với cát bụi. Cả trong hôn lễ, tiếng chuông chùa cũng biết chia vui. Sư cụ Vô úy dạy:

- Con chớ coi thường việc đánh chuông. Cả những bậc danh tăng, tổ sư ở chùa này cũng phải trải qua thời kỳ đánh chuông. Chính thầy và sư thúc Vô Trần của con cũng đều đã đánh chuông nhiều năm.

Tam quan chùa làng khá đồ sộ. Tầng dưới ba gian to như chiếc cổng thành. Ba cửa ra vào. Hai đầu hồi đắp nổi hai pho thiên tướng hộ pháp. Hai ông tướng vác thanh long đao đứng giữ cổng chùa. Tầng gác chuông, một gian cao ngất. Sàn lát gỗ lim lâu đời đã nứt, nẻ. Chính trên sàn gỗ ấy, thầy tôi đã dạy tôi những bước tu đầu tiên:

- Người tu Phật phải hiểu rằng muốn tìm được con đường Phật đạo, ta không được dựa vào bất cứ ai. Ta phải dựa vào chính bản thân mình. Cho nên phải cần đến sự cô độc. Thường độc hành, thường độc bộ. Muốn thấy

Niết bàn phải biết đi một mình. Ngày xưa, thiền sư Huyền Giác đã nói thế. Hàng ngày, con phải có những phút ở riêng một mình để nhìn sâu vào nội tâm mình, làm sao cho tâm mình thật tĩnh lặng.

Nói rồi, sư phụ tôi cho phép, mỗi chiều, khi đánh chuông xong, tôi ở lại một mình trên chiếc sà lim. Lúc đó, tôi nằm soài, ngửa mặt nhìn chiếc chuông cổ khổng lồ màu xám xám thoáng một chút đen, nhìn cái biểu tượng từ bi ấy để đối chiếu với mình. Có lúc nào ta độc ác, ta sân hận, ta tham lam, ta chỉ nghĩ đến ta? Ta đã biết cảm thông xót thương trước nỗi đau của đời chưa? Trước niềm vui của kẻ khác ta có ghen tị hay không? Phải nói rằng những phút cô độc tự đối diện với mình ấy, tôi nghĩ đến người, tự tra vấn mình, đã giúp tôi rất nhiều. Tôi thấy hiểu mình hơn, tự tin hơn và điều quan trọng là tôi thấy bớt sợ hãi. Một đứa trẻ bỗng dưng thấy mình bị quăng vào cõi đời mênh mêng. Sợ hãi lắm chứ. Thầy tôi đã dạy tôi cách tự mình bơi, tự mình quấy lộn trong đại dương mênh mêng. Ngừng tay chân là chìm chìm ngay. Phải tự dựa vào mình thôi. Và vùng vẫy mãi cũng hiểu ra rằng mình cũng có nhiều sức lực hơn là mình tưởng.

Và tôi dần dần hiểu ra lối sống Phật giáo là dạy cho con người một mình đứng vững, độc hành được trong cái thế gian đầy thống khổ này.

Hồi tôi đi học với thầy Hải, trong làng có người chết, sư cụ sai tôi lên gác tam quan đánh chuông. Cái Huệ cứ năn nỉ xin theo tôi lên. Tôi nhớ mỗi tiếng chuông vang lên, Huệ lại lấy ngón tay bịt chặt hai lỗ tai. Nó bảo:

- Tiếng chuông rung khắp người em. Chân rung, tay rung, gan ruột rung, mà cả đầu óc cũng run bần bật.

Tôi nói theo lời sư phụ:

- Dĩ nhiên phải thế. Tiếng chuông là tiếng Phật. Nó đánh thức tâm từ bi trong con người ta thức dậy. Tầm từ bi nằm sâu trong đáy lòng. Gọi nó dậy. Dĩ nhiên phải rung động thẳm sâu con người.

Sau hồi chuông, tôi và Huệ nằm trên sàn lim. Cái Huệ cứ lắng nghe, lắng nghe rất lâu rồi bảo:

- Cậu có nghe thấy gì không? Chuông làng ta biết khóc. Nghe tiếng kèn tiền người ra đồng nó khóc đấy.

Nghe lời Huệ nói tôi lặng im lắng nghe. Thì ra có tiếng hu hu thật. Đó là gió thổi mạnh vào chuông, đã phát ra một tiếng kêu man mác mà cô bạn học nhạy cảm của tôi đã nghe ra tiếng khóc.

Có thể nói, chuông chùa làng tôi cứ như thể một sinh vật biết xúc cảm vậy. Chẳng cần lấy tay vuốt mạnh vào miệng chuông là tiếng hu hu nổi lên. Các cụ bảo sở dĩ thế vì lúc đúc chuông, người làng đã cúng dường vớt vào lò nấu chực lạng vàng. Sư phụ tôi nói:

- Vào thời nhà Lê, lúc đúc chuông này, sư tổ trụ trì là một vị cao tăng đức hạnh. Người đã cắt ngón tay lấy máu đổ vào lò nấu.

Người ta bảo đã có máu người là mọi vật đều thiêng. Tôi không nghĩ vậy, song tôi là người đánh chuông, đã tiếp xúc nhiều với nó, thì tôi phải công nhận cái chuông này thực là thiêng.

Nhớ lại hôm cái Rêu tự vẫn ở giếng vườn chùa. Trước đêm hôm ấy, buổi chiều tôi đánh chuông thu không xong, cái chuông cứ rên rĩ hoài, tiếng ngân vang mãi không chịu dứt.

Rồi, khi nó dứt, thì một trận gió to ùng ùng dấy lên. Và cái chuông hu lên thật to. Không phải tiếng hu hu man mác như hôm cái Huệ nghe thấy đâu. Đàng này, tiếng hu giống hệt như tiếng người khóc. Lúc ấy tôi chẳng nghĩ ra, mấy hôm sau nhớ lại, mới biết cái tiếng ấy là một điềm báo. Chuông thiêng báo với tôi rằng tôi sắp mất một người bạn, một con người trong trắng nhất trần gian.

Hoàng hôn Tây Nguyên.

Sương mù tràn xuống che kín khu rừng. Nó tạo thành tấm chắn mỏng trắng đục trùm lên những tán cây. Nó đọng lại thành giọt thỉnh thoảng lại rơi lộp bộp trên mái hầm. Đến trưa thì có gió. Gió đuổi mây mù xuống thung lũng, trôi sang dãy núi trước mặt rồi biến mất.

Xế chiều thì nắng hửng. Nắng vàng mật ong làm khu rừng đẹp đến kinh ngạc. Gặp nắng, cây tha hồ khoe sắc. Có những lùm màu vàng chanh. Có những cây không biết tên, ngùn ngụt những lá non màu nâu hồng. Có những loài cây xuân đến vẫn không chịu rụng lá. Chúng vẫn biêng biếc màu xanh thắm. Những làn sương mù đã rời xa nhưng vẫn còn lưu dấu vết bằng cách tráng nước lên những tán lá. Những chiếc lá già như những chiếc gương con óng ánh trong nắng chiều.

Mặt trời đã lặn xuống dãy núi trước mặt. Chiều xuống rất nhanh, vầng dương trước khi chìm hẳn xuống rặng núi xa còn thoát ra một luồng ánh sáng rực rỡ màu vàng nhuộm khắp nửa bầu trời. Nó gợi lên một quang cảnh nguyên thủy mà không biết tôi đã trải qua từ một đời kiếp quá khứ nào đó. Từ vàng chói đến màu vàng ệch. Đầu dãy núi là một diềm vàng rực rỡ sắc nét nhấp nhô. Mầu vàng hắt sang cả khu rừng tôi trú ngụ khiến cho những cây lá già bóng nhoáng bỗng như được rắc lên một lớp nhũ kim loại lóng lánh.

Cũng là những buổi chiều vàng, song ở miền rừng, sao mà nó hoang sơ dữ dội. Còn ở làng tôi, ở cái chùa Sọ nhỏ bé, sao mà nó êm dịu, hiền hòa. Từ cái gác chuông nhìn ra, cánh đồng lúa mênh mông được nhuộm ráng chiều biến thành một biển vàng cốm thơm phưng phức. Tôi nằm trên sàn gỗ lim nghe những hàng tre rì rào. Tiếng lúa reo hay tiếng những cô gái gội đầu ở giếng làng đang rì rầm khúc khích cùng nhau. Rất chậm rãi, tôi thả tiếng chuông chùa ngân nga hòa vào khúc nhạc đồng quê.

Tôi nằm đấy cũng là thiên chứ sao.

Tan vào khúc nhạc kỳ diệu, chẳng còn thấy mình đâu cả, cuộc sống đã chẳng là thiên đến từng giây từng phút hay sao. Tôi cảm ơn thầy tôi đã dạy: “Đánh chuông chùa hay biết nghe tiếng chuông chùa cũng là sự tu hành và cũng dẫn đến sự tỉnh thức”. Tôi là kẻ đánh chuông chùa nên tôi có thể hiểu được ý nghĩa đó.

Ở bộ đội, tôi không còn làm việc đánh chuông, nhưng chiều chiều tiếng chuông chùa vẫn vang vọng trong tâm hồn tôi. Những buổi chiều, tôi hay lang thang trong rừng một mình. Anh em đơn vị bảo:

- Lạ thật! Chiều về, thằng An nó cứ ngơ ngơ ngáo ngáo như một thằng rồ.

Anh em có biết đâu, lúc ấy là lúc tôi đang hoài niệm về sự cô độc.

Chiều nay, tôi đang ở trung đoàn bộ. Hôm qua, trung đội trưởng Trăm báo cho biết tôi phải lên gặp chính ủy. Đó là việc tôi rất ngại. Gặp gỡ bố của Huệ, đồng thời lại là sư thúc của tôi, tôi sẽ ăn nói ra sao đây; và ông ấy sẽ nói gì với tôi. Chắc lại là chuyện tôi bắn súng lên trời. Từ khi câu chuyện đó xảy ra, anh em trong đại đội nhìn tôi rất lạ. Cứ như thể tôi là một con vật kỳ quái. Họ bảo: “Thằng An lên gặp trung đoàn lần này, chắc là nó hết hơi đây”. Tôi không nghĩ như vậy. Sư phụ tôi thường bảo: “Sư thúc Vô Trần là một người điềm đạm, suy nghĩ thấu đáo. Ông rất kiên quyết nhưng lại hiền từ. Nghĩa là dù hoàn cảnh khác thế nào, nền tảng của ông vẫn là sự từ bi”. Vì vậy tôi tin sẽ chẳng có chuyện gì xảy ra, nhưng chắc chắn tôi sẽ được chinh đốn một trận nên thân. Không hiểu sao, lúc bấy giờ tôi bỗng nhớ tới những lời cuối cùng của đức Phật, trước khi người nhập diệt. Đức Phật nói với Anandà, người đệ tử luôn ở bên người, cả trong những phút cuối cùng của người.

- Nay Anandà. Hãy là ngọn đèn của chính mình. Hãy nương tựa vào bản thân. Đừng khi nào tìm cách nương tựa vào người khác.

Tôi luôn rùng đi gần nửa buổi mới tới được nơi ở của chính ủy. Nhưng ông lại bận họp trên sư đoàn. Người cần vụ bảo tôi:

- Chính ủy dặn cậu cứ ở lại. Đến tối ông ấy sẽ về.

Ở gần đấy có một con suối. Tôi ở chùa được sư phụ dạy, có thói quen không lúc nào ngồi chân ngồi tay. Cho nên, tôi ra ngay suối mò ốc. Lại vào rừng lấy lá về nấu canh chua.

Chiều tối, chính ủy mới đi họp về. Leo dốc nhiều ông vã mồ hôi như tắm. Nhìn mâm cơm thấy bát canh chua nấu ốc, ông liền bưng húp một hơi hết sạch. Rồi cứ nức nở khen ngon. Biết tôi là người sáng kiến nấu canh, ông cứ cảm ơn tôi mãi. Tôi rất thân với Huệ, con gái ông, nhưng đây là lần đầu tôi mới đối diện nói chuyện cùng ông. Đó là con người cao lẳng khồng, xương xương, lưng hơi cong ra phía sau. Đôi mắt có lòng đen lòng trắng phân minh, thứ con mắt có ánh sáng dịu. Có lẽ nó dịu vì có hàng mi rậm che bớt, nhưng khi đôi mắt ấy mở to thì chúng long lanh sắc sảo. Ông Trần vừa ăn vừa nói chuyện cùng tôi. Trước khi gặp, tôi cứ phân vân, tẩn tu, lo lắng. Cứ nghĩ rằng sẽ được ông cho một bài học nhớ đời. Tuy nhiên, cả bữa cơm, tôi không thấy ông đả động một câu nào tới chuyện tội lỗi của tôi. Ngay cả khi ra bàn uống nước, cuộc đối thoại tiếp diễn, thì chủ đề câu chuyện cũng không thay đổi. vẫn chỉ là những chuyện vặt vãnh chung quanh sư phụ tôi. Lúc thì tôi kể, lúc thì ông nói. Sư thúc Vô Trần có vẻ rất kính trọng sư phụ. Ông hỏi:

- Cháu có biết chuyện sư phụ cháu và con hổ đặng sau núi Yên Tử không? Thật là một câu chuyện như huyền thoại của thời hiện đại. Ông cụ lại nhận con hổ đó là đệ tử của mình nữa chứ. Thú thật, lúc nghe kể chú cũng chẳng tin. Nhưng cái bận được sư tổ sai lên đó đón sư phụ con về, chính ta đã tận mắt nhìn thấy cái hang cạnh am nơi con hổ trú ngụ. Ở đó, có hòn đá nhẵn bóng, sư phụ cháu bảo đó là nơi con hổ thường nằm. Gần đấy, còn có những vết xước trên vách đá, sư phụ cháu bảo đó là nơi con hổ mài móng vuốt.

Còn tôi thì lại kể cho sư thúc tôi nghe chuyện hai thầy trò tôi bị giam ở trại cải tạo cải cách ruộng đất. Rồi đi ngược thời gian, tôi kể cho sư thúc nghe giai đoạn sư phụ tôi bị giam ở nhà giam “Đơ Bê” phố huyện. Kể cả cái hôm ông già Xuân và tôi dùng chiếc xe bò chở xác, đưa sư phụ tôi từ phố huyện về chùa. Lúc kể chuyện lại hiện ra trước mắt tôi cái xe bò lộc cộc nhảy tưng tưng trên con đường tỉnh lộ bị đào bới trong tiêu thổ kháng chiến thời chống Pháp. Sư thúc Vô Trần gật gù:

- mấy tháng trước, ta nghe tin có một nhà sư đi bộ đội ta lấy làm ngạc nhiên, về sau mới biết thêm nhà sư ấy tu hành ở chùa Sọ, lúc ấy ta không ngạc nhiên nữa. Bởi vì ta hiểu sư huynh ta là người như thế nào. Trong chống Pháp, ông ấy giúp đỡ kháng chiến rất nhiều không lo đến sinh mạng của mình. Do vậy, ông ấy cho cháu đi bộ đội, ta không lấy làm lạ. Và cũng vì thế, ta rất tin ở cháu.

Dần dần, trong cuộc tiếp xúc, tôi quên đi sự e ngại đối với ông Trần lúc nào không biết. Thậm chí tôi còn dám hỏi:

- Thưa chính ủy, con nghe người ta nói về việc chính ủy tham gia cách mạng có lắm điều lạ kỳ. Xin chính ủy kể lại cho con nghe một đôi điều.

Ông Trần hiền từ mỉm cười:

- Ta hiểu ý con rồi. Điều lạ kỳ con nói chắc là chuyện ta là một nhà tu hành đã biến thành một chính ủy chứ gì? Ta là một chàng trai Hà Nội, ở phố Hàng Chiếu, gần chợ Đồng Xuân. Ta đang học trung học thì một chuyện xảy đến làm thay đổi hoàn toàn đời ta. Nguyên do là ta hay đi lễ chùa cùng với mẹ ta. Cụ là một phật tử thuần thành. Là học sinh trường Bưởi, ta lại chăm đọc đủ loại sách, cho nên đầu óc ta luôn có những ý nghĩ ám ảnh. Có lúc ta mơ mình sẽ là một nhà khoa học giỏi. Nhưng chỉ một tháng sau đó, ta lại nghĩ mình sẽ là một nhà cách mạng. Ta rất dễ xúc động, dễ đam mê mà đã mê cái gì thì mê đến cuồng dại. Vì thế cho nên khi được mẹ đưa đến chùa Ổi ở phía Nam Hà Nội, được ngửi mùi hương giải thoát

của nhà Thiền, ta đắm mê mãi mãi ngay. Điều ấy không có gì là lạ. Sư phụ ta, sư cụ Vô Chấp là người uyên bác. Thầy ta rất lo cho ta vì ta vừa thông minh lại vừa nhiệt tình, thứ nhiệt tình quá mức lúc nào cũng như lửa cháy. Cụ Vô Chấp bảo: “Con là người đam mê và nhạy cảm. Điều đó sẽ cản trở trên con đường giải thoát, thậm chí sẽ đẩy con vào những bước gập ghềnh. Ngay cả đạo đầu, lúc con trốn nhà đi tu, ta cũng cảm thấy lo lắng”. Chính vì quá lo lắng cho ta nên sư phụ mới giao ta cho sư huynh Vô úy. Bởi vì sư huynh là người uyên thâm đạo Pháp, trình độ đủ cao siêu để dạy ta, chế ngự ta. Thực ra chính sư huynh là thầy của ta. Những hiểu biết của ta đều do sư huynh truyền bảo. Cả sự trui rèn tính cách cho ta cũng vậy. Khi ta quyết định lấy vợ, ta tưởng ông sẽ thất vọng và dùng đòn nôi giận. Song ông chỉ nhẹ nhàng nói với ta: “Tức là sư đệ còn nhiều nghiệp phải trả. Đã là nghiệp thì trốn cũng không nổi. Phải trả cho bằng xong. Sư đệ hoàn tục không phải là điều xấu. Chỉ xin đệ luôn nhớ tới sự dạy dỗ của sư phụ. Nhất là nhớ tới bốn chữ trên bức hoành phi: Tùy duyên, lạc đạo. Ta tùy duyên sống theo hoàn cảnh, nhưng đừng quên hai chữ “ lạc đạo”. Còn tại sao ta lại đi theo cách mạng ư? Lúc còn trẻ, sở dĩ ta theo đạo Phật bởi vì đạo Phật nói đến nỗi khổ của kiếp người, và tìm cách giải quyết nỗi khổ. Đó là con đường bát chánh đạo và lòng từ bi vô bờ bến. Đạo Thiên chúa cũng muốn giải quyết nỗi đau khổ bằng tình yêu thương. Đó là tính nhân bản vĩ đại của các tôn giáo lớn. Đó cũng là sự hấp dẫn của các tôn giáo. Trong thời hiện đại, cách mạng cũng muốn giải quyết nỗi đau khổ của con người. Và chính nó cũng tạo ra sự hấp dẫn của cách mạng. Vì thế nhiều người nói, trong thời hiện đại, cách mạng gần giống như một tôn giáo. Nói chung, cả Phật giáo, Thiên chúa giáo và Cách mạng đều cố công xây dựng Thiên Đường. Nhưng Thiên Đường của Thiên chúa thì sau khi chết mới biết. Cõi Tây phương cực lạc của Tịnh độ tông thì trong tương lai mới xuất hiện. Còn cõi Niết bàn của Thiền Tông thì quá ư phức tạp, chỉ những bậc đại trí thức may ra mới hiểu nó ra sao và ở đâu. Riêng Thiên đàng của Cách mạng thì cụ thể hơn. Điều cơ bản khác nhau giữa hai nhóm xây dựng thiên đàng ấy là nguyên lý xây dựng. Những người tôn giáo dựa trên tình yêu thương, lòng từ bi. Những nhà cách mạng dựa trên đấu tranh bạo lực. Người ta bảo Phật giáo

xóa bỏ hận thù dùng lòng từ bi đã hai trăm thế kỷ, còn chúa Jêsu rao giảng tình yêu thương đã hai mươi thế kỷ, thế mà con người vẫn sống trong đau khổ không có chút thay đổi. Vậy thì phải đảo ngược lại. Phải dùng bạo lực để xây đời mới. Ta đã là một nhà sư nên ta biết lòng từ bi của đức Phật thật vĩ đại. Nó làm con người trở nên có văn hóa, trở thành con người đích thực. Tuy nhiên, hình như nó chỉ áp dụng được ở bình diện cá nhân con người. Còn ở bình diện một cộng đồng, một quốc gia thì sao? Chế độ thống trị thực dân là một vết nhơ của loài người. Thánh Gandhi đấu tranh bằng bất bạo động mà thực dân Anh có lay chuyển đâu. Chưa thấy một nước thực dân nào thương xót dân thuộc địa mà tự nguyện từ bỏ quyền lợi thuộc địa của mình. Nay, cháu đã bao giờ nghe chuyện đức Phật và ông Anandà cùng những chiếc lá chưa nhỉ? Chưa phải không? Thế này nhé. Anandà là thị giả, đệ tử thân tín của đức Phật. Đêm, ngày, ông luôn ở sát bên đức Thế Tôn. Một hôm, hai người đi dạo trong rừng. Đức Phật cúi xuống, nhặt mấy chiếc lá khô cầm lên tay. Đức Phật hỏi:

- Nay Anandà, ngoài những chiếc lá ta cầm trên tay, còn có những chiếc lá nào không?

Anandà trả lời:

- Mùa thu đã về, lá rơi rụng khắp nơi. Người ta không thể nào đếm xuể.

Đức Phật liền bảo:

- Thế đấy! Ta đã cho con một nắm chân lý. Nhưng ngoài chúng ra, vẫn còn muôn vàn chân lý khác không tài nào đếm xuể.

Nghe qua câu chuyện cứ tưởng như sư thúc chẳng đả động gì đến vấn đề của tôi. Nhưng thực sự ra không phải. Ông đã nói tới những chuyện cốt lõi nhất. Ông muốn thuyết phục tôi bằng cả những lời của đức Phật. Tôi chưa đủ trí tuệ và kiến thức để tranh luận với sư thúc, nhưng tôi cũng đủ

hoài nghi để đưa ra những câu hỏi, bắt sự thúc tôi phải vắt óc biện luận và làm cho đầu óc tôi được rộng ra. Tôi hỏi:

- Con được nghe nói rằng bạo lực rất có hiệu quả trong việc phá hủy, nhưng nó không biết xây dựng.

Sư thúc Vô Trần nhíu mày lại nhìn tôi.

- Đúng là lịch sử được viết nên nhiều khi bằng những con sông đỏ máu và những cánh đồng mênh mông phơi xác người chết. Nhưng ngoài chuyện giết chóc ra con người vẫn trồng bông dệt vải, trồng lúa tía ngô. Và con người vẫn yêu nhau, vẫn ca hát, làm thơ. Cái ấy người ta gọi là văn hóa. Một dân tộc có thể phát triển nhưng cũng có thể bị tàn lụi. Có nhiều nguyên nhân tàn lụi. Có thể do thiên tai, dịch bệnh. Có thể do đạo lý suy đồi, đời sống trác táng. Một dân tộc có thể do cần kiệm khắc khổ mà hưng thịnh nhưng rồi sau đó sinh ra kiêu ngạo, xa hoa hưởng lạc, rồi tàn bạo bất công mà bị tiêu diệt.

Còn dân Việt ta, chúng ta luôn ở bên bờ vực, mấp mé bị tiêu diệt do nạn ngoại xâm. Nạn ấy xảy ra hết đời này qua đời khác. Để chống lại bạo lực xâm lược hủy diệt ấy, chẳng có cách nào khác là phải dùng phản bạo lực tự vệ. Cháu hiểu rồi chứ. Ngay cả đức Trần Nhân Tông, Phật hoàng cũng đã phải hai lần chống quân Nguyên, đã hai lần nhúng tay vào máu quân thù. Nhưng sau khi giặc tan... Có sao đâu... hai bàn tay nhúng máu lại sạch tinh, người lại là đệ nhất tổ thiền phái Trúc Lâm. Cháu ơi! Người ta gọi đó là sự sát sinh cần thiết... Nào, bây giờ cháu đã hiểu ta chưa?

Trong cuộc nói chuyện ấy, câu hỏi cuối của tôi lại mang tính chất một câu phỏng vấn:

- Hiện nay sư thúc là chính ủy. Xưa kia chú là nhà sư. Vậy hiện đời sống cũ ở nhà chùa có còn ảnh hưởng gì đến chú hay không?

Chính ủy của tôi bỗng cười ha ha và trả lời tôi bằng một câu nói mà tôi cho là khá thú vị:

- Câu hỏi của cháu rất hay. Đầu tiên chú phải nói với cháu một cách chung chung đã. Không phải người Việt nào cũng hay lên chùa. Nhưng dù có đi chùa hay không, bất cứ người Việt nào cũng có chút Phật giáo trong huyết quản. Tại sao chú lại dám nói như vậy. Bởi vì bất cứ làng nào ở quê ta cũng đều có cả đình và chùa. Đây là chùa làng. Thậm chí còn có chùa thôn, chùa xóm. Đàn ông thì tụ họp với nhau ở đình. Còn chùa là nơi sinh hoạt của các bà các chị. Có thể nói hầu hết các bà mẹ đều được thấm nhuần văn hóa Phật giáo. Người mẹ nào cũng dạy con “tu nhân tích đức” rồi “ác giả ác báo”, rồi “ở hiền thì lại gặp lành, ở ác gặp dữ tan tành như tro”. Thế đấy. Rõ ràng đứa bé chẳng đi chùa. Nhưng văn hóa Phật giáo đã thấm đẫm vào nó từ thuở ấu thơ. Người mẹ là người lưu truyền những chủng tử của Phật vào tất cả người con đất Việt.

Còn tư tưởng của chú bây giờ ra sao ư? Có còn chút dấu tích chùa chiền nào mà thời gian chú đi tu còn sót lại không ư? Đó cũng là câu hỏi của một đại tá, bạn chú, hôm qua đã hỏi chú... Lạ thật! Thình thoảng lại có người nhắc đến chuyện xưa ở chùa của chú. Cứ như thế nó là một dấu vết mà người ta không muốn nó phôi phai đi. Cháu sẽ cũng như chú. Nếu sau này cháu trở thành một người cách mạng chuyên nghiệp, thì cháu sẽ hiểu thế nào là một dấu vết của quá khứ. Có thể ảnh hưởng của dấu vết ấy là tốt đẹp nhưng người ta sẽ chẳng bao giờ đếm xỉa đến điều tốt lành ấy. Cái ông bạn đại tá đã đưa ra một câu hỏi na ná như của cháu. Cháu có biết chú trả lời thế nào không. Chú nói: “Tôi chưa hề bao giờ giấu giếm mình đã là một nhà sư. Cũng như dân tộc mình chưa hề bao giờ chối bỏ rằng thời Lý - Trần, chúng ta đã từng là một dân tộc Phật giáo. Có thể nói những giá trị Phật giáo đã đóng góp rất lớn vào việc hình thành tính cách Việt. Con người văn hóa là con người hướng tới sự cao thượng. Mà từ, bi, hỷ, xả là bốn đức hạnh cao thượng của Phật giáo. Phật bảo bốn điều cao cả ấy lúc nào cũng có sẵn và còn ngủ trong từng con người. Chỉ cần đánh thức chúng

dậy thôi. Tôi đi theo cách mạng mấy chục năm nay. Tôi thấy cách mạng cũng cần bốn đức hạnh ấy, vì cách mạng nói mình đại diện cho văn hóa dân tộc. Bản thân tôi lúc nào cũng vun trồng bốn điều cao cả ấy. Đó là ảnh hưởng của quá khứ nhà chùa mà tôi sẽ còn gìn giữ mãi”.

Tôi cũng không ngờ sư thúc của tôi, đã là một chính ủy mà vẫn còn những tâm sự như vậy. Huống chi tôi. Tôi càng hiểu hơn lẽ vô thường mà Phật đã dạy. Luật vô thường chẳng trừ một ai. Kể cả lúc ta ở ngôi cao chức trọng. Cuộc đối thoại đã chuyển thành cuộc tâm sự. Mà tâm sự thì kéo gần con người lại với nhau hơn. Phải chăng vì thế nên sư thúc tôi nói:

- Có thể cháu mới chuyển sang đời sống thế tục, còn chưa thích ứng kịp. Cháu có cần chú giúp đỡ không? Ví dụ chuyển cháu sang một công tác khác chẳng hạn. À, chú rất thích món canh ốc nấu chua của cháu. Cháu có thể về đây làm công việc trực điện thoại, làm cần vụ cho chú.

Tôi vội vàng cảm ơn và từ chối khéo lời đề nghị của sư thúc. Không phải tôi kênh kiệu gì mà chỉ vì tôi nhớ lời sư phụ tôi dạy khi hai thầy trò tôi bị bắt giam.

- Khi ta bị rơi vào một hoàn cảnh trở trêu nào đó. Hãy gắng chịu đựng. Đó là cái nghiệp mà ta phải trả. Không ai trốn chạy được nó. Không trả không xong. Thậm chí ta còn phải cảm ơn sự khổ cực mà ta phải trải qua. Bởi vì qua đó ta hiểu được nỗi đau khổ của thế gian này sâu sắc hơn. Hiểu được ý nghĩa cuộc sinh tử trong trần gian là một việc lớn. Và ở đời không một việc lớn nào mà lại dễ dàng cả. Con hồ ly của sư Bách Trượng phải trải qua năm trăm kiếp làm loài chồn hoang mới hiểu được lẽ sinh tử.

Tôi để ý nét mặt của sư thúc biến đổi trong cuộc đối thoại. Ông là người không giấu được cảm xúc, nhất là những tình cảm hưng phấn, nhiệt tình. Ông có giọng nói ấm cúng, thuyết phục và hùng biện. Sự thay đổi trên gương mặt làm ông trông rất sinh động, và lôi kéo người nghe nhập cuộc, cùng hòa mình vào tham dự cùng với tư tưởng của ông. Khi tôi từ chối lời

đề nghị, tôi thấy nét mặt ông thoáng hiện vẻ hài lòng. Điều ấy làm tôi suy nghĩ. Có phải ông không chân thật, ứng xử một cách xã giao? Tôi ngẫm nghĩ thấy không phải vậy. Ở điểm này, ông rất giống sư phụ tôi. sống dựa vào người khác là một điều thầy tôi rất ghét. Thầy tôi thường bảo:

- Đừng đi tìm ở đâu xa. Hãy dựa vào mình. Hãy tìm trong bản thân mình. Ở đây có đủ hết. Những điều cao đẹp ư? Hùng tâm tráng khí ư? Sở dĩ đạo Phật hấp dẫn người ta đến hôm nay, một phần cũng nhờ vào điều đó. Hãy tự trải nghiệm. Hãy tự tìm đức Phật trong bản thân ta.

Ý nghĩ trên chắc sư tổ Vô Chấp đã dạy. Và sư phụ tôi, sư thúc tôi vẫn giữ. Không biết đến bây giờ nó còn ảnh hưởng đến chính ủy Vô Trần không? Trong cuộc nói chuyện hôm nay, có một câu của sư thúc làm tôi rất suy nghĩ:

- Trong chiến tranh, để chiến thắng, đừng tưởng người chiến sĩ chỉ cần dũng cảm. Nó còn đòi hỏi sự thông minh. Một dân tộc muốn giành tự do, rất biết cái giá bằng máu mà nó phải trả. Khi đã tự do rồi, chắc chắn nó sẽ đủ thông minh và biết dùng sự thông minh để xây dựng và bảo vệ đất nước mà mất bao xương máu mới có được.

Trong khung cảnh một khu rừng, dưới một căn hầm, xa xa vẫn vẳng nghe thấy tiếng đạn pháo và tiếng bom, ông Trần mắt sáng quắc nói với tôi sang sảng như nói trước hàng quân. Tôi thấy ông có một niềm tin tự cường của một người phật tử. Cộng vào đó là niềm tin của một người cách mạng. Phải nói hình ảnh của ông lúc đó làm tôi xúc động.

Đôi mắt sáng của ông một lúc sau mới dịu đi được khỏi cơn phấn khích. Rồi, đột nhiên ông chuyển đề tài. Có lẽ đó là đề tài mà tôi thích nghe hơn cả.

- Cái Huệ nó đã vào đây. Chắc cháu biết rồi chứ.

- Dạ ...

- Trong thư gửi chú, nó hỏi thăm cháu. Chỉ mới cách đây nửa tháng, đơn vị dưới báo cáo về tình hình của cháu, chú mới để ý và biết cháu là người chùa Sọ. Chú liền báo tin cho cái Huệ biết. Thế nó đã gửi thư cho cháu chưa?

- Dạ chưa.

- Các cháu là bạn thân cùng đi học thầy Hải từ ngày xưa?

- Dạ, vâng.

- Thế thì chú đặc cách cho cháu đến thăm nó đấy. Cái Huệ đang ốm. Mà chú thì không thể đi được. Việc đơn vị ngập đầu ngập cổ. À, người ta còn báo cáo, trong bận đi lấy gạo bị phục kích, cháu bị một mảnh đại bác vào vai vẫn chưa lấy ra được. Thôi, nhân tiện kỳ này cháu đến Trạm Quân y 7, nơi Huệ làm việc, rồi lấy ra luôn.

Sáng hôm sau, sương mù dày đặc. Bình minh Trường Sơn muộn quá. Chính ủy xem đồng hồ tay. Rồi kêu lên:

- Ôi chao! Đã chín giờ rồi!

Mặt trời lúc này mới chịu nhô lên khỏi dãy núi, lấp ló sau màn sương đục. Ánh sáng và sương trắng đùa giỡn nhau, tạo ra một bầu trời và quang cảnh núi non cực kỳ mỹ lệ. Thiên nhiên như một họa sĩ vẽ rồi lại xóa. Gió thổi, sương tan. Một đám mây xa xa được ánh mặt trời núp ở phía sau biến thành một đám mây ngũ sắc. Dãy núi màu xanh sẫm bỗng nhiên đổi màu. Cả một vạt rừng bao la bỗng long lanh, cánh rừng như được nhìn qua một chiếc kính vạn hoa.

Núi chuyển màu, mây đổi sắc. Thoắt hiện thoắt biến kỳ ảo.

Chính ủy giơ cánh tay:

- Cậu có nhìn thấy cây chò trên ngọn núi trước mặt không?

Cây chò ấy vươn lên khỏi khu rừng. Ở vùng ấy nó là cây cao nhất. Người ta bảo cây chò hơn trăm tuổi. Trạm quân y của Huệ ở chính quả núi ấy. Cứ nhắm cây chò mà đi là tới. Trông gần thế thôi, nhưng cũng phải ba bốn chục cây số.

Cái ba lô sau lưng tôi nặng trĩu. Chính úy bỏ vào đấy hộp thịt, hộp sữa chiến lợi phẩm làm quà cho con gái. Tôi leo đèo lội suối, hỏi thăm đường đến xế chiều thì tới nơi.

Trạm quân y nằm dưới muôn vòm tán lá. Những vòm lá rậm rịt giấu kín những tán lá. Giả dụ máy bay trực thăng địch bay ngay trên đầu dùng cánh quạt quạt thốc lên cho những tán lá ngả nghiêng xiên vẹo cũng chịu không thể phát hiện được những gì xảy ra dưới đất, bởi vì không phải một tầng mà là hai ba tầng lá che chồng lên nhau. Đại úy trạm trưởng bảo tôi:

- Chị Huệ y sĩ của chúng tôi bị sốt rét ác tính nằm ở lán số 6 cuối dãy. Bị đã mười ngày rồi.

Tôi đến lán số 6. Thấy tôi Huệ tút tút:

- Anh An thiêng thật. Đêm qua em vừa mới mơ thấy anh thì hôm nay anh đến.

Nói xong, Huệ rơm rớm nước mắt.

- Sao Huệ lại khóc?

- Chiều hôm qua, chúng em chôn chị Thủy. Chị cũng bị sốt rét ác tính như em. sốt cao quá đến nổi phát rồ phát dại. Nhiệt độ liên miên 40 độ, 41 độ. Lúc tỉnh lúc mê. Suốt đêm ngày đòi đi xây dựng đài vinh quang. Mắt lúc nào cũng sáng quắc như có điện. Tiêm bao nhiêu ký ninh vào người đến nổi hai tai điếc đặc. Lúc sắp chết lên cơn co giật. Ba người lực lưỡng đè

xuống mà vẫn giật lên đùng đùng. Khổ thân chị ấy. Chồng là đại úy đặc công hoạt động ở vùng đồng bằng Nam Bộ. Có lúc tỉnh, chị ấy bảo em: “Chắc tao chết mất. Lúc cưới nhau, anh ấy tặng tao chiếc nhẫn. Mà giữ hộ tao rồi trao cho anh ấy và nói hộ tao rằng tao giải lời nguyện cho anh ấy. Bao giờ lấy vợ mới trao cái nhẫn này cho cô ta. Ở dưới cõi âm tao sẽ phù hộ cho”. Lúc đưa ma chị Thủy, em khóc như mưa như gió. Và không hiểu sao, thế là ban đêm em lại chỉ mơ thấy gặp anh. Mơ tới hai lần gặp anh. Kỳ lạ thế! Tỉnh dậy em khóc, vì cứ nghĩ là anh đã làm sao. Bởi vì anh có làm sao thì hồn mới hiện về đến hai lần để gặp em như thế.

Huệ thổ lộ về giấc mơ với tôi xong, hai tai và gò má ửng hồng. Tôi cũng không thể ngờ là Huệ lại nghĩ đến tôi nhiều thế. Chú Trần là người thân thiết nhất của Huệ đáng lẽ Huệ phải nằm mơ thấy chú, chứ sao lại là tôi. Về sau này nghĩ lại tôi cứ mắng mình: “Có thể mà cũng không hiểu. Rõ đồ ngốc”.

Tôi mở ba lô, lấy ra mấy hộp thịt, hộp sữa chiến lợi phẩm của chú Trần:

- Những thứ này chú Trần gửi cho em. sắp vào trận đánh ông già không đến được. Em cất đi. Hết sốt đem ra bồi dưỡng. Còn mấy ngày tới, em không lo. Anh đã nhìn thấy những thứ bồi dưỡng cho người ốm rồi.

Chẳng là trên đường vào đây, tôi đã thấy một con suối. Đúng ra là một thác nước chảy từ trên núi xuống. Nó tạo nên một cái ao nhỏ chừng hơn mười mét vuông nước trong vắt. Tôi đã xuống đó ngâm mình dưới làn nước lạnh. Quanh vũng nước và bên suối toàn là đá. Nhưng cách suối chừng mười mét là đất thịt, cỏ mọc xanh rì. Nhìn đám cỏ, tôi chợt phát hiện có một vùng bị giẫm nát. Lúc lên bờ, tôi tò mò đến nơi quan sát. Toàn là vết chân của một loài móng guốc. Tôi không thạo rừng nên không biết đó là vết chân của hươu nai, hay là hoẵng, là bò rừng. Nhưng điều chắc chắn mà tôi nhận biết: đó là thú rừng thường đến đây uống nước.

Ở lán số 6 ra, tôi đến gặp đồng chí trạm trưởng quân y. Sau khi nghe tôi trình bày, chị đại úy nói:

- Anh định đi săn đêm à? Tốt thôi. Mấy tháng trước có đồng chí thương binh cũng hay săn đêm. Nhờ đó, thương bệnh binh ở đây được cải thiện tốt. Nhưng anh ấy đã phục hồi sức khỏe, quay trở về đơn vị chiến đấu. Trạm sẽ cho đồng chí mượn một khẩu AK. Có cả đèn ló nữa.

Đêm hôm ấy, tôi một mình ra bờ suối. Tôi tìm một chỗ nấp kín đáo sau một tảng đá, nhìn xuống vũng nước. Đó là quầng rừng thưa ở chân núi. Tôi im lặng nằm chờ nghe tiếng rừng đêm. Nền âm thanh là nước chảy rì rào, lá rừng xào xạc. Trên dòng suối, lũ nhái rừng được sự lặng im cổ vũ, cất tiếng khoe giọng gọi tình râm ran cả một góc rừng. Thỉnh thoảng một con chim đêm vỗ cánh, một con tắc kè lên tiếng như thể cũng muốn tham gia vào dàn đồng ca bất tận. Một con chim lợn, có lẽ tổ ở hang vách núi, từ trên cao bay xuống cất tiếng kêu đều đều, nghe ròn rợn. Hóa ra ở rừng cũng có loài chim mà người ta nguyện rửa ấy. Nó làm tôi lại nhớ tới ngôi chùa Sọ. Đây là lần đầu tiên trong đời tôi đi săn. Cũng là lần đầu tiên tôi có ý định sát hại sinh vật. Đã có ai là người tu hành mà đi săn nhỉ. Có lẽ là lục tổ Huệ Năng. Lục tổ sau khi được Ngũ tổ Hoằng Nhẫn trao truyền y bát, đã phải trốn chạy xuống phương Nam, vì bọn xấu đuổi theo định cướp y bát. Lục tổ Huệ Năng phải đi theo những người thợ săn suốt mười lăm năm ròng. Đến bữa, người thợ thả nắm rau vào nồi luộc thịt, và chỉ ăn nắm rau ấy thôi.

Còn cái hồi hai thầy trò tôi bị giam ở trại cải tạo, thầy tôi đã mắc bệnh lỵ rất nặng, ỉa ra toàn máu. Về sau, bệnh quá nguy cấp, không đi ngoài, máu cũng tự động chảy ra từ hậu môn. Chính Trẫm đã cứu sư cụ. Nó cho thầy tôi uống nước luộc thịt. Nước thật đặc rất nhiều chất đạm.

Đúng! Quả là hiệu nghiệm. Bệnh lỵ của thầy tôi, sau lần ấy tự nhiên khỏi hẳn. Như là uống thuốc tiên vậy.

Cho nên, khi gặp lại Huệ, thấy Huệ gầy gò chỉ còn da bọc xương, môi thâm xít, da tái ngoét, tôi chợt nghĩ tới bệnh lý của thầy tôi ngày xưa. Chính vì thế, tôi mới quyết định đi săn. Tôi nghĩ có thể tôi đã sai. Nhưng nếu vì việc làm sai này mà Huệ khỏi bệnh thì tôi cũng cam lòng.

Tôi đang mãi nghe tiếng rừng đêm và lan man lạc vào những suy nghĩ hồi ức, thì bỗng rừng mình. Cảm giác như có ai đang lén nhìn vào khối óc mình. Tôi nhìn xuống vũng nước và bỗng giật mình. Lúc trước nó đen sì, bây giờ nó trắng xóa. Như có ai vớt bạc xuống nước làm cho nó trở nên lóng lánh. Ô, hóa ra trăng đã lên từ lúc nào chẳng hay. vầng trăng đang rung rinh dưới nước. Nhưng mà chẳng phải chỉ có trăng lên là điều ngạc nhiên. Còn có điều gì đó mà tôi cảm thấy trong không gian. Bởi vì... bởi vì không gian đang run rẩy bỗng dưng bật lạng. Những con nhái đang say sưa ộp oạp đã bật tiếng tự lúc nào không biết. Rồi nghe thấy những tiếng lùm tùm của chúng từ những bụi cỏ nhảy xuống nước. Một mùi gì khác lạ lẫn trong gió. Còn mơ hồ dấy lên những tiếng động lạ. Tiếng động lạ mỗi lúc một rõ. Tiếng phì phì của hơi thở. Tiếng lắc đầu của một con vật làm cái tai đập vào da thịt. Tôi vội nín thở, căng mắt ra, hồi hộp chìa súng vào vũng nước. Mắt tôi đã nhìn thấy một con vật to lù lù đang đứng trên phiến đá phẳng. Con vật ngược đầu lên. Mặt nó phản chiếu ánh trăng. Không biết hươu hay là nai. Tôi nhắm giữa ức nó rồi nín thở bóp cò. Tiếng nổ vang lên chát chúa. Con vật hộc lên mấy tiếng chạy sang phía phải. Nhưng chỉ chạy được vài bước, nó ngã lăn trên bãi cỏ non.

Tôi từ chỗ nấp chạy xuống. Chiến lợi phẩm của tôi là một con nai to gần bằng con bò ba tuổi. Tôi vội bắn lên trời ba phát súng như quy ước với chị đại úy. Đó là tục lệ của người đi săn. Tất cả bản sẽ có mặt ở đây trong chốc lát để chia phần. Ở đây không phải là dân bản mà là trạm quân y. Tất cả bác sĩ, y tá, hộ lý, thương binh sau mười lăm phút đều tìm đến nơi nổ súng. Giống như đám mỡ trâu, người ta nhanh chóng lột da con vật, trải rộng tấm da làm chiếu. Rồi pha thịt, chặt xương ngay trên tấm da ấy.

Sáng hôm sau, Huệ được bồi dưỡng một bát cháo tim gan đặc biệt. Cháo ngọt chưa từng thấy. Nóng bỏng lưỡi và thơm phức. Huệ kêu đắng miệng mấy hôm không chịu ăn, mà sáng hôm ấy cũng húp gần hết bát cháo to. Phần thịt sẵn được chia của Huệ, vì có khách là tôi, nên được chia một tảng thịt nạc ngon chừng ba kilôgam. Tôi hì hục làm ruốc để dành cho Huệ ăn dần. Rồi còn cả một niêu thịt rim. Bữa sáng hôm ấy tôi làm món thịt nạc nấu canh chua. Huệ ăn cứ khen nức nở.

- Hồi bé, em thích nhất món này. Mẹ nấu, em cứ khen còn ngon hơn ăn cỗ. Anh nấu ăn cũng khéo thật đấy. Món này mẹ nấu em cho điểm 9. Còn anh, em cho điểm 10.

Tôi cười.

- Điểm 10 em cho anh chỉ dám nhận 5. Còn 5 phần là nhờ thịt nai tươi. Thịt thú rừng bao giờ cũng thơm và ngon ngọt hơn thú nuôi trong nhà.

Huệ cũng bẻ lẻo không kém:

- Sở dĩ em cho anh hơn mẹ 1 điểm. Đó là điểm tình cảm.

Tôi ngớ ra.

- Tình cảm nghĩa là thế nào. À... à...

Vì có cái đuôi đằng sau. À... à... nên Huệ đoán ngay ra ý nghĩ trong đầu tôi. Cô rất nhanh trí, chữa luôn.

- Đừng tưởng bở nhé. Tình cảm nghĩa là: bát canh của anh làm cho em nhớ tới mẹ. Khen là chỉ khen cái điểm ấy thôi.

Nói xong, Huệ ngồi thẩn người ra một lát. Rồi cô búi ngủi:

- Em cảm ơn anh. Đúng là em nghĩ tới mẹ. Mẹ chết oan uổng quá. Và kể từ khi mẹ chết, em chẳng được ai chăm sóc như... như là hôm nay.

Không hiểu sao lời nói của Huệ làm tôi trở thành ngượng nghịu. Huệ còn nói:

- Lạ thật anh An ạ. Thông thường người ta hay ghi nhớ những kỷ niệm. Với mọi người, kỷ niệm là những chuyện quan trọng, đặc biệt, thậm chí vĩ đại. Riêng em, em chỉ hay nhớ tới những bữa ăn. Mọi việc vui buồn em thường quên hết, hay là không muốn nghĩ tới. Riêng kỷ niệm về những bữa ăn đặc biệt thì em nhớ như in. Ví dụ cái bận em đi chăn trâu với anh Trâm, cái Rêu. Hồi ấy đang mùa cà cuống đẻ. Chúng em đi bên bờ ruộng nhìn những gốc lúa. Gốc nào có trứng cà cuống đẻ ở mấp mé nước, thì ngồi xuống, lấy ngón tay búng khẽ tùm tùm trên mặt nước. Lập tức những con cà cuống nằm ở dưới bùn tưởng có con gì ăn trứng liền ngoi lên mặt nước bám vào ngón tay. Ta chỉ còn việc tóm ngay lấy. Hôm ấy bắt được hơn chục con. Đốt lửa lên rồi nướng. Ôi chao! Thơm và ngọt. Cái Rêu lần đầu ăn cà cuống nướng cứ khen nức nở. Tro than đen nhem mồm miệng. Trông nó như con quỷ con. Đó là bữa ăn đáng nhớ.

- Còn bữa thứ hai đáng nhớ?

- Là cái bữa anh lên trường y sĩ thăm em. Đố anh hôm ấy chúng mình ăn gì nào?

- Làm sao mà anh quên được. Cơm nắm muối vừng.

- Phải nói vừng đen mới chính xác. Bữa ấy muối vừng bám quanh môi. Trông anh cũng như con quỷ chẳng khác gì cái Rêu.

- Thế còn bữa thứ ba.

- Là bữa thịt nai hôm nay. Anh không thấy nó đặc biệt hay sao? Em đố nó đặc biệt thế nào? Anh phải tìm ra những đặc điểm của nó, mới có thể nhớ lâu.

- Anh chịu.

- Ngốc ơi là ngốc. Nó gồm những đặc điểm như sau: Thứ nhất: Con nai do anh đi săn, mà lại săn đêm. Thứ hai: Anh nấu canh thịt. Nấu chua. Mà lại là lần đầu tiên anh tập nấu. Thứ ba: Em khen cho anh điểm 10. Thế nào. Đã nhớ được chưa?

Đấy! Câu chuyện giữa tôi với Huệ là thế đấy. Toàn những chuyện vớ vẩn không đâu vào đâu.

Mai tôi sẽ trở về đơn vị, cho nên hôm nay tôi ngồi với Huệ suốt ngày, lúc thì giã ruốc, lúc thì chuyện gẫu. Nhớ lại bao nhiêu chuyện hồi đi học lớp thầy Hải ở trường làng. Ngày xưa ấy, ngày nào hai đứa chả gặp nhau. Huệ là đứa con gái nhu mì, hiền hậu. Tôi cứ nghĩ cô bạn gái thời thơ ấu của tôi mềm yếu như một cây sậy. Tôi không thể tưởng tượng người bạn gái ấy có thể chịu đựng nổi những quăng quật bão tố của cuộc đời. Tôi không thể nghĩ rằng đã có lúc hai mẹ con cô đã nhảy xuống dòng sông Hồng hung dữ. Mẹ cô đã bị dòng nước dìm chết. Còn Huệ thì lang bạt mấy tháng trời, có lúc phải đi ăn mày ở thủ đô để tìm cha. Mười năm hai đứa không gặp nhau. Đến lúc biết tin nhau, lần gặp gỡ này là lần thứ ba, tôi thấy Huệ vẫn chẳng khác trí tưởng tượng của tôi mấy tí. Vẫn là cô gái nhu mì hiền hậu ngày xưa. Nhưng có lẽ Huệ có hai gương mặt. Đằng sau cái gương mặt nhu thuận ấy, còn ẩn tàng một gương mặt cứng rắn quyết liệt. Có lẽ gương mặt thứ hai ấy vốn tồn tại từ lúc thơ ấu mà tôi không biết đấy thôi. Chỉ đến lúc hoàn cảnh sinh tử xảy ra thì nó mới xuất hiện. Huệ bảo tôi:

- Cách lán số 6 này chừng năm mươi mét là cây chò hai trăm năm tuổi. Đứng cách xa vài chục cây số còn trông thấy. Ở gần gốc cây, em đào một cái hầm dài. Em bảo với các chị ở đây: “Đấy là hầm trú ẩn của em. Nhưng nếu chẳng may, lỡ ra em có hy sinh thì các chị cứ chôn em trong hầm ấy. Nếu chết, em chọn cây chò cao ngất này làm bia mộ”. Lát nữa, anh cũng ra mà xem để mà nhớ lấy phần mộ của em khi em hy sinh.

Tôi gất lên với Huệ:

- Sao em nghĩ vợ vẫn thế. Anh không thích cái ý tưởng ấy của Huệ đâu.

- Nếu không thích cây chò làm bia mộ, thì hãy coi nó là cái cột đánh dấu chỗ ở của em. Em rất thích phong cảnh chỗ này. Dưới chân núi là suối là thung lũng. Trên núi thì toàn cây to. Đất ở đây lại tốt. Mình chỉ thích sau này hết chiến tranh làm cái nhà ở đây mà ở.

Tôi nói với Huệ.

- Ở Trung đoàn bộ nhìn rất rõ cây chò này. Đại đội anh cách E hơn mười kilômét chắc cũng nhìn thấy. Vậy bao giờ nghĩ tới em, anh cứ ra nhìn thấy ngọn cây chò, cũng coi như đã gặp em rồi. Còn bao giờ viết thư, anh sẽ đề địa chỉ là Trần Thị Huệ, Trạm Quân y Cây chò trăm tuổi. Không biết viết thế em có nhận được không nhỉ.

- Chắc chắn là được. Vì ở vùng này có ai không biết cây chò này.

Đang nói chuyện Huệ bỗng cảm thấy ngây ngấy, cơn sốt rét cách nhật đã đến hành hạ cô bạn tôi. Cái nóng ùng ùng ập đến. Trán Huệ như hòn than rừng rực.

Tôi vội vàng lấy mấy viên kí ninh thường xuyên giắt trong người bắt Huệ uống. Đến chiều tối cơn sốt vẫn không lui. Huệ định bỏ bữa chiều nhưng tôi không cho. Tôi phải dỗ dành ép buộc cô ăn bát cháo. Phải bón cho Huệ từng thìa. Huệ kêu đắng nhưng rồi ép mãi cũng hết. Ăn xong, mồ hôi trên người Huệ vã ra như tắm. Chị đại úy trạm trưởng khen tôi:

- Anh An dỗ cô Huệ khéo thật. Mọi khi lên cơn sốt, Huệ dứt khoát bỏ bữa không ăn. Chúng tôi dỗ thế nào cô ấy cũng chẳng nghe. Vì thế nên sốt nửa tháng, người mới gầy nhom. Da mới bủng beo ra.

Nghe chị đại úy nói, tôi xót xa trong lòng. Năm ngoái gặp Huệ ở Trường Y sĩ, cô xinh đẹp biết nhường nào. Tóc mượt và đen láy, đôi má lúc

nào cũng ửng hồng. Còn bây giờ, mớ tóc thì xin, nước da thì tái màu chì. Chỉ còn đôi mắt. Đôi mắt hình như to hơn xưa, nhưng chúng vẫn đen láy và sáng long lanh. Đôi mắt ấy nhìn tôi. Chúng gặp đôi mắt của tôi. Hình như chúng nhận ra sự xót thương từ đáy linh hồn của tôi. Chắc tia mắt của tôi vẫn giống hết những tia mắt thời thơ ấu. Tôi không tự nhìn được vào mắt mình nhưng tôi biết chắc chắn chúng là như vậy. Thuở ấu thơ, khi nhìn mắt Huệ tôi thường bắt gặp ở đấy sự tin cậy, tôi bảo đảm bây giờ, Huệ hoàn toàn có thể tìm lại được tình cảm ấy. Thậm chí tình cảm ấy có thể còn sâu đậm hơn. Bây giờ chúng tôi đã lớn, sự thông cảm cộng thêm sự xót thương do hoàn cảnh đem lại chắc chắn là sẽ đậm đà, bởi vì chúng tôi đã là những con người có ý thức.

Hết cơn nóng, đến cơn rét. Tôi đắp chăn cho Huệ. Rồi lấy thêm tất cả những chăn thừa trong phòng đắp hết lên người cô. Thế mà Huệ vẫn run cầm cập. Tôi phải đốt thêm một đồng củi ở cạnh giường nằm.

Sau những cơn mưa mấy ngày hôm trước, nhiệt độ trong rừng già Trường Sơn xuống dưới 20 độ. Đêm ấy có trăng. Đứng trong lán nhìn ra, sương mù ban đêm bắt ánh trăng trông như một tấm màn sữa mênh mông giăng khắp chốn. Mù mịt, nhìn không rõ cảnh vật chung quanh. Hình như có tiếng Huệ gọi. Tôi lập cập chạy vào:

- Huệ bảo gì cơ. - Tôi hỏi.

Phải nghe mãi mới hiểu được yêu cầu của cô. Huệ muốn tôi dìu cô ngồi xuống gần bên đồng lửa. Tôi xốc nách nhưng cô bước không vững. Tôi phải bế Huệ, như bế một em bé đặt cô gần đồng củi.

Lửa rất cả mặt mà Huệ không thấy nóng. Tôi gỡ chiếc chăn trùm lên vai cô. Tôi hiểu ngoài cái nóng của đồng lửa, Huệ còn muốn nương nhờ thêm vào cái nóng tỏa ra từ cơ thể tôi. Thú thực, Huệ muốn gì mà tôi chẳng phải chiều. Chỉ riêng ngày hôm ấy, tôi đã phạm hai giới luật của người tu hành. Thứ nhất là tội sát sinh: đã giết một con nai - một sinh linh đẹp đẽ

của núi rừng. Thứ nhì là tôi ôm một người khác giới trong đêm lạnh Trường Sơn.

Đêm hôm ấy, thú thật, hai chúng tôi hoàn toàn trong sáng, mặc dù hai đứa choàng chung một chiếc chăn và tôi ôm lấy nàng. Một lát sau tôi hỏi Huệ.

- Em đã hết rét chưa?
- Em vẫn còn rét.
- Phải làm sao bây giờ?
- Hãy ôm chặt em thêm chút nữa.

Trong vòng tay tôi, quả thực tôi cảm thấy Huệ vẫn còn run. Rồi cơn run rẩy dần dần dịu đi. Đầu Huệ ngả vào vai tôi lúc nào chẳng hay. Tôi bảo:

- Huệ ngủ đấy ư?
- Không. Em vẫn thức. Trong lòng hết run rồi An ạ.
- Sao đầu em cứ dụi dụi, y như một con mèo.
- Ừ. Em không là mèo.

Tôi chợt nhớ cuộc gặp Huệ ở Trường Y tế. Hôm ấy Huệ bảo tôi hay làm nũng. Tôi cười khẽ. Hôm nay tôi hỏi lại Huệ:

- Chắc thuở sơ sinh em cũng khóc dạ đề như anh?

Huệ ừ ừ rồi nói:

- Cứ gì phải khóc dạ đề mới biết làm nũng. Em còn biết có người thích được người khác làm nũng. Mà lại làm nũng suốt đời cơ.

Phật giáo có một sức hút tinh thần ghê gớm. Song đến lúc này tôi mới biết người đàn bà cũng có một sức hút ghê gớm chẳng kém. Và tôi chợt hiểu ra tại sao thời xưa, đức Phật lại dạy ông Anandà rằng phải tránh xa người nữ.

ĐỘI GẠO LÊN CHÙA

Nguyễn Xuân Khánh

www.dtv-ebook.com

Chương 7

Một tháng sau khi anh Hạ từ trại cải tạo về, anh Tư Đồn làm một mâm cỗ mời Hạ đến nhà. Tư Đồn bảo:

- Hôm qua cô Xim nhắc tôi mới biết hôm nay là ngày giỗ của cụ Xuân. Tôi ý định lúc nào thưa chuyện với anh nhưng chưa có dịp. Nay nhân ngày giỗ của cụ, vả lại mảnh đất này chính cụ Xuân là chủ sở hữu. Vậy nên, nói chuyện ấy nhân ngày giỗ cụ, lại trên mảnh đất của cụ, là điều phải quá đi mất.

Hạ ngơ ngác:

- Anh định nói chuyện gì cơ.

- Thì ta cứ hạ cỗ đã. Ngồi vào mâm, nâng chén rượu, rồi đàm đạo với nhau, nó dễ dàng hơn.

Sau khi đã nâng chén mấy lần, lúc ấy Tư Đồn mới nghiêm trang có ý kiến:

- Câu chuyện chính là về mảnh đất này. Như tôi đã nói lúc đầu: Nó là của cụ Xuân. Anh là con ruột của cụ Xuân. Lẽ dĩ nhiên anh được thừa kế. Hôm nay là ngày giỗ của cụ, có vong linh của cụ Xuân trở về chứng giám. Tôi xin chính thức trao trả nó lại cho anh.

- Kìa! Sao lại thế. Con tôi anh nuôi. Vợ tôi anh nuôi. Anh ở trên mảnh đất này là phải chứ sao. Tôi một thân một mình, ở đâu mà chẳng xong. Còn anh nhà những ba người.

- Không được đâu - Tư Đờn giơ bàn tay rắn chắc chém vào không khí.
- Anh đã nhường vợ con cho tôi. Thế là cho nhiều quá rồi. Chẳng lẽ cái lều của anh tôi cũng chiếm nốt. Vả lại tôi đã nghĩ kỹ rồi. Và anh em trong xí nghiệp cũng đã lo cho tôi rồi. Xí nghiệp nông cụ còn khối đất. Ban giám đốc đã đồng ý cho tôi một mảnh. Chủ nhật tới công đoàn sẽ dựng cho tôi một căn nhà tre. Vậy, ngày mai vợ chồng tôi dọn đi, ở tạm tại khu tập thể, chờ dựng xong nhà, sẽ dọn về nhà mới. - Tư Đờn còn tính toán giúp Hạ công việc. - Ngày mai, anh cũng phải dọn về, tiếp quản chỗ này. Anh chưa có công ăn việc làm. Tôi tính anh nên mở cửa hàng sửa chữa xe đạp. Phố ta chưa có hiệu xe đạp. Anh mở ra chắc sống được. Nhưng mà không hiểu anh có biết sửa chữa xe không?

- Việc ấy tôi làm được.

Thế là từ đấy, phố huyện có cửa hàng sửa xe đạp của anh Hạ. Cửa hàng khá đông khách. Thời cải cách, đến đội trưởng Khoát, khắp vùng ai nghe đến tên cũng run cầm cập, thế mà Hạ cũng chẳng sợ hãi, dám cả gan ban ngày ban mặt tự tay đốt nhà rồi坦然 nhiên đi tù.

Đánh giá về con người mãn hạn tù trở về ấy, có hai luồng ý kiến. Người thì bảo đó là con người nguy hiểm, một kẻ không thể lường được. Nhưng cũng có người bảo Hạ là con người trọng nghĩa khinh tài. Xem như việc anh đối xử với ông bà trưởng bạ thì biết. Đang lúc cả xã hội không ai dám dây với gia đình địa chủ, thì riêng mình anh, Hạ lại bên vực vợ chồng ông trưởng bạ. Thậm chí khi chị Xim vợ anh a dua với thiên hạ, thì anh tự tay đốt cái lều của mình không cho kẻ vô ơn trú ngụ.

Vào trại cải tạo, anh ở cùng với ông Phúc, một ông thầy tướng số, tự xem mình là “Thượng tướng chi sĩ” tức là ông thầy tướng số loại thượng đẳng. Một hôm Hạ hỏi ông Phúc:

- Tôi đã nghe nhiều người xem tướng cho tôi. Người coi tướng tay thì nói: Bàn tay tôi quấn queo sần sùi, màu sắc đỏ như máu. Đường trái tim

không có. Nó hợp với đường trí não thành một đường. Người ta bảo đó là bàn tay chữ nhất. Họ bảo tôi có bàn tay của kẻ cướp hoặc của kẻ giết người. Thậm chí có ông tiến sĩ hiện đại còn nói: Tôi là kẻ siêu đực, trường hợp giết người bẩm sinh.

Nghe thế, ông thầy “Thượng tướng chi sĩ” giãy nảy lên:

- Láo toét! Rặt một lũ láo toét. Tướng số gì chúng nó. Trước hỏi cải cách, tao chẳng phải đi đâu mà nhà tao lúc nào cũng nườm nượp người. Họ đến để xem tướng số. Xem tiền vận, hậu vận. Xem liệu cơ nghiệp sẽ ra sao. Xem liệu có mắc vòng tù ngục, liệu có phải ra cửa quan hay không?

Những người đến xem toàn những người giàu có chốn thôn quê cả ấy mà. Vì thế tao mới bị bắt. Họ bảo tao là mê tín dị đoan, mượn nghề bói toán để tuyên truyền chống phá cách mạng. Tao bị cấm hành nghề nhưng hôm nay, trường hợp của mày tao phải nói. Mình không thích, có thể nói là, phản đối cách xem tướng của họ. Họ chỉ nhìn vào bên ngoài, dựa vào những điều đã ghi trong sách rồi kết luận. Họ không biết câu: “Thượng tướng chi sĩ, bất tướng thân diện”. Nghĩa là bậc xem tướng thượng thừa, không xem tướng bằng thân hình, diện mạo, tức là xem tướng bề ngoài. Người xem tướng bậc thượng thừa phải xem cái thần, cái khí, cái khí phách con người. Đúng là bàn tay cậu đỏ như thoa son. Đúng là cậu có cái lưng gấu, đôi cánh tay dài như tay vượn. Đó là điều người ta gọi là người siêu đực. Nhưng xem tướng không được phép xét đoán một cách định mệnh như thế.

Người ta bảo cậu tam lộ: lộ nhãn (mắt lồi), lộ xỉ (răng hô), lộ hầu, có ba cái lộ ấy cậu cũng chẳng sợ bởi vì trong ánh mắt sáng quắc của cậu vẫn có những tia ấm áp, bởi vì tuy lộ hầu, nhưng giọng nói của cậu vẫn vang lên như chuông. Tuy nhiên tướng hiện ra những nét không thanh còn nhiều cái trọc, tức là căn nghiệp còn nặng. Bởi vậy vẫn phải đề phòng, đề phòng bản thân là chính. Nhưng nét tướng ô trọc chứng tỏ bản năng quá mạnh. Có

lúc bản năng như một cơn lũ. Nó cuốn phăng ta đi không tài nào cưỡng lại được. Nhớ phải rất đề phòng đừng để ngựa quen đường cũ.

Điều tiên đoán từ xưa xưa ấy có lúc đã thành sự thực. Chuyện xảy ra sau khi Hạ mở cửa hàng sửa chữa xe đạp ít lâu. Bữa ấy vắng khách lắm. Nhân lúc rỗi rãi, Hạ mang mấy cái xích cũ ra lộn lại. Khoảng trưa thì Xim đến chơi, Hạ lau tay rót nước mời khách. Xim bả lả:

- Hôm nay, anh Tư bận việc xí nghiệp làm việc thông tầm. Em nấu cơm sẵn cho con Mua. Nó đi học ca trưa anh ạ. À, con chúng mình học hành cũng được. Con bé ngoan. Tổng kết học kỳ một, con bé đạt học sinh giỏi. Hôm nào, em cho nó ra đây một buổi nhé. Con bé vẫn chưa quen... rằng mình lại có hai bố.

Căn nhà Hạ gồm hai gian. Gian ngoài để hành nghề. Gian trong làm nơi sinh hoạt. Anh tiếp Xim ở gian trong. Nói chuyện đến con, Hạ cứ rầu rầu bùi ngùi. Người vợ cũ cảm thương, nắm lấy tay anh an ủi.

Không hiểu thế nào, cô lại bảo:

- Em đến thăm để trả nghĩa anh đây.

- Trả nghĩa?

- Nghĩa là em nợ anh nhiều quá. Chẳng biết làm sao trả cho hết.

- Nếu có bản khoản trong dạ, thì cứ nuôi con cho tốt là được rồi. Còn thì cô chẳng nợ nần tôi gì cả.

- Có nợ chứ. Này nhé: Thứ nhất chỉ vì em nên anh mới đốt nhà, mới đi tù. Thứ nhì, anh mắc nạn thế mà em lại lấy chồng. Rồi anh trở về lại bằng lòng cho em ở với chồng mới. Chả nợ thì gọi là gì?

Nhìn người đàn bà phây phây rục rờ ấy, anh dường như đã hiểu cô ta, anh nghĩ: Mụ này táo tợn thật. Tuy nhiên anh cũng hỏi:

- Thế cô định trả nợ tôi như thế nào?

- Thì em đền trả anh chứ làm sao?

Xim còn nói tiếp rất rành rẽ, dứt khoát:

- Nhưng em chỉ cho phép anh một lần hôm nay thôi. Xong rồi là xong phắt, không dây dưa. Bởi vì em đã có chồng mới. Không thể xảy ra phiền phức... Thôi nào lại đây... Em hiểu anh quá rồi mà. Năm mười lăm tuổi anh ngủ với em lần đầu trên đồi sim ấy. Năm mười bảy tuổi em sinh con Mua với anh, mười năm đi tù, anh chết thềm chết nhát... Em còn lạ gì anh nữa... Anh nhường em cho Tư Đồn. Nhưng mắt anh nhìn em vẫn còn hau háu như muốn ăn tươi nuốt sống... Thôi nào, còn chần chừ gì nữa... Anh giỏi thật đấy, người háu gái như anh mà nhịn được mười năm... Lần đầu tiên ở đồi sim, anh ghê gớm đến như thế nào. Lần thứ nhất xong, anh xách cái váy của em mà chạy. Em đuổi kịp, anh lại vật em xuống lần thứ hai. Lần thứ hai xong anh lại xách váy em chạy. Rồi lần thứ ba, thứ tư. Anh bảo phải yêu em cho đến lúc trời long đất lở. Anh khủng khiếp thật. Nhưng chỉ đến lần thứ tư ấy thì anh quy hãn. Nếu em không lui về nhà, bắt trộm gà nấu cháo cho anh ăn, chắc là anh đã tiêu mất rồi.

- Tiêu là tiêu thế nào. Họ bảo tớ là thằng siêu đực cơ mà. Ừ tớ nhớ rồi đồi si... đồi sim... đồi sim.

Hạ đã mê man đi rồi. Quả đúng như là thầy tướng nói. Hãn sẽ bị cơn lũ bản năng ào ào xô tới quật ngã và cuốn phăng đi. Người đàn bà kia đã ghê gớm. Nhưng hãn còn ghê gớm gấp mười lần. Hai cái cơ thể đồ sộ trần truồng đã cuốn lấy nhau, quấn quại, giã giụa ngay trên mặt đất mát rượi. Hãn như đóng đinh vào người đàn bà. Có lúc người đàn bà như nghệt thờ

trong cơn hạnh phúc. Mụ như thể bị bóp cổ rên ằng ặc vì sung sướng. Mụ quấy đạp đùng đùng đến nỗi một cái gì đó vỡ choang mụ cũng chẳng hay.

Họ làm tình ồn ã và dữ dội đến nỗi con chó xù của hăn nuôi đi hoang ở đâu về nó phải sán lại để chứng kiến. Nó tưởng đôi người là hai con quái vật. Nó gừ gừ rồi sán tới. Mụ Xim rú lên. Còn Hạ thì quát ầm ã. Nghe thấy tiếng chủ, con chó vội lảng ra đường mất.

Xong cuộc vật lộn tình ái, Xim vừa mặc quần áo vừa nói.

- Thế là tôi trả nợ ông xong rồi nhé. Dứt khoát đấy. Chỉ một lần này thôi. Mà ông hùng hục quá đấy. Cứ như thế này mà ông không kiếm được một đứa đàn bà nào cho nó hầu hạ ông thì chết dở đấy. Rắc rối to đấy. Còn tôi, đã giao kèo rồi nhé. Tôi chỉ cho ông một lần này mà thôi. Ông có nghe thấy tôi nói không? Nhớ lấy nhé.

- Tôi nhớ, tôi nhớ. - Hăn lẩm bầm.

Vừa lẩm bầm hăn vừa lê trên mặt đất nhặt những mảnh vỡ của cái chum vại nào đó mà trong lúc say mê hoan lạc mụ đã đạp vỡ. Mụ hỏi:

- Cái gì vỡ đấy?

- Cái vại.

- Vại gì?

- Vại cổ thời Trần.

- Vại cổ thời Trần có quý không?

-Quý!

- Quý thế nào?

- Bán nó mua được cái xe Phavôrit.
- Có tiếc không?
- Tiếc nhưng mà không sao?
- Không sao là thế nào?
- Là xứng đáng.
- Xứng đáng thế còn tiếc nữa không?
- Không.
- Thế mới đúng là Hạ rõ chứ!

* * *

Chị Xim đã nói là làm. Một hôm, chị đến cửa hàng của Hạ. Chị hỏi hờ bảo người chồng cũ:

- Tìm được rồi! Tìm được rồi.

Hạ ngạc nhiên không hiểu Xim định nói gì. Cái lần trả nợ ân nghĩa của Xim tuy ngọt ngào nhưng làm Hạ bứt rứt mãi. Thế là chưa sòng phẳng. Cái gì đã cho là cho hẳn. Cớ sao còn tiếc nuối. Cớ sao còn dây dưa. Thế là kém nghĩa khí, không trượng phu. Những năm trong tù dạy anh rất nhiều. Cứ nhớ ông “Thượng tướng chi sĩ” không xem tướng diện mạo bề ngoài mà xem cái thần khí bên trong. Ông ta bảo người như anh có thể là kẻ giết người, nhưng cũng có thể thành kẻ trượng phu. Cái chính là đề phòng bản thân mình. Đừng để cho bản năng như cơn lũ cuốn mình đi. Câu nói ấy khích lệ Hạ rất nhiều. Câu nói ấy làm Hạ lại nhớ đến người cha, ông già Xuân cả đời lam lũ nhưng mà rất lương thiện. - Mà chính vì chất lương thiện ấy, anh mới dám làm những điều người khác không dám làm, và vì nó mà anh vào tù. Cho nên, lúc này, Hạ nói với Xim:

- Cô tha lỗi cho tôi nhé.

- Lỗi gì mà lỗi. Tội gì mà tội. Tội lội xuống sông. Chẳng qua là em thấy không phải với anh, em muốn đền bù. Mà thôi xí xóa hết chuyện cũ. Nhưng dù sao anh cũng phải có một người đàn bà để nó bầu bạn với anh, phòng khi trái nắng trở giờ. Không thể em chả an tâm đâu.

Ôi! Người đàn bà chất phác! Cuồng si cũng hết mức. Và nghĩa tình cũng hết mức. Xin bảo:

- Em đã nhắm hết đàn bà trong làng. Đối với anh, các cô trẻ quá cũng không được, già quá cũng không xong. Điếm đi điếm lại, mới thấy bây giờ chỉ còn một đám. Đã quá lứa lỡ thì. Tuổi ngót ba mươi. Nhưng mà xong được đám này thì anh có mà phúc to bằng cái đình. Người đẹp nồn nà. Hay lam hay làm. Hiền thực hết mức, nhưng mà khó quá, khó quá. Em đã nghĩ nát nước ra rồi mà chẳng biết nhờ ai đánh tiếng.

Xin nói luôn một hồi chẳng để cho Hạ xen vào, nhưng thực quả làm anh phải chú ý. Hạ hỏi:

- Ai mà cô ca tụng đến thế?

- Cô Nguyệt. Con gái nuôi của cụ sư chùa làng. Cái cô mà ngày trước thầy giáo Hải đã ăn hỏi ấy.

- Tưởng ai. Chẳng được đâu. Có trèo cao quá không? Tôi là thằng đi tù về. Cô ấy là vợ chưa cưới của một anh hùng liệt sĩ. Lại là một người đức hạnh. Sư cụ là một người đức cao vọng trọng. Thôi! Xin cô. Tôi chẳng dám đâu.

- Sao lại chẳng dám. Thì cũng phải thử xem sao đã chứ.

- Tôi xin cô. Thôi! Đừng rách việc.

Chuyện ấy Hạ quên đi, nhưng sau đó lại xảy ra một chuyện.

Lúc ở trong tù, Hạ có quen một thanh niên Hà Nội. Anh ta bị bắt vì tụ tập ăn chơi trác táng. Không phải gia đình tư sản nhưng gia đình anh ta rất giàu. Anh ta tên là Hùng. Công tử chính hiệu. Mặt trắng, môi đỏ như son. Vào tù mà vẫn sang. Hút thuốc lá ngoại. Gia đình đi thăm nuôi thường xuyên. Hùng yếu ớt, lao động kém, nhưng được cái sống rộng rãi phóng khoáng, và nhũn nhặn đối với mọi người, sẵn có sức khỏe nên nhiều khi Hạ giúp đỡ Hùng trong việc lao động. Có lúc tâm sự, Hùng nói thật với Hạ:

- Bố tao, đứng về tiền nong, thực sự là tư sản, nhưng nhà nước lại chỉ quy ông thuộc thành phần tiểu tư sản thôi. Bởi vì thực ra, ông không có nhiều nhà, chỉ có một căn nhà để ở. Lại không có xí nghiệp, không có cửa hàng, cửa hiệu. Nói cho đúng, ông nội tao ngày xưa khá giàu có. Nhà phố Hàng Đào, buôn bán tơ lụa. Nhờ thế mà bố tao sướng từ trong trứng sướng ra. Lớn lên, không làm ăn gì cả. Chỉ chơi bời phát phơ. Rồi đi học vẽ nhưng chẳng đến đâu đến đấy. Ông già sĩ diện, tự gọi mình là họa sĩ. Tuy nhiên chẳng vẽ được bức tranh nào ra hồn. Trong những ngày ăn chơi ấy, ông già cũng nhờ biết ăn chơi mà học được cái nghề khá độc đáo: Đó là nghề đồ cổ. Đúng như người ta nói, ông già giàu, rất giàu, tiền nhiều như quân Nguyên, nhưng Chủ nghĩa xã hội không thể quy ông là nhà tư sản được. Đúng vậy, bởi vì ông có bóc lột ai bao giờ. Không bóc lột công nhân. Không cho vay nặng lãi, không nhiều nhà cửa, đất đai. Đúng là không trông thấy có tiền. Nhưng nhà thì đầy chén, bát, đĩa, lọ độc bình, đồ đồng và các tranh nữa chứ. Ông vẽ tranh chẳng ra gì. Nhưng tranh của các danh họa thì ông sưu tầm được nhiều. Nhìn vào nhà, ai cũng bảo ông là một loại nghệ sĩ dở hơi. Song chớ có coi thường cái sự dở hơi ấy. Bởi vì chỉ cần bán một cái lọ Khang Hy đời nhà Thanh đi, cũng đủ cho cả nhà ăn chơi nhảy múa vài năm. Sở dĩ tao bị đi tù cũng chỉ vì nhà nhiều tiền, nên rừng mỡ, đua ăn đua chơi, suốt đêm ngày chỉ uống rượu, hát nhạc vàng và cời trường nhảy múa với mấy cô em xinh đẹp. Nhưng sau này đi tù về tao sẽ tu tỉnh, sẽ theo nghề bố. Mà cứ yên trí đi. Ra tù, có dịp, tao sẽ giúp đỡ.

Câu chuyện hứa hẹn trong trại giam, lâu ngày Hạ đã quên tịt.

Rồi đến một hôm, Hạ đang lúi húi sửa xe, thì chợt nghe thấy tiếng người đứng sau lưng nói:

- Chào chiến hữu.

Quay lại, nhận ngay ra thằng Hùng. Nó đi xe đạp Pơgiô (Peugeot) mới, mặc quần áo sang trọng, mắt đeo kính Mỹ. Hai thằng tay bắt mặt mừng. Thằng Hùng chỉ hát nhạc vàng và sa đọa với các em xinh, nhưng đã bóc lịch gần mười năm. Chắc ngày xưa nó càn quấy lắm. Còn lúc này, Hạ thấy áo quần, đầu tóc nó rất nghiêm chỉnh. Cuộc sống nhà tù đã dạy khôn cho Hùng. Nó đã biết dùng cái vẻ khiêm nhường bề ngoài để che giấu cái ồn ào sặc sỡ bên trong. Hạ mời Hùng ở lại ăn cơm. Cơm thường thôi. Những món sang nhất là đĩa đậu phụ sống và đĩa lòng lợn chấm mắm tôm chanh ớt. Hùng bảo:

- Mà có cà lấy cho tao ăn. Thấy thềm mà ạ. Ngẫm nghĩ thấy đi trại cũng có cái hay. Chí ít cũng học được cách sống giản dị.

- Tưởng thứ gì, chứ cà nhà tao có sẵn.

Hạ đi đến cái vại để ở góc nhà. Hùng bây giờ mới nhìn thấy cái đồ gia dụng nhem nhuốc để ở góc nhà, Hùng bỗng reo lên:

- Cái gì thế này? Để yên. Để yên tao xem.

Hùng cúi xuống ngẫm nghía cái vại. Hắn lấy tờ báo lau sạch những vết cáu bẩn bên ngoài, rồi kêu toáng lên:

- Chết! Chết! Của quý thế này mà bố dùng để muối cà là sao?

- Cái gì quý?

- Cái vại này chứ còn cái gì? Rẻ ra cũng hai trăm đồng đấy bố ạ.

- Tức là... Tức là mua được hơn hai cái xe Phượng Hoàng?

- Chứ sao. Cậu kiếm cái này ở đâu thế?

- Tao đào hầm tránh máy bay Mỹ, thấy nó dưới mặt đất. Một đôi. Còn cái nữa đựng muối dưới bếp.

Cầm trên tay chiếc thứ hai, Hùng giải thích:

- Đây là cái âu cổ, gốm hoa nâu thời Lý - Trần. Nó có men màu trắng ngà, hình vẽ màu nâu. Ở chiếc này có hình vẽ dây hoa cúc. Gốm Lý - Trần là sản phẩm đặc sắc riêng của Việt Nam. Chiếc âu này lành lặn, lại đủ cả nắp đậy. Nó phải đáng giá tới hai trăm.

- Trời ơi! Những hai trăm cơ à? Cả một đồng tiền! Mà có nói dối tao không đấy?

- Trong người tao chỉ còn có một trăm bạc. Tao đưa trước cho mày. Còn trăm nữa sau tao sẽ trả.

Hạ cầm trăm bạc trong tay, run lên. Hùng bảo:

- Có lần tớ hứa khi ra tù tớ sẽ giúp cậu. Trăm bạc này đã ăn thua gì. Sau này, anh em còn làm ăn với nhau lâu dài. Tớ tính, cậu hãy bỏ quách cái quán chữa xe đạp này đi, dành thời gian mà cộng tác với tớ. Mấy lại, người võ nghệ đầy mình như cậu, nhiều khi cũng đặc dụng lắm đấy.

- Cộng tác ư? Tôi có biết gì về nghề đồ cổ đâu.

- Cứ làm, khắc biết. Đầu tiên, cậu đến nhà tôi. Tớ sẽ hướng dẫn cho cậu thế nào là men ngọc, thế nào là men hoa lam. Rồi thế nào là đồ Minh Thanh của Tàu, thế nào là đồ sứ Việt Nam. Cậu vốn là thổ công ở đây. Hãy lân la đến nhà các gia đình khá giả ngày xưa. Hãy hỏi những lọ lộc bình cũ, rồi ấm chén, bát đĩa, nậm rượu, thậm chí cả những bình vôi cũ mà cha ông

họ để lại. Tớ sẽ cho cậu biết giá cả của từng loại. Lãi suất của đồ cổ cao lắm. Một lãi mười, có khi gấp trăm. Kiếm được đồ quý thì vô giá. Cậu cứ vào nghề thì khắc thấy. Thú vị vô cùng.

Hạ khá nổi tiếng trong giới giang hồ vùng đó. Anh có nhiều đệ tử. Hạ tập hợp các đệ tử thân tín lại và bảo:

- Anh em nên tìm con đường lương thiện mà đi. Như thế mới có tương lai. Nay tôi có cơ hội gặp nghề đồ cổ. Có thể có triển vọng. Ai thích theo tôi thì theo.

Nhờ có mạng lưới chân tay, trong một thời gian Hạ và lũ đàn em khấm khá hẳn lên. Tuy nhiên, đồ cổ đâu có phải là nguồn hàng vô tận, nên chỉ một năm sau hàng hóa hiếm hẳn đi. Hùng từ Hà Nội về gặp Hạ:

- Tớ mách cho cậu một nguồn hàng mới. Nguồn này không mất tiền mua. Giá cả lại cao ngất.

Hạ ngờ vực:

- Làm gì có thứ hàng ngon ăn thế. Dân ở đây họ cũng khôn lên rồi. Giá đồ cổ đã vọt lên gấp ba gấp bốn. Họ chẳng ngờ nghếch như mấy năm trước. Vậy lấy đâu ra thứ ngon ăn như cậu nói. Nếu đúng thế, họa chẳng chỉ còn cách đi ăn trộm. Gần mười năm trong tù cậu chưa tỉnh ngộ à? Tao không đi trộm cắp, tao không muốn vào tù.

- Không nguy hiểm tù tội như cậu nghĩ đâu. Đúng là đi ăn trộm, nhưng ăn trộm ở những nơi không ai quản lý. Thậm chí, người ta gọi là lạc hậu muốn xóa bỏ đi.

- Lại có những nơi thế sao? Cậu thử nói xem nào.

Lúc bấy giờ Hùng mới hạ giọng xuống, nói ra vẻ bí mật:

- Nơi ấy là các nhà chùa. Mỗi ngôi chùa là một kho đồ cổ. Ở đây có tượng đồng, tượng gỗ, có bát nhang cổ, có đèn, nến cổ. Có nhiều nơi đặt hàng giá cao. Thậm chí hoành phi câu đối thời xưa có được người ta cũng mua. Miễn là nó cổ. Càng cổ giá càng cao.

- Cậu xui chúng tớ đi ăn trộm nhà chùa à?

- Ừ thì ăn trộm nhà chùa. Có sao đâu. Lại an toàn. Bởi vì đó là mê tín dị đoan. Tôn giáo là thuốc phiện ru ngủ nhân dân lao động. Công an họ không để mắt tới nhà chùa đâu.

Hạ nói như đinh đóng cột:

- Gì thì gì, chứ ăn cắp của chùa, tao không làm đâu. Hùng rất ngạc nhiên vì thái độ quyết liệt của Hạ. Gã đồ cổ còn hỏi gặng:

- Mà không làm thật à?

- Tao nhất quyết không làm.

- Mà sợ à?

- Ừ, tao sợ.

Hạ tỏ thái độ thế mà Hùng vẫn không thôi. Hấn nói khích:

- Cậu là tay hảo hán: Trời không sợ, đất không sợ thế mà sợ ăn trộm của chùa hay sao?

- Ừ, tao sợ thế đấy - Hạ lăm lè trả lời.

Nguyên do sự cố nài nỉ ấy của Hùng là thế này. Có một người biết ngôi chùa Sọ có tượng thờ một bà chúa nhà Mạc có công với Phật giáo. Tượng bà chúa Mạc rất đẹp, nhưng to quá, không phải là đối tượng của bọn săn đồ cổ. Tuy nhiên kèm hai bên bà chúa còn có hai pho tượng nhỏ: Đó là

Tiên đồng và Ngọc nữ đứng hầu. Mỗi pho tượng chỉ cao khoảng năm mười phân tạc bằng gỗ mít. Cô Ngọc nữ là cô gái tóc bỏ đuôi gà, tay xách một lẵng hoa. Cậu Tiên đồng thì tư thế quỳ dâng lên một mâm đào tiên. Hai pho tượng được đục chạm rất tinh vi, sinh động. Lại là tác phẩm từ thời nhà Mạc nên bọn săn đồ cổ rất quan tâm nhòm ngó. Họ đặt hàng cho Hùng đồ cổ mười lăm ngàn đôla. Hùng biết việc này phi tay Hạ, không ai khác có thể làm được. Hùng định ăn dày, chỉ muốn nhả ra cho Hạ một chút tiền còm. Thấy thuyết phục bằng lời không được, Hùng quay sang dụ dỗ bằng tiền:

- Việc lấy hai pho tượng nhỏ ấy, tôi tin cậu có thể làm dễ như trở bàn tay. Còn tiền công thì cũng khá to đấy. Làm xong chuyện này, cậu có thể nghỉ chơi vài năm hoặc có đủ tiền tậu nhà lấy vợ. Bảy ngàn đôla. Cậu nghĩ thế nào?

- Không à? Thì tám ngàn.

Thật là món tiền khổng lồ đối với Hạ, nhưng anh vẫn một mực chối từ. Đến nỗi, Hùng phải chửi thề:

- Mẹ kiếp! Thằng này điên rồi. Cả một đồng tiền mà nó cũng chê.

Không dụ dỗ được Hạ, Hùng quay sang dụ dỗ bọn đàn em của Hạ. Hạ đe dọa bọn tay chân:

- Chúng mày làm gì thì làm. Cấm động chạm tới nhà chùa. Chúng mày không biết câu: Cửa Bụt mất một đèn mười hay sao. Làm gì thì làm, cũng phải để chút ân đức cho con cháu chứ. Như lão Phó Chủ tịch xã Đào đấy. Dám phá chùa, vứt tượng ra sân. Dân xin thế nào cũng không tha. Bây giờ phải cảm, mồm méo xệch, liệt nửa người, đi thập thà thập thển. Đã thế còn bị dân làng chửi cho ừng mả. Đấy đứa nào không nghe tao thì cứ làm. Về phần tao, tao cũng không tha đâu. Giời mà chưa phạt thì tao khắc phạt. Động đến nhà chùa là ông đánh què cẳng.

Sở dĩ Hạ có cảm tình với nhà chùa cũng có nguyên do sâu xa. Nghe ông cụ Xuân, bố Hạ kể lại. Ngày xưa, khi ông Xuân mới phiêu bạt đến làng Sọ. Cây có sức khỏe và táo tợn, ông Xuân chuyên bắt gà trộm chó. Bị tuần đinh bắt được đánh cho một trận thừa sống thiếu chết. Lúc bấy giờ sư cụ Vô Chấp làm trụ trì. Cụ thương tình đem về chùa phục thuốc cho khỏe, lại cho ăn cho uống. Khi Xuân lành lặn, sư cụ lại đứng ra bảo đảm, rồi nói với ông trưởng bạ con cụ hàng hương thu nạp làm người giúp việc. Có thế ông Xuân mới thành người lương thiện làng hoàng. Rồi khi sư Vô úy bị bắt vào nhà tù “Đơ Bê”, ông Xuân kéo xe bò đưa cụ về chùa. Sư cụ Vô úy bảo rằng, ông Xuân có duyên với nhà Phật. Chưa hiểu ý nghĩa câu nói ấy ra sao, nhưng đến lúc chết, ông Xuân lại truyền lại câu nói ấy cho Hạ.

Trong con người Hạ có cái nghĩa hiệp anh hùng hảo hán của một tay giang hồ ngang dọc, đồng thời cả cái lương thiện của người cha do ảnh hưởng của sự từ bi và sự biết ơn để lại. Do đó, Hạ cứ nhớ mãi câu nói của sư Vô úy với cha mình: “Con rất có duyên với nhà Phật”. Hay có thể nói: Đất Việt vốn là xứ sở Phật giáo qua nhiều đời. Một con người, do một hạnh ngộ từ một kiếp nào đó, nên đã có sẵn những chủng tử tốt lành, nên bây giờ, dù mang một thân xác không hoàn thiện, chủng tử tốt lành đó cũng phát huy, để cho con người có thể tốt lành mà ta không thể ngờ được.

Vì không hiểu được tại sao Hạ lại từ chối đề nghị của mình, Hùng thốt lên: “Mẹ kiếp! Thăng này điên rồ rồi. Cả một đồng tiền mà hấn dám chê”.

Dụ dỗ Hạ không được, dụ dỗ lũ tay chân của Hạ cũng không xong, Hùng đâm cẩu kính vì một vụ làm ăn đổ bể do một thằng du côn phố huyện. Hùng đã thử một kế hoạch khác, đưa đàn em từ Hà Nội về đột nhập chùa Sọ nhưng kế hoạch cũng thất bại nốt. Nhà chùa nghe phong thanh bọn trộm để ý đến chùa làng nên đã giấu kỹ những thứ quý giá có thể bị mất, trong đó có hai pho tượng Kim đồng, Ngọc nữ. Chẳng những thế, hai thằng kẻ trộm còn bị sư thầy Khoan Độ đánh cho mấy chường. May mà hai đứa thoát thân vì sư thầy không có ý định bắt sống.

Tức quá hóa không còn sáng suốt, Hùng quy hết tội cho Hạ. Hùng cho rằng Hạ đã báo cho nhà chùa, đã phản bội mình. Thực ra Hạ chỉ phản đối chuyện ăn trộm nhà chùa chứ không hề tố cáo bọn Hùng, nhưng Hùng nghĩ khác, hăn cho rằng phải diệt được Hạ thì mới có thể làm ăn được ở vùng này.

Một hôm, có mấy thanh niên vào cửa hàng sửa xe đạp. Trông thấy mấy thanh niên ăn mặc càn quấy, cử chỉ ngông nghênh bước vào, Hạ vẫn tỏ vẻ hòa nhã:

- Các anh chữa xe thế nào.

Thằng cầm đầu to con, húi cua, áo sơ mi hở ngực để lộ ra những hình xăm, nói năng gậy gố luôn:

- Tao muốn tìm một thằng đầu gấu phố huyện.

- Ở chỗ tôi, không có ai tên là đầu gấu phố huyện cả.

- À, tên nó là Hạ.

- Tên tôi là Hạ, nhưng không phải đầu gấu.

- Tên là Hạ à? Lại chữa xe đạp. Đúng là mày rồi.

Hạ đã lờ mờ hiểu chuyện. Thằng cầm đầu nói luôn:

- Chúng tao đến hỏi tội mày đây.

- Chúng tôi không biết các anh là ai. Làm sao có thể mắc tội với các anh.

- Mày mắc tội với người khác cơ. Nhưng nghe xong là tao lộn tiết lên rồi. Mày biết trong giới giang hồ, kẻ nào phản bội thì trời không dung đất không tha. Người ta làm ơn cho mày, mày chịu ơn người ta. Thế mà mày

quay lại căn ân nhân. Mà y thử nghĩ xem, như thế liệu mà y còn đáng sống nữa không? - Thằng cầm đầu nói một mạch về đạo nghĩa giang hồ rồi tuyên bố - Nếu mà y biết tội thì tao cho con đường sống. Nếu mà y quỳ xuống nhận tội và hứa xin lập công chuộc tội thì tao tha. Bằng không thì... Mà y biết rồi đấy.

Hạ cũng tuyên bố:

- Tao chẳng có tội gì hết. Tao cũng biết chúng mà y là ai rồi. Chúng mà y tưởng dễ bắt nạt tao lắm hả. Chúng mà y năm đứa chứ gì? Tao bóp chết.

Nói xong Hạ vớ lấy cái bươm rồi nhảy ra sân.

Một đứa kêu to:

- Coi chừng, thằng này có nghệ đấy.

- Nghệ với chả gì. Hội đồng đi anh em ơi.

Năm thằng to con đã chuẩn bị sẵn những khúc tre xông tất cả lại đánh Hạ tới tấp. Hạ cũng vung cái bươm đánh lại. Hạ đã đá được hai thằng ngã sóng soài. Nhưng một con hổ làm sao địch nổi một đàn chó sói. Một lát sau Hạ bị dính đòn. Một cây gậy phang vào tay Hạ làm anh đau điếng, cái bươm bị tuột khỏi tay. Anh kịp định thần thì một cây gậy khác lia trúng ống chân. Hạ ngã xuống. Và lũ côn đồ xông tới đánh anh túi bụi. Hạ vội ôm gáy nằm co tròn lại. Nếu không có hàng phố ủa tới, chắc anh bị đánh đến chết.

Biết tiếng sư chùa Sọ trị thương giỏi, bọn đàn em liền khiêng Hạ đến nhà chùa. Sư Khoan Độ thuốc thang cứu chữa. Ông bảo:

- Tôi nghe nói vì cậu không vào hòa với bọn xấu làm hại nhà chùa nên bị chúng hành hung. Cậu tin tôi đi. Với tuổi trẻ và thể lực của cậu, cộng với thuốc thang của tôi, chỉ một tháng nữa, cậu sẽ hoàn toàn bình phục.

Rồi sư thầy nói thêm:

- Tôi phát nguyện cả đời mình bảo vệ nhà chùa. Tưởng chỉ có mình làm thế. Bây giờ lại thấy cậu đứng ra bảo vệ nhà chùa. Riêng mình đi một nhẽ, bởi vì mình đi tu. Tôi hỏi thật cậu nhé: Tại sao cậu bảo vệ nhà chùa?

Hạ im lặng hồi lâu, như để tìm hiểu bản thân mình, tìm hiểu vấn đề mà anh chưa hề bao giờ nghĩ tới. Cuối cùng mới nói:

- Thưa sư thầy, cũng không biết tại sao nữa. Nhưng con chắc là tại thầy con. Cha con lúc sống, cụ rất quý nhà chùa. Lúc con ở tù, ông cụ lên thăm còn dặn con rằng: “Đến lúc con ra tù thì chắc tao chẳng còn sống nữa. Nhưng nhớ lời tao dặn dù may ngộ nghịch thế nào, cũng không bao giờ được động đến nhà chùa”. Chắc là vì thế...

Sư Khoan Độ ngạc nhiên:

- Chứ không phải vì...

- Vì sao ạ?

- Người ta nói cậu làm thế là vì cô Nguyệt ở vườn chùa.

Hạ ngượng ngùng và chối dây dầy.

- Dạ con đâu dám thế. Cô Nguyệt là con nuôi sư cụ. Con nghĩ cô ấy con công con phượng. Còn con thì... chẳng qua là kẻ tù tội trở về. Con chẳng dám đâu...

- Thế... Thế...

- Sự việc là như thế này... Có một hôm, cô Xim, vợ cũ của con đến cửa hàng xe đạp. Cô ấy thấy con thui thủi một mình, nghĩ thấy thương, muốn làm mối cho một đám... Con đã gạt phắt đi rồi... Tưởng câu chuyện đàn bà

tâm phào ấy đã xong, đã dứt... nào ngờ lại đến tai nhà chùa... Thưa thầy, con mong nhà chùa xá lỗi cho con...

- Té ra là thế. Cái cô Xim vợ cũ của anh nghĩ ra cũng là người có tình có nghĩa đấy chứ. Mình yên phận rồi, lại muốn cho chồng cũ được như mình. Thế là cái tâm cô ấy lành hiền. Đừng tưởng cô ấy ngờ nghếch đâu. Anh không biết đấy thôi... Cô Xim đã giấu anh, đi vận động các bà vải già đến chùa nói với sư cụ. Ngày xưa anh đi ở cho nhà bà trưởng bạ phải không nhỉ? Bây giờ bà ấy làm tổ trưởng tổ vải già. Mà phải rồi... Anh đi tù vì bảo vệ gia đình ấy. Chả thế mà bà ấy khen anh: “Cậu ta có vẻ thô lỗ, nhưng thực ra người có tâm Bồ tát”. Nghe bà trưởng bạ xong, anh có biết sư cụ ta nói gì không?

- Dạ, làm sao con biết được.

- Nghe xong, sư cụ sai ta đi tìm hiểu về anh. Chính lúc ấy, anh bị bọn xấu hành hung. Ta bèn về kể lại sự tình đầu đuôi đúng như sự thật... Nào việc anh không chịu tố điếu cho ông trưởng bạ... Nào anh tức giận đốt nhà để chịu đi tù... Rồi cả chuyện anh không chịu tiếp tay cho bọn săn tìm đồ cổ... Nghe xong, sư cụ ta gật đầu mà rằng: “Thế đấy! Ta không nên bao giờ nhìn bề ngoài con người mà hấp tấp xét đoán. Nhà Phật có phép xem tướng gọi là tâm tướng. Không xem tướng bề ngoài mà xem tâm con người. Tâm thế nào thì hành động của con người như thế ấy. Cái tâm tà, thì dù che giấu thế nào, cuối cùng hành động cũng làm lộ ra cái tâm thật. Trong lúc người đời a dua với cái ác, trở nên bất nhân bất nghĩa thì anh ta lấy sự nhân nghĩa đối đãi với ông trưởng bạ. Trong lúc mọi người tê liệt, sợ sệt trước bạo tàn, thì anh ta ngẩng cao đầu, sừng sững mà đứng giữa trời. Trong lúc kẻ xấu dùng một đồng tiền để dụ dỗ làm việc phi nghĩa, thì trước tiền bạc anh ta vẫn không lung lay. Như thế gọi là người có khí phách. Người như thế dù xấu xí, dù tướng mạo dữ dằn cũng không thể là người xấu. Nếu như cái Nguyệt nó bằng lòng thì ta cũng không ngăn cản... Anh chàng Hạ này là người có tâm”.

Hạ nghe xong lời kết luận của sư cụ Vô úy tưởng như mình nằm mơ. Lời nhận xét của hòa thượng làm anh vô cùng sung sướng. Dù không lấy được cô Nguyệt thì chỉ với lời nhận xét ấy, cũng đã cho anh sống suốt đời một cách an tâm. Người đời dè bủ anh là kẻ tù tội trở về. Có người muốn dìm anh xuống bùn đen, thì câu nói của sư cụ đã như những cánh tay nâng anh dậy. Có người muốn anh đắm chìm trong bùn lầy, thì sư cụ khẳng định anh là một con người lương thiện. Những ngày ấy là những ngày tái sinh của Hạ. Tái sinh cả xác lẫn hồn.

Công cuộc tái sinh ấy càng trọn vẹn, khi Nguyệt nghe lời cụ Vô Úy, bằng lòng lấy Hạ.

ĐỘI GẠO LÊN CHÙA

Nguyễn Xuân Khánh

www.dtv-ebook.com

Chương 8

Nghĩ lại thời gian ở chiến trường, thật là kỳ lạ. Tôi cảm giác như có một lực lượng siêu nhiên nào đó bảo vệ che chở cho tôi. Khi tôi bắn súng lên trời bị phát hiện, tôi không còn ở tổ chiến đấu nữa. Trên điều động tôi làm những công việc khác như cáng thương, anh nuôi, liên lạc. Không phải làm những việc ấy là bớt nguy hiểm đâu. Tôi nhớ có bận phải gánh cơm qua một cánh rừng để tiếp tế cho hai tiểu đội đang chốt quân ngoài bìa rừng, tôi đã rơi vào một ổ phục kích của đối phương. Quân địch muốn vào rừng để xua đuổi chúng tôi nhưng không vượt qua nổi tuyến bìa rừng của chúng tôi. Chúng liền phái một tổ biệt kích đột nhập. Gặp tôi, chúng liền nổ súng. Giặc bắn như vãi đạn quanh tôi, đáng lẽ tôi phải nằm xuống rồi bắn trả lại, nhưng tôi có mang theo súng bao giờ. Tôi chỉ biết chạy và chạy thực mạng. Ấy thế mà lạ chưa! Tôi chẳng hề gì.

Lại một lần khác, tôi nhận nhiệm vụ đưa báo cáo của đại đội lên trung đoàn. Tôi đang đi trong một khu rừng thưa thì bị một chiếc máy bay trực thăng Mỹ phát hiện. Tôi chúi vào những bụi cây ẩn nấp. Súng bắn từ trên cao xuống các lùm cây. Đạn rơi xuống gần chỗ tôi trú ẩn. Lợi dụng lúc máy bay lướt qua chưa vòng lại, tôi nhồm dậy chạy thực mạng. Vừa chạy vừa nghĩ: “Lần này khó thoát thân. Nếu nhận ra mình đi một mình và không có súng, bọn chúng có thể hạ máy bay và vây bắt sống mình”. Nghĩ vậy nên khi thấy trước mặt là một hẻm núi. Tôi nghĩ đằng nào cũng chết, nên nhảy bừa xuống hẻm. Tôi nhắm mắt lại nhảy, mặc kệ muốn ra sao thì ra. Những cành lá rậm rịt đã cản lại, làm tốc độ rơi của tôi giảm hẳn. Nhờ thế tay tôi chọt nắm được một cành cây. Tôi nhìn xuống, cứ tưởng phía dưới chân tôi là một vực sâu thăm thẳm. Hóa ra không phải. Gần ngay chân tôi là một mỏm núi nhô ra. Tôi ước lượng, tính toán rồi buông tay. May mắn thay, tôi

đã rơi xuống một nệm lá khô dày. Mỏm núi đó cũng là một cửa hang nhỏ. Tôi chui vào hang. Chiếc máy bay trực thăng còn lượn mấy vòng, bắn vài băng đạn vu vơ rồi mới bay đi mất dạng.

Tôi nhận được thư của sư thầy Khoan Độ từ chùa Sọ. Đã mấy năm trời mới nhận được lá thư, cho nên tay tôi cầm lá thư mà lòng run lên với bao nỗi niềm. Lá thư nhàu nát ấy đến được tay tôi cũng thật lạ kỳ. Sư thầy không gửi nó đi theo con đường bưu điện chính thức, mà gửi đi một cách hú họa. Nghĩa là thầy đã gửi trao tay cho một người lính đi B. Người lính ấy vào Nam, gặp bất cứ người lính nào cũng hỏi:

- Đơn vị cậu có một ông sư nào nhập ngũ không? Tớ có một lá thư từ một ngôi chùa gửi cho cậu lính sư ấy.

Cuối cùng anh ta bị thương, được đưa đến trạm quân y của Huệ. Anh ta lại đưa lá thư ra và đặt câu hỏi y như mọi lần. Huệ cầm lá thư mà phong bì đã rách, mà nét chữ bên ngoài đã mòn, đã mờ rất khó đọc. Tuy nhiên Huệ còn nhận ra dòng chữ: Người gửi: Sư thầy chùa Sọ. Chữ sư thầy thì đã mòn hẳn đọc không được. Nhưng chữ chùa Sọ thì còn rõ ràng rành rành. Thành thử cô y sĩ chỉ căn cứ vào hai chữ ấy có thể đoán ra toàn bộ. Đó là lá thư của sư thầy Khoan Độ gửi cho người sư đệ là chú tiêu An. Lá thư không dài. Chữ viết nguệch ngoạc. Đó là một kỳ công của sư thầy Khoan Độ vì thầy có được học hành mấy đâu. Sư thầy thấy chuyện này quan trọng nên muốn tự tay mình viết cho sư đệ.

Nội dung để báo cho tôi biết chị Nguyệt tôi đã lấy anh Hạ, một người có vẻ bề ngoài hung dữ nhưng thực chất lại là người tốt bụng, chất phác. Được tin ấy, tôi vui mừng vô hạn, nhất là ở cuối thư, lại được biết thêm chị Nguyệt đã sinh được một cháu gái mà sư cụ đặt tên cho là Tâm Như.

Số phận chị Nguyệt là điều tôi rất lo lắng. Nhưng nay, chị tôi đã yên bề gia thất. Cha mẹ tôi ở thế giới bên kia, biết được tin này chắc cũng hoan hỉ như tôi...

* * *

Chính vào thời gian tôi nhận được lá thư; một sự kiện đã xảy ra mà suốt đời tôi không thể quên được. Đơn vị chúng tôi nhận nhiệm vụ phải nhổ được cái chốt trên cao điểm 303. Đó là một ngọn đồi cao khoảng hai trăm mét. Nó nằm tựa lưng gần một khu rừng. Trước mặt nó là một thung lũng khá rộng có con đường nhựa chạy qua. Nó từng từng nằm đây không chế toàn bộ khu vực, ngăn không cho quân ta từ phía bắc thâm nhập vùng phía nam thung lũng, nơi dân cư tập trung.

Vì là một điểm quân sự quan trọng, nên quân ta cố gắng chiếm và quân địch cố gắng giữ. Cuộc giành giật liên tục xảy ra suốt ngày đêm. Bom đạn đổ xuống quả đồi nhỏ bé. Đại đội của tôi vừa đẩy lùi xong một đợt tấn công của địch. Tranh thủ lúc tiếng súng thưa thớt, tổ tải thương chúng tôi leo lên đỉnh đồi 303.

Trung đội trưởng Trăm bị thương ở bụng. Mảnh đạn pháo cắt rách da bụng. Ruột anh phòi ra trắng hếu. Anh cố lấy cái áo ấn vào. Trăm trông thấy tôi, vẫy tay:

- An. Lại đây.

Tôi vội lấy băng, băng chặt lại cho anh. Trong lúc tôi làm, anh phều phào nói:

- Mà thấy chưa. Chúng nó có thương mình đâu. Chắc phen này tao chết mất An ạ.

- Anh đừng bi quan. Ruột không việc gì. Đưa về trạm quân y, cái Huệ nó chỉ khâu một loáng là anh khỏi ngay.

- Tao hỏi câu này mà đừng giận. Tao hỏi: Mà có là người không?

- Em là người chứ. Sao anh hỏi thế.

- Đã là người thì phải biết căm thù. Sao mà cứ bắn lên trời. Trả thù cho tao nhé. Tao biết. Tao bị thương nặng lắm. Đây súng của tao đây. Bắn hộ tao. Bắn bỏ mẹ chúng nó đi cho tao nhé.

Tôi cầm lấy khẩu AK của Trăm, khoác lên vai. Chúng tôi khiêng Trăm vào đến rừng, máu ra nhiều quá Trăm đã mê man bất tỉnh. Chúng tôi bàn giao Trăm cho những người khác đưa anh đến trạm quân y. Còn chúng tôi lại tiếp tục lên đỉnh đồi.

Lúc này, trên cao điểm còn khoảng mười người dưới sự chỉ huy của Tiến. Tiến đã được đề bạt làm tiểu đội trưởng. Cái đạn anh về phép lúc sắp đi B, vợ anh đã có mang. Để được thằng con trai đã gần ba năm. Câu nói nổi tiếng trong đại đội của Tiến là:

- Bây giờ tớ đã có đứa chống gậy. Đánh nhau lúc này là vô tư đi, thằng Mỹ nào mà gặp tớ lúc này là chỉ có toi thôi.

Mà cũng lạ thật. Kể từ lúc biết tin vợ đẻ con trai, Tiến đánh giặc hăng hãn lên. Khét tiếng toàn trung đoàn. Đạt danh hiệu Dũng sĩ diệt Mỹ.

Chiến hào trên đồi 303 nằm song song với con đường trong thung lũng. Đối phương tấn công chúng tôi từ ba phía. Hướng chính là từ con đường đánh lên. Phía này sườn núi thoải thoải. Hai đầu phải, trái là hướng phụ, vì sườn núi ở hai phía đều dốc đứng. Tiến chia tiểu đội thành bốn nhóm. Hai nhóm ở hai đầu và hai nhóm ở hướng chính. Tiến đeo lưng lủng lẳng quanh thắt lưng mười quả lựu đạn mỏ vịt của Mỹ, tay cầm khẩu AK. Anh bảo tôi:

- Thằng An hôm nay hãy thôi làm sư đi. Mà phải giúp tao. Bảo rằng thằng địch tấn công ta theo ba phía là không đúng, thực chất, nó tấn công theo bốn phía. Phía thứ tư không phải sau lưng, vì nó mò ra sau lưng là chết với quân ta luôn vì hướng đó là rừng. Hướng thứ bốn là ở trên trời bắn xuống. An! Mà phải giúp tao chặn phía trên trời. Hiểu chưa. Chỉ một lát

nữa thôi chúng nó sẽ cho trực thăng bay sát trên đầu chúng ta rồi xả đại liên và bắn rốc két - Nói đến đây Tiến cười mỉm. Giọng nó nghiêm trang nhưng không giấu được vẻ giễu cợt châm biếm tôi - An ạ. Lần này tao không bắt mày giết hại sinh linh. Mày chỉ phải nhắm vào chiếc máy bay mà xả súng. Máy bay không phải là người. Mày hiểu tao nói rồi chứ. Tao lạ mày đấy. Tao van mày đấy. Chắc mày không muốn tao chết chứ. Ở trên máy bay trực thăng bắn xuống dễ trúng lắm. Đây khẩu trung liên này, tao giao cho mày. Nếu mày cứ nhắm vào nó mà bắn liên tục, thì dù thẳng giặc lái có giỏi đến đâu cũng phải sờn lòng để tay lái chệch đi hoặc bắn súng chệch đi. An ơi. Tao không muốn bị chết vì mấy thằng phi công Mỹ hợm hĩnh đó. Nếu tao sống tức là trận địa còn đứng vững. Mày hiểu rồi chứ. Bằng lòng giúp tao rồi chứ. Mày đừng sợ. Cứ nhắm thẳng máy bay mà bắn. Có thể mày vừa bắn vừa kêu lên. Cái máy bay không phải thẳng người. Thế nào. Mày hiểu ý tao chưa. Mày nên biết nhiệm vụ của mày rất quan trọng. Tao sống hay chết là nhờ ở mày.

Khi những chiếc trực thăng xuất hiện ở giữa thung lũng, thì tôi hoàn toàn hiểu sự nghiêm trọng trong những lời nói của Tiến. Lúc ấy tôi không phải hiểu biết bằng lý trí mà bằng bản năng. Bản năng sống. Muốn sống. Từ xa chiếc máy bay đã phóng một quả tên lửa. Không trúng. Đất đá văng tung toé. Tiếng nổ làm tôi bừng hiểu không phải chỉ riêng đe dọa sự sống của Tiến, mà đe dọa đến sự sống của tất cả trong đó có cả tôi.

Không phải là tôi suy nghĩ trật tự và gãy gọn như thế. Có thể là tôi mới chỉ thoáng nghĩ thì chiếc trực thăng đã âm âm xô tới. Tôi nhắm vào cái thân xác khổng lồ quái vật của nó, rồi bóp cò. Chiếc máy bay cũng vãi đạn xuống quả đồi. Nhưng đúng như lời Tiến nói, những viên đạn của tôi đã buộc chiếc máy bay phải bay chệch đi. Những đầu đạn trút cả xuống sườn đồi trước mặt, làm cho bụi đất tung lên mù mịt. Chiếc máy bay thứ nhất vừa mất tầm thì chiếc máy bay thứ hai xuất hiện. Lần này tôi bắn nó từ cự ly xa hơn. Tôi trông thấy cả người lính Mỹ mặt đỏ gay trong buồng lái. Lần này, không chỉ riêng tôi bắn mà các tổ khác cũng bắn. Phối hợp với hai

chiếc máy bay, bộ binh địch từ hướng chính cũng ào ạt xông lên. Tiến vung tay ném lưu đạn. Tổ bên cạnh bắn một phát tên lửa chống tăng. Khấp nơi òn ã tiếng nổ. Cùng lúc ấy, chiếc máy bay chẳng biết bị đánh đạn của tổ nào đang cháy bùng bùng trên trời. Có lẽ đạn bắn vào thùng xăng. Con quạ lửa bay xuống thung lũng rồi phát một tiếng nổ rất to, dựng lên một cột khói đen kịt khổng lồ giữa thung lũng. Quang cảnh ấy có lẽ làm nản lòng đại đội lính địch đang tiến công. Ở trên đồi nhìn xuống hướng chính, thấy quân địch đã bắt đầu tổ chức rút lui.

Cuộc giành giật cao điểm 303 đã diễn ra suốt một ngày, một đêm. Và chúng tôi vừa mới đẩy lùi được một đợt tiến công của địch. Anh em chúng tôi đứng trong chiến hào ôm lấy nhau mừng chiến thắng. Lúc ấy quả đồi 303 im lặng một cách kỳ lạ. Không một tiếng súng của địch cũng như của ta. Có lẽ cả những con chim cũng phải ngạc nhiên về sự im lặng ấy. Súng đạn đã đuổi hết chim muông trốn vào rừng sâu. Hình như chỉ có giống quạ là dạn dày với tiếng nổ nhất. Có một đôi quạ vẫn lờn vờn ở vùng này. Mặc cho con người bắn giết nhau, chúng vẫn lúi thủi ở những ruộng ngô, nương sắn quanh vùng. Cứ làm như cuộc chiến này không can hệ đến chúng. Thậm chí cuộc chiến có khi còn làm lợi cho chúng. Bởi vì súng đuổi hết chim muông, thì chúng sẽ không có đối thủ cạnh tranh. Sâu bọ thức ăn sẽ nhiều hơn. Miễn là chúng phải tránh xa cái ngọn đồi rồ dại, nơi con người chém giết nhau, tranh giành nhau từng tấc đất. Hai con quạ lợi dụng sự im lặng, mon men tới gần quả đồi. Bom đạn cày xới quả đồi đã làm lộ ra một số thức ăn mà với những cái móng nhọn của hai bàn chân nhỏ xíu, chúng không thể bao giờ tìm được. Đó là sự thăm dò hòa bình đầu tiên. Đó là cái mầm sống đầu tiên trở lại.

Tôi, chú tiểu An, anh lính An nhìn hai cái mầm sống đen ngòm tha thủi ấy đi trên miệng hố bom lở loét ở lưng đồi. Tôi nhìn chúng bằng đôi con mắt nâng niu. Trận chiến cuồng nhiệt đi qua. Sự cuồng nhiệt ấy cuốn tôi vào, lôi tôi đi, nó làm cho nhiệt độ tâm hồn tôi cũng tăng lên vùn vụt. Nay, sự im lặng của trận địa bỗng làm cho cái nhiệt độ tâm hồn đột ngột

lặng xuống, giảm đi, để lại trong tôi một khoảng trống, hay nói cách chính xác, đó là một nỗi ưu tư, một cái buồn man mác.

Tôi nhìn chăm chăm vào đôi chim xấu xí ấy, trong lòng bao nhiêu nỗi niềm. Ô kìa! Hai con chim làm sao thế kia. Bỗng nhiên thấy chúng khựng lại thoi tìm kiếm. Hai cái đầu ghéch lên, nghe ngóng. Loài chim rất nhạy bén với âm thanh lạ. Không hiểu chúng đã nghe thấy gì? Kìa! Chúng đang nhấp nhồm, ngơ ngáo. Rồi, đột nhiên chúng vỗ cánh bay vút lên trời. Chúng xoải cánh bay thật xa, nhằm hướng một cây cổ thụ chơ vơ ở giữa thung lũng. Vừa bay vừa kêu quạ quạ ồn ã, như thể muốn đánh động, muốn nói lên một điều gì đó bằng thứ ngôn ngữ riêng của chúng.

Nhìn thấy hành động khác lạ của đôi chim, tôi cũng phải định thần, lắng nghe. Thì ra có tiếng máy bay phản lực rất xa. Tiếng máy bay mỗi lúc một rõ. Ôi! Linh tính của loài vật thật phi thường. Trên bầu trời xanh không trông thấy máy bay. Chỉ nghe thấy tiếng ì ì nặng nề. Rồi chợt trông thấy những quả bom nối đuôi nhau rơi xuống. Chúng tôi hiểu rồi. Bom B.52. Những quả bom rơi từng chùm lơ lửng trên đầu. Ôi chao! Không thể ngờ được. Hóa ra chúng thả bom xuống quả đồi của chúng tôi. Tiến hô anh em nằm sát xuống đáy giao thông hào. Quả đồi 303 rùng mình lắc lư như đưa võng. Sau bom là pháo. Mưa pháo. Tiếng nổ khắp mọi nơi. Mù mịt khói bụi. Nhiều đoạn giao thông hào sụt xuống. Tôi nghĩ: Những điều dự đoán của Trung đoàn trưởng Trần đã thành sự thật. Quân Mỹ không trụ được ở cao điểm, thì chúng cũng không cho ta chốt quân ở đây. Trận oanh tạc này là hủy diệt. Sau trận này đồi 303 sẽ bị xóa sổ. Sẽ xóa sổ cả những khu vực lân cận. Bom nổ liên tục. Đất lắc lư không ngừng. Mưa đất đá trút xuống. Có cả những tảng đất khổng lồ che trên đầu. Thân hình tôi nảy lên, rơi xuống. Trời đất tối sầm. Chắc ngày tận thế cũng chỉ đến thế này là cùng. Đất đá chắc sẽ chôn sống chúng tôi nếu như không có sự may mắn. Sự may mắn là một quả bom lớn đã rơi vào khu rừng phía sau núi. Nó búng luôn cả một cây cổ thụ tung lên trời. Cây rơi xuống đỉnh đồi chèn ngang giao thông hào ngay phía trên đầu tôi. Lại thêm cành lá của nó nữa, nên đất không

chôn sống chúng tôi. Tự nhiên, tôi thấy trời đất tối sầm lại. Sau đó tôi ngất đi không biết gì nữa.

* * *

Lúc tôi tỉnh lại, thì thấy mình đang nằm trong khu rừng sau núi. Rõ ràng, khi tôi chưa ngất đi, tôi còn nhớ mình nằm ở đáy chiến hào, tôi còn cầm tay cậu Tiến lay gọi, bởi vì Tiến bị một mảnh bom. Cậu ta xỉu đi, nói không ra tiếng nữa. Rõ ràng là cậu ta định nói một điều gì đó, nhưng ý nghĩ không bật thành âm thanh, tôi chỉ thấy đôi môi mấp máy. Còn lúc này, cậu ta ở đâu nhỉ. Bên cạnh tôi chẳng thấy ai. Mà không phải đáy chiến hào. Mắt tôi đang thấy mấy lùm cây. Cả một khoảng trời xanh. Tôi cố chấp nối những điều cảm nhận và dần dần chợt hiểu ra. Tức là, tôi đã bị vùi dưới đáy hào. Một ngẫu nhiên nào đó đã xui khiến một quả bom khác rơi trên đỉnh đồi bên cạnh hào. Nghĩa là một quả bom vùi lấp, còn một quả khác lại moi tôi lên và vứt xác tôi ra khu rừng.

Tôi cố hết sức chống tay đứng dậy, hơi lão đảo rồi đứng thẳng được. Tôi tự kiểm tra, không thấy đau đớn ở chỗ nào. Tức là tôi trúng số độc đắc. Vô cùng may mắn. Nằm giữa tâm điểm vùng B.52, thế mà lại sống sót, hoàn toàn lành lặn, không một vết xước trên người.

Tôi ngó nhìn chung quanh. Hoang tàn kinh người. Những hố bom như những cái ao. Những cây cổ thụ bật gốc. Những thân cây cụt đầu. Những búi lau được búng từ dưới đất bay lên cao, ngời chòm hóm trên những chạc cày. Còn quả đồi, nơi tranh chấp, thì biến dạng, lở loét. Nó đã bị xóa sổ hoàn toàn. Trước mặt tôi, một cây súng AK treo trên một cành cây, còn nguyên vẹn một cách đáng kinh ngạc. Gió thổi cành cây lắc lư, cây súng cũng lắc lư. Nó như một biểu tượng, nhắc nhở đến hoàn cảnh hiện tại của tôi. Cây súng ngang tầm với. Hình như có sự bí ẩn nào mách bảo rằng cây súng ấy dành cho tôi và hãy cầm lấy nó. Tôi giơ tay cầm lấy cây súng, kiểm tra và thấy nó hoàn toàn có thể sử dụng được. Một băng đạn còn nguyên nằm trong ổ. Tôi lại chợt nghĩ: Không biết có ai cũng may mắn giống như

tôi không. Chẳng biết đồng đội có còn ai sống sót? Tôi lấy tay làm loa bắt đầu gọi:

- Tiến ơi! Lâm ơi! Tường ơi!

Nhưng chẳng thấy có tiếng trả lời. Tôi chua xót nghĩ: Chắc họ đã tan hòa vào đồng đất đá quanh tôi rồi. Nhưng tôi vẫn cứ gọi: “Tiến ơi! Lâm ơi!” bởi vì tôi tin rằng nếu họ đã chết thì vong hồn họ vẫn còn quanh quẩn nơi đây. Ít nhất, vong hồn họ nghe thấy tiếng tôi gọi thì cũng đỡ tủi, bởi vì họ biết vẫn còn người bạn là tôi, vẫn luôn còn nhớ tới họ. Tôi vừa gọi vừa khẩn thềm trong dạ: “Tiến ơi! Lâm ơi! Nếu chúng mày có linh thiêng thì hãy theo tao về nơi đơn vị đóng quân. Thằng Tiến cho tao cái khăn vải dù. Thằng Lâm cho tao quyển sổ tay. Vật của chúng mày tao vẫn còn giữ. Tao sẽ đem di vật của chúng mày lên đỉnh núi cao, đặt chúng lên mỏm đá thiêng để cúng vái cho linh hồn chúng mày siêu thoát. Tao sẽ chôn di vật của chúng mày xuống đất. Mỗi đứa một nắm mồ. Hồn hời hồn ơi! Hồn có linh thiêng thì hãy theo ta. Hồn đã ra ma xin đừng tủi hận. Theo ra mặt trận phù hộ bạn bè. Ba hồn bấy vía có nghe. Thì xin linh hiển hẳn nhe một lời”.

Tôi là người lính nông dân. Tôi cũng là người lính ra đi từ một ngôi chùa quê. Cho nên tôi mê tín thế đấy, ngây thơ như thế đấy. Tôi rất tin rằng con người có một linh hồn. Và dù linh hồn ấy đã sang một kiếp khác, nó rất là tình cảm, nghĩa là vẫn biết vui buồn, vẫn còn bị xúc động, cần đến sự triu mến của những người đang sống. Cho nên tôi đã ngẫu hứng thềm khẩn vái vong linh của những người đồng đội. Và tôi đinh ninh rằng nhất định những vong linh ấy hiểu tôi, nghe được lời khẩn vái, và sẽ đáp ứng lại tôi. Tôi tin vào sự lạ.

Tôi lăm lăm khẩn thềm trong bụng: “Tiến ơi! Lâm ơi! Tao tin là chúng mày vẫn ở quanh đây. Hồn có linh thiêng thì phù hộ cho tao thoát ra khỏi chốn này. Chúng mày có linh thiêng thì hiện ra đi. Tiến ơi! Lâm ơi! Tao nhớ chúng mày”. Tôi vừa khẩn dứt thì bỗng nhiên một trận cuồng

phong đùng đùng nổi dậy làm những ngọn cây còn sót quanh đấy nghiêng ngã như múa. Rồi đột nhiên, một đôi chích chòe không hiểu từ đâu bỗng xuất hiện ở một bụi lau trắng phơ phất. Hai sinh vật bé nhỏ đột hiện trên một bãi hủy diệt tưởng chừng như không có gì có thể sống nổi ấy, bỗng làm cho lòng tôi chợt ấm áp. Tôi thầm nhủ: “Đúng là thằng Lâm, thằng Tiến đã nghe thấy lời tôi cầu khẩn”. Đôi chim đuổi nhau, bay chập chờn thành những đường cầu vồng. Vừa bay vừa tha thiết gọi nhau. Chích... chòe. Các bạn có tin hay không. Tùy ý. Riêng tôi, tôi tin rằng các đồng đội của tôi đã về và gửi tín hiệu đến cho tôi. Tôi đuổi theo con chích chòe và kêu to: Tiến ơi! Lâm ơi! Một tràng tiếu liên bỗng vang lên. Cũng lúc ấy, chân tôi vướng vào một dây leo. Tôi ngã xoài ra đất. Lập tức phản xạ nhanh như chớp, tôi cầm khẩu AK trong tay, bắn về hướng phát ra tiếng nổ. Hóa ra phản xạ còn nhanh hơn ý chí. Lúc trước ở trên đồi, tôi bắn vào chiếc máy bay trực thăng tức là bắn vào một vật. Còn bây giờ tôi bắn về phía tiếng nổ, tức là bắn về phía người. Tôi chợt hiểu: mình cũng thèm sống như mọi người và có khả năng ác như mọi người. Bản năng mạnh hơn ý chí. Bản năng thật khôn ngoan. Nó mách bảo tôi tháo chiếc mũ tai bèo ra, rồi đội vào đầu một khúc cây để ngụy trang làm nên một con người giả trang nằm ở chỗ tôi ngã xuống. Còn bản thân tôi, tôi lúi sau một thân cây đổ, khẽ khàng di chuyển về phía sau kẻ địch.

Đối phương của tôi chắc là một thám báo, đã luồn vào khu rừng sau đồi 303 trước trận ném bom hủy diệt. Hắn đã vô tình rơi vào mê hồn trận B.52, và cũng như tôi may mắn sống sót.

Tôi đi hết thân cây đổ khá dài, kẻ địch vẫn không hay biết gì hết. Hắn vẫn bắn xối xả vào chỗ khúc cây đội mũ tai bèo.

Biết rằng trước sau đối phương cũng sẽ nhận ra mình bị đánh lừa, cho nên tôi cần phải hành động thật nhanh. Kẻ địch bất ngờ đã hiện ra rõ mồn một trước mắt tôi. Hắn đang đứng sau một mô đất cao để bắn. Tôi liền kê súng lên rễ của cái cây bật gốc. Cái bóng hình mặc quần áo rằn ri bỗng lọt

vào khe ngắm. Đầu ruồi đã đậu vào chính giữa ngực hăn. Tôi chỉ khẽ kéo cò là hồn phách tên địch lập tức bay lên trời.

Chính lúc ấy chích chòe bỗng ở đâu bay tới. Nó đậu ở cái cây trên đầu thằng địch. Thằng địch này là một thằng Sài Gòn, hăn đeo kính trắng. Thấy con chim hăn ngẩng đầu lên nhìn. Cái thằng vớ vẩn thật. Trên trận địa mà ngẩng đầu nghe tiếng chim. Nh ưng vừa nghĩ thế, thì lòng tôi cũng chùng xuống. Như tôi đã nói, tôi tin con chim ấy là vong linh thằng Tiến nhập vào. Cái thằng bạn trong tổ tam tam của tôi này lắm khi thâm thúy ra phết. Có lúc nó bảo tôi:

- Mà không sát sinh ư? Đó là trò vớ vẩn. Kẻ thù kẻ dao vào cổ mà mày không chống cự lại? Chắc mày là một ông thánh. Cái chỗ ấy, tao cho là không đúng. Hay nói cho đúng hơn, tao chỉ theo được lời Phật dạy có một nửa thôi.

- Nghĩa là thế nào?

Tiến gật gà nói:

- Nghĩa là có thể giết người. Nhưng nếu không cần thiết, thì không được giết. Thế thôi. Thật giản đơn.

Lời nói của Tiến lúc sống cứ văng vẳng bên tai. Đầu ruồi khẩu súng của tôi đã hạ xuống thấp hơn nhiều. Đúng là không cần giết hăn làm gì. Tôi đã bóp cò bắn vào chân thằng lính đeo kính. Tôi là một xạ thủ giỏi có khả năng bắn đâu trúng đấy.

Khi thằng địch buông súng ra, ôm lấy đầu. Thì tôi hét lên xung phong. Và băng qua những mô đất nhấp nhô, tôi đã bắt sống đối phương.

* * *

Chúng tôi theo con đường mòn đi vào trong rừng, cách xa dần khu bị bom B.52. Khu rừng nguyên thủy đầy bụi rậm và dây leo. Tầng trên cành là những tán cây rậm rịt. Ở lối đi, ánh nắng chiều không thể lọt qua, nên đã cảm thấy cái lạnh man mác của mùa thu mặc dù chiều chưa muộn. Biết còn sớm, bởi vì ánh nắng xiên khoai còn tỏa vàng xuống quả núi ở phía tay phải. Ngọn núi lom khom như hình một ông già ngồi trầm tư. Không biết từ một khoảnh đất phì nhiêu nào đó đã mọc lên những ngọn dây leo. Biết là đất gốc nó phì nhiêu, vì dây leo rất dày phủ kín hết quả núi, tạo thành một tấm áo khoác lên quả núi trầm tư. Có lẽ dây leo là bìm bìm cũng nên, hoa nó màu tím. Người tù binh của tôi thật hồn nhiên. Có lẽ cả đời anh ta chưa vào rừng rậm bao giờ. Trông thấy cái thác nước anh ta cũng reo lên trầm trồ. Trông thấy quả núi hình ông già khoác áo choàng xanh điểm hoa tím, anh ta thốt lên:

- Trông cái đám dây leo thông xuống kia, thật giống bộ râu đung đưa trước gió. Mà đám dây leo ấy lại dày đặc hoa tím. Một bộ râu màu tím! Hay thật!

Anh ta nói câu ấy nửa như nói băng quơ một mình, nửa như muốn nói chuyện, chia sẻ cùng tôi. Anh ta dám nói thì tôi cũng dám nói chứ sao. Tôi nhận xét:

- Cậu hồn nhiên thật nhỉ?

Anh ta trả lời tôi:

- Không phải là tôi không biết thân phận người tù của tôi. Nhưng anh Việt cộng ơi! Anh nhìn mà xem! Hoàng hôn ở rừng như thế kia cơ mà. Nắng chiều rọi vào quả núi như là dát vàng. Nắng vàng và màu xanh của rừng làm thành vàng cốm...

Rồi như chợt nhận ra câu nói của mình không hợp cảnh chút nào, anh ta chợt đột ngột lặng im. Những người hay nói thường có những phút như

vậy. Đang cao hứng nói năng bỗng thấy như mình lỗ bịch, như mình có lỗi, ít nhất là thấy mình đã tranh mất phần của người nghe và thế là im bật.

Còn tôi, thực ra tôi không thấy khó chịu với người tù binh. Cho đến lúc, thấy anh ta vụng về lúng túng, như có lỗi, thì những phản cảm với anh ta từ lúc đầu bỗng bay biến mất. Sự tự ngượng ngùng của anh ta chợt gây cho tôi chút thiện cảm. Tôi nhẹ nhàng tự giới thiệu và hỏi anh ta:

- Tên tôi là An.

- Tên tôi là Đức.

- Anh làm nghề gì?

- Tôi học triết học. Trường Đại học Vạn Hạnh.

Chúng tôi chỉ mới nói sơ sài mấy câu thế thôi. Sau đó im lặng. Mỗi người theo đuổi ý nghĩ riêng của mình. Người tù binh tên là Đức ấy không biết đang nghĩ gì? Có thể anh ta nghĩ tới những câu anh ta đã nói với tôi. Không biết mình nói thế có điều gì sơ suất không, có điều gì có thể chống lại, hoặc làm phượng hại đến anh ta không. Những người gặp hoàn cảnh như anh ta có thể nghĩ như thế lắm chứ. Trán anh ta nhíu lại thế kia. Hay là anh ta đang nghĩ cách đối phó. Có thể là một âm mưu trốn chạy chẳng hạn. Còn tôi? Tôi đang nghĩ thế này: Tức thị anh ta là người thành thị. Chẳng biết đến nhà quê là gì. Tôi thích người tù binh của tôi là người nông thôn hơn. Giá như anh ta là người nhà quê. Như thế tôi sẽ đối xử dễ hơn. Có thể ăn nói bỗ bã chẳng hạn... Có thể cục cằn hơn chẳng hạn. Đằng này, anh ta đến từ một thế giới khác. Ăn nói khác. Suy nghĩ khác. Anh ta không ở trong thế giới của tôi. Tôi không ghét những người thành thị. Nhưng thực quả tôi không hiểu gì họ. Tôi biết rằng những người nông dân, đến một lúc nào đó, phải trải qua hoặc phải biến thành những người thành thị. Ý nghĩ ấy làm tôi vừa buồn lại vừa vui. Nó vừa hấp dẫn, lại vừa làm tôi chán ghét. Nói thực lòng: Những người thành thị, tôi vừa ghét lại vừa yêu.

Chúng tôi cắm cúi đi, mỗi người theo đuổi những ý nghĩ riêng của mình như thế một lúc lâu. Hoàng hôn vùng rừng núi xuống nhanh lắm. Nắng dát vàng lên quả núi hình ông già mặc áo choàng bên tay phải, đã tắt ngấm từ lúc nào chẳng hay. Cái áo dây leo màu xanh cốm đã chuyển thành màu xanh đặc. Màu xanh toàn khu vực đã sẫm lại. Màu xanh nhạt ướp nắng còn chia sẻ cho ta chút ấm áp, còn màu xanh thẫm lại tỏa ra khí lạnh.

Trời tối nhanh lắm nên chúng tôi dừng chân bên một nương sắn ở quãng rừng thưa. Tôi bảo:

- Đêm nay đốt lửa ngủ ở đây thôi. Quãng đường tới toàn rừng rậm.

Tôi chọn một khoảng trống thích hợp tìm củi khô nhóm bếp, rồi gọi Đức lại, lấy dây dù trói chân trói tay hẳn. Tôi nói:

- Cậu chịu khó ngồi yên đây một lát nhé. Tôi xuống suối lấy nước. Phải đun nước vừa để uống, vừa để rửa vết thương cho cậu.

Đức chìa chân tay cho tôi trói. Rồi cười mà bảo rằng:

- Anh cẩn thận thế. Đùi tôi bị thương thế này. Chạy thế nào được. Và lại tôi cũng không muốn chạy. Tôi chán đánh nhau lắm rồi. Tôi chỉ là thông dịch viên. Tôi có làm tù binh thì chỉ ít lâu các anh lại thả ra thôi.

- Sao cậu lại biết rành rẽ thế?

- Tôi có anh bạn cùng làm nghề thông dịch. Anh ta cũng bị bắt như anh bắt tôi. Sau đó ít lâu lại được thả về.

Tôi chỉ cười và nói để cảnh cáo anh ta:

- Cậu đừng tưởng bở. Có thể như cậu nói. Nhưng cũng có thể khác đi và tội cậu sẽ rất nặng nếu có hành động trốn chạy.

- Tôi biết chứ. Đại gì mà trốn chạy. Tôi biết các anh rất ghét bọn ác ôn và bọn làm việc với CIA. Vậy nếu tôi chạy, các anh sẽ hỏi: Tại sao lại chạy? Là ác ôn ư? Là CIA ư? Tội gì tôi lại để các anh nghi ngờ trong khi tôi chỉ là một người phiên dịch.

Đức ăn nói khôn ngoan quá. Tuy nhiên, dù sao tôi cũng không được phép mất cảnh giác. Tôi vội vàng xuống suối, rồi lại vội vàng trèo lên thật nhanh. Chẳng có chuyện gì xảy ra cả. Lúc tôi cởi trói cho Đức anh ta chỉ tay nói:

- Tôi vừa trông thấy một con chồn chạy vào cái bụi rậm trước mặt kia. Chắc chỗ ấy có cái hang chồn. Anh còn lựu đạn không. Nếu thấy miệng hang chỉ cần thả vào đấy một quả là chắc chắn ta sẽ có thịt ăn.

Tôi gắt lên.

- Tôi không có lựu đạn. Mà dù có cũng không ném vào đấy. Thịt, thịt, lúc nào cũng thịt. Một ngày không thịt thì có sao đâu.

- Ô hay! Tôi có làm gì sai đâu mà anh cán bộ phải cáu kỉnh.

Tôi bình tĩnh giải thích:

- Tối nay không đói đâu mà sợ. Tôi sẽ nhổ một bụi củ sắn của đồng bào. Đun nước xong chúng ta nướng lên ăn.

- Nhưng tôi tiếc anh cán bộ ạ. Đúng là một con chồn béo. Bắt nó dễ thôi mà.

Tôi hết sức bình tĩnh nói một cách ôn tồn.

- Vả lại, tôi là người không thích ăn thịt.

- Anh bộ đội không thích ăn thịt ư? Lạ nhỉ! Theo tôi được biết: Chỉ có những ông thầy chùa hoặc những người mắc bệnh phải ăn chay mới kiêng

thịt.

- Tôi không có bệnh gì cả.
- Vậy anh bộ đội là...
- Đúng! Trước khi đi lính, tôi đã ở chùa.
- Thế ư? Lạ thật! Đúng là chuyện lạ.

Lúc đi đường hỏi chuyện, tôi đã cố ý ngừng câu chuyện giữa chừng. Tôi không muốn anh ta biết chuyện đời tôi. Bởi vì tôi là người chiến thắng. Và anh ta, kẻ bị thua. Người thắng có quyền biết người thua. Còn người thua sao lại có thể xoi mói đến chuyện riêng tư của người thắng. Đó là cái tâm lý của những kẻ thắng thua. Đối với người tu hành tâm lý thắng thua ấy không nên có hoặc không được có, bởi vì ta phải vượt qua thị phi, thiện ác. Nhưng thú thật, tâm lý của tôi lúc bấy giờ là như thế. Thế mà, không hiểu sao ngẫu nhiên, tôi lại nói cho anh ta biết tôi đã đi tu.

Người tù binh của tôi nghe vậy mắt sáng lên:

- Thật là duyên kỳ ngộ mới gặp nhau thế này. Tôi cũng là một cư sĩ. Thừa... đạo hữu là tỳ kheo hay người tu tại gia.

- Tôi là nhà sư ở chùa.

- Hạnh ngộ! Hạnh ngộ! - Người tù binh mừng tít tít.

Còn tôi, tôi rất ngạc nhiên. Ngạc nhiên vì giữa chốn khói lửa này cái gì đã run rủi cho hai người cùng một tôn giáo lại gặp nhau ở hai phía chiến hào, trong một tình thế trở trêu. Người đạo hữu tù binh gặp sự may mắn bất ngờ, vội nắm lấy cơ hội, kể lể:

- Tôi học triết học, nhưng chuyên về triết phương Đông, cụ thể là triết học Phật giáo. Thầy hướng dẫn của tôi là một thượng tọa ở chùa Vĩnh

Nghiêm. Ngài đã tu nghiệp tiến sĩ bên Nhật. Ngài là luận sư về kinh Pháp Hoa.

Tôi cũng dần dần cởi mở hơn:

- Sư tổ của tôi lúc trẻ cũng tu tập từ chùa Vĩnh Nghiêm Bắc Giang, về sau, người mới về trụ trì chùa Sọ.

- Như vậy, cả hai chúng ta đều là đệ tử của Vĩnh Nghiêm. Một nam, một bắc nhưng gốc là một.

Người đạo hữu của tôi nắm chặt lấy hai bàn tay tôi và lắc mạnh, cứ như thể anh ta sợ để tuột mất tôi khỏi bàn tay của anh.

Tối hôm ấy, bên đồng củi rừng chúng tôi cùng nhau ăn sắn, hai người chúng tôi trở thành bè bạn lúc nào chẳng hay. Tôi kể cho Đức nghe những ngày tôi tu ở chùa Sọ. Còn Đức thì bộc lộ cho tôi về những mơ ước của anh sau này. Rồi chiến tranh sẽ hết. Lúc đó, Đức sẽ sang Nhật tu nghiệp thi tiến sĩ Phật học. Anh rất tin tưởng vào tương lai Phật giáo với xã hội loài người hiện đại. Đức nói rất hay:

- Trong tất cả các tôn giáo cổ của loài người, có lẽ phù hợp với con người hiện đại nhất là thiên học. Đó là con đường tâm linh mà người hiện đại dễ tiếp nhận bởi vì nó không mê tín. Nó dựa vào sức mạnh tâm hồn của mỗi cá nhân con người. Ai cũng có thể thành Phật. Con người tự cứu độ cho mình, tự giải thoát cho mình, chứ không phải nhờ vào một thế lực thần linh bên ngoài. Ấy là chưa kể đến những thực hành thiên định, đó là kỹ năng làm chậm lại lối sống gấp hối hả tai hại, làm tiêu tan đi nỗi âu lo khắc khoải của thời đại mới. Đức nói:

- Mới gặp anh, tôi đã cảm nhận thấy có điều gì khác lạ. Thông thường đầu tóc người lính Bắc kỳ bao giờ cũng nghiêm túc. Các anh sợ những mái tóc dài để đến ngang vai. Đồng thời cũng sợ những chiếc đầu trọc lốc. Có một anh Việt cộng nói với tôi: “Đầu tóc biểu lộ tâm hồn con người. Tóc tai

quái gở là những kẻ có tâm hồn quái gở”. Thế mà khi chiếc mũ của anh lật xuống sau lưng, tôi thấy đầu anh trọc lốc, nhẵn bóng. Có lẽ anh dùng dao cạo để cạo tóc. Cái đầu không tóc, ngoài đời, trông rất ghê. Người càng gầy trông càng đáng sợ. Như cái sọ đầu lâu vậy. Như thế anh là ai. Chỉ có hai loại người cạo trọc: anh là kẻ quái gở, hay là một nhà sư. Tôi ngờ anh là một thầy chùa từ lúc ấy. Và chuyện gợi ý ném quả lựu đạn vào cái hang chồn chỉ là một phép thử của tôi mà thôi.

Lại nói về chuyện cái đầu cái tóc. Khi xưa, lúc mới đi bộ đội, đầu tôi trọc, anh em không chấp nhận, chế giễu. Tôi phải để tóc dài để giống mọi người, hòa nhập với mọi người.

Sau này, khi ở chiến trường vài năm, tôi bị một trận ốm nặng, tóc rụng hết. Khi khỏi, tóc mọc lơ thơ, trông rất buồn cười. Anh em bảo cạo trọc đi cho vệ sinh. Thế là tôi cạo trọc lốc. Điều lạ là lần này trọc đầu, anh em không chế giễu gì hết, coi như bình thường. Vậy thì hai lần khác nhau ở chỗ nào. Có lẽ lần thứ nhất, ngoài cái đầu trọc, còn vẻ mặt và phong thái của tôi đều mang nặng chất thầy chùa không giấu đi được. Cho nên cái đầu trọc làm người ta dễ nhận ra sự khác biệt hơn. Con chim lạc đàn, lại có ngoại hình bị đánh dấu, rõ ràng sẽ dễ bị bầy đàn cũ nhận dạng ra ngay và xua đuổi. Còn lần thứ hai trọc đầu này, tôi đã ở chiến trường mấy năm, thì ngoài cái đầu ra, tôi còn có những tác phong, ngôn ngữ và cách sinh hoạt đặc lính, nên dù cái đầu tôi trọc, cũng không sao cả. Dù có thế nào, thì tôi cũng vẫn giống mọi người. Và thế là tôi được chấp nhận vào bầy đàn.

Nhưng với tôi, có một vấn đề đặt ra. Vậy liệu cái chất thầy chùa trong tôi có phai đi không? Phải chăng đời sống trần gian đã thế tục hóa tôi đi tự lúc nào mà tôi không hay. Nhưng vậy thì tại sao người tù binh vẫn nhận ngay ra chất thầy chùa ở tôi, khi mới chỉ gặp tôi một thoáng.

Những câu chuyện như vậy càng lúc càng kéo gần chúng tôi lại với nhau. Thậm chí, có lúc tôi đã tưởng mình có thể hoàn toàn bỏ bã với con người này.

Nói đi nói lại, cuối cùng lại nói về trận chiến mà hai đứa chúng tôi cùng đang tham dự. Đức bảo:

- Chúng ta đang nói tới một vấn đề gay cấn và tế nhị đây. Lẽ dĩ nhiên, tôi ở phía bên kia, tôi mong cho bên tôi thắng. Hay ít nhất cũng là hòa thì hơn. Hòa nghĩa là cân bằng cho mọi yếu tố. Ở phía bên tôi, có yếu tố hiện đại, và sau chiến tranh, để xây dựng dân tộc, yếu tố hiện đại ngày nay vô cùng cần thiết. Mà để có được yếu tố này, cái giá phải trả là rất lớn.

Tôi nói:

- Đây là cậu nói theo ước vọng. Tôi lại muốn nói theo hiện thực. Nghĩa là nói đến cái gì nhất thiết sẽ xảy ra. Tôi sẽ không phân tích theo quan điểm chính trị. Cậu có muốn tôi nói ra một cách bồ bả, một cách trắng phớ ra không? Tôi sẽ phân tích theo cách nhìn xã hội. Đây không phải ý muốn riêng của ai mà là một tất yếu lịch sử. Phía bên cậu nhất định sẽ thua. Thua không tài nào gỡ được.

Tôi để ý thấy mặt Đức bỗng trắng nhợt. Tuy nhiên người tù binh của tôi vẫn giữ được bình tĩnh.

- Tôi nghe đây. Anh thử phân tích có lý lẽ xem nào.

- Thực chất vấn đề Việt Nam là vấn đề nông dân. Nông dân theo bên nào, bên ấy sẽ thắng. Ở Việt Nam chỉ có hai lực lượng hiểu nông dân: Đó là những người Cộng sản và những thầy tu Thiên chúa giáo. Người Mỹ biết điều ấy nên những người lãnh đạo bên cậu đều là những người Thiên chúa giáo. Tuy nhiên, phải nói rằng những người Cộng sản hiểu và nắm chắc nông dân hơn. Cũng có thể nói rằng, toàn bộ đội quân đánh Mỹ hiện nay đều là những người nông dân. Còn bên phía các anh đó là đội quân của những cậu ấm đi làm chiến tranh. Nếu không phải cậu ấm thì cũng là người mang tư tưởng cậu ấm đi chiến đấu. Cậu ấm thì chống sao nổi những người nông dân. Bởi vì người nông dân (nhất là nông dân Việt Nam) là những

người chiến đấu giỏi, và có thể chịu đựng những gian khổ ghê gớm nhất trần gian. Mà cuộc chiến tranh Việt Nam lại mang nhiều tính chất du kích nhất. Tham dự cuộc chiến này tức là phải chịu đựng những điều khốc liệt nhất, man rợ nhất. Có khi ta phải quay trở lại những điều kiện chiến đấu thời trung cổ, thậm chí thời tiền sử.

Tôi càng nói càng hùng hồn, tôi càng nói, sắc mặt Đức càng tái nhợt đi. Phải nói trong sự hùng hồn ấy chứa đựng cả cái táo tợn tàn nhẫn của sự thật thô nháp. Nó làm Đức nhoi nhói trong tim mỗi khi tôi nhắc đến chữ cậu ấm. Cậu ấm ư! Chữ ấy nhắc đến cái lỗi thời èo uột. Chủ nghĩa Cộng sản làm thức dậy trong người nông dân lòng yêu nước. Còn người nông dân đã tiêm truyền trở lại cho dân tộc một sức mạnh mới, một sức mạnh đã bị ngủ quên. Các cậu ấm ra trận với câu hát trên môi như:

Sương chiều buông kín núi đồi

Mây mù giăng khắp nơi nơi

Rừng hoang năm mồ viễn xứ

Tiếng đàn tôi khóc đời tôi...

Rồi:

Cuộc đời là những sầu bi

Cuộc đời là những chia l y.

Nước mắt dài theo thế kỷ

Ngập ngừng tôi bước chân đi...

Phải nói người nhạc sĩ là một nhà du ca tuyệt vời nói lên tâm trạng của cả một thế hệ cậu ấm bất đắc dĩ cầm súng ra trận. Tiếng hát là một lời ca thâm thúy. Tiêu biểu cho một thế hệ thì được. Cho cả dân tộc chắc không ổn.

Trong khi những thanh niên ấy than vãn thì những người nông dân có những nhạc sĩ của họ. Những người nhạc sĩ nông dân ấy có sức sống hơn. Họ yêu cuộc sống hơn. Lời ca của họ mạnh mẽ và trong lành. Chỉ nghe riêng những giai điệu ca hát, cũng có thể thấy rõ nhất định các cậu sẽ thua.

Đức nắm lấy hai vai tôi và hỏi:

- Anh là nhà sư hay là người Cộng sản?

- Tôi không hề là người Cộng sản. Nhưng những lời nói của tôi là một sự thật không thể chối cãi.

- Anh đã nói dối. Anh là người Cộng sản.

- Tôi chỉ là một nhà sư.

Đôi mắt Đức long lanh. Chỉ trông thấy toàn màu trắng.

- Anh thờ ai?

- Tôi thờ đức Thế Tôn. Và cũng thờ dân tộc.

- Nói dối! Nói dối!

Tôi vẫn như lên đồng, lao vào cuộc chiến ngôn ngữ:

- Nói dối ư? Cứ điếm qua các bài hát mà xem. Tiếng hát của các anh là những lời than vãn, toàn những lời buồn thảm và cái chết. Còn giọng hát của người nông dân thì sang sảng, vạm vỡ. Đây là cuộc vận lộn cơ bắp. Nhất định các cậu ảm sẽ thua.

Đức bỗng như điên như dại. Anh đã biến thành con người khác hẳn. Anh hét to. Cũng lúc ấy, đôi tay anh từ vai tôi chuyển lên cổ họng. Tôi hoàn toàn bị bất ngờ nhưng cũng còn đủ tỉnh táo để nắm lấy hạ bộ của anh ta. Thật là bị ối khi phải dùng tới hạ sách, tuy nhiên chẳng còn cách nào

khác để đối lại miếng hiềm của anh ta. Từ hai đạo hữu, trong nháy mắt, chúng tôi trở thành kình địch. Tôi sặc sụa. May thay, anh ta đã lỏng tay rồi buông hẳn ra. Tôi cũng buông tay mình.

Tôi ngạc nhiên vì sự thay đổi nhanh chóng của Đức. Chỉ một phút trước đây, con người ấy căm thù tới mức muốn giết tôi. Tôi đọc được điều ấy trong đôi mắt trắng dã điên dại của anh ta. Thế mà lúc này đôi mắt ấy đã hoàn toàn khác hẳn. Màu đen của con người đã trở về để trung hòa cái màu trắng dã khủng khiếp. Trong lúc tôi còn xoa cổ và ho thì Đức nói rằng:

- Tôi sai mất rồi. Chúng ta hóa rồ dại mất rồi. Ngôn ngữ đã làm chúng ta thành những kẻ cực đoan. Hay là tại những mảnh đất mà mỗi người chúng ta đang sống. Chúng ta đã tuyệt đối hóa cả địa lý. Đứng ở mảnh đất bên này, rồi đứng ở mảnh đất bên kia. Chỉ riêng chuyện ấy, chúng ta đã thù hận nhau rồi.

Tôi nhìn cặp mắt hiền hòa của Đức lúc này, lại nhớ tới cặp mắt dữ tợn của Đức lúc nãy. Tôi đặt câu hỏi:

- Anh đang căm thù tôi như vậy, cố sao bỗng dưng lại buông tay ra?

- Chúng ta cùng là người một nước, lại cùng một tôn giáo. Tôi thấy nó vô lý quá.

- Thế sao bỗng dưng anh lại nổi điên như thế?

- Tại vì anh nhận xét về cậu ấm và về người nhạc sĩ. Anh ta là thần tượng của tôi. Thiên tài ấy không ai được phép động chạm tới. Động chạm tới anh là động tới cái gì sâu thẳm trong tôi.

Tôi gật gù khen ngợi:

- Tôi thành thật khâm phục anh. Đang cuồn nộ tức giận thế mà thoát một cái, đã lấy lại ngay được sự bình tĩnh.

- Con người là một sinh vật tâm lý, rất dễ bị kích động. Kiểm chế sự sân hận là điều rất khó. Đức Phật đã dạy: Đánh thắng một vạn quân cũng không khó khăn bằng tự chiến thắng được chính bản thân mình. Sư phụ tôi dạy rằng: Cứ mỗi khi cảm thấy mất bình tĩnh thì ta hãy niệm hồng danh đức Phật. Cứ niệm liên tục để tự nhắc nhở mình là cơ thể ổn định trở lại. Khi ấy, khi anh nhắc đến cậu ấm và người nhạc sĩ ấy, đầu óc tôi đã nóng bỏng lên, tôi đã có ý định giết chết anh. Đạo hữu nên nhớ tôi là người học yoga từ thuở nhỏ. Bàn tay tôi đã luyện được tới mức chộp tay vào cổ kẻ địch là có thể làm thủng ngay động mạch cổ của đối phương. Nếu chúng ta không phải là người đồng đạo thì...

Người tù binh của tôi chỉ nói được đến thế đã bị cơn buồn ngủ lôi kéo, anh ta nằm lăn ngay ra đất, cạnh đồng lửa. Chỉ mấy phút sau Đức đã chìm vào giấc ngủ.

Còn tôi, tôi cầm khẩu AK đi đi lại lại. Từ lúc xảy ra xung đột, tôi không tin người tù binh của tôi nữa. Nghi nghi, hoặc hoặc. Anh ta thật hay là giả. Anh ta nhiều lý lẽ quá. Một kẻ đa ngôn. Mà người phật tử thì thông thường ít lý lẽ hơn. Vừa phủ định anh ta xong, trong đầu óc tôi bỗng hiện ra những ý nghĩ ngược lại: Không có nhẽ. Một kẻ giả trá không thể nào hiểu đạo Phật như anh ta được. Và lại, anh ta có cơ hội trước để giết chết ta vì Đức đã nắm lấy cổ ta trước. Giả sử anh ta không biết yoga, thì chỉ riêng việc nắm được cổ tôi trước là anh ta đã có điều kiện chiến thắng rồi. Vậy, tại sao Đức không lợi dụng cơ hội ấy. Tôi đã ngồi trên một đồng lá rừng và nghĩ miên man... Tất cả những điều ấy đã kéo tôi vào giấc ngủ lúc nào không hay.

Lúc tôi tỉnh dậy, thì trời đã sáng tỏ. Đồng lửa đã tắt. Và điều quan trọng nhất đập vào mắt tôi, là người tù binh nằm bên kia đồng lửa đã biến mất.

Tôi lao đi tìm song chẳng thấy tăm hơi.

Cứ như một giấc mơ vậy. Giấc mơ lạ lùng mà chưa bao giờ tôi kể với ai.

ĐỘI GẠO LÊN CHÙA

Nguyễn Xuân Khánh

www.dtv-ebook.com

Hai năm sau ngày thống nhất đất nước, tôi được giải ngũ. Lúc ấy, tôi đã chuyển sang một đơn vị khác. Đồng chí chính ủy mới lại gọi tôi lên. Tôi chỉ là một anh lính tầm thường. Chuyện lính phục viên là việc rất bình thường. Hà có gì thủ trưởng lại phải quan tâm đến thế. Chắc trường hợp tôi, trước lúc ra đi, là một nhà sư, trường hợp đặc biệt nên cần chăm sóc chu đáo. Tôi cứ tiếc, giá như tôi còn ở đơn vị cũ, chính ủy Trần là sư thúc của tôi, thì nguyện vọng của tôi chắc được giải quyết dễ dàng hơn nhiều, đằng này...

Tôi vừa suy nghĩ vừa liếc nhìn ông thủ trưởng mới của tôi. Nghe nói ông này thẳng băng, tính nóng. Chính ủy mới mặt tròn bóng mỡ, đôi mắt to, râu cằm tua tủa. Ông cất tiếng nói oang oang, âm thanh rền như chuông:

- Đồng chí là An phải không? Tớ đã nghe nói nhiều về cậu. Làm việc có trách nhiệm. Được đồng đội mến. Chỉ phải cái hơi gàn một tí. Tuy nhiên không sao, không sao. Cơ bản là hoàn thành nhiệm vụ. Không uổng phí sự giáo dục của quân đội trong những năm qua. Nào, ý kiến của cậu muốn đề đạt là thế nào? Cậu cứ nói trực tiếp. Tớ xin nghe.

Tôi nhìn bộ râu cằm tua tủa mà ông thủ trưởng của tôi luôn đưa tay lên sờ. Lúc mới vào nhìn bộ râu ấy tôi cứ nghĩ: Hòa bình rồi, đâu có thiếu thời gian mà ông này không chịu cạo râu. Để râu lởm chớm như vậy, trông ông già đi thêm chục tuổi. Lúc này, nhìn ông sờ râu với vẻ thích chí, tôi nghĩ hóa ra sờ râu cũng có thể gây ra khoái cảm. Và ông này mắc bệnh “thích sờ râu”.

Còn ý nguyện đề đạt của tôi thì có gì đâu. Tôi chỉ có nguyện vọng nếu được ra quân, thì chỉ xin được quay lại về chùa, tiếp tục đi tu. Chỉ có thể thôi, chứ đâu phải chuyện to tát. Thế mà phải đích thân chính ủy ra tay đả

thông tư tưởng. Tôi tiếp tục lan man suy nghĩ... Hay là tại tóc mình hơi lâu chưa cạo; cái đầu ông sư của tôi tóc cũng mọc lờm chờm tua tủa như bộ râu của ông... Và thế là ông muốn “sờ gáy” tôi. Ý nghĩ ngộ nghĩnh hài hước ấy làm tôi lúng búng, chậm trả lời. Nhưng tôi chưa kịp nói, thì thủ trưởng của tôi đã tức thời giải thích hộ tôi luôn:

- Cậu là thằng gàn. Cả cái ý kiến muốn quay về chùa tiếp tục đi tu cũng là gàn dở. Cuối thế kỷ hai mươi rồi. Ở phương Tây là nơi sùng đạo Thiên chúa, bây giờ thanh niên cũng ít đi nhà thờ và không muốn làm thầy tu. Cậu hiểu chưa. Khoa học tiến như vũ bão. Điều đó làm con người khó tin được vào đấng siêu nhiên. Cậu còn rất trẻ. Mà hòa bình rồi, tức là bao nhiêu cơ hội đang mở ra cho thanh niên. Phật Thích Ca ước ao xây dựng Niết bàn. Thì chúng ta bây giờ cũng đang cố gắng xây dựng Niết bàn. Tuy nhiên không phải trong tương lai, mà là ngày hôm nay và ngay trên mảnh đất này. Vậy thì hà có gì cậu phải quay lại chùa? Quân đội có thể cho cậu chuyển ngành vào một nông trường. Hoặc nếu cậu thích công nghiệp, thì sẽ cho cậu chuyển ngành vào một nhà máy.

Thủ trưởng của tôi nói rất cao hứng. Ông xoa cằm lia lịa, và giọng nói của ông càng hùng biện. Ông ngừng một lát, để cho những ý nghĩ vụt ra kịp cùng lời nói, sau đó mới tiếp tục:

- Vả lại, trông đồng chí đẹp trai đấy chứ. Mắt sáng, môi son, mũi dọc dừa. Khá là khôi ngô, tuấn tú. Cậu An à, tôi cam đoan với cậu, nếu cậu để cho tóc dài ra, các cô gái sẽ vây quanh cậu. Người con trai như thế kia mà lại đi tu ư? Vào chùa ư? Xin chớ có thế! Nó phí hoài đi em ạ - Ông chính ủy ngừng một lát rồi hỏi tôi - Mình nói thế, cậu thấy ra sao? Trả lời đi. Thế nào, cậu đã thông chưa?

Tôi rất bình tĩnh. Tôi biết rằng câu trả lời của tôi sẽ làm thủ trưởng chẳng hài lòng, nhưng tôi đành phải nói:

- Thừa thủ trưởng. Trước hôm lên đường, em đã thắp hương xin chư Phật hộ trì cho em, và hứa khi đánh giặc xong, nhất quyết em sẽ quay trở về chùa làng để ngày đêm nương bóng từ bi.

Ông chính ủy lần này ngược cầm lên gãi râu rồi mới nói:

- Quả nhiên không sai với lời nói của chính ủy Trần. À tớ phải tự giới thiệu: Tôi là bạn thân của ông Trần, sư thúc của cậu. Nhân tiện, cũng phải báo cho cậu biết một tin... buồn. Sư thúc của cậu đã qua đời rồi.

- Sao ạ? Chú Trần của em đã mất tự lúc nào? - Tôi rưng rờ hỏi.

- Đã năm tháng.

- Thừa thủ trưởng - Chú em mất vì bệnh gì?

- Trung tá Trần, người bạn dũng cảm của tôi đã trải qua hai cuộc kháng chiến, trải qua trăm trận chiến đấu lớn, nhỏ. Bị thương ba lần vẫn không hề hấn gì. Thế mà hòa bình được một năm, ông lại bị thổ ra máu. Người ta phát hiện ông có một khối u to bằng quả trứng gà trong lồng ngực, Bệnh viện nói khối u đã di căn khắp nơi. Chỉ ba tháng nữa thì chết. Con gái ông đón ông vào Tây Nguyên tìm cách chữa bệnh cho ông bằng lá rừng. Cũng kéo dài được một năm thì ông chết.

Ông chính ủy già lại dừng lại lần nữa để sờ râu rồi mới nói:

- Khi tôi đến thăm, ông bạn tôi đã yếu lắm rồi, song ông vẫn cố gắng nói, cứ tha thiết nhờ tôi thuyết phục cậu trở về đời sống trần tục một cách hoàn toàn. Mà lạ thật! Ông ta lại có thể đoán biết rất đúng phản ứng của cậu ra sao khi tôi nói chuyện với cậu.

Khi thủ trưởng nói, tôi cúi đầu lặng lẽ, với bao suy nghĩ. Và đến lúc bấy giờ tôi mới hỏi:

- Như vậy là thủ trưởng đã gặp cô Huệ, con gái của chính ủy Trần.

Một lần nữa, ông già lại ngẩng lên gãi râu, lần này hình như ông túm cằm cười:

- Có. Tôi đã gặp cô Huệ y sĩ. Này, tôi có nghe chuyện này nhưng không biết có đúng không. Nghe nói rằng, cậu đã ba lần gửi thư cho cô Huệ, nhưng thư bị thất lạc.

Tôi khe khẽ gật đầu. Đúng là, tôi đã gửi cho Huệ ba lá thư. Chúng tôi đã hẹn với nhau rồi. Nội dung thư chỉ hỏi thăm bình thường. Nhưng ngoài phong bì phải đề:

“Thư gửi Nguyễn Thị Huệ ở Trạm Quân y Cây Chò hai trăm tuổi i.”

Ba lần gửi song chẳng hề có hồi âm. Tôi nóng ruột vô cùng mà không có cách nào biết được tin tức, bởi vì đơn vị mới của tôi ngày càng đi xa khỏi nơi ở của Huệ. Đến lúc ấy, thủ trưởng mới đưa cho tôi một lá thư và bảo:

- Những lá thư không hề bị thất lạc, bởi vì Cây Chò hai trăm tuổi ấy vẫn đứng vững. Nhưng đã có một sự việc xảy ra. Cũng vì sự việc ấy, cô Huệ ngại ngần không muốn viết thư cho cậu. Cô ấy đã bị thương, cụt mất một chân. Bây giờ thì cậu nghĩ thế nào. Có nên quay về chùa nữa không. Trước khi chết, trung tá Trần cứ băn khoăn mãi về chuyện của con gái. Đại úy Căn con trai ông đã hy sinh ở Xuân Lộc khi tiến vào Sài Gòn. Bây giờ cô Huệ chơ vợ một mình ở đời. Mẹ chết, bố chết, anh trai cũng chết. Ông Trần bảo lúc này chỉ còn cậu là người gần gũi với Huệ nhất.

Lẽ dĩ nhiên, trước khi có quyết định ra quân như thế nào, tôi được nghỉ phép đi thăm Huệ. Điều ngạc nhiên là địa chỉ mới của Huệ lại ở ngay Hà Nội. Cô ở tại một xóm ngoài bãi ven sông Hồng.

Tôi đến xóm Bãi vào một buổi sớm. Cái xóm nghèo nhà tranh vách đất. Nghèo nhưng gọn ghẽ khang trang. Ngõ hình con rết. Một ngõ to nằm giữa xóm. Từ ngõ to tỏa đi những ngách nhỏ. Ngăn giữa các nhà và với mặt ngõ là các hàng rào cúc tần hoặc dâm bụt. Những cành dâm bụt nở hoa đỏ chói, rung rinh như những chiếc cần câu. Hoa đỏ rập rờn trước mặt. Tôi hỏi thăm. Người ta bảo:

- Nhà ông bà Thơm, có cô con nuôi thương binh ở số 5 tổ 6. Cứ tìm cái nhà nào nhiều hoa dâm bụt nhất. Lại có cây nhãn ở sân là đúng.

Chẳng khó khăn gì, tôi tìm được ngay. Huệ đang chống nạng phơi quần áo ở sân, vừa nhìn thấy tôi ở cổng đã sững người ra, đánh rơi cả chiếc áo xuống đất.

Ông bà Thơm đã ngoài bảy mươi, làm nghề trồng rau. Huệ dắt tôi ra sau nhà, chỉ cái bãi trồng rau rộng bao la nói với tôi.

- Cả xóm Bãi sống bằng những ruộng rau đó. Trừ mùa nước lũ, còn quanh năm ở đây xanh mướt những rau cải, củ cải, su hào, cải bắp.

Rồi cô giới thiệu kỹ hơn:

- Ông bà Thơm là bố mẹ của em. Anh có nhớ cái bện em nhảy xuống sông Hồng không. Thuở ấy nước to. May mắn em bám được vào khúc gỗ. Và khúc gỗ đã trôi phăng phăng trên sông dẫn em đến xóm này. Hôm ấy ông bà Thơm bơi thuyền vớt củi rều, nhặt được em trên sông, liền đem về nhà nuôi. Nửa năm trước, khi thầy em mắc ung thư chết, em biên thư về cho ông bà. Nhận được thư em, ông bà viết thư bảo: “Con về ngay ở với bố mẹ. Trước đây bố mẹ nhận con là con của bố mẹ, thì bây giờ và sau này, mãi mãi con vẫn là con của bố mẹ”.

Huệ nói vậy, nhưng đôi mắt vẫn rơm rớm. Tôi nhìn hai mái đầu đã bạc phơ của ông bà Thơm, rồi lại nhìn cái chân cụt quá đầu gối của Huệ. Cái ống quần lụa đen ở bên chân cụt đã được vén lên cài kim băng cho khỏi

phơ phất, nay kim băng tuột ra. Cái ống quần được thả lỏng, gặp gió sông bỗng bay phần phật. Gió vô tình trở thành ác độc, như thể là kẻ cố tình gây chú ý vào chỗ khiếm khuyết của con người. Tôi hiểu nỗi niềm của Huệ. Còn Huệ thì đỏ mặt lên, giơ tay giữ chặt cái ống quần lại.

Tôi chẳng biết nói gì với Huệ. Tôi chỉ cầm lấy tay cô và bảo rằng:

- Em cứ tin ở anh.

Hôm sau, tôi từ biệt Huệ, nhân tiện đường quay về làng Sọ. Chùa làng vẫn như xưa. Chẳng có gì khác. Cái khác là sự thay đổi của những con người. Sau khi chị Nguyệt tôi đi lấy chồng. Cái am ni làm bằng tre nửa bên bờ ao, không có hơi người ở bị mối mọt, rệu rã. Một trận gió đã làm nó sụp xuống. Tôi đi ra chiếc giếng thơm bên cạnh cây nhãn cổ thụ. Cái giếng là Rêu đấy. Rêu từ già cỗi đời chẳng để lại một bức hình. Thời gian đã xóa hết dấu vết của cô. Nhưng cái giếng thì vẫn còn đấy. Không hiểu sao tôi lại cúi đầu xuống nhìn mặt nước. Mấy khóm dương xỉ từ vách giếng trồi ra. Những chiếc lá hình tam giác răng cưa cũng soi gương trong nước. Ô kìa, trên gương nước, ngoài cái bóng của tôi còn phảng phất một chiếc bóng thứ hai trắng trắng, nhàn nhạt. Một cơn gió hiu hiu, tôi thấy lạnh ớn sống lưng, và chợt cảm thấy một mùi thơm man mác. Lại cảm giác như có ai đấy đang nhìn vào gáy mình. Rêu chẳng? Hay là hồn Rêu cũng đang soi gương xuống giếng. Tôi quay đầu ngẩng nhìn trời. Có thấy gì đâu. Chỉ thấy một đám mây trắng trên nền trời xanh đang loãng ra. Tôi buồn buồn thầm nghĩ: Quá khứ chỉ còn sót lại từng ấy thôi ư?

Sau khi chị Nguyệt tôi đi lấy chồng, thiền sư Vô úy sư phụ tôi cũng viên tịch. Ngày nay, sư huynh của tôi, sư Khoan Độ, thay thầy tôi làm trụ trì. Sư huynh dẫn tôi ra vườn tháp. Tình trạng kinh tế của nhà chùa trong thời gian hợp tác xã rất là eo hẹp. Các tín đồ trong vùng, các bà vải trong làng phải góp từng viên gạch, nhà chùa phải tích góp từng đồng xu của khách thập phương cúng dường mãi mới đủ lực xây cho thầy tôi một ngôi tháp ba tầng. Tôi ra tháp quỳ trước thầy bái lạy. Rồi ngậm ngùi:

- Thầy chúng ta cả cuộc đời gian truân. Cứ tưởng ở chùa là cuộc đời tĩnh lặng, sẽ chẳng gặp sóng gió. Thế mà, nào tù tội, nào đói khát, nào bị tra tấn... bao nhiêu chuyện đã xảy tới. Chắc ngày xưa, sư tổ đã nhìn thấy những điều đó nên đã đặt pháp danh cho thầy là Vô úy.

Tôi vái xong, cứ trầm ngâm suy nghĩ mãi, cuối cùng tôi hỏi sư Khoan Độ về những ngày cuối cùng của sư phụ:

- Thầy chúng ta mắc bệnh gì?

- Thầy chẳng có bệnh gì cả. Hơn chín mươi tuổi rồi. Chắc vì già quá thôi.

- Người có đau đớn gì không?

- Không, trước khi ra đi, thầy rất tỉnh táo. Dặn dò tỉ mỉ cho từng người, từng việc.

- Thầy có nhắc tới đệ không?

- Có chứ. Nhiều lần là khác. Thầy chỉ tiếc hầy còn chiến tranh, không được gặp sư đệ lần cuối.

- Thầy có dặn gì sư đệ không?

- Có chứ. Thầy có viết lên mảnh giấy hai chữ nho mà huynh không đọc được.

Tôi run run nhận tờ giấy, trên đó thầy tôi viết hai chữ rất đẹp: Tỳ duyên.

Phải chăng đó là hai chữ trong bài phú Cư Trần lạc đạo của đức Trần Nhân Tông:

"Cư trần lạc đạo thả tùy duyên..."

Thầy tôi đã biết trước tất cả rồi sao. Tùy duyên! Tôi có thể bỏ mặc Huệ, người con gái tàn tật tội nghiệp ấy, một mình bơ vơ giữa cõi đời này hay sao? Hiện nay Huệ chỉ có một mình tôi là người thân. Trong khi đó cô ấy cần đến tôi. Tôi nhìn thấy sự tin cậy và cần thiết ấy trong đôi mắt Huệ, hôm ở xóm Bãi. Chắc sư thúc cũng muốn nói điều ấy với tôi nên mới nhờ ông thủ trưởng của tôi gọi tôi lên nói chuyện. Cả sư phụ tôi cũng vậy. Ông viết hai chữ tùy duyên là đã cho phép tôi, và trao cho tôi quyền tự quyết định. Tôi nghĩ lan man suốt đêm. Tôi nghĩ tới ngài Tuệ Trung thượng sĩ, người đã dẫn dắt đức vua Trần Nhân Tông vào con đường thiền. Thầy của vị tổ thứ nhất thiền phái Trúc Lâm lừng danh lại là một cư sĩ. Thầy tôi, sư cụ Vô úy là một Bồ tát. Thầy tôi thường dạy - Phật giáo là một lối sống. Ta có thể tu ở mọi nơi và ở mọi lúc. Tôi đã mục kích thầy tôi tu trong lúc biển, tức là tu cả trong các nhà tù. Bậc Bồ tát có thể hành đạo ở mọi công việc trên khắp thế gian.

Nghĩ vậy, sáng hôm sau tôi rời chùa, quay trở lại xóm Bãi ven sông Hồng để đón Huệ.

Chúng tôi gặp lại ông thủ trưởng, bạn của sư thúc Vô Trần. Thấy cả Huệ đi cùng với tôi, ông rất vui. Ông bảo:

- Huệ ạ, bác rất vui vì đã không thất hứa với bố cháu. Còn An, bác biết cháu phải đấu tranh tu tướng nhiều. Tuy nhiên, như thế này là hợp nhẽ. Còn bây giờ, các cháu định thế nào? Cứ mạnh dạn đề đạt.

- Chúng cháu định lên rừng, làm ruộng - An trả lời - Chỉ ngắt một nải, cả hai đứa chẳng có một mảnh đất cắm dùi.

- Cái gì chứ việc ấy, bác giúp được. Bác có người bạn làm phó chủ tịch tỉnh. Xin giao cho các cháu một, hai quả đồi trọc không phải là khó. Chỉ có điều ở đấy rừng núi bạt ngàn, cách xa thành thị. vết thương của cháu Huệ ra sao? Liệu có cần phải ở gần bệnh viện không?

- Thừa bác, vết thương của cháu đã ổn định. Nếu được bác giúp cho như vậy thì tốt quá. Cả hai chúng cháu đều thích ở miền rừng núi.

Thật là cầu được ước thấy. Chúng tôi được giao mấy quả đồi trọc ở vùng núi Tam Đảo, gần một con suối gọi là suối Đá Đen. Đất đai rộng rãi. Chúng tôi khai thác được dăm sào ruộng nước. Dưới chân đồi làm ruộng ngô, nương sắn. Gia đình anh Hạ, chị Nguyệt cũng lên làm ăn với chúng tôi. Có đủ lao động, chúng tôi trồng một đồi chè, một đồi trám, một đồi dẻ. Trên đỉnh một quả đồi, chúng tôi làm am thờ Phật. Nhà làm ở lưng đồi, ba gian hai chái. Cuộc sống có thể nói là ổn định, yên tĩnh. Khi ấy tôi mới bảo Huệ:

- Em vốn là y sĩ, còn anh nhờ theo sư phụ và sư huynh Khoan Độ nên cũng biết về thuốc nam. Gần chỗ ta ở là những khu rừng lắm cây thuốc quý. Có lẽ ta nên chữa bệnh giúp mọi người.

Huệ tán thành ngay. Tôi lại đem ý đó ra bàn cùng trạm y tế xã cũng được họ nhiệt liệt ủng hộ. Chúng tôi dựng một chiếc lán cạnh nhà làm nơi chữa bệnh không lấy tiền. Trạm y tế gửi những bệnh nhân nghèo đến chỗ chúng tôi.

Đầu tiên chúng tôi chữa những bệnh thông thường bằng những cây cỏ dân gian, về sau, một số người mắc bệnh nan y cũng tìm đến, họ đã bị bệnh viện trả về chờ chết. Huệ là người ham hiểu biết. Ngoài những hiểu biết về tây y, cô còn sưu tầm được những bài thuốc dân gian bí truyền, những bài thuốc mà trong lúc ở chiến trường, rồi lúc đi đây đi đó cô đã học được. Cô ấy đã chữa được vài ca ung thư, xơ gan cổ chướng. Cô ấy bảo bệnh nhân loại này rằng:

- Những bệnh này thực ra nhiều lúc y học bó tay vì có nhiều nguyên nhân, nhiều thời kỳ tiến triển và cơ địa từng người bệnh rất khác nhau. Tuy vậy, còn nước còn tát. Nếu loại bệnh rồi người bệnh phù hợp với loại thuốc

cỏ cây nào đó thì cũng có người khỏi. Dù thế nào, tôi cũng xin hết sức cố gắng giúp đỡ.

Huệ hiểu khả năng của mình chỉ mới tới đó, nhưng người khỏi nói cho người khác. Và qua những lời đồn, người ta cứ kéo đến. Đến nỗi, anh Hạ phải dựng thêm một cái lán để bệnh nhân ở xa đến có chỗ ngủ tạm và nấu nướng, sinh hoạt.

Từ khi được làm việc và giúp đỡ người bệnh, Huệ vui hẳn lên và khỏe hẳn ra. Sáng sáng, cô chống nạng đến thăm bệnh nhân với nụ cười trên gương mặt rạng rỡ. Nhìn thấy Huệ như thế, riêng tôi cũng thấy mãn nguyện. Bởi vì có như vậy, việc tôi rời chùa mới có ý nghĩa.

Sự nổi tiếng chữa bệnh của Huệ đã khiến cho tôi có một cuộc gặp gỡ đặc biệt.

Một hôm, có một người ăn mặc sang trọng tìm đến ngôi nhà hẻo lánh của chúng tôi. Ông ta hỏi:

- Thưa, đây có phải gia đình ông An bà Huệ.
- Vâng. Ông đến chữa bệnh hay có việc gì khác.
- Thực ra tôi muốn tìm gặp ông An, một người quen cũ.

Tôi ngần người nhìn ông khách lạ, nhất là khi ông ta tự giới thiệu từ bên Mỹ trở về nước. Ông ta đã về nước mấy lần, lần nào cũng tìm tôi nhưng không được. Tôi ngắm ông khách từ đầu đến chân, và hoàn toàn mù mịt không thể nhớ ra đã gặp người khách sang trọng này ở đâu. Ông ta xưng tên:

- Tên tôi là Đức, Đức đây mà.

- Đức nào nhỉ? - Thú thực tôi vẫn ngỡ ra. Ký ức vẫn chưa chịu về với tôi.

Lúc bấy giờ Đức mới giải thích rõ.

- Anh đã quên trận bom B.52 ngày xưa lúc ấy chỉ có anh và tôi sống sót. Và tôi là người tù binh của anh.

- À... à... - Tôi nhớ ra rồi.

Đức kể:

- Cuộc gặp gỡ của hai chúng ta ngày ấy là một hạnh ngộ hy hữu. Ít lâu sau, tôi sang Mỹ đi học tiếp. Ngày nay, tôi dạy khoa Đông phương học ở một trường đại học Hoa Kỳ.

- Ông vẫn theo đạo Phật?

- Ngày ấy tôi là đạo hữu của ông. Ngày nay, cũng vậy. Chính vì theo đạo Phật, nên tôi mới cố tìm gặp ông. Tôi đến cả giáo hội Phật giáo miền Bắc hỏi tin tức về một ông sư tên là An đã nhập ngũ đi B, nhưng cũng không ai biết. May mắn lần này, tôi đọc một tờ báo nói về bà Huệ, chữa bệnh cho người nghèo, chồng tên là An có một thời đã đi tu. Chưa biết đích xác, nhưng tôi cứ đánh liều đến đây. May mắn thay, vừa gặp mặt ông là tôi đã nhận ra ngay - Nói một hồi dài, cuối cùng ông Đức mới thổ lộ mục đích - Sở dĩ phải gặp ông, bởi vì ông là đạo hữu. Tôi có lỗi với ông. Tôi đến xin với ông một lời tha lỗi.

- Ông có lỗi gì nhỉ? Trong cuộc chiến, tôi bắt ông, rồi ông tìm cách trốn thoát. Tưởng rằng đó là chuyện thường tình.

- Nào chỉ có thế. Ông có nhớ, đêm ấy ông luận bàn với tôi lẽ được thua. Trong khi nói, ông có nhắc tới một nhạc sĩ tài năng, anh ta vốn là thần tượng của tôi. Thế là tôi nổi xung lên, bóp cổ ông. Sau đó, tôi tự chế ngự

được bản thân, tôi đã kìm nén được cơn giận. Nhưng không phải thế đâu. Cơn giận trong tôi càng nén lại càng bùng lên dữ dội. Thú thật, càng lúc tôi càng căm ghét, hận thù ông. Cuối cùng tôi tự nhủ: “Mình sẽ giết hẳn rồi trốn đi”. Ông thì vô tình không biết, còn tôi thì giả vờ ngủ, nghĩ mưu tính kế. Rồi dịp may đã tới. Vừa mệt nhọc, vừa được ấm áp bên đống lửa, ông đã ngủ thiếp đi. Tôi nhân cơ hội, len lén đứng dậy. Tôi rút một thanh củi to lửa cháy đùng đùng. Tôi định dùng thanh củi cháy ấy để dúi vào mặt ông. Tôi nghĩ, nếu ông không chết thì cũng phải mù mắt. Dù ông có thức dậy, thì tôi cũng dễ dàng tẩu thoát. Tôi đã đưa thanh lửa ấy vào gần mặt ông nhưng tôi lại chần chừ nghĩ ngợi. Chính lúc ấy, tôi nghe thấy một tiếng động đánh xoạt một cái phía sau lưng. Tôi quay phắt đầu lại, nhìn thấy sau bụi rậm có hai con mắt đỏ lù. Chẳng biết hươu nai hay hổ báo. Chỉ biết rằng hai con mắt đỏ ấy đã làm cho đầu óc tôi bừng tỉnh. Ông vẫn còn ngủ, còn tôi lăm lăm bỏ đi.

Tôi nghe chuyện liền hỏi Đức:

- Đã là ác thú, tại sao nó không tấn công tôi khi ông bỏ đi.

- Tôi cũng chẳng biết nữa... Có lúc tôi cũng nghĩ như ông. Nhiều đêm tôi vẫn mơ trông thấy đôi mắt đỏ ấy. Rồi tôi lại nghĩ có thể đôi mắt đỏ ấy là lương tâm của tôi, có khi là hóa thân của Phật hiện ra để ngăn tôi không làm điều ác.

- Và thực tế ông đã không làm điều ác. Tôi may mắn đã không bị mù, hay không bị chết, tôi cũng phải cảm ơn ông mới phải. Ông không có lỗi.

- Vẫn có lỗi chứ. Dù sao thì tôi đã có ý tưởng giết ông, ý tưởng ấy đã dấy lên trong tâm tôi. Một tà niệm trong khi ông không có ý định giết tôi. Tôi càng tu tập, càng suy nghĩ càng thấy tôi còn cách xa con đường chánh đạo.

Cả ngày hôm ấy, chúng tôi nói chuyện với nhau thật là tâm đắc. Đức hỏi tôi về ngôi chùa xuất xứ của tôi. Tôi nói:

- Sư phụ Vô úy của tôi đã qua đời - Tôi kể sơ qua về hành trạng của người. Đức nói - Ngài là bậc Bồ tát. Anh có phúc lớn mới được sống cạnh ngài.

Tôi ngậm ngùi.

- Sư phụ tôi sống rất bình thường, bình thản giữa cuộc đời. Lúc sống cạnh người tôi chưa hiểu ra. Nhưng bây giờ tôi mới hiểu sống như vậy thật khó, và hiểu sống như vậy mới gần được đạo. Tôi biết ơn được sống dưới sự che chở của người.

Tôi lại hỏi Đức:

- Ông có duyên, được học nhiều, được đi nhiều trên thế giới, chắc được gặp nhiều các bậc thiện trí thức. Tôi xin được nghe những ý kiến của ông. Bởi vì tôi là một người nhà quê, chỉ sống ở một ngôi chùa quê.

- Thực ra, riêng ông đó là diễm phúc. Tôi may mắn được đi nhiều nơi, được gặp nhiều người, cứ bản khoăn suy nghĩ, rồi mạo muội có những ý nghĩ. Tôi thấy thế gian có nhiều lối sống. Tôi theo đạo Phật nên lẽ dĩ nhiên theo lối sống Phật giáo và tôn trọng các lối sống khác. Đại để thì chia làm hai: một lối sống âm tính và một lối sống dương tính. Lối âm tính suy ngẫm khoan hòa, âm thầm, nhưng cũng tàng chứa một năng lượng không phải nhỏ. Lối dương tính thì hoạt bát, năng động tức thì, đáp ứng ngay cho con người vô cùng hấp dẫn. Chẳng cái nào kém, cái nào hơn. Chúng bổ sung cho nhau thì đúng hơn. Tổ tiên chúng ta ngày xưa đã hiểu được cái lý ấy. Ví dụ như thời Lý - Trần. Thời ấy Phật giáo là âm, Nho giáo là dương. Nhà Lý sinh ra từ đạo Phật. Nhưng nếu cực đoan Phật giáo thì đất nước sẽ yếu ớt không chống được kẻ thù hùng mạnh. Do thế, Lý Thánh Tông và bà Ý Lan mới lập Văn Miếu mở khoa thi Nho giáo, ngõ hầu đem cái cương

cường, cái trật tự mạnh mẽ của Nho giáo làm cân bằng cái uyển chuyển mềm mại đạo lý của Phật giáo. Đó là lần điều chỉnh thứ nhất. Đến thời Trần, sau khi ba lần thắng quân Nguyên - Mông, chiến tranh liên miên, mà khi đánh nhau thì con người phải bạo tàn. Chắc thời ấy, sự đói khát, sự hung bạo đã làm đạo lý suy vi. Dương tính quá dâng cao cho nên đức vua Trần Nhân Tông mới đi tu, chấn hưng Phật giáo. Đó là lần điều chỉnh thứ hai. Tôi nghĩ thời hiện đại là thời

dương khí bốc lên ngàn ngút, ta cũng nên tham khảo kinh nghiệm của hiền nhân.

Chẳng mấy chốc sẽ đến rằm tháng Tám. Huệ bảo tôi:

- Năm nay cháu Tâm Như lên sáu. Chúng ta lại có ba cháu bệnh nhân nhỏ tuổi. Em nghĩ, chúng mình nên tổ chức Tết Trung thu cho các cháu thật vui.

Tôi tán thành ngay ý kiến của Huệ. Chị Nguyệt và Huệ chuẩn bị hoa quả, bánh trái. Huệ lại có dịp trổ tài làm thứ bánh rán độc đáo của làng Sọ, to vừa bằng cái mâm, lại tròn tan. Thứ bánh cúng Phật làm bằng bột, nước lá duối, mật mía và dầu lạc mà bà Năm đã dạy cô. Còn tôi, tôi chuẩn bị làm những chiếc đèn xếp. Tôi nhuộm giấy xanh đỏ, vẽ hoa lên giấy, rồi khéo léo xếp, biến những tờ giấy thành những chiếc đèn sắc sỡ xinh xinh.

Đêm Trung thu. Trăng vàng tròn vành vạnh treo trên bầu trời không mây.

Trẻ con và cả người lớn chúng tôi đều tụ tập tất cả trên đỉnh đồi, ở cái sân rộng trước am thờ Phật. Chung quanh sân là những cây vải tán lá rậm rịt. Chỉ có ở đây trăng không xuyên tới mới có bóng tối. Chúng tôi treo những chiếc đèn xếp dưới những tán lá. Không có nến, theo sáng kiến của Huệ, tôi thả vào mỗi chiếc đèn nhỏ xinh ấy dăm con đom đóm. Huệ còn thả

đom đóm vào những chiếc vỏ trứng rỗng để có thêm những chiếc đèn tròn xoe.

Đám trẻ con múa hát. Sau tuần nhang, bọn trẻ phá cỗ trông trăng. Thụ lộc Phật xong, chúng buộc những chiếc đèn xếp vào đầu những que tre rồi rỗng rần rước đèn.

Những chiếc đèn đom đóm nhòa đi trong ánh trăng. Khi lũ trẻ đi dưới những lùm cây. Và một đám mây chiều lòng con trẻ đã xuất hiện trên cao. Trăng chui vào đám mây. Dưới bóng cây, những chiếc đèn đom đóm lúc này bỗng tỏa sáng lập lòe.

Huệ bảo chị Nguyệt:

- Nhìn lũ trẻ, chị có nhớ tới hồi chị em mình ở quả đồi Đom đóm hồi chống Pháp?

- Nhớ chứ. Chị nhớ cô Năm mẹ em, rồi chú Vô Trần, cả sư cụ Vô Úy nữa.

- Nhớ cả cái Rêu, anh Căn, anh Trăm nữa.

- Đã bao nhiêu năm rồi chị nhỉ?

- Lâu lắm rồi. Nhưng mà cũng chóng quá. Cứ tưởng như những chuyện chỉ mới hôm qua.

Còn tôi, nghe họ nói tôi lại nghĩ về kiếp nhân sinh. Kiếp người chẳng qua như những con đom đóm. Vầng trăng kia là ánh sáng của Phật, tỏa chiếu khắp nhân gian. Kiếp nhân sinh là con đom đóm. Chẳng ai thắp mà đom đóm vẫn sáng. Nghĩa là con người vốn có ánh sáng trong mình. Trong đêm đen, con đom đóm cố hết sức để tự phát sáng. Ánh sáng ấy nhỏ nhoi lắm, yếu ớt lắm. Nhưng dù sao cũng là ánh sáng.

Khởi thảo: Hà Nội 2007.

Hoàn thành: Đại Lát i 2010.